

BÁO NHÂN DÂN

Bình luận PHÊ PHÁN



TUYỂN CHỌN
NHỮNG BÀI VIẾT
TRÊN BÁO
NHÂN DÂN

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. PHẠM MINH TÙN

Chịu trách nhiệm nội dung

PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

ThS. PHẠM THỊ THỊNH

Biên tập nội dung: TS. HOÀNG MẠNH THẮNG

ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH

TÙNG VIỆT THỊ NH

NGUYỄN VIỆT THÀ

NGUYỄN MẠNH HÙNG

NGUYỄN THỊ HẰNG

NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH

TỔNG VIỆT HẠNH

BÍCH LIU

Trình bày bìa:

Chế bản vi tính:

Đọc sách mẫu:

Số ng ký kinh hoa ch Xuất bản: ...2021/CXBIPH/..-../CTQG.

Số quyển xuất bản: ..-Q/NXBCTQG, ngày/2021.

Nơi lưu trữ: tháng .. năm 2021.

Mã ISBN: 978-604-57-....-

BÌNH LUÂN PHÊ PHÁN

TUYỂN CHỌN
NHỮNG BÀI VIẾT
TRÊN BAO
NHÂN DÂN

3KV4

Mã số: _____
CTQG-2016

BÁO NHÂN DÂN

Bình luân PHÊ PHÁN

TUYỂN CHỌN
NHỮNG BÀI VIẾT
TRÊN BÁO
NHÂN DÂN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà N i - 2016

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đặc điểm tổng thể của môi trường quốc tế hiện nay là thế giới đa cực hóa và kinh tế toàn cầu hóa phát triển sâu rộng, trong đó hòa bình, hợp tác và phát triển là trào lưu thời đại. Tuy nhiên, các thế lực thù địch vẫn không ngừng thực hiện âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình” gây bạo loạn, lật đổ nhằm chống phá cách mạng Việt Nam. Chúng sử dụng các thủ đoạn tinh vi, thâm độc thông qua hàng trăm cơ quan báo chí, xuất bản ở nước ngoài, móc nối với các phần tử cơ hội chính trị ở trong nước; thông qua con đường ngoại giao, hợp tác kinh tế, đầu tư... hòng thúc đẩy quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ ta, nhằm làm mất ổn định chính trị - xã hội, tạo cơ và điều kiện can thiệp sâu hơn chống phá cách mạng Việt Nam.

Với vai trò là cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, tiếng nói của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam, Báo *Nhân Dân* đã đi đầu, sát cánh cùng các cơ quan báo chí trong nước, với nhiều tác phẩm sắc bén, kịp thời phản bác lại các quan điểm sai trái, các bài viết xuyên tạc, góp phần đấu tranh với những quan điểm sai trái, thù địch, làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, gây bạo loạn chính trị, chống phá Cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam của các thế lực thù địch...

Tháng 7-2012, Chuyên mục *Bình luận - Phê phán* được thành lập trên Báo *Nhân Dân*. Chuyên mục đã thu hút được rất nhiều bài viết của các tác giả trong và ngoài nước, thể hiện thái độ trách nhiệm trước xã hội và bạn đọc, trong đó tập trung khẳng định con đường đã được

Đảng và Bác Hồ lựa chọn; khẳng định tính đúng đắn của sự nghiệp cách mạng; khẳng định, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; khẳng định và bảo vệ các đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước; bảo vệ sự thật và trực diện đấu tranh với các luận điệu, hiện tượng sai trái; vạch trần âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; góp phần định hướng dư luận; chân thành góp ý, gợi mở hướng giải quyết một số vấn đề, hiện tượng tiêu cực mới nảy sinh... Sau hơn ba năm, với hàng trăm bài viết đề cập nhiều chủ đề khác nhau, Chuyên mục *Bình luận - Phê phán* từng bước thu hút sự quan tâm, ủng hộ của bạn đọc rộng rãi ở trong nước và trên thế giới, đặc biệt là nhận được sự đánh giá cao của các cơ quan chức năng.

Nhằm thiết thực chào mừng thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật phối hợp với Báo Nhân Dân xuất bản cuốn sách ***Bình luận - Phê phán***. Cuốn sách bao gồm các bài viết được tuyển chọn từ hàng trăm bài viết đã được đăng trên Chuyên mục *Bình luận - Phê phán* của Báo Nhân Dân và được trình bày trong năm phần:

Phần I: Nhà nước Việt Nam và một số vấn đề nhân quyền;

Phần II: Để "văn hóa soi đường cho quốc dân đi";

Phần III: Một số vấn đề về xuất bản và truyền thông;

Phần IV: Đấu tranh với các luận điệu thù địch, sai trái;

Phần V: Về cái gọi là “phong trào dân chủ”.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 2 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Những năm qua, sự nghiệp đổi mới của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu rất to lớn, không thể phủ nhận. Tuy nhiên, đây cũng là thời kỳ các thế lực thù địch, các tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí tiến hành nhiều hoạt động chống phá nhằm phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Và “dân chủ”, “nhân quyền”, “tự do ngôn luận, tự do báo chí”, “tự do tín ngưỡng, tôn giáo” được sử dụng làm chiêu bài để họ vu cáo, can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam, gây sức ép về chính trị, kinh tế. Với rất nhiều thủ đoạn tinh vi, thâm độc, đặc biệt là tận dụng khả năng và ảnh hưởng của internet, họ nhào nặn, lan truyền thông tin thất thiệt nhằm tác động tới đời sống tinh thần của xã hội để gây tâm lý bi quan, hoài nghi sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành, quản lý của Nhà nước, làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, hòng chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết toàn dân, thúc đẩy quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”,... Bên cạnh đó, quá trình mở cửa giao lưu, hội nhập với thế giới cũng đưa tới một số diễn biến phức tạp trong đời sống, đặc biệt là sự du nhập của một số giá trị không phù hợp với định hướng xã hội, không phù hợp với bản sắc, truyền thống văn hóa của dân tộc, từ đó xuất hiện một số hiện tượng, nảy sinh một số vấn đề có thể tác động tiêu cực tới sự phát triển trong kinh tế, khoa học, giáo dục, văn học, nghệ thuật, báo chí và truyền thông, phát triển nhân cách, thị hiếu thẩm mỹ...

Chính vì thế, việc đấu tranh, phê phán các luận điệu, hiện tượng nói trên để qua đó định hướng dư luận đã trở thành nhiệm vụ cấp bách, thường xuyên của toàn xã hội nói chung, của báo chí và truyền thông nói riêng. Với Báo *Nhân Dân*, từ việc xác định sự cần thiết phải chủ động, tích cực tham gia các hoạt động này, tháng 7- 2012, Ban Biên tập Báo *Nhân Dân* đã quyết định mở Chuyên mục *Bình luận - Phê phán* đăng trên trang 8 số ra thứ ba và thứ năm của Báo *Nhân Dân* hằng ngày. Ban Biên tập coi đây là diễn đàn để tờ báo thể hiện thái độ trách nhiệm trước xã hội và bạn đọc, trong đó tập trung khẳng định con đường được Đảng và Bác Hồ lựa chọn; khẳng định tính đúng đắn của sự nghiệp cách mạng; khẳng định, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; khẳng định và bảo vệ các đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước; bảo vệ sự thật và trực diện đấu tranh với các luận điệu, hiện tượng sai trái; vạch trần âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; góp phần định hướng dư luận; chân thành góp ý, gợi mở hướng giải quyết một số vấn đề, hiện tượng tiêu cực mới nảy sinh... Để Chuyên mục *Bình luận - Phê phán* phát huy được tính tích cực xã hội, Ban Biên tập Báo *Nhân Dân* chỉ đạo, tổ chức và cùng các bộ phận chuyên môn có liên quan luôn cố gắng chuẩn bị kỹ lưỡng về nội dung; mở rộng các lĩnh vực khảo sát, theo dõi cập nhật và phát hiện các vấn đề, sự kiện, hiện tượng,... diễn ra trong nước, trên thế giới để xác định đề tài bình luận - phê phán; tập hợp, thu hút, tổ chức đội ngũ người viết ở trong và ngoài Tòa soạn, đặc biệt là cộng tác viên người Việt Nam ở nước ngoài. Vì vậy, sau hơn ba năm, với hàng trăm bài viết đề cập nhiều chủ đề khác nhau, với sự phân tích vừa dựa trên cơ sở lý luận khoa học, vừa theo kịp diễn biến của tình hình thực tiễn, với chứng lý cụ thể, Chuyên mục *Bình luận - Phê phán* của Báo *Nhân Dân* từng bước khẳng định được vai trò, thu hút sự quan tâm, ủng hộ của bạn đọc rộng rãi ở trong nước và trên thế giới, đặc biệt là nhận được sự đánh giá cao của các cơ quan chức năng.

Nhằm giúp bạn đọc tiếp cận hệ thống, toàn diện về các vấn đề Chuyên mục *Bình luận - Phê phán* đề cập trong hơn hai năm qua, Báo *Nhân Dân* phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tổ chức tuyển chọn các bài viết đã đăng trên Chuyên mục *Bình luận - Phê phán* để xuất bản, và phát hành tập sách này. Hy vọng cuốn sách sẽ giúp bạn đọc nắm bắt đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về các vấn đề được đề cập, qua đó có suy nghĩ, hành động tích cực hơn nữa góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta. Nhân đây, Báo *Nhân Dân* chân thành gửi lời cảm ơn các tác giả đã nhiệt tình đóng góp ý kiến, bài vở với Chuyên mục *Bình luận - Phê phán*, tin rằng các tác giả sẽ tiếp tục cộng tác để Chuyên mục ngày càng nâng cao chất lượng mọi mặt, đáp ứng được sự tin cậy của công chúng bạn đọc.

BAN BIÊN SOẠN

PHẦN I

NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN

PHÍA SAU CÁC "GIẢI THƯỞNG NHÂN QUYỀN"

VŨ LINH

Ngày nay, nhân quyền đang trở thành một vấn đề tranh luận "nóng bỏng" giữa một số nước muốn áp đặt những quan niệm và sử dụng như một cái cớ để gây sức ép với những nước không chấp nhận sự chi phối và sự can thiệp từ bên ngoài.

Sự khác biệt trong quan niệm về nhân quyền là do nhiều nguyên nhân khác nhau về văn hóa, xã hội, nhân sinh, đặc biệt là từ sự lựa chọn các giá trị riêng có vai trò định hướng cho quá trình phát triển của mỗi quốc gia. Đây cũng là một số trong nhiều lý do làm cho sách lược "lưỡng chuẩn về nhân quyền" của Mỹ và phương Tây bị nhiều nước lên án như là sự áp đặt để đạt tới những mục đích kinh tế, chính trị, tôn giáo...

Khi đánh giá nhân quyền, phải xem xét từ những thành tựu mà mỗi nhà nước đã đem lại cho nhân dân của mình. Không thể nấp dưới chiêu bài nhân quyền để ngạo mạn đánh giá thành tích nhân quyền, từ đó tạo cơ can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác. Áp đặt về nhân quyền để đạt những mục đích kinh tế, chính trị, tôn giáo, đó là điều mà giới trí thức phương Tây từng thừa nhận. Noam Chomsky - một học giả của Mỹ viết: "Thật ra chính sách ngoại giao của Mỹ là đặt căn bản trên nguyên tắc

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 3-8-2012.

không liên quan gì đến nhân quyền, mà là liên quan nhiều đến sự tạo ra một bầu không khí thuận lợi cho ngoại thương". Bởi thế, bất chấp việc chưa có một khái niệm thống nhất về nhân quyền trên thế giới, thì tiêu chí về nhân quyền đã và đang được Mỹ cùng các quốc gia phương Tây khai thác từ bản *Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền* được Liên hợp quốc thông qua ngày 10-12-1948. Nhưng kể cả khi vận dụng Tuyên ngôn này, họ vẫn cố tình lờ đi Điều 29 của Tuyên ngôn và một số điều khoản trong hai bản Giao ước quốc tế về quyền dân sự và quyền chính trị; Giao ước quốc tế về những quyền kinh tế - xã hội và văn hóa đã được Đại hội đồng Liên hợp quốc chấp thuận ngày 6-12-1966, trong đó có một số quy định chỉ rõ các quyền cơ bản của con người đều chịu "sự hạn chế do luật pháp đặt ra".

Hằng năm, tự đặt mình ở cương vị phán xét người khác, Mỹ lại đưa ra những bản phúc trình về tình trạng nhân quyền, tự do tôn giáo của các quốc gia khác, trừ Mỹ, và đều bị các nước liên quan phản đối kịch liệt. Đáng chú ý ngay trong năm 2011 vừa qua, Trung Quốc đã đáp trả bằng các hồ sơ chi tiết về tình trạng vi phạm nhân quyền khủng khiếp của chính nước Mỹ.

Những cuộc xung đột đó sẽ còn dài và một trong những phương tiện đang được sử dụng trong cuộc chiến nhân quyền ấy là: trao giải thưởng nhân quyền. Đến ngay cả giải thưởng Nobel hòa bình - một giải thưởng mà người sáng lập ra nó đặt tiêu chí là trao giải cho "người có cống hiến to lớn cho tình hữu nghị giữa các quốc gia, cho việc giải trừ hoặc hạn chế các lực lượng vũ trang và việc tổ chức hay xúc tiến các hội nghị hòa bình", tưởng như chẳng dính dáng gì mấy tới cuộc xung đột nhân quyền, cũng đang bị biến dạng. Không ít học giả quốc tế nhận xét, Nobel hòa bình "đã chêch xa khỏi sứ mệnh ban đầu của mình". Tác giả Ronald R.Krebs - Phó Giáo sư Khoa học Chính trị tại Đại học Minnesota, Hoa Kỳ trên

Tạp chí *Foreign Policy* đánh giá: "Từ năm 1971 đến năm 2008, các nhà bất đồng chính kiến được nhận giải tới 10 lần... giải thưởng của họ không đồng nghĩa với những đóng góp đáng kể vào hòa bình trong nước và quốc tế".

Việt Nam không phải là ngoại lệ. Chưa bao giờ, việc trao các loại giải thưởng nhân quyền cho những người được gọi là "nhà bất đồng chính kiến bị chính quyền đàn áp" trong nước lại "nhộn nhịp" như mấy năm gần đây. Tính sơ sài đã có gần chục loại giải thưởng nhân quyền được trao cho các đối tượng chống Nhà nước Việt Nam, như "giải thưởng Hellman/Hammet" của tổ chức Quan sát nhân quyền quốc tế (HRW); "giải thưởng Stephanus" của Hiệp hội quốc tế nhân quyền tại Đức; "giải thưởng quốc tế Gruber" của Nghị viện đoàn luật sư quốc tế; "giải nhân quyền Gwangju"; giải thưởng nhân quyền của "Mạng lưới nhân quyền Việt Nam",... Với một số giải thưởng khác, như "giải thưởng nhân quyền Sakharov" của Quốc hội châu Âu; giải thưởng Nobel hòa bình, Nobel văn chương... tuy chưa có cá nhân nào là người Việt Nam được nhận, nhưng một số "nhân vật" đã được đưa vào danh sách đề cử như: Thích Quảng Độ, Nguyễn Văn Lý, Dương Thu Hương...

Vậy những "giải thưởng nhân quyền" ấy có biểu lộ chút giá trị nào như tên gọi không? Điểm mặt một số cá nhân được các tổ chức nọ "vinh danh", sẽ thấy ngay bản chất của các loại giải thưởng này. Lê Thị Công Nhân, người được nhiều "giải thưởng nhân quyền" nhất, chỉ được biết đến sau khi Tòa án kết tội "tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Trong vài năm liền, hầu như năm nào, nhân vật này cũng được các tổ chức chống phá chính quyền Việt Nam trao giải thưởng: năm 2007 là giải thưởng của "mạng lưới nhân quyền Việt Nam"; năm 2008 là "giải nhân quyền Gwangju"; năm 2009 là "giải thưởng quốc tế Gruber" và năm 2010 là "giải thưởng Stephanus". Lý do trao giải không có gì khác,

ngoài việc kích động Lê Thị Công Nhân ngày càng liều lĩnh chống chính quyền như con thiêu thân. Đáp lại sự "lăng-xê" của các tổ chức này, Lê Thị Công Nhân không ngại nói năng xăng bậy, cho rằng cả dân tộc Việt Nam "mê muội" và "cuồng tín", kích động quần chúng phải đứng lên lật đổ chính thể hiện hành, ca tụng các hành động khủng bố điên cuồng của Lý Tống, kể cả hành động cướp máy bay xâm nhập lãnh thổ Việt Nam để rải truyền đơn...

Kế đến là Nguyễn Văn Lý, người có "thâm niên" đi tù nhiều lần vì các tội danh chống chính quyền nhân dân từ năm 1977. Đó là người hễ mở miệng ra là kêu gọi lật đổ chế độ, kích động chống Nhà nước, kêu gọi nước ngoài cấm vận, đề nghị đưa Việt Nam vào danh sách CPC (các nước cần quan tâm đặc biệt về vấn đề tôn giáo), ngăn cản Việt Nam tham gia WTO, tẩy chay bầu cử Quốc hội và Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội..., đó là những việc làm phi pháp, phản dân, hại nước.

Một số kẻ như Trần Khải Thanh Thủy, kẻ "nổi tiếng" với thành tích lừa phỉnh dân khiếu kiện và lập ra "hội dân oan" để "kinh doanh" kiếm lời, rồi có hành vi côn đồ hung hãn, đánh người gây thương tích... Không phải ngẫu nhiên mà người ta lại dùng cái hồn danh "Trần Khải Ma Quỷ" để đặt cho Trần Khải Thanh Thủy. Hay Nguyễn Khắc Toàn, trình độ tư duy quá thấp kém nhưng bằng cái tài lưu manh làm cho đồng bọn phải kinh hãi, như thủ đoạn "triệt hạ" Trần Khải Thanh Thủy để chiếm lấy món lợi "dân oan", khiến kẻ thân tín là Hồ Thị Bíchương bỏ chạy "tháo thân" bằng những bài viết tố Nguyễn Khắc Toàn trên internet, v.v.. Điểm qua vài gương mặt được nhận các "giải thưởng nhân quyền" đã đủ thấy tiêu chí của các giải thưởng này rất cụ thể là: càng chống chính quyền cực đoan thì càng nhận được nhiều giải thưởng! Hoàn toàn trái ngược với những căn cứ được nêu trong các văn bản quốc tế về nhân quyền.

Xét đến công cụ trao giải, trước tiên phải kể đến "mạng lưới nhân quyền Việt Nam" gồm những kẻ chống phá Nhà nước Việt Nam đã có thâm niê, như Nguyễn Thanh Trang, Võ Văn Ái, Nguyễn Tường Bách, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Minh Cân, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Hữu Lễ, Phạm Ngọc Lũy, Nguyễn Quốc Quân, Nguyễn Chí Thiện... Mạng lưới này được lập ra từ năm 2002, với hàng loạt các hoạt động "chống cộng", và "giải thưởng nhân quyền" được trao theo kiểu xếp hàng, lần lượt được trao cho các đối tượng có hoạt động tuyên truyền hoặc mưu đồ lật đổ Nhà nước Việt Nam như: Trần Anh Kim, Đỗ Nam Hải, Nguyễn Chính Kết, Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn...

Còn các tổ chức trao giải nhân quyền quốc tế khác, thì từ khâu xét chọn đến trao giải, đều có vai trò tích cực của các cá nhân, tổ chức thù địch với Nhà nước và nhân dân Việt Nam, như: "Việt Tân", "tập hợp dân chủ đa nguyên", "cao trào nhân bản"... Nổi bật là tổ chức Quan sát nhân quyền quốc tế (HRW) với "giải thưởng Hellman/Hammet" mà tiền thân là tổ chức Helsinki Watch để "giám sát" dân chủ, nhân quyền của Liên Xô (cũ), sau này được bành trướng, mở rộng thành một tổ chức tự phong cho mình quyền giám sát nhân quyền thế giới! Sự thật là những đối tượng được HRW trao "giải thưởng Hellman/Hammet" đều là các công dân Việt Nam vi phạm pháp luật. Nhìn khung cảnh những buổi lễ trao giải của HRW, không ai có thể nhận xét khác được về vai trò tích cực của các cá nhân, tổ chức mà ta gọi là bọn phản động lưu vong người Việt. "Giải thưởng Hellman/Hammet 2010" được trao cho sáu đối tượng người Việt thì trong đó có bốn đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật, hiện đang là phạm nhân trong các trại cải tạo.

Chính vì vậy, trên các diễn đàn internet, không ít bạn đọc đã nhận rõ trắng - đen trong bản chất và hành vi của các tổ chức trao

giải nhân quyền, như trên diễn đàn BBC, bạn đọc viết: "Giải thưởng HRW chỉ có ý nghĩa với những ai coi trọng giải thưởng này thôi. Cá nhân tôi đánh giá thấp giải thưởng này do mức độ thành kiến của tổ chức này với Việt Nam là quá cao và hành vi của tổ chức này với Việt Nam là quá khích". Không có gì ngạc nhiên khi đứng sau mỗi giải thưởng nhân quyền ấy đều có hình bóng trực tiếp hoặc gián tiếp điều hành của một số nước phương Tây và đồng minh. Việc khai thác chiêu bài bảo vệ nhân quyền để ép buộc những quốc gia có chủ quyền khác vẫn không ngoài tham vọng điều hành thế giới. Trước xu thế phản đối quan điểm nhân quyền cưỡng chế của Mỹ và phương Tây (thể hiện trong Hội nghị quốc tế nhân quyền ở Vienna năm 1993 và nhiều diễn đàn, hội nghị khu vực, quốc tế khác), việc đẩy mạnh hình thức trao "giải thưởng nhân quyền" chỉ là màn kịch vụng về trên sân khấu chính trị hải ngoại, ngày càng phơi bày bộ mặt chống phá Nhà nước Việt Nam của các thế lực thù địch và những kẻ phản động lưu vong.

THỨC TỈNH LƯƠNG TRI TRƯỚC MỖI CUỘC CHIẾN TRANH*

TS. NGUYỄN MINH PHONG

Gần đây, một phúc trình của lục quân Mỹ cho biết, trong tháng 7-2012, có 38 binh sĩ tự sát, đây là con số cao nhất kể từ khi quân đội Mỹ bắt đầu lưu trữ hồ sơ loại này (năm 2009). Có thể coi đây là điều rất cần quan tâm, bởi lịch sử nhân loại cho thấy, các thiệt hại mà chiến tranh đưa tới không chỉ đo lường bằng tổn thất trực tiếp, tức thời trên chiến trường, mà còn thể hiện qua hậu quả dai dẳng, khủng khiếp đối với xã hội - con người. Chính vì thế, lương tri nhân loại cần luôn được thức tỉnh trước mỗi cuộc chiến tranh...

Theo thống kê của quân đội Mỹ, năm 2007 có 115 binh sĩ Mỹ tự sát (tăng 13% so với năm 2006), trong đó, có 43% thực hiện sau khi họ tham chiến ở nước ngoài, 31% khi đang tham chiến và 26% chưa từng được triển khai ngoài nước Mỹ. Năm 2008, có đến 140 vụ tự sát trong quân đội Mỹ, tăng 80% so với năm 2004 và là con số kỷ lục trong vòng 30 năm của quân đội Mỹ; trong đó, có đến 30% số vụ tự tử liên quan hai cuộc chiến tranh tại Iraq và Afghanistan. Cũng trong năm 2008, số lính Mỹ tìm đến điều trị, tư vấn tâm lý cũng tăng gấp hai lần so với năm 2003. Còn trong nửa đầu năm 2009, số lính Mỹ chết do tự sát còn nhiều hơn số chết ngoài chiến trường... Và theo báo *Tin tức* (Nga), trong vòng 155

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 28-8-2012.

đầu tiên của năm 2012, đã có 154 lính Mỹ tự tử, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2011. Để so sánh, tại Afghanistan trong cùng thời điểm, chỉ có 165 binh sĩ NATO chết và khoảng 50% trong số đó là binh sĩ Mỹ. Công ty Rand chuyên nghiên cứu phân tích về chính sách của Mỹ đã tiến hành điều tra và thấy rằng: có tới 20% số binh sĩ Mỹ sau khi rời chiến trường Iraq từ 3 đến 4 tháng đã mắc phải các loại bệnh tâm lý, trong đó có hội chứng tự sát. Đồng thời kết quả khám bệnh của Trung tâm kiểm tra sức khỏe tâm lý của Bộ Quốc phòng Mỹ cũng cho thấy: có 19,1% số lính Mỹ từ Iraq trở về có vấn đề về tâm thần, gồm: trầm cảm, lo lắng, thường gặp ác mộng, không thể tập trung tâm trí vào việc gì... khiến họ trở nên nóng nảy, dễ nổi xung, thậm chí gây ra bạo lực và tan vỡ gia đình (trong số hơn 765.000 lính hải, lục, không quân Mỹ, có 27.000 vụ ly hôn và nhiều vụ trong số này có liên quan vấn đề về tâm lý mà các binh sĩ gặp phải trên chiến trường).

Giữa tháng 4-2012, một báo cáo thống kê khác của quân đội Mỹ thừa nhận, mỗi năm có khoảng 6.500 vụ cựu chiến binh tự tử trong những năm gần đây, phần lớn là người đã trải qua chiến tranh Iraq và Afghanistan... Tỷ lệ tự sát trong binh sĩ tăng vượt ngưỡng trung bình xã hội, khiến dư luận rất quan tâm. Tổng thống Mỹ Barack Obama coi "đó là một lời nhắc nhở đau thương về cái giá của chiến tranh". Các nghiên cứu chỉ ra rằng, với nạn tự sát trong lính Mỹ, ngoài những nguyên nhân truyền thống như sự gia tăng bạo lực chiến trường, căng thẳng, chấn thương tâm lý, ma túy, rượu, thuốc lá và bệnh tật giày vò do chiến tranh, thì gần đây lại thêm các khó khăn tài chính do cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đang diễn ra (ở Mỹ, thu nhập của một hộ gia đình trung bình dưới 22.000 USD/năm với bốn nhân khẩu được xếp vào diện nghèo; trong khi mức đèn bù thương tật tỷ lệ tối thiểu 10% là 127 USD/tháng, và thương tật mức cao nhất được hỗ trợ 2.769 USD/tháng từ ngân sách)...

Những sự kiện này khiến người ta gợi nhớ tới "cuộc chiến sai lầm và tồi tệ nhất nước Mỹ" cách đây gần 40 năm ở Việt Nam, với tổng cộng hơn hai triệu lượt binh sĩ đã tới Việt Nam; 1,6 triệu người trực tiếp tham chiến; 2.387 người trong danh sách mất tích (hiện vẫn còn khoảng 1.600 người); hơn 58 nghìn người chết và hơn 300 nghìn người bị thương hoặc phải chịu đựng bệnh tật vì các loại hóa chất quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh như chất da cam hoặc mắc hội chứng rối loạn tâm lý sau chấn thương... Khi trở lại Việt Nam, nhiều cựu binh Mỹ luôn cảm thấy ân hận, giày vò và nỗi mặc cảm về những tội lỗi đã gây ra cho những người dân trên miền đất này. Cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert S.McNamara nhấn mạnh: "Trong suốt thời gian dài chiến đấu ở Việt Nam vì những điều được tin rằng là đúng đắn và chính nghĩa, rằng tìm cách bảo vệ nền an ninh của nước Mỹ và ngăn chặn sự lớn mạnh của chủ nghĩa cộng sản và thúc đẩy nền dân chủ chính trị với quyền tự do cá nhân. Nghe theo những lời kêu gọi của các chính quyền của Kennedy, Johnson và Nixon đã đưa ra các quyết định, và bằng những quyết định đó, kêu gọi sự hy sinh, cống hiến và đúng là đã gây ra sự đau khổ ghê gớm dưới danh nghĩa của các mục đích và giá trị đó..."¹. Danny L. Jacks - cựu binh thuộc Sư đoàn Americal đóng tại Chu Lai và bị "hội chứng sau chiến tranh" - PTSD (Post-Traumatic Stress Disorder), thấy mình vô nghĩa và thật sự đau đớn vì không biết làm gì để chuộc lại lỗi lầm gây ra trong chiến tranh, phải nhập bệnh viện tâm thần để chữa trị. Ông thừa nhận, ông chỉ thật sự thanh thản khi chứng kiến sự rộng lượng tha thứ đầy cao thượng của những con người - nạn nhân mà một thời ông cầm súng tìm diệt họ. Tương tự như vậy, tháng 6-1966,

1. Xem: *Nhìn lại quá khứ: Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

khi mới 18 tuổi, Allen Nelson đã tham chiến tại Quảng Nam. Trở về Mỹ, ông mắc PTSD, "sống trong ác mộng" và điều trị bệnh tâm thần suốt 20 năm. Năm 2005, Allen Nelson đến Việt Nam, ông viết: "Tôi đã đốt làng, giết con cháu của mọi người, đã giết người già và phụ nữ, các binh sĩ. Tôi đã dùng bạo lực với không biết bao nhiêu người dân trên đất nước Việt Nam. Sai lầm này khiến tôi phải ân hận suốt đời vì mọi người ở đây chẳng ai làm gì hại tôi, hại gia đình tôi cả. Tôi trở lại Việt Nam mục đích chính là để tạ lỗi". Sau khi Allen Nelson mất, theo ước nguyện của ông lúc còn sống, gia đình và người thân đã quyết định dùng số tiền ông để lại làm quỹ học bổng cấp cho học sinh Tam Kỳ - nơi ông đóng quân trước đây, góp một phần nhỏ cho học sinh hiếu học con nhà nghèo, các em bị khuyết tật, di chứng của chất độc da cam tiếp tục được cấp sách đến trường, như lời tạ lỗi của người cựu binh Mỹ đã từng gây tội ác với nhân dân Việt Nam.

Tháng 3 hàng năm, nhiều cựu chiến binh Mỹ và thành viên Tổ chức Madison Quakers (Mỹ) lại đến Việt Nam lặng lẽ tổ chức nhiều hoạt động từ thiện như: xây dựng nhà cho nạn nhân chất độc da cam, tặng phụ nữ nghèo, quyên góp quỹ xây dựng trường học... tại làng Sơn Mỹ và một số vùng quê nghèo tỉnh Quảng Ngãi. Tổ chức này còn là nhịp cầu kết nối nhiều tổ chức quốc tế đến với Mỹ Lai để tham gia hàn gắn vết thương chiến tranh, thay một lời tạ lỗi về cuộc thảm sát 504 thường dân vô tội Mỹ Lai - Sơn Mỹ (Quảng Ngãi) tháng 3-1968. Đặc biệt, dù thoát khỏi tòa án binh năm xưa (bị kết tội chung thân rồi được giảm án xuống còn ba năm tù treo) sau gần 42 năm, lương tâm đã buộc trung úy William Calley, người chỉ huy vụ thảm sát, lần đầu tiên đã đưa ra lời xin lỗi người dân Mỹ Lai. Ngày 19-8-2009, phát biểu trước thành viên câu lạc bộ Kiwanis Club, bang Georgia, ông nghẹn ngào thừa nhận: "Chẳng có ngày nào mà tôi không cảm thấy hối hận vì những gì xảy ra ở Mỹ Lai hôm đó; tôi thấy thương xót

những người Việt Nam bị giết hại và gia đình họ, thương xót những lính Mỹ liên quan và cả gia đình. Tôi rất hối tiếc". Các thành viên câu lạc bộ đã đứng dậy vỗ tay tán thưởng khi Calley kết thúc. Trước sự kiện này, bà Phạm Thị Thuận - 1 trong 16 nhân chứng sống sót và có 6 người thân bị giết trong vụ thảm sát, đã nói: "Ông William Calley - người chỉ huy vụ thảm sát lẽ ra phải nói lời xin lỗi từ sau ngày Việt Nam giải phóng đất nước thì mới hợp lý hơn, chứ không phải đợi đến bây giờ... Tuy nhiên, mọi chuyện đã qua rồi, tôi tha thứ với điều kiện anh ta biết được đó là tội ác, đã thật sự sám hối". Ông Phạm Thành Công, Giám đốc Ban Quản lý khu chứng tích Sơn Mỹ chia sẻ: "Thay mặt cho các nạn nhân sống sót sau vụ thảm sát Mỹ Lai, tôi chấp nhận lời xin lỗi của ông Calley. Để chuộc lỗi lầm với đồng bào Sơn Mỹ, hy vọng ông Calley hãy hành động thiết thực kêu gọi thế giới vì cuộc sống hòa bình. Đừng để bất cứ nơi nào trên thế giới lặp lại đau thương như vụ thảm sát Mỹ Lai này nữa"...

Lịch sử nhân loại đã cung cấp rất nhiều bằng chứng đủ cho thấy sự tàn phá khủng khiếp của các cuộc chiến tranh. Mà để ngăn ngừa, trước hết cần quan tâm số phận con người, số phận các dân tộc, quan tâm vấn đề tạo điều kiện giúp con người và các dân tộc cùng phát triển. Bởi, dù thế nào thì tính nhân văn của quan hệ con người và quan hệ dân tộc luôn loại trừ khỏi nó các tham vọng chính trị, các tham vọng dân tộc ích kỷ, hẹp hòi, đồng thời không chấp nhận thái độ xem thường, hay xâm phạm lợi ích của dân tộc khác. Về điều này, nên tham khảo ý kiến của ông Michael Dukakis - cựu Thống đốc bang Massachusett (Mỹ), cố vấn giải thưởng Trần Nhân Tông về Hòa giải, mới chia sẻ trên báo điện tử Vietnam.net ngày 12-7-2012: "Cách tốt nhất để tránh chiến tranh là học hỏi lẫn nhau, nói với nhau, trao đổi ý kiến với nhau, trao đổi sự khác nhau về văn hóa, chính trị. Đó là cách bạn mang thế giới lại gần nhau và khiến cho chiến tranh không phải là cách giải quyết xung đột...".

TRỞ VỀ*

NGUYỄN PHƯƠNG HÙNG¹

"Trở về" - một động từ chỉ với hai từ nhưng lại mang nhiều định nghĩa. Thật là khó để thể hiện trong một bài viết của một người đã 57 năm rời xa Hà Nội và 36 năm "bỏ nước ra đi" từ Sài Gòn hoa lệ vào thời điểm 30-4-1975. Không có nhiều kỷ niệm về miền Bắc vì ngày di cư vào Nam đang tuổi đánh bi, đánh đáo, đánh khääng. Nhưng miền Nam nơi tôi đã được nuôi dưỡng và trưởng thành thì đất nước sau ngày ra đi tìm "tự do" có rất nhiều kỷ niệm khó quên. Nội dung bài viết là "Trở về", tôi biết rằng đây là một chủ đề rất khó mà chỉ viết trong khuôn khổ cho phép, thì không thể chi tiết và nói lên hết tâm tư của mình.

Vâng, tôi đã thật sự trở về với quê hương thân yêu sau những năm tháng dài miệt mài "đấu tranh" trong vô vọng, nhưng không phải vì vô vọng mà "Trở về", mà vì những lý do khác và rất tình cờ.

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 28-9-2012.

1. Ông Nguyễn Phương Hùng quê ở Bắc Giang. Năm 9 tuổi, ông cùng gia đình di cư vào miền Nam. Năm 1967, ông tham gia quân đội của chính quyền Sài Gòn trước đây và tình nguyện vào lực lượng đặc biệt, nhảy dù và biệt động quân. Sau khi bị thương và giải ngũ, ông làm việc tại cơ quan ngoại vụ tình báo SEC và di tản sang Mỹ ngày 27-4-1975. Tại Mỹ, Nguyễn Phương Hùng là một trong các nhân vật tham gia “đấu tranh chống cộng”.

Không một người Việt Nam yêu nước nào không nhớ đến quê hương, không nhớ đến cội nguồn dân tộc. Sự bất đắc dĩ phải bỏ nơi chôn nhau cắt rốn cũng là một cố gắng đối với những người thuộc thế hệ của tôi, huống chi bỏ cả đất nước và đồng bào để định cư tại một vùng xa xôi cách trở nửa vòng trái đất. Xét cho cùng sự ra đi và không trở về cũng là những điều không thể chấp nhận. Tôi đã quyết định cực đoan đến độ không về để chịu tang bố mẹ. Một hành động bất hiếu không chấp nhận được trong lễ giáo Á Đông, nhất là truyền thống dân tộc và phong tục Việt Nam.

Tháng 7-1995, tôi đã viết thư cho ông Bill Clinton - Tổng thống Mỹ đương nhiệm khi đó - để phản đối quyết định "hủy bỏ cấm vận" (Embargo Trading Lift). Lá thư được Văn phòng Tổng thống hồi âm, qua nội dung tôi biết được chiều hướng đổi thay của Chính phủ Hoa Kỳ đối với Nhà nước Việt Nam trong một thế thuận lợi cho đất nước. Năm 1997, quyết định "bình thường hóa quan hệ" (Normalization relationship) của Chính quyền Clinton càng cho thấy những nhận định của tôi về chính sách ngoại giao với Việt Nam là đúng theo sự suy nghĩ. Một sự đổi thay có tính toán cho một con đường dài từ 10 đến 20 năm của Chính phủ Hoa Kỳ.

Cuối cùng mãi đến năm 2011 tôi đã trở về Việt Nam. Bởi vì, tôi không chủ trương đi tìm cơ hội và Nhà nước Việt Nam cũng không chủ trương đi tìm những "móc nối". Sự cách biệt mãi cho đến khi tôi phỏng vấn ông Lê Quốc Hùng, khi đó là Tổng Lãnh sự Việt Nam tại San Francisco. Lần gặp gỡ này mới có dịp cho tôi tìm hiểu thêm về thành phần đại diện Nhà nước tại hải ngoại. Thành kiến người cộng sản Việt Nam ác độc, đi dép râu và mang súng AK tiến vào tiếp quản Sài Gòn năm 1975 hoàn toàn biến mất trong tôi, khi cùng ông ngồi nói chuyện rất thân tình và cởi mở. Trong cuộc nói chuyện, tiến sĩ Lê Quốc Hùng cho tôi thấy đây là một trong những biểu tượng khiêm nhường của người đại diện

Nhà nước Việt Nam rất biết người biết ta. Sự thân thiện và không khí dễ chịu hoàn toàn khác hẳn những phiên họp trong cộng đồng. "Kẻ thù" của tôi đây ư? Sao họ đàng hoàng và trí thức so với không khí om sòm hành tỏi trong cộng đồng...

Trên chuyến bay của Vietnam Airlines tôi đã cố gắng kiềm chế xúc động. Đúng ra, ngay từ phi trường Đài Bắc, tôi đã nén lòng ép những giọt nước mắt và trong gói hành trang tình cảm mang hai chữ "quê hương" khi nhìn thấy hàng chữ Vietnam Airlines trên những chiếc máy bay và màu áo xanh da trời quen thuộc của các cô tiếp viên hàng không gợi lại ký ức trong tôi về màu áo của các cô chiêu đãi viên trước kia thời chính quyền Sài Gòn cũ. Tôi mang trong tâm trạng một sự hân diện ngầm ngầm về sự tiến triển của đất nước qua Công ty Hàng không Việt Nam trong sự chinh phục không trung để góp mặt trên các đường bay quốc tế. Trên chuyến bay tôi thấy đồng bào tôi, những người cùng nói một ngôn ngữ đang vui đùa nói chuyện về Việt Nam và chương trình thăm viếng. Tôi chợt bất giác tủi thân cho số phận và hối hận về những việc mình làm trong 36 năm tại Mỹ. Có thể trên chuyến bay cũng có những người từng đi biểu tình hay từng nằm trong những tổ chức "yêu nước" nhưng hình như ai cũng quên đi và không nhắc nhở đến hận thù. Giờ này, trên khuôn mặt ai cũng chỉ thấy vẻ vui tươi được Vietnam Airlines chuyên chở tình thương về quê nhà.

Từ Đài Bắc về Hà Nội, tôi hoàn toàn không ngủ, đó là sự bồn chồn và tâm trạng của người xa quê 36 năm. Tiếng cô tiếp viên thông báo máy bay chuẩn bị đáp xuống phi trường Nội Bài thì tất cả những xúc động bị đè nén từ lúc cơ trưởng loan báo máy bay đã đi vào vùng trời Việt Nam, hai hàng nước mắt không cầm được đã tuôn trào ra trên hai gò má của người con tha phương trở về sau 36 năm. Vâng! Hà Nội của tôi 57 năm trước đây ngày tôi xa Hà Nội để theo gia đình "di cư" vào Nam từ phi trường Bạch Mai. Ngày đi tôi chỉ 9 tuổi, một cái tuổi chưa có nhiều kỷ niệm để nhớ

ngoài tên Trường Đa Minh (mầm non) và Tiểu học Lý Thường Kiệt. Chùa Một Cột, Dinh Toàn quyền, Hồ Tây, Hồ Gươm, chợ Đồng Xuân mang máng trong trí nhớ. Vậy mà cũng vẫn làm tôi xúc động. Tôi như mơ ngủ, tôi bàng hoàng vì mình vừa được đặt chân trở về đất Mẹ. Cái xúc động của người con xa xứ trở về có lẽ không thể diễn tả được bằng văn chương, vì tình yêu quê hương khác hẳn tất cả những loại tình yêu trên cuộc đời. Một thứ tình cảm không thể nói ra được bằng lời, nó thiêng liêng và huyền diệu bằng những nỗi nhớ thương và bùng dậy mãnh liệt khi hình ảnh hiện thực đang diễn ra trước mắt. Giờ tôi mới biết tại sao có những người muốn được trở về chết trên quê hương hoặc thân nhân họ sẵn sàng chấp nhận tổn kém để được chọn cất người thân tại quê nhà. Có đi xa mới thấy mình yêu quê hương đất nước đến chừng nào. Những tình yêu quê hương tưởng chừng đã mất đột nhiên sống lại mãnh liệt trong tôi. "Quê hương nếu ai không nhớ sẽ không lớn nổi thành người" - câu thơ này thật đúng. Tôi đã khóc như một đứa trẻ khi đặt chân xuống mảnh đất quê hương.

Tôi đã đến nhiều nơi như: đền Hùng (Phú Thọ), thành nhà Hồ (Thanh Hóa), đến đền Quang Trung (Nghệ An), Thành cổ Quảng Trị, Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), cầu Hiền Lương (Quảng Trị), đến Dinh Độc Lập (Thành phố Hồ Chí Minh)... mỗi một nơi đều để lại trong tôi đầy cảm xúc niềm tự hào về quê hương đất nước.

Tôi được tự do đi đây đi đó, tiếp xúc và nói chuyện với bất cứ ai tôi gặp và tôi muốn... Tôi đã mua một cái quạt tại chùa Báu Đính và ngồi ôm cụ già đã 80 tuổi để khóc mà nhớ mẹ. Trên đường từ Cần Thơ về Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi ghé qua Mỹ Tho thưởng thức món ăn danh bất hư truyền là hủ tiếu Mỹ Tho. Một cụ già lưng còng mắt mũi lem nhem đi bán vé số. Tôi mua giúp cụ 10 tấm vé, nhưng không lấy vé nào và biếu lại cụ. Hy vọng bà cụ trúng thưởng những vé số đó. Con người tôi lập dị như vậy, đừng bảo là tôi đóng kịch. Mà đóng kịch để làm gì nhỉ? Tôi xúc động vì đất nước tôi đổi mới, những công trình lớn xây dựng khắp nơi. Tôi khóc vì văn minh

tiến bộ và những đầu óc thông minh hiếu học của tuổi trẻ Việt Nam, tương lai của đất nước. Nhưng tôi cũng khóc vì đất nước tôi vẫn còn nghèo. Đất nước nào, xã hội nào cũng vậy, trong cái tích cực không thể tránh được những tiêu cực. Có ai dám chắc Hoa Kỳ không có người nghèo, người vô gia cư và người khủng hoảng tâm thần. Có ai dám bảo đảm tại vương quốc dầu hỏa giàu có như Saudi Arabia không có những góc phố của người nghèo?

Trong quá khứ tôi là người có tội với đất nước, vì tôi mù quáng tin vào những bông hoa vẽ thật đẹp bên ngoài chiếc bánh ngọt thu cũ của một thiểu số người cộng đồng hải ngoại. Tôi khóc vì tôi đã có một thời gian không giúp gì cho đất nước mà lại không im lặng để người ta rảnh tay xây dựng đất nước. Họ - những người chiến thắng trong cuộc chiến và đã đưa một đất nước bị tàn phá vì chiến tranh và gánh chịu những hậu quả nặng nề của gần một thế kỷ dưới ách thực dân Pháp lên vị trí khá vững chãi tại Đông Nam Á. "Hãy nhìn những gì cộng sản làm", vâng bạn hãy nhìn đi. Từ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh, đi qua những thành phố Huế và Đà Nẵng tôi thấy nhiều quốc gia tự do cũng còn thua xa. Quê hương, đất nước tôi hôm nay đây đang được những người đã thật sự đổi mới tư duy điêu hành. Việt Nam đã vươn lên trong sắc diện từ ngày các ông Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, có những sự thay đổi táo bạo. Hãy nhìn những gì cộng sản làm để biết tại sao Hoa Kỳ và thế giới, gần 200 quốc gia đã công nhận. Hiện nay số du học sinh từ Việt Nam tại Hoa Kỳ đông hàng thứ bảy. Tôi đã nhìn Nhà nước Việt Nam qua hình ảnh Hoa Kỳ đưa Việt Nam ra khỏi danh sách "các quốc gia cần quan tâm đặc biệt" (CPC); được vào tổ chức WTO (World Trade Organization); được trở thành Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; các lãnh đạo Việt Nam từ Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng đều được đón tiếp trọng thể trên thế giới. Tôi cũng nhìn thấy trong vòng 10 năm qua, ba vị Tổng thống của Hoa Kỳ và nhiều lãnh đạo cấp cao như Ngoại trưởng, Bộ trưởng đã liên tục đến Việt Nam để đối thoại và hợp tác trên nhiều lĩnh vực.

Tôi thật sự phải tự hỏi, tôi đã làm gì cho đất nước trong một đời người 60 năm tôi đã làm mất 36 năm tại nước ngoài? Tôi đang làm được gì cho đất nước trong khi người ngoại quốc đang đầu tư vào quê hương tôi. Ngày đi với đoàn công tác số 6 để ra thăm quần đảo Trường Sa... Tại những đảo đi qua, tôi đã lại rơi nước mắt trong những buổi lễ cầu siêu cho những người con yêu của Tổ quốc đã hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo của quốc gia. Tôi đã khóc khi nhìn thấy màu xanh của biển và những bộ quân phục màu xanh của lính biển hòa cùng màu xanh của cây lá trên đảo. Tôi khóc cho đời sống còn thiếu thốn của đồng bào và chiến sĩ, những con người can trường chống chọi với hiểm họa thiên nhiên, để bảo vệ hải đảo và luôn cảnh giác trước những tranh chấp của bất cứ thế lực bên ngoài nào. Tại Trường Sa tôi mới thật sự thấm thía câu hát trong bài *Tình hoài hương*: "Tôi yêu tiếng nước tôi, từ khi mới ra đời".

Tôi viết lên những tâm sự của người trở về sau một cuộc hành trình dài trên đất Hoa Kỳ - đất nước của những người không nói cùng ngôn ngữ. Còn rất nhiều điều để viết vì quê hương đã có quá nhiều đổi thay. Trang sử đã lật qua và quá khứ thì không lấy lại được, cho nên tôi đi về phía trước để đồng hành với toàn thể dân tộc. Tôi nghĩ đã đến lúc tôi và mọi người hải ngoại bỏ nước ra đi nên có một lời tạ tội với đất nước. Qua bài viết này tôi xin tạ tội với Tổ quốc, với tiền nhân vì tôi đã ra đi và 36 năm không một lần trở về. Hôm nay tôi xin có lời cảm ơn tất cả mọi người đã xây dựng một đất nước Việt Nam và tôi hân diện trên mỗi bước chân tôi đi qua. Xin đừng cười chế giễu những giọt nước mắt. Tôi nghĩ rằng chỉ có những xúc động chân tình và sự giác ngộ thật lòng mới làm cho con người nhìn nhận được đổi thay không chối cãi.

XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO - MỘT NỘI DUNG CƠ BẢN ĐỂ PHÁT TRIỂN NHÂN QUYỀN*

ANH KHÔI

Nhân quyền, với ý nghĩa chân chính cần được nhìn nhận trên bình diện rộng mà ở đó, con người được xã hội quan tâm tạo điều kiện để có thể phát triển toàn diện về đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Ngày Quốc tế nhân quyền (10-12) và 64 năm Liên hợp quốc công bố Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền (1948 - 2012) là dịp để chúng ta đánh giá và khẳng định những thành tựu nhân quyền nổi bật thể hiện qua công cuộc xóa đói, giảm nghèo đã được tiến hành ở Việt Nam trong suốt mấy chục năm qua.

Đối với vấn đề nhân quyền, quan điểm của Liên hợp quốc, cũng như quan điểm và luật pháp Việt Nam đều khẳng định các quyền cơ bản của con người là: quyền sống, quyền tự do và an ninh cá nhân, quyền bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ, quyền được tự do đi lại và cư trú... Các quyền ấy chỉ có thể được thực hiện khi các nhu cầu thiết yếu của con người được bảo đảm, đó là sự đáp ứng nhu cầu về ăn, mặc, ở, về nước sạch, khám, chữa bệnh và giáo dục. Điều này thể hiện rõ ở khát vọng của Chủ tịch

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 7-12-2012.

Hồ Chí Minh. Người nói: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Cơm áo, học hành của nhân dân chính là biểu hiện sâu sắc, cụ thể nhất của quyền con người, và phù hợp với sự phát triển ở một quốc gia có nền tảng kinh tế ở trình độ thấp, dân trí còn chưa phát triển. Cũng từ quan điểm này, việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân trở thành mục tiêu hàng đầu, nhất quán, xuyên suốt quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, được cụ thể hóa bằng pháp luật cùng các chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn coi xóa đói, giảm nghèo là một nội dung hết sức quan trọng trong các chính sách xã hội. Mục tiêu của phát triển kinh tế ở nước ta là xóa bỏ đói nghèo, nâng cao đời sống nhân dân gắn với bảo đảm các quyền của con người, vì sự phát triển toàn diện của con người. Đồng thời, chúng ta coi con người vừa là động lực, vừa là nhân tố quan trọng nhất để đẩy mạnh phát triển kinh tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính vì vậy, công cuộc xóa đói, giảm nghèo được chính thức phát động và đẩy mạnh vào đầu những năm 90, thế kỷ XX, cùng với sự nghiệp đổi mới của đất nước. Hàng loạt chương trình xóa đói, giảm nghèo đã và đang được triển khai. Vào những năm đầu thế kỷ XXI, Nhà nước Việt Nam đã đặt vấn đề giải quyết đói nghèo trong chiến lược phát triển bền vững, chính sách xóa đói, giảm nghèo được đặt trong chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và từng địa phương.

Hơn 20 năm qua, nhờ duy trì liên tục mức tăng trưởng kinh tế khá cao, đất nước đã tạo ra nguồn lực vật chất, tinh thần to lớn để đẩy mạnh công cuộc xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống cho nhân dân. Báo cáo của Chương trình phát triển của Liên hợp

quốc cho thấy: Tính theo chuẩn nghèo quốc tế, tỷ lệ người nghèo của Việt Nam liên tục giảm từ hơn 60% vào năm 1990, xuống 37% vào năm 1998, 18,1% vào năm 2004 và năm 2011 còn 14,5%. Theo Ngân hàng Thế giới, trong 16 năm từ 1992 đến 2008, tổng nguồn vốn đầu tư cho giảm nghèo ở Việt Nam đạt hơn 260 tỷ USD. Từ một quốc gia bị chiến tranh tàn phá nặng nề, kinh tế xuất phát điểm thấp, thì vào năm 2009, Việt Nam đã được Ngân hàng Thế giới đưa vào nhóm nước có mức thu nhập trung bình (hơn 1.000 USD/người). Đó cũng là cơ sở để Liên hợp quốc có thể khẳng định Việt Nam là quốc gia thành công nhất thế giới trong xóa đói, giảm nghèo. Dù kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn, chưa có nhiều tích lũy để phát triển, nhưng Việt Nam đã triển khai các chương trình xóa đói, giảm nghèo, tập trung cho các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. Có thể nhắc tới một số chương trình giảm nghèo dài hạn như Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn I và giai đoạn II; Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo trong giai đoạn 2009 - 2020...

Trong số đó, gây ấn tượng mạnh mẽ nhất với cộng đồng quốc tế là Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi (còn gọi là Chương trình 135). Chương trình được chia làm hai giai đoạn, giai đoạn I từ 1997 - 2006, và giai đoạn II từ 2006 - 2010. Trong giai đoạn I, gần 2.000 xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới được đầu tư để phát triển sản xuất, nâng cao mức sống cho các hộ dân tộc thiểu số, phát triển cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công cộng thiết yếu như điện, trường học, trạm y tế, nước sạch, nâng cao đời sống văn hóa. Đồng thời, Nhà nước đầu tư nhiều chương trình, dự án khác, miễn giảm thuế,

cung cấp miễn phí sách giáo khoa, báo chí, trợ giá một số nhu yếu phẩm... Trong 5 năm tiếp theo, giai đoạn II tập trung vào 1.946 xã và 3.149 thôn, buôn, làng, bản, xóm ấp đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực II thuộc 45 tỉnh, thành. Giai đoạn này đã đạt được mục tiêu là tạo chuyển biến nhanh về sản xuất; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất gắn với thị trường; cải thiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân; giảm khoảng cách phát triển giữa các dân tộc và giữa các vùng trong nước và xóa hộ đói, giảm hộ nghèo xuống còn dưới 30%.

Theo Báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội vào tháng 5-2012, mặc dù ngân sách còn khó khăn nhưng Nhà nước vẫn ưu tiên bố trí tăng thêm nguồn lực để thực hiện các chính sách xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia. Đến hết năm 2011, cả nước có 57/63 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, 63/63 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 16,8%... Các Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai hoạt động tín dụng với lãi suất cho vay ưu đãi đến tận từng thôn, bản, khu dân cư ở vùng sâu, vùng xa. Học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo được hưởng các chế độ miễn, giảm học phí, được vay tín dụng sinh viên. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đều có sự ưu tiên cho người nghèo. Bên cạnh đó, quyền tiếp cận những dịch vụ cơ bản như nước sạch, chăm sóc sức khỏe, giáo dục ngày càng được củng cố vững chắc trong pháp luật, được cụ thể hóa bằng các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay, Việt Nam áp dụng các chính sách bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho mọi người dân. Giám đốc UNDP tại Việt Nam, bà Setsuko Yamazaki bình luận: "Việt Nam đã đạt được sự chuyển biến ấn tượng về tuổi

thọ trung bình, tăng từ 65,6 tuổi năm 1990 lên 75,2 tuổi năm 2011; tổng thu nhập quốc gia (GNI) bình quân đầu người tăng từ 855 USD lên 2.805 USD trong cùng giai đoạn". Khẳng định thành tựu của Việt Nam trong xóa đói, giảm nghèo, tháng 10-2010, Học viện Phát triển Nước ngoài (ODI) tuyên bố trước một hội nghị của Liên hợp quốc rằng: "Việt Nam là một trong hai nước đi đầu trong việc giảm nghèo và cải thiện sức khỏe theo các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ".

Công cuộc xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam có sự hỗ trợ rất lớn của Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế, các NGO, và của cộng đồng người Việt hiện đang sinh sống ở nước ngoài. Mỗi khi bão lũ, thiên tai, người nghèo và những người lâm vào hoàn cảnh khó khăn lại nhận được sự giúp đỡ chí tình của nhân dân trong nước và kiều bào ta ở nước ngoài.

Lịch sử thế giới cho thấy những quốc gia nào quan tâm đến đời sống người dân thì duy trì được sự ổn định, có điều kiện để phát triển. Mong muốn phát huy dân chủ hay hiện thực hóa quyền con người phụ thuộc không ít vào kết quả xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng sống của người dân. Thực tế này càng làm rõ giá trị to lớn của các chính sách xóa đói, giảm nghèo của Nhà nước Việt Nam. Nhờ có các chính sách xóa đói, giảm nghèo nhất quán và sự kiên trì trong triển khai thực hiện, Việt Nam đã giữ được chính trị - xã hội ổn định, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân luôn thống nhất trong một khối đoàn kết, cùng vượt qua khó khăn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó chính là bằng chứng thuyết phục nhất để chứng minh bản chất nhân văn và quan điểm "của dân, do dân và vì dân" của Nhà nước Việt Nam.

BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI LÀ THIẾT THỰC PHÁT TRIỂN NHÂN QUYỀN*

NGUYỄN MINH PHONG

Những năm gần đây, vấn đề nhân quyền ở Việt Nam trở thành mục tiêu để các thế lực thù địch tập trung chống phá bằng nhiều thủ đoạn. Đáng tiếc, dựa trên thông tin do các thế lực thù địch gieo rắc, một số chính phủ, tổ chức quốc tế lại xem xét vấn đề một cách phiến diện, để từ đó đưa ra nhận xét, yêu cầu phi lý.

Trong nhiều nội dung liên quan tới nhân quyền, Nhà nước Việt Nam hết sức quan tâm tới việc bảo đảm an sinh xã hội. Năm nay kỷ niệm 64 năm Liên hợp quốc công bố Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền (10-12-1948 – 10-12-2012) là dịp để chúng ta xem xét vấn đề an sinh xã hội ở Việt Nam như một yếu tố quan trọng góp phần xây dựng, củng cố và phát triển nhân quyền.

Với sự phát triển của xã hội, vai trò của con người ngày càng đề cao và được khẳng định như là trung tâm, động lực và mục tiêu của phát triển. Trong đó, quyền có việc làm, thu nhập, nhà ở, được học hành, được chăm sóc sức khỏe và dùng nước sạch, được sống trong môi trường an toàn, được tạo mọi điều kiện mưu cầu hạnh phúc,... đã trở thành các quyền cơ bản, thiết thực, và có ý nghĩa cao nhất đối với con người trong quan niệm phổ cập, toàn diện về nhân quyền. Đó cũng là nguyên nhân để an sinh xã hội trở thành

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 11-12-2012.

một trong các trách nhiệm của Nhà nước, là thước đo, chỉ báo tập trung, tin cậy, cũng như thiết thực nhất về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia nói chung, về nhân quyền nói riêng. Bởi, dẫu thế nào thì vẫn không thể có nhân quyền đầy đủ, đúng nghĩa ở bất kỳ một quốc gia nào mà ở đó, người ta chỉ nhấn mạnh tới "quyền chính trị" và "quyền dân sự", trong khi "quyền xã hội" (như cách gọi của nhà xã hội học người Anh Thomas Marshall đưa ra từ năm 1949) lại mờ nhạt, hệ thống an sinh xã hội bị buông lỏng, đại bộ phận người lao động và dân cư xã hội bị bỏ rơi.

Nhà nước Việt Nam luôn coi an sinh xã hội có ý nghĩa cực kỳ to lớn trong việc bảo đảm thu nhập và một số điều kiện sống thiết yếu khác cho hàng chục triệu người, trong đó quan tâm đến những người khuyết tật, nghèo, những người già cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, những người yếu thế, người bị ảnh hưởng bởi thiên tai địch họa và biến động thị trường và dễ bị tổn thương khác. Hơn nữa, an sinh xã hội với ý nghĩa bảo đảm cuộc sống ngày càng được an toàn và cải thiện, ưu tiên giải quyết các vấn đề tạo việc làm và giảm nghèo là rất phù hợp với động lực, mục tiêu xuyên suốt trong các giai đoạn cách mạng trước đây và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. Chủ trương phát triển an sinh xã hội được Đảng và Nhà nước thể hiện nhất quán với nội dung ngày càng hoàn thiện trong những cam kết mạnh mẽ về phát triển bền vững, cũng như trong lãnh đạo, quản lý, điều hành tiến trình phát triển của đất nước trong nhiều thập kỷ qua. Phát biểu tại Hội nghị Bộ trưởng ASEM về Lao động - Việc làm lần thứ 4 (25 và 26-10-2012) với chủ đề "Việc làm và an sinh xã hội - chìa khóa để tăng trưởng toàn diện và bền vững", Thủ tướng Nguyễn Tân Dũng khẳng định: Phát triển kinh tế gắn liền với bảo đảm an sinh xã hội là một chính sách nhất quán của Chính phủ Việt Nam. Trong những năm qua, mặc dù còn hạn chế về nguồn lực, nhưng Chính phủ Việt Nam

luôn quan tâm xây dựng và thực hiện các chính sách, giải pháp về việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Các chính sách không ngừng được bổ sung và hoàn thiện, đổi tương hướng chính sách được mở rộng, mức hỗ trợ được nâng lên. Chính phủ Việt Nam triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về việc làm, dạy nghề, phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội và đã đạt được những kết quả rất quan trọng, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện công bằng xã hội, tạo nên đồng thuận và ổn định chính trị xã hội.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 1991 - 2000 nhấn mạnh: Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường, nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống cho nhân dân. *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2001 - 2010* của Việt Nam tiếp tục khẳng định: Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; đồng thời bổ sung yêu cầu phát triển toàn diện con người, thực hiện dân chủ, và xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 là phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ nhanh, chất lượng cao, bền vững hơn, gắn với phát triển con người. Mới đây, *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020* một lần nữa xác định: Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao không ngừng chất lượng cuộc sống của nhân dân; phát triển kinh tế - xã hội phải luôn đi cùng với bảo vệ, cải thiện môi trường... kết hợp hài hòa các lợi ích kinh tế - xã hội và môi trường, trước mắt và lâu dài, Nhà nước, tập thể và cá nhân, hướng đến vì hạnh phúc lâu dài của con người với tư cách là mục tiêu và động lực mạnh nhất, cao nhất trong quá trình phát triển...

Ngày 12-4-2012, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định số 432/QĐ-TTg phê duyệt *Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020*, theo đó, Việt Nam chủ trương coi phát triển bền vững là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, các cấp chính quyền, các bộ, ngành và địa phương, các cơ quan, doanh nghiệp, đoàn thể xã hội, các cộng đồng dân cư và mỗi người dân; coi con người là trung tâm của phát triển bền vững; phát huy tối đa nhân tố con người với vai trò là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của phát triển bền vững; đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân; xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; đẩy mạnh công tác giảm nghèo, tạo việc làm bền vững; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; tạo cơ hội bình đẳng tiếp cận các nguồn lực phát triển và hưởng thụ các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội; có chính sách phù hợp nhằm hạn chế phân hóa giàu nghèo, giảm bớt sự gia tăng chênh lệch về mức sống của các vùng, các nhóm xã hội. Phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng, hiệu quả. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ người nghèo, đối tượng dễ bị tổn thương. Chủ động phòng ngừa, giảm tối mức thấp nhất và khắc phục những rủi ro do tác động của kinh tế, xã hội, môi trường. Phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm, khuyến khích và tạo điều kiện để người lao động tiếp cận và tham gia các loại hình bảo hiểm. Mở rộng các hình thức trợ giúp và cứu trợ xã hội, tăng độ bao phủ, nhất là đối với các đối tượng khó khăn, các đối tượng dễ bị tổn thương...

Những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận về hoạt động bảo đảm an sinh xã hội. Theo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2011, chi cho an sinh xã hội của nước ta bình quân chiếm

6,6% GDP/năm, trong đó, ngân sách nhà nước chiếm 51%. Nhà nước đã ban hành 20 chính sách tín dụng ưu đãi cho người nghèo, người khuyết tật, người đi xuất khẩu lao động, người lao động bị mất việc làm, hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ gia đình thuộc các huyện nghèo, vùng khó khăn. Năm 2011, cả nước có 10 triệu 130 nghìn người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, hơn 100.000 người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; khoảng 7,6 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp; hơn 57 triệu người (62% dân số) tham gia bảo hiểm y tế. Hàng năm, riêng 9 đối tượng được hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên khoảng 0,12% GDP hoặc 0,3% - 0,5% chi ngân sách nhà nước, trong đó cho 1,4 triệu người có công và 1,6 triệu người thuộc đối tượng xã hội khác. Ngoài ra, Nhà nước còn trợ cấp đột xuất khoảng 0,5% - 0,6% GDP, hoặc 1,5% - 1,6% chi ngân sách nhà nước cho các vùng thiên tai. Theo Tổng cục Thống kê, tuổi thọ trung bình của người dân đạt 73,2 tuổi. Năm 2010, Việt Nam đã cơ bản hoàn thành phổ cập trung học cơ sở; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40%, lao động qua đào tạo nghề là 25%. Hỗ trợ về nhà ở đáp ứng được 62% số hộ có nhu cầu; số hộ nghèo ở nhà tạm giảm từ 24,6% (năm 2001) xuống còn 5,6% (năm 2010). Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đã tăng lên 80% (năm 2010) so với mức 62% (năm 2005). Đến cuối năm 2011, cả nước có khoảng 580 cơ sở bảo trợ xã hội (hơn 1/3 trong số đó là các cơ sở ngoài nhà nước), nuôi dưỡng 41.000 người dân bị khuyết tật, nhiễm HIV, người già cô đơn, trẻ em mồ côi,... không có khả năng tạo thu nhập và tự chăm sóc. Số người hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên tăng từ 700 nghìn người vào năm 2007 lên 1,674 triệu người vào năm 2011, chiếm 2% dân số. Công tác trợ giúp đột xuất được Nhà nước quan tâm và ngày càng xã hội hóa theo tinh thần tương thân, tương ái. Mỗi năm Nhà nước chi khoảng 1.000 tỷ đồng và khoảng 50 - 60 nghìn

tấn gạo hỗ trợ người dân ở các địa phương khắc phục thiên tai, ổn định cuộc sống.

Sau hơn 25 năm đổi mới, Việt Nam đã xây dựng được một hệ thống an sinh xã hội ngày càng đa dạng và toàn diện, có tính chia sẻ ngày càng hài hòa hơn giữa Nhà nước, xã hội và người dân; đồng thời có sự tương thích, phù hợp hơn với quan niệm về quyền an sinh xã hội trong Hiến chương Liên hợp quốc, cũng như theo quan niệm của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)... Năm 2008, Việt Nam đã hoàn thành hầu hết các Mục tiêu Thiên niên kỷ đặt ra cho năm 2015. Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm và có mặt được cải thiện. Dân chủ trong xã hội tiếp tục được mở rộng, xã hội cởi mở và đồng thuận hơn. Các yếu tố đó cùng quốc phòng, an ninh được giữ vững, chính trị - xã hội ổn định, đã làm cho diện mạo của đất nước có nhiều thay đổi theo hướng tích cực, thế và lực của Việt Nam ngày càng thêm vững mạnh; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao; tạo ra các tiền đề quan trọng để phát triển nhanh, bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Để đạt mục tiêu đến năm 2020 trở thành quốc gia có hệ thống an sinh xã hội hướng tới bao phủ toàn dân, Việt Nam phấn đấu trong giai đoạn 2012 - 2020, bình quân mỗi năm phải bảo đảm tổng chi cho an sinh xã hội đạt khoảng 13,5% GDP; trong đó, phần ngân sách nhà nước chiếm khoảng 30% tổng chi an sinh xã hội và khoảng 11,5% tổng chi ngân sách nhà nước. Đồng thời, Việt Nam sẽ đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 80/2011/NQ-CP ngày 19-5-2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 - 2020 và các chương trình, chính sách giảm nghèo, tập trung ưu tiên người nghèo, người dân tộc thiểu số thuộc huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn; nâng cao tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội; cải thiện cân đối quỹ bảo hiểm xã hội; mở rộng diện được hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất, cũng như

nâng mức chuẩn trợ cấp; đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc người yếu thế; tăng phổ cập trung học cơ sở và giáo dục nghề nghiệp tại miền núi, dân tộc thiểu số; cải thiện hệ thống y tế quốc gia; mở rộng đối tượng bảo hiểm y tế; đẩy mạnh cải thiện điều kiện nhà ở và các điều kiện tối thiểu về vệ sinh, điện, nước sạch, thông tin và các dịch vụ khác cho người dân trên cả nước, ưu tiên người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn, người dân nông thôn, công nhân làm việc tại các khu công nghiệp và sinh viên. Đặc biệt, Việt Nam sẽ thực hiện xây dựng Báo cáo quốc gia về an sinh xã hội, xây dựng bộ chỉ số an sinh xã hội làm cơ sở theo dõi và đánh giá hiệu quả thực hiện an sinh xã hội trong từng thời kỳ và tham chiếu với quốc tế...

Với những nhận thức và định hướng đúng đắn, với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, được sự hỗ trợ tích cực của cộng đồng thế giới, chắc chắn Việt Nam sẽ tiếp tục đạt được những bước tiến mới về bảo đảm an sinh xã hội như là việc làm thiết thực nhất để bảo đảm thực hiện nhân quyền ở Việt Nam.

THÀNH TỰU VỀ GIÁO DỤC TRONG PHÁT TRIỂN QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM*

THIỀN PHƯƠNG

Nhân Ngày quốc tế nhân quyền (10-12), 64 năm Liên hợp quốc công bố Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền (1948 - 2012), nhìn lại quá trình cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chúng ta bền bỉ đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước đem lại quyền làm người cho mọi người dân, trong đó có quyền được học tập. Thực tế sự nghiệp giáo dục ở Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua là một minh chứng cụ thể bác bỏ sự xuyên tạc của các thế lực thù địch, cũng như ý kiến thiến thiện chí của một số chính phủ, tổ chức quốc tế đối với vấn đề nhân quyền ở Việt Nam.

Đất nước bị nô lệ thì nhân dân không thể có tự do, quyền con người bị chà đạp. Vì thế, độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền con người. Nói cách khác, không có độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, thì không thể nói đến quyền con người. Đó cũng là mục tiêu cao cả để Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước. Mục đích hướng tối, tâm niệm của Người là độc lập tự do của Tổ quốc, hạnh phúc ấm no của nhân dân, giải phóng nhân dân khỏi sự nô dịch và sự bất công về kinh tế, văn hóa. Từ rất sớm, trong tác

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 14-12-2012.

phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Người viết: "... "Làm cho dân ngu để dễ trị" đó là chính sách mà các nhà cầm quyền ở thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất". Người đã dành trọn cuộc đời cùng Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ, giành lại cho nhân dân Việt Nam quyền con người, trong đó có quyền được học tập.

Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám thành công nhưng những di sản lạc hậu về dân trí, văn hóa do chế độ cũ để lại rất nặng nề. Ở thời điểm đó, tỷ lệ người dân Việt Nam mù chữ lên tới hơn 95%. Cho nên, ngay từ những ngày đầu của chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, việc phát triển nền giáo dục, tạo cơ hội cho mọi người dân hưởng quyền được học tập đã được xác định là nhiệm vụ quan trọng vừa cấp bách, vừa lâu dài của chính quyền mới. Một ngày sau khi tuyên bố với thế giới Việt Nam đã giành lại độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu", Người coi "giặc dốt" cũng nguy hiểm như "giặc ngoại xâm", cấp bách như đối phó với "giặc đói"; Người khẳng định chống nạn mù chữ là nhiệm vụ sau chống "giặc đói", là một trong sáu nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ.

Năm 1946, Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xác định: "Nên sơ học cưỡng bách và không học phí. Ở các trường sơ học địa phương, quốc dân thiểu số có quyền học bằng tiếng của mình. Học trò nghèo được Chính phủ giúp". Nếu nói về thời gian, điều này đã ra đời trước ba năm so với khoản 1 Điều 26 của Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế (1948): "Mọi người đều có quyền được giáo dục. Giáo dục phải được miễn phí, ít nhất là ở bậc tiểu học và căn bản. Giáo dục tiểu học phải bắt buộc".

Cho đến nay, các quan điểm cơ bản về phát triển giáo dục được xác định từ ngày thành lập nhà nước dân chủ, nhân dân vẫn thường xuyên được hoàn thiện để phù hợp với tiến trình phát triển,

và luôn được cụ thể hóa trong sự nghiệp giáo dục toàn dân. Từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986), sự nghiệp giáo dục càng được nhấn mạnh hơn, được coi là quốc sách hàng đầu trong khi đề cập vấn đề phát triển con người. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) được Đại hội Đảng lần thứ XI thông qua đã khẳng định: "Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho phát triển". Gần đây nhất, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) một lần nữa lại nhấn mạnh: "Giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước, của toàn dân và là quốc sách hàng đầu, nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài. Đầu tư cho giáo dục và đào tạo phải được ưu tiên và đi trước. Mục tiêu cốt lõi của giáo dục và đào tạo là hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực con người Việt Nam".

Cùng với quan điểm phát triển giáo dục là việc khẳng định quyền bình đẳng về cơ hội được hưởng nền giáo dục của mọi người dân Việt Nam không phân biệt giới tính, sắc tộc, tôn giáo. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) về định hướng chiến lược phát triển giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nêu: "Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục và đào tạo. Tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Người nghèo được Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để học tập. Bảo đảm điều kiện cho những người học giỏi phát triển tài năng".

Trải qua mấy chục năm kháng chiến giành độc lập, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, nhưng Đảng và Nhà nước ta vẫn nhất quán với chiến lược phát triển giáo dục, dành một phần ngân sách rất lớn cho giáo dục. Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI nêu rõ: "Chi ngân sách nhà

nước cho giáo dục, đào tạo đạt trên 20% tổng chi ngân sách; việc huy động các nguồn lực xã hội cho giáo dục, đào tạo, phát triển giáo dục, đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm... Đến năm 2010, tất cả các tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở". Trong 10 năm (2001 - 2011), chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đã tăng 11,8%. Cho đến nay, về cơ bản, Việt Nam đã xây dựng được một hệ thống giáo dục các cấp học ở mọi vùng, miền, với nhiều loại hình trường lớp, với số lượng học sinh đến trường ở các cấp ngày một tăng. Bên cạnh đó, Nhà nước còn thực hiện nhiều chính sách công bằng trong tiếp cận giáo dục, đặc biệt là đối với trẻ dân tộc thiểu số, trẻ ở vùng sâu, vùng xa.

Để cụ thể hóa chính sách ưu tiên đầu tư nhiều mặt về giáo dục cho các địa bàn có nhiều khó khăn, chúng ta đã triển khai các kế hoạch xây dựng trường học kiên cố và đạt chuẩn chất lượng, kết hợp với nỗ lực xóa đói, giảm nghèo, qua đó tạo thêm cơ hội cho trẻ tiếp cận nhiều hơn với các dịch vụ giáo dục. Từ năm 2000, Việt Nam đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập tiểu học. Từ năm học 2002 - 2003, tỷ lệ biết chữ của người lớn trong độ tuổi 15 - 24 đã đạt gần 95%, số năm đi học trung bình của người dân đạt mức 7,3 năm. Năm 2010 đã có 97,3% người dân biết chữ. Việc dạy chữ dân tộc đã được đẩy mạnh ở các địa phương, nhờ đó tỷ lệ người dân tộc thiểu số mù chữ giảm mạnh. Đáng chú ý là đã có gần 120.000 trẻ khuyết tật học hòa nhập trong các trường phổ thông và mầm non. Trong năm học 2003 - 2004, hầu hết các địa phương trong cả nước đã huy động được gần 90% trẻ khuyết tật độ tuổi lớp 1 đi học để hòa nhập theo chương trình và sách giáo khoa mới... Những con số đó khẳng định Việt Nam đã tạo sự công bằng trong tiếp cận quyền lợi về giáo dục cho tất cả trẻ em gái, trai của các dân tộc, trên khắp mọi vùng, miền và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Vì thế, Việt Nam được nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế đánh giá là nước có các thành tựu đáng kể về giáo dục, đào tạo so với nhiều nước có thu nhập tính theo đầu người tương đương, và hoàn toàn có khả năng hoàn thành Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) về phổ cập giáo dục tiểu học trước năm 2015.

Từ vai trò to lớn của giáo dục đối với sự phát triển của xã hội và con người, cần khẳng định rằng, các chỉ số về giáo dục là một thước đo quan trọng đối với mức độ thực thi quyền con người. Bởi không ai có thể bác bỏ một thực tế là: cơ hội và khả năng tham gia của mỗi cá nhân trong việc tiếp cận để thụ hưởng các thành quả của giáo dục, chia sẻ những điều kiện để nâng cao trình độ cũng như khả năng phát triển tri thức, trí tuệ của mỗi người cũng là phương diện biểu hiện cụ thể nhất của việc thực thi nhân quyền ở một quốc gia. Hiện tại, dù nền giáo dục ở Việt Nam còn tồn tại một số hạn chế, hệ thống giáo dục chưa theo kịp yêu cầu của giai đoạn phát triển mới, nhưng qua chiều dài lịch sử gần 70 năm qua và từ quan điểm phát triển một trong các quyền cơ bản của con người, các tiến bộ trên lĩnh vực này rõ ràng là không thể phủ nhận.

QUYỀN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG LÀ SỰ TÍN NHIỆM, THỪA NHẬN CỦA NHÂN DÂN*

THIỀN PHƯƠNG

Hơn 80 năm qua, những thắng lợi vĩ đại có ý nghĩa lịch sử của dân tộc Việt Nam đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, đó là sự thật không ai có thể bác bỏ. Sự đúng đắn đó thể hiện trước hết ở mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát trong sáu chữ "độc lập - tự do - hạnh phúc", và ngày nay trong bước phát triển mới của lịch sử, đó chính là mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"...

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng khỏi ách áp bức của thực dân, đế quốc. Tư tưởng của Người về cách mạng giải phóng dân tộc là nền tảng và gắn liền với quá trình xây dựng đường lối, lãnh đạo đấu tranh của Đảng Cộng sản Việt Nam, gắn liền với lịch sử hiện đại của đất nước. Tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh được hình thành, phát triển, bổ sung, hoàn thiện qua mỗi giai đoạn lịch sử thông qua việc kết hợp lý luận với thực tiễn, được kiểm nghiệm qua thực tiễn và đã trở thành đường lối của Đảng, được hiện thực hóa trong cuộc đấu

* Báo Nhân Dân, số ra ngày 1-3-2013.

tranh giải phóng dân tộc. Con đường cách mạng giải phóng dân tộc mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn không theo lối mòn, mà đó là chiến lược luôn luôn phát triển trong sự tiếp thu, có phê phán và chọn lọc, hướng tới mục tiêu triệt để là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Hồ Chí Minh đã thể hiện sự độc lập sáng tạo và cả sự dũng cảm trong tư duy, hành động của mình khi khẳng định rằng: Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở các thuộc địa không hoàn toàn phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc, nhân dân thuộc địa có thể đứng lên tự giải phóng chính mình và cuộc cách mạng có thể thắng lợi trước ở một nước thuộc địa. Ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, giành độc lập, giải phóng dân tộc thành công sẽ tạo tiền đề để tiến lên giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Độc lập dân tộc phải được xem là mục tiêu chủ yếu, nhiệm vụ cơ bản của cách mạng ở các nước thuộc địa mà Việt Nam là một trường hợp điển hình.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời từ sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam - đây là điểm khác biệt với lịch sử hình thành các Đảng Cộng sản ở những nước khác. Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Đảng ta đã tập hợp được lực lượng đông đảo nhất, huy động được sức mạnh đoàn kết to lớn nhất để bảo đảm giành thắng lợi. Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa dân tộc (chân chính) là động lực lớn của đất nước và khôi đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng của liên minh công - nông và trí thức là lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam, đại đoàn kết là một chiến lược cách mạng.

Lý luận cách mạng tiên tiến, khoa học là điều kiện cần cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, điều kiện đủ không thể thiếu là phải xây dựng được một Đảng cách mạng vững mạnh, với đội ngũ cán bộ cách mạng trung kiên, đủ nhiệt tình và năng lực đưa

lý luận cách mạng vào thực tiễn đấu tranh. Hồ Chí Minh đã chuẩn bị "mảnh đất" để gieo những "hạt giống đỏ" đầu tiên cho cách mạng Việt Nam, từng bước đưa tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê nin bén rễ vào thực tiễn cuộc đấu tranh ở Việt Nam. Nhìn lại lịch sử hơn 80 năm, chúng ta càng thấy rõ hơn sự năng động, sáng tạo, nhạy bén kịp thời, vai trò to lớn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với việc tổ chức Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng - sự kiện mang tính bước ngoặt trong phong trào cách mạng Việt Nam và lịch sử dân tộc nói chung, cũng như các cống hiến quan trọng của Người về mặt lý luận, đường lối cho Đảng. Chúng ta cũng thấy rõ hơn tư duy sáng tạo, vượt trước thời đại của Người đã góp phần định hướng đúng đắn cho cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Quan điểm về Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, đồng thời là đảng của nhân dân lao động, của dân tộc Việt Nam được Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra lần đầu tiên trong Báo cáo chính trị đọc tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951): "Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam"¹. Hồ Chí Minh nêu luận điểm: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, "phải là" Đảng của nhân dân lao động, của dân tộc Việt Nam khi Người bàn đến và nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của Đảng trong khi gánh vác các nhiệm vụ mà cách mạng đặt ra. Quyền lợi của giai cấp công nhân Việt Nam nằm trong và đồng hành với những quyền lợi của dân tộc. Điều này

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.41.

luôn phù hợp trong tất cả các giai đoạn cách mạng. Thực tiễn lịch sử cho thấy, khi Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức rõ điều này trong việc xác định mục tiêu của cách mạng cũng như khi xác định trận tuyến, bố trí lực lượng cách mạng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc thì cách mạng Việt Nam phát triển, giành nhiều thắng lợi.

Đảng là một bộ phận của nhân dân, phân biệt với bộ phận còn lại ở tính cách mạng, tính tiên phong, tính tổ chức của mình. Đảng là người lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành lấy những quyền lợi của mình và là người bảo vệ kiên quyết nhất đối với các lợi ích của nhân dân. Những điều này nêu bật tính nhân dân của Đảng, cũng như nhấn mạnh mối quan hệ khăng khít Đảng với Nhân dân - quan hệ tạo nên cội nguồn sức mạnh vô địch của Đảng. Đảng đại diện cho lợi ích của người lao động trong xã hội, tranh đấu nhằm đạt mục tiêu mang lại lợi ích cho số đông quần chúng chứ không phải chỉ cho một nhóm nhỏ nào. Mọi hành động của Đảng đều tuân theo, nhằm thực hiện những ý nguyện của toàn dân như Hồ Chí Minh nhấn mạnh với các cán bộ, đảng viên: "Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng"¹.

Chính là khẳng định quyền lãnh đạo của Đảng là dựa trên sự tín nhiệm của nhân dân. Quyền ấy được nhân dân trao cho. Sự tín nhiệm đó có được từ sự đúng đắn của đường lối, chính sách ở tầm vĩ mô, từ sự gương mẫu hy sinh, phấn đấu của mỗi cán bộ, đảng viên trên từng cương vị của mình, trong đó có sự hòa đồng giữa lợi ích chung và lợi ích riêng, giữa quyền lợi của giai cấp và lợi ích của toàn thể dân tộc. Bản chất giai cấp của Đảng được thể hiện rõ ở

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.289.

mục đích lý tưởng cao đẹp của Đảng giải phóng giai cấp khôi mọi xiềng xích áp bức, bóc lột, ở sự kiên định phấn đấu cho mục tiêu lý tưởng đó. Tuy nhiên, giai cấp công nhân ở Việt Nam có những đặc điểm riêng của mình. Xem xét những đặc điểm riêng đó với tính lịch sử của nó có thể lý giải thêm quan điểm của Hồ Chí Minh nêu lên từ năm 1951: Đảng Lao động Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam. Điều đó hoàn toàn tương đồng với luận điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu trước đó hơn 100 năm, khi hai ông cho rằng giai cấp vô sản ở mỗi nước trong quá trình đấu tranh giành chính quyền về tay mình cần "phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc"¹. Theo quan điểm đó, Đại hội lần thứ XI của Đảng khẳng định: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc"².

Ngọn cờ chính nghĩa thể hiện khát vọng về quyền lợi thiêng liêng, chính đáng của dân tộc, của con người về một xã hội mới dân chủ và công bằng, bình đẳng và tự quyết, không có sự áp bức nô dịch dân tộc, không có sự phân biệt đối xử giữa con người,... đã được Đảng Cộng sản Việt Nam giương cao trong cuộc đấu tranh kiên cường, bền bỉ của nhân dân Việt Nam giành độc lập dân tộc và chống lại các thế lực xâm lược. Trong công cuộc đổi mới, từ đổi

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.624.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2014, tr.4.

mới tư duy, Đảng đã tìm được con đường và những bước đi thích hợp để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, từng bước tiến lên, tích cực, chủ động hội nhập để phát triển đi vào chiều sâu, bền vững trong những hoàn cảnh hết sức khó khăn của một thế giới đầy biến động. Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng ta thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong; xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, có tầm cao trí tuệ, có phương thức lãnh đạo khoa học... Những năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, Việt Nam tiếp tục giữ vững ổn định về chính trị, phát triển về kinh tế, xác lập được vị thế ngày càng quan trọng trong các quan hệ quốc tế và khu vực. Sự thật ấy bác bỏ ý kiến của một số cá nhân đang cố tình hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình phát triển đất nước.

THỂ HIỆN SINH ĐỘNG QUYỀN LÀM CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG DÂN*

ANH KHÔI

Sau khi kế hoạch lấy ý kiến nhân dân vào Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 được triển khai, một số cá nhân hoặc do nghiên cứu chưa đầy đủ, hoặc thiếu thiện chí đã đưa ra những ý kiến xuyên tạc, thiếu xây dựng, cho rằng đây chỉ là "dân chủ giả tạo"! Tuy nhiên, thực tế đang diễn ra ở Việt Nam là bằng chứng đầy thuyết phục, chứng minh những điều nói trên chỉ là sự xuyên tạc, quy kết vô căn cứ.

Ngày 23-11-2012, tại Kỳ họp thứ tư Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã chính thức thông qua Nghị quyết tổ chức lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Ngày 3-12-2012, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang ký Lệnh số 32/2012/L-CTN công bố Nghị quyết quan trọng này. Một trong những nội dung cơ bản của Nghị quyết là yêu cầu bảo đảm việc lấy ý kiến nhân dân "phải được tiến hành rộng rãi, dân chủ, khoa học, công khai,... Ý kiến đóng góp phải được tập hợp, tổng hợp đầy đủ, chính xác và nghiên cứu tiếp thu, giải trình nghiêm túc". Sau gần ba tháng triển khai Nghị quyết, toàn bộ hệ thống chính trị của nước ta đã vào cuộc, nhân dân cả nước nỗ lực đóng góp trí tuệ với tinh thần trách

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 19-3-2013.

nhiệm cao và rất đáng trân trọng. Tuy nhiên, các thế lực thù địch, một số cá nhân thiếu thiện chí lại coi đây là thời cơ để đưa ra ý kiến xuyên tạc, đồng thời quảng bá một số quan điểm không phù hợp với định hướng và quá trình phát triển đất nước. Đi đâu trong các việc làm này phải kể đến website của một số cơ quan truyền thông nước ngoài, là các địa chỉ liên tục đăng tải loại bài, tổng hợp tin tức, trả lời phỏng vấn bê cong sự thật, đưa ra đòi hỏi phi lý, vô trách nhiệm. Như một bài đăng trên website của RFA, trong đó người viết viện ra mọi lý do để nhận xét vô căn cứ rằng: "việc lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp không thực chất, chỉ là hình thức". Lố bịch hơn, người viết còn có nhận xét rất khôi hài khi cho rằng việc lấy ý kiến đúng vào dịp Tết Nguyên đán là để nhân dân không có thời gian theo dõi, tham gia đóng góp (?!). Cuối cùng, người ta cũng chẳng đưa ra được ý kiến nào khả dĩ hơn, ngoài việc lặp lại điều RFA vẫn ra rả là... "bỏ Điều 4 ra khỏi Hiến pháp".

Tương tự như vậy, trên website của BBC, VOA, RFI,... đã công bố các loại ý kiến phi lịch sử, phớt lờ những khó khăn, thách thức mà Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã vượt qua để lập nên những thành tựu không thể phủ nhận trong hơn nửa thế kỷ qua. Ai cũng thấy rất rõ ràng, Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 có 124 điều, trong đó lại bao gồm rất nhiều nội dung liên quan tới "những vấn đề cơ bản, quan trọng và quyết định của đời sống xã hội, như hình thức tổ chức nhà nước, cơ cấu và thẩm quyền của bộ máy nhà nước, trình tự hình thành các cơ quan nhà nước, chính sách đối nội và đối ngoại của nhà nước; quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; những nguyên tắc chung nhất thể hiện mục đích, xu hướng vận động của xã hội"¹, nhưng họ chỉ chú mục vào Điều 4 khẳng định vai trò "lãnh đạo

1. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam: *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2002, t.II, tr.272.

Nhà nước và xã hội" của Đảng Cộng sản Việt Nam, và Điều 70 khẳng định "Lực lượng vũ trang nhân dân phải tuyệt đối trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổ quốc và nhân dân". Nói cách khác, họ không đếm xỉa tới các nội dung liên quan tới quan niệm về quá trình phát triển đất nước, phát triển nhân quyền, phát triển xã hội và con người, phát triển mọi lĩnh vực đời sống xã hội... Họ hành xử như vậy vì trong bản chất, họ không coi đất nước và nhân dân làm mục đích mà chỉ là cái cớ để thực hiện mưu đồ, tham vọng cá nhân ích kỷ. Họ xưng danh nhân dân để lừa mị dư luận, thực hiện âm mưu thay đổi đường hướng chính trị và chế độ chính trị - xã hội ở Việt Nam!

Thực tế sau gần ba tháng thực hiện kế hoạch lấy ý kiến nhân dân vào Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 đã nêu lên nhiều điều. Các cấp chính quyền từ trung ương đến cơ sở đều nghiêm túc triển khai, việc lấy ý kiến được tổ chức đến từng người dân, từng khu dân cư, phum, sóc, bản, làng, đơn vị lực lượng vũ trang. Tất cả các cơ quan có thẩm quyền, mạng lưới truyền thông, các cơ sở thông tin trên cả nước đều tạo mọi điều kiện để nhân dân đóng góp ý kiến. Qua các phương tiện thông tin truyền thông, nhân dân ở trong nước và nước ngoài đã có rất nhiều ý kiến đóng góp chân thành, thiện chí, mang ý nghĩa tích cực. Nhiều địa phương đã sáng tạo ra các hình thức phong phú, như tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho người làm công tác tổng hợp, lấy ý kiến; phân loại ý kiến góp ý thành các đối tượng khác nhau, phát hành VCD, làm phóng sự, chuẩn bị nội dung cho báo cáo viên, in bảng so sánh giữa Hiến pháp năm 1992 với Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 phát hành xuống từng tổ dân phố, hộ gia đình,... Việc lấy ý kiến nhân dân được triển khai đến từng hộ gia đình, được làm cẩn thận, chu đáo, chỉ dẫn rõ ràng, lời lẽ dễ hiểu như: Đề nghị ông (bà) quan tâm hỗ trợ 4 điều: Dành thời gian đọc, nghiên cứu nội dung Dự thảo; Góp ý cho từng chương, điều; Không có ý kiến thì ghi không có ý kiến; Tổ dân phố sẽ thu lại vào ngày...

Một phiếu lấy ý kiến với hai nội dung: đồng ý toàn văn và có đề nghị sửa đổi, bổ sung. Phiếu ghi đầy đủ tên, địa chỉ người góp ý, tức không để khuyết danh. Một báo cáo thuyết minh về Dự thảo và cuối cùng là tập tài liệu, so sánh chi tiết Hiến pháp năm 1992 và Dự thảo. Cách trình bày dễ dàng theo dõi, người tiếp cận không cần biết sâu về nhóm từ chuyên biệt hay học vấn cao cũng có thể hiểu được. Kèp chung tập tài liệu là thư ngỏ ngắn của Ban Chỉ đạo lấy ý kiến nhân dân nhưng không có bất cứ câu chữ nào bày tỏ sự áp đặt hay bắt buộc. Điều này thể hiện tính chất dân chủ giúp nhân dân phát huy ý thức công dân tham gia vào việc lấy ý kiến đóng góp, nhằm "bảo đảm đổi mới đồng bộ cả về kinh tế và chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; xây dựng và bảo vệ đất nước; tích cực và chủ động hội nhập quốc tế" (Báo cáo thuyết minh về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992).

Ý nghĩa của việc sửa đổi Hiến pháp lần này thể hiện khát vọng, niềm tin, tầm nhìn của cả dân tộc, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, trí tuệ, tâm huyết của toàn dân. Phục vụ công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Các tổ chức chính trị - xã hội như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Công đoàn... cũng tổ chức lấy ý kiến của các thành viên từ cơ sở. 17 tổ chức xã hội, các đoàn thể cũng đã tổ chức lấy ý kiến đóng góp với Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 của bảy nhóm xã hội yếu thế là người khuyết tật, người có HIV, lao động di cư, phụ nữ, thanh niên, người dân tộc thiểu số, người đồng tính. Sau một thời gian, các tổ chức xã hội đã tổ chức 42 cuộc tham vấn

với sự tham gia của hàng nghìn người ở 13 tỉnh, thành phố. Bản Kiến nghị với Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 của bảy nhóm xã hội Việt Nam đã được chuyển tới cơ quan có trách nhiệm. Là người trực tiếp tham gia hoạt động lấy ý kiến bảy nhóm xã hội yếu thế, chuyên gia về quyền con người Nghiêm Kim Hoa nói: "Mặc dù người yếu thế và thiểu số là những người thường phải chịu thiệt thòi nhiều nhất trong xã hội, nhưng họ vẫn giữ được niềm tin rất lớn vào luật pháp và các cơ quan công quyền, và đặt rất nhiều hy vọng vào bản Hiến pháp sửa đổi" (theo website của Bộ Tư pháp).

"Tạo điều kiện thuận lợi để mọi người dân tham gia đóng góp ý kiến, bày tỏ quan điểm của mình về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp" là tư tưởng chỉ đạo xây dựng trên cơ sở "phải đầy đủ, trung thực, khách quan cả ý kiến tán thành, ý kiến không tán thành, ý kiến khác". Theo Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp, tối đây, việc lấy ý kiến sẽ mở rộng quy mô, thành phần tham dự các hội nghị, hội thảo, tọa đàm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Ủy ban yêu cầu "gửi Phiếu xin ý kiến để từng đại biểu tham dự thể hiện chính kiến của mình. Phiếu xin ý kiến nêu rõ: (1) ý kiến chung về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp, (2) những nội dung cụ thể của các chương, điều, khoản của Dự thảo để đại biểu thể hiện chính kiến tán thành, đề nghị sửa đổi, bổ sung và ý kiến khác". Những việc làm thể hiện tinh thần dân chủ, cầu thị, nghiêm túc đó đã trực tiếp tăng cường, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, từ đó cùng phát huy tinh thần trách nhiệm để tham gia xây dựng Hiến pháp. Do đó, những luận điệu sai trái, với mục đích, động cơ đen tối, dù được tiếp tay từ bên ngoài cũng trở nên lạc lõng. Kế hoạch lấy ý kiến nhân dân vào Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 là một thực hành dân chủ hết sức quan trọng, và sự tham gia tích cực của mọi người Việt Nam chính là hành động thiết thực để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

SỰ THẬT KHÔNG THỂ CHỐI CÃI*

LÝ NHU THẾ

Dù di hại của chiến tranh vẫn còn hằn in, nhưng vì quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ, vì hòa bình và phát triển, chúng ta đã cố gắng "gác lại quá khứ, hướng tới tương lai". Tuy nhiên, trong tâm trí nhiều người Mỹ, cuộc chiến tranh ở Việt Nam vẫn là một nỗi day dứt, và họ đã xuất bản nhiều cuốn sách viết về cuộc chiến tranh, trong đó có tác phẩm *Giết mọi thứ di động: Cuộc chiến thực sự của Mỹ ở Việt Nam (Kill Anything That Moves - The Real American War in Vietnam)* của Nick Turse.

Tác phẩm dày 370 trang này đoạt giải thưởng Ridenhour của National Press Club năm 2009, nguyên là luận án tiến sĩ tại Đại học Columbia của nhà báo kiêm sử gia Nick Turse. Cuốn sách gồm một nhập đề, bảy chương và một kết luận. Tựa đề cuốn sách như một mệnh lệnh cho người lính Mỹ khi đến Việt Nam: Giết mọi thứ di động! Đọc xong thì thấy đúng như vậy. Qua cuốn sách, Nick Turse đã chứng minh một cách không thể chối cãi rằng mệnh lệnh đã man ấy là một chính sách, một chiến thuật chính thức của quân đội Mỹ và đã được áp dụng từ cấp tướng đến người lính, từ quân trưởng ở Mỹ đến xóm làng ở Việt Nam. Chủ đề cuốn sách là một chứng minh rằng cuộc thảm sát ngày 16-3-1968 khiến 504 thường

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 29-3-2013.

dân ở Mỹ Lai chết không phải là một sơ suất biệt lệ của quân đội Mỹ. Điều này có thể thấy ngay trong Chương 2: "Theo hồi ký của tướng Westmoreland, (tướng) Mac Arthur đã "thúc giục tôi hãy chuẩn bị để luôn luôn có đầy đủ trọng pháo vì dân Á Đông rất sợ trọng pháo" và đưa ý kiến là Westmoreland có thể phải sử dụng một "chiến thuật đốt sạch đất đai" tại Việt Nam" (tr.61). Lời chỉ đạo từ một anh hùng của Thế chiến thứ hai có thể coi như thể hiện tâm cảnh của tướng Westmoreland trước khi nhậm chức Tổng Tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt Nam để "đếm xác" (body count) dân Việt trong tinh thần kỳ thị chủng tộc dứt khoát.

Phương pháp làm việc của tác giả Nick Turse thích ứng với môi trường hàn lâm của một trường đại học nổi tiếng như Columbia. Tác giả sử dụng hồ sơ giải mật của Bộ Quốc phòng Mỹ, các báo cáo từ các cuộc điều tra của "Sở điều tra tội ác" thuộc Bộ Quốc phòng, đặc biệt là báo cáo của "Nhóm điều tra tội ác chiến tranh ở Việt Nam" được Pentagon thành lập sau vụ thảm sát ở Mỹ Lai, cộng với hơn 100 cuộc phỏng vấn ở cả hai phía: nạn nhân Việt Nam và quân nhân Mỹ. Tất cả để đúc kết lại thành một bức tranh bi thảm về sự tàn phá tận cùng của chiến tranh mà ngay cả Picasso có sống lại cũng không thể vẽ thêm một Guernica thứ hai...

Trước những vũ khí và quân lực đằng đằng sát khí, người thường dân Việt Nam đã phải chịu một tai họa thống khổ đến mức nào? Bảy chương sách của Nick Turse mang câu trả lời với các tựa đề hãi hùng:

1. Cuộc thảm sát ở Triệu Ái.
2. Một hệ thống đau khổ.
3. Tàn sát quá độ.
4. Một loạt những hung bạo.
5. Khốn khổ vô bờ.
6. Tên khùng, ông tướng "săn cộng" và tên đồ tể của vùng chau thổ.
7. Những tội ác chiến tranh biến đi đâu rồi?

Không phải là một tình cờ mà nhận định của Alvin Tofler: "Nếu nguyên tắc căn bản của nền kinh tế kỹ nghệ là sản xuất hàng loạt thì nguyên tắc căn bản của chiến tranh thời kỹ nghệ hóa là tàn phá hàng loạt" (War and Anti-War, tr.38) lại trùng hợp sát sao với nhận định của tác giả Nick Turse: "Sự tàn sát theo chuẩn mức kỹ nghệ đã được áp dụng khoảng thời gian thiếu tướng Julian Ewell cầm quân ở vùng đồng bằng sông Cửu Long" (tr.204). Tại Việt Nam, chính quyền Mỹ đã thực thi một cuộc tàn phá hàng loạt một cách có hệ thống trong suốt cuộc chiến với những mô tả đáng kể nhất là trong hai Chương 1 và Chương 6 mà người đọc không thể bỏ qua.

Chương 1: Từ thời kỳ được huấn luyện ở quân trường tại Mỹ (Fort Benning, Camp Lejeune, tiểu bang Georgia) tinh thần kỳ thị chủng tộc (như của tướng Mac Arthur) đã được nhồi sọ tối đa để giúp tân binh Mỹ có thể giết kẻ thù - người Việt Nam - mà không hối tiếc hay ân hận. "Cựu chiến binh Wayne Smith nhớ lại là các huấn luyện viên không bao giờ gọi người Việt Nam là Vietnamese. Mà họ gọi bằng những chữ tiếng lóng hạ cấp như "dinks, gooks, slopes, slants, rice-eaters", những chữ không còn mang ý nghĩa tượng trưng cho con người nữa. Cái thâm ý là coi người Việt Nam thấp hơn cả giống người" (tr.28). Như vậy thì có thể tự do để vâng lệnh giết một cách vô trách nhiệm, như lời khuyên của một vị tuyên úy Tin lành: "Người lính tự do nhất là người lính sẵn sàng tuân lệnh cấp trên. Khi bạn tuân một mệnh lệnh hợp pháp thì bạn không sợ, không lo gì cả" (tr.30). Vấn đề là không có ai định nghĩa "mệnh lệnh bất hợp pháp" là gì. Khi trung úy Maynard quăng lựu đạn xuống hầm một căn nhà trong làng Triệu Ái, "Trung úy Bailey cho biết có con nít trong hầm ấy. Và trung úy Maynard trả lời: "Kệ mẹ nó, rồi tụi đó lớn lên thì cũng trở thành Việt cộng thôi"..." (tr.34). Điều kinh khủng là người lính Mỹ không phân biệt được kẻ thù và đồng minh nên họ chỉ biết khi thấy "nhúc nhích thì giết". Ở cấp cao hơn, các sĩ quan tốt nghiệp quân trường West Point cũng có một hiệp hội ngầm (mà ai cũng biết)

có tên là West Point Protective Association (WPPA) để họ bảo vệ lẫn nhau khi bị điều tra hay khi phải ra trước tòa án quân sự như trường hợp tướng Julian Ewell dưới đây.

Chương 6: Hồ sơ của trung sĩ Roy Bumgarner và tướng Julian Ewell là hai thí dụ điển hình.

"Trung sĩ Bumgarner thuộc Lữ đoàn dù 173, Sư đoàn kỵ binh số 1, đóng tại Bình Định (năm 1968) nổi tiếng với thành tích giết 1.500 kẻ thù. Có khi toàn quân 6 người của ông còn giết nhiều kẻ thù hơn cả tổng số "đếm xác" của toàn thể tiểu đoàn 500 người của ông" (tr.192). Thành tích này đã làm cho ông mang biệt danh là "The Bummer" (tên Khùng). Tên Khùng tuy khùng nhưng không dại, vì sau khi giết một thường dân (dù đàn bà, con nít), y lại nhét vào trong xác chết một quả lựu đạn "made in China" hay một khẩu súng Nga. Hậu quả là số "Việt cộng" bị Trung sĩ Bumgarner giết lên rất cao. Điều không may là các bạn đồng ngũ đã thấy hành vi vô nhân đạo này và họ báo cáo lên cấp trên. Tên Khùng bị điều tra, bị đưa ra tòa án quân sự. Tên Khùng bị xử có phạm tội, nhưng lại là tội "sát nhân không mưu tính", nhờ vậy y đã không vào tù, dù chỉ một ngày (tr.196). Một nhân chứng của vụ án, Peter Berenback, sau khi giải ngũ đã đọc trong nhật báo *The New York Times* ngày 31-3-1972 một bản tin ca ngợi trung sĩ Bumgarner với tấm hình tên Khùng ôm một em bé Việt Nam một cách bao bọc. Berenback bèn gửi một lá thư đầy giận dữ gọi Bumgarner là "kẻ sát nhân". Nhưng tờ báo đầy uy tín này đã không phản ứng. Berenback gửi một thư khác cho dân biểu Peter Frelinghuysen. Ông này lại chuyển lá thư cho đại tá Murray Williams ở Pentagon. Rồi nội vụ không còn được nói đến nữa!

Trường hợp tướng Julian Ewell đáng chú ý là vì sự nghiệp của ông tại Việt Nam thành công rực rỡ chỉ nhờ một yếu tố: khả năng làm tăng con số "kẻ thù" bị giết. Tháng 2-1968, khi mới nhận chức Tư lệnh Sư đoàn 9 vùng đồng bằng sông Cửu Long, các phi công trực thăng của ông đã để ý trò chơi săn người của ông khi ra lệnh

cho pháo thủ trên trực thăng bắn bất kể vào người nông dân đang cày bừa trên đồng lúa. Đặt cơ sở trên chiến tranh kỹ thuật của Bộ trưởng McNamara, "thống kê đếm xác là thước đo thành công quan trọng nhất" cho tướng Ewell (tr.206). Hãy đọc "tiến bộ" của tướng Ewell trong 2 năm 1968 và 1969 theo thước đo tỷ lệ chết giữa địch và ta (Việt cộng và Mỹ): Trước khi ông nhậm chức, tỷ lệ đó là 1/8: một người lính Mỹ chết thì có 8 người lính Việt cộng chết. Đây đã là một tỷ lệ khá cao so với các đơn vị khác. Qua tháng 7-1968, sau 5 tháng dưới quyền tướng Ewell, tỷ lệ này tăng lên thành 1/14. Sau 5 tháng, tướng Ewell mở đầu chiến dịch Speedy Express với tỷ lệ 1/24. Ba tháng sau tỷ lệ đã là 1/68. Một tháng sau (4-1969), tỷ lệ tăng lên gần gấp đôi: 1/134. Câu hỏi là trong 134 người Việt Nam được "đếm xác" này có bao nhiêu thường dân? Vì: 1. Sự chênh lệch quá xa giữa số xác Việt cộng quá cao so với số vũ khí lại thu lượm quá thấp; 2. Trước hỏa lực kinh hồn của quân đội Mỹ, quân đội Việt cộng cũng đủ khôn ngoan để rút đi nơi khác, chỉ còn người dân vô tội trong vùng hỏa tuyến.

Khi được hỏi làm sao họ phân biệt được kẻ thù trên đồng ruộng để nã súng bắn, phi công Cobra của chiến dịch Speedy Express trả lời: "Kẻ nào thấy trực thăng mà bỏ chạy là kẻ thù" hoặc "kẻ nào mặc bà ba đen là Việt cộng". Từ đó tướng Ewell mang hồn danh là "tên đồ tể của vùng châu thổ". Với "tiến bộ" từ 1/14 lên 1/134, tướng Ewell được thăng trung tướng và năm 1970, ông được gửi qua làm cố vấn quân sự cho phái đoàn Mỹ đang tham dự Hội nghị Paris.

Nhưng một quân nhân vô danh ký tên là "một trung sĩ ưu tú" đã gửi thư cho tướng Westmoreland, lúc này đã trở thành Tham mưu trưởng Liên quân, để tố cáo đầy đủ chi tiết về tên tuổi, chức vụ trong cuộc tàn sát khủng khiếp của chiến dịch Speedy Express. Lá thư kết luận một cách chắc nịch "dù các con số của tôi chỉ đúng 10%, mà tôi tin là cao hơn, thì 120 đến 150 tử vong đã tương đương với một Mỹ Lai mỗi tháng trong hơn một năm trời" (tr.215). Nhưng

rồi lá thư này cũng bị rơi vào quên lãng như số phận của hàng ngàn thường dân Việt Nam đã bị thảm sát.

Đọc xong trang cuối cùng, gấp lại cuốn sách, chắc người đọc nào cũng thấy hãi hùng, đầy thương cảm. Riêng người điểm sách còn rút ra được ba ý nghĩ riêng cho mình: 1. Đây là một cuốn sách rất khó đọc cho cả người Việt lẫn người Mỹ vì nó trình bày một cách trần trụi sự bi thảm tận cùng của một cuộc chiến vẫn còn vang vọng trong tim óc chúng ta. Với những cựu quân nhân Việt Nam Cộng hòa từng sát cánh với quân đội Mỹ và bây giờ đã và đang xây dựng trên đất Hoa Kỳ những tượng đài để tưởng niệm, vinh danh "mối tình chiến hữu Việt - Mỹ" thì cuốn sách này lại càng khó đọc hơn, vì các sự kiện kinh hoàng được trình bày một cách trung thực, khoa học và có hệ thống đến mức, nếu còn là một người Việt Nam lương thiện và yêu nước, thì không thể chối cãi được và không nên lẩn tránh chúng. 2. Còn với các "cậu ấm bất mãn" ở Việt Nam, nhất là ở Hà Nội, đang ngưỡng mộ và hướng vọng về nước Mỹ như một mẫu mực chính trị tương lai cho đất nước thì cuốn sách này là một nhắc nhở sâu sắc cho họ rằng, chính trị Mỹ xuất sinh từ văn hóa Mỹ, trong đó, từ thời lập quốc, đã có những tay chăn bò được vinh danh là anh hùng... bắn chậm thì chết. Và hơn 40 năm trước, đã có những đồng bào "Việt cộng mặc áo bà ba đen" của các "cậu ấm" lúc bấy giờ ở miền Nam xa xôi, vốn chỉ là những thường dân run rẩy, nhưng vẫn bị thảm sát vì dòng chảy văn hóa "bắn chậm thì chết" đặc thù này! 3. Nội dung cuốn sách còn là bài học đau thương cho những ai rước giặc vào nhà thì phải biết hậu quả tai hại sẽ không thể lường được dù giặc có khoe đầy giá trị tự do, dân chủ, nhân quyền,...

HỌ NÊN SỐM THAY ĐỔI NHẬN THỨC VỀ NHÂN QUYỀN*

LÊ ANH

18 năm đã qua, kể từ khi chính thức bình thường hóa quan hệ ngoại giao với nỗ lực của Việt Nam và Mỹ, quan hệ giữa hai nước đã có một số tiến triển tích cực, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân hai nước. Tuy nhiên, quan hệ có thể sẽ phát triển hơn nếu không có một số trớ ngại thuộc về phía Mỹ, mà một trong số đó là việc Chính phủ Mỹ nhiều lần phê phán rất vô lý đối với vấn đề nhân quyền ở Việt Nam, có thể coi phát biểu ý kiến gần đây của ông Daniel Baer - Phó Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ đặc trách Đông Á, tại Thượng viện Mỹ là một thí dụ điển hình...

Ngày 22-3-2013, các cơ quan truyền thông BBC, VOA, RFI,... đều đưa tin và bình luận về sự kiện ngày 21-3 vừa qua, phát biểu ý kiến trước Tiểu ban Ngoại giao Thượng viện Mỹ, ông Daniel Baer - Phó Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ đặc trách Đông Á, đã "bày tỏ sự quan ngại về tình trạng "sa sút" của Việt Nam trong vấn đề nhân quyền". Để chứng minh điều này, ông Daniel Baer đã dẫn ra một số dẫn chứng "về cách đối xử của chính quyền Hà Nội đối với các blogger, bị truy tố về những điều luật liên quan đến an ninh quốc gia". Từ đó, Daniel Baer khẳng định: "Washington sẽ tiếp tục nêu lên các quan ngại về nhân quyền đối với Hà Nội và cũng sẽ

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 2-4-2013.

nêu lên các vấn đề tự do internet và điều kiện lao động trong các cuộc đàm phán về đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), hiệp định tự do mậu dịch do Mỹ hậu thuẫn mà Việt Nam đang đàm phán để tham gia". Như vậy, qua phát biểu của mình, tương tự một số người trong chính giới Mỹ, ông Daniel Baer một lần nữa không chỉ đưa ra các đánh giá tiêu cực, phản ánh không trung thực về thực tế vấn đề nhân quyền ở Việt Nam, mà còn coi nhân quyền như là điều kiện để phát triển quan hệ giữa hai nước - một quan niệm rất vô lý, không thể là cơ sở cho việc giải quyết các quan hệ quốc tế.

Phát biểu của ông Daniel Baer làm nhớ tới các sự kiện diễn ra cách đây không lâu, như: ngày 24-2-2012 tại Bộ Ngoại giao Mỹ, ông Daniel Baer đã tiếp một nhóm người do Nguyễn Quốc Quân - "chủ tịch" cái gọi là "Ủy ban yểm trợ cao trào nhân bản" để "tìm hiểu thêm về các vi phạm nhân quyền trầm trọng tại Việt Nam"; ngày 10-5-2012, phát biểu tại cái gọi là "kỷ niệm ngày nhân quyền Việt Nam" do "cộng đồng người Việt thiểu bang Maryland, DC và Virginia, với sự tiếp tay của Tổ chức quốc tế yểm trợ cao trào nhân bản" tổ chức, ông Daniel Baer cho rằng: "Tòa đại sứ và tòa lãnh sự Mỹ tại Việt Nam sẽ tiếp tục lưu ý tình hình nhân quyền tại Việt Nam cũng như tìm kiếm mọi cơ hội hợp tác với các nhà hoạt động nhân quyền trong cộng đồng người Mỹ gốc Việt để mang lại những tiến bộ và cải tổ về nhân quyền cho người dân Việt Nam". Gần đây hơn, ngày 2-1-2013, ông Daniel Baer đã tới nhà riêng của Nguyễn Quốc Quân ở Virginia, để dự cuộc gặp một số "người Việt tại hải ngoại quan tâm đến vấn đề nhân quyền trong nước". Tại các cuộc gặp, ông Daniel Baer đưa ra ý kiến không khác so với điều ông phát biểu ngày 21-3 vừa qua. Mỗi quan hệ giữa những sự kiện trên làm nảy sinh câu hỏi: Chẳng lẽ ông Daniel Baer không thấy điều gì bất thường khi tìm hiểu vấn đề nhân quyền ở Việt Nam qua một số người Mỹ gốc Việt chống cộng cực đoan? Liệu ông

Daniel Baer đã sớm quên ý kiến của ông khi trả lời phỏng vấn trên VOA ngày 12-3-2011 rằng, ông tán thành ý kiến của Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ khi đó là bà Hillary Clinton "chúng tôi cho rằng trong quan hệ giữa các quốc gia, mọi khác biệt cần được trao đổi trên tinh thần xây dựng, tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau", rồi ông khẳng định "Chúng tôi đồng ý quan điểm cho rằng các khác biệt cần phải được nêu lên với một thái độ mang tính xây dựng"!?

Nhân đây, xin nêu về sự kiện mà một website của người Mỹ gốc Việt đã đưa tin: sau cuộc biểu tình trước nhà ông Al Hoàng, "Tối hôm qua (11-26-2012) họ còn đem một bọc đến để trước cửa và sáng nay cảnh sát điều tra cho biết có ngòi nổ, có hóa chất, v.v. và còn có cả tờ giấy hăm dọa giết cả nhà Hoàng Duy Hùng. Cảnh sát và các xe chữa cháy đã phong tỏa đường vào nhà Hoàng Duy Hùng để điều tra và bảo toàn vật chứng. Thị trưởng ra lệnh bảo vệ khẩn cấp yếu nhân, vì Hoàng Duy Hùng làm công việc của thành phố mà bây giờ tính mạng cả gia đình bị đe dọa. Những người bất đồng phương thức đấu tranh cho dân chủ và tự do với nghị viên Hoàng Duy Hùng đã đi tới một nước cờ mà các viên chức cảnh sát điều tra cho rằng không còn thể chấp nhận được nữa... Từ vụ biểu tình, đến vụ đặt bom trước nhà, giới quan sát cho rằng đây là một hình thức "dằn mặt" mang tính khủng bố của phe chống đối hành động ông Al Hoàng đã dám cùng Hội đồng thành phố Houston đứng ra tổ chức một cuộc đón tiếp, trao đổi trực tiếp với Thủ trưởng Nguyễn Thanh Sơn trong tháng 10-2012 vừa qua. Hành động của ông Al Hoàng bị nhóm chống cộng cực đoan cho rằng đã "đi ngược lại chính nghĩa quốc gia" của họ, phản ứng của họ là biểu tình và đặt bom hăm dọa. Những người đặt bom đã bày tỏ thái độ chính trị của mình qua một thư viết bằng Việt ngữ cài vào trái bom "Sẽ giết cả nhà nếu theo cộng sản"..."!

Al Hoàng (Hoàng Duy Hùng, tên tiếng Anh là Aloysius Hoang, gọi tắt là Al Hoàng) là luật sư người Mỹ gốc Việt, tháng 12-2009, ông đã trúng cử nghị viên Hội đồng thành phố Houston (Texas). Theo BBC ngày 14-12-2009 thì: "Ông Hoàng Duy Hùng, nổi tiếng với những hành động chống đối việc Việt Nam mở tòa lãnh sự ở thành phố lớn thứ tư tại Hoa Kỳ. Ông cũng phản đối việc "thiếu đối thoại công bằng" giữa chính quyền tại Việt Nam và cộng đồng "người Việt quốc gia" mà ông làm chủ tịch tại Houston". Song gần đây (có thể do nhận thức thay đổi, cũng có thể do "thay đổi phương thức" như có người nhận định?), ông Al Hoàng đã có một số ý kiến chắc chắn không làm vừa lòng những người ông Daniel Baer từng tiếp xúc. Trong các video-clip công bố trên Youtube, về quan điểm nhân quyền của chính quyền Mỹ, Al Hoàng nhận xét: "Tôi nghĩ Hoa Kỳ sử dụng nhân quyền cũng chỉ như một chiêu bài, vì chính trong Hoa Kỳ cũng có những vấn đề nhân quyền không đơn giản!"; về nhân quyền ở Việt Nam, ông Al Hoàng cho rằng: "Đó không phải là nhân quyền Mỹ, nhân quyền Anh, đó là nhân quyền của những người mang tâm tư Việt, thật sự muốn cho đất nước phát triển". Ngày 22-3 mới đây, Al Hoàng đã trở về Việt Nam, thay mặt thị trưởng và thành phố Houston xúc tiến việc xây dựng quan hệ giữa Houston với Đà Nẵng. Ngày 23-3, Al Hoàng tới Đền Hùng, để thấp hương tưởng nhớ Tổ tiên, ông tâm sự: "Mình là người Việt Nam, có cha có mẹ, đi đâu khi về lại quê hương đất tổ thì bốn phận là thăm cha mẹ trước khi bắt đầu các công việc khác... Không có gì sung sướng khi được trở về quê mẹ thăm lại Thánh địa Đền Hùng... Tôi chỉ cầu xin Quốc tổ phù hộ cho con dân Việt đoàn kết, chung sức xây dựng đất nước hùng cường và tương lai sáng lạn". Trả lời phỏng vấn của Pho-Bolsa-TV, ông Al Hoàng nói: "Về nơi đây, chúng tôi thấy đất nước đang phát triển. Đất nước chúng ta dù còn thua nhiều quốc gia khác, nhưng đã có những tín hiệu, đó là người

dân bắt đầu cởi mở, Nhà nước đang có một cách nhìn khác hơn, đó là chấp nhận đối thoại để cả hai cùng tiến tới đoàn kết dân tộc".

Thiết nghĩ, trước khi phát biểu ý kiến về nhân quyền ở Việt Nam, ông Daniel Baer nên tiếp xúc cả với những người như ông Al Hoàng, không nên chỉ tiếp xúc, nhặt nhạnh tin tức từ những người mà tác giả Nguyễn Tài Ngọc viết trong bài "*Nỗi buồn quân phục*" trên saigonocean.com: "Dù rằng hiện đang sống trên nước Mỹ gần 40 năm sau 1975, tôi cứ thấy mấy ông Việt Nam, và cả mấy bà, có dịp là mặc quân phục (quân phục của quân đội Việt Nam Cộng hòa - TG). Nơi nào cũng mặc quân phục. Biểu tình mặc quân phục. Hát hò mặc quân phục. Lễ ở chùa mặc quân phục. Hội họp chẳng ăn thua gì đến quân đội cũng mặc quân phục. Vào chợ mặc quân phục. Mở đại nhạc hội thu tiền túi mặc quân phục. Lên TV phỏng vấn mặc quân phục. Và bây giờ, lần đầu tiên tôi thấy vào quán ăn quay quay tiền trong khi thiền hạ đang ăn cũng mặc quân phục... Vài người còn đeo thêm quân hàm! Quân đội mình hùng tráng như thế mà tại sao ngày xưa thua trận thì tôi thật tình không hiểu. Ở đây tôi xin ra ngoài khi xem lại DVD các chương trình nhạc Việt Nam để nghiên cứu, tôi tình cờ xem một chương trình nhạc mà họ còn đem Thượng tọa, Đại đức, Giảng sư Phật giáo ra ngồi làm bình phong cho một bài nhạc mở đầu. Đem quân đội Việt Nam Cộng hòa ra làm tiền chưa đủ, họ đem luôn cả tôn giáo ra phô trương với mục đích thương mại"!

Với nhóm người còn cay cú về thất bại gần 40 năm về trước thì không thể tin được; càng không thể tin vào các hoang tin, sự xuyên tạc của các thế lực chống đối, thiếu thiện chí và bất mãn. Ông Daniel Baer và một số người trong chính giới Mỹ nên sớm thay đổi nhận thức về vấn đề này. Nếu thật sự quan tâm tới vấn đề nhân quyền ở Việt Nam, họ cần nhìn thẳng vào sự thật để thừa nhận nhân quyền ở Việt Nam đã và đang trở thành một giá

trị phổ quát, đã và đang mang lại lợi ích mọi mặt cho nhân dân Việt Nam, vì đó là "nhân quyền của những người mang tâm tư Việt, thật sự muốn cho đất nước phát triển". Chỉ lượm lặt thông tin từ kẻ xấu rồi phê phán, đặt điều kiện đối với Việt Nam, họ sẽ trở thành người đi ngược lại xu thế tiến bộ của nhân loại. Hơn thế nữa, sẽ trở thành tác nhân cản trở sự phát triển của Việt Nam, đồng thời tác động tiêu cực tới quan hệ hữu nghị giữa nhân dân Mỹ và nhân dân Việt Nam.

VÀI SUY TƯ VỀ NGÀY 30 THÁNG TƯ...*

GS. TRẦN CHUNG NGỌC

"... Sau khi Mỹ tháo chạy và miền Nam sụp đổ, hai miền Nam Bắc thống nhất, không còn sự phân biệt như trong thời chiến, thì tính cách tạm thời do Mỹ dựng lên đã không còn. Đây là một sự kiện lịch sử bất khả phủ bắc, có chấp nhận hay không thì cũng không thể thay đổi được. Hiệp định Giơnevơ cũng như Thỏa hiệp Paris đều coi toàn thể nước Việt Nam là một, không còn tên gọi miền Nam Việt Nam, hay nước Việt Nam Cộng hòa. Câu đầu tiên trong Thỏa hiệp Paris là "Điều 1. Mỹ và mọi nước khác tôn trọng nền độc lập, chủ quyền, sự thống nhất, và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam như đã được công nhận bởi Hiệp định Giơnevơ 1954 về Việt Nam. Hiệp định Giơnevơ không hề chia cắt đất nước làm hai miền Bắc và Nam. Vĩ tuyến 17 chỉ là một phân định tạm thời để hai bên, Pháp và Việt Minh, rút quân và người dân được tự do chọn lựa nơi mình muốn sinh sống, chờ ngày Tổng tuyển cử vào năm 1956 để thống nhất đất nước bằng giải pháp chính trị. Trong bản Tuyên ngôn đơn phương của Mỹ về Hội nghị Giơnevơ, Mỹ không bao giờ nói đến Nam hay Bắc mà chỉ nói đến một nước Việt Nam. Vậy thì từ đâu mà đẻ ra cái gọi là nước Nam Việt Nam riêng

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 30-4-2013.

biệt. Đó chỉ là đứa con đẻ của Mỹ, và tàn dư của đứa con đẻ này chỉ là những nhóm người muốn tiếp tục cuộc thánh chiến chống cộng ở hải ngoại... Do đó những người thốt ra những từ như "quốc hận" hay "mất nước" là những người không ý thức được thế nào là "quốc", là "nước", "quốc" của họ chỉ có trong những cái đầu với sự hiểu biết rất hạn hẹp về hai cuộc chiến ở Việt Nam. Họ không đủ lý trí để nhận ra là mình đã dùng những cụm từ vô nghĩa, tệ hơn nữa họ còn muốn lấy cái hận, cái mất của một thiểu số để mà áp đặt lên cộng đồng những người Việt mà họ cho rằng tất cả đều phải là nạn nhân cộng sản, hay cho cả nước và hy vọng mọi người phải đồng ý với mọi điều họ đưa ra, bất kể những điều đó ngu xuẩn như thế nào. Họ muốn giữ chặt mối hận của họ trong đầu và hung hăng chống đối bất cứ ai mà họ hoang tưởng cho là có mưu đồ xóa bỏ cái hận của họ, trong khi chẳng có ai quan tâm đến và phải mất công để mà xóa bỏ những cụm từ mà tự thân chúng đã vô nghĩa...

Muốn hiểu tại sao miền Nam lại có một kết cục như vậy, chúng ta cần nhắc lại vài nét về các chế độ ở miền Nam. Ai cũng biết là chế độ Ngô Đình Diệm cũng như miền Nam là do Mỹ dựng lên, không phải là do người dân miền Nam bầu chọn hay muốn như vậy... Còn về những chế độ quân phiệt của đệ nhị Việt Nam Cộng hòa thì qua sự nhận xét của những viên tướng cao cấp nhất ở miền Nam, như: Nguyễn Văn Thiệu: Mỹ còn viện trợ, thì chúng tôi còn chống cộng. Nếu Hoa Kỳ mà không viện trợ cho chúng tôi nữa thì không phải là một ngày, một tháng hay một năm mà chỉ sau ba giờ, chúng tôi sẽ rời khỏi Dinh Độc Lập; Nguyễn Văn Ngân: miền Nam Việt Nam trong cuộc chiến chống cộng sản hoàn toàn bị phụ thuộc Hoa Kỳ, chúng ta không ở vào vị thế có thể đặt điều kiện với họ. Quân đội Mỹ muốn đến là đến, muốn đi là đi; Nguyễn Cao Kỳ: "Ông Mỹ luôn luôn đứng ra trước sân khấu làm "kép nhắt". Vì vậy ai cũng cho rằng thực chất đây là cuộc chiến tranh

của người Mỹ và chúng tôi là những kẻ đánh thuê; Cao Văn Viên: Chúng ta không có trách nhiệm chiến tranh (!), trách nhiệm chiến đấu là của người Mỹ. Chính sách đó do Mỹ đề ra, chúng ta chỉ theo họ mà thôi. Với những lời thú nhận như trên, có thể coi miền Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, theo đúng nghĩa của một quốc gia được không?...

David G.Marr, Giáo sư nghiên cứu về Thái Bình Dương ở Đại học Quốc gia Ôxtrâylia, viết trong Phần dẫn nhập cuốn *Vietnamese Tradition On Trial 1920-1945*, tr.1: Năm 1938: Ít nhất là 18 triệu người Việt nằm trong vòng kiềm tỏa của chỉ có 27.000 binh lính thuộc địa. Tuy vậy mà chỉ 16 năm sau, lực lượng thuộc địa tới 450.000 quân mà không thể tránh khỏi cuộc thảm bại về chiến thuật ở Điện Biên Phủ và bắt buộc phải di tản chiến lược xuống miền Nam vĩ tuyến 17. Sau cùng, trong những năm 1965 - 1975, nhiều tổ hợp của Mỹ, Việt Nam Cộng hòa, Nam Hàn, và các lực lượng quân sự đồng minh khác, tổng số lên tới 1,2 triệu người cũng bị thảm bại, cuối cùng cũng bị đánh bại bởi Mặt trận giải phóng miền Nam và Quân đội nhân dân Việt Nam...

Ngày 30-4-1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước, chấm dứt chiến tranh. Nhân dân cả nước chung tay xây dựng đất nước sau chiến tranh. Bất kể những hô hào chống đối của một thế lực đã nổi tiếng là phi dân tộc cũng như của một số người đã sống với những "ảo tưởng" về quá khứ ở miền Nam, những người Việt Nam đã tỏ rõ tình yêu quê hương, chính vì thế mà hàng năm có hàng ngàn người Việt về thăm quê hương để nhìn thấy sự phát triển của đất nước... Riêng với cá nhân tôi, trước ngày 30-4-1975, tôi quyết định ly hương. Không được sống trên quê hương đất Tổ, nhưng ngày nay, tôi muốn về thăm quê hương khi nào cũng được. Và tôi đã thực hiện bốn chuyến về thăm quê hương trong các năm 1996, 1998, 2007 và 2010, đi từ

Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc, chứng kiến sự đổi thay của đất nước. Chiến tranh đã đi qua, người Mỹ đã thua trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam, một số phần tử vẫn muốn tiếp tục cuộc thánh chiến chống cộng ở hải ngoại, chống cộng vì những mất mát cá nhân về quyền thế, về tôn giáo, hay tài sản, hay người thân, v.v., nói chung, với lý do chúng ta là "nạn nhân của cộng sản". Nhưng trong số những phần tử đó, có ai đặt câu hỏi: "Thế nạn nhân của Mỹ và của phía quốc gia thì sao?". Ai có can đảm trả lời trung thực câu hỏi này. Nên nhớ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã giết khoảng 300.000 người vô tội trong chính sách "tố cộng", cộng với những thảm bom trái từ B.52, vùng oanh kích tự do, Bến Tre, chiến dịch Phụng Hoàng, Agent Orange, Mỹ Lai, v.v. của Mỹ đến Việt Nam với danh nghĩa bảo vệ dân chủ, tự do, nhân quyền cho người Việt. Và sự thật là, trong cuộc chiến, số người chết, bị thương của miền Bắc gấp mấy lần so với miền Nam. Sự tàn khốc của chiến tranh, những người chết và thân nhân gia đình họ ở phía bên kia có phải là người không, những người còn sống có đau khổ trước những sự mất mát to lớn đã đến với họ không? Hơn nữa những nạn nhân của chiến tranh do ảnh hưởng của chất độc da cam còn kéo dài cho tới ngày nay, vậy họ có quyền thù hận chúng ta không?

Vậy nếu họ cũng kéo dài thù hận như chúng ta, thì sự thù hận này bao giờ mới chấm dứt. Nhưng trên thực tế, chúng ta chỉ thấy những thái độ thù hận một chiều, từ phía những người quốc gia vô trí ở hải ngoại. Họ thù hận vì nghĩ rằng, những người bên phía cộng sản không phải là người, không có cha mẹ, vợ chồng con cái, bạn bè thân thuộc, v.v. nên những mất mát tổn thất của họ không đáng kể, chỉ có những tổn thất của phía chúng ta mới đáng để thù hận. Những người chống cộng chỉ đưa ra những luận điệu một chiều để chứng minh chỉ có cộng sản là ác, còn "quốc gia" hay Mỹ

thì không. Họ cố tình quên đi, không bao giờ nhắc đến những hành động đối với dân, với kẻ thù, của người lính quốc gia cũng như của người lính Mỹ mà ngày nay chúng ta không thiếu tài liệu, những tài liệu nghiên cứu của chính người Mỹ và của nhiều nhà nghiên cứu khác. Sự thù hận này phần lớn chỉ có một chiêu, tập trung trong một thiểu số ở hải ngoại mà đa số trong đó thuộc thế lực đen, một thế lực, mà lịch sử đã ghi rõ, là "mất gốc" và "hết đã phi dân tộc là phản bội dân tộc", đang nắm những phương tiện truyền thông ở hải ngoại... Quá khứ đã qua lâu rồi, những hiểu biết một chiêu của chúng ta về cuộc chiến 30 năm ở Việt Nam đã tạo nên lòng thù hận kéo dài một cách phi lý, cần phải xóa bỏ trước những sự thật lịch sử. Việt Nam đang nhìn về và tiến tới tương lai. Tương lai quốc gia ra sao, theo thể chế nào, là do người trong nước quyết định, làm lịch sử cho đất nước của họ. Người ở ngoài nước, nếu có lòng với quốc gia, chỉ có thể góp ý xây dựng một cách chân thành, bất vụ lợi, với mục đích mong cho quốc gia tiến bộ về mọi mặt, song song với thế giới. Chúng ta chắc hẳn ai cũng muốn cho nước nhà phát triển, tiến bộ và tự do, dân chủ như những nước tân tiến. Nhưng có mấy ai thực sự hiểu thế nào là dân chủ, là tự do, là nhân quyền. Những quyền này không thể tách rời khỏi trách nhiệm xã hội của người dân. Người dân phải được giáo dục kỹ về trách nhiệm xã hội trong những vấn đề như tự do, dân chủ, nhân quyền, trước khi họ có thể sử dụng những quyền này. Chưa ý thức được thế nào là trách nhiệm xã hội, thì sử dụng các quyền trên một cách vô trách nhiệm chỉ làm loạn xã hội...".

SỰ LỆCH LẠC NHẬN THỨC VÀ THÁI ĐỘ VÔ TRÁCH NHIỆM*

HỒNG QUANG

Khi các thủ đoạn, luận điệu chống phá và sự dối trá của các thế lực thù địch cùng một số tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí với sự phụ họa, cổ vũ của BBC, RFA, RFI,... ngày càng trở nên trơ tráo, trắng trợn thì thật đáng tiếc, là có người do sự hời hợt về lý luận và thiếu tinh thần trách nhiệm đối với sự phát triển đất nước, lại tạo cơ hội cho họ vu cáo, xuyên tạc, bình luận tiêu cực về Đảng, Nhà nước và sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam...

Gần đây, ông X công bố trên internet mấy bài viết nhằm "thanh toán, tính sổ cuộc đời của mình, trang trải những món nợ còn lại", rồi dựa trên lý luận về "cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng" để kêu gọi "lập thêm các đảng đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam"! BBC, RFA, RFI... vội chớp lấy cơ hội khai thác, công bố các tin tức, bình luận, qua đó càng thấy rõ tâm địa đen tối của mấy cơ quan truyền thông này trong khi liên tục cổ vũ, quảng bá các hành vi chống đối Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam. Sự kiện trở nên rùm beng hơn khi ông Y lên tiếng ủng hộ qua bài viết có tính chất hô hào, kêu gọi "phá xiềng"! Hắn vì không tin cậy những điều hai ông công bố, Ngô Nhân Dụng - người Mỹ gốc Việt và là cây bút chống cộng cực

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 27-8-2013.

đoan, phải đăng trên nguoi-viet bài báo đề nghị "Ông Y cần đổi cách suy nghĩ"; rồi đăng tiếp một bài nữa để "báo động" và khẳng định đó là điều "rất nguy hiểm, không phải là cách suy nghĩ trong xã hội dân chủ"! Trên danlambao - website ra đời chỉ để chống phá Việt Nam, người có bút danh là Tâm-8x xem đây là "bước đi khá phiêu, đầy nguy hiểm, không những cho chính người tuyên bố mà cũng gián tiếp gây nguy hiểm cho những người theo nó ở cả trước mắt lẫn lâu dài... Thiên thời - địa lợi - nhân hòa đều không có thì sự ra đời của tổ chức này không chết yểu thì cũng xem là lạ"! Trên internet, ý kiến của ông X còn gặp phản ứng mạnh mẽ hơn nhiều. Nên, có lẽ cần lý giải tại sao khi đã qua tuổi "nhi nhã thuận" mà ông lại có phát ngôn để nhận được những đánh giá không có gì đáng tự hào, thí dụ: "tín đồ cuồng tín của chủ nghĩa xét lại", "kẻ "đổ nước chân tường" chế độ", "lộ mặt phản trắc", "trò bịa bợm", "quay ngược lại "chà đạp" lên lý tưởng một thời mà bản thân ông từng theo đuổi", "một sự ngụy biện không hơn không kém, không có thực tiễn nào chứng minh cho sự nhận thức lại mà chẳng qua là sự phản bội", "một kẻ hô hào đa nguyên, đa đảng mà chẳng hiểu gì về thực chất đa đảng ở những nước vẫn vỗ ngực tự xưng dân chủ phương Tây",....?

Nhân danh người từng là "giảng viên Triết học và Chủ nghĩa xã hội khoa học", từ tiền đề "Về phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lê nin mà tôi hiểu được, có một điều cơ bản là cơ sở hạ tầng (bao gồm cơ sở xã hội, cơ sở kinh tế, v.v.) như thế nào thì phản ánh lên thượng tầng kiến trúc như thế đó", ông X kết luận... "không thể không đa nguyên đa đảng"! Chỉ với tiền đề này, ông đã bộc lộ sự ấu trĩ, hời hợt. Vì, nếu thật sự am hiểu, ông phải biết ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lê nin là: Triết học Mác - Lê nin (gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử), Kinh tế chính trị Mác - Lê nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Do đó, muốn bàn về các vấn đề có

ý nghĩa phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, phải dựa trên thành tựu nghiên cứu của ba bộ phận cấu thành, không thể lấy quan hệ cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng - một nội dung của chủ nghĩa duy vật lịch sử, thay thế cho tất cả. Nếu muốn sử dụng phạm trù hình thái kinh tế - xã hội để bác bỏ một thực tế, ông phải phân tích từ những quan hệ có tính quy luật như: biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, không thể cứ viết: "có một điều cơ bản là cơ sở hạ tầng (bao gồm cơ sở xã hội, cơ sở kinh tế, v.v.) như thế nào thì phản ảnh lên thượng tầng kiến trúc như thế đó" là sẽ giải quyết xong vấn đề! Rồi nữa, cơ sở hạ tầng là "tổng hợp những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một xã hội nhất định", nội hàm này không tương ứng với điều ông viết: "cơ sở hạ tầng (bao gồm cơ sở xã hội, cơ sở kinh tế, v.v.)". Bàn về lý luận mà không nắm được nội hàm khái niệm, ông đã bộc lộ sự hời hợt, ấu trĩ rất đáng trách. Trả lời phỏng vấn BBC ngày 17-8, về cách hiểu của ông X với quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng từ đó suy ra... "không thể không đa nguyên đa đảng" (!), GS.TSKH. Vũ Minh Giang coi đây là "suy luận lôgic hình thức", nhận xét này là rất chính xác. Triết học Mác - Lênin khẳng định, trong một hình thái kinh tế - xã hội nhất định, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là hai mặt thống nhất biện chứng, trong đó cơ sở hạ tầng quy định kiến trúc thượng tầng và kiến trúc thượng tầng có tác động trở lại đối với cơ sở hạ tầng, đặc biệt kiến trúc thượng tầng có tính độc lập tương đối... Xem xét quan hệ này như quan hệ cơ giới, hoặc bị chi phối bởi lôgic hình thức, thì chỉ có thể đưa tới kết cục là xuyên tạc lý luận, đẩy lý luận vào xu hướng sai lạc, xa rời thực tiễn, làm rối loạn nhận thức chung. Căn cứ vào ý kiến chủ quan, cảm tính của ông có thể nói: hoặc là ông không biết tri thức của mình còn hạn chế, hoặc là ông cố gắng lên để nói những điều ông không hiểu?

Vấn đề "đa nguyên, đa đảng" mà ông hô hào, về lý luận, dân chủ không đồng nghĩa với đa nguyên, không phải có đa nguyên là có dân chủ. Dân chủ hay không phụ thuộc vào vai trò làm chủ của nhân dân, vào lý tưởng và bản chất của đảng cầm quyền. Mọi phân tích chứng minh tam quyền phân lập là mô hình cần áp dụng ở Việt Nam chỉ là một trong các thủ đoạn để đạt tới mục đích phủ nhận, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, dọn đường cho sự "lên ngôi" của các thế lực coi dân chủ, nhân quyền chỉ là chiêu bài phục vụ cho tham vọng chính trị. Nhiều lần có phóng viên về thăm Tổ quốc, được tự do tác nghiệp từ Nam ra Bắc, được trực tiếp chứng kiến, tiếp xúc, tìm hiểu, trong Thư Tòa soạn ngày 21-8, trang Việt Weekly - tờ báo của người Mỹ gốc Việt, đã viết: "Những du khách thế giới đến Việt Nam có cảm giác đây là một quốc gia khá tự do. Các giới hạn nhân quyền thường liên quan đến vấn đề bảo vệ an ninh trong một xã hội mà mức độ phát triển còn ở trạng thái sơ khai hơn là có tính cách cố tình đàn áp người dân. Có thể nói chính quyền Việt Nam đang cố gắng ngày càng mở rộng mức độ tự do người dân mà không đánh mất khả năng kiểm soát an ninh xã hội. Phần lớn những nỗ lực đánh phá Việt Nam về mặt nhân quyền bắt nguồn từ những đoàn thể chính trị ở nước ngoài mang động cơ muốn giành một chỗ đứng trong hệ thống quyền lực chính trị ở Việt Nam. Có nghĩa rằng, nhân quyền chỉ là một chiêu bài chính trị, hơn là một quan tâm có thực chất". Nhận xét này có điều rất thú vị là một nhà báo từ nước ngoài về nước tác nghiệp đã lập tức phát hiện bản chất của vấn đề, bắt mạch được bản chất các phát ngôn, hành động của mấy "nhà dân chủ", "người yêu nước" vẫn được tung hô trên internet!

Để khách quan hơn, xin dẫn lại một số ý kiến mà chắc chắn mấy người đang quảng bá "đa nguyên, đa đảng" ở Việt Nam sẽ

không thể bác bỏ, vì ý kiến đó ra đời chính từ đất nước mà họ ngưỡng vọng: "Thực chất Mỹ là một chế độ độc đảng, và cái đảng cầm quyền là đảng kinh doanh", "Nghề "quan hệ công chúng" (PR) được phát minh ở đâu? Ở các xã hội tự do nhất thế giới, tại Mỹ và Anh. Và lý do? Vì ở các nước tự do, khó kiểm soát người dân bằng cách trực tiếp áp đặt quyền lực. Cho nên phải kiểm soát kiểu khác: bằng cách tác động vào ý kiến, vào quan điểm, thái độ của người dân. Trong các xã hội tự do, vấn đề là đưa đầu óc con người vào quy định" (N. Chomsky); "Hệ thống chính trị Hoa Kỳ đã tạo ra hai đảng lớn mạnh nhất, thường xuyên thay nhau nắm giữ hành pháp, lập pháp. Do đó muốn được thắng cử, ứng cử viên phải là đảng viên của một trong hai đảng Dân chủ và Cộng hòa. Ứng viên độc lập hoặc của các đảng khác rất khó thắng trong cuộc đua vào quốc hội, và càng không thể tranh thắng trong cuộc tranh cử tổng thống. Điều này đã giới hạn rất nhiều cơ hội của ứng viên các đảng nhỏ, hay nói khác đi, cơ hội thắng cử của người dân tranh cử với tư cách độc lập, hoặc là đảng viên các đảng nhỏ rất ít, thậm chí không có sự ủng hộ. Chưa kể ứng viên phải được đảng ủng hộ, chi tiền, giúp vận động tiền bạc để quảng cáo đánh bóng tên tuổi. Nhìn ở khía cạnh đó, nền dân chủ Hoa Kỳ được xây dựng trên tiền bạc, quảng cáo và đã bị "đầu thầu", thương mại hóa!... Người ta thường trích dẫn câu nói của Tổng thống A.Lincoln: chính phủ của dân, do dân, vì dân để nhấn mạnh vai trò nhà nước trong nhu cầu phục vụ quần chúng. Thế nhưng càng ngày xã hội Hoa Kỳ có vẻ càng xa rời tiêu chí ấy. Những nhóm lợi ích và những người vận động hành lang, đa số là làm việc cho các tổ chức tài phiệt luôn tìm cách ảnh hưởng đến quyết định của các dân cử, từ địa phương đến trung ương. Họ tìm cách tặng tiền bạc với danh nghĩa góp quỹ tranh cử, tặng của cải vật chất, tài trợ các chuyến du hí, ăn chơi, v.v., đổi lại, các dân cử phải bỏ phiếu ủng hộ cho mục tiêu của các nhóm lợi ích

kia, nhiều phần là có lợi cho thiểu số và bất lợi cho đa số. Đây chính là các cuộc đổi chác chứ không phải phục vụ".

Nhân quyền là các quyền cơ bản của con người mà mọi xã hội văn minh phải tôn trọng. Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, và ngày nay là những bước đi vững chắc trên con đường đổi mới, dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn tôn trọng, bảo đảm các quyền cơ bản của con người. Điều đó không chỉ thể hiện ở việc kiện toàn hệ thống pháp luật, chính sách về quyền con người, mà được cụ thể hóa qua hoạt động thiết thực, thể hiện sự tôn trọng, bảo vệ, thúc đẩy quyền con người, như bảo đảm quyền: tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do thông tin, tự do tôn giáo, tín ngưỡng, bảo đảm an sinh xã hội, chăm sóc y tế, xóa đói, giảm nghèo, giáo dục, quyền của các nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương... Nhưng một số người đã quay lưng với sự thật đó, bằng các thủ đoạn bất lương, họ sử dụng nhân quyền làm công cụ để vu cáo, xuyên tạc chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Họ cố gán ghép "đa nguyên, đa đảng" với nhân quyền. Họ yêu cầu chống tham nhũng, nhưng khi Nhà nước triển khai các biện pháp chống tham nhũng thì họ xuyên tạc thành... "phe phái thanh toán nhau"! Họ la lối ở Việt Nam "không có tự do ngôn luận", nhưng hàng ngày họ vẫn lên internet để đưa ra các ý kiến sai trái! Ông X lặp lại luận điệu của họ, nhưng để biện hộ, ông lại viết một điều khiến phải kinh ngạc: "Con người khác con vật ở chỗ là có tự do. Tự do là thuộc tính của con người!" đó là một ý kiến hàm hồ. Bởi, tự do là ý niệm này sinh, phát triển cùng quá trình nhận thức của mỗi người về sự tồn tại của họ trong xã hội, về khả năng hành động theo ý chí, nguyện vọng của bản thân. Nếu hiểu thuộc tính là "đặc tính vốn có của một sự vật, nhờ đó sự vật tồn tại" thì không thể viết: "Tự do là thuộc tính của con người". Đứa trẻ mới sinh cũng là con người,

nhưng chưa có ý niệm về tự do. Ý niệm ấy chỉ nảy sinh, phát triển cùng đứa trẻ trong quá trình trưởng thành giữa cộng đồng. Tự do là nhận thức được cái tất yếu. Con người biết nhận thức về tự do, biết điều chỉnh suy nghĩ, hành động để tự do của chính mình không làm ảnh hưởng, hoặc gây tổn hại tới tự do của người khác và của cộng đồng. Lấy tự do làm tiêu chí phân biệt giữa con người với con vật, xét đến cùng chỉ là biểu thị cho thái độ coi thường văn hóa, cổ vũ cho "thói vô chính phủ" - vốn là các nguyên nhân chủ yếu làm rối loạn sự lành mạnh của xã hội.

Nói đi thì như vậy, còn nói lại thì ai cũng biết, sai lầm và lạc bước là các khả năng luôn có thể xảy ra với con người nếu họ thiếu tinh táo trong nhận thức, hành động. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng là ở chỗ con người sẽ suy nghĩ, nhận thức như thế nào để không tiếp tục sai lầm, lạc bước. Và chúng ta đã biết, dân tộc luôn rộng lượng với những người biết nhận ra sai lầm, biết dừng lại và trở về với dân tộc. Với ông X, ông Y hay bất kỳ người nào khác, trong một thời điểm nào đó đã có suy nghĩ lệch lạc thì nên xem xét lại. Như một blogger đã viết rất chân thành rằng: "Cầu chúc cho ông mau bình phục sức khỏe, để tinh táo nhìn nhận mọi vấn đề, xin đừng lú lẫn nữa, đừng tự biến mình thành con cò trên bàn cờ chính trị cho những thế lực ngoại bang, những kẻ phản bội dân tộc, phản bội nhân dân lợi dụng".

TÔN GIÁO CHÂN CHÍNH ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC*

TRẦN CHUNG NGỌC

Gần đây, các hãng truyền thông nước ngoài, như BBC, VOA, RFA, RFI thường sử dụng quan điểm tiêu cực để đánh giá các sự kiện xảy ra ở Việt Nam hoặc liên quan tới Việt Nam, từ đó xuyên tạc, cổ vũ cho luận điệu sai trái, nhân danh "thảo luận" tạo diễn đàn để một số cá nhân bình luận thiếu thiện chí. Bài Ni cô "thay nâu sồng mặc quân phục" trên BBC ngày 14-8-2013 là thí dụ điển hình của xu hướng không lành mạnh này. Tác giả Trần Chung Ngọc, một người Mỹ gốc Việt, có bài viết vạch rõ "sự bất lương" của BBC tiếng Việt.

Thỉnh thoảng tôi vẫn ghé vào đọc lướt qua VOA, BBC, RFA, RFI tiếng Việt. Không phải để học hỏi những gì họ viết trong đó mà chỉ để biết những luận điệu của họ như thế nào để chống phá Việt Nam, phục vụ cho đường lối chỉ đạo của các quốc gia liên hệ, chứ tôi đã biết từ lâu những tổ chức này không phải là những cơ quan thông tin vô tư. Thí dụ về RFA. Trần Đình Hoàng có viết trên chuyenluan.net ngày 12-6-2007 bài dài RFA tuyên truyền chống Việt Nam. Đây là bài nghiên cứu đầy đủ với nhiều chi tiết

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 20-9-2013.

về thực chất, mục đích của RFA, và đây là phần kết: "Bài viết này muốn nhắc nhở những người nào còn lầm tưởng RFA đấu tranh cho quyền lợi của người Việt rằng: RFA là một tổ chức phục vụ cho quyền lợi của Mỹ và do một nhóm người Việt lưu vong điều hành nhằm làm suy yếu sự đoàn kết dân tộc của Việt Nam và gây bất ổn chính trị xã hội ở Việt Nam để người nước ngoài có cơ hội "thừa nước đục thả câu". Những người ở trong nước đã và đang cộng tác với họ hoặc do bị lừa gạt hoặc tự nguyện cần ý thức được rằng RFA chưa bao giờ khách quan, chưa bao giờ có thiện chí với Việt Nam và dân tộc Việt Nam. Do đó, cộng tác với họ cũng đồng nghĩa với việc hợp tác với những người chống lại quyền lợi của Việt Nam". Nhận định này cũng đúng với BBC, VOA, RFI tiếng Việt. Gần đây tôi ghé vào BBC thấy có một bài ngô ngộ với đầu đề Ni cô "thay nâu sồng mặc quân phục" (đăng thứ tư, ngày 14-8-2013).

Chỉ với cái đầu đề chúng ta có thể thấy sự bất lương của BBC tiếng Việt. Vì đây chỉ là một màn trình diễn văn nghệ, chứ không phải là ni cô vĩnh viễn "thay nâu sồng mặc quân phục". Nếu lương thiện thì đầu đề của bài viết phải là "ni cô mặc quân phục trình diễn văn nghệ".

Từ xưa tới nay Phật giáo ở Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc. Khi thực dân Pháp xâm lăng và dưới thời Pháp thuộc, nhiều ngôi chùa đã trở thành nơi nuôi giấu, bảo vệ những người yêu nước chống Pháp. Trong cuộc kháng chiến ở Việt Nam gần đây cũng vậy, nhiều tu sĩ bỏ áo cà sa đi theo kháng chiến, vì theo truyền thống yêu nước, xét đúng ưu tiên của thời thế, giặc đến nhà đàn bà cũng đánh, nền độc lập của nước nhà trên hết, không như bọn Việt gian vô Tổ quốc, phi dân tộc, chủ trương "thà mất nước chứ chẳng thà mất Chúa". Cho nên, nếu ni cô có "cởi áo nâu sồng mặc quân phục" như các tu sĩ "cởi áo cà sa khoác chiến bào" cũng đâu có phải là chuyện lạ. Lịch sử Việt Nam viết rõ, trong những cuộc chiến chống

ngoại xâm, các ngôi chùa thường là nơi che giấu quân kháng chiến, và nhiều tăng ni đã: "Nghe theo tiếng gọi của núi sông - Cà sa gửi lại chốn thư phòng...".

Lịch sử đã chứng tỏ truyền thống yêu nước, hộ quốc, an dân của Phật giáo. Thiên hạ Lý Trần bán vi Tăng (Nửa thiên hạ Lý - Trần sống như là các tu sĩ Phật giáo) nhưng thời đại Lý - Trần cũng là thời đại oanh liệt nhất của Việt Nam, ba lần đánh bại quân xâm lược hùng mạnh nhất vào thời đó. Tăng sĩ Phật giáo "cởi áo cà sa khoác chiến bào", tham gia chống xâm lăng không phải là chuyện hiếm hoi, trong thời nào cũng có. Khi xưa thì Tuệ Trung Thượng sĩ, anh của Hoàng hậu Nguyên Thành Cảm, thời bình thì tu ở chùa, thời chiến thì khoác chiến bào chống xâm lăng, cùng đức Trần Hưng Đạo lập được nhiều chiến công, đuổi xong ngoại xâm rồi lại trở về chùa sống ung dung tự tại; vua Trần Nhân Tông cũng vậy, sau khi chiến thắng Nguyên Mông, bỏ ngôi báu xuất gia làm Trúc Lâm đầu đà.

Trong hai cuộc chiến chống xâm lăng vừa qua, Phật giáo luôn luôn gắn liền với tinh thần yêu nước, nhiều tăng ni Việt Nam đã cởi áo cà sa, nâu sồng, mặc quân phục lên đường chiến đấu chống ngoại xâm. Vậy thì màn trình diễn văn nghệ của các ni cô chẳng qua cũng chỉ là diễn lại sự hy sinh đóng góp cho quốc gia của tăng ni Phật giáo trong thời chiến, khích lệ lòng yêu nước của quân chúng, có gì mà phải thắc mắc. Chúng ta hãy đọc một đoạn trên <http://e207.net.vn>: "Năm 1999, nhân kỷ niệm 52 năm Ngày truyền thống "Nghĩa sĩ phật tử" (27-2-1947), một nhóm ni sư từng phát nguyện "Cởi áo cà sa khoác chiến bào" đã cho lập một bia đá ngay trong khuôn viên chùa để ghi nhớ sự kiện đó. Nhà chùa cũng đã cho xây dựng đài tưởng niệm các Nghĩa sĩ Phật tử hy sinh trong thời kỳ chiến tranh. Thể theo tâm nguyện cá nhân, xương cốt của năm vị đã được quy tập, an táng trong vườn tháp của chùa. Đây

cũng là nơi mà bất cứ phật tử, du khách nào cũng muốn ghé thăm mỗi khi có dịp để nghiêng mình tưởng nhớ tới những vị sư "Nhập thế ra trận" năm xưa".

Ni cô mặc quân phục, mặc áo tứ thân trình diễn văn nghệ chẳng qua chỉ là thể hiện nét văn hóa của dân tộc: quân phục tượng trưng cho sự hào hùng của nữ nhân Việt Nam trước nghịch cảnh của thời thế, tiếp nối tinh thần Bà Trưng, Bà Triệu, còn áo tứ thân nói lên nét duyên dáng của phụ nữ Việt Nam. Phật giáo nên hanh diện về những đóng góp này, thay vì chấp vào những hình thức bê ngoài chỉ có tính cách tượng trưng trong một màn trình diễn văn nghệ, và nên bỏ ngoài tai những lời phê bình nọ kia của những kẻ thiếu hiểu biết về truyền thống văn hóa dân tộc và về tinh thần "tùy duyên bất biến" của Phật giáo. Nếu những người thiếu hiểu biết về Phật giáo còn thắc mắc về chuyện các ni cô mặc quân phục thì tôi khuyên họ hãy xem video clip *Cởi áo cà sa khoác chiến bào* đăng trên youtube.com. "Phật Pháp bất ly thế gian pháp", cho nên người Phật tử phải tùy duyên tùy thời thế mà hành xử. Tác giả Đồng Ngọc Hoa viết: "Tu mà không xa rời trần tục, tu mà khi quốc gia có biến cố thì thiền sư, cư sĩ, tín đồ... đều quan tâm đến vận mệnh quốc gia, nghĩ đến sự hưng vong của chùa cản, xóm làng, đất nước. Thậm chí còn vui lòng dấn thân vào cuộc, kể cả xông pha trận mạc chém giết quân thù, giữ gìn cuộc sống thanh bình cho dân tộc". Chúng ta có thể đọc vài bài thơ nói lên tinh thần yêu nước của Phật giáo trước nghịch cảnh ngoại xâm: Cởi áo cà sa khoác chiến bào - Tuốt guom bồng súng dẹp binh đao - Ra đi quyết rửa thù cứu nước - Vì nghĩa quên thân hiến máu đào - Giã từ thiền viện lướt binh đao - Câu kinh tiếng kệ chờ khi khác - Cứu nước thương dân dễ đợi nào - Nghe theo tiếng gọi của núi sông - Cà sa gửi lại chốn thư phòng - Xông ra trận tuyến trừ hung bạo - Thực hiện từ bi lực phải hùng. Nhận thức được truyền thống Phật

giáo yêu nước như vậy thì chúng ta phải thấy rằng, trong khôi Phật giáo gồm hơn 80% số dân, nếu có những cá nhân, tăng cũng như tục, tham gia mặt trận Việt Minh, hay Đảng Cộng sản, hay Mặt trận giải phóng miền Nam, hay phản chiến, trong bối cảnh lịch sử chống xâm lăng, đánh đuổi thực dân, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, thu giang sơn về một mối, thì đó cũng là vì lòng yêu nước, yêu dân tộc, là có chính nghĩa, là một điều vinh dự đáng khen. Điều rõ ràng là trong cuộc chiến chống Pháp, khi toàn dân kháng chiến thì phần lớn trong số đó theo Phật giáo và chắc chắn là cũng có không ít tín đồ Catô giáo, vì Catô giáo ở Việt Nam cũng chiếm từ 5% đến 7% dân chúng.

Tôi thấy chuyện các ni cô mặc quân phục hay áo tứ thân để tránh diễn văn nghệ chẳng có gì đến nỗi làm cho dư luận ôn ào như BBC đưa tin, hay "phản cảm" và "báng bổ Phật giáo" như có người vì thiếu hiểu biết về Phật giáo, cho nên phê phán như vậy. Tất cả những nhận định tiêu cực về chuyện này mà BBC tiếng Việt đưa lên đều phản ánh những tình cảm vô trí của một số người thiếu hiểu biết. Họ hiểu biết rất hời hợt về Phật giáo, chỉ nhìn thấy bề ngoài, không nắm được ý nghĩa đằng sau những màn trình diễn văn nghệ, không ý thức được triết lý Nhị đế của Phật giáo, họ cho rằng Phật giáo phải như thế này, thế nọ, theo quan điểm hẹp hòi của họ. Đạo đức tôn giáo đâu có nằm trên mấy bộ quần áo. Tây phương cũng có câu "Tấm áo không làm nên thầy tu". Cho nên, đừng có vội vàng đánh giá dựa trên bề ngoài.

Không nên thắc mắc và cảm thấy khó chịu trước những lời chỉ trích vô trí về cuộc trình diễn văn nghệ của các ni cô, và các ni cô nên cảm thấy mình đã có vinh dự được đóng góp nghệ thuật trong những màn trình diễn có nhiều ý nghĩa về lịch sử và văn hóa Việt Nam. Mong rằng Thượng tọa Thích Huệ Minh, Phó Ban Trị sự Phật giáo huyện Bình Chánh, hãy dũng cảm làm theo lời nhận

định của mình về những màn trình diễn văn nghệ: "Mô hình thật hay... cần phải mở rộng trong mùa An cư kiết hạ những năm sau". Và cũng mong rằng, Ni trưởng Thích Nữ Huệ Ngọc - Viện chủ chùa Pháp Hải, sẽ tiếp tục "vô cùng hoan hỷ" về "Ngày hội nữ tu" này, cũng như về những "Ngày hội nữ tu" trong tương lai, và bồi đì sự phiền lòng trước những dư luận thiếu thiện chí.

PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ VIỆC BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI*

ANH KHÔI

Khi lựa chọn định hướng phát triển theo xu hướng tiến bộ, các quốc gia đều cố gắng phấn đấu vì hạnh phúc của con người, vì thế bảo vệ các quyền của con người là một tất yếu khách quan. Ở Việt Nam, nhất quán với nguyên tắc tất cả vì tự do và hạnh phúc nhân dân, Đảng và Nhà nước ta vừa không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật tạo tiền đề pháp lý bảo đảm quyền con người, vừa luôn xây dựng các chính sách cụ thể để từng bước cải thiện, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân.

Về mặt pháp lý, lần đầu tiên khái niệm "quyền con người" được đề cập tại Điều 50 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992. Nhưng các quyền cơ bản của con người đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định trong bản Tuyên ngôn độc lập, sớm hơn ba năm so với Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 10-12-1948. Cách đây 94 năm, các quyền cơ bản của các dân tộc ở Đông Dương đã được Hồ Chí Minh thay mặt Hội những người An Nam yêu nước đưa ra trong *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi Hội nghị hòa bình Versailles năm 1919. Trong đó, Người kêu gọi Chính phủ Pháp cải cách pháp lý ở Đông Dương để cho người bản xứ được quyền hưởng

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 29-3-2013.

các bảo đảm về pháp luật như người Âu châu; tự do báo chí và tự do ngôn luận; tự do cư trú ở nước ngoài và tự do xuất dương; tự do học tập; thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật; đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra,...

Như vậy, cách chúng ta gần một thế kỷ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định mạnh mẽ quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và quyền con người. Vì thế, mục đích của sự nghiệp đánh đuổi ngoại xâm, giành độc lập dân tộc chính là để bảo đảm các quyền con người được thực hiện đầy đủ. Đó cũng là cơ sở lý luận - thực tiễn để Người cho rằng: "Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì"¹. Từ lý tưởng cao đẹp đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn chú trọng xây dựng, củng cố và hoàn thiện hệ thống pháp luật, kể cả trong những năm tháng chiến tranh ác liệt. Và cũng xuất phát từ quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam là xây dựng nhà nước pháp quyền để bảo vệ quyền con người, bảo vệ thành quả của cách mạng, bảo vệ chủ quyền, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ nền văn hóa Việt Nam, mà việc lấy ý kiến của nhân dân vào dự thảo Hiến pháp, dự thảo các đạo luật, văn bản dưới luật đã thành thông lệ, được quy định trong pháp luật, thể hiện sự coi trọng quyền công dân, cố gắng để các văn bản pháp lý có tính khả thi cao trong cuộc sống. Điều này còn thể hiện quyết tâm xây dựng và không ngừng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Đạo luật quan trọng đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Hiến pháp năm 1946, ra đời sau ngày đất nước giành lại độc lập đã kế thừa truyền thống nhân văn, nhân ái của dân tộc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.64.

ta, kết hợp truyền thống văn hóa Á Đông với tinh hoa văn minh phương Tây nhằm mục tiêu giữ vững độc lập cho Tổ quốc, bảo đảm hạnh phúc cho nhân dân. Các quyền cơ bản của con người được khẳng định trong Hiến pháp 1946 và không ngừng được bổ sung trong các Hiến pháp sau đó. Trong công cuộc đổi mới, Nhà nước Việt Nam ban hành nhiều đạo luật quan trọng nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, vững chắc cho việc tôn trọng và bảo đảm thực thi quyền con người. Các bản dự thảo luật đều được công bố công khai trên các chuyên trang xây dựng pháp luật, các website của nhà nước và các phương tiện thông tin đại chúng. Nhiều cuộc hội thảo được tổ chức với sự tham gia, hỗ trợ của cơ quan chính phủ và tổ chức phi chính phủ. Người dân, các chuyên gia trong nước và các tổ chức quốc tế nhất là các cơ quan Liên hợp quốc đã góp ý kiến trực tiếp với cơ quan soạn thảo luật, cơ quan thẩm định luật, hoặc góp ý với Quốc hội, đại biểu Quốc hội. Các cơ quan của Chính phủ, các đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân thường xuyên đi cơ sở xã, phường, thị trấn, gặp gỡ, tham vấn ý kiến nhân dân, chú trọng đến những người dân chịu tác động trực tiếp của luật. Nhiều hội nghị của các cơ quan xây dựng pháp luật mời đại diện nhân dân đến dự để tiếp thu ý kiến đóng góp trực tiếp. Khi tiến hành xây dựng Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và Luật nuôi con nuôi, các cơ quan xây dựng luật đã mời trẻ em đến để trình bày ý kiến tại các hội thảo, hội nghị. Một số tổ chức phi chính phủ như Hội bảo vệ quyền trẻ em tổ chức các cuộc tham vấn với các nhóm trẻ em đại diện cho các vùng, miền. Khi xây dựng Luật khiếu nại và Luật tố cáo, hai bộ luật nhận được nhiều ý kiến đóng góp của nhân dân, nhiều tổ chức quốc tế được mời tham dự các hội thảo xây dựng luật. Các phương tiện thông tin từ Trung ương đến địa phương đều đưa tin cập nhật về các luật này để nhân dân theo dõi. Nhờ sự đóng góp có trách nhiệm của các tầng lớp

nhân dân mà chất lượng các văn bản luật, văn bản quy phạm pháp luật đã ngày càng được nâng cao.

Trong các đạo luật liên quan trực tiếp đến bảo đảm quyền con người được ban hành từ năm 2009 đến nay, có thể kể đến các bộ luật quy định cụ thể về trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm lợi ích của công dân như Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (năm 2009), Luật người cao tuổi (năm 2010), Luật người khuyết tật (năm 2010), Luật nuôi con nuôi (năm 2010), Luật thi hành án (năm 2010). Một số luật bảo vệ quyền khiếu nại và tố cáo của công dân đã ra đời như Luật khiếu nại (năm 2011), Luật tố cáo (năm 2011), Luật phổ biến, giáo dục pháp luật (năm 2012). Nhiều đạo luật được ban hành, sửa đổi nhằm bảo đảm quyền tự do và bất khả xâm phạm của công dân như Luật phòng chống mua bán người (năm 2011), Luật xử lý các vi phạm hành chính (năm 2012). Tinh thần nhân đạo được thể hiện trong Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xóa bỏ hình phạt tử hình đổi với táم tội danh, giảm số tội danh có thể áp dụng án tử hình từ 29 xuống còn 21 tội; không áp dụng hình phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội. Cùng với các luật này là một số luật bảo đảm cho người dân giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước như Luật tổ chức Quốc hội (năm 2001), Luật hoạt động giám sát của Quốc hội (năm 2003), Luật mặt trận Tổ quốc Việt Nam (năm 1999), và gần đây là Luật công đoàn (năm 2012)...

Căn cứ vào Hiến pháp và pháp luật, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản, nhằm cụ thể hóa và hướng dẫn thi hành luật, ban hành các chính sách, triển khai các chương trình phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với từng giai đoạn. Các cơ quan tư pháp không ngừng đổi mới tổ chức, hoạt động nhằm xây dựng một nền tư pháp gần dân. Tòa án trở thành công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con người. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối

với hoạt động của Chính phủ và các cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự, hình sự, hành chính và bổ trợ tư pháp trong việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoạt động mới đây là Quốc hội tiến hành bỏ phiếu tín nhiệm đối với các vị trí lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước, Chính phủ thể hiện sinh động quyền làm chủ của nhân dân.

Là một quốc gia đang phát triển, nhận thức về pháp luật nói chung và quyền con người nói riêng của người dân còn có những mặt hạn chế, do đó, việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quyền con người của nước ta giữ vị trí hết sức quan trọng để xây dựng một xã hội mọi người sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Trong những năm qua, công việc này không chỉ được thực hiện bởi các cơ quan chức năng của Nhà nước, mà còn có sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp. Hệ thống báo chí, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ đóng vai trò không nhỏ trong việc nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho nhân dân, kết hợp với nhiều hình thức phong phú để tuyên truyền về quyền công dân, quyền con người. Cùng với các cơ quan như Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Ban Chỉ đạo nhân quyền của Chính phủ,... tổ chức nghiên cứu, từ năm 1994, Trung tâm Nghiên cứu quyền con người thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh đã được thành lập, đặt nền móng cho khoa học nghiên cứu về quyền con người, gần đây là sự ra đời của Trung tâm Nghiên cứu quyền con người và quyền công dân thuộc Đại học Luật Hà Nội... Hiện nay, quyền con người trở thành môn học chính khóa trong các trường luật, một số cơ sở đào tạo đã tổ chức các khóa sau đại học về nhân quyền và đang từng bước được đưa vào chương trình dạy học ở các trường phổ thông.

Tuy nhiên, vẫn có một số người không hiểu, cố tình không hiểu về những nỗ lực trong xây dựng, thực thi pháp luật về quyền con người ở Việt Nam. Họ thường đem luật pháp nước khác ra làm "mẫu mực", bất chấp sự khác biệt trong lựa chọn chính trị, văn hóa và điều kiện kinh tế, xã hội, thậm chí còn vu cáo Việt Nam "không xây dựng luật về nhân quyền". Đó là luận điệu sai trái phải bắc bỏ. Song, nhìn nhận một cách khách quan, hiện vẫn còn một số cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy Nhà nước chưa nhận thức đúng đắn về vai trò, chức năng xã hội của mình, về quyền con người, nên có hành vi gây phiền hà, sách nhiễu làm ảnh hưởng tới uy tín của chính quyền. Một số người lợi dụng quyền công dân để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Đó là hiện tượng cần phải loại trừ khỏi hoạt động xã hội, vì đi ngược lại mục đích phục vụ nhân dân, cản trở việc hiện thực hóa quyền con người. Và dù thế nào cũng không thể phủ nhận thực tế Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn cố gắng hoàn thiện pháp luật, cụ thể hóa các quy định, hướng dẫn thực hiện luật, không ngừng mở rộng dân chủ, quyết tâm xây dựng bộ máy Nhà nước trong sạch, vững mạnh; kết hợp với việc tăng cường các thể chế quốc gia bảo vệ quyền con người, việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

TỰ DO TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM - BIỂU HIỆN CỤ THỂ CỦA NHÂN QUYỀN*

THIỀN PHƯƠNG

"Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân", Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn coi việc thực hiện tự do tôn giáo là một biểu hiện cụ thể của vấn đề nhân quyền. Trên cơ sở đó hoạch định, triển khai, thực hiện các chủ trương, chính sách bảo đảm cho mọi công dân theo tín ngưỡng, tôn giáo được thực hành đúc tin, đồng thời đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc...

1. Từ góc độ văn hóa, có thể coi nhiều tín ngưỡng và tôn giáo trên thế giới là sản phẩm sáng tạo của loài người. Một số người sáng lập ra một số tôn giáo được tôn xưng vì họ đã phấn đấu, hy sinh vì hạnh phúc của con người, hướng tới những giá trị tốt đẹp cho con người. Nhiều giá trị đạo đức của tôn giáo được đề cao, tiếp thu trong phạm vi rộng vì mang tính nhân văn, không bị quy định bởi quan điểm "hữu thần" hay "vô thần", vì rất gần gũi với một số tiêu chí đạo đức mà loài người tiến bộ hướng tới. Chủ tịch Fidel Castro đã từng nói: "Chúng tôi có thể đồng ý với các lời răn của Chúa, vì nó rất giống với chủ trương của chúng tôi. Nếu giáo hội dạy "Đừng trộm cắp" thì một trong những đặc tính cách mạng của chúng tôi là xóa bỏ trộm cắp, biển thủ, hối lộ. Nếu giáo hội dạy:

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 29-3-2013.

"Hãy yêu tha nhân như chính mình", thì cũng là điều chúng tôi khuyến khích. Nếu giáo hội dạy "Đừng nói dối", thì đó cũng là điều chúng tôi lên án nhất. Khi giáo hội phổ biến tinh thần hy sinh, khắc khổ và khiêm tốn thì chúng tôi cũng làm như vậy khi chúng tôi khẳng định nghĩa vụ của cách mạng là sẵn sàng hy sinh, chịu đựng khắc khổ và lương thiện"¹. Thực tế lịch sử Việt Nam cho thấy, nhiều tín ngưỡng, tôn giáo đã đồng hành cùng dân tộc. Hầu hết đồng bào theo tín ngưỡng, tôn giáo đã đồng hành cùng những người cộng sản trong cuộc đấu tranh chống lại áp bức, bất công, giành lại nền độc lập cho dân tộc, và ngày nay đang nỗ lực xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Trong các thành quả mà chúng ta đạt được trong tiến trình phấn đấu vì độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân có sự đóng góp không nhỏ của đồng bào theo tôn giáo.

2. Việt Nam là quốc gia có nhiều tín ngưỡng, tôn giáo cùng tồn tại, trong đó có một số tôn giáo du nhập từ bên ngoài như Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi giáo,... và một số tôn giáo ra đời trong nước như Cao Đài, Hòa Hảo... Dù đức tin, sự thờ phụng của đồng bào theo các tôn giáo khác nhau nhưng cùng có điểm tương đồng ở tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, truyền thống văn hóa. Yếu tố dân tộc đã "định vị" trong mỗi người Việt Nam trước khi tin theo một tín ngưỡng, tôn giáo nào đó. Chính vì thế, khi Tổ quốc lâm nguy, ngọn lửa của tinh thần dân tộc lại được thổi bùng lên mạnh mẽ. Trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, khi giải quyết vấn đề tôn giáo - dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có quan điểm, định hướng đúng đắn, coi vấn đề tôn giáo phải luôn đặt trong vấn đề quốc gia - dân tộc, chủ trương đoàn kết dân tộc, tôn giáo để kháng chiến - kiến quốc. Cuộc đấu tranh giành độc lập

1. Xem: Ủy ban đoàn kết công giáo yêu nước Việt Nam: *Fidel Castro và tôn giáo*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1986, tr.225.

dân tộc cũng đồng thời giành tự do cho nhân dân, trong đó có đồng đảo đồng bào theo các tôn giáo, theo nguyên lý đất nước có độc lập thì tôn giáo mới tự do. Cuộc đấu tranh chung đã gắn kết đồng bào các tôn giáo với cả dân tộc. Và đồng bào các tôn giáo đã đồng hành cùng dân tộc, tăng thêm sức mạnh cho khối đại đoàn kết toàn dân. Ngày 3-9-1945 khi chủ trì phiên họp đầu tiên của Chính phủ nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết"¹. Điều này trở thành "một nguyên tắc của chính thể dân chủ cộng hòa" (Biên bản phiên họp Chính phủ ngày 20-9-1945) và quyền tự do tín ngưỡng của công dân Việt Nam đã được khẳng định trong Điều 10 Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam mới.

Sau chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16-3-1955, Quốc hội khóa I thông qua Nghị quyết bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng. Nghị quyết được luật hóa bằng Sắc lệnh số 234/SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 16-4-1955. Chương 1 Sắc lệnh số 234/SL đề cập tới cả ba phương diện của sự tồn tại tôn giáo trong xã hội: "Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng, quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào", "tự do giảng đạo tại các cơ quan tôn giáo" và "truyền bá tôn giáo". Các nội dung này hoàn toàn thống nhất với Điều 18 trong Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền được Liên hợp quốc thông qua ngày 10-12-1948: "Mọi người đều có quyền về tự do tư tưởng, nhận thức và tôn giáo. Quyền này bao gồm cả quyền tự do thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng, cũng như quyền tự do biểu lộ tôn giáo hay tín ngưỡng của mình, với tư cách cá nhân hay tập thể, ở nơi công cộng hay nơi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.8.

chốn riêng, bằng sự truyền dạy, thực hành, thờ phụng và áp dụng các nghi thức đạo giáo". Đồng thời, Điều 15 Sắc lệnh số 234/SL khẳng định: "Việc tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng là một quyền lợi của nhân dân. Chính quyền dân chủ cộng hòa luôn tôn trọng quyền lợi ấy và giúp đỡ nhân dân thực hiện".

Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc thắng lợi, cả nước bước vào thời kỳ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, trong các văn bản có tính pháp lý cao nhất, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đều được khẳng định trang trọng. Điều 70 Hiến pháp năm 1992 đã ghi rõ: "Công dân có quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước". Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 đang được toàn dân đóng góp ý kiến, còn bổ sung và nhấn mạnh thêm: "Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo". Cùng với đó là việc Quốc hội khóa XIII đã quyết định đưa nội dung sửa đổi Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.

3. Cho đến nay, theo thống kê có tới 95% số dân Việt Nam có đời sống tín ngưỡng, trong đó hơn 24 triệu người là tín đồ của các tôn giáo khác nhau (so với khoảng 20 triệu người năm 2009). Cả nước có khoảng 25.000 cơ sở thờ tự và 45 trường đào tạo chức sắc tôn giáo. Các hoạt động tôn giáo ở Việt Nam diễn ra sôi động. Hằng năm có khoảng 8.500 lễ hội tôn giáo hoặc tín ngưỡng bản địa cấp quốc gia hoặc do địa phương được tổ chức. Năm Thánh 2011 của Giáo hội Công giáo ở Việt Nam thành công tốt đẹp, Lễ bế mạc với sự tham dự của 50 Giám mục, trong đó có sáu Giám mục là người nước ngoài, 1.000 Linh mục, 2.000 nam, nữ tu sĩ,

gần 500 nghìn lượt giáo dân. Năm 2011 cũng là năm kỷ niệm 100 năm đạo Tin lành du nhập vào Việt Nam, nhiều hoạt động kỷ niệm lớn được tổ chức tại các thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh với sự tham dự của nhiều chức sắc, tín đồ Tin lành trên cả nước, đại biểu đạo Tin lành đến từ Mỹ, Hàn Quốc,... Cho đến nay, rất nhiều cơ sở thờ tự của các tôn giáo đã được cải tạo hoặc xây mới. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chức sắc, nhà tu hành được duy trì, mở rộng. Nhiều chức sắc và nhà tu hành Việt Nam được cử đi đào tạo ở Mỹ, Pháp, Italia, Ánh Đô,...; đồng thời nhiều hoạt động quốc tế rộng rãi, như: đại diện chức sắc các tôn giáo tham gia nhiều diễn đàn quốc tế, đối thoại tôn giáo, tín ngưỡng, giao lưu học hỏi, trao đổi giáo lý và giáo luật tại các diễn đàn lớn như ASEM, ASEAN... Các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia hoạt động y tế, văn hóa, xã hội, nhân đạo,... qua đó đóng góp vào quá trình xây dựng, phát triển đất nước.

Như vậy, ai đó nói rằng: Ở Việt Nam "tự do tôn giáo chỉ có trên giấy tờ" và "không có tính thực tiễn" là không có cơ sở. Đó là cái nhìn phiến diện, thiếu khách quan, thiếu thiện chí đối với vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. Trong nhiều nỗ lực của mình, Nhà nước Việt Nam đã bảo đảm thực hiện quyền bình đẳng trong chính sách tự do tôn giáo - với ba nguyên tắc cơ bản: bình đẳng về tín ngưỡng; bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ (nghĩa vụ tôn giáo, nghĩa vụ công dân); bình đẳng về luật pháp. Việc bảo đảm tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam được đặt hài hòa trong tương quan hài hòa với những yếu tố lịch sử - văn hóa của dân tộc, kết hợp với việc giữ vững an ninh quốc gia, chủ quyền dân tộc.

Để giải quyết các vấn đề tôn giáo, Nhà nước Việt Nam coi trọng việc thể chế hóa trong công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo, phù hợp với các Công ước và luật pháp quốc tế, phù hợp với thực

tiễn của tôn giáo ở Việt Nam, cũng như tôn trọng quan hệ của các tổ chức tôn giáo trong nước với các tổ chức tôn giáo thế giới. Quan hệ đang tiến triển tốt đẹp giữa Nhà nước Việt Nam với Vatican trong những năm gần đây có thể minh chứng cho điều này. Từ năm 1989, Việt Nam và Vatican đã có nhiều lần trao đổi đoàn làm việc. Năm 2013, Việt Nam và Vatican đã hoàn thành cuộc họp vòng Bốn Nhóm công tác hồn hợp về thúc đẩy quan hệ giữa hai bên. Hai bên ghi nhận Giáo huấn của Giáo hội về việc "sống phúc âm giữa lòng dân tộc" và "giáo dân tốt cũng là công dân tốt". Vatican đã cử đại diện không thường trú tại Việt Nam từ năm 2011 và đến nay đặc phái viên không thường trú của Vatican đã thực hiện 20 chuyến thăm tới 60/63 tỉnh và thành phố ở Việt Nam. Có thể thấy một điều hiển nhiên là: Chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam - từ chính thể dân chủ cộng hòa đến chính thể cộng hòa xã hội chủ nghĩa, luôn luôn tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để mọi người dân thực hiện quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng; coi trọng chính sách đoàn kết, hòa hợp giữa các tôn giáo, đảm bảo bình đẳng, không phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo, tín ngưỡng, bảo hộ hoạt động của các tổ chức tôn giáo bằng pháp luật - đó là sự thật không ai có thể xuyên tạc và phủ nhận!

BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI - ĐIỂM SÁNG TRONG THỰC HIỆN NHÂN QUYỀN Ở VIỆT NAM*

NGUYỄN TRẦN

Bảo đảm an sinh xã hội là yêu cầu và điều kiện cần thiết của sự ổn định, phát triển đất nước, góp phần hiện thực hóa các quyền xã hội của mọi người dân. Vượt qua khó khăn, thách thức, kể cả sự xuyên tạc, bóp méo của các thế lực thù địch và một số tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, hoạt động bảo đảm an sinh xã hội ngày càng được triển khai có hiệu quả, trở thành một điểm sáng trong thực hiện nhân quyền ở Việt Nam...

Con người là trung tâm, động lực và mục tiêu của phát triển. Công nhận các quyền con người về dân sự, chính trị và kinh tế, xã hội, văn hóa; đặc biệt, quyền có việc làm, thu nhập, nhà ở, được học hành, được chăm sóc sức khỏe, dùng nước sạch, sống trong môi trường an toàn và mưu cầu hạnh phúc xứng đáng với phẩm giá con người ngày càng trở thành những yêu cầu cơ bản, thiết thực. Bảo đảm quyền con người trở thành lý tưởng chung mà các quốc gia, dân tộc cần đạt tới và là nền tảng của tự do, công lý và hòa bình trên thế giới. Đó cũng là Điều 25 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người của Liên hợp quốc nhấn mạnh: Mọi người dân và hộ gia đình đều có quyền có mức sống tối thiểu về sức khỏe và các phúc lợi xã hội, bao

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 4-10-2013.

gồm ăn, mặc, chăm sóc y tế, dịch vụ xã hội thiết yếu và có quyền được an sinh khi có các biến cố về việc làm, ốm đau, tàn tật, góa phụ, tuổi già... hoặc các trường hợp bất khả kháng khác. Theo ILO (Tổ chức Lao động quốc tế), an sinh xã hội là chỉ sự bảo vệ của xã hội đối với những thành viên của mình bằng một loạt những biện pháp công cộng, chống đỡ sự hăng hikut về kinh tế - xã hội do bị mất hoặc bị giảm đột ngột nguồn thu nhập vì ốm đau, thai sản, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, tàn tật, tuổi già và chết, kể cả sự bảo vệ chăm sóc y tế và trợ cấp gia đình có con nhỏ...

Là thành viên có trách nhiệm của Liên hợp quốc và cộng đồng thế giới, Việt Nam luôn chia sẻ, tôn trọng các yêu cầu và cam kết quốc tế về nhân quyền nói trên. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì". Việt Nam coi việc phát triển bảo đảm an sinh xã hội, bảo đảm chất lượng sống cho người dân ngày càng được an toàn và cải thiện là nội dung, cách thức thiết thực nhất thực hiện các quyền xã hội của mọi người dân; đồng thời, cũng là động lực và mục tiêu xuyên suốt của sự nghiệp đổi mới đất nước. Trải qua mấy chục năm chiến tranh tàn khốc, phải chịu hơn 17 triệu tấn bom đạn, hơn 70 triệu lít hóa chất chứa diôxin, Việt Nam hiện có hơn bốn triệu người khuyết tật, tàn tật do bom đạn, chất độc, cùng hàng triệu người có công, người già và trẻ em không nơi nương tựa, nghèo, cô đơn. Việt Nam còn chịu áp lực mỗi năm thêm hàng triệu người bước vào độ tuổi lao động và hàng chục triệu lao động làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức, dễ bị tổn thương... Vì vậy, Việt Nam luôn cháy bỏng khát vọng hòa bình, ổn định để có điều kiện phát triển cuộc sống của toàn dân, bù đắp cho những người bị thiệt thòi, và cũng vì thế, Việt Nam coi hệ thống bảo đảm an sinh xã hội đa dạng, có tính chia sẻ và hiệu quả theo chiến lược tổng thể quốc gia là sự nghiệp của toàn hệ thống chính trị và toàn dân; trong đó, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Đối với vấn đề xóa đói, giảm nghèo, Việt Nam coi đây là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài và quan trọng hàng đầu trong bảo đảm an sinh xã hội. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII chỉ rõ: "Trợ giúp người nghèo chủ yếu bằng cách cho vay vốn, hướng dẫn cách làm ăn. Hình thành quỹ xóa đói, giảm nghèo ở từng địa phương trên cơ sở dân giúp dân, Nhà nước giúp dân và tranh thủ các nguồn tài trợ nhân đạo trong nước và quốc tế. Phấn đấu tăng số hộ giàu, đi đôi với xóa đói, giảm nghèo". Nghị quyết Đại hội XI của Đảng tiếp tục khẳng định: "Nhà nước chăm lo, phục vụ nhân dân, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân". Lấy ngày 17-10 hàng năm là "Ngày vì người nghèo" (cùng với ngày "Thế giới chống đói nghèo" do Liên hợp quốc khởi xướng), từ năm 1995 đến nay, tất cả các tỉnh, thành phố đều thành lập các ban chỉ đạo, triển khai hàng chục chương trình và chính sách đầu tư, cho vay phát triển hạ tầng, việc làm, hỗ trợ hộ nghèo, hộ đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển sản xuất, kinh doanh; khuyến khích các hoạt động cộng đồng, tương thân, tương ái, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa. Tháng 5-2002, Chính phủ chính thức triển khai "Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói, giảm nghèo" phù hợp với mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDG) của Liên hợp quốc. Từ năm 2003 tới năm 2012, ngân sách Nhà nước chiếm hơn 51% tổng chi cho bảo đảm an sinh xã hội, bình quân khoảng 6,6% GDP/năm. Riêng giai đoạn 2006 - 2012, Chính phủ đã đầu tư hơn 700 nghìn tỷ đồng trái phiếu Chính phủ cho gần 3.000 dự án giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục nhằm tăng cường hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo; trong đó, riêng các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã được ngân sách Nhà nước đầu tư hơn 54.770 tỷ đồng. Hàng năm, Nhà nước chi trợ cấp xã hội thường xuyên tới khoảng 2% dân số, trợ cấp đột xuất khoảng 0,5% - 0,6% GDP cho khắc phục hậu quả các vùng bị thiên tai. Giai đoạn 2010 - 2013, thực hiện Nghị định số 41/2010/NĐ-CP về chính sách

đẩy mạnh tín dụng cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tổng dư nợ tín dụng cho nông nghiệp đã tăng 2,1 lần (từ 292 nghìn tỷ đồng, lên gần 622 nghìn tỷ đồng). Nhà nước còn thực hiện giao quản lý đất và rừng ổn định; vận động người dân tộc thiểu số sống định canh, định cư và tái định cư ở những địa bàn phù hợp, vì lợi ích kinh tế - xã hội và môi trường cộng đồng và quốc gia.

Khả năng tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân ngày càng được cải thiện cũng là một điểm nhấn trong bảo đảm an sinh xã hội ở Việt Nam. Cuối năm 2012, khoảng 90,7% số người nghèo nhất đã được sử dụng điện lưới; hơn 85% số dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% số xã có trạm y tế, trong đó 78% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; 100% số xã có đường giao thông đến trung tâm; 67,5% số xã có công trình thủy lợi nhỏ. Hàng nghìn nhà tình nghĩa và hàng trăm dự án nhà ở xã hội được triển khai trên toàn quốc, góp phần đáp ứng nhu cầu cho hàng triệu người dân thuộc đối tượng chính sách. Từ năm 2010, cả nước đã cơ bản hoàn thành phổ cập trung học cơ sở với 100% số xã có đủ trường tiểu học, trung học cơ sở. Tỷ lệ nhập học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học là 97,7% và bậc trung học cơ sở là 87,2%. Mỗi năm, 1,8 triệu lao động được dạy nghề qua hệ thống 10 nghìn trường, trung tâm học tập cộng đồng và gần 700 trung tâm giáo dục thường xuyên. Riêng hai năm 2011 - 2012, ngân sách Nhà nước đã hỗ trợ 11.844 tỷ đồng tiền miễn, giảm học phí, trợ cấp học bổng, hỗ trợ tiền ăn trưa cho bốn triệu lượt học sinh con của hộ nghèo, hộ chính sách và trẻ đến 5 tuổi. Theo Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg, từ ngày 15-3-2013, Nhà nước thực hiện hỗ trợ 15kg gạo/tháng (9 tháng/năm học) cho mỗi học sinh tiểu học và trung học cơ sở người dân tộc khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Các loại hình bảo hiểm cho người dân ngày càng mở rộng với sản phẩm ngày càng đa dạng. Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo

hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp ngày càng tăng và được hưởng các chế độ và quyền lợi kịp thời, đầy đủ, an toàn, đúng quy định. Năm 2012, hơn 60,5 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tăng 5,9% so với năm 2011. Tính đến năm 2011, bảo hiểm xã hội bắt buộc đã thu hút được 20% lực lượng lao động và 70% đối tượng liên quan. Bảo hiểm xã hội tự nguyện thu hút được hơn 0,22% số lao động thuộc diện tham gia. Bảo hiểm thất nghiệp đã có hơn 8,1 triệu người tham gia. Chỉ riêng hai năm 2011 - 2012, ngân sách nhà nước đã hỗ trợ hơn 22 nghìn tỷ đồng cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho 29 triệu lượt người nghèo, người dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi; hỗ trợ bằng 70% mệnh giá thẻ mua bảo hiểm y tế cho người dân thuộc diện cận nghèo (với mức 3% lương tối thiểu chung). Hơn 90% số trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ. Chênh lệch tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi giữa nông thôn và thành thị đã giảm xuống còn 14,3%, so với 20,3% năm 2001. Tỷ lệ tử vong trẻ dưới 1 tuổi, tỷ lệ tử vong mẹ đều thấp hơn rất nhiều so với các quốc gia có cùng điều kiện kinh tế. Tuổi thọ bình quân của Việt Nam hiện đạt 73-74 tuổi. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước liên tục giảm, chỉ còn gần 9,64% vào cuối năm 2012, so với 22% năm 2006. Tỷ lệ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã giảm từ trung bình 47% năm 2006, xuống còn 28,55% năm 2012 ở vùng Tây Bắc, Đông Bắc - 17,39%, Tây Nguyên - 15,58%, Bắc Trung Bộ - 15,01%. Thu nhập bình quân của hộ nghèo năm 2010 tăng 2,3 lần so với năm 2005; bình quân GDP tăng từ 1.024 USD/người năm 2008 lên 1.540 USD/người năm 2012.

Với những nỗ lực nói trên, Việt Nam đã hoàn thành trước thời hạn tất cả các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đặt ra cho năm 2015 nên đã được Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực thế giới trao giải thưởng thành tích xuất sắc trong xóa đói, giảm nghèo. Tại Hội nghị cấp cao "Kêu gọi hành động vì sự sống còn của trẻ em" tổ chức ở Hoa Kỳ năm 2012, Liên hợp quốc và nhiều tổ chức quốc tế đã đánh giá Việt Nam thuộc tám quốc gia đạt tiến độ thực hiện Mục tiêu

MDG 4 về giảm tử vong trẻ em; thuộc chín quốc gia đạt tiến độ thực hiện về Mục tiêu MDG 5 về giảm tử vong mẹ; xếp thứ 27 trong số 101 nước đang phát triển về năng lực giảm nghèo của các quốc gia (gọi tắt là CPM), trên cả Indônêxia, Malaixia, Philíppin, Thái Lan...

Bằng việc thông qua và triển khai Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, Việt Nam phấn đấu đến năm 2020, hệ thống bảo đảm an sinh xã hội sẽ bao phủ toàn dân; đặt trọng tâm vào các mục tiêu giảm nghèo đa chiều bền vững; tiếp cận và thụ hưởng công bằng các dịch vụ và các phúc lợi xã hội, các nguồn lực, cơ hội và thành quả phát triển cho người dân, ưu tiên người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, người dân nông thôn, công nhân làm việc tại các khu công nghiệp và sinh viên; tăng cường nhận thức của cộng đồng, trợ giúp pháp lý, năng lực của cơ quan thực thi pháp luật về quyền con người. Những chủ trương, chính sách, kết quả hoạt động thực tế và định hướng, mục tiêu phấn đấu nêu trên khẳng định sự nhất quán và những nỗ lực không mệt mỏi trong công tác bảo đảm an sinh xã hội của Việt Nam. Đó còn là bằng chứng mạnh mẽ bác bỏ luận điệu của những người cố tình xuyên tạc, phủ nhận vai trò của Nhà nước Việt Nam trong công tác bảo đảm an sinh xã hội. Đồng thời, những sự thật hiển nhiên này cũng bác bỏ dứt khoát sự vu khống, bịa đặt trắng trợn và suy diễn méo mó của một số kẻ cho rằng, đâu đó trên đất nước Việt Nam còn có hiện tượng kỳ thị dân tộc và bỏ rơi người nghèo, nhất là ở nông thôn, người dân tộc thiểu số, miền núi. Bảo đảm an sinh xã hội tốt hơn, xã hội dân chủ, cởi mở và đồng thuận hơn đã, đang và sẽ góp phần quan trọng để phát triển đất nước, cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

TẠO CƠ HỘI PHÁT TRIỂN BÌNH ĐẲNG CHO CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG TRONG XÃ HỘI*

NHẬT MINH

Với bản chất nhân văn, Nhà nước Việt Nam luôn bảo hộ bằng pháp luật và có chính sách ưu tiên đặc biệt với những nhóm yếu thế như phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo, người dân tộc thiểu số...

Những năm qua, cùng với việc bổ sung, hoàn thiện pháp luật, Nhà nước ta còn ban hành, thực thi nhiều chính sách thiết thực để cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của các đối tượng này.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) nêu định hướng "thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển". Nhìn lại lịch sử, phải khẳng định, công việc này đã được thực hiện bền bỉ ngay từ khi nước ta giành được độc lập vào năm 1945.

Như với các dân tộc thiểu số, Điều 8 Hiến pháp năm 1946 viết: "Ngoài sự bình đẳng về quyền lợi, những quốc dân thiểu số được giúp đỡ về mọi phương diện để chóng tiến kịp trình độ chung", và ngày 29-4-1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 229/SL nhằm ưu tiên, bảo đảm quyền của các dân tộc thiểu số. Điều 6 Sắc lệnh

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 8-10-2013.

nêu rõ: "Các dân tộc thiểu số đều có quyền tự do phát triển tiếng nói và chữ viết của mình, có quyền tự do giữ gìn hay là cải thiện phong tục tập quán, có quyền tự do tín ngưỡng, và được Chính phủ giúp đỡ phát triển về mọi mặt chính trị kinh tế, văn hóa xã hội". Đó là thí dụ cụ thể về chính sách dân tộc nhất quán để tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Quyền chính trị cho các nhóm yếu thế, biểu hiện rất rõ trong cơ cấu người dân tộc thiểu số, cơ cấu vùng, miền,... ở các cơ quan Đảng và Nhà nước. Số lượng đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao so với tỷ lệ dân số: 17,27%, trong Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là 18%, cấp huyện là 20% và cấp xã là 22,5%. Về cuộc sống, đến nay hầu như các xã vùng dân tộc thiểu số đã có đường giao thông, điện, nước sạch, trường học, trạm y tế, bưu điện, 85% số người dân tộc thiểu số được xem truyền hình, 92% được nghe đài phát thanh.

Nhà nước đang triển khai nhiều chính sách hỗ trợ sản xuất, đào tạo nhân lực, từng bước cải thiện đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số, như Quyết định số 133 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về Dự án hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn; Thông tư liên tịch số 912 năm 2001 của Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; các chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc miền núi theo chương trình 135,...

Một số chuyên gia độc lập quốc tế về các vấn đề thiểu số được mời đến thăm và tìm hiểu về đời sống của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Sau một chuyến đi như thế, bà Gay McDougall, chuyên gia về quyền của người dân tộc thiểu số đã đánh giá rất cao quyết tâm chính trị, các chính sách, chương trình và biện pháp

của Nhà nước Việt Nam trong việc bảo đảm quyền của các dân tộc thiểu số trên mọi lĩnh vực giáo dục, y tế, tạo việc làm, giữ gìn bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, truyền thống, nhất là trong xóa đói, giảm nghèo. Trong một phiên họp tại trụ sở Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc ở Geneva, bà Gay McDougall đã khẳng định việc bảo đảm quyền của các dân tộc thiểu số là ưu tiên cao của Việt Nam, được thể hiện trong pháp luật, chính sách, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy Nhà nước đã hết sức cố gắng, nhưng do phần lớn đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng miền núi, điều kiện địa lý hết sức khó khăn, nên việc bảo đảm quyền con người ở một số nơi cũng còn gặp trở ngại, nhất là về cải thiện đời sống. Thực tế khách quan này đã được quốc tế thừa nhận, nhưng một số tổ chức vẫn tìm cách bê quẹo vấn đề theo hướng tiêu cực để xuyên tạc, phá hoại khôi đại đoàn kết dân tộc.

Như "Quỹ người Thượng" có trụ sở ở nước ngoài vu cáo Nhà nước Việt Nam đàn áp, bắt giam, cưỡng bức người dân tộc thiểu số phải bỏ đạo Tin lành, kích động bạo loạn. Một số tổ chức khác mượn vỏ bọc hoạt động tôn giáo, dân tộc để đưa tin thất thiệt, nhằm gây bất ổn. Để phân định bản chất vấn đề, một mặt Nhà nước Việt Nam tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc thiểu số hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, một mặt xử lý nghiêm minh hành vi lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng để xâm hại an ninh quốc gia, xuyên tạc chính sách đúng đắn của Nhà nước.

Không thể phủ nhận thành quả nhân quyền ở Việt Nam, nhất là với các nhóm yếu thế, như người khuyết tật chẳng hạn. Nhóm yếu thế này chiếm gần 7% dân số Việt Nam, trong đó không ít người là nạn nhân của chiến tranh. Từ năm 1998, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Pháp lệnh về người tàn tật, đến năm 2010 thông qua Luật người khuyết tật cùng với nhiều chính sách bảo

đảm các quyền ưu tiên về học tập, lao động, sinh hoạt cho nhóm này. Đến nay, người khuyết tật được hưởng nhiều ưu tiên như ưu tiên mua vé, sắp xếp chỗ ngồi khi tham gia giao thông, ưu tiên khám, chữa bệnh,... đặc biệt, trẻ em khuyết tật được học các trường, lớp chuyên biệt với chương trình dạy riêng, phụ nữ khuyết tật được ưu tiên tạo việc làm...

Từng bước loại bỏ quan niệm "trọng nam khinh nữ" còn tồn tại ở một bộ phận trong xã hội, Nhà nước Việt Nam cũng cố gắng bảo đảm các quyền của phụ nữ và đạt được tiến bộ rõ rệt. Không chờ đến khi Luật bình đẳng giới được thông qua năm 2006, các quyền dân sự, chính trị, xã hội của phụ nữ đã được thực hiện trước đó rất lâu với quan tâm rất lớn. Chính phủ còn ban hành Nghị định quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý hành chính nhà nước trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước (Nghị định số 19/2003/NĐ-CP).

Mới đây, Bộ luật lao động (sửa đổi) quy định tăng thời gian nghỉ thai sản của lao động nữ từ bốn tháng lên sáu tháng. Việt Nam có tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội chiếm tới 24,4% là một tỷ lệ cao so với khu vực và thế giới. Cùng với đó là tỷ lệ 92% phụ nữ biết chữ, tỷ lệ nữ sinh viên chiếm hơn 50%; có 30,53% thạc sĩ và 17,1% tiến sĩ là nữ. Hiện nay, Nhà nước Việt Nam đang cùng toàn dân phấn đấu xóa bỏ bạo lực giới và bạo lực gia đình, thu hẹp khoảng cách về việc làm, thu nhập, địa vị xã hội giữa nam và nữ.

Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của Việt Nam được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, dành nhiều quan tâm. Pháp luật về trẻ em cơ bản được hoàn thiện, tạo khung pháp lý cho việc thực hiện chính sách của Nhà nước về trẻ em. Nhiều chương trình lớn nhằm bảo đảm quyền trẻ em được thực hiện với quyết tâm lớn và đạt được các thành tựu ấn tượng như tiêm chủng cho trẻ em, hỗ trợ bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi,

phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, phát triển giáo dục mầm non,...

Các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhặt được nhiều sự quan tâm của Nhà nước và xã hội. Đó là trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi; trẻ em khuyết tật, tàn tật; trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học; trẻ em nhiễm HIV/AIDS; trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại; trẻ em phải làm việc xa gia đình; trẻ em lang thang; trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em nghiện ma túy; trẻ em vi phạm pháp luật. Các chính sách được ban hành đã bao trùm các nhóm trẻ này, công tác chăm sóc trẻ ngày càng được đầu tư nhiều hơn.

Người cao tuổi nước ta được chăm sóc, bảo vệ không chỉ theo quy định tại Luật người cao tuổi (2010), mà còn theo văn hóa truyền thống "kính già, yêu trẻ" của dân tộc. Nhiều điều luật quy định ưu tiên cho người cao tuổi để họ được hưởng các dịch vụ y tế, đi lại, văn hóa, thể thao. Những người 80 tuổi trở lên không có lương hưu và bảo hiểm xã hội sẽ được trợ cấp hàng tháng, được hưởng bảo hiểm y tế, được hỗ trợ chi phí mai táng khi qua đời... đến nay, số người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội ngày càng cao, vì có nhiều người cao tuổi là dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, lao động nghỉ hưu, người có công với cách mạng như Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cựu thanh niên xung phong, thương binh,...

Cùng với đó là những chương trình hỗ trợ giúp người nghèo có điều kiện để thoát nghèo, tự vươn lên, phấn đấu không phải là gánh nặng xã hội mà trở thành lao động xã hội. Trong 5 năm qua, thu nhập bình quân của hộ nghèo tăng gần hai lần. Một số lớn người dân đã thật sự thoát nghèo, đang hướng tới chất lượng sống mới. Không chỉ người nghèo ở nông thôn được hưởng lợi từ chính sách của Nhà nước, mà các đối tượng học sinh, sinh viên

nghèo, người có thu nhập thấp ở khu vực đô thị, công nhân tại các khu công nghiệp đều có các chính sách ưu tiên riêng. Gần đây, quyền của người lao động còn được quan tâm bảo vệ tốt hơn trong Bộ luật lao động (sửa đổi, 2012), Luật công đoàn (2012),...

Theo báo cáo toàn cầu của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), chỉ số phát triển con người của Việt Nam đã tăng 41% trong vòng hai thập kỷ qua; Việt Nam là một trong hơn 40 quốc gia đang phát triển đạt được những thành tựu hơn cả mong đợi. Kết quả đó thể hiện quyết tâm vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" mà toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang hướng tới, đồng thời khẳng định bản chất tốt đẹp của chế độ ta. Tuy nhiên, để hiện thực hóa pháp luật, chính sách, đòi hỏi sự kiên trì và quyết tâm lớn của các cấp, các ngành và của toàn xã hội.

Chăm lo cho các nhóm yếu thế trong điều kiện đất nước còn nghèo thì càng cần có quyết tâm cao hơn, ý chí mạnh mẽ hơn. Những nỗ lực trong nước là yếu tố quyết định, nhưng sự giúp đỡ từ nước ngoài, Việt kiều, các tổ chức quốc tế đóng vai trò hết sức to lớn. Với sự đồng lòng của mọi người dân yêu nước, rồi đây Việt Nam sẽ không chỉ là một điển hình trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo của cộng đồng quốc tế, mà còn tạo nên sự bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội mà trong đó có sự đóng góp của các nhóm yếu thế.

"KHÔNG CÓ SỰ TRỞ VỀ NÀO LÀ QUÁ MUỘN"!*

HỒ NGỌC THẮNG

Gần 40 năm trước cuộc chiến tàn khốc trên đất nước Việt Nam đã kết thúc, và nguyệt ước của mọi con người trên mảnh đất hình chữ S đã trở thành hiện thực: nước nhà thống nhất để bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển. Mọi người Việt Nam dù sống trong nước hay nước ngoài, cùng chung sức xây dựng Tổ quốc ngày càng giàu mạnh. Tôi biết phần lớn số người Việt ở nước ngoài đều hiểu như vậy, song vẫn có số ít mang hận thù hay định kiến trong lòng. Bài viết này của tôi - một người Việt sinh sống tại Cộng hòa Liên bang Đức đã hơn 30 năm, có mục đích để tâm sự với họ.

Dù còn nhiều lo toan, đôi khi có cả buồn phiền, nhưng chúng ta nên vui khi mỗi ngày mới lại đến với các đổi thay tích cực ở quê nhà, và với lương tri của con cháu Hùng Vương, chúng ta cần phải hòa hợp. Tất nhiên, hòa hợp dân tộc phải tiến hành từ hai phía: Nhà nước và người dân. Về phía Nhà nước, các chính sách, việc làm đối với cộng đồng người Việt ở nước ngoài trong những năm gần đây (như quy định miễn thị thực nhập cảnh cho người mang hộ chiếu nước ngoài, quy định khá thông thoáng về hồi hương, thôi quốc tịch trong trường hợp chính đáng và mua nhà đất,...) là bằng chứng cụ thể trong việc thực thi đường lối nhất quán "người Việt ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 8-11-2013.

của dân tộc Việt Nam". Từ khối đoàn kết toàn dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, dân tộc ta đã có sức mạnh phi thường để chiến thắng trong hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, rồi tiếp tục thu được nhiều thành tựu to lớn trong xây dựng, phát triển đất nước. Từ hôm nay đến tương lai cũng vậy, chúng ta cần đoàn kết, mà muốn đoàn kết thì cần hòa hợp, chỉ có hòa hợp mới có thể chung sức, chung lòng vì đất nước.

Đối với tôi, suy nghĩ về hòa hợp dân tộc có lẽ nhen nhóm từ ngày bom đạn còn rền vang trên đất trời Quảng Trị. Đó là sáng ngày 31-1-1973 ở phía Nam cảng Cửa Việt. Hôm ấy tôi được giao nhiệm vụ duy trì liên lạc từ một điểm chốt bao vây lực lượng "quân lực Việt Nam Cộng hòa" với hầm chỉ huy Tiểu đoàn 1 (E101, F325). Chuyển lệnh khai hỏa xong, tôi ôm súng ngồi bên máy liên lạc trong hầm chữ A. Qua cửa hầm, tôi quan sát được bãi biển, khu vực cột cờ. Một tên lửa chống tăng AT.3 từ trên chốt phóng đi, một xe tăng bốc cháy. Hai quả tiếp theo lại không trúng mục tiêu. Ngay trước mắt tôi, ba xe tăng M.48 chạy rất nhanh về phía Thanh Hội. Nhiều xe tăng từ phía cảng cũng lao thực mạng về hướng Hải Lăng. Lúc này, pháo tầm xa từ phía tây cũng rót tối tấp sát mép nước. Nhiều người lính mặc quần áo rằn ri chạy theo sau xe tăng, một số người ngã xuống. Lúc đó dù khói bụi mù mịt, tôi vẫn phát hiện một nhóm người mặc quần áo rằn ri, lom khom chạy về phía chốt. Trong giây lát tôi nhận ra họ không đội mũ sắt, vừa chạy vừa vứt vũ khí, trang bị. Đúng lúc đó, AK.47 của đồng đội ở sát hầm của tôi nhả đạn, mấy người liền nằm rạp xuống đất. Tôi vội chạy sang hầm bên phải và hô rất to: "Không bắn nữa, lệnh của tiểu đoàn trưởng!", rồi lao ra phía trước vẫy tay. Mấy người mặc áo rằn ri hiểu ngay, họ chạy như bay tới chỗ tôi. Sau khi nhảy xuống giao thông hào, họ theo tôi chui vào hầm để máy thông tin. Tôi vào sau cùng, ngồi tựa lưng vào tường phía đông, bên phải là cửa hầm. Suốt thời gian đó, tôi ôm khẩu AK.47, nòng

súng dựa vào vai bên phải. Ở vị trí đó tôi vừa có thể quan sát khu vực sát mép nước biển và cột cờ, vừa nhìn các anh lính ngồi trước mặt. Họ ngồi sát vào nhau. Để không khí bót căng thẳng và để các anh không lo âu, tôi hỏi có mệt không, tất cả đồng loạt trả lời: "Có". Ngồi cạnh tôi là một anh khoảng 30 tuổi, nói giọng mệt mỏi: "Ba ngày ba đêm không ăn, không uống, không ngủ". Lúc đó đạn đại bác vẫn nổ kinh hoàng. Về sau tôi mới biết để hỗ trợ cuộc rút lui, các trận địa pháo binh ở Hải Lăng đã nã tới tấp vào chốt. Nghe tiếng rít của đạn đại bác sắp chạm đất là mọi người trong hầm co rúm. Khi đạn nổ, căn hầm rung chuyển. Mỗi lần như thế, râu ria lởm chởm của anh ngồi bên lại chọc vào da mặt còn non nớt của tôi lúc đó chưa tròn 19 tuổi. Rồi hơi thở mùi thuốc lá nữa. Mà tôi thì cũng không thơm tho gì hơn anh, từ 24-1-1973 - ngày những người lính này tiến công, giữa cát trắng mênh mông, chúng tôi bị thiếu nước uống trầm trọng, đâu có nước để vệ sinh cá nhân. 30 phút sau, chiến trường trở nên yên tĩnh. Tay cầm súng, tôi nhảy ra khỏi hầm, ngó chung quanh, rồi quay vào gọi: "Các anh ra đi!". Và tôi bị bất ngờ khi thấy anh lính trước đó đã mấy lần "chạm má", lại quỳ trước tôi. Anh giơ hai cánh tay lên cao như người vái lạy, nhưng hai bàn tay lại tạo thành hình tròn. Anh nói: "Con tặng ông giải phóng cái này" và xòe hai bàn tay. Tôi thấy một cái bật lửa Zippo. Tôi biết, anh muốn tặng tôi vật dụng quý giá nhất mà anh còn mang bên người. Vì hoàn cảnh lúc đó, tôi cố gắng ghì nén cảm xúc để nói với giọng khô khốc: "Tôi không lấy đâu. Anh cần nó ở trại tù binh". Tôi kéo anh đứng dậy. Khi mọi người ra khỏi hầm, khoác khẩu súng lên vai, tay xách điện thoại dã chiến, tôi bảo: "Các anh theo tôi đi gặp chỉ huy". Họ xếp hàng dọc theo tôi đi xuống chân đồi. Kể lại câu chuyện, tôi không biết những người lính mặc quần áo rắn ri ngày ấy nay ở đâu, nếu đọc các dòng này, các anh hãy liên lạc với tôi và hẹn một ngày hội ngộ, để cùng nhớ về một kỷ niệm chiến tranh.

Về sau tôi nhận ra đó là lần duy nhất khi phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam, tôi đã nói dối. Tôi đã nói là lệnh của tiểu đoàn trưởng để đồng đội không bắn vào những người lính có ý định đầu hàng. Cũng từ đó dối với tôi, những người lính ở bên kia chiến tuyến không còn là "trâu điên", "cọp biển",... mà họ là những con người bình thường, biết lo sợ và biết hy vọng cả trong tình huống tưởng như tuyệt vọng. Tình người đã vượt qua nhiều rào cản, mà rào cản lớn nhất chính là hận thù và định kiến. Về với quê hương trong những năm qua, tôi được chứng kiến nhiều hình ảnh sinh động về hòa hợp dân tộc, có sự kiện không ở đâu xa mà ngay trong gia đình tôi. Khi đất nước còn chia cắt mẹ tôi rất buồn, vì trước năm 1954 em gái bà là Lê Thị Huệ, vào thăm chị gái Lê Thị Tuyết lấy chồng ở Nha Trang; khi Hiệp định Giơnevơ có hiệu lực, dì mắc kẹt ở miền Nam. Sau ngày giải phóng, mẹ tôi vô cùng hạnh phúc vì gặp lại em gái út sau hơn 30 năm mất tin. Rồi mẹ tôi lại buồn khi biết vợ chồng dì đã định cư ở Hoa Kỳ theo diện HO. Trước năm 1975, chồng của dì là cảnh sát, tôi không biết tại sao chú lại quan niệm "không thể sống chung với cộng sản, phải ra đi bằng mọi giá"? Về sau người con gái đầu của dì chú là Nguyễn Thị Thu Trang ở lại Nha Trang cùng chồng thành lập Công ty điện tử TQT. Công ty làm ăn phát đạt, tích cực hoạt động từ thiện, được Chủ tịch nước tới thăm. Sau nhiều lần về nước, chứng kiến sự thay đổi ở quê nhà, mấy năm trước dì chú tôi đã hồi hương về sống tại Nha Trang. Năm 2012 về nước, tôi ghé thăm dì chú trong một ngôi nhà khang trang gần đường Lam Sơn. Dì chú bộc bạch: "Không đâu bằng quê cha đất tổ". Để nhận thấy điều đó, dì chú của tôi đã mất bao nhiêu thời gian, công sức và nước mắt. Nói về chuyện xây dựng đất nước sau ngày giải phóng, dì chú tôi nói rất thật lòng: "Nha Trang bây giờ không những đẹp hơn hồi xưa mà hiện đại hơn, hấp dẫn hơn nhiều thành phố ở Hoa Kỳ". Như vậy là hạnh phúc vì

hòa hợp dân tộc đã không chỉ đến với mẹ tôi, mà đến với bao nhiêu gia đình Việt Nam khác.

Ở nước ngoài, tôi biết, phần lớn những người còn mang nỗi hận thù là do bị các phản tử, tổ chức cực đoan kích động. Nhưng có người không bị kích động, mà vì hoàn cảnh cá nhân bắt nguồn từ cuộc chiến cho nên đã ra đi, nay vẫn mang nặng định kiến. Cách đây không lâu, tôi đọc trên internet tâm sự của một phụ nữ Việt sống ở Hoa Kỳ: "Tôi không muốn trở lại nơi đó vì ở đó ba tôi, một sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng hòa đã bị bắn chết". Tôi hiểu và tôi chia sẻ với nỗi đau của chị, vì không nỗi đau nào lớn hơn nỗi đau mất một người mình yêu thương. Tuy nhiên, như các nhà tâm lý học ở Đức vẫn tư vấn khi cuộc đời gặp cảnh đau đớn hay bế tắc trong tâm hồn thì nên làm hai điều: một là phải chấp nhận những gì đã xảy ra mà mình không thể làm lại được; hai là phải suy nghĩ tích cực, hành động tích cực để mất mát không thể lớn hơn. Mất cha là một tổn thất rất lớn, nhưng tổn thất sẽ còn lớn hơn nếu mất thêm cả quê hương. Là người đã sống qua những năm tháng chiến tranh, đã đi qua một chặng đường dài của cuộc đời và cũng không tránh khỏi khủng hoảng tuy không nghiêm trọng như của chị phụ nữ nói trên, lại từng được tận mắt chứng kiến nhiều cảnh ngộ đau thương của người Việt Nam ở cả hai bên chiến tuyến,... tôi khuyên chị nên tìm hiểu xem ai đã đến đất nước mình và gây nên chiến tranh tàn khốc, để từ đó chị tự giải thoát cho mình.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân nhiều nước châu Âu tưởng chừng không bao giờ có thể xóa được nỗi hận thù với nước Đức. Nhưng thời gian chứng minh điều tưởng chừng không thể đã trở thành hiện thực. Ngày nay, nước Đức thật sự là người bạn tốt của họ. Tôi biết, nếu một người mang trong lòng nỗi hận thù, định kiến thì sẽ mang trong tâm hồn một gánh nặng rất lớn. Áp lực đó sẽ chi phối toàn bộ suy nghĩ, hành động; nhưng họ sẽ

thanh thản trong tâm hồn nếu trút được hận thù và định kiến. Có người chưa về thăm quê vì nhiều chuyện buồn phiền khác ở quê nhà. Không ai phủ nhận thực tế là đất nước còn khó khăn, còn có một số bất cập. Đảng và Nhà nước ta cùng với toàn dân đang cố gắng khắc phục. Từ ngày 2-9-1945 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, dân tộc Việt Nam đã vượt qua rất nhiều tình huống "nước sôi, lửa bỏng" để giành độc lập, xây dựng cuộc sống mới; nên cần phải tin tưởng vào mục tiêu dân tộc chúng ta đang hướng tới. Và theo tôi, việc khắc phục đó cần có sự tham gia, đóng góp của mọi người Việt Nam. Với đồng bào đang sống ở nước ngoài như tôi, không có sự trở về nào là quá muộn, điều đầu tiên quan trọng nhất để trở về với quê hương là đi theo tiếng gọi của trái tim. Đó là điều đúng đắn đưa chúng ta về với quê mẹ, để mỗi chúng ta thanh thản hơn trong tâm hồn. Về nước đã nhiều lần nên tôi đã thấy, đã biết, quê hương Việt Nam thân yêu vẫn luôn chờ đón mọi người con từ bốn phương trời, dù họ ra đi lúc nào và trong hoàn cảnh nào.

HIẾN PHÁP (SỬA ĐỔI) - MỘT BƯỚC TIỀN LỊCH SỬ*

HỒ NGỌC THẮNG

Như những kiều bào khác luôn hướng về Tổ quốc, tôi rất vui mừng khi đọc bản tin sáng 28-11-2013, kỳ họp thứ sáu của Quốc hội khóa XIII, đã thông qua Hiến pháp (sửa đổi năm 2013) với số phiếu tán thành gần như tuyệt đối (486/488 đại biểu). Đây là sự kiện chính trị quan trọng trong việc xây dựng và phát triển đất nước nói chung, cũng như trong việc hoàn chỉnh hệ thống pháp luật nói riêng.

Nhiều bạn bè và người quen biết tôi làm trong ngành luật, có quan tâm đến hệ thống pháp luật Việt Nam, thường trao đổi với tôi về sự kiện này. Tùy theo mức độ am hiểu cũng như sự quan tâm, họ đưa ra các câu hỏi, thí dụ: Tại sao Việt Nam lại thay đổi Hiến pháp? Có gì mới trong việc sửa đổi lần này? Có người lại hỏi Hiến pháp là gì? Tại sao phải có Hiến pháp? để giúp mọi người, tôi dẫn chứng từ Hiến pháp Cộng hòa Liên bang Đức. Mặc dù trong ngôn ngữ Đức đã có danh từ Hiến pháp là "Verfassung", nhưng tên gọi của Hiến pháp trong tiếng Đức lại là "Das Grundgesetz" nghĩa là "Đạo luật cơ bản". Theo các nhà ngôn ngữ học, tên gọi này có nguồn gốc từ ngôn ngữ pháp lý Latinh là "lex fundamentalis". "Đạo luật cơ bản" được Hội đồng Quốc hội Đức

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 6-12-2013.

thông qua ngày 8-5-1949 với 53 phiếu thuận, 12 phiếu chống. 24 giờ ngày 23-5-1949, trong một nghi lễ trang trọng, "Đạo luật cơ bản" của Cộng hòa Liên bang Đức "được trình trọng tuyên bố có hiệu lực". Từ đó đến nay "Đạo luật cơ bản" đã có 59 lần sửa đổi, lần cuối vào ngày 11-7-2012, có hiệu lực từ ngày 17-7-2012. Có thể có những lý do về phương diện lịch sử, nhưng việc các "cha đẻ, mẹ đẻ" của Hiến pháp Đức chọn tên "Đạo luật cơ bản" là để giúp người dân Đức dễ nhận biết về vai trò của Hiến pháp.

Hiến pháp sửa đổi 2013 cũng là một đạo luật cơ bản, là nền tảng chính trị - pháp lý của đất nước. Trên cơ sở của "Đạo luật cơ bản" mà các bộ luật khác được ban hành hay sửa đổi để điều hành toàn bộ hoạt động của Nhà nước và xã hội. Từ lần sửa đổi Hiến pháp gần đây nhất là năm 1992 đến nay, nước Việt Nam đã đi qua một chặng đường dài trong sự phát triển toàn diện để tiến vào thời kỳ mới, thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế. Do yêu cầu phát triển, nên việc sửa đổi Hiến pháp là việc làm thiết thực. Cũng như ở các nước khác, Dự thảo sửa đổi Hiến pháp được phát hành rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân góp ý, bổ sung vào bản Dự thảo và được đưa ra biểu quyết trong Quốc hội. Thể hiện tính dân chủ của việc sửa đổi Hiến pháp vừa qua ở Việt Nam được tuân thủ nghiêm túc, thể hiện được ý chí và nguyện vọng của toàn dân Việt Nam.

Bài phát biểu tại phiên họp đặc biệt sáng 28-11-2013, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng khẳng định Hiến pháp sửa đổi "đã thể hiện được tinh thần đổi mới, thể hiện được ý Đảng, lòng dân", "thật sự là một bản Hiến pháp đổi mới cho một thời kỳ mới của đất nước chúng ta". Thế nhưng lại có người cho rằng, Hiến pháp sửa đổi không phải là "một bước ngoặt lịch sử". Nếu xem xét về mặt nội dung, thì Hiến pháp sửa đổi thật sự không phải là "một bước ngoặt lịch sử", và càng không phải là "một bước lùi", vì bản

Hiến pháp lần này cho thấy chế độ chính trị ở Việt Nam không thay đổi. Theo Điều 1, Việt Nam vẫn là "Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa" và là "một nước dân chủ, độc lập, có chủ quyền". Một trong các nguyên tắc cơ bản và quan trọng trong Hiến pháp vẫn được giữ nguyên, là vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam như Điều 4 Hiến pháp 1992 và Hiến pháp sửa đổi khẳng định. Trong giai đoạn góp ý đối với bản Dự thảo Hiến pháp Việt Nam, có một số ít người đòi thay đổi, hay bỏ một số điều khoản quan trọng, thí dụ Điều 4 của Hiến pháp. Nhưng đó là một ý tưởng rất mơ hồ. Về nguyên tắc pháp lý và về phương diện lịch sử, điều đó không thể xảy ra được. Trong Hiến pháp của Cộng hòa Liên bang Đức cũng có một điều khoản quy định liên quan đến vấn đề này. Đó là quy định ghi rõ trong khoản 3 Điều 79 Hiến pháp Cộng hòa Liên bang Đức, được gọi là quy định "bảo đảm tính vĩnh cửu" của Hiến pháp - tiếng Đức là "Ewigkeitsgarantie". Hiến pháp có thể thay đổi, nhưng thay đổi các "nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp" hoàn toàn bị cấm. Quy định này nhằm ngăn cản sự biến đổi trầm trọng, hay mất dần ảnh hưởng của Hiến pháp và loại trừ nguy cơ thay đổi chế độ chính trị đã chọn và hiện hành.

Quy định về "tính vĩnh cửu" của Hiến pháp Cộng hòa Liên bang Đức là một bằng chứng sinh động cho chúng ta thấy rằng, Hiến pháp của mỗi nước ra đời trong một hoàn cảnh lịch sử riêng biệt và phù hợp với điều kiện chính trị cũng như mối tương quan quyền lực ở nước đó. Sự ra đời của Nhà nước Cộng hòa Liên bang Đức là kết quả của Chiến tranh thế giới thứ hai. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các bên của phe đồng minh đã thống nhất với nhau rằng, không thể để cho nước Đức mới trong tương lai trở thành một mối nguy cơ mới cho châu Âu và thế giới. Vì vậy việc soạn thảo Hiến pháp cũng như tiến trình phê chuẩn Hiến pháp đều bị các bên của phe đồng minh giám sát chặt chẽ. "Tính vĩnh

cửu" của Hiến pháp Cộng hòa Liên bang Đức năm 1949 vẫn tồn tại cho đến ngày nay, mặc dù đã có gần 60 lần thay đổi, điều đó nói lên tính liên tục trong việc xây dựng Hiến pháp, làm cho văn bản này ngày càng hoàn thiện hơn.

Còn ở Việt Nam, Hiến pháp đầu tiên cũng ra đời trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời ngày 2-9-1945 và Hiến pháp đầu tiên ra đời trong năm 1946 là thành quả của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 dưới sự lãnh đạo tài tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Nhà nước đầu tiên của giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức. Xét về phương diện xây dựng và phát triển Hiến pháp, có thể nói cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ là hai cuộc đấu tranh bảo vệ Hiến pháp. Để khẳng định, bảo đảm sự tồn tại và ngày càng hoàn thiện của Hiến pháp, chúng ta đã hy sinh nhiều của cải, mồ hôi, nước mắt và cả xương máu. Hàng triệu người con đất Việt đã ngã xuống để Hiến pháp tiếp tục được khẳng định sức sống và trường tồn. Tuy Hiến pháp 1992 không có điều khoản cụ thể quy định tính vĩnh cửu của Hiến pháp, nhưng các quy định của các điều từ Điều 1 đến Điều 14 là các quy định về nguyên tắc cơ bản trong Hiến pháp. Và Điều 13 đã chỉ rõ, phải bảo vệ các nguyên tắc cơ bản đó. Những hành động đi ngược lại "đều bị nghiêm trị theo pháp luật". Vì lẽ đó, trong Hiến pháp sửa đổi lần này không thể bỏ đi các nguyên tắc cơ bản đã được ghi rõ trong Hiến pháp 1992, trong đó có Điều 4. Với Hiến pháp sửa đổi, một lần nữa Điều 4 khẳng định tính tất yếu quan trọng vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ và xây dựng, phát triển đất nước. Từ Điều 1 đến Điều 14 của Hiến pháp phản ánh đầy đủ ước nguyện của mọi người dân Việt từ bao đời nay là xây dựng một Nhà nước pháp quyền "của dân, do

dân, vì dân" và "tất cả quyền lực của nhà nước thuộc về nhân dân". Sự ổn định về chính trị và các thành tựu về kinh tế, xã hội và văn hóa trong những thập kỷ vừa qua là bằng chứng xác nhận sự chuẩn xác của Hiến pháp 1992 trong việc xác định các nguyên tắc và điều hành hoạt động của Nhà nước, cũng như hoạt động của xã hội. Nhưng thế kỷ XXI, chúng ta cần một Hiến pháp mới và từ nay chúng ta đã có bản Hiến pháp đó, vấn đề là toàn dân tuân thủ Hiến pháp như thế nào.

Những người có lương tri với Tổ quốc, với dân tộc phải vui mừng, vì Hiến pháp sửa đổi lần này không phải là một bước ngoặt lịch sử mà là một bước tiến lịch sử. Tôi cho rằng, từ khi ra đời năm 1946 và được sửa đổi trong những năm 1959, 1980 và 1992, Hiến pháp sửa đổi lần này là Hiến pháp hoàn thiện nhất và khoa học nhất trên phương diện pháp lý từ trước tới nay. Đối với tôi, ấn tượng sâu sắc nhất là việc đưa con người, quyền con người vào trọng tâm của tầm nhìn và của quy định pháp lý; điều đó được thể hiện cả về mặt hình thức và nội dung. Trong Hiến pháp 1992, các quy định này được đặt ở chương V, từ Điều 49 đến Điều 82. Còn trong Hiến pháp sửa đổi lần này các quy định này được đặt tại chương II từ Điều 15 đến Điều 52. Và tên gọi của chương này cũng được thay đổi để làm nổi bật ý nghĩa của nó: "Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân". Về mặt nội dung, các quy định về quyền con người được đề cập rất đầy đủ. Nếu so sánh Hiến pháp sửa đổi của Việt Nam với Hiến pháp của các nước có Hiến pháp về cơ bản đã ổn định, thì ở phần này Hiến pháp của Việt Nam cũng rất tương xứng. Điều đó cũng nói lên sự hoàn thiện của tiến trình xây dựng và phát triển Hiến pháp ở nước ta.

Biên soạn một Dự thảo Hiến pháp mới là một việc quan trọng và khó khăn; triển khai kế hoạch lấy ý kiến đóng góp của toàn dân cũng là một việc quan trọng và khó khăn; nhưng đưa Hiến pháp

đã có hiệu lực vào cuộc sống là điều quan trọng hơn và khó khăn hơn nhiều. Tôi nghĩ, việc làm cấp bách bây giờ là tuyên truyền để mọi người hiểu được ý nghĩa của Hiến pháp sửa đổi và các nội dung của nó. Sự thành công của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới một phần phụ thuộc vào kết quả của việc làm này, vì ở nước nào cũng vậy, sống và làm việc đúng theo Hiến pháp, pháp luật là sự nhận thức có ý thức để từ đó đặt lợi ích dân tộc lên trên lợi ích cá nhân. Đó là nguyên tắc không thể thiếu, cần được khẳng định và tôn trọng trong quá trình xây dựng và phát triển mỗi xã hội.

VÌ MỘT NỀN NHÂN QUYỀN ĐÍCH THỰC CHO LOÀI NGƯỜI*

VŨ HỢP LÂN

Cách đây 65 năm, ngày 10-12-1948, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, văn bản mà một trong các tiền đề quan trọng cho sự ra đời của nó là việc các quốc gia thuộc Liên hợp quốc khẳng định "niềm tin của mình vào những quyền cơ bản của con người, vào nhân phẩm và giá trị của mỗi con người, vào các quyền bình đẳng giữa nam và nữ, đã quyết định thúc đẩy sự tiến bộ xã hội và xây dựng những điều kiện sống tốt hơn trong tự do rộng lớn hơn"...

65 năm trước, từ hậu quả tàn khốc của hai cuộc chiến tranh thế giới, từ các sự kiện - hiện tượng đã tác động một cách tiêu cực, trực tiếp tới nhân quyền và tự do của loài người, từ tham vọng bành trướng của các thế lực chính trị - kinh tế toàn cầu và hành vi chế áp dân tộc,... Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền của Liên hợp quốc đã ra đời. Văn bản này gắn liền với tên tuổi các nhà làm luật, các nhà ngoại giao đến từ nhiều nước; đặc biệt là tên tuổi của Eleanor Roosevelt (1884 - 1962) - người phụ nữ hết mình hoạt động vì nhân quyền trên thế giới, vì nhân quyền chính ở nước Mỹ. Năm 1948, với cương vị Chủ tịch Ủy ban Nhân quyền của Liên hợp quốc, bà cùng các đồng sự cố gắng xây dựng một văn bản có tư

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 10-12-2013.

cách là tuyên ngôn của Liên hợp quốc về nhân quyền. "Tháng 12-1948, chỉ còn vỏn vẹn một tuần trước khi bế mạc Hội nghị thường niên của Đại hội đồng Liên hợp quốc, các đại biểu vẫn còn tranh luận kịch liệt, sửa đi sửa lại bản dự thảo. Cuối cùng, vào ngày 9-12, bà Eleanor Roosevelt đã đứng ra trước Đại hội đồng, nói rằng: "Chúng ta có mặt ở đây ngày hôm nay ngay trước ngưỡng cửa bước sang một trang mới, vĩ đại trong lịch sử của Liên hợp quốc và lịch sử nhân loại". Chỉ còn ít phút trước nửa đêm ngày 10-12, Chủ tịch Đại hội đồng người Ôxtrâylia Herb Evatt đã kêu gọi bỏ phiếu thông qua. 48 nước thành viên bỏ phiếu thuận, tám nước bỏ phiếu trắng (hai nước vắng mặt, không bỏ phiếu, cũng không phản đối). Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền được thông qua".

Từ ngày Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền ra đời, nhân loại đã trải qua chặng đường hơn nửa thế kỷ. Trong khoảng thời gian đó, từ sự lựa chọn con đường phát triển tích cực ở một số quốc gia - dân tộc, dưới nhiều hình thức khác nhau,... nhân loại đã đạt được những thành tựu không thể bác bỏ về nhân quyền. Ngày nay, ý thức tự giác về nhân quyền đã trở thành một giá trị, một điều kiện phổ quát, tiên quyết để các quốc gia hoạch định chiến lược và sách lược phát triển; đồng thời trở thành tiêu chí hàng đầu trong cuộc đấu tranh vì một tương lai tươi sáng của loài người. Tuy nhiên, cũng trong hơn nửa thế kỷ, nhân loại vẫn phải chứng kiến quá nhiều sự kiện - hiện tượng ảnh hưởng trực tiếp tới nhân quyền. Nói cách khác là sau 65 năm nhìn lại, dù không có các cuộc chiến tranh diễn ra trên phạm vi toàn thế giới, dù chế độ phân biệt chủng tộc cuối cùng đã kết thúc ở Nam Phi, dù Công ước về quyền phụ nữ đã được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua vào ngày 18-12-1979 (có hiệu lực từ ngày 3-9-1981) và hiện đã có 187 quốc gia thành viên, dù Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị của Liên hợp quốc đã khẳng định: "Điều 1: 1. Mọi dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển

kinh tế, xã hội và văn hóa. 2. Vì lợi ích của mình, mọi dân tộc đều có thể tự do định đoạt tài nguyên thiên nhiên và của cải của mình, miễn là không làm phương hại đến các nghĩa vụ phát sinh từ hợp tác kinh tế quốc tế mà dựa trên nguyên tắc các bên cùng có lợi và các nguyên tắc của luật pháp quốc tế. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được phép tước đi những phương tiện sinh tồn của một dân tộc"... thì nhân loại vẫn đang phải đối mặt với một thực tế còn quá nhiều vấn nạn trong vấn đề nhân quyền. Ở đó, các cuộc chiến tranh xâm lược tàn khốc vẫn diễn ra (như chiến tranh ở Triều Tiên và Việt Nam trước đây). Ở đó, vẫn có những người da màu không được công nhận quyền công dân bình đẳng với người da trắng. Ở đó, vẫn có những người phụ nữ đang phải tiếp tục đấu tranh cho quyền được bầu cử, quyền được đến trường. Ở đó, trong nhiều trường hợp, vẫn có các thế lực từ bên ngoài chà đạp lên quyền tự quyết dân tộc, phục vụ mưu đồ đặt một quốc gia - dân tộc nào đó vào vị trí bị phụ thuộc và bị chi phối,...

Ở Việt Nam, có một thực tế không thể phủ nhận là trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chưa bao giờ người dân Việt Nam được thụ hưởng các giá trị của nhân quyền. Khi độc lập và quyền tự quyết dân tộc bị tước đoạt thì không thể hy vọng, hay cầu mong có nhân quyền. Bộ máy cai trị hà khắc và đội quân viễn chinh Pháp ở Việt Nam chỉ nhầm tới mục đích bần cùng hóa người dân Việt Nam để phục vụ cho các lợi ích của nước Pháp. Vì thế, ý nghĩa cao cả của Cách mạng Tháng Tám là đập tan ách nô lệ, giành lại độc lập và quyền tự quyết dân tộc, mở ra con đường mới để mọi người dân Việt Nam được làm chủ xã hội và làm chủ cuộc sống của chính mình, từ đó phán đấu để cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn. Cũng chính vì ý nghĩa cao cả đó, toàn dân Việt Nam đã kết thành một khối vững chắc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vượt qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ, để bảo vệ và giữ vững nền độc lập - tiên đê cơ bản đầu

tiên để xây dựng xã hội có nhân quyền được bảo đảm, mọi người được tạo điều kiện phát triển hài hòa trong sự thống nhất giữa lợi ích xã hội với lợi ích cá nhân, giữa quyền lợi và nghĩa vụ.

Sau gần 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã có các bước tiến vượt bậc trên mọi lĩnh vực xã hội.

Trong điều kiện nền kinh tế còn kém phát triển, cơ sở vật chất xã hội còn nghèo nàn, do hậu quả nặng nề của chiến tranh, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã xác lập, hoạch định một chiến lược phát triển với từng bước đi vững chắc để lãnh đạo toàn dân vừa lao động sáng tạo để tăng trưởng kinh tế và từng bước nâng cao mức sống, vừa thúc đẩy công bằng xã hội, xây dựng nhà nước pháp quyền, phát huy quyền tự do, dân chủ của nhân dân.

Chỉ có tiếp cận nhân quyền với tinh thần nhân văn, trên bình diện rộng nhất, mới có thể lý giải tại sao ở Việt Nam các vấn đề như: khẳng định và tạo điều kiện giúp phụ nữ phát triển, đặc biệt quan tâm tới an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, chăm lo tới sự phát triển của dân tộc thiểu số, các nhóm xã hội dễ bị tổn thương,... lại được Đảng, Nhà nước đặc biệt chú ý và dành một phần lớn ngân sách để giải quyết, được sự ủng hộ của toàn dân, dư luận trên thế giới ghi nhận. Không chỉ quan tâm phát triển nhân quyền trên đất nước mình, nhiều năm qua, Việt Nam còn tích cực tham gia các hoạt động, một mặt cổ vũ cho nhân quyền, một mặt góp phần giúp các dân tộc khác phát triển nhân quyền. Bằng chứng cụ thể, trực tiếp của các hoạt động này là uy tín của Việt Nam đã ngày càng được nâng cao trong các quan hệ quốc tế và ngày 12-11-2013 vừa qua, Việt Nam đã được bầu làm thành viên mới của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc với số phiếu cao.

Đối với các thế lực thù địch, các tổ chức và cá nhân thiếu thiện chí, thì vấn đề nhân quyền lại bị họ lợi dụng, biến thành chiêu bài để chống phá Đảng và Nhà nước Việt Nam. Bất chấp các thành tựu về nhân quyền mà Việt Nam đã đạt được, bất chấp sự ghi nhận,

biểu dương, ủng hộ của Liên hợp quốc và rất nhiều chính phủ, tổ chức, cá nhân trên thế giới đối với Việt Nam trong vấn đề nhân quyền, qua nhiều hình thức khác nhau, với những thủ đoạn thâm độc và xấu xa, họ liên tục bịa đặt, xuyên tạc, vu khống Việt Nam trong vấn đề nhân quyền. Và một trong các thủ đoạn đó là việc họ trích dẫn cắt xén từ Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền; hoặc họ biến Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền - khuôn mẫu chung cần đạt tới của mọi quốc gia và mọi dân tộc, thành "luật quốc tế" từ đó đưa ra các đòi hỏi phi lý, yêu cầu Việt Nam tuân thủ, bất chấp việc Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị của Liên hợp quốc khẳng định, cũng như mọi quốc gia, dân tộc khác, nước Việt Nam có quyền "tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa". Xét đến cùng, dù cố gắng sử dụng những mỹ từ, dù cố tỏ ra quan tâm tới nhân quyền thì qua những gì đã thể hiện, họ vẫn không che đậy được bản chất xấu xa là cố vữ, tiếp tay cho các thế lực đang cố gắng thực hiện mưu đồ phá hoại sự ổn định, cản trở và làm chệch hướng sự phát triển của Việt Nam.

Kỷ niệm 65 năm Ngày Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền ra đời, chúng ta nhớ về bước tiến của nhân loại trong khi nhận thức một cách tích cực về sự tồn tại của con người trong xã hội.

Tuy nhiên, bước tiến ấy sẽ chỉ có ý nghĩa khi nhân quyền tiếp tục được khẳng định, tiếp tục được hiện thực hóa trong cuộc sống. Trong bối cảnh nhân loại đang phải đối mặt với nhiều thách thức, đe dọa sự tồn vong, thì chỉ có sự hợp trí, hợp sức của toàn bộ loài người mới có thể giải quyết. Mà điều kiện trước hết để đạt tới hợp trí, hợp sức là mọi người đều phải được thụ hưởng nhân quyền. Vì thế, trong phạm vi rộng và ở tầm mức nhận thức đầy đủ nhất, các nhà nước, các chính phủ trên thế giới cần có những việc làm hữu ích để hiện thực hóa nhân quyền trên chính đất nước mình và trong cuộc sống của toàn nhân loại.

"HIẾN PHÁP VIỆT NAM RẤT TIẾN BỘ VÀ PHÙ HỢP VỚI TRUYỀN THỐNG, VĂN HÓA VIỆT NAM"

TRẦN CHUNG NGỌC

Ngày 11-12-2013, tác giả Trần Chung Ngọc - một người Mỹ gốc Việt, đăng tải trên sachhiem.com một bài viết với nhiều nội dung, trong đó dành phần lớn phân tích "luận điệu chống cộng áu trĩ, mê sảng, rẻ tiền", "hành động côn đồ, vô cương vô pháp rất đáng xấu hổ" của một số kẻ chống cộng từ nước Mỹ "nhìn mọi thứ trong nước rất tiêu cực, luôn luôn tìm cách dấn giải những điều tích cực trong nước thành tiêu cực". Phân lược trích dưới đây, tác giả Trần Chung Ngọc bàn về dân chủ, nhân quyền và Hiến pháp Việt Nam.

"Tháng 12-1948, Liên hợp quốc công bố bản Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, một tài liệu không có tính cách bắt buộc pháp lý. Có hai điều rất căn bản chúng ta cần biết là: Thứ nhất, khi Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền ra đời thì Mỹ và đồng minh vừa đánh bại Đức Quốc xã, Nhật Bản và ảnh hưởng của Nga Xô đang bành trướng trên nửa hoàn cầu. Khi đó Mỹ ở thế mạnh nhất về chính trị, kinh tế và quân sự. Anh và Pháp đang lo củng cố hoặc tái lập

* Báo Nhân Dân, số ra ngày 17-12-2013.

quyền cai trị ở các thuộc địa. Sáu nước trong khối Nga Xô, Saudi Arabia và Nam Phi vắng mặt, không ký Tuyên ngôn; *Thứ hai*, bản Tuyên ngôn không có giá trị công pháp quốc tế (legally non-binding), vì không có một định nghĩa rõ ràng thế nào là nhân quyền, chỉ đưa ra một số điều khoản mà Liên hợp quốc, dưới sự chi phối của vài cường quốc, cho đó là nhân quyền, do đó, theo nguyên tắc, không nước nào, cơ quan nào có thể dựa vào Tuyên ngôn để ép buộc bất cứ quốc gia nào phải thi hành những điều khoản trong Tuyên ngôn. Bởi vậy khi đó Pháp đang công khai mở cuộc tái xâm lược Đông Dương với 80% chi phí quân sự do Mỹ viện trợ, hòng tái lập thuộc địa ở Việt, Miên, Lào, một hành động vi phạm trắng trợn mọi nhân quyền của người dân Việt Nam, những quyền ghi trong Tuyên ngôn, mà không có sự phản đối của Liên hợp quốc. Và việc Mỹ đơn phương tạo nên cuộc chiến ở Việt Nam, đơn phương xóa bỏ hiệp định Giơnevơ, nuốt lời tuyên bố của chính phủ Mỹ (tuy không ký vào Hiệp định Giơnevơ nhưng sẽ không can thiệp vào quyền tự quyết (self-determination) của các dân tộc), đổ quân và vũ khí vào miền Nam, ném bom tàn phá ruộng nương, nhà thờ, trường học, nhà thương, chùa chiền, v.v. trên toàn đất nước Việt Nam, trải thuốc khai quang Agent Orange, v.v.. để lại nhiều di hại cho người dân Việt Nam cho tới tận ngày nay, không đếm xỉa gì tới nhân quyền và lòng khao khát hòa bình của người dân Việt muốn sống tự do và bình đẳng theo lý trí, lương tri của mình trong cộng đồng quốc tế, cũng không có sự phản đối nào của Liên hợp quốc...

Năm 1993, hai tháng trước khi Hội nghị quốc tế nhân quyền họp ở Vienna, những quốc gia Á châu đã họp ở Bangkok và chấp thuận một bản tuyên ngôn nhấn mạnh rằng nhân quyền phải được xét đến "trong bối cảnh của những cá biệt quốc gia và địa phương, và các nền tảng lịch sử văn hóa tôn giáo khác nhau", "theo dõi vấn đề nhân quyền là vi phạm chủ quyền quốc gia", "viện trợ kinh tế

với điều kiện, dựa trên tiêu chuẩn nhân quyền là đối ngược với quyền phát triển".

Tháng 11-2012, các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, đã thông qua Tuyên ngôn nhân quyền của các nước Đông Nam Á (ASEAN Human Rights Declaration)...

Đông và Tây có các quan niệm về nhân quyền khác nhau. Quan niệm về nhân quyền của phương Tây xuất phát từ truyền thống tôn giáo phương Tây: quyền của con người là do Đấng sáng tạo phú cho (rights are endowed by a Creator). Vì thế trong các xã hội phương Tây, những quyền cá nhân (đều do con người định ra và cho rằng đó là quyền của Đấng sáng tạo ban cho) phải được tôn trọng và không được vi phạm, bất kể bối cảnh xã hội mà cá nhân đang sống trong đó thế nào. Nhưng đây cũng chỉ là lý thuyết. Lịch sử thế giới đã cho chúng ta thấy các cường quốc Âu Mỹ có thể phân nào tôn trọng nhân quyền trong các nước của họ và theo quan niệm về nhân quyền của họ, nhưng không có sự tôn trọng nhân quyền trong các nước nhỏ yếu, đang phát triển. Quan niệm nhân quyền của Á Đông coi con người không phải là một thực thể riêng biệt, mà có liên hệ tới toàn thể cộng đồng. Do đó, Á Đông đặt quyền lợi của cộng đồng trên quyền của cá nhân. Các xã hội phương Tây đặt nặng chủ nghĩa cá nhân và quyền tự do cá nhân, trong khi các nền văn hóa Á Đông đặt giá trị của sự tự kiểm và trật tự xã hội cao hơn quyền của cá nhân. Người phương Tây có thể coi tự do ngôn luận là một quyền công dân căn bản, trong khi người Á Đông có thể xét đến ảnh hưởng của sự tự do này, trong một số trường hợp đặc biệt trong bối cảnh xã hội, và coi đó là gây sự hỗn loạn trong xã hội, do đó có phương hại đến sự ổn định xã hội, ngăn cản sự phát triển kinh tế, v.v..

Vậy tại sao Á Đông lại không chấp nhận quan niệm về nhân quyền của phương Tây? Ngoài những bất đồng về văn hóa, xã

hội, nhân sinh,... giữa những nền văn minh khác nhau, Á Đông còn coi sách lược lưỡng chuẩn (double standard - hay còn gọi là "tiêu chuẩn kép") về nhân quyền của Tây phương như là một sự áp đặt để đạt các mục đích kinh tế, tôn giáo. Phương Tây, với bản chất đế quốc, chưa bao giờ tôn trọng nhân quyền ở các nơi khác trên thế giới. Noam Chomsky, một học giả lừng danh của Mỹ, đã viết: "Thật ra chính sách ngoại giao của Mỹ là đặt căn bản trên nguyên tắc không liên quan gì đến nhân quyền, mà là liên quan nhiều đến sự tạo ra một bầu không khí thuận lợi cho ngoại thương"... Dân chủ và nhân quyền theo quan niệm của Mỹ là mục tiêu tranh đấu hòng kêu gọi dụ dỗ một số người Việt lưu vong chống cộng trong và ngoài nước, họ không hiểu về dân chủ và nhân quyền,... 40 năm từ ngày đất nước thống nhất, một bộ phận người Việt chống cộng ở hải ngoại đã âm mưu chống phá đất nước, nhưng tất cả âm mưu đó đều thất bại. Có thể nói ngay rằng, những âm mưu chống phá Việt Nam về nhân quyền là những người chưa bao giờ để tâm nghiên cứu về nhân quyền, đặc biệt là một số cá nhân ở nước ngoài chưa bao giờ tìm hiểu về Việt Nam, theo dõi những thay đổi của đất nước. Ngoài ra, đạo đức cá nhân và trình độ hiểu biết của những người thường lớn tiếng tranh đấu cho nhân quyền bản chất cũng chỉ làm tay sai, có thể là do vô minh hoặc vô tình, cho một thế lực thế tục hay tôn giáo ngoại bang của một số người tranh đấu.

Tuyên ngôn nhân quyền ASEAN có nhiều điều khác biệt về quan niệm về nhân quyền so với phương Tây, phản ánh quan niệm nhân quyền trong các nền văn hóa Á Đông. Thí dụ, Điều 6 viết: "Sự hưởng những nhân quyền và tự do căn bản phải được cân nhắc với sự thi hành những bổn phận tương ứng vì ai nấy đều có trách nhiệm đối với mọi người khác, đối với cộng đồng và xã hội mà họ sống trong đó. Sau cùng thì trách nhiệm chính của mọi quốc gia

thành viên của ASEAN là xúc tiến và bảo vệ mọi quyền của con người và quyền tự do căn bản", Điều 7: "Mọi quyền của con người thì phổ quát, không thể chia sẻ, tùy thuộc lẫn nhau và liên hệ với nhau. Mọi quyền và tự do căn bản của con người phải được đối xử công bằng và bình đẳng, đặt trên cùng một căn bản và tầm quan trọng. Cùng lúc, ý thức về nhân quyền phải được cân nhắc trong tình huống của địa phương và quốc gia, xét đến những bối cảnh khác nhau về chính trị, kinh tế, luật pháp, xã hội, văn hóa, lịch sử và tôn giáo", Điều 8: "Nhân quyền và những quyền tự do của mỗi người sẽ phải được sử dụng với sự quan tâm thích đáng tối nhân quyền và những quyền tự do căn bản của những người khác. Việc sử dụng những quyền và quyền tự do căn bản của con người chỉ bị những hạn chế quy định bởi luật pháp với mục đích duy nhất là bảo đảm sự công nhận thích đáng về những quyền và quyền tự do căn bản của những người khác, và để đáp ứng những đòi hỏi của an ninh quốc gia, trật tự xã hội, lành mạnh công cộng, an toàn công cộng, đạo đức công cộng, cùng hạnh phúc của con người trong một xã hội dân chủ"...

Những điều khoản trên rất phù hợp với Điều 19 trong bản Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948, và các điều 18, 19, 20 và 21 trong Công ước quốc tế về quyền dân sự và quyền chính trị, Công ước quốc tế về những quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Hiến pháp năm 2013 mà Quốc hội Việt Nam mới thông qua, nhất là Chương II: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tôi thấy Hiến pháp Việt Nam rất tiến bộ và phù hợp với truyền thống, văn hóa Việt Nam, quyền con người có liên hệ tới quyền của mọi người khác trong xã hội, cộng đồng, và phải nằm trong quy định của pháp luật.

Thực tế là nhân quyền, hiểu một cách hạn hẹp, nhiều khi bị lạm dụng, trong khi bốn phận của con người trong xã hội hoặc thi

hành hoặc trốn tránh chứ không thể lạm dụng. Ở Việt Nam gần đây có những người lạm dụng về nhân quyền, vì không ý thức được thế nào là bốn phận và trách nhiệm công dân. Tất cả các vụ án như với Nguyễn Văn Lý, Cù Huy Hà Vũ, Lê Quốc Quân, Lê Thị Công Nhân, Phương Uyên, v.v. và các vụ ở Tòa Khâm sứ, Thái Hà, Mỹ Yên đều là lạm dụng nhân quyền. Bảo đảm nhân quyền không có nghĩa là công dân muốn làm gì thì làm, bất kể luật pháp... Giáo dục là vũ khí quan trọng nhất để giữ nước và xây dựng nước. Cho nên Nhà nước nên đặt ưu tiên trong quốc sách giáo dục quần chúng, nhất là giáo dục về luật pháp, đề cao trách nhiệm xã hội, kể cả trách nhiệm trong vấn đề tự do tín ngưỡng".

MỘT VIỆC LÀM BẤT THƯỜNG VÀ LẠC LÕNG!*

HỒNG QUANG

Ngày 5-2-2014, với tinh thần đổi thoại thẳng thắn và xây dựng, Việt Nam đã thực hiện thành công Báo cáo quốc gia theo Cơ chế kiểm điểm định kỳ phổ quát (UPR) chu kỳ II tại Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (UNHRC). Ngày 7-2, nhóm làm việc về UPR của UNHRC đã thông qua Báo cáo của Việt Nam với sự nhất trí cao.

Thế nhưng ngày 7-2-2014, website Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội lại công bố Tuyên bố chính thức về kiểm điểm định kỳ phổ quát (UPR) của Việt Nam. Đây là một việc làm bất thường và lạc lõng...

Ngày 21-1- 2014, website của Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội công bố video clip và phát biểu chúc Tết của Đại sứ Hoa Kỳ ở Việt Nam. Trong bài phát biểu, ngài David Shear nói: "Năm nay tôi ăn Tết lần thứ ba ở Việt Nam, và mỗi năm tôi đều thích thú ngắm nhìn thành phố "chuyển mình khi Tết đến", phố xá Hà Nội lại tràn ngập âm thanh và hình ảnh mọi người chuẩn bị Tết. Các chợ Tết đã mọc lên khắp thành phố, với đủ mọi loại thực phẩm của dịp lễ Tết để các gia đình và bạn bè đón Tết. Các đình, chùa của Hà Nội, như chùa Trấn Quốc hay chùa Quán Sứ rất đông người đến cầu tài lộc trong ngày đầu năm mới. Ở mọi nơi bạn đều thấy hoa đào và

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 11-2-2014.

cây quát - ở các cửa hàng, văn phòng, ở nhà, và cả ở dãng sau xe máy". Bằng câu chữ ngắn gọn nhưng Đại sứ David Shear đã mô tả rất sinh động khung cảnh yên bình, vui tươi của ngày Tết ở Hà Nội, cho thấy nhân dân Việt Nam đang được hưởng một cái Tết an lành, vì nếu một xã hội thiếu nhân quyền thì chắc chắn không có cuộc sống như vậy. Nhưng trong khi lời chúc Tết của Đại sứ David Shear còn trên trang nhất, và hơn 100 nước không công khai ý kiến phát biểu, thì ngày 7-2-2014, website của Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam lại đăng Tuyên bố chính thức về kiểm điểm định kỳ phổ quát (UPR) của Việt Nam do ngài Peter Mulrean - Đại biện lâm thời Phái bộ Hoa Kỳ, trình bày tại buổi thảo luận Báo cáo UPR chu kỳ II của Việt Nam ở UNHRC. Văn bản với các "tuy nhiên, quan ngại, thất vọng, đề xuất" không phản ánh đúng đắn về tình hình nhân quyền ở Việt Nam được diễn đàn của các thế lực thù địch, các tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí triệt để khai thác, coi đó như là chỗ dựa để tiếp tục vu cáo. Thậm chí, vì quá vội vã nên không xác minh xuất xứ văn bản hay muốn nhập nhằng, hoặc chỉ thấy thông tin nói xấu Việt Nam là chộp ngay lấy, trong một bản tin ngày 7-2-2014, trang tiếng Việt BBC viết: "Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam đã ra tuyên bố về sự kiện kiểm điểm định kỳ phổ quát (UPR) của Việt Nam tại Ginevra, hôm 5-2-2014 từ Hà Nội", còn trang nguoviet viết: "Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam vừa phát hành một thông cáo, chính thức bày tỏ sự thất vọng của Hoa Kỳ về việc Việt Nam ngăn cản các cá nhân và tổ chức dân sự tham dự UPR"!?

Sau khi Việt Nam thực hiện Báo cáo UPR chu kỳ II tại UNHRC, một blogger cho rằng: "Việt Nam đã thành công khi thuyết phục cộng đồng quốc tế về một khái niệm nhân quyền gắn liền với đời sống dân sinh và dân trí, phù hợp với văn hóa truyền thống của Việt Nam". Đây là đánh giá chính xác, bởi chỉ từ quan

niệm nhân quyền như thế, Đại sứ David Shear được chứng kiến cảnh ngày Tết sinh động, đầm ấm của người Việt Nam. Thủ hỏi, một chế độ xã hội "vẫn sách nhiễu, bắt giữ những người thực hiện các quyền hạn và các quyền tự do phổ quát, như tự do ngôn luận và lập hội... hạn chế tự do tôn giáo, việc sách nhiễu các nhà thờ không đăng ký vẫn diễn ra", "hạn chế đối với việc thành lập nghiệp đoàn độc lập, sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức, chính phủ sử dụng lao động bắt buộc" liệu có một khung cảnh tết nhộn nhịp như Đại sứ David Shear mô tả?

Khi quan hệ giữa Việt Nam với thế giới ngày càng mở rộng, ở Việt Nam, mọi người được tiếp xúc với thực tế hoàn toàn trái ngược với luận điệu kẻ xấu vẫn truyền bá. Chứng kiến Việt Nam "thay da, đổi thịt" phát triển vượt bậc so với trước đây, rất nhiều người đã nhận ra sự thật. Trong hàng triệu người gốc Việt trở về quê hương, có nhà báo của kbchn.net, vietweekly.com, viethaingoai.net đang tác nghiệp theo phương châm trực tiếp, khách quan, trung thực. Qua thông tin phong phú, hình ảnh sinh động, bình luận sắc sảo, có thể thấy nhà báo của các cơ quan truyền thông này đã đi khắp ba miền, từ biên giới đến hải đảo, từ thành phố lớn đến vùng sâu vùng xa, đã gặp gỡ, tìm hiểu nhiều số phận, nhiều con người thuộc thành phần xã hội khác nhau,... mà không bị cản trở. Và từ đó, nhà báo Nguyễn Phương Hùng - người từng có "36 năm chống cộng" mới viết các dòng chân tình: "Tôi thấy người Việt trong nước thật bình dị, thanh bình và rất hiếu khách. Anh Nguyễn Bôn, Giám đốc Tập đoàn Mai Linh ở Quảng Trị, là một cựu chiến binh còn sống sau trận chiến khốc liệt tại Thành cổ Quảng Trị, không có một chút phản ứng gọi là thù hận tôi, một người lính của binh chủng Biệt động quân. Chúng tôi đã ôm nhau và khóc trên bức đài tưởng niệm các tử sĩ bộ đội miền Bắc. Có cơ hội về Việt Nam, tôi mới gặp những người bộ đội hay cựu chiến binh như anh Phạm Nguyên Khánh, đại

tá về hữu Trần Duy Ngọc. Tất cả chúng tôi hoàn toàn như anh em một nhà, không còn thù hận, cũng chẳng hề nghĩ mình từng là những người thù địch". Hoặc sau khi tiếp xúc, tìm hiểu cuộc sống và lễ hội của người Mông ở Sơn La, nhà báo ở vietweekly viết: "Cảm nhận nổi bật nhất là thái độ sống rất hòa đồng của người dân tộc đối với tất cả mọi người, không phân biệt nguồn gốc, hay khác biệt văn hóa. Họ an nhiên tự tại, tự hào với những giá trị văn hóa của mình. Và sẵn sàng tiếp thu những cái mới một cách thoái mái trong khi vẫn kết hợp với cái truyền thống... Sự đa dạng của các dân tộc trên đất nước Việt Nam là một tài sản chung, và là một sức mạnh văn hóa. Những nền văn hóa này chung sống được với nhau khi cùng chia sẻ một ước vọng hòa bình, ấm no, và hạnh phúc".

Có thể nói, đa số nội dung trong tuyên bố do ngài Peter Mulrean trình bày tại Giơnevơ không phản ánh trung thực về các vấn đề đề cập. Lẽ ra trước đó, ngài Peter Mulrean cần cẩn trọng xem xét, tìm hiểu, đặc biệt là khảo sát toàn diện ý kiến của người Việt ở nước ngoài. Cách đây không lâu, bình luận về báo cáo hàng năm của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ về tình hình nhân quyền ở Việt Nam, Karel Phùng - blogger người Đức gốc Việt, viết: "Tại sao quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ đã nồng ấm nhưng báo cáo của Bộ Ngoại giao Mỹ vẫn luôn kèm theo câu mở đầu "Việt Nam là một nước độc tài do một đảng thống trị"? Báo cáo của người Mỹ còn cho rằng "Việt Nam không tôn trọng nhân quyền" thông qua việc bắt giữ một số người với cái tên "bất đồng chính kiến" hay "cảnh sát đánh đập người dân vô tội". Nhưng chính nước Mỹ cũng có rất nhiều vấn đề phải đối mặt, đặc biệt việc lạm dụng quyền lực của cảnh sát, sự kỳ thị chủng tộc với người da màu, một việc có truyền thống tại nước Mỹ. Là một người dân bình thường ai đó sẽ ngạc nhiên khi thấy các nhân vật "bất đồng chính kiến" ấy sau khi ra tù thông lệ có vé sang Mỹ định cư. Nhưng nếu nhìn lại cả

một thời gian dài, từ lúc chế độ Việt Nam Cộng hòa sụp đổ cho tới ngày nay, đại đa số những người ở phía đối đầu với chính quyền đều được Mỹ đón chào thì chúng ta sẽ hiểu ngay ra vấn đề vì sao người Mỹ lại viết ra những điều đó trong báo cáo nhân quyền của họ"; còn Thư tòa soạn (7-2013), vietweekly viết: "Có thể nói chính quyền Việt Nam đang cố gắng ngày càng mở rộng mức độ tự do người dân mà không đánh mất khả năng kiểm soát an ninh xã hội. Phần lớn những nỗ lực đánh phá Việt Nam về mặt nhân quyền bắt nguồn từ những đoàn thể chính trị ở nước ngoài mang động cơ muốn giành một chỗ đứng trong hệ thống quyền lực chính trị ở Việt Nam. Có nghĩa rằng, nhân quyền chỉ là một chiêu bài chính trị, hơn là một quan tâm có thực chất. Cải tổ chính trị có vẻ là một cách đặt vấn đề xác đáng hơn. Nhưng những đoàn thể chính trị này đã không có đủ sự thành thật gọi tên vấn đề cho đúng bản chất của nó, mà ngụy trang dưới vỏ bọc nhân quyền để hy vọng lôi kéo được sự đồng tình của quần chúng. Sự gượng ép này giải thích lý do tại sao chiêu bài nhân quyền đã không đạt được hiệu quả chính trị như mong muốn"...

Thực tế đã và đang cung cấp rất nhiều bằng chứng minh chứng nhân quyền ở Việt Nam có bước phát triển vượt bậc; đã và đang chứng minh bộ mặt của một số kẻ cố tình lừa dối dư luận qua các thông tin, luận điệu b López Méo, xuyên tạc. Nếu thật sự thiện chí khi góp ý với Việt Nam, mọi chính phủ, tổ chức, cá nhân cần dựa trên thông tin chính xác để đưa ra ý kiến trung thực và honest, phải hướng tới nhân quyền cho hàng chục triệu người Việt Nam, không vì lợi ích hẹp hòi của cái nhóm người hầu như không công ăn việc làm, hoạt động dựa vào sự hàn hối tiếp sức từ bên ngoài (mà bằng chứng gần đây là việc sau khi định cư ở Hoa Kỳ, Trần Khải Thanh Thủy công bố cụ thể về nguồn tài chính khi còn ở trong nước người này đã nhận từ tổ chức khủng bố

"Việt Tân"). Bởi thế, dựa trên thông tin thất thiệt để góp ý, có thể ảnh hưởng tiêu cực tới thiện chí mà chính phủ, tổ chức hoặc cá nhân nào đó muốn thể hiện. Để đất nước có nhân quyền ngày càng hoàn thiện, để cuộc sống mọi mặt ngày càng phát triển, để mỗi người dân luôn được hưởng các quyền và tự do của mình, Nhà nước và nhân dân Việt Nam cần phải tiếp tục nỗ lực. Chúng ta luôn ghi nhận, tiếp thu những ý kiến đóng góp thiện chí, như Thứ trưởng Ngoại giao Hà Kim Ngọc phát biểu tại UNHRC vừa qua: "Bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người phải là một tiến trình liên tục, bền bỉ và có tầm nhìn xa. Trong tiến trình đó, sự nỗ lực của mỗi quốc gia riêng lẻ khó có thể đạt hiệu quả cao nhất nếu thiếu sự ủng hộ, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và đối thoại mang tính xây dựng".

NGHĨ VỀ HÒA HỢP DÂN TỘC*

THIỀN PHƯƠNG

Hơn 60 năm qua, hòa hợp dân tộc được xác định như là một trong những yếu tố cấu thành khối đại đoàn kết dân tộc, đưa tới sức mạnh giúp chúng ta đạt được những thành tựu không thể phủ nhận. Ngày nay, trong thời kỳ mới của sự phát triển đất nước, hòa hợp dân tộc vẫn tiếp tục được khẳng định để từ đó làm nên sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc, hoàn thành các nhiệm vụ trọng đại đặt ra.

Trong quan hệ cộng đồng, dân tộc Việt Nam có truyền thống nhân ái, đoàn kết tương trợ, khoan dung, đại lượng từ lâu đời, như lúc hoạn nạn thì "chị ngã em nâng", khi khó khăn thì "lá lành đùm lá rách"... Truyền thống đó in dấu trong nếp cảm, nếp nghĩ của dân tộc và các thế hệ luôn truyền dạy cho nhau những câu nói đã trở thành đạo lý: "Thương người như thể thương thân", "Đánh kẻ chạy đi - Không đánh người chạy lại", "Bầu ơi thương lấy bí cùng - Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn", "Người trong một nước phải thương nhau cùng", rồi "Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau"...

Ngay cả khi đã đánh bại các thế lực ngoại xâm, cha ông chúng ta vẫn có những việc làm mang đậm tinh thần nhân văn nhằm "Sửa hòa hiếu cho hai nước - Tắt muôn đời chiến tranh". Và cách

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 20-5-2014.

đãy hơn 500 năm sau khi cuộc kháng chiến chống quân Minh vừa giành thắng lợi, truyền thống nhân nghĩa ấy được Nguyễn Trãi khẳng định: "Đem đại nghĩa để thắng hung tàn - Lấy chí nhân để thay cường bạo".

Truyền thống của dân tộc tiếp tục được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa, phát huy với tư cách là một quan điểm chiến lược để xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết, tạo nên sức mạnh của sự nghiệp đấu tranh giành độc lập và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, do bối cảnh phức tạp của lịch sử, để quan điểm đoàn kết dân tộc phát huy được ý nghĩa xã hội rộng rãi, chúng ta đã phải giải quyết một số vấn đề phức tạp; mà nổi lên là tình trạng có người hiểu lầm về cách mạng, rồi một số cá nhân, một vài nhóm xã hội vì lạc bước tinh thần mà đã có tội ác với nhân dân, phá hoại sự nghiệp cách mạng.

Nhận thức nghiêm túc về vấn đề này, với cương vị là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong *Thư gửi đồng bào Nam Bộ* đăng trên báo *Cứu quốc* số 255 ra ngày 1-6-1946, Bác Hồ đã viết: "Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lõi lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang"¹.

Đoạn trích nêu trên tóm tắt khá đầy đủ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với những

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.280-281.

người từng ở bên kia chiến tuyến. Thực tế cho thấy quan điểm này đã vươn xa, trải rộng tới các tầng lớp nhân dân tiến bộ trên thế giới, tác động tích cực tới cả các quốc gia từng là kẻ thù. Vì thế trong hai cuộc kháng chiến, nhân dân Việt Nam đã không chỉ tập hợp được sức mạnh của chính mình, mà còn nhận được sự ủng hộ to lớn của loài người tiến bộ, hình thành mặt trận rộng rãi của nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân Việt Nam, trong đó có nhân dân Pháp, nhân dân Mỹ. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: "Tuy phong tục mỗi dân mỗi khác, nhưng có một điều thì dân nào cũng giống nhau. Ấy là dân nào cũng ưa sự lành và ghét sự dữ"¹. Với các dân tộc anh em trên đất Việt Nam, với cả đồng bào Việt Nam ở nước ngoài, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, thì mẫu số chung để hòa hợp, đoàn kết chính là độc lập, hòa bình, phát triển và tôn trọng bản sắc văn hóa. Những điều trên đây là cơ sở lý giải tại sao sau ngày miền Nam giải phóng, luận điệu "tắm máu" mà kẻ thù gieo rắc nhằm gây hoang mang, lo sợ cho những người từng ở "phía bên kia" đã không xảy ra. Đó cũng là cơ sở để lý giải tại sao sau tháng 4-1975, ông Dương Văn Minh - Tổng thống cuối cùng của chính quyền Sài Gòn, vẫn được chế độ mới tôn trọng. Ở Libi khi ông Gaddafi chết không toàn thây, ở Irắc ông Saddam Hussein bị tử hình,... đến hôm nay hai quốc gia này vẫn lâm vào khủng hoảng và tình trạng bạo lực khó có thể điều hòa. Gần đây hơn là sự kiện xảy ra tại Thái Lan, Ucraina. Hắn vì chưa tìm ra được mẫu số chung nên ở đó chưa xây dựng được các phương thức xử lý khác biệt một cách hòa bình, làm cho căng thẳng diễn ra trong thời gian dài, đưa tới hậu quả là tình trạng xã hội bất ổn, sự phát triển bị cản trở, ảnh hưởng tới hình ảnh của đất nước...

Ngày nay nhân loại có rất nhiều điều kiện thuận lợi về kinh tế,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tr.397.

văn hóa, khoa học - kỹ thuật để xây dựng một trật tự thế giới tốt đẹp hơn. Song cũng chính lúc này, các quốc gia lại đang đứng trước những thách thức lớn về môi trường sinh thái, nạn nghèo đói do phân cực giàu nghèo ở từng quốc gia cũng như trên phạm vi thế giới; bên cạnh đó là xung đột có nguồn gốc từ khác biệt tôn giáo, sắc tộc vẫn diễn ra... Khi mà lòng thù hận có nguy cơ không được điều hòa thì mỗi dân tộc phải có cương lĩnh tinh thần, hành động cởi mở và xây dựng về sự chung sống hòa bình giữa con người với con người, giữa dân tộc với dân tộc, giữa tôn giáo với tôn giáo. Và điểm tựa cho cương lĩnh và hành động đó chính là lòng khoan dung, biết tôn trọng lẫn nhau, biết chia sẻ với nhau. Có thể coi thực hiện tinh thần khoan dung là một yêu cầu khách quan cấp thiết của nhân loại hôm nay.

Tinh thần khoan dung có thể không giải quyết được tất cả mọi vấn đề của nhân loại, nhưng có thể giúp nhân loại tìm ra cách ứng xử theo chiều hướng tốt đẹp, cùng nhau giải quyết các vấn đề toàn cầu, bởi khoan dung có thể giúp mở ra con đường dẫn tới đoàn kết, hòa bình và thịnh vượng.

Ở Việt Nam, hơn 60 năm qua, chúng ta thực hiện hòa hợp dân tộc vì đó là một yếu tố bảo đảm cho hiện tại và tương lai đất nước, huy động được mọi nguồn lực để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", và góp phần kiến tạo, bảo vệ sự ổn định, hòa bình, thịnh vượng trên thế giới. Để hòa hợp dân tộc, ngay từ những ngày cách mạng còn trong trứng nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã xác định quan điểm, triển khai các chủ trương, hành động thiêng chí để mọi cá nhân, nhóm xã hội vốn từng hiểu lầm hoặc khác biệt chính kiến vẫn có thể cùng hướng tới mục tiêu chung có lợi cho đất nước. Do đó, bất kỳ cá nhân, nhóm xã hội nào nếu thật sự có niềm tin vào mục tiêu chung thì khi hòa hợp sẽ

không đưa ra điều kiện ràng buộc, không đòi hỏi bên kia phải thay đổi theo ý muốn của mình.

Trong sự nghiệp đổi mới, công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam đã thiết lập được các mối quan hệ thân thiện, hợp tác, cùng phát triển với các nước láng giềng, trong khu vực và trên thế giới. Phương thức ngoại giao chủ yếu của chúng ta là đối thoại, đàm phán, tránh xung đột, và tận dụng sự ủng hộ của quốc tế trong các vấn đề lãnh thổ. Với người Việt Nam ở nước ngoài, Nhà nước Việt Nam chủ động triển khai nhiều chính sách phù hợp, tiến hành các bước đi thiết thực, chân thành để mọi người Việt Nam ở nước ngoài có thể hòa hợp cùng dân tộc.

Không có người nào trong bộ máy nhà nước lại "bảo thủ, giáo điều làm kìm hãm sự vận hành của bộ máy nhà nước, sự hòa hợp hòa giải dân tộc, không đem lại lợi ích cho dân tộc" như ai đó đã phát biểu.

Mặc dù ra đi vì các lý do khác nhau nhưng người Việt Nam ở nước ngoài vẫn được tạo điều kiện trở về quê cha đất tổ, thăm nom, giúp đỡ người thân, đóng góp với đồng bào trong nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hàng triệu lượt người Việt Nam ở nước ngoài hằng năm vẫn về thăm quê hương là biểu thị rất cụ thể cho tinh thần hòa hợp mà chúng ta hướng tới. Tuy nhiên vẫn có một số người gốc Việt còn nuôi mối hận thù với Nhà nước Việt Nam. Họ xuyên tạc tinh thần hòa hợp, cản trở người lương thiện trở về quê hương, nhẫn tâm chống phá, xâm hại đất nước đã sinh ra họ. Tức là họ tiếp tục nối dài các lối lầm. Với những con người đó, không đất nước nào ruồng bỏ họ, mà chính họ tự loại mình khỏi dân tộc, tự đứng vào thế đối lập với dân tộc. Đó là điều không thể chấp nhận, vì chúng ta chỉ có thể hòa hợp với người thiện chí, chứ không thể hòa hợp với người lấy đối đầu và mặc cả làm điều kiện hòa hợp.

Nhưng cùng với thời gian, từ thực tế của sự phát triển đất

nước, từ tinh thần hòa hợp với thiện chí chân thành của Nhà nước và đồng bào trong nước, nhận thức của rất nhiều người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài đã thay đổi. Như ý kiến của Davis Nguyễn - người Mỹ gốc Việt, trên vietweekly: Trước đây ông là một người chống cộng cực đoan nhưng sau chuyến đi Trường Sa, tận mắt chứng kiến tinh thần vượt gian khổ của các chiến sĩ trẻ, ông đã suy nghĩ rất nhiều và nói: "Một ngày nào đó gần năm triệu kiều bào ở nước ngoài đồng lòng bắt tay, hợp tác, về đây xây dựng một đất nước còn nhiều thiếu thốn, một đất nước thân yêu,... bằng những con tim của mình". Đúng vậy, chiến tranh đã qua gần 40 năm, hòa bình và đoàn kết để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đang là khát vọng của mọi người dân Việt Nam, và muốn dân tộc cường thịnh, dân sinh hạnh phúc, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc, chúng ta cần hòa hợp một cách chân thành.

NHÂN QUYỀN THỂ HIỆN CỤ THỂ QUA CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN*

HỒ NGỌC THẮNG

Những tháng cuối năm 2013, thông tin từ Việt Nam đã đem đến cho tôi nhiều niềm vui, nhưng cũng có nỗi buồn. Buồn vì trận bão Haiyan gây thiệt hại rất lớn cho nhiều địa phương trên cả nước, trong đó có quê tôi. Tôi biết mỗi lần thiên tai như vậy, Nhà nước lại huy động một lượng tiền của, hàng hóa rất lớn để cứu trợ kịp thời, sau đó là tái thiết cơ sở hạ tầng bị tàn phá, giúp đỡ gia đình bị thiệt hại nhanh chóng ổn định cuộc sống. Đó là biện pháp cấp tốc và lâu dài mà từ rất lâu rồi tôi đã nhận thấy trong chính sách kinh tế - xã hội nhất quán của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam. Nhưng, lại có rất nhiều tin vui. Một trong số đó là thông tin ngày 12-11-2013, Việt Nam trúng cử với số phiếu cao nhất trong số 14 nước thành viên mới, và lần đầu tiên trở thành thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc. Với các tổ chức, cá nhân luôn lợi dụng vấn đề nhân quyền để phê phán hay chống phá Việt Nam thì sự kiện này là một thất bại rất lớn của họ. Từ việc ghi nhận các thành tựu của Việt Nam trong việc bảo đảm ngày càng tốt hơn những quyền của người dân trong các lĩnh vực chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa, giáo dục, tôn giáo và tín

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 25-2-2014.

ngưỡng,... cộng đồng quốc tế đã tin cậy và bầu Việt Nam vào một tổ chức quan trọng của Liên hợp quốc.

Với người khác, nhân quyền có thể là một khái niệm trừu tượng, thiên về lý thuyết, hoặc đề cập tới những vấn đề lớn lao, nhưng với tôi, nhân quyền là điều khá cụ thể, gắn liền với cuộc sống của đất nước, con người. Để đánh giá về nhân quyền, cần có cách nhìn khách quan, đặt trong hoàn cảnh cụ thể với điều kiện đặc thù riêng ở mỗi nước. Suy nghĩ và nhận thức của tôi về nhân quyền thay đổi theo tuổi đời và sự trải nghiệm của bản thân trong cuộc sống. Nhớ thời còn đi chân đất đến trường ở quê tôi, một vùng biển Thanh Hóa thường xuyên có bão, lụt. Một tối, nghe Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam đưa tin sóng biển có thể dâng cao, mọi người trong vùng đều lo lắng, cố gắng triển khai công việc phòng chống. Nhìn đoàn thuyền, bè, mảng làm bằng những cây luồng to mà các anh chị dân quân để ngay trước nhà, mẹ tôi bảo thế là yên tâm rồi. May mắn là năm đó sóng biển không cao lắm, nhưng tôi biết nếu tình huống xấu xảy ra, gia đình tôi cũng như mọi gia đình khác sẽ được chính quyền giúp đỡ một cách nhanh chóng. Giờ nhìn lại tôi nghĩ, đó là hành động thiết thực của chính quyền nhằm bảo vệ nhân quyền của người dân. Trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, có năm nước sông Hồng lên cao, Thủ đô Hà Nội có thể bị ngập, tính mạng của hàng vạn người bị đe dọa nghiêm trọng, vì một số đoạn trong hệ thống đê điều từng bị bom phá hỏng. Vào thời điểm đó, người Mỹ tuyên bố không úp mở là sẽ ném bom "đưa miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá". Đảng và Nhà nước Việt Nam đã nỗ lực hết sức để giúp nhân dân vượt qua thiên tai hiểm nghèo, khắc phục hậu quả bão lụt, vừa vận động nhân dân thế giới ngăn chặn hành động có tính chất hủy diệt, như ném bom đê điều. Tôi nghĩ đó cũng để bảo vệ quyền quan trọng nhất trong nhân quyền - là quyền được sống.

Từ năm 1972 đến năm 1975, tôi là chiến sĩ của Quân đội nhân dân Việt Nam đã trực tiếp chiến đấu tại tuyến đầu của mặt trận Quảng Trị. Tại đây, tôi đã tận mắt chứng kiến những trận bom rải thảm, những trận pháo kích có tính hủy diệt của "pháo đài bay" B52 và tàu chiến Hạm đội 7 Hoa Kỳ từ Biển Đông. Ở đó, tôi không chỉ bị sức ép của bom, pháo mà còn rất nhiều lần khó thở đến ngất xỉu tưởng không tỉnh lại được vì đối phương sử dụng đạn pháo hóa học chứa hơi cay. Tôi đã đi qua những khu rừng bị hủy hoại do chất độc màu da cam của quân đội Mỹ rải xuống. Cũng ở đó, tôi đã từng chứng kiến những cái chết, gặp những người mẹ, người chị, những em bé cơ thể mang thương tích vì mảnh bom, pháo, bị vướng mìn của quân đội Mỹ và Sài Gòn. Thế mà nay lại có kẻ bịa đặt rồi làm rùm beng các sự kiện không có trong thực tế để vu cáo "Hà Nội vi phạm nhân quyền". La lối như vậy, họ cố tình quên ai là người mang bom đạn đến Việt Nam, và cố tình quên nhiều người dân Việt Nam chết hoặc bị thương do bom mìn còn sót lại; nhiều người phải chịu hậu quả của chất độc màu da cam. Họ cố tình làm như không biết là hiện nay, Nhà nước Việt Nam vẫn đang phải huy động nhiều sức người, tiền của để giải quyết hậu quả của chiến tranh xâm lược, như bom mìn chưa nổ, các khu vực còn ảnh hưởng của chất độc màu da cam. Tôi nghĩ, giải quyết hậu quả chiến tranh cũng là hành động vì nhân quyền, đấu tranh đòi các công ty hóa chất ở Hoa Kỳ bồi thường thiệt hại cho nạn nhân chất độc màu da cam cũng là hoạt động vì nhân quyền. Sau khi nước nhà thống nhất, Việt Nam bị cấm vận một thời gian dài, kinh tế khó khăn, Nhà nước không có đủ điều kiện cần thiết để thỏa mãn nhu cầu đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Dù hôm nay đã chấm dứt, thì vẫn phải nói rằng cấm vận là một việc làm rất vô nhân đạo, cản trở sự phát triển, không tạo điều kiện, cơ hội để Nhà nước Việt Nam bảo đảm quyền con người. Trong bối cảnh Việt Nam đang thực hiện chủ trương "gác lại quá khứ, hướng

tới tương lai", tôi nhắc lại một vấn đề của quá khứ không phải là để khơi dậy hận thù, mà để nói rằng đang có những người đạo đức giả trong khi một mặt hò hét đấu tranh cho nhân quyền, yêu cầu "Việt Nam phải tôn trọng nhân quyền", thì mặt khác họ lại tảng lờ tình trạng trong thời gian rất dài nhiều người bệnh ở Việt Nam không đủ thuốc điều trị, nhiều nạn nhân chất độc da cam/điôxin đang sống trong bất hạnh, đau đớn, nhiều gia đình Việt Nam đói nghèo vì hậu quả của chiến tranh.

Tôi nghĩ, vì nhân quyền là tổng thể các quan hệ xã hội trực tiếp, cụ thể liên quan đến việc thực thi quyền con người, đồng thời lại liên quan chặt chẽ với quan niệm của mỗi dân tộc và mỗi nền văn hóa, nên có cảm nhận khác nhau từ góc độ quan sát của mỗi người. Nhận thức này tôi có được sau một lần cùng gia đình đi du lịch ở Dominica - một quốc đảo ở vùng Caribe (gần Hoa Kỳ) và có nền kinh tế chủ yếu phụ thuộc vào Hoa Kỳ. Kết thúc chuyến du lịch, tôi hỏi con gái và con trai, cả hai đều sinh ra rồi lớn lên ở Cộng hòa Liên bang Đức: "Hai con thấy chuyến đi có thú vị không?" và câu trả lời của các cháu là: "Phong cảnh và thế giới thực vật giống hệt như quê nội". Đối với tôi, qua chuyến đi tôi lại có điều kiện so sánh và càng thấy Nhà nước Việt Nam rất quan tâm tới đời sống của mọi người dân, phần lớn người dân Việt Nam sinh sống ở nông thôn hiện đã có cuộc sống khấm khá hơn nhiều. Đưa con về thăm quê hương, tôi kể cho các con tôi chuyện quê nội bị tàn phá như thế nào trong chiến tranh phá hoại của người Mỹ. Các con tôi đều muốn đến thăm ngôi trường lần đầu tiên tôi đi học, ngôi trường nhỏ bé của tôi ngày trước đã được thay thế bằng những khu nhà mới rộng rãi và khang trang. Về nước đi thăm nhiều nơi tôi biết, sau chiến tranh hầu như mọi trường học, bệnh viện, bưu điện,... đều được xây mới. Nhiều quan sát khác của các con tôi sau mỗi lần về thăm Việt Nam làm cho tôi hiểu thêm rằng, không nên máy móc lấy các con số (thí dụ là về tiền bạc) để đánh giá sự phát triển nhân quyền ở một

quốc gia. Một lần về quê, con gái tôi hồn nhiên nói về một chi tiết khiến tôi phải suy nghĩ, cháu nói: "Ở chợ Việt Nam, khi không có khách hàng, những người bán hàng thường hay đếm tiền và con thấy nét mặt họ rất rạng rõ. Qua nét mặt cũng thấy họ rất vui với những gì họ có được. Để có suy luận đó, con tôi cũng từng chứng kiến ở Cộng hòa Liên bang Đức cảnh những người dân nhận tiền trợ cấp xã hội hàng tháng, nét mặt buồn thiu khi cầm trong tay 500 euro một lượng tiền không nhỏ với một số gia đình nông dân Việt Nam. Các bà, các chị bán hàng ngồi đếm những đồng tiền có thể là không nhiều, nhưng họ có niềm vui, đó là niềm vui từ lao động. Nó giúp tôi hiểu thêm rằng nếu chỉ lấy đồng tiền làm thước đo sẽ không thể hiểu tại sao Hàn Quốc là quốc gia có mức sống không kém phương Tây, nhưng số người tự tử nhiều thứ hai thế giới; Đan Mạch được xếp hạng nhất trên thế giới về bình quân thu nhập, nhưng ở đó số lượng người tự tử cao nhất trong khu vực Bắc Âu?

Đảng và Nhà nước đã và đang đề ra, thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội đúng đắn, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Vì thế, vấn đề không phải là nước này, tổ chức quốc tế kia đánh giá hay bình chọn, vì người dân và cuộc sống con người luôn luôn là chủ thể, là mục tiêu cụ thể của mọi chính sách và hành động. Một việc làm thiết thực gần đây là sự phát triển quan trọng liên quan đến quyền con người trong Hiến pháp sửa đổi. Từ sự kiện này, tôi càng tin đất nước ta sẽ tiếp tục đạt được nhiều thắng lợi trong thúc đẩy các giá trị quyền con người, người dân ngày càng được hưởng tốt hơn các giá trị vật chất, tinh thần do xã hội đem lại. Đó là bằng chứng minh sự đúng đắn của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam trong việc xác định mục tiêu kinh tế - xã hội và quyết tâm cùng toàn dân hành động để đạt tới mục tiêu.

KHÔNG AI CÓ THỂ XUYÊN TẠC NHỮNG THÀNH TỰU NHÂN QUYỀN CỦA VIỆT NAM*

HOÀI SƠN

Tại phiên họp thứ 26 ngày 20-6-2014, tổ chức ở Geneva, Thụy Sĩ, Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc đã thông qua Báo cáo UPR của Việt Nam. Đây chính là sự khẳng định của cộng đồng quốc tế đối với các thành tựu của Việt Nam trong việc thực thi các quyền con người, đồng thời là sự bác bỏ các luận điệu xuyên tạc, bóp méo sự thật của các thế lực thù địch, cùng một số tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí đối với Việt Nam.

UPR là một cơ chế của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc được thiết lập theo Nghị quyết 60/251 ngày 3-4-2006, trong đó có việc rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các nghĩa vụ và cam kết của 192 quốc gia thành viên Liên hợp quốc đối với việc bảo đảm quyền con người theo Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế và các cơ chế nhân quyền khác mà quốc gia đó là thành viên. UPR tiến hành theo chu kỳ bốn năm, dựa trên nguyên tắc bình đẳng giữa các quốc gia, căn cứ vào những thông tin khách quan, tin cậy, toàn diện, có tính đến trình độ phát triển và đặc thù của mỗi nước... Mục tiêu của UPR là cải thiện tình

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 4-7-2014.

trạng nhân quyền, thúc đẩy thực hiện các nghĩa vụ và cam kết bảo đảm quyền con người, nâng cao năng lực, hỗ trợ kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm giữa các quốc gia.

UPR được tiến hành trên cơ sở ba tài liệu gồm: báo cáo do quốc gia trong diện kiểm điểm tự chuẩn bị; tài liệu do Văn phòng Cao ủy nhân quyền Liên hợp quốc chuẩn bị; bản tóm tắt từ các thông tin do các viện nhân quyền quốc gia (NHRI), các tổ chức phi chính phủ (NGOs) và các tổ chức xã hội dân sự cung cấp. Mỗi chu kỳ UPR gồm phiên họp do Nhóm làm việc (đại diện 47 quốc gia thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc) tiến hành và phiên họp toàn thể. Tại phiên họp của Nhóm làm việc, quốc gia trong diện kiểm điểm sẽ trình bày tình hình nhân quyền trong nước và các biện pháp đã áp dụng để thúc đẩy, bảo vệ nhân quyền. Tiếp đó, các quốc gia khác sẽ đặt câu hỏi và đưa ra các khuyến nghị để quốc gia trong diện kiểm điểm xem xét, quyết định và được tổng hợp, thông qua vào cuối phiên họp của Nhóm làm việc.

Trong thời gian giữa phiên họp của Nhóm làm việc tới phiên họp toàn thể của Hội đồng Nhân quyền, quốc gia thuộc diện kiểm điểm sẽ cân nhắc, đưa ra quyết định cuối cùng về việc chấp nhận hay không chấp nhận các khuyến nghị.

Việt Nam tham gia UPR chu kỳ I vào tháng 5-2009 và đạt kết quả tích cực; tới tháng 2-2014, Việt Nam tiếp tục tham gia phiên họp đầu tiên của UPR chu kỳ II, ghi nhận 227 khuyến nghị từ 107 quốc gia. Tại phiên họp toàn thể UPR chu kỳ II ngày 20-6, Đại sứ Nguyễn Trung Thành, Trưởng Phái đoàn đại diện thường trực của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Liên hợp quốc, đã thông báo Việt Nam chấp nhận 182/227 (80,17%) khuyến nghị của các nước và các tổ chức quốc tế đã nêu ra tại phiên họp tháng 2-2014. Đây là tỷ lệ chấp thuận rất cao, thể hiện rõ ràng, cụ thể thái độ nghiêm túc, chân thành, cởi mở, quyết tâm của Việt Nam. Các

khuyến nghị được chấp nhận tập trung vào các vấn đề: tăng cường chính sách, biện pháp và nguồn lực để thúc đẩy và bảo vệ quyền kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội và dân sự phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế; nỗ lực hoàn thành các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đúng thời hạn; hoàn thiện, nâng cao hệ thống pháp luật, tư pháp và các cơ chế quốc gia về quyền con người; bảo đảm quyền cho các nhóm xã hội dễ bị tổn thương; xây dựng năng lực của các cơ quan thực thi pháp luật trong khuôn khổ của nhà nước pháp quyền... Việc Việt Nam chấp thuận số lượng lớn các khuyến nghị xuất phát từ chính sách nhất quán và cam kết mạnh mẽ bảo đảm, phát huy các quyền con người tại Việt Nam. Mặc dù còn phải tập trung giải quyết những khó khăn về kinh tế - xã hội, nhưng Việt Nam vẫn rất nỗ lực để mọi người dân luôn được tăng cường thụ hưởng các quyền lợi kinh tế, xã hội, văn hóa, dân sự và chính trị theo đúng các chuẩn mực quốc tế, phấn đấu hoàn thành tất cả các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ, hoàn thiện hệ thống pháp luật, các cơ chế, chủ trương, chính sách để bảo đảm ngày càng tốt hơn các quyền con người, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Tuy nhiên, với một số tổ chức và cá nhân có thái độ thù địch hoặc thiếu thiện chí với Việt Nam, thì việc Việt Nam tiến hành báo cáo tại UPR chu kỳ II là cơ hội để họ xuyên tạc, vu khống, đổi trắng thay đen nhằm tác động tới dư luận quốc tế và làm ảnh hưởng tới uy tín của Việt Nam. Vì thế, vào dịp này, các tổ chức, như Ân xá quốc tế (AI), Tổ chức theo dõi nhân quyền (HRW) đã vội vã lên tiếng "bày tỏ quan ngại" về một số cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật và đã bị xét xử theo luật pháp Việt Nam; thậm chí họ còn lố bịch đến mức "yêu cầu Việt Nam sửa đổi Bộ luật hình sự cho phù hợp với Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR)". Rồi Võ Văn Ái, kẻ cầm đầu cái gọi là "Ủy ban bảo vệ quyền làm người Việt Nam" (!) tán phát

tài liệu vận động các quốc gia thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc gây sức ép đòi Việt Nam chấp nhận các khuyến nghị về quyền con người, rêu rao chính quyền Việt Nam "đàn áp tôn giáo, sách nhiễu, bắt giam tùy tiện". VOICE (một NGO trái hình) thì cáo kết với một số tổ chức núp bóng "tổ chức xã hội dân sự" chủ yếu chỉ sinh tồn trên internet tổ chức cái gọi là "chiến dịch vận động nhân quyền" tập trung vận động Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc không thông qua Báo cáo UPR chu kỳ II của Việt Nam. Tháng 2-2014 và tháng 6-2014, họ tổ chức đưa vài ba người từ trong nước đến Geneva để tiến hành một số hoạt động, đưa ra một số phát ngôn có tính chất vu cáo Nhà nước Việt Nam trong vấn đề nhân quyền. Và họ đã thất bại rất thảm hại, mà không ai khác, trả lời phỏng vấn của RFA ngày 20-6-2014, một người trong số này đã phải thừa nhận: "Cuộc kiểm điểm định kỳ vừa mới kết thúc chiều 20-6-2014 tại Geneva. Nhìn chung rất thuận lợi cho phía Việt Nam, họ đánh giá rất cao báo cáo của Việt Nam. Họ chúc mừng Việt Nam đã chấp nhận những kiến nghị của họ. Sau đó chủ tịch của hội đồng hỏi có ai có ý kiến phản đối về chuyện này hay không để thông qua hay không thông qua. Và như vậy là không có một ý kiến nào phản đối cả. Bản báo cáo của Việt Nam được thông qua một cách đồng thuận cao".

Việc Việt Nam chấp nhận, cam kết thực hiện khuyến nghị của các nước với tỷ lệ cao tại UPR II cũng như việc Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua báo cáo của Việt Nam thể hiện sự ghi nhận, đánh giá tích cực, khách quan của các nước và tổ chức quốc tế đối với những thành tựu của Việt Nam trong việc thực thi quyền con người, phản ánh vị thế, uy tín ngày càng cao của Việt Nam trên trường quốc tế. Hầu hết đại biểu các nước tham dự phiên họp đánh giá cao những nỗ lực và thành tựu của Việt Nam về bảo đảm quyền con người, hoan nghênh Việt Nam chấp thuận

phần lớn các khuyến nghị và có thái độ hợp tác, xây dựng trong tiến trình UPR nói chung, bảo đảm quyền con người ở Việt Nam nói riêng; trong đó, đặc biệt hoan nghênh Quốc hội Việt Nam đã thông qua Hiến pháp năm 2013 đề cao quyền con người.

Các nước trong ASEAN và Marốc, Xri Lanca chúc mừng Việt Nam hoàn thành sớm nhiều Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ, coi đó là hình mẫu trong việc tạo điều kiện nền tảng để bảo đảm quyền con người. Các nước Pakixtan, Thái Lan Uzobékixtan... đánh giá cao sự tham gia rộng rãi của nhiều bộ, ngành của Việt Nam trong quá trình UPR, cũng như việc Việt Nam xem xét nghiêm túc, giải thích rõ ràng các khuyến nghị chưa được chấp nhận. Đại diện Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) đánh giá cao nỗ lực của Việt Nam trong bảo đảm quyền trẻ em, trong đó có Quyết định 535 gần đây của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam về việc thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban công ước Quyền trẻ em. Phát biểu của các tổ chức phi chính phủ (NGOs) nhìn chung là đa chiều và cân bằng về tổng thể. Các NGO của Việt Nam hoặc quốc tế có quan hệ, điều kiện tiếp cận thông tin từ trong nước (Liên đoàn Luật sư Dân chủ, Hội đồng Hòa bình thế giới...) nhấn mạnh các thành tựu của Việt Nam; nêu ra một số khó khăn quan trọng của Việt Nam, nhất là các vấn đề về giải quyết hậu quả chiến tranh, đề nghị Việt Nam quan tâm, nỗ lực khắc phục và đề nghị cộng đồng quốc tế giúp đỡ. Hội Người đồng tính nam và đồng tính nữ quốc tế ghi nhận Việt Nam không có chính sách phân biệt đối xử; đồng thời nêu một số khó khăn của những người đồng tính chuyển giới và đề nghị Nhà nước quan tâm, trong đó có việc hướng tới công nhận hôn nhân đồng giới. Nhiều đoàn đại biểu đã chúc mừng thành công của đoàn Việt Nam, đồng tình với các ứng xử của Việt Nam, cũng như quy trình chuẩn bị, bảo vệ, báo cáo nghiêm túc với sự tham gia rộng rãi và có trách nhiệm của nhiều bộ, ngành hữu quan của Việt Nam.

Với những thành tựu nhân quyền đã đạt được và những cam kết mạnh mẽ tại UPR chu kỳ II, thời gian tới, Việt Nam sẽ tiếp tục nỗ lực toàn diện trong bảo đảm các quyền con người đối với mọi công dân. Tại phiên họp toàn thể, Đại sứ Nguyễn Trung Thành khẳng định, Việt Nam sẽ nghiêm túc triển khai 182 khuyến nghị UPR cũng như các cam kết tự nguyện khác. Đại sứ nhấn mạnh với tinh thần gương mẫu, với trách nhiệm của một nước thành viên Hội đồng Nhân quyền, Việt Nam luôn coi trọng cơ chế UPR; đồng thời cho biết Việt Nam sẽ thường xuyên cập nhật, chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi, đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ để triển khai có hiệu quả các khuyến nghị, tăng cường các quyền và tự do của người dân, đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ, thúc đẩy quyền con người trên toàn thế giới. Mặc dù chẳng đường phát triển của Việt Nam trong các năm tới có nhiều thuận lợi, nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức và mặc dù các thế lực thù địch, các tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí ráo riết tuyên truyền để vu cáo Đảng, Nhà nước Việt Nam thì họ vẫn không thể nào lừa gạt được những người có lương tri trên thế giới. Đó là sự thật mà họ cần nhận ra để có suy nghĩ, hành động thật sự vì con người, cho con người.

CÁC TỔ CHỨC TIN LÀNH TẠI VIỆT NAM "SỐNG PHÚC ÂM, PHỤNG SỰ THIÊN CHÚA, PHỤC VỤ TỔ QUỐC VÀ DÂN TỘC"*

NGUYỄN XUÂN HÙNG

Năm 2011, cộng đồng Tin lành tại Việt Nam long trọng kỷ niệm 100 năm Tin lành được truyền bá tới Việt Nam và tính từ sau năm 1975 đến nay, số công dân theo Tin lành từ khoảng 160 nghìn đã lên tới hơn một triệu người cho thấy sự phát triển vượt bậc của tôn giáo này chỉ sau mấy chục năm. Tuy nhiên đáng tiếc cho đến nay, vẫn có một số người sử dụng vấn đề liên quan tới Tin lành để vu khống Nhà nước Việt Nam về tự do tôn giáo.

Xét từ góc độ giao lưu tư tưởng, văn hóa, tôn giáo thì việc đầu thế kỷ XX, một Hội truyền giáo Tin lành xuất xứ từ Hoa Kỳ đến truyền giáo tại Việt Nam là không có gì đặc biệt. Khi đó, Đông Dương thuộc Pháp, là xứ sở truyền giáo đầy khó khăn. Khó khăn là vì chính quyền Pháp ngăn trở, xã hội văn hóa cổ truyền Á châu xa lạ với Kitô giáo, nhất là với Tin lành. Các giáo sĩ đã kiên trì, dùng các phương pháp truyền giáo hiện đại, mới lạ, cùng nguồn tài lực to lớn để hoạt động. Việc truyền giáo nhiều lần bị ngưng trệ, gián đoạn do ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế, chiến tranh, v.v. đến cuối thời Pháp thuộc, các giáo sĩ Tin lành mới gầy dựng được một cộng đồng tín đồ khoảng 13.000 người. Thời kỳ 1955 - 1975,

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 1-8-2014.

một chiến lược truyền giáo quy mô với sự hậu thuẫn của Tin lành thế giới, giới chức dân sự, quân sự Mỹ và chính quyền Sài Gòn được triển khai. Tuy nhiên, dù được hỗ trợ tối đa nhưng kết quả truyền giáo của Hội Truyền giáo C.M.A (The Christian and Missionary Alliance), Hội thánh Tin lành Việt Nam rất hạn chế. Hằng năm chỉ tăng lên từ 1.000 đến 1.500 tín đồ, chưa trừ đi số tăng tự nhiên. Tại vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, các tỉnh duyên hải miền trung, tình hình cũng tương tự. Với khoảng hơn 160.000 tín đồ vào thời điểm 1975, Tin lành vẫn là cộng đồng tôn giáo thiểu số. Nhìn chung, do lịch sử truyền giáo, cho nên thành phần Tin lành tại Việt Nam tương đối đồng nhất, tập trung chủ yếu vào Hội thánh Tin lành Việt Nam. Sau năm 1975, bối cảnh chính trị, xã hội mới và có sự biến động lớn trong thành phần chức sắc, tín đồ, nên có một thời gian Tin lành hầu như không phát triển. Nhưng bắt đầu từ cuối thế kỷ XX, sự phục hồi và gia tăng hoạt động truyền giáo của Tin lành đã kéo theo sự gia tăng đột biến số lượng tín đồ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nguyên nhân của hiện tượng này là cuộc khủng hoảng, suy thoái của hệ thống tín ngưỡng, tôn giáo cổ truyền của đồng bào dân tộc thiểu số ở miền cao.

Nhìn về hình thức, phải nói rằng, Tin lành đã mang một sắc thái mới đến với hoạt động tôn giáo ở Việt Nam. Vì đây là một tôn giáo phương Tây điển hình với tổ chức giáo hội dân chủ, nghi thức đơn giản, tín đồ có niềm tin tôn giáo sâu sắc, nhiệt huyết truyền giáo. Trong quá trình truyền giáo, các giáo sĩ Tin lành đã có một số đóng góp về đạo đức, lối sống, về văn hóa qua các công trình khảo cứu về văn hóa tộc người, các hoạt động từ thiện, nhân đạo, sự giáo dục tín đồ sống lành mạnh, ý thức tiết kiệm, nhanh nhẹn, cẩn cù trong cuộc sống, v.v. đây là những nét văn hóa đáng ghi nhận. Mặt khác, lịch sử truyền giáo cho thấy Tin lành cũng gây ra sự va

chạm tôn giáo, văn hóa với hệ thống tín ngưỡng tôn giáo, tập tục, truyền thống văn hóa của cư dân bản địa. Nguyên do là các giáo sĩ áp dụng các chủ thuyết thần học có phần cứng nhắc, các phương thức truyền giáo điển hình của phương Tây không phù hợp với bối cảnh văn hóa, xã hội Việt Nam. Với tư tưởng không hội nhập, không thỏa hiệp, với tinh thần áp đặt, chinh phục, một số các giáo sĩ Tin lành đã gây ra các va chạm tôn giáo - văn hóa không đáng có và là nguyên nhân chính khiến kết quả truyền giáo của họ không mấy ấn tượng.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phát triển đất nước, các chủ trương, chính sách mới của Nhà nước Việt Nam về tín ngưỡng - tôn giáo đã được ban hành, phát huy hiệu quả. Pháp lệnh về tín ngưỡng và tôn giáo năm 2004, Chỉ thị 01/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về công tác đối với đạo Tin lành, Nghị định 92/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh về tín ngưỡng và tôn giáo,... đã đưa tới những thay đổi lớn trong việc thực thi, giải quyết nhiều vấn đề liên quan tới tư cách pháp lý và mọi mặt hoạt động tôn giáo nói chung, các tổ chức giáo hội, giáo phái Tin lành nói riêng. Đến nay, đã có 10 tổ chức giáo hội, giáo phái (hệ phái) Tin lành được Nhà nước cấp công nhận là tổ chức tôn giáo. Tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhu cầu sinh hoạt tôn giáo hợp pháp của chức sắc, tín đồ Tin lành đã và đang được tạo điều kiện thực hiện bình thường trong khuôn khổ pháp luật. Các hệ phái, nhóm Tin lành nhỏ tuy chưa được công nhận tư cách pháp nhân cũng được tạo điều kiện đăng ký sinh hoạt. Nhìn nhận một cách khách quan, từ khi các chủ trương, chính sách mới được triển khai, cộng đồng Tin lành ở Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực, đáng ghi nhận như: tính tuân thủ pháp luật, năng động và tích cực trong vai trò là một nhân tố góp phần phát triển lối sống, văn hóa, đạo đức tiến bộ trong đời sống xã hội và

phát triển kinh tế, phát triển cộng đồng. Nhiều nơi, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số, đời sống của đồng bào theo Tin lành đã có một số thay đổi tích cực, theo hướng văn minh, tiến bộ...

Cùng với các kết quả kể trên, vẫn còn tồn đọng một số vấn đề liên quan đến hoạt động của các tổ chức giáo hội, giáo phái Tin lành, như nhận tài trợ từ bên ngoài để hoạt động truyền giáo không theo quy định của pháp luật, đả phá bài xích các tôn giáo khác làm tăng nguy cơ mâu thuẫn dân tộc - tôn giáo và khôi đại đoàn kết dân tộc. Một vài cá nhân, nhóm Tin lành đã có hoạt động liên quan đến tổ chức chính trị cốt để gây tiếng vang và thu hút tài trợ từ bên ngoài. Bởi vậy, để làm rõ hơn nội tình đa dạng phức tạp của nhiều nhóm, hệ phái Tin lành cần tìm hiểu, đánh giá, phân tích một cách khách quan, trung thực để giải quyết.

Sau năm 1975, ngoài các cơ sở thờ tự của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) tại một số thành phố, đô thị lớn vẫn được sử dụng sinh hoạt tôn giáo, phần lớn các cơ sở còn lại đều có quy mô nhỏ (như nhà thờ làm bằng tôn ván), bị chiến tranh tàn phá hoặc bị xuống cấp do tín đồ tan lìa, không còn sử dụng, hoặc đã chuyển đổi mục đích sử dụng; một số cơ sở văn hóa, từ thiện, cứu trợ, y tế được trưng dụng theo chủ trương của Nhà nước phục vụ lợi ích chung. Từ năm 1976 đến trước năm 2001, Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) chưa được Nhà nước chính thức công nhận tư cách pháp nhân một tổ chức giáo hội, cho nên việc điều hành, duy trì, bảo tồn các cơ sở vật chất gặp khó khăn, từng xảy ra các vụ chiếm cứ, sang nhượng từ các tín đồ chúc sắc trong nội bộ. Sau hơn 30 năm, các cơ sở vật chất đó hầu như không còn giá trị sử dụng (trừ một vài cơ sở lớn), và đòi hỏi của giáo hội Tin lành thực chất là vấn đề "quyền sử dụng đất" liên quan tới các cơ sở đó. Tuy nhiên, rất nhiều vấn đề phức tạp khác (như: sở hữu, đền bù, di dời) khiến các cấp chính quyền gặp nhiều khó khăn, không thể giải quyết nhanh chóng. Hiện nay, sau khi

giáo hội đã có tư cách pháp nhân, nhu cầu chính đáng về cơ sở thờ tự, đất đai... đã và đang được Nhà nước quan tâm xem xét, giải quyết. Chính quyền thành phố Hồ Chí Minh và nhiều địa phương, trong đó có các tỉnh ở Tây Nguyên, đã trả lại khá nhiều cơ sở tôn giáo do Nhà nước mượn trước đó, hoặc cấp đất, cấp phép, hỗ trợ rất nhiều tổ chức giáo hội, hệ phái đã đăng ký tổ chức tôn giáo tiến hành xây dựng cơ sở. Một vấn đề đáng chú ý là, dường như việc vận hành bộ máy tổ chức của cơ quan Tổng Liên hội khác với truyền thống giáo hội, việc chưa có một đường hướng thần học và giáo nghi thống nhất của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) là nguyên nhân gây ra tình trạng ly khai, chia rẽ nhóm phái trong nội bộ tổ chức của một số tổ chức giáo hội Tin lành gần đây? Có nhiều sự việc xảy ra tại một số chi hội Tin lành địa phương là bằng chứng chứng minh cho nhận định trên. Vì đây là công việc nội bộ của giáo hội, nên các cấp chính quyền rất khó khăn để can thiệp làm vừa lòng tất cả các bên liên quan. Cho nên thông tin về một số vụ việc xảy ra ở một vài địa phương gần đây cần đề cập, tìm hiểu, phân tích cẩn trọng. Về phần Tin lành, cũng nên tự xem lại đặc tính truyền giáo đôi khi có tính quá khích, cực đoan, đôi khi sử dụng cách thức chiêu mộ tín đồ thiếu lành mạnh (như chiêu mộ "chiên", "ăn trộm chiên" của tôn giáo khác, thậm chí cả giữa các hệ phái Tin lành với nhau). Đối với người Việt theo tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên thì chưa xảy ra vụ việc gì lớn, nhưng với một số tôn giáo khác như Phật giáo Tiểu thừa, Hồi giáo thì đã từng xảy ra một vài vụ việc gây xung đột. Đây là điều đáng tiếc và các cơ quan chính quyền cần phải có sự can thiệp, hòa giải. Tuy nhiên, nếu coi đó là biểu hiện của việc Tin lành là nạn nhân của việc chính quyền cố ý dùng chính sách phân biệt đối xử và kỳ thị, bỗ mặc hoặc đàn áp,... thì chỉ là sự vu cáo, kích động mà thôi.

Ngày nay, sự tồn tại của cộng đồng Tin lành tại Việt Nam đang có rất nhiều thuận lợi từ bối cảnh bình yên của đất nước, của xã hội.

Công dân theo Tin lành được sống giữa một dân tộc hòa hiếu, yêu hòa bình, không kỳ thị tôn giáo; một Nhà nước luôn khẳng định và nỗ lực vì khối đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, mọi tôn giáo, cùng phấn đấu xây dựng xã hội "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", tôn trọng quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của mọi người dân. Trong bối cảnh đó, ngoại trừ một vài cá nhân, vài nhóm phái hiếm hoi còn chưa thấu triệt, chưa rút ra bài học lịch sử, văn hóa cần thiết, nên kêu gọi đổi đầu, đả phá, bài xích các tôn giáo khác, thậm chí phản đối Nhà nước, một cách cực đoan như cái gọi là "Tuyên ngôn thuộc linh" của một "hiệp hội Cơ đốc" gần đây... thì lập trường của các tổ chức Tin lành tại Việt Nam rất rõ ràng, đó là "sống Phúc âm, phụng sự Thiên chúa, phục vụ Tổ quốc và dân tộc", và tất nhiên đường hướng đúng đắn này luôn được Nhà nước đồng thuận, bảo trợ thực thi trên cơ sở pháp luật.

TỰ DO TÔN GIÁO VÀ TỰ DO THỂ HIỆN TÔN GIÁO*

Cư sĩ TUỆ MINH

Tự do tôn giáo và tự do thể hiện tôn giáo là hai vấn đề có liên quan với nhau nhưng không đồng nhất. Tuy nhiên, ở Việt Nam, có một số người đã đồng nhất hoặc cố tình hiểu sai hai vấn đề này cũng như mối quan hệ giữa chúng, từ đó xuyên tạc quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Từ nhu cầu nội sinh, từ hoàn cảnh khá đặc biệt trong quá trình tiếp xúc, giao lưu văn hóa với thế giới mà Việt Nam trở thành quốc gia có nhiều tôn giáo, hầu hết các tôn giáo lớn có đồng tín đồ trên thế giới đều có mặt (chỉ không có Do Thái giáo và Sikh giáo). Theo dòng thời gian, nhìn chung các tôn giáo ở Việt Nam khá hòa đồng, hầu như không xung đột. Sở dĩ như vậy có lẽ vì bản thân mỗi tôn giáo chứa đựng tư tưởng khiêm dung, phù hợp với văn hóa, đạo đức của người Việt Nam. Trong các thời kỳ lịch sử trước đây, một số tôn giáo đã có vai trò nhất định trong đời sống xã hội Việt Nam, tham gia vào việc hình thành phong tục, tập quán, nhất là tính nhân văn trong quan niệm sống, trong quan hệ giữa người với người,... đó là điều rất hiển nhiên, vì một tôn giáo tồn tại trong xã hội thì phải đóng góp cho xã hội đã tạo điều kiện để nó tồn tại. Nhưng giá trị lớn nhất, đáng nói nhất là các tôn giáo ở

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 5-8-2014.

Việt Nam có mẫu số chung là đồng hành cùng dân tộc. Về phần mình, Nhà nước đã và đang áp dụng chính sách bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đồng thời với việc tôn trọng, nâng đỡ những giá trị đạo đức, văn hóa của tôn giáo.

Việt Nam là quốc gia đã ký kết và tham gia Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) của Liên hợp quốc. Theo Điều 18 ICCPR (Công ước quốc tế về các quyền tự do tư tưởng tín ngưỡng và tôn giáo) thì quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo (sau đây gọi tắt là quyền tự do tôn giáo) được coi là một trong những quyền cơ bản của con người, cần được tôn trọng, bảo vệ. Ai cũng có thể tra cứu và tìm hiểu quyền đó. Những người hiểu về quyền tự do tôn giáo theo nhận thức chung của nhân loại được Liên hợp quốc ghi nhận trong Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế (UDHR) hoặc trong ICCPR, sẽ dễ dàng thực hiện quyền tự do tôn giáo của mình, cũng như thực hiện đúng quyền ấy để không vi phạm quyền của người khác và lợi ích của xã hội, vì họ biết phạm vi và giới hạn của quyền ấy. Chính Điều 18 ICCPR quy định rõ ràng để nhân loại hiểu và phân định giữa quyền tự do tôn giáo với tự do thể hiện tôn giáo, để trên thực tế mọi người không đánh đồng hay coi chúng là một, hoặc không thấy sự độc lập giữa hai thuật ngữ này. Có người không phân biệt hay cố tình không phân biệt quyền tự do tôn giáo với tự do thể hiện tôn giáo và cho rằng, không có giới hạn trong quyền tự do tôn giáo, mọi người hoàn toàn tuyệt đối tự do lựa chọn, tin theo tôn giáo của mình! Nhưng khi thể hiện quyền tự do tôn giáo, tức là thực hiện hành vi tôn giáo trên thực tế với bối cảnh, điều kiện xã hội cụ thể mỗi người đang sống thì có ảnh hưởng, tác động gì đến chung quanh hay không? Mà khi đã ảnh hưởng, tác động đến chung quanh thì không ở đâu, không có xã hội nào lại đồng tình với việc vì đáp ứng nhu cầu rất riêng tư của cá nhân này lại làm ảnh hưởng tới nhu cầu riêng tư của cá nhân khác, ảnh hưởng tới trật tự vốn có của xã hội.

Vì thế, Điều 18 ICCPR cho phép hạn chế quyền tự do thể hiện tôn giáo trong quy định của hệ thống pháp luật nhất định, khi hệ thống quy phạm pháp luật quy định sự cần thiết để bảo vệ sự an toàn, trật tự, sức khỏe, hoặc đạo đức của xã hội, hoặc các quyền và tự do cơ bản của những người khác. Thế nên cần hiểu đúng để tránh sự cố chấp. Trên phương diện khác, có người hiểu chưa đúng hay nói chính xác là chưa đầy đủ về quyền tự do tôn giáo. Khi cách hiểu không đúng đó tích tụ lâu dần, nhiều dần, sẽ tạo thành xu hướng suy diễn tự do tôn giáo một cách tuyệt đối, tức là cho rằng tôi theo tôn giáo nào thì tôi tự ý làm mọi việc tôi thích, người chung quanh phải chấp nhận; hay mọi sinh hoạt tôn giáo của tín đồ (gồm cả các hoạt động gần giống, hay có vẻ thế) là bất khả xâm phạm, nếu bị xâm phạm sẽ bị coi là vi phạm quyền tự do tôn giáo... Tuy nhiên, nếu lấy lý do đang thực hiện quyền tự do tôn giáo của mình mà không lưu ý hoặc cố tình làm ảnh hưởng tới các giá trị và trật tự được pháp luật quy định, bảo vệ thì tất nhiên là trật rồi, chẳng hay ho gì trong tình huống ấy.

Hòa thượng Thích Quảng Độ rất nhiều lần bày tỏ mong muốn chính giới một số quốc gia phương Tây can thiệp vào Việt Nam để thay đổi chế độ chính trị, thay đổi vấn đề dân chủ, nhân quyền và tự do tôn giáo ở đất nước mình,... Chẳng lẽ tự do tôn giáo là kêu gọi sự can thiệp vào chính quốc gia mình hay sao? đã từng có những bài học nhãn tiền về sự can thiệp từ bên ngoài vào một quốc gia có chủ quyền chỉ đem lại sự phá hủy về vật chất, báng hoại về văn hóa, nền tảng tinh thần xã hội. Cư sĩ Lê Công Cầu ở Thừa Thiên Huế gần đây xuất hiện nhiều trên các diễn đàn Internet liên quan đến Phật giáo để nói xấu quê hương, đất nước hòng kêu gọi trợ giúp từ bên ngoài; từ việc bênh vực cho bản thân và một số tăng sĩ mà Cư sĩ Lê Công Cầu đang tiếp tay lại đi đến mức dại dột hơn là đề nghị các cá nhân, tổ chức nước ngoài can

thiệp vào Việt Nam để thay đổi trật tự trên đất nước mà Cư sĩ Lê Công Cầu đang sinh sống. Làm thế có khác gì "công rắn cắn gà nhè", tất nhiên Lê Công Cầu sức mẩy mà làm được điều to tát đó, nhưng tự do tôn giáo dứt khoát không phải như thế! Có thông tin cho rằng Lê Công Cầu còn làm "tổng thư ký" của một giáo hội gồm một số vị tu sĩ Phật giáo, và cho mình sánh ngang với Hòa thượng Thích Huyền Quang ngày trước! Không biết tại sao tổ chức giáo hội có một số tu sĩ chân tu nhưng lại để anh Lê Công Cầu - một cư sĩ, leo lên tới chức vị vốn chỉ dành cho tu sĩ chuyên nghiệp? Một số hòa thượng Thích Thiện Hạnh, Thích Viên Định tự ý lập ra tổ chức gọi là "Tăng đoàn Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất" để "vận động dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo cho Việt Nam". Họ tuyên truyền chống phá nhà nước đòi thay đổi chế độ chính trị ở đất nước mà họ là công dân. Tỏ rõ thái độ thù địch với chính quyền, không thể hiện tinh thần xây dựng và đóng góp cho xã hội, trong đó Phật giáo cùng các tu sĩ là một bộ phận.

Với một xã hội tiến bộ, đã tham gia ICCPR thì cần tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tôn giáo được quy định ở Điều 18 ICCPR, trong đó việc đầu tiên và tối thiểu phải phân biệt được quyền tự do tôn giáo với việc tự do thể hiện tôn giáo. Phân biệt như thế vừa để hiểu rõ, vừa để nhận diện hai vấn đề khác nhau như thế nào để thực hiện cho đúng đắn. Quyền lựa chọn tôn giáo là tuyệt đối, còn quyền biểu hiện tôn giáo không là tuyệt đối, người Phật tử cần nhớ điều này, người tu sĩ chuyên nghiệp càng phải hiểu kỹ hơn để hoạt động tôn giáo thỏa mãn quyền tự do tôn giáo của mình. Hiểu kỹ để giác ngộ, hướng dẫn Phật tử, tín đồ, vừa đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo, vừa góp phần xây dựng xã hội tiến bộ, bảo đảm quyền con người, trong đó quyền tự do tôn giáo là một quyền cơ bản. Cố tình quên, cố tình không phân biệt hai khái niệm này là có lỗi, mà tín đồ tôn giáo không thể không có lỗi

khi cố tình dối trá, không trung thực. Một người bình thường tìm hiểu về tự do tôn giáo có thể dễ dàng nhận ra, hà có gì một hòa thượng, một cư sĩ lớn tuổi (chắc hẳn cũng am hiểu đạo Phật) lại bỏ quên, hay chẳng dám đeo mặt, thật tội lỗi xiết bao! Khi Báo cáo viên đặc biệt về tôn giáo của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc tới Việt Nam, tôi tưởng ngài sẽ tiếp xúc, gặp gỡ, tìm hiểu, đối thoại với nhiều tổ chức tôn giáo, tu sĩ, chức sắc tôn giáo để có cái nhìn toàn cảnh về tình hình tôn giáo trên đất nước này, vì chỉ như thế mới thấy được thực chất quyền tự do tôn giáo ở đây. Nhưng như qua tin từ họp báo của ngài tại Hà Nội và trả lời phỏng vấn của ngài trên RFA, tôi thấy ngài còn phiến diện. Ngài nói: "Các thiết chế tôn giáo đa dạng đang có mặt, người ta thấy các kiến trúc tôn giáo, các tín đồ đi cúng lễ. Tuy nhiên, tất cả đó bị chính quyền kiểm soát chặt chẽ. Tín đồ tôn giáo bị thúc bách trong việc thực hành tín ngưỡng qua một số hình thái nào đó" là không đúng. Tôi và gia đình, bà con nơi tôi sinh sống vẫn thực hành tín ngưỡng bình thường, có ai bị kiểm soát đâu. Mà ngài đến gặp Hòa thượng Thích Quảng Độ thì làm sao ông ấy nói được điều tốt đẹp về đất nước tôi.

Sau khi Đại hội đồng Liên hợp quốc thành lập Hội đồng Nhân quyền (HRC) thay thế Ủy ban Nhân quyền (CHR) thì cơ chế hợp tác và đối thoại, tăng cường hiểu biết với cách tiếp cận "hiện thực hóa dần dần" trong thúc đẩy, bảo vệ quyền con người của HRC là điểm mới so với tiếp cận "tìm kiếm, nêu sai phạm" của CHR. Cư sĩ Lê Công Cầu chớ tưởng rằng cố kể lể Nhà nước Việt Nam vi phạm tự do tôn giáo, vi phạm quyền tự do tôn giáo của Hòa thượng Thích Quảng Độ và "Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất" là xóa nhòa được sự thật. Về điều này chúng ta nên tham khảo ý kiến của Hòa thượng Dhammananda bàn về Phật giáo và chính trị (Buddhism and Politics) in trong cuốn *Phật tử tin gì*

(What Buddhists Believe) phát hành năm 1995: Phật xuất thân từ tầng lớp vương tướng, và do đó, Ngài có nhiều liên hệ với các vị quốc vương, hoàng tử, quan lại trong triều đình. Mặc dù có nhiều liên hệ như thế, Ngài không bao giờ dùng các thế lực chính trị để truyền đạo, Ngài cũng không bao giờ cho phép giáo pháp của Ngài bị lợi dụng phục vụ cho các ý đồ chính trị... đời sống của mọi người trong xã hội được điều chỉnh bởi luật pháp và các quy định, bởi các bố trí kinh tế của quốc gia, bởi bộ máy quản trị hành chính, và như thế là chịu ảnh hưởng của các kết cấu chính trị ở quốc gia đó. Tuy nhiên, nếu cư sĩ Phật tử muốn tham gia chính trị thì người đó không nên lạm dụng tôn giáo để mưu đồ tạo ra các quyền lực chính trị cho mình. Còn các tu sĩ vốn đã xuất gia, xa rời đời sống thế tục để dấn thân vào con đường tôn giáo tinh thần, thì không nên có những liên hệ quá tích cực vào các hoạt động chính trị.

HÃY ĐỂ THỜI GIAN TRẢ LỜI BẰNG SỰ THẬT*

ETCETERA NGUYỄN

Trên bề mặt, nếu nhìn vào các sinh hoạt nổi bật ở Little Saigon (California) vào tháng 4 hàng năm, đặc biệt là ngày 30-4, người Mỹ bản địa và những vị khách chưa hiểu biết một cách thấu đáo về vấn đề, vẫn bị thu hút bởi mầu vàng của lá cờ “3 sọc đỏ” được treo khắp các con phố, trục lộ chính, nơi có nhiều cơ sở thương mại của người Mỹ gốc Việt buôn bán, làm ăn. Rồi nhiều cuộc hội họp, lễ lạt mang tính chất “tổ cộng” được tổ chức rầm rộ. Các hội đoàn chính trị, các chính khách địa phương tập hợp tại “Tượng đài Việt - Mỹ” ở trung tâm thành phố Westminster để kể lại trận chiến bị thua, về vết thương còn âm ỉ! Các sinh hoạt chính trị đó được các tờ báo của cộng đồng ghi lại, thổi lên thành “ngọn lửa căm thù chế độ cộng sản, căm thù chính phủ Việt Nam”. Việc này lặp đi lặp lại trong nhiều năm qua, và tất nhiên, có tác động đến những ai bị mất mát của cải, địa vị xã hội, quyền lợi chính trị từng có trước đây. Nhìn bề mặt thì như thế, nhưng theo ghi nhận của tôi, có yếu tố “đằng sau hậu trường” đáng ngạc nhiên. Và tôi có thể khẳng định rằng, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là ở Nam California, không cực đoan như các tờ báo cộng đồng cố tình mô tả.

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 14-4-2015.

Kể từ sau năm 1995, sau khi bang giao Mỹ và Việt Nam được thiết lập, đã có những người Mỹ gốc Việt đầu tiên trở về Việt Nam để tìm lại hình ảnh quê nhà thân thương, để thăm viếng; đã có những doanh gia lặng lẽ về nước tìm cơ hội làm ăn, giao thương buôn bán. Hơn 20 năm qua, các chuyến thăm thân, du lịch, giao dịch không còn là việc làm âm thầm, đơn lẻ nữa. Con đường nhỏ nay đã trở thành đại lộ thênh thang, không hạn chế bất cứ ai. Những năm gần đây, vị thế chính trị, kinh tế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế đã trở nên quan trọng, được đánh giá là một nước có nhiều tiềm năng kinh tế, phát triển tại Đông Nam Á. Các chuyến thăm hữu nghị của các cấp lãnh đạo Việt Nam ra quốc tế và ngược lại diễn ra đều đặn, ngày một nhiều hơn... Tuy nhiên, những thông tin tích cực ở Việt Nam đã không đến được với người dân bản địa. Có chăng thì đều bị bóp méo, xuyên tạc bởi những “nhà chính trị”, các “tổ chức chính trị” có quan điểm khác với Chính phủ Việt Nam. Bức tranh thực tế của đất nước đã bị một lớp sương mù bao phủ, làm nhiễu loạn có mục đích. Vậy mục đích, động cơ của các “nhà hoạt động chính trị cộng đồng” là gì? Họ muốn điều gì để rồi luôn luôn có thái độ thù nghịch với Chính phủ Việt Nam?

Nếu như trước đây, các cá nhân hám danh lợi, các tổ chức và hội đoàn chính trị một thời có tham vọng “lật đổ chế độ cộng sản” bằng bạo lực, để phục hồi quyền lực thì theo thời gian, họ biết rằng không thể làm được điều đó vì không có khả năng, thực lực. Khi biết không thể làm thay được quyền lãnh đạo đất nước, các “nhà hoạt động chính trị” này lại nỗ lực tự biến mình thành một thứ chính quyền trong cộng đồng nhỏ, họ áp đặt “chủ nghĩa chống cộng cực đoan” lên người có cùng cảnh ngộ. Họ muốn biến “cộng đồng tị nạn” thành một tập thể cực đoan, luôn hô hào chống cộng dưới mọi hình thức để trực lợi cho cá nhân, tổ chức của mình. Quyền lợi chính trị này không đến từ Việt Nam, mà đến từ chính nước sở tại vào mùa tranh cử hai hoặc bốn năm một lần ở các cấp từ tiểu bang

tới liên bang. Để có lá phiếu của cử tri gốc Việt, các ứng cử viên người bản xứ tìm đến vận động, xin hay “mua” từ những nhà lãnh đạo cộng đồng qua chiêu bài “chống cộng”, hay “dân chủ, tự do, nhân quyền”. Vào mùa tranh cử, các tổ chức chống cộng cấu kết với các cơ quan “truyền thông chống cộng” thao túng sinh hoạt cộng đồng. Các khó khăn, vấn nạn xã hội, hiện tượng tiêu cực ở Việt Nam là “nguyên liệu tốt” cho những nhà hoạt động chính trị cộng đồng nhào nặn thành “bánh vẽ”, tạo nên chiếc khiên đỡ, che đậy các động cơ chính trị tư lợi. Vào dịp đó, cộng đồng Việt ở Nam California thường hoạt động rất sôi nổi, đây là dịp cho những tay hoạt động chính trị nhảy ra chiếm diễn đàn để chống cộng, để chụp mủ nhau loạn xạ, bất kể đúng sai, nhao nhao muôn vàn hình thức “chống cộng” như biểu tình phản đối chính quyền Việt Nam, đòi tự do cho “nhà bất đồng chính kiến”, v.v.. Biểu tình chống phá Việt Nam để tạo tiếng vang, ghi thành tích; biểu tình đe dọa, chụp mủ lẩn nhau là công sản để cạnh tranh buôn bán xảy ra thường xuyên (và biết đâu là giành cho được ngân sách tranh cử rơi vào túi của họ?). Chiếc bánh quyền lợi được chia đều cho một thiểu số tổ chức đấu tranh, các tay lãnh đạo cộng đồng; một số tờ báo, cơ quan truyền thông chống cộng cũng được hưởng quyền lợi thông qua việc quảng cáo tranh cử. Vì thế, quyền lợi vật chất, chính trị của một thiểu số sẽ tiếp tục tồn tại, nếu đa số người Mỹ gốc Việt thiếu thông tin khách quan, trung thực từ Việt Nam.

Trong sự ngột ngạt đó, từ năm 2006, các phóng viên Việt Weekly quyết định tìm về Việt Nam làm tin tức tại chỗ. Với chủ trương đi tận nơi, tìm hiểu dựa tin khách quan, trung thực để một làn gió mới về thông tin từ Việt Nam được đưa thẳng tới cộng đồng. Đã có hàng loạt phóng sự về đời sống vùng miền, các cuộc phỏng vấn, trao đổi trực tiếp từ người dân đến các cấp lãnh đạo từ địa phương tới trung ương... Hoạt động này mang lại nhiều điều mới mẻ, khác lạ giúp kiều bào khắp nơi trên thế giới thấy và hiểu hơn

về Việt Nam. Đặc biệt là những chuyến đi thăm biển, đảo được Nhà nước Việt Nam, qua Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài tổ chức các năm gần đây, đã cho thấy thực chất những gì đang diễn ra ở vùng biển chủ quyền đất nước, giúp độc giả ở hải ngoại hiểu hơn tình hình thực địa chủ quyền biển, đảo. Từ năm 2013 tới nay, cá nhân tôi, là phóng viên người Mỹ gốc Việt duy nhất hiện sống và làm việc công khai thường trực tại Việt Nam. Tôi đã có cơ hội đi nhiều nơi, tự mình tìm hiểu đời sống thực tế của người dân. Tôi đâu tôi cũng chú ý lắng ghe, ghi nhận tường tận và cụ thể những câu chuyện người thật, việc thật. Hồi chuyện, đại đa số người dân đều muốn yên ổn làm ăn. Họ cố gắng làm việc với ước mong một cuộc sống ngày càng khá hơn. Ai nấy đều muốn hòa bình để làm kinh tế. Điều gây ấn tượng nhất đối với tôi khi làm việc ở Việt Nam chính là thế hệ trẻ. Trong những ngày ở Việt Nam, tôi chọn bờ hồ Gươm ở Hà Nội làm “văn phòng lưu động” vừa làm báo, vừa ngồi vẽ tranh cho du khách, tôi có cơ hội thấy nhiều học sinh, sinh viên ra đây gặp khách ngoại quốc để thực tập tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Hàn, tiếng Nhật, v.v.. Tôi chia sẻ với những ước vọng của họ, những hoạt động xã hội của họ và nghĩ đến đất nước trong tương lai. So với Mỹ hay những nước phương Tây, Việt Nam còn nhiều điều cần đổi mới, cần chấn chỉnh từ luật pháp tới hành pháp, từ kinh tế tới giáo dục và nhiều lĩnh vực khác. Nhưng tựu trung, so với thời trẻ của tôi hồi còn ở trong nước, giới trẻ hiện nay sống vui, có điều kiện hơn nhiều. Những người ngoại quốc đến làm ăn, du lịch ở Hà Nội và các vùng miền mà tôi đã gặp đều nhận xét tích cực, lạc quan về con người, đất nước Việt Nam. Mùa Giáng sinh vừa qua, tôi có dịp về quê nội ở Nam Định. Về thăm quê, tôi thực sự ngạc nhiên khi thấy vô số nhà thờ lớn nhỏ, cũ mới đan xen nhau theo từng họ đạo. Tôi đã ghi hình các buổi lễ với vài nghìn giáo dân đứng tràn ra ngoài đường phố. Sau Tết Nguyên đán, tôi lại có dịp tham quan, ghi nhận nhiều lễ hội ở miền Bắc. Người dân

được tự do bày tỏ tín ngưỡng, niềm tin tôn giáo của mình. Những gì tôi thấy thực tế ở Việt Nam là hoàn toàn khác so với hình ảnh Việt Nam “đàn áp tôn giáo” được nói đến ở hải ngoại...

Ở hải ngoại, phần lớn người Mỹ gốc Việt chọn thái độ im lặng để sống yên ổn. Con cái họ đã thành công trong công việc, nhiều người lớn tuổi đã về hưu hưởng phúc lợi xã hội. Sự thầm lặng của đám đông không đồng nghĩa với cực đoan mà chúng ta thấy. Số đông này vẫn có những mối liên hệ trực tiếp với Việt Nam. Số đông này ngày càng hiểu hơn khi được tiếp cận với các thông tin khác nhau đến từ mạng xã hội, đến từ các cơ quan truyền thông như Việt Weekly. Do đó, việc thông tin trực tiếp, khách quan từ báo chí độc lập như Việt Weekly đã góp phần tích cực, thuyết phục với những người xa xứ. Bản thân tôi có được một chút kinh nghiệm làm báo ở Việt Nam nhờ sống tại chỗ, tham gia nhiều sự kiện diễn ra hàng ngày ở Hà Nội. Các bài viết, phóng sự, video chúng tôi thực hiện trong thời gian qua, được độc giả khắp nơi đón nhận và khen ngợi, động viên. Độc giả đòi hỏi chúng tôi đi nhiều hơn, làm nhiều hơn nữa, để giúp họ được hiểu biết Việt Nam hơn. Đó chính là phần thưởng và động lực, nguồn động viên cho công việc báo chí của Việt Weekly.

40 năm suy nghĩ về sự kiện lịch sử 30-4, là một nhà báo sống ở nước ngoài trở về Việt Nam làm việc, tôi thấy công việc của mình ngày càng thú vị, hữu ích hơn cho độc giả của Việt Weekly ở khắp nơi trên thế giới. Có lẽ, chọn lựa trở về của tôi và anh chị em trong Việt Weekly chẳng khác nào những “con cá dám vượt vũ môn” từ một cộng đồng xa xôi, vẫn còn một nhóm người cực đoan, chống phá Nhà nước Việt Nam. Hãy cứ để thời gian trả lời bằng sự thật. Và chúng tôi, các nhà báo nguyện làm công việc khách quan, trung thực, để cung cấp những thông tin chính xác, nhanh nhẹy đến người ở ngoài nước, không may mắn có được cơ hội tiếp cận thực tế.

PHẦN II

**ĐỂ "VĂN HÓA SOI ĐƯỜNG
CHO QUỐC DÂN ĐI"**

NHỮNG KHOẢNG CÁCH CỦA NGHỆ THUẬT ĐƯƠNG ĐẠI*

DUY KHIÊM

Theo dõi sự phát triển của lịch sử nghệ thuật ở Việt Nam, nhất là giai đoạn cận - hiện đại, có thể nhận thấy những biến đổi theo hướng hiện đại hóa của nghệ thuật luôn là sản phẩm của những vận động có tính nội sinh của đời sống văn hóa xã hội và quá trình giao lưu văn hóa với thế giới. Hiện nay, nhiều hình thức điển hình của nghệ thuật Việt Nam hiện đại không có xuất xứ "thuần Việt", nghĩa là không có nguồn gốc từ các hình thức nghệ thuật truyền thống.

1. Với nghệ thuật Việt Nam, khó có thể nói rằng tiêu thuyết hiện đại, hội họa sơn dầu, tân nhạc, thậm chí sân khấu, điện ảnh là có nguồn gốc từ nghệ thuật truyền thống (được hiểu như nền nghệ thuật hình thành từ trước khi người Pháp xâm lược). Đó đều là các hình thức mang tính "ngoại nhập" trong quá trình giao lưu văn hóa với thế giới. Dẫu vậy, sự du nhập của những hình thức nghệ thuật này không xuất phát từ sự cưỡng bức từ bên ngoài mà là từ nỗ lực tự đổi mới của nghệ sĩ Việt Nam, từ nhu cầu tìm một hướng đi mới cho nghệ thuật dân tộc, để đáp ứng một cách đa dạng

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 5-10-2012.

nhu cầu thẩm mỹ và tinh thần của một xã hội đang biến chuyển. Hơn thế, các hình thái nghệ thuật này, khi vào Việt Nam đều phải trải qua một quá trình "bản địa hóa" một cách triệt để, không còn là một sản phẩm lai căng, xa lạ với văn hóa dân tộc. Bởi, nếu chỉ dừng lại ở kỹ thuật sơn dầu phương Tây và phong cách hội họa ấn tượng của nghệ thuật Pháp thì sẽ khó có được các thành tựu của mỹ thuật hiện đại Việt Nam qua tên tuổi của Lê Phổ, Tô Ngọc Vân, Phạm Thị Lựu,... Với các danh họa này, "phong cách" phương Tây, kỹ thuật phương Tây đã kết hợp một cách nhuần nhuyễn với đề tài thuần Việt, mỹ học dân tộc và tâm hồn Việt để tạo nên những thành tựu có tính cổ điển. Đó cũng chính là đường đi của văn học, âm nhạc, sân khấu...

Bên cạnh đó, cần ghi nhận một thực tế là trong nghệ thuật, những sáng kiến của người nghệ sĩ bao giờ cũng có tính đi trước thời đại, đi trước sự chuyển biến của công chúng. Thế nên, điều cần thiết là những cơ chế mang tính trung gian từ những người làm công tác phê bình đến các cơ quan có chức năng phổ biến như báo chí, nhà xuất bản, nhà hát, rạp chiếu phim, phòng tranh, triển lãm,... Chính các cơ chế này, trong tính lý tưởng của nó, sẽ đảm nhiệm chức năng làm cho những sáng tạo nghệ thuật mang tính chất tiên phong của người nghệ sĩ đến gần hơn với công chúng, có được sự thấu hiểu và đồng cảm từ phía người thưởng thức. Sâu xa hơn, đó là vai trò của hệ thống giáo dục nghệ thuật, một hệ thống có chức năng chuẩn bị kiến thức và tâm thức cho lớp công chúng tương lai.

2. Nhìn vào sự phát triển của nghệ thuật đương đại ở Việt Nam hiện nay, có thể thấy, từ năm 1986 đến nay, điều kiện giao lưu văn hóa, văn nghệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới đã có những thay đổi theo hướng mở rộng. Giới làm nghệ thuật ở Việt Nam bắt đầu được tiếp xúc với một phần nghệ thuật của thế giới

mà trước đây, do hoàn cảnh lịch sử, chưa thể tiếp xúc. Quan trọng hơn, là xuất hiện hàng loạt các nhân tố mới trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật như: chủ trương mở cửa và xã hội hóa; thị trường nghệ thuật hình thành và phát triển một cách mạnh mẽ; sự hiện diện đồng thời của nhiều tổ chức hay quỹ văn hóa của nước ngoài tại Việt Nam; sự tham gia của một số đơn vị kinh tế vào hoạt động văn hóa dưới hình thức các công ty truyền thông, các công ty tổ chức biểu diễn...

Có thể nói, hệ quả đầu tiên của tình trạng nêu trên là sự du nhập một số khuynh hướng nghệ thuật hiện đại và đương đại của thế giới vào Việt Nam. Do vậy, đời sống nghệ thuật ở Việt Nam đang diễn ra một quá trình kép, trong khi những hình thái nghệ thuật mang tính truyền thống vẫn tiếp tục có nhu cầu đổi mới thi pháp và mỹ học thì đồng thời, một số hình thái nghệ thuật mới bắt đầu được du nhập, từ nhu cầu tự thân của giới nghệ sĩ cũng như từ sự giao tiếp với nước ngoài, nhất là từ sự đỗ đầu của các tác nhân quốc tế (các quỹ, tổ chức,...). Vậy là bên cạnh văn học viết, sân khấu truyền thống, hội họa, thanh nhạc, múa, công chúng Việt Nam bắt đầu biết đến sắp đặt, trình diễn, video-art, sân khấu thể nghiệm, world music, múa đương đại...; thậm chí cả các hình thái có tính chất lai ghép như trình diễn thơ. Điều đó, tự thân đã cho thấy khoảng cách nhất định giữa những hình thái nghệ thuật này và công chúng, cũng như với đời sống nghệ thuật đương đại. Tương tự như tình trạng trong khi một phần lớn xã hội còn chưa đi hết con đường của hiện đại thì một số nghệ sĩ tiền phong (thật và giả?) lại hăng hái cổ vũ cho tính chất hậu hiện đại, để từ đó dẫn đến không ít chuyện "khóc dở mếu dở", như khi có người hồn nhiên coi "đại tự sự" của hậu hiện đại là những chuyện kể dài!

Bên cạnh khoảng cách nói trên, cũng không thể bỏ qua tình trạng việc tồn tại của một thị trường nghệ thuật (dưới hình thức

này hay hình thức khác, dưới dạng bán tác phẩm trực tiếp hoặc dưới dạng những dự án, giải thưởng nhận tài trợ của nước ngoài) dẫn đến việc nhu cầu của thị trường quyết định "giá trị sử dụng" của sản phẩm văn hóa, đồng thời cũng vô hình trung, vô tình hoặc hữu ý, khuyến khích tình trạng cắt rời những sản phẩm văn hóa, nghệ thuật khỏi môi trường xã hội bản địa. Không phải là vô lý khi mà cách đây chưa lâu, giới phê bình mỹ thuật đã phải gióng chuông báo động về sự lạm phát của các môtip nón lá, trâu, bò, nông thôn trong mỹ thuật Việt Nam do tác động của việc bán tranh ra nước ngoài. Không thể phủ nhận ý nghĩa tích cực của việc các quỹ nước ngoài, các dự án tài trợ nghệ thuật của nước ngoài đã khuyến khích các khuynh hướng mới trong đời sống nghệ thuật, nhưng cần tỉnh táo để đặt vấn đề ngược lại, là liệu trong khoảng mấy chục năm qua, bao nhiêu dự án nghệ thuật được nước ngoài tài trợ đi ra khỏi được những không gian văn hóa khép kín để đến được với công chúng, chưa nói đến việc đã tạo được tiếng vang và dấu ấn trong công chúng? Việc không ít bộ phim Việt Nam của các đạo diễn trẻ, được nhận tài trợ của các quỹ nước ngoài, sau khi thực hiện được mời (hoặc tự gửi) tham dự nhiều các liên hoan phim, nhưng khi công chiếu tại Việt Nam lại nhận được phản ứng tiêu cực từ phía khán giả, do xa lạ với tâm thức và đời sống của con người Việt Nam, đó cũng là vấn đề đáng phải suy nghĩ. Tất nhiên, trong hoàn cảnh thị trường điện ảnh ở Việt Nam hiện nay, khó có thể lấy khán giả làm tiêu chí tuyệt đối, bởi lẽ không ít bộ phim thắng lợi (thậm chí thắng lớn) về doanh thu nhưng lại là những "thảm họa" về nghệ thuật. Dẫu vậy, sự quay lưng lại của khán giả vẫn là một hiện tượng đáng lưu tâm.

Ngoài ra, cũng không thể bỏ qua sự bùng nổ của thị trường giải trí. Với sự phát triển của các phương tiện truyền thông như internet, truyền hình kỹ thuật số, nhu cầu giải trí của công

chúng đã được "kích cầu" một cách tối đa. Phương cách thuận tiện nhất là nhập khẩu chương trình nước ngoài: phim truyện nhựa, phim truyền hình, các kênh ca nhạc của một số quốc gia mạnh về nghệ thuật giải trí. Sau giai đoạn bùng nổ, khi Nhà nước có chính sách thắt chặt việc nhập khẩu văn hóa, bắt đầu xuất hiện làn sóng "đội lốt" nhập khẩu bằng cách Việt hóa các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật của nước ngoài. Kịch bản phim được mua bản quyền và "chế biến" lại. Âm nhạc được "pha trộn" để mang màu sắc, hơi hướng của các khuynh hướng âm nhạc thời thượng nước ngoài. Gần đây, xuất hiện làn sóng các game show và các chương trình truyền hình thực tế. Chỉ cần lướt qua một số website và kênh giải trí, đã có thể nhận thấy rõ ảnh hưởng của nước ngoài lên các "nghệ sĩ" Việt Nam, từ cách ăn mặc, phong cách biểu diễn, thậm chí cho đến cả "nghệ danh": không ít nghệ sĩ thản nhiên từ bỏ tiếng mẹ đẻ để lấy nghệ danh mang yếu tố nước ngoài đủ kiểu. Buông lỏng về chất lượng nghệ thuật, dường như những chương trình giải trí này có khuynh hướng sử dụng các scandal để tạo sự chú ý của công chúng, nhiều khi là bất chấp các chuẩn mực và ứng xử đạo đức? Sự kiện của một chương trình truyền hình thực tế về âm nhạc tăng giá quảng cáo sau scandal là một bằng chứng về loại hiện tượng này.

3. Tất cả những khuynh hướng và hiện tượng kể trên cho thấy trong đời sống nghệ thuật ở Việt Nam đang tồn tại những khoảng cách giữa sáng tạo nghệ thuật của nghệ sĩ với nhu cầu và khả năng thưởng ngoạn của công chúng; giữa mục tiêu nâng cao thị hiếu thẩm mỹ, thỏa mãn nhu cầu thưởng thức nghệ thuật thật sự của công chúng với chất lượng nghệ thuật của tác phẩm; giữa các chuẩn mực văn hóa đạo đức của người Việt Nam và tính tiền phong của tác phẩm nghệ thuật. Để lấp đầy những khoảng trống đó, đương nhiên, cần tối nỗ lực của "người văn nghệ" (theo cách nói của nhà

văn Nguyễn Đình Thi). Bài học mà Nguyễn Đình Thi đúc rút được từ trong kháng chiến: "Người văn nghệ phải biết mình đứng về phía cuộc sống nào và biến được cuộc sống đó thành máu thịt" chắc chắn luôn là một bài học không bao giờ cũ. Từ một phía khác, tình trạng thiếu vắng của phê bình nghệ thuật đích thực trên báo chí đồng thời với việc nhiều cơ quan báo chí, nhất là các báo điện tử biến trang văn hóa thành trang chuyên đăng tải các thông tin giải trí và bê bối của giới showbiz cũng cần được gióng lên hồi chuông đáng báo động. Ở Việt Nam không có sự tồn tại của "báo lá cải", nhưng chính việc chạy theo thị hiếu tầm thường đã dẫn tới việc một số tờ báo bị "lá cải hóa" phải chăng điều này đã góp phần làm vẩn đục môi trường văn hóa, xã hội, cũng như nghệ thuật?

ĐỂ "VĂN HÓA SOI ĐƯỜNG CHO QUỐC DÂN ĐI"*

TRẦN HOÀNG SƠN

Cách đây hơn nửa thế kỷ, ở thời điểm vận mệnh đất nước một lần nữa bị đe dọa, tại Hội nghị văn hóa toàn quốc tổ chức tháng 11-1946, Bác Hồ đã trình bày một quan niệm giản dị nhưng mang tính nguyên lý, có ý nghĩa cơ bản và lâu dài, đó là: "Văn hóa soi đường cho quốc dân đi"...

Cha ông chúng ta, với lòng yêu nước thương nòi, tự hào, tự tôn dân tộc và giàu lòng tự trọng, không muốn xấu hổ với lớp người đi trước đã đổ máu vì sự tồn vong của dân tộc. Cái ác từ bên ngoài đã không thể thống trị trên đất nước này, bởi người Việt Nam dám chấp nhận mọi gian khổ, hy sinh để danh dự dân tộc không bị tổn thương. Vì thế, bao nhiêu năm qua, chúng ta vẫn lấy tấm gương của Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ,... để tổ chức và động viên các thế hệ noi theo. Chúng ta lấy tiền nhân làm mẫu mực, để mỗi người trước khi hành động cần nghĩ tới việc giữ gìn truyền thống dân tộc. Trong thế kỷ XX, nguyên lý đầy tính nhân văn đó từng góp phần đào luyện nên các thế hệ mà bom đạn và sự tàn bạo của kẻ thù không làm họ chùn bước trong khi phấn đấu vì sự nghiệp giành lại nền độc lập, và

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 27-11-2012.

phẩm giá dân tộc được vẹn toàn. Có thể nói rằng, con đường chúng ta đã và đang đi, được tiếp nối từ xương máu của hàng triệu người Việt Nam ưu tú.

Khi khẳng định "văn hóa soi đường cho quốc dân đi", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy rõ ý nghĩa, vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển xã hội. Tiếp cận theo nghĩa rộng, Người phác họa các nét cơ bản của "văn hóa soi đường" vừa phải được biểu hiện, vừa phải là kết quả tổng hòa của các yếu tố: 1. Xây dựng tâm lý: Tinh thần độc lập, tự cường. 2. Xây dựng luân lý: Biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng. 3. Xây dựng xã hội: Mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi nhân dân trong xã hội. 4. Xây dựng chính trị: Dân quyền. 5. Xây dựng kinh tế". Từ "phổ" rất rộng của văn hóa trong cuộc sống, Người xác định vai trò của các cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành là tấm gương trực tiếp và cụ thể để mọi người noi theo. Vì thế, xét về văn hóa, không thể không nhắc tới điều Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: "Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước". Khẳng định vai trò quan trọng của các giá trị văn hóa trong tư cách người cộng sản, bởi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức rất sâu sắc về yếu tố nền tảng tạo nên sự tin cậy và sức hấp dẫn. Cũng vì thế, chỉ có sự kết hợp một cách hài hòa, biện chứng giữa ý chí cách mạng với phẩm chất văn hóa mới có thể đưa tới kết quả như Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn.

Tuy thống nhất hưu cơ trong một chỉnh thể, nhưng không phải khi nào kinh tế, chính trị cũng giữ vai trò là hạt nhân của văn hóa. Khi kinh tế lâm vào khủng hoảng, chính trị xa rời tính nhân văn, thậm chí chống lại các giá trị nhân văn, các bộ phận khác của văn hóa, như văn hóa niềm tin, văn hóa đạo đức, văn hóa thẩm mỹ, văn hóa lối sống và nếp sống,... sẽ tự thân phát triển, từ đó trực tiếp điều chỉnh và định hướng văn hóa. Gọi là tự thân, nhưng thực

chất đó là kết quả trực tiếp của quá trình trăn trở, suy nghĩ một cách có ý thức của những người hướng thiện, của các bậc trí giả. Họ hiểu con người không thể sống thiếu văn hóa, họ cố gắng định tính các giá trị nhân văn, họ hành động để các giá trị nhân văn trở thành bộ lọc và bộ chỉnh của xã hội. Vì thế, tên tuổi của họ đã đi cùng lịch sử, nhân dân kính trọng họ, vinh danh họ, thậm chí tôn thờ họ như là biểu tượng của đạo làm người. Ngày nay, văn minh nhân loại đã phát triển tới một tầm mức mà trong nhiều trường hợp, là nằm ngoài ước mơ của con người cách đây vài ba thập kỷ. Văn minh làm cho cuộc sống của con người ngày càng hiện đại hơn, sự tiện dụng của các vật dụng do văn minh công nghiệp, văn minh tin học mang lại đã nối liền và ngày càng mở rộng các mối liên hệ giữa con người với con người. Nhưng chính lúc này, tình trạng thiếu chọn lọc trong việc tiếp thu, sự am hiểu chưa thấu đáo và điều tiết thiếu nhất quán về văn hóa không những không giúp hình thành kết cấu xã hội bền vững, mà còn đẩy tới sự mất cân đối nghiêm trọng giữa văn hóa và phát triển ở nhiều quốc gia. Xa rời giá trị đạo đức, sùng bái lối sống tiêu thụ,... là một số nguyên nhân có thể đẩy tới sự nhiễu loạn văn hóa, bột phát hành vi làm rối loạn xã hội. Như trong bài *Xã hội Anh bị "nhà đốt từ nóc"* trên BBC ngày 15-8-2011, bàn về sự kiện xảy ra tại nước Anh lúc đó, tác giả đã viết: "Những vụ đốt phá, cướp bóc và bạo lực ở Anh trong tuần trước là kết quả của việc xói mòn đạo đức xã hội và sự tôn thờ vật chất. Ngài Nigel McCulloch, Giám mục Manchester, nói người Anh thuộc các tầng lớp, nguồn gốc và tuổi tác khác nhau đã bị lấn lộn và không phân biệt được sự khác biệt giữa cái đúng và cái sai. Ông nói: "Kết quả là một văn hóa siêu tiêu thụ và cái tôi được đặt lên hàng đầu, nền văn hóa mà trong đó sở hữu vật chất được đặt lên trên việc quan tâm tới người khác và những tôn chỉ trong đó là đừng để bị bắt quả tang và đừng có tố lẩn nhau"... Một số báo Anh

"buồn" rằng trong các vụ cướp bóc, không hề có ai phá và cướp hiệu sách mà chỉ tranh nhau lấy hàng hiệu và đồ đắt tiền... Ông Oborne nói văn hóa "tham lam và ngoại phạm" đã lan sang cả các lãnh đạo công ty và lãnh đạo chính trị cũng như cảnh sát và phần lớn giới truyền thông. Ông nói: "Không chỉ có giới trẻ hư hỏng mà cả nước Anh phải thay đổi tư cách đạo đức"...".

Không thể phủ nhận một thực tế là hiện nay ở Việt Nam đã và đang tồn tại nghịch lý giữa các quan điểm cơ bản về vai trò và sự phát triển văn hóa với sự triển khai, vận hành các quan điểm này trong thực tiễn văn hóa. Thiết nghĩ, thực tế này có nguồn gốc từ tình trạng các quan điểm đúng đắn về văn hóa ở tầm vĩ mô đã không được nắm bắt, thấu triệt, triển khai một cách hợp lý trong những hoạt động văn hóa trực tiếp, cụ thể. Nói cách khác, quan điểm đúng đắn đó đã được (hay bị) biến thành khẩu hiệu của người quản lý, lãnh đạo mỗi khi đề cập tới sự phát triển văn hóa hơn là hiểu biết về văn hóa một cách sâu sắc, có khả năng biến các quan điểm về văn hóa thành hiện thực. Hệ quả là trong quản lý, điều hành sự nghiệp phát triển văn hóa ở một số cấp cơ sở đã xảy ra tình trạng: nếu không dựa trên một số quan điểm cứng nhắc, thì cũng dựa trên quan niệm cảm tính, vai trò chủ thể trong văn hóa bị đánh đồng với vai trò lãnh đạo, quản lý...

Trước nhiều vấn đề đang nảy sinh trong đời sống văn hóa của xã hội, trong đó chứa đựng nhiều sự kiện - hiện tượng đáng phê phán, có thể đặt ra câu hỏi: Phải chăng, khả năng tự vấn trước khi hành động đã không còn giữ vai trò định hướng, chi phối hoạt động tinh thần của nhiều người trong chúng ta? Đó là câu hỏi không khó trả lời, nếu nhìn từ yêu cầu tự ý thức về văn hóa và nhu cầu noi gương. Cuộc sống đa dạng và phức tạp, càng phức tạp hơn khi xã hội đang phát triển giữa tác động nhiều chiều của toàn cầu hóa. Đây chính là lúc mỗi người, trước khi góp phần làm cho "văn hóa

soi đường cho quốc dân đi", thì trước hết cần phải làm như thế nào đó để văn hóa "soi đường" cho chính mình. Điều này trở nên quan thiết hơn đối với mọi cán bộ, đảng viên, đối với những cá nhân thường là tiêu điểm chú ý của xã hội như trí thức, văn nghệ sĩ... Nếu xã hội tạo điều kiện, khuyến khích sự ra đời của những tấm gương văn hóa, thì mỗi người cũng cần tự ý thức về hình ảnh của mình trước cộng đồng, tích cực hoạt động để truyền bá, làm cho các giá trị chân - thiện - mỹ trở nên phổ biến trong sinh hoạt xã hội. Làm như thế, là chúng ta đã góp phần hiện thực hóa nguyên lý "văn hóa soi đường cho quốc dân đi".

HIỆN ĐẠI HAY "HẬU HIỆN ĐẠI"?*

PGS. TS. NGUYỄN VĂN DÂN

Hầu hết các cuốn từ điển ở trong và ngoài nước đều định nghĩa "hiện đại" là một thuộc tính của các hiện tượng, sự vật thuộc thời hiện tại hoặc đương đại. Ngoài nghĩa chung này, hiện đại còn được dùng để chỉ một giai đoạn lịch sử cụ thể. Thí dụ trong sử học phương Tây, người ta coi giai đoạn từ năm 1453 - năm đánh dấu sự sụp đổ của đế quốc La Mã và cũng là năm kết thúc thời trung đại - đến cuối thế kỷ XVIII, là giai đoạn của thời hiện đại. Tuy nhiên, có lẽ đây là quan điểm của các nhà viết sử ở thế kỷ XIX, còn gần đây có ý kiến cho rằng thời hiện đại được tính từ đầu Chiến tranh thế giới thứ nhất - năm 1914 đến nay. Và dường như quan điểm này được nhiều người hưởng ứng hơn. Còn về thuật ngữ "chủ nghĩa hiện đại", thì nhìn chung trong sách báo trên thế giới người ta thường dùng nó để chỉ một phong trào đổi mới văn học - nghệ thuật diễn ra chủ yếu ở phương Tây (châu Âu và châu Mỹ) trên một phạm vi rộng lớn trong khoảng thời gian từ cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX; nó "nổi loạn" chống lại các giá trị bảo thủ của chủ nghĩa hiện thực và diễn ra trong các lĩnh vực văn học, nghệ

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 11-1-2013.

thuật tạo hình, âm nhạc, phim ảnh, kiến trúc... Trong tinh thần đó, thuật ngữ "chủ nghĩa hiện đại" trong văn học - nghệ thuật đồng nghĩa với thuật ngữ "nghệ thuật hiện đại". Nó không được dùng để chỉ một chủ nghĩa duy nhất, một trào lưu duy nhất hay một trường phái duy nhất, mà được dùng để chỉ cả một phong trào bao gồm nhiều trào lưu, trường phái, cả một giai đoạn với nhiều chủ nghĩa khác nhau, được gọi là các chủ nghĩa hiện đại. Chính vì vậy mà các nhà phê bình, các văn nghệ sĩ sống cùng thời với các chủ nghĩa đó thường chỉ gọi chúng đơn giản là "trường phái hiện đại". Nhìn chung, khi nói đến nghệ thuật hiện đại, người ta có thể đơn giản gọi nó là "chủ nghĩa hiện đại". Hay nói một cách khác, khái niệm "modernism" trong tiếng Anh cần phải được hiểu là "nghệ thuật hiện đại" chứ không chỉ đơn thuần là "chủ nghĩa hiện đại".

Nhìn chung, trong lịch sử văn học - nghệ thuật, các trào lưu hiện đại chủ nghĩa xuất hiện từ đầu thế kỷ XX đã được coi là một cuộc cách mạng trong văn học - nghệ thuật, thường được gọi là "phong trào nghệ thuật tiên phong của thế kỷ XX". Phong trào đó bao gồm các trào lưu diễn ra gần như đồng thời: chủ nghĩa dã thú, chủ nghĩa biểu hiện, chủ nghĩa vị lai, chủ nghĩa lập thể, chủ nghĩa đada, chủ nghĩa siêu thực, chủ nghĩa trừu tượng, phong cách quốc tế trong kiến trúc... Giai đoạn từ đó cho đến nay được gọi là giai đoạn của nghệ thuật hiện đại. Cũng từ đó, bộ mặt văn học - nghệ thuật thế giới đã trở nên vô cùng phong phú, đa dạng. Góp phần làm nên bộ mặt phong phú, đa dạng đó có sự tác động tích cực của các trào lưu nghệ thuật hiện đại chủ nghĩa. Tuy nhiên, trong số các trào lưu hiện đại đó cũng có những biểu hiện cực đoan gây tác động tiêu cực đến văn học - nghệ thuật thế giới sau này.

Ở Việt Nam, từ trước đến nay, các thành tựu văn học nghệ thuật hiện đại của thế giới cũng đã được giới thiệu. Nhưng nhìn chung, việc đánh giá các trào lưu hiện đại chủ nghĩa vẫn chưa có

sự nhất quán và thỏa đáng. Trước thời kỳ đổi mới, các trào lưu hiện đại chủ nghĩa chưa được đánh giá đúng mức, điều này một phần do ảnh hưởng của chủ nghĩa giáo điều. Sau ngày đất nước thống nhất, chúng ta bắt đầu giới thiệu những quan điểm và nhận định mang tính khách quan hơn. Tuy nhiên, ở giai đoạn này, sự công nhận dành cho nghệ thuật hiện đại vẫn chưa được thực hiện một cách triệt để. Và hạn chế trên đây chỉ được khắc phục một cách cơ bản khi chúng ta thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, bắt đầu từ năm 1986. Tuy nhiên, đó vẫn là một sự ghi nhận có điều kiện, vì thế đến đây lại xuất hiện một hạn chế khác: đó là việc giới thiệu thường thiên về sao chép các cuốn sách của tác giả phương Tây, chỉ dừng lại ở mức độ giới thiệu sơ lược, thiếu một cái nhìn am hiểu của người có chuyên môn, chính vì thế mà giá trị khoa học của chúng rất bị hạn chế, và tác động của chúng đối với xã hội cũng không đáng kể. Việc các cuốn sách như vậy đã nằm im trong thư viện không có người đọc cũng chứng tỏ một điều là lâu nay các trào lưu hiện đại chủ nghĩa đã phần nào bị lãng quên ở nước ta. Đặc biệt là trong giới trẻ đang có sự hăng hái về chủ nghĩa hiện đại. Nhiều người trong giới nghiên cứu văn nghệ không biết chủ nghĩa hiện đại có bao nhiêu trào lưu và những tác giả tiêu biểu của chúng là ai. Gần đây một số ý kiến nói đến hậu hiện đại, thế là người ta chỉ biết có hậu hiện đại và nghiêm nhiên coi các trào lưu hiện đại trong văn nghệ xuất hiện từ đầu thế kỷ XX là hậu hiện đại. Hiện tại ở Việt Nam đang có một xu hướng tiếp nhận một luồng ý kiến thiếu căn cứ về chủ nghĩa hậu hiện đại. Trong việc tiếp thu luồng ý kiến đó, vì không xác định được chủ nghĩa hậu hiện đại là gì, người ta đã lấy các đặc điểm có sẵn của chủ nghĩa hiện đại để gán cho cái gọi là chủ nghĩa hậu hiện đại, đi đến chỗ tuyệt đối hóa chủ nghĩa hậu hiện đại mà quên mất chủ nghĩa hiện đại là gì, đánh mất hẳn một khâu quan trọng trong hệ thống các

khái niệm và trào lưu văn học - nghệ thuật. Bằng cách đó, họ đã làm cho thuật ngữ "hậu hiện đại" trở nên mơ hồ và thậm chí vô nghĩa. Rõ ràng, ở đây có vấn đề cần được làm sáng tỏ về khái niệm hiện đại và hậu hiện đại, và về quan hệ giữa chúng với nhau.

Mặc dù ngày nay chúng ta đã có cái nhìn đổi mới về chủ nghĩa hiện đại nói chung và các trào lưu hiện đại chủ nghĩa của phong trào tiên phong nói riêng, nhưng các "di căn" của chủ nghĩa giáo điều trước đây đôi khi vẫn để lại những ý kiến e ngại khi đánh giá chúng. Chính vì vậy, chúng tôi muốn nói rằng, chúng ta cần có cách nhìn khách quan và có hệ thống về các trào lưu trường phái trong văn học - nghệ thuật nói chung, về các trào lưu hiện đại chủ nghĩa nói riêng. Việc xác định đặc trưng, tên gọi của các trào lưu cần được thực hiện một cách thống nhất. Những người biên soạn sách lý luận, phê bình văn học - nghệ thuật cần có sự hợp tác trong việc xây dựng một hệ thống thuật ngữ, khái niệm, lý thuyết và các trào lưu. Cần có sự nhất quán trong việc gọi tên các trào lưu, nếu có thay đổi thì cần lý giải rõ ràng, chứ không tùy tiện phát ngôn mỗi lúc một kiểu. Việc làm tùy tiện như thế sẽ có nguy cơ biến một lĩnh vực vô cùng nghiêm túc thành một trò chơi ngẫu hứng.

Qua đây, chúng tôi muốn đưa ra ý kiến rằng, cần phải xem xét lại một cách nghiêm túc thuật ngữ "hậu hiện đại". Cần có quan điểm lôgíc khi áp dụng nó cho các trào lưu văn học - nghệ thuật. Tránh nhầm lẫn hiện đại với hậu hiện đại. Không tự tiện thay đổi tên gọi của các trào lưu đã được định danh là "hiện đại chủ nghĩa" trong lịch sử văn học - nghệ thuật để vô cớ gọi chúng là "hậu hiện đại". Những điều nói trên có liên quan đến việc giới thiệu các lý thuyết văn nghệ ở Việt Nam. Về vấn đề này, chúng tôi khẩn thiết cảnh báo rằng, chúng ta cần có quan điểm khách quan, cẩn trọng khi tiếp thu các quan điểm và lý thuyết của nước ngoài. Nhiều cuốn sách giới thiệu lý thuyết chỉ làm một công việc

nhắc lại mà không có khả năng tư duy lôgíc cùng với tinh thần phê phán để phân biệt những điều "vô nghĩa thời thượng" quá hiển nhiên trong những tuyên bố ồn ào về "hậu hiện đại". Thói quen tiếp nhận thiếu suy xét trong khoa học đang trở thành một sự cản trở đáng ngại cho sự phát triển lý luận, và thói quen này đang trở nên đáng ngại nhất trong vấn đề "tồn tại hay không tồn tại chủ nghĩa hậu hiện đại?".

Tóm lại, sự lãng quên chủ nghĩa hiện đại, nhầm lẫn giữa hiện đại với hậu hiện đại sẽ có nguy cơ làm rối loạn hệ thống lý luận văn nghệ, rối loạn các giá trị đã được thiết lập của chủ nghĩa hiện đại, rối loạn các tiêu chí đánh giá tác phẩm văn học đương đại, rối loạn các tiêu chí tiếp nhận văn học - nghệ thuật của người thưởng ngoạn. Vì thế, việc xác định chủ nghĩa hiện đại sẽ góp phần tái lập lại trật tự của các hệ thống kiến thức trong xã hội thông tin, tạo cơ sở để con người đi vào xã hội tri thức, một xã hội đề cao vai trò của tri thức, nhưng không phải là những tri thức nhằm mục đích thao túng và chi phối con người, mà chúng luôn phải là sản phẩm của con người và phục vụ con người. Đó cũng là mục đích nhân văn của tự do sáng tạo trong khoa học.

GIÁO DỤC, NHÌN TỪ CHUYỆN THI CỬ*

DUY KHIÊM

Lâu nay, giáo dục là một trong những lĩnh vực thu hút sự quan tâm của dư luận. Từ chuyện nhỏ như một bài văn cá biệt của học sinh (chủ yếu rơi vào môn ngữ văn, lịch sử), tình trạng bạo lực học đường, đến các vấn đề ở tầm vĩ mô như việc duy trì kỳ thi tuyển sinh đại học theo phương thức "ba chung", sự tồn tại các trường ngoài công lập, hay việc thay sách giáo khoa, đặc biệt là vấn đề thi cử.

Nhìn vào bức tranh chung về giáo dục thể hiện qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua thực tiễn giáo dục hằng ngày của con em, các bậc phụ huynh cũng như người đọc thường không mấy lạc quan, thậm chí nhiều người cho rằng vấn đề đã đến mức báo động. Vậy, sự "nguy kịch" đã đến mức độ nào và đâu là lối thoát cho tình trạng đó? Xin hãy nhìn nhận từ chuyện thi cử, một trong những công việc quan trọng của giáo dục.

1. Hằng năm, sau khi kết thúc năm học là dư luận lại nóng lên với kỳ thi tuyển sinh vào các trường đại học và cao đẳng. Đó là, sự tốn kém về nhân lực, tài chính cho xã hội và những hệ lụy về kinh tế, trật tự xã hội. Gần đây, sau khi việc tổ chức các kỳ thi tuyển

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 18-1-2013.

sinh đại học theo cơ chế "ba chung" và hệ thống điểm sàn được áp dụng trong tuyển sinh, thì một lần nữa việc tranh luận lại được xôi lên, với quan điểm rằng hệ thống này "bóp chết" quyền tự chủ của các trường đại học, đẩy một số trường đại học ngoài công lập vào tình thế "lâm nguy". Hơn thế nữa, tính trầm trọng của vấn đề lại được nhấn mạnh khi nó được gắn liền với việc tước đoạt quyền được học tập của thanh niên. Phần lớn những ý kiến này từ một số trường đại học ngoài công lập đòi nhà nước "giải cứu" (mà thực chất là "tháo khoán" việc tuyển sinh)!

Liệu các ý kiến đó đã chạm được đến những mặt có tính bản chất của vấn đề? đương nhiên, với một kỳ thi, cái giá về vật chất là điều không thể không tính đến, nhưng bài toán cần phải tính ở đây là cái giá đó có nằm trong khả năng có thể chấp nhận của xã hội để đạt đến những kết quả cần thiết và liệu có giải pháp nào tối ưu hơn để thay thế. Chỉ cần so sánh việc bảo đảm về an ninh của kỳ thi tuyển sinh đại học so với kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông là đã đủ thấy hiệu quả của phương thức thi tuyển này. Ai dám bảo đảm trong "cơn sốt bằng cấp" như hiện nay, việc trả kỳ thi tuyển sinh đại học về các địa phương hoặc các trường đại học không phải là một cơ hội làm phát sinh những hiện tượng tiêu cực trong thi cử? Việc những thí sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vẫn trúng tuyển vào các kỳ thi tuyển sinh đại học thậm chí đỗ đầu, chính là một minh chứng rõ ràng nhất cho tính công bằng và nghiêm túc của phương thức tuyển sinh này.

Trong bức tranh chung của các trường đại học ngoài công lập, không thể phủ nhận việc một số trường đã có rất nhiều nỗ lực trong việc đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, hệ thống giáo trình. Dẫu vậy, cũng lại không thể phủ nhận được một thực tế là trong "cơn sốt" thành lập trường đại học diễn ra trong những năm qua, không ít cơ sở giáo dục được thành lập xuất phát từ mục tiêu lợi

nhuận. Kết quả thanh tra một số trường đại học trong thời gian gần đây với các sai phạm về tài chính liên quan đến công việc đào tạo lên tới hàng chục tỷ đồng. Một thực tế khác cũng không thể bỏ qua, là trong khi thị trường lao động ở Việt Nam đang rất "khát" người lao động có tay nghề cao và tình trạng "thừa thầy, thiếu thợ" vẫn kéo dài qua nhiều năm thay vì đầu tư vào hệ thống trường nghề và cao đẳng, một số địa phương và cơ sở giáo dục lại đang có xu hướng đua nhau thành lập trường đại học, không khác gì các nhà đầu tư chạy theo "cơn sốt" bất động sản cao cấp. Từ đó, đến lúc cần phải nhìn thẳng vào một sự thật là những lời kêu gọi bỏ hệ thống điểm sàn, "tháo khoán" tuyển sinh cho một số cơ sở giáo dục thực chất là xuất phát từ nhu cầu học tập của xã hội hay từ chính nhu cầu tồn tại, lợi nhuận tài chính của các cơ sở giáo dục?

2. Liên quan các kỳ thi tuyển, không thể không nhắc đến những vụ việc mới làm nóng dư luận trong thời gian gần đây liên quan đến các kỳ thi tuyển công chức trong ngành giáo dục. Ngày 7-12-2013 vừa qua, trong kỳ họp của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội, bàn về tổng thể biên chế hành chính sự nghiệp, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Thành ủy Hà Nội đã đề cập đến hiện tượng "phòng nội vụ các quận, huyện đang là đầu mối thu hút việc tiếp nhận hồ sơ và nhận tiền "chạy" của các thí sinh để đỡ công chức không dưới 100 triệu đồng...". Sau phát biểu nói trên, các cơ quan đã huy động nhiều đoàn thanh tra vào cuộc, rà soát lại các kỳ thi tuyển công chức được tiến hành trên địa bàn thành phố. Cho đến nay, theo kết quả thanh tra, mới chỉ có một số dấu hiệu tiêu cực được phát hiện. Điều đó cho thấy đối với lĩnh vực giáo dục, cơ chế mang tính phân quyền trong công tác tuyển dụng đang tạo nên những kẽ hở lớn cho tiêu cực. Phải chăng, đã đến lúc Việt Nam cần học tập mô hình đã được thực hiện ở nhiều nước trên thế giới? Phải chứng minh được tính hiệu quả việc tổ chức một kỳ thi tuyển dụng giáo viên mang

quy mô quốc gia, với một số đầu mối quản lý thống nhất (như Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo) kết hợp với sức mạnh của hệ thống kiểm tra, giám sát, và một kỳ thi như thế có thể so sánh với kỳ thi "ba chung" trong tuyển sinh đại học.

3. Từ thực tế nói trên, rõ ràng, đang có những vấn đề lớn tồn tại trong hệ thống giáo dục. Nhưng, để đánh giá hết mức độ của những vấn đề đang tồn tại đó, không thể chỉ căn cứ vào các ý kiến mang tính cảm tính và ẩn giấu sau đó là những lợi ích mang tính cục bộ của dư luận. Cần phải có một cơ chế thẩm định - đánh giá, một cuộc "đại phẫu" mang tính khoa học và độc lập với những cơ quan thẩm định độc lập, đặc biệt là phát huy vai trò của các viện nghiên cứu/thống kê/điều tra dư luận xã hội (theo mô hình những viện "chuyên" trong lĩnh vực thống kê/điều tra dư luận như INSEE của Pháp hay Gallup của Hoa Kỳ) với sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị và các cơ quan chuyên môn. Thiếu đi tính khoa học, việc tiến hành các cuộc cải cách trong lĩnh vực giáo dục rất có nguy cơ lại rơi vào tình trạng "đẽo cày giữa đường", tạo ra những nguy cơ mới. Trong khi chờ đợi một cuộc "đại phẫu" như thế, công việc cần làm không phải là đưa ra những giải pháp mang tính cục bộ, nửa vời, chạy theo dư luận, mà là duy trì tình trạng ổn định, nỗ lực cải thiện một số mặt, tăng tính tập quyền (như chúng tôi đã đề xuất về kỳ thi tuyển công chức giáo viên) song hành với việc tăng tính công khai, minh bạch và sự giám sát của toàn xã hội.

"ĐÔI MẮT" TRONG SÁNG TẠO VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT HIỆN NAY*

PHẠM TIẾN HÙNG

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, phần lớn văn nghệ sĩ ở nước ta dù theo khuynh hướng và trào lưu nghệ thuật nào, cũng đều tình nguyện đi theo cách mạng, rồi sau đó lên chiến khu. Đôi với nhiều người trong số họ, việc khó khăn nhất là thay đổi về nhận thức, vấn đề đã được Nam Cao định danh một cách hình tượng là "đôi mắt". Và giờ đây, trong thời đại mới, đó vẫn là một vấn đề không hề cũ...

1. Nhìn lại lịch sử Việt Nam, đầu thế kỷ XX, sự có mặt của chủ nghĩa thực dân và công cuộc tiếp xúc văn hóa với phương Tây một cách không đồng đều (do chỉ tập trung ở những không gian hạn chế về mặt địa lý và xã hội) dẫn đến sự xuất hiện một lớp trí thức đã Âu hóa trên cái nền của một xã hội nông nghiệp cổ truyền. Lớp trí thức này chủ yếu tập trung ở các đô thị, tiếp thu những chuẩn mực văn hóa phương Tây. Họ xuất hiện ồ ạt trong xã hội từ những năm 20 - 30 của thế kỷ XIX, khi hệ thống giáo dục Pháp - Việt đã triển khai; rồi sau đó nhiều người hoạt động trong lĩnh vực văn học - nghệ thuật. Có thể coi điển hình của lớp trí thức đó là nhóm Tự lực văn đoàn đã tồn tại trong những năm 1933 - 1940. Từ lĩnh vực văn

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 22-2-2013.

chương, mỹ thuật, âm nhạc, các trí thức này còn có tham vọng cải cách xã hội, mà đối tượng đầu tiên của công cuộc cải cách mà họ hướng tới là nông thôn, nơi được cho là chốn "bùn lầy nước đọng", tập trung đủ mọi hủ tục, lạc hậu. Người ta viết phóng sự về những lạc hậu của đời sống hương thôn, viết tiểu thuyết phê phán những tiêu cực của đời sống nông thôn như dốt nát, mù chữ, kinh tế lạc hậu, hủ tục nặng nề; người ta coi nông thôn là nơi tồn tại của nhiều giá trị cũ kỹ như thói chuộng hư danh, thích ăn chơi, và nhiều tệ nạn như cờ bạc, mê tín dị đoan, cùng nhiều phong tục tiêu tốn thời gian, tiền của nhưng lại vô bổ như hội hè, đình đám, lễ lạt, khao vọng... Thậm chí họ còn sáng tạo ra các nhân vật hài hước như Lý Toét và Xã Xệ để đả kích những thói xấu của chức dịch và nông dân ở làng xã Việt Nam thời đó.

Chưa bàn tới động cơ của những cái nhìn mới về văn hóa do Tự lực văn đoàn đề xướng nhưng có thể thấy, cái nhìn của họ về người nông dân là cái nhìn "từ bên ngoài" từ một lớp người, đứng ngoài xã hội nông thôn, dựa trên những chuẩn mực xa lạ với văn hóa nông thôn để đánh giá xã hội nông thôn. Về mặt hiện tượng, khó có thể phủ nhận sự sinh động cũng như chân thực trong những điều được các thành viên Tự lực văn đoàn phát hiện về xã hội nông thôn, nhưng chưa chạm đến những tầng sâu văn hóa tạo nên những hiện tượng đó. Chính vì vậy, trong không ít trường hợp, cái nhìn đó trở nên kỳ thị và thiếu tính xây dựng. Nó tạo nên một hố sâu ngăn cách về tâm lý giữa nông thôn và thành thị. Không nghi ngờ gì, Tự lực văn đoàn chỉ là một trong số nhiều nhóm văn chương - văn hóa có ảnh hưởng trước cách mạng, nhưng cái nhìn của họ thể hiện sự hạn chế của không ít trí thức, văn nghệ sĩ thời đó. Hoàn cảnh xã hội và nền giáo dục tạo nên sự đứt gãy về văn hóa giữa nông thôn và thành thị và giữa các tầng lớp xã hội, tạo nên tình trạng không hiểu nhau về văn hóa. Chính vì vậy, khi

bước vào kháng chiến, đi theo kháng chiến, khi đứng về phía nhân dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, những trí thức, văn nghệ sĩ ấy đã phải trải qua một quá trình "lột xác", "nhận đường" vô cùng khó khăn, để từ bỏ cách nhìn đời, nhìn người mà họ vốn có để đứng về phía với nhân dân, yêu thương và thấu hiểu nhân dân, để nhìn thấu những phần tốt đẹp ẩn sâu sau những vẻ bề ngoài nhiều khi tưởng như thô kệch của người bình dân.

2. Đầu thế kỷ XXI, lịch sử đã sang trang với rất nhiều thay đổi theo hướng phát triển. Và chính lúc này xuất hiện một số hiện tượng khiến những người quan tâm tới vấn đề đặt ra câu hỏi: đường như "đời mắt cũ" lại đang có cơ hồi sinh? Có thể nói, với sự ra đời và hỗ trợ của các phương tiện mới mà điển hình là truyền hình - nơi có thể chuyển tải đủ mọi thể loại từ phim nhiều tập, phim hài tình huống, đến những show talk hài được phổ biến rộng rãi, cùng điện ảnh và nhiều hình thức giải trí mang tính đại chúng khác như hài kịch, tạp kỹ,... xu hướng "hài hước hóa và bôi bác một cách thô kệch" đang có nguy cơ trở thành mục tiêu được nhiều nghệ sĩ theo đuổi. Các chương trình giải trí này tập trung khai thác hình ảnh các cộng đồng có tính dị biệt, như: người nông dân sống trong những môi trường được đánh giá là lạc hậu hơn so với thành phố; người đồng tính hoặc chuyển giới; những địa phương có thổ ngữ đặc biệt, hoặc những cộng đồng nghề nghiệp đặc biệt, kể cả văn nghệ sĩ (mà cụ thể nhất là nhà thơ!). Các nhân vật đại diện cho các cộng đồng này được xây dựng bằng những công thức tương đối cố định, như: người nông dân nói chung thì tham lam và lố bịch; người phụ nữ ở nông thôn thì đanh đá, chua ngoa và khôn vặt; người đồng tính hay người chuyển giới thì ẻo lả, nửa nam nửa nữ. Thậm chí, cố tình để nhân vật nói ngọng, "cấp" cho nhân vật bộ răng xấu xí, hoặc mặc những quần áo bê rạc,... nhằm tạo ra tiếng cười nhạt nhẽo. Còn với một số cộng đồng nghề nghiệp, nhiều

định kiến mang tính đặc thù được khai thác triệt để như sự mơ mộng đến kỳ quặc của giới văn nghệ sĩ hay thói thời thượng thô tục của doanh nhân. Sự tò đóm đó hầu hết chỉ nhằm mục đích duy nhất là tạo nên cái cười cho công chúng. Không thể phủ nhận rằng, các sản phẩm văn hóa này gắn liền với một số hiện tượng lệch lạc nhất định vẫn đang tồn tại trong xã hội, nhưng mặt khác, sự lạm dụng các yếu tố nói trên bắt đầu tạo nên những lối mòn, những khuôn sáo về mặt văn hóa, thể hiện sự lười nhác trong sáng tạo và trong nhiều trường hợp, còn là sự kỳ thị, đặc biệt là khi dạng nhân vật kiểu này thường được gắn với một vài khuôn mặt diễn viên có lợi thế trong việc thể hiện sự lố bịch và lệch lạc. Như vậy là sau gần một thế kỷ, dường như một số ngăn cách về văn hóa vẫn đang tồn tại trong xã hội, tất nhiên, dưới một hình thức khác; đáng tiếc là sự ngăn cách ấy lại được đào sâu bởi một số văn nghệ sĩ - những người lẽ ra phải là chủ thể tích cực của quá trình xóa bỏ ngăn cách về văn hóa.

3. Xem xét sự lặp lại sau hơn nửa thế kỷ của một loại hiện tượng văn hóa tưởng chừng đã khuất bóng theo thời gian, có thể nhận thấy những khác biệt quan trọng. Nếu trước kia một số văn nghệ sĩ, đi đầu là Tự lực văn đoàn, có tham vọng cải cách xã hội và đổi tượng họ hướng tới trước hết là nông thôn, thì ngày nay, khi yếu tố thị trường gắn liền với sản phẩm văn học - nghệ thuật thì động cơ lợi nhuận và kinh doanh lại được "nhập nhằng" với động cơ về xã hội, đạo đức (cải tạo xã hội, phê phán thói hư tật xấu). Cho nên, so với giai đoạn trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, dường như giờ đây động cơ lợi nhuận đang là yếu tố chi phối mạnh mẽ nhất những sản phẩm văn hóa kiểu này. Hơn nữa, trước đây, trong kháng chiến chống thực dân Pháp, cũng như trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự lệch lạc trong cái nhìn của một số văn nghệ sĩ luôn được điều chỉnh bởi các giá trị của nền văn hóa

mang tính chính thống, văn hóa dòng chính (mainstream). Đường lối văn nghệ mang tính chính thống luôn đòi hỏi văn nghệ sĩ phải có những đấu tranh mang tính tự phê bình, từ đó điều chỉnh các lệch lạc trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật. Tất nhiên, không thể phủ nhận, hiện tượng lãnh đạo văn nghệ một cách cứng nhắc cũng có thể đẩy tới tình trạng công thức, giáo điều - những vấn đề đã được công khai và thảng thắn phê bình ngay từ giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới. Và rõ ràng, sự điều chỉnh đó đã có tác động tích cực. Hiện nay, không thể nói sự lãnh đạo văn nghệ không được quan tâm, thậm chí buông lỏng. Tuy nhiên, văn học - nghệ thuật vận động theo các quy luật riêng, và việc điều chỉnh những lệch lạc trong sáng tạo văn học - nghệ thuật không thể chỉ bằng con đường mệnh lệnh hành chính, mà còn phải thông qua việc phổ biến, sự vang vọng của những tác phẩm có giá trị về tư tưởng và chất lượng về nghệ thuật. Trong thời gian vừa qua, đã xuất hiện một số tác phẩm thuộc nhiều thể loại từ phim điện ảnh, ảnh báo chí, truyện phi hư cấu (tự thuật) tới truyện hư cấu đã cung cấp cái nhìn phân tích từ bên trong các đề tài nói trên (người nông thôn, người đồng tính chuyển giới, những cộng đồng có tính thiểu số...). Dẫu vậy, vẫn phải thừa nhận áp lực của thị trường, sự thiếu vắng những cây bút phê bình văn học - nghệ thuật có tiếng nói và khả năng thuyết phục công chúng đã khiến những tác phẩm này chưa có sức tác động đủ mạnh trong đời sống văn học - nghệ thuật, giúp làm thay đổi thị hiếu của công chúng và qua đó, tác động đến các sáng tác văn học - nghệ thuật khác.

Vậy là, từ câu chuyện một loại hiện tượng và một nhóm sản phẩm văn hóa có tính chất tương đối đặc biệt, có thể thấy một trong các vấn đề của đời sống văn học - nghệ thuật ở Việt Nam hiện nay không chỉ là vấn đề quản lý văn hóa, hay hạn chế xu hướng chỉ đạo sáng tạo văn học - nghệ thuật bằng mệnh lệnh

hành chính mà còn là việc bảo hộ, tạo ra môi trường thuận lợi cho các tác phẩm tích cực, có chất lượng về tư tưởng và nghệ thuật có thể đến với công chúng rộng rãi. Và dù thế nào thì, một trong những yếu tố cơ bản, có vai trò quyết định đối với kết quả sáng tạo văn học - nghệ thuật là vẫn là "đôi mắt" của văn nghệ sĩ. Việc phê phán, châm biếm các thói hư tật xấu, các hiện tượng tiêu cực lạc hậu,... từ phương diện văn học - nghệ thuật luôn có tác động tích cực tới đời sống xã hội. Tuy nhiên, sự phê phán phải bằng "đôi mắt" hướng về nhân dân. Văn nghệ sĩ luôn đi cùng nhân dân, sáng tạo vì nhân dân, không sa vào xu hướng chạy theo các thị hiếu tầm thường và cái nhìn lệch lạc.

VỀ HIỆN TƯỢNG GIA TĂNG BẠO LỰC TRONG PHIM VIỆT *

TRẦN VĂN

Sau những ồn ào về việc chưa phát hành phim *Bụi đời Chợ Lớn* vì quá nhiều cảnh bạo lực, thì gần đây lại đến chuyện phim *Đường đua*. Phải mất ba tháng chỉnh sửa, phim này mới được cấp phép chiếu tại rạp, nhưng phải lưu ý cấm khán giả dưới 16 tuổi... Phải chăng xu hướng bạo lực trong phim Việt đang có xu hướng "nóng" hơn, sau những cảnh sex...?

Trên thế giới có một thể loại gọi là phim hành động (action), đây là thể loại lấy bạo lực làm mục đích sáng tạo. Phim hành động phát triển theo nhiều dòng khác nhau, điều chính yếu là ý thức của người làm phim khai thác yếu tố bạo lực và quan điểm cá nhân của mỗi đạo diễn khi làm nên bộ phim.

Trước đây, trong điện ảnh Việt Nam cũng có một số phim mang tính hành động, đó là phim về chiến tranh với cảnh chiến đấu, bom rơi đạn nổ,... nhưng chưa hình thành một thể loại phim hành động cụ thể. Cho đến khi phim võ thuật mang tính lịch sử *Dòng máu anh hùng* ra mắt vào năm 2007 được sự đón nhận của khán giả, thì cũng là khi bắt đầu manh nha thể loại phim hành động Việt Nam. Thật đáng tiếc, dần dần một số phim lại đi theo

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 28-5-2013.

xu hướng bạo lực từ trong nhà ra ngoài phố, từ cấp độ nhẹ đến tàn bạo. Phải nói rằng, có lẽ quan niệm bạo lực thường xảy ra trong hoạt động của các băng nhóm xã hội đen, hay các bộ phim hình sự săn bắt cướp, chuyện vụ án... với điện ảnh Việt Nam là có phần không chính xác. Có thể thấy điều đó trong các bộ phim mang tính tâm lý tình cảm, phim hài hay phim dạng võ hiệp kỳ tình của Việt Nam mấy năm gần đây. Đặc biệt là xu hướng bạo lực gia đình, bạo lực trong tình yêu có vẻ như một thứ "mốt" làm cho tình huống phim thêm hấp dẫn, gây cảm giác mạnh, tạo "nhiệt" vào thời điểm nude, sex... không còn đủ sức câu khách và cũng dần nhạt vì không có gì mới. Thay vào đó, không chỉ cảnh bạo lực "miệng" với các pha chửi bới lăng mạ nhau như "hát", mà còn là cảnh đấm đá thượng cẳng tay, hạ cẳng chân vô cùng tàn bạo và dã man, diễn ra ngay trên giường ngủ, trong nhà, trên sân khấu thời trang, ngoài phố, trong làng,...

Hai phim được công chiếu gần đây là *Lấy chồng người ta* và *Ngôi nhà trong hẻm* biểu hiện khá rõ bạo lực trong gia đình, bạo lực trong hôn nhân trắc trở. Các tác giả làm phim theo lôgíc từ mâu thuẫn tình cảm, sự ám ảnh về sự chung thủy, về hạnh phúc gia đình đã dẫn đến hành động bạo lực, giành giật, muốn "ăn tươi nuốt sống" nhau... Trong phim *Lấy chồng người ta*, tuy Hội đồng duyệt đã cắt rất nhiều cảnh bạo lực, nhưng vẫn còn khá nhiều khi phim ra rạp. Phim làm người xem căng thẳng kinh với các màn đánh đấm bạo hành thể xác, hành hạ tinh thần... Ngôi nhà trong hẻm, bạo lực lại được đan xen ma quái khiến các nhân vật dường như không kiểm soát, làm chủ được bản thân nên có hành động bạo lực ghê rợn, cô vợ luôn truy sát chồng trong cơn thần kinh điên loạn. Ở phim *Scandal* - bí mật thảm đỏ, bạo lực thể xác, bạo lực tinh thần cùng tạo ra "liên hoàn trận" như để khủng bố người xem. Cảnh hai diễn viên rượt đuổi nhau và một người dùng

guốc nhọn đạp nát mặt bạn đồng nghiệp đã đẩy phim lên một cấp độ như phim hành động bạo lực chứ không đơn thuần là phim tâm lý tình cảm xã hội. Phim *Bấy cấp 3* không thể ra rạp, không chỉ vì nhiều cảnh sex mà vì đó là phim "sex + bạo lực" dày đặc, đến nỗi ám ảnh về sự tàn bạo không ghê tay khi kẻ giết người rùng rợn là một người trẻ tuổi.

Điểm qua một số phim tình cảm, tâm lý, hay phim hài trước đó, cũng không hiếm cảnh bạo lực các kiểu, với mục đích cuối cùng là để được yêu. Nhân vật trong phim *Lệ phí tình yêu* có sở thích chơi boxing, nên anh chàng muốn chinh phục trái tim nàng đã phải chịu không ít nǎm đấm lật cả quai hàm, chưa kể còn bị nhử tử vì lõi dối nàng nên càng phải chịu "trừng phạt". Trong *Cưới ngay kéo lõi*, để tạo ra tình huống cho mối tình giữa nhân vật nhiếp ảnh gia đào hoa và ký giả xinh đẹp, thay vì một cảnh lãng mạn thì lại làm một cảnh tông xe lật nhào đầy nguy hiểm và một trận khẩu chiến âm ĩ ôn ào. Nhân vật trong phim tâm lý hài *Nàng men chàng bóng* có sở thích cưỡi canô hành hiệp trượng nghĩa ở miền sông nước, với tài tung dây thòng lọng bắt đối phương phải đầu hàng. Anh chàng "bóng" vì vô tình bị mắc vào thòng lọng của nàng khi đang tháo chạy khỏi vị hôn thê, để rồi bắt đầu mối tình kỳ lạ giữa cả hai. Ngay cả những mối tình u u minh minh trong *Mỹ nhân kế* giữa "tú bà" và "kỹ nữ vạn người mê" từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc đều đậm chất bạo lực. "Kỹ nữ" hứng không ít cú bạt tai của "tú bà" lạnh lùng để được hòa nhập vào cái tập thể lạ lùng toàn đàn bà; nhưng đâu đã hết, phần của kết phim là cái chết của hai mỹ nhân trong sự lạnh lùng đến tàn nhẫn của bạo lực ở quán rượu nơi họ sinh sống, yêu và hận... Ngay cả *Cánh đồng bất tận* cũng không hiếm cảnh bạo lực tinh thần, bạo lực thể xác. Và có thể nói, trong phim Việt gần đây, dường như bạo lực không còn là lãnh địa riêng của phim hành

động, mà được các đạo diễn sử dụng (hay lạm dụng) như chiêu trò trong phim thay thế cho sự lãng mạn, nhẹ nhàng, tinh tế... khi muốn diễn tả tình cảm, ngày càng có vẻ "thịnh".

Nhiều phim võ thuật Việt Nam dưới danh nghĩa phim lịch sử, phim võ hiệp kỳ tình, phim thần thoại - viễn tưởng, phim hành động, phim săn bắt cướp,... tưởng chừng chỉ là phim mượn một câu chuyện có thể có đâu đó chấp ghép vài hiện thực, mà có thể hư cấu, để có thể thể hiện những chiêu thức, thế võ đẹp mắt, uy dũng, những công phu võ học tinh hoa rất giàu tính truyền thống và tinh thần thượng võ Việt Nam. Nhưng tinh thần "võ đạo" hình như dần tuột ra khỏi tầm kiểm soát mà trở thành "võ lực" trong xu hướng các phim Việt được làm gần đây. Những phim gọi là võ thuật như *Mỹ nhân kế*, *Thiên mệnh anh hùng*, hay trước đó là *Tây Sơn hào kiệt*, *Khát vọng Thăng Long*, thực chất chỉ là "múa võ" với những tư thế đẹp mắt, một số thế võ mang tính biểu diễn hơn là đối kháng hay tấn công, nên ở khía cạnh nào đó, thì những cảnh gọi là bạo lực trong phim chỉ là cấp độ nhẹ, rất nhẹ. Nhưng đến *Dòng máu anh hùng*, với các màn võ thuật trong phim được thi triển công phu, những thế võ song phi, nhào lộn hay đá liên hoàn đã mang sức sống mới cho phim võ thuật Việt, đã khởi đầu cho những phim võ thuật "đánh thật", chứ không phải "múa". *Lệnh xóa sổ*, một phim về xã hội đen pha chút hài, có những pha rượt đuổi đâm chém bắn giết, "xóa sổ" tính mạng nhau bởi phạm đến "luật giang hồ" của thế giới ngầm giữa các băng đảng và cá nhân trong các nhóm tội phạm. *Bẫy rồng*, phim hành động được dán nhãn +13 khi phát hành ra ngoài Việt Nam, thì chất bạo lực đã rõ ràng với nhiều pha bắn súng, đánh võ giữa các sát thủ, các băng đảng giang hồ.

Nhưng đó chưa phải là điểm dừng mà các nhà làm phim chấp nhận trong các phim hành động. Để có thể đưa lên màn ảnh

những pha đấu võ, thi triển công phu độc đáo, lẹ mắt và mang tính chân thực, đã có những dự án phim mà tính bạo lực gần như vượt ra khỏi lằn ranh giới hạn. Diễn hình là phim *Bụi đời Chợ Lớn*, hiện đang "lùm xùm" chưa cho ra rạp chỉ vì tính bạo lực dã man, tàn bạo, dù phim có thể sẽ dán nhãn +16 tuổi như trong Luật điện ảnh Việt Nam. Cũng với êkíp của phim này, hiện công chúng đang tò mò với phim *Lửa Phật*, thể loại "hỗn hợp": Hành động, võ thuật - kiếm hiệp, thần thoại, viễn tưởng, có thể ra rạp vào tháng 8-2013. Phim với một số trailer PR trên mạng, là những màn đấu võ và rất nhiều cảnh "đầu rơi, máu chảy", giết chóc tàn khốc đầy bạo lực. Chưa biết phim có dán nhãn +16 hay không. Trước đó, trong âm thầm suốt 3 tháng trời, phim *Đường đua* cũng phải chỉnh sửa và giảm bớt những pha đâm chém nhau dã man, bạo lực kinh hoàng trên đường phố dù bộ phim đã dán nhãn +16 ngay từ đầu. Phải chăng, võ thuật chỉ là cái cớ, để phim mang tính bạo lực mượn đà tăng cấp độ? Và lằn ranh võ thuật - bạo lực đã hoàn toàn bị phá bởi chính tham vọng "bạo lực" mà một số nhà làm phim Việt Nam đang hướng tới, dù chỉ là để giải trí?

Phim hành động, vốn có sự hấp dẫn riêng và là thể loại "ăn khách" của điện ảnh thế giới. Trong giải thưởng của các liên hoan phim quốc tế danh tiếng như Cannes, Venice, Toronto, Bafta, Berlin,... hay Oscar đã có nhiều phim đoạt giải và được biết đến như diễn hình của phim bạo lực. Nhưng, khách quan mà nhận xét thì các phim bạo lực đoạt giải đó đều mang tính nhân văn, vì mục đích của phim là hướng tới cái thiện của con người, hướng tới cái đẹp trong cuộc sống. Nên dù bạo lực trong phim có tàn khốc, thì người xem vẫn chấp nhận. Ở một phương diện khác của thể loại phim bạo lực mang tính giải trí và chiếm tỷ lệ không nhỏ trong số phim được sản xuất hàng năm ở các trung tâm điện ảnh thế giới như Mỹ - châu Âu - châu Á và cả khu vực Đông Nam Á,

thì trừ Việt Nam, các phim này đều dán nhãn cấp độ bạo lực, quy định tuổi được xem phim, trong phim thường có lời khuyến cáo về hình ảnh trong phim chỉ là hư cấu, là kỹ xảo, không được bắt chước, sẽ gây nguy hiểm, vi phạm luật pháp... Một số nhà làm phim Việt Nam, nhất là số tác giả làm phim có cơ bản võ thuật, có kinh nghiệm thực tế làm phim ở Hollywood, rất nhanh "bắt" được "sở thích" thể loại phim hành động của khán giả Việt Nam, và mong muốn phim còn được bán ra thị trường nước ngoài, nên chỉ thích làm phim sao cho bạo lực dữ dội như phim nước ngoài. Nhưng có thể do nhiều lý do, nên phim chỉ có một nửa; tức là có hành động bạo lực nhưng tính nhân văn trong chuyện kể thì không cao, thậm chí mù mờ. Đó chính là vấn đề đang đặt ra cho các tác giả điện ảnh. Nếu bộ phim hành động chỉ có bạo lực, thiếu tính nhân văn thì tác phẩm sẽ không chỉ làm giảm giá trị tư tưởng - thẩm mỹ, mà còn là sự quảng bá, khuyến khích bạo lực, tác động tiêu cực tới nhận thức và hành vi của con người, nhất là khán giả trẻ.

PHÊ BÌNH DƯỚI SỰ DẪN DẮT CỦA LÝ LUẬN HAY ÁP ĐẶT ĐỊNH KIẾN?*

PGS. TS. NGUYỄN VĂN DÂN

Hiện nay, có thể thấy phê bình văn học ở Việt Nam có hai xu hướng: *một là*, đánh giá tác phẩm và hiện tượng dựa vào khả năng cảm thụ của người phê bình; *hai là*, dựa vào các lý thuyết mỹ học để phán xét giá trị và nhận thức tác phẩm, hiện tượng. Bài viết này đề cập tới xu hướng thứ hai và một số bất cập của nó...

Từ những năm 30 thế kỷ XIX, các nhà nghiên cứu ở nước ta đã bắt đầu vận dụng các lý thuyết và phương pháp của phương Tây để khảo cứu và thẩm định văn chương. Nhưng việc áp dụng các phương pháp khoa học đôi khi cũng bộc lộ sự lệ thuộc vào lý thuyết mà chưa căn cứ xác đáng vào thực tiễn sáng tác, từ đó ít nhiều đã để định kiến chi phối một số nhận định của mình, dẫn đến những kết quả thiếu chính xác, làm giảm chất lượng, hiệu quả của phê bình. Ở nửa đầu thế kỷ XX, các khiếm khuyết nói trên có thể được biện minh bởi tình trạng non trẻ của khoa nghiên cứu văn học. Nhưng ngày nay, tình trạng phê bình lệ thuộc vào định kiến lý thuyết hình như vẫn đang chi phối một bộ phận trong giới nghiên cứu. Dù việc áp dụng lý thuyết là rất cần thiết, song không phải

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 4-6-2013.

các lý thuyết đều có thể áp dụng như nhau. Khi áp dụng một lý thuyết, chúng ta nên xem xét thực tiễn văn học để thấy có phù hợp với lý thuyết đó không, nếu phù hợp thì phù hợp đến mức nào.

Chẳng hạn gần đây ở Việt Nam, một số tác giả đã đề cập đến nghiên cứu hậu thực dân trong văn học, có ý kiến nói đến triển vọng của nó ở Việt Nam. Nhưng tôi cũng băn khoăn vì không biết khi nghiên cứu văn học hậu thực dân ở Việt Nam thì nghiên cứu vấn đề gì? Thực tế là văn học hậu thực dân trên thế giới đã xuất hiện ở (và đối với) những nước thuộc địa cũ của Pháp, Anh và Mỹ, đó là những nước vẫn còn giữ lại các thiết chế chính trị, văn hóa của "mẫu quốc", nơi có các vấn đề như: mâu thuẫn giữa các thiết chế với bản sắc dân tộc, tìm lại bản sắc dân tộc sau chế độ thực dân, bởi phần lớn các nước này sau khi độc lập vẫn nằm trong Liên hiệp Pháp hay Liên hiệp Anh. Trong khi đó, Việt Nam đã giành độc lập bằng cách mạng dân chủ, lật đổ chế độ thực dân, thiết lập chế độ mới với các thiết chế chính trị, văn hóa hoàn toàn mới. Vậy với Việt Nam, vấn đề cần giải quyết là xây dựng nền văn học mới hay văn học hậu thực dân? Tại sao gần 70 năm qua chúng ta không đặt ra vấn đề nghiên cứu hậu thực dân trong văn học mà bây giờ lại đặt ra? Nghiên cứu văn học hậu thực dân ở Việt Nam hiện nay, nếu có thì có xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn hay là một sự áp đặt của lý thuyết bên ngoài? Việc xác định vấn đề như vậy là rất quan trọng. Đó là chưa kể nhiều người còn hiểu sai những khái niệm chủ chốt nhất của lĩnh vực nghiên cứu này: hai thuật ngữ tiếng Anh Postcolonialism và Orientalism được dịch là "chủ nghĩa hậu thực dân" và "chủ nghĩa phương Đông". Trên thực tế không có "chủ nghĩa" hậu thực dân và "chủ nghĩa" phương Đông. Postcolonialism chỉ có nghĩa là "nghiên cứu hậu thực dân" (hay "nghiên cứu hậu thuộc địa"); còn Orientalism có các nghĩa: "phong cách phương Đông", "phương Đông học" (hay "nghiên cứu phương Đông").

Trong các ngôn ngữ phương Tây, hậu tố "ism" trong nhiều trường hợp không có nghĩa là "chủ nghĩa".

Rồi lại thấy rõ lên câu chuyện văn học nữ quyền. Ở phương Tây, phong trào nữ quyền thể hiện trong rất nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong chính trị - xã hội, như đòi quyền tham gia chính trị của phụ nữ mà ở nhiều nước hiện nay vẫn chưa được quan tâm thỏa đáng. Còn trong văn học, phong trào nữ quyền ở phương Tây hiện nay chủ yếu thể hiện ở việc phát hiện, phục hồi và quan tâm đến tác phẩm của các nhà văn nữ. Vậy với Việt Nam, cũng xuất hiện những băn khoăn: Chúng ta có vấn đề nữ quyền trong một số lĩnh vực xã hội, nhưng trong văn học thì sao? Chúng ta sẽ giải quyết vấn đề gì? Hình ảnh người phụ nữ đã xuất hiện từ buổi đầu của lịch sử văn học trên cả phương diện đối tượng lẫn chủ thể sáng tác, điều này trên thế giới và ở Việt Nam thời nào cũng có. Nhưng có phải cứ viết về phụ nữ thì là văn học nữ quyền không? Có phải hễ cứ nghiên cứu về phụ nữ trong văn học là phê bình nữ quyền hay không? Thực tế là, phải có vấn đề liên quan đến quyền của phụ nữ thì mới có thể nói tới nữ quyền trong văn học. Hiện nay ở nước ta mới chỉ có giới thiệu các bài viết của nước ngoài về nữ quyền mà chưa thấy nói văn học nữ quyền ở Việt Nam là gì. Phải chăng vì nó không có vấn đề nên người ta không nói ra, mà không có vấn đề thì không thể nghiên cứu. Như vậy, nếu không xác định được vấn đề thì việc nghiên cứu nữ quyền trong văn học chỉ là gắn một cái "nhãn" mới cho những công việc vẫn làm lâu nay, hoặc là du nhập vấn đề nữ quyền của phương Tây vào nước ta một cách gượng ép. Cái đó trong khoa học người ta gọi là "ngụy vấn đề". Từ ngụy vấn đề đến ngụy khoa học chỉ là một bước nhỏ, đó là điều cần cân nhắc.

Và mới đây, dựa vào các lý thuyết mỹ học mới, có ý kiến cho rằng đang xuất hiện một xu hướng mới trong tiểu thuyết lịch sử,

đó là trở về với "tiểu tự sự", với văn hóa dân gian, với đời thường; từ bỏ diễn ngôn "đại tự sự" chính trị, để chuyển từ cấp vĩ mô của các vĩ nhân và quốc gia đại sự sang cấp vi mô của các cá nhân dân thường. Đối chiếu với thực tiễn sáng tác tiểu thuyết lịch sử trên thế giới cũng như ở Việt Nam, chúng tôi thấy có điều muốn trao đổi. Thực tế cho thấy từ thế kỷ XIX, tiểu thuyết lịch sử của các nhà văn lǎng mạn thế giới đã có hai xu hướng khá rõ rệt: Một bên là loại tiểu thuyết viết về các nhân vật lịch sử, các vua chúa, hoàng hậu và chuyện quốc gia đại sự; một bên là loại tiểu thuyết lịch sử viết về các giai đoạn lịch sử nhưng lại lấy những con người rất đời thường làm nhân vật trung tâm và đưa họ ra tuyến đầu của tiểu thuyết. Trong số các nhân vật đời thường này, thấy có những anh hùng "thảo khấu truyền thuyết" như Robin Hood, có những người Digan, thằng gù, những kẻ trộm cắp, những trẻ em đường phố, những kẻ làm thuê, và nói chung là "những người khốn khổ", v.v.. Có thể nói, trong tiểu thuyết lịch sử của chủ nghĩa lǎng mạn cũng đã hình thành xu hướng đề cập đến những con người bình thường, chứ không phải chỉ nói về các nhân vật vĩ nhân và chuyện quốc gia đại sự.

Trong khi đó, tiểu thuyết lịch sử Việt Nam cũng đã có một truyền thống hình thành từ cuối thế kỷ XVII. Truyền thống này có xu hướng viết về các nhân vật lịch sử, các vĩ nhân. Tất nhiên nhân vật quần chúng vẫn được mô tả làm nền. Nhưng điều quan trọng là các tiểu thuyết lịch sử đó đều viết về những chuyện quốc gia đại sự, các chuyện chính trị và vận mệnh của đất nước. Đến thời hiện đại, Nguyễn Huy Tưởng là một trong những người đầu tiên tiếp nối xu hướng lịch sử nói trên. Trong những năm 40 của thế kỷ XX, ông đã xuất bản hai cuốn tiểu thuyết lịch sử: *Đêm hội Long Tri* (1942) và *An Tư* (1944). Ngày nay tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại vẫn tiếp nối xu hướng viết về các vĩ nhân và chuyện

quốc gia đại sự. Từ các bậc vua chúa như Lý Công Uẩn và các vị vua đời Lý khác đến các vua quan tướng lĩnh đời Trần, đến dòng họ nhà Hồ, Nguyễn Trãi, Lê Lợi, Quang Trung, các vua chúa triều Nguyễn..., các nhân vật lịch sử thời hiện đại như Nguyễn Ái Quốc, Phan Châu Trinh,... vẫn đang trở thành đối tượng quan tâm của các tiểu thuyết gia lịch sử như Ngô Văn Phú, Sơn Tùng, Hoàng Quốc Hải, Nguyễn Xuân Khánh, Lê Đình Danh, Nguyễn Quang Thân..., mà nếu chỉ tính những tác phẩm mới nhất thì cũng có thể kể ra một loạt tiểu thuyết điển hình như: *Hồ Quý Ly* của Nguyễn Xuân Khánh, *Tây Sơn bi hùng truyện* của Lê Đình Danh, bộ sáu tiểu thuyết *Bão táp triều Trần* và bộ bốn tiểu thuyết *Tám triều vua Lý* của Hoàng Quốc Hải, *Hội thề* của Nguyễn Quang Thân, và gần đây nhất là tiểu thuyết *Minh sư* của Thái Bá Lợi, *Thế kỷ bị mất* của Phạm Ngọc Cảnh Nam,... Những đối tượng được đề cập đều là các vĩ nhân, và độc lập dân tộc đối với họ chính là chuyện quốc gia đại sự. Hiện tại các đối tượng đó cùng với các sự kiện quốc gia đại sự không chỉ là mối quan tâm của các tiểu thuyết gia lịch sử, mà còn là đối tượng quan tâm của toàn xã hội Việt Nam đương đại. Gần đây, một loạt tiểu thuyết lịch sử đã nhận được giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam và của các tổ chức xã hội khác. Trong các tác phẩm đó, chính trị luôn là chủ đề trọng tâm và hấp dẫn các nhà văn. Có thể thấy tư duy, diễn ngôn chính trị xuất hiện dồn dập trong tiểu thuyết của Hoàng Quốc Hải, Nguyễn Xuân Khánh, Nguyễn Quang Thân, Phạm Ngọc Cảnh Nam...

Như vậy, tiểu thuyết lịch sử trước đây không chỉ viết về các nhân vật lịch sử và chuyện quốc gia đại sự mà bỏ quên con người bình thường; cũng như tiểu thuyết lịch sử ngày nay cũng không từ bỏ các vĩ nhân để chỉ viết về dân thường. Trên thực tế, tiểu thuyết nói chung và tiểu thuyết lịch sử nói riêng luôn coi chính trị, các vĩ nhân và chuyện quốc gia đại sự là đề tài hấp dẫn nhất, kể cả ở

Việt Nam cũng như trên thế giới. Bởi lẽ, chính trị liên quan đến vận mệnh của mỗi con người, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Các nhà văn lớn trên thế giới đều là người luôn quan tâm đến chính trị. Nhiều tác phẩm nghệ thuật đã trở nên nổi tiếng chính vì khai thác đề tài chính trị. Còn chuyện đời thường thì trong bất cứ tác phẩm tiểu thuyết nào và ở bất cứ thời nào cũng có, vì đó chính là một phần da phần thịt của tiểu thuyết. Cho nên, tiểu thuyết lịch sử ngày nay nếu có viết về đời thường thì cũng là chuyện rất bình thường và xưa cũ. Có lẽ nên nói việc trả về với cá nhân đời thường chỉ là xu hướng bổ sung chứ không thay thế và không loại trừ diễn ngôn chính trị, hoặc loại trừ chuyện quốc gia đại sự...

Tóm lại, để nâng cao chất lượng, hiệu quả của phê bình văn học, việc dựa vào lý luận hay lý thuyết là rất cần thiết, nhưng lý luận phải xuất phát từ thực tiễn sáng tác văn học và trở lại lý giải, phục vụ thực tiễn, không nên gò ép áp đặt cho thực tiễn. Xa rời thực tiễn sáng tác, áp đặt định kiến lý thuyết sẽ có nguy cơ dẫn đến kinh viện hóa hoạt động nghiên cứu văn học và biến công việc phê bình văn học thành một câu chuyện diễn ngôn thuần túy tư biện.

VĂN HÓA TRUNG TÂM VÀ NGOẠI VI VỚI MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI*

PGS. TS. NGUYỄN VĂN DÂN

Trên thực tế, sự khác nhau trong văn hóa giữa các cộng đồng đưa tới kết quả là làm nén tính đa dạng, phong phú của văn hóa ở mỗi quốc gia, và rộng hơn là văn hóa nhân loại. Tuy nhiên, sự khác nhau trong văn hóa cũng có thể là cái cớ dẫn đến nguy cơ xung đột, làm nhiễu loạn tiến trình phát triển xã hội - con người. Vì thế, sự kết hợp hài hòa giữa việc bảo vệ và làm đậm đà bản sắc dân tộc với việc mở rộng "biên giới" văn hóa sẽ không chỉ giúp ngăn ngừa xung đột xã hội, mà còn có ý nghĩa phát triển quyền con người.

Trong cuốn sách *Chiến tranh và chống chiến tranh: sự sống còn của loài người ở buổi bình minh của thế kỷ XXI*, hai tác giả Alvin Toffler và Heidi Toffler viết: "Trong 2.340 tuần kể từ năm 1945 đến năm 1990, thế giới chỉ có ba tuần là thật sự không có chiến tranh". Ở đây, khi nhắc đến "chiến tranh", hai tác giả muốn nói đến và bao hàm cả các cuộc "xung đột" dưới những hình thức khác nhau, trong đó có xung đột văn hóa. Từ đó thiết nghĩ, nhận xét của hai ông vẫn có ý nghĩa đối với chúng ta.

* Báo Nhân Dân, số ra ngày 28-6-2013.

Thông thường, xung đột xã hội xuất hiện chủ yếu khi có mâu thuẫn giữa các quyền lợi. Tuy nhiên, trong sự tồn tại của mỗi quốc gia, xung đột lại thường xảy ra giữa các tộc người, cụ thể là giữa các tộc người thiểu số với các tộc người đa số, giữa khu vực văn hóa ngoại vi với khu vực văn hóa trung tâm. Việt Nam là một quốc gia đa tộc người, có tính đa dạng văn hóa, cho nên xung đột xã hội và xung đột văn hóa đôi khi khó tránh khỏi. Ngoài ra, với tư cách là một nước đang chuyển sang cơ chế thị trường, vấn đề quyền lợi rất dễ làm nảy sinh mâu thuẫn giữa trung tâm và ngoại vi. Vì thế, vấn đề xung đột đòi hỏi chúng ta phải nhận thức rõ ràng để có giải pháp ngăn chặn.

Xét đến cùng, giải quyết vấn đề xung đột là giải quyết mâu thuẫn về quyền lợi, khắc phục tình trạng thiểu dân chủ. Và mặc dù xung đột văn hóa có thể được quy giản thành xung đột kinh tế, nhưng giải quyết xung đột kinh tế lại cần dựa vào giải pháp văn hóa và chính trị. Vì thế, những giải pháp quan trọng nhất cho vấn đề xung đột chính là các giải pháp văn hóa và chính trị.

Quyền tự do văn hóa là một trong những khía cạnh quan trọng của sự phát triển con người. Việc tôn trọng quyền con người được coi là điều kiện quan trọng nhất để bảo đảm cho một nền hòa bình bền vững. Và quyền văn hóa chốt lại có lẽ chỉ là quyền tự do văn hóa. Tự do văn hóa được thể hiện ở các quyền: không bị can thiệp trong việc hưởng thụ văn hóa, tự do sáng tạo và đóng góp cho văn hóa, tự do lựa chọn nền văn hóa nào và đời sống văn hóa nào để tham gia, tự do hợp tác quốc tế và tự do tham gia vào việc hoạch định, thực hiện các chính sách về văn hóa.

Rõ ràng, tự do văn hóa là một trong những giá trị tối cao của con người, trở thành một trong những phương diện nghĩa của khái niệm văn hóa. Theo quan điểm của Báo cáo phát triển con người năm 2004 của UNDP, tự do văn hóa có nghĩa là mọi người dân

phải được quyền tự do trở thành chính mình, được lựa chọn bản sắc văn hóa cho mình, được người khác tôn trọng, được sống theo đúng chân giá trị của mình. Mọi người đều có quyền được thực hiện các lựa chọn văn hóa mà không bị trừng phạt, không bị loại trừ khỏi những sự lựa chọn khác, được quyền lựa chọn nhiều bản sắc chứ không phải chỉ một bản sắc (hdr.undp.org - 2004). Công nhận tự do văn hóa của người dân tức là phải mở rộng các khả năng lựa chọn của họ. Trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, người ta còn nói đến một tư cách "công dân thế giới". Tư cách là công dân của một quốc gia với tư cách là công dân của thế giới đang có sự xích lại gần nhau.

Hiện tại người ta đang chú ý đến đa dạng văn hóa với tư cách là kết quả của quyền được khác biệt của mọi người dân, của tự do văn hóa, song việc xích lại gần nhau của các "công dân thế giới" như vừa nói trên đây lại làm nảy sinh quan niệm về một cái quyền mới cũng không kém phần quan trọng so với quyền được khác biệt, thậm chí có khi còn quan trọng hơn: đó là quyền được giống nhau. Dù con người có nhiều sự lựa chọn hơn, nhưng họ lại có xu hướng lựa chọn những sự vật giống nhau. Đây là xu hướng hướng tâm, tham gia vào trung tâm để phát triển, tiến tới thu hẹp sự khác biệt giữa trung tâm và ngoại vi để giảm thiểu nguy cơ xung đột.

Để tránh nguy cơ xung đột, ngoài việc xác định quan niệm đúng đắn về tự do văn hóa ở cấp quốc gia và quốc tế, các quốc gia cần đề ra và thực thi những chính sách văn hóa cụ thể. Giới khoa học trên thế giới nhận xét rằng, trước đây, các nhà hoạch định chính sách văn hóa thường khá quan tâm đến việc khuyến khích nghệ thuật, bảo vệ di sản văn hóa, hơn là đến việc khuyến khích tự do văn hóa. Ngay cả ngày nay, các cuộc tranh luận chủ chốt vẫn cơ bản tập trung vào việc bảo vệ di sản văn hóa. Người ta đã coi trọng vấn đề di sản mà gần như lãng quên vấn đề tự do văn hóa.

Để bảo đảm tự do văn hóa, các quốc gia cần ban hành chính sách đa văn hóa trong chiến lược phát triển con người, xã hội. Đó cũng là chính sách quan tâm đến ngoại vi. Làm như thế, có thể sẽ tránh được nguy cơ xung đột trong nước và xung đột quốc tế. Với tinh thần này, hiện nay các nước trên thế giới đang phải đương đầu với một thách thức to lớn là họ phải soạn thảo các chính sách đặc thù của đất nước để cho phép mở rộng những sự lựa chọn chứ không phải là thu hẹp chúng, bằng cách bảo vệ và phát triển bản sắc dân tộc, trong khi vẫn mở rộng cửa biên giới. Các chính sách đa văn hóa có mục tiêu là bảo vệ các bản sắc của người dân và đa dạng văn hóa, khuyến khích tự do văn hóa và hội nhập quốc tế, nhằm mục đích cuối cùng là phát triển con người với đầy đủ phẩm chất của nó. Ngoài ra, chính sách đa văn hóa không thể có hiệu quả nếu không được kết hợp với các chính sách kinh tế và xã hội, nhằm bảo đảm cho mọi người dân, kể cả những người nhập cư, có được cơ hội tham gia vào các hoạt động kinh tế, chính trị và xã hội, có được quyền dân chủ, được đối xử công bằng và bình đẳng. Trong số những đề xuất của UNDP về các chính sách đa văn hóa, cần đặc biệt chú ý đến hai loại chính sách: - Chính sách về tôn giáo và về việc thực hành tôn giáo; - Chính sách về việc sử dụng nhiều ngôn ngữ (hay còn gọi là chính sách đa ngôn ngữ).

Hiện nay trên thế giới, nhiều cộng đồng thiểu số về tôn giáo đang phải chịu nhiều hình thức loại trừ khác nhau. Vì tôn giáo có tầm quan trọng sâu sắc đối với các bản sắc của người dân, cho nên không có gì ngạc nhiên là các cộng đồng thiểu số tôn giáo thường huy động lực lượng để chống lại những loại trừ đó. Nếu không được kiểm soát một cách đúng đắn, thì các chiến dịch huy động này có thể biến thành bạo lực. Cho nên, vấn đề sống còn đối với các quốc gia là cần học cách kiểm soát được các hoạt động tôn giáo. Ở Việt Nam, tuân thủ nguyên tắc tự do tôn giáo, Hiến pháp cho phép mọi

người dân có cả quyền tự do tín ngưỡng lẫn quyền tự do không tín ngưỡng, các tôn giáo đều được phép tự do hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật. Từ thực tế của vấn đề, có thể khẳng định ở Việt Nam chúng ta đã thật sự có tự do tôn giáo.

Đối với các chính sách về việc sử dụng nhiều ngôn ngữ, cái mà các nước đa ngôn ngữ cần là công thức ba ngôn ngữ (như UNDP đề xuất), cho phép công khai công nhận việc sử dụng ba loại ngôn ngữ: 1. Một ngôn ngữ quốc tế: Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa như hiện nay, tất cả các nước cần phải thành thạo một ngôn ngữ có vị trí quốc tế để tham gia vào nền kinh tế và các mạng toàn cầu; 2. Một ngôn ngữ chung cho một khu vực; 3. Tiếng mẹ đẻ. Ở nước ta, công thức này đang được cụ thể hóa thành ba loại ngôn ngữ như sau: 1. Tiếng Anh (hay Pháp, Nga, Trung Quốc); 2. Tiếng Việt - là tiếng phổ thông cho cả nước; 3. Tiếng mẹ đẻ của các dân tộc thiểu số. Rất nhiều dân tộc thiểu số từ chỗ chưa có chữ viết nay đã có chữ viết riêng. Đài phát thanh và truyền hình ở nước ta cũng đã có các chương trình phát bằng một số tiếng dân tộc thiểu số chủ chốt phục vụ các dân tộc thiểu số. Có thể nói, chúng ta đang hành động đúng với phương hướng đa văn hóa của UNDP. Đây là một phương hướng nhằm thiết lập mối quan hệ đúng đắn giữa trung tâm và ngoại vi nhằm tránh nguy cơ xung đột xã hội.

Tuy nhiên trong một số trường hợp, giải pháp văn hóa không có khả năng giải quyết vấn đề xung đột. Vì thế cần có những giải pháp quyết liệt và căn cơ hơn, nhất là giải pháp chính trị. Rất nhiều khi, xung đột xảy ra như là hậu quả của tham nhũng, lạm dụng quyền lực, trong các trường hợp nghiêm trọng nhất, tham nhũng và lạm dụng quyền lực thường xuất hiện trong lĩnh vực quy hoạch đất đai, quy hoạch đô thị. Trong quá trình phát triển, đất nước cần tái cơ cấu đô thị và nông thôn,

và thế là trong quá trình quy hoạch đô thị và nông thôn, một số quan chức đã lạm dụng quyền lực để mưu cầu lợi ích cá nhân, dẫn đến xung đột xã hội, đôi khi dẫn đến bạo lực. Để tránh xung đột, bộ máy chính trị và pháp luật cần trong sạch, liêm chính. Luật pháp cần khoa học, hợp lý, dân chủ, cần được tôn trọng, áp dụng nghiêm. Người dân cần có quyền được phản biện và giám sát bộ máy hành pháp của Nhà nước. Đây chính là mục tiêu chính của nền dân chủ mà Việt Nam cần theo đuổi. Nói tóm lại, pháp quyền là mục tiêu tối cao, là cơ sở chủ yếu của nền dân chủ của ta. Đây chính là điểm mấu chốt của việc giải quyết vấn đề xung đột xã hội. Như vậy, nhận thức được bản chất của vấn đề xung đột là rất quan trọng, từ đó có thể rút ra các giải pháp thích hợp và hiệu quả, trong đó giải pháp văn hóa là một trong những giải pháp góp phần chủ yếu và có ý nghĩa lâu dài để ngăn ngừa xung đột.

HƯỚNG ĐI NÀO CHO PHIM NỘI?*

PHẠM CHI

Hiện tại, 90% số bộ phim nhập vào Việt Nam được chiếu ở rạp là phim Mỹ, còn lại là phim Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, Ấn Độ và một số quốc gia châu Âu,... đi kèm với nhiều bộ phim trong số này là những quảng cáo "phim khủng", "bom tấn", top 5, top 10 của Giải Oscar. Và khi tỷ lệ phim ngoại so với phim nội trung bình hằng năm là 150 phim/10 phim thì phim ngoại đang làm chủ thị trường phim Việt Nam.

Những năm gần đây, việc nhập phim ngoại là một bước theo lộ trình mà Việt Nam cam kết khi gia nhập WTO, đồng thời đã mở rộng "kênh" giải trí, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa - nghệ thuật của công chúng. Nhưng cái gì cũng có mặt trái của nó. Ngoài lượng phim ngoại gân như thống soái, cũng cần xem lại việc nhập phim ngoại một cách gân như là "tự do", để các "ông chủ" hoàn toàn quyết định. Tuy có Hội đồng thẩm định phim quốc gia kiểm duyệt trước khi ra rạp, nhưng nhìn danh mục phim nhập và nội dung của chúng sẽ thấy phần lớn phim ngoại ra rạp là những phim có tính bạo lực, ngay cả phim cho trẻ em thì trong đó cũng pha tính bạo lực thể hiện ở những cuộc

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 26-7-2013.

tranh giành nhau (dù không có đầu rơi, máu chảy). Chưa kể có những phim mà ranh giới giữa nhân tính - phi nhân tính rất khó phân định, bởi không phải khán giả nào xem phim cũng ý thức được ý nghĩa của phim, mà cái đập vào ấn tượng thị giác là các cảnh bạo lực, là những sinh hoạt xa hoa phù phiếm, là những lối sống Âu - Mỹ trái với thuần phong mĩ tục truyền thống Việt Nam... Và điều cần cảnh báo là khi 90% số phim nhập là phim Mỹ, 75% doanh thu từ phim của Hollywood, thì có nghĩa là văn hóa nước ngoài cũng đang dần xâm lấn, thẩm thấu vào đời sống tinh thần, và khó có thể nói rằng không ảnh hưởng gì đến nhân cách, lối sống của không ít người trong giới trẻ - vốn chiếm số đông trong số khán giả xem phim.

Cái "mất" về tiền bạc bởi phim Việt Nam không "đậu" được ở sân nhà, chưa phải là cái "mất" đáng lo ngại. Đáng lo hơn, bên một số yếu tố phức tạp trong sinh hoạt xã hội hiện tại với một số biểu hiện lệch lạc về đạo đức, thì phim ngoại nhập sẽ là một trong những "kênh" ít nhiều có thể làm cho tình trạng lệch chuẩn trở nên rõ ràng hơn, nhất là với giới trẻ. Phải chăng vì lợi nhuận cho nên đã có tình trạng bỏ ngỏ trong việc nhập phim, để các "ông chủ" tự do theo chủ ý của mình, miễn là mang lại lợi nhuận cao, còn hậu quả như thế nào thì không phải là vấn đề được quan tâm?

Việt Nam gia nhập WTO là bước qua một khung cửa mở rộng, tạo thêm điều kiện để kinh tế thị trường phát triển. Phim ảnh là một trong những loại hình công nghệ giải trí kinh doanh lợi nhuận cao. Trong bối cảnh đó, việc tác phẩm điện ảnh nước ngoài được nhập vào thị trường Việt Nam cũng là điều bình thường, dẫu biết việc làm này có thể sẽ "bóp chết" điện ảnh Việt Nam ngay trên sân nhà bởi những ưu thế hơn hẳn. Một cuộc tọa đàm trong khuôn khổ Liên hoan phim Quốc tế Việt Nam lần thứ

nhất với chủ đề "Xây dựng nền công nghiệp điện ảnh Việt Nam", lãnh đạo Cục Điện ảnh (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đã nhận thấy vấn đề và dự kiến trong tương lai gần cần tập trung đầu tư để sản xuất nhiều phim Việt Nam hơn nữa, khoảng 70 đến 80 phim/năm. Đưa phim Việt Nam đến với khán giả nhiều hơn nữa là để cân bằng thị trường phim hiện đang tràn ngập phim nhập khẩu. Song gần ba năm đã qua, kể từ buổi tọa đàm đó, phim Việt Nam vẫn èo uột, lèo tèo chưa tới 10 đến 12 đầu phim/năm ra rạp, chưa kể không phải tất cả số bộ phim đó đều ăn khách. Trong khi doanh thu một phim "bom tấn" của Hollywood hiện tại lên đến hơn 3 triệu USD trong mấy tuần chiếu ở Việt Nam, thì doanh thu "khủng" nhất của phim Việt Nam hiện tại cũng chưa bằng một phần nhỏ. Mà phim Việt Nam doanh thu cao lại thuộc sở hữu của các doanh nghiệp nhập phim.

Theo con số thống kê tại Hội thảo về điện ảnh diễn ra trong khuôn khổ Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 17 thì cách đây 10 năm, doanh thu phòng vé ở Việt Nam là 2 triệu USD/năm; đến năm 2010 đã tăng lên 26 triệu USD - tăng gấp 13 lần; còn năm 2011 doanh thu đạt hơn 35 triệu USD. Ông Brian Hall - Chủ tịch và là Giám đốc điều hành của Megastar, dự báo năm 2016 sẽ đạt khoảng 110 triệu USD. Với mức tăng 514% trong vòng bốn năm từ năm 2008 đến 2012, tờ báo Hollywood Reporter xếp Việt Nam là một trong 13 thị trường phim tăng trưởng "nóng" nhất thế giới. Doanh thu phòng vé tại Việt Nam đã tăng từ 7 triệu USD (khoảng 150 tỷ VND) vào năm 2008 lên tới 43 triệu USD (khoảng 900 tỷ VND) vào năm 2012. Và như ông Brian Hall tiết lộ với trang tin điện tử của tờ Variety (Mỹ) thì: "75% doanh thu phòng vé (tại Việt Nam) đến từ phim Hollywood".

Nếu như trước đây, phim ngoại chỉ được chiếu tại rạp ở Việt Nam sau khi bộ phim được công chiếu trên thị trường thế giới

hằng năm, thậm chí vài năm trời; thì giờ đây, những bộ phim được gọi là "khủng", "bom tấn" của Hollywood đã có mặt tại rạp chiếu phim ở Việt Nam chỉ sau thị trường Bắc Mỹ vài tuần, thậm chí có phim cùng phát hành một ngày, có phim còn trước một ngày. Bên cạnh phiên bản phim phụ đề đã quá phổ biến, từ năm 2012 loại hình phim Hollywood lồng tiếng Việt bắt đầu xuất hiện và đạt được thành công nhất định. Trong quá khứ, chỉ có hai bộ phim được lồng tiếng Việt là *Finding Nemo* (Đi tìm Nemo - năm 2003) và *Open Season* (Mùa săn bắn - năm 2006), sau đó vì nhiều lý do, băng đi khá lâu, không có "nhà" nào chịu đầu tư. Nhưng đến đầu năm 2012, phim hoạt hình *Rio* đã được lồng tiếng Việt mở màn cho sự xuất hiện trở lại của loại hình này. Sau *Rio* là *The Smurfs* (Xì Trum), *Puss in Boots* (Mèo đi hia), hay gần đây là *Alvin & The Chipmunks 3* (Sóc siêu quậy 3) đều được chuyển ngữ và lồng tiếng Việt bởi các nghệ sĩ nổi tiếng. Các tác phẩm được lồng tiếng Việt làm cho phim Hollywood thêm gần gũi và hấp dẫn khán giả Việt Nam hơn. Chưa kể các thủ pháp PR cho phim cũng rất bài bản, đầu tư nhiều tiền. Nhất là các phim "bom tấn", không những đưa "sao" Việt ra nước ngoài tham dự buổi chiếu ra mắt chính thức đầu tiên, phỏng vấn diễn viên trong phim, để tổ chức "chiến dịch" PR cho phim từ lúc chưa ra rạp ở Việt Nam, đến khi phim ra rạp thì tổ chức như một show sự kiện có nhiều "sao" Việt tham gia...

Hiện nay, cả nước có sáu đơn vị lớn chuyên nhập khẩu, phát hành phim. So với khoảng 10 năm trước, vì một số lý do, trong đó có cả sự cạnh tranh kiểu "cá lớn" - "cá bé", số công ty nhập phim giảm gần một nửa với sự biến mất của các tên tuổi quen thuộc như Visionnet, Cinenet, Fafilm Việt Nam... Số nhà nhập phim ít, nhưng doanh thu thì mỗi năm một tăng thêm. Năm trong số sáu "ông chủ" nhập khẩu - phát hành phim nêu trên sở

hữu những cụm rạp riêng. Năm trong tay nhiều cụm rạp, Megastar cũng dẫn đầu về lượng phim nhập với tốc độ trung bình từ năm đến tám phim ra rạp/tháng. Galaxy, BHD, Lotte Cinema và Platinum M.V.P. trung bình từ hai đến ba phim/tháng. Riêng phim Studio A Việt Nam vì mới tham gia cho nên lên kế hoạch phát hành mỗi tháng một phim. Nếu như năm 2011 có 106 phim ngoại ra rạp thì sang năm 2012 có 120 phim, và năm 2013 dự kiến lên 150 phim. Hiện cả nước có hơn 200 phòng chiếu, số phim nhập về tăng không ngừng vì danh sách các công ty nhập phim được mở rộng. Mỗi công ty đều có mối quan hệ riêng với các hãng phim lớn ở nước ngoài như Megastar là đối tác của Universal, Warner Bros, Walt Disney, Paramount/DreamWorks, 20th Century Fox; Galaxy gắn với Sony Pictures; BHD "mặn" với điện ảnh Hoa ngữ, thỉnh thoảng thêm phim Thái Lan. Lotte Cinema chủ yếu cộng tác với CJ Entertainment - Hàn Quốc; thương hiệu Platinum M.V.P. sở hữu mối quan hệ với hơn 20 nhà sản xuất phim và công ty sản xuất chương trình khác nhau tại Mỹ, Anh, Ấn Độ và các nước châu Âu. Riêng Công ty phim Studio A Việt Nam bước đầu thông qua đối tác A - Company thuộc tập đoàn A.R.Films của Alexandre Rodnyansky, một đơn vị nhập khẩu phát hành phim lớn tại thị trường châu Á, để mua phim từ Mỹ và các nước châu Âu...

"75% doanh thu phòng vé (tại Việt Nam) đến từ phim Hollywood", tiết lộ của ông Brian Hall nói lên điều gì? Phải chăng thị trường phim ở Việt Nam hiện tại thuộc về các công ty tư nhân và là nơi để phim ngoại "tung hoành ngang dọc", và có "thế lực cạnh tranh tuyệt đối". Điều này át hẳn các "nhà" phim Việt Nam cũng thấy rõ. Một phim Việt Nam, nếu như không có sự "đỗ đầu" hay đồng sản xuất của mấy "ông chủ" kia, thì cơ hội để ra rạp là rất thấp; thậm chí nếu có ra, để có được giờ chiếu

"vàng" thì cũng gần như là "bất khả thi". Chưa kể số ngày chiếu có khi còn bị "ăn bớt", phá hợp đồng với lý do không ăn khách, doanh thu thấp... Và điều này đã đẩy tới thực tế, ngay tại "sân nhà" mà phim Việt Nam thoi thóp bởi sự chèn ép "tổng lực" của phim ngoại.

Chẳng lẽ điện ảnh nước nhà cứ "xập xệ" như lâu nay? Dù thế nào thì phim ngoại nhập có hai mặt của nó. Vì thế không nên vui mừng khi số phim ngoại ngày một tăng thêm tại thị trường phim Việt Nam, nhất là trong khi phim Việt Nam vẫn chưa có lời giải thỏa đáng làm sao có thể cạnh tranh với phim ngoại. Thiết nghĩ, nếu lời giải cho bài toán phụ thuộc vào nỗ lực sáng tạo với lòng tự trọng của đội ngũ những người làm phim, là chính sách đai ngộ với những thành phần tham gia làm nên tác phẩm, là ý thức trách nhiệm với văn hóa dân tộc,... còn có chính sách của Nhà nước để giúp điện ảnh Việt Nam có thể tìm ra hướng vượt qua khó khăn. Phải chăng đã đến lúc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cần khảo sát, đánh giá, xây dựng một chương trình chấn hưng điện ảnh có hiệu quả và có chất lượng cao về tư tưởng - nghệ thuật?

SỰ TỈNH TÁO VÀ TINH THẦN PHÊ PHÁN TRONG TIẾP NHẬN TRI THỨC*

PHẠM CHI

Ngày nay, sự mở rộng các mối liên hệ quốc tế là một tiền đề quan trọng tạo ra cơ hội để các dân tộc có thể tiếp xúc, tiếp nhận và vận dụng thành tựu tri thức của nhân loại. Tuy nhiên, hiệu quả của quá trình đó như thế nào luôn phụ thuộc vào nhận thức và sự tỉnh táo của chủ thể nghiên cứu, vì nếu thiếu các yếu tố nền tảng này sẽ đẩy tới tình trạng sai chênh giữa lý luận với thực tiễn. Việc vận dụng chủ nghĩa hậu thực dân trong thao tác nghiên cứu của một số bộ môn khoa học xã hội - nhân văn ở Việt Nam là một thí dụ.

Gần đây trong một số bài viết, trên một số diễn đàn, các khái niệm chủ nghĩa hậu thực dân (postcolonialism), nghiên cứu hậu thực dân (postcolonial studies) thường xuất hiện cùng với đề xuất vận dụng như là hướng nghiên cứu cần thiết. Tuy nhiên để có thể vận dụng, cần xem xét chủ nghĩa hậu thực dân là gì, quan niệm và hệ thống lý thuyết của nó có phù hợp với Việt Nam hay không? Ra đời từ phương Tây trong những năm 60 của thế kỷ XIX, chủ nghĩa hậu thực dân là xu hướng nghiên cứu các nước thuộc địa cũ - được định danh là các "chủ thể bị câm lặng" với những vấn nạn về bình

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 30-7-2013.

đảng giói, về các tầng lớp xã hội và dân tộc thiểu số - những vấn đề được coi là di sản thực dân. Xu hướng học thuật này nảy sinh từ các điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội riêng, mà trước hết là sự phát triển của chủ nghĩa tư bản (hậu kỳ), sự xuất hiện của các tập đoàn kinh tế khổng lồ, của văn hóa đại chúng và chủ nghĩa tiêu dùng. Cùng với đó, là sự sa sút quyền lực kinh tế, chính trị của các nước phương Tây khi các nước thuộc thế giới thứ ba đã liên tiếp giành được độc lập.

Có thể thấy, chủ nghĩa hậu thực dân có nguồn gốc từ truyền thống nhân văn của phương Tây bắt đầu từ thời kỳ Khai sáng; đó là phản ứng về tri thức và mỹ học, là hệ quả của sự phình ra của chủ nghĩa tư bản. Nói tóm lại, chủ nghĩa hậu thực dân là sự thích nghi về mặt tri thức và thẩm mỹ của phương Tây trước các nguy cơ đến từ những nước mới độc lập và đe dọa vị trí tiên phong của nó trên trường quốc tế.

Trên thực tế, cách thức hình thành diễn ngôn hậu thực dân không khác biệt nhiều so với cách thức hình thành diễn ngôn của chủ nghĩa thực dân. Cả hai đều có mục đích là quảng bá cho tính chất "đàn anh" về tri thức và văn hóa của phương Tây, từ đó hợp thức hóa sự thiết lập các tổ chức kinh tế, chính trị của các nước phương Tây tại các nước thuộc địa, hay hậu thuộc địa. Mà chúng ta đều biết, sự thiết lập này không bao giờ vì sự phát triển của các nước thuộc địa, hay cái gọi là nước hậu thuộc địa, mà luôn vì sự phát triển kinh tế - chính trị của chính "mẫu quốc". Ở các thời kỳ trước, diễn ngôn thực dân có đặc hình ảnh người dân thuộc địa như là những kẻ ngây thơ, thuộc về thời tiền sử và kém phát triển, do đó cần sự trợ giúp của các nước thực dân. Vì thế cái gọi là thiện chí "văn minh hóa" người bản địa, thông qua diễn ngôn thực dân, thực chất là chiêu bài che giấu lợi ích kinh tế - chính trị. Chủ nghĩa hậu thuộc địa cũng có những diễn ngôn tương tự như vậy, bằng cách hậu

thực dân hóa (postcolonizing) một loạt văn bản, hiện tượng, phong trào vốn diễn ra trong những thời điểm, không gian khác nhau ở các nước ngoài phương Tây, từ đó góp phần hợp thức hóa sự tồn tại của các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia và chủ nghĩa tiêu dùng, cũng như duy trì vị trí "đàn anh", "đàn đầu" của các nước thực dân cũ. Giống như chủ nghĩa thực dân vẫn xem các nước thuộc địa ở tầng nấc thấp hơn trong thang bậc phát triển, chủ nghĩa hậu thực dân tập trung vào điều được gọi là vấn nạn kinh tế, chính trị, văn hóa của các nước ở ngoài phương Tây, như: bất bình đẳng giới, sự phân biệt giữa các giai cấp, giữa các tộc người. Đó là cơ sở để những người theo chủ nghĩa hậu thực dân cho rằng, các nước thứ ba chưa phát triển đầy đủ về "dân chủ", về "cá nhân", "tự do", "quyền công dân" và về "quốc gia - dân tộc". Từ đó ra đời các vấn đề: bình đẳng giới, bình đẳng công dân, dân chủ, hiện đại hóa hay vô vàn khái niệm liên quan đến nhà nước - quốc gia mà không gì khác hơn là cố gắng hợp thức hóa điều người ta cho rằng: các nước ngoài phương Tây cần sự can thiệp của các học giả, các tổ chức chính trị và kinh tế quốc tế để giải quyết những điều bị (được) cho là "vấn nạn" dân tộc, tộc người và công dân. Như vậy xét đến cùng, đó chính là cổ vũ cho sự phụ thuộc trong các sản phẩm và thực hành kinh tế, chính trị, văn hóa của các nước thứ ba vào phương Tây. Ở Việt Nam, có thể nhận diện điều này qua hành vi tiêu thụ một cách tràn lan, đôi khi là mù quáng các sản phẩm học thuật, kỹ thuật và các thứ hàng hóa đến từ phương Tây. Đó thật sự là hành vi tiêu thụ thiếu cẩn trọng, thiếu chọn lọc, thiếu phê phán.

Từ sự ra đời của nó, có thể nói chủ nghĩa hậu thực dân là trào lưu tri thức bị quy định bởi điều kiện hậu thực dân (postcoloniality) và quy luật giá trị thị trường vốn được phương Tây sùng bái. Coi tiêu thụ là thước đo để định giá giá trị tri thức, các lý thuyết gia phương Tây cố gắng để làm sao sản phẩm tri thức

của họ đắt hàng. Và chủ nghĩa hậu thực dân, với sự tập trung vào những vấn đề dân tộc, công dân ở các nước thứ ba đã trở thành "lá bùa" bảo đảm cho tính chất có thể tiêu thụ của tri thức. Do vậy, các nhà kinh tế, các nhà chính trị phương Tây nhanh chóng tìm thấy trong các diễn ngôn hậu thực dân sự ủng hộ về mặt lý luận cho các chính sách bành trướng về kinh tế, chính trị, văn hóa của họ. Nói một cách chung nhất, chủ nghĩa hậu thực dân, thoạt nghe như một học thuyết tỏ ra rất đạo đức, chăm lo cho thế giới thứ ba về bình đẳng công dân và dân tộc, lắng nghe tiếng nói của các thế giới dị biệt, các nhóm ngoại biên; nhưng thực chất nó vừa được sinh ra trong và vừa phục vụ cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, như là một cố gắng khắc phục, duy trì giấc mơ về tính siêu việt của kinh tế, chính trị, văn hóa phương Tây.

Với một số tác giả đang cổ vũ cho việc tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa hậu thực dân, nghiên cứu hậu thực dân để nghiên cứu một số vấn đề văn học, nhân học thì phân tích trên đây có thể là điều khó chấp nhận. Song, không thể phủ nhận một sự thật đã và đang tồn tại trong nghiên cứu khoa học ở Việt Nam là: trong khi các học giả phương Tây luôn ý thức về "tính siêu cường", vai trò "đàn anh, đàn chị" trong quan hệ với các nước thứ ba, thì lại có một số tác giả ở Việt Nam lại quen với vị trí "nhược tiểu" của mình. Với họ, cái gì của ta cũng thấp kém, cái gì của phương Tây cũng là tiến bộ, là đi trước, dẫn đến sự tiếp thu thiếu phê phán. Thiếu phê phán trong khi tiếp nhận tri thức đến từ phương Tây có thể để lại hậu quả khôn lường. Bởi, như chủ nghĩa hậu thực dân chẳng hạn, nó cố súy cho vị trí siêu cường của tri thức phương Tây, hợp thức hóa vai trò "đàn anh, đàn chị", có thể mở ra "đột phá khẩu" cho sự can thiệp của phương Tây đối với Việt Nam trong nhiều vấn đề khác nhau.

Cũng cần xem xét, phân tích từ một phương diện khác là

chủ nghĩa hậu thực dân không tương thích với thực tế Việt Nam. Từ cội nguồn của nó, chủ nghĩa hậu thực dân chủ yếu được khái quát từ thực tiễn kinh tế, chính trị, văn hóa của Ấn Độ hiện đại - một thuộc địa cũ của thực dân Anh. Chúng ta có thể nhận thấy rất rõ Ấn Độ thời thuộc địa không có những tính chất gần gũi với Việt Nam thời thuộc địa. Quan trọng hơn, sau khi giành được độc lập, nếu Ấn Độ đã phải trải qua thời "hậu thuộc địa" thì Việt Nam lại không trải qua thời kỳ này. Tính chất cơ bản của một chế độ chính trị - xã hội mới (trong định hướng phát triển, khẳng định hệ giá trị và cách thức tổ chức xã hội, cùng vai trò là chủ thể xã hội của con người,...) đã được xác lập từ khi Việt Nam chưa giành được độc lập. Và sau khi giành được độc lập, dù còn một số "mảnh vỡ" của thời thuộc địa cần khắc phục, thì Việt Nam đã phát triển trên con đường hoàn toàn mới. Do đó, chủ nghĩa hậu thực dân không tương thích với hoàn cảnh riêng của Việt Nam, dù là một thuộc địa cũ. Nhưng, một số nhà nghiên cứu (cả Việt Nam và nước ngoài) lại sử dụng "lăng kính" của chủ nghĩa hậu thực dân soi chiếu thực tế Việt Nam để "phát hiện" ra vô số vấn nạn xã hội, chính trị và văn hóa tương tự như Ấn Độ! Và đáng tiếc là các vấn nạn này lại trùng khớp với quan niệm, định nghĩa về các nước thứ ba trong học thuật phương Tây hơn là khớp với thực tiễn, đặc điểm, truyền thống Việt Nam. Thêm nữa, khi đề cao ý kiến của các nhà lý luận chủ nghĩa hậu thực dân và một số tác giả nước ngoài sử dụng lý thuyết này để nghiên cứu Việt Nam, dường như họ đã quên rằng, các tác giả này đều làm việc tại một đơn vị học thuật thuộc một chính thể nhất định. Dù khách quan thì phương pháp và nội dung nghiên cứu của họ vẫn chịu sự chi phối của chế độ xã hội mà họ là thành viên.

Thiết nghĩ, trong điều kiện của Việt Nam, việc tiếp nhận các

lý thuyết khoa học từ phương Tây là điều cần thiết, nhưng từ tính lịch sử - cụ thể của các vấn đề ở Việt Nam mà sự tiếp nhận luôn cần sự tinh táo và luôn đi kèm tinh thần phê phán, như với chủ nghĩa hậu thực dân chẳng hạn. Nói cách khác, trước khi tiếp nhận cần xác định xem lý thuyết ấy có phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và sự phát triển của Việt Nam hay không. Và cần chú ý, phải dựa trên tinh thần, sự tự tin, bản lĩnh dân tộc để không bị chi phối bởi tâm lý chạy theo phương Tây về tri thức và vật chất. Dù thế nào thì không phải là ngẫu nhiên, yếu tố dân tộc lại trở thành một trong ba nguyên tắc chỉ đạo của Đề cương văn hóa Việt Nam ra đời năm 1943 (Dân tộc - Khoa học - Đại chúng). Trong bối cảnh phức tạp của những mối liên hệ hiện nay, chúng ta hội nhập, học hỏi từ nhân loại nhưng không được đánh mất mình. Ngay cả khi đối diện và thích ứng với vấn đề toàn cầu hóa về tri thức, thì tinh thần dân tộc vẫn là một trong những yếu tố cơ bản để Việt Nam phát triển bằng chính trí tuệ và khả năng của mình.

VĂN HÓA HỌC GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN XÃ HỘI, CON NGƯỜI*

NGUYỄN HÒA

Vào những năm 80 của thế kỷ XIX, bộ môn văn hóa học bắt đầu được giới nghiên cứu văn hóa ở Việt Nam quan tâm, rồi nhanh chóng được giảng dạy trong trường đại học. Từ vai trò của nó, có thể nói, văn hóa học có vị trí hết sức quan trọng đối với sự phát triển văn hóa, song từ thực trạng của vấn đề, có thể đặt câu hỏi: Sau mấy chục năm, bộ môn khoa học này đã phát huy được vai trò của nó đối với sự phát triển xã hội, con người Việt Nam?

Ngày nay, văn hóa học đang trở thành một trong các ngành khoa học xã hội - nhân văn có vị trí, vai trò quan trọng về sự tự ý thức văn hóa trong quá trình phát triển của các dân tộc. Có lẽ vì "sinh sau đẻ muộn", ngay sau khi môn học cơ sở văn hóa Việt Nam được triển khai giảng dạy trong các trường đại học, một cuốn giáo trình đã sớm được tổ chức biên soạn để truyền bá một số chấm phá cơ bản về khoa học văn hóa, về bản sắc văn hóa Việt Nam và "hy vọng môn văn hóa học và cơ sở văn hóa Việt Nam sẽ được khẳng định vị thế, như nó vốn cần có"... Giáo trình ra đời, tổ chức tập huấn trong Nam ngoài Bắc, xuất hiện một số bài báo ca ngợi. Nhưng rất tiếc cuốn giáo trình cơ sở văn hóa đầu tiên đó lại là một công trình

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 20-8-2013.

"đạo văn" theo đúng nghĩa đen của hành vi này. Dù bị phát hiện, bị phê phán, hơn mười năm nay, cuốn giáo trình đó vẫn được coi là tài liệu học tập của sinh viên các trường đại học! Và hàng chục năm sau ngày văn hóa học "lên ngôi", số giảng viên, số tác giả nghiên cứu về văn hóa ở Việt Nam bỗng nhiên tăng vọt. Sách về văn hóa tràn ngập trong các cửa hàng, mà nếu bỏ thời gian đọc kỹ, sẽ gặp ở đó không ít tri thức chủ yếu là xào xáo, sao chép...

Dù khoa học ngày càng chuyên sâu, thì văn hóa học vẫn là bộ môn đòi hỏi người nghiên cứu phải có một hệ thống tri thức bách khoa, đa diện, đa dạng. Ngoài lý luận chuyên ngành, cần có sự am hiểu nhất định về lịch sử, tư tưởng - triết học, văn học - nghệ thuật, tín ngưỡng - tôn giáo, ngôn ngữ, kinh tế, địa lý... Tự thân văn hóa - đối tượng nghiên cứu của khoa học này đòi hỏi như vậy, chứ không phải là ý muốn của riêng ai. Nhưng phải chăng, do thiếu nhân lực, do chưa chuẩn bị đầy đủ từ khi triển khai môn học, nên ở Việt Nam sinh ra tình trạng người đào tạo chuyên ngành khoa học khác chuyển sang nghiên cứu - giảng dạy văn hóa học khá nhiều? Dẫn tới tình trạng người được đào tạo từ chuyên ngành văn học sang dạy văn hóa học thường chỉ loanh quanh với kiến thức văn học; người được đào tạo từ chuyên ngành sử học sang dạy văn hóa học thường loanh quanh với kiến thức của sử học; người đào tạo từ chuyên ngành ngôn ngữ học sang dạy văn hóa học thường loanh quanh với kiến thức ngôn ngữ học... Với một số người từ triết học, xã hội học, dân tộc học,... chuyển sang, tình hình cũng như vậy. Có lẽ vì nhiều "nhà nghiên cứu văn hóa" không được đào tạo cơ bản về khoa học văn hóa song vẫn "làm văn hóa", nên ở một nhà trường nổi tiếng có tài liệu giảng dạy về văn hóa đã viết như sau:

"Cấu trúc của nền văn hóa mỗi quốc gia - dân tộc, có bốn lĩnh vực căn bản là: a. Văn hóa tài nguyên còn gọi là văn hóa vật chất:

Bao gồm toàn bộ cảnh quan, môi trường sinh thái. Đó là đất và trời - nghĩa là toàn thể cái thiên nhiên thứ nhứt (thiên tạo và nhân tạo), làm nên môi trường sống của muôn loài, trong đó có con người như: Vùng trời, ở đây hiện hữu các tầng khí quyển, các tầng mây, nắng, mưa, gió, bão, các hạt bụi mang điện tích âm hoặc dương của vũ trụ, của loại khí... Vùng đất - toàn bộ lãnh thổ của một quốc gia bao gồm: núi, đồi, ao, hồ, sông, biển, các loại rừng cây, các loài sinh vật hiện đang sinh tồn và phát triển trên địa bàn, các cao nguyên, bình nguyên, đảo nổi, đảo chìm, tất cả các loại tài nguyên trong lòng đất. b. Văn hóa kỹ thuật, còn gọi là văn hóa hành vi: Bao gồm toàn bộ cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật - công nghệ của nền kinh tế đất nước như: các cơ sở sản xuất, các loại hệ thống giao thông, điện, lưu thông phân phối, các loại sản phẩm cho ăn, ở, phương tiện đi lại,... và các trang thiết bị vô thề, hữu thề khác phục vụ cho hoạt động thuộc các lĩnh vực văn hóa ngoài văn hóa kỹ thuật. c. Văn hóa thân tộc, còn gọi là văn hóa cơ chế: Bao gồm toàn bộ tổ chức bộ máy xã hội và cơ chế vận hành của nó. Các thông tục; các phong tục tập quán; các định chế xã hội: gia đình, học đường, bệnh viện, công sở, cơ sở kinh doanh, thể chế chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, pháp luật,... d. Văn hóa tư tưởng hay văn hóa tâm thức: Bao gồm triết học, tôn giáo, văn học - nghệ thuật và những cơ sở hoạt động tinh linh khác".

Như vậy thì "khí quyển, các tầng mây, nắng, mưa, gió, bão, các hạt bụi mang điện tích âm hoặc dương của vũ trụ, của loại khí?", cũng là văn hóa? Càng không hiểu tại sao "văn hóa kỹ thuật còn gọi là văn hóa hành vi", "văn hóa thân tộc còn gọi là văn hóa cơ chế", "Văn hóa tư tưởng hay văn hóa tâm thức"...? Chịu khó theo dõi, còn có thể bắt gặp tình trạng nghiên cứu văn hóa với rất nhiều ý kiến cuồi ra nước mắt. Như: một giáo sư viết báo để dạy trẻ em:

vì kính trọng Lý Bí nên cha ông chúng ta đã gọi quả bí là quả... bâu!; một nhà nghiên cứu văn hóa coi việc các đoàn nghệ thuật Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn là đi... tiếp biến văn hóa!; một giáo sư coi hai câu ca dao: "Chẳng thơm cũng thể hoa nhài - Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An" là của... Nguyễn Công Trứ (!). Rồi mới ngày nào, có tờ báo viết rằng "tú linh" trong văn hóa truyền thống Việt Nam gồm "long - ly - quy - hổ" thì đầu năm 2013, biên tập viên một đài truyền hình ở Trung ương thản nhiên khẳng định trên màn hình: Trần Hưng Đạo là một trong "tứ bất tử" của văn hóa truyền thống Việt Nam!... Nói tóm lại, chỉ có thể kết luận rằng tình trạng nói bừa, phán bừa về văn hóa dân tộc đã đến mức báo động!

Dù tiếp cận với tinh thần lạc quan và dù cân nhắc định chúng ta đã đạt được một số thành tựu văn hóa, thì vẫn phải đối diện với một sự thật là: Hệ quả của tình trạng thiếu hiểu biết về văn hóa, sự áp đặt theo lối độc đoán các suy đoán văn hóa chủ quan, sự biến chất về văn hóa, sự thiếu chuẩn mực trong tổ chức đời sống văn hóa,... đã trực tiếp đẩy nhiều khu vực văn hóa của đất nước vào tình thế không vận hành phù hợp với điều mà văn hóa lý tưởng của chúng ta hướng tới. Sau mấy chục năm, một toàn cảnh phức tạp về văn hóa đang bày ra trước mắt chúng ta; sự sa sút, băng hoại, xuống cấp của một số khu vực văn hóa đã và đang trở thành nỗi lo của những người lương thiện khi hướng cái nhìn về tương lai văn hóa dân tộc. Hơn nữa thế kỷ trước, lòng yêu nước, nỗi âu lo vì sự tồn vong dân tộc và văn hóa dân tộc đã thúc đẩy Phan Chu Trinh cố gắng tìm ra lối thoát cho dân tộc và ông đã khởi xướng phong trào Duy Tân.

Với bối cảnh lịch sử khi đó, khi đất nước còn dưới ách thống trị của thực dân Pháp, dù khát vọng của Phan Chu Trinh là chính đáng, cần được trân trọng thì vẫn không phải là một lựa chọn

đúng, đơn giản vì không thể hiện thực hóa khát vọng của ông trong điều kiện nền độc lập của dân tộc bị tước đoạt và bộ máy cai trị thực dân sử dụng mọi thủ đoạn, kể cả thủ đoạn tàn bạo nhất, để duy trì vai trò thống trị. Tuy nhiên, sau một thế kỷ nhìn lại, cần khẳng định quan điểm: "1. Chấn dân trí: Bỏ lối học tầm thường trích cú, mở trường dạy chữ Quốc ngữ cùng kiến thức khoa học, bài trừ hủ tục xa hoa. 2. Khai dân khí: Thức tỉnh tinh thần tự lực, tự cường, mọi người đều giác ngộ được quyền lợi của mình, giải thoát được nọc độc chuyên chế. 3. Hậu dân sinh: Phát triển kinh tế, cho dân khai hoang làm vườn, lập hội buôn, sản xuất hàng nội hóa..." của Phan Chu Trinh vẫn mang ý nghĩa tham vấn nhất định đối với chúng ta. Từ thực trạng văn hóa dân tộc, đã đến lúc và không thể muộn hơn, chúng ta phải đặt ra và giải quyết vấn đề chấn hưng văn hóa dân tộc một cách chủ động, toàn diện, triệt để.

Dường như đã và đang tồn tại một nghịch lý giữa các quan điểm cơ bản về vai trò và sự phát triển văn hóa với sự vận hành, thực hành các quan điểm này trong thực tiễn văn hóa. Thiết nghĩ, thực tế này có nguồn gốc từ tình trạng các quan điểm đúng đắn về văn hóa ở cấp vĩ mô đã không được nắm bắt, thấu triệt, triển khai một cách hợp lý trong hoạt động văn hóa. Thực tế cho thấy, các quan điểm đúng đắn đó đã được (hay bị) biến thành các khẩu hiệu, tiên đề lý luận của người quản lý, lãnh đạo mỗi khi đề cập tới sự nghiệp phát triển văn hóa hơn là hiểu biết về văn hóa một cách sâu sắc, có khả năng biến các quan điểm văn hóa thành hiện thực. Cần thừa nhận một thực tế: trong bộ máy hành chính chuyên trách từ trung ương tới các địa phương, trong nhiều cơ quan lãnh đạo, quản lý, tổ chức sự phát triển văn hóa,... số người am hiểu vai trò của văn hóa, hiểu biết về tính đa dạng song phức tạp của văn hóa là không nhiều. Vì thế trong một số trường hợp, sự quản lý và điều hành, nếu không dựa trên một số quan điểm cũng nhắc thì

cũng dựa trên quan niệm cảm tính, vai trò chủ thể trong văn hóa thường bị đánh đồng với tư cách lãnh đạo, quản lý.

Khi xem xét thực trạng văn hóa, chúng ta không nên chỉ đi tìm lý do từ ngoại cảnh, mà cần phải nhìn thẳng vào chính chúng ta, với tất cả hay - dở, đúng - sai, sáng suốt - sai lầm. Không có lý do gì để chúng ta tự làm suy yếu sức mạnh văn hóa của dân tộc trong thời đại mới, thời đại mà chúng ta đã nhận thức rằng, sự phát triển kinh tế phải đi cùng với phát triển văn hóa. Phát triển văn hóa, làm cho mỗi thành viên xã hội trở thành "con người văn hóa", là một quá trình lâu dài, nhưng vẫn phải tiến hành, phải hoạch định bằng hệ thống quan niệm nhân văn, khoa học. Vì thế, đã đến lúc cần nhìn nhận đúng về vai trò của văn hóa học, để xây dựng những nội dung lý luận có ý nghĩa cụ thể, trực tiếp trong thực tiễn; đồng thời sớm xây dựng một đội ngũ nghiên cứu, giảng dạy có tâm huyết,... để tri thức văn hóa học thật sự thấm sâu vào đời sống văn hóa.

VỀ MỘT SỐ BẤT CẬP TRONG PHÊ BÌNH, NGHIÊN CỨU VĂN HỌC*

NGUYỄN THỊ TỊNH THY

Với mỗi tác phẩm văn học, giá trị, sức trường tồn, tác động của nó tới đời sống như thế nào phụ thuộc một phần quan trọng vào người phê bình, nghiên cứu. Vì thế, bên cạnh sự nhiệt tình, công tâm, khả năng cảm thụ,... còn đòi hỏi người làm phê bình, nghiên cứu văn học có kiến thức chuyên môn, phương pháp phù hợp. Từ góc độ này có thể nói, do nhiều nguyên nhân khác nhau, phê bình và nghiên cứu văn học ở Việt Nam hiện còn tồn tại một số bất cập...

Lý luận là yếu tố cần thiết đối với hoạt động phê bình và nghiên cứu văn học. Thậm chí có thể nói, không có lý luận, phê bình và nghiên cứu văn học sẽ như "nhà không có móng". Ở Việt Nam nhiều năm nay, tuy hoạt động phê bình, nghiên cứu luôn có vai trò của lý luận, song so với các nước trong khu vực như Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan,... phải nói rằng, chúng ta đã và đang tụt hậu về lý luận. Các lý thuyết, trào lưu văn học được giới thiệu ở Việt Nam thường là đến sau các nước nói trên từ 10 đến 20 năm, và sau phương Tây từ 20 đến 40 năm. Thí dụ: Thi pháp học hiện đại thịnh hành ở phương Tây khoảng nửa đầu thế kỷ XIX, nhưng đến thập niên 80 của thế kỷ XX mới được ứng dụng ở Việt Nam; tự

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 6-9-2013.

sự học được các nhà khoa học trên thế giới quan tâm vào thập niên 70, du nhập vào Trung Quốc thập niên 90 của thế kỷ XX, đến Việt Nam khoảng những năm 2000; văn học so sánh ra đời ở phương Tây từ đầu thế kỷ XX, đến năm 1954, Hiệp hội Văn học so sánh Quốc tế được chính thức thành lập; Ở Trung Quốc, bộ môn văn học so sánh được đưa vào chương trình đào tạo đại học cách đây hơn 20 năm, còn ở Việt Nam, đến nay mới có một số trường đại học đưa bộ môn này vào chương trình đào tạo...

Lược qua như vậy để thấy rằng, phần lớn lý thuyết văn học hiện đại có mặt ở Việt Nam đều có nguồn gốc từ phương Tây, và dường như được du nhập một cách tự phát, thiếu hệ thống. Vì thông thường, các nhà khoa học đầu ngành tự tìm tòi, vận dụng lý thuyết để nghiên cứu, sau đó dịch thuật, giới thiệu rộng rãi tới mọi người. Phần lớn, mỗi lý thuyết đến tay người nghiên cứu đều đã được các nhà khoa học đầu ngành tổng hợp từ một số tài liệu nước ngoài. Những người đi sau xem đó như là cẩm nang, cứ thế vận dụng, kế thừa. Cho đến nay, dường như Hội Nhà văn Việt Nam và các viện, trung tâm nghiên cứu, trường đại học chưa có động thái giới thiệu một cách có tổ chức, có hệ thống về các lý thuyết văn học. Tại hội thảo Tự sự học, văn học so sánh, văn học hậu hiện đại,... tổ chức gần đây, phần lớn tham luận tập trung vào mảng ứng dụng, chỉ có một vài tham luận thuần túy lý luận. Các hội thảo cũng chưa thống nhất không chỉ về thuật ngữ mà cả nội hàm của thuật ngữ. Từ việc thảo luận về các thuật ngữ đặt ra thường chỉ tranh luận nửa vời, dẫn đến việc tiếp nhận lý luận của một số nhà nghiên cứu Việt Nam như rơi vào cảnh "thầy bói xem voi". Để rồi các cặp thuật ngữ tràn thuật học, tự sự học, điểm nhìn, góc nhìn, siêu hư cấu, siêu tiểu thuyết,... vẫn cứ tồn tại song song, càng làm phức tạp hóa lý luận.

Thực tế cho thấy, muốn hiểu tường tận về một lý thuyết, cần

tiếp xúc trực tiếp với nguyên tác. Điều này đòi hỏi nhà phê bình, nghiên cứu phải thông thạo một vài ngoại ngữ. Ở Việt Nam hiện nay, số người này không nhiều. Ngoại ngữ đã và đang là "gót chân Asin" của nhiều người trong giới phê bình, nghiên cứu. Họ đành phải sử dụng lý luận do người khác dịch thuật mà không có khả năng kiểm định. Vì vậy, một số thuật ngữ dịch chưa chuẩn, chưa đúng với tinh thần nguyên tác, chưa thống nhất, còn đậm tính chủ quan của một (vài) cá nhân nào đó vẫn được sử dụng từ người này sang người khác dẫn đến hiện tượng nhiều thuật ngữ lý luận rơi vào tình trạng "tam sao thất bản". Ngoài ra, khi định nghĩa một thuật ngữ, những người nghiên cứu đi sau thường dẫn theo công trình nào đó của người đi trước. Và đây là kiểu tiếp nhận "hớt ngọn" xuất phát từ tâm lý ỷ lại, không muốn hoặc không dám tự chịu trách nhiệm về cách hiểu một thuật ngữ, nguồn tư liệu gốc. Dĩ nhiên các tác giả này sẽ khó có sự phản biện khi tiếp nhận tri thức. Như vậy, họ đã đánh mất tố chất cần thiết của một người làm công tác khoa học.

Mỗi lý thuyết mới thường mở ra trước người làm phê bình, nghiên cứu một chân trời mới đầy hấp dẫn. Khác với các nền văn học lớn trên thế giới như Pháp, Anh, Nga, Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ,... văn học Việt Nam từ xưa đến nay vốn không mạnh về lý luận, chưa có hệ thống lý luận của riêng mình. Hơn nữa, nhiều sáng tác của văn học Việt Nam hiện đại, nhất là đương đại đều có liên quan ít nhiều với lý luận phương Tây. Đó là một lý do khiến giới phê bình, nghiên cứu trong nước rất háo hức, nồng nhiệt đón nhận các hệ hình lý thuyết mới của phương Tây. Sự nồng nhiệt đó nhiều khi thái quá, khiến các đề tài nghiên cứu thường phải gắn với một lý thuyết nào đó, tạo nên sự rập khuôn, mô phỏng một cách máy móc từ tên đề tài đến cấu trúc công trình. Thí dụ: Với khuôn mẫu đề tài như "Nghệ thuật tự sự trong tác phẩm A" thì sẽ

có các chương "người kể chuyện, điểm nhìn, giọng điệu..."; khuôn mẫu đề tài "Dấu ấn hậu hiện đại trong tác phẩm B" thì sẽ có "giễu nhại, liên văn bản, mảnh vỡ"... Vẫn biết các thuật ngữ trên là những vấn đề cốt lõi, nhưng xác lập cấu trúc đề tài như thế là xuất phát từ lý luận (công cụ) chứ không phải từ đối tượng nghiên cứu (tác phẩm). Ngoài ra, một số nhà nghiên cứu thường chọn một lý thuyết lý luận mới (càng mới, càng thời thượng càng tốt!) mà mình thích hoặc am hiểu, sau đó áp đặt chứ không phải là ứng dụng vào nghiên cứu tác phẩm văn học, không hề quan tâm tới sự tương thích của lý thuyết với thực tiễn văn học. Chẳng hạn lý thuyết "hậu hiện đại", "hậu thực dân" đang được sử dụng để soi chiếu vào một số tác phẩm văn học Việt Nam một cách đồng đẳng như với các tác phẩm văn học nước ngoài mà tác giả các tiểu luận, công trình không hề cân nhắc có hay không (có ở mức độ nào) tâm thức hậu hiện đại, tâm lý hậu thực dân ở một dân tộc vừa "từ trong máu lửa, rũ bùn đứng dậy sáng lòe" từ cuộc cách mạng dân tộc - dân chủ - nhân dân, cách mạng giải phóng một cách triệt để như Việt Nam. Đây là kiểu nghiên cứu "đeo chân cho vừa giày", đi ngược lại lôgic khoa học, bởi không xuất phát từ yêu cầu tự thân của đối tượng nghiên cứu là tác phẩm văn chương.

Trong ngôn ngữ phê bình, nghiên cứu cũng vậy. Một số công trình đã được triển khai như hành động phô diễn chữ nghĩa lý luận mà tác giả tiếp cận được như một "chiêu thức lòe" kiến thức lý luận mà quên rằng, giá trị của một công trình phê bình, nghiên cứu trước hết là ở năng lực vận dụng phương pháp, cảm thụ, giải thích văn chương... Với các công trình này, người đọc chỉ thấy tác phẩm bị mổ xẻ, "phanh thây bằng cây dao lý luận" mà không thấy cái hay, cái đẹp, thông điệp cuộc sống và nhiều giá trị khác nữa từ tác phẩm. Đây là một kiểu "cuồng bức" tác phẩm văn học bằng lý luận, biến sự đơn giản thành phức tạp, rõ ràng thành mơ hồ, rạch

rồi thành rối rắm; lẽ ra phải "giải mã" tác phẩm thì có tác giả lại đi "mã hóa" tác phẩm một cách phi khoa học.

Văn học phương Tây nói chung, lý luận phương Tây nói riêng, có tác động rất lớn trong quá trình hiện đại hóa văn học các nước phương Đông trên nhiều phương diện từ sáng tác đến phê bình, nghiên cứu. Trong tâm thức một số người ở phương Đông, những gì gắn với phương Tây đều mang ý nghĩa văn minh, tiến bộ, hiện đại. Vì vậy, hầu như tất cả những gì mới mẻ của phương pháp, của thủ pháp, của lý luận,... đều được các nhà nghiên cứu dễ dàng quy về cho phương Tây, lấy phương Tây làm chuẩn, làm tâm điểm, làm giá trị. Ví như đảo thuật, dự thuật được các nhà văn cổ - trung đại phương Đông như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản sử dụng rất nhiều, rất thành thục với các thủ pháp hồi cốt, phục bút,... trong các tác phẩm sử thi, tiểu thuyết; vậy mà hiện nay, có nhà nghiên cứu mặc nhiên cho rằng đảo thuật, dự thuật là thi pháp tự sự của văn học hiện đại, hậu hiện đại phương Tây. Những nhầm lẫn này một phần xuất phát từ vốn kiến văn chưa dày dặn của người làm phê bình, nghiên cứu và quan trọng hơn, là từ sự sùng bái và chuộng phương Tây.

Nhìn chung trong một số trường hợp, tâm lý chuộng ngoại và "trọng huy chương" đã ảnh hưởng rất rõ đến lập trường khoa học của một bộ phận trong giới phê bình, nghiên cứu văn học. Các tác giả, các tác phẩm đoạt giải thưởng cao của văn học nước ngoài đều trở thành chọn lựa ưu tiên của nhiều đề tài chuyên ngành. Dù được nghiên cứu theo lý thuyết nào thì khuynh hướng chung vẫn là khen ngợi, đánh giá cao các tác giả, tác phẩm đó. Hầu như không có công trình nào tiến hành phản biện, chỉ ra những điểm chưa thành công của tác giả, tác phẩm. Điều đó phần nào thể hiện sự non yếu về bản lĩnh khoa học của giới phê bình, nghiên cứu. "Một viên ngọc bích cũng còn có vết", không phải cứ tác phẩm đoạt

giải là khen, nếu cả thế giới khen mà mình không khen thì chứng tỏ mình không giỏi, không mới. Tâm lý này khiến nhiều tác giả, tác phẩm "nhập khẩu" vào Việt Nam đều trở thành những "bộ quần áo của hoàng đế". Sự vô vận, khen ngợi thái quá theo kiểu "té nước theo mưa" này chẳng qua là hành động chạy theo thời thượng, triệt tiêu tính độc lập, sáng tạo cần có của người làm công việc phê bình, nghiên cứu.

Một số bất cập trên đây là hai mặt của một vấn đề đã và đang tồn tại trong phê bình, nghiên cứu văn học hiện nay. Để khắc phục vấn đề này, cần có một chiến lược thật sự nhằm cải tạo tri thức, tâm lý và bản lĩnh của người phê bình và nghiên cứu. Trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi mạo muội "lập bệnh án" về phê bình, nghiên cứu văn học ở Việt Nam hiện nay, và xem mình cũng là một "con bệnh". Vì thế, việc "phòng bệnh, kê đơn, bốc thuốc" như thế nào là trách nhiệm chung của tất cả chúng ta.

XÂY DỰNG LỐI SỐNG LÀNH MẠNH TRONG GIỚI TRẺ*

TIẾN MẠNH

Đầu tháng 9-2013, qua báo chí, người đọc có thể tiếp xúc với nhiều thông tin liên quan tới việc thanh niên ở mọi miền Tổ quốc thực hiện nghĩa vụ quân sự. Điều đó cho thấy ý thức trách nhiệm, tinh thần yêu nước tiếp tục hun đúc tâm hồn của thế hệ trẻ Việt Nam và đó cũng là một cơ sở để khẳng định niềm tin về tương lai tươi sáng của đất nước.

Thật ấm lòng khi đọc các tin - bài như: "Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Ban chỉ huy quân sự thành phố Huế phối hợp tổ chức chương trình giao lưu Tổ quốc gọi thanh niên Huế sẵn sàng", "2.300 thanh niên thuộc 13 quận, huyện, thị xã của Hà Nội lên đường thực hiện nghĩa vụ quân sự đợt 2 năm 2013. Trong số thanh niên nhập ngũ đợt này có 466 công dân có trình độ đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; 713 thanh niên viết đơn tình nguyện nhập ngũ", "Đà Nẵng: gần 700 thanh niên lên đường nhập ngũ", "Đỗ hai đại học vẫn lên đường nhập ngũ", "1.000 thanh niên Phú Yên hăng hái lên đường nhập ngũ"... Các tin tức đó đã trực tiếp chứng minh kẻ khởi xướng topic "những cách trốn nghĩa vụ quân sự" trên diễn đàn Game, TNXM và cả một số kẻ ủng hộ,

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 13-9-2013.

bàn luận, "mách nước" không chỉ là các đối tượng đáng phê phán, mà còn là sự thật để nếu là con dân nước Việt, họ cần biết tự vấn lương tri để ân hận về việc làm của mình. Và họ cũng nên đọc những dòng mà một thanh niên đã viết trong Thư ngỏ gửi những thanh niên Việt Nam hèn nhát như sau: "Nhìn sang những hành động bày mưu mèo nhầm trốn, tránh nghĩa vụ quân sự của các anh, những thanh niên Việt Nam hèn nhát, thực sự tôi thấy rất phẫn nộ, rất đáng buồn và xấu hổ. Sự hèn nhát của một bộ phận thanh niên còn là một sự phi đạo lý, đi ngược lại những giá trị cha ông ta đã tranh đấu, đã hy sinh để giành lại. Chúng ta đang trong thời bình nhưng thực tế, sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước ta trong thời gian qua vẫn đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng thì lẽ ra thanh niên phải có ý thức phát huy tinh thần, sức trẻ, sẵn sàng nhận, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nghĩa vụ quân sự với đất nước. Nhưng các anh, những thanh niên Việt Nam hèn nhát lại tìm mọi cách làm ngược lại, để trốn tránh. Đó là điều không thể chấp nhận được".

Trong những năm tháng chiến tranh, ra chiến trường đánh giặc, cứu nước không chỉ là trách nhiệm, mà còn là niềm vinh dự của mọi thanh niên Việt Nam. Dù chiến tranh kết thúc đã gần 40 năm, nhưng chúng ta vẫn còn nhớ những câu chuyện cảm động về những thanh niên "khai tăng tuổi" để đi bộ đội, có người tìm cách mang thêm đá, gạch cho đủ trọng lượng để được vào quân đội. Và sau khi chiến tranh kết thúc, đã có hàng triệu người con ưu tú của Tổ quốc không trở về. Đất nước bước vào thời kỳ mới, hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đang trở thành nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Thực hiện nghĩa vụ quân sự là trách nhiệm của mỗi thanh niên với xã hội, với đất nước và được cụ thể hóa trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hiện tượng một số cá nhân lập diễn

đàn trên internet để bàn "cách trốn nghĩa vụ quân sự" không chỉ là "con sâu làm râu nồi canh", mà còn là hiện tượng cho thấy sự xuống cấp về ý thức đạo đức, lối sống, trách nhiệm của một bộ phận trong giới trẻ. Trả lời phỏng vấn về hiện tượng này, Trung tướng Nguyễn Quốc Thuốc cho rằng: "Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ thiêng liêng và ai không được tham gia vào đó là một sự bất hạnh. Những người trong diện được tuyển chọn đi nghĩa vụ quân sự mà tìm cách né tránh thì đó là một sự bất hạnh với cá nhân đó hay chính là họ đã tự nhận lấy sự bất hạnh cho mình. Con người mà đã không có ý chí, tìm mọi phương sách để thực hiện được mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự thì thật đáng lên án".

Thực hiện nghĩa vụ quân sự là nghĩa vụ thiêng liêng, là điều kiện để mỗi thanh niên góp phần giữ gìn hòa bình, bảo vệ đất nước, là một trong những biểu hiện thiết thực của tinh thần yêu nước trong thời bình. Được sống trong hòa bình là hạnh phúc của mỗi người. Vì thế, trách nhiệm gìn giữ hòa bình, bảo vệ đất nước cần phải được nuôi dưỡng từ thế hệ này sang thế hệ khác. Có thể đưa ra nhiều lý giải khác nhau về lòng yêu nước, nhưng lý giải như thế nào thì cũng phải dựa trên mẫu số chung là tình cảm yêu quý, gắn bó, tự hào về quê hương, đất nước và tinh thần sẵn sàng đem hết tài năng, trí tuệ, thậm chí cả tính mạng của mình để phục vụ lợi ích của Tổ quốc. Tất nhiên, trong bối cảnh mới, lòng yêu nước của thanh niên không chỉ thể hiện ở việc phục vụ trong quân đội hay không, mà còn được biểu hiện qua những việc làm cụ thể khác, như học hành chuyên cần, rèn luyện sức khỏe, đạt thành tích tốt trong nghề nghiệp, có tinh thần tương thân tương ái, có trách nhiệm với gia đình, với cộng đồng, tích cực lao động góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc,...

Tuy nhiên, nhìn vào thực tế trước một số hiện tượng rất cản

phê phán, chúng ta không thể không đặt câu hỏi rằng: dường như một bộ phận trong thế hệ trẻ hiện nay đang lảng tránh trách nhiệm với gia đình, đất nước và với chính bản thân. Hàng loạt hiện tượng tiêu cực liên quan đến giới trẻ xảy ra trong thời gian gần đây phần nào cho thấy sự sa sút nghiêm trọng về ý thức đạo đức, lối sống của một số người. Từ việc ngang nhiên đánh nhau trong lớp học, ngoài đường phố, rồi chuyện nữ học sinh phổ thông chơi bài và cởi áo giữa lớp học không chút ngượng ngùng, đến chuyện "clip sex" của một số học sinh đang học trung học cơ sở, trung học phổ thông. Đặc biệt là tình trạng đáng báo động về những hành vi phạm pháp của giới trẻ. Theo thống kê của Tổng cục Cảnh sát điều tra, Bộ Công an, trong năm 2012, có đến 75% vụ án do lứa tuổi từ 14 đến dưới 30 gây ra. Khi mà độ tuổi phạm tội ngày càng trẻ hóa, mức độ phạm tội ngày càng nghiêm trọng thì các bậc cha mẹ, nhà trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các cơ quan và đoàn thể xã hội phải nhìn nhận vấn đề một cách nghiêm túc, cần có biện pháp phối hợp để kịp thời giúp đỡ, chấn chỉnh,

Nguyên nhân của những tình trạng kể trên thì có nhiều, trong đó phải kể tới các nguyên nhân như: sự giáo dục của gia đình, nhà trường chưa đúng mức, thiếu sự liên kết trong giáo dục giữa gia đình - nhà trường và xã hội, ảnh hưởng xấu từ việc tiếp thu không chọn lọc nhiều luồng thông tin trên mạng internet, sự du nhập tràn lan của lối sống hưởng thụ, ích kỷ, vô trách nhiệm trong khi nhiều thanh niên thiếu niên chưa trưởng thành về ý thức, chưa được trang bị tri thức cần thiết để chọn lựa... Thiết nghĩ, một trong những giải pháp hàng đầu nhằm hạn chế những suy nghĩ và hành vi lệch chuẩn trong giới trẻ cần bắt đầu từ sự giáo dục của gia đình. Gia đình là "cái nôi" nuôi dưỡng thể chất, nuôi dưỡng và bồi đắp tâm hồn của trẻ em. Môi trường gia đình cũng chính là nơi đưa tới

những tác động đầu tiên và ảnh hưởng sâu sắc tới quá trình phát triển nhân cách của mỗi người từ khi còn nhỏ. Sự mưu sinh dù bận bịu, các bậc cha mẹ vẫn cần dành thời gian ân cần hướng dẫn, chỉ bảo, giáo dục con em để có những bước đầu tiên trong ý thức về mọi vấn đề của cuộc sống, nhất là đạo đức, hướng con em đến với những điều tốt đẹp, lành mạnh, nhân ái... Cha mẹ cũng cần lựa chọn cách giáo dục con em đúng đắn, phù hợp tâm lý qua từng giai đoạn phát triển. Đồng thời xây dựng mối quan hệ gia đình gắn bó, yêu thương, kính trên nhường dưới. Quan trọng hơn, cha mẹ phải thật sự là tấm gương cho con em noi theo. Quá trình giáo dục của gia đình là một quá trình lâu dài, vì thế đòi hỏi sự kiên nhẫn và có văn hóa của các bậc cha mẹ.

Tiếp đó, là môi trường sư phạm. Đành rằng, nhà trường không thể quản lý học sinh ngoài giờ lên lớp nhưng trong quá trình giảng dạy, bên cạnh việc truyền dạy tri thức, thầy cô cần trở thành tấm gương cho học sinh, bằng các hành động cụ thể của chính mình, cùng bàn luận về những điều tốt đẹp, thảo luận để chỉ ra tính tiêu cực, thiếu lành mạnh mà các em đã biết tới hoặc thậm chí được chứng kiến. Qua đó, giúp các em biết đúng - sai và hướng các em làm theo những điều đúng đắn. Sự quan tâm đúng mức của thầy cô sẽ là động lực giúp các em suy nghĩ và hành động tích cực hơn trong mọi vấn đề. Bên cạnh đó, cần thắt chặt hơn nữa mối quan hệ giữa ba yếu tố cơ bản tạo dựng nên môi trường sống của trẻ em là gia đình - nhà trường - xã hội. Trong đó, xã hội là môi trường khiến các em dễ bị "nhiễm độc" nhất. Tuy nhiên, nếu thực hiện tốt việc giáo dục của gia đình và nhà trường thì nguy cơ "nhiễm độc" cũng sẽ suy giảm. Đặc biệt, với thế hệ trẻ, internet hiện đang là một "kênh thông tin" ẩn chứa vô số cạm bẫy, cần giúp thế hệ trẻ không chỉ sử dụng internet để phát triển tri thức, trí tuệ mà cần có bản lĩnh vững vàng, biết tiếp thu điều tốt đẹp, nhưng cũng phải biết chọn lọc, loại

trừ. Trí tuệ và bản lĩnh ấy không ai có thể cầm tay chỉ dạy mà chính các bạn trẻ cần tự hun đúc và rèn luyện cho mình.

Xây dựng và phát triển đất nước trong thời đại toàn cầu hóa, chúng ta có nhiều thuận lợi, nhưng cũng phải đối mặt với vô vàn khó khăn, thách thức. Trong khi đó, tương lai của sự nghiệp "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" phụ thuộc phần lớn vào thế hệ trẻ hôm nay. Chính vì thế, cần có một chiến lược lâu dài, cụ thể để kết hợp và tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong việc xây dựng trong giới trẻ lối sống lành mạnh, có tư duy tích cực, có tri thức phong phú và sâu sắc, hành xử có đạo đức, có văn hóa. Từ đó, góp phần giúp giới trẻ rèn luyện tự hoàn thiện mình, tự giác cống hiến sức lực và trí tuệ, đồng thời luôn luôn có sức đề kháng mạnh mẽ trước các tác động tiêu cực, góp phần xây dựng quê hương, đất nước ngày một giàu mạnh.

NGHỆ SĨ LUÔN ĐỒNG HÀNH, GẮN BÓ VỚI TỔ QUỐC, VỚI NHÂN DÂN*

NGUYỄN SĨ ĐẠI

Sống trong thời kỳ lịch sử có nhiều sự kiện vĩ đại và dưới một chế độ xã hội mà nghệ sĩ cùng với những hoạt động sáng tạo của họ được trân trọng, thì nền văn học, nghệ thuật của thời kỳ đó luôn có các điều kiện để thăng hoa. Từ điểm nhìn của đầu năm 2014, chúng ta có thể hy vọng ở bước phát triển mới, đúng hướng và có nhiều thành tựu của văn học, nghệ thuật nước nhà...

Hơn ai hết, văn nghệ sĩ có hạnh phúc lớn được bay trên đôi cánh thời đại để sáng tạo nên các tác phẩm không chỉ thể hiện các vấn đề của dân tộc mình mà còn đạt tới các giá trị có ý nghĩa nhân loại; nói cách khác là mang cái mới, cái tiên tiến đến với dân tộc và nhân loại. Trên thực tế, cái mới thoát đầu bao giờ cũng hấp dẫn mọi người, và đôi khi là cuốn hút họ vào cơn lốc "mốt"; nhất là khi cái mới ra đời từ sự xâm lấn ô ạt của các lý thuyết, các giá trị được coi là hiện đại đến từ bên ngoài. Như một số họa sĩ đi đầu trong việc vẽ tranh để bán, làm cho sản phẩm nghệ thuật bị biến thành một loại hàng hóa hơn là giúp mọi người hướng tới chân - thiện - mỹ. Ca sĩ chạy theo lợi nhuận rời bỏ nhạc thính phòng, rời bỏ những giá trị cổ điển để đi hát "sô". Một số nhà văn sám hối, phủ nhận tác phẩm và phủ nhận

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 7-1-2014.

chính con người của mình trước đây. Những cái "mới" ấy làm cho không ít người hoang mang, còn một bộ phận khác thì cố gắng chạy theo, tuy có cầu thị song đa số chỉ là cơ hội, sợ người khác coi mình bảo thủ. Trong những năm tháng chiến tranh giành độc lập dân tộc, văn học, nghệ thuật giúp công chúng tiếp nhận và đề cao giá trị cao quý của người Việt Nam, thì hiện nay, có tác giả qua tác phẩm lại muốn gây hoài nghi dân tộc, hoài nghi lịch sử, đi tìm và "hỗn hả" với cái thấp hèn của một bộ phận người Việt Nam, vì tự thấy mình là "người hiện đại", thậm chí là "ông Tây văn minh"! Trong mấy năm qua, nhiều hướng tìm tòi về văn học, nghệ thuật đã được thể nghiệm. Không phải không có một số văn nghệ sĩ còn có những tư tưởng lệch lạc về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong quá trình hoạt động và sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật; xa rời thiên chức và bẩm phận cao quý của nghệ sĩ. Khi các đoàn nghệ thuật phải tự hạch toán, phải xã hội hóa, thì dẫn tới nguyên nhân: nhiều nghệ sĩ chuyển nghề, tác phẩm nghệ thuật nghèo nàn, văn nghệ giải trí ăn xổi thịnh hành? Công chúng, nhất là công chúng trẻ, ít được tiếp xúc với tác phẩm có giá trị tư tưởng - nghệ thuật cao, mà chạy theo trào lưu nghệ thuật ít nhiều ảnh hưởng đến lối sống của giới trẻ theo cách: hung hăng với phim hành động Mỹ, sướt mướt với phim Hàn Quốc... Một số nhà lý luận nghệ thuật cũng vậy, thay vì bổ sung, phát triển lý luận, họ lại quay sang phủ nhận các lý luận trước đó, thậm chí phê phán không thương tiếc. Một số cây bút trẻ cũng a dua theo, cho rằng trước đây chưa từng có nghệ thuật đích thực mà chỉ là "văn nghệ tuyên truyền" (!). Một số người lại chối bỏ việc nghệ sĩ cần đi thực tế và cần sống trong thực tế, chối bỏ ý nghĩa, vai trò chính trị - xã hội của văn học và nghệ thuật, để đưa ra ý kiến coi nghệ thuật phục vụ, phản ánh hiện thực là thấp kém; nghệ thuật phải thể hiện "cái tôi", phải viết như các tác giả phương Tây mới là hiện đại, sâu sắc, nhân văn!

Nếu nghệ thuật chỉ phản ánh hiện thực theo kiểu sao chép thì đó không phải là nghệ thuật. Nhưng không có hoạt động nhận thức - phản ánh nào lại không bắt đầu từ hiện thực khách quan, hoặc không thể hiện sự phản ánh thế giới khách quan. Mục tiêu của hoạt động con người dưới sự dẫn dắt của ý thức là nhằm hoàn thiện bản thân và cải biến thế giới. Nghệ thuật có thể thể hiện "cái tôi" rất riêng biệt (đôi khi như huyền bí) của nghệ sĩ, nhưng nghệ thuật đáp ứng nhiệm vụ của thời đại, nghệ thuật phục vụ nhân dân thì không hề thấp kém. Do chô đáp ứng nhiệm vụ ấy mà nghệ thuật trở nên cao quý và bất tử. Những áng thiêng cổ hùng vĩ như *Hịch tướng sĩ*, *Bình Ngô đại cáo* là thí dụ. Theo tác giả Abrams (Hoa Kỳ) dù có thể xét một tác phẩm nghệ thuật trên nhiều bình diện, từ các lý thuyết tiếp nhận, biểu hiện, ký hiệu học... thì cũng không phủ nhận sự phản ánh như một cội nguồn, hướng về tác động tích cực đến công chúng như một mục tiêu.

Đó là phía người sáng tác còn về phương diện quản lý, trong khi khẳng định và tạo điều kiện cho tự do sáng tác, cũng cần bình tâm trước một số điều mà thoát đọc, thoát xem, thoát nghe thì có vẻ gai góc, lạ lẫm. Bằng sự nhạy cảm, bằng cái nhìn đòi trong các mối liên hệ từ quá khứ đến hiện tại và thấu đến tương lai, nghệ sĩ có tài năng nhìn thấy, phát hiện ra những điều mà đôi khi nhà chính trị và người khác chưa nhìn thấy. Vả lại, chân lý vốn tương đối, như Lenin đã từng nói đại ý: Chân lý không có ở sự khởi đầu mà ở cuối, nói đúng hơn là ở sự tiếp tục. Lịch sử, nhất là lịch sử của những cuộc cách mạng, luôn luôn có nội dung phong phú hơn, nhiều dạng, nhiều mặt hơn, sinh động hơn. Vì thế, không nên vội vã phủ nhận khi chưa nắm bắt đầy đủ và có chứng lý về những sản phẩm nghệ thuật gai góc, lạ lẫm. Tất nhiên, không được từ điều này mà tạo ra "kẽ hở" để dung nạp các tác phẩm không đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ lành mạnh, hoặc đi ngược lại sự tiến bộ của xã hội và con người.

Chúng ta đang tiến hành tổng kết Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) *Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Văn học, nghệ thuật là một bộ phận tinh hoa của văn hóa, có khả năng biến sức mạnh tinh thần thành sức mạnh vật chất to lớn. Trong quá trình cách mạng, Đảng và nhân dân ngày càng hiểu rõ hơn vai trò của văn hóa, càng trân trọng văn hóa, và xác định: "Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội". Bối cảnh phúc tạp hiện nay cho thấy vấn đề "văn hóa nghệ thuật là một mặt trận" vẫn giữ nguyên giá trị, và trên mặt trận ấy "đội ngũ trí thức gắn bó với nhân dân giữ vai trò quan trọng". Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI đã kế thừa, phát triển đường lối, quan điểm về văn nghệ qua các thời kỳ, khẳng định: "Tiếp tục phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, giàu chất nhân văn, dân chủ, vươn lên hiện đại, phản ánh chân thật, sâu sắc đời sống, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước; cổ vũ, khẳng định cái đúng, cái đẹp, đồng thời lên án cái xấu, cái ác. Khuyến khích tìm tòi, thể nghiệm những phương thức thể hiện và phong cách nghệ thuật mới, đáp ứng nhu cầu tinh thần lành mạnh, đa dạng và bồi dưỡng lý tưởng, thị hiếu thẩm mỹ cho công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ". Đây là điểm tựa cho nghệ sĩ, đương nhiên là những nghệ sĩ "gắn bó với nhân dân", vì không nghệ sĩ chân chính nào lại không gắn bó với nhân dân. Nói cách khác, chỉ có nghệ sĩ gắn bó với nhân dân, với Tổ quốc, săn sàng xả thân vì một tình yêu lớn, mới là nghệ sĩ chân chính.

Những năm đầu thế kỷ XX, khi dân tộc bị áp bức dưới ách nô lệ, máu của nghĩa sĩ và những người cộng sản đang đổ vì cuộc đấu tranh giành độc lập, thì không ít văn nghệ sĩ chui vào vỏ ốc của "cái tôi". Như Chế Lan Viên từ nỗi chua cay, hối hận gửi tới đời sau thông điệp:

*Chớ bao giờ quên nỗi chua cay của một thời thơ ấy
Tổ quốc trong lòng ta mà có cũng như không
Nhân dân ở quanh ta mà ta chẳng thấy
Thơ xuôi tay như nước chảy xuôi dòng!*

Trong hai cuộc kháng chiến, nghệ sĩ Việt Nam đã hăng hái dấn thân và hình thành nên đội hình rất đẹp: nơi nào cũng có nghệ sĩ tài năng, không chỉ với vai trò nghệ sĩ mà là người trong cuộc với khẩu súng, cây búa cùng nhân dân của mình. "Trang văn có mồ hôi và máu" là vì thế. Nên đã có nhiều thành tựu lớn của nghệ thuật Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực từ văn học, âm nhạc, sân khấu đến điện ảnh, mỹ thuật,... được sáng tác từ vùng mỏ Quảng Ninh, từ núi rừng Tây Bắc, tới chiến trường Khu 4, Khu 5, Khu 6, miền Đông, miền Tây, Tây Nguyên,... Trên con đường đấu tranh giành độc lập và thống nhất nước nhà, các tác phẩm nghệ thuật đã góp phần làm cho cả nước thống nhất một lý tưởng, một tình yêu Tổ quốc. Còn ngày nay, hầu như nghệ sĩ đều dồn về sống ở đô thị. Nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật thiếu hơi thở cuộc sống, xa rời thực tế, lời ăn, tiếng nói, cách nghĩ, cách cảm của người dân. Phải chăng đang có quan niệm rằng "thực tế" của nghệ sĩ hôm nay là máy tính, là internet, là báo điện tử? Câu hỏi được đặt ra vì tình trạng na ná giữa một số tác phẩm nghệ thuật (nhất là văn học, phim truyền hình) với các câu chuyện, các sự kiện, vấn đề đã xuất hiện trên báo chí. Maiacôpxki từng viết: "Phải cần đến muôn ngàn cân quặng chữ - Mới thu về một chữ mà thôi". Nghệ sĩ giống như người thợ kim hoàn, dù khéo léo đến mấy mà không có cả "núi quặng" thì may lấm cũng chỉ làm được vài món đồ trang sức thô mảnh. Dẫu thế nào thì nếu muốn có tác phẩm được công chúng mến mộ, nghệ sĩ phải tự mình phát hiện ra "núi quặng" của mình.

Cách đây không lâu, nhạc sĩ Hồng Đăng tâm sự: "Ta có đội ngũ văn nghệ sĩ rất quý. Yêu nước, yêu thương nhau. Nhưng còn thiếu

một sự quan trọng: Đó là sự thấu hiểu". Đúng vậy, nói văn nghệ là một mặt trận, thì cần biết chia sẻ, thấu hiểu. Câu chuyện văn nghệ là câu chuyện hệ trọng, chiến lược và cũng cấp bách. Trên đôi cánh của thời đại, từ tâm huyết và khí phách của kẻ sĩ; từ sự nhận biết và trọng dụng hiền tài đến đổi mới phong cách tập hợp; nhất định chúng ta sẽ có một đội ngũ văn nghệ sĩ tài năng, trung thành với lý tưởng của Đảng, gắn bó với nhân dân, để từ đó tiếp tục ra đời những tác phẩm có giá trị tư tưởng - nghệ thuật cao, đáp ứng được sự kỳ vọng của công chúng và xã hội.

"VĂN CHƯƠNG MẠNG" VÀ NHỮNG DẤU HỎI...*

VIỆT QUANG

Từ sự xuất hiện một số tác phẩm văn chương trên internet và sự ra đời của khái niệm "văn học mạng", gần đây có một số ý kiến dự đoán rằng, "văn học mạng" sẽ là xu thế tất yếu của văn học Việt Nam hiện đại. Tuy nhiên, từ diễn biến của các hiện tượng "văn học mạng" có thể thấy, cơ sở bảo đảm cho dự đoán ấy vẫn còn rất xa vời.

Ở Việt Nam, thành quả đầu tiên của "văn học mạng" mới chỉ dừng lại ở phạm vi lý luận, phê bình văn học. Internet đã góp phần kết nối môi trường học thuật trên thế giới với Việt Nam, và giúp các nhà phê bình, lý luận văn học có thể tiếp cận, tiếp nhận, trực tiếp đánh giá các trường phái, lý thuyết, lý luận phê bình văn học, nghệ thuật đang thịnh hành trên thế giới. Đã qua thời kỳ các nhà phê bình, lý luận văn học Việt Nam phải trăn trở vì chỉ được tiếp nhận các lý thuyết nghiên cứu, phê bình một cách muộn màng. Hiện tại, giới lý luận, phê bình đã có thể so sánh, có cái nhìn toàn diện hơn về lý luận, phê bình văn học của các nước khác, cũng như nhận định các khuynh hướng có thể ra đời của văn học nước nhà

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 18-2-2014.

và thế giới ở tương lai gần. Khi chưa có điều kiện xuất bản, đã có một số công trình dịch thuật lý luận văn học được một số nhà nghiên cứu, phê bình đăng tải trên internet và giúp người yêu văn học tiếp xúc với tư liệu. Cũng từ đó, dường như không ít nhà phê bình văn học đã tìm được "công cụ" còn thiếu cho công việc của họ, đó là internet. Với một số người, internet là nơi họ đổi thoại về phê bình văn học cũng như kiểm định suy nghĩ của mình với "người đọc lý tưởng" khác và "lý luận, phê bình văn học mạng" dường như đã bắt đầu định hình hướng đi? Tuy nhiên, không phải nhà phê bình nào cũng giữ được sự tinh táo và luôn ước muốn truy cầu các giá trị chân - thiện - mĩ. Vì có nhà phê bình viết tiểu luận như chỉ để khoe kiến thức, áp đặt những giá trị không thể có cho tác phẩm mà họ tiếp cận. Thậm chí để chứng minh cho lý thuyết, quan điểm mà mình theo đuổi, có người sẵn sàng xuyên tạc tác phẩm theo chiều hướng có lợi cho bài viết. Rồi tác giả khác lại sử dụng phê bình để tán dương tác phẩm phi giá trị nghệ thuật, phi giá trị đạo đức, thay vì lẽ ra cần giúp nghệ sĩ nào đó có xu hướng tinh thần mông lung, hoặc bị tha hóa, tìm đến với con đường đúng. Bằng cách mờm đặt suy nghĩ phù phiếm dưới cái vỏ hoa mỹ, cao đạo, hình như các "anh hùng bàn phím" này đang ngầm ngầm khiêu khích, kích động một số nhà văn, nhà thơ vốn sẵn "cái tôi" ảo tưởng về tài năng của mình thành người quá khích, và gây nguy hiểm cho xã hội.

Có một điều là trong khi lý luận, phê bình văn học đã đặt được một số dấu ấn trên internet, thì sáng tác văn chương trên mạng vẫn cần thêm thời gian để khẳng định. Thực tế của sự tồn tại các tác phẩm được coi là văn chương trên mạng cho thấy dường như chỉ có "văn chương thị dân" (định nghĩa do một số nhà phê bình định danh cho sáng tác trên mạng) phục vụ nhu cầu giải trí và sự tò mò của một nhóm độc giả nhất định là vẫn "sống

khỏe". Dù vậy, nhìn chung các tác phẩm này vẫn chưa có khả năng cạnh tranh sòng phẳng với một số tác phẩm ngoại nhập. Như với truyện *Ngôn tình* chẳng hạn, một số trường hợp có vẻ là hấp dẫn người đọc thì vẫn không giấu được tình trạng rập khuôn, "mì ăn liền", chưa thấy tác giả có khả năng sáng tạo dồi dào. Trào lưu viết truyện ngắn, viết tiểu thuyết như một tập "nhật ký mạng" lúc đầu được một số độc giả đón đợi, giờ đây như trở thành một "món ăn" khá nhảm chán. Đáng tiếc là tác phẩm kiểu này vẫn ra đời, và càng ngày càng cho thấy tác giả viết như không cần sáng tạo, thiếu ngôn từ độc đáo, thiếu dụng công, và nổi lên là tình trạng "đạo văn" dưới các hình thức tinh vi.

Dẫu sao internet vẫn chưa phải là mảnh đất lành cho các sáng tác có đầu tư về mặt tư tưởng - nghệ thuật, nếu không nói nó còn tạo ra sự lười nhác, bất cẩn khi tác giả viết rồi trực tiếp đưa lên mạng mà không được biên tập (chỉ ít về câu chữ), hay nhờ đồng nghiệp đọc giúp. Rất ít người viết lựa chọn internet như một phương tiện đưa sáng tác đến với độc giả; cho dù có tác giả quyết định sáng tác tiểu thuyết trên internet, và lựa chọn "ngôn ngữ mạng" là một trong các ngôn ngữ chính trong tiểu thuyết của mình. Trên một số website được cho là ủng hộ "văn học ngoại biên, văn chương xuyên biên giới" tình hình có vẻ sôi động hơn về số tác phẩm, tác giả gửi bài. Nhưng giá trị đích thực của các tác phẩm này vẫn còn là một dấu hỏi lớn. Đã có không ít sáng tác thơ ca được người ta tán tụng là "ngoại biên" thực chất chỉ là một văn bản liên tục cách dòng với ý tứ thô thiển, lời lẽ tục tĩu nhầm xuyên tạc, bôi nhọ văn hóa và xã hội, tạo nên những hình tượng méo mó. Với định danh "ngoại biên", mục đích của họ như chỉ để lao vào một thế giới hư danh, với các lợi ích phù phiếm hoặc tư lợi chính trị, yêu sách cá nhân chứ không phải do nhu cầu vì sự sống của văn chương, như họ hô hào.

Vài năm gần đây, một số nhà văn, nhà thơ, nhà lý luận, phê bình như đang nhầm tưởng vì ngõ internet là "thế giới lý tưởng" cho sáng tác. Về "văn chương mạng thuần túy", một nhà thơ định nghĩa đó là văn chương của "tác giả chỉ muốn xuất hiện trên mạng. Họ sống đời sống văn chương của mạng, viết trên mạng, vận dụng ưu thế kĩ thuật của internet, xử lý thông tin trên mạng, tương tác trên mạng, tồn tại trên mạng, buồn vui trên mạng, hy vọng hay thất vọng cũng trên mạng...". Định nghĩa này, suy cho cùng chỉ là một định nghĩa không tưởng, xét trên một số phương diện. Dẫu sinh động hoặc hấp dẫn đến thế nào thì internet vẫn không thể tách khỏi đời sống, không phải là một thế giới khác mà chúng ta quen gọi là "thế giới ảo", như trong các phim khoa học viễn tưởng, để phân biệt với cuộc sống thực. Trước sau với văn chương, internet vẫn chỉ là một phương tiện truyền thông hiện đại, một công cụ giao tiếp thông tin linh hoạt, nhanh nhẹn giữa nhà văn và bạn đọc. Còn việc lựa chọn bảo vệ hoặc công khai danh tính có lẽ lại là một vấn đề khác chứ không chỉ là đặc trưng riêng của "văn học mạng".

Một nhầm lẫn khác mà một số người sáng tác văn chương trên mạng đang lầm tưởng là quá trình "đồng sáng tác" giữa người viết và bạn đọc, coi đó là sự triệt tiêu dần "cái tôi" của nhà văn để đem một tác phẩm văn chương mẫu mực đến với số đông. Người đưa ra định nghĩa này cho rằng, văn chương mạng khác văn chương chính thống ở chỗ nó luôn trong quá trình vận động dang dở. Hiểu như vậy, cũng là sản phẩm của cái nhìn có phần phiến diện. Không chỉ đến khi có internet, nhà văn mới có quá trình giao lưu với bạn đọc để "đi tìm nhân vật" cũng như "con đường" cho "đứa con tinh thần" của mình. Trên thực tế, quá trình giao lưu giữa nhà văn với độc giả đâu chỉ diễn ra khi có internet. Ian Fleming, cha đẻ bộ truyện trinh thám nổi tiếng về điệp viên James Bond từng thừa

nhận: Ông đã có nhiều ý tưởng mới cho anh chàng có bí danh 007 này sau khi nhận được góp ý thư từ của những bạn đọc. Trước Fleming rất lâu, Tolstoy cũng đã từng đăng *Anna Karenina* thành truyện dài kỳ trên báo trước khi ấn bản tác phẩm nhưng kiên quyết không thay đổi số phận của nữ nhân vật chính bất chấp yêu cầu độc giả để dẫn đến kết cục bi thảm trong tiểu thuyết như chúng ta đã biết. Như vậy, trước sau dù độc giả có thể can thiệp một phần nào đó vào tác phẩm, tác giả vẫn là người duy nhất có quyền định đoạt số phận "đứa con tinh thần" của mình ra sao, bất chấp lời đăng đàn xin lỗi của họ đối với độc giả, trường hợp gần đây nhất là J.K.Rowling với bộ truyện *Harry Potter* nổi đình đám. Còn ý kiến khác cho rằng, nhà văn hòa mình vào với bạn đọc là tạo ra một hình thức văn học dân gian mới, thì hoàn toàn là nhận định phi thực tế, đi ngược với sự vận động của văn học. Thủ hỏi ở Việt Nam, chúng ta đã thu được bao nhiêu giá trị đích thực từ sáng tác văn học dân gian sau vài nghìn năm so với số tác phẩm văn chương thành văn của thế kỷ XX, XXI cộng lại? Nhân nhắc tới văn học dân gian, bài học của các nhà văn thích sáng tác như vậy làm liên tưởng tới trường hợp người "đeo cày giữa đường"!

Internet đã tạo thêm cơ hội để tác phẩm đến với người đọc một cách nhanh chóng, rút ngắn thời gian, mở rộng không gian trao đổi của nhà văn đối với xã hội. Nhưng điều quyết định vẫn là tài năng, là đạo đức nghề nghiệp, và yêu cầu sáng tác vẫn phải là: viết cho ai, viết để làm gì, viết như thế nào và sau cùng vẫn phải hướng đến các giá trị chân, thiện, mỹ. Dù trên internet, thì tác phẩm chỉ được coi là tác phẩm văn chương khi đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu về tư tưởng - nghệ thuật. Internet không thể biến bộ óc bất tài trở thành nhà văn, nhà lý luận, phê bình, hay biến các sản phẩm "phản văn chương" thành nghệ thuật. Có chăng là với internet, trong một số trường hợp, chỉ là liều thuốc an thần an ủi

người hư danh, thích sống trong ảo vọng được cưng chiều, ca ngợi, bợ đỡ của những cá nhân có xu hướng tinh thần tương tự. Vì vậy trước khi nghĩ tới việc các trang web, diễn đàn có thể "nuôi sống" "nhà văn mạng" khiến họ yên tâm sáng tác, tạo ra một kênh sách điện tử, truyện điện tử cạnh tranh với thị trường sách in (xa hơn là viễn cảnh một mạng văn học thay thế hoàn toàn văn học chính thống!), các nhà phê bình, lý luận cũng như nhà văn, nhà thơ hãy cố gắng rèn luyện tài năng, đạo đức của mình và tạo ra mọi cơ hội có thể để nghệ thuật đích thực đến được với người đọc.

VỀ XU HƯỚNG "XÉT LẠI LỊCH SỬ, VIẾT LẠI LỊCH SỬ"*

THIỀN PHƯƠNG

Nhận thức là quá trình tiệm cận chân lý. Về lịch sử, khi thế hệ sau có tư liệu toàn diện, chân xác hơn, thì nhận thức về lịch sử có bước phát triển mới.

Đó là yêu cầu của xã hội, của khoa học, là việc bình thường đáng trân trọng của các nhà sử học chân chính. Nhưng lại có người lợi dụng điều này, lén tiếng đòi "xét lại lịch sử", "viết lại lịch sử" với động cơ không minh bạch.

Gần đây, ý kiến "xét lại lịch sử", "viết lại lịch sử" được nêu lên dưới một số hình thức với một số biến tướng khác nhau, nhưng qua biểu hiện của chúng có thể sơ bộ quy loại trong ba nhóm: "a. Viết lại lịch sử vì cho rằng thiếu chân thực (về tư liệu) và thiếu hiểu biết (về phương pháp); b. Viết lại lịch sử để tô vẽ bản thân; c. Viết lại lịch sử với mưu đồ chính trị". Không rõ do động cơ và ý đồ không trong sáng, do thiếu hiểu biết và thiếu trách nhiệm, hay do "thói quen giật tít câu view" mà một số tờ báo, tạp chí đã góp phần làm sai lệch một số vấn đề lịch sử? Với mức độ, tốc độ lan truyền thông tin như hiện nay, với sự thiếu trách nhiệm trong kiểm chứng hoặc thẩm tra độ chính xác của thông tin, thì điều này gây

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 21-2-2014.

tác hại rất lớn. Như có tờ báo phỏng vấn "nhà cách mạng lão thành", nhưng "nhà" này "nhớ nhầm", nói sai, quy công lao về phía mình. Có sách lại viết về "nhân vật lịch sử quá cố" với bao niềm thương tiếc, trong khi chính người này lại vẫn sống khỏe mạnh (!). Có báo, sách công bố sai lệch nhiều tư liệu, chưa lại cả sự kiện lịch sử đã được khẳng định - mà cái "sự mới" do họ viết ra lại không dựa trên cơ sở khoa học nào... Những ấn phẩm đó mang danh viết về lịch sử nhưng lại làm "nhiều" kiến thức, gây mơ hồ và chính sự mơ hồ "chưa kết luận", dẫn đến sai lệch trong tư duy, dẫn đến nghi vấn về sự thật.

Một loại "xét lại lịch sử" khác nhằm phục vụ âm mưu "hạ bệ thần tượng, giật đổ tượng đài". Thực ra, những người muốn "xét lại lịch sử" với ý đồ đó khi lớn tiếng hô hào xét (viết) lại lịch sử chỉ mượn danh khoa học lịch sử. Không khó để nhận ra phương pháp họ sử dụng rất phi khoa học, tư liệu họ dùng để làm "bằng chứng" được ngụy tạo một cách sống sượng. Một thói quen hay gặp ở các tác giả muốn "viết lại lịch sử" là thường nhấn mạnh các chi tiết riêng lẻ mà không đặt chúng trong bối cảnh lịch sử cụ thể. Như một người từng có những năm đứng trong đội ngũ chiến đấu trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, sau khi "trở cờ" lại lớn tiếng lên án chế độ mình từng bảo vệ "trong suốt cả thời gian dài mấy chục năm (dưới chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) không có ai được cấp hộ chiếu để đi du lịch nước ngoài" (!). Hắn ông ta quên là trong bối cảnh cả nước sống với câu khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến", thì một người Việt Nam chân chính ai lại nghĩ đến đi du lịch nước ngoài! Xa hơn nữa là cái "công trình" cho rằng "truyền thuyết trăm trứng liên quan tới Lạc Long Quân - Âu Cơ từng được ghi lại trong Lục bộ tập kinh - một bộ kinh Phật; truyền thuyết về An Dương Vương chỉ là dị bản mô phỏng trận đánh giữa anh em Pandu và Duryodhana được kể lại trong *Mahabharata* - một sử thi

"Ấn Độ" được một tờ báo làm rùm beng, làm không ít người vì băn khoăn mà đã nghi ngờ các công trình nghiên cứu lịch sử.

Sinh thời, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - người là một thầy giáo dạy môn lịch sử, đã nói đại ý: Người làm sử phải có trái tim nhiệt thành, đầu óc sáng suốt, ngòi bút ngay thẳng. Từ cái gọi là "công trình" họ đã công bố, có thể thấy một số người tham gia viết sử hôm nay có hai điều kiện kể trên nhưng ngòi bút của họ lại "không thẳng". Điều đáng nói là các cơ quan, cán bộ có trách nhiệm tổ chức, quản lý công việc viết sử lại bỏ qua, giữ thái độ im lặng, "án binh bất động", tuy họ thừa hiểu rằng làm như vậy là sai. Do đó, họ đã (vô tình hay hữu ý) im lặng trước một việc sai, có thể tiếp tay cho cái sai tiếp theo, đó là điều cần phê phán. Bên cạnh đó, việc một số cuốn sách, tờ báo thiếu cẩn trọng đưa thông tin sai sự thật tới công chúng, hoặc đưa thông tin không chính xác, thậm chí sai về lịch sử cũng ảnh hưởng nghiêm trọng nhận thức chung.

Lịch sử Việt Nam có những trang bi hùng. Nhiều lần đất nước bị kẻ thù xâm chiếm, tàn phá, rồi bằng nỗ lực của toàn dân mà đất nước lại hồi sinh. Bối cảnh đó làm cho nhiều giá trị văn hóa, nhiều tư liệu lịch sử bị hủy hoại, dẫn đến thực tế là không phải giai đoạn nào cũng có tư liệu lịch sử phong phú, và lịch sử giai đoạn đó được chép một cách đầy đủ, chính xác. Đó cũng là lý do mà lịch sử cần phải nhận thức từng bước, các bộ sử cần được tu chỉnh, thậm chí viết lại. Việc làm này trước hết là phụ thuộc vào người viết sử - những người nhận trọng trách trước xã hội về sự chân thực, chính xác khi tái hiện quá khứ. Việc nghiên cứu và viết sử cần ở người viết một tầm nhìn rộng hơn ngoài chuyên môn sâu của mình để phân định điều gì của lịch sử đã được khẳng định, điều gì còn là tồn nghi, điều gì bị chi phối bởi "tâm lý xã hội".

Ở Việt Nam, huyền sử nhiều khi lắn với lịch sử và ngược lại - những chi tiết lịch sử được "thiêng hóa" trở nên mờ ảo lung linh, khó có thể kiểm định, xác minh bằng chứng cứ. Có những nhân vật

từ huyền sử bước vào những trang lịch sử. Chuyện này đã có nhiều trong quá khứ và vẫn có cả trong thời hiện đại. Trong một số tình huống, việc đòi hỏi "bạch hóa" hoặc "thiêng hóa" một chi tiết hoặc một nhân vật lịch sử đều là thái quá, trở nên siêu hình về phương pháp, khi không đặt các chi tiết hoặc nhân vật trong cả bối cảnh lịch sử rộng lớn hơn - tại nơi được sinh ra. Câu chuyện truy nguyên "lý lịch" của Kinh Dương Vương gần đây trên một tạp chí và được một số trang mạng dẫn lại là một thí dụ. Theo tác giả, dường như hình tượng huyền thoại Kinh Dương Vương có nguồn gốc sai lạc so với sự tôn kính. Đáng chú ý là luận điểm này đã được một vị giáo sư, tiến sĩ người nước ngoài nêu ra. Ông cho rằng, từ thời trung đại, Việt Nam đã có việc "kiến tạo truyền thống" mặc dù chính các sứ gia và chính trị gia thời phong kiến cũng đã phê phán việc "kiến tạo" này. Nhưng kể cả khi hình tượng có thể có sai lệch theo quan điểm mà nhà nghiên cứu đòi thực chứng, thì thực tế nhân vật ấy vẫn "thiêng" trong cả đền đài và tâm thức nhân dân. Khi dân tộc cần đoàn kết, nhân tâm cần "quy về một mối" thì sẽ (và đã) xuất hiện một, và chỉ một "Quốc tổ". "Quốc tổ" bước từ huyền thoại vào lịch sử với diện mạo của một con người. Dù chứng cứ, hiện vật khảo cổ học đã chứng minh sự tồn tại của một nền văn minh khá rực rỡ trong thời đại đó, thì việc cố truy tìm đầy đủ, rõ ràng lý lịch cá nhân, chính xác như thời nay là điều không thể. Nhưng dù không thể có một "lý lịch" thật cụ thể, vị thủ lĩnh đó vẫn thiêng liêng tồn tại trong tâm thức dân gian, không ai đòi phải chứng minh bằng kỹ thuật xác minh ADN hiện đại! Chưa nói tới xu hướng "xét lại lịch sử" bằng giả định "nếu như thế này thì sẽ thế kia" như ngầm bác bỏ sự lựa chọn xu hướng phát triển dân tộc. Cho nên phẫn nộ với ý kiến cho rằng: "Không cần phải phát động chiến tranh làm tổn phí cả bốn hay năm triệu sinh linh, thì rồi đến lúc nào đó, Pháp cũng phải trả lại chủ quyền độc lập cho dân ta",

nhà sử học là người Mỹ gốc Việt Nguyễn Mạnh Quang đã viết rất rành mạch: "Trừ phi không biết hoặc thuộc loại phản quốc, khi có một nước khác đến ngồi trên đầu làm chủ, không có một người dân tử tế nào bằng lòng chờ cho có ngày bọn thực dân tự động trả lại cơ đồ ông cha mình cả. Nếu theo luận điệu ươn hèn như trên, thì những công lao và sự hy sinh của hàng triệu anh hùng nghĩa sĩ trong các lực lượng nghĩa quân kháng chiến của nhân dân ta trong đại cuộc đánh đuổi giặc Pháp ngoại xâm từ năm 1858 đến năm 1954 đều là vô ích hay sao! Và hàng triệu anh hùng nghĩa sĩ đã ngã xuống trong cuộc chiến 1954 - 1975 để đòi lại miền Nam trong tay Mỹ, đem lại thống nhất cho đất nước cũng là vô ích hay sao! đưa ra luận điệu này là tỏ ra vô ơn với hàng triệu anh hùng nghĩa sĩ đã ngã xuống cho Tổ quốc Việt Nam được trường tồn".

Nhu cầu hiểu biết về quá khứ luôn là một đòi hỏi của con người. Nhà sử học Nga O.Vainxten cho rằng: Lịch sử là sự tập hợp những tấm gương để cho người ta bắt chước những hành vi tốt và tránh đi những hành vi xấu¹. Các bài học, kinh nghiệm từ quá khứ lịch sử vẫn mang những giá trị to lớn đối với xã hội hiện tại, để động viên nhân dân trong cuộc đấu tranh giành lại độc lập dân tộc. Năm 1942, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Dân ta phải biết sử ta. Sử ta dạy cho ta những chuyện vể vang của tổ tiên ta. Dân tộc ta là con Rồng cháu Tiên, có nhiều người tài giỏi đánh Bắc dẹp Nam, yên dân trị nước tiếng để muôn đời"²; "Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn..."³. Sự khách quan, tính trung thực chính là điều làm cho

1. Xem: *Sử học Tây Âu thời Trung đại*, Nxb. Mátxcơva, 1962.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.255, 256.

sử học hấp dẫn. Hứng thú khi đọc và học lịch sử cũng bắt nguồn từ đó. Nghiên cứu để thấu suốt, nhận biết lịch sử ngày càng đúng đắn, sâu sắc hơn là yếu tố đầu tiên quyết định giá trị của nghiên cứu, điều đó cần thiết cho hôm nay và cho cả con cháu mai sau. Nhưng lịch sử cũng không cần và không chấp nhận việc "xét lại lịch sử" với tầm nhìn hẹp, hoặc từ cái tâm thiếu trong sáng.

MỘT XU HƯỚNG KHÔNG THỂ CHẤP NHẬN KHI NGHIÊN CỨU DÂN TỘC*

LƯƠNG XUÂN HÀ

Trong xu thế mở cửa, hội nhập quốc tế, câu hỏi về văn hóa, về cản cược văn hóa dân tộc thường xuyên trở đi trở lại trong sự tự vấn của cộng đồng, và ở Việt Nam cũng vậy. Từ sự hỗ trợ của một số lý thuyết khoa học, câu trả lời có thể sẽ ngày càng sáng tỏ hơn, tuy nhiên, không phải là lý thuyết nào cũng đưa tới đáp án tích cực, chẳng hạn như lý thuyết "cộng đồng tưởng tượng"...

Cùng với sự phát triển của tiến trình dân chủ hóa xã hội, trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn ở nước ta hiện nay, việc nhiều vấn đề đã hình thành hoặc đang tồn tại như một hình dung tương đối ổn định được tái thảo luận đã trở nên tương đối phổ biến. Tuy nhiên, dường sau công việc tưởng như hết sức bình thường đó lại đang xuất hiện không ít dấu hiệu của những xu hướng rất bất bình thường. Có thể coi bài *Trung Hoa có nhiều điều khác người* Việt đăng trên án phẩm *Tia sáng* của Bộ Khoa học và Công nghệ cuối năm 2013 vừa qua, sau đó được một số báo điện tử khác đăng lại, là một thí dụ.

Thoạt đọc, thì đây là một bài viết hết sức bình thường, khi đặt người Việt Nam bên cạnh người Trung Quốc để tiến hành một so sánh dường như là về cản cược văn hóa của người Việt và người

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 4-3-2014.

Hoa. Bài viết được bắt đầu bằng một nhận định dễ có thể nhận được sự đồng cảm, song lại thật sự đáng ngờ: "Nếu bạn gặp một ai lần đầu ở xứ lạ, mà người đó bảo bạn rằng bạn là người Việt, không phải là người Hoa, thế mà thật sự đúng là như vậy, thì người đó quá là tài!". Chúng ta không thể phủ nhận một thực tế là với sự phát triển của kinh tế Đông Á vào cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, người Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản đã có mặt ở khắp mọi nơi trên thế giới, cả với tư cách khách du lịch lẫn nhà đầu tư, hay chuyên gia kỹ thuật, chính vì vậy việc nhầm lẫn giữa người Việt Nam với người ở các quốc gia này là điều hoàn toàn dễ hiểu. Điều không bình thường là người viết lại dựa vào một thực tế mang tính kinh tế - xã hội - văn hóa làm điểm tựa cho hệ thống luận điểm, có thể nói là rất đáng quan ngại của bài viết.

Nhầm xây dựng lôgic triển khai bài báo, người viết mở đầu bằng một loạt sự tương đồng giữa người Việt Nam và người Trung Quốc, những tương đồng không thể phủ nhận khi văn hóa Việt Nam từng có lịch sử chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc giống như những dân tộc Đông Á khác, để triển khai cái ý về sự giống nhau giữa "người Việt và người Hoa, cả về thể chất lẫn tinh thần". Tuy vậy, luận điểm về sự tương đồng đó chỉ là phần nhỏ, phần lớn của bài báo lại là phần người viết chứng minh những điểm người Việt khác người Hoa. Đó là việc cho rằng, người Việt không có tinh thần "nhầm tới tự quyết tinh thần" (nói thẳng ra là chê trách người Việt chỉ biết du nhập, làm nô lệ cho những học thuyết ngoại nhập), "tinh thần thực dụng" (nghĩa là chê trách người Việt viển vông, giáo điều), "bao dung vì lợi" (người Việt ham nghĩ đến lợi nhỏ, không nghĩ đến các lợi ích lớn), "chép sử kỵ càng" (nghĩa là người Việt không có nền sử học có giá trị, chỉ biết sùng bái mù quáng các vĩ nhân)...(!)

Chưa nói việc các luận điểm trên được chống đỡ bằng những lập luận hết sức đáng ngờ, như khen ngợi người Hoa "không mang

tên vĩ nhân của họ ra đặt cho các địa danh lớn, họ hiểu rằng điều đó không được an bền, và không lấy được lòng người trong dài lâu" trong khi điều này đã thành thông lệ của nhiều quốc gia trên thế giới. Dùng một loạt dấu hiệu mang tính kinh nghiệm để chứng minh sự tương đồng văn hóa giữa người Việt và người Hoa, sau đó tác giả lựa lọc một số điểm "lớn" trong bản sắc văn hóa của người Hoa (nhiều điểm rất đáng ngờ như các "thành tựu" trong công cuộc viễn chinh xâm lược chẳng hạn), những yếu tố mang tính đặc thù của dân tộc Trung Hoa hình thành nhờ các đặc điểm riêng của dân tộc này rồi chứng minh rằng người Việt không thể có được những điểm "vĩ đại" đó. Lôgíc đó, không có gì khác, chỉ có thể dẫn đến kết luận rằng người Việt chỉ là một phiên bản "bằng máy xấu, giấy xấu" của người Hoa. Người viết dường như quên mất một điều rằng, mỗi dân tộc là một thực thể có tính đặc thù, duy nhất, mà các điểm tích cực hay tiêu cực là sản phẩm riêng được tạo nên bởi hoàn cảnh riêng. Mỗi dân tộc đều có các điểm tích cực và tiêu cực riêng nên nếu như ở dân tộc A có những yếu tố tích cực mà dân tộc B không có, thì cũng lại có một thực tế là dân tộc B có những yếu tố tích cực riêng mà khó có thể hiện diện trong bản sắc của dân tộc A. Chính vì vậy, việc nhận thức bản sắc dân tộc chỉ có nghĩa khi phân tích trong lôgíc nội tại của chính dân tộc đó. Những so sánh hơn kém chỉ có thể dẫn đến cái nhìn mang tính kỳ thị. Điều đáng ngạc nhiên là thứ lôgíc có tính kỳ thị và phản khoa học đó lại xuất hiện ở một tờ báo của một bộ chuyên về khoa học. Nên không ngẫu nhiên, trong bốn bình luận (comment) dưới bài viết này sau khi đăng trên ấn phẩm *Tia sáng*, thì có tới ba ý kiến cho rằng: "Tôi thật sự không hài lòng về rất nhiều điểm được tác giả đề cập trong bài báo này. Nếu những người thiêus bản lĩnh khi đọc nó tự nhiên họ hình thành suy nghĩ rằng dân tộc Việt Nam là thấp hèn, còn Trung Quốc là đế vương. Tôi không cho rằng điều đó là đúng. Có nhiều nước lớn nhưng cũng có nhiều nước nhỏ, mỗi quốc gia đều có

quyền tự hào về dân tộc mình, đất nước mình. Đây là điều quan trọng để giữ chủ quyền và độc lập dân tộc".

Đằng sau câu chuyện so sánh này, dường như còn cho thấy một xu hướng khi thì "thấp thoáng", khi thì lại "rõ nét", trong đời sống học thuật của chúng ta hiện nay? Nhân danh tìm kiếm chân lý, một số nhà khoa học đang có xu hướng lật lại các vấn đề lịch sử với tinh thần phê phán. Điểm hình nhất là việc một số nhà khoa học ở trong cũng như ngoài nước đang nhân danh lý thuyết về "cộng đồng tưởng tượng" của Benedict Anderson để "phân tích" lại một loạt các yếu tố văn hóa dân tộc, từ các huyền thoại về Quốc tổ đến những yếu tố huyền tích về các nhân vật lịch sử. Theo sự hình dung có phần cực đoan của lý thuyết này, các căn tính (identity) của một dân tộc không phải là một thực thể tồn tại một cách hoàn toàn khách quan, tự nhiên mà là những "tạo tác văn hóa có tính nhân tạo". Nói đơn giản, theo lý thuyết "cộng đồng tưởng tượng", căn tính dân tộc không phải là một yếu tố được hình thành một cách khách quan, lịch sử, không phải là kết quả của sự tồn tại của một cộng đồng người trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể, mà là các yếu tố được "biện" ra, được tưởng tượng nên, dưới sự chi phối của quyền lực. Lôgíc đó cũng giống như việc coi tính cách của một con người không phải là sản phẩm tự nhiên, kết quả mối quan hệ giữa con người và hoàn cảnh cộng đồng nó là thành viên, mà là một cái gì đó mà người ta dựng lên, biện ra, đến một lúc con người đó tin rằng đó là tính cách của mình. Và một trong những sản phẩm của sự biện đặt đó chính là những huyền thoại, những huyền tích trong lịch sử được kiến tạo nên để làm công cụ cho việc liên kết dân tộc!

Theo xu hướng ấy, gần đây một số huyền thoại, huyền tích về sự lập quốc của người Việt Nam, ý thức về nền độc lập, thậm chí cả tinh thần yêu nước, đã được một số tác giả ở trong và ngoài nước xem xét mổ xé, rồi chỉ ra rằng đó chỉ là những tạo tác được xây

dựng dựa trên chất liệu lấy từ lịch sử, văn hóa Trung Quốc. Tạm chưa bàn đến tính chất cực đoan trong việc khi tuyệt đối hóa quan hệ giao lưu văn hóa với Trung Quốc, thì lôgic của các thứ lập luận này đã ẩn chứa một tinh thần kỳ thị chủng tộc, một thứ chủ nghĩa thực dân văn hóa kiểu mới. Những người chủ trương thứ lý thuyết này dường như không quan tâm (hay cố tình không quan tâm) tới sự phân biệt giữa tính quốc gia và tính nhân loại. Có những giá trị mà khi đạt tới mức độ nào đó đã trở thành một di sản mang tính nhân loại, mà Kitô giáo là một thí dụ. Vì khó có thể coi việc nhiều quốc gia trên thế giới tiếp nhận Kitô giáo là đã bị cuốn vào vòng ảnh hưởng Do thái. Việc người Việt Nam tiếp nhận các tư tưởng, các yếu tố văn hóa, tôn giáo từ Trung Quốc với tư cách các giá trị mang tính toàn nhân loại không có nghĩa người Việt Nam không có ý thức về sự phân biệt giữa người phương Nam và người phương Bắc, không có ý thức về sự phân biệt giữa các triều đại phương Bắc với các triều đại phương Nam. Rõ ràng, từ góc nhìn khoa học, phía sau lập luận đó là một thứ tinh thần kỳ thị sắc tộc, một thứ chủ nghĩa thực dân kiểu mới về văn hóa với sự hình dung về "dân tộc thượng đẳng" và "dân tộc hạ đẳng".

Những vận động trong đời sống học thuật của xã hội hiện nay đang ngày càng cho thấy các biến chuyển theo hướng dân chủ hóa đời sống học thuật của chúng ta. Vấn đề là khi các lý thuyết, quan niệm từ nước ngoài được tiếp thu một cách sống sượng, thiếu tinh thần khách quan khoa học, vận dụng để phê phán một cách thiếu thiện chí, thì đằng sau một số biểu hiện tưởng như bình thường, rất có thể ẩn giấu những khuynh hướng tai hại, mà biểu hiện cao nhất của nó là bôい nhợ, hạ thấp truyền thống văn hóa, phổ biến tâm lý và thái độ nhược tiểu văn hóa, rồi có thể từng bước tiến tới phủ nhận các giá trị đương đại.

SÁNG TÁC VỀ ĐỀ TÀI LỊCH SỬ KHÔNG ĐƯỢC XUYÊN TẠC LỊCH SỬ!*

VIỆT QUANG

Sáng tác về đề tài lịch sử không phải là vấn đề mới mẻ của văn học Việt Nam. Nhìn lại chặng đường phát triển văn học có thể nhận thấy các nỗ lực của nhiều tác giả đem lại sức sống cho các tác phẩm viết về đề tài này. Nhưng gần đây, đã xuất hiện hiện tượng lợi dụng đề tài này để xuyên tạc sự thật, xuyên tạc lịch sử...

Từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, sự đa dạng và phong phú của sự kiện - con người trong nhiều giai đoạn của lịch sử đã trở thành cảm hứng sáng tác của nhà văn. Một số lối viết có tính thể nghiệm, một số thủ pháp mới đã được các tác giả vận dụng trong sáng tác, thái độ trân trọng lịch sử cũng thể hiện rất rõ trong một số tác phẩm qua nguồn tư liệu nhà văn dày công sưu tầm, tham khảo. Một số sáng tác được độc giả yêu mến, trân trọng, nhận được sự tán thưởng - ở mức độ khác nhau của nhà nghiên cứu, phê bình văn học.

Tuy nhiên, cũng phải nói rằng, nỗ lực thử nghiệm, cố gắng đổi mới không đồng nghĩa với hứa hẹn thành công, vì một số tiểu thuyết lịch sử có độ dày lớn, được viết công phu, nhưng như bị sa vào một lối viết mô phỏng, phục dựng, viết thêm từ tài liệu lịch sử có sẵn mà không tạo nét riêng, thiếu dấu ấn với tính cách là sáng

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 7-3-2014.

tạo của tác giả. Nhân vật lịch sử trong các tác phẩm này chưa được tô đậm để trở thành điểm sáng, mà chỉ là cái bóng mờ nhạt.

Ngược lại một số nhà văn, vì quá mải mê sáng tạo nhân vật lịch sử mà bỏ qua tính hợp lý trong quan hệ giữa nhân vật và bối cảnh lịch sử, văn hóa. Như có tác giả "khoe" trong tiểu thuyết của mình có chuyện Lý Thường Kiệt... đồng tính và mối tình đồng giới với vua Nhân Tông (!); rồi quan hệ tình ái phức tạp giữa Nguyễn Trãi, Nguyễn Thị Lộ với Lê Thái Tông (!), cháu trai của Nguyễn Trãi có võ công thâm hậu (!)... "Phát hiện" đó liệu có gì khác "chuyện lá cải" mà một vài nhà báo vẫn soi mói, dựng lên quanh người nổi tiếng? Bởi người viết quên rằng một số chi tiết họ đưa vào tác phẩm vốn chỉ là giả thuyết do người nghiên cứu lịch sử hiện đại đặt ra, không có ý nghĩa là chỉ dấu cho sáng tác văn học. Sử dụng các giả thuyết đó một cách sống sượng chỉ làm cho câu chuyện, tình tiết trở nên phản cảm, không thuyết phục người đọc. Trong một số trường hợp, có lẽ vì mải mê mô tả, "vẽ thêm" chi tiết hiện đại cho nhân vật lịch sử nhằm "hoàn chỉnh" bức chân dung của danh nhân thời trước, mà vô tình nhà văn lại làm hỏng cả bức chân dung. Để rồi quảng cáo quá đà của giới xuất bản, truyền thông đã đưa người đọc đi từ háo hức đến... thất vọng!

Một xu hướng khác là tiểu thuyết, truyện ngôn tình về đề tài lịch sử theo lối bình dân hóa. Nói thế nào thì tiểu thuyết võ hiệp, truyện ngôn tình về đề tài lịch sử vẫn chỉ là sản phẩm giải trí của một bộ phận người đọc, nhưng được một vài nhà phê bình ca ngợi là khuynh hướng "ngoại biên" trong văn học Việt Nam. Mà khó có thể tin các nhà phê bình ấy lại không biết tại sao tiểu thuyết võ hiệp, truyện ngôn tình về đề tài lịch sử ít được đánh giá cao, bởi tính giải trí của tác phẩm loại này thường lấn át các phương diện quan trọng khác của văn học như tính thẩm mỹ, tính giáo dục. Tất nhiên, không nên xem nhẹ tính giải trí của tác phẩm văn học trong xã hội

hiện đại, và không nên phê phán nếu cuốn sách không chứa đựng yếu tố chêch hướng với thuần phong, mỹ tục của dân tộc, không thể hiện một chủ nghĩa dân tộc cực đoan hẹp hòi, nhưng không thể tùy tiện ca ngợi, gán cho tác phẩm những giá trị mà bản thân không có, khiến người đọc có thể nhầm lẫn về năng lực cảm thụ thẩm mỹ. Nhưng không thể chấp nhận việc lợi dụng đặc trưng tưởng tượng, hư cấu trong văn chương để xuyên tạc lịch sử, xuyên tạc sự thật. Có người trong số họ tự nhận mình "nhân danh những người khác, nhân danh tự do và quyền con người", nhưng thực chất những gì họ viết không khác gì giày xéo lên quá khứ, giày xéo lên công lao của những người đã hy sinh rồi than vãn đó là "oan hồn" họ "mắc nợ"!

Gần đây, một cây bút từng được biết tới với tư cách tác giả của một số truyện ngắn về đề tài chiến tranh kể trên blog cá nhân việc tiểu thuyết của mình vì sao bị cấm xuất bản tại Việt Nam, vì... "những vấn đề của cuộc sống và thời đại hiện tại đang được phản ánh mãnh liệt, da diết trong đó"! Tuy nhiên, đọc cuốn sách này lại thấy tràn ngập luận điệu xuyên tạc quá khứ, phóng đại lịch sử theo xu hướng tiêu cực. Liệu có thể coi là một con dân nước Việt khi tác giả này viết về truyền thuyết Lạc Long Quân - Âu Cơ như sau: "Khi xuống biển, năm mươi người mọc vẩy. Người dẵn đầu thì mọc sừng. Khi lên núi, năm mươi người mọc lông. Người dẵn đầu biến thành một con vượn. Con vượn hú khóc mỗi chiêu tà. Và hai tay vuốt lấy vuốt để dọc bầu vú, dồn những giọt sữa trong vắt cho đàn con bú. Những người trên núi thì chênh choạng đi về phía biển, còn những người dưới biển thì chênh choạng đi về phía núi. Chẳng mấy khi gặp nhau vì hẽ gặp thì họ lại đánh nhau. Cung nỏ và gậy gộc, ném đá, ném lao. Khi đánh nhau thì họ cười, sứt đầu mẻ trán thì khóc. Những xác chết rải rác. Người đi lượm xác khi thì là người có sừng, khi là con vượn. đôi khi, họ không nhận ra đâu là con của họ"?

Không chỉ viết về lịch sử một cách xuyên tạc, tác giả còn khiến sản phẩm của mình trở thành văn bản chứa đầy sự hằn học với thứ ngôn từ "bẩn", tục tĩu, trần trụi. Cũng cần nói rằng, trước đó, một nhà văn tham gia chương trình đầu tư sáng tác văn học về đề tài sử thi lại viết một tác phẩm mà không có nhà xuất bản nào nhận in, cuối cùng, cuốn sách ra đời ở nước ngoài! Bằng thủ pháp "cào bằng lịch sử", nhà văn này đã công khai đặt ngang hàng giá trị cao cả của những cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc từ thời Lý Thường Kiệt đến nay với sự trả thù phi nghĩa của nhà Nguyễn, với hành động thảo khấu của các toán cướp. Chứng cứ là tác giả để nhân vật thổ phỉ ngang nhiên nói rằng: "Chúng mày vì nghèo khổ mà đi làm cách mạng. Chúng tao vì nghèo khổ mà đi ăn cướp. Thế là giống nhau!". Và lập tức một số kẻ lưu vong đã lợi dụng cuốn tiểu thuyết để tuyên truyền chống phá Nhà nước Việt Nam, suy diễn thành ý thức hệ lịch sử rằng... bản chất thuần túy, chân thật nhất của dân tộc là phỉ (?).

Bước vào thời kỳ đổi mới, gần 30 năm qua, trước yêu cầu của sự phát triển, từ đòi hỏi của tiến trình văn học, các nhà văn được tạo điều kiện để khai thác mọi góc khuất của cuộc sống, từ quá khứ đến hiện tại, để tôn vinh các giá trị cao đẹp trong phẩm chất của con người Việt Nam, cũng như phê phán các yếu tố tiêu cực. Đối với các tác phẩm về đề tài lịch sử, văn học Việt Nam đã có những thành công cần ghi nhận như các tiểu thuyết Hồ Quý Ly (Nguyễn Xuân Khánh), *Bão táp triều Trần* (Hoàng Quốc Hải),... Một số tác phẩm cho thấy người Việt Nam không bao giờ ngủ quên sau chiến thắng của các cuộc chiến tranh, mà nhìn thẳng vào sự thật để nhận thức khó khăn còn tồn tại, nhắc nhở phải biết vượt qua mọi nỗi đau số phận, khắc phục hạn chế, để phấn đấu vì một tương lai tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, với đề tài lịch sử, nhìn thẳng vào sự thật, tôn trọng sự thật không có nghĩa là chìm đắm trong nỗi đau, không có nghĩa

trượt ngã để đánh mất bản thân, tự cho mình quyền đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích dân tộc. Cân lên án hơn là khi nhà văn bóp méo sự thật lịch sử, phóng đại sự thật lịch sử theo hướng tiêu cực, xây dựng nhân vật như là nạn nhân của lịch sử, lấy tác phẩm làm lý do "bảo vệ nạn nhân lịch sử" để chỉ trích nhà nước. Không phân biệt các giá trị cơ bản có tính nhân văn để phân biệt đúng - sai, không đủ độ lượng đánh giá quá khứ, người viết không thể tri ân với người mà họ thấy "còn mắc nợ". Và nếu "trả nợ" từ nhận thức lệch lạc, lợi dụng việc này để xuyên tạc sự thật thì sản phẩm họ làm ra chỉ phù hợp với mấy kẻ vong thân, vong bản không chịu chấp nhận thất bại, vẫn nuôi mối hận thù, vẫn cố tình thực hiện hành vi chống phá đất nước. Đối với những người này, sự thật hay nghệ thuật đều vô nghĩa, mà văn chương chỉ để họ chuyển tải "thông điệp chính trị" hòng kích động, gây hấn, thù địch với dân tộc, đất nước. Họ nhầm nhà văn nào ở trong nước còn chưa vững bản lĩnh chính trị để tán dương, bảo trợ, làm cho nhà văn đó tự huyễn hoặc rồi làm ra loại sản phẩm có nội dung, nghệ thuật thấp kém, mà họ thừa biết giá trị đích thực của loại tác phẩm này đến mức độ nào. Cho nên, có điều gì đó không bình thường khi có nhà văn lại tỏ ra hanh diện vì "có tác phẩm xuất bản ở nước ngoài" mà không biết nơi xuất bản sách của họ chỉ là cơ sở vô danh ở chính nước sở tại, mỗi năm in vài ba đầu sách mà vẫn ế ẩm. Với thứ mạo danh văn chương, giả danh lịch sử, dù có tự định vị là văn chương "ngoại biên" thì cũng chỉ là thủ đoạn né tránh tiếng đồi chử không phải là "xu thế tất yếu" của văn chương Việt Nam như họ khoe khoang, tâng bốc lẫn nhau trên RFA, RFI, hay vài ba website, diễn đàn của những kẻ dở đầu.

Sáng tác văn học về đề tài lịch sử là nguồn cảm hứng hấp dẫn song cũng là thách thức lớn đối với nhà văn. Đặc biệt, khi sáng tác về đề tài lịch sử, nhà văn không chỉ phải có trách nhiệm với độc giả đương đại và tương lai, mà cần có trách nhiệm với quá khứ. Đề tài

lịch sử trong văn học không đòi hỏi người viết đi tìm sự chân xác như trong khoa học lịch sử, tuy nhiên lại đòi hỏi người viết phải là người yêu lịch sử, tôn trọng lịch sử, tự hào với những trang sử vẻ vang của dân tộc, biết chia sẻ với những trang sử bi thương khi đất nước bị kẻ thù xâm lược, chia rẽ, con người rơi vào hoàn cảnh bi thương, không được làm chủ số phận... Chỉ có như vậy diễn ngôn lịch sử trong sáng tác mới có thể tồn tại lâu bền trong người đọc.

"XÉT LẠI LỊCH SỬ" NHƯ VẬY ĐỂ LÀM GÌ?*

CẨM KHÈ

Xét lại lịch sử để rút ra bài học cho hiện tại, đó là một trong những biểu hiện của sự trưởng thành của ý thức dân tộc trong khi tự đánh giá về mình, để qua đó phát huy các giá trị tích cực, khắc phục các hạn chế.

Nhưng xét lại lịch sử để đề cao một số nhân vật, triều đại vốn không được khẳng định với ý nghĩa tích cực, thậm chí khơi dậy một số xu hướng tinh thần trong quá khứ để phủ nhận hiện tại là hiện tượng cần phải xem xét, bởi nếu không sẽ đưa tới sự ngộ nhận...

Hơn 60 năm về trước, trên khu đất cạnh đền Bà Kiệu (Hà Nội) có đặt tấm bia liên quan tới A. de Rhodes (Đắc Lộ) - nhà truyền giáo người Pháp, đã được một số người xác định là "có công chế tác chữ Quốc ngữ". Về sau, tấm bia không còn và cũng không thấy ai nhắc tới. Vậy mà năm trước, tấm bia cùng "công ơn" của A. de Rhodes đã trở lại. Có người còn yêu cầu phải tạc tượng, đặt tên đường mang tên A. de Rhodes. Thậm chí có người coi tấm bia thất lạc là "do tư tưởng hẹp hòi không phù hợp với đạo đức của dân ta", và "vào thập niên 80 thế kỷ XX trên vị trí này đã dựng tượng dài Cẩm tử cho Tổ Quốc quyết sinh và người ta cũng quên luôn tấm bia đó"! Một số tác giả đã cố chứng minh, khẳng định "công lao" A. de Rhodes, nhưng hầu như không ai nhắc tới vai trò của những

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 11-3-2014.

người đi trước ông này. Thí dụ, dù là tham khảo thì vẫn nên lưu ý mục từ A. de Rhodes trên Wikipedia cho biết vào năm 1961, trên nguyệt san MISSI của các linh mục dòng Tên người Pháp từng viết: "Dĩ nhiên, không phải chỉ riêng mình cha Đắc Lộ khởi xướng ra chữ quốc ngữ. Trước đó, các cha thừa sai dòng Tên người Bồ Đào Nha ở Ma Cao đã nghĩ ra một số phát âm tiếng Việt, viết bằng các mẫu tự latin rồi", và A. de Rhodes cũng đã thừa nhận: "Khi tôi vừa đến Nam Kỳ và nghe người dân bản xứ nói, đặc biệt là phụ nữ, tôi có cảm tưởng mình đang nghe chim hót líu lo, và tôi đâm ra ngã lòng, vì nghĩ rằng, có lẽ không bao giờ mình học nói được một ngôn ngữ như thế... Chỉ có cha Francois Pina là hiểu và nói được tiếng Việt, nên các bài giảng của cha Pina thường đem lại nhiều lợi ích hơn là của hai cha Fernandez và Buzomi". Nghĩa là trước A. de Rhodes đã có người phương Tây hiểu và nói được tiếng Việt.

Các nhà nghiên cứu có thể còn bàn thảo về việc chữ quốc ngữ hình thành thế nào, phát triển ra sao,... nhưng dù vậy khó có thể bác bỏ điều nhà báo Phan Quang đã viết trong bài *Quá trình hình thành chữ quốc ngữ*: "Tuyệt đại bộ phận các nhà nghiên cứu phương Tây cũng như Việt Nam từ trước tới nay không ai quy công đầu cho một tác giả đơn nhất mà đều khẳng định chữ quốc ngữ là sáng tạo tập thể, mỗi người góp phần một ít; những người đi trước mở đường, những người kế tiếp hoàn thiện, nâng cao. Hình thành chữ quốc ngữ là một quá trình. Hoàn thiện nó cũng là một quá trình chỉ có thể tạm ngừng chứ không kết thúc, vì nó là một cơ thể sống đang phát triển".

Thời gian gần đây việc "đánh giá lại" một số người vốn không được đề cao trong lịch sử đang được một số tác giả quan tâm như kết quả của "nhận thức mới"! để cập việc đánh giá một triều đại chỉ trong hơn thế kỷ từng xảy ra hàng trăm cuộc khởi nghĩa nông dân, một nhà sử học đã cho rằng "chưa thỏa đáng, chưa khách

quan" vì đó là "thời kỳ mà nền sử học mácxít đang hình thành nên sự áu trĩ, giáo điều, công thức buổi đâu là không tránh khỏi". Đánh giá như thế, phải chăng ông đã quên các câu nói lưu truyền hàng trăm năm nay về việc "mái quốc, khi dân", "Vạn niên là Vạn niên nào",... mà các câu nói đó đâu phải là kết quả nghiên cứu của nền sử học "đang hình thành nên sự áu trĩ, giáo điều, công thức"? Hơn nữa nói như vậy, chẳng lẽ mấy năm trước, một số nhà nghiên cứu chỉ dựa vào một cuốn sách không có tác giả, không rõ niên đại để khẳng định lai lịch một ngôi đền ở Hà Nội, hay một nhà sử học lên vô tuyến truyền hình nói như đinh đóng cột rằng: "Trần Hưng Đạo là một trong tứ bất tử của văn hóa truyền thống Việt Nam"(!) cũng là kết quả nghiên cứu của nền sử học "đang hình thành"? Nhưng có lẽ nổi trội trong xu hướng "xét lại lịch sử" là việc một vài người sử dụng thủ pháp hiện đại hóa quá khứ để làm sống lại vấn đề "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh", rồi khẳng định "vấn đề lãnh thổ, khôi phục lãnh thổ quốc gia, tức vấn đề độc lập, được coi như là một bộ phận cần thiết nhưng không phải là cứu cánh của chương trình dài hạn rộng lớn, cơ bản hơn nhiều"! Và lập tức có tác giả hùa theo, như năm 2010, PGS, TS. PVC nói: "Tôi từng phát biểu ngay trong lễ trao giải Phan Chu Trinh: "Khẩu hiệu của chúng ta là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh"; phương châm ấy thua xa các cụ ngày xưa đã chủ trương là "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh". Dân sinh là vấn đề cuối cùng, tuy rất quan trọng nhưng vẫn phải đặt khai dân trí, chấn dân khí lên hàng đầu, rồi hậu dân sinh sẽ đến như hệ quả tự nhiên. Còn dân giàu đâu phải là giá trị tự thân, nước mạnh cũng không phải là giá trị tự thân. Nếu lấy tiêu chí đó làm đầu thì ta suốt đời thua thiệt, chạy đuổi nước khác cũng không lại. Mà mạnh thì mạnh đến đâu, phải bằng Mỹ, Nhật, Pháp hay Trung Quốc? Mà mạnh làm gì? Không những thế, ta lại đặt những ba tiêu chí: công bằng, dân

chủ, văn minh trên một mặt bằng xã hội là bất khả thi. Chúng ta cần phải tìm những giá trị cao nhất, nhưng giá trị ấy là gì, ở đâu?... đã đến lúc cần sắp xếp lại hệ giá trị, dân giàu nước mạnh là những phương tiện, nhưng không phải là mục đích"!

Ý kiến trên đây không phải là kết quả của suy nghĩ chín chắn, thấu đáo. "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" là hệ thống yếu tố được xác định là mục tiêu mà nước Việt Nam hiện tại cần vươn tới, còn "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" là các biện pháp Phan Châu Trinh đề ra ở đầu thế kỷ XX với hy vọng qua đó có thể chấn hưng dân tộc. Với phương pháp khoa học và nhẫn quan tinh táo, không ai so sánh mục tiêu cụ thể mà một xã hội xác định cần phấn đấu đạt tới với các biện pháp có tính cách là giả định của một xu hướng tinh thần. Là hệ thống yếu tố nên mục tiêu có tính đồng bộ, toàn diện, không xác định mục tiêu nào phải đạt trước, mục tiêu nào sẽ đạt sau. Còn biện pháp của Phan Châu Trinh, vì thấy chữ "hậu" của nó, PGS, TS mới đặt vấn đề việc gì làm trước, việc gì làm sau. Không phân biệt sự khác nhau nên vị PGS, TS đã đi xa hơn người khởi xướng, từ đó phủ nhận các mục tiêu mà cả dân tộc Việt Nam đang phấn đấu vươn tới. Nên PGS, TS mới không muốn "nước mạnh, dân giàu", vì theo ông "mạnh làm gì?", và ông coi "dân sinh là vấn đề cuối cùng... sẽ đến như hệ quả tự nhiên" của "dân trí, dân khí"! Nói cách khác, ông không quan tâm tới việc đồng bào có cơm ăn, áo mặc, được học hành hay không, ông coi có "dân trí, dân khí" là sẽ có tất cả! Thủ hỏi với tinh thần duy thức luận duy tâm chủ quan như vậy, ông PGS, TS muốn đưa đất nước này đi đến đâu. Phải chăng theo ông Nhà nước không cần phải triển khai các chương trình xóa đói, giảm nghèo, không cần phải hỗ trợ kinh tế cho đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn,... chỉ cần "khai dân trí, chấn dân khí" là có cuộc sống ấm no?! Lịch sử nhân loại cho thấy từ xưa đến nay chưa có

một đất nước, dân tộc nào bị cướp đoạt chủ quyền, bị nước ngoài đô hộ, lại có thể tự phát triển, giành lại độc lập qua việc "khai dân trí, chấn dân khí". Các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân đô hộ chỉ có thể phát triển sau khi tự mình đấu tranh giành độc lập hay được trao trả độc lập vào lúc chủ nghĩa thực dân đã không thể đương đầu với phong trào giải phóng dân tộc. Từ lịch sử của đất nước có thể nói "dân trí, dân khí" có vai trò rất quan trọng, và ngày nay, trước rất nhiều thách thức, trước sự tha hóa một số giá trị văn hóa, cần phải tiếp tục nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, nhưng không thể vì thế mà xao nhãng chăm lo phát triển đời sống mọi mặt của toàn xã hội. Một khác, trong một thế giới đã có rất nhiều thay đổi, việc Nhà nước chủ động kết hợp đồng bộ những biện pháp cụ thể để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, hợp tác với các quốc gia, dân tộc khác cùng phát triển,... không chỉ là kết quả của quá trình tự ý thức, mà còn là một biểu thị cụ thể cho tư cách làm chủ một đất nước độc lập, có chủ quyền.

Xem xét lại quá khứ, đánh giá lại quá khứ là nhu cầu chính đáng của mỗi con người, mỗi cộng đồng dân tộc, vì đó là một trong các yếu tố giúp con người và cộng đồng có suy nghĩ, hành động đúng đắn hơn trong hiện tại, tương lai. Tuy nhiên, việc một số người nhân danh "nhận thức mới" nhưng bỏ qua quan điểm lịch sử - cụ thể để đánh giá một số cá nhân và triều đại đã đưa tới sự hổ nghi về động cơ, mục đích thật sự của sự xem xét? Bởi không ngẫu nhiên gần đây, một blogger đã công bố Entry *Khi nghề xuyên tạc lịch sử lên ngôi* để cảnh báo. Đánh giá nghiêm túc về hiện tượng này là thái độ đối với quá khứ - thái độ khách quan, khoa học và công bằng.

NHỮNG QUAN ĐIỂM SAI TRÁI TRONG NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ*

HỒ NGỌC THẮNG

Sau khi Báo *Nhân Dân* đăng loạt bài liên quan tới xu hướng "xét lại lịch sử, viết lại lịch sử", từ Cộng hòa Liên bang Đức, tác giả Hồ Ngọc Thắng đã gửi tới Tòa soạn bài viết với một số dẫn chứng từ xu hướng này ở Cộng hòa Liên bang Đức và nêu lên những suy nghĩ của tác giả.

Ở châu Âu nói chung và ở Cộng hòa Liên bang Đức nói riêng, xu hướng xét lại lịch sử đã xuất hiện từ khá lâu nhưng không liên tục; thường thì sau một thời gian có vẻ trầm lắng, khi có điều kiện thuận lợi thì xu hướng đó lại trỗi dậy. Những năm qua, từ một số biểu hiện tiêu cực của nó, xu hướng "xét lại lịch sử" dẫn đến nỗi lo ngày càng lớn với Nhà nước và xã hội Đức. Nhiều chính trị gia, một số nhà chính trị học, xã hội học, luật học, tâm lý học,... đã tranh luận gay gắt về xu hướng này, và đưa ra nhiều luận chứng khác nhau về nguyên nhân, biện pháp xử lý. Nhưng có một điểm thống nhất chung là, đánh giá về hậu quả nghiêm trọng trước mắt cũng như lâu dài của xu hướng xét lại lịch sử một cách cực đoan, và đều nhất trí, cần phải hành động ngay.

Ở Cộng hòa Liên bang Đức có một số tổ chức, đảng phái đồng

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 21-3-2014.

tình với quan niệm xét lại lịch sử. Nhưng xu hướng xét lại lịch sử một cách cực đoan nhất hiện nay thể hiện rõ nét trong tư tưởng, hành động của các đảng viên và người ủng hộ Đảng Dân chủ Quốc gia Đức (NPD) được thành lập năm 1964. Nhiều năm nay, đảng này đòi sửa lại đường biên giới hiện tại giữa Đức với Ba Lan, tái thiết đường biên giới quốc gia theo trạng thái thời điểm cuối năm 1937. Về việc viết sử, NPD muốn sửa lại các trang sử viết về giai đoạn Đức Quốc xã cầm quyền, bởi theo họ, nguyên nhân làm bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ hai là do "lỗi" của phe đồng minh; năm 1945, nước Đức không được giải phóng mà vì bại trận nên đang bị nước ngoài cai trị; họ yêu cầu phải đánh giá lại vai trò của quân đội Đức trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Mặc dù nhân loại đã có đủ tư liệu lịch sử chứng minh khoảng 10 triệu người, trong đó có từ năm đến sáu triệu người Do Thái bị sát hại trong thời gian Đức Quốc xã cầm quyền (phần lớn bị sát hại trong trại tập trung của Đức Quốc xã, thí dụ như ở Auschwitz, Buchenwald, Dachau, Bergen Belsen,... trong các chương trình tàn sát có tính chất diệt chủng) nhưng đảng viên của NPD và những người tuy không tham gia đảng phái nhưng có tư tưởng xét lại vẫn cho rằng đó là "điều đối trả"! Vì thế trong sách báo ở Đức đã xuất hiện các khái niệm có liên quan đến xu hướng xét lại lịch sử kiểu này, như "từ chối Holocaust", "giả dối Auschwitz"... Một chủ đề khác mà những thế lực có xu hướng đòi xét lại luôn đưa ra để tranh luận trong các thập niên vừa qua là vai trò của Hồng quân Liên Xô trong việc tiêu diệt quân đội của Đức Quốc xã và giải phóng châu Âu khỏi ách thống trị của chủ nghĩa phát xít. Mục đích của những người theo quan niệm này là muốn làm giảm công lao, uy tín của Liên Xô trong quá khứ và của Liên bang Nga trong giai đoạn hiện nay.

Một trong các biện pháp để chống lại xu hướng xét lại lịch sử cực đoan mà cơ quan lập pháp và tư pháp Cộng hòa Liên bang

Đức đưa ra là các quy định trong Điều 130 Bộ luật hình sự. Theo đó, từ năm 1994, công khai "từ chối Holocaust" là một tội phạm, và có thể bị phạt từ ba tháng đến năm năm tù, hoặc bị phạt tiền. Trong những năm qua, một số người phải hầu tòa vì tội danh này, và hình phạt tù giam cũng đã được thực thi. Một cỗ găng khác của Quốc hội, Hội đồng Liên bang và Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức để cấm các hoạt động của NPD là đệ đơn ra Tòa án hiến pháp Liên bang - tòa án cao nhất của Cộng hòa Liên bang Đức. Nhưng đến nay cỗ găng đó vẫn chưa thành công. Ngày 18-3-2003, Tòa án hiến pháp Liên bang đã đình chỉ thủ tục xét xử vì "lỗi của thủ tục". Nguyên nhân sâu xa là một thực tế được phanh phui: Cơ quan bảo vệ hiến pháp, tức cơ quan tình báo đối nội, đã cài nhiều điệp viên ngầm vào hàng ngũ lãnh đạo của NPD. Cho đến nay, câu hỏi: Liệu NPD có phải là một đảng đã vi hiến hay không (?) vẫn chưa được xem xét, nên vấn đề chưa được phán quyết. Trong đợt bầu cử Quốc hội tiểu bang vừa qua, một số đảng viên của đảng này đã thu đủ số phiếu của cử tri để trở thành đại biểu Quốc hội tiểu bang ở hai tiểu bang.

Hiện nay, có một vụ án hình sự lớn nhất ở Cộng hòa Liên bang Đức trong vòng 20 năm qua đang được xét xử tại thành phố Munich. Sự việc bắt đầu từ sự tình cờ, sau một vụ án cướp ngân hàng, cơ quan công an phát hiện một nhóm "cực hữu Quốc xã bí mật" (NSU). Trong mấy năm gần đây, nhóm này đã ám sát chín người nước ngoài và một nữ cảnh sát Cộng hòa Liên bang Đức. Theo kết quả điều tra của cảnh sát hình sự, thì nhóm NSU đã nhận được hỗ trợ tích cực của một số đảng viên NPD. Sau khi tình tiết của vụ án NSU được tiết lộ, các tiểu bang mới thống nhất sẽ cho khởi động lại thủ tục cấm NPD. Và đó cũng là một lý do để thời gian vừa qua nhiều cá nhân và đảng phái phê phán các lực lượng công an, an ninh. Họ cho rằng, cơ quan nhà nước đã quá lơ

là với lực lượng cực hữu - gồm những người cực đoan luôn đưa ra đòi hỏi xem xét lại lịch sử.

Là người sống ở nước ngoài nhưng luôn hướng về Tổ quốc, luôn quan tâm tới quá trình xây dựng và phát triển của đất nước, qua báo chí tôi cũng nhận thấy ở Việt Nam đang có một số cá nhân theo xu hướng xét lại lịch sử. Phần lớn ý kiến và bài viết của mấy người này được phát tán trên internet, hoặc được một số báo, đài phương Tây đăng tải. Theo quan sát của cá nhân tôi, phần lớn bài viết theo xu hướng xét lại lịch sử thường liên quan đến cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh; bên cạnh đó là đề cao một số người, nhóm người trước đây từng bị phê phán; thậm chí ca ngợi, phục dựng và tô vẽ bộ mặt của chế độ Sài Gòn trước đây. Nhưng may mắn cho tôi là không những đã được học lịch sử, đọc sách lịch sử, mà thế hệ chúng tôi sinh ra, lớn lên trong chiến tranh nên đã nghe tận tai và nhìn tận mắt rất nhiều sự kiện, vấn đề đã xảy ra trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Những điều tai nghe, mắt thấy đó trở thành ký ức không quên, ăn sâu vào tiềm thức, giúp chúng tôi nhinn nhận một cách khách quan toàn diện về rất nhiều vấn đề lịch sử. Nên tôi không thể nào đồng tình với một vài người, trong những năm tháng kháng chiến gian khổ không trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu, nay muốn "nhìn nhận lại" cuộc kháng chiến đã qua rồi đặt câu hỏi "đã được gì sau cuộc chiến" (!?). Đọc các bài có quan điểm này, thường tôi hồi tưởng tới những năm tháng chiến tranh. Như ngày 5-8-1964, lúc 10 tuổi, lần đầu tôi thấy máy bay Mỹ bay rất thấp ở quê tôi, một vùng biển Thanh Hóa. Rồi đến ngày 3-4-1965, lần đầu máy bay Mỹ ném bom từ sáng đến tối quanh làng tôi, ngay bên nhà tôi. Và đó cũng là lần đầu tôi đã thấy nhiều người chết và bị thương do bom đạn của đế quốc Mỹ... Ký ức năm xưa giúp tôi nhận ra các bài viết đó không

phải là nghiên cứu lịch sử, không phải xem xét lại để giúp hiểu thêm quá khứ, mà chỉ nhằm xuyên tạc, tuyên truyền cho cái nhìn lệch lạc, gây nghi ngờ, làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam.

Nhiều năm sau khi chiến tranh kết thúc, rất nhiều tài liệu mật của nước Mỹ, của quân đội Mỹ liên quan tới chiến tranh Việt Nam, từ những vấn đề cơ bản như nguyên nhân, vai trò của chính quyền Mỹ, diễn biến từng giai đoạn,... đã được giải mã, các nhà nghiên cứu được phép tiếp cận. Nhưng trong thời gian qua, không chỉ một số người ở hải ngoại mà có người ở trong nước vẫn đưa ra luận điệu xuyên tạc "miền Bắc cưỡng chiếm miền Nam", "cộng sản tàn sát dân chúng". Từng là "Bộ đội Cụ Hồ", năm 1972 tham gia Chiến dịch Xuân Hè ở Quảng Trị, sau khi vượt sông Bến Hải ở thượng nguồn, tôi và đồng đội được đưa đến trú ẩn trong một làng thuộc huyện Gio Linh. Dù hơn 40 năm trôi qua, tôi không thể quên sự tiếp đón, chăm sóc của nhân dân ở ngôi làng này. Bà con còn nghèo nhưng thương quý chúng tôi như con em trong nhà. Đó là nguồn sức mạnh to lớn trong cuộc chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Với những ai đang tán phát bài viết để "hạ bệ thần tượng" với ý đồ thực hiện "diễn biến hòa bình", gây nghi ngờ trong nhân dân, từ đó tiến công vào chế độ, tôi xin kể chuyện này: đó là trên đường hành quân vào chiến trường miền Nam, khi đơn vị nghỉ dừng chân vài ngày tại một binh trạm của Binh đoàn 559, tôi gặp một tù binh Mỹ da trắng. Máy bay bị bắn hạ và anh ta bị bắt. Lực lượng bảo vệ cho chúng tôi biết, người tù binh này nghiện thuốc lá và biết nói một ít tiếng Việt. Nên khi mấy anh chàng lính trẻ chúng tôi tặng một bao thuốc lá, anh ta liền nói: "Cảm ơn!". Sau đó anh ta nói với tôi cùng các chiến sĩ khác của đơn vị đang đứng chung quanh là: "Hồ Chí Minh muôn năm", "Không gì quý hơn độc lập tự do"... Tôi nghĩ,

một người tù binh có thể làm các công việc miến cưỡng, nhưng chỉ khi có lòng tôn kính lãnh tụ của dân tộc Việt Nam, một người ngoại quốc mới tự nguyện nói ra những điều như thế.

Viết và gửi bài này tới Báo *Nhân Dân*, tôi không có ý định coi những người có xu hướng xét lại lịch sử ở Việt Nam cũng tương tự như những phần tử cực đoan ở Cộng hòa Liên bang Đức mà tôi đã đề cập. Nhưng những gì đã xảy ra ở Cộng hòa Liên bang Đức trong thời gian qua là một bài học nếu không được cảnh tỉnh, thì một số tác giả có xu hướng "xét lại lịch sử" ở Việt Nam rất có thể đi tới sự lầm lạc. Tôi nghĩ bài học đó là: Dù động cơ trong sáng thì khi xét lại lịch sử vẫn phải thận trọng, cần nhìn nhận vấn đề trong hoàn cảnh cụ thể, có quan điểm lịch sử, cái nhìn khách quan, tôn trọng sự thật. Với người đọc cũng vậy, cần tỉnh táo để nhận biết đúng sai, để không bị chi phối rồi hoài nghi về quá khứ, hoang mang về tương lai đất nước. Riêng với luận điệu của các thế lực thù địch, và các hành vi lợi dụng "xét lại lịch sử" để kích động hận thù dân tộc, tôi nghĩ Nhà nước và các nhà nghiên cứu cần có biện pháp thiết thực, kịp thời lên tiếng phê phán quan điểm sai trái để vừa giữ gìn sự lành mạnh của môi trường tri thức, vừa điều chỉnh nhận thức chung của xã hội.

LUẬN BÀN VỀ VIỆC VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP LỊCH SỬ*

THIỀN PHƯƠNG

Tài hiện lịch sử phải trung thực, phản ánh đúng tiến trình vận động của nó, vì chỉ có như vậy, việc nghiên cứu lịch sử mới giúp hiểu về quá khứ và rút ra bài học hữu ích cho hiện tại. Và do đối tượng nghiên cứu rất phong phú nên trong quá trình thẩm định, nghiên cứu cần nắm vững phương pháp lịch sử để sử dụng một cách khoa học, triệt để, sâu sắc,... Trên thực tế, thực hiện điều này là không dễ dàng, và lâu nay không phải tác giả nào cũng nghiêm túc tuân thủ.

Từ lịch sử phát triển ngành sử học, các nhà nghiên cứu có quan điểm chung rằng: "không gì có thể thay thế tư liệu - không có chúng thì không có lịch sử". Sử liệu tồn tại khách quan, độc lập đối với chủ thể nhận thức; và trên cơ sở thông tin thu nhận được từ kết quả phân tích sử liệu, nhà sử học phục dựng lịch sử. Trong một thời gian khá dài trong sử học đã tồn tại quan niệm cho rằng, chỉ có nguồn sử liệu chữ viết (thư tịch) mới có thể coi là nguồn sử liệu và là nguồn sử liệu có giá trị, còn các nguồn sử liệu khác đều không đáng tin cậy. Quan niệm này khá phổ biến trong trường phái sử học thực chứng (positivisme), mà đại diện điển hình là nhà sử học người Pháp Numa Denis Pustele De Coulage (1830 - 1889) -

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 28-3-2014.

người được mệnh danh là "kẻ sùng bái thư tịch", khi ông tuân thủ và chỉ hành động theo một phương châm duy nhất: "Văn bản, chỉ có văn bản, không có gì khác ngoài văn bản".

Nhưng nếu nghiên cứu như vậy thì lịch sử các dân tộc chưa có chữ viết, hoặc những hình ảnh của thời kỳ tiền sử chưa có chữ viết sẽ không thể tái tạo? Tuy nhiên, việc phục dựng được lịch sử của các dân tộc chưa có chữ viết, những bức tranh thời tiền sử ở các khu vực (bằng nhiều phương pháp khác nhau) là câu trả lời với quan niệm sùng bái sử liệu chữ viết. Đối với Việt Nam, có thể nói vấn đề khó khăn nhất khi nghiên cứu lịch sử là tư liệu. Tư liệu lịch sử nước ta từ thế kỷ XV trở về trước cho đến nay còn lại rất ít và phân tán rải rác. Sự ra đời một số nhận định sai lầm về lịch sử là có nguyên nhân từ việc thiếu sử liệu. Những năm gần đây, nhiều vấn đề lịch sử, nhiều nhân vật lịch sử được đánh giá lại với tinh thần cởi mở. Tuy nhiên, khi học thuật đổi mới xuất hiện một số luận điểm rất phi sử học, hoặc có dấu hiệu lợi dụng diễn đàn của sử học...

Có tác giả bao biện cho việc Nguyễn Ánh cầu viện phương Tây với lập luận: Trong lúc yếu thế, Nguyễn Ánh cần súng ống, tàu chiến, đũa (ngẫu nhiên) gặp được một số đoàn truyền giáo đi mở đạo hứa giúp. Lê tất nhiên ông ta xem đây là một cơ hội, dù có thể là "một cái xấu cần thiết" (?), "Việc đầu tiên và cấp bách Nguyễn Ánh cần làm là diệt được quân Tây Sơn bằng bất kỳ phương tiện nào, chứ hoàn toàn không cố ý muốn cầu thân với Pháp" (?), và đó là hành động mang tính "sách lược tình huống"! Tác giả rút ra kết luận: Nói Nguyễn Ánh "công rắn cắn gà nhà" là không đúng với thực tại lịch sử khách quan, cũng như nói Alecxandre de Rhodes hay Bá Đa Lộc làm môi giới giữa Pháp với triều Nguyễn là những tên thực dân phản động lại càng sai lầm về quan điểm lịch sử (?). Bao biện như vậy, tác giả đã cố tình phủ nhận sự thật rằng khi

cầu viện quân Xiêm, quân Pháp, Nguyễn Ánh đã đặt quyền lợi của gia tộc, của bản thân lên trên quyền lợi dân tộc, lên trên chủ quyền của đất nước và lên trên cả danh dự của dân tộc.

Người xưa thường nói: "Thời thế tạo anh hùng". Thời thế, nói theo sử học chính là "bối cảnh lịch sử" - điều mà khi tiếp cận bất kỳ một biến cố, phong trào, học phái nào, người nghiên cứu đều phải xem xét kỹ lưỡng. Bình luận về cá nhân trong lịch sử luôn phải đặt nhân vật đó trong bối cảnh lịch sử của họ cùng mối tương tác với các sự kiện chi phối bên ngoài. Lịch sử là cái đã diễn ra, cần nghiên cứu và tái hiện có phương pháp, không thể suy đoán kiểu: nếu không có những gì xấu xa của chủ nghĩa tư bản thế kỷ XIX thì không có C. Mác và chủ nghĩa Mác xuất sắc; nếu không có thực dân Pháp xâm chiếm Việt Nam thì cũng không có Phan Bội Châu hay Hồ Chí Minh với sự nghiệp lẫy lừng... Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là sự kiện trọng đại, đánh đổ ách áp bức của thực dân, phong kiến, mở ra kỷ nguyên độc lập và khẳng định trước thế giới rằng dân tộc Việt Nam có quyền, có chỗ đứng ngang hàng với mọi dân tộc khác trên thế giới. Vậy mà có người lại coi sự nghiệp giành độc lập của nhân dân Việt Nam như một sự "ăn may" của Việt Minh trong "khoảng chán không chính trị". Họ không coi Ngày 2-9 là ngày vinh quang, đánh dấu việc thoát khỏi ách thuộc địa. Từ lòng thù hận, đối với họ, ngày 2-9-1945 chỉ khai sinh một nhà nước cộng sản và mở đầu cho một giai đoạn nội chiến kéo dài (!). Họ cố tình quên độc lập dân tộc là điều không thể nhân nhượng. Sau gần một thế kỷ là một xứ thuộc địa, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là kết quả tất yếu từ nhận thức, hành động của dân tộc Việt Nam; và sau quá trình đấu tranh kiên cường suốt hơn 15 năm với vô vàn tẩm gương hy sinh anh dũng, Đảng Cộng sản là tổ chức chính trị duy nhất có đủ thực lực để lãnh đạo nhân dân khi thời cơ đến đúng

lên giành độc lập. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và Ngày 2-9-1945 phải được ghi nhận là một trong những sự kiện trọng đại trong lịch sử dân tộc.

Một số người lại lập luận rằng, cuộc cách mạng này là không cần thiết (?), vì chủ nghĩa thực dân đã chết sau Chiến tranh thế giới thứ hai và độc lập dân tộc ắt phải đến, dù có hay không có cách mạng, bởi đó là khuynh hướng tất yếu của lịch sử nhân loại; bằng có là mọi quốc gia muốn độc lập, đều đã có độc lập và hơn thế nữa, đa số các trường hợp còn giành được độc lập trước và ít tốn kém hơn Việt Nam (!). Với mấy người này, họ cố tình quên trước khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, chính quyền nước Pháp quyết "khôi phục lại những quyền lợi ở Đông Dương". Quyết tâm này thể hiện qua hàng loạt các hành động quân sự trong những năm 1945 - 1946. Trong thời đoạn đó hoàn toàn không có một "cơ hội hòa bình bị bỏ lỡ", khi những người cầm quyền ở Pháp quyết đặt lại ách cai trị của thực dân ở Đông Dương bằng vũ lực. Ở thời điểm cuối năm 1946, những cố gắng vẫn hồi hòa bình đầy chính nghĩa của phía Việt Nam, đặc biệt là của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuối cùng vẫn bị những người điều hành chính sách của nước Pháp làm đổ vỡ, mặc dù lúc bấy giờ, thời đại của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ thật sự đã kết thúc. Nhân dân Việt Nam không muốn chiến tranh, "chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng", nhưng khi độc lập dân tộc bị đe dọa thì nhân dân Việt Nam "thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ". Người Pháp đã không thấy điều đó và đã nhận thất bại. Sau này người Mỹ cũng lặp lại sai lầm tương tự. Một vài người khi đề cập tới hai cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân Việt Nam trong thế kỷ XX lại tập trung khai thác và nhấn mạnh một số biểu hiện bên ngoài để khẳng định: Người trong một nước giết nhau trên một quy mô lớn và

trong một thời gian dài thì đó là nội chiến, dù có hay không có sự can thiệp từ bên ngoài (?). Luận điểm này là cốt tình đánh đồng tinh thần yêu nước của nhân dân anh dũng đứng lên bảo vệ độc lập dân tộc, bảo vệ các giá trị nhân văn với bộ phận xã hội đã tự biến mình thành công cụ trong tay ngoại bang.

Tựu trung, chỉ có thể giải thích hiện tượng "quên" đó là: tư liệu không được sử dụng để nghiên cứu toàn diện, khách quan theo phương pháp sử học đúng đắn, mà nhằm phục vụ mục đích đen tối, lấp liếm để đánh đồng chính nghĩa với phi nghĩa, đúng với sai, từ đó dẫn đến kết luận phiến diện, xuyên tạc,...

Phương pháp lịch sử được sử dụng để nghiên cứu, trình bày một sự vật, hiện tượng có thời gian xuất hiện, hình thành, và có các bước vận động, phát triển,... để thấy được tính liên tục, từ đó rút ra các tính chất, đặc điểm, xu hướng, quy luật vận động. Phương pháp lịch sử giúp đi sâu tái dựng được cả không khí lịch sử, tâm lý, tình cảm của con người trong những sự vật, hiện tượng tiêu biểu. Phương pháp lịch sử không phải là sự liệt kê nhiều sự vật, hiện tượng, mà cần biết lựa chọn sự vật, hiện tượng tiêu biểu, điển hình, là biểu hiện tập trung phản ánh quy luật vận động của lịch sử. Nghiên cứu các sự kiện quan trọng, không những phải làm sáng tỏ điều kiện hình thành và diễn biến của sự kiện, mà còn phải đi sâu tìm hiểu làm rõ sắc thái riêng của từng sự kiện, mô tả được tâm lý, tình cảm của quần chúng nhân dân và cả không khí xã hội ở thời điểm sự kiện lịch sử diễn ra. Dựng lại sự kiện lịch sử một cách sơ sài, giản đơn, sẽ sa vào lối phản ánh chung chung. Đặc biệt, nghiên cứu lịch sử phải tỉ mỉ, công phu, phải xem xét mọi mặt biểu hiện, không được đơn giản, càng không được cắt xén làm cho lịch sử trở nên đơn điệu, tẻ nhạt, thậm chí méo mó.

Sự thật lịch sử chỉ có một, nhưng lại có thể xuất hiện ý kiến bình luận khác nhau. Bình luận có sức thuyết phục nhất là căn

cứ vào sự thật và vận dụng phương pháp lịch sử nhuần nhuyễn, nhận được sự đồng tình của giới sử học và xã hội. Để đi tới sự thật lịch sử, không thể sử dụng lối đánh giá cảm tính "yêu nêns tốt, ghét nêns xấu", không được xuất phát từ quan điểm cá nhân, sử dụng tư liệu sơ sài, mà cần có quan điểm khách quan, toàn diện, dựa trên cơ sở sử liệu đầy đủ, được thẩm định kỹ lưỡng. Không ai có thể khẳng định mình có nhận thức lịch sử chính xác nếu không sử dụng có hiệu quả các nguyên tắc của phương pháp lịch sử. Nhận thức lịch sử có được sau một quá trình nhận thức, trong đó không phải không có yếu tố chủ quan, phiến diện và sai lầm là một khả năng. Tuy nhiên, có thể châm chước sai lầm do vô tình hay thiếu năng lực nghiên cứu, nhưng không thể bỏ qua các sai lầm về phương pháp luận, mục đích luận. Vì nếu sai lầm về phương pháp luận liên quan tới tư duy, thì sai lầm từ mục đích luận sẽ dẫn tới hành vi vi phạm đạo đức khoa học.

HỌ ĐÂU CẦN QUAN TÂM TỚI KHOA HỌC...*

TRẦN VIỆT QUANG - HỒ NGỌC THẮNG

Sau khi có thông tin về việc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội lập Hội đồng thẩm định luận văn Thạc sĩ khoa học Ngữ văn, quyết định thu hồi bằng, hủy luận văn thạc sĩ của Đỗ Thị Thoan, một số người lại tiếp tục lên tiếng bênh vực tác giả luận văn và bác bỏ kết luận của Hội đồng thẩm định. Tuy nhiên, họ không đưa ra được bất kỳ luận chứng nào về mặt khoa học, mà chỉ bác bỏ bằng cảm tính hoặc "chính trị hóa" vấn đề.

Sai lầm của luận văn *Vị trí của kẻ bên lề: thực hành thơ của nhóm "Mở miệng"* từ góc nhìn văn hóa của Đỗ Thị Thoan bắt đầu từ đối tượng nghiên cứu của nó là nhóm "Mở miệng", từ quan niệm của tác giả về nhóm người nhân danh tự do sáng tác, tự do ngôn luận làm ra một số sản phẩm "phản văn hóa" và nhầm vào các mục đích khác (như Bùi Chát thừa nhận là không kể hết). Sản phẩm của "Mở miệng" gồm các văn bản xuyên tạc từ ca dao đến danh ngôn, sáng tác của các danh nhân được dân tộc Việt Nam tôn kính, và những văn bản với ngôn từ thô tục, nhơ bẩn, dơ dáy, có tính chất "bôi đen" xã hội... điều đó quyết không phải là cách tân hay sáng tạo nghệ thuật như Đỗ Thị Thoan ca tụng, không tác động tới đời sống văn học, và ngay cả những người ủng hộ "Mở miệng" cũng nhận thấy các sáng tác (nếu có thể gọi là sáng tác)

* Báo Nhân Dân, số ra ngày 15-4-2014.

của nhóm này không có giá trị về phương diện thẩm mỹ. Vì phản nghệ thuật cho nên chỉ sau có mấy năm, số thành viên của "Mở miệng" không tăng lên mà lại giảm xuống, rồi tất cả mất hút trên chính internet - môi trường tồn tại của nó. Vậy tác giả luận văn và người hướng dẫn "khai quật một xác chết" để làm gì?

Dù sản phẩm của "Mở miệng" không thể là đối tượng nghiên cứu của khoa học ngũ văn, nhưng để cấp cho nó một "căn cước", Đỗ Thị Thoan vẫn vơ váo một số sự kiện, ý kiến rồi gắn kết với nhau để dựng lên lịch sử vấn đề, rồi xác định nghiên cứu "Mở miệng" như là một tất yếu khách quan! Coi "Mở miệng" là hiện tượng "bên lề" (!), tác giả gạt bỏ mọi ý kiến phê phán, mà vinh danh bằng cách so sánh với sản phẩm phản nghệ thuật nổi loạn ở phương Tây, như bức tranh đái vào Chúa của Serrano. Dẫu sao Serrano còn có thể biện bạch thiếu thuyết phục rằng làm như vậy không phải với thái độ bất kính mà do phẫn nộ với nạn buôn thánh, bán chúa trong xã hội hiện đại. Còn với "Mở miệng", không gì có thể biện hộ cho Đỗ Thị Thoan khi coi đó là sản phẩm kêu gọi "tự do ngôn luận, tự do sáng tác, tự do xuất bản". Đây là nguy biện. Không chỉ tại Việt Nam, mọi xã hội lành mạnh đều không chấp nhận loại sản phẩm nhân danh thơ ca mà bản chất là phá hoại văn hóa. Để ca ngợi, Đỗ Thị Thoan nhận định "Mở miệng" đòi quyền tự do cho nghệ thuật, song chị lại không đánh giá từ góc độ thẩm mỹ (mà chị coi là "cũ, lỗi thời"), tức là trốn tránh không phân định giữa đẹp và xấu, giữa hay và dở,... Thao tác này là đánh tráo, mượn "Mở miệng" để đưa ra các ý kiến sai trái, như: "Miền Bắc thường được cho là có quyền lực hơn, sống "gần" lãnh đạo, độc tài, cộng sản. Miền Nam được coi là không gian tự do hơn, với đô thị hiện đại sớm phát triển và sớm tiếp xúc với văn chương phương Tây và có khả năng đầy cao những xu hướng hiện đại nếu Việt Nam Cộng hòa thắng lợi!"

Gần đây trên blog cá nhân, đề cập tới luận văn "Vị trí của kẻ

bên lề: thực hành thơ của nhóm "Mở miệng" từ góc nhìn văn hóa", Đỗ Thị Thoan viết: "Sự sai đúng của luận văn, khoa học hay không khoa học là tùy từng góc nhìn (mà có chuyện sai, đúng sao?)". Thật kinh ngạc khi một người làm khoa học lại đặt ra câu hỏi: trong khoa học "có chuyện sai, đúng sao?". Dù sai là khả năng có thể xảy ra trong nghiên cứu khoa học, thì việc xác định đúng - sai vẫn là một trong các yếu tố quan trọng hàng đầu giúp khoa học phát triển. Khoa học không phải là "chợ trời", muốn nghiên cứu gì thì nghiên cứu, không cần biết đúng, sai. Vả lại, nếu quan niệm "sai đúng của luận văn, khoa học hay không khoa học là tùy từng góc nhìn" có ý nghĩa, nhẽ ra tiếp cận "Mở miệng" từ góc nhìn văn hóa, luận văn sẽ phải chỉ ra xu hướng "phản văn hóa" của "Mở miệng", chứ sao lại ca ngợi, tán dương những quan niệm, những câu chữ nhơ nhớp như thế! Làm khoa học nhưng không biết hoặc cố tình không biết thế nào là khoa học, nên Chương 2, Chương 3 của luận văn được viết như bút pháp của người ngộ chữ và mê sảng lý thuyết để thỏa mãn cái "mỹ học kẻ khác" được sử dụng để vinh danh "Mở miệng"! Càng viết, càng thấy có sự nhập nhằng giữa lý thuyết với đối tượng nghiên cứu, từ đó "hóa kiếp" và tưởng tượng ra những "phẩm chất từ trên trời rơi xuống" để gán cho "Mở miệng", qua đó cấp cho "Mở miệng" ý nghĩa là sáng tạo văn hóa, sáng tạo nghệ thuật... cần ghi nhận!

Dù còn thắc mắc tại sao phải phân biệt đúng sai trong nghiên cứu khoa học, Đỗ Thị Thoan vẫn có thể tự do nghiên cứu, kể cả nghiên cứu có sai lầm. Cũng không ai ngăn cản chị tự do công bố bài vở trên các trang mạng. Nhưng một luận văn khoa học thực hiện tại một trường đại học lại là chuyện khác, như Michel Beaud đã viết: "Dù không phải lúc nào cũng là một kiệt tác nhưng ít nhất cũng là một công trình để người nghiên cứu tự khẳng định mình, minh chứng được năng lực và chúng tôi được khả năng thực hiện

thành công một công trình nghiên cứu"¹. Nói như Michel Beaud, thì luận văn về nhóm "Mở miệng" chưa phát lộ dấu hiệu khả năng nghiên cứu. Luận văn khoa học ngữ văn nhưng tính ngữ văn rất thấp, lại đậm đặc quan điểm chính trị cá nhân. Nhận xét của một số thành viên của Hội đồng chấm luận văn năm 2010 công bố trên blog cá nhân Đỗ Thị Thoan cho thấy điều này: "Năng lực báo chí rất mạnh đã chi phối từ nhãm quan đến tư liệu và các thao tác làm việc. Trong triển khai có thể thấy tính phê bình trội hơn nghiên cứu, tính chất đấu tranh xã hội mạnh hơn luận giải văn hóa, sự sắc sảo của lý trí mạnh hơn sự tinh tế của mỹ cảm. Và giọng "lý sự búa xua" đầy tính chủ quan luôn có xu hướng áp đảo" (PGS, TS. CVS); "Trong dịp trao đổi trực tiếp với một số học giả châu Âu gần đây, khi nói về hậu hiện đại, họ thừa nhận hậu hiện đại như một thực tế, nhưng đồng thời cũng lưu ý đó là mảnh đất cư trú của những kẻ thiên tài hoặc bất tài. Tôi nói ý này mong tác giả luận văn lưu ý tới bản chất của vấn đề" (PGS, TS.NĐĐ), "Tôi vẫn cho rằng, ngôn ngữ chính là sản phẩm của văn hóa, đồng thời là chỉ báo của văn hóa. Cho nên, nó có ý nghĩa lưu giữ ký ức tinh thần của dân tộc và mang tính bảo thủ (hiểu theo nghĩa tương đối bền vững, ổn định). Tâm thức văn hóa giữ cho việc sử dụng ngôn ngữ của con người không sa vào sự vãng tục vãng mạng, đồng nghĩa với khiêu khích, phá phách. Cho nên, về điểm này, tôi là người không ủng hộ cho việc ca ngợi như trong luận văn đã thể hiện (tr.67). Ý thức về văn hóa như là cái phanh để giữ cho xã hội cũng như cá nhân tránh sa đà vào những lầm lạc có tính cách nhảm nhí (...). Sự tôn vinh quá mức về nhóm "Mở Miệng" trong vai trò "thực hành văn hóa" như trong luận văn thể hiện (tr.105) mang màu sắc

1. Xem Michel Beaud: *Nghệ thuật viết luận văn*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2013, tr.20.

cường điệu" (PGS, TS. NVG),... Đáng tiếc là dù nhận xét như thế, nhưng các thành viên nêu trên vẫn cho luận văn điểm 10!

Sau khi báo chí đăng bài phê phán nội dung và việc chấm điểm cao nhất cho luận văn này, trên internet xuất hiện ý kiến một số người bảo vệ Đỗ Thị Thoan. Mới đây, sự kiện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội lập Hội đồng thẩm định luận văn, quyết định thu hồi bằng, hủy luận văn thạc sĩ, thì họ không chỉ bảo vệ tác giả luận văn mà còn nhục mạ Hội đồng thẩm định. Nhân danh khoa học, nhưng các ý kiến này không đưa ra bất kỳ điều gì chứng minh việc lựa chọn đề tài, luận điểm của Đỗ Thị Thoan trong luận văn là xác đáng về khoa học. Họ tảng lờ các văn bản rác rưởi của "Mở miệng". Họ bảo vệ Đỗ Thị Thoan một cách rất cảm tính: vì đó là "một cô gái", là người có "phong thái rất lịch thiệp, hồn nhiên, nhiều ưu tư và đầy nhân ái với/về đời sống". Họ biện hộ "cái sai lương thiện, có khả năng thúc đẩy tư duy để hướng tới cái đúng, cái khác". Họ đánh đồng cá nhân cụ thể với nghiên cứu khoa học. Họ hàm hồ kết luận: "Tất cả những bài đánh đấm luận văn của Nhã Thuyên¹ đều không phải phê bình văn học". Họ làm như học vị thạc sĩ đã được công nhận sẽ là bất khả xâm phạm. Họ không cần biết nếu so sánh điểm c mục 3 Điều 26 Chương IV Thông tư 10/2011/TT-BGDĐT về Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ: "Người phản biện phải là người am hiểu đề tài luận văn" với văn bản người phản biện đăng trên blog của Đỗ Thị Thoan: "Phải thành thật mà thừa rằng một số vấn đề lý thuyết mà luận văn đưa ra để lấy đó làm điểm tựa cho việc triển khai hoặc tôi chưa có điều kiện để tâm đến nơi đến chốn, hoặc hoàn toàn mới mẻ so với tôi, thí dụ lý thuyết về samizdat chẳng hạn. Đó là điều làm cản trở cho việc đọc thẩm định một luận văn đề cập tới một vấn đề phức tạp như

1. Bút danh của Đỗ Thị Thoan (B.T).

"thế này" thì chỉ riêng quy định đối với người phản biện cũng cho thấy luận văn cần phải thẩm định.

Trong luận văn, Đỗ Thị Thoan sử dụng khái niệm Samizdat (tiếng Đức là Samizdat) để khẳng định, biện hộ "thơ rác, thơ dở". Theo Wikipedia tiếng Đức, Samizdat là khái niệm chỉ các ấn phẩm tự làm ra, bị cấm, nên ngoài việc đọc cho nhau nghe thì cách duy nhất là phổ biến bí mật. Với hình thức nhân bản truyền tay, Samizdat chỉ tồn tại trong thời chiến tranh lạnh, tác giả của Samizdat là một số người đi đầu phong trào chống chế độ. Theo các tài liệu khác thì khẩu hiệu của những người đã làm ra Samizdat là: "Mehr Samizdat schafft mehr Opposition" (Nhiều Samizdat tạo ra nhiều chống đối); câu này được viết theo một vòng hình elip, để từ đó có thể hiểu là: nhiều chống đối tạo ra nhiều Samizdat! Ở Cộng hòa Liên bang Đức, sản phẩm Samizdat hiện chỉ được lưu giữ ở nhà bảo tàng, kho lưu trữ, chưa bao giờ được xuất bản. Một vài người vì tò mò, hoặc vì muốn cổ vũ phong trào chống đối tại một số nước thì ra vẻ nghiên cứu để khoác cho Samizdat nhãn nghệ thuật, khoa học; còn về đại thể thì đến nay không mấy ai biết Samizdat là cái gì, người thuộc cái gọi là "thơ" trong Samizdat lại càng không. Vì Samizdat ra đời không phải vì mục đích văn học, mà chỉ là một phương tiện phục vụ hoạt động chính trị chống đối chế độ, nên khi "sứ mạng" xong rồi thì Samizdat cũng bị lãng quên.

Liên quan đến việc thẩm định luận văn của Đỗ Thị Thoan, thật ngạc nhiên khi trên BBC tiếng Việt, ông Phạm Xuân Nguyên đưa ra ý kiến về việc ông gọi là "chính trị hóa", "phi khoa học" của "những thế lực" nào đó. Ở quốc gia nào cũng vậy, khi phát hiện một Hội đồng chấm luận văn có sai lầm nghiêm trọng thì đều phải thẩm tra lại. Ở Cộng hòa Liên bang Đức, trường hợp tước học vị của ông KarlTheodor zu Guttenberg, là một thí dụ. Năm 2007, luận văn phó tiến sĩ luật của ông được đánh giá rất cao, nhưng sau bốn năm lại phát hiện có sai lầm, Viện kiểm sát phải vào cuộc. Rồi năm 2013, bà Annette Schavan bị tước học vị phó tiến sĩ vì trong

luận văn triết học bảo vệ năm 1980, bà đã vi phạm các quy định. Mỗi trường đại học lại đưa ra nội quy về thủ tục thi và bảo vệ luận văn thạc sĩ. Về cơ bản, quy định tước học vị thạc sĩ của các trường là tương tự nhau. Thí dụ, Điều 21 quy định thủ tục thi, bảo vệ luận văn thạc sĩ ngành kinh tế Trường Đại học Tổng hợp Dortmund ghi rõ: Học vị thạc sĩ có thể bị tước nếu sau khi trao, phát hiện người làm luận văn lừa dối hoặc có sự ngộ nhận của hội đồng chấm luận văn. Hội đồng khoa học có thẩm quyền quyết định việc tước học vị. Như vậy việc chấm lại luận văn là rất bình thường. Nên ông Phạm Xuân Nguyên nói rằng có thể lực đã "chính trị hóa" việc thẩm định luận văn của Đỗ Thị Thoan mà bỏ qua việc xác định "thơ dơ, thơ rác" có xứng đáng là đối tượng nghiên cứu, ca ngợi, rồi nhân danh khoa học để biện hộ quan điểm chính trị sai trái thể hiện trong luận văn,... thì thực chất chỉ là ý đồ biến một sự việc bình thường thành một sự kiện bất bình thường, rồi đẩy vấn đề sang lĩnh vực chính trị.

Chúng ta đều biết văn học là sản phẩm do con người làm ra, là một bộ phận của văn hóa. Để trở thành con người có văn hóa, mỗi người phải tự giác học hỏi, trau dồi các giá trị văn hóa, trong đó có việc học hỏi, trau dồi từ các tác phẩm văn học. Chỉ cần đọc những câu "thơ" được Đỗ Thị Thoan dẫn lại trong luận văn cũng thấy quá tục tĩu, nên lẽ ra khi chọn góc nhìn văn hóa để nghiên cứu "thơ rác, thơ dơ", Đỗ Thị Thoan và các thầy cô đã cho điểm 10 phải khẳng định "thơ rác, thơ dơ" là sản phẩm phản văn hóa, nhưng tiếc là ngược lại, họ biến "thơ rác, thơ dơ" thành sản phẩm văn hóa để ca ngợi! Những gì xảy ra ở Liên Xô và Đông Âu trong quá khứ, được ghi lại trong sách báo đã chỉ rõ rằng, Samizdat là một công cụ nguy hiểm đối với xã hội. Do đó, một luận văn với lời ca ngợi mấy bài văn vần thiếu văn hóa, lại chứa màu sắc chính trị chống đối như vậy, không thể coi là luận văn khoa học, càng không thể được chấp nhận trong bất kỳ trường đại học nào trên thế giới, chứ không phải chỉ ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

VỀ SỰ "VỌNG NGOẠI" TRONG NGHỆ THUẬT VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI*

HOÀNG VĂN

Vài năm trở lại đây, có một nghịch lý đã nảy sinh trong sinh hoạt nghệ thuật ở Việt Nam là, trong khi một số cơ quan truyền thông cho biết, một số nghệ sĩ người Việt Nam được trao giải thưởng hoặc tham gia hoạt động nghệ thuật ở nước ngoài thì trên thực tế, hình ảnh của hầu hết cá nhân này lại rất mờ nhạt. Bài viết dưới đây là một trong những câu trả lời về nghịch lý đó.

Trong bối cảnh nghệ thuật Việt Nam đang từng bước hội nhập với nghệ thuật thế giới, nhu cầu được các nền nghệ thuật khác biết đến là tất yếu, cần thiết, và sự vinh danh đối với nghệ sĩ càng cần được trân trọng. Nhưng chính lúc này, lại xuất hiện hiện tượng một số nghệ sĩ lợi dụng "mở cửa" để làm những việc ngoài nghệ thuật, ít nhất là về mặt tạo nên danh tiếng, bằng việc tận dụng sự mù mờ trên một số kênh truyền thông hễ thấy "nhãn mác" giải thưởng nước ngoài là lập tức xướng danh mà không biết rõ nguồn gốc, ý nghĩa, mục đích của giải thưởng. Mới đây, một tạp chí của Bộ Khoa học và Công nghệ đăng bài phỏng vấn một họa sĩ người Việt Nam hiện sinh sống tại Mỹ - người được giới thiệu là đã sáng

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 18-4-2014.

lập ra một "trường phái" mới trong hội họa. Nhưng đi tìm "dấu vết" của trường phái nghệ thuật này, từ các trang thông tin có uy tín về hội họa đến các website phổ thông như Wikipedia, danh tiếng của vị họa sĩ vẫn là một bí ẩn!? Không biết tại sao trang thông tin về "trường phái" của họa sĩ này đã từng được lập trên Wikipedia nhưng sau đó lại bị gỡ bỏ vì không đạt yêu cầu nội dung? Tìm kiếm trên internet thì phát hiện phần lớn những gì làm nên cái gọi là "trường phái" của vị họa sĩ chỉ tồn tại trên website của cá nhân ông, số lượt truy cập vào trang này còn thua xa website của một số người nổi tiếng tại Việt Nam. Đáng chú ý là trước tạp chí kể trên khá lâu, sau khi nghe giới thiệu về họa sĩ, một số tờ báo ở Việt Nam cũng đăng tải thông tin trên mà không chú ý kiểm chứng độ xác thực. Rồi "danh tiếng của danh họa" cũng chỉ nổi nên một thời gian trước khi bị một số người, trực tiếp là cộng đồng sử dụng Wikipedia lật tẩy. Nên không rõ tại sao, tạp chí của Bộ Khoa học và Công nghệ vẫn tiếp tục tự biến thành "sân chơi" để lăngxê tên tuổi một họa sĩ hầu như vô danh?

Họa sĩ nêu trên không phải trường hợp hiếm có ở Việt Nam đã sử dụng một số phương tiện truyền thông, lợi dụng sự ít hiểu biết của một số người để phô bày các chứng nhận, giải thưởng có tính địa phương, phong trào như "bằng chứng quốc tế" về tài năng. Qua báo chí, công chúng biết về các "giải thưởng" tên gọi rất lòe loẹt được một số nghệ sĩ trưng ra và không biết đó chỉ là giải thưởng của cuộc thi không chuyên, giải thưởng do một tổ chức phi lợi nhuận nào đó tổ chức, ít có giá trị nghệ thuật. Vẫn biết các cuộc thi không chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp là cơ hội để người có năng khiếu nghệ thuật thể hiện, cũng là nguồn quan trọng để phát hiện tài năng bổ sung vào đội ngũ nghệ sĩ chuyên nghiệp. Nhưng không phải cá nhân có tài năng nào cũng có thể vượt qua khoảng cách giữa chuyên nghiệp với không chuyên nghiệp và bán chuyên

nghiệp. Từ phát hiện tài năng đến khi được công nhận là một câu chuyện dài. Lại có người không tìm được nơi nào ở nước ngoài trao bằng khen, giấy xác nhận, liền nghỉ biểu diễn tại Việt Nam ít lâu để ra nước ngoài học tập, lưu diễn trong vài show nghệ thuật, lập gian triển lãm, phòng trưng bày,... rất ít tiếng tăm. Sau đó về Việt Nam thì trưng ra tấm bằng đào tạo biểu diễn, sáng tác tại cơ sở nước ngoài, nhưng thực tế nếu giọng hát vẫn y như cũ, thì sáng tác cũng không có gì thay đổi, vì tác phẩm vẫn nhanh loại ca từ vốn tạo nên hình ảnh xấu của họ trước khi "du học"! Lại có "ngôi sao" cho biết, từng lưu diễn tại nhà hát sang trọng ở quốc gia lớn, tuy nhiên ảnh chụp đi kèm chỉ quẩn quanh khoe nơi ăn, chốn ở phù hoa, không đả động tới địa điểm trình diễn. Thời gian sau khán giả mới biết kỹ thực họ chỉ biểu diễn tại vũ trường, quán bar còn sơ sài hơn cả sân khấu biểu diễn bình dân ở Việt Nam. Rồi nữ diễn viên nọ bỏ tiền túi đến dự vài sự kiện nổi tiếng ở nước ngoài nhưng lại khoe được chuyên gia tổ chức sự kiện lớn mời vì sự nổi tiếng, ảnh hưởng tại Việt Nam. Khi không thể tự bỏ vốn riêng, không có "mạnh thường quân" hỗ trợ, có nghệ sĩ lại làm những việc có thể nói là rất không bình thường. Như gần đây, mạng xã hội ồn ào về tuyên bố của một người mẫu rằng đứa con trong bụng cô có thể là con trai của danh thủ... Beckham! Dù chỉ nói đùa như lời cô giải thích thì xem ra ý nghĩa tình mẫu tử trong chuyện này đã không được coi trọng? Tin tức như vậy đến với phóng viên nước ngoài sẽ tạo ra scandal, chịu hậu quả trực tiếp không phải là cô người mẫu mà chính "người không quen biết" cô đã ghi trong dòng tâm sự. Chuyện như cô người mẫu không phải không có tiền lệ trên thế giới, nhưng nếu không nhìn nhận một cách nghiêm túc và nếu việc làm kiểu này trở nên phổ biến, sẽ trở thành một thói xấu làm méo mó hình ảnh của người Việt Nam.

Chưa hết, hiện tại ở Việt Nam, hiện tượng lấy nghệ danh như

tên người nước ngoài đang là mốt của một số nghệ sĩ trẻ, thay thế cho hiện tượng đặt tên "nhái" theo người nổi tiếng đã tồn tại trước đây. Bi hài là với cái tên nước ngoài không ăn nhập với ngoại hình và tài năng, chỉ sau một thời gian ngắn mấy nghệ danh khó đọc này nhanh chóng biến mất! Đáng lưu ý là chuyện một vài nghệ sĩ đang "bắp bênh" về tinh thần nhưng lại ngộ nhận về tài năng; phát hiện nghịch lý này, một số kẻ liền lôi kéo họ vào các mưu đồ chính trị, chạy theo hư danh phù phiếm, tin vào lời xưng tụng của một số kẻ ở nước ngoài, không chú tâm xem xét để nhận ra đó là ca ngợi vô nghĩa, sai sự thật, ẩn sau là suy tính xấu xa. Nên không có gì tự hào khi phê bình tập truyện ngắn của một nữ nhà văn viết về chiến tranh nhưng không được xuất bản trong nước, một nhà phê bình gốc Việt viết: "Sau hơn ba mươi năm kết thúc chiến tranh, những đề tài về chiến tranh dường như cũng biến mất trên văn đàn chính thống Việt Nam. Chúng đã đầu thai thoát kiếp hoặc trốn ra nước ngoài". Tiếp đó, để khẳng định tập truyện ngắn là tác phẩm duy nhất về chiến tranh Việt Nam sau năm 1975, người này viết: "Người ta đã và sẽ còn bỏ nhiều thời giờ, ngân quỹ để nghiên cứu, viết sách, làm phim, phân tâm những lính Mỹ bị điên sau khi tham dự chiến tranh Việt Nam. Nhưng chưa ai nghĩ đến việc phân tâm lính Việt, người Việt, bởi dân tộc ta thuộc dạng "hơn người", hùng tính hơn người, chịu đựng hơn người, cần gì đến thứ khoa học phô trương, tốn tiền, phù phiếm, vô bổ". Qua đó có thể đưa ra hai nhận định: một là nhà phê bình không đọc văn học Việt Nam, không theo dõi các loại hình nghệ thuật khác trong các thập niên gần đây nên nói bừa; hai là nhà phê bình cố tình "hạ thấp" người làm nghệ thuật trong nước một cách thô thiển để tôn vinh nhà văn có sách không được xuất bản! Ngạc nhiên là trong khi đó nữ nhà văn vẫn phát biểu trên các trang mạng trong, ngoài nước về sự "oan uổng" và "giá trị" tác phẩm của mình, nhưng lại im lặng trước mấy lời khen "sai sự thật"!

Cùng với sự sùng bái danh hiệu ngoại, nhiều người làm nghệ thuật cũng đang vin vào những kiến thức họ học được từ các khuynh hướng, trào lưu nước ngoài để tạo ra loại sản phẩm quái dị rồi muốn khán giả, thính giả, độc giả chấp nhận như là "sản phẩm nghệ thuật chân chính"! Trong sáng tạo nghệ thuật, mọi trăn trở thể nghiệm là điều cần khuyến khích, nhưng không vì thế mà người làm nghệ thuật cố cường điệu công việc của họ. Thể nghiệm thất bại là bình thường đối với mọi ngành nghề, trong đó có nghệ thuật. Không ngẫu nhiên có người coi việc sáng tạo một tác phẩm không phải sự vinh danh tài năng bản thân, mà trước hết là sự an ủi đối với chính tác giả, và an ủi đó được nhân lên nếu nhận được sự đồng cảm của cộng đồng. Một số nghệ sĩ ở Việt Nam lại không nghĩ như vậy, họ cho rằng phải đạt được thành tựu để sánh ngang với nghệ thuật của nước này, nước khác. Khi không được đón nhận, họ chê bai người tiếp nhận không đủ trình độ, suy nghĩ lỗi thời! Không thể phủ nhận hiện tại một bộ phận khán giả Việt Nam có năng lực thẩm mỹ tương đối yếu, phần lớn trong số này là khán giả trẻ, chưa nhận thức sâu sắc về nghệ thuật, song không thể từ đó quy vào mọi người thường thức nghệ thuật. Dù không ít người yêu nghệ thuật ở Việt Nam đã biết các tác giả nổi tiếng như Nabokov, Murakami, Umberto Eco,... và các tác phẩm bạn đọc trên thế giới xếp vào loại khó đọc như *Đi tìm thời gian đã mất*, *Lolita*,... thì cũng không có nghĩa họ phải có trách nhiệm tán thưởng loại tác phẩm mà một vị giáo sư thắc thắc nhận xét: "Cầm sách trên tay, đọc xong trang bìa 4, tôi bỗng ngạc nhiên: Nếu cuốn sách được viết theo lối hậu hiện đại, và nếu hậu hiện đại là thế thì hãy khoan khoan, để đấy, lúc nào thảnh thoảng tâm trí thì hãy đọc, chứ vội mua cái mệt vào mình làm gì!". Thời gian qua, nhiều khán giả yêu thích sân khấu đến rạp xem kịch của cố tác giả Lưu Quang Vũ, đó là tín hiệu vừa vui, vừa

buồn. Vui vì khán giả đã không quay lưng với nghệ thuật kịch nói như bàn tán của một số nghệ sĩ; còn buồn vì nó chứng tỏ sân khấu đương đại chưa tìm được sự đồng cảm với khán giả đương đại. Hắn vì thế, một nhà nghiên cứu từng nhận định, từ năm 1945 các tác phẩm hay trong nền văn học nước ta hầu hết có phong thái cổ điển. Có lẽ câu nói đó không chỉ dành để đánh giá riêng trong văn học, mà có thể từ đó nhìn rộng ra cả nền nghệ thuật Việt Nam đương đại. Và sẽ thấy một số người làm nghệ thuật ở Việt Nam đang rất hăng hái phán xét, đánh giá, đổ lỗi cho hoàn cảnh, cho khán giả, nhưng lại rất thiếu cái nhìn chân xác về công việc sáng tạo của chính bản thân mình.

Được biết đến, được ghi nhận, tôn vinh là nhu cầu chính đáng của người làm nghệ thuật; tuy nhiên, điều này chỉ có ý nghĩa khi đặt trong quan hệ với tài năng và đóng góp của nghệ sĩ với xã hội. Thỏa mãn nhu cầu đó bằng các thứ danh hão, phù du, giả tạo, tự huyễn hoặc,... không bao giờ mang lại danh tiếng cho nghệ sĩ mà chỉ đưa tới sự chê cười. Trong quan hệ với nghệ thuật thế giới cũng vậy, giải pháp để thu hẹp khoảng cách là vừa học hỏi, vừa phát huy và phát triển thế mạnh của nghệ thuật dân tộc, chứ không phải là bắt chước, học đòi, hoặc chạy theo các xu hướng được cho là thời thượng.

HÌNH THỨC TỒN TẠI KHÔNG THAY THẾ BẢN CHẤT CỦA SAMIZDAT^{*}

VIỆT QUANG

Gần đây, sau khi tiếp xúc với tài liệu của một vài tác giả ở nước ngoài nghiên cứu samizdat, một số tác giả ở Việt Nam lại tỏ ra rất sốt sắng với hiện tượng đội lốt nghệ thuật để làm chính trị này. Và từ sự sốt sắng, họ đi tới chỗ cỗ vũ, ca ngợi, coi samizdat như loại sản phẩm cần được thừa nhận!

Mê hoặc công chúng bằng khẩu hiệu "tự do sáng tác, tự do ngôn luận, tự do xuất bản" và lấy danh nghĩa "tự xuất bản", thực chất samizdat là phong trào chính trị sử dụng các văn bản có hình thức nghệ thuật làm công cụ chống đối chính quyền ở một số nước xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Trên thực tế, samizdat chủ yếu là sản phẩm dối trá và phản văn hóa, mê dụ con người chạy theo tự do phù phiếm và vô chính phủ, rồi chối tội cho kẻ xấu bằng cách đổ lỗi cho chính quyền. Người ta dựng lên phong trào samizdat không nhằm xây dựng đất nước, mà là chống đối để phá hủy. Có thể ví samizdat như chợ trời của các văn bản, trong đó phần lớn vô giá trị nhưng lại được quảng cáo quá lời. Đặc biệt là trong kho lưu trữ samizdat hiện nay, nhiều văn bản có nguồn gốc từ mưu đồ của các tổ chức tình báo phương Tây. Một số tài liệu giải mật gần đây cho biết, trong thời kỳ chiến tranh lạnh, CIA có dính dáng tới việc phát tán

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 6-5-2014.

khoảng mười triệu ấn bản tạp chí và sản phẩm mang nội dung chống đối nhà nước Liên Xô. Bài *CIA và cuộc chiến văn hóa nhằm lật đổ Liên Xô* đăng trên VOA ngày 16-4-2014 viết: "Washington Post mới đây tiết lộ Cơ quan Tình báo Trung ương Mỹ (CIA) đã in và phát hành tiểu thuyết *Bác sĩ Zhivago* của nhà văn Boris Leonidovich Pasternak (1890 - 1960) nhằm làm suy yếu Liên Xô. Nhưng theo những nhà sử học thời kỳ chiến tranh lạnh và những người từng sống phía bên kia bức màn sắt, tin này không có gì mới mẻ. CIA từ lâu đã xác định rằng, một cách hay để lật đổ Liên Xô không phải bằng bom đạn mà bằng các bức tranh, bản nhạc giao hưởng và tác phẩm văn xuôi"¹!

Một số người lại cho rằng, nhờ có samizdat mà nhiều sáng tác của Mikhail Afanasievich Bulgakov, Pasternak, Aleksandr Solzhenitsyn đã đến với công chúng, tuy nhiên, thực tế lại cung cấp bằng chứng chứng minh ngược lại. Hầu hết những tác phẩm có giá trị của Pasternak và Solzhenitsyn đều được xuất bản khi họ còn sinh sống trong nước. Trường hợp tiểu thuyết *Bác sĩ Zhivago* không được xuất bản ở Liên Xô là có lý do riêng, chứ không phải do nội dung, hay thông điệp từ tác phẩm. Là nhà văn tài năng, nhưng trong tài liệu được cả chính quyền Liên Xô và phương Tây xác nhận, thì Pasternak có dính dáng tới tù nhân chính trị, và có quan hệ với tình báo Anh. Đặc biệt, tư tưởng của Pasternak khá hư vô và hoang tưởng khi cho rằng tự do của cá nhân phải được đặt cao hơn lợi ích đất nước; nhà nước phải tôn trọng quyền, đời sống riêng tư của cá nhân dù họ không có đóng góp cho sự phát triển đất nước, thậm chí có hành động ngược lại! Luận điểm đó đưa Pasternak tới hành động chống đối chính quyền, nên cuốn tiểu thuyết của ông bị

1. Về vấn đề này, có thể tham khảo các bài: *CIA giải mật về Bác sĩ Zhivago*, báo *Tuổi trẻ* ra ngày 14-4-2014, *Tiểu thuyết Bác sĩ Zhivago là vũ khí tâm lý chiến*, báo *Tiền phong* ra ngày 24-4-2014,...

từ chối xuất bản và điều này không liên quan gì tới việc kiểm duyệt. Tiểu thuyết *Bác sĩ Zhivago* chỉ trở thành sự kiện khi cơ quan tình báo Anh (MI6) gợi ý cơ quan tình báo Mỹ (CIA) cần biến *Bác sĩ Zhivago* thành công cụ để chống phá chính quyền Xôviết; lập tức qua samizdat, CIA đã in ấn và phát tán hàng nghìn bản tiểu thuyết này. Cộng đồng tôn giáo cực đoan ở Liên Xô khi đó coi đây là một thứ vũ khí để chống lại nhà nước. Một bộ phận sinh viên, trí thức lại căn cứ vào việc xuất bản *Bác sĩ Zhivago* ở nước ngoài để đánh giá lệch lạc về cuốn sách. Còn CIA thì hả hê, vì samizdat giúp họ hoàn thành công việc mà không lộ diện. Họ tỏ ra vô can trong nhiều năm trước khi mọi thứ được đưa ra ánh sáng.

Tuy nhiên, Pasternak không phải nhà văn duy nhất trở thành nạn nhân, hay công cụ để samizdat lợi dụng. Nạn nhân và cũng là nhân chứng cho điều này chính là Solzhenitsyn. Mặc dù là tù nhân chính trị trong nhiều năm, nhưng phần lớn tác phẩm có giá trị của Solzhenitsyn đã xuất bản ở Liên Xô, đặc biệt là tiểu thuyết *Một ngày* của Ivan Denisovich. Riêng *Quần đảo Gulag* của Alesandr Solzhenitsyn thì ra mắt công chúng Mỹ vào năm 1974, và nhanh chóng được phương Tây ca ngợi hết lời. Có điều những gì họ ca ngợi lại không phải là nghệ thuật, mà chỉ hướng tới điều họ gọi là "sự thật", "lật đổ chính quyền" vì chính quyền... "nói dối"! Trong "tiểu thuyết sự thật" kiểu này, Solzhenitsyn cho thấy ông không có năng khiếu để viết ra các trang sử thực về Liên Xô. Chủ yếu sử dụng tài liệu xuyên tạc do tình báo Anh, Mỹ lén lút truyền tay tại Liên Xô, nên sự thật trong các tiểu thuyết của Solzhenitsyn viết về sau càng không đáng tin cậy. Quan niệm sống ảo tưởng, lại được các thế lực thù địch khuyến khích, Solzhenitsyn đã nhanh chóng trở thành biểu tượng của samizdat. Và ông chỉ hiểu ra sự thật sau bốn năm sống tại Mỹ. Năm 1978, bài diễn văn tại Đại học Harvard của Solzhenitsyn khiến ông không còn được trọng vọng. Trong diễn văn, Solzhenitsyn ngầm tố cáo cái gọi là dân chủ ở phương Tây mà những người chống đối ở Liên Xô khi ấy

đang đòi hỏi, thực chất chỉ là dân chủ giả tạo. Theo ông, dân chủ này là sự cào bằng giữa tự do hướng thiện với tự do làm các công việc suy đồi, trong khi chính quyền không nỗ lực bảo vệ cái thiện; môi trường bình đẳng của phương Tây tạo điều kiện cho tội ác nảy sinh, tạo ra sản phẩm nhân danh văn hóa nhưng thực chất là ấn bản khiêu dâm, dung tục, đồi trụy, chứa đựng, dung dưỡng tư tưởng bệnh hoạn, lệch lạc và phá hoại xã hội. Dân chủ kiểu đó không tạo ra quyền lợi thật sự cho nhân dân khi họ không thể lựa chọn thứ gì tốt hơn loại sản phẩm được khuyến cáo có chứa yếu tố độc hại; vì thế, thực chất chính quyền ở phương Tây không cố vũ cho dân chủ mà có hại cho dân chủ, vì không thực thi hành động có lợi cho nhân dân...

Về sau, phương Tây không còn ca ngợi Solzhenitsyn và tác phẩm như thời ông còn sinh sống ở Liên Xô nữa. Phải chăng, tác phẩm của Solzhenitsyn chỉ được đánh giá cao khi được lưu truyền trong samizdat, khi ông là người chống đối chính quyền? Có thể nói samizdat là một trong các tác nhân đã tham gia vẽ nên bức tranh rất đen tối về Liên Xô trước đây. Vì thế khi Liên Xô và Mỹ đang là hai siêu cường đứng đầu thế giới, mà nhiều người Mỹ vẫn định hình rằng ở Liên Xô không khác gì trại tập trung khắc nghiệt của phátxít Đức. Theo mô tả của Geogre Meany trong diễn văn giới thiệu Solzhenitsyn tại Washington thì "hàng triệu người bị mắc kẹt trong các trại cải tạo lao động của Liên Xô, không thể đếm được bao nhiêu nghìn người đã bị đầu độc, bị đẩy vào thế khốn cùng trong những cái gọi là "nhà thương điên", vô số lao động thấp cổ bé họng lao dịch trong các nhà máy dưới quyền của các chính ủy, tất cả mọi người căng cứng vì sự thật thoảng nghe được qua các tần số bị làm nhiễu từ các đài phát thanh bị cấm, qua những người ghi chép và tuyên truyền ngoài vòng pháp luật bằng việc trao tay dưới cái bóng của chế độ độc tài"! Nhiều người Mỹ tin đó là sự thật mà không đặt ra câu hỏi thiết thực và cụ thể rằng tại sao trong nhiều năm, Mỹ lại phải e ngại sự phát triển của Liên Xô?

Nếu quan tâm tới samizdat, chỉ tra cứu một số trang tiếng Việt trên internet sẽ thấy đó là: "sách, tạp chí được xuất bản ngoài tầm kiểm soát của bộ máy cộng sản", "hình thức chống đối cơ bản trong khối phía đông mà theo đó các cá nhân sao chép các ấn bản bị kiểm duyệt một cách thủ công và truyền tay các tài liệu đến người đọc", "Trong thời chiến tranh lạnh, các hiện tượng samizdat và tamizdat nổi lên tại những xứ sở Đảng Cộng sản nắm chính quyền đưa ra một hình thức văn chương mới chống lại cái văn chương "chính thống" ở trong nước",... Trước các khẳng định như thế, không thấy tác giả nào ở Việt Nam lên tiếng bác bỏ, hay chứng minh samizdat không phải là "xuất bản ngoài tầm kiểm soát của bộ máy cộng sản, hình thức chống đối, chống lại văn chương chính thống". Vậy mà gần đây, sau khi có ý kiến phê phán việc sử dụng samizdat biện hộ cho một số sản phẩm phản văn hóa, một số người lại khá hăng hái đứng ra "làm đẹp" cho nó! Thí dụ, biện hộ cho samizdat, một tác giả cho rằng tại Việt Nam đã và đang tồn tại samizdat với bằng chứng là thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp nhiều bài thơ của Quang Dũng được chép tay; hàng nghìn tập thơ của các câu lạc bộ thơ, của cá nhân chủ yếu được photocopy rồi lưu truyền với hình thức tự xuất bản; ngày thơ ở Văn Miếu lại có hàng trăm sản phẩm thơ tự nhân bản truyền tay, phát tán; có thể coi hàng trăm blog, hàng triệu facebook với hàng vạn các bài viết mỗi ngày,... chính là hình thức tự xuất bản của samizdat (!)

Luận điểm trên cho thấy người ta đã cố tình nhầm lẫn giữa xuất xứ nguyên gốc của samizdat với những hiện tượng đang diễn ra trong hiện tại, mà thực chất là sử dụng hình thức tồn tại để che giấu bản chất của samizdat. Để chống lại "kiểm duyệt bản thảo", samizdat lựa chọn hình thức tự xuất bản. Nhưng điều quan trọng là khái niệm samizdat ra đời để chỉ hiện tượng sử dụng nghệ thuật làm phương tiện hoạt động chống đối một cách có chủ ý; nói cách

khác, với samizdat, nghệ thuật chỉ là công cụ quảng bá cái xấu, sự thô lậu, chống đối chế độ,... và tự xuất bản chỉ là hình thức tồn tại. Là nhà khoa học, chẳng lẽ lại không nắm bắt được nguyên tắc cơ bản: mọi khái niệm chỉ ra đời từ việc khái quát thuộc tính, bản chất của một loại sự vật - hiện tượng, hình thức tồn tại không phải là yếu tố cơ bản đầu tiên xác định nội hàm khái niệm. Do đó, đánh giá một loại sự vật - hiện tượng trong xã hội, không thể chỉ căn cứ vào hình thức tồn tại, mà phải tìm hiểu, phân tích từ bản chất, thuộc tính, xem xét tác động, ảnh hưởng của nó tới xã hội, con người. Lấy hình thức tồn tại thay thế cho bản chất, thuộc tính của sự vật - hiện tượng là đánh tráo khái niệm, là cố gắng phi khoa học nhằm đánh đồng thơ cách mạng thời kỳ hoạt động bí mật, đánh đồng tâm hồn cao khiết, niềm vui thanh sạch của người yêu thơ khi trao đổi, trao tặng văn bản thơ được photocopy, hay tác giả công bố tác phẩm trên internet trước khi tập hợp để xuất bản với samizdat, qua đó đánh lận giữa văn hóa và phản văn hóa, giữa đẹp và xấu, giữa lương thiện và bất lương,... Thêm nữa, ở Việt Nam không có kiểm duyệt trước khi xuất bản, mà chỉ kiểm duyệt tác phẩm đã xuất bản, đã được ghi tại khoản 2 Điều 5 của Luật xuất bản: "Nhà nước không kiểm duyệt tác phẩm trước khi xuất bản". Samizdat ra đời rồi biến mất ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước đây vì một phong trào dấn sâu vào chính trị, phản văn hóa, đi ngược lợi ích dân tộc thì tất yếu không thể tồn tại. Đến nay, samizdat chủ yếu chỉ được nghiên cứu từ phương diện chính trị, bởi đây là một trong những loại hình hoạt động của cái gọi là chiến tranh chính trị (political warfare) vốn được một số thế lực áp dụng từ thế kỷ trước. Đó là sự thật! Cho dù ai đó cố gắng dựa vào hình thức tồn tại, viện dẫn và bấu víu vào hình thức tự xuất bản để chống chế, cũng không thể bác bỏ!

"PHẢN VĂN HÓA" NHÂN DANH NGHỆ THUẬT?"*

CẨM KHÊ

Ngay sau khi tập 1 của cái gọi là bộ phim "Căn hộ số 69" xuất hiện trên Youtube, sản phẩm này đã bị dư luận phản ứng rất gay gắt; và từ sự kiện Cục Điện ảnh (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) có công văn gửi các cơ quan chức năng về việc vi phạm pháp luật của nhà sản xuất "Căn hộ số 69" đã đặt ra vấn đề cần xử lý nghiêm khắc hơn nữa đối với loại sản phẩm được gọi là "phim 18+" vẫn đăng tải trên một số trang mạng tiếng Việt...

Ít ngày sau khi tung ra đoạn phim quảng cáo (trailer) với vài ba hình ảnh gợi tò mò, ngày 5-6, tập 1 của cái gọi là bộ phim "Căn hộ số 69" được đưa lên Youtube và lập tức thu hút sự chú ý của nhiều người, nhất là giới trẻ; chỉ sau hơn nửa tháng đã có hơn hai triệu lượt người xem. Vào dịp này, một báo điện tử có bài giới thiệu: "Nếu như khán giả đã quen với hình ảnh một Sỹ Thanh gợi cảm với những hình ảnh nóng bỏng thì lần đầu tiên công chúng được "nóng mắt" với hình ảnh một Ngọc Thảo hiền lành, dễ thương và nhí nhố trong "Hội những người yêu phở" thành một cô nàng quyến rũ với những đường cong "chết người". Tham gia diễn cùng hai người đẹp là anh chàng Hoàng Kỳ Nam có body chuẩn men.

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 27-6-2014.

Những shoot hình tay ba được tung ra khiến cư dân mạng vô cùng tò mò về bộ phim này". Bài báo nọ coi đây là sản phẩm "dám nói thẳng, nói thật không tránh né những vấn đề về tình dục, tình yêu cũng như những cung bậc tình cảm, tâm lý, sinh lý của những thanh niên thành thị ở độ tuổi trưởng thành và tự lập trong cuộc sống của mình". Không chỉ có vậy, ngày 8-6, vtc.vn (báo điện tử của Đài Truyền hình kỹ thuật số VTC) cũng ăn theo sự kiện với bài viết có nhan đề "Khám phá hậu trường "cảnh yêu" trong phim Căn hộ số 69" cùng cả loạt bức ảnh đi kèm với lời bình luận như: "Căn hộ số 69 là phim sitcom đầu tiên của Việt Nam gắn mác 18+. Bộ phim dám nói thẳng và thật về những vấn đề tình dục, tình yêu cũng như tâm sinh lý của thanh niên thành thị. Trong phim có khá nhiều cảnh nóng bỏng nhưng với kinh nghiệm sản xuất của êkíp, tất cả các diễn viên đều yên tâm tự mình diễn xuất, không cần người đóng thế"... Thủ hỏi, nếu các dòng quảng bá nêu trên có giá trị nào đó thì phải chăng "Căn hộ số 69" không phải là sản phẩm điện ảnh, mà chỉ là nơi trưng bày sự "nóng mắt", "nóng bỏng" với các "đường cong chết người", "cơ thể chuẩn men"!?. Phải chăng, "nói thẳng, nói thật về những vấn đề tình dục, tình yêu cũng như tâm sinh lý của thanh niên thành thị" là điều cần phải phô diễn trên màn ảnh?

Được coi là sản phẩm thuộc thể loại "phim sitcom" (sitcom: tạm dịch là hài kịch tình huống), các tác giả xếp sản phẩm của họ vào loại "dành cho người lớn", rồi gắn mác "phim 18+". Hơn 20 phút hình ảnh trong tập 1 "Căn hộ số 69" là sự mở đầu cho chuyện kỳ quặc (nếu không nói là được tạo dựng một cách phi lý?) về một chàng trai và hai cô gái thuê chung một căn hộ - theo bài trí thì đó là một căn hộ cao cấp, kéo theo là những tình huống gây cười vô duyên. Với các đối thoại, độc thoại thường nhạt nhẽo, thô vụng, ngô nghê,... với các hành động chủ yếu là nhảm nhí, gợi liên tưởng

tới "sex" một cách thô thiển,... ngay ở tập 1 "Căn hộ số 69" đã cho thấy sản phẩm này khó hứa hẹn đem tới hiệu ứng lành mạnh về mặt nghệ thuật, khó có thể mang lại ý nghĩa nào đó với xã hội - con người, chí ít là về mặt giải trí. Trong nhiều bài báo đề cập tới tình trạng "nhạt, nhảm và phạm luật", "hài hước hay khiêu dâm trá hình",... của "Căn hộ số 69", đáng chú ý có một bài báo cho rằng: nếu "Điều đó được coi là "nghệ thuật", mỗi người chúng ta hẳn sẽ phải đi tìm hiểu lại xem nghệ thuật có khái niệm như thế nào. Nếu không nhận ra và thay đổi kịp thời, có lẽ "thảm họa sitcom" mang tên Căn hộ số 69 sẽ lọt vào bảng xếp hạng "mâm xôi vàng" do cư dân mạng Việt Nam trao tặng. Mà biết đâu, thích hứng "gạch đá" để nổi tiếng lại là mục đích của êkíp làm phim?". Bài báo này cũng cho biết trên Youtube "Căn hộ số 69 không hề được "dán nhãn 18+", có thể xem video bình thường mà không cần đăng nhập", vì trên Youtube "video dán nhãn 18+ phải đăng nhập để xác minh độ tuổi", tức là Nam Cito - nhà sản xuất kiêm sáng lập dự án "Căn hộ số 69", không hề "dán nhãn 18+" như anh ta nói, và như vậy: "Anh đang lừa dối người xem. Và đây hoàn toàn trách nhiệm về cho Youtube". Hắn là vì thế, gần đây "nhãn 18+" mới được dán lên kèm theo dòng chữ "Video này hạn chế độ tuổi dựa trên nguyên tắc cộng đồng của chúng tôi" và người muốn xem phải xác nhận bằng tài khoản gmail - một thao tác không có gì bảo đảm người xem đúng độ tuổi, vì một tài khoản trên mạng luôn có thể đi cùng với một nhân thân ảo!

Tuy nhiên, trước phản ứng gay gắt của dư luận, những người tham gia sản xuất "Căn hộ số 69" dường như không muốn lắng nghe ý kiến phê phán, họ đưa ra một số lập luận rất khó chấp nhận. Như, Nam Cito cho rằng: "Tôi muốn làm một nội dung chân thực với cuộc sống của giới trẻ. Mà chân thực thì đúng là sẽ hơi sốc nếu mình phát trên truyền hình" (!), rồi kể đà "nghiên cứu và học

hỏi từ chuẩn của Mỹ" (!), và biện hộ: "Chi tiết nhạy cảm xuất hiện trong phim hoàn toàn là phục vụ cho nội dung phim, chứ không phải vì bất cứ mục đích nào khác"; thậm chí Nam Cito tự đánh giá khá tự tin: "Phim là một làn gió mới khi nó chạm tới những vấn đề thực sự mà giới trẻ đang đối diện hằng ngày chứ không phải họ xem phim vì tò mò hay vì cái mác 18+" (!). Trả lời phỏng vấn, với câu hỏi về "hành động, chi tiết phản cảm, tục tĩu" trong "Căn hộ số 69", Sỹ Thanh - người tham gia làm "Căn hộ số 69", nói: "Theo suy nghĩ của tôi, trong đời sống hằng ngày, những hành động được cho là phản cảm đó là bình thường nhưng khi lên phim thì có một số hình ảnh, lời thoại lại trở nên không bình thường cho lắm", đồng thời tranh thủ quảng bá: "Tập 2 sẽ có nhiều hình ảnh "nóng bỏng" và những tình tiết gây bất ngờ cho người xem so với tập đầu tiên. Phần tiếp theo tôi cũng sẽ thay đổi nhiều về ngoại hình bởi tập trước tôi cảm thấy mình mặc đồ hơi kín"! Qua các câu trả lời, có thể thấy từ nhà sản xuất tới người "đóng phim" có quan niệm rất xa lạ về tính chân thực trong nghệ thuật, thậm chí "làm nghệ thuật" mà họ chưa biết phân biệt sự khác nhau giữa hành động, ngôn ngữ trong cuộc sống hằng ngày với hành động, ngôn ngữ trong nghệ thuật. Còn lấy cuộc sống, sinh hoạt của một bộ phận rất nhỏ trong lớp trẻ ở thành thị làm hình ảnh đại diện cho "cuộc sống của giới trẻ" là lấy cái bộ phận thay cái toàn thể, là nghịch lý của việc lấy quan niệm còn "chưa chín" của bản thân để mô tả cả thế hệ. Rốt cuộc, phải chăng họ "làm nghệ thuật" nhưng chỉ loanh quanh với việc vì thấy mình "mặc đồ hơi kín" nên phải "hở hơn"? Phải chăng theo người sản xuất, "làn gió mới" mà "Căn hộ số 69" đưa tới chính là vô số comment nhảm nhí dưới sản phẩm này trên Youtube và ai phê phán là lập tức nhận được những lời chửi rủa, lăng mạ, xúc phạm từ một số "người hâm mộ" Căn hộ số 69?

Internet phát triển đã đem lại rất nhiều hữu ích cho con người

nhưng internet cũng bị một số người lợi dụng để truyền bá sản phẩm "phản văn hóa", "phi nghệ thuật", khuyến khích nhu cầu thấp kém. Sự xuất hiện các trang mạng về điện ảnh có thể thỏa mãn nhu cầu của những người không có điều kiện tới rạp, hoặc không có thời gian xem một bộ phim mình yêu thích được phát trong thời điểm nhất định trên truyền hình; nhưng điều có vẻ hợp lý đó lại đi cùng với vi phạm bản quyền, tự do công bố sản phẩm mà không có kiểm duyệt. Tình trạng này thật sự là thách thức với công tác quản lý văn hóa, nhất là với các trang mạng có máy chủ đặt ở nước ngoài. Những năm gần đây, số trang mạng tiếng Việt đăng tải tác phẩm điện ảnh phát triển với tốc độ rất nhanh, có trang ghi rõ đơn vị chủ quản, có trang không ghi rõ địa chỉ người hay nơi điều hành. Các bộ phim này có thể là bản có độ phân giải cao (bản HD), hoặc bản có độ phân giải thấp cho nên hình ảnh lèm nhèm, âm thanh khó nghe chủ yếu vì quay trộm (bản TS, CAM). Vào các trang mạng điện ảnh tiếng Việt, có thể thấy, các trang mạng đó không chỉ đăng tải các phim sản xuất đã lâu, mà các "phim bom tấn" mới ra rạp cũng xuất hiện sau ít ngày, thậm chí phim vừa ra mắt trên truyền hình cũng nhanh chóng được đăng tải. Vì vậy, nếu bản quyền là vấn đề phải xem xét, thì tình trạng đó ở "phim 18+" được phổ biến công khai cũng phải đặt ra nghiêm túc, vì lâu nay một số trang mạng này vẫn đăng tải "phim 18+" mà không đưa ra bất cứ yêu cầu nào với người xem. Thường thì tại trang chủ của các trang mạng này, có nơi ghi rõ "phim 18+" hoặc để cho "phim 18+" nấp dưới nhãn "phim tâm lý, phim tình cảm". Nhưng trang nhất trang mạng phimtv ghi rất rõ "phim 18+ online"; trang nhất trang mạng phim123 ở mục thẻ loại ghi rõ chương mục "phim 18+"; phimvipvn có mục riêng dành cho "phim cấp ba"; thậm chí trang nhất trang mạng phimxvip có dòng chữ viết rõ ràng: "Phim hay 2014 - Phim sex online, xem phim sex,

phim tam ly, phim cap 3, phim 18+ Vip"... Chỉ đọc các dòng chữ này là có thể hiểu các bộ phim trong đó liên quan tới chuyện gì.

Căn cứ vào sự kiện "Căn hộ số 69" và sự tồn tại một số sản phẩm dán nhãn "phim 18+" đang trở nên phổ biến trên một số trang mạng tiếng Việt về điện ảnh có thể thấy: Nếu các trang mạng điện ảnh tiếng Việt cố tình đăng tải "phim 18+" để kiếm lợi nhuận thì một số người Việt Nam làm ra loại sản phẩm này đang lợi dụng nghệ thuật để sản xuất sản phẩm "phản văn hóa" bất chấp tác động, sự nguy hại đối với xã hội, con người. Về vấn đề này, có thể tham vấn ý kiến của Thạc sĩ Trần Văn Phương (Khoa Văn hóa - Phát triển, Học viện Báo chí và Tuyên truyền) phát biểu cách đây không lâu: "Họ cố gắng dội vào giới trẻ những lối văn hóa viển vông, đồi trụy, vô hình trung điều đó đã làm giảm nhận thức của giới trẻ. Nói cách khác họ chưa xác định rõ ràng mục đích dựng phim để làm gì, phục vụ ai?... Những "cảnh nóng" này chẳng khác nào những thứ axít vô hình dần ăn mòn những giá trị đạo đức của ông cha ta để lại". Vì thế, dù việc quản lý có khó khăn thì đã đến lúc cơ quan chức năng có liên quan cần phải vào cuộc, bởi không thể "thả nổi" một loại sản phẩm mà chúng ta biết, nó nguy hại như thế nào.

KHOA HỌC VÀ NGUY KHOA HỌC*

THỦY DU

Trong xã hội hiện đại, vai trò, nhiệm vụ của nghiên cứu khoa học là vô cùng to lớn, đem lại nhiều nguồn lợi trực tiếp, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, một số vấn nạn trong khoa học ở Việt Nam gần đây cho thấy đang xuất hiện những hiện tượng cần sớm khắc phục.

Dù không đem lại lợi ích trước mắt, và không phải khoa học cơ bản nào cũng là nền tảng của khoa học ứng dụng, thì các kết quả nghiên cứu vẫn có ý nghĩa quan trọng với đời sống. Trong bài viết *Vai trò của khoa học cơ bản* (Thanh Loan lược dịch), tác giả Llewellyn Smith đã chỉ ra những mặt tích cực không thể đo đếm bằng hiện vật của khoa học cơ bản trong đời sống nhân loại hiện nay, đó là "những đóng góp cho văn hóa, tiềm năng tạo ra những phát hiện có giá trị kinh tế to lớn và quan trọng trong đời sống thực tiễn, những phát hiện ngoài dự kiến (spin-offs) và tác động kích thích nền công nghiệp và giáo dục". Ở nước ta điều kiện kinh tế còn khó khăn, nhưng trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước luôn có kế hoạch cụ thể để đầu tư phát triển các ngành khoa học cơ bản bên cạnh khoa học ứng dụng. Cho dù sự đầu tư đôi khi còn chưa hợp lý, chưa phân bố cân đối giữa khoa học tự nhiên và khoa

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 15-7-2014.

học xã hội, nhưng vẫn chứng tỏ nỗ lực không nhỏ ở một nước đang phát triển như Việt Nam. Vượt qua khó khăn, một số nhà khoa học của Việt Nam đã gặt hái những thành tựu không chỉ ở phạm vi quốc gia, trong khu vực, mà còn trên phạm vi thế giới.

Tuy nhiên, cũng cần nhìn thẳng vào thực trạng khoa học cơ bản ở Việt Nam hiện nay, khi mà tình trạng sao chép, cắp nhặt công trình khoa học của người khác, và một số hiện tượng khác vẫn đang tồn tại. Tình trạng này không chỉ cho thấy phần nào sự yếu kém về tài năng và đạo đức của một số người nhân danh làm khoa học, ảnh hưởng tới sự phát triển của khoa học mà còn làm ảnh hưởng tới uy tín về khoa học của đất nước. Trong tiểu luận *Chống gian dối, bảo vệ liêm khiết khoa học*, GS. Hoàng Tụy đã trình bày khá cụ thể hiện tượng "đạo văn" trong nghiên cứu khoa học nhưng khi truy tìm nguyên nhân, ông cho rằng, hiện tượng này "còn do nhận thức chưa đúng đắn, chưa chặt chẽ về đạo đức nghề nghiệp, hay do trong một vài ngành chưa có chuẩn mực rõ về cách viết, cách công bố một công trình nghiên cứu khoa học. Nhiều người đạo văn dù biết rõ hành vi đó cũng xấu xa như ăn cắp, nhưng cũng nên tin rằng có người khác chỉ đạo văn một cách vô tư, không hề nghĩ rằng sao chép một kết quả nghiên cứu khoa học đã được công bố vào một bài được ký tên mình chẳng khác gì công khai chiếm hữu kết quả đó". Nhưng không chỉ "đạo văn" mới là vấn đề đáng lo ngại duy nhất trong nghiên cứu khoa học cơ bản, bởi còn có một số công trình không những "không có lợi" mà còn "có hại" cho nhận thức của những người muốn học hỏi để nâng cao sự hiểu biết, hoặc ham mê nghiên cứu khoa học, có nhu cầu tìm hiểu tài liệu, học liệu tham khảo. Đặc biệt, cũng nên lưu ý là khi các tài liệu như thế bị sử dụng phục vụ mục đích xấu thì có thể trở thành công cụ chống lại giá trị, lợi ích của dân tộc, nhất là công trình nghiên cứu thuộc các ngành khoa học xã hội như lịch sử, văn học,

báo chí, chính trị học, triết học... Thậm chí trong một công trình nghiên cứu đúng đắn, nghiêm túc chỉ có một câu văn có nội dung chưa rõ ràng cũng có thể dẫn đến hiểu sai quan niệm của tác giả, rồi từ đó có thể suy diễn tùy tiện.

Dù bao biện thế nào thì hiện tượng sao chép, cắp nhặt ý tưởng của người đi trước, đã trực tiếp tác động tới suy nghĩ của những người trẻ tuổi đang khao khát học tập, theo đuổi sự nghiệp nghiên cứu, ảnh hưởng tới nhận thức của sinh viên trẻ khi bắt đầu từ môi trường phổ thông đến với môi trường đại học. Không thể phủ nhận rằng, ở một số trường đại học, hiện đang có một số nhà nghiên cứu các khoa học cơ bản chưa khuyến khích sinh viên say mê tìm tòi, nghiên cứu; mà ngược lại, họ như đẩy sinh viên vào lối mòn săn có, khiến sinh viên chỉ cố gắng "học cho xong" để lấy tấm bằng. "Coi trọng bằng cấp" không có gì sai, vấn đề là ở chỗ bằng cấp có giúp người sở hữu đạt hiệu quả trong công việc hay không.

Một thực tế rất đáng lo ngại là ở Việt Nam số lượng giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ rất cao nhưng các trung tâm nghiên cứu, các trường đại học của chúng ta đang xếp thứ bao nhiêu trên toàn cầu lại khó ai có thể trả lời. Trong khi đó, trong danh sách 500 trường đại học hàng đầu thế giới, có nhiều trường thuộc Đông Nam Á ở Malaixia, Thái Lan, đặc biệt là Xingapo. Xingapo, quốc đảo nhỏ bé với dân số ít lại có hai đại học đứng top 100. Đại học Quốc gia Xingapo, niềm tự hào của quốc gia này đứng trên cả nhiều trường đại học tên tuổi của các "con rồng châu Á" như Đại học Seoul (Hàn Quốc), Đại học Kyôtô (Nhật Bản), Đại học Bắc Kinh (Trung Quốc),... và nhiều trường đại học danh tiếng ở châu Âu và Hoa Kỳ. Bằng cấp của các trường đại học này được công nhận trên toàn thế giới, không ít sinh viên ngay từ khi chưa tốt nghiệp đã được các tập đoàn, công ty, các cơ quan chính phủ tìm đến mời chào về làm việc. Như vậy, các tấm gương về đào tạo đại

học để chúng ta có thể học hỏi không nhất thiết phải tìm ở các quốc gia có truyền thống đại học lâu đời, mà chính các nước trong khu vực cũng đưa tới cho chúng ta không ít điều để học hỏi.

Trong khi uy tín của hệ thống đào tạo đại học chưa cao, thì trong xã hội và trên báo chí lại xuất hiện cách gọi có hàm ý chế giễu về "tiến sĩ giấy", "nhà nghiên cứu danh thiếp"! Cách gọi này là có cơ sở khi mà từ một số công trình nghiên cứu, từ một số tiểu luận hoặc bài báo, hay trả lời phỏng vấn của người có chức danh, học vị lại thấy tri thức, sự hiểu biết và năng lực phân tích rất đáng nghi ngờ. Bên cạnh tình trạng một số người có chức danh, học vị mà không thông thạo bất kỳ ngoại ngữ nào, lại có nhà nghiên cứu sử học Việt Nam không có khả năng "đọc" văn bản lịch sử gốc mà phải trông cậy vào sách dịch phổ thông; khi nghiên cứu, họ phải dẫn theo bản dịch của người khác (trong khi chưa có gì bảo đảm bản dịch đã chính xác), hoặc họ làm một thao tác rất kỳ quặc là "dẫn chéo" từ công trình của học giả nước ngoài nghiên cứu về Việt Nam. Cho nên, đôi khi vẫn có sự kiện liên quan tới khoa học đưa tới tình trạng dở khóc dở cười. Chẳng hạn, hàng chục năm trước đây, một nhóm nhà khoa học dựa vào một cuốn sách không rõ tác giả, không rõ năm ra đời để khẳng định lai lịch một địa chỉ lịch sử ở Hà Nội thì cách đây không lâu, căn cứ vào sự kiện Nguyễn Trãi không có mặt ở cuộc khởi nghĩa Lũng Nhai năm 1416, một nhà nghiên cứu đặt nghi vấn *Bình Ngô đại cáo* không phải là tác phẩm của Nguyễn Trãi mà là tác phẩm của Lê Lợi, Nguyễn Trãi chỉ là người chép lại!

Vào năm 2012, một nhà khoa học nổi tiếng giới thiệu tác giả một cuốn sách về *Truyện Kiều* rằng: "Với một tinh thần khoa học rất nghiêm túc, ông tìm lại hầu hết các bản *Truyện Kiều* từ trước đến nay, so sánh các dị bản, tìm đọc hầu hết các bài đã bình luận, phân tích tác phẩm và tác giả *Truyện Kiều*. Từ đó, ông đã có ý

tưởng lớn là làm thế nào để phổ cập hóa *Truyện Kiều* cho quãng đại công chúng, ông gạt bỏ những câu chữ khó hiểu từ tiếng Hán để thay bằng ngôn ngữ thuần Việt trong *Truyện Kiều*... Tôi hoan nghênh công phu nghiên cứu của ông... và tin rằng cuốn sách này của ông là một đóng góp đáng kể vào việc nghiên cứu *Truyện Kiều*..."! Nhưng một số tác giả đã lên tiếng bác bỏ, coi đó là một công trình "tự cho chữ của mình "hay hơn Nguyễn Du" để lấy lý do đó "sửa" hàng nghìn từ trong *Truyện Kiều* là xúc phạm tiền nhân". Nói cách khác, thay vì thực hiện một công trình biên khảo, hay xuất bản một bản dịch nghĩa từ chữ Nôm, nhà nghiên cứu này lại sửa khoảng một nghìn từ trong *Truyện Kiều* vì cho rằng chúng không hay, không hợp! Từ việc "sửa" này, các câu thơ như: "Trải qua một cuộc bể dâu" lại thành "Trải qua mỗi cuộc bể dâu"; "Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường" lại thành "Nửa in gối lẻ nửa soi dặm trường"; "Một đền đồng tước khóa xuân hai Kiều" thành "Buồng đào nở tạm khóa xuân hai Kiều"; "Xăm xăm đè néo Lam Kiều lần sang" thành "Xăm xăm đè néo đánh liêu lần sang";...! Viết ra một cuốn sách như vậy, tác giả mới chỉ đàng trách một phần, phần lớn hơn là thuộc về nhà khoa học nổi tiếng đã viết lời tựa với những lời quảng bá "có cánh", và nhà xuất bản thuộc ngành văn hóa đứng ra in ấn, phát hành!

Đọc một số tiểu luận khoa học đã công bố, tình trạng còn đáng lo ngại hơn. Như gần đây, một tạp chí chuyên ngành có bài *Nguồn gốc và bản chất của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên*, sau khi định nghĩa: "Tổ tiên là khái niệm dùng để chỉ những người có cùng huyết thống nhưng đã mất như cụ, kỵ, ông, bà, cha, mẹ... - những người đã có công sinh thành và nuôi dưỡng, có ảnh hưởng lớn đến đời sống vật chất và tinh thần của thế hệ những người đang sống", tác giả viết: "Tổ tiên trong xã hội nguyên thủy có nguồn gốc là tổ tiên tòtem giáo của thị tộc bộ lạc. Tổ tiên tòtem giáo thời kỳ thị tộc

mẫu hệ là những vật trong tự nhiên, có mối quan hệ mật thiết với con người và khi được thần thánh, thiêng liêng hóa thì được coi là tôtем (vật tổ) của thị tộc, bộ lạc...". Viết như vậy thì theo định nghĩa ở trên, hóa ra "những vật trong tự nhiên, có mối quan hệ mật thiết với con người" cũng là "người" chăng?

Tóm lại, một số hiện tượng tùy tiện, ngụy khoa học xảy ra trong nghiên cứu khoa học cần được cảnh báo. Để giải quyết các hiện tượng này, trước hết cần tăng cường sự quản lý của Nhà nước, vì đầu tư có tính chiến lược của Nhà nước cho khoa học chỉ thật sự có hiệu quả khi kết hợp đồng thời với kiểm tra, đánh giá, thẩm định,... rồi áp dụng vào thực tế. Không thể chấp nhận tình trạng một công trình nghiên cứu khoa học được đầu tư lớn lại không phát huy được hiệu quả sau khi nghiệm thu. Bên cạnh đó, nên chăng cần thanh lọc đội ngũ nhà khoa học, để lựa chọn được những người thật sự tâm huyết, có tài năng, bản lĩnh và biết đề cao đạo đức nghề nghiệp? Đó là một trong các yếu tố quyết định để phát triển một nền khoa học luôn hướng tới lợi ích chung của dân tộc và vì sự phát triển đất nước.

ĐỪNG BIẾN VĂN HỌC DỊCH THÀNH "THẢM HỌA"

VIỆT QUANG

Từ hiện tượng một số tác phẩm văn học dịch bị phê phán trong các năm qua, dường như có một nghịch lý đang tồn tại trong hoạt động dịch thuật văn học hiện nay là khi số người biết ngoại ngữ ngày càng tăng lên thì chất lượng một số bản dịch tác phẩm văn học có chiều hướng giảm sút?...

Từ sự ra đời khái niệm "thảm họa dịch thuật" và từ mật độ khá cao của giải "trái cúc xanh" được trao cho một số tác phẩm dịch, giờ đây "thảm họa dịch thuật" như trở thành khái niệm quen thuộc với độc giả Việt Nam. Cách đây mấy năm, có ý kiến cho rằng "thảm họa dịch thuật" xảy ra là vì lý do kinh tế nên nhà xuất bản đã chọn dịch giả có trình độ ngoại ngữ kém, "phông" văn hóa nghèo nàn. Tuy nhiên, sau khi một số đầu sách do dịch giả có tiếng tăm dịch bị thu hồi, có lẽ phải nhìn nhận lại ý kiến trên. Vì liệu có phải dịch giả kém ngoại ngữ, "phông" văn hóa thấp, hay một số thói quen tiêu cực này sinh từ khi xuất bản, phát hành gia nhập kinh tế thị trường đã đẩy tới tình trạng này?

Với dịch giả, họ không chỉ là người làm công việc chuyển ngữ

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 5-9-2014.

đơn thuần, mà đồng thời còn là người lao động trí tuệ với tư cách môi giới văn hóa. Cho nên như *Chạm mỏ* của Sylvia Day, đó không phải là tiểu thuyết khó dịch, nhưng nếu mua bản quyền chỉ vì theo khảo sát của *Thời báo New York* đó là sách bán chạy nhiều tuần (dù tờ báo này cũng phải nhấn mạnh *Chạm mỏ* của Sylvia Day là một "dâm thư" và đã so sánh nó với *50 sắc thái* - cuốn sách 18+ từng đứng đầu danh sách trước đó) thì rất đáng tiếc. Trong cuốn sách làm vội đến mức không có cả mục lục này, nhan nhản các câu văn kiểu như: "Tôi nhìn anh trong bộ complê hiện đại, tinh tế và vô cùng đắt tiền mà trong đầu toàn nghĩ đến cảnh làm tình dữ dội và hoang dại nhất" (tr.14) và chúng tồn tại với cấp độ tăng dần! Cuộc đua lợi nhuận với những chiêu trò "sách dành cho người lớn, 17+" cũng có sự tham gia của cả các địa chỉ vốn xuất bản sách cho thiếu nhi; báo chí đã chỉ rõ những ấn phẩm như *Shin cậu bé bút chì* hay *Những chuyện kỳ bí của Stine* nằm trong "danh sách đen" của địa chỉ này; tuy nhiên, còn một số cuốn lẽ ra phải nằm trong danh sách đó, như *Ô Long viện, Kiếm khách Baek Dong Soo* (cuốn này thoái mái để cả tranh bìa khêu gợi!). Có lẽ mãi chạy theo cung cách thị trường, nên địa chỉ xuất bản trên mang về một cuốn sách thiếu nhi quý báu mà không biết? Đó là *Hành trình tới biển sông* của nữ tác giả Eva Ibbotson - một trong các nhà văn viết truyện thiếu nhi xuất sắc trên thế giới. Tuy là sách dành cho thiếu nhi, *Hành trình tới biển sông* lại tương đối khó đọc, ngay cả với người lớn, vì "chất địa phương" tương đối cao. Tiểu thuyết dựa trên cảm hứng của Ibbotson với các truyện thiếu nhi của Anh mà bà đã đọc từ hồi nhỏ, nổi bật là *Tiểu bá tước Fautleroy* (Nguyễn Phan Quế Mai dịch là *Bá tước Fautleroy tí hon*), *David Copperfield*. Có lẽ do hiểu biết về văn học Anh còn hạn chế, hoặc có thể do chuyển ngữ cho xong việc, dịch giả và biên tập viên gần như không bận tâm tới chú thích. Bởi vậy cuốn sách dày 368 trang chỉ có 11 chú thích, sáu

trong số đó là từ nguyên tác, các trang liên quan tới sách thiếu nhi của Anh và các loài động vật, sinh vật có mặt trong sách đều không được ghi chú; và không có mục lục (!?).

Sự thiếu liên kết giữa dịch giả với biên tập viên, họa sĩ thiết kế cũng đưa tới một số ấn bản cần phải được xem xét kỹ hơn, như *Kẻ trộm sách* của Markus Zusak chẳng hạn. Đây là bản dịch tương đối tốt, nhưng tranh minh họa bị trình bày có một số sai sót khác so với tiểu thuyết. Với cuốn sách khác, điều này có thể ít quan trọng, nhưng với *Kẻ trộm sách* của Markus Zusak thì nên lưu ý minh họa cũng là một bộ phận liên kết chặt chẽ trong tiểu thuyết của ông. Riêng ba tác phẩm kinh điển của Hy Lạp là *Cộng hòa* của Plato, *Iliad* và *Odyssey* của Homer lại có nhiều điều rất đáng ngại về ngôn ngữ dịch. Người dịch ba cuốn này là một trong các dịch giả mà đến nay, uy tín của ông trong giới dịch thuật vẫn rất lớn. Song liệu sau khi đọc bản dịch *Cộng hòa*, *Iliad* và *Odyssey*, có người sẽ phải thất vọng? Vì dường như người dịch ít quan tâm đến sự phát triển của ngôn ngữ, nên nếu không nhìn vào tên bìa sách, tên nhân vật, người đọc dễ lầm tưởng đó là truyện kiếm hiệp Trung Hoa, hoặc bản dịch đã được thực hiện, xuất bản ở miền Nam trước năm 1975. Xin dẫn một đoạn từ bản dịch Plato: "Vậy tiên sinh nên chọn, đương sự nhấn mạnh, một là coi nhẹ bọn tiểu diệt, hai là chiêu ý ở lại", "Dù sao cũng còn cách khác", bản nhân giải thích. "Ngô bối có thể thuyết phục quý hữu để ngô bối lên đường" "Làm sao tiên sinh có thể thuyết phục người không chịu nghe tiên sinh?", đương sự hỏi. "Bất khả", Glaucon đáp: "Vậy tiểu diệt nghĩ tiên sinh nên hiểu bọn tiểu diệt không chịu nghe tiên sinh đâu" (Plato, tr.67). Bản dịch *Iliad* và *Odyssey* cũng ở tình trạng tương tự, chẳng hạn một đoạn hội thoại giữa Thetis và Hephaistos: "Thần linh què quặt lùng danh đáp: "Chuyện đó đại ti đừng lo, đại ti chờ bận tâm. Thực lòng nếu có thể che giấu quý tử khỏi tử thần tàn ác, khi định mệnh khắt khe lại gân,

ngu đệ săn sàng ra tay như sẽ thực hiện trang bị ngoạn mục cho quý tử bây giờ, tấm áo để mắt nhìn thế nhân sẽ ngây ngất, sững sờ!" (*Iliad*, tr. 597). Hoặc hội thoại giữa Athena và Telemachos trong *Odyssey*: "Đa tạ", nữ thần mắt xanh lam lục đáp, "song xin đừng giữ lại, bỉ nhân phải đi ngay. Phẩm vật công tử có lòng trao tặng bỉ nhân sẽ nhận lần tới. Và thưa, kẻ vật quý báu công tử trùi tặng bỉ nhân sẽ giữ làm kỷ niệm và sẽ đáp đền xứng đáng mai sau" (*Odyssey*, tr.106)! Các đại từ ngô bối, tiểu diệt, hiền huynh, tiểu đệ, hữu huynh, bản nhân, bỉ phu, bỉ nhân, đại tỉ, ngu đệ,... hầu như không còn được sử dụng trong văn phạm, trong giao tiếp ở Việt Nam, nên việc sử dụng chúng trong bản dịch khiến người đọc khó tiếp nhận. Mà hình như dịch giả cũng lúng túng trong khi dịch như vậy, vì thế có lúc dịch giả lại sử dụng đại từ thuần Việt như: anh ấy, nó, đứa...? Đáng tiếc là cả ba tác phẩm kinh điển của Hy Lạp này lại được đầu tư rất công phu, người dịch chăm chút từng chú thích nhỏ, như ý nghĩa tên của nhân vật, địa danh mà một số bản dịch ở Anh, Pháp chỉ đưa ra nét khái lược.

Như dịch giả Lê Bá Thự coi dịch giả là "người nội trợ thông thái", có thể nói sách văn học nước ngoài là "nguyên liệu", còn bản dịch là "món ăn tinh thần" dịch giả đưa tối công chúng. Do đó, nếu người dịch chấp nhận chuyển ngữ một cuốn sách tồi, một tác phẩm kém chất lượng, thậm chí sách khiêu dâm như *50 sắc thái* thì liệu bản dịch có khác gì "món ăn chứa độc tố"? Còn trường hợp dịch cẩu thả thì một cuốn sách tốt, có giá trị cũng có thể trở thành "thảm họa"; nên cả khi dịch giả được đánh giá là ưu tú, cuốn sách được chuyển ngữ là kiệt tác của văn học thế giới thì người đọc vẫn chưa yên tâm về chất lượng bản dịch. Vì, còn lý do khác như có dịch giả thích đặt cái tôi, cá tính của mình lên trên đến mức hình như họ chấp nhận làm khó bản dịch chỉ để khẳng định phẩm chất, tài năng (?); rồi đơn vị xuất bản e sợ tình trạng "trái nắng trổ trời" của

người dịch làm chậm tiến độ bàn giao bản thảo, bất hợp tác với biên tập viên,... Nghĩa là còn nhiều lý do nữa có thể biến một sản phẩm văn học dịch thành một "thảm họa". Và ngay các cuốn sách dịch dù không bị phê phán cũng chưa hẳn là các ấn bản tốt, có chăng vì không mắc phải các sai sót như câu văn dịch: "Ông bị ung thư cổ tử cung (...) đã di căn sang buồng trứng" hay những câu thơ haiku được dịch một cách kỳ khôi từ tiếng Anh sang tiếng Việt, thay vì cần dịch từ chính tiếng Nhật sang tiếng Việt!

Khi trình độ ngoại ngữ và dân trí ngày một nâng cao, thì trình độ và tầm hiểu biết của dịch giả cũng phải nâng lên, tuy nhiên thực tế như không diễn ra theo lôgic như vậy. Tuy "thảm họa dịch thuật" chưa xuất hiện nhưng các ấn bản có nội dung thấp kém, dịch lỗi, dịch ẩu vẫn còn tồn tại tràn lan. Sai sót ấy có thể khắc phục, bởi nó không hoàn toàn xuất phát từ trình độ của người dịch, mà có thể do liên kết xuất bản, kiểm định để mua bán bản thảo chưa hợp lý. Bên cạnh đó, đạo đức người dịch sách cũng là vấn đề cần lưu tâm. Một số sự việc xảy ra trong lĩnh vực văn học dịch khiến không thể không đặt câu hỏi: Phải chăng một số dịch giả quá đẽ cao "cái tôi" của mình mà đặt nhẹ chữ "đức" trên mỗi trang văn bản? Nên có người phán xét, hạ thấp dịch giả khác khi phát hiện một lỗi nhỏ hay chố dịch chưa ổn thỏa mà họ bắt gặp. Còn khi chính họ tạo ra "thảm họa dịch thuật", bị phát hiện, thay vì chấp nhận lời góp ý chân thành, họ lại phản ứng bằng việc chế giễu, coi người khác là "vạch lá tìm sâu"! Rồi nữa, trước kia hầu như mỗi bản sách dịch thường có kèm theo lời ngỏ của dịch giả về công trình dịch thuật của mình, một vài suy nghĩ người dịch rút ra sau khi đọc tác phẩm. Thao tác đó hiện gần như biến mất trong sách văn học dịch. Rất ít dịch giả bỏ thời gian, công sức để đồng hành cùng người đọc như dịch giả Quang Chiến với các tác phẩm tiếng Đức do ông dịch sang tiếng Việt như *Faust*, *Nỗi đau chàng Werther*. Từ những gì đang diễn ra trong lĩnh vực sách văn học dịch ở

Việt Nam lại nhớ tới một số dịch giả lớp trước như Huỳnh Lư, Vũ Đình Liên, Lê Trí Viễn, Cao Xuân Hạo, Đỗ Đức Hiểu, Tuấn Đô,... Đó là những người mà tài năng cùng "phông" văn hóa của họ khiến bạn đọc một thời mỗi khi lật giở một cuốn sách dịch thấy họ đứng tên dịch là mua ngay. Dù đây đó vẫn còn tranh cãi về chi tiết dịch chưa sát nghĩa trong bản dịch của một vài dịch giả lớp trước, thì có một điều không ai có thể phủ nhận là họ đã khơi gợi lòng say mê các kiệt tác văn học thế giới cho nhiều thế hệ. Và họ cũng như người truyền lửa, đưa những giá trị tinh thần cao đẹp trong văn học nước ngoài đến Việt Nam ở thời kỳ đất nước còn khó khăn. Thiết nghĩ, các dịch giả ở Việt Nam đương đại nên soi mình vào các tấm gương này, để mang đến cho công chúng những tác phẩm dịch có giá trị văn hóa.

TRƯỜNG HỢP VÕ PHIẾN*

THU TỨ

Võ Phiến hoặc Tràng Thiên là bút danh của Đoàn Thế Nhơn (sinh năm 1925) - nhà văn ở miền Nam trước năm 1975, hiện định cư ở Mỹ. Văn nghiệp của Võ Phiến khá phức tạp mà nổi lên là xu hướng "chống cộng" cho nên được chính quyền Sài Gòn trước đây và một số người ca ngợi (!). Vừa qua, vì "được biết một tổ chức phi chính quyền trong nước đang có kế hoạch tích cực phổ biến những tác phẩm Võ Phiến chứa nội dung chính trị sai lầm", nên từ Mỹ, tác giả Thu Tứ (bút danh của Đoàn Thế Phúc - một người con của Võ Phiến) đã viết bài *Trường hợp Võ Phiến* nhằm phản bác kế hoạch nêu trên.

Dù viết về quan điểm chính trị - xã hội trong tác phẩm của cha mình, nhưng tác giả Thu Tứ đã có cách tiếp cận khách quan, để đưa ra một số lý giải, kết luận. Được sự đồng ý của tác giả, trong hai số báo ra ngày 7-10 và 10-10, Báo *Nhân Dân* trích đăng bài viết để bạn đọc tham khảo, qua đó nhận diện một người viết văn với nội dung chính trị sai lầm trong văn nghiệp của mình, đã đi ngược lại sự nghiệp chân chính của dân tộc như thế nào.

Không ai muốn chỉ ra cái sai của người để ra mình! Chúng tôi làm việc này vì được biết một tổ chức phi chính quyền trong nước đang có kế hoạch tích cực phổ biến những tác phẩm của nhà văn

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 7, 10-10-2014.

Võ Phiến chứa nội dung chính trị sai lầm. Việc làm của họ có thể khiến một số người đọc hoang mang, ảnh hưởng tới đoàn kết dân tộc, chúng tôi quyết định tự mình phản bác nội dung này. Chúng tôi cảm thấy có trách nhiệm về việc làm nêu trên của tổ chức phi chính quyền kia. Trong hai năm qua, Nhà xuất bản Thời đại và Công ty Nhã Nam ở Hà Nội có in lại hai tác phẩm của nhà văn Võ Phiến là *Quê hương tôi* và *Tạp văn*. Cả hai tác phẩm này đều do chúng tôi chọn lựa và biên tập, theo sự ủy quyền từ lâu của thân phụ. Chúng tôi cố gắng chọn những tác phẩm giá trị có nội dung phù hợp, không chứa hoặc chứa rất ít nội dung chính trị. Nếu có nội dung chính trị, khi biên tập chúng tôi loại bỏ hết. Mục đích của việc chọn và bỏ như thế là đưa những thành tựu văn học đỉnh điểm của văn nghiệp Võ Phiến đến với người đọc mà không gây hại cho nước. Chúng tôi đã tưởng mình thế là chu đáo với nhà, với nước! Hóa ra, việc hai tác phẩm *Quê hương tôi* và *Tạp văn* được người đọc trong nước đón nhận khá tốt lại chính là cái nền rất tiện lợi cho tổ chức kia toan đặt lên đấy thứ nội dung hoàn toàn bất ổn trong tác phẩm của Võ Phiến! Chuyện đang xảy ra còn làm chúng tôi sốt ruột về tương lai. Sẽ hết nhóm nợ đến phe kia những lúc nào đó đem vận dụng văn nghiệp Võ Phiến một cách có hại cho đất nước. Phải làm cho thật rõ về cái phần nội dung chính trị sai lầm trong văn nghiệp ấy ngay từ bây giờ.

Chúng tôi còn một lý do nữa khiến việc lên tiếng càng không thể tránh được. Do quan hệ đặc biệt và do ở gần nhà văn Võ Phiến trong không biết bao nhiêu năm, chúng tôi được nghe tận tai những phát biểu của ông về tình hình đất nước mà chắc chắn chưa ai từng nghe. Ngoài ra, do yêu thích văn học, chúng tôi đã đọc rất kỹ tất cả tác phẩm của Võ Phiến. Hơn nữa, chúng tôi còn đọc để soát lại trước khi đưa in phần lớn tác phẩm của Võ Phiến tái bản hoặc xuất bản ở nước ngoài. Kết quả của không biết bao nhiêu lượt

nghe những lời phát biểu thoái mái và đọc rất kỹ tác phẩm là: không ai có thể biết lập trường chính trị và cách nhìn lịch sử của nhà văn Võ Phiến rõ bằng chúng tôi. Cái biết ấy trong tình hình lập trường bất ổn và cách nhìn cũng bất ổn đang được một số người tìm cách tái phổ biến, nó trở thành một sức nặng bắt chúng tôi phải bất chấp quan hệ tối thân thiết mà lên tiếng chỉ sai.

Trước khi về thăm quê hương lần đầu năm 1991, chúng tôi đã tuyệt đối tin những nghĩ ngợi của thân phụ mình về chuyện đất nước thời chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ. Chúng tôi về nước rất nhiều lần, mỗi lần rất lâu, thăm thân rất ít, coi như toàn bộ thời gian ở trong nước dành cho việc đi tham quan, chủ yếu tại miền Bắc. Chúng tôi không ở khách sạn sang trọng, không đi "tua", mà ở những nhà khách rẻ tiền, đi xe khách, xe ôm, xích lô, có lần mua xe đạp đẹp dạo quanh vùng ngoại ô Hà Nội thường xuyên đến nỗi có người ngồi chợ tưởng nhầm là dân buôn! Với lối đi tham quan như vừa nêu, chúng tôi trở nên rất đỗi hoang mang! Chúng tôi thấy người miền Bắc vui vẻ, bình thản, vừa giữ được phần lớn nền nếp cũ, lại vừa có thêm cái phong cách "cách mạng", mọi người bình đẳng, cũng rất hay. Bấy giờ miền Bắc cũng như cả nước, đang có một số hiện tượng xã hội tiêu cực do kinh tế trì trệ kéo dài, vật chất rất thiếu thốn, nhưng nhìn chung người tuy nghèo mà văn hóa tinh thần rất đáng hâm mộ. Đâu là cái ảnh hưởng cực xấu của chủ nghĩa cộng sản đối với văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam mà mình đã đọc thấy trong tác phẩm của người để ra mình?! Than ôi, hóa ra chỉ là kết quả của những kinh nghiệm rất giới hạn cả về không gian lẫn thời gian cộng với những câu chuyện kể của một ít bạn bè người miền Trung cùng hoàn cảnh, một số đồng nghiệp người Bắc di cư, vài cán bộ cộng sản "hồi chánh", thêm vài tác phẩm "nhân văn giai phẩm", tất cả được một trí tưởng tượng hết súc phong phú và một tâm lý đặc biệt bi quan suy diễn nên!

Ngoài cái biết trực tiếp như vừa nêu, nhờ thói quen hay đọc sách báo mà chúng tôi biết thêm được vô số chuyện lạ đỗi với mình. Từ văn hóa, chúng tôi tìm hiểu sang lịch sử, mới biết đến, hay biết rõ nhiều chuyện đất nước rất to, như Tuyên ngôn độc lập, Hà Nội kháng chiến 60 ngày đêm, Chiến dịch Biên giới, Chiến dịch Điện Biên Phủ, mà cho đến lúc ấy hoặc chưa nghe bao giờ hoặc chỉ nghe hết sức loáng thoáng với lời bình phẩm hạ giá kèm theo. Những "voi" sự kiện theo nhau lù lù bước ra từ quá khứ khiến chúng tôi hết sức bỡ ngỡ! Vì đã bị "tuyên truyền" rất kỹ, cũng phải đến hơn 10 năm sau lần về nước đầu tiên, sau khi nghĩ đi nghĩ lại không biết bao nhiêu lần, chúng tôi mới thấy được thật rõ ràng lịch sử dân tộc trong khoảng thời gian từ năm 1945 đến 1975 thật ra là như thế nào...

Nhà văn Võ Phiến viết nhiều thể loại. Lập trường chống cộng của ông được đưa ra rải rác khắp nơi trong nhiều loại tác phẩm khác nhau, khi là hẳn một bài tạp luận hay tạp bút, khi là lời nhân vật trong truyện ngắn hay truyện dài, khi là những đoạn trong một tác phẩm phê bình hay nhận định văn học, v.v.. Lập trường chống cộng của nhà văn Võ Phiến liên hệ đến ba vấn đề: giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, chọn lựa ý thức hệ.

Về giải phóng dân tộc, nhà văn Võ Phiến khẳng định không có nhu cầu! Ông cho rằng sớm muộn Pháp cũng trả độc lập cho ta, viện dẫn những chuyện xảy ra trên thế giới. Đúng là đế quốc Anh đã tự giải tán trong hòa bình. Nhưng Pháp không phải là Anh. Pháp cương quyết tiếp tục giữ thuộc địa và cuộp lại những thuộc địa tạm mất trong Thế chiến thứ hai. Song song với hành động tái xâm lược ở Việt Nam, tháng 8-1945 quân đội Pháp thảm sát hàng chục nghìn người dân nổi dậy ở thành phố Xêrip, Angiêri, và từ tháng 3-1947 đến tháng 12-1948 đàn áp kháng chiến ở Madagaxca, giết có thể đến hơn 100.000 người! Ngay cả sau khi thua to ở Điện

Biên Phủ, phải chấp nhận rút khỏi Việt Nam, Pháp vẫn cố giữ Angiêri để rất nhiều máu phải đổ nữa rồi mới chịu thôi làm đế quốc... Nhà văn Võ Phiến nhắc đến việc những miền đất ở châu Phi được Pháp trả lại độc lập dễ dàng: thì chính những nơi ấy đã may mắn được hưởng thành quả rực rõ của kháng chiến Việt Nam và kháng chiến Angiêri đấy chứ! Mà thực ra cũng không phải may mắn: ai cũng biết những "nước" Phi châu mới kia chỉ có cái vỏ độc lập chứ ruột thì vẫn nằm trong tay Pháp. Từ ngày "độc lập" năm 1960, các nước ấy đã bị Pháp ngang nhiên can thiệp quân sự hơn 30 lần! Vai trò áp đảo của Pháp trong vùng rõ ràng tới nỗi từ lâu đã sinh ra cái từ Francafrique: Phi nhưng mà "Phi Pháp"! Dân tộc Việt Nam với ít nhất hai mươi mấy thế kỷ văn hiến, dân tộc Việt Nam mà chính Toàn quyền Đông Dương Pôn Đume đã nhận xét là nhất ở Đông Nam Á, phải qua đến Nhật mới gặp được trình độ tương đương¹, dân tộc ấy lại ngồi chờ giặc thua to ở nơi khác, ban phát cho một thứ gọi là độc lập hay sao?! Sau Thế chiến thứ hai, không phải đế quốc nào cũng chọn buông thuộc địa. Chính dân tộc Việt Nam Anh hùng đã dẫn đầu những dân tộc bị trị trong việc bắt thực dân Pháp phải buông thuộc địa... Lý luận "không cần kháng chiến" hoàn toàn không có giá trị. Gốc của nó là ở ý muốn bào chữa cho những người không tham gia kháng chiến và cái ý muốn phủ nhận công lao to lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam và ở một tâm lý tự ti về văn hóa dân tộc mà chúng tôi sẽ trình bày sau.

Về thống nhất đất nước, nhà văn Võ Phiến đặt chống cộng lên trên thống nhất đất nước. Sau khi thua ở Điện Biên Phủ, đế quốc Pháp phải chấp nhận rời khỏi nước ta. Cuộc kháng chiến lâu dài, anh dũng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đã thành công!

1. Theo Phạm Cao Dương: *Lịch sử dân tộc Việt Nam*, Nxb. Truyền thống Việt, California, 1987.

Nhưng một số người Việt Nam - những người không tham gia kháng chiến hoặc theo giặc đàn áp kháng chiến (!) - không chịu để toàn dân đi bầu tự chọn chính quyền mà dựa vào thế lực siêu cường Mỹ dựng lên một "nước" trên một nửa nước! Tỗ tiên ta bao nhiêu công phu, xương máu, qua bao nhiêu đời mới mở được chừng này đất, để bây giờ đất chia hai sao? Dân tộc Việt Nam mấy nghìn năm trải qua bao lượt thử thách vẫn là một để bây giờ thôi là một sao? Hết có cơ hội, phải cống hối sức thống nhất đất nước. Cơ hội đã có: từ năm 1960, chính quyền Ngô Đình Diệm bắt đầu lung lay, khởi đầu do một số đảng phái bất mãn về chính sách, sau đó do đông đảo Phật tử đấu tranh chống thiêng vị tôn giáo. Năm 1963, chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Tiếp theo là đảo chính liên miên. Nhân tình hình thuận lợi, quân kháng chiến miền Nam và quân đội miền Bắc tiến công mạnh mẽ. Đâu muốn chết đến người Mỹ, nhưng thấy "tiền đồn Việt Nam Cộng hòa" quá nguy ngập, Mỹ đành gấp rút cho hơn nửa triệu lính đổ bộ. Chính quyền Sài Gòn trở nên tạm ổn định, khoản tiền viện trợ lớn lại gây ra nạn quan chức tham nhũng hết sức trầm trọng. Tổn thất sinh mạng binh lính Mỹ, ảnh hưởng tai hại đến kinh tế Mỹ, sự kiên cường của kháng chiến ở miền Nam và quân dân miền Bắc, cùng với sự bất lực của chính quyền Sài Gòn, khiến nội bộ Mỹ trở nên chia rẽ trầm trọng, dẫn đến quyết định rút hết quân. Chỉ hai năm sau khi lính Mỹ rút, nước Việt Nam thống nhất. Tổn thất hơn 210.000 lính chết và bị thương, thả xuống gấp 3,5 lần lượng chất nổ đã thả trong Thế chiến thứ hai (!), tiêu tốn gần một nghìn tỷ USD (tính theo giá USD năm 2011), mà siêu cường Mỹ rút cuộc vẫn thất bại trong ý đồ chia hai nước ta... Mỹ thảm bại, chắc chắn có một phần do đã ủng hộ một chính quyền không được lòng dân. Bất chấp cơ hội thống nhất đất nước đã tới, nhà văn Võ Phiến vẫn tiếp tục ủng hộ sự tồn tại của chính quyền Sài Gòn. Đó là một lập trường đi ngược lại với lý tưởng dân tộc.

MỘT KIỂU DU NHẬP LÝ THUYẾT VĂN HỌC ĐỂ "TRANG SỨC"*

VIỆT QUANG

Tiếp nhận lý thuyết văn học nước ngoài luôn có ý nghĩa quan trọng đối với việc xây dựng nền lý luận, nghiên cứu, phê bình văn học của mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, sau hơn một thế kỷ du nhập và áp dụng các lý thuyết phương Tây trong nghiên cứu, phê bình văn học, dường như tới nay, một số tác giả ở Việt Nam vẫn thực hành công việc theo lối "ăn xổi ở thí"?

Vận dụng một lý thuyết văn học từ phương Tây để nghiên cứu, phê bình văn học Việt Nam là hết sức cần thiết, song khi việc vận dụng trở thành "mốt" của một số tác giả nghiên cứu, phê bình lại nảy sinh một số hiện tượng "ngược đời", không biểu thị cho sự say mê, trăn trở nghề nghiệp mà cốt tạo tiếng vang? Bởi, thay vì tìm hiểu kỹ càng, có hệ thống, tiếp nhận trong sự phù hợp với thực tiễn văn học và động lực nội tại chi phối văn học ở trong nước, thì các tác giả này như đã bị "ngợp" trong lý thuyết mà họ cho là thích hợp. Và có lẽ vì không cần xét xuất xứ, bản chất lý thuyết đó là gì, họ lựa chọn cả một số lý thuyết phi chính trị, phản khoa học

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 21-10-2014.

làm phương pháp nghiên cứu. Lại có tác giả trong khoảng hai mươi năm trở lại đây đã khiến người quan tâm phải kinh ngạc vì liên tục chuyển đổi từ thi pháp học, phân tâm học đến phê bình phong cách! Với phương pháp nào ông cũng làm ra một, hai công trình dày cộp nhưng đọc kỹ lại thấy dường như phương pháp nghiên cứu nước ngoài chỉ là "đồ trang sức" để trưng ra với giới học thuật. Công trình nào cũng có nhược điểm rất lớn là tác giả còn thiếu nền tảng khi tiếp nhận các lý thuyết được lựa chọn, chưa đi sâu tìm hiểu rõ ráo chủ thuyết mình theo đuổi. Kỳ lạ là lối làm việc thiếu khoa học đó lại chưa một lần được xem xét cẩn trọng mà trái lại, tác giả từng dính án "đạo văn" này vẫn được một số cây bút lý luận, phê bình khen ngợi, coi như một tấm gương về nỗ lực nghiên cứu!?

Gần đây một cây bút phê bình trẻ xuất bản cuốn sách trong đó nhìn nhận văn học đương đại là "nền văn học đang chuyển đổi và phân hóa từ những không gian đối diện với sự chuyển hóa và phân hóa". Cây bút phê bình trẻ tuyên bố vận dụng trong sách (thực chất là tập tiểu luận) nhiều phương pháp khác nhau: từ thi pháp học, cấu trúc luận, tự sự học, đến lý thuyết chấn thương, lý thuyết hậu thực dân... Nếu tác giả thật sự nắm vững, thành thạo việc áp dụng các lý thuyết trên để nghiên cứu thì quả là đáng khâm phục. Nhưng khi đọc kỹ sẽ ngạc nhiên, vì các lý thuyết được áp dụng rất mờ nhạt, các phương pháp nghiên cứu như cấu trúc luận, tự sự học không được trình bày kỹ lưỡng, các biểu tượng về văn hóa, huyền thoại không được chú trọng giải thích,... mà lý thuyết hậu thực dân trở thành chủ thuyết xuyên suốt cả tập sách. Sự xuyên suốt đó cho thấy tác giả không quan tâm tới các vấn đề: *Thứ nhất*, đến nay hậu thực dân vẫn đang là lý thuyết còn gây tranh cãi. Ra đời trong thời kỳ các nước thuộc thế giới thứ ba mới giành được độc lập, hậu thực dân được một số nhà văn hóa ở phương Tây coi là giải pháp

tối ưu để hiểu bản chất các nước này. Ngược lại, một số ý kiến cho rằng lý thuyết hậu thực dân chỉ khắc sâu thêm xung khắc văn hóa và phân biệt, kỳ thị chủng tộc; tạo ra cuộc chiến không có hồi kết giữa văn hóa phương Tây với văn hóa bản địa (trung tâm - ngoại vi); không lý giải được những giao thoa văn hóa tự nguyện giữa phương Đông và phương Tây, hay mở rộng ra là giữa các quốc gia với nhau. Mặc dù đã có một tên gọi, nhưng hậu thực dân vẫn chưa phải là lý thuyết hoàn chỉnh, nhất là khi phải vay mượn nhiều diễn ngôn, lý thuyết khác nhau để che đậy mục đích, bản chất. Vì vậy, lý thuyết nhiều mâu thuẫn và cực đoan này nhanh chóng bị lu mờ khi lý thuyết toàn cầu hóa ra đời. *Thứ hai*, không phải quốc gia nào từng bị đế quốc phương Tây đô hộ cũng tồn tại những di sản hậu thực dân hay hậu thuộc địa, và Việt Nam không phải gánh chịu các di sản này như ở một số quốc gia châu Á khác. *Thứ ba*, có thể coi văn hóa của mỗi quốc gia và văn hóa của các quốc gia như những dòng chảy xen kẽ với các khúc giao cắt, cho nên không có nền văn hóa nào tĩnh tại, khép kín như trạng thái "tiền thực dân" mà lý thuyết hậu thực dân ghi nhận ở các nước chủ nghĩa thực dân đã mất quyền kiểm soát. Do đó, sử dụng lý thuyết hậu thực dân trong thực tiễn nghiên cứu văn học Việt Nam là không khả thi, như nhiều nhà nghiên cứu chỉ ra...

Tuy nhiên, trong tiểu luận đầu tiên của cuốn sách, cây bút phê bình trẻ nêu trên mặc định văn học Việt Nam là nền văn học hậu thuộc địa mà không đưa ra bất cứ căn cứ, lịch sử vấn đề hay cơ sở lý thuyết nào chắc chắn và đáng tin cậy. Với lối tư duy tư biện, khiêm cưỡng, tác giả góp nhặt và huy động nhiều sản phẩm, thậm chí là cả sáng tác "phản văn học" để chứng minh. Ngoài "thơ rác", "thơ-nghĩa-địa" và cái gọi là "thơ" của nhóm "Mở miệng", tác giả còn vơ vát một số "nhà văn" chưa viết một tác phẩm nào nhưng lại "nổi tiếng" trong lĩnh vực ngoài văn học (như blogger đã có thái độ

chống đối Nhà nước chẳng hạn)... Không chỉ vậy, ở tiểu luận cuối sách tác giả còn coi "nhà văn trong tư cách trí thức" phải xây dựng một nền cộng hòa văn chương công chính, cụ thể là phải gắn liền các hoạt động sáng tác với các hoạt động chính trị. Để khẳng định ý kiến này, tác giả dẫn quan niệm của Arítxtốt: "Con người là một sinh vật chính trị". Nhưng có lẽ tác giả chưa nắm bắt quan niệm này trong bối cảnh lịch sử để thấy quan niệm của Arítxtốt chỉ giới hạn trong phạm vi một "nhóm thiểu số" mà ông coi là người hoàn toàn nhàn rỗi tham gia hoạt động chính trị, và để phân biệt với "nô lệ" và "những người mang trạng thái nô lệ". Hơn nữa quan niệm chính trị thời Arítxtốt không đồng nghĩa với quan niệm chính trị ở thời hiện đại; Arítxtốt coi hoạt động chính trị gắn liền với hành xử khôn ngoan và đức hạnh; đó không phải là hành vi xấu xa, vụ lợi, dùng chính trị để mưu đồ cho cá nhân. Còn với tác giả này, ngay trong tiểu luận gần đây về văn học và chính trị, vẫn hiểu một cách kỳ lạ rằng chính trị là hành động xây dựng chính quyền hoặc chống lại chính quyền! Từ lối hiểu kỳ lạ đó, tác giả như đi theo vết xe đổ của một tác giả khác khi đặt những văn bản bôi xấu, thỏa mãn người khác - các samizdat "phi chính trị, phản văn hóa", ngang hàng với các sáng tác của nền văn học cách mạng.

Với tiểu luận *Vấn đề đạo đức và quyền lực: hay thủ lửa và thủ sai trong tiểu thuyết Nguyễn Bắc Sơn*, tác giả tỏ ra không phân biệt được sự khác nhau giữa các khái niệm tiểu thuyết chính sự theo kiểu Nguyễn Bắc Sơn với các tác phẩm chính trị như *Con rồng tre* của Nguyễn Ái Quốc, và các thử đọi lốt văn học, phi chính trị mà anh ta ca tụng thời gian gần đây. Dẫn đến việc tác giả lúng túng đi vòng quanh khái niệm với một câu hỏi nực cười: "Nếu hiểu văn học chính trị như trên thì tiểu thuyết của Nguyễn Bắc Sơn nằm ở ô nào, ngăn nào của văn học chính trị?". Không chỉ rất ngây thơ trong quan niệm về chính trị (hay tỏ ra ngây thơ để viết được

điều muốn viết?), cây bút phê bình còn cho thấy không nắm vững cả chính lý thuyết hậu thực dân. Do vậy trong cả ba bài viết về tiểu thuyết của Nguyễn Xuân Khánh, tác giả bị bất ngờ khi gặp diễn ngôn về chủ nghĩa dân tộc của nhà văn. Vì theo cái lý của anh ta, "chủ nghĩa dân tộc" hay "bản sắc dân tộc" ở Việt Nam chỉ hình thành, được đề cập từ thời kỳ mở cửa trong các quan hệ quốc tế! Có vẻ việc dẫn giải các lý thuyết dân tộc học, chủ nghĩa dân tộc không làm anh mảy may quan tâm tới tinh thần dân tộc, truyền thống dân tộc vốn hiền nhiên tồn tại hàng thế kỷ ở nhiều dân tộc, quốc gia và Việt Nam không phải là ngoại lệ. Từ đầu thế kỷ XX, nhiều trí thức đã đặt công việc gìn giữ bản sắc, cốt cách dân tộc ngang với việc tiếp nhận ảnh hưởng của văn hóa, văn minh phương Tây, việc làm đó vẫn tiếp tục tới hiện tại. Cái nhìn của Nguyễn Xuân Khánh chưa phải là cái nhìn mới, điều cần ca ngợi ở Nguyễn Xuân Khánh là sự đổi mới nghệ thuật tiểu thuyết, sự công phu trong việc tìm tòi tư liệu lịch sử, đem những tư tưởng tôn giáo, tín ngưỡng trở nên gần gũi hơn trong mắt người đọc... Sự ngộ nhận của cây bút phê bình đã khiến ba tiểu luận về tác phẩm của Nguyễn Xuân Khánh như trở thành sản phẩm lai ghép không hoàn hảo; hay lý thuyết hậu thực dân đã được vận dụng một cách khiên cưỡng để truyền tải ý tưởng của tác giả về tư duy tiểu thuyết của Nguyễn Xuân Khánh... Các thí dụ nêu trên không phải là tất cả các bất cập trong tập sách và điều bất ngờ là cuốn sách với nhiều lỗi học thuật như vậy vẫn được vinh danh tại một giải thưởng văn học!

Trong khi cố gắng chạy theo các lý thuyết văn học phương Tây, chủ yếu theo cách "cũ người mới ta", cập nhật đến đâu hay đến đó, thì việc xây dựng các công trình lý luận văn học ở Việt Nam có phần bị bỏ ngỏ. Một số cuốn sách lý luận văn học có uy tín đều đã có tuổi đời vài chục năm, một số tri thức có dấu hiệu lỗi thời, cần

nâng cấp, hệ thống lại, bổ sung thành tựu nghiên cứu mới, cập nhật sáng tác văn học đương đại. Đáng tiếc, công việc thiết thực này ít được các nhà nghiên cứu chú ý. Thay vào đó, một số người chỉ chú ý tuyển dịch các lý thuyết văn hóa, văn học mà không đặt trong tương quan với thực tiễn văn hóa, văn học Việt Nam. Việc dịch ô ạt không có hệ thống cũng là một nguyên nhân làm nghiên cứu văn học ở Việt Nam sau mấy chục năm vẫn chưa xuất hiện nhà lý luận, phê bình lớn nào, kể từ sau Hoài Thanh.

Nêu ra các bất cập trong du nhập, tiếp nhận lý thuyết phương Tây ở Việt Nam lâu nay, người viết không có ý đồ phủ nhận công sức của nhiều nhà nghiên cứu văn học vẫn miệt mài làm công việc trong thầm lặng để đóng góp với văn học. Nhưng vẫn phải lên tiếng vì việc tiếp nhận lý thuyết phương Tây đang có sự bất cập, có tác giả làm ra công trình lý luận, nghiên cứu, phê bình có màu sắc vô thuởng, vô phạt, thậm chí là có hại mà vẫn "kể công" trước xã hội. Họ quên một điều là bất kỳ lý thuyết nào cũng chỉ là một loại công cụ. Và một trong những điều quan trọng nhất đối với một nhà lý luận, nghiên cứu, phê bình văn học là tình yêu sâu sắc với văn chương, tiếp nhận một cách bản chất các lý thuyết thích hợp với đối tượng nghiên cứu hay phê bình, chứ không chạy theo "hót ngọn" các lý thuyết từ nước ngoài để làm công việc "múa gậy vườn hoang"!

"TÂY HÓA" NHƯ THẾ CHỈ LÀM PHAI NHẠT VÀ MẤT BẢN SẮC!*

ANH THI

Quá trình hội nhập thế giới diễn ra tại Việt Nam từ những năm cuối thế kỷ XX đến nay, đã làm cho một số người hổn hển về một "thế giới phẳng" có khả năng xóa nhòa mọi khoảng cách và trong khi có người thể hiện sự lạc quan thái quá về sự ra đời của "thế hệ công dân toàn cầu" thì trên thực tế, lại xuất hiện một số vấn đề cần phải xem xét cẩn trọng.

Hiện tượng một bộ phận người Việt Nam quan niệm phải lấy tên Tây, hay nói năng phải có vài "tiếng Tây",... đã xuất hiện từ thời Pháp thuộc, và được tác giả Nam Xương khái quát qua nhan đề một vở kịch đã trở thành một thành ngữ, là... Ông Tây An Nam! Hiện tượng này tưởng chừng đã phai nhạt nhưng gần đây có xu hướng quay lại, khi mà với rất nhiều người, học tiếng Anh được coi như một thứ "mốt". Đương nhiên, việc học tập từ bất cứ phương diện nào cũng là cần khuyến khích; nhưng học theo trào lưu, học không rõ để làm gì thì sẽ chẳng dẫn đến đâu; bởi vậy, có đạo dư luận xã hội gọi các trung tâm tiếng Anh là "trung tâm hẹn hò"! Cùng với đó là "làn sóng phổ cập tiếng Anh", mà biểu hiện rõ nhất là trào lưu đặt tên công ty, tên nhà hàng, cửa hiệu bằng tiếng nước ngoài.

Cho đến nay, số công ty hay doanh nghiệp được coi là "thức

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 7-11-2014.

"thời" vì đã nắm bắt cơ hội, nhanh chóng thành lập dưới những cái tên "quốc tế", có "tính toàn cầu" cùng các biển hiệu, biển quảng cáo viết bằng tiếng nước ngoài xuất hiện rất nhiều, kể cả khi công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ít có liên quan tới yếu tố nước ngoài. Tới bất kỳ thành phố, thị xã, thị trấn, thậm chí khu vực trung tâm hành chính của một làng xã có hoạt động kinh doanh là sẽ gặp các cửa hàng có sản phẩm Việt Nam bán cho người Việt Nam nhưng lại trưng ra mấy cái biển hiệu nước ngoài, đôi khi sai ngữ pháp đến tệ hại mà ngay người nước ngoài cũng "chào thua" vì không sao hiểu nổi. Không chỉ thế, những dòng chữ này luôn có kích cỡ lớn, choán gần hết biển hiệu, trong khi chữ tiếng Việt bị co lại ở một góc nhỏ nằm phía dưới. Thậm chí không ít cửa hiệu chỉ trưng biển hiệu quảng cáo bằng tiếng Anh. Ở Hà Nội, các tuyến phố thương mại lớn, khu phố cổ, nhất là phố Hàng Bè, Mã Mây, Hàng Hành, Bảo Khánh,... luôn dày đặc loại biển hiệu hoàn toàn bằng tiếng nước ngoài, như muốn cho thấy sự "Tây hóa triệt để".

Thời gian gần đây, ở Việt Nam xuất hiện các thương hiệu cà phê như "Urban Station", "Passio". Nhìn vào cách bài trí theo kiểu phương Tây tại các cửa hàng gắn với thương hiệu này, nhiều người sẽ nghĩ đó đều là các thương hiệu giải khát mới du nhập từ nước ngoài, giống như trường hợp của Starbucks hay Twitter Bean; thế nhưng thực chất đây là thương hiệu cà phê nội! Tất nhiên là người đặt thương hiệu có lý lẽ để biện minh cho việc làm này, nào là cạnh tranh với hàng ngoại, nào là để hội nhập, nào là tâm lý người tiêu dùng v.v. và v.v.. Nhưng với cách lý giải như thế, khi hiện tượng trở nên phổ biến thì ngày nào đó, liệu chúng ta có phải chấp nhận tình trạng mọi sản phẩm Việt Nam đều mang tên Tây; liệu khi đó từ điển văn hóa trên thế giới sẽ không còn các từ như "phở", "áo dài",... và tất cả sẽ được thay thế bằng những cái tên đã được "quốc tế hóa" kiểu như The Garden, Royal City, Keangnam, Time City? Đó là một nguy cơ, nguy cơ đánh mất đặc trưng riêng của các

thương hiệu Việt được xác lập bằng chính ngôn ngữ dân tộc. Và sẽ có ngày đến Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị ở Việt Nam, du khách sẽ không còn thấy hấp dẫn, vì ở đó thiếu bản sắc và chỉ như là bản sao của đô thị phương Tây.

Trong giao tiếp hằng ngày, xu hướng tiếng Việt "đá tiếng Tây" ngày càng trở nên phổ biến trong giới trẻ. Anh G.Ruen - người Canada nhiều năm sống ở Việt Nam, có tên Việt là "Dâu Tây", từng than phiền trong một bài viết rằng: "Đôi khi nghe người Việt ở tuổi "phát triển sự nghiệp" nói chuyện với nhau, tôi tiếc những năm tôi bỏ ra để học tiếng Việt". Và anh liệt kê vô số lỗi diễn đạt do sử dụng tiếng Việt lẫn tiếng Anh, thí dụ: "Em làm bên finance", "Cái background của em ấy là gì?",... và các câu nói này thường được một số người sử dụng trong giao tiếp hằng ngày. Vậy giao tiếp giữa người Việt với người Việt sao phải dùng tiếng Anh, nhất là khi trong tiếng Việt có từ tương đương để diễn đạt, như trong các trường hợp kể trên thì finance là tài chính, background là lý lịch?

Lo ngại hơn là làn sóng lai căng ngôn ngữ được cổ súy và nhân rộng bởi cái gọi là "giới showbiz" - những người được coi là có ảnh hưởng đến sinh hoạt cộng đồng, nhất là lớp trẻ. Chỉ sau vài năm, hàng loạt ca sĩ, diễn viên có nghệ danh nửa Tây nửa ta đã trình làng như: Hamlet Trương, Elly Trần, Angela Phương Trinh, Noo Phước Thịnh, Wanbi Tuấn Anh, Cường Seven, Nakun Nam Cường, Akira Phan, Reno Bình, Nukan Trần Tùng Anh,... Lại có ban nhạc, ca sĩ đặt tên hoàn toàn bằng tiếng nước ngoài như: 365 band (với các thành viên có tên là: Issac, Jun, Tronie, S.T và Will), ca sĩ Maya, Chan Than San,... Theo đó là ca khúc có ca từ trộn lẫn tiếng Việt và tiếng Anh ra đời. Với xu thế hội nhập, ca từ một bài hát được dịch ra nhiều ngôn ngữ là bình thường và cần thiết, nhưng loại bài hát có ca từ một câu tiếng Việt chèn một câu tiếng Anh như: "Why it's me? Làm sao đây? Trước mắt tôi là... Tell me... Khi tất cả yêu thương sau lưng chỉ là dối trá. I can't suffer unpredictable things you did to

me" (trích ca từ bài hát *Không cần thêm một ai nữa* của Mr. Siro và Big Daddy) thì đúng là không sao hiểu nổi, nếu không nói khó có thể chấp nhận. Không chỉ mang nghệ danh Tây, viết ca khúc nửa Tây nửa ta, một số ca sĩ còn đặt tên nước ngoài cho đĩa nhạc như: Today (Ngày hôm nay), Diamond Noir (Kim cương đen), Yesterday and Now (Ngày ấy và bây giờ), Non stop (Không dừng lại), To the beat (Nhịp đậm), Unmake up (Không trang điểm)... Không rõ các đĩa nhạc đó được sản xuất dành cho ai?

Đáng tiếc là các sản phẩm này xuất hiện trên một số chương trình truyền hình, chương trình nghệ thuật và khó có thể nói chúng lại không khuyến khích giới trẻ chạy theo xu thế lai tạp ngôn ngữ một cách tùy tiện và chào đón như trào lưu thời thượng. Vì vậy, không khó hiểu khi vào các mạng xã hội hiện nay, có thể thấy nhiều người trẻ chọn cho mình một tên nước ngoài. Họ tự hào về cái tên đó, thậm chí có người chán ghét cả tên khai sinh mà bố mẹ đặt cho mình với bao yêu thương, trìu mến. Họ nói chuyện với nhau bằng ngôn ngữ chẳng ra Tây, chẳng ra ta. Tại sao không dùng chính ngôn ngữ mẹ đẻ của mình để sáng tạo, để khẳng định mình? Tại sao phải vay mượn ngôn ngữ của nước khác? Những ai đang cố "Tây hóa" có biết năm 2013 tại Nhật Bản, cụ H.Takaha-si 71 tuổi khởi kiện Đài truyền hình quốc gia (NHK) vì đã dùng quá nhiều từ vay mượn của tiếng Anh khiến cụ cảm thấy bị ức chế; cụ yêu cầu bồi thường 1,4 triệu yên (14.300 USD). Không bàn tới kết quả kiện, mà từ phương diện văn hóa, có thể thấy đây là lời cảnh tỉnh với nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển trong khi tham gia vào quá trình toàn cầu hóa. Cần lưu ý là chính tại các nước đang phát triển, việc sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ đã trở thành vấn đề có tính pháp quy. Vì thế, trong khi các quốc gia như Pháp, Mỹ, Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc,... luôn luôn dành một phần ngân sách rất đáng kể để quảng bá ngôn ngữ, kèm theo đó là quảng bá văn hóa của nước mình đến các nước khác trên thế giới, thì một số người trong chúng

ta lại đang tự làm yếu đi ngôn ngữ mẹ đẻ của mình, phải chăng việc làm đó lại được coi là hội nhập với thế giới?

Trong quá trình hội nhập, toàn cầu hóa, chúng ta hết sức giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc, và một giá trị hàng đầu của bản sắc chính là tiếng Việt - tài sản văn hóa vô giá của dân tộc ta. Ở Việt Nam, Luật quảng cáo được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 2012. Theo đó, tiếng nói, chữ viết trong quảng cáo phải có nội dung thể hiện bằng tiếng Việt, trừ các trường hợp như: nhãn hiệu hàng hóa, khẩu hiệu, thương hiệu, tên riêng bằng tiếng nước ngoài hoặc từ ngữ đã được quốc tế hóa không thể thay thế bằng tiếng Việt. Trong trường hợp sử dụng cả tiếng Việt, tiếng nước ngoài trên cùng một sản phẩm quảng cáo thì khổ chữ nước ngoài không được quá ba phần tư khổ chữ tiếng Việt, phải đặt bên dưới chữ tiếng Việt. Luật quy định như vậy, song chưa được tuân thủ nghiêm chỉnh và chế tài xử phạt của cơ quan chức năng chưa đủ chặt chẽ và quyết liệt. Nên có thể nói trên thực tế, việc vi phạm trong lĩnh vực biển hiệu quảng cáo, việc buộc doanh nghiệp đăng ký thương hiệu theo tên Việt vẫn còn buông lỏng. Hiện nay, một số tỉnh, thành phố đã bước đầu kiểm tra, chấn chỉnh, như ngày 24-6 vừa qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Chỉ thị số 18 nhằm chấn chỉnh biển hiệu quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh. Gần đây nhất, Chỉ thị số 25 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, trong đó nêu rõ: biển hiệu có nội dung chữ nước ngoài không đúng quy định sẽ bị xử lý. Mong rằng các biện pháp kiên quyết góp phần làm lành mạnh sinh hoạt văn hóa sẽ được thực hiện trên mọi tỉnh, thành phố. Còn với mỗi người Việt Nam, nếu không góp phần để làm đẹp hơn, phong phú hơn tiếng mẹ đẻ, thì cũng không được bóp méo, cố tình lai căng ngôn ngữ của dân tộc, cho dù hội nhập tới đâu thì chúng ta vẫn tự hào là người Việt Nam.

BÀN VỀ HIỆN TƯỢNG "CHẢY MÁU CHẤT XÁM"*

DUY KHIÊM

Nhiều năm qua, "chảy máu chất xám" được coi là một hiện tượng phức tạp, buộc nhiều quốc gia cần xem xét và điều chỉnh, từ đó có chính sách, biện pháp khắc phục. Bởi, dù thế nào thì trong thế giới hiện đại, sự phát triển của mỗi quốc gia luôn cần tới vai trò của tri thức, trí tuệ. Ở đây, vấn đề đặt ra cho mỗi người lao động trí óc là tâm nguyện cống hiến cho Tổ quốc, là sự đồng cảm và chia sẻ với những khó khăn của đất nước; bên cạnh đó là vai trò của Nhà nước trong việc tạo điều kiện tốt nhất để các chủ nhân của "chất xám" sống và cống hiến một cách tốt nhất.

1. Lâu nay, khi nói về tình trạng chảy máu chất xám, người ta vẫn thường hình dung về việc nguồn chuyên gia, nhân lực khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ từ các nước có mức sống thấp, rời bỏ Tổ quốc, sang sinh sống tại những quốc gia có điều kiện để hoạt động khoa học, có chế độ đãi ngộ cao hơn như Hoa Kỳ, Nhật Bản và các nước phương Tây (theo nghĩa rộng nhất của khái niệm này bao gồm cả các quốc gia có điều kiện kinh tế phát triển của Liên minh

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 9-11-2012.

châu Âu như Anh, Pháp, Đức, Na Uy, Thụy Điển, Thụy Sĩ...). Điều này là không thể phủ nhận, và chỉ nhìn vào danh sách những người đoạt giải thưởng Nobel cũng có thể thấy rõ. Tính từ khi được thành lập vào năm 1911 đến nay, giải thưởng Nobel đã được trao trong 109 "mùa" với hơn 800 cá nhân, tổ chức được nhận thuộc các lĩnh vực Vật lý, Văn học, Kinh tế, Hóa học, Hòa bình và Y học.

Như vậy, ngoại trừ giải Nobel Hòa bình mà dường như là thuộc khu vực chịu ảnh hưởng của đời sống chính trị, giải Nobel Văn học là giải thưởng duy nhất thuộc lĩnh vực nghệ thuật, còn lại, giải Nobel chủ yếu là một giải thưởng hướng tới lĩnh vực khoa học. Căn cứ theo danh sách những quốc gia sở hữu nhiều giải thưởng Nobel nhất trong tất cả các lĩnh vực, đứng đầu vẫn là các quốc gia phương Tây: Anh (116 giải), Đức (102), Pháp (65) và nhiều nhất là Hoa Kỳ (337 giải). Ở những quốc gia này đã thật sự tạo nên một môi trường tốt cho các hoạt động nghiên cứu khoa học (tạm thời không nói đến các hoạt động sáng tạo văn học - nghệ thuật, bởi lĩnh vực này vận hành theo những lôgic khác). Lấy riêng trường hợp Hoa Kỳ, trong số hơn 300 giải thưởng dành cho các công dân quốc gia này, có đến 82 trường hợp trao cho những công dân sinh ra tại những quốc gia khác tối sinh sống tại Hoa Kỳ, chiếm gần 25%. Đây là chưa nói tới trường hợp công dân mới nhập cư tại Hoa Kỳ trong khoảng một, hai thế hệ mà dấu vết "cố quốc" vẫn còn có thể nhận biết qua tên tuổi của họ. Chỉ riêng việc đó cũng đủ nói lên sức hút mạnh mẽ đến mức nào của Hoa Kỳ đối với những bộ óc đến từ các quốc gia khác. Quy luật này cũng đúng với những lĩnh vực khác như kinh tế, kỹ nghệ, nghệ thuật. Một hiện tượng rõ nét là nhiều quốc gia phát triển đã trở thành "đất hứa" thu hút nghệ sĩ, chuyên gia, khoa học gia, trí thức từ những quốc gia đang hoặc chậm phát triển. Tất nhiên, cuộc sống tại "đất hứa" ra sao lại là chuyện hoàn toàn khác.

2. Có một câu hỏi đặt ra, liệu tình trạng chảy máu chất xám có phải chỉ giới hạn trong một hiện tượng có thể nhìn thấy được nói trên? Đầu năm 2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo nước ta đã tổng kết hơn mươi năm hoạt động của Đề án 322, một đề án được hình thành vào năm 2000 với mục tiêu là đào tạo cán bộ tại những cơ sở giáo dục nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước với những ngành mà Việt Nam thiếu hoặc chất lượng chưa đạt chuẩn quốc tế. Trong mươi năm hoạt động của Đề án, với một nguồn ngân sách hơn 2.500 tỷ đồng (theo nguồn công bố của Bộ Giáo dục và Đào tạo), 7.129 ứng viên trúng tuyển đã được gửi đi đào tạo ở các cơ sở giáo dục tiên tiến tại nhiều nước trên thế giới, trong đó có 3.838 tiến sĩ, 2.042 thạc sĩ, 416 thực tập sinh và 833 cử nhân. Cũng theo nguồn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 95% số lưu học sinh đã về nước đúng thời hạn và đã hoàn thành nhiệm vụ đào tạo, 2% số lưu học sinh được chuyển tiếp lên các cấp học cao hơn, và chỉ có 3% là không hoàn thành nhiệm vụ, trở về muộn hoặc không trở về. Nhìn một cách tổng thể, Đề án 322 là một minh chứng thể hiện những nỗ lực của Nhà nước ta trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, đồng thời bảo đảm tính công bằng về cơ hội trong lĩnh vực đào tạo. Nhờ Đề án, ngay cả những nghiên cứu sinh, học viên cao học có điều kiện kinh tế hết sức khó khăn cũng có thể thực hiện được ước mơ khoa học của mình là được đào tạo tại những cơ sở đào tạo có uy tín trên thế giới. Những con số nói trên cũng chứng tỏ trách nhiệm cao của các cấp quản lý trong việc chống thất thoát nguồn kinh phí dành cho những mục tiêu có tính chiến lược quốc gia, đồng thời, cũng cho thấy quyết tâm của lưu học sinh trong việc trở về phục vụ Tổ quốc. Mặc dù trong quy định có yêu cầu cụ thể về việc bồi thường kinh phí đào tạo nếu lưu học sinh không về phục vụ cơ sở cũ, nhưng rõ ràng, với những lời mời từ những tổ chức khoa học, kinh tế, đào tạo nước

ngoài dành cho các tân thạc sĩ, nhất là tân tiến sĩ thì việc bồi thường nguồn kinh phí này không phải là quá khó nếu muốn; vì thế, nếu có sự từ chối từ phía lưu học sinh thì điều đó càng cho thấy trách nhiệm của từng lưu học sinh với đất nước.

Tuy vậy, ngay khi Đề án khép lại, có một vấn đề đã được đặt ra một cách nghiêm túc, là hiệu quả hoạt động nghiên cứu của lưu học sinh sau khi trở về đơn vị công tác cũ. Các con số thống kê mới chỉ nói về việc lưu học sinh hoàn thành nhiệm vụ và trở về, mà chưa có một nghiên cứu đầy đủ và nghiêm cẩn về hiệu quả hoạt động khoa học của các nghiên cứu sinh này (ít nhất là thông qua những công trình khoa học, phát minh và nghiên cứu khoa học công bố quốc tế, một nguồn dữ liệu hoàn toàn có thể kiểm chứng được). Theo điều tra của một số tờ báo, không ít nghiên cứu sinh sau khi trở về đã phải từng bước "hoãn vô thời hạn" hoặc rời bỏ hẳn hoạt động nghiên cứu khoa học vì nhiều lý do: môi trường khoa học còn bảo thủ, chưa chấp nhận thay đổi đến từ bên ngoài; điều kiện hoạt động khoa học thiếu thốn (thiếu kinh phí nghiên cứu; nghèo nàn cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, thư viện...) và đặc biệt là những vấn đề của đời sống vật chất khiến nhiều nhà nghiên cứu phải đặt khoa học sang một bên để lao vào các công việc mưu sinh. Như vậy, vấn đề "chảy máu chất xám" không chỉ là những vết "ngoại thương" khi người được đào tạo rời bỏ Tổ quốc, di dân đến các quốc gia phát triển, mà còn là những vết "nội thương" khi nguồn chất xám chất lượng cao không phục vụ cho các mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, mà nhiều khi bị lãng phí trong những mục đích tầm thường của cuộc sống (nhưng không hề tầm thường với mỗi cá nhân). Nhìn một cách sâu xa, những vết "nội thương" để lại những hậu quả tai hại còn hơn cả những vết "ngoại thương". Bởi lẽ một chuyên gia, một nhà khoa học nếu còn có những liên hệ với đất nước thì đến một lúc nào đó, sau khi vượt

qua được những vấn đề trước mắt, họ vẫn có thể có những đóng góp quan trọng cho Tổ quốc. Nhưng nếu một nhà khoa học bị "chết mòn" trong những điều nhỏ nhặt của cuộc mưu sinh hoặc bị những cơ chế bảo thủ, trì trệ trói buộc, thì rất nhiều khả năng, chỉ sau một khoảng thời gian mười năm, giới khoa học sẽ mất đi một nhà khoa học.

3. Trở lại với một trường đại học hàng đầu của Việt Nam hiện nay trong lĩnh vực khoa học xã hội. Cách đây chưa lâu, một tiến sĩ trẻ xuất thân từ một gia đình trí thức có nhiều đóng góp cho nền giáo dục của nước Việt Nam được đào tạo cao học và nghiên cứu sinh tại những trường đại học hàng đầu thế giới, đã buộc phải từ bỏ cơ sở đào tạo này sau quá trình học tập tại nước ngoài. Điều đáng nói là sau khi trở về, vị tiến sĩ trẻ này đã góp phần thành lập nên một trong những ngành khoa học hết sức mới mẻ ở Việt Nam. Một trong các lý do phải rời bỏ nơi chị đã dành nhiều tâm huyết, chính là việc nhà trường không dành cho chị bất cứ ưu đãi nào khi vẫn buộc chị phải tham dự kỳ thi tuyển dụng công chức. Điều này cho thấy con đường "cầm máu" những "vết thương" chất xám cần phải được bắt đầu từ hai phía. Một mặt, như đã được nói, từ phía cơ sở đón nhận người lao động trở về từ nước ngoài, cần phải có một hệ thống chính sách cân bằng được giữa nhiều mặt: tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động khoa học; cải thiện hệ thống đai ngô (cả vật chất lẫn tinh thần) đồng thời với một hệ thống kiểm soát hiệu quả công tác thật sự hữu hiệu, chính xác. Dẫu vậy, vẫn cần phải nói rằng, trong hoàn cảnh của Việt Nam hay bất cứ một quốc gia nào có cùng điều kiện kinh tế - xã hội như Việt Nam, những chính sách theo kiểu "trải thảm đỏ tiếp đón" sẽ mãi mãi có một khoảng cách với các quốc gia phát triển. Đến đây, sẽ lại đặt ra vấn đề từ phía khác. Nhìn lại lịch sử Việt Nam, đã có không ít giai đoạn chúng ta được chứng kiến cuộc trở về của những trí thức từ

những nơi đây đú nhất trên thế giới. Đầu thế kỷ XX trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chúng ta đã có một thế hệ trí thức như thế, từ bỏ tất cả, không phải chỉ tiệm nghi, không phải chỉ vật chất, đãi ngộ, điều kiện mà quan trọng hơn là từ bỏ cả chính "cái tôi", lột xác về tư tưởng để có thể trở về với dân tộc và Tổ quốc một cách đúng nghĩa. Phải chăng, chính mỗi người trở về hôm nay cũng nên đặt câu hỏi: Liệu chúng ta đã dám từ bỏ những gì để đánh đổi, lấy lại những gì quan trọng nhất làm nền phẩm giá trí thức? Phải chăng, đã đến lúc, tinh thần của Trần Đại Nghĩa, Trần Đức Thảo, Lương Định Của, Nguyễn Khắc Viện,... một lần nữa cần được nhân lên trong mỗi người lao động trí óc hôm nay?

CÂN NHẮC KHI SÁNG TẠO

THỂ LOẠI KINH DỊ*

VIỆT QUANG

Từ một thể loại trong văn học phương Tây thế kỷ XIX, cho đến nay, kinh dị (horror) đã có mặt trong một số loại hình nghệ thuật khác. Dẫu vậy, trong giới phê bình học thuật, kinh dị vẫn còn là thể loại gây nhiều tranh cãi. Vì thế sự có mặt của thể loại kinh dị trong văn học, nghệ thuật Việt Nam gần đây liệu có phải là một tất yếu khách quan?

Một số nhà nghiên cứu ở phương Tây cho rằng, thể loại kinh dị vốn hình thành từ nỗi sợ hãi, sự khủng hoảng lòng tin của con người phương Tây với hệ thống đạo đức, tôn giáo truyền thống mà họ từng tự hào. Vậy mà vài năm gần đây, tại Việt Nam lại rộ lên phong trào sáng tác có khuynh hướng kinh dị từ văn học tới sân khấu, điện ảnh... Khuynh hướng này lôi cuốn sự chú ý từ một số nghệ sĩ nổi tiếng đến người mới bắt đầu sự nghiệp sáng tác. Có lẽ sự thành công về thể loại kinh dị trong vài thập niên gần đây của một số tên tuổi đến từ châu Á như Giêm Ung (James Wong), Pác Chan Úc (Park Chan Wook) trong điện ảnh, Hi-ga-si-nô Kây-gô (Higashino Keigo) trong văn học,... đã kích thích một số nghệ sĩ Việt Nam thử nghiệm thể loại này? Ở Việt Nam trước năm 1945, các tác giả như Thế Lữ, Tchya Đái Đức Tuấn từng viết tác phẩm có

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày ...2012.

xu hướng kinh dị song không mấy thành công. Thế Lữ có loạt tác phẩm mà đến nay ít người nhắc tới như: *Trại Bồ Tùng Linh, Ba hồi kinh dị, Con quỷ truyền kiếp...* Còn phim kinh dị đầu tiên của Việt Nam được cho là *Con ma nhà họ Hứa* ra đời ở miền Nam vào thời điểm khá muộn, năm 1972.

Tuy nhiên, thể loại kinh dị gần như không phát triển trong văn học, nghệ thuật Việt Nam, và chỉ thật sự được nhắc đến khoảng 20 năm nay. Điều này có lẽ trước hết là do số lượng sản phẩm kinh dị (trong điện ảnh, văn học, trò chơi điện tử, âm nhạc...) du nhập qua hai hình thức: công khai (do nhà xuất bản phát hành, chiếu tại rạp, trình diễn trên sân khấu) và bất hợp pháp (qua internet, buôn lậu) ngày một gia tăng. Tiếp đó là vai trò của một số đạo diễn gốc Việt khi khai thác một thể loại tưởng chừng đã bị "bỏ hoang", cụ thể là trường hợp Victor Vũ với các bộ phim mang yếu tố kinh dị, giật gân; bên cạnh đó, Bùi Thạc Chuyên, Nguyễn Quang Hải (trong điện ảnh), Gia Bảo (sân khấu), Di Li (văn học),... cũng góp phần cho sự gia tăng sản phẩm văn học, nghệ thuật thuộc thể loại này. Chưa kể lễ hội có chứa đựng yếu tố kinh dị như Halloween có nguồn gốc phương Tây, cũng được một số bạn trẻ Việt Nam tung hô với sự hỗ trợ của một số địa chỉ truyền thông!

Theo ý kiến hai nhà phê bình D.Brodwell và K.Thompson thì: kinh dị có thể nhận diện chủ yếu bởi hiệu quả cảm xúc nhầm vào khán giả; cụ thể là mục đích gây sốc khiến người xem ghê tởm, khó chịu - tóm lại là gây khiếp đảm, sợ hãi từ những nhân vật, thế lực không hiện hữu, không thể giải thích. Cũng theo hai nhà phê bình này, dòng phim kinh dị luôn bám sát các vấn đề thuộc đời sống con người phương Tây, các phim của Mỹ một thời phản ánh mối quan tâm về sự đổ vỡ của gia đình kiểu Mỹ; sau đó lại đề cập tới nỗi lo âu của lớp thanh niên về bạo lực, tình dục... Lịch sử văn học, nghệ

thuật Việt Nam đã từng biết đến một số tác phẩm có thiên hướng kỳ ảo, ma quái, nhưng đó tuyệt nhiên không phải là tiên đề hình thành tác phẩm kinh dị sau này. Một số tác giả văn học, nghệ thuật thời trung đại chủ yếu mượn truyện thần tiên, ma quái để nói về các vấn đề cuộc sống. Không chỉ vậy, đôi khi ma quỷ còn hiện lên để minh chứng cho sự kém cỏi của nó trước các vị cao tăng, đạo sĩ, nhà nho, vị vua tài đức. Truyền kỳ mạn lục, được cho là phỏng theo tập truyện có ít nhiều yếu tố kinh dị là *Tiễn đăng tân thoại* của Cù Hựu cũng có các điểm khác biệt. Thí dụ, nếu *Chiếc đèn hoa mẫu đơn* (Mẫu đơn đăng ký) của Cù Hựu là truyện ma ám ảnh trong đó yêu quái biến hóa thành thiếu nữ để bắt hồn những chàng trai trẻ, thì *Cây gạo* (Mộc miên thụ ký) của Nguyễn Dữ lại là một truyện tình si mê giữa người và ma. Hắn là vì thế, trong buổi đầu thể loại kinh dị ở Việt Nam, Thế Lữ và Tchya Đái Đức Tuấn đã phải mượn mô típ truyện phương Tây, hình tượng ma quái ở châu Á hoặc của một số dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Và điều này có thể là một yếu tố giúp lý giải vì sao thể loại kinh dị hầu như không tiến triển trong một thời gian dài, dù du nhập khá sớm.

Phim kinh dị ngoại nhập đang tràn ngập tại các rạp chiếu bóng tại Việt Nam chủ yếu vì chi phí nhập khẩu những bộ phim này ít hơn so với các phim "bom tấn" khác.Thêm nữa, phim kinh dị vốn là dòng phim "một vốn bốn lời" tại chính nơi sinh ra nó. Giá thành sản xuất các bộ phim này tại Mỹ đôi khi không cao, ngoài việc hóa trang cho diễn viên sao thật đáng sợ, các khâu kịch bản, quay phim, dựng cảnh,... thực hiện khá đơn giản, sơ sài, nhưng kỹ xảo được sự hỗ trợ rất lớn của công nghệ. Do ảnh hưởng của yếu tố thương mại, nhiều nhà làm phim Mỹ chủ tâm nghiên cứu các thủ pháp hù dọa, kích động sự tò mò của khán giả hơn là xây dựng câu chuyện phức tạp, có chiều sâu như ở các thời kỳ trước. Giá trị của phim kinh dị, kịch kinh dị của Việt Nam còn thấp hơn nữa. Do

nhiều nguyên nhân khác nhau, các tác giả Việt Nam không... dọa khán giả, thay vào đó, họ còn tạo ra các tình tiết gây cười, đôi khi khá thô thiển. Nên một bộ phận khán giả Việt Nam hiện nay xem phim hay kịch kinh dị như không phải để thưởng thức nghệ thuật, có người nói vui xem phim kinh dị để giảm calo vì khoa học chứng minh con người phải tiêu thụ năng lượng nhiều hơn khi theo dõi tác phẩm loại này (!). Một bộ phận công chúng thì xem phim kinh dị chỉ vì ở đó có diễn viên hài họ yêu thích thủ vai như *Lời nguyện huyết ngải* (có danh hài Thành Lộc), *Quả tim máu* (có danh hài Thái Hòa). Các vở kịch kinh dị muốn đắt khách cũng luôn phải nhấn mạnh yếu tố hài hước. Có người thậm chí còn xem phim, kịch kinh dị chỉ vì... "ma nữ" quá đẹp (?). Rồi trên internet hiện xuất hiện vô số "diễn đàn truyện ma", nơi để mọi người đua nhau chia sẻ các câu chuyện có nội dung thô tục, miêu tả rùng rợn như là kích động sự tò mò? Sau đó lập tức chia sẻ đường link với tốc độ chóng mặt nhằm "câu like". Một số người còn viết lời dẫn như: "nếu bạn không đọc câu chuyện này bạn sẽ chết", "nếu bạn không chia sẻ điều này bạn phải trả giá"... Rồi những bức tranh, bài hát buồn thảm, lỗi của trò chơi điện tử cũng bị một số người gán ghép vào tin đồn rùng rợn. Chẳng hạn, bức tranh về một cô gái được cho là khi nhìn vào sẽ khiến độc giả muốn chết, hay một bài hát được coi là "bài hát tự tử của người Hungary"! Thực ra, bức tranh cô gái được vẽ bởi một họa sĩ người Thái Lan, không liên quan gì tới nhiều truyện bịa đặt tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam. Còn cái gọi "bài hát tự tử của người Hungary" vốn là bài *Chủ nhật u ám* (Gloomy Sunday) - bản nhạc không lời lấy cảm hứng từ nỗi đau của người dân nước này khi Tổ quốc bị chiến tranh tàn phá.

Có thể thấy, thể loại kinh dị ra đời trên cơ sở các đặc trưng riêng của một nền văn hóa. Sau gần một thế kỷ du nhập vào

Việt Nam, thể loại này vẫn chưa thể hòa nhập, thậm chí là có yếu tố lai căng, có khả năng trở thành "rác văn hóa", đưa lại hậu quả xấu trong nhận thức của một bộ phận khán giả, độc giả. Hơn nữa, trong số các trường hợp thành công với thể loại kinh dị của một số tác giả châu Á cũng chỉ có tính hiện tượng, khó có thể so sánh với đội ngũ làm phim kinh dị thành danh tại Mỹ hoặc châu Âu. Bởi các tác giả Pác Chan Úc, Bông Chun Hô đâu phải đã xây dựng thể loại kinh dị trong điện ảnh Hàn Quốc nói riêng, hay nền nghệ thuật của nước họ nói chung. Từ mô típ đến hình tượng nhân vật trong phim của họ đều chịu ảnh hưởng của văn hóa phương Tây, như phim *Thèm khát* của Pác Chan Úc lấy cảm hứng từ câu chuyện một vị linh mục bị sa ngã trước các ham muốn tội lỗi.Thêm vào đó, các đạo diễn kể trên gần đây đều tham gia hợp tác làm phim với các hãng phim phương Tây, cộng tác với các diễn viên của Hollywood. Riêng Giêm Ung còn thân quen với Hollywood từ rất sớm, khi tất cả các bộ phim của ông đều được sản xuất tại Hollywood, bối cảnh, diễn viên phương Tây. Ngoài việc là người Mỹ gốc Á (sinh ở Hồng Kông, Trung Quốc), ông không hề liên quan tới nền điện ảnh cố quốc. Do đó, phong cách làm phim của họ quá tương đồng với điện ảnh Hollywood, cho nên khó có thể coi họ là những người đã đóng góp cho sự phát triển của thể loại phim kinh dị trong nền điện ảnh tại quê hương họ. Câu chuyện về bức tranh yêu nữ trong bộ phim hoạt hình của Rôbốt Chang (Robert Chang) bị nhầm là "bức họa tử thần" cũng mang ý nghĩa như thế.

Với những phân tích nêu trên, có thể thấy nghệ thuật của một số nước châu Á, trong đó có Việt Nam, không thể là địa chỉ thích hợp cho thể loại phim kinh dị hình thành và phát triển. Thiết nghĩ, đã đến lúc các tác giả, nghệ sĩ Việt Nam cần cân nhắc một cách kỹ lưỡng trước khi tiến hành những thử nghiệm về thể loại phim kinh dị, tránh gây hiểu lầm, ngộ nhận trong công chúng. Vả lại,

tiếp biến văn hóa là để tiếp tục sáng tạo chứ không phải thấy nghệ thuật nước ngoài có cái gì thì nghệ thuật nước ta cũng phải tìm tới cái đó. Vì điều này chưa hẳn là sự đóng góp, xây dựng nghệ thuật mà hoàn toàn có thể đẩy tới sự ra đời của sản phẩm ngoại lai, thiếu chọn lọc vì chưa tìm hiểu, nhận thức đầy đủ.

LUẬN BÀN VỀ VĂN HÓA ĐỌC*

VIỆT QUANG

Những hoạt động tôn vinh văn hóa đọc, những ngày hội sách được tổ chức mới đây là dấu hiệu tích cực, thiết thực nhằm góp phần khắc phục tình trạng người Việt Nam ít đọc sách. Tuy nhiên, một điều cần lưu ý là thống kê khả quan từ lượng sách đã mua chỉ phản ánh số lượng, chưa phản ánh chất lượng, hiệu quả của việc đọc sách như thế nào.

Thông kê số đầu sách đã xuất bản, số lượng sách được phát hành, tình trạng tồn tại của sách trong xã hội,... cho thấy người Việt Nam ít mua sách mới, ít đến thư viện, ít có thói quen đọc sách nơi công cộng,... là điều khó có thể bác bỏ. Có nhiều nguyên nhân lý giải vấn đề này, như: giá sách quá cao; ngành xuất bản chưa thích nghi với sự thay đổi từ bao cấp sang hạch toán kinh doanh; sự phát triển của hệ thống thư viện một thời lại làm nhiều người quan niệm sách là sở hữu tập thể ít nghĩ đến việc sở hữu tủ sách, xây dựng thư viện cá nhân (có lẽ vì thế, sự có mặt của các cửa hiệu cho thuê, mua bán sách cũ trở thành một nét đặc trưng trong sự tồn tại của sách ở Việt Nam); rồi công nghệ kỹ thuật phát triển khiến nhiều người suy giảm thói quen mua sách, đọc sách...

Với sự phát triển của internet, truyền hình kỹ thuật số, sách điện tử, con người có nhiều lựa chọn trong việc tiếp nhận tri thức,

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 12-12-2014.

khác với quá khứ - sách là nguồn cung cấp tri thức chủ yếu. Có thể coi đó là đặc điểm chung của thế giới hiện đại, mà hệ lụy từng làm một nhà văn hóa lớn như U.Ècô ở Italia phải lên tiếng. Tại Nhật Bản, doanh số sách in vẫn tăng trong nhiều năm qua nhưng ngành xuất bản của nước này cũng khẳng định sẽ khó có thể duy trì trong tương lai. Bên cạnh đó, internet còn tạo điều kiện cho nạn ăn cắp bản quyền hoành hành, một số người sao chép từ tài liệu, sách giấy đăng tải trái phép lên các diễn đàn, trang thông tin điện tử (dường như họ không coi việc đó gây hại cho tác giả, đơn vị xuất bản, thậm chí có người ngây thơ tin rằng hành động của họ là đóng góp cho việc truyền bá trí thức của nhân loại!). Sau cùng là tình trạng sách lậu, sách giả bày bán tràn lan,... trong khi việc xử lý lại thiếu tính rắn đe. Ở Việt Nam, gần đây nhất là trường hợp Công ty Trí Việt (First News) thua kiện cơ sở gia công sau in Huy Thi. Lý do: Trí Việt không bị thiệt hại vì số sách lậu đó chưa kịp lưu hành! Với 10 bản sách của Trí Việt được tuồn ra thị trường trót lọt thì thiệt hại của Trí Việt là rất lớn. Điều tương tự cũng xảy ra với các nhà xuất bản, công ty khác. Đáng lưu ý là ngay sách giáo trình, chuyên ngành kén người đọc cũng bị làm giả với giá bán đôi khi lại cao hơn giá bìa...

Văn hóa đọc không tỷ lệ thuận với sự phát triển của ngành xuất bản, và chất lượng sự đọc cũng không cùng chung tỷ lệ. Bằng chứng là các tập đoàn xuất bản ở các nước phương Tây vẫn kiểm lời ngay cả khi văn hóa đọc nước họ có hiện tượng đi xuống. Trong danh sách 100 cuốn sách bán chạy nhất mọi thời đại do nhiều tờ báo thống kê, các sách ra đời cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI chiếm phần lớn, dù chất lượng một số cuốn được xem là "có vấn đề". Có cuốn bị coi là dâm thư và dung tục, như *50 sắc thái* lại liên tục đứng đầu bảng xếp hạng sách bán chạy tại các thị trường Mỹ, Anh, Ôxtrâylia. Một số nhà phê bình ở các nước này lập ra một danh sách tiêu thuyết

không nên đọc, trong đó phần lớn là kiệt tác của nhân loại, vì theo họ: đọc các tác phẩm này quá tốn thời gian, công sức! Sách khoa học, nghiên cứu chuyên sâu cũng chung số phận, một số nhà nghiên cứu ở phương Tây ngạc nhiên khi thấy nhiều người dân nước họ còn thiếu kiến thức sơ đẳng về lịch sử, văn hóa, khoa học kỹ thuật, nhưng lại rất quan tâm tới người ngoài hành tinh, nền văn minh Atlantic, phi thuyền, đĩa bay (theo: C.Sagan trong cuốn *Thế giới bị quỷ ám: Khoa học như ngọn nến trong đêm*, Nhà xuất bản Thế giới, xuất bản năm 2014). Tại một số nước ở châu Á, không ít cuốn được tiêu thụ là sách ngôn tình, đam mỹ (truyện tình yêu đồng giới nam). Ở Trung Quốc, có thời gian đã nổi lên khuynh hướng sáng tác được gọi là "văn học lưu manh", với nhân vật chính là kẻ phản trắc, vô đạo đức thường nhờ có may mắn mà trở thành bá chủ võ lâm (!)... Liệu có thể coi người bỏ tiền mua các cuốn sách có nội dung như vậy là có văn hóa đọc, khi chính các cuốn sách đó có thể có hại cho họ? Hiện nay nhiều công ty, nhà xuất bản, báo chí than phiền rằng người Việt Nam ít mua sách, nhưng nhìn vào nhan đề các cuốn sách đã phát hành, như: *Buồn làm sao buông, Người yêu cũ có người yêu mới,...* có nên trách cứ người đọc không mua? đáng tiếc trong thực tế, vẫn có một bộ phận người đọc dễ dãi, tạo điều kiện cho những cuốn sách như vậy có cơ hội xuất hiện tại một số trang bán sách trực tuyến với lời quảng bá sách bán chạy nhất. Do đó, thay vì đánh giá từ số lượng sách đã bán được, một số nhà nghiên cứu, nhà báo đề xuất nên đánh giá từ số lượng tiêu thụ những sách kén người đọc, vì điều này mới phản ánh văn hóa đọc thật sự của người Việt Nam. Chẳng hạn, danh sách đầu sách bán chạy của Công ty Nhã Nam xuất hiện hai cái tên *Hoàng tử bé, Cuộc đời của Pi* cho thấy chất lượng độc giả của Việt Nam cũng ít sự khác biệt so với độc giả tại nhiều quốc gia trên thế giới. Alpha Book cũng có số lượng sách tiêu thụ ở mức trung bình khá với sách khoa học, tri thức phổ cập.

Tuy không thể so sánh với sách bán chạy khác nhưng có thể coi đó là một tiêu chí đánh giá chất lượng một bộ phận người đọc. Dẫu vậy, văn hóa đọc hoàn toàn có thể thay đổi nếu người đọc sách không rút ra được những bài học thiết thực từ sách vở. Nếu người đọc chỉ tìm đến các cuốn sách dạy làm giàu, hoặc đọc sách giải trí nhảm nhí điều gì sẽ làm giàu trí tuệ, nuôi dưỡng tâm hồn con người?

Có lẽ bộ phận gắn bó với việc đọc sách, biết lợi ích của sách chính là cán bộ nghiên cứu giảng dạy, sinh viên ở các trường đại học. Nhưng, nếu cứ nhìn vào thực trạng thì cần suy nghĩ lại về luận điểm trên. Thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thấy, nước ta hiện có khoảng 1,5 triệu sinh viên đại học, 724 nghìn sinh viên cao đẳng; 87 nghìn giảng viên cao đẳng, đại học (trong đó có khoảng 40.000 thạc sĩ, gần 10.000 tiến sĩ; chưa kể những người có học vị cao đang công tác trong các cơ quan, viện nghiên cứu, tổ chức trong và ngoài nước, học viên, sinh viên, cán bộ giảng dạy ở các trường an ninh, quốc phòng). Về nguyên tắc có thể xem đây là "lớp người đọc tinh hoa". Theo tiến trình đào tạo, mỗi sinh viên phải trải qua khoảng 40 môn học, vì thế ít nhất mỗi người cần đọc 40 cuốn sách (trung bình mỗi sinh viên cần đọc mười cuốn sách một năm); trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn, con số này có thể gấp nhiều lần; chưa kể, nếu sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học tại trường, số sách cần đọc còn cao nữa. Tuy nhiên, con số này xem ra khá ít ỏi nếu so với hàng trăm "tài liệu tham khảo" liệt kê ở nhiều luận văn, luận án. Đáng nể hơn, có khi một phần ba trong số "tài liệu tham khảo" là đầu sách bằng tiếng nước ngoài chưa được dịch tại Việt Nam. Thí dụ, Thư viện Quốc gia Hà Nội hiện còn lưu luận án Tiến sĩ Văn học mà danh mục tài liệu tham khảo là 302 đầu sách báo, tạp chí, bài viết, trong đó có 90 tài liệu tiếng Anh được nghiên cứu sinh tham khảo trực tiếp. Mọi so sánh đều có thể khập khiễng, nhưng con số này quả là

rất lớn ngay cả với luận án tiến sĩ ngành khoa học xã hội nổi tiếng của nước ngoài; như cuốn *Nước Việt Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa* vốn là luận án tiến sĩ của Yoshiharu Tsuboi chỉ có khoảng 150 tài liệu tham khảo. Không rõ nghiên cứu sinh sử dụng 302 tài liệu tham khảo như thế nào trong 200 trang luận án, vì rất nhiều trong số đó chỉ có tên trong danh mục nhưng không được trích dẫn, nếu những gì tham khảo đã "ngáu" vào tác giả thì chí ít tinh thần của chúng cũng thể hiện trong công trình, nhưng đọc kỹ vẫn không thấy dấu vết? Một số luận văn, luận án khác còn cho thấy học viên, nghiên cứu sinh có khả năng đọc tài liệu bằng ba, bốn thứ tiếng nước ngoài (!). Đáng quan tâm hơn là một số nghiên cứu có tính chất cá nhân của một số tác giả Việt Nam, dù chỉ là tiểu luận hoặc bài báo cũng ghi chú, danh mục tài liệu tham khảo dày đặc. Có người coi đó là biểu hiện của thao tác nghiên cứu cẩn trọng, nhưng so sánh nội dung của bài viết với mục tài liệu tham khảo, lại thấy có tài liệu không liên quan cũng được liệt kê, phải chăng tác giả có ý định quảng bá về sự đa dạng, phong phú của nguồn tri thức? Một nghịch lý khác là phần đông các nhà khoa bảng ở Việt Nam không công bố công trình trên tạp chí nước ngoài; trong số ít ỏi công trình được in, lại có công trình khốn đốn vì... đạo văn, đạo ý tưởng. Phải chăng, việc đọc nhiều tài liệu tham khảo lại không có tác dụng?

Nâng cao văn hóa đọc thông qua hoạt động tôn vinh văn hóa đọc hay tổ chức những ngày hội sách là công việc đáng khích lệ. Song quan trọng hơn là cần khích lệ người đọc tìm ra ý nghĩa của việc đọc sách, tìm ra tác dụng của sách đối với cuộc sống của mỗi người. Đó không phải là nhận xét đại khái chung chung như đọc sách giúp chúng ta sống tốt hơn, suy nghĩ đẹp hơn, tăng sự hiểu biết, vốn sống, vì đó là điều mà nhiều lĩnh vực khác trong xã hội cũng giúp làm được. Cũng không phải những ai đọc nhiều, đọc

rộng sẽ là người hiểu biết, suy nghĩ chín chắn. Đọc, suy ngẫm tìm ý nghĩa tích cực, lành mạnh từ mỗi cuốn sách đã đọc sẽ có ý nghĩa hơn nhiều. Văn hóa đọc thường được biểu hiện từ những việc làm giản dị, mà trước hết là qua việc lựa chọn một cuốn sách để đọc, là phản ứng với các cuốn sách có sai sót nội dung hay phản cảm, có thể tác động tới nhận thức chung, làm tha hóa con người. Bởi vậy, điều quan trọng là cần tìm thấy lợi ích thật sự của mỗi cuốn sách, từ đó sẽ có văn hóa đọc; và văn hóa đọc chỉ thật sự phát triển khi người đọc tìm thấy lợi ích của sách vở cho đời sống của họ nói riêng, cho xã hội nói chung.

QUẢNG BÁ TÁC PHẨM KHÔNG PHẢI LÀ "ĐÁNH BẤY" CÔNG CHÚNG*

THÀNH NAM

Ngày nay, việc sử dụng phương tiện truyền thông để quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật đã trở nên phổ biến, được nhìn nhận như là phương thức cần thiết để giới thiệu tác phẩm, và thường được gọi là PR (public relations - quan hệ công chúng). Tuy nhiên, có thể nói, hoạt động PR đã và đang nảy sinh một số hiện tượng phản cảm, khiến dư luận bất bình.

Gần mươi năm trước, trước khi chính thức công diễn, trả lời phỏng vấn của báo chí, một vị đạo diễn sân khấu giới thiệu vở kịch ông đang dàn dựng sẽ sử dụng nhiều chiêu trò, hé lộ chi tiết lần đầu ông dựng cảnh "nude trong trăng". Đồng thời, cho biết vở diễn chủ yếu dành cho khách nước ngoài, cho người yêu quý nhân vật chính vốn là người nổi tiếng trong làng thơ; và vở diễn xứng đáng với giá vé 50 USD - gấp khoảng 20 lần so với giá vé lúc bấy giờ, thậm chí ông còn cho rằng vé cần bán giá 100 USD, 200 USD, bởi theo ông: "Đắt xắt ra miếng", "Tôi thích bán đắt như thế đấy. Tôi muốn khán giả biết rằng để ra mắt vở kịch này, chúng tôi phải vất vả lặn lội với nghệ thuật như thế nào"! Thế nhưng từ ngày ra mắt, chưa thấy thống kê bao nhiêu khách nước ngoài đến thưởng thức vở diễn và trên thực tế, vở diễn chủ yếu dành cho khách mời, lượng

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 9-12-2014.

vé bán ra khá khiêm tốn, giá vẫn theo mặt bằng chung. Tuổi thơ của tác phẩm trên sàn diễn nhà hát cũng ngắn ngủi, kiên nhẫn xem hết vở diễn, nhiều khán giả ngậm ngùi nhận ra tác phẩm không như kỳ vọng. Tiếp đó, một số bài báo nhận xét: "Vở diễn nặng, cộng với cái kết hơi nhanh khiến người xem bị hẳng hụt khi tác phẩm kết thúc", "người xem chỉ mới thấy những mảng miếng sân khấu rất lành nghề, nhưng vẫn thiếu sự tinh tế cần thiết của ngôn ngữ thơ"!...

Ngõ rǎng bài học về sự quảng bá quá mức như vậy sẽ là sự cảnh tỉnh trong việc quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật; nhưng hàng chục năm qua, hiện tượng như trở nên phổ biến hơn, công chúng phải chứng kiến không ít sự kiện PR khiến họ đi từ thất vọng này tới thất vọng khác. Bởi bên cạnh mặt tích cực cần khuyến khích, hoạt động PR của một số tổ chức và cá nhân lại rơi vào tình trạng thiếu kiểm chứng nội dung, quảng bá quá đà, PR bị lạm dụng nhằm thao túng thông tin về tác phẩm. Bạn đọc hẳn chưa quên buổi ra mắt hoành tráng cuốn *Sợi xích* của Lê Kiều Như vào năm 2010, tổ chức tại một khách sạn năm sao ở thành phố Hồ Chí Minh và quy tụ nhiều tên tuổi được coi là nổi tiếng. Theo phong cách của "giới showbiz", buổi ra mắt cuốn sách khá ồn ào, ầm ĩ, tác giả chọn bộ trang phục "thiếu vải" và dường như cô ca sĩ hết sức tự tin với trang phục "độc đáo" của mình, nên sau buổi ra mắt sách, nhiều tấm ảnh cô chụp tại đây nhanh chóng la liệt trên một số trang mạng. Không chỉ thế, ca sĩ còn hào phóng tặng mọi người 20 phụ bản là các tấm hình "mát mẻ" của cô in kèm cuốn sách. Ồn ào như thế nhưng cuốn sách đã bị nhà xuất bản thu hồi, tuy nhiên tên tuổi của nữ ca sĩ - vốn trước đó ít được biết đến, bỗng lại "nổi như cồn"!

Một thời gian sau, cô xuất hiện tại sự kiện nào đó là luôn có nhiều người dõi theo và báo chí thị trường hầu như không bỏ qua.

Cùng với đó là những bài trả lời phỏng vấn với ý thanh minh, những bộ ảnh đoan trang lẩn lả lời của cô liên tục xuất hiện trên internet. Rõ ràng, ai thiệt hại thì thiệt hại, dù nhận được thiện cảm hay bị khó chịu thì nhân vật chính vẫn trở thành một "nghệ danh" được nhắc đến khá nhiều trong một thời gian dài. Và dường như, cú "mở đường thiếu tính văn hóa" để nổi tiếng của cô ca sĩ lại được một số người vốn như khuất lấp trong "làng giải trí" nhanh chóng học theo, coi đó như một cách thức hữu hiệu để trở nên nổi tiếng.

Sau hiện tượng trên người đi sau lại rút ra kinh nghiệm, nên có phần chuyên nghiệp hơn, họ không trực tiếp làm PR mà thông qua công ty tổ chức sự kiện, hoặc nhóm làm truyền thông chuyên nghiệp. Dẫn tới sự xuất hiện một số công ty truyền thông - tổ chức sự kiện, dù có hoạt động theo lối "sớm nở tối tàn" thì sự nồng nỗi có phần thái quá của họ vẫn giúp cho một số người "bỗng nhiên nổi tiếng" theo chiêu thức "đốt đèn"; kết quả là không ít người trong số đó đã phải hứng chịu "gạch đá" của dư luận trên mạng. Và điều này ít nhiều tác động rất tiêu cực đến ý nghĩa lành mạnh của hoạt động PR.

Trong văn học, khi một cuốn sách chuẩn bị ra mắt, lập tức các bài điểm sách với lời quảng cáo "có cánh" do bộ phận truyền thông của đơn vị xuất bản soạn sẵn, hoặc đặt hàng người viết, được gửi tới hòm thư điện tử của phóng viên theo dõi văn hóa, văn học, nghệ thuật ở nhiều tờ soạn. Căn cứ vào thực trạng có thể nói, phần lớn phóng viên không tự đọc cuốn sách để viết bài giới thiệu, mà lười nhác chế tác, xào xáo qua loa từ thông cáo báo chí, ký tên vào đó rồi đăng báo. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên nếu thấy sau khi một cuốn sách xuất bản, trên các tờ báo khác nhau và tên tác giả khác nhau, lại có những bài báo giới thiệu giống hệt nhau, không chỉ về nội dung mà cả về câu chữ!

Chưa hết, bên các bài giới thiệu sách, một số đơn vị, cá nhân có điều kiện, lại chủ động tổ chức họp báo ra mắt tác phẩm. Tùy vào khả năng tài chính, họ sẽ cân nhắc mức độ hoành tráng của sự kiện. Nhưng dù nhỏ gọn trong quán cà phê, dù ở hội trường lớn với nhiều vị khách nổi tiếng, thì vẫn đủ các bài phê bình đóng thành tập trong đó dư thừa lời khen tặng có thể khiến người ít am hiểu dễ lầm tưởng một "tài năng văn chương lớn vừa ra đời", thậm chí cẩn cứ vào lời khen, thì có lẽ chủ nhân mới của Nobel văn chương đã xuất hiện! Lại có tác giả nóng vội tối mức sách chưa xuất bản đã tự làm bài phỏng vấn mình, tự lập ra trang "người hâm mộ" tác phẩm của mình trên facebook.

Thậm chí trên Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, tại một số trang cá nhân, nội dung chỉ rỗng rảng tôn vinh tài năng, đóng góp của người nào đó cho văn học, nghệ thuật nước nhà. Thí dụ, trang thông tin về nhà văn nọ, có các dòng dễ gây choáng váng: ông là "nhà thơ song ngữ, nhà văn nổi tiếng ở Việt Nam về tiểu thuyết hư cấu, truyện ngắn và tiểu luận. Giới phê bình Việt Nam đánh giá ông là điển hình của văn học hậu - đổi mới, những tác phẩm của ông đã tạo ra bước ngoặt quan trọng bậc nhất về lối viết trong văn học Việt Nam", đặc biệt là theo báo chí của Mỹ thì ông "được ca ngợi nhờ có giọng văn rất độc đáo và phong cách nổi loạn"! Đọc các dòng như thế, không thể không đặt câu hỏi về xuất xứ của chúng. Liệu có ai khác hay chính tác giả lập ra để đánh bóng tên tuổi? Và cứ như thế, trong khi nhiều tên tuổi nổi bật của văn học nước nhà im lặng, hoặc chỉ xuất hiện qua vài dòng khiêm tốn, thì các "tài năng văn chương" như vậy lại rất ồn ào, liệu có thể coi đó cũng là một kiểu PR gây phản cảm?

Lại chuyện mới đây, tại một trường đại học có tiếng ở Hà Nội có tổ chức buổi ra mắt tập thơ của một người đẹp - doanh nhân. Buổi ra mắt khá hoành tráng, và một nhà phê bình coi tập thơ là

"thứ ánh sáng tươi tắn, tinh khôi rõ ràng, mạch lạc của lý trí" sáng lên giữa "u ám nhập nhèm u mê, cảm xúc của cánh đồng thơ bát ngát nhưng mùa lép hạt quê nhà". Đáng tiếc là tập thơ tuyệt vời đến thế mà không hiểu tại sao chỉ sau có một hai tháng đã chìm nghỉm trong đời sống văn học!?

Sự huyên náo, nhộn nhạo trong lĩnh vực PR dễ thấy nhất là ở trong điện ảnh, ca nhạc. Gần như đã có một công thức chung: một bộ phim hoặc một album nhạc chuẩn bị ra mắt, các nhân vật chính liên quan kiểu gì cũng vướng sự cố: khi thì lộ ảnh nóng, khi thì nghi vấn tình giả - tình thật, khi thì mập mờ giới tính, khi thì hôn nhân có nguy cơ tan vỡ... đôi khi việc sử dụng máy chiếu thức đó lại dễ khiến liên tưởng đến sự lố bịch. Rồi một số bộ phim trước khi ra rạp, công chúng phải chứng kiến lê mở máy và đóng máy hết sức tốn kém, ôn ào; diễn viên, đạo diễn xuất hiện kín một số mặt báo với tuyên ngôn như là kiệt tác của điện ảnh sắp sửa ra đời. Thế nhưng sau khi ra rạp, phần lớn các bộ phim lại làm công chúng thất vọng, vì họ vừa phải tiếp xúc với một sản phẩm kém. Rồi cách đây khoảng hai năm, một số diễn viên được mời sang Pháp đến liên hoan phim Cannes. Lập tức hình ảnh các diễn viên này đứng trên thảm đỏ được chuyển về nước, với thông điệp như thể họ là đại biểu chính thức được mời. Ngay sau đó, "danh giá giả" này bị báo chí bóc trần, vì đứng trên thảm đỏ không phải là đặc quyền đặc lợi, hoặc là sự bảo đảm cho đẳng cấp!

Thế nhưng, bài học của mấy người này ít có tác dụng với người khác, tuyên ngôn gây choáng váng của đạo diễn nợ, diễn viên kia vẫn xuất hiện đều đặn trên mạng. Nếu tin vào các phát ngôn này, có lẽ không còn phải lo âu về triển vọng của nghệ thuật điện ảnh nước nhà! Gần đây nhất là ngôn từ để quảng bá sự ra đời của "bộ phim được chờ đợi nhất trong năm nay, bởi nó hội tụ quá nhiều yếu tố đáng được kỳ vọng", trên thực tế bộ phim này lại nhận về

danh hiệu "thảm họa", với các nhận xét đại loại như: "Đây là bộ phim trơn tuột cảm xúc", hay "Trong nỗ lực giăng làn sương mù phủ lên câu chuyện hình sự giật gân để làm ra sự bí ẩn, bộ phim vấp phải hàng loạt những sai lầm, vụng về, để cuối cùng chỉ đốt lên được... đám khói của một bí ẩn giả hiệu, ám lấy người xem trong gần hai giờ đồng hồ"!

Với xã hội hiện đại, việc các hãng phim, nhà xuất bản, nhà hát, nhà sản xuất, đoàn (nhóm) nghệ thuật, người mẫu, ca sĩ,... có bộ phận PR chuyên nghiệp là việc cần thiết, thậm chí là không thể thiếu. PR giúp cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin về tác phẩm văn học, nghệ thuật, từ đó tác động đến sự quan tâm của công chúng, để được họ tìm đọc, xem, nghe. Nhưng cần nhận thức rằng, dù PR rùm beng, hoa mỹ đến đâu cũng không tạo nên giá trị, mà giá trị tác phẩm chỉ được thể hiện qua chính tác phẩm. Nói cách khác, PR không làm nên giá trị của tác phẩm. Nhầm lẫn, cố tình nhầm lẫn bản chất, ý nghĩa của PR trong quá trình sử dụng để "làm hàng", để tạo ra "giá trị giả" là "đánh bẫy" công chúng, nếu không nói là "đánh lừa" công chúng.

Xét từ phương diện nào thì PR cũng là một hành vi văn hóa được thực hành trước cộng đồng, vì vậy sự lạm dụng PR, hoặc sử dụng chiêu trò dối trá trong PR là thiếu văn hóa, sớm hay muộn sẽ bị lật tẩy. Mà một khi uy tín đã mất thì không dễ lấy lại được. Thế nên trước khi tiến hành PR cho tác phẩm, mỗi tổ chức, cá nhân cần lựa chọn để tìm ra cách thức vừa có hiệu quả, vừa có văn hóa.

PHẦN III

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ XUẤT BẢN VÀ TRUYỀN THÔNG

QUYỀN LỰC NGẦM SAU MẠNG XÃ HỘI*

ANH KHÔI

Có thể nói mạng xã hội trên internet là một bước tiến mới của công nghệ thông tin, đã và đang thu hút sự quan tâm của hàng tỷ người trên thế giới, đồng thời góp phần quan trọng trong khi đưa con người đến gần với nhau hơn, đưa "thế giới ảo" đến gần với "thế giới thật".

Tuy nhiên, đằng sau mạng xã hội luôn có những quyền lực ngầm, và công nghệ do con người tạo ra có thể trở thành một công cụ bị lạm dụng nhằm khống chế con người, nếu như mất cảnh giác. Liệu đã có bao nhiêu người đủ tinh táo, đủ khả năng sàng lọc thông tin khi tham gia các mạng xã hội, bao nhiêu người biết đến tác động của các mạng xã hội, nhất là tác động tiêu cực?

Hiện nay trên thực tế, mạng xã hội thường được hiểu là các trang web, blog kết nối mọi người với nhau, tạo ra môi trường trên mạng để mọi người trao đổi và chia sẻ thông tin, tình cảm. Tuy nhiên, đây là quan niệm hết sức "hiên lành", chưa phản ánh các "quyền lực ngầm" sau mỗi trang kết bạn và giải trí.

Thông thường, những ai có địa chỉ email thường hay nhận được lời mời hấp dẫn tham gia facebook, twitter, hay các trang kết bạn online như twoo.com, badoo.com, nhipcauduyen.com, myzamana.com, vietnamsingle.net... Và thường thì cảm giác về một thế giới cởi mở,

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 14-9-2012.

hòa đồng với những cơ hội kinh doanh và kết bạn dễ làm mờ đi sự nghi ngại. Còn gì thú vị hơn khi được trò chuyện, trao đổi, hẹn hò, thoả mái bày tỏ quan điểm, ngợi khen hay tặng quà với mọi người có cùng sở thích từ khắp nơi trên thế giới. Có lẽ vì thế, mỗi ngày có hàng tỷ lượt người truy cập vào youtube, wikipedia, google... để tra cứu thông tin, xem video hoặc tương tác với bạn bè. Thành viên mạng xã hội thường là người tích cực tải thông tin lên các trang web. Thông tin trên mạng xã hội được gián tiếp thừa nhận khi người khai thác nó nghiên cứu và sử dụng cho mục đích riêng. Mạng xã hội đang phát triển như một xu thế thời đại, một phần là do nhu cầu giao lưu, chia sẻ, khai thác thông tin của con người, phần khác do công nghệ kỹ thuật số không ngừng được nâng cấp. Có thể nói, sự liên kết giữa các mạng xã hội và trang web trên toàn cầu có thể biến một sự việc xảy ra tại một làng quê hẻo lánh thành mối quan tâm của cả thế giới.

Ở nước ta, số người tham gia mạng xã hội tăng lên nhanh chóng, nhất là trong giới trẻ. Theo ictnews.vn của Bộ Thông tin và Truyền thông, tính đến ngày 31-3-2012, nước ta có hơn 30,8 triệu người sử dụng internet, chiếm 34,1% dân số. Số người dùng internet ở nước ta xếp thứ tám trong khu vực châu Á và thứ ba ở khu vực Đông Nam Á. Nếu 50% số người sử dụng internet tham gia các mạng xã hội, thì nước ta có trên dưới 15 triệu người tham gia các mạng xã hội, hoặc là thành viên của mạng xã hội. Mạng xã hội nổi tiếng nhất Việt Nam là Zing Me tự quảng bá số thành viên lên tới bảy triệu người; mạng này cung cấp nhiều tiện ích giải trí, thông tin "nóng", ảnh của "hot girl, hot boy" và trở thành tâm điểm của giới trẻ. Do phần lớn những người tham gia vào các mạng xã hội sở hữu máy tính cá nhân, hoặc thường xuyên tiếp xúc với máy tính, điện thoại di động cao cấp (có chức năng duyệt web), họ trở thành đối tượng tác động, chào mời của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân với những mục đích khác nhau.

Quá trình phát triển của mạng xã hội cũng chứa đựng nhiều thay đổi so với mục đích ban đầu. Những mạng xã hội ra đời đầu tiên vào những năm 1990 chỉ nhằm mục đích kết bạn, tạo diễn đàn trao đổi nội bộ cho các thành viên trong nhóm, không hề hoặc rất ít liên quan chính trị. Tuy nhiên, ảnh hưởng và lực hấp dẫn của các mạng xã hội ngày càng lớn và dần dần được các đại gia tài chính, các thế lực chính trị và nhiều đối tượng khác khai thác để kiếm lợi. Twitter là một ví dụ. Khởi điểm là một dịch vụ nhắn tin di động, đến nay, mỗi ngày mạng xã hội twitter có khoảng 600 triệu lượt người truy cập. Để duy trì hoạt động, mạng xã hội này đã chấp nhận các khoản đầu tư của các công ty như Digital Sky Technologies có trụ sở tại Liên bang Nga và thực hiện các điều khoản cam kết với công ty này.

Từ một trang web kết nối bạn bè do Mark Zuckerberg lập nên, facebook đã trở thành mạng xã hội đa năng với số thành viên còn đông hơn cả dân số Mỹ, Liên bang Nga. Song ai đang thật sự sở hữu và điều hành mạng xã hội khổng lồ này? Một số nguồn tin cho biết, mạng xã hội nổi tiếng nhất thế giới này được sở hữu và quản lý bởi các ngân hàng và nhà đầu tư tài chính khổng lồ Rothschilds and Goldman Sachs. Mỗi quan hệ giữa CIA và facebook được nói rõ trên trang americasnewsnow.com với những thông tin khiến người đọc giật mình. Trang này cho biết, chính các cựu điệp viên CIA là người gây quỹ cho facebook, và những người này đã được sử dụng thông tin từ facebook. Các điều khoản dịch vụ facebook cũng nói rõ rằng, công ty sở hữu trang web này được sở hữu và có quyền sử dụng bất kỳ thông tin nào đăng tải trên trang này theo bất kỳ cách thức nào từ giờ (thời điểm đăng ký) đến vô tận. Khi trả lời câu hỏi "Có đúng là facebook thật sự được điều hành bởi CIA?", trang hỏi đáp có tiếng của yahoo có tên miền là answers.yahoo.com đưa ra câu trả lời rằng, các cơ quan tình báo Mỹ như CIA, FBI hay NSA chỉ việc thu thập

thông tin cá nhân có sẵn trên facebook dùng để chống lại chính những người cung cấp thông tin đó, nếu họ muốn. Có lẽ, những người đăng tải thông tin thật của mình trên facebook sẽ phải giật mình sợ hãi khi biết điều này. Bởi vì bên cạnh những người cố tình khai báo thông tin không chính xác, thì không ít người vô tư cung cấp thông tin cá nhân khá trung thực. Âu đó cũng là bài học sơ đẳng nhất trong bảo mật thông tin cá nhân.

Bất cứ ai muốn tham gia vào một mạng xã hội như facebook hay twoo.com, đều phải đăng ký theo yêu cầu của người điều hành trang web. Thông thường, người tham gia phải đăng nhập một tài khoản email, khai họ tên, giới tính, địa chỉ, nghề nghiệp, thậm chí cả điều kiện kinh tế, quan hệ hôn nhân, sở thích cùng nhiều thứ khác. Các thành viên được yêu cầu tải lên hình ảnh của chính mình, càng nhiều ảnh thì càng có cơ hội biết nhiều thông tin của người khác. Từ nguồn thông tin thu thập được và từ email của thành viên, người điều hành trang web sẽ nhanh chóng lân ra mối quan hệ của các thành viên đó trên internet, kêu gọi các thành viên hãy mời bạn bè, người thân tham gia mạng xã hội với những điều kiện ưu đãi tài chính và thông tin hấp dẫn. Càng thuyết phục được nhiều người tham gia, bạn càng có cơ hội được nhiều người biết đến, được xếp vào khách VIP, người nổi tiếng. Cứ thế, như một trò cờ bạc, càng dấn sâu vào các mối quan hệ thân tình trên mạng thì thành viên của mạng xã hội càng khó dứt ra, càng khai báo nhiều hơn. Dần dần, các thành viên mạng xã hội vô tình cung cấp cho người điều hành mạng một bản lý lịch chi tiết mà chính họ cũng không ngờ tới, bao gồm những mối quan hệ cá nhân đáng lẽ phải giấu kín. Khi họ trò chuyện hoặc gửi thư, ảnh và tài liệu cho bạn bè trên mạng xã hội, tất cả những thông tin đó được lưu giữ, và đương nhiên người điều hành mạng xã hội biết hết những thông tin này. Sẽ nguy hiểm thế nào nếu như người điều hành mạng xã

hội sử dụng thông tin cá nhân của các thành viên vào mục đích xấu, hoặc để khống chế, hoặc để theo dõi mọi người. Phân lớn những người tham gia mạng xã hội không quan tâm xem ai đứng đằng sau các mạng này, không đọc kỹ các điều khoản tham gia. Khi một người bỏ qua các điều khoản, mặc nhiên người đó đã ký vào một hợp đồng cho phép người điều hành mạng xã hội tự do sử dụng thông tin cá nhân của mình. Cũng rất ít người hoài nghi về mục đích giao lưu vui vẻ của các mạng xã hội, hoặc cho rằng mạng xã hội được lập ra nhằm mục đích kinh doanh thuần túy, mà không xem xét đến các mục đích khác. Sự vô tư này có thể phải trả giá khi tham gia một số mạng xã hội có dụng ý xấu.

"Không gian ảo", nhưng thiệt hại có thể là thật. Có những tổ chức, doanh nghiệp tạo ra mạng xã hội riêng nhằm kết nối các thành viên trong tổ chức với nhau và kết nối có điều kiện với các thành viên bên ngoài nhằm mục đích trực lợi. Vụ lừa đảo bằng thủ đoạn mua bán gian hàng điện tử gây xôn xao dư luận thời gian qua cho thấy, muaban24h đã sử dụng internet để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các công dân nhẹ dạ, cả tin. Nhiều mạng xã hội, blog và báo điện tử cũng vô tình đưa thông tin có lợi cho muaban24h. Tình báo kinh tế, các hacker thường lợi dụng tối đa các tiện ích của mạng xã hội, vừa khai thác thông tin của đối thủ, vừa tiến công trên cả phương diện tài chính lẫn kỹ thuật. Rồi do khả năng tương tác rộng lớn, nên nhiều hacker phát tán virút và mã độc trên mạng xã hội, tiến công các trang web, blog, thậm chí tiến công cả hệ thống bảo mật thông tin của các quốc gia. Ví như việc các mạng xã hội đã nhân bản với tốc độ chóng mặt những thông tin mật được WikiLeaks tiết lộ, làm cho giới chức các quốc gia một phen điêu đứng vì lo lắng. Các nhà quân sự đều phải tính tới các phiên bản của chiến tranh mạng, trong đó, mạng xã hội sẽ đóng vai

trò hết sức quan trọng do các trang điện tử này nắm được số đông, khả năng phát tán thông tin nhanh nhạy. Hơn nữa, các thành viên của mạng xã hội đều có niềm tin nhất định vào thông tin chính thức được phát hành bởi người điều hành mạng hay bạn bè trên mạng. Việc đóng cửa tất cả các mạng xã hội là giải pháp không khả thi chút nào trong thời điểm hiện nay. Trong khi đó, nhà điều hành mạng xã hội có thể phải bắt tay với các thế lực ngầm vì lý do tài chính.

Gần đây, vai trò "ngòi nổ" của mạng xã hội trong "mùa xuân Arập" ở các quốc gia Bắc Phi được đánh giá là không nhỏ. Phương Tây không chỉ hỗ trợ các phe nổi dậy chống chính phủ bằng tiền và vũ khí, mà họ sử dụng mạng xã hội như một phương thức chiến tranh tâm lý để tập hợp, kích động các lực lượng nổi dậy, đồng thời thu thập thông tin tình báo qua hệ thống điện tử một cách tinh vi. Còn trên facebook, cách đưa tin có chủ ý rõ rệt. Họ cung cấp các đường link với một số trang web chống chế độ. Có những người xem đây là thông tin "hot", đọc cho vui, nhưng cũng có người vô tình hay hữu ý nhân bản, sao chép thông tin này. Việc quản lý các thông tin kiểu như trên là rất khó thực hiện, nhất là khi các mạng xã hội thực hiện truyền tin qua email, message, hoặc liên kết website một cách tự do. Đây chính là điểm mà các thế lực thù địch, phản động đang khai thác sâu, lợi dụng triệt để. Thậm chí, khi có săn trong tay danh sách địa chỉ thư tín của các nhân sĩ, trí thức, học sinh, sinh viên, họ chỉ việc phát tán và tải lên các trang mạng xã hội nổi tiếng để thu hút nhiều người đọc.

Mạng xã hội hiện chưa đựng không ít cạm bẫy mà người đăng nhập dễ trở thành con mồi. Trên mạng xã hội có vô số liên kết độc hại, tin rác hay phần mềm lừa đảo, mà nếu kích chuột vào có thể khách hàng phải chịu thiệt hại. Các vụ lừa đảo qua mạng xã hội

ngày càng nhiều, hết cô gái này đến cô gái khác bị lừa bán qua mạng, rồi bán thông tin giả, hàng giả,... Đáng báo động tới mức, tờ *The Guardian* (Anh, ngày 15-3-2011) đưa tin chính Julian Assange, người sáng lập WikiLeaks, đã khuyên sinh viên Đại học Cambridge không sử dụng facebook và twitter. Lý do mà ông này đưa ra là, những mạng xã hội đã góp phần gây ra những bất ổn ở Trung Đông cũng như cuộc nổi dậy ở Ai Cập, theo ông, internet là "cỗ máy gián điệp khổng lồ nhất mà thế giới từng biết đến". Trong khi các quốc gia phương Tây khuyến khích người dân các nước khác hãy sử dụng internet và mạng xã hội để thúc đẩy cải cách, dân chủ, thì chính họ lại chặt vật tìm cách quản lý vấn đề này trong quốc gia mình. Chính phủ Anh đã phải đem mạng xã hội lên bàn nghị sự sau khi xảy ra các cuộc bạo động ở quốc gia này năm 2011. Nhiều công ty ở Mỹ cấm nhân viên sử dụng mạng xã hội trong giờ làm việc. Hiện nay, chính phủ các nước đều nỗ lực tìm giải pháp quản lý mạng xã hội.

Xu hướng báo chí và mạng xã hội bắt tay nhau để thuyết phục người đọc đang diễn ra. Ngày càng nhiều công ty và tổ chức của chính phủ, cũng như tổ chức phi chính phủ, tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các mạng xã hội đang lên do thấy lợi ích từ việc này. Tùy theo mức đầu tư và điều khoản hợp đồng, họ có thể trở thành thế lực ngầm khống chế các mạng xã hội có ảnh hưởng. Đến nay, ở Việt Nam có khoảng 30 mạng xã hội đang hoạt động. Ngoài một số mạng xã hội có mục đích giải trí đơn thuần, không ít mạng xã hội đang bị các thế lực thù địch lợi dụng nhằm thu thập thông tin, phổ biến thông tin bịa đặt, vu cáo, kích động, kêu gọi lật đổ chế độ, chống lại Đảng và Nhà nước như là một công cụ hiệu quả để thực hiện "diễn biến hòa bình". Một số blog (có địa chỉ, tên tuổi hẳn hòi) thường xuyên cập nhật thông tin như một tờ báo điện tử, đưa nhiều thông tin

xuyên tạc, độc hại nhưng chẳng thấy bị xử lý. Hơn lúc nào hết, bất cứ ai tham gia các mạng xã hội cần tìm hiểu kỹ về điều khoản tham gia cũng như mục đích thật sự của mạng xã hội, để bảo đảm an ninh cho cá nhân, đề phòng thông tin của mình bị các đối tượng xấu lợi dụng; cũng như cảnh giác với các quyền lực ngầm đứng sau thao túng các mạng xã hội... Và bất cứ ai khi đọc thông tin trên các mạng xã hội cũng cần cảnh giác với những thông tin giả, xuyên tạc, độc hại...

HỆ LỤY THỰC TỪ "THẾ GIỚI ẢO"*

LÊ ANH

Trong khoảng mười năm trở lại đây, ở Việt Nam, internet đã có sự phát triển mang tính bùng nổ, tạo nên một "thế giới ảo", mà đối với không ít người, thế giới đó đã trở thành một nhu cầu thực. Nhưng, xét từ những hệ lụy mà internet đưa tới, liệu có nên coi đó chỉ là "thế giới ảo" hay không, nhất là với văn chương - nghệ thuật?

1. Cách đây khoảng 10 năm, nhiều người mới chỉ hình dung về internet như một môi trường để trao đổi thông tin bằng thư điện tử, trò chuyện trực tuyến, truy cập để đọc các website, tra cứu thông tin bằng các công cụ tìm kiếm. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, với việc áp dụng các tiến bộ công nghệ, đã giúp internet phát triển không chỉ ở phạm vi ngày càng lan rộng, tạo điều kiện để mỗi người có thể chiếm lĩnh và tạo lập không gian cá nhân một cách dễ dàng, mà với những sản phẩm như blog, mạng xã hội, trang mạng cá nhân, internet còn tạo dựng nên một "không gian ảo" với sự hỗ trợ của các công cụ internet đã làm tăng tính giao tiếp giữa người chủ các website và "công chúng ảo". Đặc biệt từ các blog, mạng xã hội đến website đều cung cấp khả năng nhận được phản hồi và bình luận (feedback, comment) từ người đọc. Tất nhiên, ở phương diện này, người làm chủ các blog, mạng xã hội, website có thể kiểm soát các phản hồi bằng cách kiểm duyệt hoặc xóa các phản hồi ngoài tầm kiểm soát, hoặc ngoài ý muốn...

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 20-11-2012.

Có thể nói sự phát triển, phổ biến của internet tại Việt Nam đã đem lại một phương thức mới, tạo nên một không gian mới của văn chương - nghệ thuật. Nói cách khác, các thành tựu của công nghệ đã tạo điều kiện và tác động mạnh mẽ đến đời sống văn chương - nghệ thuật. Nếu chỉ giới hạn trong không gian phổ biến bằng tiếng Việt, trong khoảng mười năm vừa qua, đã có không ít website văn chương của một nhóm người hoặc một số cá nhân đã được thực hiện tại Việt Nam và ở nước ngoài. Không chỉ là thú chơi nhất thời, một số website văn chương đã có quy mô, sự phong phú gần như là một sản phẩm báo chí, có thời gian tồn tại kéo dài trong nhiều năm (trước Cách mạng Tháng Tám 1945, một số tờ báo có giá trị văn học - văn hóa cũng chỉ tồn tại khoảng dưới 5 năm). Điều đó cho thấy, đến một thời điểm nào đó, những website này cũng sẽ có thể trở thành một loại hiện tượng cần đề cập trong văn học sử. Và trong khi một website chuyên về văn học đầu tiên đã phải đóng cửa do sự thay đổi chính sách của cơ quan chủ quản thì nhiều website của các nhà văn hoặc nhóm nhà văn khác vẫn tiếp tục tồn tại với bài vở được cập nhật hằng ngày. Đây là chưa kể đến các blog và trang mạng xã hội của một số người cầm bút, mà căn cứ vào tác phẩm đã công bố, có thể thấy có người đã hoặc sẽ trở thành nhà văn chuyên nghiệp.

2. Với những biểu hiện mang tính hiện tượng đó, nhiều người đã nói về một "nền văn học ảo", một "nền văn học mạng". Nhưng liệu việc phổ biến của văn học trên mạng internet là một sự thay đổi mang tính bản chất hay chỉ là sự mở rộng phương thức phổ biến văn chương? Một điều dễ thấy là rất nhiều văn bản các loại lúc đầu chỉ xuất hiện và tồn tại dưới dạng "ảo", nhưng rốt cuộc lại chinh phục thế giới thực dưới dạng sách giấy. Đó là con đường của không ít tác giả mới viết hoặc các blogger, lúc đầu tạo lập nên tên tuổi và công chúng trên internet, sau đó xuất bản tác phẩm dưới

dạng sách giấy, để rồi cuối cùng chinh phục công chúng thực bằng doanh số thực. Đó cũng là trường hợp của một số nhà văn mở rộng hoạt động sang "thế giới ảo", rồi sau đó thu thập các văn bản "ảo" xuất bản thành sách giấy, tạo nên những hiện tượng "best-seller" (sách có nhiều độc giả). Bản thân điều đó đã cho thấy cái đích cuối cùng của các "công dân mạng viết văn" vẫn là thế giới thực với công chúng và doanh số thực.

Có thể nói "thế giới ảo" đã cung cấp một phương thức tồn tại mới cho văn chương. Nhìn từ bản chất, một trong các quy luật tồn tại mang tính phổ biến cho mọi cộng đồng người và mọi thời đại chính là sự xung đột giữa những nhu cầu cá nhân và những chế định mang tính xã hội (là xã hội nói chung chứ không riêng lĩnh vực văn chương). Những chế định xã hội là các chuẩn mực tồn tại dưới dạng quy ước, cao nhất là đã được luật hóa để áp dụng trong toàn xã hội nhằm bảo đảm khả năng chung sống và tính văn minh của xã hội. Đơn cử như việc ở bất cứ xã hội nào, kể cả ở các quốc gia được cho là tự do nhất, đều có các điều luật liên quan đến việc hạn chế những sản phẩm mang tính khiêu dâm, trừng phạt những hành vi xâm hại tới an ninh quốc gia, cũng như an ninh và sự an toàn của mỗi cá nhân. Tất nhiên, xem xét một cách biện chứng, các chế định này thường "đi sau" nhu cầu cá nhân và nhu cầu cá nhân luôn có khuynh hướng phát triển theo hướng đa dạng hóa, vượt ra ngoài khuôn khổ của các chế định xã hội. Trong giới hạn nhất định, có thể nói sự phổ biến trên mạng là một lối thoát cho xung đột, hay đó là một cách thức giải tỏa một số "nút thắt" trong thế giới thực. Với thế giới thực, khả năng công bố tác phẩm và giới thiệu tác giả là có hạn, trong khi nhu cầu viết của người cầm bút lại vô cùng phong phú, internet cung cấp một không gian cho người viết, tự do và đơn giản hơn nếu xuất hiện trong môi trường thực. Họ có thêm không gian cho thể nghiệm mới và những cách tân cả về nội dung

và nghệ thuật. Bên cạnh đó, internet còn giúp gia tăng khả năng giao tiếp giữa người viết và công chúng, giúp người viết có thể nhận được phản hồi tức thời từ phía độc giả để kịp thời điều chỉnh hoạt động sáng tác.

3. Vậy là với ý nghĩa nhất định, "thế giới ảo" đã bù đắp được một số phương diện của thế giới thực; đặc biệt, nó đem tới cho người tham gia vào thế giới đó một cảm giác về sự tự do khi nó giúp người viết vượt ra khỏi một số chế định về xã hội. Trong thế giới thực, khi đề cập những vấn đề như quan hệ tình dục, đánh giá những hiện tượng xã hội hoặc một số vấn đề lịch sử,... cả người viết văn lẫn người biên tập và xuất bản đều phải có sự cân nhắc, trong khi đó, trong thế giới của internet, những rào cản đó dường như là không còn tồn tại. Chính vì vậy, sự tồn tại của "thế giới ảo" luôn đi kèm với những mặt trái, chạm đến những cái ngưỡng. Trước hết, đó là cái ngưỡng mang tính bản chất của sáng tạo. Nói gì thì nói, một sáng tạo nghệ thuật vẫn cần (phải) là một sáng tạo mang tính cá nhân trong một hình thức hoàn chỉnh. Cộng đồng văn chương mạng từng chứng kiến không ít "cái chết" của những dự án cách tân theo kiểu biến tất cả mọi thứ trao đổi trên internet thành một tiểu thuyết vô tận, không có hồi kết. Bên cạnh đó là cái ngưỡng của các chuẩn mực văn hóa. Công chúng đã chứng kiến không ít hành động "cách tân" của văn chương mạng (chính xác hơn của những thứ văn chương không thể công bố ở đâu khác ngoài mạng!) bằng cách đưa những lớp ngôn ngữ tục tĩu, thậm chí đưa cả tên tuổi của các nữ đồng nghiệp vào những sáng tạo thơ ca đầy tục tĩu đó.

Như vậy, "văn chương ảo" đang chơi một trò chơi hai mặt. Một mặt, "thế giới ảo" tạo nên tâm thế ở người tham gia các mức độ khác nhau của sự vô trách nhiệm. Người ta có thể nấp dưới một tên giả, một biệt hiệu. Người ta cũng có thể thực hiện một website về bản chất là một tờ báo nhưng lại không hề bị kiểm soát của Luật báo chí

như những sản phẩm báo chí khác. Nhiều người đã có ảo tưởng về tính dân chủ của không gian ảo nhưng quên rằng, thực chất mỗi nhận xét, mỗi phản hồi đều có thể được người chủ trang web hoặc blogger kiểm duyệt, định hướng giữ lại những gì có lợi cho mình và loại bỏ những gì khác biệt, từ đó tạo nên hiệu ứng đám đông và thực hiện các toan tính cá nhân. Cũng không khó để nhận ra rằng, những tranh luận trong môi trường văn học ảo đang bị biến thành một cái chợ, khi mà người ta có thể thoải mái moi móc đòi tư với những câu chuyện vô bằng cớ và tận dụng hiệu ứng tâm lý đám đông để triệt hạ đối thủ. (Có thể coi trường hợp một hiện tượng sáng tác thơ mới được tổ chức hội thảo gần đây là một thí dụ. Đành rằng, thơ của tác giả này có vấn đề về nội dung, nghệ thuật cũng như cách mà ông ta thần bí hóa công việc viết lách của mình. Dẫu vậy, cách mà các công dân mạng phê phán cũng hết sức có vấn đề, đậm mâu sắc "bỏ bóng đá người"). Quan trọng hơn nữa, một số công dân mạng lợi dụng hình thức "ảo" để vô trách nhiệm về mặt phát ngôn nhưng nạn nhân của họ lại là những con người thật và hệ lụy của những cuộc "tấn công" cũng lại là rất thật. Nguy hại hơn, không chỉ giới hạn trong phạm vi văn chương, những blog và website cá nhân này còn vươn cả sang những lĩnh vực khác như đời sống kinh tế, chính trị. Lợi dụng danh nghĩa những nhận xét, bình luận, cảm nhận cá nhân; đánh vào tâm lý "thích chuyện lạ" của con người, họ thậm chí còn đe dọa thiếu trách nhiệm vào những quyết sách lớn của Nhà nước hoặc uy tín của những con người cụ thể trong bộ máy quyền lực. Khi đó, những hệ lụy của "thế giới ảo" sẽ là khôn lường. Điều đó cho thấy, đã đến lúc cần có một phương thức quản lý theo hướng "thực hóa thế giới ảo", buộc các chủ thể của "thế giới ảo" phải "giải ảo" và chịu trách nhiệm về các phát ngôn - thông tin của mình. Đồng thời, mỗi người khi tham gia vào "thế giới ảo" cũng cần phải trở thành những "người tiêu dùng thông tin thông thái".

"SẢN PHẨM NGOÀI LUỒNG" - VIRÚT ĐỘC CỦA "DIỄN BIẾN HÒA BÌNH"*

LAM SƠN

Gần đây, xuất hiện một số tác phẩm văn học - nghệ thuật được gọi là "ngoài luồng", có nội dung trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; trái với thuần phong mĩ tục của văn hóa dân tộc; tác động tiêu cực đến tư tưởng, tình cảm, lối sống của xã hội - con người và không được phép lưu hành tại Việt Nam. Loại tác phẩm này xuất xứ từ các nguồn gốc khác nhau, nhưng đều có thể trở thành công cụ của các thế lực thù địch nhằm phá hoại đời sống tinh thần của xã hội, con người...

Thông qua nhiều hình thức, chủ yếu qua internet, các thế lực thù địch triển khai rất nhiều thủ đoạn thâm độc với các xảo thuật, đơm đặt, ngụy tạo bằng chứng để tráng trợn vu cáo; rồi sử dụng bài viết cũ bằng luận điệu mới, tung tin đồn nhảm, tạo dư luận xấu; lợi dụng các vấn đề "nhạy cảm", để vu cáo, quy chụp,... Để thực hiện âm mưu này, họ đã sử dụng văn học - nghệ thuật làm một phương tiện nhằm tác động tới thế giới tinh thần của xã hội - con người. Hiện tượng một số sản phẩm văn học - nghệ thuật và báo chí "ngoài luồng" đã xuất hiện. Nhìn chung, các sản phẩm

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 28-12-2012.

"ngoài luồng" có nội dung trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam; trái với thuần phong mỹ tục của văn hóa dân tộc; có khả năng tác động tiêu cực tới tư tưởng, tình cảm, lối sống của xã hội - con người và không được phép lưu hành tại Việt Nam.

Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời của dân tộc Việt Nam, bởi thế, tác phẩm văn học - nghệ thuật lành mạnh do người Việt ở nước ngoài sáng tác cũng là một yếu tố góp phần làm nên dòng chảy chung của văn học - nghệ thuật dân tộc. Tuy nhiên, điều này không bao hàm tác phẩm vốn được gọi là "ngoài luồng" của một số văn nghệ sĩ là người Việt ở nước ngoài đang bị lợi dụng hoặc tự biến mình thành "con rối" trong tay những thế lực thù địch...

Trong lĩnh vực âm nhạc, từ lâu rồi, hầu như hễ khi nào trong nước tổ chức kỷ niệm những ngày lễ lớn là một số trung tâm ca nhạc ở hải ngoại như Asia, Thúy Nga Paris, Dạ Lan, Radio Bolsa, Trung tâm Làng văn, Khmer Campuchia Crom, Quỹ người Thượng của Ksor Kok,... lại cho ra đời các chương trình "ca nhạc đen" mà mục đích, nội dung là chống phá đất nước. Với tâm địa chống cộng đến thâm căn cố đế, các trung tâm này tập hợp một số ca sĩ là người Việt ở nước ngoài trình bày các ca khúc mang nội dung kích động hận thù, xuyên tạc lịch sử, thỏa mạ sự hy sinh cao cả của quân dân Việt Nam trong các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước; đánh đồng sự hy sinh anh dũng của cán bộ, chiến sĩ, đồng bào ta với sự thương vong của những người đã đi theo kẻ thù của dân tộc và đứng ở bên kia chiến tuyến... Mưu đồ thâm độc của họ còn thể hiện ngay trong phóng sự, lời dẫn chương trình của MC (người dẫn chương trình - B.T.). Những clip phóng sự ngắn được chiếu xen kẽ đầy rẫy luận điệu xuyên tạc qua lời bình túc tối, hàn học, ca ngợi "thời hoàng kim của Việt Nam

cộng hòa" kèm theo là hình ảnh người dân xuống tàu di cư vào Nam, rồi cảnh ly tán ngày Sài Gòn thất thủ... Với văn học cũng vậy, bên cạnh tác phẩm chống cộng của các cây bút rời bỏ quê hương ra đi, các thế lực thù địch còn tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí để một vài cây bút ở trong nước xuất bản tác phẩm ở nước ngoài, đưa lên internet, rồi huy động một vài người được gọi là "nhà phê bình", vốn là người Việt đang ở hải ngoại, quảng bá rùm beng như là "tuyệt tác"! Nhưng loại tác phẩm ra đời từ tâm thế hàn học, cay cú, rắp tâm đổi trắng thay đen và xuyên tạc hiện thực,... như vậy lại hoàn toàn không có ý nghĩa tư tưởng - nghệ thuật đáng để cho công chúng chú ý. Vì thế, sau "chiến dịch" tung hô rùm beng, mấy tác phẩm loại này cũng nhanh chóng kết thúc không kèn không trống, không để lại dư âm.

Bóp méo lịch sử, bôi nhọ, hạ bệ lãnh tụ cũng là nội dung được các đối tượng phản động ở nước ngoài sử dụng triệt để. Đặc biệt, chúng trắng trợn phát tán các loại sách vở, phim ảnh nhằm xuyên tạc thân thế, sự nghiệp và tấm gương đạo đức cách mạng sáng ngời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa kiệt xuất, tầm ảnh hưởng và sức lan tỏa của tư tưởng và đạo đức của Người không chỉ dừng lại ở phạm vi trong nước mà đã mở rộng ra cả thế giới, trong đó có cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Những năm qua, tượng đài Hồ Chí Minh đã được xây dựng ở nhiều nước trên thế giới như Nga, Pháp, Mêhicô, Áchentina, Hungari... Các tác phẩm tiêu biểu của Người như *Nhật ký trong tù*, *Tuyển tập Hồ Chí Minh* được dịch ra nhiều thứ tiếng và xuất bản ở nước ngoài. Gần đây, tiến sĩ Nguyễn Đài Trang - một Việt kiều ở Canada, đã dành 15 năm để biên soạn và xuất bản tại Canada cuốn sách *Hồ Chí Minh - tâm và tài của một nhà yêu nước bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt nhân dịp kỷ niệm 120 năm Ngày*

sinh của Người, cuốn sách đã có tác động tích cực đến chính giới, nhân dân Canada và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Ấy vậy mà một số người vẫn "cố đấm ăn xôi", phủ nhận sự thật ấy. Mà điển hình là bộ phim do Nguyễn Hữu Lễ và Trần Quốc Bảo sản xuất. Chỉ cần đánh giá từ tư cách của Nguyễn Hữu Lễ và danh sách các tài liệu của Cao Thế Dung, Minh Võ, Trần Gia Phụng, Lê Hữu Mục, Hoàng Văn Chí,... cùng các nhân vật được phỏng vấn như Minh Võ, Nguyễn Ngọc Bích, Bùi Diễm, Nguyễn Minh Cần, Dương Thu Hương, Phan Văn Lợi, Bùi Tín, Trần Ngọc Thành,... là có thể nhận biết được mục đích, nội dung, giá trị của sản phẩm này là như thế nào. Vì họ có cỗ võ đến thế nào thì cũng không che đậy được thực chất đó chỉ là màn kịch cũ kỹ, diễn xuất bởi mấy diễn viên hạng ba, tại một sân khấu dựng trên những chiếc cột chống đã mục nát.

Mặc dù vậy, các thế lực thù địch vẫn kiên trì với xu hướng này và triệt để lợi dụng các website, blog, diễn đàn trên internet... để hằng ngày, hằng giờ ra sức bôi nhọ, xuyên tạc sự thật theo kiểu Goebbels thời phát xít Đức. Mạng thông tin toàn cầu với tốc độ truy cập, mức độ phổ biến, phương thức truy cập đơn giản, khó kiểm soát, đã và đang bị lợi dụng trở thành môi trường "lý tưởng" cho việc truyền bá loại "ấn phẩm ngoài luồng". Hiện nay trên internet, hàng trăm website thường xuyên đăng tải nội dung phản động, nói xấu chế độ, xuyên tạc công cuộc đổi mới tại Việt Nam. Các trang web này thường theo dõi các sự kiện chính trị, kinh tế, xã hội trong nước để thu thập và thêu dệt những thông tin sai sự thật liên quan các vấn đề bất cập trong nước phục vụ mục đích chống phá.

Đáng lo ngại là các thế lực thù địch đã và đang lợi dụng quá trình mở cửa hội nhập để đưa các "tác phẩm ngoài luồng" vào trong nước. Một trong các cách thức "chuyển lửa" về nước là ngụy

trang dưới vỏ bọc sản phẩm bình thường, hợp pháp rồi đưa vào Việt Nam theo đường du lịch, thăm thân nhân. Khi đã được đưa trót lọt vào trong nước, những tên "biệt kích văn nghệ" này được một số người nhân bản để tung ra thị trường, như đĩa VCD của Trung tâm Thúy Nga Paris chẳng hạn, với một máy tính lắp có 10 ổ ghi, chỉ sau vài chục phút là người ta đã có thể cho ra hàng nghìn bản sao. Một hình thức khác là gửi theo các gói hàng, quà biếu bằng đường bưu điện, như gần đây qua công tác kiểm hóa bưu điện, cán bộ hải quan phát hiện một bộ VCD gồm 20 đĩa, dán nhãn giáo trình y khoa nhưng trong đó có một đĩa là "nhạc phẩm ngoài luồng". Bên cạnh đó, với dịch vụ internet ngày càng phổ biến, cách thức truy cập đơn giản, chi phí thấp, cũng khiến việc phổ biến các "tác phẩm ngoài luồng" ngày càng dễ dàng. Đã có một số người khai thác loại tác phẩm này rồi in, photocopy để truyền tay nhau... Trong khi đó, cần khẳng định quá trình và các khâu của quá trình quản lý văn hóa của một số cơ quan chức năng của chúng ta còn thiếu chặt chẽ, sơ hở, điều này cũng tạo ra kẽ hở để các thế lực thù địch lợi dụng. Cho nên, thật e ngại khi thấy tại một số cửa hàng cho thuê, bán băng đĩa ở một số nơi (nhất là ở thành phố) người ta công khai quảng bá cho loại sản phẩm "ngoài luồng", và do đó, câu hỏi về vai trò của thanh tra văn hóa không thể không được đặt ra?

Trong khi "tiếp tục phát triển nền văn học - nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, giàu chất nhân văn, dân chủ, vươn lên hiện đại, phản ánh chân thật, sâu sắc đời sống, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước; cổ vũ, khẳng định cái đúng, cái đẹp, đồng thời lên án cái xấu, cái ác..." như *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI* của Đảng khẳng định, chúng ta cần triển khai các biện pháp mềm dẻo nhưng kiên quyết khi xử lý loại sản phẩm "ngoài luồng", không để cho loại sản phẩm này tìm được chỗ đứng và từng bước đầu độc đời sống tinh thần của xã hội - con người.

CÔNG NGHỆ SỐ VÀ NGUY CƠ LÀM BIẾN DẠNG CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA*

HỒNG TRANG

Sự phát triển của công nghệ thông tin đã mở ra một cuộc "cách mạng" làm thay đổi cả về lượng và chất của nhiều lĩnh vực trong cuộc sống. Tuy nhiên, bên cạnh các ý nghĩa tích cực, sự ứng dụng công nghệ "số hóa" tràn lan không kiểm soát được cũng đem tới không ít nguy cơ có thể làm biến chất, làm biến dạng nhiều giá trị văn hóa vốn vẫn tồn tại trong cuộc sống như là các chuẩn mực để phát triển con người và duy trì các mối quan hệ xã hội...

"Thế giới nằm trên mười ngón tay bạn", câu nói cửa miệng của nhà tỷ phú Bill Gates đã nói lên sức mạnh khuynh đảo thế giới của nền công nghệ số suốt 20 năm qua. Nói riêng về các mối liên hệ xã hội, sự bùng nổ những ứng dụng kỹ thuật mới trong kỷ nguyên số, biến công nghệ thông tin trở thành một "lãnh địa" có sức thu hút, lan tỏa lớn, đang dần thay thế những phương tiện giao tiếp, truyền thông khác. Sự xóa nhòa khoảng cách về thời gian và không gian giúp con người có thể kết nối, trò chuyện dù cách xa cả nửa vòng trái đất, có thể tiếp nhận mọi kênh thông tin trên toàn thế giới, tham gia điều hành một dự án từ xa mà chẳng cần ra khỏi nhà,

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 23-4-2013.

hay ngồi một chỗ vẫn mua được mọi hàng hóa, thậm chí tổ chức cả những cuộc họp liên lục địa... Không thể khước từ những tiện ích kỳ diệu này nên số lượng người sử dụng thiết bị số ngày càng tăng chóng mặt. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, trong năm 2012, số người sử dụng internet ở Việt Nam đã đạt tới con số hơn 32 triệu người, chiếm khoảng 35% số dân cả nước, trong đó bao gồm cả những người dùng mạng máy tính và sử dụng thuê bao di động, trong khi tỷ lệ trung bình trên thế giới chỉ là 33%. Song cũng chính sự gia tăng ồ ạt về số lượng này đã kéo theo sự lệ thuộc vào công nghệ mỗi lúc một lớn hơn, về cả cường độ và mức độ sử dụng.

Ban đầu, con người tìm cách tiếp cận và xâm nhập thế giới công nghệ, nhưng dần dần, công nghệ lại chi phối mạnh mẽ cuộc sống con người. Thay vì cuối tuần cùng tụ tập bạn bè ở một quán cà phê quen thuộc, người ta chọn cách trò chuyện qua mạng với những phần mềm chát video yahoo hay skype. Thay vì sau bữa cơm chiều, cả gia đình cùng dành ít phút để quây quần trò chuyện, bàn bạc về các công việc trong ngày hoặc của ngày hôm sau, thì mỗi người lại nhanh nhanh chóng chóng buông bát thật nhanh để trở về với thế giới công nghệ của riêng mình. Hoặc thay vì gặp mặt, hai người tâm giao để sẻ chia nỗi niềm, thì người ta tìm cách dốc bầu tâm sự trên blog, facebook với cộng đồng mạng... Với các tiện ích như thế, tưởng chừng internet đưa con người đến gần nhau hơn, nhưng kỳ thực, nó lại làm mất đi sự sâu lắng, chân thật của cảm xúc. Những tưởng khi trên giảng đường, chiếc máy chiếu, có slide, sẽ làm cho bài giảng trở nên sinh động và hấp dẫn hơn, nhưng kỳ thực đã khiến tình trạng đọc - chép vô hồn trong người học trở nên phổ biến. Trên bục giảng, thầy chỉ bật laptop và đọc bản giáo án điện tử được "bê" nguyên xi từ giờ học của lớp này sang lớp khác. Còn trò cũng chẳng buồn hỏi hay tranh luận, chỉ chăm chăm chép những dòng chữ khô cứng trên slide. Rồi những

cặp bố mẹ trẻ cũng không còn dành nhiều thời gian để kể chuyện, giao lưu cùng con trước khi đi ngủ nữa, bởi từ hát ru đến đọc truyện đã có iphone, ipad đảm nhận... Rõ ràng, công nghệ số đang số hóa mọi lĩnh vực của đời sống và "số hóa" cả chính cảm xúc vốn rất đơn lẻ của mỗi người. Giờ đây, liệu còn mấy ai được khóc vì xúc động khi nhận được một lá thư tay chứa chan tình cảm, mấy ai còn mừng khi được cầm tấm thiệp làm bằng tay của một người bạn phương xa? Cuộc sống chung quanh chỉ "rặt" những bức email, những tấm thiệp điện tử, những món quà xanh đỏ nhấp nháy được thiết kế sẵn... Thế giới ảo đã làm thay quá nhiều việc của thế giới thực, để rồi khiến chính những người mê mải trong đó tự nhiên lạc lõng, cô đơn khi đối diện thực tại. Không hiếm người bỗng gượng gạo khi gặp lại người quen, cũng không ít người thậm chí còn chẳng biết nói gì ngoài vài câu xã giao nhạt nhẽo khi ngồi cùng một người bạn thân thiết...

Vậy là con người đã sáng tạo ra công nghệ, nhưng công nghệ ấy lại có khả năng giam cầm chính họ. Và chính sự bị động, phụ thuộc thái quá này là một nguyên nhân khiến con người dần dần đánh mất mình, thiếu chủ động trong giao tiếp, làm lỏng lẻo các mối quan hệ và đem đến nhiều nguy cơ làm xô lệch nhiều nền tảng văn hóa trong xã hội. Để rồi với một số người, thước đo đẳng cấp của cá nhân đôi khi không còn là phẩm chất hay sự cống hiến công sức cho gia đình, cho cộng đồng nữa mà phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài như anh ta hay cô ta có xài "dế xịn", có sở hữu đồ công nghệ "hàng hiệu" hay không? Rồi con trẻ, vốn thường không thể chấp nhận việc làm tổn thương một sinh vật sống nào, nhưng với công nghệ số, có đứa trẻ lại tỏ ra vô cùng hào hứng và say mê những trò game bạo lực đẫm máu. Thanh niên, người lớn thì mải mê chạy theo những "mối tình ảo" cùng "người ảo" trên mạng mà quên ăn, quên ngủ, quên cả trách nhiệm với gia đình, xã hội. Và

những đường dây mại dâm online dưới nhiều hình thức trá hình đã ra đời và tồn tại từ internet. Bên cạnh đó, còn phải kể tới sự ra đời và hoành hành của vô số trang mạng chỉ dành cho cờ bạc và các "web sex", "web đen" tha hồ tận dụng lợi thế siêu liên kết của công nghệ số để đầu độc nhận thức, lôi sống của một bộ phận công chúng... Có thể nói không quá lời rằng, một trong những nguyên nhân đưa tới những vụ giết người man rợ, nạn bạo lực học đường, tỷ lệ sống thử tỷ lệ thuận với tỷ lệ nạo phá thai, hay những vụ ly hôn, tan cửa nát nhà vì ngoại tình, cờ bạc mỗi lúc một phổ biến... là do tác động tiêu cực từ "cuộc sống số". Khi mà không gian và thời gian chỉ còn ý nghĩa tương đối, internet hoàn toàn có khả năng tác động để biến những suy nghĩ ảo thành thật, biến những hành động ảo thành hệ lụy thực, làm phai nhòa và cuốn trôi theo nhiều giá trị thật của cuộc sống. Và đó cũng là một nguyên nhân khiến nhiều người lo ngại về nguy cơ "hòa tan văn hóa" trong tiến trình toàn cầu hóa qua công nghệ thông tin. Nói cách khác, với sức mạnh của chúng, internet cùng các thiết bị truyền dẫn có thể vượt qua, xóa bỏ các hàng rào văn hóa mà nếu không tỉnh táo, những giá trị văn hóa truyền thống chẳng những sẽ dần dà bị mai một, con người không có cơ hội được hội nhập, mà còn đứng trước nguy cơ bị đồng hóa bởi những nền văn hóa có tham vọng bành trướng toàn cầu.

Trước nguy cơ và thực trạng một bộ phận trong xã hội, đặc biệt là giới trẻ đang tự biến mình thành nạn nhân của máy móc và kỹ thuật, đã đến lúc phải gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh để nâng cao ý thức và khả năng làm chủ công nghệ. Sự phát triển công nghệ là cần thiết và hữu ích, đó là một trong các thành tựu của văn minh nhân loại, vì thế, không thể đổ lỗi cho công nghệ mà phải tìm kiếm trách nhiệm ở chính những người sở hữu công nghệ. Công nghiệp số phát triển dựa trên tính năng coi trọng dân chủ hóa thông tin.

Vì thế, để hạn chế sự phụ thuộc của con người vào công nghệ, các cơ quan chức năng không thể cấm đoán hay can thiệp bằng những biện pháp cưỡng chế mà phải có chiến lược định hướng một cách linh hoạt và mềm dẻo. Cần đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra và có biện pháp xử lý mạnh tay, dứt khoát khi phát hiện các cá nhân, tổ chức lợi dụng internet để truyền bá thông tin độc hại, hay thu lời từ hoạt động mại dâm, cờ bạc, làm gia tăng tệ nạn xã hội. Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng cũng cần phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ ở trong và ngoài nước để có biện pháp ngăn chặn sự xuất hiện của các loại "rác văn hóa" trên mạng.

Về phía người sử dụng công nghệ, nhất thiết cần phải tinh táo và làm chủ được quỹ thời gian của chính mình. Hãy biến công nghệ trở thành công cụ để phục vụ cuộc sống thay vì biến mình thành nô lệ của công nghệ. Muốn thế, bản thân những người trưởng thành cần phải làm gương cho con trẻ. Các bậc phụ huynh nên và cần thường xuyên giáo dục, nhắc nhở con cái về tác hại khi sử dụng công nghệ không lành mạnh, kiểm soát quỹ thời gian của con trẻ, giúp con hình thành nhận thức, sự hiểu biết và cách thức sử dụng công nghệ làm sao cho hợp lý. Đứng trước "cơn bão" thông tin cập nhật và hối hả trong kỷ nguyên số, con người dễ dàng rơi vào tình trạng rối loạn về thứ tự ưu tiên cũng như mức độ tin cậy khi tiếp nhận; vì thế, bản thân mỗi người phải tăng cường khả năng nhận thức, tham khảo thông tin từ nhiều nguồn khác như nhà trường, gia đình, báo chí... Những người trẻ hôm nay là cư dân thường xuyên của hệ thống mạng, họ cần được hướng dẫn và khích lệ để biết chọn lựa giá trị sống và kỹ năng sử dụng một cách tích cực những thành tựu công nghệ. Đồng thời, họ cũng cần chủ động, trực tiếp tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao lành mạnh, phù hợp để tăng cường khả năng giao tiếp, trau dồi tri thức, qua đó thoát khỏi tình trạng sống

không có kế hoạch - một trong các căn nguyên dẫn tới ý muốn trốn mình rồi lạc lối trong thế giới ảo.

Thiết nghĩ, việc định hướng trong sử dụng công nghệ của giới trẻ không chỉ phụ thuộc phần nhiều vào nhận thức của chính bản thân họ, mà còn cần tới sự chung tay, đồng lòng, hiệp sức trong giáo dục nhận thức của tất cả các lĩnh vực xã hội, từ các cơ quan chức năng tới các đoàn thể, từ mỗi gia đình, nhà trường và xã hội...

VỀ CÁC THỦ ĐOẠN BỊA ĐẶT, XUYÊN TẠC TRÊN INTERNET*

VŨ HỢP LÂN

Khi internet trở thành hệ thống thông tin toàn cầu giúp con người học hỏi, trau dồi tri thức, trao đổi, bày tỏ tâm tư,... thì nó cũng nhanh chóng bị một số người lợi dụng làm phương tiện thực hiện các thủ đoạn bịa đặt, tung tin thất thiệt nhằm làm ảnh hưởng tới uy tín của một số chính phủ và cá nhân, gây nhiễu thông tin, làm suy giảm niềm tin, đẩy tới rối loạn xã hội. Với Việt Nam, các thế lực thù địch đã và đang ráo riết thực hiện các thủ đoạn này.

Tháng 3-2013, một số website, blog thi nhau công bố văn bản có tên "Nghệ sĩ nhân dân Thu Hiền: Nên bàn ngay vào nội dung sửa đổi Hiến pháp" với nội dung không khác ý kiến một số người vẫn truyền bá trên internet để tiến công vào uy tín của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Dù đã có ý kiến nghi ngờ tính xác thực của văn bản này vì sự bất bình thường của một số từ ngữ được sử dụng, nhưng vẫn có người vội "ca ngợi" Nghệ sĩ nhân dân Thu Hiền: "Tiếp tục cất cao lời ca, hòa cùng vào đoàn người có niềm tin bất diệt của sự tiến bộ một xã hội tri thức, của nền dân chủ văn minh thực sự! Thế rồi sự việc trở thành nỗi bẽ bàng, vì ngay sau đó một nhà báo cho biết: "Sáng 31-3, qua điện thoại, Nghệ sĩ nhân dân Thu Hiền rất ngạc nhiên và bức xúc khi được hỏi về bài viết

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 14-5-2013.

góp ý Hiến pháp. Bà cho biết, bà không biết gì về internet cũng như mạng. Khi nghe tóm tắt nội dung bài viết, bà rất bức xúc và nói: "Cả cuộc đời tôi theo cách mạng, được tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, không đời nào tôi lại đi làm cái việc như thế...". Có vẻ như chưa hết bức xúc và lo lắng, bà gọi điện lại, hỏi địa chỉ trang mạng đã đưa (để nói con tìm hộ để đọc xem nó viết thế nào), và tỏ ý muốn lên tiếng cãi chính". Sự thể đã như vậy, lẽ ra những người đã đăng cái văn bản giả mạo kia phải thấy xấu hổ và cho "hạ bài"; nhưng không, một số người vẫn cho lưu giữ trên mạng, để tiếp tục đánh lừa người đọc.

Sự kiện trên đây là thí dụ điển hình cho hoạt động của các thế lực thù địch và một số người không chỉ sử dụng internet làm công cụ để truyền bá luận điệu sai trái, mà còn biến internet thành một phương tiện chuyển tải thông tin bị đặt nhầm tác động tới uy tín của Đảng, Nhà nước và các đồng chí lãnh đạo (từ việc học hành, sinh hoạt của con cái đến chuyện nhà cửa, đất đai, có tài khoản ngân hàng ở nước ngoài, thậm chí bức ảnh đi lễ chùa cũng được họ huy động để xuyên tạc thành... "ám sát tâm linh"!). Mỗi khi đất nước có các sự kiện lớn như Đại hội Đảng, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, bầu cử Quốc hội,... thì trên internet, loại tin bài này tăng vọt, kèm theo đủ loại "bình luận, phân tích, dự đoán" tiêu cực của một số người nhân danh "nhân sĩ, trí thức, blogger, nhà báo tự do", và bao giờ cũng kèm theo comment (bình luận - B.T) bậy bạ của nhiều kẻ giấu mặt.

Để đạt mục đích, họ không từ một thủ đoạn nào, kể cả lợi dụng niềm tin tâm linh của công chúng. Vào mùa khô, sông Hồng cạn nước, lập tức một "nhà dân chủ" la lối "vận nước khô cạn" (!). Phát hiện "hòn đá lạ" ở Đền Hùng, blogger nọ vội la thất thanh "Đền Hùng bị trấn yểm", đề nghị "khẩn cấp vô hiệu hóa đạo bùa này, di dời khỏi khu vực di tích Đền Hùng" (!). Bỉ ổi hơn, trước

ngày Hội nghị Trung ương 7 (khóa XI) khai mạc, có kẻ xưng xưng đặt câu hỏi về cơn mưa làm sạt tường đình làng Lại Đà (Đông Anh - Hà Nội) có gì linh ứng với diễn biến Hội nghị Trung ương 7 sắp diễn ra" (!)... Tức là bất kỳ thông tin nào, dù chưa được kiểm chứng, nhưng có thể lợi dụng, là lập tức có kẻ chộp lấy để vu cáo, xuyên tạc nhằm nhảm nhí. Từ ý kiến đề nghị lấy lại tên nước thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, họ xuyên tạc thành "Việt Nam sắp đổi tên. Đổi tên nước là phải đổi tên!". Để trầm trọng hóa lạm phát, họ tung tin "Ngân hàng Nhà nước sắp phát hành đồng tiền mệnh giá 1 triệu đồng"... Trước và trong thời gian Hội nghị Trung ương 7 (khóa XI), một "chiến dịch" bôi nhọ cá nhân, tung tin thất thiệt đã được triển khai. Một số website, blog, diễn đàn nhanh nhảm "tin mới, tin nóng" mà nội dung là hoang tin, bàn chuyện nhàn sự như "thầy bói xem voi". Điều đáng nói là dưới các tin bài ấy, người ta tạo điều kiện để kẻ giấu mặt tha hồ phụ họa, chửi bới, xuyên tạc, đe dọa,... nhưng không cho đăng các ý kiến phản bác. Nếu đăng ý kiến phản bác thì họ tập trung "ném đá" bằng thứ ngôn từ hạ cấp, bẩn thỉu để người lương thiện không còn muốn dây dưa. Kết quả là trong nhiều trường hợp, họ tung hoành phao tin, đồn nhảm trên internet bất chấp lẽ phải, bất chấp sự thật.

Trước tình trạng bất lương về thông tin, trên internet cũng đã có nhiều người lên tiếng phản ứng, như: "Từ khi có blog, facebook, ai cũng trở thành "nhà báo" được, nhưng khổ nỗi, họ không ý thức đầy đủ các nguyên tắc bếp núc của nghề viết lách nên cứ viết bừa, đăng bừa. Thông tin họ đưa không chính xác, chẳng những làm rối, làm ô nhiễm thông tin mà còn đẩy xã hội vào rối loạn", mỗi khi trong nước, ngoài nước xảy ra sự vụ gì, không biết hay dở ra sao, không cần biết tin tức thế nào lập tức nhiều "tác giả dân chủ" tranh nhau viết bài mổ xẻ, phê phán, chửi bới.

Căn cứ vào tác động xấu của tin tức bịa đặt, xuyên tạc trên internet trong các năm gần đây, có thể đặt câu hỏi: Phải chăng do người bị vu khống không phản ứng, hay không nhờ tới sự trợ giúp của pháp luật; do cơ quan chức năng còn thiếu kiên quyết; do được một số chính phủ nước ngoài, một số tổ chức nhân danh "dân chủ, nhân quyền" o bế,... mà hoạt động của một số người ngày càng trắng trợn hơn? Dù thế nào thì hiện tượng này cũng gây hoài nghi, hoang mang trong xã hội, ảnh hưởng tới uy tín, danh dự của công dân. Vì thế, các cơ quan chức năng cần nghiêm khắc hơn khi xử lý một số người công bố thông tin bịa đặt, xúc phạm cá nhân,... Riêng với blog, phải khẳng định đó không phải là diễn đàn cá nhân nên muốn viết gì thì viết, muốn đăng gì thì đăng? Thông tư 07 (năm 2008) của Bộ Thông tin và Truyền thông, bên cạnh việc quy định có ý nghĩa khuyến khích, cũng đưa ra quy định cụ thể với hành vi bị nghiêm cấm: "3.1. Lợi dụng trang thông tin điện tử cá nhân để cung cấp, truyền đi hoặc đặt đường liên kết trực tiếp đến những thông tin vi phạm các quy định tại Điều 6 Nghị định số 97. 3.2. Tạo trang thông tin điện tử cá nhân giả mạo cá nhân, tổ chức khác; sử dụng trái phép tài khoản trang thông tin điện tử cá nhân của cá nhân khác; thông tin sai sự thật xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. 3.3. Truyền bá các tác phẩm báo chí, tác phẩm văn học, nghệ thuật, các xuất bản phẩm vi phạm các quy định của pháp luật về báo chí, xuất bản. 3.4. Sử dụng những thông tin, hình ảnh của cá nhân mà vi phạm các quy định tại Điều 31, Điều 38 Bộ luật dân sự. 3.5. Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử cá nhân mà vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ, về giao dịch thương mại điện tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan... 4.1. Chủ thể trang thông tin điện tử cá nhân chịu trách nhiệm về nội dung thông tin được cung cấp, lưu trữ, truyền đi trên trang thông tin điện tử cá nhân của mình, bảo đảm không vi phạm quy định của pháp luật...".

Cùng với việc nghiêm túc thực hiện quy định của pháp luật, cần phát huy vai trò của báo chí để kịp thời phát hiện, nhanh chóng khẳng định và làm sáng tỏ bản chất của vấn đề, sự vật - hiện tượng, làm cho các thông tin bịa đặt, xuyên tạc không có điều kiện, thời gian để thẩm thấu, lung lạc đời sống tinh thần xã hội. Trung thực và tôn trọng sự thật, đó là "vũ khí" có khả năng vạch trần, bác bỏ mọi sự dối trá, phải được khẳng định cụ thể, trực tiếp trên báo chí khi đấu tranh với hiện tượng vu cáo, bịa đặt. Tuy nhiên, cuối cùng vấn đề vẫn phụ thuộc vào bản lĩnh, sự tỉnh táo của mỗi người khi tiếp xúc với thông tin. Muốn vậy, xã hội cần tạo ra môi trường để mỗi cá nhân xây dựng ý thức tự giác không chỉ trong đánh giá thông tin, mà còn có bản lĩnh công khai đấu tranh với cái xấu. Đặc biệt, trong khi khuyến khích toàn dân "Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật", các cơ quan pháp luật cần vào cuộc bảo vệ người dân trước các loại thông tin vu cáo, bịa đặt, xuyên tạc, vu khống làm ảnh hưởng tới danh dự, nhân cách...

ĐÁNH CẮP TỰ DO TRÊN INTERNET?*

ANH KHÔI

Những ngày qua, không chỉ tờ *The Washington Post* (Mỹ) mà nhiều tờ báo, hãng tin lớn trên thế giới đều liên tục đưa tin cựu nhân viên Cục Tình báo trung ương Mỹ (CIA) Edward Snowden tiết lộ thông tin về chương trình do thám điện thoại và internet ở Mỹ (PRISM). Kèm theo đó là cập nhật ý kiến của nhiều chính khách trên thế giới đối với PRISM. Riêng trang World News của *The Guardian* (Anh) còn công bố video phỏng vấn Edward Snowden cùng bản tin đặc biệt về nhân vật này... Đó cũng là lý do làm cho nhiều người liên tưởng tới một vụ "Wikileaks thứ hai".

Khởi nguồn vào ngày 5-6, *The Guardian* công bố một văn bản tuyệt mật của tòa án yêu cầu công ty điện thoại Verizon chuyển giao cho Cơ quan An ninh quốc gia Mỹ (NSA) hàng triệu hồ sơ lưu trữ về các cuộc điện thoại. Sau đó, Edward Snowden - người cung cấp văn bản này, đề nghị *The Guardian* tiết lộ danh tính của mình và tuyên bố sẽ sẵn sàng tiếp tục đưa ra tài liệu về chương trình PRISM của Chính phủ Mỹ. Người đàn ông 29 tuổi tự nhận từng làm việc cho CIA dưới vỏ bọc nhân viên ngoại giao; sau đó được tuyển mộ bởi nhà thầu Booz Allen Hamilton tại trụ sở NSA ở Hawai. Cũng từ đây, Snowden bắt đầu thu thập thông tin về PRISM và đến cuối tháng 5 vừa rồi, anh ta quyết định tiết lộ những thông tin tối mật cho một số tờ báo lớn.

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 14-6-2013.

Theo Edward Snowden, chương trình PRISM bắt đầu tiến hành từ năm 2007 và đang được Chính phủ Mỹ triển khai một cách sâu rộng hơn. PRISM là mật danh của một chương trình bí mật thu thập dữ liệu từ việc sử dụng internet do NSA điều hành. Theo chương trình này, NSA và Cục Điều tra Liên bang Mỹ (FBI) thực hiện kết nối trực tiếp vào máy chủ của chín công ty internet lớn ở Mỹ như Microsoft, Apple, Google, Facebook, AOL... nhằm tìm kiếm và theo dõi thông tin của người sử dụng internet. Để hợp thức hóa, PRISM nhận được hậu thuẫn bởi sắc lệnh mật của tòa án. Thông qua PRISM, Chính phủ Mỹ sẽ nắm được nội dung của các email, hình ảnh, đàm thoại và tin nhắn. Với cái cớ để theo dõi các công dân nước ngoài bị nghi ngờ hoạt động khủng bố hoặc do thám, các cơ quan tình báo của Mỹ trên thực tế thu thập mọi dữ liệu mà họ cho là cần thiết. Từ việc thâm nhập các máy chủ, các cơ quan tình báo Mỹ có thể thu thập đầy đủ tiểu sử, hình ảnh, quan hệ gia đình, quan hệ xã hội, giao dịch làm ăn của các tổ chức, cá nhân. Trong phút chốc, không ít người sử dụng internet ngỡ rằng đã tìm được thế giới riêng cho mình trên internet, lại bỗng dưng trở thành "con tin", bị theo dõi hoặc can thiệp đời tư mà không hề hay biết. Tự do mà nhiều người tưởng rằng có được sẽ bị tước mất, bị đánh cắp bởi những thỏa thuận ngầm giữa các công ty internet với NSA.

Trong đoạn video dài 12 phút quay ở Hồng Kông của *The Guardian*, Snowden nói rõ động cơ muốn tiết lộ thông tin mật cho báo giới là: "Lương tâm tôi không thể yên ổn nếu cho phép Chính phủ Mỹ phá hoại quyền riêng tư, tự do trên internet và quyền tự do cơ bản của người dân trên khắp thế giới với cỗ máy giám sát khổng lồ mà họ đang bí mật xây dựng". Ông bày tỏ sự bất bình với việc nói một đằng, làm một nẻo của Chính phủ Mỹ, đồng thời, cách mà ông công khai thông tin ra thế giới cũng là để bảo vệ cuộc sống

của bản thân và gia đình ông. Snowden đã phải rời đất Mỹ sang Hồng Kông một cách bí mật và hy vọng Hồng Kông sẽ không trực xuất mình. Ông cũng tỏ ra sẵn sàng đương đầu với những tình huống xấu nhất: "Nhưng thực tế thì tôi cũng chả dám nói chắc điều gì về tương lai của mình. Bạn không thể nào chống lại các cơ quan tình báo hùng mạnh nhất thế giới mà không chấp nhận rủi ro đó". Sự việc trở nên phức tạp hơn khi ngày 10-6 vừa qua, Snowden đã rời khách sạn Mira ở Hồng Kông và không biết anh ta đi đâu. Theo tin tức mới nhất thì tại Mỹ, vụ việc đã được chuyển sang Bộ Tư pháp. Và trong cuộc họp báo ngày 10-6, Jay Carney - Thư ký báo chí của Chính phủ Mỹ, đã từ chối bình luận về nơi trú ẩn của Snowden. Sự kiện này cũng đang trở thành nguyên nhân để nhiều chính khách ở Anh, Đức, Ôxtrâylia,... đặt ra những câu hỏi có tính nghi ngờ và bức xúc.

Đã 20 năm trôi qua kể từ ngày "thế giới ảo" ra đời. Không ai nghi ngờ rằng internet đã kết nối con người với nhau xuyên qua mọi biên giới lãnh thổ, phá vỡ những bức tường ngăn cách về thông tin, tình cảm, những hàng rào thuế quan, hàng rào thương mại. Cũng không ít người nhận thức rõ sự nguy hiểm của internet một khi nó bị các thế lực xấu lợi dụng. Cần thiết bảo vệ cái tốt và ngăn ngừa cái xấu. Nhưng đọc trộm thư từ của người khác, nghe lén điện thoại, xem trộm tin nhắn hội thoại, dò la mối quan hệ cá nhân, lập hồ sơ người sử dụng internet và theo dõi họ lại là sự vi phạm tự do cá nhân, vi phạm quyền con người.

"Tự do internet" là khẩu hiệu mà một số nước phương Tây ra sức kêu gọi, thậm chí họ còn tự coi mình là "tấm gương sáng" và kêu gọi các quốc gia khác noi theo. Một số dân biểu Mỹ luôn tỏ ra quan ngại về việc các nước khác "hạn chế quyền tự do internet" của công dân. Một tổ chức nhân danh bảo vệ nhân quyền còn đưa ra cái gọi là "kẻ thù của internet" để phê phán nước này nước kia. Song thủ hồi

tự do internet - nghĩa là mọi người được tự do sử dụng internet, có nghĩa gì khi bị tước mất tự do cá nhân trên internet một cách phi pháp. Thông thường, những người sử dụng internet, nhất là giới trẻ và người mới sử dụng nhiệt tình, vô tư khai báo thông tin thật, công khai các mối quan hệ xã hội, giao dịch làm ăn, bạn bè, giao lưu... Họ đâu có biết, càng vô tư vào mạng bao nhiêu thì dữ liệu cá nhân của họ càng bị thâu tóm nhiều bấy nhiêu.

Thực ra, mối đe dọa đối với tự do cá nhân trên internet đã được cảnh báo nhiều lần. Báo *Nhân Dân* số ra ngày 13-9-2012 đã từng lưu ý về nguy cơ này trong bài "Quyền lực ngầm sau mạng xã hội" như sau: "cơ quan tình báo Mỹ như CIA, FBI hay NSA chỉ việc thu thập thông tin cá nhân có sẵn trên facebook dùng để chống lại chính những người cung cấp thông tin đó". Cũng nhắc đến vấn đề thông tin cá nhân trên internet, Eric Schmidt - Chủ tịch của Google cho rằng, đã đến lúc "Cần một nút xóa vĩnh viễn mọi thông tin trên internet cho người dùng" để mọi người thoát khỏi những thông tin nhạy cảm có thể ảnh hưởng lâu dài đến tương lai của họ. Trong một bài phát biểu trước cử tọa của Đại học New York vào tháng 5-2013, ông này cảnh báo rằng, những hành động dại dột để tạo sự chú ý, muốn thể hiện cái tôi một cách bồng bột ở thời đại internet hôm nay sẽ gây ra những kết cục khôn lường trong ngày mai. Các thông tin tưởng chừng vô hại trong một thế giới khó kiểm soát như internet có thể bị bóp méo theo ý đồ của người điều hành. Theo như những gì mà Edward Snowden mới tiết lộ, thì điều này có thể nguy hiểm hơn nhiều. Thủ đặt ra tình huống nếu toàn bộ nhân thân, quan hệ xã hội, kể cả những bí mật đời tư của một người bị số hóa, bị theo dõi, thì liệu đến một lúc nào đó người đó có thể sẽ bị khống chế, bị điều khiển và thao túng hay không? Vậy là tự do internet sẽ trở thành mất tự do trên internet theo đúng nghĩa đen của nó.

Trong số hàng nghìn tài liệu mật của Lầu Năm Góc và Bộ Ngoại giao Mỹ được WikiLeaks công bố có cả bản ghi nhận IP kết nối (địa chỉ IP là một dãy số xác định máy tính để có thể gửi nhận dữ liệu đến các máy khác). Từ địa chỉ này, người ta có thể dò theo vị trí người dùng khi truy cập mạng internet ở bất kỳ đâu trên thế giới. Do đó, dù "ảo" đến đâu thì người ta cũng có thể tìm ra nguồn phát tán thông tin, xác định được người dùng. Cũng vì lý do này mà dư luận Mỹ tỏ ra hết sức bức xúc với chương trình PRISM của Chính phủ Mỹ. Cho dù quan chức an ninh Mỹ đã cố gắng bao biện cho việc làm của họ là chỉ nhắm vào người nước ngoài, nhưng internet đâu chỉ kết nối công dân nước ngoài với nhau. Chính công dân Mỹ mới là những người đầu tiên bị theo dõi, đúng như Snowden bộc bạch: "Tôi không muốn sống trong một xã hội có những chuyện như thế... Tôi không muốn sống trong một thế giới nơi mọi thứ tôi làm và nói đều được ghi lại".

Mặc dù Giám đốc Cơ quan An ninh quốc gia Mỹ (NSA) James Clapper lên tiếng sẽ điều tra hình sự vụ "rò rỉ thông tin" nhưng có vẻ như *The Washington Post* và *The Guardian* quyết tâm theo đuổi vụ việc đến cùng. Trong khi Nhà Trắng đang tính toán thiệt hại của scandal này, thì mỗi người dùng internet hãy tỏ ra thông minh, tinh táo khi lén mạng.

QUẢN LÝ INTERNET THEO PHÁP LUẬT LÀ YÊU CẦU TẤT YẾU Ở MỌI QUỐC GIA!*

VŨ HỢP LÂN

"Khoa học mà không có ý thức thì chỉ phá hoại tâm hồn" - đó là câu nói của nhà văn Pháp F. Rabelais đưa ra cách đây hơn 500 năm. Nếu xem xét từ lịch sử sử dụng thành tựu khoa học của con người, thì đến hôm nay, ý kiến của F.Rabelais vẫn còn nguyên giá trị. Như với internet chẳng hạn, việc lợi dụng thành tựu khoa học này vào mục đích xấu không chỉ có thể phá hoại tâm hồn, mà còn có thể phá hoại xã hội, phá hoại chính cuộc sống của con người.

Đầu tháng 6 vừa qua, các cơ quan truyền thông trên thế giới đưa tin: từ ngày 1-6-2013, quy định mới của Chính phủ Xingapo về việc cấp phép hoạt động cho các trang tin điện tử bắt đầu có hiệu lực. Quy định này buộc các trang tin có ít nhất 50 nghìn người truy cập từ Xingapo hàng tháng và hàng tuần có ít nhất một tin về xã hội Xingapo thì trong hai tháng trở lên phải xin giấy phép hoạt động; các trang mạng được cấp phép có nghĩa vụ phải rút nội dung nào xâm phạm đến sự hài hòa tôn giáo, chủng tộc trong vòng 24 giờ sau khi MDA - Cơ quan Quản lý truyền thông quốc gia, yêu cầu; cơ quan thẩm quyền có thể áp dụng hình phạt tài chính, đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép với bất kỳ website nào không tuân thủ quy định; phương tiện truyền thông phải chịu trách nhiệm về nội dung

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 21-6-2013.

đã công bố; quy định mới có thể mở rộng phạm vi tới website cá nhân, website nước ngoài đăng tin tức về Xingapo. Đại diện MDA cho rằng, chính quyền sẽ tiếp tục "chính sách mềm" trong việc điều chỉnh internet, các blog sẽ không bị luật này điều chỉnh nếu không phải là các cổng thông tin. Sự kiện trên làm nhớ tới một số thông tin trên website Tiếng nói nước Nga gần đây. Đó là việc ông Erdogan - Thủ tướng Thổ Nhĩ Kỳ, đã nhận định dịch vụ blog cá nhân twitter xâm hại sự bình yên của đất nước, là nguồn phát tán các thông tin sai lạc. Ông cho rằng: "Mạng xã hội gây bất an trong cộng đồng". Hắn đó cũng là lý do để cơ quan chức năng của Thổ Nhĩ Kỳ tại thành phố Izmir đã bắt giữ 24 đối tượng bị tình nghi đã xúi giục bất ổn thông qua các mạng xã hội và tuyên truyền chống Chính phủ. Tiếp đó, lực lượng an ninh Thổ Nhĩ Kỳ ở thành phố Adana bắt giữ 13 blogger bị cáo buộc đã phát tán trên internet thông tin kích động lật đổ, chuẩn bị các hoạt động chủ ý phá hoại, lôi kéo dân chúng xuống đường. Cơ quan an ninh Adana cho rằng, nhóm blogger này "sử dụng các mạng xã hội để lan truyền những tuyên cáo kích động sự bất mãn và giận dữ".

Có thể liệt kê rất nhiều sự kiện xảy ra trên internet và để lại hậu quả nghiêm trọng. Chẳng hạn cách đây không lâu một nhóm tin tặc đã xâm nhập và lấy cắp tài khoản twitter của hãng AP để ngụy tạo thông tin về hai vụ nổ bom tại Nhà Trắng khiến Tổng thống Obama bị thương! Lập tức bản tin chỉ gồm mấy chục chữ đã làm chao đảo thị trường chứng khoán Mỹ, làm thiệt hại ước tính lên tới 136,5 tỷ USD. Tương tự như vậy, một bản tin trên VTC News cho biết: "Những bài viết về nạn đói ở Triều Tiên do một số phương tiện truyền thông phương Tây đưa lên gần đây là "không đúng sự thật". Bilal Dersa Gaga, Phó Văn phòng đại diện Tổ chức Nông lương thế giới - FAO tại Bình Nhuống đã khẳng định điều đó trong bài phỏng vấn với Hãng thông tấn Itar - Tass của Nga. Ông nhấn mạnh: "Ở đây có tình trạng thiếu hụt lương thực nhưng

tuyệt đối không có dấu hiệu của nạn đói". Ông Bilai cho biết, truyền thông phương Tây thường sử dụng các nguồn tin giấu tên khi đề cập đến nạn đói ở Triều Tiên, những dữ liệu mà theo ông là "không đáng tin cậy" đồng thời khẳng định nhân viên FAO khi khảo sát tình trạng nông thôn Triều Tiên không phát hiện ra dấu hiệu nạn đói. Andrei Lankov, một nhà nghiên cứu Triều Tiên, cách đây không lâu đã tuyên bố trên Đài phát thanh Vesti FM: "Thông tin Triều Tiên đang đứng trước bờ vực nạn đói năm nào cũng được truyền thông phương Tây đưa ra". Ông nhấn mạnh, tất cả đều là bịa đặt.

Quy định mới của Chính phủ Xingapo, ý kiến của Thủ tướng Thổ Nhĩ Kỳ, ý kiến của đại diện FAO, và vô vàn ý kiến đánh giá, phê phán các hành vi tiêu cực được thực hành trên internet đã cho thấy, khi một thành tựu khoa học công nghệ bị lạm dụng, bị sử dụng như công cụ phục vụ cho mục đích tiêu cực, có thể gây bất ổn trong cuộc sống xã hội, con người như thế nào. Do đó, vì đời sống tinh thần lành mạnh của con người, vì trật tự xã hội và an ninh quốc gia, vì sự ổn định để phát triển đất nước,... dưới các hình thức khác nhau, nhiều chính phủ đã có biện pháp mềm dẻo nhưng kiên quyết để chấn chỉnh các hoạt động trên internet. Với Việt Nam, trong những năm qua, sự ra đời của các website, blog, diễn đàn trên internet như là phương tiện đáp ứng nhu cầu chính đáng của con người, nhưng cũng bị các thế lực thù địch, một số cá nhân thiếu thiện chí lạm dụng, biến thành phương tiện truyền bá các tin tức có thể tác động xấu tới nhận thức của xã hội, con người. Một số trang mạng đã vượt qua giới hạn là nơi giao lưu, tâm sự, thể hiện sở thích cá nhân,... để trở thành trang điện tử đăng tải tin tức, bình luận thất thiệt, thậm chí khai thác bài vở từ các địa chỉ truyền thông chống cộng, mà nổi lên trong đó là thủ đoạn xuyên tạc, đổi trắng thay đen, bịa đặt. Các trang mạng này được website của BBC, VOA, RFA, RFI,... và các trang điện tử của các thế lực

chống cộng cực đoan ở nước ngoài cổ súy, khai thác, từ đó tạo dựng nên một "trận đồ bát quái" về thông tin, nhằm đầu độc, lừa mị người tiếp xúc.

Cách đây ít ngày, trong bài viết đăng trên Người Việt online, tác giả Vũ Ánh cho biết ảnh trang bìa tuần báo *Time* số tuần đầu tiên tháng 6 là ảnh chụp lốc xoáy ở Oklahoma; nhưng cũng số này, trong cộng đồng mạng lại xuất hiện một ảnh bìa khác với hình Nguyễn Phương Uyên trước vành móng ngựa! Và tác giả viết: "Thú thực, vốn là người không biết, không hiểu gì về photoshop và dù trước mặt có số báo *Time* tuần này đề ngày 3-6-2013, nhưng tôi cũng giật mình: Người không bao giờ nhìn thấy hay biết về tờ tuần báo thời sự này sẽ không nhận ra thế nào là thật, thế nào là giả". Cũng tại nước Mỹ, từ ngày trang kbchn.net trở thành địa chỉ đăng tải tin tức, hình ảnh trung thực về đất nước và con người Việt Nam, do ông Nguyễn Phương Hùng - người Mỹ gốc Việt, thực hiện, các thế lực chống cộng tại Mỹ tìm mọi cách từ tẩy chay, vu cáo đến xuyên tạc, lăng mạ nhằm làm mất uy tín của ông. Ngày 30-5, trên kbchn.net, ông Nguyễn Phương Hùng cho biết: nhóm chống cộng cực đoan hải ngoại đã giả dạng lập một trang blog có tên na ná như trang kbchn.net và ông coi đó là một "việc làm vô liêm sỉ"! Gần đây hơn, trên diễn đàn của mấy kẻ tự nhận là "người yêu nước", đã công bố bức ảnh một người đang nằm dưới đất, có nhiều công an đứng quanh rồi khẳng định "công an sử dụng bạo lực, đòn áp dân"! Thật ra đây là hình ảnh xảy ra trong vụ va chạm giữa cổ động viên hai đội bóng Sông Lam Nghệ An và Ximăng Hải Phòng trên sân Vinh... Về sự giả mạo này, có lẽ cần phải nhắc lại chuyện năm 2008, Hà Nội mưa to, chính quyền huy động xe lội nước quân sự để cứu giúp dân. Cái gọi là "Đài truyền hình SBTN" của người Mỹ gốc Việt liền chộp lấy những bức ảnh đã phát trên mạng về sự cứu giúp này để làm phóng sự có nhan đề... "đảo chính ở Hà Nội", một số diễn đàn điện tử vội vàng phát tán, đưa lên youtube! Tương tự, sau khi một

số trang điện tử cá nhân đăng tin bịa đặt thông tin về một đồng chí lãnh đạo của thành phố Hà Nội, một người là Lam Trực đã viết trên internet coi đó là "đáng xấu hổ và là hành động vô lương".

Sự phát triển của internet đã đem tới rất nhiều tiện ích cho cuộc sống con người. Tuy nhiên, cũng như mọi thành tựu văn minh khác, việc sử dụng internet như thế nào trước hết vẫn phụ thuộc vào con người. Nói cách khác, dù internet là thành tựu to lớn đến đâu thì việc sử dụng cũng không thể vượt qua khuôn khổ của giá trị con người, giá trị xã hội. Loài người đã được chứng kiến quá nhiều hậu quả của việc lạm dụng các thành tựu khoa học để phục vụ mục đích phi nhân tính, mà hai quả bom nguyên tử ném xuống Hiroshima và Nagasaki năm 1945 là bài học không thể lãng quên. Ngày nay, mối đe dọa từ internet đang là một thực tế. Ngày 31-5-2013, trả lời các nhà báo trên chuyến bay tới Xingapo dự Đối thoại an ninh Shangri-La, ông Chuck Hagel - Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ, đã cho rằng các cuộc tấn công mạng là "sự đe dọa một cách âm thầm, lén lút, và xảo quyệt đối với nước Mỹ cũng như các nước khác... Những cuộc xung đột trên mạng có thể dẫn tới hậu quả âm ỉ, lặng lẽ nhưng rất nguy hiểm, từ việc đánh sập lối đi điện cho tới phá hoại hệ thống tài chính hoặc vô hiệu hóa hệ thống phòng thủ. Đây không phải là mối đe dọa đối với riêng Hoa Kỳ, mà còn ảnh hưởng tới tất cả những nước khác". Đó là vấn đề đối với an ninh, với sự tồn vong của một đất nước. Còn đối với con người, sự thiếu ý thức trong sử dụng internet có thể đưa tới hậu quả khôn lường, vì thế việc quản lý internet theo pháp luật đang trở thành yêu cầu tất yếu ở mọi quốc gia. Ông Yaacob Ibrahim - Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông Xingapo, khi trả lời phỏng vấn của Reuters, đặt câu hỏi: "Các phương tiện truyền thông của chúng tôi là đối tượng hoạt động theo những quy định. Vậy tại sao phương tiện truyền thông trực tuyến không là một phần trong khuôn khổ pháp lý này?".

CẢNH GIÁC VÀ TỈNH TÁO TRƯỚC THỦ ĐOẠN DỰNG CHUYỆN!*

NHẬT ANH

"Nếu không có chuyện thì chúng ta dựng chuyện" (If it not happen then make it happen), đó là câu nói mà mỗi khi cần tác động tiêu cực, thậm chí làm thay đổi chế độ xã hội ở một quốc gia, mà một số thế lực nước ngoài, đặc biệt là cơ quan tình báo, thường hiện thực hóa thông qua rất nhiều thủ đoạn.

Về bản chất, dựng chuyện là cách biến vụ việc nhỏ thành sự kiện lớn, phức tạp, hoặc công bố tư liệu, bằng chứng giả gây hoang mang trong dư luận, gây bất ổn chính trị, từ đó tạo cơ để can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác.

So với thủ đoạn của chiến tranh tâm lý trước đây, ngày nay thủ đoạn dựng chuyện vẫn không có gì khác, nhưng lại phát triển lên một bước mới tinh vi, nhờ sự hỗ trợ của phương tiện thông tin đại chúng và internet có tốc độ lan truyền cao hơn nhiều. Như Bộ Quốc phòng một nước lớn đã xác định chiến tranh tâm lý là "dùng tuyên truyền, các hoạt động tâm lý có kế hoạch với mục đích chính là gây ảnh hưởng đến ý kiến, cảm xúc, thái độ, hành vi của các nhóm thù địch nước ngoài, coi đó là một cách để hỗ trợ cho việc đạt

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 12-7-2013.

được các mục tiêu quốc gia". Máy chục năm qua, nhân loại được chứng kiến nhiều sự kiện liên quan tới thủ đoạn dựng chuyện, như: dựng chuyện ở Vịnh Bắc Bộ vào tháng 8-1965 để Chính phủ Mỹ có cớ leo thang chiến tranh, ném bom miền Bắc Việt Nam; hoặc ở Irắc, năm 2003, bằng thủ đoạn dựng chuyện vũ khí hóa học, để Mỹ và đồng minh phối hợp tấn công quốc gia này. Năm 2011 tại Ai Cập, dựng chuyện đã được nâng lên tới mức "nghệ thuật". Khi khủng hoảng nổ ra, các tổ chức truyền thông xã hội đã cung cấp thông tin cập nhật đến từng phút. Đài Al-Jazeera làm một chương trình truyền hình trực tiếp bằng tiếng Anh, kèm theo có các mốc thời gian, hình ảnh gây lo ngại ở Ai Cập. Kênh CitizenTube của youtube đăng tải rất nhiều hình ảnh người Ai Cập nổi dậy kèm theo các câu chữ bình luận như đổ thêm dầu vào lửa. Facebook cũng có trang dành riêng cho cuộc nổi dậy ở Ai Cập. Và hàng nghìn "tín đồ" facebook đã lên mạng kêu gọi biểu tình chống chính phủ để phản đối tham nhũng, chi phí sinh hoạt đắt đỏ, bất công xã hội và nạn thất nghiệp. Twitter cũng không bỏ lỡ cơ hội này, cập nhật thông tin sát sao thời gian thực để truyền tin cho những người "đứng sau internet bị chặn". Những câu chuyện như vậy được thổi phồng để kích động dân chúng và gây mất ổn định xã hội.

Hiện nay, dường như thủ đoạn dựng chuyện đang được áp dụng vào trường hợp Xyri. Người ta lan truyền tin tức rằng, để giải quyết hàng chục vụ việc, quân đội Chính phủ Xyri đã sử dụng vũ khí hóa học, đồng thời tuyên bố phe đối lập không sử dụng vũ khí này. Tuy nhiên, có lẽ vì chiêu thức đó đã quá nhảm, dư luận đã bị lừa dối nhiều lần nên thông tin do các đài phương Tây đưa ra đã không mấy thuyết phục, thậm chí còn bị nhiều quốc gia phản bác. Gần đây, màn dựng chuyện lan sang Thổ Nhĩ Kỳ, gây ra rất nhiều phiền phức cho quốc gia này. Thủ tướng Thổ Nhĩ Kỳ Recep Tayyip Erdogan hết sức tức giận với sự lan truyền

thông tin sai trái và gọi twitter là "mối đe dọa tồi tệ nhất đối với xã hội" vì có hàng triệu tin nhắn trên mạng này kêu gọi biểu tình chống chính phủ. Ông công khai nói trước truyền thông rằng, các thế lực nước ngoài, các nhà đầu cơ tài chính và khủng bố âm mưu lật đổ chính phủ của ông bằng cách tạo ra sự hỗn loạn trên đường phố. Ông hét to trong bài phát biểu trước những người ủng hộ AKP - đảng cầm quyền ở Thổ Nhĩ Kỳ: "CNN International, các người sẵn sàng cho việc này chưa?". Ông chỉ thẳng ra BBC, CNN và Reuters: "Các người bịa đặt tin tức hết ngày này đến ngày khác. Các người miêu tả Thổ Nhĩ Kỳ khác với thế giới. Các người chỉ còn lại với sự dối trá của các người. Đất nước này không phải như các người đã xuyên tạc!"

Nếu các cơ quan tình báo của Anh tỏ ra giỏi giang trong việc "phát hiện vũ khí hóa học ở Irắc" thì một số công dân nước này cũng rất giỏi thủ đoạn "tam sao thất bản" dẫn đến các cuộc bạo loạn ở quốc đảo này vào năm 2011. Ban đầu chỉ là thông tin về một vụ nổ súng trong cuộc biểu tình hòa bình, sau đó là tin một cô gái bị cảnh sát đánh. Thế rồi, không rõ thực hư thế nào, tin đồn lan rộng qua mạng xã hội và điện thoại di động. Đến khi thấy thông tin trên mạng twitter về tình trạng cướp bóc ở London thì hàng loạt cửa hàng ở các thành phố khác cũng đã đóng cửa. Tốc độ truyền tin nhanh đến mức bà Aleks Krotoski - một nhà tâm lý học xã hội, đã phải than rằng, tin đồn thất thiệt quá phổ biến, di chuyển quá nhanh khiến đội ngũ biên tập viên không hoạt động hiệu quả. "Người gác cổng" các trang web không có đủ thời gian để kiểm duyệt và biên tập chính xác. Một số chính phủ phương Tây vốn đánh giá cao tác dụng của truyền thông xã hội và internet như là phương tiện để "cải cách chính trị", "mở rộng dân chủ", nhưng khi sự việc xảy ra trên chính đất nước họ, thì họ lại bó tay và đổ lỗi cho mạng xã hội là "công cụ của bạo loạn". Tuy nhiên, thủ đoạn

dụng chuyện như "con dao hai lưỡi", thậm chí còn gây hiệu ứng ngược với chính người tạo ra nó. Bản thân vụ Edward Snowden đã là một sự kiện không cần thêm chất kích thích để tạo ra hoặc thổi phồng. Các trang mạng chỉ việc thực hiện lệnh copy và paste để sau ba mươi giây truyền thông tin rò rỉ từ tài liệu mật đi khắp thế giới. Không gì ngăn được "cơn sóng thần" này, từ Trung Quốc, đến EU, Liên hợp quốc đều bị theo dõi và phản nộ. Như vậy là internet đang làm tốt nhiệm vụ của nó và dường như đã kết liễu chương trình do thám điện thoại, internet (PRISM) của Chính phủ Mỹ. Điều thú vị là những cái loa ca ngợi nền tự do, dân chủ ở Mỹ của các phần tử chống cộng, thù địch hầu như đều im bặt sau khi vụ Snowden xảy ra. Họ chẳng còn gì để tâng bốc, khi mà chính họ cũng có thể đang là đối tượng bị theo dõi.

Với Việt Nam, bằng thủ đoạn dựng chuyện, các thế lực thù địch với Việt Nam và một số tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí cũng ra sức biến không thành có, thổi phồng vụ việc, dựng lên những câu chuyện bịa đắt nhầm gây hoang mang trong dư luận. Hình ảnh đất nước Việt Nam được miêu tả qua những trang web hay blog của các đối tượng chống hoặc bất mãn với chế độ chẳng khác gì đang trong cơn náo loạn sôi lửa bỏng, xã hội rối ren, người dân chả thiết làm ăn chỉ lo chống chế độ, đời sống nhân dân cơ cực trăm bề...! Như trang sbtn.net từng giật tít "Hà Nội, Sài Gòn sôi sục lời kêu gọi biểu tình" nhưng nội dung chỉ đưa tin "42 người ký tên vào một lá thư đề nghị tổ chức cuộc biểu tình tuần hành phản đối", đúng là đâu voi đuôi chuột! Không ai dám chắc con số 42 chữ ký đó là thật hay giả. Nếu con số đó là thật thì cũng không có gì đáng gọi là "sôi sục". Còn trang thegioinguoviet.net thì toàn copy các bài viết về các vụ án hình sự trên báo chí trong nước rồi kết luận "xã hội Việt Nam sắp loạn"! Kiểu dựng chuyện như thế chỉ càng khiến cho cộng đồng quốc tế chê cười sự thiếu hiểu biết mà thôi.

Một tổ chức và cá nhân lên mạng dựng chuyện, ngoài việc bịa ra các sự kiện, họ còn triệt để khai thác các vấn đề mà họ thấy có lợi, có thể dựa vào đó để vu cáo Nhà nước Việt Nam. Như vụ Cù Huy Hà Vũ "tuyệt thực trong tù" đã được một số trang mạng chộp lấy rồi thổi phồng quá cỡ, đến mức tất cả đều bẽ bàng khi sự thật được phanh phui. Giờ đây, càng thấy khôi hài khi đọc lại những dòng của blogger Nguyễn Ngọc Già trên RFA: "Cuộc tuyệt thực của Tiến sĩ luật Cù Huy Hà Vũ cho đến nay là 21 ngày, tức trọn 3 tuần lễ. Quan điểm cá nhân của tôi qua việc tuyệt thực này: tôi cảm thấy rất xúc động khi ngày hôm qua tôi biết tin ông bị phỏng thân thể do bưng một thau nước nóng. Điều thứ hai gây cho tôi một sự ngạc nhiên và xúc động hơn là ngày hôm nay tôi biết trên mạng có 42 người đồng hành tuyệt thực cùng ông trong công cuộc đấu tranh cho dân chủ - nhân quyền Việt Nam". Không biết 42 người đó là ai, họ làm thế để chứng tỏ điều gì, và ai là người có thể chứng minh vụ "tuyệt thực trên mạng" kỳ quặc này? Rõ ràng, các đối tượng thù địch đã bí đẽ tài, họ bám lấy bất cứ thứ gì có thể bám được, rồi thêm thắt, thổi phồng. Mục đích của họ là làm biến dạng các thông tin chưa được kiểm chứng để dựng chuyện. Đến hôm nay, hàng trăm website, blog đã tự động dỗ bài về chuyện Cù Huy Hà Vũ tuyệt thực ba tuần "gày тро xương" tuy đầu mục trên Google thì vẫn còn lưu!

Thật trớ trêu, trong khi tờ *DeMorgen* của Bỉ ca ngợi Việt Nam là "điểm du lịch an toàn nhất thế giới"; dựa trên các chỉ số an toàn và an ninh, tờ *Diplomat* của Anh xếp Việt Nam là một trong 10 điểm đến an toàn nhất ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương; hay gần đây theo bảng xếp hạng Chỉ số hòa bình toàn cầu (GPI) 2013 do Viện Kinh tế và Hòa bình công bố, Việt Nam đứng thứ 41 trong 162 nước được khảo sát và đứng thứ tư trong các nước thành viên ASEAN,... thì trên youtube và một số trang web

lại nhanh nhảm chuyện bịa đặt nói xấu Đảng, Nhà nước Việt Nam, nói xấu lãnh đạo, bôi đen xã hội. Đánh giá của dư luận quốc tế, của người nước ngoài đang sinh sống hoặc đã đến Việt Nam được tận mắt chứng kiến sự phát triển, trực tiếp tiếp xúc với sự ổn định chính trị và các thành tựu kinh tế - văn hóa chính là thước đo khách quan, chính xác nhất, chỉ có các đầu óc không cần tới lẽ phải mới có tâm địa báu bỏ. Giờ đây, sau khi nhiều "sự kiện, tài liệu" được dàn dựng y như thật trên internet bị phanh phui, những người nhẹ dạ, cả tin đã nhận ra sự tốt - xấu, đúng - sai,... Họ không tin vào một số website, blog cá nhân lấy dựng chuyện làm cách sinh tồn, mà còn tự giác tham gia bóc trần thủ đoạn dựng chuyện. Họ đặt niềm tin vào báo chí chính thống, bởi chỉ ở đó mới giúp họ biết sự thật. Tuy nhiên, trong bối cảnh thủ đoạn dựng chuyện vẫn được một số thế lực, cá nhân sử dụng làm công cụ chống phá, chúng ta cần tinh táo, có bản lĩnh để bảo vệ lẽ phải, không để kẻ xấu tác động gây tổn hại đến sự phát triển, tới hòa bình, ổn định của đất nước.

BLOG, MẠNG XÃ HỘI TRONG KHÔN KHỔ PHÁP LUẬT VÀ ĐẠO ĐỨC*

ANH KHÔI

Gần đây hiện tượng bịa đặt thông tin, vu cáo, bôi nhọ, lừa đảo đang xuất hiện ngày càng nhiều trên internet. Hiện tượng nguy hiểm này gây bức xúc trong dư luận đồng thời đặt ra yêu cầu về pháp luật, đạo đức liên quan đến blog, mạng xã hội trở nên cấp thiết. Vậy phải làm gì để bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của các quốc gia, các tổ chức, công dân khi bị xâm phạm an ninh, bị tiến công, xâm phạm, nhục mạ, đe dọa trên internet?

Đầu năm 2013, dư luận Italia đã hết sức bức xúc vì sau khi một video clip về một em gái được đăng tải trên facebook, Carolina Picchio 14 tuổi đã tự tử bằng cách nhảy xuống đất từ tầng ba. Trước khi tự sát, Picchio đã để lại một thông điệp tại trang cá nhân: "Hãy tha thứ cho tôi vì tôi đã không mạnh mẽ. Tôi không thể chịu đựng thêm nữa". Hội Phụ huynh Italia đã đệ đơn khiếu nại hình sự đối với facebook và công tố viên tại địa phương là Francesco Saluzzo đang xem xét sự việc. Trả lời *Telegraph*, ông Saluzzo nói: "Facebook không trả lời yêu cầu của chúng tôi về thời gian tải lên đoạn video. Đây là một cuộc điều tra mở mà

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 23-7-2013.

không có đối tượng nghi vấn nào có tên. Bản thân facebook không bị điều tra. Song về mặt lý thuyết, chúng tôi có thể điều tra các nhân viên của facebook vì họ không đáp ứng những yêu cầu này". Hiện tượng tự tử vì bị bôi xấu trên facebook không phải lần đầu tiên xuất hiện ở Italia, năm 2012, một nam sinh 15 tuổi tại Rome cũng tự sát sau khi bị chỉ trích là người đồng tính trên facebook. Tương tự như vậy, là các vụ tự tử do bị xúc phạm trên internet, như các cái chết tức tưởi của Chevonea Kendall-Bryan ở London (Anh), Amanda Cumming ở New York (Mỹ).

Ở Việt Nam gần đây, trong số nữ sinh ở Đà Nẵng bị vu cáo, bôi nhọ, xúc phạm trên trang facebook tên là "Bộ mặt thật của các hot teen Đà thành", một nữ sinh đã tự tử bằng thuốc an thần nhưng may mắn được gia đình phát hiện kịp thời. Trước đó, một nữ sinh lớp 12 ở Hà Nội cũng tự tử bằng thuốc diệt cỏ vì bị ghép ảnh trên facebook...

Như vậy có thể thấy, cùng với sức thu hút và sự phát triển của nó, mặt trái của internet ngày càng bộc lộ, đưa tới hậu quả nguy hiểm cho xã hội và con người mà trực tiếp là blog, mạng xã hội. Đó cũng là kết quả một nghiên cứu về tình trạng thanh thiếu niên tự tử liên quan đến mạng xã hội được *The Dailymail* công bố tháng 6 vừa qua; theo đó, ngày càng nhiều thanh thiếu niên sử dụng phương tiện truyền thông xã hội, công nghệ di động để bày tỏ ý định tự tử và mong được giúp đỡ. Nghiên cứu cũng chỉ ra nguyên nhân dẫn đến một số vụ tự tử là do bị một số kẻ vô danh quấy rối, dọa dẫm trên mạng xã hội. Các nhà nghiên cứu chỉ trích internet vì đã cung cấp một diễn đàn toàn cầu cho thanh thiếu niên thảo luận cách thức tự tử, thậm chí hình thành các thỏa ước tự tử trên mạng.

Đối tượng bị tiến công trên facebook và youtube thường là nghệ sĩ, chính trị gia. Đường như trên internet, việc giả mạo blog,

facebook của chính trị gia, người nổi tiếng đang trở thành một thứ "hội chứng". Điều này tạo nên loại thông tin "hư hư, thực thực" trên mạng xã hội, gây nhiễu loạn thông tin, làm phiền toái không ít người. Ở Việt Nam, một số nghệ sĩ đã bị "chơi bẩn" trên mạng xã hội, mà thủ đoạn của kẻ xấu là lập trang facebook giả lấy tên của nghệ sĩ, rồi post lên đủ thứ lố lăng như ảnh ghép, comment sốc, gán cho nghệ sĩ là gái bao, đồng tính, đưa ra phát ngôn khiến người thiếu thông tin hiểu lầm đó là quan điểm của nghệ sĩ. Như gần đây trên facebook, một số người nhận được lời mời kết bạn với trang facebook của nhà thơ Hữu Thỉnh và họ đã vui vẻ nhận lời; vì không tin sao được khi giao diện của trang facebook là ảnh nhà thơ tươi cười và trụ sở Hội Nhà văn ở số 9 phố Nguyễn Đình Chiểu. Nhưng sau khi kết bạn, mọi người mới biết đó là trang facebook giả. Trong lĩnh vực kinh tế, phải kể tới vụ ba đối tượng tung tin bịa đặt trên mạng về việc bắt giữ lãnh đạo một ngân hàng. Dẫu chỉ là tin đồn trên blog, được mạng xã hội lưu truyền song trên thực tế đã gây ảnh hưởng rất lớn tới thị trường chứng khoán, khiến gần 430 mã chứng khoán giảm điểm, tỷ giá USD liên ngân hàng đã tăng từ 20.900 VND/USD lên 21.000 VND/USD. Thiệt hại là vậy, nhưng theo pháp luật hiện hành, hành vi của các đối tượng này chỉ có thể bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin với mức 10 triệu - 20 triệu đồng!

Theo khảo sát của VitalSmarts, đã có không ít gia đình hục hặc vì ảnh của thành viên gia đình bị tung lên mạng trong các diễn mạo xấu hổ, không ít nhân viên các cơ quan và công ty muộn facebook để nói xấu đồng nghiệp, nói xấu lãnh đạo. Biết thế, nhưng chính các "khổ chủ" cũng không tìm ra cách để chặn hay xóa trang facebook đó. Và chủ các website, blog, facebook giả vẫn ngang nhiên hoạt động, chủ yếu vì không bị xử lý. Đặc biệt, giới tội phạm còn lợi dụng mạng xã hội để kiếm tiền, như các nghi phạm

trong một số vụ trộm ở Oregon và Utah (Mỹ) khai rằng, chúng cuỗm được hơn 120.000 USD nhờ nấm được thông tin nạn nhân tải lên facebook. Trước tình trạng vi phạm quyền riêng tư, lừa đảo, xâm phạm an ninh quốc gia trên internet ngày càng nghiêm trọng, các quốc gia đã tăng cường biện pháp quản lý nhà cung cấp dịch vụ mạng, quản lý người sử dụng internet. Tuy nhiên, internet đang là một "thế giới" lẩn lộn giữa ảo và thật; xen lẩn với cái tốt, cái hữu ích là cái xấu, cái nguy hại với đủ kiểu lừa đảo, trộm cắp, đánh cắp email, mật khẩu, thông tin, xâm phạm đời tư, vu cáo, bịa đặt... Đó là "thế giới" đầy khiếm khuyết với vô số quan hệ ảo được thiết lập vì ẩn danh, và sự quản lý lỏng lẻo đến mức kẻ xấu có thể ăn cắp thông tin ngay trước mặt chủ nhân, và có thể chửi bới vô tội vạ mà không phải chịu bất cứ trách nhiệm đạo đức, pháp lý nào. Thực tế ấy đòi hỏi cần phải có sự quản lý, điều chỉnh của pháp luật; hay nói cách khác, đã đến lúc cần coi quyền riêng tư trên internet là một quyền của con người, cần được pháp luật bảo vệ.

Các nhà cung cấp dịch vụ mạng thường lý sự rằng, họ chỉ "xây nhà rồi cho thuê", người ở thuê mất tài sản thì phải tự chịu chứ không thể bắt họ phải chịu trách nhiệm! Tuy nhiên, internet không phải là "ngôi nhà vật chất", mà là "ngôi nhà tinh thần", thông tin của các blogger, thành viên mạng xã hội có được công bố, lan truyền hay không, phụ thuộc vào việc được tạo điều kiện để thông tin lưu thông. Do đó, không chỉ chủ website, blogger, thành viên mạng xã hội phải chịu trách nhiệm nếu có hành vi xâm phạm đạo đức và pháp luật, mà nhà cung cấp dịch vụ cũng liên đới. Thủ hồi, lương tri của người có "nhà cho thuê" để đâu khi một số người Thổ Nhĩ Kỳ dùng twitter để truyền bá lời kêu gọi biểu tình, gây rối loạn và bất ổn chính trị, buộc cảnh sát phải bắt giữ 24 người theo Điều 210 Bộ luật Hình sự của nước này vì tội "thúc đẩy hận thù, ác cảm"? Các "chủ nhà" suy nghĩ như thế nào khi ở Bangladesh cảnh

sát bắt giữ ba blogger vì bị cáo buộc phỉ báng đạo Hồi, nhà tiên tri Mohammed trên internet, làm bùng nổ một cuộc diễu hành trên khắp nước này vì những người Hồi giáo đòi tử hình các blogger vô thần? Theo ông Molla Nazrul Islam - Phó cảnh sát trưởng Dhaka, thì: "Các blogger đã làm tổn thương tình cảm tôn giáo của người dân khi họ viết ra những lời lẽ chống lại các tôn giáo khác, chống lại các nhà tiên tri và người sáng lập của các tôn giáo, bao gồm đáng tiên tri Mohammed".

Nghiên cứu gần đây của Pew Internet & American Life cho biết, từ năm 2006 đến nay, số thanh thiếu niên viết blog giảm mạnh. Tình trạng blogger bị "già hóa" trước hết là do sự phát triển của mạng xã hội, sau nữa là viết blog mất thời gian mà không có thu nhập. Nên một số blogger phải cố tìm nguồn tài chính và thông tin để "nuôi" trang của mình, nếu không blog sẽ thành rác thải trên internet. Có người cho rằng viết blog là một cách tránh kiểm duyệt, trực tiếp đưa ý kiến tới công chúng; nhưng nhiều người lại lo ngại khi blogger không đưa thông tin đáng tin cậy đến xã hội thì hậu quả sẽ không thể lường hết. Thực tế cho thấy, một số người đã sử dụng blog để bôi nhọ, làm nhục người khác, dùng thông tin thiếu căn cứ để hạ uy tín người khác. Thậm chí có blog đưa thông tin bịa đặt về chính quyền, tình hình đất nước, tùy tiện đăng lại thông tin, hình ảnh của báo chí mà không xin phép, thậm chí xào xáo thành tài sản của mình. Có blogger chưa ý thức nghiêm túc về hậu quả của việc truyền bá tin tức sai lạc, miễn là kêu gọi được tài trợ để hoạt động. Vì vậy cần khẳng định, dù thế nào cũng không thể bán rẻ Tổ quốc và lương tâm, từ bỏ trách nhiệm với xã hội; blogger phải chịu trách nhiệm khi họ làm tổn hại tới danh dự người khác, làm ảnh hưởng đến uy tín của Nhà nước. Nên lưu ý, theo Điều 121 Bộ luật Hình sự của nước ta, "tội làm nhục người khác" có thể bị phạt tù đến ba năm, và trách nhiệm xã

hội của người viết blog còn được quy định trong nhiều điều luật khác có liên quan.

Hiện ở Việt Nam, với một số trường hợp, việc sử dụng blog, mạng xã hội một cách tùy tiện không còn dừng lại ở phạm vi tiêu cực đối với cá nhân, mà trở thành công cụ để một số người thực hiện hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội. Vì thế, các cơ quan chức năng cần hoàn thiện khung pháp lý đối với vấn đề quản lý internet sao cho vừa phù hợp với cam kết quốc tế, vừa phù hợp với thực tiễn nước ta. Mỗi công dân, tổ chức xã hội cần có ý thức chủ động trong khi đề cao vai trò của Hiến pháp và pháp luật, sẵn sàng nhường tối sự can thiệp của cơ quan pháp luật nếu bị vu cáo, xúc phạm, ăn cắp thông tin qua internet. Các cơ quan quản lý nhà nước cần phát huy hơn nữa vai trò trách nhiệm để xử lý các website, blog, ngăn chặn việc lợi dụng mạng xã hội làm ảnh hưởng tới an ninh quốc gia. Các nhà cung cấp dịch vụ internet cũng không thể vì lợi nhuận mà lơ là trách nhiệm đối với xã hội, con người. Hệ thống giáo dục nhà trường cần tổ chức các hình thức giáo dục, tuyên truyền giúp học sinh nắm bắt được tính văn hóa khi hoạt động trên internet. Và khi pháp luật chưa theo kịp với sự phát triển của internet, các blogger, người tham gia mạng xã hội cần thể hiện trách nhiệm xã hội qua entry, status, comment. Việc này không chỉ nâng cao uy tín của mỗi người, mà còn thể hiện tính tích cực xã hội, để họ trở thành tấm gương cho người khác, nhất là thế hệ trẻ, học tập và noi theo.

THÔNG TIN PHẢI CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI*

VŨ HỌP LÂN

Từ khi Chính phủ Việt Nam công bố "Dự thảo Nghị định quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và nội dung thông tin trên mạng" để thảo luận, hoàn chỉnh, tới khi Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ký quyết định ban hành Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng, đã xuất hiện một số đánh giá có tính chất vu cáo trong đủ loại tuyên bố, thông cáo, tin bài của RSF, Ủy ban Bảo vệ nhà báo (CPJ), RFA, BBC, VOA,... và một số văn bản nhân danh "tự do ngôn luận" gửi tới nơi này, nơi khác. Càng gần tới ngày Nghị định 72 có hiệu lực, sự xuyên tạc, vu khống càng tăng lên. Những người quan tâm không thể không đặt câu hỏi: Tại sao Nghị định 72 với 46 điều đã tạo ra hành lang pháp lý để khắc phục các tồn tại và bất cập trong quản lý internet, tạo điều kiện để thúc đẩy phát triển, thúc đẩy cạnh tranh, tạo môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch cho các doanh nghiệp và bảo vệ quyền tác giả, để internet phát triển một cách lành mạnh, đáp ứng nhu cầu chính đáng của sự phát triển xã hội - con người,... mà họ chỉ chủ yếu quan tâm tới khoản 4

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 6-8-2013.

Điều 20 với nội dung: "4. Trang thông tin điện tử cá nhân là trang thông tin điện tử do cá nhân thiết lập hoặc thiết lập thông qua việc sử dụng dịch vụ mạng xã hội để cung cấp, trao đổi thông tin của chính cá nhân đó, không đại diện cho tổ chức hoặc cá nhân khác và không cung cấp thông tin tổng hợp"?

Trước hết cần khẳng định, Điều 20 của Nghị định 72 có mục đích phân loại, đưa ra định nghĩa tương ứng với từng loại trang thông tin điện tử, gồm: báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, trang thông tin điện tử nội bộ, trang thông tin điện tử cá nhân, trang thông tin điện tử ứng dụng chuyên ngành. Với tính cách phân loại và định nghĩa, Điều 20 giúp khu biệt sự khác nhau giữa các trang thông tin điện tử, hoàn toàn không bao hàm ý nghĩa cấm đoán, ngăn chặn và phải nói rằng, khoản 4 Điều 20 đưa ra một định nghĩa chính xác, phù hợp với tính chất trang thông tin điện tử cá nhân. Vì thế, nếu cá nhân biến trang thông tin điện tử cá nhân thành nơi cung cấp thông tin tổng hợp, thì nó không còn là trang thông tin điện tử cá nhân nữa, mà đã trở thành trang thông tin điện tử tổng hợp (theo khoản 19 Điều 3 Nghị định 72: "Thông tin tổng hợp là thông tin được tổng hợp từ nhiều nguồn thông tin, nhiều loại hình thông tin về một hoặc nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội"). Khẳng định trang thông tin điện tử cá nhân không phải địa chỉ "cung cấp thông tin tổng hợp" là nhấn mạnh trách nhiệm của chủ thể và sự lành mạnh, trung thực của trang điện tử cá nhân, đặc biệt là việc chịu trách nhiệm với các bình luận, comment. Về khoản 4 Điều 20 Nghị định 72, một nhà báo đã nhận xét: "Quy định này nhằm chấm dứt tình trạng lấy lại tin bài trên các báo, đăng nguyên văn mà không xin phép, rồi đôi lúc còn sửa đổi nội dung, giật tít mang tính câu khách của nhiều trang mạng. Đây là chuyện bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ mà báo chí đã lên tiếng trong thời gian qua". Ông Lê Nam Thắng - Thứ trưởng Bộ Thông

tin và Truyền thông, nói rõ hơn: "Thông tin tổng hợp, thông tin chính thức của các cơ quan báo chí còn liên quan đến vấn đề bản quyền, vấn đề của cơ quan báo chí, không thể lấy từ chỗ này đặt sang chỗ kia, mà phải trích dẫn, xin phép, đồng ý. Hay, thông tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước hoặc của các tổ chức, không thể lấy đưa lên rồi làm thành tin tức của mình được. Đây là quy định chung về Luật dân sự, quy định của pháp luật về Luật sở hữu trí tuệ". Như vậy, không thể xuyên tạc nội dung điểm 4 Điều 20 Nghị định 72 là sự cấm đoán, càng không thể coi đó là "điều khoản mơ hồ". Phải hiểu rằng điểm 4 Điều 20 Nghị định 72 đã tiếp cận vấn đề một cách khoa học, phù hợp với tính chất đối tượng, và yêu cầu phải tôn trọng bản quyền. Nếu RSF chỉ dựa vào khoản 4 Điều 20 rồi cho rằng Nghị định 72 là "cuộc tấn công tàn khốc nhất nhắm vào quyền tự do thông tin" thì chính RSF đã đưa ra một luận điệu xuyên tạc sự thật, và họ nên biết xấu hổ vì đã sử dụng ý kiến đó để phê phán Việt Nam!

Từ khi blog, các trang mạng xã hội như facebook, twitter,... ra đời, con người có thêm nhiều phương tiện để kết nối, giao lưu, bày tỏ suy nghĩ cá nhân, tìm hiểu, khám phá,... Nhưng cũng từ đây, loài người lại phải đối diện với một số vấn nạn mới có nguồn gốc từ internet, và công chúng được biết vô vàn tin tức như: năm 2004 tại Pháp: "vì chỉ trích thị trưởng thành phố Puteaux trên blog và do lời lẽ chỉ trích quá đà nên blogger Christopher đã bị cảnh sát địa phương bắt giữ"; năm 2006 "cảnh sát Italia phạt tiền blogger 59 tuổi Roberto Mancini 16.900 USD vì tội nói xấu người khác"; năm 2007, James Buss - giáo viên ở Trường Trung học Milwaukee, bị cảnh sát Mỹ bắt giữ "vì vào blog của các nhà chính trị bang Wisconsin với lời bình mang biệt danh "người quan sát" cho rằng giáo viên Mỹ được trả lương cao nhưng lười biếng và khen vụ một thiếu niên xả súng ở Trường Trung học Columbine làm 12 học sinh

và một giáo viên thiệt mạng"; năm 2009 tại Pháp, "Quốc hội nhất trí thông qua dự luật "Sáng tạo và internet" (Hadopi) với hy vọng dự luật mới sẽ giúp bảo vệ quyền tác giả, kiểm soát mạng internet, chấm dứt tình trạng sao chép, copy tác phẩm âm nhạc, phim ảnh tràn lan"; năm 2013 tại Bangladesh, ba blogger bị bắt giữ vì tội công kích các nhóm tôn giáo khác nhau trong bài viết của họ... Mollah Nazrul Islam, Phó chỉ huy cảnh sát Thủ đô Dhaka, nói: "Các bài viết của họ vi phạm Luật truyền thông và thông tin 2006. Nếu được chứng minh có tội, họ sẽ bị phạt 10 năm tù giam, 10 triệu taka (125.000 USD)"; năm 2013: "Bộ Nội vụ Anh thông báo quyết định cấm hai blogger chuyên vận động chống Hồi giáo được nhiều người biết đến ở Mỹ, Pamela Geller và Robert Spencer, nhập cảnh nước này để tham gia cuộc tuần hành do nhóm cực hữu Liên đoàn phòng vệ Anh (EDL) tổ chức ngày 29-6";...

Ở Việt Nam, bên cạnh phần lớn blogger, facebooker sử dụng blog, trang facebook cá nhân làm địa chỉ thể hiện, giao lưu có ý tính văn hóa, lại có một số blogger sử dụng blog, trang facebook cá nhân làm nơi thực hiện vi thiêу văn hóa, bôi nhọ danh dự, uy tín của người khác (đã xảy ra hiện tượng vì không chịu nổi sự xúc phạm trên facebook mà có người tự tử), đăng lại thông tin từ báo điện tử, trang thông tin tổng hợp nhưng không xin phép, thậm chí biến blog, trang facebook cá nhân thành nơi truyền bá quan điểm sai trái, nhân danh "phản biện" để xuyên tạc, công kích quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước, lôi kéo, hô hào, kích động sự chống đối... Thực trạng đó cho thấy, việc lành mạnh hóa và việc quản lý bằng pháp luật đối với internet là hết sức cần thiết, như ông Dominic Bray ở Công ty K&L Gates phát biểu trên *The Guardian*: "Internet không khác với bất kỳ ấn phẩm nào và nếu ai đó bình luận phi báng, bôi nhọ về người khác thì họ phải chịu trách nhiệm về nó. Luật pháp áp dụng với internet như với thế giới

thực". Và Điều 5 Nghị định 72 quy định các hành vi bị cấm gồm: "1. Lợi dụng việc cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng nhằm mục đích: a. Chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gây phuơng hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; tuyên truyền chiến tranh, khủng bố; gây hận thù, mâu thuẫn giữa các dân tộc, sắc tộc, tôn giáo; b. Tuyên truyền, kích động bạo lực, dâm ô, đồi trụy, tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong, mĩ tục của dân tộc; c. Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác do pháp luật quy định; d. Đưa thông tin xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân; đ. Quảng cáo, tuyên truyền, mua bán hàng hóa, dịch vụ bị cấm; truyền bá tác phẩm báo chí, văn học, nghệ thuật, xuất bản phẩm bị cấm; e. Giả mạo tổ chức, cá nhân và phát tán thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. 2. Cản trở trái pháp luật việc cung cấp và truy cập thông tin hợp pháp, việc cung cấp và sử dụng các dịch vụ hợp pháp trên internet của tổ chức, cá nhân. 3. Cản trở trái pháp luật hoạt động của hệ thống máy chủ tên miền quốc gia Việt Nam ".vn", hoạt động hợp pháp của hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ internet và thông tin trên mạng. 4. Sử dụng trái phép mật khẩu, khóa mật mã của tổ chức, cá nhân; thông tin riêng, thông tin cá nhân và tài nguyên internet. 5. Tạo đường dẫn trái phép đối với tên miền hợp pháp của tổ chức, cá nhân; tạo, cài đặt, phát tán phần mềm độc hại, virút máy tính; xâm nhập trái phép, chiếm quyền điều khiển hệ thống thông tin, tạo lập công cụ tấn công trên internet".

Các điều cấm trên đây thể hiện sự nghiêm túc, có trách nhiệm đối với sự phát triển của xã hội - con người, phù hợp với sự phát triển văn hóa, phù hợp với luật pháp Việt Nam và quốc tế, bảo vệ

nhà cung cấp dịch vụ và người sử dụng, chỉ rõ trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân trong khi hoạt động trên internet. Nếu quan tâm tới người làm báo, tới các blogger, facebooker lương thiện, đề cao đạo đức của người viết, chẳng lẽ RSF, CPJ, BBC, RFA, VOA,... cùng các tổ chức, cá nhân đã và đang phê phán Nghị định 72 lại phản đối các điều cấm kẽ trên? Phải chăng, vì muốn dung túng, bao che các tổ chức, cá nhân thù địch hoặc thiếu thiện chí với Việt Nam mà RSF lại coi các điều cấm này là "cuộc tấn công tàn khốc nhất nhắm vào quyền tự do thông tin", để từ đó can thiệp một cách lố bịch vào công việc nội bộ của Việt Nam? Nếu đúng vậy, thì không có ý nghĩa nào khác, RSF và các tổ chức, cá nhân phê phán, đánh giá tiêu cực về Nghị định 72 của Việt Nam đã có các quan niệm, hành vi đồi lập, đi ngược lại sự phát triển, đồng thời cổ vũ, tiếp tay cho thái độ vô trách nhiệm của cá nhân trước xã hội và con người.

TỰ DO NGÔN LUẬN VÀ CÁC GIỚI HẠN VỀ TỰ DO NGÔN LUẬN*

ThS. LS. VŨ VĂN TÍNH

Công ước nhân quyền châu Âu (Công ước) có hiệu lực từ ngày 3-9-1953. Công ước đưa ra các quy định về các quyền cơ bản của con người, trong đó quyền tự do ngôn luận được ghi trong Điều 10 của Công ước, theo đó: "1. Tất cả mọi người đều có quyền tự do bày tỏ ý kiến. Quyền này bao gồm việc được tự do bày tỏ ý kiến và tự do trao đổi các thông tin mà không cần phải nhận được bất kỳ việc cho phép nào từ phía cơ quan công quyền và không phân biệt biên giới. (Tuy nhiên) điều luật này không có nghĩa ngăn cấm các quốc gia thành viên đưa ra các biện pháp kiểm soát đối với các doanh nghiệp kinh doanh phát thanh, truyền hình, điện ảnh. 2. Việc thực hiện các quyền nói trên, bao gồm cả các nghĩa vụ và trách nhiệm, hình thức, điều kiện, các hạn chế hoặc các biện pháp trùng phạt cần phải được ghi rõ trong các văn bản pháp luật có cân nhắc đến việc cần thiết đối với một xã hội dân chủ, vì lợi ích đối với an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, duy trì trật tự công cộng và ngăn ngừa tội phạm, bảo vệ sức khỏe và đạo đức, nhân phẩm hoặc danh dự của con người, ngăn ngừa việc phát tán các thông tin mật hoặc để bảo đảm quyền

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 17-9-2013.

lực và tính độc lập của các cơ quan tư pháp". Như vậy, nếu khoản 1 của Điều luật này quy định nguyên tắc chung về tự do ngôn luận, theo đó ai cũng có quyền được bày tỏ, trao đổi quan điểm của mình mà không phân biệt địa vị xã hội, giới tính, biên giới, thì khoản 2 lại quy định việc thực thi các quyền đó và các hạn chế được cụ thể hóa trong pháp luật của mỗi quốc gia. Vì mỗi quốc gia đều cần nhắc tình hình thực tế của mình để đưa ra các đạo luật nhằm cụ thể hóa việc thực hiện quyền tự do ngôn luận của công dân.

Khi nói đến quyền tự do của con người, phần lớn các luật gia ở châu Âu đều chịu ảnh hưởng của học thuyết cho rằng con người rất dễ lạm dụng quyền của mình được hưởng, sự lạm dụng đó rất dễ gây phuơng hại cho người khác (summum jus, summa injuria - tạm dịch: tự do quá trớn sẽ tạo ra sự bất công). Vì vậy, không thể có tự do không giới hạn. Xuất phát từ quan điểm đó mà Liên minh châu Âu (gồm 28 quốc gia) cho phép các nước thành viên cần nhắc lợi ích của mỗi quốc gia để đưa ra các quy định cụ thể, nhằm hướng dẫn các công dân thực hiện quyền tự do ngôn luận. Đó là quyền tự do ngôn luận phải nằm trong nguyên tắc bảo đảm "an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, duy trì trật tự công cộng và ngăn ngừa tội phạm, bảo vệ sức khỏe và đạo đức, nhân phẩm hoặc danh dự của con người, ngăn ngừa việc phát tán các thông tin mật, bảo đảm quyền lực và tính độc lập của các cơ quan tư pháp".

Nước Pháp là một trong những quốc gia tham gia soạn thảo bản Công ước và là một trong những nước được coi là hình mẫu trong việc tôn trọng tự do ngôn luận. Trên thực tế, trước khi có Công ước, nước Pháp đã xây dựng cho mình một hệ thống pháp lý tương đối đầy đủ nhằm bảo đảm đến mức tối ưu quyền tự do ngôn luận của người dân thông qua Luật tự do báo chí 1881 (Luật 1881). Luật này được coi như là bộ luật gốc điều chỉnh các hành vi bày tỏ ngôn luận của mọi người.

Pháp luật về tự do ngôn luận của nước Pháp đưa ra các giới hạn, các chế tài nghiêm khắc trừng trị người nào lạm dụng quyền tự do ngôn luận làm ảnh hưởng tới quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Và cần chú ý, vì Bộ luật hình sự không thể ghi hết các tội danh phát sinh trong thực tế, do đó nhiều văn bản luật không phải là Bộ luật hình sự vẫn quy định các hình phạt mang tính hình sự. Trước hết, đó là việc bảo vệ nhân phẩm con người, chống lại việc vu khống, bôi nhọ (Điều 29 Luật 1881); bảo vệ, chống lại việc xâm phạm đời tư (Điều 9 Bộ luật dân sự); chống phân biệt chủng tộc, tôn giáo (Điều 32 Luật 1881); kích động bạo lực, gây hận thù (Điều 24 Luật 1881). Ngoài ra pháp luật nước Pháp cũng đưa ra các quy định nhằm bảo vệ một số lợi ích cơ bản của quốc gia, như cấm xuất bản một số tài liệu liên quan đến an ninh quốc gia (Điều 413 - 9 Luật hình sự), hoặc các tài liệu liên quan đến vụ án đang trong quá trình xét xử, ca ngợi tội phạm chiến tranh và tội ác chống lại loài người (Điều 24 Luật 1881). Sau đây là một số thí dụ cụ thể:

Điều 29 Luật 1881 quy định: "tất cả những nhận định hoặc quy kết cho một sự kiện gây thiệt hại đến danh dự hoặc nhân phẩm của cá nhân hoặc tổ chức có liên quan đến sự kiện đó đều bị coi là hành động vu khống". Điều luật này đưa ra định nghĩa về bôi nhọ là: "tất cả những phát ngôn có tính chất lăng nhục, sử dụng thuật ngữ miệt thị hoặc chưa được kiểm chứng". Phạm vi áp dụng của Điều 29 rất rộng, vì không chỉ áp dụng để bảo vệ uy tín, danh dự cho một cá nhân, mà cho cả các cơ quan, tổ chức. Án lệ đưa ra hàng loạt cơ quan, tổ chức cần phải được bảo vệ trước hành vi vu khống, đó là: các cơ quan nhà nước (án lệ Tòa phá án hình sự ngày 26-4-1952), Quốc hội, trường đại học, hội đồng nhân dân (án lệ Tòa phá án hình sự ngày 23-5-1955), bệnh viện công (án lệ Tòa dân sự ngày 30-9-1998; Tòa hình sự ngày 3-7-1996), cơ quan cảnh sát (án lệ Tòa phá án hình sự ngày 3-12-2002).

Bản án của Tòa phán quyết hình sự ngày 3-12-2002 là một thí dụ về việc trừng phạt hành động vu khống cơ quan nhà nước. Tóm lược sự việc: một luật sư bị kết án hình sự sau khi được nhận định đã viết một bài phản đối các hành vi của cảnh sát; vì vị luật sư đó cho rằng các hành động của cảnh sát giống như bọn "Gestapo" (mật vụ của Đức Quốc xã trước đây), hoặc cho rằng các hành động của cảnh sát là "dã man". Tòa án nhận định: "nếu việc thực hiện các quyền tự do ngôn luận được bảo đảm bằng khoản 1 Điều 10 của Công ước thì theo quy định tại khoản 2 của Công ước, việc thực hiện đó phải tuân thủ các giới hạn và các chế tài được quy định tại Luật 1881; đây chính là mục đích của Điều 30 Luật 1881 khi đưa ra các chế tài cần thiết trong một xã hội dân chủ nhằm bảo vệ trật tự công và uy tín của các cơ quan quản lý nhà nước và trong trường hợp này là cơ quan cảnh sát". Một thí dụ khác cho thấy, người đưa tin có thể bị kiện về tội vu khống đối với cá nhân, đó là việc nêu cụ thể danh tính của một người nào đó trong một vụ việc mang tính hình sự hoặc cần có kết luận cuối cùng của tòa án hay cơ quan chức năng, như ai đó chỉ cần nói câu "Nicolas đã ăn cắp 10.000 euro của mẹ" thì sẽ bị coi là hành động vu khống.

Về các vi phạm trên mạng internet, trước hết cần khẳng định internet cũng chỉ là một trong các phương tiện để mỗi người thể hiện ý kiến của mình. Do đó việc bày tỏ quan điểm trên internet cũng chịu sự điều chỉnh của Luật 1881. Án lệ của Pháp đã đưa ra rất nhiều vụ việc lạm dụng internet để vu khống, bôi nhọ. Mới đây nhất là việc tòa án công nhận nhiều quyết định sa thải nhân viên do đã lạm dụng facebook để vu khống, nói xấu người khác. Vụ việc đầu tiên là vào năm 2010, một số nhân viên của một công ty viết trên "tường" của facebook các câu chê bai doanh nghiệp của mình. Họ đã bị cho nghỉ việc. Các nhân viên này kiện ra tòa với lý do facebook chỉ là nhật ký mang tính đời tư (cá nhân) cho nên họ có quyền viết lên đó các suy

nghĩ của mình. Tuy nhiên, Tòa lao động vùng Boulogne-Billancourt đã chứng minh rằng "bức tường" facebook đã không còn mang tính riêng tư khi mọi người đều vào và đọc được. Do đó, tòa đã công nhận quyết định sa thải của công ty (báo *Le Monde* ngày 19-11-2010).

Mới đây nhất liên quan đến lĩnh vực hình sự: là việc Tòa hình sự Paris xử phạt số tiền 500 euro và phạt án treo đối với một nhân viên trực tổng đài vùng Caen do đã viết trên facebook của mình một số câu, trong đó có câu "một ngày chết tiệt, thời gian chết tiệt, công việc chết tiệt, văn phòng chết tiệt, sếp chết tiệt" ("Journée de merde, temps de merde, boulot de merde, boite de merde, chefs de merde"). Tòa án nhận định: "việc phát ngôn một cách xúc phạm đã vượt quá giới hạn của một sự chỉ trích thông thường" để ra phán quyết trừng phạt nhân viên này. Ngoài việc chịu trách nhiệm hình sự, nhân viên kể trên còn phải bồi thường thiệt hại cho các nguyên đơn dân sự (cơ quan nơi người này làm việc và cán bộ phụ trách trực tiếp của nhân viên này) mỗi người là 1 euro (báo *Le Monde* ngày 17-1-2012). Phần lớn các ý kiến ủng hộ quyết định của Tòa án đều cho rằng mạng xã hội không phải là không gian riêng tư vì người sử dụng internet không thể kiểm soát được lượng người truy cập vào tài khoản của mình. Quan điểm này cũng được Công tố viên tuyên bố trước Tòa phúc thẩm Versailles: "Facebook là một không gian công cộng và việc tự do ngôn luận phải bị giới hạn" (trang web của Đại học Cezanne tại địa chỉ <http://junon.univ-cezanne.fr>).

TỰ DO NGÔN LUẬN, TỰ DO BÁO CHÍ Ở VIỆT NAM*

VŨ HỌP LÂN

Trong xã hội mà quyền con người được khẳng định và Nhà nước luôn tạo điều kiện để bảo đảm sự phát triển của quyền con người, thì tự do báo chí và tự do ngôn luận là các yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển chung. Đó là căn nguyên lý giải tại sao các năm qua ở Việt Nam, tự do báo chí và tự do ngôn luận lại có những bước tiến không thể phủ nhận...

Theo số liệu của cơ quan chức năng, đến tháng 3-2013, cả nước Việt Nam có 812 cơ quan báo chí in với 1.084 ấn phẩm; gần 17.000 nhà báo được cấp thẻ; một hãng thông tấn, 67 đài phát thanh, truyền hình, 101 kênh truyền hình, 78 kênh phát thanh; 74 báo và tạp chí điện tử, 336 mạng xã hội, 1.174 trang thông tin điện tử được cấp phép hoạt động (năm 2011 là 46 báo điện tử, 287 trang thông tin điện tử). Hiện, Đài Tiếng nói Việt Nam phủ sóng 99,5% diện tích lãnh thổ, qua vệ tinh tới nhiều nước trên thế giới. Hiện hơn 90% hộ gia đình Việt Nam đã sử dụng sóng truyền hình của Đài Truyền hình Việt Nam. Qua nhiều hình thức cung cấp, người dân Việt Nam được tiếp xúc với 75 kênh truyền hình nước ngoài,

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 27-9-2013.

trong đó có các kênh nổi tiếng như CNN, BBC, TV5, NHK, DW, Ôxtrâylia Network, KBS, Bloomberg,... 20 cơ quan báo chí nước ngoài đã có phóng viên thường trú tại Việt Nam, nhiều báo, tạp chí in bằng nhiều thứ tiếng nước ngoài được phát hành rộng rãi. Qua internet, người dân Việt Nam có thể tiếp cận tin tức, bài vở của các cơ quan thông tấn, báo chí lớn trên thế giới như AFP, AP, BBC, VOA, Reuters, Kyodo, Economist, Financial Times,...

Về xuất bản, ở Việt Nam có 64 nhà xuất bản. Chỉ tính riêng trong năm 2012, ngành này đã xuất bản 28.009 xuất bản phẩm có nội dung phong phú và đa dạng, với khoảng 301.717.000 bản. Từ việc xác định vai trò của internet, Nhà nước Việt Nam có chính sách, biện pháp cụ thể để khuyến khích sử dụng internet phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, hỗ trợ cải cách hành chính, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm các quyền cơ bản của nhân dân. Đó là cơ sở để năm 2012, về số lượng người sử dụng internet, Tổ chức Liên minh viễn thông quốc tế (ITU) xếp Việt Nam đứng thứ ba tại Đông Nam Á, thứ tám tại châu Á. Theo số liệu khảo sát của WeAreSocial - tổ chức nghiên cứu độc lập về truyền thông xã hội toàn cầu, tới tháng 12-2012 số người sử dụng internet ở Việt Nam là 30,8 triệu, chiếm 34% dân số (mức trung bình của thế giới là 33%). Tháng 10-2009, dịch vụ truy cập internet qua mạng 3G có mặt tại Việt Nam, lập tức góp phần tạo nên sự phát triển vượt bậc của internet băng thông rộng, sau ba năm (tính đến tháng 7-2012), số lượng sử dụng đạt con số 16 triệu người (chiếm khoảng 18% dân số). Riêng với blog, trên cả nước hiện có gần 3 triệu người có blog cá nhân. Đa số blogger sử dụng blog làm nơi bày tỏ suy nghĩ, trao đổi tâm tình, kiến thức; thông qua blog đã hình thành nhiều nhóm sinh viên, thanh niên rất tích cực hoạt động xã hội như quyên góp giúp đỡ trẻ em nghèo, giúp người không nơi nương tựa,... Hầu như các cơ sở công cộng ở đô thị

núi như nhà hàng, khách sạn, quán giải khát, nhà chờ sân bay,... đều có wifi miễn phí. Tại các địa phương có ngành du lịch phát triển như Huế, Đà Nẵng, Hội An,... kế hoạch phủ sóng wifi đã và đang được triển khai là bằng chứng cho thấy sự quan tâm của chính quyền địa phương với sự phát triển internet.

Thực tế Việt Nam cho thấy, sự phát triển của hệ thống truyền thông không chỉ để giúp nhân dân thỏa mãn nhu cầu văn hóa, mở mang và trau dồi tri thức, mà trở thành diễn đàn với nhiều hình thức phong phú, sinh động để các tổ chức xã hội, mọi người dân có tiếng nói lành mạnh, đóng góp ý kiến, thậm chí phản biện, đối với các chủ trương, chính sách của Nhà nước, và của các cấp chính quyền. Trong nhiều trường hợp, hệ thống truyền thông thật sự là công cụ bảo vệ lợi ích xã hội, bảo vệ quyền của người dân, nhất là kiểm tra, giám sát thực thi các chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nhiều cơ quan báo chí ở Việt Nam chủ động, tích cực phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng, phê phán hành vi vi phạm quyền công dân cùng những biểu hiện tiêu cực khác. Gần đây, việc những cuộc tranh luận, chất vấn, phản biện tại Quốc hội được truyền hình trực tiếp, việc Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 được công bố công khai để toàn dân đóng góp ý kiến, việc các cuộc tọa đàm, tranh luận, cung cấp thông tin nhiều chiều về các vấn đề chính trị, kinh tế - xã hội của đất nước trên phương tiện thông tin đại chúng,... giúp người dân tiếp cận với các vấn đề quan trọng, từ đó đưa ra ý kiến có trách nhiệm. Vì thế, hệ thống truyền thông ở Việt Nam đã trở thành một phương tiện quan trọng trong bảo vệ và phát huy các giá trị của nhân quyền.

Để bảo đảm cho hệ thống truyền thông theo kịp sự phát triển, bên cạnh các quy định cụ thể trong Hiến pháp, pháp luật, Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan thông tin đại chúng làm tròn chức năng,

nhiệm vụ, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí ở Việt Nam ngày càng được phát huy cao hơn. Biểu hiện cụ thể cho quan tâm này là Việt Nam đã có Luật báo chí và tháng 11-2012, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua Luật xuất bản sửa đổi, thể hiện sự nhất quán trong tôn trọng quyền phổ biến tác phẩm của cá nhân, phù hợp với các quy định của Hiến pháp.

Trên thế giới ngày nay, tự do ngôn luận và tự do báo chí là các yếu tố hết sức quan trọng đối với sự ổn định, phát triển của mỗi quốc gia, đồng thời là biểu hiện trực tiếp của quan niệm, chính sách nhân quyền ở quốc gia đó. Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị của Liên hợp quốc đều khẳng định các quyền cơ bản này, và Nhà nước Việt Nam đã luôn nghiêm túc tuân thủ các cam kết. Tuy nhiên, bất chấp các thành tựu nhân quyền của Việt Nam, các thế lực thù địch và một số tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí thường viện dẫn từ Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị để bịa đặt Việt Nam "không có tự do ngôn luận, tự do báo chí", vu cáo Nhà nước Việt Nam "vi phạm tự do ngôn luận, tự do báo chí". Khi viện dẫn, họ đã cố tình tảng lờ việc Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền khẳng định: quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và các quyền khác: "Phải tuân thủ những hạn chế do luật định nhằm mục đích duy nhất là bảo đảm việc thừa nhận, tôn trọng đối với các quyền và quyền tự do của những người khác, đáp ứng được những đòi hỏi chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ". Họ cũng đã tảng lờ việc trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, để bảo đảm "Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa", về tự do ngôn luận, Công ước cho rằng thực hiện quyền này

"kèm theo những nghĩa vụ, trách nhiệm đặc biệt. Do đó, có thể dẫn tới một số hạn chế nhất định". Wikipedia - nơi có thể tự do trình bày quan điểm, trong mục từ Tự do ngôn luận cũng viết: "Các hạn chế đối với tự do ngôn luận có thể theo "nguyên tắc gây hại" hoặc "nguyên tắc xúc phạm", thí dụ trong trường hợp khiêu dâm hoặc các nội dung thù ghét (nhầm hạ thấp một cá nhân hay nhóm người vì chủng tộc, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tôn giáo, định hướng tình dục, tật nguyền, khả năng ngôn ngữ, hệ tư tưởng, địa vị xã hội, nghề nghiệp, ngoại hình, khả năng tư duy hay bất cứ điều gì khác...). Các hạn chế đối với tự do ngôn luận có thể được thực thi bằng luật pháp hoặc/và sự lên án của xã hội".

Trên thực tế, không chỉ ở Việt Nam mới có một số chế tài đối với hành vi lợi dụng tự do ngôn luận, tự do báo chí để vi phạm pháp luật, mà ở Hoa Kỳ, Cộng hòa Liên bang Đức, Pháp, Hàn Quốc, Xingapo,... đều có luật và điều khoản luật xử lý nghiêm khắc hành vi lợi dụng tự do ngôn luận, tự do báo chí. Những kẻ thường ca ngợi tự do báo chí của cái gọi là "Việt Nam Cộng hòa" cần phải biết rằng, Điều 16 Hiến pháp 1956 của chế độ này viết: "Mọi người dân có quyền tự do ngôn luận. Quyền này không được dùng để vu cáo, phỉ báng, xâm phạm đến nền đạo lý công cộng, hô hào nổi loạn, hoặc lật đổ chính thể cộng hòa", Điều 12 Hiến pháp 1967 của chế độ này cũng viết: "Quốc gia tôn trọng quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, báo chí và xuất bản, miễn là sự hành xử các quyền này không phuong hại đến danh dự cá nhân, an ninh quốc phòng hay thuần phong mỹ tục". Và không thể biện minh cho tự do ngôn luận, tự do báo chí của chế độ đó khi chỉ trong một tháng đầu năm 1975 đã "bỏ tù 19 nhà báo và đóng cửa 5 báo đối lập"; và 30 năm sau về cái chết của phóng viên AFP, Nguyễn Ngọc Bích - Tổng Giám đốc cuối cùng của cái gọi là "Việt tấn xã" - VTX, đã viết: "Tôi cũng sống những giờ phút thật căng khi ông Phạm Kim Quy, đại tá cảnh sát, bắn chết ký

giả Agence France - Presse Paul Leandri rồi nhất quyết đòi VTX phải đưa ra cách giải thích của bên Cảnh sát quốc gia"!

Hiện nay, việc thực hiện quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí ở Việt Nam còn gặp khó khăn khi nhận thức về pháp luật của toàn dân chưa trở thành ý thức thường trực, tư giác, hệ thống truyền thông tuy phát triển song còn thiếu chuyên nghiệp, nhất là các thế lực thù địch, một số cá nhân thiếu thiện chí lợi dụng truyền thông để tác động xấu tới xã hội, công chúng, lợi dụng việc chính quyền thực thi pháp luật để vu cáo Nhà nước Việt Nam,... Nhưng chúng ta tin tưởng rằng, từ quan điểm, chính sách đúng đắn của Nhà nước Việt Nam về tự do ngôn luận và tự do báo chí, cả trước mắt và lâu dài, mọi người dân Việt Nam sẽ được hưởng các quyền này ngày càng đầy đủ hơn, được tạo các điều kiện để phát triển toàn diện và hài hòa, từ đó có những đóng góp thiết thực vào sự phát triển chung của xã hội.

CẨN TRỌNG TRƯỚC MỘT SỐ TÁC HẠI CỦA TRUYỀN THÔNG MỚI*

HOÀNG ANH

Thế giới đang ngày càng trở nên gần gũi hơn với sự ra đời của công nghệ kỹ thuật số. Các hình thức email (thư điện tử), ebook (sách điện tử), elearning (học qua mạng), ebusiness (thương mại điện tử), emarketing (tiếp thị điện tử)... đã và đang tạo ra nhiều thay đổi trong các tương giao và hoạt động xã hội. Theo trang tư liệu mở Wikipedia, truyền thông mới là "thuật ngữ rộng trong nghiên cứu truyền thông xuất hiện vào nửa sau thế kỷ XX. Một thí dụ là truyền thông mới cho phép người dùng truy cập nội dung vào bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu hay trên bất kỳ thiết bị số nào, cũng như cho phép người dùng tương tác và tham gia vào quá trình xây dựng nội dung truyền thông. Điều khiến truyền thông mới khác biệt so với truyền thông truyền thống là nội dung được chuyển hóa thành dạng dữ liệu số". Như vậy, truyền thông mới là một khái niệm được phát triển trên nền tảng công nghệ số và là một khái niệm rộng. Để dễ hình dung về khái niệm này, có thể liên hệ đến các hình thức thông dụng của nó như các trang mạng xã hội: facebook, twitter, blog... hoặc các loại hình tương tác khác như: đọc báo qua điện thoại di động, chơi game trên máy tính, sách điện tử...

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 19-11-2013.

Truyền thông mới phát triển trên nền tảng công nghệ số nên nó dễ dàng thay đổi tùy mức độ phát triển của loại công nghệ này. Và vì thế, truyền thông mới có thể "biến hình" nhanh chóng, luôn là những thứ không quen thuộc (mới), và chúng ta luôn phải bắt đầu làm quen với nó. Nói một cách nôm na, truyền thông mới thoát khỏi giới hạn của các định dạng truyền thông kiểu cũ như báo giấy, sách và tạp chí. Không chỉ phục vụ các nhu cầu thông tin khác nhau, truyền thông mới còn góp phần phá vỡ khoảng cách về mặt địa lý và xã hội, làm cho sự cách trở về địa lý ít ảnh hưởng tới các mối quan hệ xã hội hơn. Thông qua truyền thông mới, nhiều mối quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... được thiết lập, bắt chấp khoảng cách về thời gian và không gian. Một trong những ưu điểm được cho là nổi bật của truyền thông mới là cho phép người sử dụng dân chủ hơn trong cách lựa chọn và công bố thông tin. Khi đó, người sử dụng cũng đồng thời trở thành người "kể chuyện" hay nói cách khác là những nhà báo công dân. Thực tế là ngày càng nhiều người tham gia vào mạng lưới báo chí với tư cách là "nhà báo công dân" khi họ là chủ thể cung cấp thông tin cho báo chí. Thậm chí, họ còn giữ vai trò thu thập, xử lý và công bố nguồn tin trên những trang cá nhân của mình với nhiều mục đích khác nhau. Một bản dịch của dịch giả Phạm Khánh Hòa cho biết trong nhiều trường hợp, các phương tiện truyền thông kiểu cũ phải phụ thuộc vào nguồn dữ liệu thông tin của truyền thông mới. Truyền thông mới là tác nhân khởi nguồn và sẽ là nguồn thông tin mới. Bản dịch dẫn chứng bằng một thống kê trên tờ *Le Monde* (Pháp) về sự gia tăng các blog khắp châu Âu nhằm đánh giá những xu thế và quan điểm đang lên trong khu vực. Điều này vừa thể hiện truyền thông mới không chỉ giúp người bình thường có thể tham gia vào hoạt động chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội, vừa có nghĩa rằng đối với nhiều người,

cách đưa tin của các phương tiện truyền thông truyền thống đã không còn là nguồn thông tin quan trọng nhất.

Không thể phủ nhận những mặt tích cực mà truyền thông mới đã mang lại cho con người và tiến bộ của xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh nhiều mặt tích cực, vẫn còn có những băn khoăn về mặt trái của truyền thông mới. Tại Việt Nam, theo số liệu khảo sát của WeAreSocial - tổ chức nghiên cứu độc lập về truyền thông xã hội toàn cầu, tới tháng 12-2012 số người sử dụng internet ở Việt Nam là 30,8 triệu, chiếm 34% dân số (mức trung bình của thế giới là 33%). Và các số liệu khác cho thấy Việt Nam có số người đăng ký sử dụng internet đứng thứ ba tại Đông Nam Á, thứ tám tại châu Á, đứng trong top 20 quốc gia, vùng lãnh thổ có số người sử dụng internet nhiều nhất thế giới; số người sử dụng điện thoại cao thứ bảy thế giới, số người sở hữu tài khoản mạng xã hội độc lập (unique visitors) lên đến hơn 13 triệu người. Các con số này phần nào cho thấy truyền thông mới đã và sẽ thịnh hành, phát triển ở Việt Nam trong vài năm tới. Đó là chưa kể, ngày càng nhiều người Việt Nam, đặc biệt là người trẻ có xu hướng ưa thích sử dụng các thiết bị công nghệ cao như: các loại điện thoại thông minh, ipad, máy tính bảng,... vì những thiết bị này cho phép người sử dụng ở trạng thái "kết nối và trực tuyến" mọi lúc mọi nơi.

Tuy nhiên, sự gia tăng của các phương tiện truyền thông công dân như vậy lại làm tăng thêm nỗi lo ngại về tính chính xác, lành mạnh của các thông tin được cung cấp từ các phương thức truyền thông mới, đặc biệt là từ các trang cá nhân. Thiết nghĩ, truyền thông mới, bản thân nó là một khái niệm trung lập và không ngừng biến đổi. Vì thế, nó trở nên tốt hay xấu là phụ thuộc vào mục đích và cách thức của mỗi cá nhân sử dụng. Trên thực tế chúng ta đã được chứng kiến việc nhiều người sử dụng mạng xã hội tỏ ra thiếu trách nhiệm khi cung cấp những thông tin sai sự

thật, do họ không dành thời gian kiểm định tính chính xác của thông tin trước khi công bố. Bên cạnh thông tin sai sự thật là những thông tin, trò chơi thiếu lành mạnh, nhiều tính bạo lực, khiêu dâm... Chưa kể một số không nhỏ người sử dụng mạng xã hội nhầm cập nhật nhiều thông tin không khách quan, thậm chí mang đậm thiên kiến cá nhân. Những người sử dụng khác, nếu không có sự chọn lọc và cẩn trọng trước các thông tin kiểu như vậy, sẽ không tránh khỏi những cách nhìn sai lệch về nhiều vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội. Nghiêm trọng hơn, sự phát triển nở rộ và thịnh hành truyền thông mới nói chung và của mạng xã hội nói riêng vô hình trung có thể sẽ trở thành công cụ đắc lực góp phần làm nảy sinh các nguy cơ đối với an ninh, chính trị, xã hội và ảnh hưởng tiêu cực đến cá nhân người sử dụng, nhất là những người trẻ tuổi.

Cần khẳng định rằng, việc phát triển truyền thông mới là cần thiết, nhưng song hành với phát triển phải có sự quản lý, định hướng của các cơ quan chức năng đối với người sử dụng để khai thác truyền thông mới một cách có hiệu quả và có lợi ích thiết thực lành mạnh. Vì thế, để tránh được những sai lệch khi sử dụng các loại hình truyền thông mới, vấn đề không chỉ ở bản lĩnh, trình độ của cá nhân người sử dụng mà một mặt còn nằm ở phía các nhà quản lý. Có một nghịch lý rằng rõ ràng truyền thông mới không phải là một khái niệm mới nhưng trên thực tế, vấn đề quản lý các loại hình truyền thông mới, đặc biệt là các trang mạng xã hội và blog cá nhân tại Việt Nam chưa thật sự chặt chẽ và còn nhiều bất cập. Nhiều quốc gia trên thế giới đã có nhiều biện pháp hiệu quả trong quản lý mạng xã hội cũng như internet. Ở Mỹ, Cục Điều tra liên bang (FBI) đã thành lập một lực lượng có tên là Trung tâm Hỗ trợ truyền thông nội địa với nhiệm vụ phát triển các công nghệ có khả năng kiểm soát thông tin trên internet

cũng như các liên lạc bằng điện thoại di động. Trong khi đó, tại Hàn Quốc, Chính phủ đã đóng cửa rất nhiều trang web có nội dung phản đối thực hiện nghĩa vụ quân sự, quyền đồng tính, những bài viết chỉ trích Tổng thống... Để gửi bài viết hay các bình luận lên mạng, người sử dụng tại Hàn Quốc buộc phải cung cấp số chứng minh nhân dân. Thậm chí, tại quốc gia này, nếu bị phát hiện bình luận giấu tên trên các blog có hơn 10 nghìn người đọc có thể sẽ bị phạt tù lên tới 5 năm...

Ở Việt Nam, ngày 15-7 vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. Nghị định này sẽ thay thế Nghị định 97/2008/NĐ-CP ngày 28-8-2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin điện tử trên internet. Nghị định 72/2013/NĐ-CP quy định một số hành vi bị nghiêm cấm như: Lợi dụng việc cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng nhằm mục đích chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; tuyên truyền chiến tranh, khủng bố; gây hận thù, mâu thuẫn giữa các dân tộc, sắc tộc, tôn giáo; tuyên truyền, kích động bạo lực, dâm ô, đồi trụy, tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc;... Ngoài ra, Nghị định cũng tăng cường phát triển và quản lý nội dung các loại hình thông tin trên mạng thông qua các biện pháp cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội; tăng cường quản lý trò chơi điện tử trên mạng... Chúng ta có thể kỳ vọng, với Nghị định mới này, những người sử dụng sẽ phần nào tránh được một số tác động tiêu cực từ truyền thông mới, nhất là từ các thông tin thiếu lành mạnh trên mạng xã hội và các trang cá nhân,... để truyền thông mới sẽ luôn là một "người bạn tốt" của mọi người trong đời sống hiện đại.

SỰ "BÙNG NỔ" CỦA FACEBOOK VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA*

NGUYỄN HẢI ĐĂNG

Theo thống kê của Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC), với hơn 31 triệu người Việt Nam sử dụng internet và mỗi ngày dành trung bình 52 phút có mặt trên internet là con số đáng mừng. Tuy nhiên, từ hiện tượng "hạ nhiệt blog" để thay thế bằng "cơn sốt facebook" lại đặt ra một số vấn đề cần được khảo sát, nghiên cứu và điều chỉnh...

Từ sự phát triển của internet, đã có ý kiến lạc quan về kỷ nguyên số tại Việt Nam. Song dường như ý kiến lạc quan đó chưa quan tâm đến các vấn đề như: Từ những cụm từ không mấy hay ho liên quan tới các nhân vật "tai tiếng" trong làng giải trí, nghệ thuật, kể đó là tên một vài nhân vật trong trào lưu bôi xấu, hạ thấp danh dự người khác trên mạng cũng được nhiều người quan tâm. Thậm chí, các cụm từ này còn làm nhiều người nước ngoài hiểu lầm, như sự xuất hiện của nickname Phông Tôm - một "món khai vị" của Việt Nam. Theo công bố của facebook thì trung bình ba giây có một tài khoản mới đến từ Việt Nam; số người dùng facebook tại Việt Nam đạt 19,6 triệu người, chiếm 74,1% lượng

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 7-2-2014.

người sử dụng internet, vượt qua các trang mạng trong nước nhiều lần... Vậy, với sự phát triển chưa có dấu hiệu dừng lại, facebook có phải là mạng xã hội hữu ích thật sự hay chỉ là "mốt" mới của một số người Việt Nam, nhất là giới trẻ?

Trong quá khứ, Yahoo! Blog từng thông báo con số ấn tượng về số người dùng lên tới hàng triệu tài khoản, rồi sau đó phải ngậm ngùi đóng cửa, khi bị người sử dụng quay lưng dần mà không biết lý do. Dù thế nào thì blog vẫn chỉ là nhật ký mạng. Blog không có tính riêng tư, vì mọi thông tin khai báo cũng như hoạt động của người sử dụng blog đều công khai và bất cứ ai cũng có thể truy cập. Do đó, blog không phải là nơi để người dùng giải bày việc khó nói, đưa ra phát ngôn tùy tiện, nhất là những điều sai sự thật. Ở thời điểm "bung nổ", blog cũng không phải là nơi để nhiều người thể hiện tài năng văn chương, khi nó giới hạn về số lượng ký tự. Nhưng Yahoo! Blog ở Việt Nam cũng như nhiều nơi trên thế giới đã bị người dùng làm biến dạng. Khi đã bắt đầu từ một tiền đề sai, người dùng không thể có kết quả đúng. Họ bị thôi thúc bởi việc cần chứng minh, hay thanh minh về những gì mình truyền đạt trên blog. Rồi người dùng phải chuyển tài khoản của mình thành website cá nhân, bởi họ không có khả năng duy trì blog lâu dài nếu không "cộng sinh" hoặc "đánh cắp ý tưởng" của người khác... Hiện tại, bên một số blog của một số cá nhân hoạt động lành mạnh, thì một số blog lại ra đời từ những kẻ nặc danh, lợi dụng blog để phát ngôn bừa bãi, tung tin hiểu kỳ, vu cáo người khác...

Từ blog đến facebook, số lượng người dùng mạng xã hội ở Việt Nam có bước nhảy vọt. Tuy nhiên các trang myspace, photobucket hầu như không nhận được sự chú ý, và họ cũng không biết nhiều tới twitter hay linkelin là các mạng xã hội khá non trẻ song nổi tiếng, có tuổi đời ngang hàng với facebook. Nhìn qua thì facebook có vẻ nổi trội hơn twitter, vì mạng xã hội này cho phép viết một tin

với nội dung vô hạn, trong khi twitter hạn chế, không cho phép truyền tải một tin quá 140 ký tự. Facebook có tính năng giúp viết nhật ký, tuy nhiên ít người sử dụng tính năng này vì blog thực hiện tốt hơn. Còn các dịch vụ khác như nói chuyện phiếm, nhắn tin thì các trang mạng xã hội khác đều có tích hợp hoặc có phần mềm riêng phục vụ. Vậy chính xác, người sử dụng internet tại Việt Nam và thế giới trông đợi gì ở mạng xã hội facebook? Câu trả lời là ở chỗ, facebook là mạng xã hội mà người dùng có thể khai báo, sử dụng, trao đổi, chia sẻ các thông tin, thông điệp một cách công khai, bán công khai hay hoàn toàn bí mật.

Dù mang danh nghĩa bảo vệ người dùng mạng xã hội của mình, nhưng xem xét cụ thể thì thấy facebook đã "vô tình" cổ động cho hành vi không minh bạch của nhiều người sử dụng. Với facebook, một mạng xã hội đúng nghĩa đã biến mất, nhường chỗ cho hành động ứng xử đồi thường. Chỉ khác một điểm, người ta sử dụng trên internet chứ không phải trong cuộc sống thực. Facebook trở thành nơi người dùng giao thiệp, quảng cáo về mình hơn là giao tiếp, đối thoại. Facebook tạo điều kiện để người dùng kết bạn càng nhiều càng tốt, vì thế bạn bè theo đúng nghĩa trên facebook luôn có thể là người xa lạ, người dùng chỉ biết đến thông qua những mối quan hệ rời rạc. Vì thế, nảy sinh tình huống người dùng sẽ gặp, đọc những thứ không cần thiết. Để khắc phục, facebook đưa ra công thức cho phép người sử dụng facebook có quyền bỏ qua thông tin họ thấy không cần thiết từ bạn bè mà không lo sẽ bị mất lòng hay ác cảm qua việc chọn lọc danh sách. Sắp tới, facebook chuẩn bị đưa thêm tính năng "đồng cảm" (sympathy) vì quá nhiều người "thích" (like) các tin đau buồn, bất hạnh được viết trên facebook. Cách chiêu lòng này liệu có hợp lý hay lại là một "chiêu" tiếp theo ru ngủ và gây nghiện với người sử dụng? Bởi hiện tượng đang ngày một phổ biến là người dùng facebook không đọc kỹ các thông tin

hiện lên trên tài khoản của mình, nhất là sau khi facebook công bố thêm ứng dụng dòng thời gian giúp thông tin chuyển dịch liên tục, người dùng chỉ việc ấn vào thứ mình thích thay vì vào trang cá nhân của mình, của người khác. Họ chỉ nhấn nút thích như một thói quen đối với "người bạn", ngược lại, có người mắc bệnh nghiện được "like", được tung hô, bất chấp đó chỉ là hành động xã giao. Không thiếu kẻ viết thông tin, đăng một bức hình để được "like".

Xuất hiện cùng thời điểm các dòng điện thoại thông minh, mạng không dây và liên tục được cải tiến, facebook như tiếp thêm cánh nhưng cũng đồng thời "gây nghiện" với người sử dụng. Là mạng xã hội duy nhất cho phép người dùng không cần công khai tin tức cho tất cả mọi người, facebook đã gián tiếp lôi kéo người sử dụng làm việc riêng trong giờ hành chính. Chưa có thống kê chính xác người Việt Nam dành bao thời gian cho facebook trong 52 phút truy cập trên mạng và thường ở khung giờ nào, tuy nhiên, căn cứ vào các trang web dịch vụ liên kết cũng như các trang quảng cáo trên facebook, có thể thấy khoảng thời gian người Việt Nam truy cập facebook thường từ 9 giờ -10 giờ, 14 giờ -15 giờ, 21 giờ - 22 giờ với việc đăng tải các bức hình, hay thông báo liên quan đến công việc như: họp hành vất vả, sếp khó tính, lao động nghiêm túc... Hai trong khoảng thời gian đó rơi vào giờ hành chính, được lý giải rằng đó là thời điểm nhân viên văn phòng họp hành, giải quyết công việc, và như thế là vi phạm Luật lao động. Rồi khi truy cập vào trang tin hay trang quảng cáo, người dùng facebook có thật sự đọc nội dung? Bởi thông tin bao giờ cũng được đặt với "tít" gây giật mình làm người dùng tò mò, nên sau một thời gian, phần lớn người dùng facebook chỉ đọc tí mà đoán bài. Vì thế, nhiều người đã không đọc kỹ các thông tin đăng trên các trang báo "lá cải" và một số trang tin hải ngoại, rồi bình luận thiếu trách nhiệm. Chưa kể hiện nay vẫn chưa xử lý được loại tin đồn nhảm, xúc phạm, bôi

xấu người khác đầy rẫy trên các trang facebook cộng đồng, hội không rõ nguồn gốc. Dù người dùng có thể đóng thông tin, không chia sẻ hoạt động trên mạng song khi cần thiết, facebook có khả năng lan truyền tin rất nhanh qua chia sẻ thông tin dễ dàng, đánh dấu người cần thiết cho việc truyền tin; đồng thời kẻ xấu cũng có thể lẩn trốn rất nhanh bằng cách xóa bài viết nguồn hoặc tạm thời tắt sự hiện diện trên facebook. Chưa kể vì nguồn ảnh trên internet là vô cùng lớn, kẻ xấu lợi dụng điều đó để "minh họa" tin. Và đáng chú ý nhất chính là các trang facebook của các thế lực thù địch, các tổ chức và cá nhân thiếu thiện chí với Việt Nam lập ra để vu cáo, vu khống, bình luận xuyên tạc về Việt Nam.

Sự góp mặt của facebook với "Mùa xuân Arập" hay việc facebook sẵn sàng hợp tác với Chính phủ Mỹ trong việc kê khai các tài khoản cá nhân đã sử dụng mạng xã hội này khiến nhiều người truy cập facebook băn khoăn. Tình hình bất ổn ở các nước Bắc Phi cho thấy biến động dựa trên cái mà facebook tuyên truyền về tự do, bình đẳng đã thất bại. Như vậy, facebook và những quyền lợi phù du mà nó đem lại có đáng để đánh đổi những gì mà chúng ta không thể đánh mất? Đề xuất cấm sử dụng facebook đã được bàn đến tại nhiều quốc gia. Hiện tại một số nước không cho phép mạng xã hội này được hoạt động tại nước họ, bất chấp những luận điệu từ các tiếng nói đối lập của các tổ chức nhân quyền có trụ sở chủ yếu đặt tại Hoa Kỳ. Vì thế, để hạn chế người dùng facebook một cách tiêu cực là cần xây dựng, phát huy tốt vai trò của những mạng xã hội trong nước cũng như nâng cao văn hóa của người sử dụng internet.

KHÔNG ĐỂ BÁO CHÍ TRỞ THÀNH NƠI TRUYỀN TẢI TIN ĐỒN!*

LUƠNG MINH

Sự thụ động trong tiếp nhận thông tin đời sống, trên các mạng xã hội, từ các blog cá nhân và diễn đàn điện tử, cùng với tư duy phân tích thiếu sắc bén và một số yếu tố khác nữa,... đã khiến khá nhiều thông tin trên báo chí hiện nay lại ra đời từ các tin đồn thiếu tính chính xác - một trong các yêu cầu cơ bản và cần thiết nhất của thông tin báo chí.

Theo Tiến sĩ Lê Văn Hảo ở Viện Tâm lý học (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) thì trong tâm lý học xã hội, tin đồn được xem là những "lý giải" chưa được kiểm chứng về một sự kiện, hiện tượng, tình huống, hay vấn đề mà công chúng quan tâm, và được truyền từ người này sang người khác. Hiểu nôm na, tin đồn là những thông tin được truyền miệng cho nhau một cách không chính thức, chưa nắm rõ nguồn gốc, chưa được bảo đảm về tính chính xác và lại được nhiều người quan tâm. Sinh hoạt xã hội với sự phức tạp của các mối quan hệ, nhu cầu nắm bắt thông tin của con người, và cả trạng thái tâm lý ít nhiều có tính hiếu kỳ, đã làm cho tin đồn trở thành loại hiện tượng bình thường, khó có thể loại bỏ nó khỏi đời sống xã hội. Vì đôi khi có tin đồn khá chính xác nên

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 4-4-2014.

trong chừng mực nào đó thì tin đồn có tác dụng nhất định với con người; tuy nhiên là những thông tin truyền miệng, không rõ nguồn gốc nên tin đồn thường được hiểu theo nghĩa tiêu cực, và đôi khi bị một số người sử dụng phục vụ mục đích xấu.

Như đã trình bày, trên thực tế không phải tin đồn nào cũng mang tính tiêu cực, song các tin đồn tiêu cực thường dễ lan truyền và được quan tâm hơn các tin đồn tích cực. Ngày nay, trong các phương tiện giúp vào việc lan truyền thì báo chí truyền thông, đặc biệt là internet với diễn đàn, blog, facebook,... là các kênh giúp tin đồn phổ biến nhanh chóng, dễ tác động nhất. Một trong các minh chứng cho thấy khả năng lan tỏa tức thời của thông tin báo chí và công nghệ là tin đồn về cái chết của Paul McCartney - thành viên nhóm nhạc huyền thoại The Beatles. Tin đồn này khởi phát từ một bài báo có tên "Is Beatle Paul McCartney Dead?" (Có phải Paul McCartney đã chết?) đăng trong một số báo của Trường Đại học Drake (Mỹ) từ tháng 9-1969. Bài báo cho rằng, Paul McCartney đã chết từ năm 1966, và ban nhạc đã chọn được một người thay thế có ngoại hình giống hệt. Tin đồn chỉ được bác bỏ khi tạp chí *Life* thực hiện một bài phỏng vấn trực tiếp Paul McCartney vào tháng 11 sau đó. Tuy nhiên, tin đồn lan tỏa mạnh mẽ đến mức ngay lập tức trở thành một hiện tượng quốc tế, được hàng triệu người hâm mộ trên khắp thế giới theo dõi. Không những thế, ảnh hưởng từ "sự kiện tin đồn" này, rất nhiều ca khúc, chương trình truyền hình "ăn theo" đã ra đời. Thậm chí, dấu ấn sau này của tin đồn về cái chết của Paul McCartney còn xuất hiện trong cả một số truyện tranh, kịch và phim tài liệu khoa học giả tưởng.

Sự kiện xảy ra cách đây hơn 40 năm - khi hệ thống truyền thông và truyền bá thông tin còn kém phát triển hơn ngày nay rất nhiều, đã cho thấy báo chí truyền thông có vai trò quan trọng, mạnh mẽ trong việc chuyển tải rất nhiều loại thông tin đến với

công chúng như thế nào. Về vai trò của truyền thông báo chí với tin đồn, cũng theo Tiến sĩ Lê Văn Hảo, truyền thông thường đóng vai trò quan trọng trong kiểm soát, xử lý tin đồn, bởi truyền thông có thể chỉnh sửa lại các thông tin sai lệch và công bố các thông tin có cơ sở xác thực, đáng tin cậy. Tuy nhiên, thời gian gần đây tại Việt Nam, nguyên tắc lành mạnh cả về nghiệp vụ và đạo đức này dường như lại bị xâm phạm nghiêm trọng. Bởi qua quan sát nhiều hiện tượng trên báo chí được quan tâm lại thấy có một bộ phận báo chí truyền thông làm ngược lại vai trò của mình vì không chỉ sử dụng tin đồn như thông tin báo chí chính thức, mà còn gộp phần lan tỏa tin đồn khi chưa được kiểm chứng, xác minh. Việc xác minh tính chính xác của tin đồn thường chỉ được thực hiện sau khi thông tin được đăng tải rộng rãi, bị dư luận hoặc người trong cuộc phản ứng, các cơ quan chức năng yêu cầu đính chính. Tuy nhiên dù vậy, vẫn còn một số tờ báo không cải chính theo quy định trong Luật báo chí, không xóa bỏ thông tin sai trên website, thông tin này vẫn tồn tại trên internet, thậm chí vài ba tháng sau, hàng năm sau, vẫn có nơi khai thác lại và đăng tiếp!

Đơn cử như vụ Hoa hậu các dân tộc Việt Nam Nguyễn Thị Ngọc Anh vừa đăng quang (tháng 6-2013) đã bị cho là "mua giải với giá 1,5 tỷ đồng và có quan hệ với cậu con trai chưa đầy 16 tuổi của bà Kim Hồng - Phó Ban Tổ chức cuộc thi"! Nhiều tờ báo mạng vào cuộc, thổi phồng thông tin, liên tiếp tung các thông tin kiểu "nghi án hoa hậu mua giải" mặc dù vẫn chưa biết rõ là thật - hư ra sao, khiến thông tin bị nhiễu loạn. Hậu quả là, Ban Tổ chức cuộc thi rối loạn, nhân vật chính là tân Hoa hậu các dân tộc Việt Nam Nguyễn Thị Ngọc Anh phải vào viện cấp cứu do quá sốc với tin đồn. Cuối cùng, sự việc được làm sáng tỏ khi một thí sinh tham dự cuộc thi thừa nhận sự việc trên hoàn toàn chỉ là tin đồn sai sự thật, vấn đề xuất phát từ một câu nói tình cờ của thí sinh này. Sự kiện tuy

chỉ gây bức xúc dư luận trong một thời gian ngắn nhưng cũng đủ khiến những người trong cuộc bức xúc, vất vả. Thậm chí, cả khi sự việc đã được xác minh, trắng - đen rõ ràng thì vẫn không một thông tin cài chính, hoặc lời xin lỗi, thể hiện trách nhiệm của những người làm báo được công bố trước dư luận?!

Tình trạng nhiễu loạn thông tin trên báo chí và internet hiện nay cho thấy đã đến lúc các cơ quan báo chí, những cá nhân tham gia hoạt động trên internet phải có trách nhiệm "xử lý" tin đồn trước khi đăng tải rộng rãi trên các phương tiện truyền thông. Bởi nhiều khi những thông tin chưa được kiểm chứng không chỉ gây hoang mang đối với công chúng mà còn gây thiệt hại nghiêm trọng cho "nạn nhân" của tin đồn. Hẳn bạn đọc còn nhớ tin đồn ăn nhiều bưởi gây ung thư vú từ năm 2007. Tin đồn thiếu chính xác được đăng tải trên một số tờ báo làm cho giá bưởi trên thị trường sụt giảm nghiêm trọng, nhiều gia đình nông dân trồng bưởi bị khốn đốn, thiệt hại lớn về kinh tế. Dù các tờ báo, những nhà báo có liên quan đã bị xử phạt nhưng hậu quả mà người trồng bưởi phải gánh chịu rõ ràng lớn hơn rất nhiều. Rồi cách đây không lâu là tin đồn về "trứng gà giả"; thậm chí có nhiều tin đồn ác ý, liên quan đến tính mạng con người như: tin đồn MC nọ bị ung thư phải điều trị tại Xingapo đã qua đời, tin đồn về một nhà báo nổi tiếng bị tai nạn và đã ra đi,... cũng được đăng trên một vài tờ báo. Nặng nề hơn, có tin đồn được báo chí "tiếp tay" khiến nạn nhân mang nhiều tai tiếng, đau đớn, như thông tin về chủ một tiệm thuốc tây có quan hệ với một học sinh ở Quảng Ngãi. Thông tin này về sau được cơ quan công an xác minh không có thật, song thử hỏi hậu quả để lại cho chủ hiệu thuốc và cả gia đình họ thì trách nhiệm thuộc về ai?

Trong hội thảo nghiệp vụ báo chí diễn ra vào tháng 6-2013, một phóng viên Thông tấn xã Việt Nam cho rằng, chính việc sử dụng tin đồn trên mạng như một nguồn tin chính thức của báo chí đã làm

nhiều thông tin. Cũng tại hội thảo này, nhà báo Hữu Thọ chia sẻ: Những tin đồn hiện nay lan tỏa trên các mạng xã hội rất nguy hiểm. Nó xô đẩy lòng tin chính trị, mà đây là bản lĩnh cơ bản của mỗi người làm báo cách mạng. Vì thế, việc chọn lựa sử dụng nguồn tin như thế nào là rất quan trọng, đòi hỏi bản lĩnh chính trị và bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng - bản lĩnh này được tích lũy qua các trải nghiệm xã hội của chính các nhà báo.

Thực tế báo chí hiện nay cho thấy, không chỉ các tin đồn trong đời sống hằng ngày mà cả những tin đồn xuất hiện trên mạng xã hội cũng đang là "nguồn tin béo bở" cho nhiều phóng viên "đói tin". Không quan tâm tác nghiệp trong thực tế cuộc sống, họ trở thành "phóng viên văn phòng", "phóng viên bàn phím", suốt ngày la cà trên các diễn đàn điện tử, trên facebook, trên các blog,... để chộp lấy các entry, status, comment nào chứa đựng thông tin có vẻ "mới", có vẻ "giật gân" để sau đó chế biến thành bài báo. Từ chuyện ngồi lê đói mách đến ý kiến bình luận được họ khai thác triệt để, và họ tồn tại được vì sự sống còn của nhiều tờ báo (phần lớn là trang tin, báo điện tử) hiện đang phụ thuộc vào sự cạnh tranh gay gắt về thông tin, khiến một số tòa soạn "lầm liều", "cố tình phạm luật" nhằm mục đích tăng lượng người đọc. Cho nên chúng ta được chứng kiến nhiều trang tin, báo điện tử công bố thông tin có nguồn gốc từ tin đồn, nhiều khi được phóng viên phỏng bút "thêm nếm" với các chi tiết nhiều khi là không có thật để làm dày dặn bài báo, bất chấp đúng - sai, miễn là càng nhiều người đọc càng tốt. Do đó, trong nhiều trường hợp, tính chính xác của thông tin không phải là yếu tố quan trọng hàng đầu mà lại là sự giật gân, câu khách rẻ tiền. Bên cạnh thông tin câu khách, phải nói rằng có thông tin nghiêm túc nhưng chưa được kiểm chứng tính xác thực cũng xuất hiện ngày càng nhiều.

Nguyên nhân của tình trạng trên đây có thể liệt kê rất nhiều, nhưng chí ít cũng có thể thấy đó là kết quả của sự thiếu kỹ năng, vô trách nhiệm trong quá trình tác nghiệp của phóng viên, tòa soạn và của người có trách nhiệm công bố thông tin; cộng thêm sự quản lý chưa chặt chẽ của cơ quan chủ quản, của các cơ quan chức năng có thẩm quyền quản lý, tổ chức, khiến tình trạng nhiễu loạn về thông tin ngày càng trở nên nghiêm trọng. "Cái sảy nảy cái ung" và vô hình trung, hoạt động của một số tờ báo (phần lớn là trang tin, báo điện tử) lại tác động tiêu cực tới khả năng tiếp nhận của người đọc, đánh mất niềm tin của công chúng, một số trường hợp còn gây ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển chung của xã hội. Để báo chí luôn là "người" định hướng đúng đắn, tin cậy thì thông tin chính xác là một trong các nguyên tắc cơ bản cần tuân thủ. Vì thế, tính chính xác của thông tin luôn luôn phải được bảo đảm là yêu cầu hàng đầu trong quá trình tác nghiệp của mỗi phóng viên, mỗi tòa soạn. Việc lựa chọn nguồn tin, đặc biệt là xử lý, xác minh nguồn tin phụ thuộc vào tư duy sắc bén của người làm báo, phụ thuộc bản lĩnh nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị của mỗi người. Với các tin đồn, việc xử lý trước khi đăng tải lại càng cần thiết, do tính chất "truyền khẩu", "truyền mạng" mà tin đồn phải được xác minh, sàng lọc cẩn trọng từ nhiều nguồn mới có thể tìm ra thông tin chính xác. Thiết nghĩ, rốt cuộc thì vấn đề vẫn là câu chuyện về lương tâm, trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp của người làm báo. Thái độ nghiêm túc trong việc xác minh cẩn trọng thông tin chính là thể hiện tính trung thực, tính định hướng và tính nhân văn trong hoạt động nghề nghiệp.

"HỘI CHỨNG VÔ TRÁCH NHIỆM" TRONG ĐƯA TIN VÀ BÌNH LUẬN"

THÁI VŨ

Lâu nay, việc khai thác và công bố thông tin mà không kiểm chứng, xác minh rõ nguồn gốc đã trở thành một xu hướng đáng quan ngại xuất hiện trên một số tờ báo ở Việt Nam (nhất là báo điện tử và trang điện tử). Xu hướng này không chỉ làm sai nhiều sự thật mà một số trường hợp còn gây tổn hại tới uy tín, hình ảnh của cá nhân, tổ chức liên quan, nhất là tới quan hệ quốc tế.

Có thể nói gần đây, thông tin từ báo chí, nhất là từ báo và trang tin điện tử đã trở thành "món ăn tinh thần" không thể thiếu với nhiều người, nhất là bạn đọc trẻ. Với tiện ích của internet, người đọc báo và trang tin điện tử không chỉ tiếp nhận thông tin, mà có thể comment để bình luận; hoặc khai thác bài vở đưa về blog, facebook cá nhân để trao đổi. Tuy nhiên, việc một số tờ báo có xu hướng câu "view" (lượt xem) bằng thông tin sốt, sốc, giật gân, không kiểm chứng trước khi đăng tải, không cần biết đúng - sai, thậm chí có tin bài cực kỳ "rác rưởi",... thật sự trở thành loại thông tin đầu độc người xem và cần phải phê phán. Thí dụ điển hình của hiện tượng này là việc khai thác tin tức một cách vội vã, thiếu thận trọng từ báo chí nước ngoài.

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 8-4-2014.

Cách đây vài năm, một số tờ báo ở Việt Nam đã đồng loạt hùa theo báo chí phương Tây về nên chân dung của ông Gaddafi, cố lãnh đạo của Lybi như là "một nhà độc tài tham lam và lập dị, một tên bạo chúa cuồng dâm..."; vì thế, người dân Lybi phải "rên xiết" dưới "ách độc tài tàn bạo"! Người ta đưa tin, bình luận nhưng không đếm xỉa tới thực tế mà lẽ ra, nếu có trách nhiệm, trước khi khai thác từ báo chí phương Tây, cần phải kiểm chứng. Bởi nếu kiểm chứng sẽ thấy chí ít trong mục từ Lybi trên Wikipedia viết như sau: "Dưới chế độ của Ghadafi, tỷ lệ biết chữ tăng từ 10% lên 90%, tuổi thọ trung bình tăng từ 57 lên 77 tuổi, quyền bình đẳng được bảo vệ cho phụ nữ và người da đen, cơ hội việc làm được nâng cao cho các công nhân nhập cư, hệ thống phúc lợi được đầu tư cho phép người dân tiếp cận với giáo dục, chăm sóc y tế miễn phí cũng như hỗ trợ về nhà ở. Dòng sông Nhân tạo là dự án tưới tiêu lớn nhất thế giới cũng được đào để cung cấp nước ngọt cho Lybi. Ngoài ra, việc hỗ trợ tài chính cũng được cấp cho các trường đại học để trao học bổng và chương trình phát triển việc làm. Do vậy, Chỉ số phát triển con người (HDI) của Lybi được xếp vào mức cao trên thế giới, thứ hạng 58/177 nước năm 2005. Và Lybi không hề có nợ nước ngoài". Ngoài ra, còn có thể biết những thông tin khác như: người dân Lybi có mức thu nhập bình quân đầu người cao nhất châu Phi (khi ấy ước chừng 6.700 USD), chính sách bảo hiểm xã hội ưu việt; các ngân hàng cho vay không lấy lãi, mua xe hơi sẽ được Nhà nước hỗ trợ 50% giá, mỗi cặp vợ chồng mới cưới được Nhà nước hỗ trợ 50.000 USD tiền mua nhà, mỗi bà mẹ sinh con được Nhà nước hỗ trợ 5.000 USD, v.v.. Đó là các thông tin tuyệt nhiên báo chí phương Tây không đề cập. Khi người ta bắt đầu tiến công Lybi và chính quyền của Gaddafi bị lật đổ, bỗng dừng nhiều việc bị "khui ra ánh sáng", từ "Gaddafi mang máy bay đi đàn áp dân chúng" tới "Gaddafi ủng hộ khủng bố",... Tất cả chỉ nhầm biện hộ cho hành

động lật đổ chính quyền hợp pháp ở một nước có chủ quyền. Rồi lại thấy một số tờ báo bê về nguyên xi "phát hiện động trời" của phương Tây rằng, ông Gaddafi có khối tài sản khổng lồ đến gần 200 tỷ USD! Và điều hài hước là người ta trút vào "tài sản khổng lồ" đó cả những khoản tiền đầu tư của Chính phủ Lybi, tiền thuộc sở hữu hợp pháp của các tổ chức nhà nước, rồi giải thích một cách kỳ quặc vì... Gaddafi "coi tài sản quốc gia là tài sản của gia đình"!?

Gần đây, liên quan đến các sự kiện ở Ucraina cũng có nhiều chuyện để bàn. Như việc một số báo mạng đăng hình lính đặc nhiệm "Berkut" của Ucraina quỳ gối và đưa tin: "Cảnh sát chống bạo động quỳ gối xin lỗi người dân ở thành phố Lviv vì các hành động đánh đập và nổ súng vào người biểu tình trong những cuộc đụng độ xảy ra ở Quảng trường Độc lập Kiev". Chớp được tin này, một số diễn đàn của các thế lực thù địch và m้าย nhà "dân chủ giả hiệu" lập tức té nước theo mưa, đưa lên blog và facebook đăng ngay trạng thái (status) "khi nào thì công an Việt Nam mới xin lỗi nhân dân"!? Sau khi một video clip được công bố trên internet, dư luận mới biết chuyện những người cực đoan ở thành phố Lviv và Lutsk đã buộc cảnh sát đặc nhiệm "Berkut" của Ucraina phải quỳ gối xin lỗi, thậm chí có một số phần tử quá khích không chấp nhận và vội nhặt bất cứ cái gì trong tầm tay, ném vào các cảnh sát này. Sự kiện được làm sáng tỏ, một số báo và trang tin điện tử đã đăng tin sai vẫn không đính chính hoặc gỡ xuống. Họ coi thường người đọc, hay họ muốn "tiếp sức" cho những kẻ lợi dụng tin này để bình luận tiêu cực về Việt Nam?

Thông tin về dinh thự của Tổng thống Ucraina Yanukovych bị lật đổ cũng vậy. Nhiều tờ báo tập trung khía cạnh xa hoa của ngôi nhà mà quên kiểm chứng để thấy rằng ngôi nhà (hay khu phức hợp) đó là tài sản quốc gia, có nguồn gốc lâu đời. Khi còn là Thủ tướng (2002), ông Yanukovych đã được cấp một căn hộ trong khu

đó. Sau đó ông thuê lại với giá rẻ. Và đến năm 2010, khi đắc cử Tổng thống, ông Yanukovych chọn khu này làm nơi ở của mình. Cho đến khi ông bị lật đổ, việc ai là chủ sở hữu thật sự của ngôi nhà vẫn còn đang là vấn đề tranh cãi. Thông thường, nhà ở của các nguyên thủ quốc gia ở phương Tây có tiêu chuẩn cao cấp nhất định, vì đó không đơn thuần là nhà ở mà còn là nơi tiếp khách của nguyên thủ, có thể coi là một yếu tố góp phần giữ gìn "bộ mặt" của quốc gia. Vậy việc có ngôi nhà này đâu phải do ông Yanukovych tham nhũng mà có được? Thế nhưng, thấy báo chí phương Tây làm àm ĩ, lập tức một số tờ báo ở Việt Nam cũng nhanh nhẩu hùa theo, để rồi cư dân mạng cứ thế a dua chửi bới (?)

Gần đây, không ít người đọc bày tỏ sự phẫn nộ khi báo chí giật tít sốc liên quan đến Triều Tiên như "cho 120 chó đói xé xác người dượng?", "xử tử chú dượng bằng chó đói" và dẫn nguồn tin từ báo *Strait Times*. Rồi hóa ra tin này từ một blogger mà tờ *Văn hối* của Hồng Kong khai thác. Sau khi xác minh, các tờ báo trên liền rào rào đính chính đó là "tin vịt", nhưng không hề đưa ra một lời xin lỗi bạn đọc. Không nhẽ làm báo thì muốn đưa tin gì thì đưa, nếu sai thì "đính chính" là xong? Gần đây hơn, hơn chục tờ báo giật tít "đàn ông Triều Tiên buộc phải để tóc giống Kim Jongun", "Kim Jongun áp đặt kiểu tóc "gáo dừa" cho nam giới Triều Tiên"... Trong khi theo *Washington Post*, thông tin về việc thanh niên Triều Tiên phải để kiểu tóc giống nhà lãnh đạo tối cao Kim Jongun xuất hiện từ một nguồn tin không đáng tin cậy. Và đường đi của thông tin này là: "BBC dẫn lại bản tin trên từ blog Elsewhere và từ tờ *Korea Times*, một tờ báo tiếng Anh của tập đoàn Hankook Ilbo. Trong khi đó, tờ *Korea Times* dường như đã lấy câu chuyện trên từ RFA, một tổ chức phi lợi nhuận được Chính phủ Mỹ tài trợ". Và "Chad O'Carroll, biên tập viên của trang web NKNews, cũng hoài nghi và cho đăng tải thông tin từ một độc giả. Người này mới ở

Bình Nhuõng về và không hề thấy kiểu tóc của ông Kim được nhân rộng khắp nơi".

Lối làm ăn cẩu thả đến vô trách nhiệm của một số tờ báo hiện nay thật đáng báo động. Nó thậm chí góp phần không nhỏ phụ họa theo những nguồn tin bịa đặt với mưu đồ xấu, làm ảnh hưởng đến uy tín của một số cá nhân, đến thể diện của một số nước. Khoản 5 Điều 6 Chương III Luật báo chí Việt Nam ghi rõ, báo chí có nhiệm vụ: "Mở rộng sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nước và các dân tộc, tham gia vào sự nghiệp của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội". Vậy thì với các thí dụ được dẫn ra trên đây, thử hỏi liệu một số tờ báo (trong đó phần lớn là báo điện tử, trang điện tử) có làm đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo luật định? Phải chăng những người tổ chức, thực hiện các tờ báo này không cần luật, không cần biết đạo đức nghề nghiệp, hay chỉ vì giật tít câu view kiếm tiền mà họ sẵn sàng "đầu độc" người xem?

XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN VÀ NHỮNG ĐIỀU CẦN BÀN*

HỒNG QUANG

Phải nói rằng mười năm sau khi chủ trương xã hội hóa hoạt động xuất bản được triển khai, ngành xuất bản ở Việt Nam đã đạt được một số thành tựu nhất định. Tuy nhiên, từ thực trạng của vấn đề có thể nói, bài toán liên kết trong hoạt động xuất bản vẫn chưa tìm được lời giải thỏa đáng để thật sự có ý nghĩa văn hóa đối với xã hội và con người.

Chủ trương xã hội hóa hoạt động xuất bản thể hiện tầm nhìn của Đảng và Nhà nước ta trong khi cố gắng đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của nhân dân, phát triển tri thức của xã hội thời toàn cầu hóa. Trong đó, trọng tâm là liên kết xuất bản giữa Nhà nước với tư nhân đã được quy định trong Điều 23 Chương 1 Luật xuất bản. Điều 23 có vai trò rất quan trọng vì bảo đảm sự cân bằng trong phát triển kinh tế, truyền bá văn hóa, tri thức của ngành xuất bản trước những biến đổi trong nước và thế giới. Theo đó, các nhà xuất bản vẫn giữ vai trò chủ đạo, là đầu tàu của ngành xuất bản Việt Nam trong hiện tại và tương lai; mặt khác, việc liên kết xuất bản với tư nhân không phải là giải pháp tạm thời để cứu vãn ngành xuất bản mà là tạo thêm quyền lợi cho doanh nghiệp kinh doanh sách và tác giả, dịch giả. Tuy vậy, đến nay, Điều 23 Luật xuất bản

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 29-4-2014.

vẫn chưa được thực hiện một cách nghiêm túc, thấu đáo, triệt để. Khi không còn được bao cấp, phần lớn đơn vị xuất bản trong nước tỏ ra lúng túng, thậm chí là bế tắc trong hoạt động xuất bản, phát hành ấn bản phẩm. Trong khi đó, doanh nghiệp tư nhân tham gia hoạt động xuất bản lại liên tục ra đời và tiến hành công việc kinh doanh, cho nên số lượng ấn phẩm tăng liên tục. Cùng với đó là sự xuất hiện nạn sách lậu, sách giả, sách chất lượng kém,... mà báo chí, dư luận đã rất nhiều lần lên tiếng phê phán.

Xã hội hóa hoạt động xuất bản là hướng đi đúng. Trên thực tế, sau khi không còn "sống" trong sự bao cấp, hoạt động xuất bản ở Việt Nam đã diễn ra sôi động và nhộn nhịp. Một số công ty truyền thông và nhà sách tư nhân đã làm nên luồng "gió mới" cho ngành xuất bản vốn trì trệ trong nhiều năm. Công ước Bern về bảo hộ quyền tác giả tưởng chừng là thách thức với hoạt động xuất bản nhưng sau khi triển khai lại đưa tới động lực mới. Sự nhanh nhẹn của nhà sách tư nhân và một số nhà xuất bản góp phần không nhỏ trong việc đưa một số tác phẩm của thế giới đến với người đọc ở Việt Nam với mức giá hợp lý, như tác phẩm của Dan Brown, J.K.Rowling,... Một số tác giả nổi tiếng cũng đã được mời đến Việt Nam tham gia hoạt động ra mắt cuốn sách của họ, như Mark Levi, Eran Katz, Nick Vujicic... Ngoài việc hướng đến độc giả phổ thông, một số nhà sách còn kết hợp với nhà xuất bản chuyên ngành cho ra các đầu sách kinh điển, tinh hoa của thế giới. Bên cạnh đó, Công ước Bern còn tạo điều kiện giúp một số tác giả trong nước chứng tỏ tài năng, thực lực của mình. Cũng phải kể tới việc một số đơn vị tư nhân tỏ ra xông xáo trong công việc tìm kiếm bản thảo hay, có chất lượng, có khả năng thành công. Họ không dừng lại trong quan hệ với tác giả đã khẳng định được tên tuổi mà còn mở rộng phạm vi tiếp cận tác giả tiềm năng, với nhiều hình thức như mở các cuộc thi trên báo chí, trên internet, từ đó có được một số tác

phẩm viết và dịch có giá trị. Một số nhà sách còn chủ động tìm đến với tác giả trên internet, một việc làm không mới ở nhiều nước trên thế giới, nhưng có thể coi đó là bước đột phá của ngành xuất bản ở nước ta. Vì đến nay, khi đưa sản phẩm viết hoặc dịch của mình lên internet, một số tác giả vẫn coi như là tham gia một sân chơi, một kiểu thư giãn, mà không trông đợi vào số độc giả vẫn theo dõi bài viết, bản dịch của họ. Việc làm và sự ưu tiên của nhà xuất bản, đơn vị kinh doanh xuất bản phẩm đã góp phần thay đổi nhận thức của tác giả, dịch giả, nhờ đó một số tác giả đã "sống" được bằng nghề viết. Họ không còn xem đó là nghề tay trái, nghề chơi, mà bắt đầu có tác phong làm việc chuyên nghiệp, ý thức được quyền lợi, trách nhiệm. Đáng tiếc là các mô hình liên kết trong các công việc như vậy hiện vẫn còn rất ít, chưa được nhân rộng.

Tuy nhiên, có thể nói sau mười năm, việc xã hội hóa ngành xuất bản chủ yếu để cho doanh nghiệp tư nhân sử dụng tiềm lực kinh tế thao túng quá trình xuất bản, phát hành. Điều này dẫn tới hậu quả là hoạt động xuất bản ở nước ta mới chỉ phát triển về số lượng, chưa phát triển về chất lượng. Tình trạng một số nhà xuất bản tồn tại chủ yếu qua việc cấp giấy phép xuất bản, thu mua loại phí có liên quan, hầu như không có thực quyền trong quá trình in ấn - phát hành đã nảy sinh một số vấn đề mà nổi lên là, xuất hiện một số xuất bản phẩm mắc lỗi nghiêm trọng, như: in cờ nước ngoài trong sách giáo khoa, minh họa một đẳng ý nghĩa một nẻo, truyện tranh bạo lực, hình ảnh phản cảm, đồi trụy xuất hiện trong một số xuất bản phẩm dành cho thiếu nhi; một số ấn phẩm có nội dung bóp méo, xuyên tạc hiện thực vẫn được phát hành; thậm chí có cuốn sách in ra lại có phần không đúng với bản thảo được nhà xuất bản duyệt in... Nếu không có ý kiến của báo chí, dư luận, của người đọc sách và phụ huynh học sinh thì các xuất bản phẩm nêu trên hoàn toàn có thể vẫn trôi nổi và gây tác hại trong xã hội. Thật

đáng lo ngại khi loại sách từ vô thuởng, vô phạt đến "nhảm nhí" gần như giữ tỷ lệ áp đảo trong số các đầu sách xuất bản hàng năm. Tại lễ hội sách năm 2014, giới xuất bản có thể "vui mừng" về sự "lên ngôi" của các cuốn sách *Buồn làm sao buông*, *Người yêu cũ có người yêu mới*, *Nếu như không thể nói nếu như*, đến truyện tranh Nhật Bản,... song điều này khiến người quan tâm đến việc đọc sách phải lo lắng, vì hiện tượng đó cho thấy văn hóa đọc đang có vấn đề. Ngoài hai cuốn *Đắc nhân tâm* và *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*, những cuốn còn lại trong thống kê best seller (bán chạy nhất) cũng không phải là những ấn phẩm có chất lượng tốt, không có gì bảo đảm sẽ tiếp tục là best seller sau lễ hội sách. Như vậy, liệu có nên coi đó là tín hiệu lạc quan, như câu hỏi của một dịch giả đã đưa ra gần đây? Hiện, với dân số khoảng 90 triệu người, tỷ lệ dân trí cao, nhiều người sử dụng thành thạo ngoại ngữ thì Việt Nam là nơi có tiềm năng lớn trong việc đọc sách. Nhưng con số tiêu thụ sách khoảng 0,8 quyển/người/năm là quá thấp. Có thể nói, so với thời kỳ trước, thói quen đọc sách đang mất đi trong nhiều người, nhất là thế hệ trẻ. Vì vậy, nếu không kịp thời thay đổi quan niệm trong việc in ấn và phát hành xuất bản phẩm, chỉ chạy theo lợi nhuận, phục vụ thói quen giải trí của một bộ phận độc giả, hoạt động xuất bản sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới quá trình đọc sách. Mà dù thế nào thì quá trình đó vẫn phải bảo đảm được các yêu cầu là vừa thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ, vừa nâng cao tri thức, góp phần nâng cao văn hóa cá nhân, xây dựng xã hội học tập,...

Cần nhìn thẳng vào sự thật là một trong những nguyên nhân chủ yếu đưa tới tình trạng trên là việc xã hội hóa ngành xuất bản đã để cho doanh nghiệp tư nhân với khả năng kinh tế mạnh hơn thao túng quá trình xuất bản và phát hành. Đặt xuất bản phẩm là mục đích kinh doanh hàng đầu, một người làm sách tư nhân có thể bất chấp tất cả để đạt được lợi nhuận. Thay vì tình yêu với văn hóa,

thay vì ý thức tự giác trong khi đưa những xuất bản phẩm có giá trị tư tưởng - nghệ thuật đến với xã hội, vì lợi nhuận mà người ta có thể làm biến dạng chủ trương xã hội hóa xuất bản. Ở đây cũng phải nhắc tới vai trò của truyền thông trong việc quảng bá xuất bản phẩm, nhất là sách văn học. Một cuốn sách văn học ra đời thường đi cùng một buổi giới thiệu sách kèm theo thông cáo báo chí có tính chất tiếp thị. Tại buổi giới thiệu, một số nhà văn, nhà thơ và nhà phê bình lại dành cho cuốn sách các lời ca ngợi "có cánh", rồi một số phóng viên dựa vào "thông cáo báo chí" và mấy lời "có cánh" để quảng bá, cho nên đã xuất hiện nhiều bài giới thiệu sách mang tính khoa trương, không tương ứng với nội dung cuốn sách. Như thế là thiếu trung thực với bạn đọc, làm nhiễu loạn tiêu chí lựa chọn của xã hội. Một thực tế là sau mười năm, sự tham gia mạnh mẽ của thành phần kinh tế tư nhân vào hoạt động xuất bản chưa cho thấy dấu hiệu bảo đảm rằng "các doanh nghiệp tư nhân thận trọng với các bước đi chiến lược kinh doanh của mình. Nhạy bén, năng động, và chịu khó thâm nhập chà xát thị trường để tìm hiểu và đáp ứng nhu cầu người đọc. Không chỉ giỏi trong nắm bắt nhu cầu người đọc, họ còn có "con mắt vàng" trong thẩm định, lựa chọn đâu là bản thảo hay, tốt, có khả năng thành công trong kinh doanh để đưa vào kế hoạch xuất bản" như ý kiến một tác giả đưa ra gần đây. Vì một ngày mà người đọc mua một cuốn sách vừa mới xuất bản tại quầy sách đã được giảm giá ít nhất 10% (thậm chí một cuốn tiểu thuyết vừa phát hành tháng 3-2014 có giá bìa 82.000 đồng còn được vinabook.com quảng cáo giá bán 57.000 đồng, giảm hơn 30%)! là một ngày còn cho thấy hoạt động liên kết xuất bản đang có vấn đề, chí ít cũng thể hiện qua sự mù mờ giữa giá thực và giá bìa!

Phát triển văn hóa, phát triển tri thức là một công việc khó khăn và đầy thách thức, nhất là trong bối cảnh kinh tế thị trường khiến không ít người chỉ quen với lối tư duy thực dụng, tầm nhìn

hở, dễ dàng đánh mất mình vào những nguồn lợi trước mắt mà quên đi yêu cầu tự hoàn thiện qua việc bổ sung vốn hiểu biết. Chính vì vậy, công tác xuất bản càng phải được chú ý, xem trọng. Việc liên kết xuất bản giữa nhà xuất bản của Nhà nước và tư nhân là một lựa chọn phù hợp với đặc thù phát triển của Việt Nam. Có thể đổi chiếu, tham khảo thêm từ các mô hình xuất bản tiến bộ, có hiệu quả từ một số nước ở phương Tây, nhưng không vì thế mà mô phỏng, bắt chước máy móc theo mô hình của họ. Sự kiện năm 1988, một nhà xuất bản tại nước Anh cho ra đời cuốn sách của Ahmed Salman Rushdie như "đổ thêm dầu" vào mối quan hệ vốn đã căng thẳng giữa thế giới Hồi giáo và phương Tây là bài học mà giới xuất bản cần tham khảo. Xuất bản vì lợi nhuận và xuất bản vì sự phát triển của xã hội, con người là khác nhau về mục đích, bản chất. Vì thế, dù có thể còn gặp khó khăn thì hoạt động xuất bản ở Việt Nam vẫn phải hướng về người đọc, mang những điều tốt đẹp, lành mạnh đến với xã hội.

VAI TRÒ CỦA BÁO CHÍ, VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM*

NGUYỄN HỮU

Trong xã hội hiện đại, việc tiếp thu tri thức, tiếp nhận và xử lý thông tin, tiếp xúc với các luận giải khác nhau về sự kiện - vấn đề - hiện tượng đã hoặc đang xảy ra, thỏa mãn và nâng cao năng lực, trình độ thẩm mỹ hướng tới sự hoàn thiện nhân cách,... trở thành nhu cầu thiết yếu hằng ngày của sự phát triển xã hội - con người; và báo chí, văn học - nghệ thuật chính là các lĩnh vực vừa chứa đựng các giá trị tinh thần, vừa có khả năng tạo dựng hệ thống phương tiện trực tiếp đáp ứng nhu cầu đó. Hơn 10 năm trước, báo chí và văn học - nghệ thuật Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn, Việt Nam mới kết nối internet từ năm 1996. Nhưng hôm nay, chúng ta có thể tiếp cận các con số ấn tượng như: đến tháng 12-2013, cả nước có 838 cơ quan báo chí in; 92 báo và tạp chí điện tử; 67 đài phát thanh, truyền hình; một hãng thông tấn quốc gia; 64 nhà xuất bản, số người sử dụng internet đến cuối năm 2013 là 31.304.211 người, tỷ lệ số dân sử dụng internet là 35,58%; đến năm 2013 cả nước có 253 hãng phim (trong đó có 30 hãng phim nhà nước, 223 hãng phim tư nhân), 161 đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp của trung ương và địa phương, các bộ, ngành...

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 13-5-2014.

Đó là kết quả trực tiếp của các chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước đối với phát triển báo chí, văn học - nghệ thuật. Kết quả đó không chỉ là sự phát triển hệ thống báo chí, xuất bản về số lượng mà kết hợp với chú trọng đào tạo đội ngũ người làm nghề, mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện (như với báo hình, ngày nay truyền hình cáp, truyền hình kỹ thuật số,... đã có mặt tại hầu hết các thành phố, thị xã, phủ sóng đến nhiều vùng sâu, vùng xa). Bước vào thời kỳ Đổi mới, nhất là trong quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, từ nâng cao nhận thức để có đường lối, chủ trương, chính sách phù hợp với sự phát triển văn học - nghệ thuật trong bối cảnh mới, chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn học - nghệ thuật đã trực tiếp từng bước làm hình thành thị trường sản phẩm và dịch vụ văn học - nghệ thuật, có một số tác động tích cực tới quá trình "tác giả - tác phẩm - công chúng cảm thụ", tạo ra sự đa dạng khi đưa văn học - nghệ thuật đến xã hội... Sau 15 năm, chúng ta đã xây dựng được một nền báo chí, văn học - nghệ thuật khá phong phú, đa dạng, có khả năng đáp ứng nhu cầu thông tin, nhu cầu thẩm mỹ của công chúng có lớp tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp,... khác nhau, sinh sống tại các vùng văn hóa khác nhau. Tới hôm nay, hầu hết người dân Việt Nam có thể tiếp cận thông tin về sự kiện - vấn đề trong nước và quốc tế một cách cập nhật, từ nhiều nguồn, có thể đọc tác phẩm văn học cổ điển, hiện đại của Việt Nam hoặc thế giới được xuất bản khá thường xuyên, kể cả tác phẩm vừa được trao giải thưởng quốc tế như giải Nobel; có thể thưởng thức các tác phẩm âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh,... qua nhiều hình thức chuyển tải, từ sân khấu biểu diễn đến hệ thống truyền thanh, truyền hình...

Tuy nhiên, số lượng báo chí, nhà xuất bản, đoàn nghệ thuật và sự phong phú về phương tiện của báo chí, văn học - nghệ thuật không phải là mục đích duy nhất chúng ta hướng tới, quan trọng hơn là báo chí và văn học - nghệ thuật phải có bước tiến mới, lành

mạnh trong cung cấp và xử lý thông tin, cung cấp tri thức, trau dồi lý tưởng, khả năng cảm thụ nghệ thuật,... Vì thế, cần nhìn thẳng vào một số hạn chế đã và đang tồn tại trong báo chí, văn học - nghệ thuật. Thí dụ: Vài năm gần đây, để khắc phục sự suy giảm số lượng phát hành, một số tờ báo duy trì sự tồn tại chủ yếu bằng cách chạy theo thị hiếu tầm thường, các sự vụ giật gân với các tin tức "cướp, giết, hiếp, sô hàng, lộ hàng, tình, tiền", trở thành nơi giới showbiz "hết khoe thân, khoe của, nay chuyển sang khoe tình". Đến bất kỳ sạp báo nào cũng thấy la liệt các tờ báo trình bày lòe loẹt, đập vào mắt là "tít" giật gân kèm hình ảnh gợi cảm để tác động đến sự tò mò. Ở một số tờ soạn, việc đưa tin bài phản ánh sự kiện, con người tích cực, đăng tải ý kiến thiện chí, có tính chất xây dựng,... dường như chỉ để bảo đảm "đủ mâm bát", còn dành chỗ cho chuyện vụ án, nơi các "siêu mẫu", "nữ hoàng nội y", "ngôi sao" công kích, nói xấu nhau hoặc đưa ra những phát ngôn thiếu cân nhắc. Tình trạng này thể hiện rõ hơn qua tin bài, hình ảnh trên một số tờ báo và trang điện tử với hiện tượng chụp giật, khai thác và xào xáo tin tức với vô số lỗi chính tả, ngữ pháp, kiến thức. Một số tờ báo trở thành nơi lăngxê mấy "ngôi sao ca nhạc sớm nở, tối tàn", biện hộ một số bộ phim mang tính bạo lực, hời hợt về ý tưởng, xây dựng cẩu thả, hoặc quảng bá một số bộ phim "gây sốt" nhưng lại làm người xem thất vọng. Rồi nữa là một số kênh truyền hình với chương trình giải trí, "vui chơi có thưởng", tiểu phẩm gây cười nhạt nhẽo, hoặc các chương trình "truyền hình thực tế" được kết hợp với các scandal tranh cãi ngoài nghệ thuật được đưa lên báo mạng để thu hút người xem.

Trong những năm qua, liên kết xuất bản trở thành yếu tố quan trọng giúp ngành xuất bản phát triển; nhưng cũng trong thời gian này, ngành xuất bản đã in và phát hành một số tác phẩm văn học có nội dung không phù hợp với yêu cầu tinh thần xã hội. Về lĩnh vực văn học - nghệ thuật, mặc dù được Đảng và Nhà nước quan tâm,

tạo điều kiện, đầu tư trong khả năng có thể, nhưng mấy năm qua, văn học - nghệ thuật Việt Nam vẫn thiếu tác phẩm có giá trị tư tưởng - nghệ thuật cao, hấp dẫn công chúng, có khả năng tồn tại lâu dài xứng tầm với thành tựu của công cuộc đổi mới. Đã có nhiều cách lý giải, nhiều câu trả lời cho câu hỏi: "Làm thế nào để có tác phẩm đỉnh cao", nhưng hầu như vẫn chỉ có ý nghĩa trong hội thảo, hội nghị, công trình nghiên cứu, còn trên thực tế, sự chi phối của xu hướng văn học - nghệ thuật có tính "thời vụ, ăn xổi ở thì" vẫn chưa đưa tới tác phẩm có giá trị. Văn học - nghệ thuật đang thiếu vắng hình ảnh người lao động hôm nay với những nỗi trăn trở và sự nỗ lực để xây dựng cuộc sống; càng thiếu hụt hình ảnh "Anh bộ đội Cụ Hồ", người chiến sĩ công an đang ngày đêm có mặt ở những nơi khó khăn nhất để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh, trật tự và tham gia xây dựng kinh tế - xã hội... Hiện thực đất nước hôm nay không chỉ tập trung ở một số đô thị, khu công nghiệp, mà thể hiện trên phạm vi rộng lớn hơn rất nhiều, là cuộc sống của hơn 70% dân số lao động nông nghiệp đang cùng Đảng, Nhà nước tìm lời giải bài toán làm thế nào để phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Khi văn học - nghệ thuật quá chú ý tới quan niệm sống, mức sống, lối sống được coi là hiện đại ở đô thị sẽ đưa lại hai hậu quả: một là phiến diện trong nhận thức - phản ánh thẩm mỹ của văn nghệ sĩ về con người, đất nước Việt Nam hôm nay; hai là quảng bá thái quá về quan niệm sống, lối sống lấy văn minh hiện đại làm chuẩn mực, chạy theo mức sống mà khả năng kinh tế cá nhân và xã hội chưa thể đáp ứng. Cũng cần kể tới sự du nhập, áp dụng, quảng bá một cách thiếu chọn lọc một số quan niệm, xu hướng, trào lưu,... văn học - nghệ thuật được dán nhãn hiệu "hiện đại" đã và đang có tác động tiêu cực, làm tha hóa một bộ phận công chúng nghệ thuật, nhất là lớp trẻ. Có thể coi tình trạng này là tác nhân làm mai một bản sắc văn hóa dân tộc. Nếu kéo dài và nhân rộng, thì khó có thể bảo đảm thế hệ tương lai sẽ chủ động nối tiếp, phát triển truyền thống văn hóa.

Khi báo chí và văn học - nghệ thuật có thể khiến con người xa rời các giá trị đạo đức, sùng bái lối sống tiêu thụ,... thì cần phải xây dựng một chương trình hành động thiết thực, cụ thể, có hiệu quả đối với hai lĩnh vực này. Hội Nhà báo, Hội Nhà văn, Hội Nghệ sĩ Sân khấu, Hội Điện ảnh, Hội Nhạc sĩ,... không có chức năng quản lý hoạt động sáng tác, công bố tác phẩm, nếu hội viên có vi phạm thì chỉ có thể nhắc nhở chứ không thể xử lý. Do đó, để báo chí, văn học - nghệ thuật sớm khắc phục những yếu kém, tiếp tục phát triển, thì một trong các biện pháp cần thiết là nhấn mạnh vai trò trách nhiệm, thái độ kiên quyết của cơ quan quản lý như tòa soạn, đơn vị chủ quản, công ty tổ chức biểu diễn,...; nhất là vai trò của cơ quan chức năng trong chế tài, xử lý các vi phạm.

Cần sớm có giải pháp hiệu quả quản lý báo mạng (kể cả giải pháp kỹ thuật); kiên quyết xử lý các tờ báo hoạt động không đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng bạn đọc. Tăng cường quản lý lễ hội, quản lý biểu diễn nghệ thuật, xuất bản và điện ảnh. Sâu xa hơn, dù kết quả có thể chỉ đến sau vài chục năm thì ngay bây giờ, cần xem xét, xây dựng, đổi mới quá trình đào tạo nhà báo, văn nghệ sĩ từ trong nhà trường, giúp hình thành sự thống nhất giữa tài năng với đạo đức. Khắc phục hạn chế trong báo chí, văn học - nghệ thuật cần được đặt trong tương quan với khắc phục hạn chế trong các lĩnh vực xã hội khác, nhất là trong giáo dục và đào tạo. Bởi giáo dục và đào tạo không chỉ là "chiếc nôi" nuôi dưỡng, gây dựng dấu ấn đầu tiên của tài năng, nơi cung cấp tri thức, định tính phương pháp tư duy, mà còn là nơi đặt nền móng cho sự hình thành thị hiếu luôn biết hướng về chân - thiện - mỹ. Hiện tượng học sinh "chán học" các môn Văn học, Sử học, Giáo dục công dân,... là vấn đề phải được nghiên cứu, sớm có biện pháp khắc phục qua việc đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy các bộ môn này từ cấp học phổ thông. Đó là những bộ môn "học làm người", nếu để học sinh coi nhẹ, chúng ta sẽ khó có thể đào tạo nên thế hệ người

Việt Nam mới phát triển hài hòa, toàn diện, có ý thức công dân, có năng lực cảm thụ và sáng tạo văn hóa,...

Các vấn đề cần khắc phục của văn hóa không xuất hiện một cách ngẫu nhiên, không phải chỉ là kết quả của các tác động khách quan trong quá trình giao lưu, hội nhập kinh tế và văn hóa với thế giới, mà trước hết, là vai trò của yếu tố chủ quan, từ các thế hệ chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, và lãnh đạo văn hóa. Nói cách khác, là từ vai trò của các thế hệ có tư cách là chủ thể văn hóa. Để giải quyết vấn đề, chúng ta không nên chỉ hướng ánh mắt ra bên ngoài, đi tìm lý do từ ngoại cảnh, mà cần thiết phải nhìn thẳng vào chính chúng ta, với tất cả hay - dở, đúng - sai, sáng suốt - sai lầm. Văn hóa Việt Nam vốn có nội lực mạnh mẽ. Không có nội lực đó, chúng ta đã không thể đi qua hàng nghìn năm luôn phải đúng trước nguy cơ bị đồng hóa văn hóa, và văn hóa là một trong những yếu tố quan trọng nhất tạo nên sức mạnh nội sinh, làm nên thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Vì thế, không có lý do gì để chúng ta tự làm suy yếu sức mạnh văn hóa của mình trong thời đại mới, thời đại mà chúng ta đã nhận thức đúng đắn rằng, sự phát triển kinh tế phải được bảo đảm, phải dựa trên nền tảng của phát triển văn hóa. Hội nhập thế giới đang phát lộ nhiều diễn biến phức tạp cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, và trong chính bản thân mỗi con người. Hội nhập thế giới đang đưa tới các cơ hội đồng thời cũng đặt chúng ta trước nhiều thách thức. Hội nhập để phát triển là con đường để đất nước đi lên; nhưng thiếu sự chủ động đối phó với sự xâm lăng văn hóa; thiếu chắt lọc trong tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; thiếu nâng niu, bảo tồn các giá trị văn hóa của dân tộc để lạc hướng, làm hao tổn nội lực, làm phai nhạt và thậm chí đánh mất cả những gì đã có, chắc chắn không bao giờ là lựa chọn đúng.

GIỮ GÌN VÀ BẢO VỆ DANH DỰ, NHÂN PHẨM CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRÊN BÁO CHÍ*

ANH KHÔI

Giữ gìn và bảo vệ nhân phẩm con người là một trong những nhiệm vụ của những người làm báo. Chính vì thế, trước tình trạng xúc phạm nhân phẩm, bôi nhọ danh dự các tổ chức và cá nhân trên báo chí, nhất là báo điện tử, nhiều quốc gia đã bày tỏ quan ngại đối với "căn bệnh" này và có biện pháp cứng rắn nhằm ngăn chặn sự lây lan.

Với sự phát triển của internet, vấn đề can thiệp bất hợp pháp vào "sự riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín, danh dự và uy tín" của người khác trở nên rất khó lường. Thực tế cho thấy, ngày nay, những vấn đề được đưa lên mạng đều có thể dẫn đến ảnh hưởng xuyên quốc gia.

Lợi dụng ưu thế này, người ta sử dụng báo chí, trang thông tin điện tử và xuất bản phẩm điện tử để tiến công mục tiêu ở bất cứ nơi nào. Vào tháng 1-2013, Tổng thống Nam Phi Jacob Zuma đã kiện Media24 và cựu biên tập viên Tim du Plessis của tờ *Rapport* ra tòa vì đã làm tổn hại uy tín của ông. Cụ thể là, ông Zuma đòi bồi thường danh dự 5 triệu rand vì báo đã đăng ảnh ông đang nướng động vật bên ca sĩ Steve Hofmeyr và diễn viên hài Leon Schuster. Tháng 8-2012, ca sĩ Elton John kiện *The Times* vì đã sử

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 13-6-2014.

dụng những câu chữ mà ông cho rằng ám chỉ bóng gió việc ca sĩ trốn thuế. Tháng 3-2014, hàng loạt ngôi sao nữ của Nhật Bản như Norika Fujiwara, Maeda Atsuko, Haruka Ayase,... làm đơn kiện tạp chí *Tuần báo sự thật* do tùy tiện đăng tải các bức ảnh vòng một của họ và bình luận về các bức ảnh này. Số tiền các ngôi sao đòi bồi thường lên đến 88 triệu yên...

Ở nước ta, phần lớn bạn đọc thường không muốn kiện tụng theo kiểu Elton John. Nhưng ngày càng có nhiều người thể hiện sự bất bình với loại thông tin rẻ tiền, bôi nhọ người khác trên báo chí. Như về hình ảnh chấn hấn, một số báo và trang tin điện tử sử dụng ảnh hết sức tùy tiện. Những bài báo về chuyện "phòng the" cố làm "sinh động" bằng cách dùng ảnh của ai đó gán vào, và chú thích "ảnh minh họa"! Một số tờ báo lại đăng ảnh của người đang bị cơ quan công an điều tra, dù chưa có kết luận đúng - sai. Đăng những bức ảnh đó không khác gì lời kết có tội, gây ảnh hưởng không nhỏ đến danh dự, uy tín của người trong ảnh. Với những người bị oan sai thì các cơ quan pháp luật phải xin lỗi, còn cơ quan báo chí đăng ảnh của họ cũng cần có lời xin lỗi.

Xin được viện dẫn thí dụ sau để thấy thủ đoạn bôi nhọ danh dự đã được báo chí thiếu thiện chí của nước ngoài sử dụng.

Ngày 19-2-2014, RFA đăng bài "Ông Trần Nhật Quang chửi ai?" với nội dung bịa đặt, vu cáo một công dân yêu nước lương thiện là ông Trần Nhật Quang, vì ông trực tiếp đứng trước một số "biểu tình viên chuyên nghiệp" để vạch rõ bản chất hành động của họ. Trước sự vu cáo bỉ ổi này, ông Trần Nhật Quang đã gửi thư tới Tổng Giám đốc RFA yêu cầu RFA phải gỡ bài và xin lỗi ông. Ông Trần Nhật Quang thẳng thắn viết: "Tôi hành động từ lòng căm phẫn những kẻ lợi dụng sự hy sinh của các liệt sĩ làm công cụ chống phá đường lối ngoại giao, quốc phòng của Đảng và Nhà nước Việt Nam, là đường lối mà bản thân tôi cùng gia đình, họ hàng,

bạn bè quen biết tôi, đều tin tưởng và ủng hộ... Nếu yêu cầu này không được đáp ứng tôi sẽ gửi đơn kiện về "Tôi phỉ báng" đến Tòa án sở tại của Hoa Kỳ". Sau đó, RFA đã lảng lặng gỡ bỏ bài viết nhưng không đính chính, cũng không một lời xin lỗi ông Trần Nhật Quang. Về sự kiện này, dư luận trên internet cho rằng, chính RFA đã vi phạm Luật phỉ báng của nước Mỹ! Hiện nay, nhiều quốc gia đã thấy rõ sự nguy hại của xu hướng sử dụng báo chí và internet để phỉ báng, hạ nhục người khác, cho nên họ xây dựng, đưa ra các quy định nhằm pháp luật hóa tội danh này. Với Luật hình sự của nước Đức, về những tội liên quan đến hành vi phỉ báng, vu khống lanh đạo, chính quyền có Điều 90 quy định phỉ báng tổng thống bị phạt tù từ ba tháng tới 5 năm tù; Điều 90a quy định tội phỉ báng chính quyền và các biểu tượng của Nhà nước, cụ thể là phỉ báng màu biểu tượng, cờ, quốc huy, quốc ca của Cộng hòa Liên bang Đức hoặc các tiểu bang bị phạt tù tối ba năm hoặc phạt tiền. Năm 2010, Tổng thống Mỹ Barack Obama đã ký Đạo luật Phát ngôn để điều chỉnh các hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự.

Các nước Áo, Pháp và Đức có luật cấm nói xấu, cụ thể là cấm tuyên truyền về Đức Quốc xã và sử dụng các biểu tượng của Đức Quốc xã. Tại một số nước khác, pháp luật quy định rõ, cấm phát biểu phủ nhận sự tàn sát, nạn diệt chủng, tội ác chống lại nhân loại trong lịch sử. Một số quốc gia cũng có những điều luật hình sự hóa những phát ngôn kích động hận thù vì đặc điểm chủng tộc, tôn giáo, dân tộc và nguồn gốc quốc gia. Đã có một số trường hợp các quốc gia sử dụng pháp luật về xúc phạm để dằn độ công dân của họ từ nước ngoài về xử lý hình sự vì nội dung trên trang web.

Ở Ixraen, Luật xúc phạm quy định, xúc phạm có thể được coi là tội hình sự hoặc tội dân sự, nhấn mạnh "tìm kiếm sự cân bằng giữa hai giá trị cơ bản, tự do ngôn luận và bảo vệ danh dự, uy tín".

Trong pháp luật Ixraen, tội xúc phạm và tội vu khống được đồng nhất. Báo chí Ixraen được đánh giá là tự do, nhưng họ rất cẩn trọng trong biên tập để tránh lỗi xúc phạm, nếu không tờ báo hoặc nhà báo có thể bị tòa án phạt số tiền 12.000 USD mà không có bằng chứng về thiệt hại thực tế. Nếu tòa án thấy các xuất bản phẩm cố tình xúc phạm với mục đích làm hại người khác, thì số tiền phạt có thể lên đến 24.000 USD mà không có bằng chứng về thiệt hại thực tế. Để hạn chế sai sót trên báo chí, Chính phủ Ixraen quy định biên tập viên đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động báo chí phải có tuổi đời 25 trở lên, có bằng tốt nghiệp trung học, thành thục trong sử dụng ngôn ngữ báo chí, có lý lịch tư pháp trong sạch.

Pháp luật của Ixraen giả định rằng, mọi người đều có một danh tiếng tốt, do đó nguyên đơn được bồi thường thiệt hại chung mà không cần phải chứng minh thiệt hại đặc biệt. Nghĩa là, mặc dù người bị xúc phạm đã được xin lỗi, báo chí đã đính chính nhưng danh tiếng của người đó đã bị tổn hại.

Ở nhiều nước đã ban hành Luật phỉ báng, quy định xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công chức, xúc phạm biểu tượng hoặc các tổ chức nhà nước là hành vi tội phạm hình sự. Tính đến năm 2010, pháp luật của hơn 140 quốc gia quy định xúc phạm nhân phẩm là tội hình sự. Phản ứng quốc tế đầu tiên đối với các hành vi lợi dụng internet để làm việc ám muội là việc thông qua Công ước về tội phạm mạng, còn được gọi là Công ước Budapest. Đến nay, đã có 42 quốc gia phê chuẩn Công ước và 11 quốc gia khác đã ký nhưng chưa phê chuẩn. Báo điện tử và các ấn phẩm điện tử khác đều phải tuân theo các quy định của Công ước này.

Với pháp luật Việt Nam, Điều 121 Bộ luật hình sự quy định tội làm nhục người khác có thể bị phạt tù cảnh cáo đến ba năm tù; Điều 37 Bộ luật dân sự quy định về quyền được bảo vệ danh dự,

nhân phẩm, uy tín và mức độ bồi thường thiệt hại. Theo Điều 82 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguồn chứng cứ được quy định bao gồm "các tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được". Còn đối với báo chí, việc xúc phạm danh dự, nhân phẩm được quy định trong Điều 9 Luật báo chí: "1. Báo chí khi thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân thì phải đăng, phát sóng lời cải chính, xin lỗi của cơ quan báo chí, của tác giả...".

Đồng thời, Luật báo chí cũng bảo vệ phẩm giá của các nhà báo: "Lời phát biểu của tổ chức, cá nhân không được xúc phạm cơ quan báo chí, danh dự, nhân phẩm của tác giả". Theo Nghị định số 159/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản, thì thời gian qua, một số cơ quan báo chí ở nước ta vi phạm Điều 8 của Nghị định quy định về nội dung thông tin. Các tờ báo đó, đáng chú ý là báo điện tử, đã đăng, phát thông tin sai sự thật, tiết lộ bí mật đời tư, đăng ảnh khi chưa được sự đồng ý. Một số cơ quan báo chí và nhà báo đã bị kỷ luật, bị phạt tiền vì đăng, phát thông tin xuyên tạc, vu khống, xúc phạm danh dự, uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm cá nhân. Tuy nhiên, việc cải chính, xin lỗi chưa được thực hiện nghiêm túc.

Pháp luật về tội xúc phạm không được sử dụng để cản trở tự do ngôn luận, nhưng tự do ngôn luận không có nghĩa là tùy tiện nói xấu, bịa đặt, vu oan. Vì vậy, các cơ quan báo chí, các nhà báo cần cẩn trọng, nghiêm túc hơn nữa trong việc bảo vệ nhân phẩm, danh dự, uy tín của tổ chức và công dân, bảo vệ danh dự quốc gia.

NHỮNG BẤT CẬP TRONG VIỆC XUẤT BẢN SÁCH DÀNH CHO TRẺ EM*

VIỆT QUANG

Tại nhiều quầy sách, cửa hiệu sách trên cả nước trong nhiều năm trở lại đây, ấn phẩm dành cho lứa tuổi học trò luôn có một vị trí nổi bật, tuy vậy chưa hẳn là tín hiệu đáng vui mừng, vì có một thực tế là trong khi số đầu sách dành cho tuổi học trò tăng theo từng năm, thì chất lượng không theo đó để được cải thiện.

Với các nhà xuất bản, nhà sách quốc doanh hay tư nhân, bên cạnh các sách ngoại ngữ và kinh tế, sách dành cho lứa tuổi học trò đem tới nguồn lợi nhuận không nhỏ. Điều đó không chỉ thể hiện qua số kệ, tủ sách dành cho trẻ em thường chiếm vị trí bắt mắt, dễ tìm trong hiệu sách, mà còn qua số người mua các ấn phẩm này. Tuy nhiên, không cần khảo sát chi tiết cũng nhận thấy sự bất cập đang tồn tại trong việc xuất bản sách báo dành cho lứa tuổi học trò, khi phần lớn ấn phẩm là sách bổ trợ kiến thức học tập như bài tập, bài tập bổ trợ, bài tập nâng cao, bài tập tăng cường, để học tốt của các môn học "chính" từ lớp 1 đến lớp 12; sách dành cho tuổi mẫu giáo là tập tô màu, dạy chữ cái tiếng Việt và cả chữ cái tiếng nước ngoài (trong khi phần lớn trẻ em ở lứa tuổi này còn chưa nói sõi!). Chất lượng các cuốn sách lại là thực tế đáng buồn khác, bởi ngoài một số đầu sách có lôgô và dán tem của Nhà xuất bản Giáo dục,

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 20-6-2014.

Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm có giá trị tham khảo, còn thì một phần không nhỏ đầu sách gọi là "bổ trợ" kiến thức cho học sinh, trẻ em mẫu giáo là sách in lậu, nội dung sao chép, chất lượng in lòe nhòe, nhiều lỗi chính tả. Thậm chí có sai sót nguy hại về tri thức, lịch sử như đã được báo chí chỉ rõ trong thời gian qua. Hiện tượng này đưa tới sự hổ nghi, đó là các đầu sách nhập lậu từ nước ngoài, nhưng dường như chúng ta lại quên rằng lỗi trước hết là ở người biên tập, người minh họa sách, thay vì tự thiết kế, vẽ hình phải chăng họ đã đi "đạo" sách vở của nước ngoài và dẫn đến tình trạng dở khóc, dở cười chứ không nhầm lẫn như có nhà xuất bản đã giải thích?

Việc số đầu sách bổ trợ kiến thức xuất hiện tràn lan dường như còn cho thấy quan niệm về giáo dục của nhiều phụ huynh đang có vấn đề. Vì muốn con em có kiến thức vượt trội so với bạn đồng lứa để đạt kết quả học tập cao, rồi thi đỗ vào các trường đại học danh giá ở trong và ngoài nước, nhiều phụ huynh cũng như học sinh đã vô tình tạo điều kiện giúp một số người trực lợi? Bên cạnh đó, tuy sách bổ trợ kiến thức có đủ loại tương ứng với các cấp học, song ấn phẩm về kiến thức cần thiết cho cuộc sống hàng ngày, các kỹ năng "mềm" của học sinh thuộc mọi lứa tuổi lại rất ít, nếu có thì nội dung sơ sài, giáo điệu, thiếu trực quan, thiếu sinh động. Có thể lý giải điều này từ hai nguyên nhân. *Thứ nhất*, giáo viên và phụ huynh đã giáo dục học sinh rất tốt các kỹ năng đó nên không cần sách vở hỗ trợ? Tuy nhiên, nguyên nhân này có vẻ sẽ không thuyết phục được nhiều người khi liên hệ với một số hiện tượng đã xuất hiện trong lứa tuổi học đường gần đây, như: quan hệ tình dục sớm, sử dụng các chất gây nghiện, tiếp xúc với văn hóa phẩm đối truy, phạm tội,... cùng hệ lụy đáng tiếc khác khiến xã hội đau lòng. *Thứ hai*, phụ huynh và học sinh ở đô thị cho rằng, vì các em chỉ ở nhà và đến trường nên không cần các kỹ năng "mềm" hỗ trợ; nhất

là các học sinh đang sống và học tập theo chu trình khép kín: học và nghỉ tại trường bán trú, tan trường tiếp tục học tập tại trung tâm học thêm, tối mới về đến nhà? Thiết nghĩ, điều đó sẽ gây khó khăn rất lớn cho các em trong tương lai, vì khi trưởng thành, các em phải tự làm chủ cuộc sống của chính bản thân mình. Đáng lo ngại là số phụ huynh có quan niệm như vậy đang có xu hướng tăng lên. Thiếu kỹ năng sống cũng là lý do khiến cho học sinh có quan điểm sai lạc về tương lai, dẫn đến tình trạng học sinh nhầm lẫn trong đánh giá bản thân, có cái nhìn sai lạc đối với các ngành, nghề trong xã hội.

Một phần nhỏ trong số ấn phẩm dành cho lứa tuổi học trò là sách văn học, và ở bộ phận này cho thấy một vấn đề hệ trọng. Phải nói rằng, hiện tại con em chúng ta có quá ít đầu sách văn học để lựa chọn, quá ít thời gian để đọc các cuốn sách, hoặc nhiều em tìm niềm vui từ những trò giải trí khác chứ không quan tâm đến văn học (nhất là trẻ em ở các thành phố). Rồi nữa là thị phần sách văn học dành cho trẻ em không chỉ lép vế so với thị phần của sách bổ trợ kiến thức, mà còn phải đối mặt với các tác phẩm nước ngoài, trong đó đáng ngại nhất là truyện tranh. Là sách dành cho lứa tuổi học trò nhưng thị trường truyện tranh thực tế rất phức tạp. Đã từ lâu, có một quan niệm khá phổ biến rằng, truyện tranh là sản phẩm dành cho thiếu nhi, nên một bộ phận phụ huynh để con cái thoái mái lựa chọn các truyện tranh có bìa màu bắt mắt mà không để ý tới nội dung. Chỉ khi thấy hành động hay lời nói bất thường của con cái, tình cờ đọc các cuốn truyện này, phụ huynh mới phát hoảng vì quá... người lớn! Bên cạnh một số truyện tranh có nội dung dung tục, thì mức độ bạo lực thậm chí còn đậm hơn mấy bộ phim dành cho người lớn vẫn được truyền hình khuyến cáo trước khi xem. Và thật ngạc nhiên, có nhà xuất bản lại thấy mình không hề "có lỗi" trong việc này, vì họ đã "cảnh báo, chú thích"

kèm theo ấn phẩm! Về lý, có thể không sai, nhưng xét đến cùng thì người làm sách chỉ làm chiếu lệ qua dòng cảnh báo chữ rất nhỏ in ở bìa lót hay bìa sau cuốn truyện, ít người có thể đọc thấy. Hơn nữa, các cuốn sách có chú thích như vậy liệu có ý nghĩa gì khi được bày lắn với các ấn phẩm văn học dành cho trẻ em mà không có sự phân biệt; và họ có quan tâm tới một đặc điểm tâm lý quan trọng là với trẻ em (và không chỉ trẻ em) sự khuyến cáo hay cảnh báo rất dễ kích thích sự tò mò?

Cuối cùng, trong khi đổ lỗi cho nhà xuất bản hay người tiêu dùng, hầu như các chủ hiệu sách, người bán hàng trực tiếp cho học sinh dường như lại vô can? Chính sự lòng vòng, thiếu chế tài nghiêm khắc ấy đã tạo ra cơ hội để một số truyện tranh có nội dung xấu xuất hiện, và ai dám bảo đảm chúng không tác động tới tâm hồn các em? Gần đây, một giải pháp được nhiều nhà xuất bản, các tác giả trẻ nghĩ tới là xuất bản các tập truyện tranh của người Việt, phù hợp với văn hóa Việt. Tuy nhiên đến nay, các ấn phẩm này chưa đủ sức cạnh tranh với truyện tranh nước ngoài, vì thua kém về nhiều mặt. Ngoài thành công hiếm hoi của bộ truyện tranh *Thần đồng Đất Việt* khi khéo léo lồng cốt truyện dân gian, truyện danh nhân vào những nét vẽ hóm hỉnh có cá tính riêng, các bộ truyện tranh còn lại nếu không "ăn theo" cốt truyện, hình ảnh của truyện tranh nước ngoài thì cũng bắt chước chính... *Thần đồng Đất Việt!* Một số bộ truyện tranh khác có những nỗ lực nhất định khi đi tìm lối đi riêng, chủ đề phù hợp với lứa tuổi học sinh nhưng sớm dừng lại vì chi phí cao, hình họa không phù hợp, tư duy còn cùng nhắc. Do thị trường truyện tranh hầu như đã thuộc về các đầu sách đến từ nước ngoài, việc truyện tranh Việt Nam phải làm gì để tạo dựng một thị phần xứng đáng đang trở thành vấn đề cấp bách. Thiết nghĩ, tác giả truyện tranh không chỉ đòi hỏi sự tâm huyết, mà còn phải hiểu các em, lấy sự phát triển trí tuệ, nhu cầu, sự giải

trí lành mạnh của các em là mục đích, từ đó lắng nghe, suy nghĩ và sáng tạo.

Ngày nay không phải trẻ em đã "quên" sách in, hay chỉ ham đọc truyện tranh như một số bài báo chỉ trích. Với sách nước ngoài, các em vẫn tìm đọc *Harry Potter*, *Nhóc Nicolas*, *Cậu bé rồng Eragon*... và ở trong nước, tác phẩm của Nguyễn Nhật Ánh được bạn đọc trẻ nhiệt tình đón nhận. Vấn đề là sách văn học dành cho trẻ em đã phong phú, đa dạng, sinh động, hấp dẫn để các em tìm đọc? Hiện tượng đơn lẻ của Nguyễn Nhật Ánh buộc chúng ta phải nhìn vào một sự thật là sáng tác cho trẻ em, viết về trẻ em ở Việt Nam hiện có nhiều vấn đề cần bàn. Các nhà văn ở thế hệ đi trước dường như chưa theo kịp xu thế, phong cách khuynh hướng phát triển của học sinh hiện nay, nên nhân vật trong sáng tác cho lứa tuổi học sinh khá "cứng tuổi". Ngay như nhân vật trong tác phẩm của Nguyễn Nhật Ánh, Nguyễn Đông Thức hay Nguyễn Ngọc Thuần cũng chỉ gần gũi với lứa bạn đọc sắp tốt nghiệp phổ thông trung học, ít nhận được sự quan tâm của học sinh sinh ra trong những năm đầu thế kỷ này? Các vấn đề của sách văn học dành cho trẻ em trong quá khứ và các tác giả thuộc các thế hệ trước để lại một khoảng trống đầy cơ hội, thách thức với các nhà văn trẻ. Hiện thực sinh động là thế, nhưng không ít nhà văn trẻ lại tự giới hạn mình trong đề tài tình yêu học đường. Chưa kể một số cuốn sách về "tình yêu học trò" nhưng nhân vật lại suy nghĩ, trải nghiệm như người lớn từng trải; rồi chuyện tình éo le, tình tiết ngang trái, cảm xúc đau đớn,... Đọc cuốn sách như vậy, học sinh có thể sẽ có cái nhìn lệch lạc về tình cảm của chính mình dành cho bạn bè đồng lứa, thậm chí khiến các em suy nghĩ ích kỷ, xem nhẹ các tình cảm cao quý khác...

Xã hội và con người đã đạt tới trình độ phát triển mới, vì thế nhu cầu nhận thức, nhu cầu thẩm mỹ của trẻ em cũng đã đạt tới

một trình độ phát triển mới so với thế hệ đi trước. Bởi vậy, thay vì áp đặt quan niệm, suy nghĩ, rung động của người lớn vào các em, các tác giả có xu hướng sáng tác văn học cho lứa tuổi học trò nên nhập thân vào với các em, hiểu các em, suy nghĩ và rung cảm cùng các em,... để phát hiện ra vấn đề tư tưởng - thẩm mỹ cần phản ánh qua tác phẩm. Các tác giả nên coi đó là hoạt động sáng tạo có trách nhiệm vì tương lai đất nước. Khi thị trường sách dành cho lứa tuổi học trò sôi động, thì chất lượng những cuốn sách dành cho lứa tuổi học trò như thế nào sẽ góp phần quyết định thái độ sống của mỗi người đọc sách trong tương lai không xa. Hiện tại sách dành cho lứa tuổi học trò ở Việt Nam đang được xuất bản khá tự do, thiếu một định hướng rõ ràng, có không ít "mầm bệnh",... Việc khắc phục như thế nào phụ thuộc vào hệ thống các tổ chức, cá nhân có liên quan để đề ra những giải pháp, hướng đi mới. Thật đáng lo ngại, nếu trong tương lai, xã hội sẽ có một bộ phận mang danh "trí thức trẻ", nhưng lười đọc sách và có những suy nghĩ hẹp hòi, lệch lạc.

"RẮC VĂN HÓA" QUA MỘT SỐ TÁC PHẨM VĂN HỌC DỊCH*

VIỆT QUANG

Trong những năm qua, một "làn sóng" tiểu thuyết lãng mạn xuất xứ từ nhiều quốc gia đã được xuất bản ở Việt Nam, để rồi dường như tình trạng thái quá của loại sách này trên thị trường sách đã và đang trở thành một vấn đề phải được lưu tâm, không chỉ vì sự phát triển của văn học nước nhà, mà còn vì người đọc với tư cách là chủ thể tiếp nhận?

Hiện nay, tiểu thuyết nước ngoài được dịch sang tiếng Việt vô cùng đa dạng, phong phú. Tại nhiều cửa hiệu, quầy bán sách, tác phẩm văn học nước ngoài chiếm số lượng áp đảo, có nơi hơn hẳn đầu sách trong nước. Chưa bàn tới chất lượng bản dịch, chỉ nhìn bìa sách cũng có thể hình dung về nội dung các tiểu thuyết này. Theo quảng cáo của đơn vị xuất bản thì phần lớn trong đó là các tiểu thuyết đang ăn khách ở một số quốc gia. Về các tác giả thì được giới thiệu như nhà văn hàng đầu, là người "phi thường", thậm chí có khuynh hướng sống "lập dị". Đọc bìa bốn, bìa gấp của nhiều tiểu thuyết dịch sẽ rất dễ phán hứng vì thấy thế giới hiện nay có nhiều "tượng đài văn học lớn"! Trong khi đó, tìm kiếm các

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 24-6-2014.

tác phẩm văn học kinh điển thế giới được dịch sang tiếng Việt lại rất khó khăn. Nên nếu muốn đọc, nhiều người phải tìm đến cửa hàng sách cũ. Các cửa hàng sách cũ làm liên tưởng tới một nét đẹp văn hóa, đồng thời lại làm liên tưởng tới một thực tế đáng buồn là nhiều tác phẩm văn học nước ngoài nổi tiếng vẫn được người đọc và giới nghiên cứu, phê bình trên thế giới tìm đọc và ca ngợi,... lại như mất hút ở Việt Nam!

Gần chục năm trước, báo chí và giới xuất bản không ngớt lời ca ngợi cái gọi là "dòng văn học Ling Lei"; khi không còn ai nhắc đến Miên Miên, Vệ Tuệ,... nữa thì họ chuyển sang dịch, xuất bản, ca ngợi... truyện ngôn tình! Lý giải về tình trạng tiểu thuyết tình cảm dẽ dái được dịch và xuất bản tràn lan, người thì cho rằng điều đó phản ánh thực tế chung của văn học toàn cầu; người lấy sự bùng nổ của tiểu thuyết lãng mạn trên mạng xã hội Trung Hoa làm minh chứng và coi đó là hiện tượng gần gũi với Việt Nam (!). Có người coi sự phát triển của tiểu thuyết thị dân, tiểu thuyết bình dân là xu hướng tất yếu của văn học hiện đại; thậm chí có một nhà nghiên cứu ví von đó là biểu hiện "ngoại biên hóa" nhằm thay thế tiểu thuyết chính thống, kinh điển (!). Đó là chưa nói có người muộn quá trình hình thành của tiểu thuyết từ "cận văn học" tới vị trí hiện tại trong văn học để biện hộ... Nhìn chung nhận xét, đánh giá trên đây nếu không phải là nhầm lẫn, thiếu tính xây dựng thì cũng là thiếu trách nhiệm với sự phát triển văn học, với người đọc. Dù các thể loại trữ tình lãng mạn, chuyện hiệp sĩ, anh hùng, thần ma có là khởi nguồn của tiểu thuyết, thì tiểu thuyết chỉ trở thành thể loại chính thống của văn học khi nhà văn nhận ra tính "sử thi của đời tư" Bêlinxki (Belinski) có khả năng bao quát nhiều vấn đề trong cuộc sống, từ đó đúc kết những chiêm nghiệm, đánh giá cá nhân. Theo nhiều nhà nghiên cứu văn học, tiểu thuyết đích thực đầu tiên của châu Âu là Đôn Kihôtê (Don Quixote) của Xécvantét

(Cervantes), dù sáng tác văn học mang khuynh hướng tiểu thuyết có thể đã bắt đầu từ thời Hy Lạp cổ đại; tình trạng tương tự cũng xảy ra ở phương Đông, như với Trung Quốc, Nhật Bản. Trải qua hàng nghìn năm, tiểu thuyết bình dân vẫn tồn tại nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí của một bộ phận công chúng nhất định, nhưng không bao giờ có thể đưa tới các giá trị như văn học đích thực. Thêm nữa, phải chăng việc coi sự tồn tại của tiểu thuyết bình dân như sự tồn tại "mỹ học của cái khác" cũng chỉ là thủ pháp vay mượn một khái niệm không có nội hàm tương ứng để bao biện?

Xét cho cùng thì lợi nhuận mới là lý do khiến nhiều đơn vị xuất bản ở Việt Nam lợi là nhiệm vụ truyền bá văn hóa, chỉ thấy cái lợi trước mắt mà quên đi hiểm họa khôn lường. Theo Công ước Berne, chi phí để mua bản quyền tiểu thuyết thuộc loại kinh điển của thế giới là khá thấp, có cuốn gần như cho không. Nhưng có lẽ do việc tổ chức dịch thuật phức tạp nên nhiều đơn vị xuất bản không muốn thực hiện. Trường hợp Alphabooks dịch và xuất bản các tác phẩm lớn về triết học, văn học, Công ty Nhã Nam có riêng sách kinh điển, Nhà xuất bản Trẻ có tủ sách "Cánh cửa mở rộng" hiện rất hiếm hoi. Dịch và xuất bản tiểu thuyết được coi là đang "ăn khách" trên thế giới cũng rất ít được quan tâm, vì tuy mang lại lợi nhuận cao nhưng chi phí bản quyền các sách này khá lớn. Việc Công ty Bách Việt mua bản quyền cuốn *Hỏa ngục*, Nhà xuất bản Trẻ mua bản quyền cuốn *Harry Potter* cũng rất hân hữu. Các đơn vị xuất bản chủ yếu sống nhờ vào việc mua bản quyền loại tiểu thuyết lãng mạn "sến" không được đánh giá cao tại Trung Quốc, Đài Loan. Nhưng nhờ vào các chiến dịch quảng cáo và nhờ vào cả thói quen có phần dễ dãi của một bộ phận người đọc mà các cuốn sách này vẫn cứ "ngắc ngoài" tại Việt Nam thêm một thời gian nữa, trong khi ngay ở nơi sinh ra, chúng đã bị rơi vào quên lãng!

Đến từ nhiều nước khác nhau, nhưng điểm chung của các tiểu thuyết này là "chủ nghĩa mũi lòng" (chữ của nhà phê bình Hoài Nam); vì thường là câu chuyện tình yêu qua nhiều sóng gió, éo le và bi hài nhưng kết thúc trọn vẹn. Làm mũi lòng cho người đọc bằng câu chuyện theo mô típ "sến" như vậy, các tiểu thuyết này sớm phải nhường chỗ cho những cuốn có lối viết "câu khách" hơn. Nên dấu có thay đổi không gian quá khứ hay hiện tại, huyền ảo hay thần bí, chúng vẫn không mang tải giá trị nhiều hơn tiểu thuyết của Quỳnh Dao, Sydney Sheidon từng làm mưa, làm gió trên thị trường sách Việt Nam trong các thập niên cuối thế kỷ XX. Tuy nhiên, Sydney Sheidon, Quỳnh Dao là các nhà văn có định hướng độc giả riêng; họ có sự đầu tư, nghiên cứu, tìm tòi để huy động kiến thức văn hóa, lịch sử, khoa học vào tác phẩm. Họ khác với hầu hết tác giả được các đơn vị xuất bản ở Việt Nam tuyển dịch ô ạt hiện nay. Bởi các tác giả này thường chuyên chú viết dựa vào bản năng hơn là dựa vào suy nghĩ và chiêm nghiệm chín chắn. Họ có thể viết bất kỳ điều gì miễn là lôi kéo được độc giả về phía mình. Họ ít quan tâm trau chuốt, rèn luyện kỹ năng viết, một vài người còn khai thác đề tài sex, mà bộ tiểu thuyết *50 sắc thái* là một thí dụ. Tuy là nội dung tục tĩu với nhiều đoạn mô tả về sex, song lý do để nhiều người trên thế giới tìm đọc cuốn sách này là do quảng cáo quá đà của truyền thông. Nên tờ *The New York Times* không e dè khi coi đây là một tiểu thuyết khiêu dâm, nhiều độc giả nước ngoài cũng cùng chung nhận định: *50 sắc thái* là cuốn sách "hợp pháp hóa" những thứ tình dục bệnh hoạn; nhiều người cũng cho rằng mình bị mắc lừa khi mua cuốn sách. Vậy nhưng, *50 sắc thái* vẫn được mua bán quyền và xuất bản tại Việt Nam với lời đánh giá có cánh trên bìa. Chẳng lẽ nơi dịch, in và xuất bản lại không biết về các đánh giá khen - chê trên thế giới về cuốn tiểu thuyết này?

Sự có mặt của loại tiểu thuyết lãng mạn dễ dãi của nước ngoài ở Việt Nam không chỉ lấn át tiểu thuyết chính thống, kinh điển của Việt Nam và thế giới; mà còn ảnh hưởng tiêu cực tới người đọc và người muốn theo nghiệp văn. Với người đọc, các cuốn sách như vậy dễ đưa tới quan niệm lầm lạc về cuộc sống, đánh giá theo hướng bi quan. Ở nước ngoài, tiểu thuyết lãng mạn được quy định chặt chẽ về lứa tuổi, nếu vi phạm quy định sẽ phải nhận mức xử phạt rất nặng. Tuy nhiên, điều này hầu như không tồn tại ở Việt Nam, hoặc nếu có thì chỉ thể hiện qua ghi chú rất mập mờ: sách dành cho lứa tuổi mới lớn, nội dung nhạy cảm, độc giả cần cân nhắc trước khi xem! Chưa nói chất lượng bản dịch loại tiểu thuyết này thường rất tệ. Do phải dịch nhanh để đáp ứng nhu cầu, tránh tình trạng có người tự dịch rồi đưa lên mạng trước, người ta tiến hành dịch một cách cẩu thả, tối nghĩa. Còn với một số tác giả, không ai cấm họ viết văn, nhưng viết tiểu thuyết lãng mạn bình dân như hiện nay khiến họ nhận thức sai lầm về lao động nhà văn. Thường thì điểm xuất phát của một số cây bút trẻ viết truyện ngôn tình ở Việt Nam là "nghiện" loại tiểu thuyết này đến từ nước ngoài. Rồi họ mô phỏng theo tiểu thuyết ngôn tình khi sách dịch không còn đáp ứng được nhu cầu của họ. Họ nhận thấy lợi nhuận từ công việc trên, từ đó họ trở thành người viết truyện "ngôn tình". Vài năm trước, tác giả như thế còn thấy e ngại hay tức tối khi bị so sánh hoặc bị coi có phong cách, lối viết gần gũi với tác giả nước ngoài.

Càng gần đây, một số cây bút trẻ viết tiểu thuyết lãng mạn cũng "lên ngôi" trên một số diễn đàn, xuất hiện tại một vài sự kiện văn hóa. Từ chỗ tự nhận nghiệp dư, tay ngang, chỉ được biết tới qua nickname ảo, giờ họ đã bắt đầu ngộ nhận về "tài năng", bắt đầu phát ngôn. Dù sách của họ chỉ là mô phỏng mô típ quen thuộc của tiểu thuyết nước ngoài, vốn từ hạn chế, vụng về trong câu văn,

ngữ pháp,... nhưng xem ra ảo tưởng của họ khá lớn. Không chỉ viết mà họ còn rất chăm chú thiết kế bìa sách, rồi đi giới thiệu sách, quảng bá sách, trả lời phỏng vấn, lên internet thông báo lịch ký sách, hẹn gặp gỡ độc giả. Và đáng tiếc, chính báo chí đã giúp họ trở thành "tài năng văn chương" mà không cần biết điều quan trọng nhất đối với mỗi cuốn sách phải là giá trị tư tưởng - nghệ thuật và sức sống lâu bền. Một xu hướng viết tiểu thuyết ngôn tình dễ dãi đã hình thành tại Việt Nam, không còn là tự phát như cách đây vài năm? Sẽ thấy câu hỏi này là có lý khi nhìn vào sự "thắng thế" của truyện ngôn tình, đó thật sự là điều rất đáng lo ngại, không chỉ lo ngại cho văn học, mà lo ngại cho cả người đọc.

Dịch thuật, truyền bá các tác phẩm văn chương có giá trị của thế giới là công việc phải khuyến khích. Không ai có thể phủ nhận trong những năm tháng trước đây, nhiều tác phẩm dịch đã góp phần nuôi dưỡng tâm hồn các thế hệ người Việt Nam; cũng là nguồn cảm hứng, gợi mở chân trời sáng tạo cho các nhà văn, nhà thơ. Song hôm nay, vì lợi nhuận mà dịch các cuốn sách vốn bị xem là "rác văn hóa", là tác phẩm khiêu dâm của nước ngoài lại là hành vi đáng lên án. Nhất là khi, việc làm này được sự hỗ trợ của các chiến dịch quảng bá, các bài giới thiệu hoặc điểm sách chỉ nhằm đánh lừa người đọc. Tiếp xúc với nhiều nền văn học trên thế giới, người đọc có thể thỏa mãn nhu cầu đọc và mở mang kiến thức, nhưng sự tràn lan, lấn lộn của thị trường lại là điều cần sớm giải quyết.

TỰ DO NGÔN LUẬN VÀ BÁO CHÍ PHƯƠNG TÂY*

HỒ NGỌC THẮNG

Một trong những luận điệu lâu nay các tổ chức, cá nhân có thái độ thù địch hoặc thiếu thiện chí với Việt Nam thường rêu rao là ở Việt Nam không có tự do ngôn luận và tự do báo chí. Rêu rao như thế, nhưng sự thật thì họ đã cố tình tảng lờ một thực tế là ngay cả ở phương Tây, nơi vẫn được gọi là "thế giới tự do", tự do ngôn luận và tự do báo chí cũng chỉ là điều không tưởng.

Khi đánh giá thực chất tự do ngôn luận, tự do báo chí ở phương Tây, không thể bỏ qua một câu nói được trích dẫn rất nhiều: "Tự do báo chí là tự do phổ biến những ý kiến riêng của 200 người giàu có". Đọc hay nghe câu này, những ai chưa biết tác giả, sẽ dễ cho rằng, đây là ý kiến của người không am hiểu vấn đề hoặc là nhìn nhận chủ quan. Nhưng dòng chữ đó được viết ra từ ngòi bút một người nổi tiếng, một nhân chứng lịch sử, ông là Paul Sethe - công dân Cộng hòa Liên bang Đức, nhà báo danh tiếng, đồng thời là nhà văn và nhà nghiên cứu khoa học xã hội. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, ông là một trong năm người sáng lập tờ báo danh tiếng *Frankfurter Allgemeine Zeitung* (báo Frankfurt khái quát) - hiện là một trong những nhật báo lớn nhất ở Cộng hòa Liên bang Đức. Sau này ông viết bình luận - phê bình cho các tờ báo danh tiếng khác trong khu

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 29-7-2014.

vực sử dụng tiếng Đức như *Die Welt* (Thế giới), *Die Zeit* (Thời gian), tạp chí *Stern* (Ngôi sao). Để giải thích tại sao lại đưa ra một đánh giá như vậy, ông viết: "Bởi vì việc xuất bản những tờ báo và tạp chí luôn luôn đòi hỏi một lượng lớn tư bản (từ ông sử dụng trong tiếng Đức là Kapital), nên nhóm người làm ra các cơ quan báo chí sẽ thường xuyên nhỏ đi. Qua đó, sự phụ thuộc của chúng ta ngày càng lớn, càng nguy hiểm hơn". Nhưng ông cũng biết, trong báo chí ở Đức còn có những "ốc đảo mà ở đó luồng gió tự do còn phảng phất". Một điều thú vị là nhiều người không biết, câu nói bất hủ đó ông viết với tư cách là một bạn đọc gửi tạp chí nổi tiếng *Spiegel* (Tấm gương), và ở đó lần đầu câu nói này được in ra. Cho đến nay, câu nói của Paul Sethe được xem là ý kiến khá chân xác về mối quan hệ giữa tự do báo chí và "Kapital". Đánh giá của ông là kết quả từ sự quan sát tự do báo chí trong cuộc sống hàng ngày, nhưng để đánh giá toàn diện về tự do báo chí, trước tiên phải xem xét các quy định pháp lý liên quan đến tự do báo chí của một quốc gia.

Quy định pháp lý về tự do ngôn luận và báo chí ở các nước phương Tây về cơ bản là giống nhau, đôi khi cả về hoàn cảnh lịch sử. Thí dụ, theo 10 điều bổ sung đầu tiên của Hiến pháp Hoa Kỳ, có hiệu lực từ năm 1791, thì Quốc hội Mỹ không được phép ban hành bất cứ văn bản nào hạn chế tự do ngôn luận và báo chí. Nhưng theo một đạo luật của năm 1798 thì sẽ là tội phạm nếu viết, in, phát biểu và phổ biến những văn bản sai sự thật, cố ý xúc phạm hay chống lại chính quyền. Để truy cứu trách nhiệm hình sự vì vi phạm lĩnh vực này, Điều 2385 Chương 115 Bộ luật hình sự Mỹ ghi rõ: Nghiêm cấm mọi hành vi in ấn, xuất bản, biên tập, phát thanh, truyền bá, buôn bán, phân phối hoặc trưng bày công khai bất kỳ tài liệu viết hoặc in nào có nội dung vận động, xúi giục hoặc giảng giải về trách nhiệm, sự cần thiết tham vọng, tính đúng đắn của hành vi lật đổ hoặc tiêu diệt bất kỳ chính quyền cấp nào tại Mỹ bằng vũ lực hay bạo lực.

Còn ở Pháp, trong tiến trình Cách mạng 1789, tự do báo chí đã được đề cập, cụ thể là trong Điều 11 Tuyên bố dân quyền và nhân quyền. Về sau, tinh thần của Điều 11 cũng là một trong các cơ sở cho sự ra đời của Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948 và Hiệp ước nhân quyền châu Âu năm 1950. Một đạo luật về tự do báo chí cũng được ban hành trong Nền cộng hòa thứ ba vào ngày 29-7-1881. Đạo luật 1881 cũng nêu rõ các giới hạn trong tự do báo chí vì sự lạm dụng tự do, cụ thể là đưa ra các định nghĩa về tội phạm báo chí. Về cơ bản, cho đến nay đạo luật này vẫn còn giá trị. Ở Pháp cũng như ở các nước phương Tây khác, tự do báo chí trước tiên không phải là vấn đề văn bản pháp lý liên quan, mà là việc thực thi. Mấy năm trước, khi Tổng thống N. Sarkozy còn đương nhiệm, một cuộc cải cách đã được thực hiện, theo đó việc lựa chọn các giám đốc của một số đài phát thanh và truyền hình do tổng thống quyết định. Những năm qua, một số nhà báo đã gặp khó khăn với công an và cơ quan tư pháp. Trong nhiều cuộc biểu tình, một số nhà báo bị bắt, các hình ảnh họ chụp hay thu được bị tịch thu. Nhưng bê bối lớn nhất là việc phanh phui cơ quan tình báo Pháp do thám, nghe trộm điện thoại của các nhà báo làm việc cho nhật báo *Le Monde* năm 2011. Các phương tiện truyền thông cho rằng, trong việc này, Chính phủ Pháp đã cố ý nói dối và vi phạm tự do báo chí có hệ thống (!?).

Nhìn sang một nước khác - Italia, theo đánh giá của một số tổ chức quốc tế thì tình hình tự do báo chí trong các năm gần đây khá phức tạp. Thị trường báo chí được chia thành bốn nhóm, gồm: nhóm Editoriale L'Espresso (La Republica), nhóm Ridoli với chủ sở hữu chính là gia đình Agnelli Fiat (La Stampa), nhóm các nhà xuất bản độc lập (Il Giorno) và nhóm Berlusconi. Nhiều người lo ngại trước "tiến trình Berlusconi hóa" toàn bộ hệ thống truyền thông ở Italia. Về phần mình, các chính phủ ở Italia cũng tìm cách gây áp lực với báo

chí. Thí dụ, năm 2011 một dự thảo luật được đưa ra bàn bạc, theo đó thì nhà báo (rất khác với các cá nhân khác) có thể bị phạt tù vì tội vu khống. Đặc biệt là ở Italia nhiều nhà báo đã bị đe dọa đến tính mạng nếu họ viết về tội phạm và hoạt động của mafia.

Ở Cộng hòa Liên bang Đức, theo quy định của Điều 5 Đạo luật cơ bản (tức Hiến pháp) thì mọi người có quyền thể hiện quan điểm của mình qua hình ảnh, lời phát biểu, bài viết trên sách báo, hay phát tán qua phát thanh, truyền hình; vì tự do báo chí là một phần của tự do ngôn luận. Trong đó cũng ghi rõ "không có sự kiểm duyệt", nhưng điều đó không có nghĩa, người viết hoàn toàn tự do, không cần phải quan tâm tới các quy định pháp lý. Theo các nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp Cộng hòa Liên bang Đức, các quy định cụ thể về tự do báo chí lại thuộc về thẩm quyền của các tiểu bang. Vì vậy, mỗi tiểu bang đều có Luật báo chí (Pressegesetz) riêng. Cơ sở pháp lý trực tiếp nhất của Luật báo chí là Hiến pháp tiểu bang. Vì thế, Luật báo chí không chỉ ghi cụ thể các quyền lợi, trách nhiệm mà cả giới hạn của báo chí phù hợp với hoàn cảnh đặc thù của khu vực mình. Thí dụ, Điều 1 Luật báo chí ở tiểu bang Bavaria ghi rõ: Tự do ngôn luận và báo chí được bảo đảm qua các Điều 110, 111, 112 Hiến pháp Bavaria. Cần lưu ý, trong khoản 1 Điều 110 của Hiến pháp Bavaria viết về tự do ngôn luận và báo chí, song trong khoản 2 lại ghi rõ: Chống lại các loại văn chương bẩn thỉu và độc hại là nhiệm vụ của Nhà nước và các cơ quan địa phương. Luật báo chí của các tiểu bang tuy có một số điểm khác nhau, nhưng có một điểm rất giống nhau, như ở Tiểu bang Bavaria, điểm đó được ghi trong Điều 117 của Hiến pháp: Sự hưởng thụ tự do cho mỗi người đều phụ thuộc vào việc tất cả mọi người thực hiện nghĩa vụ trung thành với Nhân dân, Hiến pháp, Nhà nước và Luật pháp.

Để cụ thể hóa giới hạn về quyền tự do báo chí, có nhiều quy định cụ thể được ban hành trong các bộ luật của Liên bang. Bên

cạnh Công an hình sự liên bang và tiểu bang, ở Cộng hòa Liên bang Đức còn có lực lượng của các cơ quan bảo vệ Hiến pháp cấp liên bang và tiểu bang. Đây là các cơ quan tình báo đối nội. Trong các cơ quan này, có một lực lượng không nhỏ hằng ngày chuyên đọc sách, báo, tin tức do các cá nhân và tổ chức phát tán trên mạng để thu thập tin tức và bằng chứng, khi cần thiết sẽ phục vụ cho các thủ tục xét xử hình sự. Để ngăn ngừa những mối nguy hiểm từ các phương tiện truyền thông đối với thanh, thiếu niên, một cơ quan thanh tra liên bang đã được thành lập. Trừ các nhật báo và tạp chí chính trị, các ấn phẩm còn lại đều có thể bị cơ quan này kiểm duyệt và xử lý theo quy định.

Một vấn đề mà lâu nay người ta vẫn tranh luận sôi nổi khi nói về tự do báo chí ở phương Tây là sự đánh lừa dư luận bằng phương tiện truyền thông. Cho đến nay đã có nhiều bằng chứng cụ thể về hiện tượng này, như đánh lừa bằng cách không đưa tin hoặc đưa tin sai sự thật. Để phát hiện các chiến dịch đánh lừa dư luận bằng phương tiện truyền thông, người ta lục lại các bài báo viết về những cuộc chiến tranh trong các thập kỷ qua và so sánh với các dữ liệu sau này mới thu thập được hay mới công bố và giải mã, trong đó có cuộc chiến xâm lược Việt Nam. Như vậy, sự hiểu biết về tự do ngôn luận, tự do báo chí ở phương Tây sẽ giúp chúng ta nhìn nhận và đánh giá khách quan về tự do báo chí ở Việt Nam. Một sự thật không thể phủ nhận là tình hình nhân quyền ở Việt Nam nói chung, tự do ngôn luận, báo chí nói riêng, đã liên tục được cải thiện, phát triển trong các thập niên vừa qua. Trên cơ sở đó, không thể chấp nhận hiện tượng một số cá nhân tự cho mình là "nhà báo độc lập", rồi đưa ra ý kiến thiếu xây dựng. Bởi không thể coi là nhà báo, dù là "nhà báo độc lập" (!), khi chỉ đưa ra các tin tức và bình luận sai sự thật theo kiểu "bối bèo ra bối" để nói xấu chính quyền, phủ nhận những thành tựu mà chính họ đang được thụ hưởng.

LÀM TRỌNG SẠCH MÔI TRƯỜNG INTERNET*

HỒNG QUANG

Năm 2013, báo *Nhân Dân* đã đăng bài viết về một blog được thiết kế với hình thức sao chép giao diện báo *Nhân Dân* điện tử song thay đổi nội dung slogan, bài vở khai thác từ các trang mạng chống cộng ở nước ngoài, hoặc của một số người vẫn nấp dưới chiêu bài "tự do, dân chủ, tự do báo chí" để xuyên tạc, vu cáo Đảng và Nhà nước Việt Nam. Từ sự kiện trên nhìn rộng ra có thể nói, cho đến nay, tình trạng lập lò, giả mạo, dối trá trên internet đã trở thành một vấn đề bức xúc, đòi hỏi các cơ quan chức năng cần giải quyết triệt để.

Vừa qua, bà N.T.T.H. đã gửi tới báo *Nhân Dân* đơn khiếu nại về việc bức ảnh chụp cùng một ca sĩ trong bài “Hai bóng hồng bên cạnh Yasuy” trên baonhandan.net có thể ảnh hưởng tới con gái bà, vì hiện cháu còn rất trẻ. Sau khi xác minh, đại diện báo *Nhân Dân* đã thông tin tới bà: báo *Nhân Dân* không phải đơn vị chủ quản, không có địa chỉ tòa soạn như baonhandan.net, dù mangsét (manchette) “Nhân Dân online” trên trang nhất baonhandan.net có kiểu chữ, màu chữ không khác kiểu chữ, màu chữ của mangsét

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 12-8-2014.

báo Nhân Dân điện tử. Biết rõ sự thật, bà N.T.T.H. đã xin lỗi báo *Nhân Dân*, đề nghị hủy đơn khiếu nại; đồng thời đề nghị báo nên làm rõ tình trạng trang mạng sử dụng tên miền, măngsét giống báo *Nhân Dân* để tránh hiểu lầm đáng tiếc cho bạn đọc. Thiết nghĩ đây là một đề nghị có lý, có tình và vấn đề này cần có sự lên tiếng của dư luận cũng như biện pháp xử lý kiên quyết của cơ quan chức năng. Với baonhandan.net, trang này cho biết có: "Giấy phép số 1555/GP-BTTTT ngày 26-9-2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Tòa soạn: 381 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam, bản quyền thuộc báo Bến Tre Online. Tổng Biên tập: Nguyễn Hà Cường". Vào trang baobentre.net thấy ghi: "Tổng Biên tập: Lê Văn Tông - Giấy phép số 94/GP-BC do Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 7-3-2008. Tòa soạn: Số 7, đường Cách mạng Tháng Tám, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam". Như vậy, hai trang điện tử trên có hai tòa soạn với hai Tổng Biên tập nhưng chung một bản quyền (!). Còn việc baonhandan.net lấy tên và có măngsét y hệt Nhân Dân điện tử cũng đưa tới câu hỏi về sự mập mờ khó có thể chấp nhận!

Khi internet không chỉ được sử dụng phục vụ các mục đích lương thiện, lành mạnh mà còn trở thành công cụ để một số người thực hiện nhằm mục đích xấu thì hiện tượng xuất hiện blog, trang điện tử có giao diện na ná website báo Nhân Dân điện tử không còn là đơn lẻ. Như năm 2011, trên internet có trang baocantho.net với đầy đủ dòng chữ "Cơ quan của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Cần Thơ. Tiếng nói của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Cần Thơ" và giao diện, trang mục, tên tổng biên tập, số giấy phép, thời gian cấp, địa chỉ tòa soạn, số điện thoại, số fax, hộp thư điện tử,... sao chép nguyên vẹn báo điện tử Cần Thơ chính thức. Sự nhập nhèm này đã bị Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Cần Thơ xử phạt hành chính hai đơn

vị ở thành phố Cần Thơ liên quan là Công ty cổ phần truyền thông Thế Kỷ, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ quảng cáo Miền Tây 24H. Lý do xử phạt ghi rõ: "giả mạo trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân khác", và "sử dụng tên miền cấp cao khác tên miền ".vn" mà không thông báo hoặc thông báo thông tin không chính xác hoặc thay đổi thông tin mà không thông báo với Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định". Cùng thời gian, trên internet còn xuất hiện trang điện tử baotravinh.net là địa chỉ giả mạo Cổng thông tin điện tử Trà Vinh; báo chí trong nước cũng phát hiện một số website giả mạo báo điện tử Kiên Giang, báo điện tử Sài Gòn tiếp thị,... Đặc biệt năm 2012, một trang điện tử có tên na ná, giao diện y hệt giao diện một trang điện tử được nhiều người truy cập đã làm xôn xao dư luận với việc tung tin tăng giá xăng dầu bằng thủ đoạn giả mạo một văn bản của Bộ Tài chính. Nếu không phát hiện kịp thời, việc tung tin dối trá đó có thể đưa tới hậu quả tiêu cực trong tâm lý, niềm tin của người tiêu dùng,...

Hiện tượng lập lò tên trang điện tử và giao diện của các trang báo có nhiều người truy cập để đánh lừa người đọc, hoặc đưa tin thất thiệt trên internet có thể gây hậu quả tiêu cực, làm nhiễu thông tin, gây ngộ nhận đối với người tiếp nhận (thậm chí lừa đảo họ),... Một khía cạnh không kém nghiêm trọng là hiện tượng có kẻ xấu sử dụng internet để thực hiện thủ đoạn xuyên tạc, dối trá bằng cách lập các website giả mạo tên tuổi một số đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước Việt Nam cùng một số tổ chức, cá nhân có trách nhiệm, có uy tín xã hội. Về hình thức, các trang này được xây dựng tương tự trang thông tin điện tử cá nhân mà thực chất là hành vi vi phạm Nghị định 72/2013/NĐ-CP. Từ một vài địa chỉ ban đầu, đến nay số địa chỉ giả mạo đã tăng lên rất nhanh, ngang nhiên tồn tại trên internet, đến mức có người đọc lầm tưởng đó là diễn đàn

riêng của một số đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam. Theo nhận xét của một số tác giả trên internet, điểm nổi bật của những website, blog giả mạo này là không ghi rõ tên chủ sở hữu và giấy phép; còn tin bài thường bao gồm: tin tức về các lĩnh vực của xã hội Việt Nam, chủ yếu khai thác từ báo chí trong nước; loại tin bài có chủ ý tác động trong nội bộ lãnh đạo cao cấp, "nâng" người này, "hạ" người kia,... nhằm gây mất đoàn kết nội bộ. Có bài tinh vi, có bài thể hiện rất rõ ý đồ và thường được đưa ra dưới hình thức ý kiến của "bạn đọc", loại bài này được bổ trợ bằng các cách thể hiện, trình bày hình thức mỗi trang khác nhau, nếu người đọc không để ý sẽ không thể phát hiện,...

Phải khẳng định, sự ra đời và tồn tại trên internet các trang điện tử mạo danh các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước Việt Nam, một số tổ chức, cá nhân có trách nhiệm, uy tín xã hội là thủ đoạn rất nham hiểm. Không có ý nghĩa nào khác, các trang này chỉ nhằm phục vụ mưu đồ đen tối là giúp các thế lực thù địch, các phần tử chống đối Đảng và Nhà nước ta lũng đoạn, gieo rắc thông tin thất thiệt, đầu độc tinh thần người đọc. Trong bối cảnh internet ở Việt Nam ngày càng phát triển, số lượng người sử dụng, phương tiện truy cập (máy tính bàn, máy tính xách tay, điện thoại thông minh,...) ngày càng tăng, nếu thiếu khả năng nhận biết, sàng lọc thông tin, khi truy cập vào các trang điện tử này, người đọc rất dễ bị lây nhiễm thông tin sai trái vì ngộ nhận. Thậm chí, nếu thiếu tinh táo thì tin tức bịa đặt, xuyên tạc tại các trang đó có thể làm xáo trộn đời sống tinh thần của xã hội, kích động những việc làm bột phát, vi phạm pháp luật. Nguy hiểm hơn, trong quan hệ quốc tế, nếu thông tin từ các trang mạng giả mạo được sử dụng như thông tin chính thức, có thể gây ra hiểu lầm, thậm chí gây căng thẳng trong quan hệ của Việt Nam với một quốc gia hoặc tổ chức quốc tế nào đó.

Theo thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan an ninh mạng, các trang điện tử giả mạo nói trên có địa chỉ mạng ở nước ngoài, máy chủ lưu trữ thông tin đặt ở nước ngoài, có chức năng giấu chủ sở hữu tên miền. Với cách làm đó, kẻ chủ mưu toan tính sẽ nằm ngoài sự quản lý của cơ quan quản lý internet và báo chí ở Việt Nam. Nói thế nào cũng không thể bao biện cho bản chất hiện tượng lập lờ, giả mạo, dối trá trên internet, vì đó là vi phạm pháp luật. Cho nên, để góp phần làm sạch môi trường internet, nếu với các địa chỉ có nguồn gốc trong nước, các cơ quan chức năng cần thường xuyên kiểm tra, rà soát kỹ hơn để phát hiện và xử lý nghiêm khắc; thì với các địa chỉ có máy chủ ở nước ngoài, đã đến lúc cần nghiên cứu tìm biện pháp thích hợp để xử lý. Vài lời cuối bài xin được thưa cùng bạn đọc, nếu trong kinh tế có khái niệm "người tiêu dùng thông minh" thì thiết nghĩ, mỗi người đọc hãy là "người đọc thông minh", có khả năng nhận biết, phân biệt thật - giả, đúng - sai,... để có sự sáng suốt, tỉnh táo trong tiếp nhận, xử lý thông tin.

KHI MẠNG XÃ HỘI TRỞ THÀNH "NGUỒN TIN" CỦA BÁO CHÍ!*

CHI ANH

Khai thác, nhặt nhạnh thông tin từ mạng xã hội rồi xào xáo, thậm chí sử dụng nguyên xi để biến thành tin tức, bài vở đưa lên trang báo đang trở thành một xu hướng "tác nghiệp" được một số người làm báo theo đuổi. Và từ sự tùy tiện này, họ không chỉ bỏ qua vai trò xã hội nghề nghiệp, mà còn vi phạm đạo đức nghề nghiệp, trực tiếp làm suy giảm niềm tin trong người đọc...

Những ngày qua, sau khi bài "Giáo sư Ngô Bảo Châu đi dép tổ ong lên "dạy học" ở bản Lũng Luông" cùng các bức ảnh với chủ thích đại loại như "Một câu hỏi của Giáo sư Châu đố học sinh vùng cao, mời các em lên bảng thực hiện" được báo điện tử nọ công bố, lập tức thông tin và các bức ảnh được khai thác, xào xáo đưa lại trên một số báo, trang tin điện tử để ra đời các bài, như: "Giáo sư Ngô Bảo Châu đi dép tổ ong, dạy học trò nghèo", "Hình ảnh Giáo sư Ngô Bảo Châu đi dép lê dạy trẻ em miền núi gây xúc động", "Giáo sư Ngô Bảo Châu "đứng lớp" ở bản vùng cao",...

Rồi tất cả trở thành câu chuyện bi hài khi Giáo sư Ngô Bảo Châu đăng một status trên facebook của ông và cho biết đại ý: ông cùng đoàn thiện nguyện đến Trường Tiểu học Lũng Luông (Võ Nhai, Thái Nguyên), vì đường lên bản phải vượt qua hai con suối,

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 9-9-2014.

7km dốc đá hộc và bùn, giày bị ướt nên phải mượn dép, người ta đưa cho dép nào thì ông đi dép ấy. Và ông chỉ nhân thể nói chuyện với mấy học sinh còn lại trong lớp, kiểm tra xem các em có biết đánh vần, biết viết tên mình hay có biết làm tính cộng, chử không dạy gì cả. Đặc biệt, ông viết rất rõ: "Chuyến đi không hề có các nhà báo đi cùng nên nhóm từ thiện không chịu trách nhiệm về các bài viết dựa trên trí tưởng tượng của một số nhà báo"!

Hóa ra, bài và ảnh đó được một số phóng viên khai thác từ facebook của một người nổi tiếng đi cùng Giáo sư Ngô Bảo Châu đến Lũng Luông, sau đó họ chế tác thành... bài báo! Đáng tiếc là đến nay, những bài báo viết từ "trí tưởng tượng" này vẫn tiếp tục tồn tại trên các báo, trang điện tử đã đăng tải, và vẫn chưa ai công khai đưa ra một lời xin lỗi với Giáo sư Ngô Bảo Châu!

Câu chuyện nhuốm màu hài huoc trên khiến người làm báo nghiêm túc và bạn đọc không thể chia sẻ, bởi khi một số nhà báo bỏ qua việc tác nghiệp trực tiếp trong hiện thực đời sống mà chỉ ngồi một chỗ để lướt web, mò mẫm vào các blog, trang facebook cá nhân để nhặt nhạnh thông tin rồi tưởng tượng và "sáng tạo" tin, bài thì tính chân thực của báo chí đã bị vi phạm nghiêm trọng. Căn cứ vào tình trạng, có thể nói đường như số nhà báo tác nghiệp bằng cách "sống tầm gửi vào internet" đang có chiều hướng tăng lên; vì trên báo chí (đặc biệt báo, trang tin điện tử) ngày càng xuất hiện nhiều hơn số tin, bài chưa được kiểm chứng, hoặc được viết ra từ trí tưởng tượng của nhà báo. Tình trạng đã trở nên nghiêm trọng đến mức, vừa qua Bộ Thông tin và Truyền thông phải tiến hành xử phạt một số đơn vị báo chí vì đăng tin sai sự thật rất nghiêm trọng, không trích dẫn nguyên văn, chính xác nguồn tin chính thức.

Ngày nay, internet trở thành một không gian cực kỳ rộng lớn với người sử dụng. Tuy nhiên, việc sử dụng và tham gia các hoạt

động trên internet như thế nào để mang lại hiệu quả lại là chuyện cần xem xét kỹ lưỡng. Nói cách khác là khi tham gia hoạt động trên internet, người sử dụng có khả năng kiểm soát, điều khiển bản thân hay không. Như trong một bài viết, tác giả Thúy Nguyệt nhận định khá chính xác rằng: "Khả năng kết nối các máy tính với nhau một cách dễ dàng thông qua các giao thức của internet khiến cho kích thước của internet đang "nở" ra rất nhanh. Và không chỉ thế, internet dường như đang trở thành một thực tế không dễ kiểm soát. Internet trở thành một thứ "xã hội" mà bất kỳ ai cũng có thể điều khiển và cũng có thể không điều khiển được". Như với các mạng xã hội (nổi bật là facebook, twitter, youtube), sự ra đời và sức hấp dẫn của chúng đã thu hút hàng tỷ người sử dụng trên khắp toàn cầu, và dường như chúng đã ảnh hưởng nhất định trên nhiều lĩnh vực, trong đó có cả báo chí, truyền thông. Thậm chí, có người từng lo ngại, rồi đây báo chí sẽ bị lu mờ bởi mạng xã hội (?).

Như với tin tức cập nhật chẳng hạn. Dư luận thế giới hẳn chưa quên đoạn tin ngắn: "Có một chiếc máy bay rơi trên sông. Tôi đang trên phà đi cứu họ" được phát đi từ điện thoại của G. Krum lên twitter ngày 16-1-2009 và đó chính là tin về chiếc Airbus 320 rơi xuống sông Hudson ở Mỹ. Rồi hình ảnh về thảm họa động đất 7,1 độ richter vào ngày 12-1-2010 tại Tahiti tràn ngập trên twitter và các mạng xã hội khác trước khi phóng viên biết để có thể đến tận nơi. Hay thông điệp trên twitter của A.D. Navy: "Chúa ơi, dù của tôi làm việc cho W. Houston vừa biết tin cô ấy chết trong bồn tắm. Buồn quá" khiến cô trở thành người đầu tiên trên thế giới đưa tin về sự ra đi của W. Houston nổi tiếng, sớm hơn 30 phút so với giới báo chí...

Thế nhưng, chính mạng xã hội cũng lại là nơi đưa ra loại thông tin buộc cơ quan hành pháp ở nhiều quốc gia phải xử lý. Năm 2010, Tòa án Lorrach (Cộng hòa Liên bang Đức) đã tuyên phạt án một bị cáo vì đã lén mạng xúc phạm người khác ba lần và

kích động quần chúng 13 lần, tổng cộng hình phạt là 3.600 euro. Gần đây, nhân việc Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hà Nội phạt hành chính hai người tung tin dịch Ebôla xuất hiện tại Việt Nam, một tờ báo đã cho biết: Ở Indônêxia, nữ sinh viên F. Sihombing 26 tuổi có thể đổi mặt với án tù sáu năm vì đăng tải trên mạng xã hội Path lời phàn nàn về dịch vụ tại một trạm xăng ở Yogyakarta với nội dung: "Jogja thật nghèo nàn, ngu ngốc và vô văn hóa. Bạn bè ở Jakarta và Bandung thì đừng đến Jogja nhé"; rồi nữa, R. Elios, một thanh niên người Anh 24 tuổi đã bị kết án hai năm bốn tháng tù giam vì tội buông lời đe dọa trên facebook sẽ giết chết 200 người chỉ với mục đích đùa cợt; và sau khi không phải lĩnh bản án tám năm tù vì một bình luận đùa cợt trên facebook, anh G. Carto ở Texas (Mỹ) nói: "Đáng lẽ tôi phải nghĩ nhiều hơn về những gì mình đã viết. Tôi chỉ muốn nói rằng mọi người cần phải thật cẩn thận với những gì mình phát ngôn vì nó có thể bị ghi lại ở bất cứ website nào, ở bất cứ đâu. Và chúng có thể khiến cho tất cả gặp rắc rối lớn dù rằng những gì họ nói không hề ác ý chút nào"...

Về vấn đề này, ông R. Sambruce - Giám đốc bộ phận tin tức toàn cầu của BBC, cho rằng: "Rõ ràng, không thể phủ nhận khả năng thông tin nhanh nhạy từ các mạng xã hội nhưng có lẽ chỉ có thông tin thì đó chưa phải là báo chí" vì theo ông, báo chí, ngoài tin tức, còn cần tính kỹ luật, phân tích, giải thích và quan trọng nhất là độ tin cậy; ông đưa ra thí dụ về sự khác biệt giữa báo chí với mạng xã hội như sau: "Bạn nghe tin S. Job qua đài khi truy cập vào facebook hay twitter, song việc bạn làm ngay sau đó là truy cập vào một trang báo uy tín nào đó để kiểm chứng thông tin này".

Có một thực tế trong hoạt động báo chí ở nước ta hiện nay là, một số tờ báo và một số nhà báo đang "hành nghề" theo lối viết lại những gì thấy trên mạng xã hội, thay vì phải thâm nhập thực tế

để phát hiện, kiểm chứng, phân tích qua đó phản ánh đúng đắn, trung thực, chính xác về sự kiện - hiện tượng. Đặc biệt, nhất cử nháy động của "người nổi tiếng" từ việc họ yêu người này bỏ người khác, ăn gì mặc gì, đến mua gì sắm gì, vui buồn hay nói xấu người khác ra sao,... đều được săm soi kỹ lưỡng, đến mức có trang điện tử trở thành địa chỉ để "người nổi tiếng" phát ngôn và khoe của!

Hậu quả tiêu cực từ việc khai thác thông tin bừa bãi, thiếu kiểm soát từ mạng xã hội đang trở thành nỗi quan ngại lớn của báo chí Việt Nam. Nguyên nhân đưa tới thực trạng này trước hết là ý thức nghề nghiệp, thái độ trách nhiệm của một số cơ quan báo chí và người làm báo chưa cao; việc quản lý hoạt động của báo mạng và trang tin điện tử chưa hiệu quả, có phần lỏng lẻo. Bên cạnh đó, chế tài xử phạt chưa thật sự có tính răn đe, nên sai phạm vẫn tái diễn. Ai đó có thể bao biện rằng, thói quen tiếp cận thông tin của công chúng đã thay đổi, dẫn đến việc ra đời những cách đưa tin để thỏa mãn nhu cầu đọc tin kiểu mới của lớp công chúng mới.

Tuy nhiên, dẫu thế nào công chúng vẫn luôn cần tới những tác phẩm báo chí có chất lượng, chứ không phải những bài báo chỉ để thỏa mãn sự tò mò, thói hiếu kỳ kiểu giật gân, câu khách. Dù báo chí truyền thống khó có thể cạnh tranh về tốc độ đưa tin trên internet và mạng xã hội, nhưng báo chí vẫn luôn là nơi để độc giả xác minh tính chính xác của thông tin. Vì thế, sự kết hợp giữa độ nhanh nhạy của thông tin trên mạng xã hội cùng khả năng phân tích, kiểm chứng của nhà báo sẽ mang đến bài báo hoàn thiện, sâu sắc hơn và quan trọng hơn là đúng sự thật. Báo chí cần mang đến cho công chúng thông tin chính xác, khách quan, giúp họ nắm bắt, có thêm hiểu biết về các vấn đề xã hội. Vì thế, mỗi nhà báo cần tự trang bị cho mình kiến thức sâu rộng, trau dồi đạo đức nghề nghiệp, để từ đó góp phần mang đến cho độc giả cái nhìn đúng đắn, lành mạnh về những vấn đề mà họ quan tâm...

KHÔNG CÓ TỰ DO BÁO CHÍ KHÔNG GIỚI HẠN*

VŨ HỌP LÂN

Trong những năm qua, một trong những thủ đoạn mà các thế lực thù địch và một số tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí với Việt Nam thường làm là cổ vũ cho cái gọi là tự do ngôn luận ngoài khuôn khổ luật pháp, bất chấp thực tế đó là một điều không tưởng. Và sự kiện xảy ra gần đây trên một trang mạng của người Mỹ gốc Việt đã cung cấp thêm thí dụ chứng minh không có thứ tự do báo chí không giới hạn, vì chí ít báo chí không thể bỏ qua yêu cầu về tính văn hóa.

Dù xu hướng, hình thức truyền thông có thể khác nhau, nhưng từ ngày được tạo điều kiện về nước tác nghiệp, một số báo, trang tin của người Mỹ gốc Việt như kbchn, vietweekly, phobolsatv,... đã cố gắng trực tiếp đưa tin, bình luận khách quan về một số sự kiện, vấn đề tại Việt Nam, hoặc liên quan tới Việt Nam, qua đó không chỉ làm công việc thuần túy truyền thông, mà còn giúp người Việt sinh sống ở nước ngoài hiểu thêm về đất nước, góp phần vào quá trình hòa hợp dân tộc. Hơn nữa, dù phải đối phó với hoạt động vu cáo, chống phá, đe dọa,... của một số người "chống cộng", nhưng

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 14-10-2014.

trong khả năng, điều kiện riêng của mỗi báo hoặc trang tin, một số nhà báo đã lên tiếng vạch rõ bản chất, trực diện đấu tranh với những luận điệu, hành vi chống phá đất nước, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam; hoặc lợi dụng chiêu bài "đấu tranh cho dân chủ, nhân quyền ở trong nước" để hù dọa, trực lợi từ cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Có thể coi đây là bước đi rất quan trọng trong nhận thức và hành động của một số nhà báo người Mỹ gốc Việt. Tiếp xúc với sự thật, họ từng bước nhận rõ sự thật, rồi lên tiếng bảo vệ sự thật, đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc sự thật. Bằng khả năng tác nghiệp ít nhiều chuyên nghiệp, lại tận dụng được ưu thế của truyền thông đa phương tiện, các báo và trang tin này đã thu hút nhiều bạn đọc là người Việt ở nước ngoài, và ở trong nước cũng đã ra đời nhóm bạn đọc ủng hộ.

Kết quả đáng khích lệ đó là bằng chứng cụ thể chứng minh quan điểm, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tự do báo chí, đồng thời cho thấy sự hiện thực hóa một cách nghiêm túc quan điểm và chính sách đó qua vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý báo chí thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Ngoại giao, của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài cùng các ban, ngành, địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi để các nhà báo người Việt ở nước ngoài về nước tác nghiệp. Vì thế, các nhà báo ở kbchn, vietweekly, phobolsatv đã có mặt tại nhiều địa phương, từ thành phố tới nông thôn, từ đồng bằng tới miền núi, trực tiếp tiếp xúc với các tầng lớp nhân dân, các sự kiện - hiện tượng muôn tòm hiểu.

Sự có mặt của các nhà báo ở Trường Sa, Hoàng Sa cùng nhiều vùng sâu, vùng xa đã đưa tới các bài báo, ảnh, video clip sống động về con người cụ thể ở các địa phương cụ thể, qua đó góp phần cho thấy thành tựu, hình ảnh nước Việt Nam đang trên đường phát triển.

Gần đây nhất, các video clip do phóng viên vietweekly thực hiện khi cùng đồng nghiệp trong nước tới Mù Cang Chải (Yên Bái), Bắc Hà (Lào Cai) đã giới thiệu với công chúng nhiều hình ảnh cụ thể về con người, cuộc sống, nét văn hóa sinh động, đa dạng, đặc đáo của đồng bào vùng cao; đồng thời cho thấy một sự thật không thể phủ nhận là chính sách đúng đắn cùng sự quan tâm, đầu tư rất lớn của Nhà nước đối với sự phát triển con người, phát triển kinh tế - xã hội ở vùng sâu, vùng xa; nhất là những nỗ lực, tinh thần quên mình của các thầy giáo, cô giáo miền xuôi hết lòng dạy dỗ, chăm sóc những học sinh là người dân tộc thiểu số tại các bản làng xa xôi, hẻo lánh...

Tuy nhiên cũng gần đây, việc phobolsatv của nhà báo Vũ Hoàng Lân đăng video clip với sự có mặt của Ngô Kỷ - một người thô lậu và nổi tiếng "chống cộng", để người này công khai xúc phạm lãnh tụ của nhân dân Việt Nam, vu cáo Nhà nước Việt Nam, là việc cần phải lên án. Người đọc trong nước biết rằng, tồn tại trong bối cảnh báo chí được James Du - nhà báo người Mỹ gốc Việt, trong bài "Một nền báo chí hèn nhát, dung túng một cộng đồng cực đoan hèn nhát" (đăng trên mục *Diễn đàn* của phobolsatv) đã vạch rõ là lề lối làm báo "mị dân để thỏa mãn tự ái những kẻ chiến bại đầy tự ti mặc cảm và làm báo vì kinh tế", cho nên mục tiêu chính của báo chí là tai là mắt của quần chúng, là cơ quan giám sát đầy quyền lực đã trở thành công cụ tuyên truyền và bị khuất phục bởi nhóm nhỏ chống cộng quá khích, cực đoan, rất nhanh chân quỳ lạy những ông cuồng tín chuyên ăn bám xã hội như Ngô Kỷ...

Những tờ báo như *Người Việt*, *Sài Gòn Nhỏ*, *Viễn Đông*, *Việt Tide*, *Việt Báo* không khác gì những loa tuyên truyền cho các tổ chức đấu tranh, chống cộng cực đoan. Những tờ báo này chỉ tuyên truyền bịa bợm một chiều, thiếu tính khách quan của những tờ báo lương thiện trong xã hội dân chủ tự do nên phobolsatv cũng

nhiều kbchn, vietweekly sẽ gặp khó khăn và cũng vì thế mà rất chia sẻ. Song, dù mục đích của phobolsatv là "truyền thông thuần túy, độc lập, khách quan, đa chiều" và "cố gắng đem lại cho khán, thính giả người Việt ở khắp nơi những thông tin chính xác, sống động, khách quan, đa chiều, không thiên về bất cứ xu hướng chính trị, xã hội nào... mong muốn cung cấp thêm cho khán, thính giả một nguồn thông tin độc lập, đáng tin cậy, và đặc biệt là không né tránh những đề tài mang tính nhạy cảm" thì cũng không được đánh đồng văn hóa với "phản văn hóa", không thể vì đề cao tính "đa chiều" của thông tin mà đánh đồng ngôn ngữ, thái độ có tính văn hóa với ngôn ngữ, thái độ vô văn hóa.

Nhất là không được sử dụng báo chí để xúc phạm, mạ lỵ cá nhân mà luật pháp ở mọi quốc gia đều khẳng định và xử lý nghiêm khắc. Bởi, từ việc khẳng định và xử lý này mà dư luận vẫn được biết đến các tin tức như: năm 2011, Tòa án hình sự Thái Lan phán quyết rằng công dân Mỹ Joe Gordon phạm tội phỉ báng nhà vua Thái Lan - một tội có thể bị phạt tới 15 năm tù; cơ quan lập pháp tiểu bang Mêhicô yêu cầu Chính phủ Liên bang phải phạt nữ ca sĩ Miley Cyrus vì đã "xúc phạm" quốc kỳ của Mêhicô trong màn biểu diễn thô tục trên sân khấu; gần đây hơn là tin "Tòa án thành phố Cayen, thủ phủ vùng lãnh thổ hải ngoại Guyane thuộc Pháp vừa ra phán quyết, tuyên phạt một thành viên của Đảng cực hữu Mặt trận Quốc gia (FN) chín tháng tù, vì đã xúc phạm đương kim Bộ trưởng Tư pháp Christiane Taubira. Đây là mức án tù giam đầu tiên ở Cộng hòa Pháp về hành vi phát ngôn mang tính chất phân biệt chủng tộc... Ngoài ra, Đảng FN cũng bị phạt bổ sung 30.000 euro vì phải có trách nhiệm liên đới, do không kiểm soát chặt chẽ các hành vi, cử chỉ của ứng viên trong quá trình vận động tranh cử". Chính vì để bảo vệ uy tín, danh dự cá nhân, tạo tiền đề giúp các quốc gia xây dựng thành điều luật nằm trong hệ thống

pháp luật, nên đề cập tới tự do ngôn luận, khoản 3 Điều 19 Công ước về các quyền dân sự và chính trị của Liên hợp quốc đã khẳng định một số hạn chế phải được pháp luật quy định, trong đó có việc: "Tôn trọng các quyền hoặc uy tín của người khác".

Không rõ vì quá chuyên chú với mục đích và tôn chỉ, hay vì thiếu cẩn trọng mà phobolsatv lại xâm phạm chính quy định của mình? Vì diễn đàn này ghi rõ danh sách từ ngữ nên tránh: "Những từ ngữ có tính cách mạ lỵ, miệt thị như: mày, tao, thằng, đám, bọn, chó, thằng ngu, con điên, lũ chó, đám cộng sản, lũ cộng hòa, bọn dốt nát, lũ mất gốc, bọn công an, lũ Việt cộng, đám phản động, bầy bán nước, lũ ngu dốt..."? Phải chăng với phobolsatv, trên diễn đàn của trang mạng này có quy định từ ngữ nên tránh, còn trong video clip phỏng vấn thì không? Nên sau khi công bố video clip có mặt Ngô Kỷ và để kẻ này ngang nhiên phát ngôn bậy bạ, xúc phạm lãnh tụ của nhân dân Việt Nam, phobolsatv đã gây nên sự bức xúc rất lớn trong người đọc, người xem. Nhiều người phản ứng rất gay gắt, bày tỏ sự phản đối, coi "những clip như thế này không giúp cho việc hòa hợp dân tộc Việt Nam trong và ngoài cùng nhau xây dựng và bảo vệ đất nước"; và thậm chí có người còn nghi ngờ sự kiện nêu trên là kết quả từ "mục đích chính trị" (?).

Trước phản ứng của dư luận, ngày 2-10, phobolsatv đã có thông báo thừa nhận "nhiều phản ánh từ khán, thí sinh giả trong và ngoài nước, cho rằng một số ngôn từ được sử dụng trong các video clip nói trên không thích hợp đối với một kênh truyền thông mang tính đại chúng, vốn có khán giả, thí sinh giả đồng đảo bao gồm cả trong và ngoài nước, rất đa dạng về quan điểm chính trị, xã hội, văn hóa và niềm tin. Một cách cụ thể, nhiều người xem đã phản ánh cho biết cảm thấy bị xúc phạm vì một số ngôn từ đã được sử dụng", cho rằng, "những quan tâm và phản ánh này là hoàn toàn chính đáng, và để tránh những buồn phiền, hiểu lầm không đáng có từ khán giả, thí sinh

phobolsatv quyết định chính thức tháo gỡ các video clip nói trên, kể từ khi ra thông báo này. Sự phát tán và sử dụng các ấn bản sao chép từ những video clip này trong tương lai nằm ngoài sự kiểm soát của phobolsatv. Tuy nhiên, phobolsatv sẽ làm mọi cách trong khả năng có thể để ngăn chặn việc phát tán và sử dụng nếu có", đồng thời "trân trọng gửi lời xin lỗi đến từng khán, thính giả đã cảm thấy ưu phiền hoặc bị xúc phạm vì sự cố này".

Thái độ cầu thị của phobolsatv nên được ghi nhận, và cũng nên ghi nhận cả ý kiến thảo luận của người có nick The Pham: "Qua đây Vũ Hoàng Lân rút ra một bài học sơ đẳng nhất về văn hóa truyền thông, thực ra Vũ Hoàng Lân hiểu về hai chữ tự do một cách quá thuần túy mà đây không phải riêng Vũ Hoàng Lân mà phần đa số người Việt ở Mỹ mắc phải. Hy vọng qua đây Vũ Hoàng Lân sẽ không vấp phải một lần nữa. Làm truyền thông không đơn thuần là truyền bá thông tin mà kèm theo nó là sự truyền bá một sản phẩm văn hóa đến bạn đọc, nhất là về mặt ngôn ngữ... Lỗi lầm ai cũng có, nhưng biết đối diện với cái sai và sửa sai mới là điều quý". Sau sự cố cần phải phê phán, người đọc và người xem vẫn hy vọng phobolsatv sẽ rút ra các bài học bổ ích trong hoạt động báo chí sau này.

HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN - SOS!*

THÀNH NAM

Trong hoạt động xuất bản thì cảnh cáo, xử phạt... là việc của cơ quan chức năng, đơn vị quản lý. Nhưng khi nguồn gốc của hiện tượng vẫn tồn tại thì cảnh cáo, xử phạt chỉ là giải quyết việc đã rồi, và chưa giải quyết được tận gốc, chưa lường hết các nguy cơ từ một hoạt động xã hội mà ở đó, các nhà xuất bản như chỉ đóng vai trò thứ yếu.

Với doanh thu gần 5 tỷ đồng cho 177 nghìn bản sách được bán ra, Hội sách Hà Nội 2014 diễn ra vào dịp chào mừng 60 năm Ngày Giải phóng Thủ đô khiến nhiều người phấn chấn. Điều đó cũng dễ hiểu, bởi đây là hội sách có quy mô lớn nhất từ trước tới nay, mang lại doanh thu lớn nhất và sự tham gia nhiều nhất của các đơn vị làm sách (112 gian hàng của 45 nhà xuất bản, đơn vị phát hành sách). Thế nhưng, sau nhiều cái "nhất", người đến dự Hội sách không khỏi ngạc nhiên vì sự vắng mặt của khá nhiều nhà xuất bản, và một số nhà xuất bản tham gia thì gian hàng cũng khá "khiêm tốn" so với các công ty sách tư nhân. Đây là điều bất bình thường, bởi lẽ ra Hội sách phải là ngày hội thật sự của giới xuất bản, là dịp quý giá để các nhà xuất bản quảng bá, giao lưu, kết nối với công chúng và tác giả.

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 17-10-2014.

Theo đánh giá của nhiều người, thì sự thờ ơ của một số nhà xuất bản có tiếng là điều rất đáng tiếc, vì đây là cơ hội quý giá để gây dựng thương hiệu. Thế nhưng, với giới làm sách, và người am hiểu lĩnh vực xuất bản, thì sự vắng bóng của một số nhà xuất bản tại Hội sách cũng không có gì khó hiểu. Vì có một thực tế là: Nếu một số nhà xuất bản có tham gia thì lấy đâu ra sách để trưng bày. Lâu nay, hoạt động của các đơn vị này chủ yếu là bán giấy phép, và nếu có làm sách thì cũng là sách theo đặt hàng Nhà nước (Nhà nước cấp kinh phí để in ấn và phát hành), hoặc sách liên kết (tư nhân bỏ tiền ra thuê nhà xuất bản cấp giấy phép và in ấn...).

Hàng năm, theo báo cáo thì số lượng sách in và phát hành của các nhà xuất bản này khá lớn, nhưng đó chỉ là làm thuê theo vụ việc, bán giấy phép xong là xong, nhà xuất bản không trực tiếp tham gia thị trường sách. Nên việc phải tìm bản thảo hay để xuất bản, và quảng bá sách, sách có bán được hay không, nắm bắt thị hiếu độc giả như thế nào,... không nằm trong sự quan tâm của họ nữa. Hẳn vì thế, ngày 24-4-2012, khi trả lời phỏng vấn của Vietnamnet, ông Nguyễn Mạnh Hùng, Giám đốc Công ty sách Thái Hà đã thẳng thắn nói: "Một công ty nếu năng lực cạnh tranh kém, có thể bị đào thải rất nhanh trên thị trường. Nhưng những nhà xuất bản đó dù không làm tốt công việc của mình cũng không thể bị đào thải, bởi việc liên kết xuất bản và mua bán giấy phép vẫn đang là "bầu sữa mẹ" nuôi sống họ"!

Theo báo cáo công tác in và phát hành của Cục Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Thông tin và Truyền thông): Năm 2013 chỉ có bốn nhà xuất bản làm ăn có lãi và thực hiện nghĩa vụ thuế, một số ít nhà xuất bản tự "ổn định", còn phần lớn số còn lại sống lay lắt hoặc đứng trước nguy cơ "phá sản". Dư luận vẫn chưa quên sự kiện cuối năm 2013, bảy nhà xuất bản đã cùng ký vào đơn kêu cứu về nguy cơ phá sản gửi Cục Xuất bản, In và Phát hành. Vấn đề các nhà xuất bản này gặp

phải là do tiền thuê nhà, đất quá cao trong khi doanh thu lại không đủ sức chi trả. Có nhà xuất bản đang phải "sở hữu" số nợ đến 7,5 tỷ đồng và không có khả năng thanh toán. Tiếp tục tình trạng này, nếu không có "cứu trợ" thì nguy cơ phá sản chỉ còn là câu chuyện ngày một ngày hai!

Năm 2014, hoạt động xuất bản vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc và thay vào đó, không khí ảm đạm vẫn bao trùm. Tại Hội nghị giao ban toàn quốc công tác xuất bản sáu tháng đầu năm 2014, Cục Xuất bản, In và Phát hành công bố: số sách nộp lưu chiểu giảm 12%; số lượng đầu sách đăng ký xuất bản giảm 44% so với cùng kỳ năm 2013. Khó khăn của các nhà xuất bản dường như đã trở thành một câu chuyện chung để họ cùng chia sẻ, và dễ tìm được sự cảm thông của nhau. Nhưng nếu xuất bản khó khăn như thế, thì sao vẫn có rất nhiều đơn vị tư nhân tiếp tục lấn vào thị trường sách, và từng bước khẳng định thương hiệu của mình? Số lượng sách của họ bán ra tại Hội sách nói riêng và thị trường sách nói chung đều rất quan trọng. Tất nhiên, một số nhà xuất bản có tính đặc thù như Nhà xuất bản Âm nhạc, Thế giới, Văn hóa Dân tộc..., việc để tồn tại trong cơ chế thị trường là bài toán khó khi mà lĩnh vực xuất bản của những đơn vị này khá hẹp.

Tuy nhiên, còn nhiều nhà xuất bản khác mà cơ hội, ưu thế của họ nếu so với các đơn vị làm sách tư nhân là vượt trội, vậy tại sao lại xảy ra nghịch cảnh: Nhà xuất bản thì lao đao và các đơn vị làm sách tư nhân thì "sống khỏe"? Một trong những đơn vị làm sách tư nhân ăn nên làm ra nhất trên thị trường hiện nay có thể kể đến là Nhã Nam. Tại Hội sách 2014, Nhã Nam sở hữu hai gian hàng lớn nhất, bắt mắt nhất. Doanh thu của Nhã Nam tại Hội sách cũng tốt nhất. Và có điều trớ trêu là sách của Nhã Nam làm (tổ chức bản thảo, in ấn, phát hành) lại được cấp phép bởi chính một số nhà xuất bản đang kêu than trước nguy cơ phá sản!

Câu hỏi đặt ra là, tại sao những đầu sách chiếm lĩnh thị trường hiện nay hầu hết đều là sản phẩm liên kết giữa các nhà xuất bản và các đơn vị làm sách tư nhân, trong đó vai trò của nhà xuất bản chỉ là thứ yếu? Tại sao các nhà xuất bản không chủ động khai thác thị trường thay cho việc chỉ đóng "vai phụ" trong lĩnh vực xuất bản? Họ đang làm mất cơ hội của mình. Cơ hội đã tuột mất thì rất khó có thể lấy lại được. Bức tranh ảm đạm về hoạt động của nhiều nhà xuất bản hiện nay có thể cho thấy cơ chế vận hành, cách làm việc kém hiệu quả của họ là nguyên nhân chính dẫn tới chỗ gặp những khó khăn khó có thể giải quyết, cho nên cơ thể đã "ốm yếu" thì ngày càng "ốm yếu" hơn.

Điều nguy hiểm là sự ốm yếu của nhiều nhà xuất bản không chỉ ảnh hưởng đến sự tồn tại của họ, mà đã và đang tác động đến thị trường xuất bản nói chung. Lẽ ra các nhà xuất bản phải là đơn vị "cầm trịch" về chất lượng ấn phẩm, điều chỉnh thị trường xuất bản khỏi sự lêch lạc (như chạy theo thị hiếu tầm thường của một bộ phận công chúng chẳng hạn,...) thì do sự xuống dốc, yếm thế mà họ khiến cho thị trường xuất bản có lúc trở nên hỗn loạn, nảy sinh hoặc phải gánh chịu tai tiếng. Hệ lụy ở mức độ nhỏ là việc vô số tập thơ kém chất lượng được nhà xuất bản đóng dấu "xuất xuồng".

Một lãnh đạo nhà xuất bản khi được hỏi về tình trạng quá nhiều tập thơ chất lượng rất thấp vẫn được đơn vị này cấp phép đã tuyên bố: Làm thơ là quyền của mọi người, quyền được công bố thơ mình cũng là quyền chính đáng của những người làm thơ, các tập thơ không liên quan đến chính trị, chống lại đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước thì vẫn cấp phép! Bởi vậy mới sinh ra tình trạng biên tập viên chỉ chăm chăm tìm trong tập thơ có phạm lỗi "chủ trương chính sách" hay không, còn chất lượng hay dở như thế nào thì "tùy độc giả cảm nhận". Cho nên loại sản phẩm "siêu đạo thơ" của Vương Chất mới ngang nhiên xuất hiện trên thị trường.

Sở dĩ gọi là "siêu đạo thơ" vì tập thơ *Nỗi niềm* của người này đã photocopy thơ của các tác giả Hải Từ, Nguyễn Hữu Hà, Nguyễn Thị Mai... nhưng lại được khẳng định chắc nịch rằng: "Tập thơ *Nỗi niềm* thuộc bản quyền tác giả Vương Chất và gia đình tác giả"! Hệ lụy lớn hơn, kẽ hở trong liên kết giữa nhà xuất bản với đơn vị tư nhân nhanh chóng trở thành món mồi béo bở cho một số kẻ cơ hội.

Trường hợp "nhà thơ Đăng HẠ" từng làm nóng diễn đàn báo chí năm 2013 là một thí dụ. Một người không tên tuổi trong giới văn chương đứng ra thành lập cái gọi là "Câu lạc bộ sáng tác văn học nghệ thuật Việt Nam", rồi từ đây chào mời những người yêu thơ nhưng hoàn nhiên (thậm chí là háo danh?) ở các địa phương để tổ chức in ấn, xuất bản, phát hành các ấn phẩm thơ trái phép; và nhiều việc làm tùy tiện khác nữa. Mới đây là sự ra đời của cái gọi "Văn phòng sách và tri thức Việt" với tuyên bố: "Tiếp tục sẽ làm cầu nối, trợ giúp để các cá nhân, tập thể với nguyện vọng được trình làng đưa con tinh thần đã ấp ủ từ lâu sẽ không phải chờ đợi lâu hơn nữa". Dưới chiêu bài hỗ trợ cá nhân, tập thể in, viết sách, những người am hiểu lĩnh vực xuất bản đều hiểu đây là cách để người ta thu tiền và in sách theo yêu cầu của bất cứ ai, và họ có thể "lấy giấy phép ở đúng nơi tác giả mong muốn"!

Dễ thấy là nếu các nhà xuất bản chặt chẽ trong cấp giấy phép thì làm sao có những tuyên bố hùng hồn kiểu "cần giấy phép nhà nào cũng có", làm sao con buôn núp bóng nhà thơ Ngô Văn Khích - tức "nhà thơ Đăng HẠ" lại có thể ngang nhiên tồn tại! Nguy hiểm hơn nữa, sự mất kiểm soát trong việc bán giấy phép tràn lan của một số nhà xuất bản đã để lọt lưới những tác phẩm độc hại. Năm 2013 được đánh giá là năm kỷ lục của thu hồi, đình bản sách. Nào là sách tham khảo có in cờ nước ngoài, sách đồng dao phản cảm, bài toán rùng rợn chặt ngón tay, các cuốn sách có nội dung khiêu dâm... Việc lọt lưới một cách rất đáng trách, đó cũng là hệ lụy từ

tình trạng yếu kém, nếu không nói thiếu trách nhiệm, của hệ thống xuất bản, để tư nhân dần nắm quyền kiểm soát và chi phối thị trường. Một cuốn sách sai phạm bị thu hồi nhưng hậu quả không dừng lại ở đó. Vì liệu bao nhiêu giáo viên căn cứ vào *Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh* của Vũ Chất để giảng dạy cho học trò? Bao nhiêu thanh, thiếu niên mới lớn ngốn các cuốn sách sặc mùi khiêu dâm trước khi bị thu hồi?... Ai dám chắc các sản phẩm văn hóa độc hại đó không có tác động đến suy nghĩ của người đã đọc? Làm sao để uốn nắn những đứa trẻ đầy kích động khi vỗ ngực tự xưng là "sát thủ đầu mưng mủ"?

Sự độc hại của các ấn phẩm kém chất lượng, thậm chí là lèch lạc, biến thái là hết sức nguy hiểm, vì có tác động vô hình, có thể làm thay đổi tâm tính, nhận thức người đọc, nhất là các độc giả trẻ. Các nhà quản lý không phải không nhìn thấy nguy cơ này. Ông Phạm Quốc Chính, Phó Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành trong một bài trả lời phỏng vấn đã chỉ rõ: "Các nhà xuất bản tổ chức bộ máy yếu kém, không coi trọng nâng cao năng lực làm sách mà chỉ tập trung vào việc bán giấy phép. Sắp tới Cục sẽ có cuộc họp kiểm điểm toàn bộ các nhà xuất bản". Hy vọng công việc này sớm được tiến hành, sẽ có hiệu quả cụ thể, thiết thực trong đời sống xã hội.

ĐÙNG NÚP DANH TỪ THIỆN ĐỂ TRỰC LỢI CÁ NHÂN*

KHÁNH HÀ

Gần đây, một số phương tiện truyền thông trên thế giới đã đưa ra các thông tin, hình ảnh không phải để nhận được sự đồng cảm mà như để gây nên sự tức giận, phẫn nộ trong công chúng. Ở Việt Nam, các câu chuyện theo xu hướng này cũng đã xuất hiện, đặt ra những vấn đề cần quan tâm, nhất là trong bối cảnh mạng xã hội phát triển...

Từ việc nghiên cứu hiện tượng một số phương tiện truyền thông có xu hướng đưa ra những thông tin, hình ảnh không phải để nhận được sự đồng cảm mà như để gây nên nỗi tức giận, phẫn nộ trong công chúng, các chuyên gia truyền thông trên thế giới khái quát thành khái niệm "poverty porn". Dịch theo nghĩa người Việt vẫn hiểu về "porn" thì sẽ không phản ánh đúng nội hàm khái niệm, vì như một bài báo đăng trên aidthoughts.org thì "poverty porn" được sử dụng để chỉ hiện tượng "các phương tiện truyền thông đăng tải những bài viết, ảnh hoặc phim trong đó khai thác tình trạng của người nghèo nhằm mục đích kích động sự thương hại, tạo ra sự cảm thông để bán báo, hay gây quỹ từ thiện, hỗ trợ vì nguyên nhân nào đó", nên đã có tác giả dịch "poverty porn" là "xem nghèo", và bài viết sử dụng cách dịch này.

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 24-10-2014.

Ở Việt Nam, hiện tượng "xem nghèo" từ lâu đã tồn tại trên hệ thống truyền thông và ngày càng đa dạng, trong đó có thể coi thông tin về một số sự kiện, hiện tượng là bất cập, không dễ làm sáng tỏ. Bởi, tiếp xúc với báo chí hằng ngày (nhất là báo, trang tin trên mạng), luôn có thể gặp các câu chuyện thương tâm, hình ảnh về những cảnh đời khốn khổ, bất hạnh. Trong đó, nhiều thông tin đúng sự thật, nhưng cũng có thông tin được một số báo hoặc trang điện tử cố tình tô vẽ "thêm mắm, thêm muối" cho các mảnh đời vốn đã nhiều bất hạnh. Qua đó, nhằm tác động tới lòng trắc ẩn của người đọc, gợi nên sự thương hại, nhằm đạt mục đích khác nhau, trong đó có cả mục đích câu khách.

Chia sẻ, giúp đỡ, kêu gọi cộng đồng cùng phối hợp giúp đỡ người gặp hoạn nạn, cuộc sống nghèo khó hoặc ốm đau, lâm vào hoàn cảnh thương tâm,... vốn là điều rất bình thường trong sinh hoạt của mọi cộng đồng, với người Việt Nam, đó còn là đạo lý, truyền thống, biểu thị cho lòng nhân ái theo tinh thần "lá lành đùm lá rách", "thương người như thể thương thân"... Những năm qua, hệ thống truyền thông đã rất tích cực cùng xã hội phát huy tinh thần tương thân, tương ái tiếp nối đạo lý của cha ông. Nhờ báo chí, nhiều cảnh ngộ khó khăn đã được giúp đỡ, nhiều trẻ em nghèo được hỗ trợ đến trường, chữa trị bệnh tật hiểm nghèo; nhiều ngôi nhà mới, trường mới, tấm áo mới đã đến với gia đình chính sách, người già cô đơn, đồng bào vùng sâu, vùng xa, hay vùng còn có nhiều khó khăn... Tuy nhiên, trong một số trường hợp, báo chí lại tỏ ra thiếu khán giả, hư cấu tin tức giật gân về sự nghèo khó, vất vả, thậm chí xuyên tạc chính sách và việc thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước, qua đó tác động tiêu cực đến người đọc, gây dư luận xấu.

Thí dụ, gần đây một số báo chí đưa chuyện em bé tám tuổi "chết vì đói" ở Hà Tĩnh. Chuyện đau lòng này gây xúc động, khiến

người đọc thương cảm, nhất là khi báo chí đưa thông tin về "hoàn cảnh khốn khổ" của gia đình em. Có báo kể, khi được vớt lên, trên người em là bộ quần áo vá chằng vá đụp, ở nhà em cũng không còn bộ quần áo nào lành lặn, ba đứa em cũng thường xuyên nhịn đói. Rất nhiều bạn đọc bày tỏ lòng thương cảm thông qua các bình luận: "thật xót xa cho cái chết của em bé", "quá thương tâm", "cảm thấy động lòng, rưng rưng nước mắt vì sự ra đi của bé"... Câu chuyện về cháu bé lan truyền rất nhanh trên các diễn đàn internet, các mạng xã hội. Nhưng sau khi một số tờ báo, nhất là báo *Tiền Phong* với bài "Đi tìm sự thật về học sinh "chết vì đói" ở Hà Tĩnh", đã xác minh (với các thông tin, như: Nơi xảy ra tai nạn có cầu đường không bằng phẳng đi qua rất dễ bị xóe, mất tay lái; nước suối lên cao và chảy xiết nhưng phát hiện, xử lý chậm; gia đình luôn được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, thậm chí được ưu tiên hơn, căn nhà gia đình đang sống được hỗ trợ từ Chương trình 167, các thành viên trong gia đình đều được cấp thẻ bảo hiểm y tế, trong nhà lúa đầy sập, có xe máy, tivi, các phương tiện cần thiết khác; riêng cháu bé, năm 2012 đã được Quỹ Bảo trợ trẻ em hỗ trợ 50 triệu đồng để mổ tim, cháu được hưởng chế độ bảo trợ xã hội 180 nghìn đồng/tháng và mới được tăng lên 360 nghìn đồng/tháng, cháu được nhà trường miễn mọi khoản tiền đóng góp xây dựng trường, tiền may đồng phục), xác định nguyên nhân cái chết của cháu bé không phải vì đói, thì dư luận lắng dần. Vậy là câu chuyện thương tâm nhưng với lối đưa tin bịa đặt, hư cấu thêm chi tiết để dựng nên bức tranh "khốn khổ" do một số báo mạng thực hiện đã không như chỉ kêu gọi sự giúp đỡ, mà còn kích thích để có nhiều cú nhấp chuột vào đọc tin, và đáng tiếc là tạo cơ hội cho kẻ xấu lợi dụng để xuyên tạc, vu cáo.

Sự rùm beng đôi khi thái quá của một số phương tiện truyền thông khi đưa ra các câu chuyện khốn khó, khiến công chúng ngay

từ đầu phải tiếp nhận một cách bị động, gần như là chỉ biết chia sẻ và thấy cần phải giúp đỡ bằng tiền. Thường thì góp tiền giúp đỡ người nghèo là việc làm dễ dàng nhất, thay vì phải tìm hiểu cẩn nguyên, góp phần giải quyết từ cội rễ. Thực tế cho thấy, những sản phẩm của xu hướng truyền thông "xem nghèo" thường mang đến sự giúp đỡ về mặt vật chất cho người nghèo khó; tuy nhiên, sự giúp đỡ đó chỉ giải quyết được khó khăn tạm thời. Và chính nguồn vật chất cộng đồng đóng góp hỗ trợ giải quyết khó khăn lại dễ tạo ra tâm lý ỷ lại ở người được giúp đỡ, mà trường hợp em Hào Anh ở tỉnh Cà Mau là một thí dụ, số tiền cộng đồng đóng góp hỗ trợ em sẽ có ý nghĩa gì sau khi gần đây em có một số hành xử không hay? Đó chính là lý do để Nhà nước, trong nỗ lực xóa đói giảm nghèo, nhất là với đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, đã tiến hành: Nếu trước đây Nhà nước giúp "con cá" thì nay khi cần mới giúp "con cá", còn chủ yếu giúp "cần câu" và hướng dẫn sử dụng "con cá đã câu được" như thế nào, chỉ như vậy, mới giúp xóa bỏ tận gốc cái nghèo. Một vấn đề nữa là xu hướng "xem nghèo" phát triển mạnh trong thời kỳ mạng xã hội rất phát triển, ai cũng có thể tham gia. Bất cứ ai có tài khoản trên mạng xã hội đều có thể đăng tải bức hình, câu chuyện thương tâm, qua đó kêu gọi ủng hộ, giúp đỡ. Điều này ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến tính xác thực của sự việc, dẫn tới hệ quả là đôi khi giúp đỡ không đúng người, đúng việc. Thực tế cho thấy đã có một số hội, nhóm từ thiện lập ra trên facebook với mục đích lừa đảo, lợi dụng việc đăng tải hình ảnh, câu chuyện về hoàn cảnh đáng thương để kêu gọi giúp đỡ. Thí dụ như vừa qua, một facebooker đã tố cáo admin "Hội các ông bố và bà mẹ Nhân ái Hà Nội" đã lợi dụng bé Nguyễn Thị Ngọc Ánh 10 tuổi bị khuyết tật để chiếm đoạt hơn 24 triệu đồng từ sự giúp đỡ của mọi người!

Xu hướng truyền thông "xem nghèo" có những mặt tích cực không thể phủ nhận, nhưng cần xem xét thấu đáo mặt trái.

Giúp đỡ người nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, làm từ thiện trong xã hội là các công việc hết sức chính đáng, cần được trân trọng, khuyến khích. Tuy nhiên, mọi sự giúp đỡ cần xuất phát từ lòng chân thành, hướng thiện và thực hiện đúng cách. Phải coi từ thiện là lương tâm xã hội, là đạo lý thường trực trong mỗi con người, chứ không bị biến thành phương tiện trực lợi cá nhân. Do đó, cần chấn chỉnh việc một số báo mạng sử dụng sản phẩm "xem nghèo" để thu hút người đọc, bán báo, hay câu khách, phải trở về với mục đích đúng nghĩa của từ thiện. Truyền thông phải giúp tiếp cận trực tiếp đến con người để chia sẻ chứ không phải để làm đau thêm nỗi đau, nhất là khi cố tình soi mói, "bới lông tìm vết" để tăng thêm sức nặng cho thông tin. Lòng nhân ái không được đặt đúng chỗ, lại có thể ảnh hưởng, tác động tiêu cực đến xã hội, con người.

PHẦN IV

**ĐẤU TRANH VỚI CÁC LUẬN ĐIỆU
THÙ ĐỊCH, SAI TRÁI**

MỘT GÓC NHÌN CHỦ QUAN VÀ PHIẾN DIỆN!*

MINH TRÍ

Ngày 11-7-2012, website foreignpolicy.com (Hoa Kỳ) đã công bố bài báo "Sự cáo chung của Sự thần kỳ Việt Nam" (The End of the Vietnamese Miracle) của tác giả Geoffrey Cain...

Trong bài báo này, mặc dù thừa nhận một số thành tựu đầy ấn tượng về phát triển kinh tế của Việt Nam thời gian qua, tác giả cũng thể hiện một góc nhìn chủ quan và phiến diện về triển vọng kinh tế Việt Nam...

Theo Geoffrey Cain, trong suốt hai thập kỷ kể từ sau năm 1986, khi Việt Nam tiến hành sự nghiệp đổi mới, tăng trưởng GDP đạt con số đáng nể, với mức bình quân 7,1% hằng năm. Một nước Việt Nam ổn định về chính trị, xã hội, với lực lượng lao động trẻ giá rẻ, cơ sở hạ tầng thuận lợi, nổi lên như là sự lựa chọn hợp lý của các nhà đầu tư thế giới và tiếp nhận dòng đầu tư nước ngoài ngày càng nhiều. Vốn ròng đổ vào Việt Nam tăng gấp hơn ba lần, lên đến 9,6 tỷ USD trong năm 2008 so với năm 2006. Việt Nam khi đó dường như là câu chuyện thành công tiếp theo của châu Á. Thậm chí Goldman Sachs đã từng cho rằng: "Việt Nam là con hổ châu Á tiếp theo đang xuất hiện"...

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 31-7-2012.

Tuy nhiên, Geoffrey Cain đã rất chủ quan và phiến diện khi cho rằng "điều thần kỳ Việt Nam" nêu trên có vẻ đã cáo chung. Đồng thời, Geoffrey Cain phác họa bức tranh u ám về năm 2012 và triển vọng phát triển kinh tế Việt Nam, nhất là khu vực doanh nghiệp nhà nước, với gánh nặng nợ xấu, đồng nội tệ yếu, lạm phát, tình trạng quan liêu và lợi ích nhóm hoành hành đang mất dần lợi thế cạnh tranh giá thấp. Geoffrey Cain cũng cảnh báo Việt Nam còn lúng túng trong quản lý nền kinh tế và phải thực hiện một số cải cách kinh tế cơ bản để duy trì khả năng cạnh tranh, cũng như không nên dùng cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu để biện hộ cho chính sách tiếp tục như cũ...

Trước hết, về khía cạnh quan, theo nhận định chung của nhiều tổ chức và chuyên gia thế giới, bốn năm qua, nhất là nửa đầu năm 2012, là giai đoạn khó khăn đỉnh cao của kinh tế thế giới. Khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu tiếp tục lan tỏa, với sự quay lại vòng xoáy suy giảm mới, thậm chí nguy hại hơn, đe dọa sự phát triển chung mọi mô thức và cơ hội phát triển của hầu hết các nước trên thế giới, trực tiếp gia tăng sức ép nợ công, với các cuộc xuống đường đòi an sinh xã hội làm rung chuyển châu Âu và nhiều châu lục khác. Trong khi đó, không gian chính sách vĩ mô và các nguồn lực công bị thu hẹp đáng kể; sự chịu đựng của khu vực doanh nghiệp và dân cư đã tới giới hạn; nhiều đầu tàu kinh tế bị mất sức kéo và ngày càng tôt đậm xu hướng gia tăng các hàng rào bảo hộ, cũng như thắt chặt tiêu dùng, thu hẹp thị trường. Ngay tại nước Mỹ, cường quốc kinh tế số 1, "cái nôi khủng hoảng", nơi tập trung trí tuệ và sức mạnh vật chất và công nghệ hàng đầu thế giới, cũng như khu vực EU, ngót bốn năm nay vẫn đang loay hoay vật lộn tìm kiếm lối thoát và chưa thống nhất về các giải pháp khắc phục áp lực suy giảm kinh tế kéo dài. Tại Mỹ và nhiều nước châu Âu, liên tiếp gia tăng thâm hụt ngân sách nhà nước và gánh nặng

nợ công, làn sóng phá sản ngân hàng, sự trầm lắng thị trường bất động sản và thị trường chứng khoán, nạn thất nghiệp cao và nhiều đe dọa an ninh - kinh tế - xã hội truyền thống và phi truyền thống khác chưa hề có kể từ sau cuộc Đại suy thoái 1929-1933...

Trong bối cảnh đó, sự phát triển kinh tế Việt Nam - với tư cách là một hợp phần hữu cơ của thế giới, là khó tránh khỏi khó khăn chung, như nhận định của bà Christine Lagarde, Giám đốc điều hành IMF đầu tháng 7-2012 mới đây: "Trong thế giới kết nối toàn cầu như hiện nay, chúng ta không thể chỉ xem xét những gì đang diễn ra ở từng nước. Cuộc khủng hoảng này không phân biệt biên giới, mà đang gõ cửa tất cả các quốc gia trên thế giới". Đối với Việt Nam, những khó khăn càng phức tạp hơn, bởi vừa phải chịu áp lực của quá trình tăng tốc chuyển đổi nền kinh tế (vừa ra khỏi mức chậm phát triển) từ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang mô hình kinh tế thị trường, từ phương thức phát triển chủ yếu bề rộng sang bề sâu, mở cửa và hội nhập ngày càng sâu, rộng và đầy đủ, cạnh tranh với các nền kinh tế khu vực và thế giới; đồng thời, vừa phải chịu áp lực giữ vững ổn định chính trị - xã hội và bảo đảm an sinh xã hội.

Hơn nữa, cần thấy rằng, hầu hết khó khăn kinh tế của Việt Nam mà Geoffrey Cain nêu trên đều đã sớm được nhận diện và đang từng bước được giải quyết. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI và các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, 4 và 5 của Đảng Cộng sản Việt Nam vừa qua, cũng như trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, hội nghị và các văn bản chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước Việt Nam các cấp, đã nhấn mạnh yêu cầu xúc tiến xây dựng, triển khai các đề án tạo các đột phá về thể chế (trước hết là thể chế kinh tế), đột phá về đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trẻ, lành nghề và đột phá về phát triển cơ sở hạ tầng. Trước mắt, Việt Nam đang xây dựng

và từng bước triển khai các đề án tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Trong đó, tập trung tái cơ cấu đầu tư (trước hết là đầu tư công); tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước và tái cơ cấu thị trường tài chính với trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính.

Đồng thời, không thể không thấy rằng, Việt Nam đã khá thành công trong chủ động kiềm chế lạm phát theo kế hoạch (chính Geoffrey Cain đã phải thừa nhận, Việt Nam đã giảm lạm phát từ 23% vào tháng 8-2011 xuống còn 6,9% trong tháng 6-2012 so với cùng kỳ năm trước); duy trì tăng trưởng kinh tế ở mức cao trên thế giới và trung bình của khu vực (GDP 6 tháng đầu năm 2012 tăng 4,38%); bảo đảm an sinh và ổn định chính trị - xã hội... Việt Nam đã có nhiều quyết sách đúng đắn cần thiết kiểm soát và giải tỏa tình trạng nợ xấu (từ 10% xuống còn dưới 8%); giữ vững sự ổn định tỷ giá đồng Việt Nam, cải thiện dự trữ quốc gia, chủ động kiểm soát và giữ vững sự ổn định thị trường ngoại hối, khả năng thanh khoản của hệ thống ngân hàng, thị trường bất động sản; linh hoạt giảm tải chi phí cho doanh nghiệp cả về nghĩa vụ tài chính, lãi suất tín dụng và thể chế quản lý, giảm tình trạng hàng tồn kho (từ trên 34% trong quý 1-2012 xuống hiện còn dưới 29%). Xuất khẩu sáu tháng đầu năm 2012 ước đạt 53,33 tỉ USD, tăng 22,7% so với cùng kỳ năm trước và đã đạt trạng thái xuất siêu khoảng 300 triệu USD trong tháng 6-2012. Vị thế và quan hệ quốc tế của Việt Nam không ngừng được củng cố, nâng cao. Về triển vọng trung hạn, Việt Nam vẫn là nơi đầu tư ít rủi ro nhất, điểm đến và sự lựa chọn hàng đầu của các nhà đầu tư, nhất là từ các nền kinh tế thị trường và có nền công nghiệp phát triển, như Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc... Vì vậy, đầu tháng 6-2012, Tổ chức xếp hạng tín nhiệm Standard & Poor's (S&P) của Mỹ đã nâng triển vọng của Việt Nam từ tiêu cực lên mức ổn

định, nâng đánh giá từ mức tiêu cực của Vietinbank và BIDV lên mức ổn định. Trong tương quan với các nước ASEAN khác, xếp hạng dài hạn của Việt Nam được nâng lên axBB+ từ mức axBB. Theo S&P đánh giá, các rủi ro về kinh tế vĩ mô và ổn định tài chính đối với Việt Nam đã giảm xuống. Những chỉ số chủ chốt như tăng trưởng tín dụng, dự trữ ngoại hối và lãi suất tiền đồng đã được cải thiện trong 18 tháng qua. Cùng chung nhận định này, trong báo cáo về Việt Nam mà Ngân hàng ANZ mới công bố ngày 23-7-2012, tính chung mức cả năm 2012, GDP sẽ tăng trưởng ở mức 5,5 - 5,7% (so với mức 6 - 6,5% Quốc hội giao; và theo Hội nghị tổng kết công tác sáu tháng của ngành Kế hoạch và Đầu tư ngày 4-7-2012, Việt Nam sẽ đạt được 14/15 chỉ tiêu kế hoạch Quốc hội giao năm 2012); đồng Việt Nam chỉ giảm giá 2%; lạm phát sẽ ở mức 6 - 7% và sẽ vẫn dừng ở mức 1 con số trong năm 2013 nếu không có những đột biến trong nước và quốc tế nào khác.

Bên cạnh đó, Việt Nam đang có những đổi mới quan trọng về điều hành kinh tế. Trên thực tế, Việt Nam đã thực hiện một Luật doanh nghiệp chung duy nhất cho tất cả các doanh nghiệp, đồng thời bãi bỏ Luật doanh nghiệp nhà nước (từ năm 2010). Sự bình đẳng về điều kiện đầu thầu, giao đất, cho vay và tỷ lệ tín dụng khu vực tư nhân trong tổng dư nợ của các ngân hàng thương mại ngày càng cao. Các ý kiến phản biện xã hội từ mọi tầng lớp dân cư, doanh nghiệp và nhà khoa học, kể cả trí thức là người Việt ở nước ngoài, đã được lắng nghe và xử lý trong các quyết sách lớn của Đảng và Nhà nước. Các phiên chất vấn tại các kỳ họp Quốc hội đã được truyền hình trực tiếp. Việt Nam cũng đã thông qua quy chế lấy phiếu tín nhiệm bắt buộc và định kỳ cho tất cả chức danh được Quốc hội bầu. Trách nhiệm nghiên cứu thấu đáo và giải trình của người đứng đầu được nâng cao. Sự minh bạch và thuận lợi trong tiếp cận thông tin ngày càng được cải thiện. Hiện 96,6% các bộ,

ngành có website riêng, 100% các tỉnh, thành phố có cổng thông tin điện tử, 83,6% các thông tin chỉ đạo ban hành được đưa lên mạng. Báo cáo xếp hạng mới nhất của Liên hợp quốc về Chính phủ điện tử đã đưa Việt Nam từ vị trí thứ 90 (2010) lên vị trí thứ 83 (2012), đứng thứ tư trong khu vực Đông Nam Á, sau Xingapo, Malaixia và Brunây... Theo báo cáo trong tháng 6-2012 của Ngân hàng HSBC, giai đoạn khó khăn nhất của nền kinh tế Việt Nam đã qua. Đồng thời, HSBC cũng đánh giá cao việc Bộ Công thương soạn thảo chiến lược các doanh nghiệp vừa và nhỏ nước ngoài để phát triển các cụm công nghiệp như là những bước đi cần thiết để Việt Nam tăng năng suất của nền kinh tế và giảm bớt sự phụ thuộc vào mô hình tăng trưởng phụ thuộc vào dầu vào.

Giải bài toán tái cấu trúc, vượt qua suy giảm kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội hiện nay, với nhiều thách thức, vấn đề và tính chất chưa hề có tiền lệ trong bối cảnh một thế giới đang thay đổi mạnh mẽ, đòi hỏi sự đổi mới và sự kết hợp hài hòa giữa thị trường và nhà nước, là một quá trình phức tạp của mỗi quốc gia và cả thế giới đương đại. Với truyền thống và kinh nghiệm quý báu, với tư duy và quyết tâm chính trị mới, với vị thế, thành quả và các nguồn lực mới, Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục sáng tạo, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, đẩy nhanh hơn công cuộc đổi mới và hội nhập toàn diện, tiếp tục phát triển ấn tượng và bền vững hơn.

Với tinh thần đó, có thể nói, "Sự thần kỳ Việt Nam" không phải đã kết thúc, mà thật sự đã và đang trỗi dậy trong xu thế hội nhập.

VỀ MỘT BÀI VIẾT BÓP MÉO SỰ THẬT LỊCH SỬ*

THIỀN PHƯƠNG

Thời gian qua, website của đài RFI tiếng Việt đã đăng bài viết của Thụy Khuê có nhan đề: "Ai viết những bài ký tên Nguyễn Ái Quốc tại Pháp từ 1919 đến 1923?" Trong bài Thụy Khuê đưa ra một số "nghi vấn" về "trình độ học vấn" của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc, rồi lấy đó làm cơ sở để trả lời theo hướng tiêu cực, bất chấp sự thật lịch sử.

Trong bài "Ai viết những bài ký tên Nguyễn Ái Quốc tại Pháp từ 1919 đến 1923?" từ một số tài liệu của Daniel Hémery về những ngày Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành đi học tại Huế cùng một số trích dẫn từ cuốn sách *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* như: trên tàu Latouche-Tréville "mỗi ngày anh Ba phải làm từ 4 giờ sáng", "công việc kéo dài suốt ngày", "suốt ngày anh Ba đầm nước, hơi và mồ hôi, mình đầy bụi than", buổi tối có hai người lính giải ngũ, về Pháp, tốt bụng, "dạy cho anh đọc và viết"... Khi làm vườn cho ông chủ tàu ở Sainte Adresse, thì "anh học tiếng Pháp với cô sen"... Thụy Khuê đi đến chỗ cho rằng: dù xuất thân từ một gia đình quan lại nhưng khi xuất dương, Nguyễn Tất Thành vẫn phải sống

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 24-8-2012.

một cuộc sống nghèo khổ, cực nhọc, không được học qua các trường đào tạo cấp cao của Pháp, không có bằng cấp như Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh, nên ông không đủ kiến thức và Pháp văn để viết, và vai trò của ông trong tờ báo *Le Paria* chỉ là "giữ sổ sách, tập viết mấy dòng tin tức, in và phát truyền đơn"!

Căn cứ vào thực tế lịch sử cùng nhiều tài liệu đã công bố, cần khẳng định ý kiến của Thụy Khuê chỉ dựa trên số tư liệu sơ sài, được tập hợp phiến diện nhằm phục vụ ý đồ đánh giá thấp, phủ nhận khả năng và trí tuệ thiên tài của Hồ Chí Minh. Theo các tài liệu được sưu tầm và khảo cứu công phu trong bộ sách *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử* (đặc biệt là bản xuất bản năm 2006-2009, đã sửa chữa và bổ sung) - bộ sách mà Thụy Khuê đã vô tình hay cố tình không nhắc đến, có thể biết lần đầu Nguyễn Sinh Cung tới Huế là khoảng cuối năm 1895. Nguyễn Sinh Cung đi học tại một căn nhà ở làng Dương Nỗ (nay thuộc xã Phú Dương, Phú Vang, Thừa Thiên - Huế). Bạn học của cậu là những cậu bé trong làng, thầy giáo là người cha thân yêu. Tấm gương quyết chí vượt qua khó khăn để học tập của người cha, tấm lòng dịu hiền của người mẹ tần tảo, chịu thương chịu khó, rất mực thương chồng, thương con, ăn ở nhân đức với mọi người in sâu trong tâm khảm cậu bé Cung trong những ngày ở Huế, khi cậu bắt đầu có những nhận thức riêng trên bước trưởng thành. Khoảng thời gian lần đầu ở Huế của Nguyễn Sinh Cung khép lại bằng một kỷ niệm buồn, vì sự ra đi của người mẹ hiền (tháng 2-1901). Nhưng hơn 5 năm ở Huế cũng đã cho Nguyễn Sinh Cung những hiểu biết đầu tiên về xã hội thuộc địa - phong kiến ở giữa trung tâm của nó.

Nguyễn Tất Thành đến Huế lần thứ hai khi không còn là cậu bé Nguyễn Sinh Cung mà đã là người thanh niên Nguyễn Tất Thành. Với tên Nguyễn Sinh Côn, anh học ở Trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba các năm học 1906-1907 (lớp dự bị) và 1907-1908

(lớp sơ đẳng); ở Trường Quốc học năm học 1908-1909 (lớp nhì). Khoảng thời gian Nguyễn Tất Thành học tập ở Huế cũng là lúc đất nước diễn ra nhiều biến động chính trị: Phan Bội Châu với Duy Tân hội và phong trào Đông Du do ông phát động lan rộng trong giới sĩ phu và thanh niên; phong trào chống thuế bùng phát ở Trung Kỳ từ năm 1906 kéo dài tới năm 1908; năm 1907, Trường Đông Kinh nghĩa thục đầu tiên mở tại Hà Nội rồi ở một số tỉnh miền Bắc, truyền bá nhiều tư tưởng mới, cổ động cho phong trào cải cách, dân chủ... Những biến động đó đã có nhiều tác động tới không khí chính trị ở Huế. Và Nguyễn Tất Thành tiếp nhận những ảnh hưởng đó từ ghế nhà trường, trước hết là Trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba, rồi sau đó ở Trường Quốc học.

Tháng 4-1908, Nguyễn Tất Thành học ở Trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba. Khi những bất công xảy ra và tích tụ ở Huế - trung tâm hành chính của Nam triều và của Pháp ở Trung Kỳ, Nguyễn Tất Thành đã đứng về phía nhân dân lao động và bênh vực họ. Anh đã tham gia và chứng kiến cuộc biểu tình chống thuế của nông dân Thừa Thiên - Huế bị đàn áp dã man. Câu hỏi về nguyên nhân thất bại của phong trào và về phương pháp đấu tranh đã được Nguyễn Tất Thành đặt ra từ ngày đó. Cũng vì tham gia biểu tình chống thuế mà Nguyễn Tất Thành bị nhà cầm quyền "để ý". Ông Nguyễn Sinh Huy (Nguyễn Sinh Sắc) bị quan cai trị thực dân ở Tòa Khâm khiển trách vì con trai ông có những hoạt động bài Pháp. Trong lần trở lại Huế, Nguyễn Tất Thành tiếp thu nhiều tri thức văn hóa phương Tây, một số tư tưởng cải cách và chiêm nghiệm về con đường cứu nước của cha anh. Tuy vốn tiếng Pháp còn ít ỏi, nhưng Nguyễn Tất Thành đã bắt đầu tiếp xúc với sách báo Pháp. Ảnh hưởng từ sách báo tiến bộ và từ các thầy giáo tân học mà anh được tiếp xúc đã nuôi lớn dần ý muốn sang phương Tây để tìm hiểu tình hình các nước lớn và học hỏi những tinh hoa văn minh nhân loại.

Kết quả của những tiếp xúc văn hóa đó là một ý tưởng lớn đã hình thành, dần được bồi đắp, đó là: tìm con đường học hỏi để tiếp thu những điều tiến bộ, mong có thể giúp ích cho dân, cho nước. Con đường đó phải là con đường mới, khác với con đường các nhà yêu nước tiền bối đã đi. Những băn khoăn, trăn trở về thân phận con người và quyền dân tộc đã ám ảnh trong tâm trí Nguyễn Tất Thành. Khi cha bị triệu hồi từ Bình Khê về Huế (tháng 1-1910), anh không trở lại Huế cùng cha mà quyết định sang phương Tây để tìm đường cứu nước. Nguyễn Tất Thành đã chọn con đường riêng của mình. Con đường đó sơ khởi từ những năm học dưới mái trường ở Huế.

Khác với những gì Thụy Khuê khẳng định, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã dày công trang bị cho mình vốn kiến thức đủ sâu sắc và phong phú từ các bước đi đầu tiên trên con đường hoạt động chính trị. Với tinh thần hiếu học của Người, sau này Người tiếp tục học tiếng Pháp với luật sư Phan Văn Trường và nhiều người khác. Về sự học tập của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc, sử gia Pháp Daniel Hémery đánh giá: "Hồ Chí Minh không hoàn thành trọn vẹn một chương trình giáo dục nào, ông cũng không tiếp nhận đầy đủ một nền tri thức hiện đại cũng như nền Nho học cổ truyền mà đứng giữa hai nền văn hóa đó. Ông là một người tự học đầy tài năng, là hình mẫu của giới trí thức không bằng cấp, sẽ giữ vai trò quyết định trong phong trào cách mạng". Có thể nêu một thí dụ về tấm gương tự học, tự rèn luyện của Người. Trong cuốn *Những mẩu chuyện và đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* của Trần Dân Tiên kể về việc rèn luyện học viết báo của Bác: "Ông Nguyễn bắt tay vào việc học làm báo thường lui tới tòa báo *Dân chúng*, ông làm quen với những người Pháp khác, trong đó có chủ bút tờ *Đời sống thợ thuyền*. Cũng như ông Lôngghê (cháu ngoại Các Mác, nghị viên Quốc hội Pháp, chủ bút báo *Dân chúng*),

người chủ bút này rất đáng mến. Ông bảo ông Nguyễn viết tin cho báo của ông. Ông Nguyễn bắt đầu viết rất khó khăn. Tin về Việt Nam ông không thiếu, ông thiếu nhất là văn Pháp, ông Nguyễn viết làm hai bản. Ông hết sức vui sướng khi thấy bài viết đầu tiên của mình được đăng trên báo. Ông đọc lại bài đã in, so sánh và sửa những chỗ viết sai. Ông kiên nhẫn làm theo cách ấy. Khi thấy viết đã bớt sai, ông chủ bút bảo ông: "Bây giờ anh viết dài hơn một ít". Dần dần ông Nguyễn có thể viết cả một cột báo và có khi dài hơn. Lúc bấy giờ người chủ bút bảo: "Bây giờ anh viết ngắn lại". Ông Nguyễn thấy rằng phải rút ngắn cũng khổ như trước kia phải viết dài. Nhưng cũng hết sức cố gắng. Và ông đã thành công. Ông bắt đầu vào làng báo từ đó”.

Về văn học, ông Nguyễn thích đọc Sêchxpia và Đíchken bằng tiếng Anh, Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Hoa, Huygô và Dôla bằng tiếng Pháp. Bằng con đường tự học, Người đã trang bị cho mình kiến thức rộng và khả năng sử dụng nhiều ngoại ngữ.

Không lâu sau, khi xuất hiện công khai, Nguyễn Ái Quốc đã đăng đàn diễn thuyết bằng tiếng Pháp với thính giả Pháp, như: Ngày 14-1-1920, tại số 3 đường Château-Paris, Nguyễn Ái Quốc diễn thuyết về đề tài “Sự tiến triển trong xã hội các dân tộc châu Á và những yêu cầu của nước Nam”. Ngày 11-2-1920, Nguyễn Ái Quốc thuyết trình đề tài “Chủ nghĩa cộng sản ở châu Á và vấn đề ruộng công điền ở Trung Quốc và Việt Nam” tại Hội nghị những người thanh niên cộng sản quận 2. Tại cuộc mít tinh kỷ niệm ngày 1-5 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã lên diễn đàn nói về Chương trình hoạt động của nhóm Xã hội đòi ngừng gửi người thuộc địa sang Pháp. Ngày 25-12-1920, Nguyễn Ái Quốc, đại biểu duy nhất là người từ một xứ thuộc địa, được mời tham dự Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp, tổ chức tại Tours. Ngay buổi chiều hôm sau, anh được Chủ tịch phiên họp Emile Goude mời phát biểu.

Bài phát biểu ứng khẩu, được biên bản tốc ký ghi lại cho thấy một tư duy và ngôn ngữ Pháp sắc sảo, súc tích, sáng sủa, mạch lạc, tập trung vào mục tiêu tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân, kêu gọi sự ủng hộ thiết thực với sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa. Bài phát biểu của Nguyễn Ái Quốc đã được Đại hội nhiều lần vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Chủ tịch phiên họp - E. Goude - nhận xét: "Bằng một thứ tiếng Pháp tuyệt vời (en un excellent français), ông đã tố cáo những tội ác, những hành động đàn áp và chuyên chế mà hai mươi triệu người An Nam là nạn nhân, họ bị đầu độc bằng rượu và thuốc phiện, bị bóc lột và truy nã bởi một thứ công lý tư sản đè nặng lên họ. Tất cả những đảng viên xã hội nhất trí phản kháng, chống lại những bất công và tội ác của thứ công lý tư sản ở Đông Dương".

Kết quả những cố gắng học tập, trau dồi tri thức của Người trong những năm đầu thế kỷ XX đã nhanh chóng được khẳng định ngay tại nước Pháp và được chính người Pháp thừa nhận. Điều đó cũng có nghĩa, cái gọi là "nghiên cứu của Thụy Khuê" chỉ là hệ quả của lối nghiên cứu cực kỳ phiến diện, bóp méo sự thật mà thôi.

"KHÔNG NÊN MỘT MỤC CHO RẰNG MÌNH LÀ ĐÚNG VÀ NUỚC KHÁC LÀ SAI"

TRẦN QUANG HÀ

Ngày 14-6-2012, một bài báo có nhan đề "Việt Nam xếp hạng 34/158 về Chỉ số hòa bình toàn cầu" được công bố trên website của Đài Tiếng nói Hoa Kỳ - VOA. Bài báo cho biết, theo bảng xếp hạng Chỉ số hòa bình toàn cầu 2012 (Global Peace Index - GPI) do Viện Kinh tế và Hòa bình có trụ sở tại Ôxtrâylia công bố thì Việt Nam đứng thứ 34 trên tổng số 158 quốc gia được khảo sát. Tuy nhiên, đọc bài báo, rất dễ nhận ra một điều "hơi bất thường" là trong khi phác thảo khá chi tiết về bức tranh hòa bình của thế giới từ năm 2009 đến năm 2012, dường như tác giả bài báo lại "quên" không cho người đọc biết Hoa Kỳ xếp thứ bao nhiêu trên bảng xếp hạng này!? Và trên thực tế, bảng xếp hạng Chỉ số hòa bình toàn cầu 2012 xếp Hoa Kỳ ở vị trí... 88/158! Từ việc "tính toán 23 yếu tố khác nhau như tình trạng bạo lực, bất ổn chính trị, chi tiêu ngân sách quốc phòng, bên cạnh một số yếu tố cho thấy sự phát triển xã hội khác như tham nhũng, tự do báo chí, tôn trọng nhân quyền và tỷ lệ người đến trường", Chỉ số hòa bình toàn cầu do Viện Kinh tế và Hòa bình tiến hành đã đưa tới một sự tin cậy nhất định, hẳn là vì thế, cũng theo VOA: "Chỉ số này hiện được nhiều tổ chức quốc tế,

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 18-9-2012.

các chính phủ, và các tổ chức phi chính phủ kể cả Ngân hàng Thế giới và Liên hợp quốc sử dụng".

Ấy vậy mà vừa qua, dư luận lại được chứng kiến một sự kiện oái oăm và hy hữu là trong khi bảng xếp hạng Chỉ số hòa bình toàn cầu 2012 vẫn còn nguyên giá trị, ít nhất là trong năm 2012, thì ngày 11-9, Hạ nghị viện của quốc gia xếp thứ 88 lại thông qua hai văn bản có mục đích "thúc đẩy sự phát triển của tự do và dân chủ" ở quốc gia đứng thứ 34! Trước sự kiện này có thể nói, đối với những dân biểu của Hạ viện Hoa Kỳ bỏ phiếu để thông qua hai văn bản, thì Chỉ số hòa bình toàn cầu 2012 cũng chẳng có ý nghĩa gì, có lẽ họ đang hành xử để thỏa mãn những đòi hỏi nằm ngoài nội dung nhân quyền, chứ không vì nhân quyền đích thực? Vì lẽ, nhân quyền ở một quốc gia là một hệ thống giá trị toàn diện cùng các lĩnh vực hoạt động tương ứng và cụ thể; qua đó, con người được tạo điều kiện để phát triển, thực hiện những quyền cơ bản của mình. Với ý nghĩa ấy, hiển nhiên ở Việt Nam hay bất kỳ quốc gia nào khác, nhân quyền không chỉ gồm "các tổ chức cộng đồng, các blogger, các nhà hoạt động dân chủ, bất đồng chính trị hoặc tôn giáo, các cá nhân đã gửi, xuất bản, hoặc phân phối dữ liệu liên quan đến dân chủ" như người ta định danh trong Nghị quyết H.Res.484 và Dự luật H.R.1410 để biện hộ cho các tổ chức, cá nhân vi phạm luật pháp Việt Nam và đã bị luật pháp Việt Nam xử lý.

Hơn thế nữa, phải nói thẳng rằng nội dung hai văn bản H.Res.484, H.R.1410 không khác nhiều so với nội dung các luận điệu, các số liệu và "thông cáo, thông báo" nhảm nhí mà các thế lực thù địch với Nhà nước và nhân dân Việt Nam công bố trên internet. Nói cách khác, đề cập tới nhân quyền ở Việt Nam, các dân biểu bỏ phiếu thông qua hai văn bản đã bất chấp yêu cầu về tính khách quan trong đánh giá, họ chỉ nghe theo, tin theo "điếc trân" của mấy kẻ nổi tiếng là trơ tráo như Nguyễn Đình Thắng,

Cao Quang Ánh, Võ Văn Ái,... tảng lờ, không quan tâm các thành tựu về nhân quyền mà Việt Nam đã đạt được trong những năm qua. Như ngày 14-9 mới đây, trong bài "UNICEF và chương trình Duy trì sự sống cho thiếu nhi", dù thiếu thiện chí với Việt Nam, phóng viên RFA vẫn phải viết: "Theo bà Lotta Sylwander, Trưởng Văn phòng UNICEF Việt Nam tại Hà Nội, trước kia ở Việt Nam mỗi năm cứ một nghìn trẻ dưới năm tuổi thì 66 trẻ chết mà phần lớn vì hai căn bệnh thông thường là sưng phổi và tiêu chảy. Nhưng đến giờ, chỉ 16 trên một nghìn trẻ chết trước khi được năm tuổi. Đây là kết quả vô cùng ấn tượng trong mười hai năm qua ở Việt Nam, cũng là nỗ lực rất lớn của Bộ Y tế nước này trong việc cung cấp những dịch vụ y tế cơ bản và cần thiết cho người dân trong mọi tầng lớp xã hội...". Thủ hỏi, theo các dân biểu ở Hạ viện Hoa Kỳ đã thông qua hai văn bản nói trên, thì con số và đánh giá của đại diện UNICEF có liên quan đến nhân quyền hay không?

Trong những năm qua, dù còn gặp nhiều khó khăn trong tiến trình xây dựng, phát triển đất nước, nhưng Đảng và Nhà nước Việt Nam vẫn hết sức quan tâm đến vấn đề nhân quyền; biểu hiện trực tiếp, cụ thể là Chỉ thị số 44-CT/TU của Ban Bí thư về công tác nhân quyền trong tình hình mới. Bởi có một điều thiêng liêng là, hàng triệu người Việt Nam đã hy sinh xương máu để giành lại độc lập dân tộc, vượt qua hai cuộc chiến tranh xâm lược tàn khốc, chỉ vì một mục đích duy nhất là giành lại quyền làm người cho mọi người Việt Nam. Vì thế, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn khẳng định quan điểm "vì con người", đặt con người vào vị trí trung tâm của mọi chính sách, coi con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Về mặt lập pháp, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thường xuyên phối hợp với các cơ quan hữu quan soạn thảo, xây dựng, chỉnh lý, hoàn thiện, ban hành các luật, pháp lệnh, nghị quyết với mục đích

tối thượng, duy nhất là bảo đảm quyền con người, khẳng định quyền bình đẳng của công dân, bảo đảm các quyền cơ bản trong bầu cử, ứng cử, tự ứng cử, quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, quyền được học tập,... Bên cạnh nhiều luật đã được ban hành, nhiều luật mới cũng bắt đầu có hiệu lực, như Luật khiếu nại, tố cáo; Luật phòng, chống mua bán người; Luật nuôi con nuôi; Luật tố tụng dân sự; Luật giáo dục đại học,... Về mặt hành pháp, Chính phủ Việt Nam tích cực triển khai các chương trình xóa đói, giảm nghèo; chú trọng an sinh xã hội; xây dựng hạ tầng cơ sở và hỗ trợ đồng bào ở vùng sâu, vùng xa; xây dựng hệ thống nhà trường và hỗ trợ học sinh nghèo; xây dựng hệ thống y tế các cấp từ trung ương đến địa phương, cấp bảo hiểm y tế cho người nghèo; triển khai Chương trình quốc gia về bình đẳng giới, khẳng định vị trí, vai trò xã hội của phụ nữ; khẳng định tôn trọng quyền tự do tôn giáo và tín ngưỡng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức, hoạt động của các tôn giáo; đào tạo nghề và tạo việc làm cho người lao động từ thành thị tới nông thôn; công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới; xây dựng hệ thống truyền thông hiện đại đáp ứng nhu cầu tinh thần của con người,...

Thông qua hoạt động thực tiễn, quan điểm và đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước Việt Nam đã đưa tới kết quả cụ thể, đời sống vật chất và tinh thần của toàn dân ngày càng được nâng cao, chính sách an sinh xã hội đã bảo đảm các yếu tố cơ bản nhất để mọi người dân được hỗ trợ, giúp đỡ kịp thời khi có khó khăn. Từ năm 2006 đến năm 2010, 52 triệu lượt người nghèo ở Việt Nam được cấp thẻ Bảo hiểm y tế, 8 triệu lượt học sinh nghèo được miễn, giảm học phí, hơn 400 nghìn hộ nghèo được hỗ trợ về nhà ở. Đề án Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia về quyền con người và quyền công dân do Bộ Tư pháp chủ trì sẽ được trình Thủ tướng

Chính phủ cuối năm 2012. Hệ thống báo chí Việt Nam trở thành diễn đàn ngôn luận của các tổ chức xã hội, nhân dân, là công cụ quan trọng trong kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là về quyền con người; báo chí cũng có vai trò tích cực trong một số vấn đề - sự kiện xảy ra trong xã hội (như với sự kiện ở Tiên Lãng - Hải Phòng, hơn 1.000 bài báo được công bố, Thủ tướng Chính phủ hoan nghênh các cơ quan thông tin đại chúng đã góp phần tích cực giúp các cơ quan chức năng làm sáng tỏ, có chỉ đạo phù hợp). Với lĩnh vực tôn giáo - tín ngưỡng, Nhà nước cùng chính quyền các cấp tạo điều kiện để mọi công dân theo tôn giáo - tín ngưỡng nào đó được thực hành đức tin. Các lễ Noel (Công giáo), Phật đản (Phật giáo), Lễ kỷ niệm ngày sinh Nabi Mohammad (Hồi giáo), Đại lễ vía Đức chí tôn (Cao đài), Đại lễ đản sinh đức Huỳnh giáo chủ và Lễ khai đạo (Hòa hảo),... được tổ chức trang trọng. Đặc biệt, theo thỏa thuận giữa Việt Nam và Tòa thánh Vatican, Giáo hoàng Benedicto XVI đã bổ nhiệm Đặc phái viên không thường trú của Tòa thánh Vatican tại Việt Nam, và vừa qua, Tổng Giám mục Leopoldo Girelli đã có chuyến thăm và hoạt động mục vụ lần thứ 9 ở 12 tỉnh, thành phố của Việt Nam. Đồng thời, chính sách và pháp luật về các dân tộc thiểu số được hoàn thiện để bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền lợi của đồng bào các dân tộc thiểu số. Trong đó, có thể kể tới chính sách ưu tiên của Nhà nước về giáo dục, đầu tư xây dựng hệ thống đường sá, y tế, hệ thống cung cấp điện, hỗ trợ lương thực, xây dựng hoặc hỗ trợ xây dựng nhà ở cho đồng bào thiểu số vùng sâu, vùng xa...

Có rất nhiều bằng chứng cụ thể, thuyết phục, có khả năng chứng minh Đảng và Nhà nước Việt Nam đã lựa chọn phương hướng và có quyết sách đúng đắn trong vấn đề nhân quyền, qua đó huy động sức mạnh của cả dân tộc để xây dựng một đất nước phồn vinh, quyền con người ngày càng được bảo đảm. Các bằng chứng

Ấy đủ sức bác bỏ các luận điệu xuyên tạc, bịa đặt, đổi trắng thay đen mà các thế lực thù địch đã thực hiện để vu cáo Nhà nước Việt Nam, nhưng đáng tiếc là một số dân biểu ở Hạ viện Hoa Kỳ lại tin cậy những luận điệu sai trái đó. Thiết nghĩ, trước khi bỏ phiếu thông qua Nghị quyết H.Res.484 và Dự luật H.R.1410, các dân biểu ở Hạ viện Hoa Kỳ nên tham vấn quan điểm của Giáo sư Brantly Womack ở Đại học Virginia: "Rốt cuộc thì vấn đề dân chủ và nhân quyền nên do chính người dân của nước đó giải quyết. Dĩ nhiên không phải là Hoa Kỳ nên làm ngơ, nhưng Washington cần có một thái độ tôn trọng và không nên mực cho rằng mình là đúng và nước khác là sai. Chúng ta cần phải cẩn thận để khỏi bị rơi vào một tình trạng khó xử cho cả đôi bên, đó là theo đuổi "sứ mạng giải phóng nhân loại" của thời kỳ đã qua"?

DIỄN BIẾN HÒA BÌNH KHÔNG PHẢI LÀ "SỰ PHÁT TRIỂN TẤT NHIÊN"*

HOÀNG GIANG

Gần đây, một số diễn đàn trên internet đang truyền bá quan điểm của một tác giả cho rằng "lâu nay trong nước vẫn có cách sử dụng khái niệm diễn biến hòa bình với một ý nghĩa rất tiêu cực", diễn biến hòa bình là "sự phát triển tất nhiên... Bản thân nó chỉ là một sự vận động chứ không có màu sắc gì cả"; từ đó kêu gọi Đảng Cộng sản Việt Nam "phải tự diễn biến hòa bình trong nội bộ đảng"! Đây là sự mập mờ về lý luận, mơ hồ về thực tiễn, từ đó đánh đồng mục đích, nội dung của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI) Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay với chiến lược mà các thế lực thù địch đang sử dụng để tiến công vào Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam.

Về nguồn gốc và lịch sử của diễn biến hòa bình, theo *Từ điển Bách khoa Việt Nam* thì: "Ý tưởng ban đầu về diễn biến hòa bình do các nhà hoạch định chiến lược phương Tây soạn thảo từ cuối những năm 40 thế kỷ XX, sau được tiếp tục bổ sung; cuối thập kỷ 80 thế kỷ XX, được nâng lên và hoàn chỉnh thành chiến lược. Trong điều kiện mới của so sánh lực lượng trên thế giới, chiến

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 25-9-2012.

lược diễn biến hòa bình được tiến hành chủ yếu bằng các thủ đoạn phi quân sự, nhằm "chuyển hóa hòa bình" các nước xã hội chủ nghĩa theo tư bản chủ nghĩa. Sau biến động ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, phương Tây công khai tuyên bố chuyển hướng chiến lược "kiềm chế" sang chiến lược "mở rộng" với hai nội dung cơ bản: "dân chủ hóa về chính trị" và "tự do hóa về kinh tế". Vấn đề "nhân quyền" và "dân chủ" được coi là vũ khí lợi hại¹. Qua một lược sử như thế, có thể thấy diễn biến hòa bình là một kế hoạch có chủ thể tổ chức và thực hiện, có mục đích và đối tượng cụ thể; có sự điều chỉnh liên tục nhằm thích ứng với từng giai đoạn lịch sử; đặc biệt, chủ thể của diễn biến hòa bình không hề chú ý tới sự phát triển lành mạnh của các quốc gia mà họ nhầm vào. Nếu cái gọi là "tất nhiên" được vay mượn từ luận điểm "quá trình lịch sử, tự nhiên" mà Các Mác đã chỉ ra, thì đây là sự gá ghép khiên cưỡng hai khái niệm có nội hàm rất khác nhau. Diễn biến hòa bình chỉ "tất nhiên" đối với những người đã cố công hoạch định, rồi hơn nửa thế kỷ qua vẫn kiên trì theo đuổi, liên tục thay đổi phương thức, thủ đoạn nhằm phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa về chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội,... Vì thế, không thể phủ nhận tác động rất tiêu cực của diễn biến hòa bình.

Nhìn ra thế giới, diễn biến hòa bình không chỉ là câu chuyện liên quan tới Việt Nam, bài học từ sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là bằng chứng cụ thể của tình trạng "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" kết hợp với sự suy sụp về kinh tế, sự suy giảm niềm tin,... đã đẩy tới sự sụp đổ chế độ xã hội ở hàng chục quốc gia. Hiện tại, với Trung Quốc và Nga, theo mục từ diễn biến

1. Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam: *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Hà Nội, 1995, tr.673.

hòa bình trên Wikipedia thì "Chủ tịch Hồ Cẩm Đào trong tuyên bố đầu năm 2012 của mình nhắc nhở các thành viên trong Đảng Cộng sản Trung Quốc cẩn thận với diễn biến hòa bình, kêu gọi các biện pháp tích cực chống lại "sự thâm nhiễm về văn hóa và tư tưởng của các thế lực thù địch"... Theo báo *Pravda* của Nga, Quỹ dân chủ Mỹ (NED) có mặt trên khắp đất nước Nga, thâm nhập vào diễn biến chính trị ở Nga hiện nay. Tổ chức này cũng tài trợ cho nhiều tổ chức thanh niên và các buổi thảo luận dưới nhiều hình thức khác nhau với mục đích "bồi dưỡng thế hệ lãnh đạo mới cho đất nước Nga"... Chính phủ Nga cảnh báo việc Mỹ tiếp tục tài trợ cho các tổ chức này tại Nga đang gây ảnh hưởng tới quan hệ giữa hai bên, nhất là Mỹ đang áp dụng sách lược cứng rắn trên các vấn đề liên quan đến lợi ích của Nga như vấn đề Iran và Xyri. Thứ trưởng Ngoại giao Nga Sergei Ryabkov nói với hãng thông tấn Interfax: "Hành động này đến mức trở thành một vấn đề trong quan hệ giữa hai nước. Chúng tôi thực sự quan ngại về việc Washington tài trợ cho các nhóm và phong trào nhất định tại Nga".

Gần đây hơn, các cơ quan truyền thông BBC, VOA, RFI,... đều đưa tin về sự kiện ngày 19-9-2012 Chính phủ Nga đã ra hạn tới ngày 1-10-2012 Văn phòng của USAID (Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ) tại Nga phải đình chỉ hoạt động và rời khỏi nước này. Bộ Ngoại giao Nga cho biết: "Quyết định được đưa ra vì việc làm của những người chịu trách nhiệm của cơ quan trên tại đất nước chúng tôi không phù hợp chút nào với mục tiêu đã tuyên bố, là tạo điều kiện phát triển hợp tác nhân đạo song phương. Đúng ra đây là những mưu toan gây ảnh hưởng lên các tiến trình chính trị thông qua việc tài trợ. Xã hội công dân Nga đã đủ chín chắn và không cần đến các mệnh lệnh từ bên ngoài". Bài "USAID đóng văn phòng tại Nga" trên web của BBC ngày 19-9 viết: "USAID đã làm việc tại Nga trong hai thập niên qua, chi gần 3 tỉ USD cho các chương trình viện

trợ và dân chủ... Nhà chức trách Nga ngày càng nghi ngờ các tổ chức phi chính phủ (NGOs), mà họ tin rằng đã dùng tài trợ nước ngoài để kích động bất ổn chính trị... Đầu năm nay, Tổng thống Nga V. Putin cáo buộc các cuộc biểu tình phản đối việc ông đắc cử được giật dây bởi các tổ chức phi chính phủ được Mỹ cấp tiền... Hoa Kỳ bắt đầu đưa hoạt động của các tổ chức NGO ở Nga sau khi Liên Xô tan rã và chi khoảng 2,7 tỉ USD cho một loạt các chương trình nhân quyền, xã hội dân sự, y tế và môi trường". Còn bài "Các tổ chức dân chủ Nga sẽ gặp khó khăn sau khi USAID rời khỏi Nga" đăng trên web của VOA thì viết: "Trong thập niên qua, số tiền viện trợ giảm sút, nhưng càng ngày càng đổ vào các tổ chức nhân quyền và củng cố xã hội dân sự tại Nga. Vào năm 1995, USAID tiêu khoảng 257 triệu USD tại Nga so với khoảng 50 triệu USD trong năm nay... Phóng viên BBC tại Mátxcova Steve Rosenberg nói rằng, việc USAID cam kết xây dựng một xã hội dân sự được giới chức Nga xem là nỗ lực để châm ngòi cho một cuộc cách mạng".

Các sự kiện trên, cùng các bằng chứng mà báo chí trên thế giới công bố, đã chỉ rõ vai trò của các thế lực bên ngoài (qua tài trợ, mạng xã hội, truyền thông "đen"...) đã tác động như thế nào đến "cách mạng da cam" ở Ukraina, "cách mạng hoa nhài" ở Trung Đông và Bắc Phi,... Điều này khiến chúng ta phải suy nghĩ một cách chín chắn, để nhận diện và đi tìm căn nguyên. Và nếu không chú ý tới điều V.I. Lênin đã khẳng định "hiện tượng là có tính bản chất" sẽ không thể tạo lập khả năng tổng hợp, phân tích các hiện tượng liên quan tới diễn biến hòa bình để xác định bản chất của nó; sẽ không thấy diễn biến hòa bình là nguy cơ có thật, là một thực tế phải đối diện, không phải là "ngáo ộp" được dựng lên để dọa dẫm. Diễn biến hòa bình có thể đẩy tới "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", song "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" còn có thể nảy sinh từ hoạt động của các chủ thể xã hội, đặc biệt là tình trạng

"tự tha hóa" của đội ngũ lãnh đạo các cấp. Về vấn đề này, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI) Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay chỉ rõ tình trạng: "Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc..." đã nảy sinh từ một số nguyên nhân, như: "Cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, giảm sút ý chí chiến đấu, quên đi trách nhiệm, bốn phận trước Đảng, trước nhân dân. Việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị, quy định về xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở một số nơi chưa đến nơi đến chốn, kỷ cương, kỷ luật không nghiêm, nói không đi đôi với làm, hoặc làm chiếu lệ", và các nguyên nhân ấy "sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ".

Về nguyên tắc, sự phát triển bền vững, lành mạnh của một quốc gia trước hết phụ thuộc vào định hướng phát triển, năng lực tự điều chỉnh và sức mạnh vật chất - tinh thần nội tại của nó. Tuy nhiên, khi mà sự hợp tác quốc tế có thể bổ sung một số điều kiện giúp quá trình phát triển diễn ra nhanh chóng, hiệu quả hơn, thì các quốc gia cũng cần tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ từ bên ngoài. Nhưng xét đến cùng, sự phát triển của mỗi quốc gia luôn phụ thuộc vào trí tuệ, sự tỉnh táo, năng lực của chủ thể lãnh đạo, cùng khả năng khơi dậy và huy động sức mạnh của toàn dân tộc vào quá trình phát triển. Lịch sử đã chứng minh, nếu không có trí tuệ sáng suốt và sáng tạo, không có nội lực tinh thần mạnh mẽ và thuyết phục, nếu không có bản lĩnh và khả năng tự điều chỉnh linh hoạt, nếu không tập hợp và xây dựng được khối đoàn kết toàn

dân... Đảng Cộng sản Việt Nam đã không thể lãnh đạo dân tộc Việt Nam làm nên Cách mạng Tháng Tám, vượt qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ, vừa hàn gắn vết thương chiến tranh và vừa đương đầu với các khó khăn của thời kỳ "cấm vận", sau đó bước vào thời kỳ đổi mới. Những thành tựu to lớn đó là kết quả trực tiếp của trí tuệ, ý chí, bản lĩnh và cả mồ hôi, xương máu, hy sinh của nhiều thế hệ lãnh đạo Đảng cùng hàng triệu đảng viên và các tầng lớp nhân dân; trực tiếp khẳng định vai trò chủ thể tự giác của lực lượng lãnh đạo cách mạng cùng phong trào cách mạng rộng rãi, là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ngày nay, trước rất nhiều khó khăn của đất nước, trước một số vấn đề xã hội cần phải giải quyết, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) đã thể hiện quyết tâm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng để tiếp tục tổ chức, lãnh đạo sự nghiệp đổi mới. Đây là kết quả của quá trình nhận thức sâu sắc đối với thực tiễn và đánh giá chính mình để tự hoàn thiện, không cùng bản chất với cái gọi là "tự diễn biến hòa bình trong nội bộ đảng". Trong những ngày này, việc triển khai Nghị quyết Trung ương 4 một cách cụ thể, sâu sát, rộng khắp,... trong toàn thể cán bộ, đảng viên từ trung ương tới địa phương đã không chỉ củng cố niềm tin của nhân dân cả nước mà cũng thu hút sự chú ý của dư luận thế giới. Bởi, như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: "Việc thực hiện Nghị quyết là làm cho Đảng mạnh hơn lên, để quan hệ giữa Đảng với dân ngày càng gắn bó máu thịt". Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội để các thế lực thù địch khai thác, xuyên tạc, gieo rắc hoài nghi, kích động nhằm tác động tiêu cực tới uy tín của Đảng. Vì thế, nếu thật sự có tinh thần phấn đấu vì tương lai đất nước, hơn lúc nào hết mỗi công dân cần tỉnh táo, có ý thức trách nhiệm trong lao động để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hoặc trước khi có ý kiến đóng góp với sự nghiệp chung.

HUMAN RIGHTS WATCH: TỔ CHỨC ĐỘI LỐT NHÂN QUYỀN*

LAM SƠN

Tiền thân của Tổ chức theo dõi nhân quyền (Human Rights Watch) là tổ chức Helsinki Watch do Robert L.Bernstein thành lập năm 1978 với mục đích "giám sát" Liên Xô (trước đây) bằng cách thu thập tư liệu liên quan tới việc Liên Xô thực hiện quy ước của Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu (OSCE), hỗ trợ các nhóm bảo vệ nhân quyền tại nước này.

Năm 1988, Helsinki Watch hợp nhất với một số tổ chức quốc tế khác có cùng tôn chỉ, mục đích, từ đó đổi tên thành Human Rights Watch (HRW). Tuy nhiên, căn cứ vào hoạt động của HRW lại thấy tổ chức này đang đi lệch tôn chỉ, mục đích ban đầu và trở thành "con rối" đội lốt nhân quyền phục vụ mục đích chính trị.

Một trong những "sứ mệnh" HRW tự phong cho mình là "điều tra và đưa ra ánh sáng các vi phạm nhân quyền và buộc những đối tượng vi phạm phải thừa nhận trách nhiệm"; "tiến hành nghiên cứu thực tế và điều tra các vi phạm nhân quyền, báo cáo một cách công tâm về tình hình nhân quyền tại khoảng 90 quốc gia". Tuy nhiên, không hiểu HRW "nghiên cứu thực tế" như thế nào, các báo

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 23-10-2012.

cáo có độ tin cậy đến đâu, khi tổ chức này ngày càng phải chịu sự chỉ trích từ chính phủ các nước, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức truyền thông và ngay cả nhà sáng lập là cựu Chủ tịch HRW Robert L.Bernstein về phương pháp, năng lực nghiên cứu. Ông trùm truyền thông Rupert Murdoch cũng đã từng chỉ trích đội ngũ chuyên gia của HRW không đủ kiến thức chuyên sâu, trong khi đó thì Robert L.Bernstein, người sáng lập HRW, lại cáo buộc tổ chức này áp dụng phương pháp nghiên cứu "nghèo nàn", dựa vào các nhân chứng mà không kiểm chứng những lời kể của họ, hoặc có đưa ra bằng chứng thì cũng vì mục đích chính trị. Viện nghiên cứu Monitor cáo buộc HRW áp dụng phương pháp luận sai lầm, hiểu sai luật pháp quốc tế.

HRW luôn tự khẳng định là tổ chức phi chính phủ độc lập, không lệ thuộc vào bất cứ chính phủ nào và các báo cáo nhân quyền của mình là công tâm, không vì mục đích chính trị. Tuy nhiên, cách đưa tin thiên lệch, có dụng ý nhằm vào các nước đang hướng theo các giá trị trái ngược với ý thức hệ tư bản, các nước theo chủ nghĩa xã hội, và các nước theo đạo Hồi...; đồng thời tảng bốc các giá trị "tự do, dân chủ" kiểu Mỹ khiến nhiều người đặt ra câu hỏi về tính "công tâm", "độc lập" của HRW. Nhiều học giả Mỹ Latinh cho rằng, về hình thức, HRW không lệ thuộc vào Chính phủ Mỹ nhưng các báo cáo của tổ chức này về tình hình nhân quyền tại Mỹ Latinh, đặc biệt là tại Venezuela, chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi những toan tính của Washington. Bằng chứng là tháng 9-2008, Venezuela đã trực xuất hai nhân viên HRW là Jose Miguel Vivanco và Daniel Wilkinson với lời cáo buộc họ tiến hành "các hoạt động chống phá nhà nước". Tổng thống Venezuela Hugo Chavez cho rằng, HRW đã câu kết với chính quyền Bush tiến hành một chiến dịch nhằm lật đổ chính quyền của ông, đồng thời phủ nhận các thành tựu mà chính phủ của ông đã đạt được trong cuộc

chiến chống đói nghèo. Bộ trưởng Ngoại giao Vênêxuêla cáo buộc HRW là tổ chức đội lốt bảo vệ nhân quyền được Mỹ tài trợ nhằm thực hiện chính sách tấn công các nước đang xây dựng các mô hình kinh tế kiểu mới. Ngày 17-9-2008, trong một thư ngỏ gửi Ban giám đốc HRW để phản đối báo cáo của tổ chức này về tình hình nhân quyền tại Vênêxuêla, đã có 118 học giả của Áchentina, Ôxtrâylia, Braxin, Mêhicô, Vênêxuêla, Mỹ, Anh cùng một số quốc gia khác đã chỉ trích HRW đưa thông tin sai lệch để chống Chính phủ Vênêxuêla. Theo các học giả, báo cáo của HRW "không đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu nhất về phương pháp nghiên cứu, sự công bằng, chính xác và tin cậy"; cáo buộc người chấp bút chính cho báo cáo này, Jose Miguel Vivanco, có "động cơ chính trị". Cáo buộc trên càng có cơ sở khi báo cáo tài chính của HRW năm 2009 cho thấy, 75% mức đóng góp đến từ Bắc Mỹ, 25% đến từ Tây Âu và chỉ chưa đầy 1% từ các khu vực khác. Mặc dù HRW đã phải "rào đón", trấn an dư luận rằng tổ chức này "chỉ nhận đóng góp từ các nguồn tư nhân, không nhận bất cứ đóng góp của chính phủ nào, trực tiếp hay gián tiếp" nhưng có ai dám chắc các tổ chức tư nhân ủng hộ tài chính cho HRW không chịu sự thao túng từ chính phủ của một số nước lớn vì mục đích chính trị?

Những năm qua, trong các nước mà HRW "quan tâm" một cách đặc biệt có Việt Nam. Một trong những thủ đoạn HRW thường triển khai là tuyên truyền, xuyên tạc tình hình nhân quyền ở Việt Nam qua báo cáo nhân quyền thường niên, hoặc ra thông cáo báo chí, gửi thư tới lãnh đạo Nhà nước, Chính phủ Việt Nam và một số cơ quan, tổ chức quốc tế. Hằng năm, HRW công bố cái gọi là "báo cáo nhân quyền" phản ánh tình hình nhân quyền tại gần 100 quốc gia, trong đó có Việt Nam. Gần đây nhất, trong báo cáo năm 2012, HRW xuyên tạc, vu cáo "Chính phủ Việt Nam đàn áp một cách có hệ thống các quyền tự do ngôn luận, lập hội và

nhóm họp ôn hòa". HRW tráng trộn vu khống Việt Nam sử dụng các điều luật "mơ hồ" (Điều 79, Điều 87, Điều 88 Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) để bắt giữ, xét xử các "nhà bất đồng chính kiến", "nhà vận động tôn giáo và chính trị" mà thực chất là các đối tượng vi phạm pháp luật Việt Nam một cách có hệ thống như Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Bá Đăng, Phan Thanh Hải,... Lần nào cũng vậy, báo cáo của HRW luôn phủ nhận các thành tựu phát triển nhân quyền ở Việt Nam; và thực chất các thông tin đó chỉ là sự cớ nhặt những thông tin sai sự thật, một chiêu và có dụng ý xấu về tình hình nhân quyền ở Việt Nam do các thế lực thù địch với Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam tán phát trên mạng internet hoặc rêu rao trên vài tờ báo lá cải ở hải ngoại. Rồi mỗi khi các cơ quan chức năng Việt Nam bắt giữ hay xét xử một số đối tượng với tội danh "tuyên truyền chống nhà nước", "phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc", hoặc "hoạt động nhằm lật đổ chính quyền", HRW lại nhanh chóng ra thông cáo báo chí chỉ trích, lên án, yêu cầu Chính phủ Việt Nam thả ngay lập tức và vô điều kiện các đối tượng này! Không dừng lại ở đó, HRW còn gửi thư cho Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam và một số tổ chức quốc tế để kêu gọi Việt Nam cải thiện nhân quyền, thả các "tù nhân lương tâm", những "nhà bất đồng chính kiến", các blogger.

Cùng với chiêu bài tuyên truyền, xuyên tạc tình hình "dân chủ, nhân quyền và tự do ngôn luận" ở Việt Nam, HRW còn hậu thuẫn tài chính, kích động một số đối tượng chống Nhà nước Việt Nam dưới hình thức trao "Giải thưởng Hellman - Hammett" vắng mặt. "Giải nhân quyền Hellman - Hammett" do HRW lập ra cách đây hơn 20 năm để hỗ trợ về tài chính cho các nhân vật được gán cho nhãn hiệu là "nhà văn đấu tranh cho nhân quyền phương Tây". Nhưng gần đây, HRW đã lái việc trao "giải" này cho cả những nhân vật chống chính quyền, gây mất an ninh trật tự ở

Việt Nam. Đọc danh sách những người được HRW "trao giải thưởng" từ năm 2001 đến 2011 sẽ thấy mục đích của HRW cụ thể là gì, bởi từ Thích Quảng Độ, Nguyễn Văn Lý, Nguyễn Chính Kết, Nguyễn Văn Đài,... đến Trần Khải Thanh Thủy, Lê Thị Công Nhân, Nguyễn Khắc Toàn,... đều là công dân Việt Nam có nhiều hành vi vi phạm pháp luật. Trong số họ chẳng có người nào là "nhà văn" như tiêu chí để xét trao "Giải thưởng nhân quyền Hellman - Hammett". Những người này có điểm chung là bán rẻ danh dự, nhân phẩm, tự nguyện trở thành công cụ trong tay thế lực xấu để chống phá đất nước, chống phá chế độ. Vì thế, "Giải thưởng nhân quyền Hellman - Hammett" chẳng qua chỉ là một màn kịch dựng sẵn một cách vụng về trên sân khấu chính trị, mượn cái lốt "dân chủ, nhân quyền" để phá hoại xu hướng phát triển tiến bộ của các quốc gia luôn giữ vững độc lập và tự chủ, tự chọn con đường phát triển của mình, trong đó có Việt Nam. Đó cũng là lý do để khẳng định HRW chưa bao giờ quan tâm đến nhân quyền, tổ chức này chỉ quan tâm đến lợi ích của những người đang muốn chi phối thế giới này bằng các giá trị do họ sản xuất và áp đặt mà thôi.

NHỮNG ĐÒI HỎI VÀ ÁP ĐẶT PHI LÝ TỪ "TIÊU CHUẨN KÉP"*

KHAI TÂM

Gần đây, việc Hạ nghị viện Hoa Kỳ thông qua Dự luật H.R.1410 và Nghị quyết H.Res.484 liên quan tới vấn đề nhân quyền ở Việt Nam đã khiến dư luận rộng rãi bất bình. Một lần nữa câu hỏi "Tại sao một số nhà lập pháp Hoa Kỳ lại quá quan tâm đến tình hình nhân quyền ở Việt Nam?" lại được đặt ra bởi điều phi lý đã lặp đi lặp lại quá nhiều lần. Phải chăng đây là kết quả của một phương cách tiếp cận thiếu khách quan, để từ đó dẫn đến những đòi hỏi phi lý?

Mỹ, quốc gia lâu nay vẫn tự cho mình là dân chủ, tự do và bình đẳng, vậy mà lại đang có cách hành xử theo kiểu "chân lý thuộc về kẻ mạnh", ngang nhiên áp đặt các tiêu chuẩn của mình đối với các nước "thấp cổ bé họng" và các nước được cho là đang đe dọa địa vị thống trị thế giới của Mỹ trong hàng loạt các vấn đề từ kinh tế, chính trị đến dân chủ, nhân quyền. Từ thực tế, Mỹ đã và đang áp đặt "tiêu chuẩn kép" để bảo đảm tối đa lợi ích của Mỹ và các nước đồng minh, phớt lờ quyền lợi của các quốc gia khác.

"Tiêu chuẩn kép" (double standard) là việc áp dụng những nguyên tắc, cách thức xử lý khác nhau cho cùng một vấn đề hoặc

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 16-11-2012.

một tình huống. Khái niệm "tiêu chuẩn kép" được áp dụng từ năm 1872 để chỉ sự phân biệt về tiêu chuẩn đạo đức giữa nam và nữ. Việc áp dụng "tiêu chuẩn kép" được xem là một hình thức phân biệt đối xử nghiêm trọng, vi phạm nguyên tắc luật pháp hiện đại là: tất cả các bên đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt tầng lớp, địa vị xã hội, dân tộc, giới tính, tôn giáo và độ tuổi. Khái niệm "tiêu chuẩn kép" gần đây được đề cập khá thường xuyên trong nền chính trị - ngoại giao thế giới, trong đó phần lớn vụ việc liên quan lại bắt nguồn từ Mỹ.

Đối với vấn đề hạt nhân, không thể phủ nhận những nỗ lực của Mỹ trong việc ngăn chặn phổ biến hạt nhân và vũ khí hủy diệt hàng loạt. Tuy nhiên, để thế giới cùng bắt tay nhau trong vấn đề mang tính toàn cầu này, điểm cốt yếu là phải xóa bỏ việc áp dụng "tiêu chuẩn kép". Là cường quốc nắm giữ số đầu đạn hạt nhân lớn hàng đầu thế giới, cũng là nước đầu tiên và duy nhất từng sử dụng vũ khí hạt nhân, nước Mỹ có khả năng và cả trách nhiệm để đi đầu thúc đẩy các nỗ lực quốc tế trong vấn đề hạt nhân. Tuy nhiên, chính vấn đề "tiêu chuẩn kép" luôn hiện hữu trong chính sách hạt nhân của Mỹ khiến Washington khó có thể trở thành đầu tàu "công tâm" của thế giới trong vấn đề này. Mỹ và một số cường quốc khác coi công nghệ hạt nhân là sở hữu độc quyền của họ và ngăn cản các quốc gia khác tiếp cận công nghệ này, bất luận đó là vì mục đích hòa bình. Mỹ bao che cho chính sách hạt nhân của Israel trong thời gian dài, ký thỏa thuận bán công nghệ hạt nhân cho Ấn Độ - nước chưa đặt bút ký Hiệp ước Không phổ biến hạt nhân (NPT),... nhưng lại kịch liệt phản đối một nước thành viên NPT là Iran phát triển chương trình hạt nhân mà Tehran khẳng định chỉ vì mục đích dân sự. Bên cạnh đó, Mỹ vẫn tiếp tục sử dụng "chiếc ô an ninh hạt nhân" để thu hút đồng minh phục vụ cho các lợi ích riêng của nước Mỹ. Đủ lực, nhưng thiếu một vị thế uy tín và công tâm, nước Mỹ khó có thể dẫn dắt thế giới hướng về một tương lai phi hạt nhân.

Đối với vấn đề kinh tế - thương mại, trong bối cảnh mà tiến trình tự do hóa thương mại toàn cầu thông qua vòng đàm phán Doha đang bị trì trệ thì việc Mỹ và chín quốc gia châu Á - Thái Bình Dương thúc đẩy Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) được xem là bước đi quan trọng nhằm giữ đà cho thương mại tự do. Tuy nhiên, tiến trình đàm phán TPP đang vấp phải nhiều khó khăn mà một trong những nguyên nhân là Chính quyền Obama muốn áp dụng "tiêu chuẩn kép" đối với tự do hóa thương mại ngành dệt may. Ông Obama vốn có quan hệ mật thiết với các tổ chức vận động hành lang ngành dệt may từng hỗ trợ ông trong cuộc bầu cử năm 2008. Ngành công nghiệp này đã được hưởng lợi từ hàng rào thuế quan cao và các chương trình bảo hộ khác nhau kể từ thế kỷ XVIII. Cũng vì lý do đó, các nhà đàm phán thương mại Mỹ đã theo đuổi đường lối cứng rắn chống lại tự do hóa thương mại ngành này thông qua việc sử dụng những biện pháp bảo hộ mậu dịch như hàng rào thuế quan, thuế chống bán phá giá... Tuy nhiên, Mỹ lại đòi hỏi các đối tác tham gia TPP, trong đó có Việt Nam, chấp thuận các quy định mới mà Mỹ cho rằng sẽ mang lại tính minh bạch, hiệu quả theo quy luật thị trường đối với các doanh nghiệp nhà nước. Trong sân chơi thương mại toàn cầu luôn đòi hỏi sự công bằng giữa các bên, chừng nào ông Obama vẫn không chịu làm những gì mà ông đòi hỏi ở các đối tác thì không thể mong đợi có nhiều tiến bộ trong đàm phán đưa TPP thành hiện thực.

Đối với cuộc chiến chống khủng bố, sau sự kiện làm chấn động nước Mỹ vào ngày 11-9-2001, chống khủng bố được Chính quyền Mỹ xem là một ưu tiên trong chiến lược an ninh quốc gia và sử dụng cuộc chiến này làm ngọn cờ để tập hợp lực lượng. Tuy nhiên, Mỹ lại áp dụng "tiêu chuẩn kép" trong định nghĩa về khủng bố. Mỹ nhiều lần bác bỏ yêu cầu của Nga đưa quân khủng bố ở Chechnia vào danh sách các tổ chức khủng bố, thậm chí Chính quyền Mỹ còn tiếp đón những trùm khủng bố là đại diện của nhóm quân ly

khai Chesnia và coi họ là những người đấu tranh đòi độc lập. Khi tổ chức Al-Qaeda tấn công nước Mỹ làm hơn 3.000 người Mỹ thiệt mạng thì rõ ràng là khủng bố. Nhưng khi quân khủng bố Chesnia tấn công vào nhà hát ở Mátxcơva vào ngày 23-10-2002 bắt giữ 850 người làm con tin, hay tấn công vào một trường tiểu học ở Beslan, miền Nam nước Nga, bắt giữ gần 800 trẻ em làm con tin, đánh bom làm hàng trăm người chết ở nhiều nơi trên đất nước Nga thì được coi là tổ chức đấu tranh đòi độc lập?! Rõ ràng Nhà Trắng đã dùng lợi ích chính trị của mình làm lăng kính để đánh giá bản chất khủng bố. Tương tự như vậy, phía Việt Nam đã từng cung cấp thông tin cho phía Mỹ những bằng chứng về hoạt động của nhóm khủng bố Việt Tân có căn cứ trên đất Mỹ, cụ thể là tổ chức này đã có các hoạt động giết hại dân thường trong các cuộc xâm nhập từ Thái Lan về Việt Nam, nhằm mục đích lật đổ chế độ chính trị tại Việt Nam. Thế nhưng, phía Mỹ vẫn cho rằng không có bằng chứng nào buộc tội Việt Tân là khủng bố.

Đối với vấn đề dân chủ, nhân quyền, lâu nay Mỹ vẫn tự cho mình cái quyền được áp đặt các "giá trị" dân chủ, nhân quyền đối với các quốc gia khác, bất chấp sự khác biệt về thể chế chính trị, truyền thống văn hóa và trình độ phát triển. Hằng năm, Mỹ thông qua các văn bản luật, công bố các báo cáo thường niên với lời lẽ chỉ trích các quốc gia khác, trong đó có Việt Nam, về dân chủ, nhân quyền và tự do tôn giáo. Trong khi đó, tại Mỹ liệu vấn đề dân chủ, nhân quyền có thật sự được bảo đảm hay không? Người Mỹ cho rằng 99% trong số họ đang bị đối xử bất công và lao động cật lực để làm giàu cho 1% còn lại. Điều này thể hiện rõ qua các cuộc biểu tình "Chiếm phố Wall" bùng phát cách đây vừa tròn một năm, nay vẫn đang âm ỉ trong lòng nước Mỹ. Và để dập tắt sự phản đối này, chính quyền Mỹ cũng chẳng làm gì khác hơn là bắt bớ, giam giữ người biểu tình, như các sự kiện đã xảy ra tại cầu Brooklyn ở New York, Mỹ hồi tháng 9-2011. Chưa hết, câu hỏi về bảo đảm an ninh

cho cá nhân ở chính nước Mỹ vẫn tiếp tục được đặt ra sau những vụ xả súng kinh hoàng tại các trường học và nơi công cộng. Dư luận cũng đã không ít lần phải lên tiếng bất bình về các hành vi vi phạm nhân quyền của Mỹ trong việc ngược đãi tù nhân tại nhà tù Guantanamo. Xem ra, nước Mỹ vẫn cần một chiếc gương "nhân quyền" để tự soi mình.

Đối với vấn đề chất độc màu da cam, đây là một hậu quả rất nặng nề của cuộc chiến tranh Việt Nam. Trong các phát biểu gần đây, các quan chức Mỹ khẳng định sẽ ưu tiên giải quyết vấn đề này, nhưng đến nay, Mỹ vẫn vô tình hay cố ý phân biệt đối xử trong việc bồi thường cho các cựu binh Mỹ và các nạn nhân da cam Việt Nam. Một mặt, Mỹ cho rằng, không có bằng chứng khoa học khẳng định mối liên hệ giữa các vấn đề súc khỏe của các nạn nhân chất độc màu da cam ở Việt Nam với việc phơi nhiễm dioxin. Do đó, Mỹ từ chối bồi thường cho các nạn nhân Việt Nam (ngoài việc hỗ trợ Việt Nam tẩy độc môi trường, Mỹ chỉ viện trợ với mức độ hạn chế cho các chương trình chăm sóc y tế cho người khuyết tật, không phân biệt nguyên nhân). Trong khi đó, Chính phủ Mỹ đã công nhận danh mục gồm 14 loại bệnh của cựu chiến binh Mỹ có liên quan tới việc phơi nhiễm dioxin, đã bồi thường hàng trăm triệu USD cho các cựu chiến binh này. Tại sao Chính phủ Mỹ lại có sự phân biệt đối xử hết sức bất công như vậy?

Trên đây chỉ là những vụ việc mới nhất, nổi bật nhất khẳng định Mỹ áp dụng "tiêu chuẩn kép" trong quan hệ với các quốc gia khác. Trớ trêu thay, Mỹ, quốc gia luôn lớn tiếng khẳng định đi đầu về dân chủ, công bằng và tiến bộ, lại là quốc gia "nghiện" "tiêu chuẩn kép", thứ tiêu chuẩn vi phạm nghiêm trọng quyền bình đẳng của con người và các nguyên tắc cơ bản của luật pháp hiện đại.

NHỮNG Ý KIẾN THIẾU THIỆN CHÍ ĐỐI VỚI TUYÊN BỐ NHÂN QUYỀN ASEAN*

TRẦN QUANG HÀ

Ngày 18-11, tại Hội nghị cấp cao các nước ASEAN họp tại Phnom Penh, Campuchia, lãnh đạo các nước đã nhất trí thông qua Tuyên bố nhân quyền ASEAN - văn kiện chính trị đầu tiên phác thảo khuôn khổ tăng cường hợp tác, bảo vệ nhân quyền của các nước ASEAN. Nhưng đáng tiếc, trước và sau khi Tuyên bố nhân quyền ASEAN được công bố, một số chính phủ, tổ chức, cá nhân và cơ quan truyền thông trên thế giới đã lên tiếng phê phán nội dung văn kiện này. Dường như đối với họ, nỗ lực phấn đấu vì nhân quyền của ASEAN phải hướng theo sự áp đặt từ bên ngoài, chứ không phải từ nhận thức và tự thân của các nước ASEAN trong quá trình hội nhập và phát triển?

Tháng 9-2009, tại Hội nghị cấp cao các nước ASEAN lần thứ 15 họp tại Cha Am, Thái Lan, lãnh đạo các nước ASEAN đã nhất trí thành lập Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHAR) - cơ quan có trách nhiệm thúc đẩy, bảo vệ những quyền cơ bản của gần 600 triệu người dân trong ASEAN. Sự kiện này là bước tiến quan trọng trong quá trình xây dựng ASEAN, đồng thời xác định thời điểm để các nước ASEAN cùng nghiên cứu và thảo luận nhằm

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 4-12-2012.

xây dựng Tuyên bố nhân quyền ASEAN. Và ngày 18-11-2012, tại Hội nghị cấp cao các nước ASEAN lần thứ 21 họp tại Phnom Penh, Campuchia, lãnh đạo các nước đã nhất trí thông qua Tuyên bố nhân quyền ASEAN (AHRD). Đánh giá về AHRD, ông Surin Pitsuwan - Tổng Thư ký ASEAN, coi đây là "một diễn biến trọng đại", Bộ trưởng Ngoại giao Philíppin - Albert del Rosario, cho rằng: "Đây là một di sản để lại cho con cháu chúng ta", Bộ trưởng Ngoại giao Mianma - Wunna Maung Lwin, thì nhận xét: "Đây là một bước đi rất quan trọng của ASEAN"...

Thế nhưng, sự ra đời của AHRD lại gặp phải phản ứng tiêu cực của một số chính phủ, tổ chức, cá nhân ngoài ASEAN. Với sự trợ giúp của BBC, RFA, RFI, VOA,... họ thi nhau đưa ra các đánh giá phi lý, thậm chí đề nghị "chưa nên thông qua AHRD". Họ cho rằng: "một số điều khoản trong Tuyên bố nói nhân quyền có thể bị hạn chế vì lý do an ninh, trật tự công cộng hoặc đạo đức,... các điều khoản như vậy có thể bị lạm dụng để bào chữa cho sự vi phạm nhân quyền", "dự thảo tuyên bố nhân quyền của ASEAN không phù hợp với các chuẩn mực hiện hành về nhân quyền. Thậm chí, văn bản này có thể làm tăng thêm quyền lực cho một số nhà nước trong ASEAN vi phạm nhân quyền, thay vì tạo ra các cơ chế mới giúp bảo vệ người dân tránh được những hành động bạo lực". Phil Robertson - Phó Giám đốc châu Á của HRW (Tổ chức Theo dõi nhân quyền), thì tuyên bố hàm hố: "Đây chỉ là trò đánh bóng mặt mũi... Cuối cùng ASEAN cũng chạm đến được vạch về đích với một tuyên bố khiếm khuyết không đáp ứng được các chuẩn mực quốc tế".

Từ góc nhìn của lương tri, vì sự phát triển của nhân quyền, lẽ ra một số chính phủ, tổ chức, cá nhân và cơ quan truyền thông quan tâm đến vấn đề cần cỗ vũ, khuyến khích tính tích cực xã hội trong nhận thức và hành động của các nước ASEAN khi khẳng

định và bảo vệ nhân quyền, thì rất tiếc, họ cố săm soi AHRD, lấy quan điểm của mình làm thước đo, để đưa ra các đòi hỏi vô lý. Thật ra, vấn đề họ quan tâm không phải là việc qua AHRD, các nước ASEAN tái khẳng định sự tuân thủ đối với những mục tiêu, nguyên tắc của Hiến chương ASEAN, tái khẳng định cam kết đối với Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền cùng các văn kiện quốc tế về nhân quyền khác mà các nước thành viên ASEAN tham gia; đồng thời khẳng định mọi công dân trong ASEAN đều có những quyền cơ bản về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, quyền phát triển, quyền hưởng hòa bình,... mà chủ yếu họ quan tâm tới nội dung Điều 7 và Điều 8 trong Nguyên tắc chung của AHRD.

Đọc Điều 7 và Điều 8 của AHRD, không khó nhận ra đây là kết quả của một tiếp cận khách quan, toàn diện - lịch sử - cụ thể - phát triển với vấn đề nhân quyền, và với chính cộng đồng ASEAN. Nếu một mặt AHRD khẳng định sự bình đẳng về nhân quyền trong những mối liên hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội; thì mặt khác, AHRD cũng chỉ rõ đó không phải là nhân quyền của con người chung chung, mà là nhân quyền của con người cụ thể, trong tư cách là công dân ở các quốc gia có "hoàn cảnh khác nhau về chính trị, kinh tế, pháp lý, xã hội, văn hóa, lịch sử và tôn giáo" - có thể coi đây là thể hiện thái độ tôn trọng nét riêng về truyền thống, và về sự lựa chọn đường hướng phát triển của mỗi quốc gia trong ASEAN. Không xem xét mối tương quan giữa nhân quyền với sự thụ hưởng nhân quyền của con người cụ thể đang sinh tồn giữa một xã hội có hệ thống luật pháp cụ thể, với quyền lợi và trách nhiệm xã hội cụ thể, trong hoàn cảnh lịch sử, đặc trưng văn hóa, tôn giáo riêng,... người ta sẽ dễ lợi dụng nhân quyền để tạo dựng một thứ chiêu bài phục vụ các mục đích ngoài nhân quyền. Đây là thực tế mà những năm gần đây, các tổ chức

như FIDH (Liên đoàn Nhân quyền quốc tế), AI (Tổ chức Ân xá quốc tế), HRW (Tổ chức Theo dõi nhân quyền),... vẫn dựa vào việc khai thác thông tin một chiều, bất chấp quyền tự chủ về pháp luật của Việt Nam, để đưa ra một số phê phán hết sức phi lý trong vấn đề nhân quyền. Còn khi cho rằng: "Không hề có một thiết chế khu vực hay quốc tế nào áp dụng tính "cân bằng" giữa việc thụ hưởng các quyền và tự do với nhiệm vụ và trách nhiệm", phải chăng người ta muốn cỗ vũ cho sự vô chính phủ, chỉ biết "thụ hưởng các quyền và tự do", không cần quan tâm tới nhiệm vụ và trách nhiệm đối với xã hội?

Cũng như mọi quốc gia văn minh trong thế giới hiện đại, các nước ASEAN hoàn toàn ý thức được rằng, ổn định là một trong những yếu tố đầu tiên tạo ra nền tảng cho phát triển. AHRD đã đưa ra các chế định cần thiết và cụ thể là: "Việc thực thi nhân quyền và các quyền tự do cơ bản sẽ chỉ được giới hạn theo quy định của luật pháp nhằm mục đích bảo đảm việc thừa nhận nhân quyền và các quyền tự do cơ bản của những người khác, và để đáp ứng các yêu cầu chính đáng về an ninh quốc gia, trật tự công cộng, y tế công cộng, an toàn công cộng, đạo đức công cộng, cũng như phúc lợi chung của tất cả mọi người trong một xã hội dân chủ". Điều này là hiển nhiên, không có gì khác biệt so với Điều 29 trong Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền (Tuyên ngôn) của Liên hợp quốc với các nội dung: "1. Mọi người đều có những nghĩa vụ đối với cộng đồng mà ở đó có thể thực hiện được sự phát triển tự do và đầy đủ nhân cách của bản thân. 2. Trong khi thực hiện các quyền và quyền tự do cho cá nhân mọi người chỉ phải tuân thủ những hạn chế do luật định nhằm mục đích duy nhất là bảo đảm việc thừa nhận và tôn trọng đối với các quyền và quyền tự do của những người khác, đáp ứng được các đòi hỏi chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng, phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ...". Tương tự như thế, so sánh với

Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (Công ước) của Liên hợp quốc thì vấn đề còn cụ thể hơn: Nếu điểm 1 Điều 18 của Công ước khẳng định: "Ai cũng có quyền tự do tư tưởng, tự do lương tâm, tự do tôn giáo" thì điểm 3 Điều 18 cũng viết rõ ràng: "Quyền tự do biểu thị tôn giáo hay tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn theo luật, vì nhu cầu bảo vệ an toàn công cộng, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng, đạo lý hay những quyền tự do căn bản của người khác"; nếu điểm 1, điểm 2 Điều 19 của Công ước khẳng định: "1. Mọi người đều có quyền giữ vững quan niệm mà không bị ai can thiệp. 2. Mọi người đều có quyền tự do phát biểu quan điểm; quyền này bao gồm quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận, phổ biến mọi tin tức và ý kiến bằng truyền khẩu, bút tự hay án phẩm, dưới hình thức nghệ thuật, hay bằng mọi phương tiện truyền thông khác, không kể biên giới quốc gia" thì điểm 3 Điều 19 cũng chỉ rõ: "3. Việc hành xử quyền tự do phát biểu quan điểm (ghi ở khoản 2 nêu trên) đòi hỏi đương sự phải có các bổn phận, trách nhiệm đặc biệt. Quyền này chỉ có thể bị giới hạn bởi pháp luật vì nhu cầu: a. Tôn trọng những quyền tự do và thanh danh của người khác; b. Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng hay đạo lý". Vì thế, trước khi cho rằng: "Một số điều khoản trong Tuyên bố nói nhân quyền có thể bị hạn chế vì lý do an ninh, trật tự công cộng hoặc đạo đức,... các điều khoản như vậy có thể bị lạm dụng để bào chữa cho sự vi phạm nhân quyền", thì lẽ ra những người phê phán AHRD cần đọc lại Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, và tự thân hai văn bản này sẽ bác bỏ các cáo buộc vô căn cứ, thiếu thiện chí của họ. Thực tế cho thấy, khi đề cập tới Tuyên ngôn và Công ước, một số các tổ chức và cá nhân chỉ khai thác các nội dung có lợi đối với mục đích của họ, và tảng lờ các nội dung có thể biến ý kiến của họ thành phi lý, lố bịch. Nói cách khác, từ hai văn bản của Liên hợp quốc, có thể thấy một số chính phủ,

tổ chức, cá nhân và cơ quan truyền thông thường xem xét, đánh giá nhân quyền bằng các tiêu chí chủ quan, với thái độ áp đặt. Có lẽ họ chỉ sử dụng vấn đề nhân quyền làm công cụ để can thiệp vào công việc nội bộ của một số quốc gia, hơn là phối hợp để cùng nỗ lực phấn đấu vì một nền nhân quyền chân chính.

Với bảy phần, 40 điều cụ thể về nhân quyền, AHRD được khẳng định là "văn kiện chính trị đầu tiên phác thảo khuôn khổ tăng cường hợp tác, bảo vệ nhân quyền ở khu vực Đông Nam Á... Thể hiện nguyện vọng, quyết tâm và nỗ lực trong việc xây dựng một cộng đồng ASEAN hướng tới người dân, đồng thời khẳng định cam kết của ASEAN tôn trọng, thúc đẩy, bảo vệ các quyền cơ bản của con người cũng như phấn đấu nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân khu vực", và "khẳng định lại các giá trị nhân quyền chung, đi đôi với coi trọng các giá trị và đặc thù của ASEAN cùng các quốc gia trong khu vực, quyền đi đôi với nghĩa vụ, trách nhiệm trước cộng đồng, đóng góp vào nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực quyền con người". Hy vọng từ sự đồng thuận được thể hiện trong AHRD, các nước ASEAN sẽ tiếp tục phấn đấu trên lộ trình vì sự phát triển nhân quyền một cách toàn diện, đem lại lợi ích thiết thực cho mọi công dân ở mỗi quốc gia, qua đó góp phần xây dựng ASEAN ngày càng phát triển.

"NHÀ TỰ DO" ĐẤU TRANH CHO AI?*

BÁ SỸ

Mới đây, tổ chức "Nhà tự do" đã công bố cái gọi là phúc trình về tự do thế giới 2013, trong đó đưa ra một số đánh giá thiếu khách quan về tự do, dân chủ, nhân quyền ở Việt Nam. Vậy tổ chức "Nhà tự do" là gì, tại sao họ lại có hành xử thiếu thiện chí như vậy?

"Nhà tự do" (Freedom House - FH) là tổ chức phi chính phủ, thành lập tháng 10-1941, trụ sở đặt ở Hoa Kỳ. Tổ chức này tự gán cho mình sứ mệnh "theo dõi tiến trình dân chủ hóa toàn cầu, khảo sát và nghiên cứu tình hình thực thi các quyền tự do chính trị và dân sự tại các quốc gia trên thế giới"; hơn thế nữa, FH còn tự nhận là "một tiếng nói minh bạch cho dân chủ và tự do trên thế giới"! Để thể hiện sứ mệnh, hàng năm FH đều công bố các văn bản gọi là phúc trình về tự do trên thế giới, báo cáo thường niên về tự do báo chí, tự do internet. Các văn bản này chỉ tập trung vào một số nước như Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, Lào, Trung Quốc, Việt Nam, Cuba,... hoặc các quốc gia vốn đang nằm trong "tầm ngắm" của một số thế lực thiếu thiện chí ở phương Tây. Các thế lực này luôn luôn lợi dụng vấn đề tự do, dân chủ, nhân quyền, tôn giáo

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 29-1-2013.

để chống phá, hoặc làm mất uy tín của các chính phủ mà họ "không ưa" trước cộng đồng thế giới. Trong phúc trình của FH về "tự do thế giới 2013", FH tiếp tục coi Việt Nam là quốc gia "không tự do" trong thực thi quyền tự do chính trị và dân sự. Tới ngày 18-1, trả lời phỏng vấn của VOA tiếng Việt, Sarah Cook - người được giới thiệu là chuyên gia phân tích cao cấp về tự do internet và Đông Á của FH, còn tráng lệ cho rằng Việt Nam đang có xu hướng gia tăng đàn áp các quyền cơ bản của công dân, xử "nặng tay" với những blogger chỉ trích nhà nước kiểm duyệt internet và tiếp tục đàn áp tự do tôn giáo!

Từ khi mới ra đời, FH đã là "cỗ máy tuyên truyền" do cố Tổng thống Roosevelt lập ra để chuẩn bị tâm lý cho công chúng Mỹ đối với việc nước Mỹ tham chiến trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Tuy nhiên, sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, FH không bị giải thể mà tiếp tục được sử dụng để tiến hành các chiến dịch tuyên truyền, vận động cho Kế hoạch Marshall và tổ chức NATO, đồng thời tuyên truyền chống chủ nghĩa cộng sản. Bên cạnh đó, FH cũng tích cực cổ súy truyền bá giá trị của Hoa Kỳ với khẩu hiệu "Hoa Kỳ: quốc gia của tự do". Trong những năm 1990, FH phát động chương trình đào tạo về nhân quyền cho các phần tử chống đối ở Đông và Trung Âu; khuyến khích công đoàn và người lao động tham gia các hoạt động bí mật, qua đó can thiệp vào công việc nội bộ của một số nước ở Đông và Trung Âu. Trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI, cựu Tổng thống George W. Bush từng yêu cầu FH soạn thảo báo cáo hàng năm về quyền chính trị, dân sự trên toàn thế giới để chính quyền tham khảo trước khi quyết định cung cấp viện trợ phát triển trong khuôn khổ hợp tác đối phó với các thách thức thiên nhiên kỷ cho các nước...

Có một sự thật là cho đến nay, hầu hết kinh phí hoạt động của FH do Chính phủ Hoa Kỳ tài trợ, phần lớn thành viên ban lãnh

đạo của tổ chức này đều là cựu thành viên của các cơ quan chính quyền Hoa Kỳ (như: Chủ tịch đương nhiệm của FH là William H. Taft - người từng giữ chức Thứ trưởng Bộ Quốc phòng thời Tổng thống Ronald Reagan, quyền Bộ trưởng Bộ Quốc phòng dưới thời Tổng thống Bush cha, Cố vấn luật pháp của Bộ Ngoại giao dưới thời Tổng thống Bush con; các thành viên khác trong Ban lãnh đạo của FH, như Kenneth Adelman từng là thành viên Ban cố vấn chính sách Quốc phòng của Lầu Năm Góc, Mark Palmer là cựu Đại sứ Hoa Kỳ tại Hunggari...). FH còn có quan hệ chặt chẽ với Quỹ Dân chủ quốc gia (NED), Liên đoàn chống cộng thế giới, Đài châu Âu tự do,... Đã lệ thuộc tài chính vào chính quyền Mỹ, lại bị điều khiển bởi các nhân vật từng tham gia chính quyền, cho nên không có gì khó hiểu khi FH trở thành một công cụ của những người đã chi tiền để FH có thể tồn tại dưới vỏ bọc nghiên cứu, theo dõi, cổ súy cho tự do, dân chủ, nhân quyền!

Câu hỏi đặt ra là tổ chức này dựa trên cơ sở nào để "chấm điểm" mức độ tự do về quyền chính trị và dân sự tại các quốc gia, và liệu cơ sở ấy có thật sự khách quan, đáng tin cậy? Sarah Cook cho rằng phúc trình của FH "đánh giá rõ ràng, khách quan mức độ tự do về quyền chính trị và dân sự của công dân tại tất cả các quốc gia trên thế giới", nhưng khi được hỏi về căn cứ đưa ra bản phúc trình hằng năm đối với Việt Nam, nhân vật này thản nhiên trả lời: "Chúng tôi có một chuyên gia chính phủ trách tùng quốc gia, chuyên phân tích tình hình của quốc gia đó. Họ theo dõi tin tức và thông tin về tình hình quốc gia ấy, tham vấn những người liên quan tại nước đó hay những người thường xuyên lui tới nước đó, nói chuyện với các tổ chức, kể cả các nhóm hoạt động bên ngoài nước đó". Câu trả lời cho thấy, FH đánh giá vấn đề theo lối hồ đồ vô căn cứ và tin tức mà chuyên gia của FH theo dõi không phải từ các nguồn chính thống, khách quan, mà chủ yếu khai thác từ các

website, blog, các cơ quan truyền thông vốn có thái độ thù địch hoặc thiếu thiện chí với Việt Nam; từ một số cá nhân, nhóm hoạt động thực chất là các thế lực chống phá Việt Nam ở nước ngoài, một số phần tử vi phạm pháp luật ở trong nước. Từ các thông tin FH công bố, có thể khẳng định tổ chức này không hề có bất cứ hoạt động khảo sát thực tế nào, họ chỉ dựa trên các thông tin sai lệch, vu cáo và bịa đặt để nhận xét, rồi chấm điểm. Vậy xin hỏi bà Sarah Cook, đâu là tính khách quan trong phúc trình của FH?

Trong lĩnh vực internet và báo chí, mọi người đều biết việc Nhà nước Việt Nam đã quan tâm, tạo điều kiện để phát triển internet và báo chí như thế nào, chỉ có FH và Sarah Cook là không biết mà thôi. Cho nên, một người Việt đang sống tại Hoa Kỳ, sau khi đọc bản phúc trình của FH và ý kiến của Sarah Cook trên VOA đã phải lên tiếng như sau: "Sự thật tự do báo chí ở Việt Nam đã chứng minh, phản bác hành động sai trái của Freedom House, tôi xin trích dẫn số liệu sau: Theo thống kê của tổ chức Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU) năm 2010, Việt Nam là một trong những nước có tỷ lệ người dân sử dụng internet cao nhất trong khu vực Đông Nam Á, chiếm 31,06% dân số, chỉ đứng sau ba nước là Xingapo (70%), Malaixia (55,3%), Brunây (50%);... đồng thời vượt khá xa tỷ lệ trung bình của khu vực Đông Nam Á (17,86%), khu vực châu Á (17,27%) và thế giới (21,88%). Nhân đây, cần nhắc lại rằng, sự thật về tình hình báo chí ở Việt Nam là trái ngược hẳn với những gì Freedom House vu cáo. Thật vậy, tính đến tháng 3-2012, ở Việt Nam có gần 17 nghìn nhà báo, hơn 19 nghìn hội viên nhà báo, hàng nghìn phóng viên hoạt động ở 786 cơ quan báo in, với 1.016 ấn phẩm, 67 đài phát thanh, truyền hình Trung ương và cấp tỉnh, 47 đơn vị hoạt động truyền hình cáp, 9 đơn vị truyền dẫn tín hiệu truyền hình cáp... Các con số nêu ra trên đây dù chưa được đầy đủ nhưng là một minh chứng cho nhiều sắc màu về tự do

truyền thông". Ý kiến của tác giả này cùng thực tế sinh động của sự phát triển internet và báo chí ở Việt Nam trong các năm qua là cơ sở chứng minh điều FH và Sarah Cook kết luận là sự bịa đặt, xuyên tạc trắng trợn.

Đây không phải lần đầu FH dựng chuyện và nhận xét nhầm nhí về việc thực thi quyền tự do chính trị và dân sự ở Việt Nam. Và không chỉ có thế, nhiều năm qua, FH còn mở một số chiến dịch cổ súy cho cái gọi là "tự do ngôn luận", "tự do báo chí", rồi kích động, hậu thuẫn cho một số kẻ cơ hội, phần tử vi phạm pháp luật ở Việt Nam. Rồi mỗi khi cơ quan tư pháp của Việt Nam tiến hành điều tra, bắt giam, xét xử một số công dân vi phạm pháp luật là FH vội vàng vận động một số chính khách phương Tây vu cáo Việt Nam đàn áp "nhà đấu tranh dân chủ", "người bất đồng chính kiến", và... đòi "trả tự do ngay lập tức"! Xâu chuỗi các hành động, việc làm của FH trong nhiều năm qua, có thể nhận diện ý đồ thâm độc của tổ chức này đối với Việt Nam là vừa vu khống Đảng, Nhà nước, nhân dân Việt Nam, vừa tiếp tay cho các thế lực thù địch và một số người có hành vi vi phạm pháp luật để FH dựa vào đó thực hiện âm mưu của mình.

Như vậy có thể nói sự quan tâm của FH đối với Việt Nam không phải nhằm khuyến khích tự do, dân chủ, nhân quyền. Qua những gì FH thể hiện, tổ chức này chỉ chuyên tâm cổ súy các hoạt động gây bất ổn định chính trị - xã hội ở Việt Nam. Nếu thật sự quan tâm đến tự do, dân chủ, nhân quyền, FH nên tự vấn để trả lời câu hỏi tại sao Báo cáo của Ngân hàng Thế giới mới công bố ngày 24-1 lại đánh giá trong 20 năm qua, tỷ lệ nghèo đói ở Việt Nam đã giảm từ 60% xuống 20,7%, tức là 30 triệu người dân đã thoát khỏi đói nghèo; lĩnh vực giáo dục cũng có nhiều cải thiện, tỷ lệ đăng ký học tiểu học và trung học ở bộ phận người nghèo tăng lần lượt hơn 90% và 70%,...? Phải chăng đó không phải là thành

tựu đáng khích lệ về tự do, dân chủ, nhân quyền? Nếu thật sự quan tâm đến tự do, dân chủ, nhân quyền, FH hãy tỏ ra là có liêm sỉ để góp phần vào việc mà mới đây, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc - UNICEF, kêu gọi tìm nguồn kinh phí 1,4 tỷ USD trong năm 2013 để đáp ứng các nhu cầu giúp đỡ hàng chục triệu trẻ em bị ảnh hưởng vì chiến tranh, thiên tai và các trường hợp khẩn cấp tại 45 quốc gia, vùng lãnh thổ. Và nếu thật sự quan tâm đến tự do, dân chủ, nhân quyền, FH không nên khoác lên mình "bộ cánh đã lỗi mốt" để trở thành "con rối" trong tay người khác.

MỘT SỰ VỤ KHỔNG, XUYÊN TẠC TRẮNG TRỌN TÌNH HÌNH BÁO CHÍ Ở VIỆT NAM*

HOÀNG ANH LÂN

Ngày 14-2 vừa qua, Tổ chức Bảo vệ nhà báo (Committee to Protect Journalists - CPJ) công bố cái gọi là "phúc trình thường niên về tình hình tự do báo chí toàn cầu". Về tình hình báo chí ở Việt Nam, căn cứ vào thái độ tiếp cận và các đánh giá mà CPJ đã đưa ra, cần khẳng định rằng, thực chất đó là sự tiếp tay cho các thế lực đang hằng ngày, hằng giờ phá hoại, cản trở sự ổn định và phát triển của Việt Nam...

Sau khi Tổ chức Bảo vệ nhà báo công bố "phúc trình thường niên về tình hình tự do báo chí toàn cầu" trong đó chứa đựng nhiều nội dung vu khống và xuyên tạc tình hình báo chí ở Việt Nam, ngay lập tức các cơ quan truyền thông như VOA, BBC, RFA,... liên khai thác thông tin từ "phúc trình" này để đăng tải các bài báo mà ngay nhan đề đã chứa đựng thái độ thiếu thiện chí, như: "CPJ: Việt Nam, một trong năm nước bỏ tù nhiều ký giả nhất thế giới" (VOA), "CPJ nói làm báo ở Việt Nam là "nguy hiểm"" (BBC)... Sau đó, mấy bài báo kể trên nhanh chóng được đăng lại

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 19-2-2013.

tại một số website, blog và đường như người ta hy vọng, khi sự xuyên tạc, vu khống tiếp tục được nói dài, sẽ tác động tiêu cực tới dư luận, làm ảnh hưởng tới uy tín của Nhà nước Việt Nam và tình hình báo chí ở Việt Nam!?

Trước hết phải nói rằng, từ quan niệm của họ, thể hiện cụ thể qua phúc trình, CPJ đã cố tình tạo dựng sự mập mờ bằng cách tảng lờ không quan tâm tới sự khác nhau giữa người hoạt động báo chí với tư cách là hoạt động nghề nghiệp được xã hội công nhận và được pháp luật bảo vệ, với người sử dụng internet làm phương tiện truyền bá ý kiến đi ngược tiến trình phát triển xã hội, tuyên truyền luận điệu sai trái, bình luận một số sự kiện - vấn đề một cách tiêu cực, xuyên tạc và bịa đặt,... từ đó gây hoang mang trong dư luận, làm mất ổn định xã hội. Nếu những người ở CPJ đủ tự tin để tự trao cho mình sứ mạng "thúc đẩy tự do báo chí và bảo vệ các quyền của nhà báo" thì không lý gì họ lại thiếu năng lực trí tuệ để nhận biết sự khác nhau nói trên. Hiện nay, ở Việt Nam có hơn 19 nghìn hội viên Hội Nhà báo, trong đó có gần 17 nghìn nhà báo đã được cấp thẻ hành nghề đang làm việc tại hàng trăm cơ quan báo chí (với rất nhiều loại hình khác nhau) từ trung ương tới địa phương. Đó là những nhà báo được đào tạo cơ bản, được xã hội công nhận, hoạt động dựa trên các quy định của Luật báo chí, có hội nghề nghiệp riêng và được pháp luật bảo vệ khi hành nghề. Vì thế khi tác nghiệp, họ không gặp "nguy hiểm" từ xã hội như đánh giá tùy tiện của CPJ, nên không thể đánh đồng số đông các nhà báo với một số cá nhân có hành vi "tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" trên internet. Bằng việc lảng tránh vấn đề trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội của nhà báo, cố tình gắn cho một số blogger - người viết blog, danh hiệu là "nhà báo tự do", "cây bút tự do", CPJ tưởng rằng sẽ tạo ra sự mập mờ trong dư luận để vu cáo Việt Nam; nhưng rốt cuộc, hành vi này lại làm lộ rõ bản chất thực

sự của CPJ là gì. Họ không cần phân biệt ai là nhà báo, ai không phải là nhà báo. Họ chỉ cần số liệu và một vài tên tuổi, lấy cớ để vu khống mà thôi. Vậy thử hỏi họ đang bảo vệ ai, chẳng lẽ họ không có tự trọng để thi thoảng lại xưng xưng bảo vệ những người vi phạm luật pháp?

Như mọi quốc gia khác, Việt Nam có hệ thống luật pháp của mình nhằm duy trì sự ổn định và giữ vững định hướng phát triển xã hội; bảo đảm, bảo vệ quyền con người; giữ gìn an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội,... Hệ thống luật pháp ấy là một trong những yếu tố cơ bản tạo ra cơ hội giúp mọi công dân có điều kiện phát triển toàn diện, phát huy năng lực và tài năng để cống hiến cho đất nước. Nhưng hệ thống luật pháp ấy cũng rất nghiêm khắc với bất cứ cá nhân nào, kể cả nhà báo, đã xem nhẹ trách nhiệm công dân, lợi dụng nghề nghiệp xã hội mà có hành vi vi phạm pháp luật, chống phá Nhà nước, phá hoại khối đoàn kết dân tộc, xúc phạm danh dự các tổ chức và cá nhân... Điều này không có gì khác biệt so với việc thực thi pháp luật ở các quốc gia khác trên thế giới. Nếu CPJ quan tâm tới vai trò của luật pháp ở các quốc gia, họ cần tìm hiểu một cách khách quan để thấy rằng, các nhân vật mà họ đề cập trong bản "phúc trình" đều đã bị cơ quan pháp luật Việt Nam kết án với tư cách là công dân, không phải với tư cách là nhà báo, càng không phải là "nhà báo tự do" theo cách định danh tùy tiện của CPJ.

Chính vì thế, trước khi đưa ra cái gọi là "phúc trình", những người ở CPJ nên tự vấn để trả lời câu hỏi tại sao họ không làm om xòm trước những thông tin như: "Ngày 29-1, các điều tra viên người Anh đã lục soát văn phòng báo *The Sun* - thuộc quyền sở hữu của ông trùm truyền thông Rupert Murdoch, bắt giữ bốn phóng viên cùng một cảnh sát viên trong một cuộc điều tra mở rộng về việc hối lộ cảnh sát để moi thông tin"; "Theo hãng ABC,

ngày 28-1, Iran vừa bắt giữ 11 nhà báo bị tình nghi có mối liên hệ với nước ngoài", "Trong số 200 người bị bắt giữ trong cuộc đụp loạn đầu tiên ở công viên Zuccotti, có các phóng viên của hãng phát thanh quốc gia NPR và báo New York Times... Jared Maslin, phóng viên của New York Times cho biết anh bị bắt khi đang cố gắng di chuyển khỏi khu vực hỗn loạn theo lệnh cảnh sát. Phóng viên bị áp giải lên xe cảnh sát cùng tám người khác, trong đó có hai sinh viên trường New School, một phóng viên ảnh của hãng AFP... Tất cả đều bị còng tay phía sau lưng", "ngày 10-2, cảnh sát Malaixia cho hay họ đã bắt giữ một nhà báo Arập Xêút trốn khỏi đất nước sau khi bị buộc tội lăng mạ nhà tiên tri Muhammad của đạo Hồi trên mạng xã hội Twitter", "Nhà chúc trách Tunisia vừa thông báo họ đã bắt giữ ba nhà báo vì tội cho đăng tải ảnh "khiêu dâm" giữa một cầu thủ Real Madrid và tình nhân của anh này"; xa hơn nữa là các tin: "Thomas Bjorn Nilsson, 43 tuổi, một nhà báo ở New York và Kjerste Sortland, 41 tuổi của Snorova, Na Uy, đã bị cáo buộc xâm phạm khu vực cấm, nơi tổ chức tiệc cưới của con gái cựu Tổng thống Bill Clinton. Hai nhà báo này đã đi quanh khu vực cổng khu biệt thự Aster Court ở Rhinebeck để chụp ảnh. Họ không có ý vào bên trong chụp ảnh, tuy nhiên họ cũng không nhận ra rằng đây là khu vực cấm chụp ảnh. Cảnh sát New York cho biết hai nhà báo có thể bị phạt đến 15 ngày tù và 250 USD tiền mặt. Các hình ảnh hai nhà báo đã chụp cũng sẽ bị tịch thu", và "hãng tin AP đưa tin quân đội Mỹ tại Irắc đã bỏ tù B. Hussein - phóng viên ảnh của hãng - trong suốt 5 tháng, cáo buộc anh này "đe dọa an ninh" nhưng lại không đưa ra các cáo trạng cụ thể hoặc cho phép tiến hành một cuộc điều trần ở nơi công cộng"!...

Tuy nhiên, căn cứ vào đánh giá của CPJ về tình hình báo chí ở Việt Nam trong các năm qua, dường như việc yêu cầu CPJ có thái độ khách quan là điều bất khả. Tổ chức này tự coi mình là "hiệp

sĩ" bảo vệ tự do báo chí nhưng việc làm của họ lại cho thấy tự do báo chí chỉ là chiêu bài để họ dựa vào và vu khống quốc gia nào không đồng tình với quan niệm của họ. Như trong bài viết về "phúc trình" của CPJ trên RFA ngày 17-2 có đoạn: "Theo CPJ thì Chính phủ Việt Nam tiếp tục duy trì việc kiểm soát giới truyền thông bằng phương cách tổ chức những cuộc hội họp hàng đầu tuần giữa quan chức Bộ Thông tin và các chủ bút để duyệt qua bài vở, nhất là ngăn chặn các bài chỉ trích lãnh đạo Đảng hay chính sách của Nhà nước". Nói như vậy thì đúng là CPJ không biết ngượng. Bởi, CPJ sẽ trả lời sao đây nếu đối diện với đòi hỏi về chứng cứ? Chẳng lẽ CPJ đã quen đưa ra những lời vu khống đến mức không cản liêm sỉ?

Hệ thống báo chí và truyền thông ở Việt Nam đã có bước phát triển vượt bậc. Đó là kết quả từ sự quan tâm và đầu tư của Nhà nước, từ sự trưởng thành và nỗ lực của các nhà báo, từ đòi hỏi của thực tế phát triển... Và sự phát triển này không chỉ để đáp ứng quyền tự do ngôn luận, thỏa mãn nhu cầu thông tin, mà còn tạo ra môi trường văn hóa để toàn dân có thể tiếp xúc, tiếp nhận, trau dồi tri thức, cùng hướng tới các giá trị chân - thiện - mĩ. Dù các tổ chức như CPJ có đánh giá như thế nào thì vẫn không thể phủ nhận được sự thật về sự phát triển lành mạnh của tự do báo chí và tự do ngôn luận ở Việt Nam. Tuy nhiên, khi mà các thế lực thù địch và một số phần tử cơ hội, thoái hóa, biến chất lợi dụng sự phát triển của hệ thống truyền thông, đặc biệt là internet, để tiến công vào Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam, với sự phụ họa và khuyến khích của các tổ chức như CPJ thì một mặt, chúng ta cần phải quan tâm hơn nữa để bảo chí và truyền thông luôn hướng tới mục đích vì con người, cho con người, vì sự ổn định và phát triển; mặt khác, chúng ta cũng phải bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật để bảo chí và hệ thống truyền thông đóng góp ngày

càng tích cực vào quá trình phát triển đất nước. Dù thế nào thì luật pháp của quốc gia phải được tôn trọng. Sự kiện ngày 16-2 vừa qua ông Nick Xenophon - Thượng nghị sĩ độc lập ở Nam Ôxtrâylia, thành viên phái đoàn nghị sĩ Ôxtrâylia, người đã có một số chỉ trích về nhân quyền ở Malaixia, dự kiến tới Malaixia để gặp gỡ giới chức, đại diện các đảng phái đối lập để thảo luận về cuộc bầu cử sắp tới đã bị giữ tại sân bay Kuala Lumpur theo "quy định luật an ninh quốc gia của Malaixia" và bị trực xuất trở lại Ôxtrâylia đã cho thấy một nguyên tắc đang tồn tại một cách hiển nhiên ở mọi quốc gia. Không ai có quyền đứng trên luật pháp, không ai có quyền nhân danh nghề nghiệp để vi phạm luật pháp, cũng không ai có thể tự cho mình quyền can thiệp vào việc thi hành luật pháp ở bất kỳ quốc gia nào.

"VINH DANH" HAY TIẾP TAY CHO CÁI XẤU?*

LAM SƠN

Trong những ngày qua, không hiểu vô tình hay cố ý mà cùng một thời điểm, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ và một số tổ chức như Phóng viên không biên giới, Tự do ngôn luận quốc tế liên tiếp tổ chức "vinh danh" một số người Việt đang sử dụng internet để xuyên tạc, bôi nhọ và chống phá Việt Nam. Việc "vinh danh" của họ nhằm mục đích gì?

Nhiều năm qua, việc người Việt Nam được trao một giải thưởng quốc tế nào đó không còn là chuyện hiếm. Bằng tài năng, trí tuệ của mình, nhiều người Việt Nam đã mang lại vinh dự cho Tổ quốc qua các giải thưởng có uy tín trên thế giới. Mặc dù còn một số hạn chế nhất định, nhưng điều đó vẫn chứng tỏ tài năng, trí tuệ Việt Nam, với những bước phát triển rất đáng tự hào. Từ nghệ sĩ Đặng Thái Sơn, nhà toán học Ngô Bảo Châu, kỳ thủ Lê Quang Liêm,... đến hàng trăm học sinh đạt giải cao trong các kỳ Olympic khoa học quốc tế thật sự là niềm tự hào, trở thành tấm gương để thế hệ trẻ noi theo, tiếp tục làm rạng danh Tổ quốc. Ngược lại, một số "giải thưởng quốc tế", do một số tổ chức nước ngoài trao cho một số người có hành vi vi phạm pháp luật, không những không đem lại vinh dự cho Tổ quốc mà còn làm xấu đi hình ảnh đất nước trong mắt bạn bè quốc tế, đó là trường hợp của những người như Tạ Phong Tần, Huỳnh Ngọc Chênh, Nguyễn Hoàng Vi.

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 15-3-2013.

Huỳnh Ngọc Chênh được Tổ chức Phóng viên không biên giới (RSF) - một tổ chức phi chính phủ thành lập tại Pháp vào năm 1985 với nhiệm vụ cổ súy cho tự do báo chí và tự do ngôn luận kiểu phương Tây, trao giải "Công dân mạng 2013" nhân Ngày Thế giới chống kiểm duyệt internet (12-3). Nguyễn Hoàng Vi được Tổ chức Tự do ngôn luận quốc tế (IFEX), có trụ sở chính tại Canada, "vinh danh" là một trong bảy phụ nữ tiêu biểu về bảo vệ quyền tự do ngôn luận; riêng Tạ Phong Tần là một trong chín phụ nữ được Bộ Ngoại giao Mỹ trao giải "Phụ nữ can đảm nhất thế giới 2013". Trên thực tế, đây là các giải thưởng mà nếu không có sự tâng bốc của mấy tổ chức phản động như Việt Tân, Đảng Dân chủ Việt Nam,... cùng mấy cơ quan truyền thông VOA, BBC, RFA, RFI,... và một số blog của các đối tượng có thái độ chống đối, thì hầu như không ai biết tới. Thật ra, đây không phải là lần đầu các đối tượng có "thâm nién" trong việc chống đối Nhà nước Việt Nam được trao tặng các "giải thưởng nhân quyền". Tính sơ sơ cũng đã có gần chục loại "giải thưởng nhân quyền" được trao cho các đối tượng chống đối ở Việt Nam, nhưng để gây tiếng vang, người ta còn đẽ cử vài ba người để xét nhận giải thưởng Nobel hòa bình, Nobel văn chương!

Để trao giải cho Huỳnh Ngọc Chênh, Nguyễn Hoàng Vi và Tạ Phong Tần, RSF, IFEX và Bộ Ngoại giao Mỹ đã bỏ qua, thậm chí đi ngược lại tôn chỉ, mục đích và ý nghĩa ban đầu của các giải thưởng mà họ đã khởi xướng là "khuyến khích và bảo vệ quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và tự do internet". Và họ cũng không e dè khi nói rõ điều này, như khi trả lời phỏng vấn đài VOA, Giám đốc phụ trách truyền thông của RSF - Lucie Morillon, cho rằng: "Trao giải thưởng cho blogger Chênh là cách chúng tôi ghi nhận sự đóng góp của những nhà báo tự do tại Việt Nam cổ súy cho quyền tự do ngôn luận, tự do thông tin và tự do internet bất chấp sự đàn áp và kiểm duyệt gắt gao của nhà cầm quyền Hà Nội". Còn đại

diện Bộ Ngoại giao Mỹ, trong phát biểu tại buổi trao giải "Phụ nữ can đảm nhất thế giới 2013" lại "ca ngợi" Tạ Phong Tần là "một trong những blogger đầu tiên tại Việt Nam bình luận về các tin tức, sự kiện chính trị bị nhà cầm quyền hạn chế; giúp thức tỉnh các blogger và nhà báo tại Việt Nam dám dũng cảm chuyền tải thông tin, chính kiến tới người dân Việt Nam". Hai ý kiến trên cho thấy đối với RSF, IFEX và Bộ Ngoại giao Mỹ, vấn đề không phải là "tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do internet", mà là "tự do chống đối" Nhà nước Việt Nam. Bởi vậy, biện bạch thế nào thì họ cũng không thể lẩn tránh một sự thật là, bằng việc trao giải thưởng, họ đã tiếp tay cho cái xấu, cổ vũ cho người đã có hành vi vi phạm pháp luật. Như trường hợp Tạ Phong Tần, ngày 9-3, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam đã khẳng định: "Đây là việc làm sai trái, can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam, không có lợi cho sự phát triển quan hệ hai nước".

Trước hết cần khẳng định Tạ Phong Tần, Huỳnh Ngọc Chênh và Nguyễn Hoàng Vi không phải là những người đấu tranh cho dân chủ, nhân quyền ở Việt Nam. Có thể tìm hiểu điều này qua các bài viết, ý kiến mà các đối tượng này đã đăng tải trên blog cá nhân hay trả lời phỏng vấn của một số báo, đài nước ngoài. Trong đó, họ xuyên tạc tình hình kinh tế - xã hội trong nước, vấn đề khai thác bôxít ở Tây Nguyên để kích động chống phá, gây chia rẽ khôi đoàn kết dân tộc. Trong ba đối tượng này, nổi bật hơn cả là Tạ Phong Tần. Báo chí trong nước đã công bố cụ thể nhiều thông tin mà lẽ ra Bộ Ngoại giao Mỹ cần tham khảo trước khi "vinh danh" người này. Chính Tạ Phong Tần từng thừa nhận đã nhiều lần viết bài, trả lời phỏng vấn của báo, đài nước ngoài để nói xấu ngành Công an, nói xấu Nhà nước. Tính đến thời điểm trước khi bị bắt năm 2011, Tân đã viết, phát tán gần 900 bài viết có nội dung xuyên tạc, chống đối Nhà nước Việt Nam theo "kịch bản" của các

cá nhân, tổ chức bên ngoài; viết và trả lời BBC, RFI, RFA hơn 100 bài. Với những hành vi cố tình và mang tính hệ thống đó, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25-9-2012, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên phạt Tạ Phong Tần 10 năm tù giam vì tội "Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" theo Điều 88 Bộ luật hình sự. Đây chính là cơ sở để khẳng định Tạ Phong Tần đi lạc vào ý nghĩa của giải thưởng "Phụ nữ can đảm nhất thế giới 2013" như tôn chỉ, mục đích giải thưởng này của Bộ Ngoại giao Mỹ.

Vậy ý đồ phía sau các giải thưởng nhân quyền nói trên là gì? Xét từ bản chất vấn đề thì Tạ Phong Tần, Huỳnh Ngọc Chênh, Nguyễn Hoàng Vi hay một số đối tượng khác như Nguyễn Văn Hải (blog Điều cày), Phan Thanh Hải (blog Anh ba Sài Gòn), Vũ Quốc Tú (blog Uyên Vũ), Ngô Thanh Tú (blog Thiên Sầu), Lê Hồ Ngọc Diệp (blog Trăng đêm), rồi Phạm Thanh Nghiêm, Trần Khải Thanh Thủy, Lê Thị Công Nhân, Huỳnh Thục Vy... chỉ là mấy "quân bài", trong chiến lược "diễn biến hòa bình" mà các thế lực thù địch cùng một số người đang rắp tâm triển khai ở Việt Nam. Họ cố gắng tô vẽ cho các đối tượng này qua các mỹ từ "nhà báo tự do", "nhà hoạt động dân chủ", "tù nhân lương tâm",... Nhưng họ không thể che đậy được một "kịch bản" đã và đang được triển khai để vừa làm ảnh hưởng tới uy tín của Đảng và Nhà nước Việt Nam, vừa lợi dụng tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do internet để tiến hành hoạt động chống đối nhằm gây bất ổn chính trị ở Việt Nam. Việc trao các loại "giải thưởng nhân quyền" cho các đối tượng kể trên chính là một phần của kịch bản này. Và đây thật sự là hành động cổ súy, dung túng cho phản tử chống đối Nhà nước, can thiệp trắng trợn vào công việc nội bộ của Việt Nam.

Sự việc càng nghiêm trọng hơn, sau khi được người ta "vinh danh", bằng hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp, Tạ Phong Tần,

Huỳnh Ngọc Chênh, Nguyễn Hoàng Vi đã trả lời phỏng vấn, "phát biểu cảm tưởng" trên một số cơ quan truyền thông thiếu thiện chí với Việt Nam như VOA, RFA, RFI, BBC... Riêng với Huỳnh Ngọc Chênh, nhân vật này tỏ ra rất hí hứng và đắc thắng với "vinh dự" của mình, nên đã đi quá xa khi phát biểu tại lễ trao giải "Công dân mạng 2013", đã lớn tiếng vu cáo Nhà nước Việt Nam cản trở các blogger, hạn chế tự do báo chí, cho rằng ở Việt Nam không có báo chí tư nhân nên các thông tin đăng tải trên báo chí đều theo định hướng của Đảng cầm quyền! Tuy nhiên, những lời lẽ đó lại chứa đựng một mâu thuẫn mà chắc chắn chính Huỳnh Ngọc Chênh không thể lý giải. Bởi, nếu thật sự Việt Nam cản trở các blogger thì làm sao "lực lượng blogger" ở Việt Nam có thể ngày càng phát triển "lớn mạnh và rộng khắp" như chính Huỳnh Ngọc Chênh thừa nhận khi phát biểu tại buổi nhận giải? Làm sao hằng ngày Huỳnh Ngọc Chênh vẫn công bố bài trên blog của ông ta mà không bị gây khó khăn? Sao ông ta lại phủ nhận và nói xấu những điều mà chính ông ta đang được thụ hưởng? Tương tự như thế, khi trả lời phỏng vấn của BBC và RFA, Nguyễn Hoàng Vi và Tạ Minh Tú - em gái Tạ Phong Tần, đều bày tỏ niềm "vinh dự", "tự hào" vì được trao "giải thưởng"; họ coi đây là nguồn "khích lệ" cho các "nhà đấu tranh cho dân chủ, nhân quyền" tại Việt Nam! Là người Việt Nam, họ nên thấy xấu hổ chứ không phải là vinh dự, vì hành vi của họ đã hoàn toàn đi ngược lại với lợi ích của nhân dân, của dân tộc và vi phạm pháp luật của Việt Nam. "Giải thưởng" họ được trao chỉ làm cho họ ngày càng trở thành công cụ đắc lực trong tay những người đang tìm mọi cách chống phá, cản trở, với ý đồ làm thay đổi bản chất chính trị - xã hội ở Việt Nam mà thôi.

KHI RSF THIẾU THIỆN CHÍ, LẦN TRÁNH SỰ THẬT!*

QUỐC HÙNG

Sau khi báo *Nhân Dân* đăng bài ““Vinh danh” hay tiếp tay cho cái xấu?” phê phán một vài tổ chức nước ngoài trao giải thưởng cho một số blogger ở Việt Nam, ngày 22-3-2013, Tổ chức Phóng viên không biên giới (RSF) đã lên tiếng “phản bác chỉ trích của Việt Nam”.

Giám đốc phụ trách khu vực châu Á - Thái Bình Dương của RSF còn trả lời phỏng vấn của VOA nói một cách không giấu giếm rằng, RSF “khuyến khích, ủng hộ” những hoạt động sai trái mà Nhà nước Việt Nam khẳng định là vi phạm pháp luật. Việc làm này, một lần nữa RSF tiếp tục cố tình làm ngơ trước sự thật...

Ai từng quan tâm tới hoạt động trên internet của mấy vị gọi là “blogger - nhà dân chủ” ở Việt Nam, hẳn đều biết tới bức ảnh được công bố trên mạng, trong đó có hình một ông béo tốt, râu ria tua tủa, đang ngồi xổm trên vỉa hè, lưng dựa vào cột điện, tay bê laptop, tay hí húi gõ bàn phím để đưa tin về một sự kiện đang diễn ra. Cũng trên vỉa hè gần ông râu ria là một blogger vào hàng “nổi tiếng” trong các nhân sĩ, trí thức”, vai đeo balô đựng laptop, đứng nhìn về phía xa xa! Và bức ảnh này đã trở thành một bằng chứng cho thấy “blogger - nhà dân chủ” hoạt động rất thoả mái, không bị bất cứ sự ngăn cản nào. Không rõ khi xem xét, đánh giá hoạt động

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 26-3-2013.

của blogger ở Việt Nam, cái gọi là "Tổ chức Phóng viên không biên giới" (RSF) có biết bức ảnh này? Nếu biết mà bỏ qua, chứng tỏ RSF đã hành xử một cách dối trá. Nếu chưa biết mà vẫn cứ trao "giải công dân mạng 2013" cho một blogger ở Việt Nam kèm theo ghi nhận đã "cỗ súy cho quyền tự do ngôn luận, tự do thông tin, và tự do internet bất chấp sự đàn áp và kiểm duyệt gắt gao của nhà cầm quyền Hà Nội" (!), thì đó thật sự là một hành vi trơ tráo. Nếu biết tự trọng, họ phải nhận ra mâu thuẫn giữa việc phê phán Việt Nam "đàn áp, kiểm duyệt" internet với việc RSF trao "giải thưởng" cho một blogger vẫn hằng ngày viết bài để đăng trên blog và vừa tự do sang Pháp nhận giải!?

Thật ra, đòi hỏi RSF biết tự trọng sẽ là điều khó khăn, vì thông tin từ mục Phóng viên không biên giới ở Wikipedia thì: "Theo điều tra của hai nhà báo thuộc Đài Truyền thanh và Truyền hình nhà nước WDR (Đức), Tổ chức Phóng viên không biên giới nhận được nhiều ủng hộ từ nhà tỷ phú Mỹ George Soros, người từng ủng hộ công đoàn Solidarnosc' hàng triệu đôla Mỹ, và từ Quỹ quốc gia hỗ trợ dân chủ (National Endowment for Democracy), là tổ chức mà 90% ngân sách xuất phát từ ngân sách quốc gia của Hoa Kỳ và thuộc Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Cũng thuộc trong số những nhà tài trợ là nhà công nghiệp vũ khí và "ông hoàng" truyền thông đại chúng của Pháp Serge Dassault, tập đoàn truyền thông đại chúng Vivendi, nhà tỷ phú François Pinault... Các nhà phê bình cáo buộc tổ chức Phóng viên không biên giới đã tường trình về việc phân biệt đối xử nhà báo một cách có chọn lọc trước. Việc chọn lọc các nước mang định hướng của sự chọn lọc từ Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, bỏ qua tất cả các tường trình về những hoạt động chống lại nhà báo trong các nước đồng minh của Hoa Kỳ (Philippines, Arập Xêút) hay chính trong Hoa Kỳ". Các nội dung này cho thấy, nếu RSF có xử sự như người ta thường nói "ăn cơm chúa,

múa tối ngày" cũng là điều dễ hiểu. Tiếc rằng, tiết mục "múa" của RSF lại không mang tính lương thiện. Khi "hầu bao" do người khác nắm giữ, dù có muốn RSF cũng không thể vượt khỏi cái "vòng kim cô" mà người ta đã úp lên đầu RSF! Chẳng hạn ngày 20-3, BBC đăng bài "Irắc sau 10 năm chiến tranh" trong đó có một số thông tin đáng chú ý liên quan tới công việc của giới phóng viên: "HRW nói điều kiện ở Irắc vẫn còn hạn chế, nhất là đối với người bị giam giữ, nhà báo, các nhà hoạt động, phụ nữ, trẻ em gái... Irắc là chốn nguy hiểm cho truyền thông, với 151 nhà báo tử nạn, theo con số của CPJ, mặc dù IBC nói số người làm trong ngành truyền thông thiệt mạng là 288 so với 256 người thuộc ngành y, chăm sóc sức khỏe". Trước thực trạng đó, RSF đã hành động như thế nào để giúp phóng viên ở Irắc bảo toàn tính mạng. Đáng tiếc là RSF hầu như không làm gì. Vậy lương tri của RSF để đâu, hay vì nếu lớn tiếng phê phán ở Irắc phóng viên bị đe dọa tính mạng, chẳng hóa ra là RSF phê phán nơi nắm giữ cái "hầu bao" của RSF!?

Trước phản ứng đối với việc RSF trao "giải thưởng" cho một blogger và vu cáo Nhà nước Việt Nam, RSF nên xấu hổ về việc làm của mình, không nên "ngạc nhiên" như VOA đưa tin ngày 22-3. Còn ông Benjamin Ismail - Giám đốc phụ trách khu vực châu Á - Thái Bình Dương của RSF, cũng không nên trông chờ một "cuộc đối thoại với Việt Nam về các quan điểm khác biệt". Việt Nam chỉ có thể đối thoại với một tổ chức lương thiện, không thể đối thoại với một tổ chức chỉ lấy việc vu cáo, tiếp tay cho cái xấu làm mục đích. Hơn thế nữa, qua cái gọi là "báo cáo kẻ thù của internet" công bố ngày 12-3, RSF còn trang tráo xếp Việt Nam vào nhóm "năm quốc gia kẻ thù của internet" vì "tiến hành một cách hệ thống giám sát trực tuyến, gây ra các vi phạm nhân quyền nghiêm trọng"! Đến mức này thì đúng là ở RSF, sự thật đã không được đếm xỉa đến. Muốn biết rõ sự thật, người ở RSF nên đọc bài về một

blogger nổi tiếng ở Việt Nam đã đăng trên BBC tiếng Việt ngày 14-3, trong đó có đoạn: "Bình về sức ép của chính quyền đối với ông, chủ blog nói: "Phải nói thẳng là trong suốt hơn năm năm, tôi không bị áp lực gì cảng thẳng từ cơ quan chức năng. Chỉ đôi lần thông qua quan hệ bạn bè thì họ có đề nghị tôi ngừng. Có lần họ đề nghị tôi thôi và gỡ các hình ảnh trực tiếp xuống, tôi nói tôi có thể đồng ý nhưng sẽ thông báo với độc giả đây là đề nghị của cơ quan chức năng. Như vậy cũng là để giảm bớt áp lực với họ. Họ cũng có đề nghị tôi không để trong list của tôi blog này, blog kia, tôi cũng chấp nhận một phần. Tôi coi cái đó không đáng kể. Tôi nói tôi không để trong list, nhưng bài vở tôi vẫn điểm. Tất cả yêu cầu của họ có tính chất nhẹ nhàng thôi, nhẹ nhàng, lịch sự"...".

Tiếp theo, xin dẫn lại các con số về internet ở Việt Nam để RSF tham khảo: Theo *Sách trắng internet Việt Nam* do Trung tâm internet Việt Nam công bố tháng 12-2012, tính đến hết quý III-2012, Việt Nam có 31.196.878 người sử dụng internet (chiếm tỷ lệ 35,49% dân số) và Việt Nam đang đứng thứ 18/20 quốc gia có số người dùng internet lớn nhất thế giới, đứng thứ tám khu vực châu Á và đứng thứ ba ở khu vực ASEAN; so với năm 2000, số lượng người dùng internet ở Việt Nam đã tăng khoảng hơn 15 lần; Việt Nam là nước đứng đầu khu vực ASEAN về số lượng đăng ký tên miền quốc gia. Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, đến hết năm 2012, tổng số thuê bao 3G (qua hai hình thức: truy cập trên điện thoại và Dcom 3G) của Việt Nam đạt xấp xỉ 20 triệu thuê bao, với hạ tầng phủ rộng khắp để mọi người dân có thể sử dụng dịch vụ một cách dễ dàng. Theo số liệu của website techinasia.com công bố ngày 21-3-2013, "lượng người dùng mạng xã hội facebook ở Việt Nam tăng từ 8,5 triệu vào tháng 10-2012, lên thành 12 triệu". Và riêng với blog, theo bài "Hướng đi nào cho dịch vụ blog ở Việt Nam?" đã đăng trên ictnews.vn: "Tính đến

tháng 4-2012, dịch vụ Yahoo! 360Plus có khoảng 2,3 triệu thành viên, thấp hơn các dịch vụ blog khác như Yume (2,4 triệu người dùng), wordpress.com (2,9 triệu thành viên), blogspot.com (5,1 triệu thành viên)... Thực tế cho thấy, cộng đồng blogger phát triển khá mạnh mẽ tại Zingme với 500.000 bài viết và 2 triệu blogger mỗi tháng". Cho nên khi tới Việt Nam, không ai phủ nhận thực tế có thể dễ dàng truy cập internet, nhất là tại các thành phố, thị xã, huyện ly với hàng nghìn quán café-wifi. Đặc biệt, Hội An đã phủ sóng wifi miễn phí trên toàn thành phố, công việc này hiện cũng đang được triển khai ở Huế, Đà Nẵng...

Các con số trên cho thấy được sự quan tâm của Nhà nước, internet ở Việt Nam đã phát triển với tốc độ rất cao. Nếu là "kẻ thù của internet", nếu muốn kiểm soát blogger, Nhà nước Việt Nam sẽ không tạo điều kiện phát triển dịch vụ 3G, vì đây là dịch vụ khó kiểm soát (nhất là với người sử dụng 3G bằng "sim rác"), bởi nó cho phép người sử dụng có thể truy cập internet mọi lúc mọi nơi. So với vô vàn blogger ở Việt Nam, số blogger mà RSF cổ vũ có số lượng cực kỳ nhỏ, chẳng lẽ RSF không tự hỏi tại sao vô vàn blogger khác lại không la lối "bị đàn áp" để được RSF ủng hộ và trao "giải thưởng"? Và nếu thật sự "bị đàn áp", mấy blogger được RSF cổ vũ có thể ngồi trên vỉa hè để "tác nghiệp" hay không? Tiếp tay cho cái xấu, RSF đã làm điều bất lương là lẩn tránh sự thật, lập lò đánh đồng việc viết blog với hành vi vi phạm pháp luật. Nói cách khác thì RSF cố tình không phân biệt sự khác nhau giữa người viết blog lành mạnh với người đã lấy blog làm phương tiện để "tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Về điều này, vào ngày 23-1-2013, tại trụ sở Quốc hội Vương quốc Anh, trong cuộc thảo luận giữa thành viên Nhóm Nghị viện liên đảng về Việt Nam và Đoàn cấp cao của Chính phủ Việt Nam, Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng

Việt Nam, đã khẳng định rõ ràng: "Không có ai tại Việt Nam bị xử lý vì viết blog hay viết báo, mà bị xử lý vì đã vi phạm pháp luật và đã được xử lý công khai". Sự thật là vậy, chỉ có RSF và một số tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí với Việt Nam là không dám đối diện sự thật, họ chỉ cố sử dụng "dân chủ, nhân quyền, tự do báo chí" làm chiêu bài để can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam mà thôi.

AI LÀ "KẺ THÙ CỦA INTERNET"?*

ANH KHÔI

Ngày 26-4-2013, website BBC tiếng Việt đăng bài viết nhan đề “Google bác bỏ yêu cầu kiểm duyệt từ Việt Nam” - một kiểu “rút tít” vừa giật gân câu khách, vừa cố tranh thủ làm ảnh hưởng tới hình ảnh của Việt Nam! Tuy nhiên, theo Báo cáo minh bạch do Google công bố ngày 25-4 thì không chỉ như vậy.

Báo cáo đề cập tới yêu cầu tương tự từ nhiều quốc gia, trong đó có Mỹ, Nga, Trung Quốc, Braxin,... thậm chí 20 nước từng gửi yêu cầu tới Google đòi xóa phiên bản video “Innocence of Muslims” - bộ phim được coi là nguyên nhân dẫn tới bạo lực ở Trung Đông thời gian qua. Vì thế, qua bài báo của BBC, câu chuyện ai là kẻ thù của internet cần được làm sáng rõ.

Thế giới đã thay đổi rất nhiều kể từ khi có internet. Con người, do tiếp xúc và sử dụng internet đã có nhiều thay đổi cả về tập quán sinh hoạt, phương thức tư duy cũng như cách thức hành động. Dù phải thay đổi để thích nghi với yếu tố mới của môi trường sống, hầu như không người nào từ chối sử dụng internet, đơn giản vì nó trực tiếp góp phần đem lại sự phồn vinh, chí ít cũng về thông tin, tri thức. Vậy mà lại có tổ chức bịa ra cái định danh “kẻ thù của internet” để quy kết quốc gia này quốc gia kia. Nhưng theo cả nghĩa

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 3-5-2013.

đen và nghĩa bóng, bản thân internet không có kẻ thù, internet chỉ đơn giản là công nghệ do con người tạo ra để phục vụ mình. Từ khi ra đời đến nay, internet đồng hành cùng con người trong cuộc mưu sinh, trở thành công cụ đắc lực trong cuộc sống. Có chăng là cách thức và mức độ quản lý internet ở mỗi quốc gia có sự khác nhau.

Với Việt Nam thì sao? Khoảng mười năm trở lại đây, Việt Nam dẫn đầu danh sách các quốc gia có tốc độ phát triển internet nhanh trên thế giới. Báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông cho biết, tổng số thuê bao băng rộng hiện nay đạt gần năm triệu, tổng số thuê bao 3G đạt hơn 3,3 triệu. Tính đến tháng 11-2012, nước ta có hơn 31,3 triệu người sử dụng internet, chiếm 35,58% dân số. Hiện tại 100% viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và trung học phổ thông ở Việt Nam có kết nối để truy nhập internet băng rộng; hơn 90% các trường trung học cơ sở, bệnh viện được kết nối internet. Đa số cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, bác sĩ, sinh viên đại học và cao đẳng, học sinh trung học chuyên nghiệp và học sinh trung học phổ thông sử dụng internet. Khoảng 70% số xã có cơ sở dịch vụ viễn thông kết nối băng rộng. Đặc biệt, truyền thông điện tử ở Việt Nam phát triển mạnh chưa từng thấy với hàng trăm báo và tạp chí điện tử, hơn 1.200 trang thông tin điện tử tổng hợp được cấp phép, 330 mạng xã hội đã đăng ký hoạt động, cùng một số lượng rất lớn blog cá nhân. Điều cần nhấn mạnh là, Việt Nam không có quy định kiểm soát thông tin cá nhân của người sử dụng internet. Vì thế, tự do internet của Việt Nam là sự thật không thể bác bỏ. Hay nói cách khác, Việt Nam là quốc gia hết sức thân thiện với internet.

Tuy nhiên, dù tiện dụng đến đâu thì công nghệ nào cũng có mặt trái của nó. Từ thực tế có thể nói, mặt trái của internet gây tác hại có thể hủy hoại tâm hồn con người, đe dọa an ninh quốc gia, trực tiếp trở thành công cụ tiến công hay phòng thủ trong các cuộc chiến tranh mạng hay xung đột vũ trang. Thậm chí thông tin giả

trên internet có thể làm bùng nổ chiến tranh. Như gần đây, thông tin thất thiệt về hai vụ nổ bom tại Nhà Trắng khiến Tổng thống Obama bị thương đăng trên tài khoản twitter của hãng thông tấn AP đã làm cho thị trường chứng khoán Mỹ thiệt hại gần 137 tỉ USD chỉ trong vòng ba phút! Do đó, mối lo ngại của cộng đồng quốc tế với mặt trái của internet là điều tất yếu. Để ngăn ngừa tác hại của internet, mọi quốc gia trên thế giới đều triển khai những biện pháp nhằm kiểm soát nội dung và hành vi của những người sử dụng internet. Ông Gary Shapiro, Chủ tịch và Giám đốc điều hành của Hiệp hội Điện tử tiêu dùng (CEA), tổ chức thương mại của Mỹ đại diện cho hơn 2.000 công ty điện tử tiêu dùng, đã nói: "Một số chính phủ nước ngoài nhìn thấy sự mở cửa và tự do của internet như là một mối đe dọa. Trong thực tế, 89 quốc gia đã ký hiệp ước ITU đem lại cho các chính phủ quyền kiểm soát nhiều hơn đối với an ninh mạng và thư rác".

Hãy xem Mỹ - nước vẫn tự hào là nơi sản sinh ra internet, đã quản lý internet như thế nào. Trước hết Chính phủ Mỹ kiểm soát internet thông qua Tổ chức Quản lý số liệu và tên miền internet quốc tế (Internet Corporation for Assigned Names and Numbers - ICANN). ICANN thành lập năm 1998, là tổ chức hoạt động theo hợp đồng ký kết với Chính phủ Mỹ, chịu sự giám sát của chính phủ nước này. ICANN có chức năng kiểm soát tất cả các trang mạng và địa chỉ email toàn cầu thông qua việc phân bổ địa chỉ IP, quản lý hệ thống máy chủ cơ sở internet, thực hiện những thay đổi ở tầng cao nhất của kiến trúc mạng, xác định phân vùng những tên miền cấp cao như .com, .org, .net,... Vai trò, vị trí của ICANN với internet là tối quan trọng trên phạm vi toàn cầu, song ICANN lại quan hệ mật thiết với Chính phủ Mỹ; nói cách khác là, trên thực tế, Chính phủ Mỹ quản lý tổ chức này rất chặt chẽ. Vì vậy mới có chuyện nước Mỹ kêu gọi các quốc gia khác buông lỏng quản lý internet, do Mỹ đã nắm trong tay con át chủ bài rồi. Tuy nhiên, điều này đi ngược lại lợi ích

của đa số các quốc gia trên thế giới, nhiều quốc gia, tổ chức như Pháp, Đức, Nga,... tỏ rõ thái độ không đồng tình với việc mạng lưới internet toàn cầu do một tập đoàn độc quyền Mỹ thao túng. Cần lưu ý là lãnh đạo của ICANN lại là một cựu lãnh đạo trung tâm an ninh mạng thuộc Bộ An ninh nội địa Mỹ. Do đó, nhiều nước tỏ rõ ý muốn ICANN chịu sự quản lý của một thể chế quốc tế, có thể là Liên hợp quốc, bởi vì internet mang bản chất xuyên quốc gia.

Một vấn đề rất dễ thấy là chính người dân Mỹ, chứ không phải ai khác, đang bị theo dõi chặt chẽ thông qua internet. Hàng tin Foxnews tiết lộ rằng, trong năm 2012, Chính phủ Mỹ đã yêu cầu Google cung cấp dữ liệu về người sử dụng hơn 31.000 lần; dù phàn nàn về việc này nhưng Google vẫn phải giao nộp một số thông tin về email cá nhân, dữ liệu tìm kiếm (mà điển hình là sự kiện Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton từng đề nghị Google gỡ bỏ các đoạn phim Innocence of Muslims ra khỏi mạng chia sẻ video youtube). Nhiều cơ quan của Chính phủ Mỹ cũng tìm cách nhảy vào quản lý internet để tìm cách đánh sập những tên miền xuyên biên giới, lùng sục ma túy, tiền bẩn, hạn chế cờ bạc trực tuyến, buôn bán vũ khí trên mạng... Những hoạt động khủng bố gần đây đã khiến cho nhà chức trách Mỹ và nhiều quốc gia tăng cường theo dõi, thu thập thông tin từ internet. Như trong cuốn sách *Định nghĩa về tự do internet* của tạp chí điện tử eJournal USA, Giáo sư Derek Bambauer (Trường Luật Brooklyn) cho biết: "Tại Mỹ, các công ty viễn thông phải tích hợp cả chức năng nghe trộm điện thoại vào các sản phẩm và dịch vụ của mình". Còn Giáo sư Richard A. Epstein (Đại học Luật Chicago) thì bày tỏ thái độ về quản lý internet như sau: "Có phải chúng ta đều có chung quan điểm về việc người Trung Quốc hạn chế các bài diễn thuyết chính trị không? Và có phải Mumbai chỉ ngăn chặn các bài diễn thuyết của các nhóm Hindu cực đoan không? Còn trường hợp người Pháp đã cấm các hình ảnh của những nhóm theo chủ nghĩa da trắng độc

tôn? Và còn quyết định của Niu Dilân về việc cấm các văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em? Thêm vào đó là việc Mỹ chặn hành vi sử dụng bất hợp pháp các tư liệu có bản quyền...". Các chuyên gia còn lưu ý, chỉ cần một lần thanh toán bằng thẻ tín dụng thì danh tính người sử dụng sẽ bị ghi nhận trong hệ thống máy tính Mỹ và bị theo dõi hoạt động. Như vậy, chính các chuyên gia của Mỹ thừa nhận sự kiểm soát chặt chẽ của Mỹ đối với internet.

Từ thực tế trên có thể khẳng định, Mỹ là một trong những quốc gia quản lý internet chặt chẽ nhất, tuy nhiên, tổ chức Phóng viên không biên giới - RSF lại chưa bao giờ coi Mỹ và các nước phương Tây là "kẻ thù của internet". Mà tổ chức này lại cho rằng, Việt Nam là một trong năm quốc gia theo dõi internet một cách nghiêm ngặt nhất (?). RSF nhận xét rằng tại Việt Nam, tuy chất lượng hệ thống mạng còn yếu song vẫn bị chính quyền kiểm soát chặt chẽ. Và VOA, RFA, BBC cùng một số trang mạng thiếu thiện chí với Việt Nam lập tức bám vào nhận xét vô căn cứ của RSF để cổ vũ cho các quan điểm sai trái này.

Một khi truyền thông xã hội được sử dụng vào các mục đích lừa đảo, vi phạm pháp luật, đi ngược lại lợi ích chính đáng của cộng đồng, xã hội, đe dọa an ninh quốc gia sẽ gây ra hậu quả vô cùng nghiêm trọng. Hiện nay, việc phát hiện, ngăn chặn các hành vi tiêu cực, sai trái, thiếu văn hóa trên môi trường internet toàn cầu đang được tất cả các quốc gia đẩy mạnh. Tuy nhiên, công việc này gặp rất nhiều khó khăn về phương diện kỹ thuật cũng như do sự khác biệt về môi trường pháp lý giữa các quốc gia. Điều này cần nhận được sự ủng hộ của các tổ chức có quan tâm tới vấn đề, chứ không phải cứ xưng xưng vu cáo nước khác, mà lờ đi thực trạng, như RSF vẫn làm. Mỗi doanh nghiệp, mỗi người dân cần tự ý thức về tất cả những điều pháp luật không ngăn cấm, bảo đảm cho internet là công cụ kết nối con người với con người, đem lại cuộc sống hòa bình, thịnh vượng cho con người.

AI ĐÃ DUNG TÚNG VÀ TIẾP TAY CHO NHỮNG KẺ DỐI TRÁ?*

VŨ HỌP LÂN

Giữa tháng 6-2013, một số người dùng facebook ở Việt Nam phàn nàn về hiện tượng khó truy cập vào mạng xã hội này. Lập tức, một số cơ quan truyền thông như BBC, RFA,... vội khai thác và biến thành sự kiện để hướng sự nghi ngờ vào Nhà nước Việt Nam.

Nhưng trên thực tế, tình trạng trên không chỉ xảy ra ở Việt Nam và đại diện facebook đã lên tiếng xin lỗi về "sự cố hạ tầng web", dù vậy, mấy địa chỉ truyền thông vô cớ ám chỉ Nhà nước Việt Nam vẫn không đưa ra một lời đính chính nào...?

Sau khi chiến dịch làm rùm beng một phạm nhân đang "tuyệt thực trong trại giam" kết thúc bẽ bàng, để lộ ra chân tướng một hệ thống thủ đoạn giả trá nhằm lừa dối dư luận ở trong và ngoài nước, có lẽ vì quá thát vọng và bức xúc, dù đã công bố entry Nên chấm dứt chạy trốn sự thực ở đây, ngày 22-6 chủ trang hantimes.info - người vốn được các "nhà dân chủ" hâm mộ, lại tiếp tục công bố entry Hãy biến đi! Entry có đoạn: "Hiệu ứng sự ngu xuẩn đám đông là điểm chết tư duy của cái gọi là phong trào dân chủ hiện nay. Những người tự cho mình là nhà dân chủ, đang thét gào dân

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 2-7-2013.

chủ té ra chỉ là những người giỏi ve vuốt chính mình, té ra chỉ là những con người đầy lòng sợ hãi. Họ chỉ là những kẻ giỏi chiêu chuộng chính mình và đi bám vào đám đông để nhận được sự tung hô nhằm tự thỏa mãn óc vị kỷ của chính họ... Không thể nào trông mong dân chủ đến từ đám bất chấp đúng sai, hoảng sợ, hèn hạ với thất bại của mình...". Trước thực tế đó, nếu có tinh thần khách quan và trung thực, nếu có đạo đức của người làm báo để tạo ra khả năng biết phân biệt đâu là đúng - sai, phải - trái, thực - hư, thì BBC, RFA, RFI, VOA,... phải thấy xấu hổ vì đã hăng hái cổ súy cho sự bịa đặt dựng đứng. Nhưng các cơ quan truyền thông này không làm như vậy, dù sự việc đã rõ mười mươi, họ vẫn phớt lờ sự thật, vẫn "cố đấm ăn xôi", vẫn tiếp tục công bố các tin tức đại loại như: đậm dọa kiện cáo (BBC, ngày 23-6), trao đổi với "giới trẻ" (VOA, ngày 24-6)...

Tối khi không chỉ người sử dụng facebook ở Việt Nam, mà nhiều nơi trên thế giới, người sử dụng facebook cũng gặp hiện tượng chập chờn, thậm chí không thể truy cập vào mạng xã hội này; thế là không khảo sát trên phạm vi rộng, không chú ý tới việc đã nhiều lần facebook gặp sự cố, không tham khảo ý kiến nhà quản lý, trang tiếng Việt của BBC, RFA... nhanh chóng nhập cuộc qua các bài "Facebook lại bị chặn ở Việt Nam?", "Facebook bị chặn ở Việt Nam",... Các bài viết này đã đưa những thông tin mơ hồ hoặc ám chỉ, như: "Có nguồn tin chưa kiểm chứng nói ngành bưu chính viễn thông đã lưu hành văn bản về việc chặn facebook từ ngày 15-6", mình gọi hẳn lên tổng dài, họ trả lời: "xin lỗi chị, để đảm bảo an ninh quốc gia bên em đã chặn facebook rồi ạ", "các trang mạng xã hội, cụ thể facebook, bị người sử dụng nhận thấy đang có sự can thiệp vào! Thế nhưng, khi được biết hiện tượng trên là do lỗi kỹ thuật từ phía mạng xã hội facebook, cơ quan này đã ra tuyên bố: "Chúng tôi đã xử lý vấn đề nhanh chóng và bây giờ

facebook đã hoạt động trở lại 100%. Chúng tôi xin lỗi vì sự bất tiện này", thì BBC, RFA,... cũng quên luôn các bình luận thiếu thiện chí, nếu không nói là vô trách nhiệm của họ. Tuy nhiên, một số kẻ tự nhận là "nhà dân chủ, người yêu nước" lại cố đi xa hơn. Ngày 26-6 qua facebook, họ công bố cái gọi là "công văn của VNPT" chỉ đạo các đơn vị trực thuộc "khẩn trương thực hiện ngăn chặn truy cập đến trang mạng xã hội facebook theo danh sách địa chỉ IP, website gửi kèm". Rất nhanh chóng, một blogger la lối: "Công văn vi phạm quyền cơ bản của công dân", website chuacuuthe phụ họa bằng bài viết tùy tiện của K. Thuyên; từ nước Mỹ, trang điện tử người-viet hưởng ứng bằng bình luận: "Bản tin của Giáo dục Việt Nam và Petrotimes lập lò để người đọc hiểu là không có chuyện nhà cầm quyền ngăn chặn. Nhưng văn thư của Tập đoàn VNPT làm theo lệnh của Bộ Công an đã nói lên tất cả" (!). Và cũng rất nhanh chóng, bằng các phân tích rất xác đáng, qua internet một số người đã vạch rõ "công văn" trên chỉ là văn bản giả mạo, người viết không biết gì về thể thức văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính!

Các chiêu trò giả mạo tài liệu, dựng đứng sự kiện, đổi trắng thay đen, mà các thế lực thù địch và các tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí với Việt Nam truyền bá trên các phương tiện truyền thông, nhất là internet, đã bị lật tẩy rất nhiều, nhưng họ vẫn trơ tráo thực hiện. Như gần đây, Ủy ban Đối ngoại Hạ viện Mỹ thông qua cái gọi là Dự luật HR 1897, người ta biến ngay thành Hạ viện Mỹ thông qua Luật nhân quyền Việt Nam (BBC, ngày 28-6), bất chấp việc ai cũng biết không thể đồng nhất Ủy ban Đối ngoại Hạ viện Mỹ với Hạ viện Mỹ. Đến mức, trong bài viết ngày 21-6, vì thấy "vài tác giả gốc Việt ở Mỹ" thường dùng bức ảnh "bi kịch hóa ngoại cảnh một trại cải tạo ở Việt Nam" vốn là ảnh chụp lại từ bộ phim *Vượt sóng* của Hàm Trần sản xuất tại Mỹ nhưng không chú thích xuất xứ, làm

như là "hình trại cải tạo thật", Vũ Ánh - người Mỹ gốc Việt, đã phải lên tiếng cho rằng đó là việc làm "không minh bạch" và "không nên chế biến hay bóp méo đổi phương bằng sự tưởng tượng của mình". Thậm chí cách đây không lâu, có kẻ đưa một phụ nữ nửa đêm bế con nhỏ ra nầm vặt vật trên vỉa hè rồi chụp ảnh tung lên internet để vu cáo chính quyền, và lập tức bị vạch trần là dàn dựng giả dối, vì người phụ nữ... vẫn đội mũ bảo hiểm!

Việc sử dụng cả trẻ em vào các mưu đồ đen tối làm nhớ tới bài "Vụ Babylift" (Bốc trẻ em) trong đó có bức thư do ông Nguyễn Văn Hâm - Giáo sư, dân biểu của chính quyền Sài Gòn trước đây, cung cấp. Bức thư "làm tại miền Nam Việt Nam ngày 6-4-1975" gửi Quốc hội, nhân dân Hoa Kỳ, Hội Chữ thập đỏ quốc tế, Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc,... viết: "Lịch sử chiến tranh thế giới xưa nay dù người ta có sử dụng vô số các âm mưu thủ đoạn nào để đạt mục tiêu đi chăng nữa, nhưng chưa bao giờ sử dụng phương thức xuất cảng cô nhi như Chính phủ mới đây. Chúng tôi đau đớn mà tố giác rằng, trong khi đời sống của bốn ngàn cô nhi đang bình lặng tại các cơ sở nghĩa dưỡng toàn quốc, thì Chính phủ Sài Gòn do sự khuyến khích của Tòa Đại sứ Mỹ đã bất ngờ đưa hết số cô nhi trên về Sài Gòn để chờ lên máy bay rồi bỏ quê hương. Chúng tôi gay gắt lên án các hội nghĩa dưỡng quốc tế tại Việt Nam đã cấu kết chặt chẽ với âm mưu trên nhằm ý đồ chính trị, bội phản lại chủ trương nhân đạo nhân chính một cách bỉ ổi. Chúng tôi cực lực phản đối nhà cầm quyền Sài Gòn bất chấp tình đồng bào ruột thịt khi tuân hành mệnh lệnh quái ác: Xuất cảng cô nhi,... chúng tôi nghiêm khắc cảnh giác rằng: Lịch sử đạo đức nhân loại sẽ vô cùng lâm nguy nếu ngày nào ý nghĩa nhân đạo còn bị các thế lực hiếu chiến sử dụng vào mục tiêu chính trị thấp hèn" ([website haylentieng.vn](http://www.haylentieng.vn)).

Thế giới đang trải qua nhiều biến động phức tạp với các nguyên nhân khách quan, chủ quan tác động tới các quốc gia theo

cả hai xu hướng tích cực, tiêu cực. Vì thế, mỗi quốc gia đều có quy định luật pháp cụ thể để bảo đảm ổn định, phát triển, và Việt Nam không phải là trường hợp ngoại lệ. Đó là cơ sở để lý giải Đạo luật chống nổi loạn và Đạo luật tụ tập ôn hòa của Malaixia, Đạo luật yêu nước của Mỹ, thậm chí cả việc "Một tòa án Ai Cập kết án 43 nhân viên của các cơ quan bất vụ lợi nước ngoài, gồm ít nhất 15 người Mỹ về tội sử dụng bất hợp pháp ngân quỹ để gây xáo trộn tại nước này... Tòa án cũng ra lệnh đóng cửa vĩnh viễn văn phòng tại Ai Cập của các tổ chức phi chính phủ trong đó có Freedom House trụ sở tại Mỹ, Viện Dân chủ quốc gia, Viện Cộng hòa quốc tế" (VOA, ngày 4-6-2013)... đều là kết quả của xu thế tất yếu đó. Nhưng với một số tổ chức và cá nhân, sự chi phối của quan niệm "tiêu chuẩn kép" và sự thiếu trong sáng của lương tri đã không giúp họ có thái độ khách quan. Họ có thể im lặng trước việc: "Một số công ty internet đã đạt được thỏa thuận với Chính phủ Mỹ để tiết lộ các thông tin hạn chế về số lần họ nhận được yêu cầu theo dõi", và chỉ trong sáu tháng cuối năm 2012, từ các chính quyền tiểu bang và địa phương cũng như từ NSA, facebook đã nhận từ 9.000 đến 10.000 yêu cầu đòi cung cấp dữ liệu của người sử dụng để theo dõi từ 18.000 đến 19.000 tài khoản; Microsoft nhận từ 6.000 đến 7.000 yêu cầu, làm ảnh hưởng từ 31.000 đến 32.000 tài khoản (VOA, ngày 15-6), nhưng họ lại rất lớn tiếng phê phán Việt Nam kết án một số cá nhân đã có hành vi vi phạm Điều 88, Điều 79, Điều 258 Bộ luật hình sự, chỉ vì những người này là blogger! Phải chăng với họ, hễ là blogger thì được phép vi phạm pháp luật và được họ o bế?

Hiện tại, internet đang là phương tiện được các thế lực thù địch tận dụng để vu cáo Đảng và Nhà nước Việt Nam, lũng đoạn nhận thức của con người, gieo rắc thông tin sai trái để đầu độc đời sống tinh thần công chúng. Với sự phối hợp của một số phần tử

thoái hóa, biến chất, nhân danh "đấu tranh cho dân chủ", nhân danh "lòng yêu nước", các thế lực thù địch ngày càng trở nên tráng trổ, hung hăng. Đặc biệt, thủ đoạn bịa đặt sự kiện và tin tức, đánh tráo khái niệm, dựng hiện trường giả,... được sử dụng với cường độ ngày càng cao, mật độ ngày càng dày đặc. Vì thế, có thể đặt câu hỏi: Nếu thật sự quan tâm tới dân chủ, nhân quyền, tự do báo chí, tự do tôn giáo ở Việt Nam, tại sao một số tổ chức, cá nhân, thậm chí là chính phủ một số nước, không quan tâm xác minh tính chính xác, bản chất của các sự kiện và vấn đề, mà tin cậy và dung túng, tiếp tay cho những kẻ dối trá? Hắn là vì thế, trước việc Ủy ban Đối ngoại Hạ viện Mỹ thông qua Dự luật HR 1897, Hạ nghị sĩ Faleomavaega đã không chỉ bày tỏ nỗi thất vọng mà còn khẳng định: "Thật đáng tiếc, các nội dung trong bản Dự luật nhân quyền Việt Nam 2013 đã không phản ánh chính xác bức tranh Việt Nam... Là một cựu chiến binh từng tham chiến ở Việt Nam, tôi chia sẻ với cộng đồng người Việt ở Mỹ. Nhưng đưa ra các thông tin không chính xác, chống lại Chính phủ Việt Nam không phải là hành động đúng đắn".

LOẠN "GIẢI THƯỞNG NHÂN QUYỀN"!*

LAM SƠN

Mấy ngày qua, một số cơ quan truyền thông và diễn đàn trên internet làm rùm beng về cái gọi là "Mạng lưới nhân quyền Việt Nam" trao "giải thưởng" cho ba người Việt Nam hiện đang chịu án tù vì có hành vi vi phạm pháp luật! Qua cách đưa tin và ca ngợi những người này, cho thấy ý đồ và toan tính chống phá Việt Nam của những tổ chức đã bày đặt ra "giải thưởng".

Chưa bao giờ các loại "giải thưởng nhân quyền" mà một số tổ chức nước ngoài trao cho một số cá nhân là người Việt Nam lại nhiều như mấy năm gần đây. Tính sơ sơ đã có gần chục loại "giải thưởng" được trao cho các đối tượng vốn có "thâm nién" trong hoạt động chống đối Đảng và Nhà nước Việt Nam, như: "Giải thưởng Hellman/Hammet" của Tổ chức Theo dõi nhân quyền (HRW), "Giải thưởng Stephanus" của Hiệp hội quốc tế nhân quyền tại Đức; "Giải thưởng quốc tế Gruber" của Nghị viện đoàn luật sư quốc tế, rồi "Giải nhân quyền Gwangju"... Bên cạnh đó, một số giải thưởng và danh hiệu như "Công dân mạng" của tổ chức Phóng viên không biên giới (RSF), "Phụ nữ tiêu biểu về bảo vệ quyền tự do ngôn luận" của tổ chức Tự do ngôn luận quốc tế (IFEX) có trụ sở tại Canada, giải "Phụ nữ can đảm nhất thế giới" của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ,... và gần đây, ngày 11-10, tại Westminter, California - Hoa Kỳ, cái gọi

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 18-10-2013.

là "Mạng lưới nhân quyền Việt Nam" công bố trao giải thưởng "nhân quyền Việt Nam năm 2013" cho Trần Huỳnh Duy Thức, Nguyễn Hoàng Quốc Hùng và Lê Quốc Quân. Đây là các giải thưởng mà nếu không có sự tâng bốc của "Việt Tân", "Đảng Dân chủ Việt Nam",... cùng mấy cơ quan truyền thông như VOA, BBC, RFA, RFI,... và một số blog của một số tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí thì hầu như không ai biết tới.

Điểm qua vài gương mặt được nhận các "giải thưởng nhân quyền" là đủ thấy tiêu chí của các giải thưởng này rất cụ thể là: càng chống đối chính quyền thì càng nhận được nhiều giải thưởng! Đường như đối với các tổ chức đứng ra trao giải, thì "nhân quyền" đồng nghĩa với chống phá đất nước Việt Nam. Căn cứ vào những lời tung hô dành cho Thích Quảng Độ, Nguyễn Văn Lý, Lê Thị Công Nhân, Trần Khải Thanh Thủy,... với "thành tích đấu tranh dân chủ, nhân quyền" tại Việt Nam của các đối tượng này, có thể hiểu mục đích của noi trao giải là gì. Thí dụ, giải thích lý do trao giải "Công dân mạng 2013" cho một người Việt Nam, Giám đốc phụ trách truyền thông của RSF - Lucie Morillon, cho rằng đó là cách "ghi nhận sự đóng góp của những nhà báo tự do tại Việt Nam cổ súy cho quyền tự do ngôn luận, tự do thông tin và tự do internet bất chấp sự đàn áp, kiểm duyệt gắt gao của nhà cầm quyền Hà Nội"! Còn phát biểu tại buổi trao giải "Phụ nữ can đảm nhất thế giới 2013", đại diện Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ lại "ca ngợi" Tạ Phong Tần là "một trong những blogger đầu tiên tại Việt Nam bình luận về các tin tức, sự kiện chính trị bị nhà cầm quyền hạn chế; giúp thúc đẩy các blogger và nhà báo tại Việt Nam dám dũng cảm chuyền tải thông tin, chính kiến tới người dân Việt Nam". Tương tự như vậy, để "vinh danh" người được trao "giải thưởng", cái gọi là "Mạng lưới nhân quyền Việt Nam" đã không tiếc lời tung hô, nào là Nguyễn Hoàng Quốc Hùng "tự nguyện dành toàn thời gian dấn

thân vào con đường tranh đấu vì quyền lợi của giới lao động"! Nào là Lê Quốc Quân "một nhà tranh đấu dũng cảm cho nhân quyền và dân chủ tự do cho Việt Nam..., giữ vững lập trường, không bao giờ từ bỏ lý tưởng, và phấn đấu không ngừng cho công lý, nhân phẩm và tự do..."!

Tuy nhiên, nếu theo dõi tình hình Việt Nam, bất cứ người đọc nào cũng có thể nhận diện được bản chất thật sự của các đối tượng được người ta "vinh danh", vì đó là những người có hành vi vi phạm pháp luật, đã hoặc đang chịu án tù! Đơn cử ba trường hợp vừa được cái gọi là "Mạng lưới nhân quyền Việt Nam" trao "giải thưởng nhân quyền năm 2013" chẳng hạn. Đây là những đối tượng đã có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam với những tội danh khác nhau và đang chịu án tù. Năm 2009, công ty của Trần Huỳnh Duy Thức bị phát hiện trộm cước viễn thông, và đó cũng là dấu mốc đánh dấu sự trượt dốc trong cuộc đời con người này, khi sau Thức bị cáo buộc có hành vi liên lạc với một số đối tượng chống đối chính quyền khác như Lê Công Định, Nguyễn Tiến Trung, Lê Thăng Long,... soạn cương lĩnh, in án các tài liệu nhằm hoạt động lật đổ chính quyền. Năm 2010, Trần Huỳnh Duy Thức bị tuyên phạt 16 năm tù giam với tội danh "Hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân". Tiếp đến, Nguyễn Hoàng Quốc Hùng cũng có "thành tích" chống đối tương đối "nổi bật". Hùng câu kết với Đỗ Thị Minh Hạnh, Đoàn Huy Chương rải truyền đơn kích động công nhân biểu tình, gây rối trật tự công cộng, có sự liên kết với cái gọi là đảng "Vì dân" của Nguyễn Công Bằng. Nhưng vì biết rõ ý đồ của những người này, nên công nhân đã không hưởng ứng, và bản thân Nguyễn Hoàng Quốc Hùng còn bị xét xử trước tòa và nhận bản án 9 năm tù giam vì tội phá rối an ninh. Lê Quốc Quân - nhân vật đang được các thế lực chống đối ở nước ngoài ca ngợi, vừa bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm về tội trốn

thuế với bản án 30 tháng tù. Hay như trường hợp Phạm Minh Hoàng, thành viên của tổ chức khủng bố "Việt Tân", một trong năm đối tượng được HRW "vinh danh" năm 2012. Trong thời gian du học tại Pháp, Phạm Minh Hoàng đã được kết nạp vào "Việt Tân". Năm 2000, Hoàng trở về Việt Nam và được Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng làm giảng viên môn khoa học ứng dụng. Tuy nhiên, Hoàng vẫn thường xuyên liên lạc với "Việt Tân" và từ năm 2002 tới 2010, với bút danh Phan Kiến Quốc, Phạm Minh Hoàng viết 33 bài có nội dung xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Các bài viết của Hoàng được "Việt Tân" nhanh chóng đăng tải, phát tán trên internet. Và không chỉ viết bài xuyên tạc sự thật, trong tháng 11-2009, sau khi dự lớp tập huấn của "Việt Tân" ở nước ngoài, Hoàng còn cùng vợ là Lê Thị Kiều Oanh, em trai là Phạm Duy Khánh, cùng một số người khác đứng ra tổ chức hai khóa học mang tên "kỹ năng phần mềm" cho 43 thanh niên, sinh viên, nữ tu tại Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung tuyên truyền, lôi kéo, tập hợp lực lượng cho "Việt Tân" để chống phá Nhà nước.

Vậy ý đồ phía sau các giải thưởng nhân quyền nói trên là gì? Trước hết, phải khẳng định rằng, các tổ chức đứng ra trao cái gọi là "giải nhân quyền" chưa bao giờ có thiện chí với Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam. Thông qua "giải thưởng", các tổ chức này vừa "lên dây cót" tinh thần, vừa giúp đỡ về vật chất cho các đối tượng chống phá trong nước; đồng thời tạo ra cơ để khuếch trương thanh thế, từ đó để nhận được sự hờ hoi tiếp sức - đặc biệt là về tài chính, từ các thế lực chủ mưu. Thực chất Trần Huỳnh Duy Thúc, Nguyễn Hoàng Quốc Hùng, Lê Quốc Quân hay một số đối tượng khác như Tạ Phong Tần, Huỳnh Ngọc Chênh, Nguyễn Văn Hải (blogger Điếu cày), Phan Thanh Hải (blogger Anh ba Sài Gòn),... chỉ là "quân bài" của chiến lược "diễn biến hòa bình" mà các thế

lực thù địch đang rắp tâm triển khai ở Việt Nam. Họ cố gắng tô vẽ cho các đối tượng này qua các danh hão như "nhà báo tự do", "nhà hoạt động dân chủ", "tù nhân lương tâm",... nhưng họ không thể che đậy được một "kịch bản" đã và đang được thực hiện là vừa làm ảnh hưởng tới uy tín của Đảng và Nhà nước Việt Nam, vừa lợi dụng tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do internet để tiến hành hoạt động chống phá nhằm gây bất ổn chính trị ở trong nước. Xét đến cùng thì việc trao các loại "giải thưởng nhân quyền" cho các đối tượng đã đề cập ở trên chính là một thủ đoạn, một yếu tố cấu thành của kịch bản đã được rắp tâm xây dựng. Đó thật sự là hành động can thiệp trắng trợn vào công việc nội bộ của Việt Nam. Tình trạng "loạn giải thưởng" này xét về thực chất là vô giá trị, chỉ là những trò hề phô diễn để hả hơi tiếp sức cho một số kẻ chống phá Việt Nam.

Cần phân biệt sự khác nhau về bản chất của các giải thưởng. Người Việt Nam tự hào và vinh dự về các giải thưởng danh giá được trao cho những công dân ưu tú như nghệ sĩ Đặng Thái Sơn, nhà toán học Ngô Bảo Châu, kỳ thủ Lê Quang Liêm, các vận động viên thể thao, các học sinh đoạt giải cao trong những kỳ thi học sinh giỏi tại Olympic quốc tế... Mỗi khi tên tuổi một người Việt Nam được xướng lên, mỗi khi người Việt Nam bước lên bục vinh quang tại các cuộc thi, các đấu trường quốc tế và khu vực là đã làm rạng rỡ non sông Việt Nam, góp phần tạo thêm hình ảnh đẹp của Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế. Từ tấm gương của họ, mỗi người Việt Nam lại thấy thêm yêu Tổ quốc mình, tâm niệm cố gắng hơn làm rạng danh Tổ quốc. Còn các loại "giải thưởng nhân quyền" của một số tổ chức chống đối hoặc thiếu thiện chí với Việt Nam rùm beng trao cho một số người thì chỉ là trò hề nhảm nhí, bị lãng quên.

KHÔNG THỂ KẾT LUẬN "TỰ DO TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM CÓ VẤN ĐỀ"!*

HỒ NGỌC THẮNG

Rất có thể tôi là người Việt ở hải ngoại, mỗi khi xách cặp đến công sở lại vắt óc với câu hỏi: "Tự do tôn giáo là gì? Đó có phải là hành động vi phạm nhân quyền?". Người chưa biết tôi sẽ cho đó là một suy đoán phóng đại, nhưng suy đoán này có cơ sở, vì đây là lĩnh vực công tác của tôi từ hơn hai thập niên qua tại một Cơ quan Liên bang thuộc Bộ Nội vụ Cộng hòa Liên bang Đức. Là một quan chức chính phủ và là người gốc châu Á duy nhất trong cương vị này tại Cộng hòa Liên bang Đức, tôi được giao nhiệm vụ quan trọng như các đồng nghiệp Đức khác là phỏng vấn, điều tra, xem xét và quyết định cho phép người nước ngoài lưu vong vì lý do chính trị hay tôn giáo tại Cộng hòa Liên bang Đức. Một phần công việc của tôi là đại diện cho cơ quan trong các thủ tục tranh cãi trước tòa án hành chính khi người nước ngoài nào đó không đồng ý với quyết định của Cơ quan Liên bang. Vì vậy, hàng ngày tôi đọc và nghiên cứu một lượng lớn các bản tin thời sự của các hãng thông tấn, các phóng sự của các tạp chí, các điện tín của các Đại sứ quán Đức ở nhiều quốc gia gửi về cho Bộ Ngoại giao, các giám định

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 29-10-2013.

của các viện nghiên cứu, lời kể trực tiếp của những người xin lưu vong chính trị, v.v.. Trong khuôn khổ bài viết này, tôi trình bày quan điểm của cá nhân tôi với cương vị là một kiêu bào ở hải ngoại.

Cộng hòa Liên bang Đức là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng trực tiếp lớn nhất của các cuộc khủng hoảng chính trị, nhân đạo, xung đột vì lý do tôn giáo hoặc lãnh thổ trên toàn cầu. Mỗi năm một khoản tiền hàng tỷ euro và hàng vạn quan chức từ trung ương đến địa phương đã và đang được huy động để giải quyết hậu quả trước mắt cũng như lâu dài của các xung đột đó. Và Cộng hòa Liên bang Đức cũng thu được nhiều thành tích trong thực thi đường lối đối ngoại và đối nội. Trong khi một số nước cố tình thể hiện mình là bạn và rất trung thành với Hoa Kỳ, thì Cộng hòa Liên bang Đức kiên quyết thực hiện đường lối ôn hòa trên tinh thần độc lập, tự chủ. Nếu theo dõi thái độ bỏ phiếu của Cộng hòa liên bang Đức tại Liên hợp quốc, vai trò của Cộng hòa Liên bang Đức trong cuộc chiến tại Xyri, Libi, Irắc, Xécbia sẽ nhận thấy điều này. Tại một vài nước láng giềng của Đức, trong mấy năm qua đã xảy ra các bạo loạn chống cảnh sát, đốt phá xe cộ do một số người nhập cư gây ra. Nhưng điều đó không xảy ra tại Cộng hòa Liên bang Đức. Một trong các nguyên nhân đưa tới thành tích đó là sự theo dõi rất sát sao tình hình tại các điểm nóng, phân tích chính xác các nguồn tin để đưa ra biện pháp ứng xử kịp thời.

Tôi có thời gian và cơ hội để biết rõ, ban lãnh đạo của Cơ quan Liên bang nơi tôi làm việc liên tục hơn hai thập niên qua đã không ân hận vì tuyển chọn tôi, một người tốt nghiệp đại học luật tại một trường đại học tổng hợp lâu đời và nổi tiếng của nước Đức, sử dụng thành thạo tiếng Đức và tiếng Việt. Vì vậy, tôi dám quả quyết, bài viết của tôi không phải là một bài viết "éch ngồi dưới giếng". Để trả lời câu hỏi trên, tôi xin kể một câu chuyện xảy ra cách đây không lâu: Tất cả các phiên dịch viên làm việc trong cơ quan

chúng tôi đều làm việc trên cơ sở hợp đồng, họ được gọi khi có nhu cầu, thù lao trả theo giờ. Nếu một phiên dịch lần đầu làm việc với tôi, tôi sẽ hỏi qua lý lịch người đó và tôi đều kể là đã sinh ra tại Việt Nam, nhận bằng tú tài ở miền Bắc Việt Nam. Một hôm, anh phiên dịch là công dân một nước châu Á có đạo Hồi là quốc đạo, đến gặp tôi. Anh hỏi tôi theo đạo nào. Tôi trả lời, ba mẹ tôi không theo một đạo nào, và tôi cũng thế. Anh liền hỏi lại: Thế thì về mặt tâm linh ông sống thế nào. Tôi nói: Ông cha tôi từ bao đời nay thờ cúng ông bà tổ tiên. Anh hỏi tiếp: Thế gia đình ông tin ai? Tôi giải thích thế này: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khai sinh qua bản Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh ngày 2-9-1945. Từ ngày đó, cả họ hàng tôi chỉ tin vào Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam. Anh ta liền nói: Hóa ra ông là một người vô thần. Với nhiều người theo đạo Hồi thì cụm từ "người vô thần" là lời nguyền rủa. Ở một số nước theo đạo Hồi, tình trạng "vô thần" của một cá nhân là một trọng tội, có thể bị trừng phạt tới mức tử hình. Tôi giải thích cho anh ta nghe: Đại gia đình tôi sống hàng trăm năm nay trong tình trạng vô thần. Chúng tôi không theo một tôn giáo nào, không phải vì chúng tôi bị cấm đoán hay bị cản trở tham gia tôn giáo. Đó là truyền thống gia đình, cũng là lựa chọn hoàn toàn tự do và tự giác của chúng tôi.

Bảo vệ tự do tôn giáo, trước tiên là phải bảo vệ sự tự do tham gia hay không tham gia một tôn giáo nào. Sự tự do lựa chọn đó phải được bảo vệ bằng văn bản pháp luật và sự thực thi quy định đó trong cuộc sống hằng ngày. Theo kết quả Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009 thì 81,69% số dân Việt Nam không theo một tôn giáo nào. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một trong các nhân quyền quan trọng nhất trong một quốc gia, một cộng đồng dân tộc. Nếu xét về phương diện này thì không thể kết luận quyền "tự do tôn giáo ở Việt Nam có vấn đề". Có thể vì các

động cơ khác nhau hay cách nhìn nhận khác nhau mà có nước, tổ chức và cá nhân trong thời gian gần đây đánh giá như vậy. Trong phần lớn các lập luận để phê bình Nhà nước Việt Nam về tự do tôn giáo, họ đã mập mờ trong việc phân biệt giữa tự do tham gia tôn giáo và tự do cho những người tham gia một tôn giáo. Khi xem xét sự tự do cho những người tham gia một tôn giáo ở Việt Nam, thì những người phê bình cũng rất mập mờ trong việc xem xét.

Các cơ quan nhà nước, các tòa án hành chính Đức, khi xem xét việc vi phạm tự do tôn giáo nói riêng và vi phạm nhân quyền nói chung, trước hết họ đưa ra câu hỏi: Có thật sự vi phạm không? Câu hỏi tiếp theo phải là: Vi phạm có hệ thống hay vi phạm riêng lẻ? Sau khi đã kết luận không có sự vi phạm một cách hệ thống, họ sẽ đi sâu nghiên cứu vi phạm riêng lẻ. Câu hỏi đầu tiên là: Sự vi phạm là hành động tự quyết của một viên chức, hay là anh ta thi hành mệnh lệnh của một cơ quan, một tổ chức? Trong thời gian vừa qua có người phê phán Việt Nam chủ yếu vì một số vụ án. Bị can, bị cáo trong các vụ án đó lại là thành viên một tổ chức tôn giáo. Theo quan điểm của công an, viện kiểm sát, tòa án thì những người bị truy tố vì vi phạm một điều trong Bộ luật hình sự, chứ không phải vì họ là thành viên một tổ chức tôn giáo. Song các bị cáo lại đưa ra lời bào chữa là thủ tục xét xử chỉ vì mục đích trừng trị chính trị. Rất tiếc là các quốc gia, tổ chức, cá nhân khi phê bình Việt Nam chủ yếu là dựa vào các lập luận này của bị cáo.

Chúng ta ai cũng biết, trên thế giới có nhiều tôn giáo khác nhau. Một trong các tôn giáo lâu đời và có số lượng người tham gia lớn nhất là Thiên Chúa giáo. Ở Arập Xêút, việc thực hiện các hành động của Thiên Chúa giáo nơi công cộng đều bị cấm đoán. Ở Cộng hòa Hồi giáo Iran, Thiên Chúa giáo không bị cấm, nhưng việc truyền đạo lại bị nghiêm cấm và bị trừng phạt.

Ở nhiều nước mà đạo Hồi là quốc đạo, thì khi kết hôn, người

không theo đạo Hồi bắt buộc phải theo đạo Hồi. Tại Cộng hòa Irắc, Thiên Chúa giáo, đạo Tin lành không bị nhà nước nghiêm cấm hay cản trở. Nhưng tình hình đất nước hỗn loạn, chính quyền không bảo vệ được nhà thờ và con chiên của hai dòng đạo này. Họ bị một số dòng đạo khác chế áp nghiêm trọng. Từ thực tế đó, cơ quan chuyên trách của Cộng hòa Liên bang Đức, hiện nay công nhận và cho phép công dân Irắc được lưu vong vì lý do tôn giáo, nếu người đó chứng minh được rằng, mình có quốc tịch Irắc và theo Thiên Chúa giáo hay Tin lành.

Còn tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam hiện nay như thế nào? Sau đây tôi trình bày những điều "mắt thấy tai nghe" của tôi: Trước đây, tôi về Việt Nam cứ hai hoặc ba năm một lần, nhưng từ 10 năm trở lại đây, năm nào cũng có mặt ở quê hương. Một thuận lợi lớn là tôi có bà con ở cả ba miền của đất nước. Nhờ có bà con họ hàng nên tôi dễ dàng tiếp xúc với cuộc sống của người dân địa phương. Tôi đã đi từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc, từ đồng bằng đến vùng sâu, vùng xa hẻo lánh... Các cơ quan nhà nước Đức không giao cho tôi nhiệm vụ điều tra hay xem xét tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam, tình hình nhân quyền của Việt Nam. Là một quan chức chính phủ được giao nhiệm vụ xét và quyết định về đơn xin tị nạn của người nước ngoài vì lý do chính trị hay tôn giáo, nên tôi quan tâm đến các vấn đề liên quan đến nghề nghiệp của mình. Khi tôi thăm một thành phố hay một vùng nông thôn, tôi cố gắng đến các nhà thờ hay địa điểm sinh hoạt tôn giáo của người bản địa. Có lần tôi cùng vợ, con chứng kiến cảnh hoạt động tôn giáo của giáo dân ở hai xứ đạo Bùi Chu (Nam Định) và Phát Diệm (Ninh Bình). Một hình ảnh luôn đập vào mắt tôi là rất nhiều nhà thờ được tu bổ khang trang. Nhiều nhà thờ được xây mới. Tôi đã đến thăm chùa Báu Đính ở Ninh Bình trong hai năm 2010 và 2013. Đến thăm chùa, liệu ai dám nói là tự do tôn giáo ở Việt Nam có

vấn đề? Tôi thường tìm cách để bắt chuyện với giáo dân Thiên Chúa giáo và Phật tử. Qua phong cách và quần áo, mọi người dễ nhận ra tôi là Việt kiều. Đến hôm nay, tôi không phát hiện một dấu hiệu khả nghi nào về sự vi phạm tự do tôn giáo ở Việt Nam.

Dánh giá thống nhất của các cơ quan nhà nước và tòa án của Cộng hòa Liên bang Đức về tự do tôn giáo ở Việt Nam là: Không công dân nào bị Nhà nước hay xã hội gây khó dễ hay đàn áp vì tham gia tôn giáo, hay hoạt động tôn giáo. Dánh giá này trước hết dựa vào văn bản pháp luật của Việt Nam. Trước tiên, Điều 70 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 bảo đảm quyền tự do tham gia và hoạt động tôn giáo của công dân. Để cụ thể hóa quyền Hiến pháp, Pháp lệnh 2004 về tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định thi hành 2005 được ban hành. Trong đời sống hằng ngày, quyền tự do này cũng được bảo đảm. Chỉ có ai vừa hoạt động tôn giáo vừa hoạt động chống đối mới gặp khó khăn với pháp luật. Để phục vụ cho hoạt động chuyên môn của các cơ quan và tòa án, Bộ Ngoại giao Đức đều đặt đưa ra báo cáo về tình hình ở Việt Nam, lần gần đây nhất là năm 2013. Báo cáo này là tài liệu chỉ dùng trong cơ quan chuyên trách nên được xếp vào loại "giữ kín".

Các quan chức được giao nhiệm vụ xét đơn tị nạn của người Việt Nam được cung cấp một loại hồ sơ mà người Việt hay gọi "cẩm nang" phục vụ quyết định. "Cẩm nang" này luôn được bổ sung đúng với tình hình thực tế ở Việt Nam. Trong "cẩm nang", câu hỏi về tự do tôn giáo ở Việt Nam được trình bày khá chi tiết. Các quan chức phụ trách Việt Nam cũng được bồi dưỡng kiến thức về lịch sử, văn hóa, kinh tế và chính trị Việt Nam. Để có khả năng nhận biết liệu một người xin tị nạn nói dối hay nói thật, các quan chức thường xuyên được nâng cao chuyên môn về tâm lý học. Rất có thể là các quan chức được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chu đáo, có trong tay các tài liệu chính xác về tình hình Việt Nam, cho nên

những năm gần đây hầu như không có công dân nào của Việt Nam được lưu vong vì lý do tôn giáo. Có người tị nạn khai phải chạy trốn khỏi Việt Nam vì lý do chính trị, hay tôn giáo nhưng quan chức Đức lật lại các tờ báo mà bất kỳ người dân Việt Nam nào cũng mua được ra xem. Các bài báo kể tỉ mỉ việc người đó bị vỡ nợ, có người lại bị truy tố tội lừa đảo, nhận hối lộ hoặc môi giới hối lộ, nhưng lại khai là hoạt động chính trị. Hàng tháng, hàng quý, hàng năm, Bộ Nội vụ Cộng hòa Liên bang Đức ra thông báo báo chí thống kê số người nộp đơn xin tị nạn và kết quả quyết định. Nhiều năm trước, Việt Nam luôn ở "top 10" trong danh sách các nước có người xin tị nạn tại Đức. Nếu xem chi tiết thống kê đã công khai trong các năm gần đây, thì số lượng đơn xin tị nạn của người Việt rất ít, số người Việt Nam được ở lại Đức chủ yếu không phải vì bị đàn áp về chính trị hay tôn giáo, mà vì lý do nhân đạo. Đại đa số người được ở lại phần lớn vì bệnh tật hiểm nghèo hay hoàn cảnh gia đình éo le rất đặc biệt. Từ những con số này, có thể nói không ai dám quả quyết "tự do tôn giáo ở Việt Nam có vấn đề".

Nhân đây tôi cũng xin nhắc tới chi tiết thú vị: Một số chính trị gia ở phương Tây vẫn khen tấm tắc, một số nước ở Đông Nam châu Á có "nền dân chủ theo đúng nghĩa của nó"! Sự thay đổi tích cực và liên tục của tình hình nhân quyền nói chung và tự do tôn giáo nói riêng ở Việt Nam trong những năm qua đã được cộng đồng quốc tế công nhận. Bằng chứng cụ thể là việc năm 2006, Chính phủ Hoa Kỳ đã đưa Việt Nam ra khỏi danh sách những nước cần đặc biệt quan tâm về tự do tôn giáo. Trong bảy năm vừa qua, có một số cá nhân và tổ chức muốn làm đảo lộn thực tế này, nhưng họ đã bất thành vì sự thật không thuộc về họ, và Chính phủ Hoa Kỳ cũng không chiều theo ý họ.

NHỮNG ĐÒI HỎI PHI LÝ VÀ TRỊCH THƯỢNG!*

NAM VIỆT

Như có sự chuẩn bị để phối hợp có lớp lang, bài bản, mỗi khi tại Việt Nam diễn ra một sự kiện quan trọng thì các đài BBC, VOA, RFA, RFI đăng tải tin tức, bình luận theo lối bóp méo, xuyên tạc, hoặc mời gọi vài gương mặt cũ chưa bao giờ có ý kiến thiện chí với Việt Nam tới phỏng vấn, một số tổ chức quốc tế nhân danh nhân quyền cũng lập tức sản xuất các loại "tuyên bố, thông cáo" hoặc gửi thư đưa ra các yêu sách, đòi hỏi phi lý trích thượng,...!

Ngày 21-10, kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khai mạc tại Hà Nội. Tại kỳ họp này, các đại biểu Quốc hội sẽ thảo luận để thông qua Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 và Nghị quyết về việc thi hành Hiến pháp năm 1992. Ngày 22-10, Tổ chức Theo dõi nhân quyền (HRW) đã gửi thư tới Chủ tịch Quốc hội Việt Nam (đăng trên các trang mạng) với thái độ và lời lẽ trích thượng để "thúc giục" Việt Nam bảo đảm các tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền trong bản Hiến pháp 1992 sửa đổi! Vậy HRW là tổ chức gì mà tự cho mình "quyền" can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của Việt Nam như vậy?

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 1-11-2013.

Mở đầu thư gửi Chủ tịch Quốc hội Việt Nam, HRW tự quảng cáo họ là một tổ chức độc lập, phi chính phủ, phi lợi nhuận, với hơn 400 nhân viên trên toàn cầu, đã công bố hơn 100 báo cáo và hàng trăm đánh giá về tình trạng nhân quyền tại khoảng 90 quốc gia. Đối với Việt Nam, HRW đã "nghiên cứu" về tình hình nhân quyền trong hơn hai thập niên vừa qua và từng đưa ra "khuyến nghị" đối với Chính phủ và Quốc hội Việt Nam về nhiều các vấn đề khác nhau! Tuy nhiên, những dòng quảng cáo này lại không phản ánh đúng bản chất của HRW, chỉ là tự thêu dệt để lừa dối dư luận, bởi trên thực tế, dựa trên quan niệm "tiêu chuẩn kép" về nhân quyền, chưa bao giờ tổ chức này công tâm khi đánh giá tình hình nhân quyền, và HRW đã bị nhiều cơ quan thông tin đại chúng cũng như chuyên gia, nhà nghiên cứu trên thế giới lên án. Ông trùm truyền thông Rupert Murdoch từng chỉ trích đội ngũ chuyên gia của HRW không đủ kiến thức chuyên sâu, trong khi đó Robert L. Bernstein - người sáng lập HRW, lại cáo buộc tổ chức này áp dụng phương pháp nghiên cứu "nghèo nàn", dựa vào nhân chứng mà không cần kiểm chứng lời kể của họ, hoặc nếu có đưa ra bằng chứng thì cũng vì mục đích chính trị. Viện Nghiên cứu Monitor từng cáo buộc HRW áp dụng phương pháp luận sai lầm, hiểu sai luật pháp quốc tế... Từ phương pháp nghiên cứu như vậy, liệu có thể tin vào sự khách quan, tính chính xác trong báo cáo, đánh giá mà HRW tự cho mình "sứ mệnh" điều tra và đánh giá, rồi tự cho mình có thái độ "công tâm" khi tiếp cận tình hình nhân quyền trên thế giới? Họ còn đưa ra các khuyến cáo đối với các quốc gia, nhưng chính họ lại luôn bảo lưu định kiến cố hữu mà đằng sau đó là những toan tính chính trị đối với các chính phủ cánh tả và các nước phát triển theo mô hình xã hội chủ nghĩa như Venezuela, Bolivia, Ecuador, Việt Nam... Tháng 3-2013, trên tờ *Critical Legal Thinking*, nhà báo Garry Leech đã chỉ mặt vạch tên HRW khi cho rằng với các nước ở

châu Mỹ Latinh như Vénézuela, Bôlivia, Écuadô hay Cuba, HRW chỉ tập trung chỉ trích các vụ việc về quyền dân sự, chính trị, trong khi phớt lờ các thành tựu ấn tượng về bảo đảm nhân quyền trong các lĩnh vực khác như kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học - công nghệ tại các quốc gia này. Đối với Mỹ, báo cáo nhân quyền của HRW chỉ quan tâm đến thành tựu bảo đảm tự do, dân chủ và các quyền dân sự, chính trị của người dân, mà không hề đề cập đến các vi phạm nhân quyền trên lĩnh vực kinh tế - xã hội khi Chính phủ Mỹ không bảo đảm lương thực, chô ô, dịch vụ y tế cho người dân (theo nghiên cứu của các nhà khoa học ở Trường Y khoa Harvard năm 2009 có 45.000 người Mỹ tử vong vì không được tiếp cận dịch vụ y tế, còn theo tổ chức Feeding America, ở Mỹ có hơn nửa triệu người vô gia cư, 17 triệu trẻ em bị bỏ đói...)...

Trong thư gửi Chủ tịch Quốc hội Việt Nam lần này cũng vậy, mặc dù cố tỏ ra khách quan trong khi hoan nghênh việc Quốc hội đưa dự thảo Hiến pháp ra lấy ý kiến của đông đảo nhân dân, ghi nhận các sửa đổi liên quan đến quyền sống (Điều 21), cấm phân biệt đối xử vì lý do chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội (Điều 17), cấm phân biệt đối xử về giới tính (Điều 27), cấm lao động cưỡng bức và lao động trẻ em (Điều 38),... nhưng HRW vẫn "ngựa quen đường cũ" khi đưa ra nhận định phiến diện rằng, chính quyền Việt Nam "sách nhiễu" một số người "can đảm vận động cho những thay đổi trong Hiến pháp"! Không dừng lại ở đó, HRW còn tiếp tục lặp lại các luận điệu vốn rất nhảm mà các thế lực thù địch hoặc thiếu thiện chí với Việt Nam (như tổ chức khủng bố "Việt Tân", "Đảng Dân chủ Việt Nam" và RFA, VOA, BBC...) vẫn gieo rắc trong dư luận, từ đó chỉ trích các sửa đổi trong Dự thảo Hiến pháp. Thậm chí HRW còn cho rằng, ngôn ngữ trong Dự thảo Hiến pháp "thiếu chặt chẽ, tăng khả năng hạn chế nhiều quyền cơ bản"! Từ các nhận định sai lầm kể trên, HRW đưa ra cái mà tổ chức này gọi

là "kiến nghị quan trọng" đối với Quốc hội Việt Nam, song thực ra là thái độ trịch thượng, xác xược, tự cho mình quyền "yêu cầu, thúc giục" Quốc hội của một quốc gia độc lập, có chủ quyền phải làm theo điều mà HRW mong muốn!

Trước hết phải nói rằng, trong khi lên giọng "dạy bảo" các nước trên thế giới phải làm thế này thế kia để bảo đảm nhân quyền, HRW lại không biết, hay họ cố tình không biết, phần mở đầu Công ước về các quyền dân sự và chính trị của Liên hợp quốc, khoản 1 Điều 1 đã viết rất rõ: "Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa". Điều đó có nghĩa là như mọi dân tộc khác trên thế giới, dân tộc Việt Nam có quyền tự do "quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa". Vì thế, bất kỳ cá nhân nào quan tâm tới việc Việt Nam tổ chức lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 sẽ đều thấy đó là một đợt sinh hoạt chính trị quan trọng, rộng lớn nhằm phát huy quyền làm chủ, trí tuệ, tâm huyết của các tầng lớp nhân dân. Vì vậy, nếu thật sự có thiện chí, HRW cần tôn trọng sự lựa chọn của nhân dân Việt Nam, và nếu có ý kiến đóng góp thì cần hướng theo mục tiêu mà nhân dân Việt Nam lựa chọn, chứ không thể hướng theo ý muốn của HRW. Với tinh thần cầu thị, Việt Nam hoan nghênh, ghi nhận các ý kiến đóng góp mang tính xây dựng, song cũng kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn những hành vi lợi dụng dân chủ trong việc lấy ý kiến nhân dân để tuyên truyền, xuyên tạc, chống phá.

Các nội dung phi lý trong chỉ trích của HRW liên quan đến nội dung Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 của Quốc hội Việt Nam chỉ là sự lặp lại luận điệu cũ rích vốn đầy rẫy trên internet nên không cần nhắc lại. Ở đây chỉ bàn về cơ sở, "cách tiếp cận" của HRW khi gửi kiến nghị tới Quốc hội Việt Nam. Thực ra thủ đoạn của

HRW cũng giống như thủ đoạn của các thế lực thù địch đang mưu toan thực hiện "diễn biến hòa bình" là áp đặt quan niệm "nhân quyền theo kiểu phương Tây" vào Việt Nam. Họ bất chấp sự lựa chọn con đường phát triển, bất chấp các điều kiện, đặc điểm về chính trị, kinh tế - xã hội và văn hóa - lịch sử, tự cho mình quyền được yêu sách, kiến nghị! Bằng việc này, HRW đã chối bỏ vấn đề có tính bản chất: nhân quyền là giá trị cao quý chung được cả cộng đồng quốc tế thừa nhận và chia sẻ. Nhân quyền không phải là tài sản độc quyền của một nước hay châu lục nào; do đó không ai có thể độc quyền giải thích về nhân quyền của thế giới theo quan niệm riêng, cũng không được tùy tiện áp đặt cách giải thích đó cho khoảng 200 quốc gia, vùng lãnh thổ khác nhau có chủ quyền và có quyền bình đẳng như nhau cùng tồn tại trên trái đất. Đó là nguyên nhân lý giải tại sao các loại quan niệm như "nhân quyền cao hơn chủ quyền", "nhân quyền không có biên giới quốc gia", "nhân quyền không phải là công việc nội bộ của một nước", "nhân quyền không thuộc nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ", thậm chí "những nước phi dân chủ và không quan tâm đến việc tôn trọng nhân quyền đều không được coi là nước có chủ quyền"... đã bị dư luận thế giới vạch rõ chỉ là chiêu bài mị dân, là "giả danh nhân quyền" phục vụ các mục đích đen tối, là hành động can thiệp tráng trộn vào công việc nội bộ của các quốc gia có chủ quyền.

Nhân quyền là giá trị chung, song bao giờ cũng hình thành, phát triển trong một hoàn cảnh lịch sử - xã hội, một điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa nhất định, chịu sự quy định của các yếu tố chính trị, kinh tế - xã hội ở quốc gia, dân tộc đó. Bên cạnh những giá trị có tính nhân loại, mỗi quốc gia - dân tộc đều có quan niệm của mình về nhân quyền; đồng thời cố gắng xây dựng cách thức để bảo đảm các quyền con người phát triển phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh riêng. Chính vì thế, trong khi đã ký kết nhiều văn

bản quốc tế liên quan tới nhân quyền như Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị; Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa; Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ; Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc; Công ước quốc tế về quyền trẻ em,... thì Việt Nam cũng luôn cố gắng luật pháp hóa, cụ thể hóa quan niệm tiến bộ về nhân quyền trong cuộc sống để mọi người dân được hưởng các quyền của mình. Trong những năm qua, thành tựu về quyền con người ở Việt Nam đã được Hội đồng nhân quyền của Liên hợp quốc đánh giá cao, đồng thời được dư luận tiến bộ trên thế giới hoan nghênh và ủng hộ. Do đó, trên con đường hoàn thiện để phát triển, các quy định liên quan tới quyền con người trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 chính là các tiêu chí cụ thể đáp ứng tiêu chuẩn chung về nhân quyền thế giới, đồng thời, là sự vận dụng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế tại Việt Nam, để từ đó chúng ta sẽ đạt được những thành tựu mới hơn về nhân quyền, để nhân quyền của mọi người dân ngày càng được khẳng định và bảo đảm trong cuộc sống.

VĂN BÚT QUỐC TẾ ĐÃ ĐI NGƯỢC LẠI TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH*

LAM SƠN

Vừa qua, Đại hội quốc tế lần thứ 79 của Văn bút quốc tế tổ chức ở Reykjavik (Aixølen) đã thông qua nghị quyết bày tỏ "quan ngại" về tình trạng tự do ngôn luận tại các quốc gia như Bêlarút, Trung Quốc, Cuba, Hunggari, Ai Cập, Êritørêa, Mỹ Latinh, Mêhicô, Nga, Tây Ban Nha, Xyri, Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam... Đây không phải là lần đầu tổ chức nhân danh văn chương này đưa ra ý kiến có mục đích xuyên tạc tình hình nhân quyền tại Việt Nam...

Văn bút quốc tế (International PEN, trong đó PEN là chữ viết tắt các mẫu tự đầu tiên của các từ Poets - nhà thơ, Essayists - nhà viết tiểu luận, Novelists - nhà tiểu thuyết) thành lập năm 1921 tại Luân Đôn (Anh), với mục đích ban đầu là "thúc đẩy tình hữu nghị, hợp tác trí tuệ và sự hiểu biết" giữa các nhà văn trên khắp thế giới; tăng cường vai trò của văn học đối với sự phát triển của văn hóa; đồng thời bảo vệ văn học chống lại các mối đe dọa của thế giới hiện đại. Nhưng dần dà, ý tưởng tích cực ban đầu của những người sáng lập như George Bernard Shaw, Herbert George Wells,... từng

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 12-11-2013.

bước bị biến dạng khi Văn bút quốc tế tự xem mình như là tổ chức "bảo vệ nhân quyền", rồi tự nhận là đại diện cho các nhà văn "bị sách nhiễu, bị cầm tù hoặc bị bức tử vì quan điểm của mình!". Nói Văn bút quốc tế bị biến dạng, vì các năm qua, tổ chức này thường được chú ý vì các lý do ngoài văn chương hơn là chính văn chương.

Trong khi giải thưởng hàng năm do Văn bút quốc tế tổ chức ít được chú ý trong sinh hoạt văn chương thế giới, thì các loại tuyên bố, thư từ của tổ chức này gửi chính phủ các nước lại rùm beng hơn nhiều. Theo dõi hoạt động của Văn bút quốc tế, nhiều người dễ lầm tưởng đây là một tổ chức nhân danh nhân quyền chứ không phải là tổ chức của những người cầm bút hoạt động văn chương. Hầu như không hề ngó ngàng đến vai trò cầu nối giữa những người hoạt động văn chương trên thế giới, khuyến khích sự giao lưu, trao đổi kinh nghiệm và khẳng định vai trò của văn chương trong tiến trình phát triển nhân loại; thay vào đó, tổ chức này chỉ chăm chăm nghe ngóng loại thông tin liên quan các vụ bắt giữ, xét xử những người được gọi là "nhà văn, nhà thơ, nhà báo hay blogger" vì bày tỏ quan điểm đi ngược với yêu cầu chính đáng của xã hội, kích động dân chúng chống đối chính quyền ở nước nào đó. Đường như với Văn bút quốc tế, bất kỳ cá nhân nào có viết lách gì đó đều có thể gọi là nhà văn, nhà báo, vì trên thực tế nhiều người mà tổ chức này đứng ra bảo vệ lại chưa bao giờ viết văn hay viết báo? Vậy mà Văn bút quốc tế lại vẽ ra các thông cáo báo chí, trọng lượng hơn là công bố báo cáo, nghị quyết lên án và yêu cầu chính quyền nước này, nước khác phải thả ngay lập tức, vô điều kiện đối tượng bị bắt giữ, xét xử vì đã vi phạm pháp luật. Không chỉ cố tình đánh tráo khái niệm để biến người phạm pháp thành đối tượng cần được bảo vệ, họ còn hành xử theo phương thức duy nhất là chỉ tiếp nhận thông tin một chiều, vốn bị bóp méo từ các tổ chức, cá nhân vốn có quan điểm thù địch với

chính quyền một nước nào đó, mà không hề quan tâm đến thông tin chính thống, khách quan khác.

Đối với Việt Nam, Văn bút quốc tế thường xuyên đăng tải bài viết, công bố báo cáo, nghị quyết xuyên tạc tình hình nhân quyền và đưa ra những đòi hỏi phi lý, trắng trợn, trong đó có một số thư gửi lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Gần đây nhất ngày 24-6-2013, Văn bút quốc tế gửi thư tới Chủ tịch nước Trương Tấn Sang "yêu cầu" thả ngay lập tức, vô điều kiện Nguyễn Văn Hải (người bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên án 12 năm tù giam, 5 năm quản chế vì tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Quan tâm tới nhân quyền, nhưng tổ chức này lại bỏ qua các thành tựu của Việt Nam trong việc thực thi dân chủ, bảo đảm các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội,... cho người dân. Với định kiến cố hữu và thái độ thiên lệch, Văn bút quốc tế nhiều lần vu cáo Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền, "đàn áp, sách nhiễu" các nhà văn, nhà báo, blogger và đảng sau các cáo buộc này không khó để nhận ra dấu vết của "văn bút Việt Nam hải ngoại" - một trong số hơn 140 trung tâm của Văn bút quốc tế trên thế giới. Cụ thể hơn, "văn bút Việt Nam hải ngoại" là nguồn cung cấp thông tin chủ yếu và đóng vai trò chủ chốt chấp bút cho các báo cáo, nghị quyết của Văn bút quốc tế đối với Việt Nam. Cần khẳng định rằng, "văn bút Việt Nam hải ngoại" là một nhóm ô hợp gồm một số kẻ chống Đảng và Nhà nước Việt Nam. Tham gia "tổ chức" lưu vong này, hầu hết là các "cây bút" đã ít nhiều có hoạt động văn chương dưới chế độ Sài Gòn trước năm 1975 như Đặng Văn Nhâm, Nguyễn Ngọc Ngạn, Võ Văn Ái, Nguyễn Hữu Nghĩa, Nguyễn Bửu Thoại, Song Thao,... Và đứng sau "chống lưng", tài trợ cho "văn bút Việt Nam hải ngoại" là các phe nhóm chống cộng như tổ chức khủng bố "Việt Tân", cái gọi là "Chính phủ Việt Nam tự do",... với âm mưu biến "văn bút Việt Nam hải ngoại" thành diễn đàn ngôn luận, thành lực lượng chống

phá để thực hiện âm mưu lật đổ chính quyền, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nghị quyết về Việt Nam được thông qua tại Đại hội Văn bút quốc tế lần thứ 79 vừa qua được "trung tâm văn bút Thụy Sĩ Pháp thoại" cấu kết với "văn bút Việt Nam hải ngoại", "văn bút Thụy Sỹ Đức thoại", "văn bút Thụy Sỹ Ý thoại" soạn thảo, đệ trình. Điều đáng nói là qua cái gọi "nghị quyết", với các từ ngữ như "hành hạ, ngược đãi, điều luật mơ hồ, ngăn cấm người dân tự do bàn luận, trao đổi quan điểm",... tổ chức nhân danh văn chương này không chỉ trơ tráo xuyên tạc tình hình nhân quyền ở Việt Nam, mà còn lặp lại nguyên văn luận điệu các thế lực thù địch và một số tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí với Việt Nam vẫn truyền bá trên internet! Không chỉ có thể, khi thông qua cái gọi là "nghị quyết", Văn bút quốc tế còn tỏ ra không biết ngượng khi ca ngợi "thành tích" của một số người đã hoặc đang là phạm nhân, bị kết án vì có hành vi vi phạm Điều 88, Điều 79, Điều 258 Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trớ trêu hơn, những người Văn bút quốc tế gọi là "nhà văn, nhà báo, blogger dũng cảm đấu tranh cho dân chủ nhân quyền" lại không hề có một tác phẩm văn chương hay tác phẩm báo chí đã được xuất bản, mà sản phẩm của họ chỉ là mấy bài viết "lá cải" và tài liệu kop nhặt, với mục đích duy nhất là xuyên tạc vấn đề nhân quyền ở Việt Nam, tuyên truyền chống đối Đảng và Nhà nước Việt Nam, rồi kích động hận thù, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đó là lý do duy nhất để họ bị bắt giữ, xét xử và phải nhận án tù vì đã vi phạm pháp luật Việt Nam.

Từ bản chất của vấn đề cần khẳng định, với cái gọi là "nghị quyết" vừa được thông qua, một lần nữa Văn bút quốc tế lại tiếp tay cho những kẻ chống cộng trong "Văn bút Việt Nam hải ngoại" thực hiện mưu đồ chính trị đen tối của họ. Với "nghị quyết" này, chỉ có thể đặt ra hai câu hỏi: Phải chăng những người ở Văn bút quốc tế đã điều hành tổ chức của họ bằng thái độ vô trách nhiệm cho nên đã

không tìm hiểu thông tin về Việt Nam nói chung và hoạt động văn học, báo chí ở Việt Nam nói riêng để có ý kiến đúng mực? Phải chăng Văn bút quốc tế đang tạo cơ hội cho những kẻ cơ hội vu cáo Việt Nam? Dù câu trả lời là thế nào thì Văn bút quốc tế không thể chối bỏ sự thật là họ đã đi ngược lại với tôn chỉ, mục đích của tổ chức, bởi Hiến chương của Văn bút quốc tế khẳng định hoạt động của tổ chức này không phục vụ và bị tác động bởi mưu đồ chính trị; kiên quyết chống lại việc "xuyên tạc, cố ý lừa dối, bóp méo các sự kiện cho những mục đích chính trị và cá nhân"; cam kết thúc đẩy hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau giữa các dân tộc, loại bỏ những hận thù chủng tộc, giai cấp, hận thù quốc gia và đấu tranh cho lý tưởng một nhân loại sống trong hòa bình trên thế giới.

Ở Việt Nam hiện nay có hơn 900 nhà văn, nhà thơ và hơn 19.000 nhà báo, đó là những người hoạt động nghệ thuật, báo chí chân chính tập hợp trong Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam. Tên tuổi của nhiều nhà văn, nhà báo đã in dấu ấn trong đời sống tinh thần của rất nhiều thế hệ người đọc Việt Nam. Với tư cách là nhà văn, nhà báo, quyền và lợi ích của họ được xã hội khẳng định, bảo vệ; tác phẩm của họ được xã hội ghi nhận, qua đó đóng góp vào sự phát triển của văn chương và báo chí, hướng con người tới chân - thiện - mĩ, đồng thời đưa ra ý kiến phản biện để cùng toàn dân xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Họ mới chính là đại diện đích thực, đúng nghĩa của văn chương và báo chí ở Việt Nam. Nếu Văn bút quốc tế thật sự quan tâm, có thiện chí với văn chương và báo chí Việt Nam, hãy tìm hiểu qua các nhà văn, nhà báo đang đại diện cho nền văn chương, báo chí của 90 triệu người Việt Nam chứ không phải là một tổ chức mạo danh, tập hợp vài chục cây bút lưu vong ở nước ngoài vô danh trên văn đàn, báo chí Việt Nam. Và nếu nghiêm túc tìm hiểu, chắc chắn Văn bút quốc tế sẽ nhận được những thông tin hoàn toàn trái ngược với những gì mà nhiều năm qua "văn bút Việt Nam hải ngoại" đã cố tình đầu độc họ.

NHỮNG LUẬN ĐIỆU CŨ RÍCH VÀ ĐÒI HỎI PHI LÝ*

HỒNG QUANG

Theo dõi tin tức liên quan tới vấn đề nhân quyền ở Việt Nam được phổ biến trên internet trong những ngày vừa qua, cho thấy các sự kiện như Quốc hội Việt Nam thông qua Hiến pháp, Việt Nam trở thành thành viên Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc, và kỷ niệm 65 năm Ngày Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền,... đã bị một số các tổ chức, cá nhân lợi dụng vu cáo, xuyên tạc nhằm chống phá Việt Nam.

Từ cuối tháng 11-2013 đến đầu tháng 12-2013, trên internet xuất hiện nhiều tin tức liên quan tới Việt Nam qua các "tuyên bố", "kiến nghị", "thư ngỏ"... với nội dung không có gì mới, chủ yếu lặp lại luận điệu xuyên tạc, vu cáo và đưa ra đòi hỏi phi lý về nhân quyền. Một nhóm người trong nước (theo đánh giá của một blogger nổi tiếng: "Có cố gắng xoay mọi chiều ống kính thì cũng vẫn từng ấy gương mặt"!) cố làm rùm beng cái gọi là "mạng lưới blogger Việt Nam", "ngày hội nhân quyền"! Rồi trong khi cái gọi là "kiến nghị thành lập hội đồng nhân quyền" chưa ráo mực đã thấy mấy người vốn nhǎn mặt trên internet lập cái gọi là "phụ nǚ

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 20-12-2013.

nhân quyền"; và lập tức Ngô Nhân Dụng - một cây bút chống cộng, từ nước Mỹ vội viết bài ca ngợi! Sau khi tin tức các hoạt động này được quảng bá, một blogger nhận xét: "Nhìn mấy bức hình chụp buổi ra mắt té nhạt đến tang thương, khiến chính cộng đồng chống cộng của họ thất vọng tràn trề": "Nhìn mấy bức hình kia thì chứng tỏ sự té nhạt lên đến tột cùng của ngày gọi là ra mắt mạng lưới blogger. Té nhạt đến nỗi phải mượn một ông Tây vào ngồi cùng để chụp hình cho vui, té nhạt đến nỗi mỗi người ôm một cái điện thoại ngồi bấm bấm, té nhạt đến nỗi mua một lẵng hoa đến để ngắm",..." Điều này cho thấy điều gì? Đó là sớm muộn cũng phải giải tán cái mạng lưới mới ngày đầu ra mắt mà đã "rách" này thôi"! Về "kiến nghị thành lập hội đồng nhân quyền", một blogger khác trao đổi rành mạch: "Thành thực chia sẻ rằng kiến nghị rất lỗi thời rồi. Lý do? 1. Thứ nhất, Chính phủ đã thành lập cơ quan chuyên về công tác nhân quyền từ lâu lắm rồi. Tên gọi là Ban Chỉ đạo về nhân quyền tại Quyết định 63/2004/QĐ-TTg ngày 16-4-2004 của Thủ tướng Chính phủ; 2. Thứ hai, chức năng và nhiệm vụ đề nghị cho "Hội đồng thúc đẩy nhân quyền" mới chỉ là một phần trong chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo về nhân quyền các cấp đã và đang thực thi; 3. Từ năm 2007, Bộ Ngoại giao Việt Nam đã đặt yêu cầu với Viện Nhân quyền Đức trình Quốc hội về việc lập mô hình cơ quan nhân quyền quốc gia với nghiên cứu tổng thể các mô hình cơ quan nhân quyền các nước trên thế giới, đã trình Quốc hội xem xét xây dựng mô hình cơ quan nhân quyền quốc gia cho Việt Nam. Việc nghiên cứu này là cơ sở cho việc xây dựng văn bản Luật nhân quyền, từ đó mới xây dựng một mô hình hoàn thiện cho cơ quan nhân quyền. Hiện Ban Chỉ đạo về nhân quyền đang xúc tiến việc này..."! Trên thực tế, không chỉ người Việt Nam ở trong nước mới nhận rõ bản chất các hoạt động kể trên, mà càng gần đây, xem xét tình hình cụ

thể, nhiều người Việt ở nước ngoài cũng thấy rõ vấn đề. Như về cái gọi là "xã hội dân sự" chẳng hạn, từ nước Đức, trong entry Xã hội dân sự?, blogger với nick Karel Phùng đã viết: "Qua việc sửa đổi Hiến pháp vừa rồi, có nhiều đối tượng mang danh là trí thức mà lên mạng phát ngôn bừa bãi... Quốc hội, chính quyền, người dân khác làm theo ý mình thì hoan hỉ, làm trái ý hoặc làm sai là quay sang chụp đùi thứ mủ lên đầu họ. Hết hô hào đa đảng, đa nguyên bây giờ lại quay sang đòi "xã hội dân sự" và tôi không hiểu xã hội dân sự họ đang hô hào có phải là cho tôi, cho bạn, cho Tổ quốc Việt Nam hay chỉ để thỏa mãn cái tôi của họ! Về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và tự do báo chí, trả lời phỏng vấn của PhoBolsaTV (đã có trên youtube với nhan đề: "Một số ý kiến của ông Đinh Viết Tứ về tình hình Việt Nam hiện nay"), nhà báo Đinh Viết Tứ - một người Mỹ gốc Việt, nói: "Tôi thấy nhất định phải có một đảng chịu trách nhiệm trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, hiện không có lực lượng nào có thể đứng ra làm việc đó ngoài Đảng Cộng sản. Ở trong nước, nếu anh muốn ủng hộ một lực lượng theo đúng suy luận của người hiểu biết và đầy đủ thông tin thì không tìm thấy một lực lượng nào. Toàn là các nhóm có ý đồ hạn hẹp, không nhóm nào có ý đồ tốt... Theo dõi tình hình trong nước từ năm 1975 đến nay, có thể thấy rõ ràng là tự do càng ngày càng mở rộng, dân chủ càng ngày càng mở rộng. Từ điều kiện của Việt Nam, đó là tự do báo chí, còn nếu từ đòi hỏi của một người từ bên ngoài nhìn vào sẽ không thấy được tự do báo chí. Người viết có trách nhiệm sẽ hiểu đó là tự do, còn người thiếu trách nhiệm sẽ coi đó là chưa có tự do. Qua việc những người "bất đồng chính kiến" nói năng lung tung, tôi thấy điều họ (Nhà nước) làm như thế là đúng, đất nước hiện nay đang rất cần một sự đồng thuận, rất cần một lực lượng bảo vệ an ninh, quốc phòng, rất cần "đầu tàu" để kéo toàn dân đi theo, "đầu" tàu đó, lực lượng đó không có ở đâu, ngoài những người cộng sản".

Thế nhưng trước sự thật này, một số tổ chức, cơ quan truyền thông, cá nhân, thậm chí là một số nhà ngoại giao, vẫn không có cái nhìn thiện chí, khách quan với vấn đề nhân quyền ở Việt Nam. Gần đây các website tiếng Việt của BBC, VOA, RFA, RFI,... hầu như ngày nào cũng đăng tin, bài nhân danh "quốc tế", "dư luận", "người trẻ", "nhân sĩ, trí thức" cố gắng tìm mọi cách làm ảnh hưởng tới uy tín của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Các đài này chỉ loanh quanh với tuyên bố của RSF, HRW, AI, International PEN - mấy tổ chức mà qua việc làm của họ có thể đặt ra câu hỏi: Phải chăng một trong các "nguồn sống" của các tổ chức này là xuyên tạc và vu cáo Việt Nam? Nếu "người trẻ" được mấy cơ quan truyền thông trên huy động "thảo luận" đều không rõ danh tính, thì mỗi khi tại Việt Nam có sự kiện gì và các cơ quan này tổ chức phỏng vấn thì y như rằng vẫn chỉ mấy gương mặt. Nếu là người nước ngoài thì đó là các vị Loretta Sanchez, Zoe Lofgren, Chris Smith, Phil Robertson (HRW), Benjamin Ismail (RSF); nếu là người Việt lại thấy các nhân vật chống cộng như Võ Văn Ái, Nguyễn Đình Thắng, Đoàn Viết Hoạt. Đến mức, sau khi nghe "thảo luận của người trẻ" do Trà My thực hiện trên VOA ngày 6-12, bạn đọc đã comment như sau: "Cứ nhắm mắt phát biểu bừa bãi! Dành rằng Nhà nước Cộng sản Việt Nam còn những chuyện chưa làm được, hoặc làm chưa đến nơi, đến chốn. Nhưng về nhân quyền, họ đã làm được khối việc mà không phải quốc gia nào cũng làm nổi. Họ đã phấn đấu cho sự bình đẳng của đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Người dân tộc thiểu số đâu có bị kỳ thị, bị phân biệt đối xử! Thậm chí được hưởng các quyền lợi hơn hẳn như: giáo dục, y tế, vay vốn... Phụ nữ Việt Nam ngày càng có tiếng nói độc lập, bình đẳng với nam giới. Trẻ em Việt Nam cũng được chăm sóc, bảo vệ trong những điều kiện tốt nhất có thể của Nhà nước. Việc xóa đói, giảm nghèo có hiệu quả rõ rệt. Sự chênh lệch về các mặt giữa

thành thị với nông thôn, miền núi thu hẹp đáng kể... Đó là các thành tựu do quan tâm đến nhân quyền mà có, không phải do cha vơ chú váo nào đem lại!".

Từ thực tế trên, một số vị đại diện ngoại giao tại Hà Nội cần tiếp cận vấn đề nhân quyền ở Việt Nam một cách toàn diện, khách quan, từ đó xem xét lại một số ý kiến đưa ra gần đây. Vì trong tuyên bố, thông cáo báo chí nhân Ngày nhân quyền quốc tế, dù đã thừa nhận "Rõ ràng Việt Nam đã đạt được kết quả to lớn trong việc thực thi các quyền xã hội và kinh tế,... Hầu như không có một nước nào thành công như Việt Nam trong công tác xóa đói, giảm nghèo hoặc xây dựng trường học và bệnh viện", mà các vị lại đưa ra một số ý kiến sai lạc.

Trong số các ý kiến đó, đáng tiếc là việc đồng nhất hành vi vi phạm luật pháp Việt Nam với tự do tôn giáo và tự do báo chí. Vì, tự do báo chí, tự do tôn giáo hoàn toàn không liên quan tới hành vi lợi dụng báo chí, lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền chống phá nhà nước. Hơn nữa, hẳn các vị đều biết mỗi quốc gia đều có hệ thống luật pháp nhằm giữ gìn kỷ cương, bảo đảm ổn định xã hội để phát triển. Vì thế, nếu Bộ luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức có Điều 86 về "tuyên truyền bất hợp pháp" quy định ai vi phạm sẽ bị phạt tù tối ba năm hoặc phạt tiền; thì nước Anh có D-Notices - luật yêu cầu truyền thông không được phép công khai tin tức để ảnh hưởng tới an ninh quốc gia. Năm 2002 tại Hoa Kỳ, Tổng thống George W.Bush ký luật ASPA (HR4775) "bảo vệ quân đội Mỹ, nhân viên, quan chức được bầu và bổ nhiệm khác của Chính phủ Hoa Kỳ chống lại truy tố hình sự bởi một tòa án hình sự quốc tế mà Hoa Kỳ không là thành viên"... Vì thế, sẽ là thiếu tinh táo nếu không xem xét một cách khách quan để từ đó can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam - một dân tộc có quyền tự quyết, được tự do quyết định chế độ chính trị và tự do theo đuổi đường hướng phát triển

kinh tế, xã hội, văn hóa, như Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị của Liên hợp quốc đã khẳng định.

Như khoản 1 Điều 14 Hiến pháp nước ta đã khẳng định: "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật", Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn coi việc bảo đảm, tạo điều kiện giúp mọi người dân phát triển hài hòa, được hưởng thành tựu về nhân quyền, đạt tới trình độ phát triển chung của loài người là mục đích cao nhất phải hướng tới. Và chúng ta ý thức rằng, chỉ có thể đạt tới mục đích bằng những hành động thiết thực, cụ thể, hiệu quả. Không phải viện dẫn đâu xa, thành tựu về nhân quyền trong các năm qua đã cho thấy điều này.

NHỮNG NHẬN ĐỊNH HỒ ĐỒ*

VŨ HỢP LÂN

Gần đây, việc Việt Nam trở thành thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc đã được sự chú ý và đồng tình của dư luận tiến bộ trên thế giới. Nhưng, các thế lực thù địch, các tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí đã đưa ra một số ý kiến cố tình hạ thấp ý nghĩa sự kiện, tiếp tục xuyên tạc vấn đề nhân quyền ở Việt Nam, và đáng tiếc trong đó có ý kiến của ông Scott Busby - quyền Phó trợ lý Ngoại trưởng Hoa Kỳ, đặc trách về dân chủ, nhân quyền và lao động...

Nếu coi thái độ lươn lẹo và bất chấp sự thật của một số tổ chức, cá nhân đã và đang lợi dụng vấn đề nhân quyền để vu cáo, xuyên tạc, can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam thì phải khẳng định diễn biến các động thái mà họ thực hiện trước và sau khi Việt Nam trở thành thành viên mới của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (UNHRC) là bằng chứng điển hình. Trước ngày Liên hợp quốc tiến hành bỏ phiếu kín để bầu thành viên mới của UNHRC, họ đã phối hợp với nhau để đồng loạt đưa ra đủ loại tuyên bố, thư từ, kiến nghị,... gửi tới một số địa chỉ nhằm một mặt xuyên tạc vấn đề nhân quyền ở Việt Nam, mặt khác tìm mọi cách tác động để cản trở Việt Nam trở thành thành viên của UNHRC. Một cơ quan truyền thông như VOA, BBC, RFA, RFI cũng tỏ ra xăng xá trong

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 14-1-2014.

các hoạt động này, điển hình là bài viết đăng trên VOA với nhan đề "Việt Nam vận động để chiếm một ghế tại Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc" (!). Khi viết như thế, VOA sẽ nghĩ sao khi chính Hoa Kỳ đang là thành viên UNHRC, chẳng nhẽ đó cũng là hành động "chiếm một ghế"!? Ở trong nước, người gần đây được mấy cơ quan truyền thông nước ngoài tán dương là "bình luận gia" còn sử dụng năng lực "thầy bói xem voi" để bịa ra "ba kịch bản" khi bầu Việt Nam vào UNHRC, theo người này thì không có "kịch bản" nào là sáng sủa. Thế rồi, sau khi kết quả bầu cử của UNHRC được công bố, đối mặt với sự thật bẽ bàng, tất cả vội đồng loạt tỏ thái độ "bất bình", hoặc "ngậm bồ hòn làm ngọt". Riêng "bình luận gia" hôm trước vừa hùng hồn "dự đoán" nay phải mượn lời của một nhân vật phiếm chỉ để hạ thấp ý nghĩa của sự kiện: "Tui chẳng biết hội đồng nhân quyền là cái gì! Nhưng rồi họ lại tỏ ra hỉ hả khi thấy bà Peggy Hicks, Giám đốc pháp lý toàn cầu của Tổ chức Theo dõi nhân quyền (HRW) đưa ra yêu sách hết sức vô lý đòi Hội đồng Nhân quyền "phải giải thích rõ ràng" (!); rồi nữa là ngày 25-11, trả lời phỏng vấn của RFA, ông Scott Busby - quyền Phó trợ lý Ngoại trưởng Hoa Kỳ, đặc trách về dân chủ, nhân quyền và lao động, lại đưa ra một số ý kiến theo luận điệu của họ.

Trước hết cần nói rằng, bài trả lời phỏng vấn trên RFA của ông Scott Busby được thực hiện trong một cuộc tiếp xúc báo chí rất không bình thường sau chuyến đi của ông tới Việt Nam. Như nguoiviet.com cho biết, thì cuộc tiếp xúc tổ chức tại Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ theo lời mời của bà Laura Scheibe - viên chức Văn phòng đặc trách dân chủ, nhân quyền, lao động vùng châu Á - Thái Bình Dương; với sự có mặt của đại diện một số cơ quan truyền thông vốn luôn là diễn đàn của thế lực thù địch với Nhà nước Việt Nam, như RFA, SBTN và các cái gọi "Đài Phát thanh tập hợp vì nền dân chủ", tuần báo *Phố Nhỏ*... Trước một cử tọa như thế, không rõ ông Scott

Busby đã nói những điều nhân danh chính quyền Hoa Kỳ hay chỉ là suy nghĩ của cá nhân ông? Nhưng, dù là nhân danh hay ý kiến riêng thì phát ngôn của ông đã phản ánh không trung thực (nếu không nói xuyên tạc) vấn đề nhân quyền ở Việt Nam, không phù hợp với tinh thần Tuyên bố chung về quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ do Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trương Tấn Sang và Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama ký ngày 25-7-2013, trong đó: "Hai nhà lãnh đạo khẳng định cam kết mở ra một giai đoạn mới cho quan hệ song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau và những lợi ích chung... Hai nhà lãnh đạo nhấn mạnh các nguyên tắc trong quan hệ đối tác toàn diện Việt Nam - Hoa Kỳ, trong đó có tôn trọng Hiến chương Liên hợp quốc, luật pháp quốc tế, tôn trọng thể chế chính trị, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau".

Trong bài trả lời phỏng vấn, ông Scott Busby trình bày ba mục đích chuyến đi của ông tới Việt Nam. Ông đã nói không úp mở rằng: "Mục đích thứ ba trong chuyến đi của tôi là để nói chuyện trực tiếp với các nhóm xã hội dân sự, các nhà hoạt động nhân quyền ở Việt Nam, muốn cho họ biết sự ủng hộ của chúng tôi đối với họ, và muốn biết cách mà chúng tôi có thể giúp họ là như thế nào"!? Không rõ sau khi nói chuyện, ông Scott Busby lĩnh hội được những gì mà ông đi tới nhận định: "Rõ ràng là vẫn còn những vấn đề lớn về nhân quyền đang tồn tại ở Việt Nam, người dân vẫn chưa có thể thực hiện quyền tự do ngôn luận, người ta vẫn chưa hoàn toàn được quyền tự do tụ tập hay lập hội, cũng như chưa hoàn toàn được tự do thờ phụng"!? Nhận định của ông vừa vô lý, vừa trái khoáy vì không lẽ ông không biết trước đó chỉ mấy ngày, 184 quốc gia trên tổng số 192 thành viên của Liên hợp quốc tham gia bỏ phiếu đã bầu Việt Nam vào UNHRC? Và người đọc không khỏi hồ nghi để đặt câu hỏi: Chẳng nhẽ 184 quốc gia lại không sáng

suốt bằng ông Scott Busby sau khi có mặt ở Việt Nam chỉ bốn ngày? Dù giữ bí mật cho những người ông đã gặp "để bảo vệ sự hoạt động của họ", nhưng căn cứ vào điều ông tiết lộ: "Những người tôi gặp gỡ là những luật sư, những người đại diện cho những nhân vật bị sách nhiễu, bị truy tố về những tội danh khác nhau chẳng hạn như lật đổ chính quyền, sử dụng internet, facebook, blog... ngoài ra, tôi cũng gặp các nhà lãnh đạo tôn giáo", có thể biết, ông Scott Busby đã gặp gỡ ai và cần khẳng định gặp những người như vậy, ông ta sẽ không bao giờ có được cái nhìn khách quan về thực trạng vấn đề nhân quyền ở Việt Nam, càng không thể hiện được thiện chí (nếu ông thực sự có thiện chí) muốn cùng Việt Nam hoàn thiện và phát triển nhân quyền.

Gần đây, giới thiệu cuốn sách *Món hàng xuất cảng làm chết người nhất của Mỹ: dân chủ* (America's deadliest export: democracy) của W.Blum xuất bản năm 2013, trong rất nhiều trích dẫn về việc Hoa Kỳ sử dụng nhân quyền như một chiêu bài, có một trích dẫn làm người ta phải kinh ngạc, đó là tổng kết của W.Blum về các hành động của Hoa Kỳ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, gồm: "Nỗ lực lật đổ hơn 50 chính quyền ngoại bang, hầu hết đã được bầu một cách dân chủ; Can thiệp thô bạo vào sự bầu cử dân chủ của ít nhất là 30 quốc gia; Toan tính ám sát hơn 50 người lãnh đạo ngoại quốc; Thả bom trên dân chúng trong hơn 30 quốc gia; Toan tính dẹp một phong trào quần chúng hay quốc gia trong 20 nước". Sau nhiều dẫn dụ và phân tích, tác giả người Mỹ gốc Việt nói trên viết: "Về nhân quyền thì tin Việt Nam nay chính thức là thành viên của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc chắc chắn là làm cho quý vị không vui, vì tin đó như một cái tát vào mặt quý vị và các tổ chức, cá nhân chuyên tro trên xía vào những chuyện nội bộ nhỏ nhặt ở Việt Nam, rêu rao vấn đề nhân quyền ở Việt Nam rất tồi tệ, đặc biệt là Phil Robertson của tổ chức HRW.

Những lời quý vị lên án một cách thiển cận Việt Nam vi phạm nhân quyền đã trở nên lạc lõng, lố bịch và vô giá trị. Kết quả 184/192 quốc gia bầu Việt Nam vào Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc chứng tỏ thế giới đã nhận định là ở Việt Nam không có vấn đề nhân quyền như là chính sách của Nhà nước. Nhưng quý vị không chịu mở mắt ra để nhìn vào thực tế". Tác giả viết tiếp: "Mỹ, hay các cá nhân Mỹ, bất kể họ là thương nghị sĩ hay dân biểu, hay những tổ chức của Mỹ như HRW, AI, đều không có tư cách để nói về nhân quyền ở Việt Nam".

Ngày 17-11, nhân việc Việt Nam trở thành thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc, trả lời phỏng vấn của *Việt Weekly* - cơ quan báo chí của người Mỹ gốc Việt, ông Lê Hoài Trung - Đại sứ đại diện thường trực của Việt Nam tại Liên hợp quốc nói: "Hiện nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 184 quốc gia. Tại Việt Nam, hiện có trên 100 cơ quan đại diện ngoại giao, văn phòng của các quốc gia, các tổ chức quốc tế. Đó là chưa kể tới trên 500 tổ chức phi chính phủ nước ngoài, trong đó nhiều tổ chức đã mở văn phòng ở Việt Nam. Vì vậy, họ theo dõi rất sát tình hình trên các mặt ở Việt Nam. Họ đánh giá cao những nỗ lực của Việt Nam trong thực hiện đổi mới với những nội dung quan trọng nhằm tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy công bằng xã hội, xây dựng nhà nước pháp quyền và phát huy quyền tự do, dân chủ của người dân... Việt Nam chia sẻ quan điểm chung của cộng đồng quốc tế được các quốc gia thành viên Liên hợp quốc cùng nhất trí trong Tuyên bố của Hội nghị thế giới về quyền con người tổ chức ở Viên, Áo năm 1993 rằng, quyền con người là giá trị phổ quát, đồng thời cũng cần tính đến những đặc thù của mỗi dân tộc, mỗi khu vực và những hoàn cảnh lịch sử, văn hóa, tôn giáo khác nhau. Lấy thí dụ, với các lý do đặc điểm trong thể chế của mình nên tới nay Hoa Kỳ chưa phê chuẩn Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa

và chưa trở thành thành viên của Công ước về quyền trẻ em. Nhưng Việt Nam lại là thành viên của cả hai công ước đó...". Và ông nhấn mạnh: "Điều đáng tiếc là có một số tổ chức/cá nhân muốn áp đặt cách nhìn của mình, hoặc vì những ý đồ xấu nên đã đưa thông tin sai lệch, kể cả vu cáo về tình hình quyền con người ở Việt Nam. Việt Nam bác bỏ những thông tin, vu cáo đó. Điều đáng nói ở đây là những việc làm của họ đi ngược lại với lợi ích của nhân dân Việt Nam và những nỗ lực thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam". Thiết nghĩ, ông Scott Busby nên tham khảo ý kiến trên đây để khách quan đánh giá.

AI LÀ KẺ THÙ CỦA HÒA GIẢI, HÒA HỢP DÂN TỘC?*

VÕ KHÁNH LINH

Lướt qua các bài báo đăng trên RFA tiếng Việt vào dịp tháng 4 hằng năm sẽ gặp những dòng chữ đại loại như: sau xx năm, đất nước có thực sự được giải phóng (!), chưa giải phóng sau ngày "giải phóng" (!)... rồi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là "chiến tranh ý thức hệ, huynh đệ tương tàn", "miền Bắc cưỡng chiếm miền Nam", là số phận bi thương của người ra đi, số phận bất hạnh của người ở lại (!), rồi nỗi trăn trở hối hận của "người lính Việt Nam Cộng hòa" không "bảo vệ được quê hương" (!), rồi là nhân dân chưa được làm chủ đất nước (!)... Các loại suy nghĩ quái gở này luôn được phô bày dưới nhiều cách thức tưởng chừng rất "khách quan", kèm theo lại có cả ghi nhận "phản ứng" của dư luận, nhưng kỳ thực, càng đọc kỹ càng thấy chủ trương "phổ biến tin tức chính xác, trung thực và hữu ích, không tuyên truyền, không bè phái, không đả phá một chính phủ, cá nhân hay bất kỳ quốc gia nào" của RFA tiếng Việt rốt cuộc chỉ là một trò hề lố bịch!

Bằng những bài báo với nội dung na ná dưới nhiều cách thức phản ánh "sáng tạo" theo từng năm, RFA tiếng Việt khiến một bộ

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 22-4-2014.

phận người Việt ở hải ngoại vì thiếu thông tin, tiếp cận một chiều, mà hiểu một cách méo mó về đất nước từ quá khứ đến hiện tại, rồi thiếu niềm tin vào chế độ hiện hành, không có ham muốn trở về quê hương với "bức tranh xám xịt". Một số người còn cho rằng chỉ có xóa bỏ chế độ "độc đảng" mới có hòa giải dân tộc, mới đem lại độc lập, chủ quyền, hạnh phúc cho nhân dân (!). Đưa tin một chiều và tiếm danh cộng đồng blogger trên internet để có vẻ "khách quan" là chiêu trò thông dụng mà RFA tiếng Việt thường sử dụng nhằm xuyên tạc chính sách hòa hợp dân tộc của Nhà nước Việt Nam. Như ngày 28-4-2011, RFA tiếng Việt đăng bài "Biến cố 1975 dưới mắt các blogger" của Thanh Quang. Trong đó đưa ra ý kiến một cựu lính "Việt Nam Cộng hòa" rất phiếm chỉ nhưng lại vẽ ra quang cảnh đất nước "hỗn loạn, chết chóc, đau thương và tủi nhục" (!) kết hợp với ý kiến của mấy blogger đều có thâm niên hoạt động chống chính quyền để đả kích, dè bỉu chính sách hòa hợp dân tộc là "lợi dụng khúc ruột ngàn năm", từ đó đi đến chỗ đánh tráo tội danh, biến "phản động" thành yêu nước; rồi kết luận qua câu nói của blogger Phan Kiến Quốc: "Ngay trong lúc đi tìm sự hòa hợp, chúng ta vẫn chỉ đi tìm từ phía "kẻ thắng", nên khó mà tìm ra sự đồng thuận" (!).

Để thực hiện ý đồ đen tối của mình, RFA tiếng Việt không chỉ đăng loại bài theo lối lượm lặt ý kiến như của Thanh Quang kể trên, thô thiển gấp bội lần là loại bài như "Giới trẻ Việt Nam nghĩ gì về quá khứ" đăng ngày 29-4-2013 của thông tín viên Nhân Khánh. Ở bài này, từ đầu đến cuối chỉ thấy ý kiến một nhóm người nào đó tiếm danh "giới trẻ Việt Nam" làm một album với bình luận của Phạm Văn Trội - người năm 2009 từng bị kết án bốn năm tù giam vì có hành vi vi phạm Điều 88 Bộ luật Hình sự, cho rằng với nội dung album, chính sách hòa hợp dân tộc là không đáng tin cậy! Tuy nhiên, mạo danh, tiếm danh với các nhãn hiệu như "mạng lưới

blogger Việt Nam", "giới trẻ Việt Nam", nhưng quanh đi quẩn lại RFA tiếng Việt cũng chỉ đưa ra được vài ba kẻ đã nhăn mặt trên internet qua các hoạt động đen tối. Mà mấy kẻ này bao giờ cũng phải thỏa mãn điều kiện: nếu là người ở nước ngoài thì phải là các vị "chống cộng cực đoan", hay là con cháu các vị vẫn nuôi ảo tưởng "Việt Nam Cộng hòa" đang "đấu tranh vì dân chủ cho Việt Nam"; nếu là người ở trong nước thì phải là thành phần chống chính quyền, từng bị xử lý vì có hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, gây rối trật tự công cộng, hoặc tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Từ đó RFA tiếng Việt phù phép biến thành "tiếng nói của cộng đồng", hoặc làm như tiếng nói của một "bộ phận xã hội". Đây là cách đưa tin lừa đảo để dựng lên bức tranh đen tối về Việt Nam sau ngày 30-4-1975, từ đó khoét sâu mâu thuẫn giữa những người thuộc chế độ cũ cùng con cháu của họ với nhân dân trong nước.

Không chỉ mạo danh cộng đồng nhằm phá hoại chính sách hòa giải, hòa hợp dân tộc, RFA tiếng Việt còn cố gắng khai thác chủ đề nhạy cảm trong quan niệm của một số người Việt để hù dọa, ngăn chặn con đường trở về Tổ quốc của người Việt ở hải ngoại. Thí dụ việc Nhà nước cho tu bổ, chỉnh trang Nghĩa trang Biên Hòa để đáp ứng nhu cầu thăm viếng, ngày 9-4-2013, RFA tiếng Việt đăng bài "Tháng tư nhìn lại: nội chiến hay không nội chiến?" của Kính Hòa, trong đó vu cáo chính quyền trong nước không thực tâm muốn hòa hợp dân tộc, phân biệt đối xử với cả người chết và coi đó là "biểu trưng của những khó khăn cho sự hòa giải sau chiến tranh!"

Chiến tranh kết thúc đã gần 40 năm, Nghĩa trang liệt sĩ "Bộ đội Cụ Hồ" xây dựng trên khắp mọi miền đất nước, một số nơi còn đơn sơ, chưa có điều kiện chỉnh trang, vì chính quyền và nhân dân còn đang bận bề công việc, chăm lo cho hàng triệu người đang sống là thương binh, là nạn nhân chất độc da cam, là những

Bà mẹ Việt Nam Anh hùng mà vì sự an nguy của đất nước đã cống hiến những người con "đứt ruột đẻ ra"; rồi nữa là khắc phục hậu quả chiến tranh với bom mìn rải khắp đất nước, những vùng đất nhiễm diôxin,... Khó khăn như vậy, nhưng vì hòa hợp dân tộc, Nhà nước đã có sự khoan dung. Rất tiếc, chính sự khoan dung này cũng bị RFA tiếng Việt xuyên tạc để phục vụ cho mục đích xấu.

Từ khi chính thức hoạt động đến nay, hầu như năm nào RFA tiếng Việt cũng dành cho các nhân vật cầm đầu tổ chức khủng bố "Việt Tân" vài bài trả lời phỏng vấn, nhất là "Tổng bí thư Việt Tân Lý Thái Hùng". Đó là cơ hội để "Việt Tân" ba hoa về "lực lượng", thổi phồng hoạt động, vu cáo Nhà nước Việt Nam... Vì vậy dễ hiểu là tại sao một số bà con người Việt sống xa quê hương, không có điều kiện tìm hiểu, nắm bắt thông tin về đất nước lại vẫn bỏ những đồng tiền có được từ lao động vất vả để đóng góp các loại tổ chức ma giáo như tổ chức khủng bố "Việt Tân". Dù biết các loại tổ chức như vậy hoạt động bằng thủ đoạn lừa đảo, dù nhiều nạn nhân của "Việt Tân" trong cộng đồng người Mỹ gốc Việt từng đứng ra chỉ rõ bản chất và thủ đoạn của tổ chức phản động này, nhưng một số người vẫn tin theo; vì họ bị mê hoặc bởi mấy cơ quan truyền thông như RFA tiếng Việt, vì mỗi khi đọc bài trên trang mạng của đài này, họ lại gặp loại tin tức không bị "lột sạch tiền ở sân bay" thì cũng bị "tống tiền bất thình lình" (!). Từ các hoạt động của RFA tiếng Việt, có thể lý giải tại sao các thành phần bất hảo, tội phạm hình sự, kém văn hóa,... lại được tôn vinh, đánh bóng như "anh hùng, liệt nữ", được dựng lên thành "hình mẫu yêu nước", "nhà đấu tranh dân chủ, nhân quyền"; và tại sao các tổ chức như "Việt Tân" có thể trở thành "cái túi" hút những đồng tiền làm ra từ mồ hôi, nước mắt của bà con người Việt sinh sống ở hải ngoại.

Mấy chục năm qua, chúng ta thực hiện chính sách hòa giải, hòa hợp dân tộc, đoàn kết vì tương lai đất nước, huy động mọi

nguồn lực để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phấn đấu vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Song RFA tiếng Việt và một số cơ quan truyền thông nước ngoài lại cố tình xuyên tạc, cản trở sự nghiệp chân chính đó. Cách nay bảy năm, đánh giá về RFA tiếng Việt, một người Việt ở Óxtrâylia đã khẳng định: "Vì sứ mệnh chính trị của họ - chưa bao giờ khách quan, chưa bao giờ có thiện chí với Việt Nam và dân tộc Việt Nam. Do đó, cộng tác với họ cũng đồng nghĩa với việc hợp tác với những người chống lại quyền lợi của Việt Nam". Phải chăng RFA tiếng Việt chính là kẻ thù của hòa giải, hòa hợp dân tộc?

SỰ SỤP ĐỔ TẤT YẾU CỦA MỘT CHẾ ĐỘ BÙ NHÌN, THẤT BẠI TẤT YẾU CỦA MỘT ĐỘI QUÂN ĐÁNH THUÊ*

THIỀN PHƯƠNG

Tháng 4-1975, bằng tất cả ý chí và quyết tâm, sau mấy chục năm chiến đấu hy sinh gian khổ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc Việt Nam đã đi tới thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Thế nhưng mấy chục năm qua, vẫn có một số người không dám nhìn thẳng vào sự thật, vẫn đưa ra một số luận điệu nhầm bao biện cho thất bại.

Giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã diễn ra nhiều sự kiện phức tạp trên mặt trận quân sự, kéo theo sự phức tạp trên chính trường thế giới. Nhưng dù phức tạp như thế nào thì không ai có thể bác bỏ một sự thật rõ ràng, hiển nhiên là thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt Nam và sự sụp đổ tất yếu của chính quyền Sài Gòn. Vậy mà sau gần 40 năm, vẫn có người đặt câu hỏi "Có phải chính quyền Sài Gòn sụp đổ vì bị Mỹ "bỏ rơi"?" để bao biện cho thất bại. Câu hỏi này dựa vào ý kiến của một số người từng một thời giữ vai trò quan trọng trong Chính phủ Mỹ cho rằng họ đã thắng trong chiến tranh (!). Như cựu Tổng thống R. Nixon coi việc chính quyền Sài Gòn sụp đổ là do Quốc hội Mỹ không cho

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 25-4-2014.

G. Ford quyền sử dụng lực lượng quân sự để bảo vệ Nam Việt Nam như Nixon đã hứa với Nguyễn Văn Thiệu trước đó, không những thế, Quốc hội Mỹ còn bác đề nghị chi 722 triệu USD cứu Nam Việt Nam (!). Còn H. Kissinger thì cho rằng thảm kịch của Mỹ là do tình hình nội bộ của Mỹ (ý nói vụ Watergate), nếu không có sự kiện này, R. Nixon đã có thể hạ lệnh ném bom quân Bắc Việt ngay từ tháng 4-1973! Tuy nhiên, chính H. Kissinger cũng phải thừa nhận đã đánh giá sai về sự sẵn sàng của nhân dân Mỹ trong việc ủng hộ sự can thiệp của Mỹ. Trong cuốn *Không hòa bình, chẳng danh dự, Nixon, Kissinger và sự phản bội ở Việt Nam*, Giáo sư L. Berman dẫn lời R. Nixon, H. Kissinger rằng, họ có thể nhìn thấy Nam Việt Nam thất bại nhưng lại muốn thất bại đó không diễn ra trong nhiệm kỳ của mình; R. Nixon muốn một tình trạng bế tắc vô hạn định bằng cách sử dụng B.52 bảo vệ Nam Việt Nam đến hết nhiệm kỳ tổng thống; Hiệp định Paris có thể sẽ tạo cơ cho Mỹ can thiệp vào Nam Việt Nam, tuy nhiên, vụ Watergate đã làm hỏng những toan tính đó,...!

Những người đặt câu hỏi: "Có phải chính quyền Sài Gòn sụp đổ vì bị Mỹ "bỏ rơi"?" đã không quan tâm tới ý kiến của rất nhiều học giả và nhà nghiên cứu khẳng định thất bại của chính quyền Sài Gòn là không tránh khỏi. Như F. Snepp viết trong cuốn *Một khoảng thời gian thích đáng* thì Hiệp định Paris chỉ là hình thức bỏ chạy của Mỹ, các vấn đề còn lại của chiến tranh không được giải quyết. Sau ngày chiến tranh kết thúc, xuất hiện tiếng nói giận dữ và oán hận từ phía Nguyễn Văn Thiệu và phụ tá thân cận của ông ta cho rằng họ thua trận vì bị Mỹ phản bội và bỏ rơi, thậm chí cho rằng Nam Việt Nam thua trận vì vừa phải đối phó với Bắc Việt, lại vừa phải đối phó với đồng minh của mình! Trong cuốn *Hồ sơ mật định Độc Lập*, Nguyễn Tiến Hưng - Tổng trưởng Kế hoạch và Phát triển của chính quyền Sài Gòn, người được Nguyễn Văn Thiệu

phái đi cầu viện lần cuối cùng, đã công bố một số bức thư R. Nixon gửi Thiệu. Trong một bức thư ngày 14-11-1972, R. Nixon nhấn mạnh: "Tôi tuyệt đối cam đoan với ngài rằng, nếu Hà Nội không tuân theo những điều kiện của Hiệp định này thì tôi cương quyết sẽ có hành động trả đũa mau lẹ và ác liệt", và Thiệu đã coi những lời lẽ này như "lời hứa danh dự" và đó chính là một lý do để ông ta lên án Mỹ nặng nề trong diễn văn từ chức ngày 22-4-1975. Nhà báo, sử gia người Đức - Tiến sĩ Winfried Scharlau (1934-2004), phóng viên chiến trường, một trong những nhà báo phương Tây cuối cùng rời Việt Nam trong tháng 4-1975 ghi lại: "Vào buổi tối, ông (Nguyễn Văn Thiệu) đã thổ lộ niềm cay đắng của mình về nước Mỹ trong một bài diễn văn trên truyền hình. Thiệu lên án Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Mỹ H. Kissinger đã không nhận ra, rằng Hiệp định do ông ta thương lượng trong tháng Giêng 1973 đã dẫn miền Nam đi tới chõ chết, "Ai cũng nhận ra điều đó, nhưng Kissinger thì không. Các cường quốc có lợi ích chung. Chúng tôi không có gì để hy sinh ngoài đất nước nhỏ bé này"!

Trong tình thế phải "xuống thang" rút quân viễn chinh về nước, nhưng vẫn muốn gây sức ép để đạt được kết quả có lợi trên bàn hội nghị, Mỹ tiếp tục cố gắng kéo dài chiến tranh, thậm chí mở rộng chiến tranh ra ngoài biên giới miền Nam Việt Nam. B.52 và cuộc tấn công tàn bạo trút bom xuống Thủ đô Hà Nội vào dịp Giáng sinh năm 1972 của R. Nixon đã không lật ngược được thế cờ. Mỹ phải chấp nhận Hiệp định Paris, và cũng gấp rút thực hiện các biện pháp đối phó. Ngay sau khi thống nhất khái niệm "ba vùng kiểm soát" trong dự thảo Hiệp định Paris, H. Kissinger lập tức điện cho E. Bunker - Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, "yêu cầu Thiệu cố gắng hết sức để lấn chiếm được càng nhiều càng tốt vùng do Chính phủ cách mạng lâm thời kiểm soát". Và Thiệu đã gấp gáp xúc tiến kế hoạch "tràn ngập lãnh thổ", lấn chiếm, bình định trong thời gian

cố tình trì hoãn việc ký Hiệp định. Trước khi ký Hiệp định Paris, Mỹ gấp rút thực hiện hai kế hoạch Enhance (Tăng cường) và Enhance Plus (Tăng cường thêm nữa) để củng cố sức mạnh cho quân đội Sài Gòn với hy vọng đội quân này đủ sức đứng vững sau khi quân Mỹ rút đi. Trong thời gian từ cuối năm 1972 đến đầu năm 1973, qua cầu hàng không, Mỹ đã cung cấp cho chính quyền Nguyễn Văn Thiệu 700 máy bay, 500 pháo các loại, 400 xe tăng và xe bọc thép, bổ sung hai triệu tấn dự trữ vật tư chiến tranh...

Vượt qua mọi toan tính của Mỹ, sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của quân và dân Việt Nam đã liên tục giành những thắng lợi to lớn, đi đến thắng lợi cuối cùng. Về mặt quân sự, sau khi lính Mỹ đã rút đi, nguồn viện trợ quân sự từ Mỹ bị sụt giảm đáng kể, quân đội Sài Gòn không thể làm nổi những gì mà hơn hai triệu lượt quân viễn chinh Mỹ và gần 10 triệu tấn bom đạn không làm được trong những năm trước đó. Về mặt chính trị, Mỹ chọn giữ lại Nguyễn Văn Thiệu như một bảo đảm về cơ hội để có thể tiếp tục can thiệp, bảo đảm vai trò của Mỹ ở khu vực,... Nhưng họ đã "đặt cược" sai. Vì cũng như các chính quyền trước đó ở Sài Gòn, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu là do Mỹ dựng lên, nuôi dưỡng. Chính quyền đó chỉ có thể tồn tại nhờ chiến tranh, nguồn sống của nó chỉ là viện trợ Mỹ, cho nên nó không thể giải quyết hàng loạt vấn đề chính trị - kinh tế - xã hội phức tạp nảy sinh sau khi quân Mỹ rút, viện trợ Mỹ chỉ còn nhỏ giọt. Vì là chính quyền bù nhìn, cho nên khi Nguyễn Văn Thiệu cố dây dưa không ký Hiệp định Paris, trong thư gửi Nguyễn Văn Thiệu ngày 16-1-1973 R. Nixon mới có thể viết: "Tôi đã quyết định dứt khoát sẽ ký tắt Hiệp định vào ngày 23-1-1973 tại Paris. Nếu cần tôi sẽ làm đúng như nói trên một mình. Trong trường hợp đó tôi phải giải thích công khai rằng Chính phủ của ông cần trở hòa bình. Kết quả sẽ là sự chấm dứt không tránh khỏi, lập tức viện trợ kinh tế, quân sự

của Hoa Kỳ và một sự thay đổi nhân sự trong Chính phủ của ông khó mà nói trước". Cách đây dăm năm, sau khi nội dung các cuốn băng ghi âm R. Nixon cho ghi tại Nhà Trắng trong thời kỳ ông còn đương nhiệm được công bố, dư luận còn biết thêm nhiều điều. Trong những ngày bày mưu tính kế để rút quân Mỹ khỏi Nam Việt Nam, ép chính quyền Nguyễn Văn Thiệu phải ký Hiệp định Paris, trao đổi với H. Kissinger, R. Nixon từng đưa ra ý kiến: "Nói một cách khác, tôi không biết sự đe dọa của chúng ta có đi quá xa hay không, nhưng tôi sẽ làm bất cứ điều gì kể cả những điều không hay ho gì như cắt cái đầu Thiệu" (!). R. Nixon còn nói thảng với cố vấn đặc biệt của Nguyễn Văn Thiệu: "Các ông hãy nhớ thật kỹ rằng: nếu không có viện trợ Mỹ thì Sài Gòn không thể tồn tại... không có ngân quỹ Mỹ thì Sài Gòn coi như chấm dứt". Đó là ngôn ngữ của người biết mình có tư thế "ông chủ", ngôn ngữ của người chi tiền. Chính vì nhận ra số phận bù nhìn của mình, Nguyễn Văn Thiệu mới phải công khai thú nhận: "Mỹ còn viện trợ thì chúng ta còn chống cộng", "Nếu Hoa Kỳ không viện trợ cho chúng tôi nữa thì không phải là một ngày, một tháng hay một năm mà chỉ sau ba giờ, chúng tôi sẽ rời khỏi dinh Độc Lập"!

Ý chí độc lập tự do, thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam được hun đúc từ lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc. Cho nên dù thế lực ngoại xâm có sức mạnh vật chất to lớn đến đâu, dù thế lực ngoại xâm tàn bạo đến như thế nào cũng không thể làm suy giảm niềm tin, ý chí đấu tranh vì độc lập dân tộc. Vì thế, âm mưu và cố gắng tuyệt vọng của Mỹ và chính quyền Sài Gòn từ khi Hiệp định Paris được ký kết đến ngày 30-4-1975 càng làm cháy bỏng thêm ngọn lửa của tinh thần đoàn kết toàn dân tộc, phần đấu đi đến đích cuối cùng. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trước hết bắt nguồn từ cuộc đấu tranh chính nghĩa và sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự chiến đấu dũng cảm,

hy sinh quên mình của quân đội và nhân dân Việt Nam sau mấy chục năm đấu tranh gian khổ. Còn sự sụp đổ của chính quyền Sài Gòn tháng 4-1975, trước hết do tính chất bù nhìn và mục đích phản dân tộc của nó. Đó là một trong các nguyên nhân đưa tới quyết định sai lầm về sách lược chính trị, chiến thuật quân sự của Nguyễn Văn Thiệu. Thất bại ở Buôn Ma Thuột vào tháng 3-1975 nhanh chóng làm đảo lộn thế trận của chính quyền bù nhìn này trên toàn miền Nam. Một đội quân có hơn một triệu người, ở thời điểm năm 1975 được đánh giá đứng thứ tư trên thế giới về lực quân, không quân, đứng thứ chín về hải quân,... gấp đôi phương hai lần về quân số, bốn lần về xe tăng, hơn tuyệt đối về không quân và hải quân, đã nhanh chóng tan rã và thất bại trong chưa đầy hai tháng. Vì tính chất phi nghĩa của sự tồn tại mà đội quân ấy đã thất bại. Nói như Giáo sư N. Chomsky thì đó là "đội quân thiếu sự ủng hộ của nhân dân (nhất là ở nông thôn)", hay theo cách nói của W. Colby - người từng đứng đầu phái bộ CIA tại miền Nam Việt Nam - đó là đội quân được Mỹ cho mọi thứ cần thiết, "trừ sự dũng cảm"!

"CON TIN CỦA NHÓM CỦ TRI LỖI THỜI"!*

LÊ VŨ HOÀI ÂN

Thời gian qua, RFA, VOA và một số blog, diễn đàn của các thế lực thù địch, thiếu thiện chí với Việt Nam, rùm beng đưa tin, bình luận về cái gọi là "điều trần, hội thảo tự do báo chí cho Việt Nam" tổ chức tại Hạ viện Hoa Kỳ, trụ sở RFA tại Washington. Sự rùm beng đó càng làm lộ rõ vai trò của tổ chức khủng bố "Việt Tân" cùng sự tiếp tay của một số tổ chức, cá nhân...

Tháng 4-2014, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài phối hợp với Bộ Tư lệnh Hải quân tổ chức chuyến thăm, động viên quân và dân trên quần đảo Trường Sa; trong đoàn có nhiều thành viên là người gốc Việt đến từ nhiều quốc gia. Được chứng kiến sự thật vốn từ lâu bị hệ thống truyền thông của người Việt ở nước ngoài bóp méo, được sống giữa tình cảm chân thành của mọi người, trên con tàu ra Trường Sa, một cựu sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng hòa trước đây và là người chống cộng quyết liệt, đã đọc câu thơ: "Vũ trụ có mặt trời - Việt Nam có Đảng sáng ngời niềm tin", rồi hô to: "Hoan hô Đảng Cộng sản Việt Nam"! Tại đảo Sinh Tồn, ông cho biết, sau mấy chục năm chống đối, lần đầu tiên ông đã đứng nghiêm chào lá cờ Tổ quốc, và phát biểu trước mọi người: "Hôm nay tôi phải nói rằng tất cả các vị là những người yêu nước thật, còn chúng tôi là những người yêu nước dởm, những

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 9-5-2014.

người ích kỷ và cơ hội". CÙng với tâm trạng như vậy, khi đến viếng Nghĩa trang nhân dân Bình An (Biên Hòa), được chứng kiến những sự thật trái ngược với những gì nghe trên đất Mỹ, nhiều người đã nói những lời chân thành: "Từ đầu đến cuối tôi im lặng vì tôi xấu hổ. Chúng tôi cảm thấy đau lòng và nhục nhã", "Thấy nhiều lời đồn không có căn cứ", "Tôi muốn xem có giả dối nào không, nhưng ngược lại hoàn toàn",... Vậy mà sau khi các video clip và bài báo đề cập tới các nội dung trên được công bố, blogger nọ liền viết trên facebook của cá nhân: "Bà con bên Mỹ cần chăm sóc kỹ ba người này... Để họ phát biểu lăng nhăng mà còn sống được ở đất Mỹ thì bà con đừng có mong ngày trở về với đất Mẹ!". Với mấy "anh hùng bàn phím" tự thấy mình là "nhà dân chủ, người yêu nước đấu tranh vì dân chủ, nhân quyền" thì giọng điệu nhuốm màu "xã hội đen" đó không có gì lạ. Tuy nhiên, phải dẫn lại ý kiến của blogger nói trên vì đó là người vừa được hai dân biểu L. Sanchez, Z. Lofgren mời, bảo trợ sang Hoa Kỳ để tham dự cái gọi là "điều trần về tự do báo chí cho Việt Nam"! Sau khi không được xuất cảnh, trang tiếng Việt của RFA liền đăng cái gọi là "thư ngỏ" của người này gửi dân biểu L. Sanchez bày tỏ "cảm xúc rất sung sướng" vì "nhận được sự quan tâm khích lệ", rồi "hy vọng sẽ có một ngày không xa được trao đổi trực tiếp với bà và các dân biểu Mỹ quan tâm đến Việt Nam"!

Từ sự xăng xái đến mức thái quá đối với vấn đề dân chủ, nhân quyền, tự do ngôn luận ở Việt Nam của các vị dân biểu Hoa Kỳ như L. Sanchez, Z. Lofgren, C. Smith, A. Lowenthal, không thể không đặt ra câu hỏi: Tại sao trong hàng trăm dân biểu Hoa Kỳ lại chỉ có mấy vị là luôn chối bỏ sự thật để tiếp cận và đánh giá phiến diện về dân chủ, nhân quyền, tự do ngôn luận, tự do báo chí ở Việt Nam, rồi o bế, cổ súy, bảo vệ mấy người Việt Nam không có tư cách nhà báo, không e ngại khi viết, công bố các câu chữ đe dọa

người không cùng quan điểm với mình? Điều gì khiến dân biểu C. Smith hùng hồn đe dọa "đưa ra các biện pháp cụ thể nhằm vô hiệu hóa các công cụ đàn áp của nhà nước Việt Nam, đòi tự do cho tất cả tù nhân lương tâm"!?: còn dân biểu A. Lowenthal (người nhận "bảo trợ" Nguyễn Tiến Trung sau khi được Nhà nước Việt Nam ân xá) trả lời phỏng vấn của RFA ngày 3-5-2014 lại tuyên bố một cách kỳ quặc: "Chúng tôi sẽ tranh đấu không ngưng nghỉ cho đến khi toàn dân Việt được tự do" (!?)... Câu trả lời không phải tìm đâu xa, chẳng hạn năm 2010 trên VOA, trả lời phỏng vấn của Ira Mellman, dân biểu L. Sanchez nói: "Tôi đại diện cho một cộng đồng người Việt hải ngoại đông nhất thế giới, gần 500.000 người tại quận Cam"; còn mới đây, câu hỏi của Việt Long phỏng vấn dân biểu A. Lowenthal cho thấy căn nguyên các hành động phi lý đối với Việt Nam của vị dân biểu này: "Trong khu vực cử tri 47 của California, người Mỹ gốc châu Á chiếm 21%, người Mỹ gốc Việt chiếm một phần đáng kể trong tỷ lệ 21% dân Á châu trên tổng số 723 ngàn công dân Mỹ"!

Để kiểm phiếu cử tri trong khu vực có tỷ lệ người Mỹ gốc Việt cao như vậy, các dân biểu nói trên chọn thủ đoạn mị dân là vê hùa với cử tri. Họ cố tỏ ra quan tâm tối yêu cầu của cử tri, dù trong đó có yêu cầu không liên quan tới nhiệm vụ của dân biểu Hoa Kỳ. Vì nhiệm vụ của dân biểu Hoa Kỳ được quy định cụ thể: "Dân biểu là những viên chức của Chính phủ Mỹ đã được bầu bởi người dân trong mỗi tiểu bang. Họ có trách nhiệm làm luật có ảnh hưởng đến đời sống của người dân trong tiểu bang. Dân biểu giúp trong việc quyết định nhiều vấn đề, gồm có thuế liên bang, mức lương tối thiểu mà các chủ nhân phải trả cho công nhân, và tiêu tiền của chính phủ như thế nào". Quy định cho thấy việc một số dân biểu Hoa Kỳ có phát ngôn, hành động can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam là nằm ngoài nhiệm vụ của họ, như một người Mỹ gốc

Việt nhận xét: "Họ được người dân Mỹ bầu lên để phục vụ cho dân Mỹ chứ không phải để xia vào nội bộ các nước khác... Nhiệm vụ của một thượng nghị sĩ Mỹ hay một dân biểu Mỹ được quy định rõ ràng, tất cả chỉ để phục vụ dân Mỹ, không có điều nào cho phép họ, với tư cách cá nhân, xia vào chuyện nội bộ của các nước khác". Nhưng điều đương nhiên đó vẫn không làm một số dân biểu Hoa Kỳ cẩn trọng. Như dân biểu L. Sanchez chẳng hạn, hàng chục năm nay dân chủ, nhân quyền, tự do ngôn luận, tự do báo chí ở Việt Nam trở thành chiêu bài, công cụ của bà trong các chiến dịch tranh cử, trong các hoạt động với vai trò dân biểu. Bà tranh thủ mọi cơ hội lấy lòng cử tri. Cách đây hơn mười năm một số người Mỹ gốc Việt đã nhận ra điều này, như trong bài "Về sự liên hệ giữa bà Sanchez và đảng Việt Tân" trên Vietweekly năm 2006, tác giả Hồ Văn Xuân Nhi viết: "Năm 2000, khi L. Sanchez theo phái đoàn của Tổng thống Bill Clinton thăm Việt Nam, bà đã gây chấn động chính trị cộng đồng, chính mình nổi tiếng hơn khi bà bí mật tách rời đoàn, lén đến gặp gỡ các nhà đối kháng trong nước tại Sài Gòn... chúng ta thấy người phụ nữ mặc áo Việt cầm cờ vàng ba sọc đỏ mà không phải là người Việt Nam, không thể nào yêu quê hương Việt hay hiểu người Việt như chính người Việt Nam. Bà ta không biết gì về Việt Nam. Bà ta chỉ chống cộng vì được một đảng phái chống cộng giụt dây sau lưng, tham mưu chính trị chuyện chống cộng để mị phiếu cộng đồng Việt Nam. Bà cần phiếu cộng đồng Việt Nam, đảng Việt Tân cần phiếu của bà ở Hoa Thịnh Đốn!". Còn ở Việt Nam, bà Tôn Nữ Thị Ninh đã từng nhận xét: "L. Sanchez chưa bao giờ đến Việt Nam với thái độ cởi mở, khách quan, thực sự nhìn nhận toàn cảnh tình hình Việt Nam. Bà đến Việt Nam không phải để tìm hiểu, trao đổi mà để thực hiện chương trình "can dự" riêng theo sự xúi giục của một nhóm cử tri cực đoan tại California vẫn đang chìm đắm trong quá khứ. Tiếc rằng thay vì quan tâm đến da

số cử tri là những người hướng tới tương lai nhưng lại không lớn tiếng, bà lại để bản thân trở thành con tin của nhóm cử tri lỗi thời. Do đó, chúng tôi không hề ngạc nhiên trước những bình luận đen tối, kích động về tình hình Việt Nam của bà Sanchez... Trong thời gian ở thăm Việt Nam, những hành vi không phù hợp của bà là sự can thiệp trắng trợn vào công việc nội bộ của Việt Nam dưới chiêu bài "đem dân chủ" từ bên ngoài đến Việt Nam".

Nhân ngày "tự do báo chí thế giới", các vị dân biểu Hoa Kỳ như L. Sanchez, Z. Lofgren, C. Smith, A. Lowenthal tiếp tục nỗi dài các hoạt động của họ thông qua việc tổ chức, tham dự một số cuộc điêu trần, hội thảo mà ở đó, họ không chỉ xuyên tạc, vu cáo Nhà nước Việt Nam trong vấn đề dân chủ, nhân quyền, tự do ngôn luận, tự do báo chí, mà còn tạo diễn đàn để một số cá nhân đến từ Việt Nam đưa ra phát ngôn thiếu thiện chí. Sự có mặt của L. Liu - Tổng Giám đốc RFA, đặc biệt là vai trò của Đỗ Hoàng Diêm - "chủ tịch" của tổ chức khủng bố "Việt Tân", tại các buổi điêu trần, họp báo, vai trò nổi bật của tổ chức này trong việc tổ chức điêu trần, hội thảo, đón tiếp "khách mời" cho thấy liên hệ mật thiết giữa mấy vị dân biểu trên với một cơ quan truyền thông luôn lấy việc chống phá Việt Nam làm mục đích. Cố tỏ ra là người yêu dân chủ, nhân quyền, nhưng phát biểu tại cái gọi là "điều trần", L. Liu - Tổng giám đốc RFA, cũng không giấu được mưu mô thực sự khi nói: "Buổi điêu trần hôm nay vô cùng quan trọng bởi vì Quốc hội Hoa Kỳ luôn yểm trợ mạnh mẽ cho sự cải thiện nhân quyền ở Việt Nam, đặc biệt là tự do báo chí... Năm nay là năm vô cùng quan trọng khi mà Quốc hội Hoa Kỳ tăng thêm ngân sách cho lãnh vực tự do internet mà tất cả chúng ta có thể tự tin sẽ tạo một thay đổi lớn cho Việt Nam! Hóa ra L. Liu và RFA hăng hái như vậy là vì tiền. Vì tiền mà L. Liu và RFA liên tục chống phá Việt Nam thì đó là một việc làm rất xấu xa, bởi họ đã đầu cơ trên danh dự và uy tín của Nhà nước, nhân dân Việt Nam.

Với tỷ lệ 716 tù nhân/100.000 người dân, Hoa Kỳ hiện là quốc gia có số tù nhân cao nhất thế giới (hơn hai triệu người), vậy mà ở đó lại có mấy vị dân biểu không cố làm việc hữu ích cho cử tri mà xăng xáy đấu tranh cho nhân quyền ở quốc gia khác! Có lẽ vì thế mà một người Mỹ gốc Việt đã viết: "Tôi thật quả là nghi ngờ sự lương thiện trí thức của các đài như BBC, RFA, RFI và những cơ quan như Ân xá quốc tế, HRW hay một số chính khách Tây phương, thượng nghị sĩ, dân biểu Mỹ hầu như đã quên đi các tội ác ngập trời đối với người dân Việt Nam của Pháp và Mỹ trong hai cuộc chiến Việt Nam trước đây,... nay lại lên mặt dạy đời về nhân quyền, tự do, dân chủ, không phải nhiệm vụ của mình mà cứ xía vào các chuyện nội bộ của Việt Nam. Có phải họ thực sự yêu nước Việt Nam không, hay chẳng qua là có những mưu đồ khác?... Trong khi đó thì một số người Việt lưu vong lại đi van xin hay làm tay sai, tiếp tay với ngoại bang để chống phá Việt Nam"!

HỌ BỊ LỪA ĐỒI, HAY CỐ TÌNH "ĐÁNH LẬN CON ĐEN"?*

HỒNG QUANG

Từ ngày 8-5 đến 10-5, Đại lễ Vesak Liên hợp quốc 2014 với chủ đề chính "Phật giáo góp phần thực hiện thành tựu các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc" tổ chức tại Việt Nam đã thành công tốt đẹp. Làm nên thành công của Đại lễ có vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, sự ủng hộ, tạo điều kiện của Chính phủ Việt Nam, đặc biệt là vị trí của Phật giáo sau hàng nghìn năm góp phần xây dựng truyền thống văn hóa Việt Nam...

Tại Lễ bế mạc diễn ra chiều 10-5, Hòa thượng, Giáo sư, Tiến sĩ Brahmapundit - Chủ tịch Ủy ban Tổ chức quốc tế Đại lễ Vesak Liên hợp quốc (ICDV) đã nhiệt liệt hoan nghênh "thành công của Đại lễ Vesak tại nước Việt Nam có bề dày lịch sử và vô cùng tươi đẹp". Hòa thượng cảm ơn Chính phủ Việt Nam, nhấn mạnh sự có mặt của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc trong Lễ bế mạc là minh chứng cho tình cảm, sự trân trọng của Chính phủ Việt Nam đối với Phật giáo. Việc Việt Nam tổ chức thành công sự kiện này, chứng tỏ Giáo hội Phật giáo Việt Nam rất lớn mạnh, có kết nối sâu rộng với cộng đồng Phật giáo thế giới... Phải nói rằng ý kiến của Hòa thượng, Giáo sư, Tiến sĩ Brahmapundit đã phản ánh chính xác, đầy đủ về một sự thật là Phật giáo có vai trò rất quan trọng

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 27-5-2014.

trong lịch sử Việt Nam, gắn bó với đời sống tinh thần nhiều thế hệ. Ở Việt Nam, cũng như mọi tôn giáo khác, Phật giáo được Nhà nước tạo điều kiện để vừa có thể duy trì, truyền bá niềm tin tâm linh, vừa đồng hành cùng dân tộc để công dân theo Phật giáo đóng góp tâm sức với đất nước. Bất kỳ người nước ngoài nào tới Việt Nam cũng sẽ được chứng kiến thực tế về đội ngũ nhà tu hành và Phật tử đồng đảo, hệ thống cơ sở thờ tự, hệ thống trường đào tạo,... được mở rộng trên khắp ba miền.

Vậy mà đúng vào thời điểm Đại lễ Vesak Liên hợp quốc 2014 diễn ra, trên internet lại xuất hiện "thư chung" với 61 "nhân vật quốc tế ký tên" gửi Nhà nước Việt Nam để "nói lên tình hình đàn áp nghiêm trọng đối với Phật giáo"... yêu sách "trả tự do cho Đức Tăng thống Thích Quảng Độ, phục hồi quyền sinh hoạt pháp lý của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất "! Không những thế, ngày 12-5, trả lời phỏng vấn RFA, bà Katrine Lantos Swett với cương vị là "Phó Chủ tịch Ủy ban Hoa Kỳ bảo vệ tự do tôn giáo trên thế giới", "Chủ tịch Ủy ban nhân quyền Tom Lantos" cũng là người ký tên vào "thư chung", đã đưa ra ý kiến vu cáo, xuyên tạc: "Một mặt thì Nhà nước Việt Nam là chủ nhà đón tiếp Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc. Nhưng cùng lúc ấy thì vị lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất, Đức Tăng thống Thích Quảng Độ, bị quản chế... Chúng tôi cực kỳ lên án sự đàn áp tôn giáo tiếp diễn tại Việt Nam, nhằm trực tiếp vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất, cũng như các cộng đồng Tin lành, Công giáo, người Thượng Thiên Chúa giáo nơi dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hiện đang bị đối xử tồi tệ - và còn nhiều trường hợp khác nữa mà tôi không thể kể hết ra đây"!?

Phải khẳng định, bằng việc đưa ra thông tin dối trá, xuyên tạc, nội dung "thư chung" nói trên hoàn toàn đối lập với sự thật, không phù hợp với danh nghĩa những người ký tên đã trưng ra, như: giải

Nobel Hòa bình, dân biểu Quốc hội Hoa Kỳ, Phó Chủ tịch Quốc hội châu Âu, dân biểu và thượng nghị sĩ Quốc hội Vương quốc Anh, Bồ Đào Nha, Italia, Extônia, Pháp, Tây Ban Nha, đại diện của các tổ chức dân sự ở Hoa Kỳ, châu Âu, Mianma, Mông Cổ, Nhật Bản, Đài Loan (Trung Quốc), Tây Tạng,... Vậy phải chăng trước khi đặt bút ký cái gọi "thư chung", họ đã bất cần sự thật, nói lấy được, chỉ nghe theo một phía, a dua cùng một số thế lực vẫn tiến hành các hoạt động vu cáo, chống phá Việt Nam? Riêng với các dân biểu Hoa Kỳ là F. Wolf, C. Smith, L. Sanchez, Z. Lofgren thì việc ký "thư chung" chỉ là một trong vô số những hành động nối dài các hoạt động thiếu thiện chí vốn có của họ với Việt Nam để kiểm phiếu cử tri? Điều khôi hài là ngay sau khi "thư chung" xuất hiện, cái gọi là "Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất - văn phòng điều hành liên châu" (!) đã công bố "bản lên tiếng" về việc lãnh hải Việt Nam bị xâm phạm, nhưng trong đó lại đưa ra đòi hỏi đại loại như: "Trả tự do cho tất cả tù nhân lương tâm đang còn bị giam giữ chỉ vì bất đồng chính kiến"! Không rõ trước khi đứng ra bảo vệ cái gọi là "Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất", những người ký "thư chung" tìm hiểu ra sao. Thủ hỏi, họ có thể bênh vực một tổ chức mà lịch sử thực hành đức tin chỉ thấy đưa ra yêu sách, và nếu không được đáp ứng thì đối đầu với chính quyền? Thủ hỏi, họ có thể bênh vực một tổ chức mà trong lúc toàn dân tộc Việt Nam đang đoàn kết thành một khối cùng vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, đấu tranh giành độc lập, thống nhất Tổ quốc thì lấy danh nghĩa "trung lập", tổ chức đó lại yêu cầu "phe Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam giải giới và rút về phía bắc vĩ tuyến 17"? Thủ hỏi, họ có thể bênh vực một tổ chức mà lịch sử luôn ở trong tình trạng kéo bè kéo cánh rồi chống phá, triệt hạ lẫn nhau, cụ thể là mới đây có thành viên tố cáo đồng đạo "có những quyết định vội vàng, không trung thực", hành động "rất khác lạ, bí mật,

bất thường, không đúng nguyên tắc hành chánh, không theo luật lệ, vượt quá quyền hạn, nhiệm vụ"? Thủ hỏi, họ có thể bênh vực một tổ chức mà cơ quan phát ngôn tồn tại là nhờ tài trợ của "Quỹ quốc gia vì dân chủ Mỹ" (NED), rồi bị mây kẽ không ở trong tăng đoàn như Võ Văn Ái, Lê Công Cầu thao túng, đến mức vừa qua có người phải lên tiếng "đề nghị và kính mong hai vị nên có văn hóa từ chối"?

Với Thích Quảng Độ, người này vẫn sống bình thường ở Thanh Minh Thiền viện tại Thành phố Hồ Chí Minh, không bị quản chế như "thư chung" bịa đặt. Nếu muốn tìm hiểu về Thích Quảng Độ, chí ít internet cũng có thể giúp những người ký "thư chung" đôi dòng tiểu sử: "Kêu gọi biểu tình chống chế độ, ông bị nhà chức trách bắt giam từ tháng 6-1977. Đến năm 1982 thì ông và mẹ ông bị trực xuất về nguyên quán xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Mười năm sau, ông tự ý tìm vào Nam hoạt động công khai đòi tự do tôn giáo tại Việt Nam. Nhà chức trách có lệnh trực xuất ông về Bắc nhưng ông không chịu thi hành. Do Thích Quảng Độ liên tiếp có các hành vi được cho là chống đối và ngang nhiên lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng để vi phạm pháp luật, nên tháng 1-1995, Công an Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện lệnh bắt tạm giam. Tháng 8-1995, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử, tuyên phạt Thích Quảng Độ cùng nhóm của ông (Không Tánh, Đồng Ngọc, Trí Lực, Nhật Thường) 5 năm tù giam, thời hạn quản chế 5 năm về tội "phá hoại chính sách đoàn kết, lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích Nhà nước"... Trong thời gian bị giam giữ, Thích Quảng Độ tỏ ra ăn năn, hối cải nên nhận dịp Quốc khánh 2-9-1998, Chủ tịch nước Việt Nam quyết định đặc xá, tha tù trước thời hạn cho ông, trả về nơi cư trú cũ tại Thanh Minh Thiền viện". Từ các tuyên bố và hành vi, có thể nói từ khi ra tù người này vẫn chưa thay đổi. Gần đây nhất, trong cái gọi là "thông điệp Phật đản 2558" và "thông

bạch đại lễ Phật đản Phật lịch 2558" do ông ta ký và Võ Văn Ái công bố tại Paris (!) vẫn đầy các luận điệu như: "Ý thức hệ cũng như hành xử của nhà cầm quyền còn tiếp diễn chính sách truy triệt tôn giáo, đặc biệt đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất". Ông ta còn trăng trộn đổi trăng thay đèn: "Đại lễ Vesak 2008 do Nhà nước đăng cai hay Đại lễ Vesak 2014 do Giáo hội Phật giáo Việt Nam đăng cai cũng mang chung một bản chất chính trị đối ngoại chứ không do nhu cầu tâm linh của cộng sản, theo đúng như ý nghĩa của Nghị quyết Liên hợp quốc ban hành năm 2000". Rồi hành xử của Thích Quảng Độ với nhiều việc kỳ khôi diễn ra trong nội bộ Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất như: "Năm 2008, nhân danh Viện Tăng thống, ông ra Giáo chỉ số 9 loại bỏ hàng loạt lãnh đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất tại hải ngoại, chỉ còn tin dùng một số người như Thích Chánh Lạc, Thích Viên Lý, Thích Viên Định. Sự kiện này làm tan rã một phần lớn Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất... Năm 2013, ông ra quyết định loại bỏ Thích Chánh Lạc khỏi Giáo hội vì lý do phạm trọng giới. Khi bị các lãnh đạo khác như Thích Viên Định, Thích Thiện Hạnh phản đối, ngày 30-8-2013 ông ra Thông bạch từ nhiệm tuyên bố rút khỏi vị trí Tăng thống. Vài ngày sau, 4-9, ông lại đồng ý trở lại vị trí Tăng thống nhưng không có văn bản xác nhận. Cuối tháng 12-2013, ông ra Giáo chỉ số 10 loại bỏ chức vụ của Thích Viên Định, Thích Viên Lý. Hàng loạt lãnh đạo khác của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất cũng tuyên bố từ chức... Nhiều phân tích cho thấy Giáo chỉ của ông vi phạm Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất, hậu quả của nó là làm Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất gần như tan rã hoàn toàn"! Với con người, tổ chức như vậy mà 61 "nhân vật quốc tế" vẫn lên tiếng bảo vệ thì quả khó hiểu. Họ bị lừa dối, hay họ còn thiếu lương tri nên xuyên tạc sự thật, cố tình "đánh lận con đen"!?

Hàng nghìn năm sau khi du nhập, Phật giáo đã góp phần làm nên hoặc in dấu ấn trong nhiều giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam. Điều này có được là do tinh thần từ bi, bác ái của Phật giáo đã gặt gỡ, giao hòa với truyền thống nhân văn của dân tộc Việt Nam để cùng phần đivable vì một xã hội an bình. Hàng trăm năm trước, "đất vua, chùa làng, phong cảnh Phật" đã trở thành hình ảnh gắn liền với cuộc sống nhiều thế hệ người Việt Nam, nên đến nay, Phật giáo vẫn giữ vị trí quan trọng trong tâm thức hàng chục triệu người. Trong Diễn văn Phật đản Phật lịch 2558 của Ban Thường trực Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cho rằng: "Hoàn cảnh, phương tiện hoằng pháp của chúng ta ngày càng thuận lợi, phong phú" là phản ánh chân thực, đúng đắn về tình hình Phật giáo ở Việt Nam hôm nay.

THÊM NHỮNG BẰNG CHỨNG VỀ SỰ CHỐNG PHÁ VIỆT NAM CỦA "VIỆT TÂN"

HOÀNG NGUYỄN

Mấy chục năm qua, hoạt động chống phá Việt Nam của tổ chức khủng bố "Việt Tân" đã là một sự thật không thể bác bỏ. Gần đây, nún dưới chiêu bài "bất bạo động", hoạt động của "Việt Tân" ngày càng ráo riết hơn, bộ mặt phản dân hại nước cũng ngày càng lộ rõ.

Ngày 26-5, tại cuộc họp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai với các sở, ngành liên quan và Hiệp hội Doanh nghiệp Đài Loan (Trung Quốc), Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản để bàn các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp ổn định sản xuất, kinh doanh, duy trì môi trường đầu tư của tỉnh sau một số sự kiện diễn ra trên địa bàn, Đại tá Lý Quang Dũng, Phó Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai thông báo, cơ quan công an đã bắt giữ ba người được cho là "liên quan đến Việt Tân". Những người này khai được tổ chức khủng bố "Việt Tân chỉ đạo và cung cấp tiền" nhằm kích động xuống đường biểu tình. Lập tức, các nhà "đấu tranh dân chủ trên internet" đua nhau xuyên tạc rằng công an đã tìm được "Việt Tân để đổ vỏ" (!), đánh lừa dư luận ngăn chặn biểu tình, và chạy tội cho Trung Quốc (!). Rồi BBC, RFA nhanh nhảu ra thông báo "Việt Tân nói không đứng sau bạo loạn", cam kết "chủ trương bất

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 6-6-2014.

bạo động", và "cáo buộc Việt Tân chỉ làm dư luận thấy sự bất lực của Hà Nội trước nguy cơ Trung cộng"! Sau đó, RFA đưa bài "Thực hư chuyện ba đảng viên Việt Tân kích động biểu tình bị bắt", trong đó dựa trên sự "đảm bảo" từ Lê Anh Hùng - "đối tượng tâm thần chính trị" đã có giám định pháp y và là chồng Lê Thị Phương Anh, để cho rằng ba "người yêu nước" Lê Thị Phương Anh, Phạm Minh Vũ và Đỗ Nam Trung bị bắt giữ ở Đồng Nai có liên quan đến "Việt Tân" là "cáo buộc rất lố bịch và vô căn cứ"! Cùng với đó là một số phân tích kiểu "đoán mò" trên facebook, như sự kiện xảy ra là "trò hề chính trị ngăn cản những người xuống đường thể hiện lòng yêu nước", "vở kịch giàn khoan đã được dàn dựng từ lâu"!

Trong bối cảnh đó, đê cập tới sự kiện, ký giả Bill Hayton viết trên BBC tiếng Việt ngày 17-5: "Những người khác nói Việt Tân, một tổ chức chống cộng hải ngoại có trụ sở tại Hoa Kỳ, có thể đã đóng một vai trò"; lập tức tổ chức khủng bố "Việt Tân" lên tiếng bác bỏ và phân bùa về sự "vô can". Nhưng sau khi BBC tiếng Việt công bố nội dung thư điện tử của Bill Hayton gửi BBC trả lời "Việt Tân" rằng: "Tôi không cáo buộc Việt Tân dàn dựng bạo động. Mặc dù vậy tôi khó tin được rằng Việt Tân đã không đóng một vai trò nào cả trong các cuộc phản đối về Hoàng Sa", rồi đặt câu hỏi: "Việt Tân có thể xác nhận điều này không? Nếu không thì họ có thể xác nhận các cuộc phản đối nào họ đã đóng vai trò trong việc tổ chức?", thì tổ chức này... im lặng! Điều làm Bill Hayton "khó tin" là có cơ sở, vì nhiều năm nay, để chống phá Việt Nam, "Việt Tân" không từ một thủ đoạn đen tối nào. Như cái gọi là "điều trần trước Quốc hội Mỹ về tự do báo chí ở Việt Nam" mới đây chẳng hạn. Theo blogger Nhạn Biển, "Việt Tân" thuê một phòng trong tòa nhà Quốc hội Hoa Kỳ, mời hai dân biểu L. Sanchez, Z. Lofgren đứng ra chủ tọa, giúp mấy blogger lên án "Việt Nam xâm phạm tự do báo chí", rồi

RFA, VOA và BBC, RFI hùa theo đưa tin, bình luận. Kết thúc "điều trần" là lời hứa suông của dân biểu L. Sanchez: "Tất cả những gì nghe được hôm nay qua các blogger, các nhà báo độc lập đến từ Việt Nam, cũng như qua các tổ chức bên ngoài sẽ được mang ra bàn thảo cùng các đồng viện để từ đó tạo sức ép lên hành pháp Mỹ, yêu cầu Washington áp lực Hà Nội cải thiện triệt để về nhân quyền, nhất là quyền tự do báo chí và ngôn luận, rồi mới nói đến các thỏa thuận về thương mại hay mậu dịch mà Việt Nam mong muốn", theo đó có thể thấy buổi "điều trần" hầu như chỉ là vô nghĩa!

Nhận định "Việt Tân" là một tổ chức khủng bố là có nguyên do của nó. Từ năm 1982 đến năm 1989, "Việt Tân" với tên gọi là "Mặt trận quốc gia thống nhất giải phóng Việt Nam" dưới sự chỉ đạo của Hoàng Cơ Minh đã liên tục đưa các toán vũ trang có tên gọi "Đông tiến 1", "Đông tiến 2", "Đông tiến 3" xâm nhập Việt Nam qua đường Lào, Campuchia với mục đích lập "mật cứ", tiến hành hoạt động bạo loạn, khủng bố, cướp chính quyền tại một số vùng chiến lược. Các toán vũ trang này nhanh chóng bị các lực lượng vũ trang Việt Nam và Lào bao vây, truy kích, tiêu diệt và bắt sống hàng trăm tên, thu nhiều vũ khí, tài liệu phản động... Sau các thất bại liên tiếp, nhất là sau khi Mỹ bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, tổ chức này đổi tên thành "Việt Nam canh tân cách mạng đảng" (gọi tắt là Việt Tân), tuyên bố chuyển sang đấu tranh "bất bạo động" và tiến hành tuyên truyền chính trị nhằm thích ứng với sự chuyển hướng từ hoạt động bạo động sang "diễn biến hòa bình". Nhưng trên thực tế, cơ quan an ninh Việt Nam vẫn phát hiện "Việt Tân" đưa người vào Việt Nam để đặt chất nổ, rải và dán truyền đơn, kích động, dụ dỗ, mua chuộc các thành phần bất mãn, lưu manh, giang hồ, xã hội đen, tội phạm để hoạt động. Hầu hết người của "Việt Tân" khi bị bắt giữ trong

thời gian này đều mang theo vũ khí nguy hiểm như súng lục, lựu đạn, dao găm, lưỡi lê, v.v..

Thêm nữa, qua nhiều cuộc điều tra, cơ quan an ninh Việt Nam đã có đủ chứng cứ, tài liệu kết luận "Việt Tân" đã cắp tiền và kích động số tay sai trong nước đứng ra kêu gọi, tổ chức biểu tình, mà vụ án Nguyễn Xuân Nghĩa và đồng bọn năm 2009 là một minh chứng. Nhóm người này nhận tiền từ nước ngoài để tổ chức rải truyền đơn, dùng tiền mua thuộc một số người dân khiếu kiện ở Thanh Hóa đưa về Hà Nội biểu tình. Việc làm đó dẫn tới sự lục đục trong nội bộ "Việt Tân", phê phán Nguyễn Xuân Nghĩa thực hiện "nhiệm vụ của Việt Tân" là quá liều lĩnh, "đốt hàng loạt chiến sĩ dân chủ", gây tổn thất lực lượng nghiêm trọng... Với Lê Thanh Thảo ở Đồng Nai cũng vậy, kết thúc bản án 24 tháng tù giam về tội danh "tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" theo Điều 88 Bộ luật Hình sự, người này lập tức lên tiếng tố cáo "Việt Tân" đẩy mình vào tù rồi bỏ rơi. Trước đó, Thảo từng khai nhận trước tòa về việc đã được Lê Thị Nhi (cảm tình viên "Việt Tân" ở nước ngoài) cung cấp tiền bạc, điện thoại di động, máy tính xách tay,... để thực hiện nhiệm vụ "Việt Tân" giao cho như rải truyền đơn có nội dung chống chính quyền, kích động biểu tình lật đổ nhà nước để chụp ảnh, quay phim phát tán lên internet.

Không chỉ ở trong nước, tổ chức khủng bố "Việt Tân" còn bị nhiều người tố cáo khủng bố cộng đồng người Việt ở Mỹ theo kiểu "xã hội đen". Hiện nay, trong cuộc chiến tranh giành "fund" với các tổ chức khác, "Việt Tân" lại cố che đậm hành vi "bạo động" dưới danh nghĩa "đấu tranh bất bạo động", trong khi số cầm đầu hầu hết đều là bộ sậu thân tín của Hoàng Cơ Minh. Bởi vậy, cuối năm 2010, theo chỉ đạo của "Bí thư chi bộ Melbourne" Nguyễn Quốc Thịnh, Võ Hồng và các thành viên "Việt Tân" khác là

Phạm Cầu (người Việt ở Đan Mạch), Trần Quang Tích, Đoàn John (người Việt ở Hoa Kỳ) về Việt Nam dưới hình thức du lịch để thực hiện một "nhiệm vụ đặc biệt" là phá hoại Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội dưới hình thức phân phát mũ, áo, truyền đơn, nội dung kêu gọi người dân đứng lên bạo loạn, lật đổ chính quyền. Tháng 4-2012, Nguyễn Quốc Quân - kẻ mang danh "Trung ương ủy viên Việt Tân" nhập cảnh vào Việt Nam với tên giả là Richard Nguyen để thực hiện âm mưu khủng bố nhân dịp kỷ niệm Ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 30-4 và Quốc tế Lao động 1-5. Đây cũng là lần thứ ba Quân nhập cảnh vào Việt Nam nhằm tổ chức hoạt động chống phá. Vì thế, sau khi tới định cư tại Hoa Kỳ, nhận ra mặt thật của "Việt Tân", Trần Khải Thanh Thủy coi việc thị gia nhập "Việt Tân" là "gả thân nhầm nơi tướng cướp", tỏ rõ thái độ chống đối "Việt Tân" qua việc công khai khẳng định: "Chắc chắn mình chỉ thua họ về sự lèo lá, mánh khéo, ăn bẩn mà thôi (14 năm trực lợi trên xác chết của chính anh ruột, bác ruột, cậu ruột) ra cả tờ kháng chiến để viết về "bề dày thành tích và ôi đỉ chiến công" của lãnh đạo hồn ma trong khu chiến và 10.000 kháng chiến quân tưởng tượng"!

Dù cố che đậm thế nào thì bản chất một tổ chức khủng bố như "Việt Tân" vẫn không thể thay đổi. Vì thế, khi Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương - 981 trong vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa của Việt Nam, gây bức xúc trong xã hội, "Việt Tân" ngõ thời cơ đã đến, vội tiến hành các hoạt động mà bắt đầu là chỉ đạo tay chân vận động, rồi núp dưới danh nghĩa "20 tổ chức xã hội dân sự" kêu gọi biểu tình ngày 11-5. Sau đó, bất chấp việc chính quyền khuyến cáo mọi công dân không biểu tình trái pháp luật, "Việt Tân" vẫn cứ ra sức kêu gọi "tổng biểu tình trên toàn quốc" vào ngày 18-5 với hy vọng sẽ kích động, biến các cuộc biểu tình thành bạo loạn trên

khắp cả nước khiến chính quyền không thể kiểm soát! Nên thử hỏi, ba người bị bắt quả tang khi đang "tác nghiệp" ở khu công nghiệp Đồng Nai đều công khai cỗ súy "lời kêu gọi tổng biểu tình" của "Việt Tân", bày tỏ quyết tâm "lật đổ chế độ", sử dụng cả logo của "Việt Tân" trong hoạt động,... lại không liên quan đến tổ chức khủng bố này hay sao? Tất nhiên, vai trò, tính chất hành vi mộc női, nhận sự hỗ trợ của "Việt Tân" để kích động biểu tình gây hậu quả đến đâu, đã làm những gì, bao gồm những kẻ nào,... còn phải chờ kết quả điều tra của cơ quan công an Đồng Nai. Dẫu vậy thì cái đầu "bệnh hoạn, hoang tưởng" của mấy "nhà dân chủ" dựa vào thông tin này để sản xuất các luận điệu xuyên tạc, vu cáo chính quyền nên tinh táo. Quá nhiều lần họ la lối thất thanh rồi rốt cuộc phải nhận sự bẽ bàng. Như đầu năm 2014, họ rền rĩ "trăn trở", hè nhau dựng đứng sự kiện "blogger Dũng Akudu bị công an bắt cóc", rồi tối khi Tòa án nhân dân quận Đồng Đa (Hà Nội) tuyên bản án ba năm tù cho người này thì tất cả đều im phăng phắc!

BỘ MẶT THẬT CỦA MỘT NGƯỜI TỰ NHẬN LÀ "YÊU NƯỚC"*

LAM SƠN

Ngày 1-6, trên internet xuất hiện "thông báo" của một người có tên là Nguyễn Đình Thắng về việc thành lập cái gọi là "Liên minh cho một Việt Nam tự do và dân chủ" (CFDV); sau đó, người này công bố bức thư tên là "tin vui" để hỉ hả đưa ra "tin vịt" về việc "hứa hẹn nhiều thay đổi" trong quan điểm của chính quyền Mỹ! Ở hai văn bản này, Nguyễn Đình Thắng coi việc chủ quyền đất nước bị xâm phạm là "cơ hội bất ngờ và hân hữu để đẩy nhanh tiến trình dân chủ hóa đất nước" (!), đồng thời lặp lại các luận điệu khác để lừa bịp cộng đồng người Mỹ gốc Việt và kiểm xác từ các dự án "dân chủ, nhân quyền".

Cuối những năm 90 của thế kỷ trước, cộng đồng người Mỹ gốc Việt đã biết tới Nguyễn Đình Thắng và tổ chức có tên "Ủy ban Cứu người vượt biển" (BPSOS) chủ yếu vì có hành vi lừa đảo. Từ năm 1999 đến năm 2005, Nguyễn Đình Thắng, Ngô Thị Hiền cùng một số đối tượng khác tổ chức nhiều đợt vận động cộng đồng người Việt ở nước ngoài "quyên tiền ủng hộ đồng bào lũ lụt trong nước", mà thực chất là bịp bợm. Bị phát giác, Thắng và Hiền tìm mọi cách che đậy và đe dọa người tố cáo. Ông Hoài Thanh - bút danh Vân Nam, chủ báo *Đại chúng* phát hành trong cộng đồng người Việt ở

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 1-7-2014.

Mỹ, đã viết 22 bài tố cáo, lên án Thắng và Hiền từ năm 1998 đến năm 2001 đã tổ chức hàng chục đợt quyên góp nhưng số tiền quyên góp không rõ ràng; số tiền gửi về nước để chu cấp cho một số đối tượng chống đối không quá một phần ba số tiền quyên góp, còn lại thì chia nhau tiêu xài. Để đối phó, từ năm 2001 đến năm 2006 một mặt lợi dụng đài phát thanh của Ngô Ngọc Hùng nhằm vu cáo, chụp mũ để hạ uy tín, làm ảnh hưởng tới khả năng tài chính của ông Hoài Thanh, mặt khác Thắng và Hiền làm đơn kiện ông Hoài Thanh và báo *Đại chúng* nhiều lần song không thành. Tháng 10-2008, ông Hoài Thanh đã tiến hành kiện ngược lại nhóm Ngô Thị Hiền vì vô cớ làm ảnh hưởng đến danh dự, tinh thần, vật chất và yêu cầu phải bồi thường. Ngày 21-9-2011, Tòa án quận Montgomery (bang Maryland, Hoa Kỳ), đã ra phán quyết cuối cùng, theo đó phía ông Hoài Thanh thắng kiện, bên bị phải đền bù cho bên nguyên 1.000.000 USD!

Với bản chất "chống cộng" và là kẻ chủ mưu trong nhiều hoạt động chống phá Việt Nam, Nguyễn Đình Thắng luôn tìm cách lợi dụng quan điểm, chính sách của Mỹ với Việt Nam trên lĩnh vực dân chủ, nhân quyền, triệt để khai thác các vấn đề bức xúc ở trong nước để tìm kiếm tài trợ, khuếch trương thanh thế, đánh bóng tên tuổi và trực lợi cá nhân. Sau khi vượt biên sang Mỹ năm 1978, Thắng lần lượt tham gia các tổ chức "Ủy ban Cứu trợ người vượt biển", "Ủy ban Tự do tôn giáo cho Việt Nam" (CRFV), "Liên minh bài trừ nô lệ mới tại châu Á" (CAMS) và trở thành kẻ có vai trò cầm đầu.

Thời gian qua, y liên tục tiến hành các hoạt động phá hoại quan hệ Việt - Mỹ và sự ổn định an ninh chính trị ở Việt Nam. Lợi dụng danh nghĩa hoạt động "từ thiện, nhân đạo, trợ giúp người tị nạn", Nguyễn Đình Thắng sử dụng các nguồn tài trợ vào hoạt động tập hợp lực lượng, kích động cộng đồng phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam.

BPSOS của Nguyễn Đình Thắng liên kết với tổ chức khủng bố "Việt Tân" của Đỗ Hoàng Diêm hỗ trợ tài chính cho số đối tượng vi phạm pháp luật Việt Nam, tuyên truyền lôi kéo một số người tụ tập gây rối, phá hoại trật tự, an toàn xã hội. Nguyễn Đình Thắng còn cấu kết với "Quỹ người Thượng" - một tổ chức có khuynh hướng khủng bố của Ksor Kok, để kích động vượt biên xin tị nạn tại Mỹ, đòi thành lập cái gọi là "nhà nước Đêga (Degar) tự trị", lôi kéo đồng bào người Thượng tại Mỹ biểu tình chống Chính phủ Việt Nam...

Triết lý khai thác những điểm còn khác biệt trong vấn đề tôn giáo, dân chủ, nhân quyền giữa Việt Nam và Mỹ, Nguyễn Đình Thắng thường xuyên trá hình trọn vu cáo Việt Nam trên một số diễn đàn quốc tế. Nhân sự kiện Việt Nam thực hiện báo cáo định kỳ phổ quát (UPR) lần thứ hai tại Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc, Nguyễn Đình Thắng tìm mọi cách kích động, kêu gọi một số đối tượng chống đối ở trong và ngoài nước gửi khuyến nghị để xuyên tạc tình hình.

Trước đó, y còn có một số hoạt động như: chuẩn bị hồ sơ để một số người gửi Ủy ban về tình trạng buôn bán phụ nữ của Liên hợp quốc, Tổng Liên đoàn Lao động quốc tế (ITUC) nhằm vu cáo Việt Nam "vi phạm nhân quyền" (tháng 7-2013); giật dây tổ chức "Liên hiệp bàn trị sự hội Thánh em", "Tín đồ Cao Đài tòa thánh Tây Ninh hải ngoại" gửi hồ sơ xuyên tạc, vu cáo chính quyền Việt Nam "đàn áp tôn giáo", cố tình cản trở Việt Nam ứng cử làm thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (tháng 10-2013)...

Đặc biệt, tháng 5-2011, tại Diễn đàn nhân dân ASEAN 2011 (APF 7) tổ chức ở Indônêxia, Nguyễn Đình Thắng và một số đối tượng như Võ Trần Nhật (con trai Võ Văn Ái), Lê Duy Cẩn (đến từ Canada), Grover Joseph Rees, cựu Đại sứ Mỹ tại Timo Lexte, phát biểu vu cáo Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền, không bảo vệ quyền của người lao động ở nước ngoài, đồng thời tán phát khoảng 20 tài liệu do Võ Trần Nhật biên soạn, trong đó xuyên tạc trắng trợn tình hình ở Việt Nam.

Lợi dụng các vấn đề liên quan đến người lao động Việt Nam ở nước ngoài, Nguyễn Đình Thắng cùng các tổ chức do y đứng đầu liên tục xúi giục, kích động, lừa đảo công nhân Việt Nam đang lao động ở một số nước đình công, bỏ việc, tạo cớ xin tị nạn; sau đó BPSOS hỗ trợ số người này kiện các công ty xuất khẩu lao động của Việt Nam về "hành vi buôn người, các công ty nước ngoài vi phạm hợp đồng"! Tháng 9-2010, Nguyễn Đình Thắng phối hợp với Đài Truyền hình VAN TV phát phỏng vấn Vũ Phương Anh - công nhân Việt Nam đi xuất khẩu lao động ở Gioócdani đã bỏ trốn, hiện cư trú ở Huston (bang Texas, Hoa Kỳ). Trả lời phỏng vấn, Vũ Phương Anh bịa đặt về điều kiện lao động, đời sống tồi tệ của công nhân Việt Nam ở Gioócdani, vu cáo cơ quan chức năng của Việt Nam không quan tâm, không có biện pháp thích đáng bảo vệ quyền lợi cho người lao động! Về hình thức, việc làm của Nguyễn Đình Thắng được y và "tổ chức" của y tự coi là đấu tranh vì quyền lợi của người lao động Việt Nam, song mục đích ý đồ thực sự là tuyên truyền, vu cáo Nhà nước Việt Nam, tạo lý do để xin tài trợ của các tổ chức phi chính phủ, của các cơ quan có liên quan của chính quyền Mỹ.

Lợi dụng sự phát triển của internet, từ đầu năm 2012 đến nay, Nguyễn Đình Thắng liên tục phát động các chiến dịch ký "thỉnh nguyện thư" mà mở đầu là sự kiện tháng 3-2012, y liên kết với Trúc Hô (đài SBTN) phát động trên diễn đàn "We - The People" thuộc website của Nhà Trắng, kêu gọi chính quyền Mỹ gây áp lực đòi Việt Nam "trả tự do cho tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm"; vu cáo Nhà nước Việt Nam "vi phạm dân chủ, nhân quyền"; yêu cầu Chính phủ Mỹ chấm dứt hoạt động thương mại song phương với Việt Nam... Bằng nhiều thủ đoạn khác nhau, Thắng thu thập đủ số lượng chữ ký cần thiết, để rồi kết quả đưa lại là sự bẽ bàng. Sau thất bại, Thắng tiếp tục phát động chiến dịch "người Mỹ gốc Việt đòi tài sản" trên diễn đàn "We - The People" kiến nghị chính

quyền Mỹ gây sức ép đòi Nhà nước Việt Nam trao trả lại tài sản (nhà ở, đất đai) cho công dân Mỹ gốc Việt bị quốc hữu hóa sau ngày 30-4-1975 (!). Y còn lôi kéo cộng đồng người Việt tại Mỹ ký vào "thỉnh nguyện thư" tham gia "ngày vận động cho Việt Nam" do y tổ chức vào ngày 4-6-2013; phát động chiến dịch ký tên vào "thỉnh nguyện thư" gửi Tổng thống B. Obama đòi chính quyền Mỹ gây sức ép với Việt Nam nhân chuyến thăm Mỹ của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang hồi tháng 7-2013.

Thông qua việc phát động đủ các loại "chiến dịch ký thỉnh nguyện thư", một mặt, Nguyễn Đình Thắng âm mưu tìm kiếm cơ hội "kinh doanh dân chủ, nhân quyền", tô vẽ hình ảnh cá nhân và các "tổ chức" do y đứng đầu trước cộng đồng người Việt ở Mỹ, trước các quan chức chính quyền, Quốc hội Mỹ; mặt khác, chính những việc làm này là cơ sở giúp y thực hiện ý đồ lung lạc, lôi kéo một bộ phận lớp trẻ người Mỹ gốc Việt, vốn ít quan tâm đến các vấn đề chính trị ở Việt Nam, dần dần tham gia vào các hoạt động do Nguyễn Đình Thắng tổ chức! Âm mưu, tham vọng của Nguyễn Đình Thắng và các "tổ chức" do y cầm đầu đã bị cộng đồng người Việt ở nước ngoài từng bước nhận diện, vạch trần. Họ biết Nguyễn Đình Thắng lợi dụng các hoạt động dưới danh nghĩa "hỗ trợ" cộng đồng để trục lợi cá nhân. Họ hiểu mục tiêu của y không phải vì lợi ích của cộng đồng mà cốt tạo tiếng tăm, từ đó dễ bê kiếm tiền. Gần đây, sau khi Nguyễn Đình Thắng công bố thư "tin vui", trên trang sachhiem của người Mỹ gốc Việt đã có người nhắn tới Nguyễn Đình Thắng và đồng bọn: "Chớ nhận vơ là "yêu nước", vì tay sai thì không bao giờ biết yêu nước là gì"! Đáng tiếc, vẫn có một bộ phận trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài và một số chính khách Hoa Kỳ vì những lý do khác nhau vẫn chưa nhận rõ bộ mặt thật của Nguyễn Đình Thắng, mà còn tiếp tay cho các hoạt động chống phá của y.

THÚC ĐẨY NHÂN QUYỀN HAY CAN THIỆP VÀO CÔNG VIỆC NỘI BỘ?*

TUẤN HƯNG

Những năm qua, một trong các yếu tố tạo nên uy tín của Việt Nam trong quan hệ quốc tế là việc Nhà nước Việt Nam luôn khẳng định quan điểm tiến bộ, tích cực về nhân quyền, đồng thời cố gắng tạo điều kiện để mọi người dân được hưởng các quyền của mình và trên thực tế, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu nhân quyền không ai có thể phủ nhận. Tuy nhiên, không phải khi nào hoạt động này cũng nhận được sự hợp tác thiện chí từ một số quốc gia.

Tai phiên họp cấp cao khóa 16 Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc ở Geneva, khi Việt Nam lần đầu chính thức tuyên bố ứng cử làm thành viên nhiệm kỳ 2014-2016 của tổ chức này, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh khẳng định: Nhà nước Việt Nam quyết tâm thực hiện mục tiêu "tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và Nhà nước pháp quyền, các quyền con người ở Việt Nam ngày càng được tăng cường", "phấn đấu cùng cộng đồng quốc tế thúc đẩy việc hưởng thụ và bảo vệ nhân quyền cho nhân dân các nước". Không chỉ bằng những tuyên bố, mà qua nhiều việc làm, thành tích cụ thể trong thúc đẩy nhân quyền, Việt Nam đã nhận được sự tín nhiệm, ủng hộ của các chính phủ, và dư luận rộng rãi trên thế giới. Ngày 12-11-2013, Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 68

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 19-8-2014.

đã bầu Việt Nam làm thành viên mới của Hội đồng Nhân quyền, với 184 nước ủng hộ trong số 193 nước tham gia bỏ phiếu. Trong phiên Kiểm điểm định kỳ phổ quát (UPR) tháng 2-2014, việc Việt Nam chấp thuận hơn 80% số khuyến nghị các quốc gia đưa ra đã thể hiện quyết tâm, thiện chí thúc đẩy, hòa đồng các giá trị nhân quyền với thế giới. Bên cạnh các hoạt động này, Việt Nam còn tích cực hợp tác với nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế để phát huy các giá trị nhân quyền tốt đẹp, phù hợp đạo đức, thuần phong mĩ tục, lợi ích dân tộc, mở ra các kênh đối thoại, tổ chức hội thảo để chia sẻ kinh nghiệm với các quốc gia ở các cấp độ khác nhau, như hội thảo chia sẻ kinh nghiệm châu Âu về bảo vệ, thúc đẩy quyền con người, diễn ra vào tháng 6-2013 tại Quảng Ninh.

Chính vì thế, dư luận Việt Nam rất bức xúc khi thấy một số cơ quan truyền thông và tổ chức quốc tế, một số cá nhân và chính phủ như cố tình bỏ qua các quan điểm tích cực cùng thành tựu nhân quyền ở Việt Nam, mà phê phán thiếu thiện chí, thậm chí coi nhân quyền là điều kiện để xúi tiến các quan hệ. Như ngày 30-7, Đại sứ quán Ôxtrâylia cùng Đại sứ quán Hoa Kỳ, EU, nhóm G4 (Canada, Niu Dilân, Na Uy, Thụy Sĩ) đã tổ chức tại trụ sở Đại sứ quán Ôxtrâylia ở Hà Nội hội thảo "Truyền thông phi nhà nước ở Việt Nam trong thời kỳ hiện nay". Diễn biến hội thảo cho thấy, dường như diễn giả và phần lớn ý kiến phát biểu ít phù hợp với chủ đề "hội thảo luận về truyền thông phi nhà nước ở Việt Nam trong thời kỳ hiện nay, kể cả những phương tiện truyền thông mới như các blog", "xã hội dân sự có thể sử dụng phương tiện truyền thông mới như thế nào để thúc đẩy nhân quyền trong khuôn khổ của hệ thống chính trị Việt Nam", mà chủ yếu phê phán thiếu thiện chí, thiếu xây dựng đối với vấn đề được đặt ra; tập trung đề cập tới việc Nhà nước Việt Nam "đàn áp tự do ngôn luận", xử phạt một số trang mạng cá nhân đã "phê bình, chỉ trích Chính phủ", xử lý

người gây rối an ninh - trật tự, cho rằng cuộc sống của một vài cá nhân gặp khó khăn là do cơ quan công quyền sách nhiễu,...? Về hiện tượng này, blogger Võ Khánh Linh nhận xét: "Hội thảo có vẻ như đã vượt ra khỏi giới hạn bày tỏ sự ủng hộ với thiện chí của Nhà nước Việt Nam đối với khuyến nghị của Ôxtrâylia trong việc tạo môi trường thúc đẩy tự do ngôn luận, nó dường như hướng đến việc Ôxtrâylia muốn "tranh thủ" việc này để "tạo môi trường hợp pháp" từ đặc quyền ngoại giao về trụ sở của mình cho những kẻ vi phạm pháp luật Việt Nam với mục đích chống Nhà nước, xâm phạm an ninh quốc gia được phát biểu lên án chính quyền dưới lá bài hộ mệnh về cái gọi là "tự do ngôn luận"..."!?

Lý do khiến dư luận bức xúc không chỉ do nội dung của hội thảo, mà còn do danh sách khách mời và cách thức mà nơi tổ chức bày tỏ. Vì về công khai, khách mời là dành cho quan chức chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội dân sự nhưng trên thực tế, dường như họ lại dành "biệt đãi" cho một số blogger mà Chính phủ, hệ thống truyền thông và người dân Việt Nam từng công khai phê phán, thậm chí có người trong số họ từng bị pháp luật xử lý vì xâm phạm tới an ninh quốc gia. Chẳng lẽ Đại sứ quán Ôxtrâylia và các đại sứ quán đã phối hợp tổ chức hội thảo lại không biết gì về một số cá nhân, hội nhóm chỉ tồn tại trên internet thường xuyên đe dọa tới tình hình dân chủ, nhân quyền ở Việt Nam với kiểu đưa tin cực đoan, một chiêu, rất thiếu khách quan nhằm phục vụ ý đồ chính trị xấu, đặc biệt là được sự chỉ đạo của các đảng phái, hội nhóm thù địch với Việt Nam ở nước ngoài, như "tổ chức khủng bố Việt Tân", "Voice", "Dân làm báo",... Những người này đã đi ngược lại lợi ích dân tộc, đưa thông tin sai lệch nhằm tác động để nước ngoài can thiệp vào các vấn đề nội bộ của Việt Nam, để họ có cơ hội lật đổ thể chế chính trị, gây rối loạn đất nước.

Trước hội thảo này, một số hội thảo khác đã được tổ chức có sự tham dự của một số đại diện cơ quan ngoại giao nước ngoài ở Việt Nam, như hội thảo "Cơ chế kiểm điểm định kỳ phổ quát: Chia sẻ kinh nghiệm quốc tế" tại trụ sở EU ngày 20-5-2014, thậm chí cả cái gọi là hội thảo "Quyền tự do đi lại" do một số kẻ trong cái gọi là "nhóm Tuyên bố 258" tổ chức tại một quán cà phê ở Hà Nội. Các hoạt động này thường không hoàn toàn hướng tới giá trị thiết thực là chia sẻ kinh nghiệm thúc đẩy giá trị nhân quyền như công bố, mà dường như chỉ hướng tới việc cổ súy các thành phần hoạt động tuyên truyền chống Nhà nước Việt Nam? Bên cạnh cái gọi là hội thảo, gần đây còn thấy đại diện một số cơ quan ngoại giao nước ngoài ở Việt Nam như đang gia tăng tiếp xúc với một số phần tử chống đối. Nội dung các cuộc gặp luôn được chính các thành phần đã được "ưu ái tiếp xúc" quảng cáo rầm beng trên internet mà qua đó cho thấy, mục đích là kêu gọi một số quốc gia gây sức ép để buộc Chính phủ Việt Nam thừa nhận những tổ chức bất hợp pháp, trả tự do cho các đối tượng vi phạm pháp luật đang thi hành án, cung cấp và hỗ trợ về tinh thần, vật chất giúp mấy hội nhóm này "đấu tranh bất bạo động"! Và gấp xong là họ liền vội vã khoe khoang như thành công đáng khích lệ, cổ vũ nhau hoạt động bất chấp quy định pháp luật và sự bức xúc của dư luận, thậm chí rầm beng rằng "chế độ sắp đến ngày sụp đổ", "thời cơ cách mạng đã chín muồi"!

Theo pháp luật Việt Nam, các hội thảo do cơ quan, tổ chức quốc tế tiến hành tại Việt Nam phải tuân thủ Quyết định về việc tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam - số 76/2010/QĐ-TTg được Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ký ngày 30-11-2010. Trong đó, tại khoản 3, Điều 3 viết rõ: "Tổ chức nước ngoài khi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế phải thực hiện theo quy trình sau: a. Có kế hoạch tổ chức trình cấp có thẩm quyền nêu tại khoản 2, Điều 3 của Quyết định này phê duyệt. Thời hạn trình ít nhất là 20 ngày trước ngày dự

kiến tổ chức. Kế hoạch tổ chức cần nêu rõ: Lý do, danh nghĩa tổ chức, mục đích của hội nghị, hội thảo; thời gian và địa điểm tổ chức hội nghị, hội thảo; địa điểm tham quan, khảo sát (nếu có); hình thức và công nghệ tổ chức (trong trường hợp hội nghị, hội thảo trực tuyến); nội dung, chương trình làm việc và các hoạt động bên lề hội nghị, hội thảo; thành phần tham gia tổ chức: cơ quan phía nước ngoài, cơ quan phía Việt Nam, cơ quan tài trợ (nếu có); thành phần tham dự: số lượng và cơ cấu thành phần đại biểu, bao gồm cả đại biểu có quốc tịch nước ngoài và đại biểu Việt Nam.

Sau khi nhận được kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, cấp có thẩm quyền lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, địa phương liên quan; ra quyết định việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế theo đề nghị của các tổ chức nước ngoài hoặc trình Thủ tướng Chính phủ nếu vượt quá thẩm quyền của mình. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. b. Tiến hành hội nghị, hội thảo theo đúng chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. c. Gửi báo cáo tóm tắt kết quả hội nghị, hội thảo cho cấp có thẩm quyền trong phạm vi 15 ngày kể từ khi kết thúc hội nghị, hội thảo".

Trên thực tế, cơ quan có trách nhiệm của Việt Nam đã lên tiếng rằng, Việt Nam không hoan nghênh tổ chức hội thảo, và coi đây là hành động can thiệp vào công việc nội bộ. Vậy bằng việc làm đó, phải chăng một số cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Hà Nội không chỉ không tôn trọng pháp luật Việt Nam, cố ý can thiệp vào vấn đề nội bộ, tạo điều kiện "hợp thức hóa" một số cá nhân, tổ chức đang có hoạt động chống phá Nhà nước Việt Nam, mà còn vi phạm chính nguyên tắc ngoại giao được quy định tại Điều 41 - Công ước Viên năm 1961, trong đó các nhân viên ngoại giao: "1. Không làm phương hại đến các quyền ưu đãi và miễn trừ

của mình, tất cả những người hưởng các quyền đó có nghĩa vụ lớn trong luật lệ của Nước tiếp nhận. Họ cũng có nghĩa vụ không được can thiệp vào công việc nội bộ của Nước tiếp nhận",... "3. Trụ sở của cơ quan đại diện không được đem sử dụng một cách không phù hợp với các chức năng của cơ quan đại diện đã được nêu trong Công ước này hoặc trong những quy phạm khác của công pháp quốc tế, hoặc trong những hiệp định riêng hiện hành giữa Nước cử đi và Nước tiếp nhận"? Trên cơ sở lợi ích quan hệ được xây dựng, vun đắp nhiều năm giữa Việt Nam với các quốc gia, mong các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài nêu trên cân nhắc kỹ lưỡng hơn, cẩn trọng hơn để không tái diễn các hoạt động tương tự. Đồng thời, hy vọng các cơ quan chức năng của Nhà nước cần có phản hồi mạnh mẽ, để cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài nào đó trước khi tiến hành bất cứ hoạt động gì cũng cần phải tôn trọng pháp luật Việt Nam cũng như tôn trọng các nguyên tắc ngoại giao theo quy định quốc tế.

NGƯỜI NÓI ĐỒI NHẤT ĐỊNH SẼ THẤT BẠI!*

HÔ NGỌC THẮNG

Mấy ngày gần đây, qua internet tôi thấy RFI, RFA và một số blogger đưa tin "Quốc hội Đức điều trần về nhân quyền ở Việt Nam và blogger anh Ba Sàm". Về sự kiện này, ngày 5-11-2014, trả lời phỏng vấn RFI, Vũ Quốc Dụng - người được coi phụ trách cái gọi là "mạng lưới người bảo vệ nhân quyền" đã đưa ra những lời lẽ rất tự tin. Theo thói quen của một người làm trong ngành luật, tôi rà soát các báo ở khu vực tiếng Đức xuất bản cùng thời gian thì không thấy báo nào đề cập, tôi tra cứu trang mạng của Quốc hội Đức (Deutscher Bundestag). Trên trang này, người quan tâm có thể đọc tin về mọi phiên điều trần do các ủy ban thuộc Quốc hội Đức thực hiện, hoặc theo dõi lịch làm việc để biết cuộc điều trần nào sẽ được tiến hành trong các tuần tiếp theo. Ở đó, tôi cũng không tìm thấy thông tin nào có nội dung như ông Vũ Quốc Dụng công bố. Tra cứu trên trang cá nhân của các đại biểu Quốc hội Đức có liên quan, ngoài trang mạng của bà Sabine Bézing-Lichtenthaler có đề cập, còn lại đều không đưa tin. Bà S.B. Lichtenthaler là cựu ủy viên Ủy ban Nhân quyền Quốc hội Đức, mới thôi làm đại biểu Quốc hội để đảm nhận nhiệm vụ khác ở một tiểu bang, ngày 28-10-2014, trang cá nhân của bà đăng một thông cáo báo chí (Pressemitteilung - trong tiếng Đức, Mitteilung

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 11-11-2014.

nghĩa là tin hay thông cáo, Presse là báo chí). Bà kể, ông Vũ Quốc Dụng đã liên hệ để bà tiếp xúc với Lê Thị Minh Hà (vợ ông Nguyễn Hữu Vinh - người bị bắt vì phạm tội theo Điều 258 - Bộ luật Hình sự Việt Nam). Và bà cho biết, tháng 11 sẽ có một "cuộc hẹn" (Termin) với vài đại biểu Quốc hội để bàn bạc về trường hợp này. Tuy nhiên, không tờ báo nào ở khu vực tiếng Đức đăng thông cáo báo chí của bà S.B. Lichtenhéler. Điều đó là rất dễ hiểu, vì ở Cộng hòa Liên bang Đức, mọi người dân, kể cả người nước ngoài, đều có thể liên hệ gặp các đại biểu Quốc hội để trình bày nguyện vọng, mong muốn của mình. Cho nên mỗi năm, một đại biểu Quốc hội Đức tiếp rất nhiều người, mỗi người đến gặp đều có vấn đề riêng.

Trong các hoạt động quan trọng tại Quốc hội Đức, có hai hoạt động rất được chú ý trước khi biểu quyết là điều trần ở ủy ban, tranh luận ở Quốc hội. Đặc biệt là một vấn đề nào đó có được đưa ra điều trần hay không phụ thuộc vào khá nhiều yếu tố. Theo tài liệu phổ biến ngày 4-11-2014 cùng các ngày trước và sau đó, tại Ủy ban Nhân quyền và Quốc hội Đức không có phiên điều trần nào về "nhân quyền ở Việt Nam" nói chung, về "blogger anh Ba Sàm" nói riêng. Chẳng nhẽ một phiên điều trần tổ chức tại Quốc hội mà báo chí Cộng hòa Liên bang Đức không biết, chỉ có RFI, RFA và ông Vũ Quốc Dụng thì mới biết hay sao? Việc công bố thông tin về một sự kiện không đúng sự thật, liệu có phải do nhầm lẫn từ ngữ, hay xuất phát từ chủ ý tạo dựng, thổi phồng? Những ai ở Cộng hòa Liên bang Đức quan tâm đến Việt Nam đều biết mấy chục năm qua ông Vũ Quốc Dụng từng công bố nhiều bài viết phê phán Nhà nước Việt Nam bằng tiếng Đức và tiếng Việt. Là người sử dụng thành thạo tiếng Đức như ông, khó có thể phạm sai sót ngôn ngữ khi viết bài công bố trên báo chí, hay trả lời phỏng vấn (trừ khi cố tình nhầm lẫn nhằm đạt mục đích riêng). Ngay cả việc đăng bức ảnh chụp chung với một đại biểu Quốc hội Đức cũng không thể nói

lên điều gì, đơn giản vì bức ảnh không cung cấp thông tin liên quan, không cho biết một phiên điều trần đã tổ chức và diễn biến cụ thể ra sao. Như vậy, họ làm rùm beng một sự kiện không có trong thực tế để làm gì?

Giữa tháng 10-2014, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và phái đoàn Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tới thăm các nước Bỉ, Đức, Italia và Tòa thánh Vatican. Như báo, đài của nhiều nước đã đưa tin, khi hội đàm, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng không hề né tránh các vấn đề được cho là "nhạy cảm", như nhân quyền và dân chủ. Phát biểu tại Viện Côte (Korbe) ở Cộng hòa Liên bang Đức, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nhấn mạnh: "Quyền con người, tự do và dân chủ là nhu cầu tự nhiên của nhân loại. Việt Nam cũng không ngoại lệ. Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực xây dựng Nhà nước pháp quyền cũng như thể chế kinh tế thị trường hướng đến bảo đảm quyền tự do cho mọi công dân trên tất cả các lĩnh vực. Tất cả các mục tiêu này đều quy định rõ trong Hiến pháp". Ngày 15-10-2014, Quốc hội Đức công bố thông báo chí có nhan đề "Chủ tịch Quốc hội Lammert: Việt Nam cũng tiếp tục phát triển dân chủ". Thông báo cho biết, Chủ tịch Quốc hội Đức bộc lộ mong đợi của mình là Việt Nam tiếp tục phát triển không chỉ về kinh tế, mà còn cả trong cơ cấu dân chủ và nhà nước pháp quyền. Tại cuộc gặp Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, ông Lammert nhấn mạnh vai trò nổi bật của Việt Nam trong tư cách là một đối tác chính trị, kinh tế của Cộng hòa Liên bang Đức ở châu Á; đầu năm 2015, Chủ tịch Quốc hội Cộng hòa Liên bang Đức sẽ tới Việt Nam tham dự Hội nghị thường niên của Liên minh nghị sĩ. Nhân dịp này, ông cũng nhắc tới việc Cộng hòa Liên bang Đức là thành viên đầu tiên của EU phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do giữa EU và Việt Nam.

Ngày 14-10-2014, đúng ngày Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đến Cộng hòa Liên bang Đức, tờ *Zeit* (Thời gian) đăng bài "Việt Nam không phải lo bị nhắc nhở", với ý tưởng chính là Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức sẽ không đưa vấn đề nhân quyền và dân chủ ra bàn bạc. Theo tác giả, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng là người khi còn trẻ đã cầm súng tham gia kháng chiến, trưởng thành trong Đảng Cộng sản, hiện nay là người được nhiều chính trị gia, nhà quản lý ở phương Tây muôn gắp gỡ. Ông và Thủ tướng Đức - bà Merkel, khi gặp nhau chắc chắn sẽ trò chuyện về việc phát triển quan hệ giữa hai quốc gia; trước đó ba năm, hai người đã ký Tuyên bố chung Hà Nội và hai bên mong muốn phát triển quan hệ đối tác chiến lược trên các lĩnh vực chính trị, văn hóa và kinh tế. Cũng dịp này, nhiều người Đức đã viết thư tới tòa soạn tờ *Zeit* để trình bày quan điểm của mình. Một trong số các thư tòa soạn đăng tải có đoạn: "Tôi thấy khó chịu khi chúng ta phải thường xuyên vươn mình trước mặt người khác để chỉ ra rằng mình là thợ cỏ của họ. Tôi cảm thấy khủng khiếp khi chúng ta muốn thể hiện mình là một thần thánh như thế nào. Một thần thánh định đoạt toàn thế giới và muốn nói với người khác là họ phải sống theo lý tưởng của chúng ta. Tôi không biết hết các trường hợp cụ thể, nhưng có thể ở một trường hợp nào đó, có điểm này điểm nọ có thật, nhưng nhiều sự việc được cố tình thổi phồng lên để cho chúng ta cảm nhận thấy mình trở lại là ông hoàng của thế giới này".

Suy nghĩ của bạn đọc tờ *Zeit* là chính xác không chỉ từ tình cảm mà còn về pháp lý, vì phù hợp với luật lệ quốc tế. Theo luật quốc tế, một nhà nước độc lập có chủ quyền được phép đưa ra các quy định để duy trì chế độ xã hội của mình. Việc đưa ra các quy định đó gọi là "công việc nội bộ của quốc gia". Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên bố của Liên hợp quốc về các nguyên tắc của luật

pháp quốc tế công bố năm 1970, Tuyên bố của Liên hợp quốc về nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác công bố năm 1982 đều khẳng định "nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác". Không chỉ ở Việt Nam, mà các nước, trong đó có Cộng hòa Liên bang Đức, đều đưa ra những quy định pháp lý, có biện pháp tương tự để duy trì chế độ pháp lý, chính trị của mình, để bảo vệ quyền lợi chính đáng của công dân sống trong cùng điều kiện chính trị, xã hội. Vì vậy, phê phán và đòi hỏi hủy bỏ một số điều trong Bộ luật Hình sự Việt Nam là việc làm phi lý, thiếu khách quan, không thể chấp nhận.

Những gì Vũ Quốc Dụng và cộng sự trong cái nhóm tự xưng là "mạng lưới người bảo vệ nhân quyền" ở Cộng hòa Liên bang Đức, tự đặt tên là VETO (!), đã và sẽ không gây được ảnh hưởng trong việc vận động các quốc gia và tổ chức chống lại Việt Nam. Và chắc chắn sẽ thất bại như việc các hội nhóm chống cộng là người Mỹ gốc Việt liên tục gửi "thỉnh nguyện thư" tới Nhà Trắng yêu cầu này nọ, mà kết quả may lắc là được tiếp xúc xã giao với mấy nhân viên Nhà Trắng, rồi tất cả nhanh chóng hạ màn, chỉ vài ngày sau là đã rơi vào quên lãng. Trên thực tế, với những gì diễn ra trong thời gian qua cũng đủ cơ sở bảo đảm cho nhận định về sự thất bại của việc làm mà một số người như Vũ Quốc Dụng đã tiến hành. Đó là sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế đối với những thành tựu to lớn mà Đảng Cộng sản, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã đạt được trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, từng bước nâng cao đời sống toàn dân; đó là các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước Việt Nam được chào đón nồng nhiệt tại nhiều quốc gia, lãnh đạo nhiều quốc gia trên thế giới đến thăm Việt Nam; đó là rất nhiều văn bản hợp tác kinh tế, văn hóa,... giữa Việt Nam với nhiều quốc gia trên thế giới đã được ký kết...

Về nhân quyền, thời gian qua, dù một số người ráo riết thực

hiện các chiến dịch vận động, tổ chức họp báo, hội luận, hội thảo, thậm chí là tài trợ cho một vài người từ Việt Nam sang châu Âu để tuyên truyền nhằm "tăng thêm sức nặng", cố gắng làm lạc hướng những ai chưa nắm bắt đầy đủ, hoặc chưa hiểu rõ các thành tựu nhân quyền ở Việt Nam, để từ đó không bỏ phiếu cho Việt Nam thì họ vẫn thất bại, vì không thể ngăn cản việc Việt Nam trở thành thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2014 - 2016. Họ thất bại vì dư luận quốc tế và chính phủ các nước trên thế giới đã nhận ra sự dối trá trong các hoạt động chống đối, bất chấp sự thật của họ. Họ thất bại vì sự thật, chân lý không bao giờ thuộc về họ. Ngạn ngữ Đức có câu "Lügen haben kurze Beine", tạm dịch: người nói dối là người có chân ngắn, bởi người chân ngắn thì không thể đi xa, cũng tức là người nói dối nhất định sẽ thất bại!

VÌ SAO TRANG MẠNG CỦA HRW BỊ NGĂN CHẶN TẠI THÁI LAN?*

LAM SƠN

Nhiều năm qua, bằng việc tự nhận sứ mạng "bảo vệ quyền con người trên toàn thế giới", tổ chức Theo dõi nhân quyền (HRW) nhiều lần công bố thông tin xuyên tạc về vấn đề nhân quyền, đưa ra đòi hỏi phi lý, ngạo ngược với chính phủ một số nước, và luôn bị dư luận thế giới phản đối. Trong bối cảnh đó, có thể nói, việc gân đât trang web của HRW bị cấm hoạt động tại Thái Lan chính là một sự cảnh tỉnh đối với HRW.

Theo bản tin trên RFI ngày 29-11 có nhan đề "Thủ tướng Thái ủng hộ việc cấm trang web của Human Rights Watch", ngày 28-11 Thủ tướng Thái Lan Prayut Chan-Ocha cho biết, Bộ Truyền thông và Thông tin của Thái Lan đã ra lệnh cấm trang mạng của tổ chức Theo dõi nhân quyền (Human Rights Watch - HRW) và ông hoàn toàn ủng hộ quyết định này, bởi trang mạng của HRW đã vi phạm các quy định về an ninh quốc gia của Thái Lan, ông coi đó là biện pháp để bảo vệ trật tự cho Thái Lan. Thủ tướng Prayut cũng bác bỏ cáo buộc chính quyền Bangkok đã "khóa miệng" HRW, vì theo ông: "Nếu tự do có nghĩa là tất cả mọi người cùng được quyền viết

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 5-12-2014.

bộp bẹp và thỏa mãn người khác, thì Thái Lan sẽ không tồn tại được". Đồng thời, Thủ tướng Thái Lan cho rằng, HRW cũng như giới truyền thông Thái Lan nên tập trung nhiều hơn tới các sáng kiến chính trị mới của nội các do ông điều hành.

Dư luận thế giới cho rằng, hành động trên được cho là để đáp trả báo cáo ngày 25-11 của HRW về tình hình nhân quyền ở Thái Lan. Vì trong báo cáo này, HRW chỉ trích chính phủ quân sự Thái Lan đã đàn áp nghiêm trọng các quyền tự do cơ bản của con người sau sáu tháng kể từ khi đảo chính (ngày 22-5); thậm chí B. Adam, Giám đốc khu vực châu Á của HRW còn cho rằng, tình hình nhân quyền tại Thái Lan "rơi xuống hố sâu không đáy" vì những người bất đồng chính kiến bị bắt giữ, xét xử bởi tòa án quân sự, truyền thông bị kiểm duyệt, quyền tự do ngôn luận và tự do hội họp bị đàn áp... HRW nhận xét Hội đồng Quốc gia cầm quyền vì hòa bình và trật tự (NCPO) do Thủ tướng Prayut đứng đầu chưa chứng tỏ được bất kỳ dấu hiệu cho thấy sẽ phục hồi thể chế dân chủ tại Thái Lan! Hắn là cái gọi là báo cáo nhân quyền của HRW đã trở thành giọt nước làm tràn ly, bởi liên tục trong các tháng gần đây, lúc thì HRW phê phán việc trừng trị nghiêm khắc tội "khi quân" gia tăng tại Thái Lan; lúc thì cho rằng Thái Lan "giam giữ trẻ em nhập cư vô thời hạn không đúng các tiêu chuẩn đối xử với trẻ em",...

Việc Thái Lan phản đối báo cáo nhân quyền, ngăn chặn trang mạng của HRW là một đòn giáng mạnh vào uy tín vốn từ lâu đã lung lay của tổ chức này. Đây không phải là lần đầu và Thái Lan cũng không phải là quốc gia duy nhất đã bị HRW chỉ trích, đánh giá thiếu công tâm, thậm chí thiên vị, lệch lạc. Nhiều quốc gia trên thế giới, một số tổ chức phi chính phủ (NGOs), giới truyền

thông và ông R.L. Bernstein - một trong các nhân vật sáng lập và là cựu chủ tịch HRW, đã nhiều lần chỉ trích HRW. Có thể chia các chỉ trích đối với HRW thành hai loại, gồm: năng lực nghiên cứu yếu kém, báo cáo thiếu chính xác; thái độ thiên lệch, lợi dụng ý thức hệ. R. Murdoch, ông chủ tờ *The Times* (Thời báo), đã cáo buộc HRW thiếu kiến thức chuyên sâu, đưa tin không chính xác về cuộc chiến tại dải Gada, Ághanistan. Viện Nghiên cứu Monitor thì cáo buộc HRW áp dụng phương pháp luận sai lầm, hiểu sai luật pháp quốc tế; thể hiện sự thiên lệch trong phương pháp thu thập thông tin vì tin tưởng thái quá vào "mắt thấy tai nghe" của những người được họ gắn mác "nhân chứng" trong khi lại bỏ ngoài tai tất cả thông tin do chính quyền cung cấp. Điều này không chỉ xảy ra với trường hợp báo cáo về tình hình nhân quyền ở dải Gada, Ághanistan, mà còn lặp lại với hầu hết báo cáo nhân quyền do HRW tổng kết, đánh giá.

Hằng năm, HRW công bố cái gọi là báo cáo nhân quyền phản ánh tình hình nhân quyền ở gần 100 quốc gia, trong đó có Việt Nam. Điều này sẽ là bình thường nếu HRW có thái độ khách quan, trung thực, thiện chí nhằm đóng góp vào sự phát triển nhân quyền trên thế giới nói chung, và của mỗi quốc gia nói riêng. Nhưng đáng tiếc là thông tin, đánh giá HRW đưa ra chủ yếu có nhặt một chiều, sai sự thật, khiến dư luận đặt câu hỏi đâu là mục đích thật sự của HRW? Phải chăng sau khi tự phong cho mình một "sứ mệnh" là HRW có điều kiện để nấp dưới "vỏ bọc nhân quyền" mà can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của một số quốc gia trên thế giới? Có một vấn đề không thể không quan tâm là nhiều năm qua cái gọi là báo cáo của HRW chỉ tập trung vào các quyền chính trị và dân sự, phớt lờ các quyền kinh tế và xã hội. HRW tuyên bố sứ mệnh của họ là bảo vệ quyền con người trên

toàn thế giới, buộc chính phủ các nước chấm dứt các hình thức lạm quyền, tôn trọng các quy định của luật pháp quốc tế về nhân quyền, cụ thể là Tuyên ngôn nhân quyền Liên hợp quốc, trong đó quy định đầy đủ các quyền chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa. Tuy nhiên, dường như HRW lại không "hài lòng" với các quy định trong Tuyên ngôn nhân quyền Liên hợp quốc khi văn bản này yêu cầu chính phủ các nước phải bảo đảm các quyền kinh tế, xã hội cho người dân, phải chăng vì yêu cầu đó mâu thuẫn với những giá trị mà HRW theo đuổi? Có lẽ những người ở HRW coi việc Tuyên ngôn nhân quyền Liên hợp quốc khẳng định "quyền được ăn, mặc, quyền có chỗ ở, được hưởng các dịch vụ y tế và các dịch vụ xã hội khác" (Điều 25), "quyền được chia sẻ lợi ích của các tiến bộ khoa học" (Điều 27) là việc của cá nhân chứ không phải là trách nhiệm của các chính phủ, nên họ chỉ tập trung theo đuổi, ủng hộ quyền tự do tôn giáo, tự do ngôn luận? Bởi hoạt động của HRW cho thấy họ đã bảo vệ các quyền cơ bản của con người theo những phương cách rất phiến diện.

Có thể nói, do bị tác động nặng nề bởi các quan điểm chính trị nên HRW thường đưa tin sai lệch, có dụng ý để hướng vào các nước không chọn đường đi với phương Tây như Nga, Trung Quốc, Việt Nam, Vénézuela, Bôlivia, Ecuado, Xri Lanca, Êtiôpia; đồng thời tẩy bối các giá trị "tự do, dân chủ" theo kiểu phương Tây. Trong báo cáo nhân quyền năm 2013, HRW chỉ trích Cuba, Vénézuela là các quốc gia có tình trạng nhân quyền tồi tệ nhất khu vực Mỹ Latinh, cáo buộc chính phủ các nước này "lạm quyền, chà đạp các quyền cơ bản của con người" - chủ yếu là các quyền chính trị và dân sự, mà không hề đề cập đến tiến bộ của hai quốc gia này trong khi bảo đảm quyền kinh tế, xã hội, văn hóa cho người dân. Quan tâm đến nhân quyền, chặng lẽ HRW không mấy

may suy nghĩ về việc người dân ở Cuba, Vénéxuela được hưởng nền giáo dục và dịch vụ y tế miễn phí, được bảo đảm nhu cầu chô ở, thực phẩm thiết yếu, hay theo HRW thì đó không phải là thành tích nhân quyền? Cũng trong Báo cáo nhân quyền năm 2013 của HRW chỉ trích mạnh mẽ việc chính quyền nước Nga đàn áp các cuộc biểu tình quá khích phản đối Tổng thống Putin năm 2012, trong khi không hề đề cập đến việc hàng chục nghìn người bị bắt giữ trong các cuộc biểu tình "chiếm phố Wall", biểu tình phản đối chính sách thắt lưng buộc bụng tại nhiều nước phương Tây?

Với Việt Nam, thông tin về tình hình nhân quyền tại Việt Nam mà HRW đưa ra chủ yếu dựa trên cơ sở khai thác từ internet - nơi các thế lực thù địch, các tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí với Việt Nam vẫn hằng ngày gieo rắc tin tức thất thiệt, dựng đứng một số sự kiện, xuyên tạc đường lối, chính sách đúng đắn của Nhà nước Việt Nam. Không chỉ vậy, HRW còn "tích cực phỏng vấn từ xa" các đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam, liên lạc với một số người thân của các nhân vật này để khai thác thông tin một chiều, tạo diễn đàn giúp họ đưa ra luận điệu vu khống, vu cáo. Vì thế trong cái gọi là Báo cáo nhân quyền của HRW luôn xuất hiện các cá nhân bị Tòa án nhân dân ở Việt Nam xét xử, tuyên phạt án tù vì đã vi phạm pháp luật, như Bùi Kim Thành, Trần Khải Thanh Thủy, Lê Công Định, Lê Quốc Quân, Cù Huy Hà Vũ, Nguyễn Văn Hải (còn gọi Hải "Điếu cày"),... Không chỉ vậy, các năm qua, HRW còn có một số việc làm hết sức lố bịch, mà ngay các cơ quan có thẩm quyền của Liên hợp quốc cũng chưa bao giờ tiến hành. Lúc thì họ gửi "văn thư yêu cầu Quốc hội Việt Nam nên bảo đảm bản hiến pháp sửa đổi phải đáp ứng mọi tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền", lúc khác lại gửi thư

tới ông T. Abbott (Thủ tướng Ôxtrâylia) bày tỏ sự "quan ngại" vì ông T. Abbott "không nêu vấn đề nhân quyền với giới lãnh đạo Indônhêxia, Trung Quốc, Việt Nam trong các cuộc họp bên lề nhiều hội nghị, trong đó có hội nghị Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương". Đặc biệt, tháng 6-2014 vừa qua, sau khi đại diện Việt Nam công bố tại Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc danh sách 182 khuyến nghị Việt Nam chấp thuận trên tổng số 227 khuyến nghị các nước và tổ chức quốc tế đã nêu ra trong khuôn khổ Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) lần hai đối với Việt Nam, thì HRW lại nhầm vào những khuyến nghị Việt Nam chưa chấp thuận để cho rằng "khuốc từ những kêu gọi này khiến người ta thắc mắc về sự chân thành trong các lời cam kết tôn trọng nhân quyền của Hà Nội"! Chẳng lẽ HRW không thấy đây là tỷ lệ chấp thuận rất cao (80,17%) trong lịch sử hoạt động của UPR, thể hiện rõ thái độ nghiêm túc, chân thành, cởi mở và quyết tâm của Việt Nam trong khi tăng cường, tiếp tục phát triển nhân quyền? Chẳng lẽ 184 phiếu thuận trên tổng số 192 phiếu bầu Việt Nam trở thành thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc lại không có ý nghĩa đối với HRW, hay HRW tự cho mình quyền bất chấp sự thật?

Sai lầm trong quan điểm chính trị, thiếu tinh thần khách quan, luôn có thái độ thiên vị trong tiếp xúc, đánh giá (dường như còn bị thao túng bởi các thế lực muốn sử dụng nhân quyền làm công cụ can thiệp vào công việc nội bộ của một số quốc gia?), kết hợp phương pháp thu thập thông tin phiến diện và luôn có chủ ý,... HRW thường xuyên bóp méo, xuyên tạc tình hình nhân quyền ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam, đó là việc làm không thể chấp nhận. Từ một tổ chức được lập ra vì tự thấy có sứ mệnh bảo vệ và phát huy các quyền cơ bản của con

người trên toàn thế giới (!), bằng việc làm của họ, HRW đã và đang mất uy tín trầm trọng. Thiết nghĩ, nếu HRW vẫn tiếp tục đi theo lối mòn phi lý và phi nghĩa này, thì không gì có thể bảo đảm việc trực xuất hai nhân viên HRW tại Vénézuela năm 2008 hay việc chặn website của HRW tại Thái Lan sẽ không tái diễn ở quốc gia khác, khi ấy, hình ảnh của HRW sẽ ra sao?

PHẦN V

VỀ CÁI GỌI LÀ
“PHONG TRÀO DÂN CHỦ”

NGHĨ VỀ CÁI GỌI LÀ “PHONG TRÀO DÂN CHỦ”*

CẨM KHÊ

Những năm gần đây, trên mạng internet phát tán các luận điệu sai trái, xuyên tạc, phủ nhận, kích động... của các thế lực thù địch chống đối Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam, có sự câu kết, hỗ trợ tài chính dưới các cách thức khác nhau của các thế lực từ nước ngoài nhằm lừa mị những người nhẹ dạ, cả tin hoặc thiếu bản lĩnh chính trị, cơ hội và háo danh, để từ đó có một số hành vi không phù hợp với trách nhiệm công dân, xâm phạm an ninh trật tự... Đáng tiếc, do thiếu thiện chí hoặc thiếu thông tin, một số tổ chức và cá nhân đã dựa vào các luận điệu, thông tin sai trái đó để phê phán, can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

Là một người yêu dân chủ, sẵn sàng đóng góp trí tuệ, công sức của mình vào tiến trình dân chủ của đất nước, cùng toàn dân tộc tiến tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, nhưng tôi chưa bao giờ tham gia hoạt động trong cái gọi là "phong trào dân chủ", vì qua mạng internet tôi biết được một số thông tin về "phong trào" và biết rồi thì tôi thất vọng. Tại sao thất vọng, tôi sẽ trình bày dưới đây:

Thứ nhất: Tôi không rõ tại sao "các nhà dân chủ" lại tin vào sự hùng hậu của phong trào trên internet ? Đọc các trang web là nơi

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 10-7-2012.

các "nhà dân chủ" thường xuất hiện, chỉ thấy quanh đi quẩn lại ngàn áy người viết, một bài được đăng lại ở nhiều nơi, ai không biết lại tưởng là phong trào có nhiều tác giả. Ngay các hội đảng mọc lên như nấm trong hai, ba năm qua cũng thế, loanh quanh từng ấy ông bà, có ông bà đứng chân trong mấy hội đảng liền... Sau một thời gian, trên internet ra đời không biết cơ man nào là diễn đàn của "phong trào dân chủ" nhưng bài vở thì đăng lại của nhau, tuyên ngôn thì dẫm lên chân nhau. Cuối cùng rồi tung cǎ lèn, nhiều ông bà đánh giá thành viên phong trào như "đếm cua trong lỗ". Trên thế giới ảo, mình tôi có thể ra một tuyên ngôn kèm theo danh sách khai khống hàng vạn người ký tên ủng hộ. Ai kiểm chứng, ai xác nhận đó là người thật? Danh sách ủng hộ của các "nhà dân chủ" cũng như vậy, chỉ hấp dẫn người nhẹ dạ cả tin. Các ông không nhìn vào thực tế của "phong trào", cứ tự huyễn hoặc rồi ngõ lực lượng hùng hậu lăm sao?

Thứ hai: Tới hiện tại, trong cái gọi là "phong trào dân chủ" có quá nhiều người hám danh, phong tặng danh xưng tùm lum cho nhau. Mà trên thực tế, ông bác sĩ thì không hành nghề chữa bệnh; ông luật sư thì chưa từng đứng trước tòa làm thầy cãi; ông viết linh tinh chẳng ai biết tới thì tự nhận là "nhà báo tự do"; ông tự nhận là giáo sư thì mấy chục năm không đứng trên bục giảng; ông được giới thiệu là nhà văn, nhà thơ thì chẳng ai biết ông có tác phẩm gì... "Phong trào dân chủ" có chủ trương gắn cho nhiều người danh xưng như vậy để chứng tỏ "phong trào" có trí thức tham gia, hay chỉ nhằm thỏa mãn lòng háo danh của một số người?

Thứ ba: Tranh luận để tìm ra chân lý, nhưng có lẽ chẳng nghĩ ra được cái gì ra hồn để viết nên trong lúc tranh luận, "các nhà dân chủ" rất thích bối móc chuyện riêng tư của nhau, lôi cả chuyện biển lận tiền nong ra để bêu riếu nhau. Mang danh "trí thức" mà so bì, công khai kịch liệt phê phán nhau vì mấy đồng tiền thì chỉ

làm nhở bé con người, làm sao trưởng thành được. Lại có mấy "nhà dân chủ" rất thích đăng ảnh chân dung trên mạng, ảnh nào cũng béo tốt phuong phi, họ sát cánh bên nhau trong các căn phòng sang trọng, ngồi trước bàn nhậu mâm bát ê hề, mặt mũi phồn phê; lại có ông từng nhiều lần khoe khoang có nhà cao cửa rộng, vợ đẹp con khôn nua chứ. Làm sao người yêu dân chủ lại tin cậy các ông, khi hễ gặp nhau là các ông đánh chén, bia rượu lu bù? Rồi nữa, chẳng thấy các ông đi làm, chỉ thấy khoe có phuong tiện hiện đại để hoạt động như máy tính, điện thoại di động... Có ông sắm được cái iPad cũng vội chụp hình để khoe trên mạng thì kỳ quái quá.

Thứ tư: Tôi đồ rằng, do quá khan hiếm người tham gia nên "phong trào dân chủ" kết nạp thành viên theo tiêu chuẩn chửi chính quyền càng nhiều càng tốt, bất kể đó là ai. Hôm trước tại một cuộc liên hoan, được chứng kiến phong cách thô lậu của một "nhà dân chủ", tôi quyết định dù có cho tiền tỉ cũng không đi theo lời ông này hô hào, càng khó tin vào mấy điều ông ta viết. Ai đời, là "trí thức, nhà thơ, nhà dân chủ" mà ngặt ngà ngặt ngưỡng, mặt mũi bì bì bia rượu. Ông còn đeo sau lưng một cái bình tông, thấy bàn nào thừa rượu thì đến rót vào, cất đi uống riêng. Nội nhìn vào cái hành động ấy thôi tôi cũng đã nghĩ ông chẳng tranh đấu cho ai cả, ông chỉ tranh đấu cho cái dạ dày của ông mà thôi. Tương tự, không rõ đã bao nhiêu lần, một "nhà dân chủ" khác lại trưng ra trên internet một tấm ảnh ông ta mặc quần áo ngủ, bắt chân chéo khoeo, bảnh chọe ngồi giữa mấy "nhà dân chủ" khác, nhìn rất phản cảm. Người có văn hóa không ai đem khoe tấm ảnh ấy.

Thứ năm: Mấy ông bà "dân chủ" rất thích thi đua xem ai chửi chính quyền hay hơn, còn trong hoạt động thì sẩn ra là cãi nhau, ông nào cũng thấy mình tài giỏi, ông nào cũng cố kiếm lấy tí vị trí trong "phong trào". Ông làm chủ tịch đảng này, ông thì làm phát ngôn đảng kia, bà thì làm thư ký, rồi đảng nào cũng cố kiếm một

cái biểu tượng được tô vẽ đẹp hơn của đảng khác, rồi phát ngôn, tuyên bố rồi mù, tôi nghĩ đó là văn bản sản xuất ở hải ngoại, không phải là do các giáo sư, tiến sĩ, luật sư "nhà dân chủ ở trong nước" soạn thảo... Rồi họ phát ngôn mỗi người một phách, mỗi nhóm một kiểu, lại còn gây khó dễ cho nhau, "vạch áo cho người xem lưng". Ra tuyên ngôn mà có tới hai nhóm tranh nhau xem ai ra trước, bản nào cũng được ca ngợi là rất chí lý, sâu sắc. Rồi người ký tuyên ngôn này người từ chối ký tuyên ngôn kia... Mới mấy tổ chức vớ vẩn mà đã cạnh tranh nhau, hục hặc với nhau như thế.

Thứ sáu: Trên nhiều diễn đàn của "phong trào dân chủ", mỗi khi trong nước, ngoài nước xảy ra sự vụ gì, không biết hay dở ra sao, lập tức nhiều tác giả tranh nhau viết bài mổ xẻ, phê phán, chửi bới cộng sản, ông nào cũng nghĩ là mình sâu sắc. Trước sau chỉ có như thế, chẳng mấy chốc các diễn đàn đều biến thành cái chợ để các "nhà dân chủ" biểu diễn ngôn ngữ hàng tôm hàng cá. Tôi không biết các vị chủ trương, chủ trì các diễn đàn dân chủ trên mạng tính toán chiến lược sách lược tuyên truyền, đấu tranh thế nào, tôi chỉ thấy rất phản cảm vì mỗi khi có sự kiện xảy ra, tôi mong ai đó phân tích giúp hiểu rõ hơn về sự kiện, thì lại phải đọc quá nhiều bài chửi bới... Các "nhà dân chủ" ở hải ngoại mắc bệnh này nặng nhất, từ hải ngoại chửi vọng về nước chẳng có gì là tài giỏi, ai mà chẳng chửi được.

Thứ bảy: Cho đến bây giờ "phong trào dân chủ" cả trong nước lẫn hải ngoại không có lấy một người có trí tuệ tầm cỡ, có uy tín. Khi ai cũng thấy mình tài giỏi hơn người thì sẽ mạnh ai nấy làm, "trống đánh xuôi kèn thổi ngược", lặp đi lặp lại mãi vẫn chỉ thấy dạy dỗ dân chủ là thế này, dân chủ là thế kia, bên Mỹ người ta làm thế này, bên Đức người ta làm thế nọ. Các "nhà dân chủ" được gọi là "giáo sư, tiến sĩ, luật sư" mà chỉ có khả năng viết vài bài báo vặt, cảm tính, thiếu lý luận cơ bản, như bài thuyết trình

áu trĩ, quá sơ đẳng về chủ nghĩa Mác tại Đại học Harvard năm nào chẳng hạn. Người được gọi là giáo sư còn dốt như thế, thì mấy ông chẳng được học hành tử tế như Nguyễn Phương Anh, Nguyễn Văn Đài, Đỗ Nam Hải, Nguyễn Khắc Toàn... có viết lách lăng nhăng cũng phải thôi. Đọc bài của mấy ông này, tôi thấy các ông gồng lên cho có vẻ có lý luận chứ thật sự các ông rỗng tuếch. Có ông còn viết theo kiểu bói toán, gán hiện tượng khô cạn của sông Hồng vào vận mệnh của Đảng Cộng sản thì thật là ngây ngô. Hàng nghìn năm nay, năm nào sông Hồng chẳng có nước lên vào mùa mưa, rồi cạn vào mùa khô. Nhưng tôi chán nhất là có mấy "nhà dân chủ" sử dụng ngôn ngữ via hè để viết lách. Dân trí bây giờ cao rồi, đừng tưởng viết bằng ngôn ngữ via hè là bình dân, dân chủ, gần gũi... Viết như thế chỉ làm lộ ra bản chất lưu manh của người viết mà thôi.

Con đường phát triển đất nước đã và sẽ còn nhiều khó khăn. Để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta cần tiếp tục củng cố và tăng cường khối đoàn kết dân tộc, từ đó cùng Đảng và Nhà nước đưa đất nước vượt qua mọi khó khăn. Nếu các "nhà dân chủ" thực tâm với vận mệnh dân tộc thì nên tinh ngộ, đừng tự biến mình thành con rối trong tay người khác, hãy đồng hành cùng dân tộc, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp của dân tộc và tiếng thơm họ có thể có được sẽ từ đó mà ra.

KHÔNG AI ĐƯỢC LỢI DỤNG LÒNG YÊU NƯỚC!*

TS. NGUYỄN MINH PHONG

Sinh ra trên trái đất và lớn lên dưới ánh mặt trời, mỗi người đều có một gia đình để yêu thương, một nghề nghiệp làm sinh kế và có một Tổ quốc để gắn bó, phụng sự. Lòng yêu nước là quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân. Lòng yêu nước là tài sản thiêng liêng, gắn liền với lòng tự hào, tự tôn dân tộc, cần được nâng niu, bảo vệ, phát huy, nhưng cũng cần tránh bị ngộ nhận, lợi dụng.

Với mọi người Việt Nam, lòng yêu nước từ lâu đã trở thành một giá trị cao quý, được truyền từ đời này sang đời khác, với những biểu hiện ngày càng sinh động, cụ thể. Ai vì lý do nào đó phải xa quê hương mới càng thấm thía, khắc khoải và thêm sâu đậm tình yêu xứ sở, nơi "chôn nhau cắt rốn", nơi "cha sinh mẹ dưỡng". Có đi xa mới thấy nhớ quay nhớ quắt những bờ đê, ao làng, lũy tre, hàng cau, ngôi nhà của ông bà và mẹ cha, nhớ dãy phố nhỏ, con ngõ nhỏ và thấy thân thương hơn màu xanh hiền hòa của ruộng đồng, nương rẫy, với bóng câu trăng, tiếng chim gù giữa trưa hè ngọt nắng; nhớ tiếng đàn bầu trong bóng trăng lu, nhất là tiếng nói mộc mạc, tiếng vỗng kẽo kẹt, tiếng ru con ngủ, những nụ cười và tấm lòng cởi mở của người thân, bè bạn, bà con lối xóm quê nhà...

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 24-7-2012.

Thực tế đã, đang và sẽ còn chứng tỏ, lòng yêu nước đã trở thành một giá trị truyền thống và là tài sản vô giá, tạo sức sống bất khuất và trường tồn của dân tộc "con Lạc cháu Hồng" qua nghìn năm lịch sử trước mọi hiểm họa xâm lăng và đồng hóa, là mạch nguồn cho sự sinh sôi và phát triển ngày càng mạnh mẽ của đất nước, giống nòi. Không ai có thể phủ nhận được rằng, dù là người dân đang sinh sống trên xứ sở quê hương hay với cộng đồng người Việt đã định cư và hội nhập ổn định ở nước ngoài, mỗi khi thiên tai địch họa đe dọa cuộc sống và vận mệnh của Tổ quốc, là lập tức mọi người Việt Nam, muôn người như một, kết thành khối vững chắc, sẵn sàng cống hiến công sức, xả thân vì lòng tự trọng, tự tôn dân tộc, vì vận mệnh của Tổ quốc và cuộc sống của đồng bào mình...

Ngày nay, hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cùng hoàn cảnh mới của sự nghiệp phát triển đất nước, đang đặt ra và đòi hỏi lòng yêu nước cần được mở rộng nội hàm, với những cách thức thể hiện mới. Lòng yêu nước kết tụ và tạo cơ hội chung tay xây dựng khối đoàn kết toàn dân đấu tranh chống "thù trong, giặc ngoài", vì nền độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh như là điều kiện cho sự tự do và phát triển lành mạnh của mỗi gia đình và cá nhân. Lòng yêu nước khiến mỗi người thêm hăng say lao động, tự giác thực hiện tốt bổn phận của mình trong công việc, trong các quan hệ xã hội, chung sức vượt qua mọi thử thách, hiểm họa, làm giàu chính đáng cho bản thân và quê hương, đóng góp lặng lẽ, khiêm nhường vào sự phát triển chung và làm rạng danh đất nước, ngời sáng trí tuệ và tâm hồn Việt Nam.

Lòng yêu nước là tài sản thiêng liêng, gắn liền với lòng tự hào, tự tôn dân tộc, cần được nâng niu, bảo vệ, phát huy cao độ, nhưng cũng cần tránh bị ngộ nhận, lạm dụng, lợi dụng. Lòng yêu nước cao cả không cho phép "nói một đằng, làm một nẻo", hoặc bị chi

phối bởi lợi ích nhóm và tư duy nhiệm kỳ, tham nhũng và lạm dụng quyền chức để mưu cầu lợi ích cho dòng họ, gia đình, gây chia rẽ, bè phái, hy sinh quyền lợi và lạm dụng sức dân. Lòng yêu nước chân chính không cho phép bất cứ ai vì nhu cầu ích kỷ mà có những việc làm báng hoại văn hóa, đỗ vỡ lòng tin, tổn thương tình cảm, cơ hội và điều kiện sống của các thế hệ con cháu.

Lòng yêu nước giúp mỗi người luôn tinh táo, nhận diện đúng đắn các vấn đề, sự kiện, hiện tượng trong bối cảnh cụ thể, nhận thức được xu hướng tất yếu khách quan và các giá trị Chân - Thiện - Mỹ có tính chuẩn chung của nhân loại, của bản sắc dân tộc và sự phát triển bền vững; thu hẹp và cởi bỏ định kiến cá nhân; phát ngôn và hành động có trách nhiệm với cộng đồng; không có hành động sai trái về lương tâm và pháp luật; không vô tình hay cố ý bị lạm dụng, bị khống chế và lôi kéo vào một số bè phái, tổ chức, nhóm, phong trào luôn nhân danh lòng yêu nước, nhưng thực chất là đầy toan tính ích kỷ, háo danh, hoang tưởng, gây tổn hại tới khối đại đoàn kết toàn dân, tới sức mạnh và lợi ích quốc gia, tiếp tay cho những kẻ âm mưu "chuyển lửa về quê hương".

Đặc biệt, đối với chủ quyền quốc gia và nền độc lập dân tộc, lòng yêu nước mãnh liệt chính là nền tảng vững chắc nhất để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, giang sơn cha ông để lại, nhưng không phải là điểm tựa để dung túng, kích động tinh thần dân tộc cực đoan, để cao bá quyền, đe dọa sử dụng bạo lực và bất chấp thủ đoạn gian dối, hèn hạ, bất chấp đạo lý và luật pháp của văn minh nhân loại, cốt tranh đoạt trắng trợn và phi pháp lãnh thổ của người khác. Điều này đã và phải tiếp tục trở thành yêu cầu của lương tri, của đạo đức không chỉ với Việt Nam, mà với mọi quốc gia - dân tộc khác trên thế giới.

Một số tổ chức, cá nhân ở trong nước và ngoài nước thời gian qua thông qua các đài phuong Tây thiếu thiện chí và qua mạng

internet, tuyên truyền xuyên tạc các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, kích động bạo loạn gây rối trật tự, hô hào đòi thay đổi chế độ, lật đổ chính quyền... Trong số này có các nhóm phản động lưu vong được sự hà hơi tiếp sức của các thế lực chống phá nước ngoài, có những kẻ từng gây tội ác, nợ máu với nhân dân phải chạy bán sỏi xa Tổ quốc, nay thật nực cười lại nhân danh lòng yêu nước hô hào các hoạt động phi pháp chống phá trong nước. Đáng tiếc, có người nhẹ dạ cả tin, cũng có kẻ háo danh đã hùa theo các luận điệu này.

Gần đây, một số cuộc tụ tập đông người nhân danh "biểu tình yêu nước". Đó không phải là hành động yêu nước một cách phù hợp. Đáng lưu ý hơn là trong các cuộc tụ tập đó, người ta nhận ra một số người từng có hành vi chống đối chính quyền, tuyên truyền chống lại đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nay lại nhân danh và lợi dụng lòng yêu nước để kích động, gây rối trật tự công cộng, có những hành động và lời lẽ thô lỗ, xúc phạm nhà chức trách, gây mất trật tự, an toàn xã hội.

Hơn bao giờ hết, trên bất kỳ phương diện nào, lòng yêu nước luôn phải là một giá trị, phù hợp với đạo lý, văn minh, không thể ngô nhê, lạm dụng và bị lợi dụng. Chỉ có lòng yêu nước chân chính mới có thể giúp mỗi quốc gia - dân tộc giữ gìn sự toàn vẹn lãnh thổ của mình; đồng thời, không chỉ làm cho quốc gia - dân tộc mình ngày càng hưng thịnh, trường tồn, mà còn giúp bảo đảm hòa bình và sự hưng thịnh chung của các quốc gia - dân tộc khác trong một thế giới ngày càng hội nhập, toàn cầu hóa và phụ thuộc lẫn nhau...

TỰ DO BÁO CHÍ VÀ TỰ DO NGÔN LUẬN PHẢI TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT*

HOÀNG ANH

Những năm gần đây, mỗi khi cơ quan pháp luật của Việt Nam xét xử một số cá nhân với tội danh "Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" là dường như, một số tổ chức quốc tế (như: Tổ chức Theo dõi nhân quyền, Tổ chức Ân xá quốc tế, Ủy ban Bảo vệ nhà báo,...), thậm chí cả Bộ Ngoại giao Mỹ, Đại sứ quán Mỹ tại Việt Nam, Tổng lãnh sự quán Mỹ tại Thành phố Hồ Chí Minh,... lập tức ra tuyên bố, hoặc ra thông cáo báo chí xuyên tạc, coi đó là việc làm "không phù hợp với luật pháp quốc tế, vi phạm quyền tự do ngôn luận". Những lời lẽ vu cáo này là vô căn cứ, vì hành vi phạm tội đó phải bị xử lý theo pháp luật ở Việt Nam hay ở chính nước Mỹ.

Người ta hay nói tới "tự do báo chí ở Mỹ" và cũng không ít người, vì thiếu thông tin hoặc cố tình lảng tránh sự thật rằng, thực chất cái gọi là "tự do báo chí ở Mỹ" chẳng hơn gì các nước khác. Mặc dù Tu chính án thứ nhất của Hiến pháp Mỹ đã quy định: "Quốc hội sẽ không ban hành một luật nào giới hạn quyền tự do ngôn luận hay quyền tự do báo chí của công dân"; tuy nhiên đến năm 1798, lo ngại các tư tưởng của cách mạng Pháp có thể lan qua Đại Tây Dương, Quốc hội Mỹ đã thông qua Đạo luật Phản loạn

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 12-10-2012.

quy định "việc viết, in, phát biểu hay phổ biến... mọi văn bản sai sự thực, có tính chất xúc phạm hay ác ý chống chính quyền đều là tội". Thực chất mục đích của Đạo luật Phản loạn là để ngăn chặn việc tuyên truyền xuyên tạc, kích động chống đối chính quyền. Ra đời sau Đạo luật Phản loạn của nước Mỹ gần hai thế kỷ, Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó Điều 88 (Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) quy định người nào có một trong những hành vi: "Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân; tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân; làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hóa phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" thì bị phạt tù từ ba năm đến 12 năm. Như vậy, làm một so sánh đơn giản cũng có thể thấy mặc dù chế tài có thể khác nhau, nhưng mục đích, nội dung của Đạo luật Phản loạn của nước Mỹ và Điều 88 Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là khá tương đồng, đặc biệt là về mục đích của văn bản luật và quy định về tính chất của hành vi. Ở bất kỳ quốc gia nào, các thông tin mà báo chí và internet đăng tải đều phải bảo đảm tính khách quan, chính xác và có thể kiểm chứng. Các thông tin xuyên tạc, bịa đặt, bôi nhọ cá nhân, tổ chức đều là phạm pháp và người vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Như với vụ án xét xử Nguyễn Văn Hải, Phan Thanh Hải và Tạ Phong Tân vừa qua chẳng hạn, theo cáo trạng của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thì từ tháng 9-2007 đến 10-2010, các đối tượng trên đã đăng 421 bài (94 bài tự viết, 327 bài đăng lại từ những trang web chống phá Nhà nước Việt Nam) trên blog "Câu lạc bộ nhà báo tự do", trong đó có 26 bài viết được giám định là có nội dung xuyên tạc, chống phá Nhà nước. Cũng theo cáo trạng, Nguyễn Văn Hải và Phan Thanh Hải còn sang tận Thái Lan để tham gia khóa huấn luyện của tổ chức khủng bố Việt Tân

với mục đích nhằm lật đổ chính quyền Việt Nam. Căn cứ cáo trạng trên, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên án Nguyễn Văn Hải 12 năm tù giam, Phan Thanh Hải bốn năm tù giam và Tạ Phong Tân 10 năm tù giam cùng với tội danh "Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" theo Điều 88 Bộ luật Hình sự. Như vậy, việc xét xử và tuyên án các bị cáo nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt và mang tính răn đe, giáo dục cao. Vậy mà Bộ Ngoại giao Mỹ và một số tổ chức quốc tế nấp bóng dân chủ, nhân quyền, bảo vệ nhà báo đã viện cớ "bảo vệ quyền tự do báo chí tuyệt đối" mà ngay cả Mỹ cũng không có, đồng thời chỉ căn cứ vào các thông tin bóp méo sự thật, một chiêu đăng tải trên các website của một số tổ chức phản động chủ yếu của người Mỹ gốc Việt, để lớn tiếng chỉ trích Việt Nam vi phạm quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí. Nếu như ba nhân vật nói trên là công dân Mỹ và có những hành vi tương tự đối với chính quyền Mỹ thì liệu ai dám bảo đảm các cơ quan chức năng của nước Mỹ sẽ không đưa các đối tượng này ra xét xử theo Đạo luật Phản loạn? Thí dụ nhẫn tierra là sự kiện ngày 27-9-2012, Tòa án Los Angeles (California, Mỹ) đã vừa bắt giữ Nakoula Basseley - người tham gia làm bộ phim *Sự ngây thơ của người Hồi giáo*. Lý do bắt giữ là vì Nakoula bị nghi ngờ đã vi phạm thời gian quản chế của Tòa án liên bang Mỹ, một tội danh không liên quan đến bộ phim ngắn kia, nhưng thời điểm bắt giữ lại khiến người ta không khỏi băn khoăn liệu có phải nhà cầm quyền Mỹ không thể bắt giữ Nakoula vì pháp luật Mỹ bảo vệ tự do ngôn luận, tự do báo chí nên phải "xử" đối tượng này với một tội danh khác nhằm xoa dịu làn sóng biểu tình chống Mỹ đang lan rộng?

Hơn nữa, cái gọi là quyền tự do báo chí tuyệt đối, hoàn hảo mà các thế lực ở Mỹ hay viện dẫn để áp đặt lên quốc gia khác, trong đó có Việt Nam, không hề tồn tại trên thực tế. Bên cạnh Đạo luật Phản loạn kể trên, Tòa án tối cao và chính quyền các bang ở Mỹ

cũng đã ban hành hàng trăm văn bản làm công cụ điều chỉnh tự do ngôn luận và tự do báo chí. Nếu xét về mặt ngôn ngữ, Hiến pháp Mỹ chỉ cấm Quốc hội liên bang chứ không cấm chính quyền các bang ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có khả năng hạn chế quyền tự do báo chí. Do đó, trên thực tế, chính quyền các bang đã tìm cách "lách luật" để ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật điều phổi tự do thông tin báo chí. Bên cạnh đó, trong khi xử các vụ án liên quan đến báo chí, Tòa án tối cao Mỹ thường đưa ra những phán quyết cụ thể, được xem là các án lệ có giá trị pháp lý và bắt buộc thực thi trong các trường hợp tương tự.

Trong khi chính quyền Mỹ cao giọng về chuyện bảo đảm quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận tuyệt đối thì chính các nhà cầm quyền Mỹ lại đang sử dụng quyền lực chính trị và sức mạnh của đồng đôla để thao túng báo chí, phục vụ lợi ích của mình. Bởi cho đến nay, thị trường thông tin Mỹ bị thâu tóm bởi số ít siêu tập đoàn truyền thông như Time Warner, Disney, Bertlsmann, Viacom,... và các tập đoàn này lại có quan hệ chặt chẽ với Chính phủ. Thống đốc bang Mississippi là Lee M. Russell thừa nhận: "Từ nhiều năm nay, ở đất nước này, đồng tiền kiểm soát chính sách báo chí. Rất ít tờ báo dám phát ngôn trên lập trường của đông đảo nhân dân. Những tờ báo này được trợ cấp, do đó, chúng nói ngôn ngữ của các ông chủ". Trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam, ba hệ thống truyền hình lớn của Mỹ là ABC, CBS và NBC đã cố tình đưa tin thiếu khách quan nhằm định hướng dư luận Mỹ có lợi cho chính sách của Mỹ tại Việt Nam. Theo ông George Baylay, một nhà xã hội học Mỹ, thì từ năm 1965 đến năm 1970, có tới gần một nửa tin tức chiến tranh trên các đài truyền hình này đề cập đến hoạt động của bộ binh và không lực Mỹ trên chiến trường; khoảng 12% là những văn bản tuyên bố của chính quyền Mỹ và chính quyền Sài Gòn trước đây; chỉ có 3% dành cho các tin tức lấy từ miền Bắc Việt Nam. Trong khi đó, ảnh hưởng của chiến tranh đối

với nhân dân Mỹ, và các cuộc di bộ cổ vũ cho hòa bình, sinh viên biểu tình, của phong trào phản chiến tại Mỹ,... lại chỉ được đề cập có giới hạn.

Ở Việt Nam, quyền con người nói chung, quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí của mọi công dân nói riêng được bảo đảm bằng Hiến pháp, pháp luật và được thực thi nghiêm minh trong thực tiễn. Cũng như mọi quốc gia khác, dù tôn trọng quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí thì Việt Nam không dung túng cho những hành vi lạm dụng quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận để tuyên truyền xuyên tạc, bôi nhọ nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, kích động, kêu gọi lật đổ chế độ đã được nhân dân ta lựa chọn... Nhà nước Việt Nam thừa nhận và bảo đảm quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, song cũng khẳng định tự do ấy phải tuân thủ quy định của pháp luật. Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền đã nhấn mạnh: "Mỗi người đều có những nghĩa vụ đối với cộng đồng, trong khi hưởng thụ các quyền về tự do cá nhân, phải chịu những hạn chế do luật định nhằm mục đích duy nhất là bảo đảm việc thừa nhận và tôn trọng đối với các quyền tự do của người khác và phù hợp với những đòi hỏi chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ". Như vậy, nếu thật sự nghiêm túc trong việc xây dựng, củng cố, phát triển quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận trong xã hội, cần nhận thức một cách rõ ràng rằng, quyền tự do báo chí của người này không được làm tổn hại đến quyền tự do của người khác, đặc biệt là đến lợi ích của dân tộc, của cộng đồng. Bởi thế, dù báo chí có vai trò như thế nào trong xã hội thì đó cũng không phải là lĩnh vực "bất khả xâm phạm". Báo chí cần phải chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật, từ đó đóng góp vào sự phát triển xã hội, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước nói chung và mỗi con người nói riêng.

PHẢN ĐỘNG NHÂN DANH LÒNG YÊU NƯỚC*

ANH KHÔI

Thời gian gần đây, các thế lực thù địch sử dụng nhiều luận điệu khác nhau để kích động chống Đảng, chống Nhà nước ta, kêu gọi lật đổ chính quyền. Dù nấp dưới danh nghĩa nào, vẫn có thể nhận ra các luận điệu nhằm mục đích chống phá của chúng. Mới đây, một số website và blog truyền bá bài viết của Phạm Lê Vương Các - người tự giới thiệu là "sinh viên đại học năm thứ ba"(!?), cũng nằm trong các thủ đoạn mà các thế lực thù địch đang triển khai.

Sau khi viện dẫn "triết gia Socrate bị kết án tử hình vì tội đầu độc tư tưởng cho giới trẻ và chống lại nhà nước dân chủ chủ nô", Bruno "phải lên máy chém vì ủng hộ thuyết "nhật tâm", Phạm Lê Vương Các nhắc tới một số nhân vật lịch sử như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học... và gọi họ là "những người tiên phong trong việc chống nhà nước phong kiến nửa thuộc địa đương thời để xóa bỏ sự nô dịch, lạc hậu, và bất công". Từ những cứ liệu đó, tác giả này kết luận "không thể xem chống nhà nước là hành vi hoàn toàn tiêu cực được". Khi làm công việc này, Phạm Lê Vương Các đã bỏ qua một nội dung có tính chất nền tảng là bối cảnh lịch sử của mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử, và tính tất yếu

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 16-10-2012.

của quá trình nhận thức cùng hành vi của con người trong bối cảnh lịch sử ấy. Phải chăng, tác giả do thiếu hiểu biết hay cố tình bỏ qua nội dung nền tảng này, đánh đồng nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến nửa thuộc địa với nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân hiện nay? Trên thực tế, bản chất các loại hình nhà nước mà những nhân vật lịch sử do Phạm Lê Vương Các viện dẫn đã từng sống lại hoàn toàn khác nhau, mục đích đấu tranh của mỗi người cũng rất khác nhau. Từ sự mập mờ này, Phạm Lê Vương Các nhận định "tuy cùng một hành vi chống nhà nước, nhưng đã làm cho Việt Nam sản sinh ra những con người "phản động" theo tinh thần lý luận đấu tranh giai cấp nhưng lại mang bản chất "yêu nước" theo tinh thần ý thức trách nhiệm của một công dân đấu tranh cho dân chủ tiến bộ, tùy theo cách hiểu khác nhau của mỗi người". Sao lại đánh đồng "phản động" với "yêu nước"? Nếu là người hiểu biết, không thể nhầm lẫn giữa hai phạm trù đối nghịch nhau như thế. Phản động hay yêu nước đều phải dựa trên các tiêu chí xét đoán rõ ràng, được cả cộng đồng thừa nhận, không phải muốn là có thể nói vống lên. Trong cuộc sống, suy nghĩ và hành vi của con người có ý thức đều hướng tới mục tiêu cụ thể, mà tựu trung trước hết là vì nhu cầu của bản thân mình và vì nhu cầu của cộng đồng mà mình là thành viên. Thủ hỏi ba blogger mà Phạm Lê Vương Các đứng ra bao biện cho họ đã đóng góp gì cho đất nước, cho cộng đồng nơi họ sống, mà có thể gán cho tên gọi "người yêu nước"? Việc họ viết năm, bảy cái entry chứa đựng thông tin mơ hồ, thật - giả và tốt - xấu lẫn lộn... để vu cáo chính quyền lẽ nào lại là biểu hiện của lòng "yêu nước"? Và không biết vì ấu trĩ không hiểu mối quan hệ giữa Hiến pháp và pháp luật với Nhà nước hay tôn thờ chủ nghĩa vô chính phủ mà Phạm Lê Vương Các còn viết một cách rất tùy tiện rằng: "Không thể lấy Hiến pháp và pháp luật để bảo vệ Nhà nước"! Thủ hỏi, nếu Nhà nước không có Hiến pháp và pháp luật sẽ ra sao, ai sẽ bảo vệ

quyền lợi của người dân?! Xã hội sẽ ra sao nếu mỗi công dân lại tự đề ra một luật riêng cho bản thân để muốn làm gì thì làm?

Nguy hiểm hơn, theo Phạm Lê Vương Các: "Một khi Nhà nước không còn là của dân, do dân, và vì dân trên thực tế thì chống lại Nhà nước đó là hành vi tất yếu". Cần vạch rõ sự dối trá này vì nó chỉ đúng khi "dân" ở đây là đại đa số nhân dân, chứ không phải là một vài cá nhân chưa làm được bất cứ điều gì cho dân nhưng vẫn xưng xứng tự nhận là "đại diện của nhân dân". Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhà nước thuộc địa nửa phong kiến ở Việt Nam chỉ phục vụ bộ máy cai trị thực dân, thẳng tay đàn áp bóc lột nhân dân. Còn Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Hiến pháp khẳng định là Nhà nước "của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân". Chúng ta xây dựng Nhà nước pháp quyền chính là xây dựng một nhà nước dân chủ ngày càng hoàn thiện, nơi nhân dân đứng ra tự tổ chức, tự quản lý, tự điều hành xã hội của mình. Tính thống nhất bao trùm lên mọi hoạt động tổ chức và thực hiện quyền lực của nhân dân, chứ không phải mâu thuẫn hay đối kháng. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân lập ra thông qua bầu cử, ý chí của đại đa số nhân dân thể hiện qua hoạt động của Nhà nước một cách công khai, minh bạch, và hành động của Nhà nước thể hiện ý chí, tư tưởng, nguyện vọng của nhân dân. Nhân dân lập ra Nhà nước để bảo vệ cho các quyền và lợi ích của chính mình, nếu Nhà nước không có Hiến pháp và pháp luật bảo vệ thì sẽ không bảo vệ được nhân dân. Điều 6 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 1992) quy định "Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân"; Điều 53 khẳng định công dân "có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương". Trong trường hợp công dân không đồng tình

với Nhà nước, hoặc muốn đưa ra ý kiến riêng thì có thể "kiến nghị với cơ quan nhà nước", Điều 74 nêu cụ thể "Công dân có quyền khiếu nại, quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc bất cứ cá nhân nào". Quy định của pháp luật ta cũng nêu rõ, công dân có quyền phản đối cơ quan nhà nước, công dân có thể kiện cơ quan nhà nước ra tòa án. Đó là quyền của công dân, bởi không phải lúc nào các cơ quan nhà nước cũng đúng, và ở nước ta đã có một số trường hợp công dân thắng kiện cơ quan nhà nước.

Bên cạnh đó, Phạm Lê Vương Các còn cho rằng, có sự khác nhau trong quan niệm "chống nhà nước" giữa "các nước dân chủ" với các nước xã hội chủ nghĩa. Xét từ chính trị học, tất cả các mô hình nhà nước đều có những mặt tốt và mặt hạn chế, con người luôn cố gắng tiêm cận với một mô hình nhà nước hoàn hảo như tiêm cận với chân lý. Nhà nước còn có tính lịch sử, văn hóa sâu sắc, không thể đem mô hình nhà nước của quốc gia này áp dụng cho quốc gia khác mà hy vọng sẽ có kết quả. Tuy nhiên, Phạm Lê Vương Các lại đưa ra quan niệm lệch lạc: "Chống lại nhà nước xã hội chủ nghĩa ở đây luôn được nhà cầm quyền xem là mối đe dọa lực lượng thống trị, an ninh quốc gia, phá vỡ khôi đại đoàn kết thống nhất, và lý tưởng của toàn dân". Xét từ nguồn gốc và bản chất của nhà nước, điều này thật ngây thơ, người viết hoàn toàn không hiểu biết. Để bảo vệ nhà nước, mọi quốc gia đều phải áp dụng các biện pháp bảo đảm an ninh, một số quốc gia phương Tây còn theo dõi tường tận đến từng cá nhân, thậm chí phát động tấn công các quốc gia khác với lý do... để bảo đảm an ninh! Ở nước ta, quyền lực nhà nước là thống nhất, dù là hành pháp, lập pháp hay tư pháp đều phải làm đúng, làm hết trách nhiệm của mình. Nhà nước khuyến khích hoạt động phản biện xã hội thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể. Khi công dân có vấn đề

cần giải quyết, họ đều có quyền yêu cầu các tổ chức đoàn thể, hệ thống thông tin đại chúng... giúp đỡ. Song không vì thế công dân lại làm dư luận hoang mang, gây mất ổn định xã hội bằng đưa tin bịa đặt trên internet, nói xấu lãnh đạo, nói xấu người khác mà không đưa ra bằng chứng, rồi kích động bạo loạn, kêu gọi lật đổ chính quyền... Các Điều 87, Điều 88, Điều 92 của Bộ luật Hình sự quy định rõ các tội danh liên quan đến hành vi chống chính quyền nhân dân, chỉ có ai cố tình không hiểu mới phát ngôn tùy tiện như vậy. Xét trên mọi phương diện, hành vi "làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu có nội dung chống nhà nước" đều rất nguy hiểm đối với xã hội và không thể gọi đó là hành vi yêu nước. Vì thế, các nước phương Tây đã đối xử rất cứng rắn với Julian Assange khi trang mạng WikiLeaks tải lên những thông tin "nhạy cảm".

Nhà nước của chúng ta đang có bước chuyển quan trọng để tự hoàn thiện, từ đó tiếp tục tổ chức, lãnh đạo sự nghiệp phát triển đất nước, củng cố niềm tin của mọi tầng lớp nhân dân. Và khi trong bộ máy Nhà nước còn những "con sâu làm rầu nồi canh", chúng ta cần đấu tranh làm sạch theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI). Hệ thống pháp luật của nước ta được xây dựng nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, nhưng một số cán bộ, công chức chưa thực hiện đúng nhiệm vụ, chức trách được giao, vẫn còn tình trạng cơ hội, trực lợi cá nhân, gây bất bình trong nhân dân. Những cán bộ trong bộ máy nhà nước, doanh nghiệp vi phạm pháp luật bị khởi tố trong thời gian qua là minh chứng cho quyết tâm lập lại kỷ cương xã hội của Nhà nước. Do đó, mỗi công dân cần có cái nhìn toàn diện hơn về vai trò của Nhà nước, cũng như cần đóng góp thiết thực để xây dựng Nhà nước. Từ lâu, những ý kiến đóng góp tâm huyết của người yêu nước chân chính luôn luôn được ghi nhận, nghiên cứu, xem xét một cách nghiêm túc.

ĐÓ MỚI LÀ "TIẾNG LÒNG YÊU NƯỚC"*

HOÀNG NHẬT ANH

Qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, tinh thần yêu nước đã trở thành một trong những tài sản quý, một giá trị thiêng liêng góp phần làm nên truyền thống dân tộc.

Ngày nay, trong thời kỳ mới, tinh thần yêu nước vẫn là một trong những yếu tố cơ bản tạo nên động lực để mỗi người Việt Nam cống hiến cho Tổ quốc ngày càng nhiều hơn, hiệu quả hơn. Tuy nhiên, cần hiểu về lòng yêu nước như thế nào, làm gì để lòng yêu nước của mỗi người được phát huy? Về vấn đề này, cần có sự trung thực và cẩn trọng trong nhận thức, chống lại luận điệu của các thế lực thù địch...

Gần đây, trên blog của VOA, trong loạt bài “Thế nào là yêu nước?”, một tác giả lớn tiếng giáo huấn, trích dẫn Đông - Tây - kim - cổ, tỏ ra hùng biện về “yêu nước”, nhưng loạt bài này lại vô tình (hay cố tình?) không chỉ ra quan hệ biện chứng giữa tinh thần yêu nước của người Việt Nam với các thắng lợi vẻ vang trong lịch sử dân tộc, không chỉ ra quan hệ chặt chẽ giữa lợi ích của quốc gia, dân tộc với lợi ích của mỗi gia đình, mỗi cá nhân. Tác giả cũng phớt lờ lịch sử ván đế và kết thúc với nhận định: “Yêu nước, thật

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 23-11-2012.

ra, là yêu những điều mình, hoặc người khác muốn mình, tưởng tượng". Viết như vậy, chẳng lẽ quê hương này, đất nước này là điều không có thật? Chẳng lẽ lịch sử chống ngoại xâm của bao nhiêu thế hệ người Việt Nam chỉ là mơ hồ? Chẳng lẽ ý chí, quyết tâm giữ gìn sự vẹn toàn của đất nước trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc chỉ là điều "người khác muốn"? Chẳng lẽ công sức của bao nhiêu thế hệ đã xây dựng đất nước được như ngày nay lại chỉ là sự "tưởng tượng"?

Chẳng lẽ tác giả lại không biết rằng ngay cựu Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ McNamara cũng từng thừa nhận, Mỹ đã thất bại ở Việt Nam vì: "đánh giá thấp sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc, thúc đẩy một dân tộc đấu tranh và hy sinh cho lý tưởng cùng các giá trị của nó". Tác giả có thể không có một đất nước để yêu, và yêu nước là quyền của mọi người, nhưng bằng việc nấp dưới mớ chữ nghĩa ra vẻ uyên thâm, dường như người này muốn reo rắc vào người đọc sự mơ hồ? Tương tự như vậy, bàn về đổi mới giáo dục nhưng một nhà giáo lại viết những dòng mà chắc chắn tác giả không tìm hiểu sự kiện trước khi đặt bút: "Nếu trên bục giảng tôi mở miệng ra giảng về lòng yêu nước, và trong thực tế tôi ra các văn bản cấm học sinh, sinh viên có hành động biểu lộ lòng yêu nước, hoặc tôi chất vấn kỷ luật những sinh viên, học sinh đã tự giác có hành động biểu lộ lòng yêu nước của họ, thì không những tôi trở thành biểu tượng của sự giả dối, mà còn trở thành điển hình cho quá trình phản giáo dục"? Khi chỉ cần sự kiện để bình luận chứ không cần sự thật để xem xét thì người ta có thể đưa mình tối sự trớ trêu...

Trên đây chỉ là mấy thí dụ để chứng minh đã có tác giả viết về lòng yêu nước từ thiên kiến đối với chế độ hơn là từ suy nghĩ thành tâm của một công dân. Lại có người tìm đủ mọi lý lẽ để kết luận phải đi biểu tình chống nước khác mới là yêu nước, phải chống chính quyền mới là yêu nước. Họ không chỉ viết mà còn tung ra

một số video clip, gán ghép hình ảnh yêu nước với việc cổ súy luận điệu chống Nhà nước, kêu gọi biểu tình... Có người dưới cái "mác" trí thức, cố diễn giải dài dòng, đưa ra các lý thuyết mông lung, nhận định vu vơ. Có người viết tràng giang đại hải, và săn sàng "chụp mũ" cho người nào nói khác họ. Người khác thì sử dụng ngôn từ kích động thù hận dân tộc, thậm chí kích động chiến tranh. Hình như họ còn hăng hái hơn khi được báo chí nước ngoài phỏng vấn và bài viết của họ được báo chí ở hải ngoại đăng đi, đăng lại? Họ càng viết, càng nói, càng nhận ra họ không muốn giữ gìn hòa bình để phát triển đất nước, dường như trong thâm tâm, họ không cần quan tâm tới hàng triệu người Việt Nam đang hằng ngày, hằng giờ vượt qua mọi khó khăn để giữ gìn sự vẹn toàn của đất nước, để xây dựng một nước Việt Nam phồn vinh?

Cùng với sản phẩm của các nhân vật "chống cộng" là người Việt ở nước ngoài, việc trên internet xuất hiện một số ý kiến, bài viết thiếu thiện chí đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng là vấn đề có thể tạo ra kẽ hở để kẻ xấu lợi dụng, xuyên tạc. Tuy nhiên, dù thế nào thì luận điệu của họ vẫn sớm bị nhận diện, rất nhiều trí thức, văn nghệ sĩ, thanh niên, sinh viên đã lên tiếng bảo vệ niềm tự hào và lòng tự trọng dân tộc, khẳng định "yêu nước" là một giá trị cốt lõi làm nên truyền thống của dân tộc Việt Nam. Sự xuất hiện của các bài viết như "Thế nào là yêu nước?" đăng trên báo *Thể thao và Văn hóa*; "Không thể yêu nước trong sự vô minh" đăng trên báo *Đất Việt*, "Yêu nước bằng một cách thông minh chứ đừng mù quáng để kẻ gian lợi dụng" trên blog truongxua.vn của học sinh trường trung học, "Lòng yêu nước - đúng mực và thông thái" đăng trên báo *Hà Nội Mới*... đã chỉ rõ sự tinh táo của thế hệ trẻ trước các luận điệu xuyên tạc. Như trong một entry, nhà báo Phan Anh tâm sự: "Nhiều khi tôi "trộm nghĩ", chúng ta ai cũng kêu gào rằng mình yêu nước, rằng mình sẵn sàng làm mọi việc vì đất nước, nghe sao mà vĩ đại.

Nhưng nếu chúng ta thật sự yêu nước, thật ra chỉ cần làm những việc nhỏ nhặt, thường ngày thôi. Hãy thử bắt đầu bằng việc biết yêu thương đồng loại, thương bạn bè, bố mẹ, biết học thật giỏi, biết nghe những điều hay và bảo tồn văn hóa truyền thống... Tôi biết, nói nghe thì có vẻ lý thuyết hão, nhưng tôi cho đó là hành động yêu nước thiết thực nhất. Yêu nước, đâu cần cứ phải hé tướng lên là được?". Còn trong bài "Không thể yêu nước trong sự vô minh", bạn Lê Thị Hương (25 tuổi) viết: "Yêu nước xin hãy biết gạt bỏ những định kiến cá nhân để đặt lợi ích dân tộc lên trên hết. Hãy nhớ rằng có giữ được nước mới có cơ sở để mà xây dựng được một đất nước "đang hoàng hơn, to đẹp hơn", công bằng hơn, tốt đẹp hơn... Ai yêu nước thì hãy cố gắng hiểu nhiều hơn về nước mình để biết lợi biết hại, biết giữ cho trái tim nóng mà cái đầu thì nguội, bớt những suy nghĩ ngông cuồng".

Nước có yên thì mới phát triển được, chính trị có ổn định mới bảo đảm cho kinh tế phát triển. Điều ấy hẳn ai cũng biết. Trong điều kiện kinh tế còn không ít khó khăn, Đảng và Nhà nước vẫn dành ưu tiên hàng đầu cho nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta bảo vệ Tổ quốc bằng mọi biện pháp kinh tế, chính trị, ngoại giao, văn hóa, quân sự. Đến nay, nước ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 179 nước, bao gồm các nước lớn, các trung tâm kinh tế tài chính hàng đầu thế giới, hợp tác thân thiện và hiệu quả với các nước láng giềng, tiếp tục phát triển quan hệ với các bạn bè truyền thống. Chúng ta chủ động, tích cực tham gia các tổ chức khu vực và trên thế giới, đăng cai tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế lớn. Việt Nam đã và đang thuyết phục thế giới bằng môi trường chính trị ổn định, môi trường đầu tư hấp dẫn cùng thành tựu phát triển kinh tế, xã hội nổi bật... Tuy nhiên, trong bối cảnh mà sự nghiệp phát triển đất nước còn gặp rất nhiều khó khăn, hơn lúc nào hết, trên cơ sở của lòng yêu nước, cần tiếp tục củng cố khối đoàn kết

dân tộc, tạo ra sức mạnh vật chất - tinh thần mới để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Là người yêu nước, hãy đóng góp công sức và trí tuệ của mình vào sự nghiệp phát triển đất nước, và cũng nên tham khảo những dòng Tiến sĩ Nguyễn Đài Trang, một Việt kiều trẻ từ Canada về thăm Tổ quốc, đã viết: "Ở khắp mọi nơi, tôi nghe được tiếng lòng của mọi người Việt, già hay trẻ, nam hay nữ, trong nước hay ngoài nước. Đó là tiếng lòng yêu nước, là sự khát khao tìm hiểu về nguồn cội và là tiếng nói đoàn kết vì sự phát triển và vững mạnh của dân tộc".

KHI PHẢN BIỆN XÃ HỘI ĐƯỢC SỬ DỤNG NHƯ MỘT "CHIÊU BÀI"!*

HUỲNH TẤN

"Ngày nay, có thể nói mạng internet đã tạo cơ hội để con người có nhiều hơn một khuôn mặt. Chưa có thời kỳ nào khuôn mặt con người lại đa dạng đến thế... Ở đó, họ dễ dàng hành xử như một người vô danh, hoặc bỗng nhiên nhờ vào thế giới ảo mà trở thành nổi tiếng" - đó là nhận xét của tác giả Nguyên Anh trong bài "Thế giới mạng và sinh mạng thứ hai". Căn cứ vào diễn biến của hiện tượng, có thể nói nhận xét này khá phù hợp với một số người nhân danh "phản biện xã hội", "tinh thần dân chủ" và "lòng yêu nước" vẫn hằng ngày xuất hiện trên internet. Vì vài năm sau ngày Việt Nam hòa mạng toàn cầu, đã xuất hiện một số website, blog, facebook cá nhân,... là nơi công bố ý kiến "phản biện xã hội" của một số người, trong đó có người thường được BBC, VOA, RFA,... giới thiệu là "nhân sĩ, trí thức hàng đầu". Về các "phản biện xã hội" đó, trong một bài viết đăng trên sachhiem.net, Giáo sư Trần Chung Ngọc - tác giả là người Mỹ gốc Việt, nhận xét: "Tôi có cảm tưởng là đối với họ, phản biện có nghĩa là phải chống Đảng, cãi Đảng, bất kể đó là vấn đề gì của Đảng, đúng hay sai". Nhận xét của Giáo sư Trần Chung Ngọc xác đáng như thế nào, hãy để bạn đọc đánh giá. Nhưng

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 12-3-2013.

dù vậy, liệu có thể coi là bình thường nếu đọc các bài vở, ý kiến, xem các bức ảnh, video clip của những người này trên mạng?

Không thể coi là bình thường vì cứ dăm bữa, nửa tháng lại thấy xuất hiện một "thư ngỏ", "kiến nghị",... chủ yếu được công bố trên internet trước khi tới nơi cần gửi! Đứng đầu danh sách ký tên vào "thư ngỏ", "kiến nghị",... thường là một nhóm người nếu tên tuổi không gắn với một chức danh, học vị thì cũng đi liền với một, hai chức vụ thời quá khứ và hình như họ không có việc gì khác để làm, chỉ viết đơn, thư!? Không bàn tới các entry, comment chửi bới, vu cáo, xúc phạm bất kỳ người nào có ý kiến khác mình, chỉ đề cập tới hiện tượng liên quan tới các cá nhân đang hăng hái "phản biện" trên internet đã thấy nhiều chuyện bi hài. Như ông "phó giáo sư" nọ lại tự giới thiệu là "giáo sư", rồi ông "chủ tịch hội đồng khoa học" một viện nghiên cứu - chức vụ mang tính lâm thời, về hưu từ lâu mà vẫn xăm xắn với chữ "chủ tịch". Thật sững sốt khi thấy một vị tiến sĩ hùng hổ quát tháo, mày tao chí tớ với nhân viên bảo vệ tượng đài Cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh. Có ông chưa biết phân biệt Mục Nam Quan, Ái Chi Lăng khác nhau như thế nào, không biết Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân..." mà vẫn say sưa "phản biện". Có ông năm trước vừa "vinh danh" một người, ngay năm sau người mới được "vinh danh" đã lên facebook kể ông nọ gọi mình là "kẻ vô ơn", và hứa hẹn "sẽ chứng minh ngược lại họ chính là kẻ vô ơn và lão xược"! Bình luận về tình trạng hỷ nộ ái ố trên, một blogger viết: "Đứng trên góc độ một người được giáo dục thì phải biết tôn ti trật tự, biết tôn trọng các quy định chung của xã hội, của cộng đồng. Đó là cái lẽ. Các vị mang danh là "trí thức" thì chắc chắn đã được giáo dục rồi, thậm chí họ còn đi giáo dục người khác nữa chứ! Nhưng mà sao xem clip các vị ấy tự biên, tự diễn thì tôi không thấy thế? Xem nó tôi có cảm giác giống như xem mấy clip của cái túi choai

choai rỗi hơi gọi điện chọc phá các điện thoại viên rồi đăng lên youtube để hả hả với nhau"! Blogger khác bình luận: "Hầu hết những người đồng đơn với ông, khi ký tên vào bản kiến nghị, đều treo lủng lẳng bên cạnh mình một loạt chức danh có được trong chế độ độc đảng mà cái chế độ đó nay họ đòi loại bỏ. Không ai tự phủ nhận mình khi ghi các chức danh đó... vì nếu phủ nhận mình thì tiếng nói của mình cũng thành vô giá trị"!

Năm 2012, trong lời giới thiệu bài “Trí thức và phản biện” của Giáo sư Trần Chung Ngọc, tòa soạn sachhiem.net viết: “Nói rằng một người có cặp mắt sáng có thể lái xe ban đêm giỏi, nhưng không thể cản cứ vào tài lái xe ban đêm để đo lường độ sáng của cặp mắt. Cũng vậy, phản biện có thể là một trong những hành vi mà một trí thức có thể làm, nhưng không thể là một định nghĩa cho trí thức. Nhất là, gấp gì cũng phản biện, phản biện số 2 thành số 7, phản biện cho mâu đỏ thành mâu đen,... thì nhất định không phải là phản biện. Đành rằng, một khi có được các phản biện có giá trị, điều đó sẽ làm cho xã hội tiến bộ hơn; nhưng nếu cho đó là nhiệm vụ của “trí thức”, sẽ trở thành hàm hồ. Thái độ “gom về mình” để được mặc áo trí thức mỗi khi phản biện, thì lại càng không nên là hành vi của một trí thức”. Trong bài viết, Giáo sư Trần Chung Ngọc khẳng định: “Chức năng của trí thức thì đa dạng, và với sự hiểu biết của họ, với kiến thức chuyên nghiệp, họ có thể giúp ích cho xã hội nhiều hơn là lao mình vào lĩnh vực phản biện, nhất là khi họ không có đủ thông tin, không có sự hiểu biết sâu rộng và chính xác về vấn đề, thì đó chỉ là một quan niệm cá nhân... Điều hiển nhiên là không có một trí thức nào có thể bao quát được mọi vấn đề trong xã hội, họ chỉ có thể đóng góp cho xã hội trong lĩnh vực chuyên môn của họ, đi ra ngoài lĩnh vực mà họ không nắm vững thì họ trở thành một anh thợ giày mà lại cứ muốn đi lên trên nòi giày dép... Phản biện là dùng lý lẽ, biện luận

với thông tin, tài liệu, bằng chứng, để phản bác, chứng minh một vấn đề nào đó, có thể là một luận cứ văn học, một quan điểm về khoa học, một nhận định xã hội, một luận cứ trong tòa án, v.v. là không đúng, là sai lầm cho nên cần phải bác bỏ... Đây không phải là điều trí thức nào cũng làm được, nhất là về lĩnh vực chính trị, đối ngoại hay đường hướng quốc gia, các lĩnh vực mà Nhà nước tất nhiên có cái nhìn bao quát, tổng hợp và đầy đủ thông tin hơn cá nhân. Nước Mỹ là nước được cho là dân chủ nhất thế giới, dù chính sách đối ngoại của Mỹ không có gì là dân chủ. Trong chế độ dân chủ của Mỹ, người dân có quyền bỏ phiếu để chọn lựa nguyên thủ quốc gia, tuy nhiên khi phiếu của người dân (popular vote), dù là đa số, cũng không có giá trị bằng phiếu của các vị đại diện cho họ (electoral vote). Năm 2000, trong cuộc bầu cử Tổng thống, Al Gore được nhiều phiếu của dân chúng hơn, nhưng Bush vẫn thắng vì được nhiều phiếu của các dân cử. Đây không hẳn là dân chủ theo nghĩa "thiểu số phục tùng đa số". Nhiều trí thức Mỹ đã lên tiếng phê bình vấn nạn này. Chính quyền Bush tạo ra những thông tin ngụy tạo về Irắc để có cớ xâm lăng Irắc, người dân cũng chỉ có thể phản đối hay biểu tình chống chiến tranh, nhưng không thể phản biện. Và chiến tranh Irắc đã tốn mấy nghìn nhân mạng lính Mỹ, vài trăm tỉ đôla, vài trăm nghìn người Irắc, cuối cùng thì Mỹ cũng rút quân để lại không biết bao nhiêu là hệ lụy cho Irắc".

Là lẽ thông thường nhưng cần thiết, phản biện xã hội là hoạt động phải được khuyến khích trong sinh hoạt xã hội. Nếu một mặt phản biện có thể giúp điều chỉnh xã hội từ vi mô tới vĩ mô, thì mặt khác, phản biện là biểu thị cho tính dân chủ của xã hội. Vấn đề là ở chỗ, phản biện phải hướng tới ổn định và phát triển xã hội - con người, không thể chấp nhận phản biện nhằm gây mơ hồ, làm lạc hướng nhận thức chung, tiến công vào nguyên tắc tổ chức và hệ thống chính trị của xã hội. Tuy nhiên cần nhấn mạnh rằng, mọi tổ

chức từ Trung ương tới địa phương, mọi cá nhân có trách nhiệm ở các cấp chính quyền cần tiếp nhận ý kiến phản biện một cách khách quan để tổng kết, rút ra tham vấn hữu ích nhằm điều chỉnh. Hiện tại, việc triển khai kế hoạch lấy ý kiến nhân dân với Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 đã và đang nhận được sự quan tâm của toàn xã hội. Đây là thời điểm quan trọng để mọi công dân thể hiện tinh thần trách nhiệm với quá trình hoàn thiện, phát triển đất nước. Đã có nhiều ý kiến tâm huyết gửi tới cơ quan có trách nhiệm, đó là biểu hiện cụ thể về sự trưởng thành của ý thức công dân. Và đó cũng là để khẳng định sự lạc lõng của một số người đang sử dụng phản biện xã hội làm "chiêu bài" phục vụ cho các tham vọng thiển cầu thị.

VỀ THỦ ĐOẠN TRÍCH DẪN CẮT XÉN, XUYÊN TẠC VĂN BẢN*

LÊ VŨ TIẾN BÌNH

Trong nghiên cứu khoa học, viết báo và nhiều hoạt động văn hóa - xã hội khác, trích dẫn ý kiến của một cá nhân, trích dẫn từ sách vở, văn bản,... là thao tác nhằm làm sáng tỏ vấn đề, giúp hoàn thiện sản phẩm. Tuy nhiên, có một số tác giả khi trích dẫn, lại sử dụng thủ đoạn cắt xén để xuyên tạc, làm méo mó nội dung, gây ngộ nhận cho người đọc,... Hiện tượng này cần phải phê phán nghiêm khắc.

Cách đây vài năm, bàn về vấn đề "phê bình văn học cần có tính dân chủ cao", một tác giả dẫn lời Bác Hồ: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý"¹. Đoạn trích trên để làm người đọc am hiểu về sự chặt chẽ, tính lôgic trong các vấn đề lý

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 5-4-2013.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr. 378.

luận - thực tiễn mà Bác Hồ đặt ra, sẽ chưa tin cậy, vì điều Bác Hồ nói không đi kèm với việc xác định thế nào là "chân lý". Đúng vậy, ngay sau đó có người chứng minh tác giả trên trích dẫn cắt xén, và đồng thời đưa ra dẫn chứng việc cần hiểu "chân lý" trong nội dung này như thế nào đã được Bác Hồ chỉ ra rất cụ thể: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý. Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân.

Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý. Ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân - tức là phục tùng chân lý"¹.

Qua các thí dụ trên có thể thấy, hiện tượng viết và nói xưng xứng, trích dẫn ý kiến, văn bản bằng thủ pháp cắt xén, mà một số tác giả sử dụng không chỉ tác động tiêu cực, làm người đọc hiểu sai vấn đề, mà còn cho thấy mục đích không trong sáng của người trích dẫn. Đặc biệt, có thể nhận diện hiện tượng này qua việc một số người đã trích dẫn cắt xén từ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (Hiến pháp), Tuyên ngôn nhân quyền của Liên hợp quốc (Tuyên ngôn), Công ước về các quyền dân sự và chính trị (Công ước) để phê phán Đảng và Nhà nước Việt Nam. Thí dụ:

- Dẫn lại Điều 69 từ Hiến pháp, người ta cắt xén và chỉ để cập tới nội dung: "Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình", trong khi nguyên văn Điều 69 của Hiến pháp là: "Công dân có quyền tự

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.378.

do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật".

- Sử dụng Tuyên ngôn để biện hộ cho vấn đề "tự do ngôn luận", người ta chỉ dẫn lại nội dung Điều 19 Tuyên ngôn: "Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và bày tỏ ý kiến. Quyền này bao gồm sự tự do giữ quan điểm không có sự can thiệp và sự tự do tìm kiếm, tiếp nhận, chia sẻ các ý tưởng và thông tin bằng bất kỳ phương tiện truyền thông nào và không có biên giới". Dẫn như vậy dễ gây ngộ nhận rằng "tự do ngôn luận" là bất khả xâm phạm, nhưng trên thực tế, họ đã tảng lờ khoản 2 Điều 29 của Tuyên ngôn đưa ra chế định rất cụ thể: "Trong khi thực hiện các quyền và quyền tự do cho cá nhân mọi người chỉ phải tuân thủ những hạn chế do luật định nhằm mục đích duy nhất là bảo đảm việc thừa nhận và tôn trọng đối với các quyền và quyền tự do của những người khác, đáp ứng được những đòi hỏi chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ".

- Dẫn lại Điều 18 Công ước để cập tới tự do tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo, họ chỉ sử dụng nội dung: "1. Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo" mà tảng lờ khoản 3 Điều 18 viết: "Quyền tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn bởi những quy định của pháp luật và những giới hạn này là cần thiết cho việc bảo vệ an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức của công chúng hoặc các quyền và tự do cơ bản của người khác". Với Điều 19 của Công ước cũng vậy, người ta chỉ dẫn lại nội dung khoản 2: "Mọi người có quyền tự do ngôn luận...", mà tảng lờ việc Điều 19 của Công ước có kèm theo yêu cầu rất cụ thể: "Việc thực hiện các quyền quy định tại khoản 2 của Điều này kèm theo những nghĩa vụ và trách nhiệm đặc biệt. Do đó, có thể dẫn tới một số hạn chế nhất định, tuy nhiên, những hạn chế này phải được pháp luật quy định và cần thiết để: a. Tôn trọng các

quyền hoặc uy tín của người khác; b. Bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức của công chúng"...

Rõ ràng, qua việc cắt xén các trích dẫn, người ta đã làm méo mó một ý kiến, một văn bản như thế nào. Cần nhận thức rằng, một trong những yếu tố cơ bản đầu tiên bảo đảm thái độ khách quan, tính hiệu quả, khả năng thuyết phục, ý nghĩa xã hội rộng rãi của nghiên cứu khoa học, viết báo,... là tinh thần lương thiện trí thức. Thiếu sự dẫn dắt của tinh thần lương thiện trí thức, hành vi nghề nghiệp dễ bị cuốn theo mục đích thiếu trong sáng, và dẫn tới những thủ đoạn thiếu lương thiện. Sự nghiêm túc trong hoạt động tinh thần thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, trong đó có sự chính xác, trung thực trong việc trích dẫn. Việc trích dẫn cắt xén nhằm xuyên tạc ý nghĩa của văn bản, tài liệu, xét đến cùng là có nguồn gốc từ mưu đồ cá nhân không lành mạnh, đó là việc làm cần được cảnh báo, vạch mặt chỉ tên.

CỎ VŨ CHO HÀNH VI PHẠM PHÁP LÀ HÀNH ĐỘNG BẤT LƯƠNG*

LÊ VÕ HOÀI ÂN

Nhiều ngày trước khi Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa sơ thẩm xét xử hai bị cáo Đinh Nguyên Kha, Nguyễn Phương Uyên, qua internet, có thể đọc toàn văn Cáo trạng số 31/QĐ-KSĐT của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Thậm chí, có thể đọc bản viết tay lời nhận tội của Nguyễn Phương Uyên, trong đó có đoạn: "Bản thân tôi nhận thấy việc mình làm đã vi phạm pháp luật Nhà nước Việt Nam, chống lại Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; giúp cho tổ chức phản động chống Đảng, Nhà nước. Do trong thời gian đó tôi gặp khó khăn về mặt kinh tế, gia đình có nhiều chuyện xảy ra nên những việc làm này đều nhằm mục đích lấy lòng tên Thành để hấn cho máy laptop, điện thoại và hỗ trợ việc học (tiền, công việc). Sau việc làm này tôi rất ân hận và thành thật nhận tội đã gây ra. Mong rằng Nhà nước, Đảng sẽ khoan hồng tha thứ, tạo điều kiện cho tôi với mức án nhẹ nhất để tôi tiếp tục công việc hành, trở thành người công dân hữu ích cho đất nước. Tôi mong sẽ được chuộc lỗi lầm của mình"... Từ chứng lý cụ thể, Cáo trạng khẳng định hành vi "của các bị can Đinh Nguyên Kha, Nguyễn Phương

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 21-5-2013.

Uyên phạm vào tội "Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam", quy định tại điểm c khoản 1 Điều 88 Bộ luật Hình sự. Vậy mà các thế lực chống phá vẫn cố tình tảng lờ các chứng lý mà Cáo trạng khẳng định, rồi cố tình gán cho việc làm của hai người này danh nghĩa "thể hiện lòng yêu nước"! Họ dùng đủ loại ngôn từ tán dương, hòng làm thay đổi bản chất sự kiện, làm chệch hướng tiếp nhận của công chúng.

Phiên tòa sơ thẩm kết thúc, trước những thông tin xuyên tạc... do một số tổ chức, cá nhân tiếp tục đưa ra, có người nhận xét: "Như đã biết trước, hầu hết blogger đều tả tình, tả cảnh ngoài vỉa hè tòa án và cố sống cố chết nhặt nhạnh các tình tiết nhạy cảm có lợi, hòng kêu gọi sự đồng cảm, ủng hộ của công luận. Và lẽ đương nhiên, lờ tịt việc Kha - Uyên đã tự tạo mìn, đã rải truyền đơn kêu gọi lật đổ chế độ này và phục dựng chế độ cờ vàng ba sọc cũ". Hai vị luật sư từng tham gia tranh tụng tại tòa lại có ý kiến khá lạ tai. Trả lời phỏng vấn của RFI ngày 16-5, một vị kể về tình huống oái oăm: "Trong phiên tòa này, có điều đặc biệt là các em nhận tội (trong một số "hành vi vi phạm" có mức độ), nhưng các luật sư bào chữa đều đề nghị tuyên bố vô tội"! Và dù vẫn còn một số ý kiến cần bàn lại, vị luật sư đã không thể không nói về sự thật: "Các em thừa nhận rằng, khi bị giam giữ rồi, các em có thấy các sai trái (của mình) theo quy định hiện hành của pháp luật nhà nước, còn khi thực hiện thì các em không thấy... Riêng tôi nhận xét là mấy em tuổi trẻ nhiệt huyết, nhưng do non nớt về chính trị, chưa có kinh nghiệm, nên mấy em trở thành nạn nhân của một lực lượng X. Mà lực lượng X này, thì chỉ có cơ quan an ninh điều tra mới giải mã được, mới biết được". Còn vị luật sư khác, trả lời phỏng vấn của RFA ngày 16-5, lại đưa ra một lý giải rất khác thường: "Tôi có thể nhắc lại thế này: một cờ vàng ba sọc đỏ là cờ của tổ tiên người Việt Nam, các nước phong kiến Việt Nam trước đây, và sau này được

Việt Nam Cộng hòa sử dụng lại, chứ không phải biểu tượng của một tổ chức phản động nào cả"!

Về lịch sử các lá cờ, Triều Nguyễn có "Long Tinh kỳ" (1863-1885), sau đó là "Đại Nam kỳ" (1885-1889). Năm 1890, Thành Thái lên ngôi, lá cờ ba sọc màu đỏ trên nền vàng mới ra đời, được sử dụng đến năm 1916 - năm hoạt động chống thực dân Pháp của vua Duy Tân thất bại, ông bị Pháp bắt rồi đày ra đảo La Réunion. Năm 1916, Khải Định lên ngôi đã thay thế "cờ ba que" bằng "cờ Long Tinh". Đến Bảo Đại, tiếp tục sử dụng "cờ Long Tinh". Năm 1945, khi thành lập chính quyền thân Nhật, Bảo Đại cho ra đời "cờ quẻ ly" và cờ này chỉ được sử dụng hơn 5 tháng. Năm 1948, thành lập chính phủ bù nhìn thân Pháp, Bảo Đại lại sử dụng cờ ba sọc màu đỏ trên nền vàng. Chính quyền Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu tiếp tục sử dụng cờ này. Nhưng chính quyền tay sai cho quân xâm lược đã làm ô uế lá cờ của vua Thành Thái, vì lẽ đó người dân gọi là "cờ ba que" (thời kỳ 1955 - 1975). Như vậy, đâu phải "tổ tiên của người Việt" sử dụng cờ này như vị luật sư nói xẳng mà "cờ ba que" ra đời, gắn liền với Khải Định và cuộc xâm lược của thực dân Pháp. Còn nếu nói "các nước phong kiến Việt Nam trước đây" sử dụng "cờ vàng", liệu có thể chứng minh các nước Đại Cồ Việt, Đại Việt, Đại Ngu, Đại Việt, Việt Nam (thời Gia Long) đã sử dụng cờ này? Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là sự ra đời, lịch sử của "cờ ba que" có gì đáng để mọi người Việt Nam yêu nước, có liêm sỉ, biết tự trọng có thể tự hào? Câu hỏi được Nguyễn Mạnh Quang - một nhà nghiên cứu là người Mỹ gốc Việt, trả lời cụ thể: "Quốc kỳ là cờ hiệu của một nước phải biểu tượng cho lý tưởng, khát vọng của toàn dân mà những người yêu nước đã chiến đấu để đạt được. Ấy thế mà lá cờ vàng ba sọc đỏ không những đã không có cái đặc tính cao đẹp này, mà lại còn là một biểu tượng cho sự nhục nhã về những hành động tội ác chống lại Tổ quốc và dân tộc của

những tên đai Việt gian như Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu và tất cả những người tự nhận là người Việt Quốc gia".

Từ ngày phải sống cuộc đời lưu vong ở nước ngoài, một số người lại sử dụng "cờ vàng" làm "biểu tượng đấu tranh" - hình thức kỳ quái của phép thắng lợi tinh thần để tự bù đắp nỗi đau thất bại và hy vọng hão huyền. Tại nước Mỹ, trò vè "phất cờ vàng" đã trở nên lố bịch, đến mức có người Mỹ từng ném nó vào thùng rác. Về "cờ vàng", trên internet, một tác giả đã viết: "Thử tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra khi cờ vàng có tinh thần thánh chiến như Al Quaeda, có các chiến binh cờ vàng sẵn sàng mang bom liều chết để gây bất ổn cho kẻ thù? Vĩnh viễn không bao giờ có được, vì cờ vàng rất ích kỷ không bao giờ muốn chết cho kẻ khác sống, lá gan của cộng đồng cờ vàng không đủ lớn để làm những việc như thế, duy chỉ có cái mồm vẫn đủ lớn để nói láo suốt ba mươi tám năm qua... Dấn thân vào con đường chống cộng là sống trong ảo tưởng, nhưng khi đã thích nghi với nó, họ cảm thấy hài lòng và hầu như ai cũng nhiễm thứ bệnh tâm thần hoang tưởng này. Bất cứ người nào chống cộng giống như họ đều được họ chấp nhận, hoan nghênh vì đáp ứng được điều kiện "cần" của tiêu chuẩn cờ vàng"!

Trong bài “Đừng giữ một giấc mơ đã chết” đăng trên BBC ngày 16-5, Jonathan London đã viết rằng: “Thế thì tôi vẫn rất ngại ủng hộ (thậm chí làm bạn trên mạng) những ai muốn dùng lá cờ này, vì điều đó (theo tôi được biết, nhiều khi) bao hàm ý muốn trở về một thời đã xa và một chế độ thất bại vì nhiều lý do... Nhai đi nhai lại quá khứ hoặc khua những biểu tượng quá vãng của một chế độ đã chết từ lâu chắc chắn không phải là một con đường hứa hẹn tương lai xán lạn”!

Về Đinh Nguyên Kha, Nguyễn Phương Uyên, mọi người lương thiện đều mong mỏi họ sẽ nhận thức sâu sắc về lỗi lầm, để nhận được sự khoan dung của pháp luật, từ đó phần đấu trở thành công

dân có ích. Khi còn thiếu bản lĩnh và sự chín chắn, sai lầm có thể xảy ra; nhưng xã hội luôn rộng lượng, sẵn sàng giúp họ về với con đường đúng. Vì thế cổ vũ, khuyến khích họ đi theo cái xấu và có hành vi phạm pháp là việc làm bất lương. Nếu thật sự yêu nước, hãy giúp họ trau dồi ý thức về nghĩa vụ, trách nhiệm đối với Tổ quốc, không được lợi dụng, biến họ thành phương tiện phục vụ tham vọng xấu xa. Những ngày qua trên internet đã có rất nhiều ý kiến chân thành gửi tới Đinh Nguyên Kha, Nguyễn Phương Uyên, hy vọng sẽ có ý nghĩa đối với họ: "Chỉ có một cách cuối cùng để cứu mình thôi Uyên ơi. Đó là, khi phúc thẩm, ra tòa em hãy nói một cách thành thật những gì đã xảy ra với em. Nếu trước tòa, thấy sai em hãy thành thật nhận lỗi, đừng quanh co. Và quan trọng nhất là đừng biến mình thành kẻ bung xung làm vật tế thần cho kẻ khác... Đừng có mê sảng tin rằng một nhúm người như chúng, đứng ở ngoài, phất cờ ba sọc mà có thể lật nhào một chế độ đã có lịch sử trong gian khó mà vẫn đánh bại nhiều thế lực hùng mạnh nhiều tiền, lăm súng...", và "Tương lai của các em còn rất dài, hãy là những "chủ nhân tương lai của đất nước" Việt Nam theo đúng nghĩa chứ đừng để mình bị biến thành quân cờ trong tay của các thế lực ngoại bang, của những con người vốn vẫn mang nặng hận thù với Việt Nam để rồi phản bội lại chính quốc gia, dân tộc mình".

SỰ THẬT VỀ CÁI GỌI LÀ "NHÓM TUỔI TRẺ YÊU NƯỚC"^{*}

HOÀNG ANH BIÊN

Đầu năm 2011, một số diễn đàn trên internet đưa tin và làm rùm beng về sự ra đời của cái gọi là "nhóm tuổi trẻ yêu nước". Một số thành viên của "nhóm" này như Võ Minh Trí, Trần Vũ Anh Bình, Đinh Nguyên Kha, Nguyễn Phương Uyên đã bị tòa án xét xử với tội danh "Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" theo Điều 88 Bộ luật Hình sự. Sự thật về cái gọi là "nhóm tuổi trẻ yêu nước" là gì?

Ngày 3-1-2012, RFA đăng bài trả lời phỏng vấn do Mặc Lâm thực hiện, nội dung tập trung vào hoạt động của Nguyễn Thiện Thành - kẻ đang bị Cơ quan Công an Thành phố Hồ Chí Minh truy nã theo Lệnh truy nã số 3 ngày 23-4-2012 về "Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Thiện Thành đã thành lập "nhóm tuổi trẻ yêu nước" ra sao, lập website cho "nhóm" như thế nào, đã làm gì để trốn khỏi Việt Nam? Trả lời phỏng vấn, Thiện Thành nói nhiều điều mà trong đó có một nội dung, không biết do thiếu hiểu biết hay nói liều, rằng: "Bằng những hiểu biết mà chúng tôi có được là lá cờ vàng ba sọc đỏ là biểu tượng có từ thời Hai Bà Trưng" (?). Các nội dung như trả lời phỏng vấn của Thiện Thành cùng việc liên tục công bố trên

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 24-5-2013.

internet các "tuyên bố" kết thúc bằng câu "tuổi trẻ yêu nước Huế, Sài Gòn, Hà Nội", rồi nay đưa tin "rải truyền đơn" ở tỉnh này, mai lại đưa tin "treo cờ vàng" ở tỉnh nọ... dễ làm cho người đọc lầm tưởng "nhóm tuổi trẻ yêu nước" ra đời từ trong nước, và có hoạt động gây tiếng vang!

Song sự thật không phải vậy. Vào website của "nhóm" này sẽ thấy ở đó nhan nhản đủ loại tin tức từ kêu gọi "biểu tình", thánh lễ cầu nguyện tới tin khẩn, tin "đức thánh cha", "hàng trăm lá cờ vàng thân yêu được dán ở Việt Nam". Không chỉ có thế, họ còn có thư mời tham dự buổi văn nghệ "dòng nhạc tuổi trẻ yêu nước tại San Jose năm 2013 tổ chức tại tiền đình quận Santa Clara số 70 West Hedding, San Jose CA 95110 với chương trình có hai phần bài hát thuộc dòng nhạc tuổi trẻ yêu nước từ quốc nội xen lẫn những sáng tác đấu tranh ở hải ngoại và bài hát ca ngợi quê hương, vinh danh người lính Việt Nam cộng hòa". Thực ra, mọi sự đã rõ ràng kể từ ngày SBTN-TV của Trúc Hồ phát "Kim Nhung show" phỏng vấn Vũ Trực. Sau đó, ngày 15-2-2012, tuần báo *Người Việt tây bắc* do Phạm Kim làm chủ nhiệm kiêm chủ bút cho đăng toàn văn cuộc phỏng vấn với lời giới thiệu Trực là "một thành viên sáng lập và cũng là trụ cột của nhóm "tuổi trẻ yêu nước" thành lập từ năm 2011". Tiếp theo, để chứng minh mình là ai, chính "nhóm" này công bố bức ảnh chụp giấy chứng nhận Vũ Trực đã mua website cho họ "ở Mỹ từ tháng 4-2011 với giá 189,70 USD của hãng Bluehost". Vậy là rõ, "nhóm tuổi trẻ yêu nước" chỉ là một tổ chức phản động ở nước ngoài.

Vũ Trực có quốc tịch Mỹ, sinh năm 1966, là kỹ sư điện toán hiện đang cư trú tại Seattle, tiểu bang Washington, Hoa Kỳ. Hơn 10 năm trước, Trực tham gia cái gọi là "chính phủ Việt Nam tự do" - tổ chức phản động do Nguyễn Hữu Chánh cầm đầu đã bị các cơ quan chức năng của Việt Nam đưa vào danh sách "tổ chức khủng bố". Trực được Nguyễn Hữu Chánh cử làm "trưởng ban an ninh"

của Việt Nam tự do; đến năm 2003, Trực được cho giữ chức "thứ trưởng bộ thanh niên" của Việt Nam tự do! Tới năm 2005, có lẽ vì thấy không kiểm xác được gì từ Việt Nam tự do, Trực xin rút khỏi tổ chức này, nhưng cũng nhanh chóng trở thành "đảng viên của Việt Nam quốc dân đảng" dưới quyền "đảng trưởng Lê Thành Nhân". Về sau Trực được "đảng trưởng" giao nhiệm vụ quản lý, điều khiển "nhóm tuổi trẻ yêu nước", phụ trách quản trị hệ thống cổng thông tin và mạng xã hội của "nhóm", điều hành từ xa qua internet. Đó chính là lý do để trả lời phỏng vấn của RFA, Thiện Thành kể: "Tôi đi vào dịch vụ internet bằng những kiến thức mà tôi học được từ nhóm do Vũ Trực là chuyên viên hướng dẫn thì tôi vô hiệu hóa những cây blog mà công an họ đã cài sẵn ở trong đó. Tôi bắn cái thư tín bằng tín hiệu mật mã cho anh Vũ Trực thì nhận được cái lời của anh Vũ Trực là hãy trốn thoát gấp". Khi trả lời phỏng vấn trên SBTN-TV, Trực cũng không úp mở khoe rằng: "cá nhân tôi cùng với một số anh em ở hải ngoại nghĩ rằng muốn đấu tranh phải có tổ chức... cho nên chúng tôi thành lập tuổi trẻ yêu nước".

Tổ chức "nhóm tuổi trẻ yêu nước", Vũ Trực cùng một số kẻ cầm đầu ở nước ngoài cố gắng thực hiện âm mưu mốc nối xây dựng lực lượng, nhân danh tinh thần yêu nước để kích động biểu tình, phá rối an ninh trật tự, từng bước hình thành tổ chức đối lập công khai nhằm lật đổ Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam... Để thực hiện, chúng triệt để lợi dụng sự phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt là internet (với website, blog, skype, paltalk - ứng dụng dùng liên lạc, trò chuyện qua internet với tiếng nói trực tiếp, chat video giữa cá nhân, hoặc nhóm...) để lôi kéo, móc nối. Chúng tập trung vào thanh niên, sinh viên - bộ phận xã hội thường xuyên truy cập internet. Qua internet, chúng đặt bí danh, bí số, email riêng để liên lạc và hoạt động đơn tuyển; mọi giao tiếp đều thực

hiện qua mạng (như nhận và chuyển tài liệu qua email, skype, chat voice, phần mềm điều khiển từ xa "teamviewer"...). Để cung cấp phương tiện hoạt động, chúng tìm cách trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại cho thành viên, như bút gắn camera có thể ghi âm và chụp ảnh, máy tính xách tay, máy ảnh, Iphone, máy in,... Khoản kinh phí cho đồng bọn hoạt động được chuyển qua hệ thống bất hợp pháp. Sau một thời gian, thông qua internet, Trực và mấy kẻ cầm đầu đã làm quen, trao đổi trực tiếp với một số cá nhân ở trong nước, rồi giới thiệu cho họ một số nickname, hướng dẫn cách truy cập vào website của "nhóm" để đọc và thảo luận; đồng thời chúng lập địa chỉ trên facebook để thu hút và tác động tới tư tưởng của người truy cập.

Đầu năm 2011 qua internet, Trực (với bí danh Hồn Việt) chiêu mộ được một số người tại Việt Nam tham gia khóa học lập trình website trên internet do y dạy miễn phí. Thời gian đầu, Trực dạy lập trình, sau đó thì tìm cách lồng ghép vào đó những đề tài có tính chất chống phá Đảng và Nhà nước Việt Nam. Sau khi bị Trực dụ dỗ, lôi kéo, Trần Vũ Anh Bình được giao điều hành một blog âm nhạc đăng tải nội dung sai trái, kích động nhân dân, chia rẽ đoàn kết dân tộc. Võ Minh Trí sáng tác, biên tập bài hát có ca từ phản động gửi cho Trực đăng trên trang web của "nhóm". Ngoài ra, Bình và Trí còn sản xuất "cờ vàng ba sọc", tờ rơi có nội dung xấu để treo, rải ở một số nơi, chụp hình, quay phim lại để đưa lên internet.

Để gây thanh thế cho "nhóm tuổi trẻ yêu nước", vừa lợi dụng internet để cổ vũ hoạt động và bảo vệ số thành viên bị chính quyền xét xử trước pháp luật biến họ thành "người hùng", Vũ Trực và đồng bọn vừa phối hợp với một số tổ chức phản động lưu vong như "Ủy ban cứu người vượt biển", "Đài SBTN", "Đoàn thanh niên thủy quân lục chiến", "Đoàn thanh niên Việt - Mỹ",... gửi "thỉnh nguyện thư" nhằm tác động tới Chính phủ Mỹ và một số nước khác gây sức

ép với Việt Nam về "dân chủ, nhân quyền", đòi thả những người bị tòa án nhân dân xét xử, tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ, biểu tình, tuần hành tại một số nơi có đông người gốc Việt sinh sống ở Mỹ. Thậm chí Vũ Trực còn trực tiếp liên lạc với một cá nhân ở trong nước nhờ tư vấn thuê luật sư bào chữa cho Trần Vũ Anh Bình... Như vậy, từ lai lịch của kẻ cầm đầu, từ sự ra đời, mục đích, thủ đoạn hoạt động của nó, phải khẳng định "nhóm tuổi trẻ yêu nước" là một tổ chức phản động ở nước ngoài đã tiến hành các hoạt động chống phá Việt Nam thông qua một số cá nhân bị dụ dỗ, đầu độc về tư tưởng và được hỗ trợ về tài chính. Đối với Võ Minh Trí, Trần Vũ Anh Bình, Đinh Nguyên Kha, Nguyễn Phương Uyên, "yêu nước" chỉ là chiêu bài do kẻ chủ mưu từ bên ngoài tạo ra để che đậy hành vi phạm pháp. Vì thế, việc Tòa án nhân dân xét xử họ theo Điều 88 Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp. Đáng tiếc là một số tổ chức và chính phủ nước ngoài, một số cá nhân ở trong nước, ngoài nước đã cố tình không tiếp cận một cách khách quan để nhận thức đúng đắn bản chất sự việc, nên đã đưa ra ý kiến phê phán thiếu thiện chí. Vi phạm pháp luật phải bị xử lý bằng pháp luật, đó là nguyên tắc bất kỳ quốc gia nào cũng tuân thủ để bảo vệ con người, bảo đảm trật tự, công bằng xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia. Vì thế, chúng ta cần nhận diện các tổ chức như "nhóm tuổi trẻ yêu nước", để vạch trần bản chất và đấu tranh thắng lợi với mọi thủ đoạn của chúng để giữ gìn ổn định xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

TỪ TIẾM DANH ĐẾN LOẠN NGÔN, LỘNG NGÔN VÀ... LÙA BỊP!*

VŨ HỢP LÂN

Gần đây trên internet, một số người nhân danh "mạng lưới blogger Việt Nam" đã phát tán bản "tuyên bố" đề cập một cách tiêu cực về nhân quyền ở Việt Nam. Thông tin từ nhóm người này, cùng với sự phụ họa và cổ vũ của một số người khác trên internet, cho thấy họ đang đi từ sự tiềm danh đến lộng ngôn, loạn ngôn để lừa bịp dư luận.

Ở mọi quốc gia, việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống luật pháp luôn luôn là một trong những yêu cầu hàng đầu của quá trình tổ chức, quản lý cuộc sống, bảo đảm ổn định để phát triển xã hội, con người. Việt Nam cũng vậy, hệ thống luật pháp không chỉ là công cụ bảo đảm giữ gìn kỷ cương phép nước, mà còn trực tiếp tạo ra nguyên tắc pháp định để mỗi công dân thực hiện các quyền của mình, đồng thời thực hiện nghĩa vụ đối với xã hội; giữ gìn trật tự, an toàn và bảo đảm sự lành mạnh của sinh hoạt chung; bảo vệ an ninh quốc gia, phát triển các quan hệ quốc tế... Tuy nhiên, với các thế lực thù địch, một số tổ chức và cá nhân thiếu thiện chí thì luật pháp của Việt Nam lại là "lực cản" đối với hoạt động của họ. Trong hệ thống luật pháp Việt Nam, họ tập trung phê phán, chống phá các điều luật quan hệ trực tiếp tới các hành vi phạm pháp (như các

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 10-9-2013.

Điều 88, Điều 79, Điều 258 Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Gần đây nổi lên hoạt động của một nhóm người tự nhận là "mạng lưới blogger Việt Nam". Nhóm này không chỉ "sản xuất" cái gọi là "tuyên bố" để phát tán trên internet mà còn trao văn bản cho Đại sứ quán Hoa Kỳ, Đại sứ quán Thụy Điển, Đại sứ quán Cộng hòa Liên bang Đức tại Việt Nam, sang Bangkok, Thái Lan, để trao "tuyên bố" cho đại diện một số cơ quan quốc tế!

Qua danh sách nhóm người đã nhận danh "mạng lưới blogger Việt Nam" để ký vào "tuyên bố", có thể thấy họ luôn xuất hiện trong các "tuyên bố, kêu gọi, kiến nghị" phát tán trên internet. Hoặc, nếu không lộ diện qua đủ loại bài vở tạp nham trên mạng, thì họ cũng xăng xái ra Bắc vào Nam "biểu tình", "hợp mặt", "dã ngoại", tụ tập trước một số trại giam đòi thăm hỏi các phạm nhân đang chịu án tù vì vi phạm Điều 88, Điều 79, Điều 258 Bộ luật Hình sự! Chứng kiến hiện tượng bất thường này, có blogger phải lên tiếng cho rằng: "Đạo diễn và diễn viên của đám tuồng "rận chủ" đã đến hồi suy kiệt. Chẳng thể nghĩ ra được cái trò gì cho nên hồn. Giấu đâu hở đuôi, câu trước vả câu sau"; một số blogger lại đặt vấn đề về "giải ngân hải ngoại", "móc tiền hải ngoại", "công rắn cắn gà nhà", hoặc đặt câu hỏi: "Những bạn trẻ chẳng có công ăn việc làm ngoài việc chuyên hành nghề zân chủ ấy lấy tiền đâu cho các chuyến bay lượn, tiêu xài nếu không có "đại gia", tổ chức chống Nhà nước ta đứng sau hậu thuẫn?"; và một blogger khác thì viết rất chính xác rằng: "sống có đạo đức, chả có tâm địa gì xấu xa thì không cần phải quan tâm đến 258",....!

Tự nhận là "mạng lưới blogger Việt Nam", nhưng trong danh sách ký "tuyên bố" lại có người chưa bao giờ là blogger! Đặc biệt, khi đòi hỏi: "Chính quyền Việt Nam cũng cần xem xét lại tình trạng vi phạm nhân quyền trên đất nước họ", nhóm người ký "tuyên bố" cho thấy họ không phải người đang sinh sống ở Việt Nam,

mà nhân danh tổ chức, hội đoàn nào đó nằm ngoài đất nước này. Và bằng việc tự gán nhãn hiệu "mạng lưới blogger Việt Nam", họ đã tiếm danh hàng triệu blogger khác, dù các blogger đó không biết họ là ai, không ủy nhiệm cho họ. Không chỉ thế, họ lộng ngôn tới mức tự trao cho mình "quyền": "Tiếp tục giám sát, báo cáo và bình luận công khai về sự cải thiện, thut lùi hay vi phạm nhân quyền ở Việt Nam, với sự tập trung vào vấn đề chính sách và thực thi chính sách ảnh hưởng đến nhân quyền do nhà chức trách Việt Nam tiến hành"! Những việc làm vô lối này nhanh chóng được khuếch đại, làm rùm beng theo lối loạn ngôn thường thấy ở BBC, RFA,... và diễn đàn của một số tổ chức, cá nhân khác. Nên không có gì ngạc nhiên khi một số cơ quan truyền thông như BBC, RFA, RFI,... thi nhau hoan hỉ loan báo: "blogger Việt Nam ra tuyên bố chung", "blogger Việt Nam trao Tuyên bố 258 cho Liên hợp quốc", "Mỹ "rất quan tâm" tới tuyên bố của các blogger Việt Nam", "bước tiến của giới trẻ Việt Nam", "viên đá đầu tiên vươn tới quốc tế"...! Kỳ quái hơn, có người trơ tráo gắn "tuyên bố" vào quan hệ Việt Nam - Thụy Điển khi cho rằng: "Tuyên bố 258 đã góp phần đáng kể vào dự định của Chính phủ Thụy Điển: ODA dành cho Việt Nam sẽ được gắn với các tiến bộ về dân chủ, và nhân quyền", "đó là giọt nước tràn ly khiến Chính phủ Thụy Điển quyết định chấm dứt viện trợ"; thậm chí trên facebook, có kẻ còn làm như vì cái "tuyên bố" lố lăng kia mà Chính phủ Thụy Điển đã cho "đóng cửa Đại sứ quán tại Việt Nam"!

Trên thực tế, kế hoạch giảm dần và ngừng viện trợ ODA của Thụy Điển cho Việt Nam được công bố từ năm 2007 - năm Chính phủ Thụy Điển thông qua chính sách viện trợ phát triển mới, giảm từ 77 nước nhận viện trợ còn 33 nước và sẽ tập trung vào các nước nghèo ở châu Phi, châu Á và một số nước Đông Âu. Với Việt Nam, kế hoạch sẽ kết thúc tháng 12-2013, lý do để Thụy Điển triển khai

kế hoạch này là Việt Nam đang có nền kinh tế phát triển năng động, đời sống nhân dân dần dần được nâng cao, nên viện trợ ODA của Thụy Điển cho Việt Nam sẽ chuyển từ các dự án xóa đói giảm nghèo sang một số dự án quy mô nhỏ về quản lý, đào tạo, môi trường. Tương tự như vậy, cuối năm 2010 Bộ Ngoại giao Thụy Điển thông báo năm 2011 sẽ đóng cửa Đại sứ quán của Thụy Điển tại Malaixia, Áchentina, Việt Nam, Bỉ, Ănggôla. Ngài Carl Bildt - Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Thụy Điển, cho biết: "Quyết định khó khăn này là kết quả từ quyết định mới đây của Quốc hội cắt giảm khoảng 300 triệu kronor Thụy Sĩ (khoảng 43 triệu USD) ngân sách cấp cho các cơ quan chính phủ". Tuy nhiên, ngày 2-8-2011, Chính phủ Thụy Điển đã đạt được thỏa thuận giữ nguyên khoản tiền trị giá 300 triệu krona mà Chính phủ Thụy Điển định cắt giảm trong ngân sách năm 2011 nhằm duy trì hoạt động của các cơ quan ngoại giao của Thụy Điển ở nước ngoài. Vì thế, Chính phủ Thụy Điển đã ngừng việc đóng cửa Đại sứ quán ở Ănggôla, Việt Nam, Malaixia, Áchentina. Đó là lý do để Đại sứ quán Thụy Điển tại Việt Nam vẫn hoạt động bình thường. Cần khẳng định, cái gọi là "tuyên bố" của nhóm người tiếm danh "blogger Việt Nam" hoàn toàn không liên quan tới các quyết định Chính phủ Thụy Điển triển khai từ những năm trước. Sự nhập nhằng khi gắn "tuyên bố" với các kế hoạch của Chính phủ Thụy Điển về bản chất là bịa đặt để lừa bịp dư luận, gây ảnh hưởng tiêu cực tới quan hệ tốt đẹp giữa Chính phủ và nhân dân Việt Nam với Chính phủ và nhân dân Thụy Điển - nước "có phong trào ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam mạnh nhất, sớm nhất... nhiệt tình ủng hộ Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới ngay từ những ngày đầu và tích cực giúp đỡ Việt Nam khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế như IMF, WB...".

"Kêu gọi chính quyền Việt Nam và Hội đồng Nhân quyền xem

xét lại Điều 258 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009", mấy người đứng tên trong cái gọi là "mạng lưới blogger Việt Nam" không những thể hiện quan niệm hết sức kỳ quái là "kêu gọi" Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc "xem xét lại" Điều 258 của Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (!), mà còn cho rằng Điều 258 vi phạm Điều 19 Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền: "Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng và biểu đạt. Quyền này bao gồm sự tự do tư tưởng mà không bị cản trở, được tự do tìm kiếm, thu nhận và quảng bá tin tức và ý kiến qua mọi phương tiện truyền thông bất kể biên giới". Trong khi dẫn lại Điều 19 trên đây, họ đã dối trá chỉ dẫn lại những gì theo ý họ, tảng lờ những điều khác. Bởi, nếu dẫn lại khoản 2 Điều 29 của Tuyên ngôn nhân quyền: "Trong khi thực hiện các quyền và quyền tự do cho cá nhân mọi người chỉ phải tuân thủ những hạn chế do luật định nhằm mục đích duy nhất là bảo đảm việc thừa nhận và tôn trọng đối với các quyền và quyền tự do của những người khác, và đáp ứng được những đòi hỏi chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ" thì họ sẽ không còn lý do để la lối, vu cáo Nhà nước Việt Nam!

Không đồng tình với sự tiếm danh, lộng ngôn, bịa bợm của họ, facebooker Nguyễn Tuấn Anh viết: "Khi các bạn thanh niên, sinh viên tình nguyện đang xông pha trên mọi mặt trận để giúp đỡ người dân nghèo ở các vùng xa, vùng cao. Khi hàng trăm trí thức, nhà khoa học và cả bà con kiều bào khắp năm châu đang ra sức đóng góp cho quê hương từ xa và vận động giúp Việt Nam hội nhập quốc tế, thì "mạng lưới blogger" lại đi rêu rao, xuyên tạc với thế giới về vấn đề nhân quyền của Việt Nam. Thủ hỏi nếu Việt Nam không có nhân quyền, thì sao các người tự do đi nước này nước kia trao tuyên bố gì đấy, và trở về Việt Nam an toàn? Lòng tự ái dân tộc và dư luận xã hội của mọi người ở đâu khi đất nước

mình, dân tộc mình bị ngoại bang ở đâu đâu xa lắc ra phán quyết này, ra chỉ trích nọ mà lý do đưa ra thì toàn là từ những thông tin xuyên tạc, thiếu căn cứ. Tự do phải có giới hạn của nó, không thể để cho một nhóm cơ hội đem đất nước này, dân tộc này ra làm động cơ chính trị cá nhân của họ"! Đó là một ý kiến đúng đắn, khách quan của một người Việt Nam có trách nhiệm với đất nước.

HỌ ĐÂU CÓ QUAN TÂM TỚI NHÂN QUYỀN ĐÍCH THỰC!*

HỒNG QUANG

Phiên tòa xét xử sơ thẩm hai bị cáo Lê Quốc Quân và Phạm Thị Phương về tội "trốn thuế" theo quy định tại Điều 161, khoản 3 Bộ luật Hình sự đã kết thúc, bản án được tuyên đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, qua hoạt động cùng đủ loại tuyên bố của một số tổ chức, cá nhân trước, trong và sau phiên tòa đã cung cấp thêm chứng cứ để khẳng định, đối với họ, nhân quyền chỉ là một thứ chiêu bài phục vụ cho mục đích xấu xa, thiếu thiện chí...

Cơn bão số 10 đã qua, nhưng hậu quả để lại cho con người và mảnh đất miền Trung vô cùng nặng nề. Bão số 10 đã làm 16 người chết và mất tích, hơn 200 người bị thương; 389 ngôi nhà bị sập, đổ,...; 27.833 nhà bị ngập; 195.801 nhà bị tốc mái, hư hỏng; 1.121 trường học, trụ sở cơ quan, bệnh viện, công trình công cộng bị ngập, hư hại; 4.871ha lúa và 13.410ha hoa màu bị ngập, đổ; 444.120 con gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi; 2.438ha ao cá, tôm bị ngập; 120 tàu thuyền bị lật, chìm, gãy sục; hệ thống thủy lợi hư hỏng nặng với 206.140 m³ đất, đá, bêtông sạt, trôi, bồi lấp;... tổng thiệt hại ước tính khoảng 11 nghìn tỉ đồng. Trong những ngày mưa bão, đã xuất hiện tấm gương của rất nhiều cán bộ, chiến sĩ quân đội, công an, của những người dân quả cảm đồng sức cứu người, cứu tài sản;

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 11-10-2013.

và sự hy sinh của đồng chí Nguyễn Tài Dũng - Phó Giám đốc Sở Công thương tỉnh Nghệ An, đã trở thành tấm gương sáng của những con người yêu nước, thương nòi. Tổn thất từ thiên tai làm xáo động nhân dân cả nước, cùng sự trợ giúp của Chính phủ, đạo lý "lá lành đùm lá rách" lại tiếp tục thôi thúc để hình thành một phong trào rộng rãi trong cả nước ủng hộ đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả bão lụt.

Song chính trong những ngày hàng chục nghìn đồng bào ta đang trần minh chống chọi với gió mưa lụt lội, lại có một số người tụ tập hò hét để "ủng hộ Lê Quốc Quân" - kẻ phạm tội trốn thuế bị tòa án xét xử. Họ không bận tâm tới đồng bào, vì "nhân quyền" mà họ đòi hỏi không phải là nhân quyền từ đó mọi người có điều kiện được phát triển toàn diện, có cơm ăn và áo mặc, được học hành, cộng đồng sát cánh bên nhau vượt qua mọi khó khăn,... mà chỉ vì "nhân quyền" cho mục đích xấu xa của bản thân họ. Họ kéo nhau ra đường hò hét, vung tay, vung chân, quay phim chụp ảnh để thi nhau đưa lên mạng càng sớm càng tốt, không một chút trắc ẩn khi chỉ cách đó mấy trăm cây số, không biết bao nhiêu con người mà họ "nhân danh" đang cần được chung tay giúp đỡ, rất cần được chia sẻ. Bức xúc trước hiện tượng này, một blogger viết: "Những tên trốn thuế, làm nghèo quốc gia lại được một đám người phong anh hùng, thấp nến cầu nguyện. Nhưng những con người ra đi trong bão lại không được như thế, không có nến, không có bǎngrôn khẩu hiệu, những con người đó đang dầm mình trong nước, hy sinh cho công việc vì dân của mình... Tôi nhận ra, hóa ra quân đội, công an, chính quyền chính là nơi duy nhất có thể an ủi con người trước những nỗi lo lắng trước thảm họa thiên nhiên, trước khó khăn bão lũ. Và khi ấy, tôi cảm thấy khinh bỉ đến cùng cực những người đang đứng trước tòa để hóng một tên trốn thuế, những kẻ đang cầu mong cho tên trốn thuế".

Thực tế những ngày qua cho thấy, phiên tòa xét xử hành vi trốn thuế của Lê Quốc Quân không chỉ làm lộ rõ bản chất của một số người đang "nhân danh lòng yêu nước đấu tranh cho nhân quyền, dân chủ" mà còn làm lộ rõ tính chất phi lý, thái độ đồng lõa, bất chấp lẽ phải của một số tổ chức, cá nhân trên thế giới khi cố gắng cỗ vũ, bảo vệ Lê Quốc Quân. Trước và trong khi phiên tòa diễn ra, một số tổ chức và cá nhân đã tiến hành một "chiến dịch" rầm rộ để một mặt vu cáo Nhà nước Việt Nam, một mặt để gây sức ép đòi thả Lê Quốc Quân. Phiên tòa kết thúc, không chỉ mấy cái "loa" như Tổ chức Ân xá quốc tế (AI), Tổ chức Nhà báo không biên giới (RSF), Tổ chức Theo dõi nhân quyền quốc tế (HRW),... cùng thi nhau vu cáo Việt Nam, mà đáng tiếc là cả Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam cũng ra tuyên bố nói rằng "Việc Chính quyền Việt Nam sử dụng các điều luật thuế để bỏ tù những người chỉ trích chính phủ hoặc bày tỏ quan điểm chính trị của họ một cách ôn hòa là điều đáng lo ngại"! Thậm chí đến ngày 7-10, RFA vẫn còn "cố đấm ăn xôi" bằng cách đăng bài "Dư âm phiên xử Luật sư Lê Quốc Quân" dù trên thực tế, phiên tòa không xét xử "Luật sư Lê Quốc Quân" mà chỉ xét xử "bị cáo Lê Quốc Quân"!

Có một nghịch lý là, trong đủ loại tuyên bố, bản nhận định, lên tiếng của AI, HRV, RSF,... và Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, đều như cố tình không biết trong cáo trạng và bản án Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã tuyên đều không có bất kỳ câu chữ nào nhắc tới việc Lê Quốc Quân bị xét xử vì "chỉ trích Chính phủ hoặc bày tỏ quan điểm chính trị". Họ cố tình đánh tráo sự thật bằng cách biến vụ án xét xử Lê Quốc Quân với tội danh "trốn thuế" thành "phiên tòa chính trị", tảng lờ hành vi phạm tội của Lê Quốc Quân, bất chấp cả việc đồng phạm của Lê Quốc Quân đã nhận tội, từ đó tạo cơ vu cáo Nhà nước Việt Nam. Với lối tiếp cận như thế, chẳng lẽ các tổ chức, cá nhân bênh vực Lê Quốc Quân lại không hề

biết tội danh "trốn thuế" có ý nghĩa quan trọng như thế nào ở một quốc gia có kỷ cương. Chẳng lẽ Đại sứ quán Hoa Kỳ đã quên rằng, chính ngay tại Hoa Kỳ, trốn thuế là một trọng tội và bị xử lý rất nghiêm khắc, không phân biệt người trốn thuế là ai. Vì thế, một tòa án Hoa Kỳ tuyên bố "không có biệt lệ" với tội "cố tình không khai báo thu nhập của" diễn viên điện ảnh Wesley Snipes, người này đã phải chấp nhận khoản tiền phạt năm triệu USD cùng bản án ba năm tù. Hoặc ngày 8-7 mới đây, nữ ca sĩ Lauryn Hill từng đoạt giải Grammy, phải thi hành án tù giam ba tháng tại một nhà tù ở bang Connecticut, sau khi thi hành án còn phải quản thúc tại gia một năm vì đã trốn thuế thu nhập. Cách đây vài năm, vì phạm tội chỉ dẫn, tiếp tay cho hành vi trốn thuế nên Bradley Birkenfeld đã bị tòa án kết án 40 tháng tù giam; song sau khi ra tù vì có hạnh kiểm tốt, Bradley Birkenfeld lại được Sở Thuế Hoa Kỳ (IRS) thưởng 104 triệu USD do đã tố cáo các sai phạm về thuế của Ngân hàng Thụy Sĩ UBS. Rồi công chúng còn có thể đọc các tin tức cho biết, tỷ phú đồ chơi Beanie Babies bị kết án 5 năm tù vì trốn thuế, cụ bà bán dụng cụ tự tử bị kết tội... trốn thuế,... Tương tự như vậy, là thông tin từ một số nước phương Tây, như Bộ trưởng Ngân sách Pháp, Jerome Cahuzac từ chức vì bê bối trốn thuế, hay cựu Thủ tướng Berlusconi đi nhặt rác một năm... Tảng lờ tội trốn thuế, chẳng lẽ các tổ chức, cá nhân đã và đang bảo vệ Lê Quốc Quân muốn cỗ vũ cho hành vi tự do trốn thuế?

Ở Việt Nam, ngay từ khi xây dựng Bộ luật Hình sự, đã có Điều 169 đề cập tới tội trốn thuế. Trong Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tội trốn thuế được đề cập tại Điều 161 (Chương XVI: Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế). Từ sự nghiêm túc của các cơ quan thi hành pháp luật ở Việt Nam mà trong những năm qua, dư luận đã biết tới các vụ án như: Khởi tố điều tra vụ trốn thuế ở khách sạn

Equatorial (năm 2010), Bắt Tổng giám đốc Công ty Dầu khí Duy Linh trốn thuế (năm 2012), Bầu Kiên thêm tội trốn thuế trong kinh doanh vàng (năm 2013)... Như vậy, việc bắt giữ, xét xử Lê Quốc Quân vì có hành vi trốn thuế chính là để bảo đảm sự nghiêm minh của luật pháp, bảo đảm sự công bằng trong thực hiện nghĩa vụ xã hội, nghiêm khắc với các hành vi gian lận, hoàn toàn không liên quan tới các hành vi vốn vẫn được các thế lực thù địch và một số tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí với Việt Nam cỗ súy, bảo vệ.

Trong nội dung các tuyên bố, bản lên tiếng, nhận định của AI, RSF, HRW,... và Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Việt Nam còn có một điều kỳ lạ nữa là: trong khi đưa ra đủ loại "lý lẽ" bảo vệ Lê Quốc Quân, họ tuyệt nhiên không đả động, không đưa ra bất kỳ ý kiến nào để bênh vực Phạm Thị Phương - đồng phạm cùng đứng trước tòa với Lê Quốc Quân và phải chịu mức án tám tháng tù giam vì tội "trốn thuế". Tại sao họ không quan tâm tới "nhân quyền" cho Phạm Thị Phương, không coi bản án đối với Phạm Thị Phương cũng là "bịt mồm những người hoạt động nhân quyền"? Câu trả lời rất đơn giản bởi, với quan niệm "tiêu chuẩn kép", họ chỉ bảo vệ người được họ quan tâm mà thôi. Nói cách khác, họ đâu cần quan tâm tới nhân quyền. Và giả dụ Lê Quốc Quân chưa từng tham gia một khóa học của Quốc gia hỗ trợ dân chủ (NED) có lẽ họ cũng không quan tâm tới anh ta. Mà về NED và Lê Quốc Quân như bài của Hoàng Tứ Duy viết về "anh bạn Lê Quốc Quân" đã đăng trên danchimviet, danluan thì: "NED là cơ quan do Tổng thống Ronald Reagan thành lập năm 1983. Ngân sách của NED do Quốc hội Hoa Kỳ cung cấp. Do viễn kiến của Tổng thống Reagan và một vị thứ nhì là Dân biểu Dante Fascell để hình thành một cơ quan cổ võ dân chủ trên khắp thế giới nên chương trình học bổng này mang tên là "Reagan - Fascell". Trong suốt lịch sử hoạt động, cơ quan NED đã nhận rất nhiều nghiên cứu sinh. Những người này thường

đến từ các quốc gia vừa mới chuyển tiếp sang thể chế dân chủ như Ba Lan, Ucraina hoặc các nước "độc tài nhẹ" như Xingapo, Iran và Vênêxuêla. Lê Quốc Quân là người đầu tiên từ Việt Nam được nhận vào chương trình Reagan - Fascell của NED, vì khả năng của luật sư Quân và sự quan tâm của Hoa Kỳ đến tiến trình dân chủ hóa Việt Nam", chẳng lẽ đó lại là sự thật!?

Với ý nghĩa nhân văn và phạm vi rộng nhất, nhân quyền trong xã hội không bó hẹp trong một, hai lĩnh vực. Chỉ chú tâm xuyên tạc, vu cáo, đòi hỏi xã hội phải đáp ứng yêu cầu của mình, mà không bận tâm tối an sinh xã hội, tối quyền của các nhóm yếu thế, tối sự an nguy của đồng bào trước thiên tai,... là không lương thiện, là mạo danh nhân quyền. Chính vì thế, đã đến lúc không chỉ một số người đang ra sức bảo vệ Lê Quốc Quân, mà cả AI, RSF, HRW,... cũng như Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Việt Nam nên tự vấn về các phát ngôn, hành động của họ, chớ nên cổ súy, bảo vệ những hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam.

LƯƠNG TÂM NGƯỜI CẦM BÚT*

HÔ NGỌC THẮNG

Viết bằng lương tri trong sáng, viết vì đồng bào, vì lợi ích của Tổ quốc, không viết chỉ để phục vụ mục đích cá nhân, đó là các phẩm chất làm nên uy tín của mỗi người cầm bút trong xã hội. Chính vì thế, với một số cá nhân sử dụng internet để phổ biến những bài viết có tính chất vi phạm pháp luật cần điều chỉnh suy nghĩ để có hành vi nghiêm túc...

Lao động trí óc khác với lao động chân tay, tuy nhiên với mục đích lành mạnh thì mong muốn về sản phẩm làm ra giữa lao động trí óc và lao động chân tay lại không khác nhau. Người nông dân muốn đem tới cho xã hội gạo ngon, quả ngọt; người thợ xây hướng về các ngôi nhà đẹp, bền; còn người cầm bút hướng tới các tác phẩm có giá trị nội dung và nghệ thuật được người đọc yêu thích,... Dù ít hay nhiều thì vẫn tác động tới sự phát triển của xã hội và con người, cho nên ở đâu cũng vậy, người lao động trí óc hay lao động chân tay vẫn cần làm việc nghiêm túc, xem xét vấn đề khách quan, xác định khả năng cụ thể, đặt mình trong mối quan hệ với xã hội và người tiếp nhận,... từ đó xác lập kế hoạch để triển khai. Nếu không, sẽ như ông cha ta thường nói "sai một ly đi một dặm".

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 24-12-2013.

Đó là hành động với mục đích lành mạnh, còn khi mục đích thiếu trong sáng thì hậu quả với xã hội và con người là không thể lường hết. Ai đó chỉ vì lợi nhuận ích kỷ mà làm hàng giả, ngâm tẩm hóa chất độc hại vào rau quả mang ra thị trường thì thật có tội với xã hội. Xây dựng nhà cửa mà bớt xén nguyên liệu, thay thế vật tư chất lượng cao bằng vật tư kém chất lượng người thợ sẽ có lỗi với người sử dụng. Nếu vì tham vọng mà cá nhân viết bài vô trách nhiệm thì hậu quả nguy hại hơn nhiều vì nó tác động tiêu cực đến suy nghĩ, hành động của người đọc. Đáng tiếc là thời gian qua ở Việt Nam, sản phẩm của một số người viết đã bị xã hội phê phán, mà đáng buồn hơn, có người phải ra trước vành móng ngựa vì đưa lên internet bài viết vi phạm pháp luật. Những người đó biện bạch cho hành vi vi phạm pháp luật đó là "tự do ngôn luận, tự do báo chí". Ở Cộng hòa Liên bang Đức có câu ngạn ngữ: "Eigenlob stinkt", tạm dịch là "Tự khen thì chẳng thơm tho". Theo đó, họ thật sự tôn trọng tự do ngôn luận, tự do báo chí. Họ thật sự yêu nước hay không, hãy để xã hội đánh giá, vì không thể nói hễ đăng bài trên internet phê phán Nhà nước sẽ là người yêu nước. Tôi tâm đắc câu ngạn ngữ nêu trên, song tôi biết không thể sử dụng trong mọi trường hợp.

Mấy người biện bạch rằng việc làm của họ là tự do báo chí lại được một số người hùa theo, làm rùm beng là Nhà nước "vi phạm nhân quyền". Tôi biết ở nhiều nước khác cũng như ở Cộng hòa Liên bang Đức, theo pháp luật thì người dân có quyền thể hiện quan điểm của mình qua hình ảnh, lời phát biểu, bài viết trên sách báo, hay phát tán qua phát thanh, truyền hình. Vì tự do báo chí là một phần của tự do ngôn luận. Ở Cộng hòa Liên bang Đức, điều này quy định tại Điều 5, Đạo luật cơ bản (tức Hiến pháp). Nhưng cần lưu ý là Điều 5 đó cũng quy định, quyền cơ bản này bị giới hạn bởi các bộ luật, các văn bản pháp lý khác để bảo vệ thanh, thiêng niêng và quyền

được tôn trọng danh dự cá nhân. Nghệ thuật, khoa học và giảng dạy cũng tự do, nhưng theo khoản 3 Điều 5 Đạo luật cơ bản thì "Tự do giảng dạy không được miễn trừ trách nhiệm phải trung thành với Hiến pháp". Để cụ thể hóa giới hạn về quyền tự do báo chí, các quy định được ban hành trong các bộ luật, thí dụ quy định từ Điều 11 đến Điều 25 Bộ luật bảo vệ thanh thiếu niên. Ngoài ra, trong Bộ luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức cũng có các quy định nhằm giới hạn quyền tự do ngôn luận cũng như tự do báo chí, nếu tự do đó là hành động vi phạm pháp luật: Với Điều 185 là tội xúc phạm người khác có thể phạt đến hai năm tù giam hoặc phạt tiền; với Điều 186 là tội nói xấu người khác có thể phạt đến hai năm tù giam hoặc phạt tiền; với Điều 187 là tội vu khống người khác có thể bị phạt đến 5 năm tù giam hay phạt tiền.

Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng có các quy định tương tự. Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí của công dân được khẳng định tại Điều 69 Hiến pháp năm 1992, Điều 26 Hiến pháp năm 2013. Tuy nhiên, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có thể bị giới hạn trong trường hợp cần thiết theo Điều 50 Hiến pháp năm 1992, Điều 15 Hiến pháp (năm 2013). Để cụ thể hóa sự giới hạn về quyền tự do báo chí, các quy định đã được ban hành trong các bộ luật, thí dụ Bộ luật Hình sự năm 1999. Trong đó cũng có các quy định như: Điều 121 về tội làm nhục người khác, Điều 122 về tội vu khống người khác, Điều 258 về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền lợi, lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân... So sánh quy định của Hiến pháp, luật pháp Cộng hòa liên bang Đức về quyền tự do ngôn luận, quyền tự do báo chí với các quy định của Hiến pháp, luật pháp Việt Nam thì cơ bản là giống nhau. Từ các quy định pháp lý và đạo đức nghề nghiệp, các nhà báo ở Đức luôn phải cố gắng làm việc theo tiêu chí "tôn trọng sự thật và phẩm giá con

người". Tuy thế, vẫn có người phải hầu tòa vì tội lạm dụng quyền tự do ngôn luận nói chung, quyền tự do báo chí nói riêng. Một vụ án hình sự trong quá khứ vẫn được nhắc tới liên quan đến sự lạm dụng quyền tự do báo chí, là vụ một tạp chí danh giá của Đức đã in và phát tán "Nhật ký Hitler", mặc dù trước khi phát hành đã có những nghi ngờ chính đáng cho rằng đây là sách làm giả. Tòa soạn đã phải xin lỗi bạn đọc sau khi các chuyên gia giám định và chứng minh văn bản này thực ra là tác phẩm của một người chuyên làm giả vì lợi ích tài chính.

Thời gian qua, một số nước, một số tổ chức, cá nhân phê phán Nhà nước Việt Nam "vi phạm quyền tự do ngôn luận, quyền tự do báo chí". Tuy nhiên, theo thông tin từ các phương tiện truyền thông chính thức của Việt Nam, sau khi cơ quan công an đã điều tra và Viện Kiểm sát Nhân dân đã đưa ra các bằng chứng xác đáng theo luật định thì tòa án mới mở thủ tục xét xử theo trình tự của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qua các phiên tòa đều cho thấy các bị cáo vi phạm các điều khoản trong Bộ luật Hình sự (thí dụ: tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân theo Điều 79; tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Điều 88; tội phá rối an ninh theo Điều 89, v.v.). Nhưng một số người lại đánh tráo vấn đề để cho rằng họ bị xét xử vì "mục đích chính trị", vì họ là "người bất đồng chính kiến". Rất tiếc là một số nước, một số tổ chức và cá nhân lại dựa trên sự đánh tráo này để phê phán Việt Nam! Một số vụ gây mất trật tự công cộng, để duy trì trật tự, chính quyền phải sử dụng tối lực lượng cảnh sát, và lực lượng này tác nghiệp trong khuôn khổ pháp luật. Nhưng sau khi sự việc xảy ra, một số tổ chức, cá nhân lại thay đổi bản chất sự việc để đòi hỏi Nhà nước Việt Nam bỏ điều luật này, điều luật khác. Theo tôi, phê phán và đòi hỏi đó là phi lý, không khách quan. Theo luật quốc tế, một nhà nước độc lập có chủ quyền được phép đưa ra

các quy định để duy trì chế độ xã hội của mình. Việc đưa ra các quy định đó được gọi là "công việc nội bộ của quốc gia". Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên bố của Liên hợp quốc về các nguyên tắc của luật pháp quốc tế năm 1970, Tuyên bố của Liên hợp quốc về nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác (công bố năm 1982), trong đó khẳng định "nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác". Không chỉ Việt Nam mà nhiều nước khác cũng đưa ra những quy định pháp lý, có biện pháp tương tự để duy trì chế độ pháp lý và chính trị của mình, để bảo vệ quyền lợi chính đáng của công dân sống trong cùng điều kiện chính trị, xã hội. Thí dụ, Bộ luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức có Điều 81 về "tội phản bội lại Liên bang"; Điều 82 về "tội phản bội lại một Tiểu bang"; Điều 90 về "tội phỉ báng Tổng thống"; Điều 90a về "tội phỉ báng cơ quan nhà nước, cơ quan Hiến pháp". Ngoài lực lượng công an hình sự của Liên bang và Tiểu bang, Cộng hòa Liên bang Đức còn có lực lượng của các cơ quan bảo vệ Hiến pháp ở cấp Liên bang và Tiểu bang - mà thực ra đây là cơ quan tình báo đối nội, chuyên thu thập tin tức, bằng chứng phục vụ cho các thủ tục xét xử hình sự. Chính vì thế, các cơ quan nhà nước Đức cũng luôn giải thích cho nhân dân rằng: Các quy định pháp lý và biện pháp pháp lý của Nhà nước Đức là rất minh bạch, chân chính.

Một số nước và một số tổ chức, cá nhân đưa ra đòi hỏi rất phi lý đối với việc thực thi pháp luật ở Việt Nam. Nhưng họ vẫn không đưa ra được lời giải thích thỏa đáng, vì sao họ lại phê phán, thậm chí họ không chấp nhận các nguyên tắc cơ bản, các quy định của luật pháp Việt Nam - thành viên chính thức và tích cực của Liên hợp quốc, trong khi các nguyên tắc, quy định đó không khác biệt so với luật pháp quốc tế và luật pháp của rất nhiều quốc gia khác? Sống ở Cộng hòa Liên bang Đức, tôi được biết, theo người Đức, việc một số nước, một số tổ chức, cá nhân phê phán Việt Nam là hành

động được gọi là "Doppelmoral" (có thể dịch: đạo đức hai mặt); nghĩa là cùng một hành động, mình làm thì không sao, nhưng người khác làm thì chê bai, phê phán, lên án. Theo tôi, nếu những người đăng tải bài viết trên internet là người cầm bút thật sự có lương tri với đồng bào, với Tổ quốc Việt Nam, trước khi quan tâm đến quy định pháp lý hãy tự hỏi mình viết cho ai, viết vì ai và viết để làm gì? Một người cầm bút có lương tâm sẽ tự trả lời rằng viết cho đồng bào mình, viết vì Tổ quốc mình, viết vì tương lai tốt đẹp của quê hương và con cháu mình,... Làm được như thế sẽ không bị xã hội lên án, không bị ra trước vành móng ngựa và không bị tòa nào tuyên án.

THÊM MỘT "TRÒ HÈ" LỘ DIỆN!*

HOÀNG ANH BIÊN

Từ khi cái nhãn hiệu "nhà dân chủ, người yêu nước" ra đời, trên internet thi thoảng xuất hiện một nhân vật không chỉ được mấy kẻ chống cộng ở hải ngoại tung hô, được BBC, VOA, RFA, RFI,... phỏng vấn; mà dân dã họ cũng lộ rõ qua các phát ngôn, hành động không khách quan, trung thực. Nên mới có chuyện từ ngày định cư ở Hoa Kỳ, Bùi Kim Thành (người được phong là "luật sư dân oan") có hành vi kỳ quái đến mức chính những kẻ ngày nào o bế nay lại quay sang mắng là kẻ "hỗn xược, mất tư cách", đề nghị "đưa vào trại tâm thần", thậm chí bị hành hung. Trần Khải Thanh Thủy cũng vậy, sau khi được bà Loretta Sanchez "chào đón về với tự do", lại vạ vật kiểm sống theo lối "chửi có thưởng". Tại một cuộc gặp gỡ ở tòa soạn nguoi-viet, trước mặt Trần Khải Thanh Thủy, nói về "khía cạnh đồng chống cộng hải ngoại "đối xử" với những nhà tranh đấu ở trong nước ra hải ngoại", Huy Phương - một kẻ chống cộng, cay đắng thốt lên: "Chúng ta làm cho họ đau đớn tinh thần bằng dư luận, qua báo chí, qua internet. Chúng ta đã dè bỉu, lăng mạ, đặt điều, vu vạ, cách ly họ ra với cộng đồng". Tóm lại, những kẻ tự nhận là "người hùng" khi đến với "thế giới tự do", họ chỉ còn là cái "vỏ chanh", bị khinh bỉ! Thế nhưng, để thực hiện mưu đồ chính trị đen tối, các thế lực thù địch, các tổ chức, cá

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 3-1-2014.

nhân thiếu thiện chí với Việt Nam vẫn tán dương và cổ vũ, chỉ vì họ phản đối Đảng và Nhà nước Việt Nam, bất chấp sự thật đó chỉ là mấy người hoang tưởng, háo danh, thực dụng, lật lọng, săn sàng vùi dập nhau, nhiếc móc nhau vì tiền,... Trường hợp Lê Thăng Long là một thí dụ.

Ngày 20-1-2010, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử Trần Huỳnh Duy Thức, Lê Công Định, Lê Thăng Long, Nguyễn Tiến Trung có hành vi vi phạm Điều 79 Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với tội danh "hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân". Kết thúc phiên tòa, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên án Trần Huỳnh Duy Thức 16 năm tù, quản chế năm năm; Nguyễn Tiến Trung bảy năm tù, ba năm quản chế; Lê Công Định và Lê Thăng Long cùng lĩnh mức án năm năm tù và ba năm quản chế. Sau đó, do có đơn kháng cáo của ba trong số bốn bị cáo nói trên, ngày 11-5-2010, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố mở phiên tòa phúc thẩm và Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án đối với Trần Huỳnh Duy Thức, Lê Công Định, còn Lê Thăng Long đã được giảm một phần hình phạt, phải chịu mức án ba năm sáu tháng tù. Một trong các căn cứ để Lê Thăng Long được giảm án là vì người này đã thành khẩn nhận lỗi, như tại thời điểm đó một số tờ báo dẫn lại, nay còn lưu trên internet: "ban đầu tôi chỉ tình cờ ngẫu nhiên tham gia "nhóm nghiên cứu Chấn". Tôi thuộc tầng lớp doanh nhân, trí thức nên tiếp xúc rất nhiều với bên ngoài dẫn đến có sự nhầm lẫn trong nhận thức...". Từ chính sách nhân đạo của Nhà nước Việt Nam, ngày 4-6-2012, Lê Thăng Long đã được trả tự do trước thời hạn sáu tháng, tuy vẫn chịu ba năm quản chế. Cùng thời gian này, Lê Công Định cũng được giảm án hơn một năm và vẫn chịu ba năm quản chế.

Lẽ ra, sau khi được hưởng lượng khoan hồng, Lê Thăng Long

sẽ cố gắng "hoàn thành trách nhiệm của người cha, người chồng, hoàn thành chữ hiếu của người con" như anh ta đã thú nhận và tố khố trước tòa; thế nhưng, chưa đầy 10 ngày sau khi ra tù, Lê Thăng Long đã đứng tên cùng Trần Huỳnh Duy Thúc, Lê Công Định công bố trên internet một văn bản nhân danh "quyền con người" để phát động cái gọi là "Phong trào con đường Việt Nam". Kèm theo văn bản lủng củng, đậm màu sắc "gánh hát" này, Lê Thăng Long còn công bố mấy văn bản khác, cũng lủng củng và mang màu sắc "gánh hát" không kém. Có người đã nhận xét: "Điều đáng nói ở đây là tác giả của các tài liệu này đã trộn lẫn "nhân quyền" theo truyền thống của Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền với các ý niệm của chủ nghĩa dân tộc. Đây là lối lập luận mang tính cơ hội chủ nghĩa. Dùng sự đam mê dân tộc chủ nghĩa để cổ súy cho nhân quyền là một trò chơi nguy hiểm... Phong trào con đường Việt Nam phơi bày tất thảy sự yếu kém của nó qua các văn bản. Việc công khai hóa danh sách những người được mời tham gia, mà không được phép của họ và không có lời giải thích chính đáng, là một "trò chính trị" thiếu đạo đức. Lời hiệu triệu và tôn chỉ của nó được soạn thảo một cách vụng về, vội vã với những lập luận cũ rích. Nó ẩn chứa nguy cơ độc đoán, dù rằng nó đang cố gắng cổ súy những giá trị của tự do. Nhìn từ góc độ văn bản, Phong trào con đường Việt Nam không hứa hẹn gì nhiều về tương lai của nó"! Tuy nhiên, như vở được "vàng", một số cơ quan truyền thông vội chộp lấy Lê Thăng Long để phỏng vấn, vì thế chỉ trong thời gian ngắn, người này đã có mặt trên BBC, RFA, radiodlsn, nguoi-viet,... Và khi đề cập tới "Phong trào con đường Việt Nam", một "nhà dân chủ" thốt lên: "Dẽ gì có được những chính trị gia dày công quan sát, suy tưởng để tạo lập luận sử dụng làm thuyết pháp thông minh và uyên thâm như vậy"!!!

Tháng 6-2012, trả lời phỏng vấn BBC, Lê Thăng Long kể, anh

ta được Trần Huỳnh Duy Thúc, Lê Công Định ủy nhiệm thành lập cái gọi là "Phong trào con đường Việt Nam"! Song xem ra ngay từ đầu, tổ chức mà Lê Thăng Long cổ súy đã tự chứng tỏ sự bất thường, nên trong khi có một số kẻ tung hô thì nhiều người nhận được thư mời đã nghi ngờ, không tin cậy, thậm chí gièu cợt. Người ta không chỉ định danh đó là "con đường vô liêm sỉ" mà còn công khai từ chối và nay vẫn lưu trên internet, như: "Trong tình hình hiện nay, đời sống kinh tế, xã hội, đời sống đất nước còn có quá nhiều vấn đề mà chỉ có thể lấy đoàn kết làm phương tiện để bàn thảo và tìm ra giải pháp. Bất cứ một phong trào âm ĩ nào không có nội dung, không có bất kỳ nguyên lý hợp tác nào để tạo ra đoàn kết xã hội, đều có thể trở thành một phong trào nguy hiểm. Vì thế tôi từ chối tham gia và từ chối bất kỳ liên hệ nào đối với phong trào này" (Nguyễn Trần Bạt), "Với cảm giác khó chịu bức mình của người đang ngồi trong quán thanh thản nhâm nhi tách cà phê buổi sớm bỗng dưng bị quấy rầy bởi lời mời mọc... mua vé số hay đánh giày chi đó, tôi xin thông báo rằng tôi không biết, không liên quan đến cái gọi là "Phong trào con đường Việt Nam" này và đương nhiên yêu cầu vị nào khởi xướng ra trò này rút bỏ tên tôi ra khỏi danh sách mời tham gia sáng lập nó" (Phan Hồng Giang), "Tôi cực lực phản đối sự bịa đặt bỉ ổi này. Tôi không hề nhận được lời mời nào và tôi không bao giờ tham gia những tổ chức mà tôi không biết gì về nó. Trò bịa đặt của những nhóm người nào đó mang tên "con đường Việt Nam" là một hành động đê tiện, bỉ ổi" (Trần Nhuương),...!

Có một điều trái khoáy là cái tổ chức và cái gọi sự ủy nhiệm của Trần Huỳnh Duy Thúc, Lê Công Định cho Lê Thăng Long được quảng cáo theo lối "khẩu thiêt vô bằng", chủ yếu qua lời Lê Thăng Long, Trần Văn Huỳnh (cha Trần Huỳnh Duy Thúc). Trái khoáy hơn, dù đã ra tù, Lê Công Định lại hoàn toàn không có ý kiến gì cho thấy có liên quan với "Phong trào con đường Việt Nam",

đến mức Nguyễn Ngọc Già - một kẻ chống cộng, ngay từ tháng 6-2012 đã xăng xái lên tiếng ủng hộ "Lê Thăng Long và bằng hữu", về sau lại đặt ra câu hỏi: "Tại sao từ ngày ra tù đến nay, luật sư Lê Công Định chẳng đoái hoài gì đến "Phong trào con đường Việt Nam" mà ông là một trong ba người đầu tiên đặt nền móng?"! Nhưng có lẽ "đâm lao thì phải theo lao", Lê Thăng Long vẫn phải cố đấm ăn xôi, bày ra đủ loại trò vè để hờ hơ cho một tổ chức kỳ quặc. Với tư cách "người sáng lập Phong trào con đường Việt Nam", Lê Thăng Long đã công bố cái gọi là "thư giải trình về bản thân và Phong trào con đường Việt Nam". Sau đó trên internet lại xuất hiện website mang nhãn hiệu "Phong trào con đường Việt Nam" để thi thoảng có sự kiện gì đó lại... ra tuyên bố! Rồi ngày 22-11-2013, trả lời phỏng vấn BBC, nhắc tới vụ án năm 2010, Lê Thăng Long phản cung nói rằng: "Trong quá trình điều tra, họ gây sức ép rất là nhiều, kể cả móm cung, kể cả viết sai lệch những quá trình trình bày trước cơ quan điều tra"!?!... Đỉnh điểm của sự không bình thường là gần đây, người này tuyên bố "xin ra khỏi Phong trào con đường Việt Nam", và xin "gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam" (dù "chưa đọc Điều lệ Đảng" như đã nói với BBC!)? Vì khó có thể coi là bình thường khi đọc điều Lê Thăng Long đã viết: "Nếu tôi được làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam thì chỉ trong vòng 11 tháng tình trạng tham nhũng tại Việt Nam sẽ giảm ít nhất là 90%", "tôi có đủ tài năng, đức độ để đảm nhiệm chức vụ Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhưng tôi không thích tranh chức, tranh quyền của bất kỳ ai. Tôi muốn được làm cố vấn cho Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, cho Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam, cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam... Tôi đảm bảo sau chặng nhất 11 tháng tệ nạn tham nhũng, lãng phí ở Việt Nam sẽ giảm ít nhất 90%"!

Tuy nhiên, qua cái gọi là "thông cáo báo chí về việc ông Lê Thăng Long xin ra khỏi Phong trào con đường Việt Nam" công bố ngày 25-12-2013, lại xuất hiện "quyền trưởng ban quản trị của Phong trào con đường Việt Nam" là Nguyễn Xuân Ngãi - một kẻ chống cộng, hiện định cư tại Hoa Kỳ, từng là trung úy của chế độ Sài Gòn trước năm 1975 và là "phó chủ tịch đảng nhân dân hành động" của Nguyễn Sĩ Bình! Từ vai trò của Nguyễn Xuân Ngãi trong "Phong trào con đường Việt Nam" có thể thấy rõ bản chất của tổ chức này. Thực chất, "Phong trào con đường Việt Nam" chỉ là một "trò hề" bịp bợm, mượn danh nghĩa "dân chủ và nhân quyền" để thực hiện mưu mô đen tối. Vì thế, dù Lê Thăng Long có tuyên bố thế nào, hay có nói lời hoa mỹ để tô vẽ cho mục đích của anh ta thì vẫn không thể che giấu được quá khứ của mối liên hệ với những kẻ như Nguyễn Xuân Ngãi. Rốt cuộc, khi "trò hề" đã hạ màn, "vai hề" cũng không còn chỗ diễn!

HỌ ĐÃ TỰ LOẠI MÌNH KHỎI ĐỘI NGŨ*

HÔ NGỌC THẮNG

Sống ở nước ngoài nhưng hằng ngày tôi vẫn luôn luôn quan tâm tới tình hình trong nước, hầu như tôi không bỏ qua những thông tin nào liên quan đến con người và Tổ quốc Việt Nam, vì ở đó tôi còn anh em, họ hàng và những người bạn thân thiết từ thuở ấu thơ. Cái khó đối với một người sống xa Tổ quốc là luôn phải biết phân biệt thông tin đúng sự thật với thông tin không đúng sự thật, thông tin bị thổi phồng phục vụ ý đồ xấu. Mà trên internet lúc nào cũng tràn ngập thông tin, tin lành mạnh cũng nhiều, và tin không lành mạnh cũng lắm. Gần đây, tôi chú ý tới thông tin được mấy hãng truyền thông ở nước ngoài và một số trang mạng, blog đua nhau nhắc đi nhắc lại rồi bình luận, phỏng vấn với nội dung tiêu cực. Đó là tin vài cá nhân tuyên bố ra khỏi Đảng Cộng sản Việt Nam, cả đơn từ chức của họ cũng được đưa trên internet. Tôi ngạc nhiên vì biết đó là điều hết sức bình thường với mọi đảng chính trị, không có gì là mới mẻ, đặc biệt. Vậy tại sao họ lại làm rùm beng như thế? Tin tức, bình luận của họ và mấy người hùa theo rất giật gân.

Tuy không phải là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng trong thời kỳ trước khi di cư hợp pháp sang châu Âu vì lý do gia đình, tôi tham gia Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam - nay là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Qua bạn bè được kết nạp

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 10-1-2014.

Đảng, tôi biết thường là tổ chức Đoàn, Công đoàn cơ sở hoặc đoàn thể giới thiệu thành viên gương mẫu về mọi mặt với Đảng. Nếu được đồng ý, người đó sẽ dự khóa bồi dưỡng đối tượng Đảng về lý luận, nghiên cứu Điều lệ Đảng, rồi làm đơn, được đảng viên chính thức giới thiệu. Tại lễ kết nạp, đảng viên mới tuyên thệ suốt đời trung thành với Đảng và sự nghiệp của Đảng... Đó là quy trình nghiêm ngặt, đâu phải làm đơn khoe khoang tôi giỏi lắm là sẽ được kết nạp! Hồi còn học cấp 3, trường tôi có một số học sinh được kết nạp vào Đảng. Họ là học sinh gương mẫu, có thành tích xuất sắc trong học tập và tu dưỡng đạo đức, tích cực tham gia công việc của trường, xã hội. Ở chiến trường Quảng Trị, một số chiến sĩ trong trung đội của tôi được kết nạp ngay tại mặt trận. Họ là những người dũng cảm, gương mẫu, lập thành tích cao. Cần nhấn mạnh là mọi người đều tình nguyện, không bị ép buộc. Với người Việt Nam, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam là một vinh dự. Trở thành đảng viên, họ xác định sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ trong bất kỳ tình huống nào. Một người tin tưởng vào lý tưởng của Đảng, và vào Đảng không vì mục đích vụ lợi, sẽ không bao giờ rời hàng ngũ của Đảng, ngay cả trong giây phút nguy hiểm nhất. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo toàn dân đấu tranh giành lại độc lập dân tộc, đã chiến thắng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ, đạt được các thành tựu trong thời kỳ đổi mới là do có hàng triệu đảng viên mang phẩm chất như vậy. Một người nào đó bị khai trừ khỏi Đảng sẽ thấy xấu hổ với gia đình, bạn bè, người quen, không "vạch áo cho người xem lưng" và thường phải giấu giếm. Nên điều tôi chú ý là tại sao một số người xin ra khỏi Đảng lại khoe việc này trên internet như một "thành tích"?

Nhân nói đến việc gia nhập hoặc ra khỏi một đảng chính trị nào đó, xin dẫn lại một số số liệu. Ở phương Tây, một trong những điều lo ngại của các đảng chính trị là quá trình "lão hóa" đảng viên, đó là khi

số đảng viên lớn tuổi ngày càng nhiều thêm, rồi số đảng viên bị khai trừ hay rời bỏ hàng ngũ tăng lên, mà đảng viên mới gia nhập không đủ để bù đắp về số lượng. Ở Cộng hòa Liên bang Đức, một thí dụ về sự thăng trầm số lượng đảng viên là Đảng Cơ đốc giáo Đức (CDU) hiện nay do bà Thủ tướng A. Merkel làm Chủ tịch. Trong đợt bầu cử Quốc hội Cộng hòa Liên bang Đức hôm 22-9-2013, đảng này thu thắng lợi rất lớn. So với các đảng khác, CDU có được số phiếu cử tri nhiều nhất để thành lập chính phủ liên minh với Đảng Dân chủ xã hội Đức (SPD), Đảng Liên minh xã hội Cơ đốc giáo (CSU). Nhưng trong 12 tháng vừa qua CDU lại mất 8.000 đảng viên. Thời hoàng kim về số lượng đảng viên của CDU là hồi đầu những năm 1990. Lúc đó CDU có tới 750.000 đảng viên, cuối năm 2008 còn 530.755, tháng 5-2011 còn 499.646 đảng viên; hiện nay CDU có 468.329 đảng viên. Dù mấy năm qua CDU sút kém về số lượng đảng viên (281.671 người) nhưng không ai nói đảng này đang tan rã. Vừa qua, vì tranh luận liên quan tới việc chọn đảng viên của CDU làm ứng cử viên bầu vào Quốc hội Cộng hòa Liên bang Đức, một đảng viên quan trọng của CDU đã bỏ đảng, đó là ông Siegfried Kauder. Từ tháng 11-2009 tới tháng 10-2013, ông là Chủ tịch Ủy ban Tư pháp của Quốc hội Cộng hòa Liên bang Đức. Ai quan tâm đến chính trị, đều biết ông là em trai một chính trị gia nổi tiếng của CDU - ông Volker Kauder. Ông Volker Kauder là đại biểu Quốc hội Cộng hòa Liên bang Đức từ năm 1990, từ năm 2005 đến nay ông là Chủ tịch khối CDU/CSU trong Quốc hội Cộng hòa Liên bang Đức. Tuy là anh em ruột, song trong quá trình hoạt động chính trị, họ lại không tìm được một con đường chung để phấn đấu vì sự nghiệp của cùng một đảng.

Đảng lớn nhất ở Cộng hòa Liên bang Đức là Đảng Dân chủ xã hội Đức (SPD) cũng không tránh khỏi tình trạng suy giảm số lượng đảng viên. Năm 1977, đảng này có tới một triệu đảng viên, nhưng sang những năm 1980 còn 900.000 đảng viên. Trong những

năm sau đó, SPD mất tới 400.000 đảng viên. Tháng 11-2013, SPD chỉ còn 474.820 đảng viên. Vừa qua, vì bất đồng quan điểm mà một nhân vật chủ chốt của đảng này đã rời khỏi đảng, đó là ông Wolfgang Clement. Từ năm 1998 đến năm 2002, ông là Thủ hiến tiểu bang Nordrhein-Westfalen có số dân đông nhất với 17,6 triệu người, rồi làm Bộ trưởng Liên bang phụ trách kinh tế và việc làm (nhiệm kỳ từ năm 2002 đến năm 2005). Một trong các điểm ông tranh cãi gay gắt với đảng của mình là SPD muốn đưa ra quy định pháp lý về mức lương tối thiểu cho người lao động. Tuy thuộc vào nhóm thiểu số, nhưng ông không chấp nhận ý kiến của đa số đảng viên. Có một điều thú vị là quy định về mức lương tối thiểu cho người lao động không những đã được thông qua trong nghị quyết của SPD, mà còn được ghi vào thỏa thuận mới đây giữa SPD và CDU, CSU để thành lập Chính phủ liên minh.

Ở quốc gia khác của châu Âu, thí dụ Vương quốc Anh, đảng cầm quyền hiện nay là Đảng Bảo thủ, thành lập năm 1834, cũng có sự sụt giảm về số lượng đảng viên. Năm 1980, đảng này có 400.000 đảng viên, nhưng đến năm 2012 còn 130.000 đảng viên. Tuy giảm tới hai phần ba đảng viên, nhưng không có ai, kể cả phe đối lập ở Anh, cho rằng là Đảng Bảo thủ đang tan rã. Một sự kiện mới đây ở Hoa Kỳ đã làm Tổng thống Obama và Đảng Dân chủ phải đau đầu là việc do bất đồng với chính sách của Nhà Trắng, Hạ nghị sĩ thuộc Đảng Dân chủ Parker Griffith đã rời bỏ hàng ngũ và gia nhập Đảng Cộng hòa. Griffith ở nhóm bảy người của Đảng Dân chủ tại Hạ nghị viện Hoa Kỳ không chỉ phản đối chính sách y tế, mà còn bỏ phiếu chống biện pháp kích thích kinh tế của Tổng thống Obama, chống dự luật thay đổi khí hậu mà Chủ tịch Hạ viện thuộc Đảng Dân chủ Nancy Pelosi nhiệt tình xúc tiến. Nhưng với người dân Hoa Kỳ thì sự kiện này cũng rất bình thường.

Ở các nước kể trên, dư luận chỉ biết số đảng viên ra hoặc vào một đảng nào đó sau khi lãnh đạo đảng công bố, còn thông thường

chỉ người đó và cơ sở người đó sinh hoạt mới biết, không ai làm đơn ra đảng hoặc vào đảng rồi đưa lên internet để quảng cáo. Riêng đảng viên giữ trọng trách của một đảng hay đảng viên là dân biểu của một đảng thì khi ra khỏi đảng sẽ công bố cho dân chúng, cử tri, để họ nắm bắt được xu hướng chính trị mới của người này, như các ông Wolfgang Clement, Parker Griffith đã nhắc tới ở trên. Chỉ với các đảng viên vào hàng "đặc biệt" như họ, báo chí, truyền hình mới đưa tin, phỏng vấn, chủ yếu giúp công chúng sáng tỏ vấn đề, không phải để tôn vinh người xin ra đảng, cũng không phải từ đó tung tin đảng này, đảng khác tan rã đến nơi! Với đảng viên bình thường thì báo chí, truyền hình hầu như không quan tâm. Do đó, việc các cơ quan truyền thông như BBC, VOA, RFI,... quan tâm tới vài ba người xin ra khỏi Đảng Cộng sản Việt Nam là rất không bình thường, chắc chắn họ có mục đích riêng thiêng chí.

Thời gian trước, tôi có đọc một số bài, nghe mấy người gần đây xin ra Đảng trả lời phỏng vấn của BBC, RFA, VOA,... Lúc đó tôi cứ ngỡ họ không phải đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bởi nếu là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam thì không ai viết như thế, nói như thế. Hóa ra không phải. Nên tôi nghĩ chẳng cần làm đơn, họ cũng đã không còn là đảng viên rồi. Việc họ và một số người làm âm ĩ chỉ để "ghi điểm" với ai đó, hoặc họ cố tình làm rùm beng để làm ảnh hưởng tới uy tín của Đảng Cộng sản Việt Nam mà thôi. Với bất cứ đảng chính trị nào cũng vậy, chất lượng đảng viên, số lượng đảng viên luôn là mối quan tâm hàng đầu. Nhưng theo tôi, chất lượng đảng viên vẫn là yếu tố quan trọng hơn, vì đường lối và vai trò tổ chức, lãnh đạo của đảng, tác động và ảnh hưởng của đảng với xã hội trước hết phụ thuộc vào sự tín nhiệm của nhân dân đối với từng đảng viên. Vì thế, có thể nói mấy người làm rùm beng chuyện xin ra khỏi Đảng đã tự đào thải mình, tự loại mình khỏi đội ngũ những người cộng sản chân chính.

CÁI CÁCH DÂN CHỦ VÀ CÁI GỌI LÀ "DIỄN ĐÀN XÃ HỘI DÂN SỰ"*

ĐINH HƯƠNG

Ucraina là quốc gia có địa hình đặc biệt: một nửa thuộc Tây Âu và một nửa thuộc Đông Âu. Nét riêng này đưa tới sự khác biệt về ngôn ngữ và sắc tộc, cho nên sự chia rẽ cũng sớm hình thành. Từ thế kỷ XVII, phía đông Ucraina sớm chịu sự cai trị của Đế quốc Nga, sau đó rất lâu, Sa Hoàng mới thâu tóm nốt phía tây. Điều đó giải thích tại sao ngay cả khi Liên bang Xôviết không tồn tại, thì người dân ở phía đông Ucraina vẫn tiếp tục chịu ảnh hưởng từ nền chính trị nước Nga. Trong nhiều thế kỷ, phía tây Ucraina lại chịu ảnh hưởng từ các đế chế phương Tây, thậm chí tới trước Chiến tranh thế giới lần thứ hai, một phần Ucraina vẫn thuộc quyền của đế chế Áo - Hung. Đó là căn nguyên để lý giải tại sao người dân ở phía tây Ucraina thường có xu hướng thân thiết với EU hơn. Về tôn giáo cũng vậy, nếu một phần cư dân Ucraina nói tiếng Nga và theo Chính thống giáo, thì một phần cư dân Ucraina khác lại nói tiếng Ucraina và chịu ảnh hưởng của Công giáo.

Từ thế kỷ XVII đến nay, người phía tây luôn có xu hướng muốn chống lại ảnh hưởng của Nga lên văn hóa Ucraina, và như

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 28-2-2014.

mới đây, hai cuộc "Cách mạng cam" liên tiếp diễn ra để đòi hỏi cải cách chính sách từ chính phủ, nhưng thực chất là nhằm chống lại ảnh hưởng của Nga đối với nền chính trị Ucraina. Nhưng văn hóa và chủ nghĩa dân tộc có phải là các nguyên nhân cốt lõi dẫn đến xung đột này? Một khía cạnh thực dụng hơn có thể tìm thấy qua nhận xét của Giáo sư Serhii Plokhii ở khoa Nghiên cứu Ucraina thuộc Đại học Havard. Ông cho rằng, vấn đề xung đột có liên quan đến nguồn tài nguyên ở hai khu vực: phía đông và phía nam Ucraina vốn có đất đai màu mỡ hơn phía tây.

Đương nhiên không thể phủ nhận những sai lầm trong chính sách, hệ thống chính trị dưới sự điều hành của Victor Yanukovych. Ucraina vốn là một nước nghèo với phần lớn lao động phải nhập cư vào Nga kiếm việc làm. Để giải quyết bài toán kinh tế mà người tiền nhiệm của ông Yanukovych là cựu Tổng thống Victor Yushchenko - một người vẫn hô hào cho chủ nghĩa dân tộc và có xu hướng thân EU - phải chịu bó tay. Rõ ràng, mặc dù EU muốn gây ảnh hưởng tới toàn bộ Ucraina nhưng lại không thấu hiểu và quan tâm đến thực trạng của Ucraina, cho nên cách duy nhất để lôi kéo một người vốn "đi trên dây" trong mối quan hệ tay ba như Yanukovych, EU phải sử dụng đến phương pháp biểu tình của dân chúng để gây sức ép. Trước đó, EU đưa ra thỏa thuận cho vay vốn đi kèm với một số chính sách làm suy yếu quyền lực của Yanukovych; trong khi đó Nga sẵn sàng chi 15 tỉ USD để vị Tổng thống này không bắt tay với EU. Lẽ đương nhiên, Yanukovych sẽ lựa chọn Nga thay vì EU. Ngay sau đó, một loạt cuộc biểu tình diễn ra, chủ yếu do những người ở phía tây dẫn đầu, nhằm phản đối quyết định của chính phủ. Với sự ủng hộ của EU, những người phía tây hy vọng thiết lập thể chế cộng hòa nghị viện giống như các nước Tây Âu khác, đồng thời nhận sự hỗ trợ kinh tế từ các nước này. Nhưng mục đích của EU không đơn

thuần là Ucraina, mà chủ yếu thông qua việc trải rộng dân chủ theo kiểu phương Tây đến phía đông nước này, EU có thể làm suy yếu quyền lực của nước Nga.

Những cuộc biểu tình của phe đối lập phía tây Ucraina được gọi chung bằng tên gọi "Cách mạng cam". Lần thứ nhất (năm 2004), một số chính đảng đứng ra kêu gọi dân chúng phía tây kéo đến đường phố chính của Kiev để phản đối. Và đây sẽ là cái cớ để chính phủ Ucraina buộc tội thủ lĩnh của phe đối lập âm mưu lật đổ chính quyền. Nhưng ở "Cách mạng cam" lần thứ hai (năm 2013), phương pháp hoạt động của họ đã thay đổi. Phương pháp này còn được gọi là "phong trào xã hội" và rút kinh nghiệm từ "Cách mạng hoa hồng" ở Grudia diễn ra tháng 11-2003 - được xem là "cuộc cách mạng" đầu tiên của các nước Đông Âu chống lại ảnh hưởng của Nga. Giữ vai trò quan trọng nhất trong "Cách mạng hoa hồng" ở Grudia là số lượng lớn các tổ chức phi chính phủ (NGO) được thành lập tại nước này từ cuối năm 2000. Dù không có quyền lực trong tay, nhưng các NGO lại có khả năng tiếp cận người dân tốt hơn, thường xuyên hơn chính phủ. Hai trong số những NGO quan trọng nhất lúc đó phải kể đến là Hiệp hội luật sư trẻ Grudia và Viện Tự do - các tổ chức đứng ra tuyên truyền nhân quyền, tự do thông tin trước khi xảy ra "Cách mạng hoa hồng". Các NGO được phép tự do thành lập để thu hút những nguồn tài chính quốc tế vào Grudia nhằm giải quyết khủng hoảng kinh tế trong nước. Nhưng khi các NGO phát triển đủ mạnh, họ cho rằng chính quyền của Tổng thống Eduard Shevardnadze lại trở thành lực cản với sự phát triển đất nước; và cuối cùng, chính họ vận động một cuộc biểu tình bất bạo động với con số tới 100 nghìn người. "Cách mạng hoa hồng" thành công nhờ thực trạng bế tắc của Grudia, cùng với sự hỗ trợ từ nước ngoài và phương tiện truyền thông.

Từ những kinh nghiệm của "Cách mạng hoa hồng", cuộc "Cách

mạng cam" lần thứ hai không còn sự dẫn đầu của các chính khách. Trong khi các lãnh tụ của phe đối lập như Arseny Yatseniuk, Yulia Tymoshenko bị cầm tù; thì Vitaly Klitschko, nhà vô địch quyền Anh thế giới và Oleh Tyagnibok - nhà dân tộc chủ nghĩa hữu khuynh, đều không có chủ trương nào rõ rệt và không chắc chắn kiểm soát được phong trào. Những người đứng ra vận động quần chúng là các sinh viên và các tổ chức dân sự. Những người đi đầu trong cuộc biểu tình là các giáo sĩ, các ca sĩ nhạc Pop và các thành phần quá khích, vốn là cá nhân có khả năng triệu tập đám đông. Nhưng đám đông ở Ucraina không thể thực hiện một cuộc "cách mạng bất bạo động" như phe thân EU trông đợi. Ngay từ ngày 18-2-2014, khi Yanukovych không đáp ứng yêu cầu của 500 nghìn người biểu tình, những quả bom xăng đã được ném ra. Một toán người khác xông vào cướp kho vũ khí, lấy 1.500 súng ống và 100 nghìn viên đạn. Rõ ràng, những hành vi gây bạo động của đoàn người biểu tình đã được các thủ lĩnh phe đối lập tính toán và lập kế hoạch từ trước.

Từ ảnh hưởng của "Cách mạng hoa hồng", "Mùa xuân Arập", "Cách mạng Ai Cập" và giờ đây là "Cách mạng cam" lần thứ hai ở Ucraina, một số người ở Việt Nam cũng đang có những hoạt động tương tự. Bên cạnh đó, truyền thông internet với sự phát triển của blog cá nhân và facebook trở thành phương tiện được mấy người này ưa thích. Để đạt mục đích, người ta không ngần ngại bắt tay cả với tổ chức khủng bố "Việt Tân", mà sự lộ diện của thành viên tổ chức này trong các hoạt động vu cáo Việt Nam tại Genève (Thụy Sĩ) vừa qua là bằng chứng.

Có lẽ "Cách mạng hoa hồng", "Mùa xuân Arập" đã kích động thêm cho họ, và họ không cần biết từ sau "Cách mạng Ai Cập" các nước đi theo xu hướng này như Tusnia, Ai Cập, Lybi, Yemen... đều phải đổi mặt với xung đột bạo lực kéo dài. Và có một điều cần chú

ý là ngay sau "cách mạng", người dân Ai Cập lại muốn lật đổ Tổng thống mới là ông Morsi để quay về với thể chế cũ! Tương tự như vậy với tình hình ở Ucraina. Các tổng thống tiền nhiệm của ông Yanukovych với sự hậu thuẫn của nước ngoài trong nhiều năm đã không thể giải quyết được bất ổn tài chính, và xung đột chính trị. Những người đối lập của các nước thực hiện phong trào xã hội đã tính toán một bước đi vội vã. Lật đổ một thể chế không có nghĩa rằng ngay lập tức thể chế mới với các nhà cầm quyền non kinh nghiệm có thể giải quyết được các bất ổn xã hội. Hơn thế nữa, các tổ chức và quốc gia bên ngoài cũng không thể cùng một lúc hỗ trợ tất cả các nước đang liên tiếp thi nhau "cải cách dân chủ"! Và như Thủ tướng Nga Dimitri Meredev đã từng nói: "Các đối tác phương Tây của chúng ta đôi khi hành xử như một con bò trong cửa hàng sành sứ vậy. Họ chen vào, nghiền nát mọi thứ, rồi sau đó không biết phải làm gì tiếp theo"!

PHẢN TỈNH KHÔNG PHẢI ĐỂ BÔI NHỌ DÂN TỘC*

NGUYỄN HẢI ĐĂNG

Trên ý nghĩa nhất định, ý thức về sự phản tỉnh là yếu tố có vai trò quan trọng đối với sự phát triển. Đối với mỗi quốc gia, dân tộc, phản tỉnh giúp nhận chân các hạn chế và nhược điểm, từ đó triển khai biện pháp khắc phục. Tuy nhiên, nếu phản tỉnh thực hiện một cách thiếu khách quan sẽ rất dễ rơi vào xu hướng soi mói, bối móc, không đưa tới tác động tích cực.

Theo nghĩa thông thường, phản tỉnh là tự kiểm tra tư tưởng, hành động trong quá khứ để nhận ra sai lầm, tìm cách phòng tránh. Vì vậy, phản tỉnh luôn mang tính tự giác và tự thân, lấy chính mình làm đối tượng để tìm ra các hạn chế, nhược điểm, từ đó khắc phục, sửa đổi, tự hoàn thiện; và đòi hỏi phải được thực hiện một cách sáng suốt, có bản lĩnh để nhìn thẳng vào sự thật. Trong lịch sử dân tộc, ở mức độ khác nhau, ý thức về phản tỉnh đã từng bước hình thành. Gần đây, sau khi một số người viễn dã là ở nước ngoài có sách *Người Mỹ xấu xí*, *Người Trung Quốc xấu xí* nên Việt Nam cũng cần có một cuốn như vậy để nhận thức lại mình, thì phản tỉnh trở nên một vấn đề có tính thời sự. Yêu cầu trên không có gì sai trái, nhưng điều được viễn dã lại không phải là phổ biến. Thực tế thì loại sách được dẫn ra làm thí dụ lại chỉ đếm trên đầu

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 25-3-2014.

ngón tay, không phải sách nghiên cứu về văn hóa, dù văn hóa là chủ đề chính. *Người Mỹ xấu xí* là một tiểu thuyết hiện thực trào phúng, đã được chuyển thể thành tác phẩm điện ảnh. Còn *Người Trung Quốc xấu xí* là tập tạp văn gồm các ghi chép, phỏng vấn, bài diễn thuyết do Bá Dương thực hiện. Trong cả hai cuốn sách, các tác giả tập trung chỉ trích một số dạng người đang làm phương hại thể diện dân tộc họ; song do lối viết trào phúng, chung chung và nóng vội, nên sự chỉ trích có phần phiến diện. Tuy nhiên, nhan đề "đao to, búa lớn" của hai cuốn sách lại được một vài người khéo lợi dụng làm to chuyện, phóng đại "giá trị".

Một trường hợp không thể không nhắc tới là gần đây đã xuất hiện một số bài viết sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu người Việt Nam với người ở quốc gia khác để nghiên cứu, tìm hiểu văn hóa, tìm hiểu con người Việt Nam. Và thường thì các bài này bỏ qua tất cả những đức tính, phẩm chất tốt đẹp, mà chỉ chăm chăm bêu xấu người Việt Nam như là để thỏa mãn chủ đích về cuốn sách "người Việt xấu xí"! Vừa qua, một nhà phê bình văn học đăng trên blog cá nhân bài "Một nước Nhật quá xa xôi", sau đó có một số trang web đăng lại. Với vẻ cao đạo như đã là phong cách riêng, nhà phê bình tổ chức bài viết theo lối bút ký có lồng ghép các chương mục với đề từ hoa mĩ, để làm nổi lên hai chủ đề chính là: ca ngợi Nhật Bản và hạ thấp Việt Nam. Ai cũng biết Nhật Bản là quốc gia phát triển, với nền kinh tế đứng thứ ba thế giới, sự ca ngợi nào đó không phải là điều bất thường. Nhưng ca ngợi như nhà phê bình này thì có khi chính người Nhật Bản cũng không dám nhận, nhất là chỉ sau năm ngày du lịch mà ông đã tự tin để đặt bút viết: Nhật Bản là "hình ảnh đảo ngược của xã hội Việt, người Việt"! Nước Nhật Bản đương đại cũng có vấn đề riêng của họ, họ giải quyết tốt một số vấn đề mà Việt Nam hoàn toàn có thể thực hiện nhưng chưa làm được, hoặc còn làm chưa hiệu quả. Đáng lẽ

nhà phê bình cần tìm hiểu để sẽ cẩn trọng hơn, nhưng hẳn là vì muốn "chê cho đã" nên ông lại chỉ đi tìm những gì phù hợp với tiêu chí riêng? Từng tỏ ra tâm đắc với cuốn sách của Bá Dương, nhưng nhà phê bình nọ không coi cuốn sách chỉ như một gợi ý, nên ông không quan tâm điều Bá Dương thừa nhận: "Chúng ta cũng không thể ca ngợi nước Mỹ là một đóa hoa được. Nếu thật tình nó đẹp như một đóa hoa thì người Mỹ đã không phải dùng đến những nhà lao (...). Thật ra để tự cứu mình, chúng ta không nhất thiết cần phải noi gương nước Mỹ, nước Đức, nước Nhật".

Sử dụng phương pháp đối lập để hạ thấp Việt Nam, qua mớ luận lý hỗn độn và luận điểm cay nghiệt, cực đoan rồi phóng đại thói xấu của một bộ phận người Việt Nam thành thói xấu của dân tộc, trong bài viết trên, nhà phê bình còn suy diễn, bịa đặt. Ông cho rằng, Việt Nam hiện giờ là một "quốc gia xuất khẩu lưu manh". Mấy dẫn chứng vơ quáo vơ quào trong chuyến du lịch năm ngày chỉ giúp ông hạ thấp hơn dân tộc đã sinh ra ông, không mấy may lưu tâm chính ông cũng là một con dân nước Việt, và mọi điều dù hay, dù dở của dân tộc cũng trực tiếp làm nên con người ông. Hay ông coi mình là người đứng trên dân tộc, đứng ngoài dân tộc?

Đây không phải lần đầu ông làm công việc để có "cái danh" được một số người xưng tụng. Mấy năm trước, nhà phê bình này từng lập một chuyên đề nhiều kỳ về "thói hư tật xấu người Việt" đăng trên một tờ báo có uy tín. Công việc của ông chủ yếu là trích dẫn từ các bài viết, công trình nghiên cứu văn hóa của một số trí thức ở đầu thế kỷ XX, rồi nhận định ông cha ngày xưa đã ý thức được bài học "người Việt xấu xí"! Nhưng nhà phê bình trích dẫn bằng cách cắt bỏ, lược bỏ không nương tay, chọn lấy những gì được coi là hạn chế của người Việt Nam để lập một danh sách, bỏ qua các ưu điểm, phẩm chất tốt đẹp của dân tộc. Vậy thử hỏi: nếu chỉ được đào tạo, dấn dắt bởi cái xấu thì con người của ông hôm nay ra

sao? Để tăng "tính thuyết phục" cho loạt bài viết đó, ông lồng ghép tản văn, ký sự, hồi ký, phát biểu cá nhân không chính thức hoặc có tính chủ quan ở thời kỳ sau làm dẫn chứng. Ông không chú ý rằng khi nghiên cứu văn hóa, dân tộc Việt Nam ở đầu thế kỷ XX, một số tác giả không chỉ xuất phát từ lòng yêu nước mà còn nghiên cứu để phục vụ tư tưởng, lợi ích riêng của họ.

Văn hóa luôn biến động, chuyển dịch để phát triển, do đó người nghiên cứu văn hóa nghiêm cẩn chỉ nên coi các ghi chép khai thác được như tài liệu tham khảo, là nguồn hỗ trợ, bổ sung, quyết không phải là luận điểm cơ bản, chính yếu. Một nghiên cứu chỉ dựa trên sách vở từ thế kỷ trước, với các suy nghĩ đơn lẻ của một số trí thức, mà không đánh giá dựa trên số liệu khảo sát trực tiếp từ thực tế, chắc chắn thiếu tính thuyết phục, càng không thể trở thành một tác phẩm nhân học. Tùy tiện trích dẫn với ý đồ riêng, không phải là công trình tổng thuật toàn bộ ý kiến của các tác giả thời trước để đưa ra một toàn cảnh, rốt cuộc thì chỉ nhằm thỏa mãn thói kiêu kỳ của một bộ phận người vốn ảo tưởng về "tâm cao văn hóa, văn minh" của mình so với đồng bào, với dân tộc.

Thiết nghĩ, nghiêm khắc với bản thân là yêu cầu đầu tiên và quan trọng nhất với bất cứ ai muốn tự phản tỉnh và phản tỉnh cộng đồng. Thứ nữa, dù là bài học cá nhân rút ra, thì khi hướng tới phản tỉnh cộng đồng; tùy mức độ, sức "nóng" của vấn đề mà bài học thu được có thể tác động tới cộng đồng, và có thể làm thay đổi nhận thức, hành động của cộng đồng, xã hội. Vì thế, ý thức về phản tỉnh và hành vi phản tỉnh tuyệt đối không được xuất phát từ mặc cảm cá nhân, phải dựa trên nguyên tắc khách quan - toàn diện - cụ thể, tránh đưa ra kết luận phiến diện và cực đoan. Từ nguồn gốc và bản chất của nó, có thể nói phản tỉnh chân chính là việc làm hữu ích và cần thiết, giúp mỗi con người và mỗi cộng đồng nhìn nhận đúng mọi hay - dở, mạnh - yếu, đẹp - xấu,... của bản

thân, của cộng đồng, từ đó triển khai kế hoạch khắc phục cái dở, cái yếu, cái xấu,... thông qua hành động hướng tới sự hoàn thiện của cộng đồng. Nếu không xác định mục đích lành mạnh, sẽ đi vào lối phản tỉnh cực đoan, lợi dụng phản tỉnh nhằm dựng bức tranh u ám về cộng đồng, không đưa ra bất cứ ý kiến đóng góp tích cực nào. Vì thế, khi đề cập tới yếu tố tiêu cực để phản tỉnh, cần nhận thức rằng, mọi cộng đồng luôn mang trong mình các đặc điểm riêng, có tích cực và tiêu cực. Nhưng mọi cộng đồng sẽ không thể phát triển nếu không thấy rõ một điều: chính truyền thống lịch sử, văn hóa cùng những yếu tố tốt đẹp, nhân văn,... mới là sức mạnh nội sinh để tồn tại, phát triển.

INTERNET KHÔNG TẠO RA "NHÀ BÁO TỰ DO"!*

NAM CUỒNG

Từ khi internet ra đời, báo chí và truyền thông trên thế giới cũng như ở Việt Nam có thêm một phương tiện cực kỳ quan trọng. Ban đầu chỉ là một dạng phụ lục của báo in, đăng tải các tin tức không đầy đủ và chưa cập nhật, dần dà internet trở thành môi trường tồn tại chủ yếu của nhiều tờ báo, tạp chí. Nhưng cũng từ đây, với báo chí, internet trở thành nơi xuất hiện một số hiện tượng thiếu lành mạnh...

Có thể nói vai trò của internet, các kỹ năng của công nghệ số đã ảnh hưởng lớn tới nhận thức và tác nghiệp của nhà báo; đồng thời cho thấy thông tin ở thời đại công nghệ số không chỉ cần cái nhìn chính xác, đầy đủ, sâu sắc, khách quan mà còn phải "chạy đua" với thời gian để cập nhật thông tin, nên buộc mọi tố chất của nhà báo phải phát huy một cách cao nhất. Không chỉ thế, internet còn tạo cơ hội cho sự phát triển của tự do ngôn luận, vì tiếp cận một cách nghiêm túc, thì sự bùng nổ của website cá nhân, mạng xã hội bên các website chính thống đã góp phần không nhỏ tạo nên viễn cảnh một nền báo chí dân chủ, hiện đại. Tuy nhiên, để viễn

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 1-4-2014.

cảnh đó trở thành hiện thực lành mạnh, mỗi nhà báo còn phải nỗ lực rất nhiều. Bởi dù sao, từ vai trò của báo chí, nếu chỉ nhiệt tình để đưa "thông tin nóng" đến với công chúng là chưa đủ. Như mọi nghề nghiệp xã hội khác, nghề báo có nguyên tắc nghề nghiệp riêng, yêu cầu mỗi người làm nghề phải được trang bị hệ thống tri thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp,... nhất định. Việc tuân thủ những nguyên tắc, yêu cầu này trở thành tiêu chí xác định vị trí, vai trò của nhà báo, trực tiếp khẳng định không phải bất kỳ người nào viết một điều gì đó rồi công bố trên internet cũng được coi là nhà báo.

Do đó, cái gọi là "nhà báo tự do" chỉ là sự ngụy biện nhằm bao che một số người sử dụng internet để vi phạm pháp luật. Cũng với ý nghĩa đó, internet không tạo ra "nhà báo tự do", cũng không thể coi "tự do ngôn luận" là cơ sở để mọi người có thể trở thành nhà báo! Trước một vấn đề, sự kiện nào đó, trên báo chí và internet, thường xuất hiện ý kiến đóng góp của nhân dân với danh tính, địa chỉ cụ thể, và không thể phủ nhận trong số đó một số bài viết, ý kiến có nội dung phong phú, sâu sắc. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, nhà báo chỉ nên xem đó là tài liệu tham khảo, dù người đó có thể là chuyên gia trong một lĩnh vực xã hội, một ngành, nghề... Vì trước một vấn đề, sự kiện, không phải ai cũng có cái nhìn đầy đủ, sâu sắc, giữ được trí óc tinh táo, dù họ mong muốn đóng góp ý kiến thiện chí. Thí dụ, trong bài viết trao đổi ý kiến chung quanh việc Bộ Giáo dục và Đào tạo không coi Ngoại ngữ là môn thi bắt buộc khi thi tốt nghiệp trung học phổ thông, có tác giả không chỉ nhầm lẫn giữa nội dung chương trình học tập, cách giảng dạy của giáo viên trong trường học, tâm lý học sinh mà còn tỏ ra chưa tìm hiểu kỹ những bài học trong sách giáo khoa, phân bố giờ dạy của giáo viên. Vậy mà từ đó lại kết luận rằng nguyên nhân của thực trạng giáo dục là từ chương

trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn! Trong bài viết khác, một tiến sĩ kinh tế gốc Việt ở nước ngoài sau khi "tản mạn" về các nơi ông đi qua, đã kết luận "Việt Nam sẽ mất thêm vài thế hệ"! Ông làm người đọc "giật mình" không phải do tính chính xác mà ở sự chủ quan, bi quan được đẩy lên cao độ. Dẫu sao, ý kiến này cũng miêu tả một số góc khuất của đời sống, nhất là về khoảng cách giàu, nghèo; nhưng tác giả chỉ phản ánh hiện tượng mà chưa có cái nhìn bản chất, giúp nhận thức vấn đề. Đặc biệt, thông tin ông dẫn lại chủ yếu lượm lặt trên internet, thiếu chuẩn xác từ con số đến ngôn từ. Đây chỉ là hai trong nhiều ý kiến mà người quan tâm tới các vấn đề thời sự của đất nước đã đưa ra nhưng còn thiếu cái nhìn bao quát, đa chiều, có tính bản chất, để từ đó có nhận định chính xác, khách quan, hữu ích.

Trường hợp nhà báo sử dụng tin tức lượm lặt từ website, blog cá nhân hay mạng xã hội để viết báo còn phức tạp hơn. Với quan niệm nghề nghiệp nghiêm túc, thì thông tin đa dạng, đa chiều trên internet chưa hẳn có lợi cho sản phẩm báo chí, ngược lại nếu sử dụng thiếu thận trọng, còn có thể gây ra tình trạng "nhiều" thông tin. Những thông tin chưa được kiểm chứng không được tùy tiện khai thác, cũng như phải chịu trách nhiệm khi công bố.

Ngược lại, tiếp xúc với thông tin và muốn khai thác, cần phải tìm hiểu, điều tra, phân tích trước khi đưa ra nhận định. Thao tác nào bị bỏ qua cũng có thể dẫn đến sai lầm, nhất là trên internet, vì thông tin đưa ra sẽ được tiếp nhận, phản hồi rất nhanh, bất kể vị trí, khoảng cách trên toàn cầu. Vì vậy, công việc làm báo mạng nhìn qua có vẻ nhanh chóng, đơn giản, nhất là nhà báo có các phương tiện hiện đại như: máy ảnh kỹ thuật số, điện thoại thông minh, máy tính xách tay, USB 3G... Nhưng sự vội vã, chủ quan, cẩu thả trong khi khai thác, sử dụng thông tin để sớm có bài vở cập nhật (nhất là thông tin giật gân, gây tò mò) đã khiến một số

nhà báo rơi vào tình thế dở khóc, dở cười, nhiều sự cố trong đăng tải thông tin khiến người đọc giảm niềm tin đối với báo chí trực tuyến. Nhưng dẫu sao sai sót loại này không bắt nguồn từ động cơ trực lợi, hoặc phục vụ cho ý đồ xấu nên vẫn có thể coi là "căn bệnh dễ chữa" và từ sai sót của chính mình, từ sai sót của đồng nghiệp mà nhà báo sẽ rút kinh nghiệm để cẩn trọng hơn.

Nhưng có căn bệnh khác xuất hiện từ một số bài báo mang tính "lá cải" trên internet. Ở Việt Nam hiện không có "báo lá cải", nhưng không thể phủ nhận khuynh hướng "lá cải" từ một số bài báo, trang báo và theo ý nghĩa nào đó có thể nói đã làm méo mó diện mạo của báo chí trực tuyến ở nước ta. Đó là sự bùng nổ của những website chỉ ăn cắp, xào xáo tin từ báo khác, dựng ra câu chuyện nhảm nhí, rẻ tiền nhầm lôi kéo bộ phận độc giả hiếu kỳ. Bằng tựa đề dung tục, giật gân, hình ảnh phản cảm, hoặc bài viết bịa đắt, cắt gọt, chỉnh sửa, thêm bớt từ bài báo khác, các website này sống "tâm gửi" vào hình thức chia sẻ thông tin trên mạng xã hội. Tiếp đó là một số người tận dụng lợi thế của internet làm phương tiện trở thành người nổi tiếng, họ tự "lăng xê" bằng cách khoe khoang mọi thứ từ nhan sắc đến tiền bạc, của cải, và lối sống xa hoa... Họ hăng hái "khoe thân" bất chấp phản ứng của dư luận; rồi phối hợp với nhà báo, họ vẽ vời thông tin nhảm có chút danh tiếng trước khi tham gia làng giải trí với tư cách "sao mới nổi"! Kết quả là có người, dù có một vài tố chất trở thành diễn viên, ca sĩ nhưng do hám danh, ý thức đạo đức kém nên đánh mất cơ hội để đến với nghệ thuật. Đáng tiếc là một số tờ báo đang có xu hướng xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo thông tin giật gân, câu khách, dung tục, rẻ tiền... Bên cạnh đó, một số người nuôi dưỡng ngòi bút bằng cách đeo bám vào thông tin "nóng" đăng trên các website. Họ phỏng vấn, đăng tải video, họ bình luận về sự kiện, hiện tượng theo các cách thúc khống giống ai để lôi kéo sự chú ý. Trường hợp

một số website, trang mạng tạo điều kiện để một số người tự nhận "nhà ngoại cảm", hay luật sư nọ nỗi lên từ "vụ án thảm mỹ viện" là minh chứng rõ ràng, cụ thể cho hiện tượng này.

"Căn bệnh nan y" trên internet hiện nay là sự xuất hiện một số người hăng hái chỉ trích đất nước nhằm thực hiện các toan tính xấu xa. Lợi dụng, xuyên tạc quyền tự do ngôn luận, quyền tự do báo chí, những người như Tạ Phong Tần, Nguyễn Văn Hải (Điếu Cày),... được hệ thống truyền thông của các thế lực thù địch gọi là "nhà báo tự do", cho dù họ chưa bao giờ được bảo đảm tư cách nghề nghiệp. Với sự đồng lõa, phổi hợp và ủng hộ của BBC, VOA, RFI, RFA, rồi International PEN (Văn bút quốc tế), RFS và các tổ chức phản động của người Việt lưu vong ở nước ngoài, số người này xuất hiện trên internet qua các văn bản sử dụng thủ đoạn dựng chuyện, bịa đặt, xuyên tạc để vu cáo Đảng, Nhà nước Việt Nam. Như gần đây, RFI đăng bài trả lời phỏng vấn một người trong nước có nhan đề "Văn hóa Việt Nam trong vận khí suy vong". Xuyên suốt bài phỏng vấn, người này sử dụng nguồn tài liệu nghèo nàn, có tính bịa đặt, lấy hiện tượng nhỏ, chưa đẹp trong xã hội để bình luận theo hướng tiêu cực mà chỉ người như ông ta mới nghĩ ra, và kết luận thô thiển của bài phỏng vấn đã lộ rõ bản chất của người trả lời. Trong khi đó, dù chưa bao giờ tỏ ra thiện chí với Việt Nam, BBC Tiếng Việt cũng phải ngậm bồ hòn làm ngọt khi đăng bài thừa nhận mấy kẻ đang lớn tiếng "đấu tranh cho dân chủ" ở Việt Nam rốt cuộc chỉ là "bên thua cuộc", vì thực chất họ "chiến đấu cho lá cờ" của một chính quyền phi nghĩa đã diệt vong. Nếu trước đó internet là phương tiện giúp họ triển khai chiến dịch vu cáo Việt Nam, thì sau buổi báo cáo UPR của Việt Nam kết thúc, sự thật đã chiến thắng, các tổ chức phản động ở nước ngoài và một số người trong nước hoặc tức tối vì thất bại ê chề, hoặc dùng "phép thắng lợi tinh thần" để an ủi lẫn nhau, hoặc quay sang phê phán Liên hợp quốc.

Qua diễn biến của sự kiện này, có thể thấy một số tổ chức quốc tế và một số chính phủ đang có mưu đồ biến môi trường "ảo" internet thành môi trường "thật" cuộc sống để hợp thức hóa hành vi vi phạm pháp luật của một số người ở Việt Nam.

Tốc độ phát triển của báo chí điện tử ở Việt Nam trong các năm qua cho thấy sự quan tâm của Nhà nước trong việc bảo đảm, phát triển quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; đồng thời cho thấy nỗ lực của các nhà báo chân chính cũng như của toàn dân nhằm xây dựng nền báo chí dân chủ và hiện đại, với thông tin chính xác, phong phú, đa dạng, sinh động, mang tính tích cực xã hội. Tuy nhiên, từ những mặt trái của nó, nếu các cơ quan báo chí và mọi người làm báo lơ là trách nhiệm xã hội - nghề nghiệp, các cơ quan quản lý thiếu nghiêm khắc trong tổ chức, quản lý và chế tài, thì báo chí điện tử có thể làm nhiễu loạn thông tin, tạo cơ hội cho các thế lực thù địch, những người thiếu thiện chí truyền bá luận điệu sai trái, lũng đoạn thông tin. Do đó, hơn lúc nào hết, các nhà báo Việt Nam càng phải không ngừng rèn luyện, tiếp tục nâng cao bản lĩnh chính trị, khẳng định năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp,... góp phần xây dựng báo chí điện tử trở thành phương tiện tinh thần quan trọng cùng Đảng, Nhà nước và toàn dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

SỰ THẬT VỀ "ĐẤU TRANH DÂN CHỦ" TRÊN FACEBOOK!*

TUẤN HƯNG

Thời gian trước, việc ra tuyên bố hay lập một tổ chức là không dễ, cho nên mấy "nhà dân chủ" phải liên lạc, bàn soạn, thuyết phục nhau. Nay nhờ có facebook, việc thành lập, tham gia, giải tán tổ chức, hội nhóm nào đó của mấy "nhà đấu tranh dân chủ" ở trong và ngoài nước chỉ cần có... vài giây. Vẫn ngần ấy con người, cộng thêm vài anh ló ngó bị phỉnh phờ nào đó là sẽ có đủ ban bệ để khai sinh một tổ chức hay một phong trào nghe tên loảng xoảng. Đó là lý do vì sao mỗi vị này lại có thể tham gia hàng chục tổ chức với "chức vụ" khác nhau, và vì sao một số tổ chức ra đời dù được PR rầm rộ, nhưng không lâu sau lại mất hút, chỉ còn mỗi cái vỏ tồn tại vật vờ trên facebook. Cũng là lý do vì sao mấy vị "dân chủ" trong và ngoài nước lại đua theo mode "xã hội dân sự" nhằm biến cái nhóm cỏn con của mình thành "tổ chức xã hội dân sự", để nay làm diễn viên ở "tổ chức xã hội dân sự" này, mai lại thủ một vai ở "tổ chức xã hội dân sự" khác, tạo thành "phong trào nhộn nhịp" trên internet, nếu không biết lại ngõ "phong trào dân chủ xứ Việt" đang vào hồi cao trào, bùng nổ!

Thí dụ, vừa qua tổ chức khủng bố "Việt Tân" diễn trò phá đám tại phiên UPR của Việt Nam hồi đầu tháng 2-2014, bầu đoàn tất

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 30-5-2014.

thầy chỉ có mấy thành viên "Việt Tân" nhưng lấy danh nghĩa đại diện tới bảy "tổ chức". Được PR rầm rộ nhưng kỳ thực mỗi nhân vật đại diện đó đứng chân trong vài ba cái "tổ chức", chỉ lòe được người không biết, còn người biết chuyện thì nhận ngay ra bầu đoàn "Việt Tân" đang... diễn kịch! Bởi vậy điểm tinh một chút sẽ thấy, các tổ chức đó cứ như bong bóng xà phòng, nở càng to thì tan vỡ càng nhanh, hình như chúng được lập ra theo nguyên tắc đạt "chỉ tiêu số lượng", bất kể bên trong lỏng lẻo, rệu rã thế nào. Hắn là vì thế với những gì đã diễn ra trên mạng, chính quyền rất ít sử dụng Điều 79, Điều 88 Bộ luật hình sự, bởi còn xét xem đó là "anh hùng chém gió" hay kẻ có khả năng gây ý "thiệt hại" nào cho sự vững mạnh của chính quyền? Cho nên các "nhà dân chủ" lại càng có cơ hội lên facebook ba hoa "chiến đấu với công an"! May mắn ở hải ngoại và mấy "con bệnh tiềm năng" trong nước thì trầm trồ thán phục, nhưng kẻ cùng hội cùng thuyền thì thấy ngay đồng bọn đang diễn trò gì, nên hễ cứ có cơ hội là dùng facebook tỏ thái độ chế giễu, coi thường. Mới có chuyện "nhân sĩ" nọ bị một nhân vật có tên BH chỉ mặt vạch tên. Vì một bên vừa muốn lợi dụng vài kẻ hung hăng để làm "lính xung kích" che mũi tên, hòn đạn rồi nấp sau lưng hô "đả đảo", nhưng lại vừa không muốn kẻ bị lợi dụng hung hăng quá mức làm xấu mặt "nhân sĩ", nên mới ví von thế này thế kia. Một bên kia cũng không vừa, vừa bị ví von là tức tốc vạch trần thói đạo đức giả, lại vừa hèn, vừa cơ hội, vừa muốn "ăn trên ngồi trống", rồi nói thẳng rằng nếu không có kẻ hung hăng ít chữ thì lấy đâu ra danh "nhân sĩ", làm sao được đám "cờ vàng" tôn vinh, làm sao được chính giới phương Tây trọng vọng,...!

Trên thực tế, facebook không chỉ là nơi hành nghề, mà còn là nơi mấy "nhà dân chủ" thực hành các thủ đoạn ma giáo. Mỗi vị có tới dăm ba cái nick, thậm chí chục cái nick. Để phát động một chiến dịch và khiến cho nó ngập tràn facebook là không khó, nhất

là khi có cả đám người từ bên kia địa cầu suốt ngày "chia sẻ" qua màn hình vi tính, cộng thêm khoản mua like, kích bài. Nên không thể kể hết trong một năm có bao nhiêu phong trào được phát động trên internet, nào là tuyệt thực tại gia, tưởng niệm tại gia, biểu tình tại gia, tẩy chay tại gia, phản đối tại gia, đến ký tên vào kiến nghị này, tuyên bố kia. Mỗi phong trào thường trưng lên avatar hình ảnh ra vẻ là có "sức mạnh, số đông" để gây áp lực dư luận trên mạng, tạo ảo tưởng cho nhau, lòe thiên hạ rằng "nhân dân đang chán ghét", "giới trẻ", "giới blogger" thì đang bất bình! Để khuếch trương, đầu nậu ở hải ngoại móc ngoặc với BBC, VOA, RFA, RFI, hay mấy trang tin đồng người đọc giúp mấy "nhà dân chủ" trả lời phỏng vấn, tường thuật, tự ca ngợi và ca ngợi lẫn nhau. Vậy mà mỗi khi đưa các tuyên bố ôn ào trên facebook ra thực địa thì rất khôi hài. Chẳng hạn như phong trào đòi "trả tự do cho BH". Mấy ngày liền nhiều địa chỉ trên facebook tràn ngập avatar hình ảnh người này mặc áo dài, đeo dải băng, hoa, nhưng hôm ra đến Bờ Hồ thì chỉ lơ thơ vài ba vị, khiến con trai BH trở thành kẻ cô độc. Do đó sau mỗi lần ra thực địa là trên facebook lại diễn ra màn đấu tố giữa mấy "nhà dân chủ", giữa "dân chủ già" với "dân chủ trẻ". Người nọ nheo người kia là "anh hùng bàn phím", "hèn nhát", hoặc to tiếng mắng nhau "không biết cách tổ chức". Tuy nhiên, mỗi khi kéo nhau ra đường, các "nhà dân chủ" thường bị lực lượng giữ gìn an ninh, trật tự ngăn chặn, thế là dù không "được việc" nhưng lại được tiếng là bị "đàn áp", nên vẫn có nguyên liệu đưa lên facebook để... "báo công"!

Facebook không những giúp họ dễ dàng tìm "đầu mối tài trợ" từ hải ngoại, tham gia tổ chức nọ kia,... mà còn giúp họ dễ dàng kiểm công ăn việc làm bằng "hành nghề dân chủ". Trước đây, làm admin "nhật ký yêu nước" được 150 đến 200 USD/tháng là đã bị chê ống chê eo, nhưng chỉ chụp vài tấm hình biểu tình, khiếu kiện,

viết vài bài tường thuật, hoặc xào xáo của nhau, rồi chuyển lên vài trang tin nước ngoài là có tiền sống online. Vài năm trở lại đây, trò làm cộng tác viên cho các trang tin, hưởng lương kèm theo nhuận bút đã lỗi thời, mà phổ biến là "vẽ dự án", lên "kế hoạch giải ngân". Ra mắt hội nọ nhóm kia, hoặc giao lưu, gặp mặt, "hội thảo" và "café nhân quyền" đều phải tổ chức tại nhà hàng, quán café sang trọng, kèm theo có hoa, có pano, phải có năm ba kiểu ảnh chứng thực có tụ tập, nhìn ảnh đếm kỹ chưa tới chục người nhưng cứ nói vống lên thành mấy chục, thậm chí là hàng trăm. Thủ hỏi mấy "nhà dân chủ" lấy đâu ra kinh phí cho các "dự án" biểu tình, dã ngoại, tưởng niệm, vì ngoài các phụ kiện như áo phông in logo, tài liệu, pano,... còn là ăn ở, đi lại cho mấy nhân vật được trưng dụng bay từ Nam ra Bắc, bay từ Bắc vào Nam? Cuộc phân tranh giữa NPA với PTN, giữa TKTT với NKT và nhiều cuộc khác cho thấy mấy "nhà dân chủ" phải bỏ tiền tổ chức, thuê "quần chúng" từ miền Trung ra Hà Nội ra sao, chi cho "dân oan" như thế nào, dẫn đến cãi cọ tiền chia nhiều cấp, tiền bị ăn quyt. Đáng chú ý, dù cả tốp ra đường, hay một mình ngồi trong nhà, đứng ở đầu hôi, nấp sau gốc cây thì cũng phải có ảnh. Vô duyên nhất là gần đây, chắc là vì phải "giải ngân", lại không thể khoe khoang "lực lượng" tại hiện trường, mấy "nhà dân chủ" phải trình diễn tại nhà trọ. Họ tập hợp mấy "biểu tình viên chuyên nghiệp" đã nhăn mặt trên internet ngồi nghe một, hai vị ba hoa bị "công an đòn áp, ngăn chặn" rồi coi đó là tin tức, hình ảnh đưa lên facebook?

Theo dõi "đấu tranh dân chủ trên facebook" dễ nhận thấy hẽ "con bệnh dân chủ" nào lọt vào tầm ngắm của "đại gia" ở hải ngoại lập tức sẽ được PR biến thành hàng "hot", được tôn làm "liệt nữ, anh hùng, viên ngọc quý dân chủ", thậm chí coi như là "anh hùng" dân tộc "tái thế"! Chẳng bao lâu, mấy "con bệnh" này cũng khoe khoang mình đã cán đích "5.000 friend", "được xxxx người theo dõi trên

facebook". Lại có một cụm từ mới được khai sinh trên facebook là "hot facebooker" do MNG tự hào khoe. "Hot facebooker" nghĩa là khi chị ta tung ra bất cứ vấn đề gì trên facebook lập tức có vài trăm like, hàng trăm comment phụ họa, đối thoại. Nếu chị ta muốn triệt hạ ai, chỉ lôi đối tượng vào cuộc, nhanh chóng tiến công, tiêu diệt bằng các thành viên phe mình. Cùng với khuynh hướng đầu cơ "hot facebooker", các "đại gia" ở hải ngoại còn đầu tư cho các fanpage, blog, trang tin. Sau đó là tổ chức mua like, promote bài, nuôi đội ngũ comment,... biến trang facebook thành nơi thu hút giới trẻ và cư dân mạng tò mò, thành nơi tuyển chọn, mua chuộc, huấn luyện, tạo dựng các biểu tượng mới, các "hot facebooker" tiếp nối...

Tất nhiên chơi dao có ngày đứt tay. Cái gì cũng có tính hai mặt, đỗ tiền của đầu tư tạo dựng "tiếng tăm" cho các "con bệnh" trong nước, song khi các "con bệnh" này thành "danh", lại sẵn sàng quay lại đốm đầu với chủ vì ngõ đầu tư không đồng đều, không tương xứng với thương hiệu, thậm chí tiến công đồng môn vì kèn cựa, vì động chạm thể diện của nhau và hiện tượng "nhà dân chủ" bỏ chủ này đi theo chủ khác là rất thường tình. Nên có kẻ theo "Việt Tân" rồi phản lại "Việt Tân", có kẻ hôm trước theo Nguyễn Sỹ Bình hôm sau cóm róm theo Đỗ Hoàng Diêm... Qua màn diễn ngày càng sôi động giữa các "con bệnh dân chủ", dư luận hẳn sẽ còn được chứng kiến nhiều màn kịch hấp dẫn từ cuộc đua tranh giành thương hiệu "hot facebooker". Nó không khác cuộc chiến của những kẻ cơ hội, háo danh, hám lợi,... mà đối với họ, lý tưởng dân chủ, tinh thần yêu nước chỉ là vỏ bọc, là cái áo khoác màu mè vừa để kiếm lời vừa để lòe bịp người thiếu hiểu biết. Thế nên, khuynh hướng hoạt động của mấy "nhà đấu tranh dân chủ trên facebook" hiện nay thường là hướng ra nước ngoài, vận động quốc tế, trước hết để tìm mối giải ngân, sau đó là chuẩn bị sẵn hồ sơ xin tị nạn khi có cơ hội, như trường hợp Nguyễn Chính Kết chẳng hạn!

"DÂN CHỦ" HAY "PHẢN DÂN CHỦ"?*

TRẦN TÙNG SƠN

Để đi tới một xã hội công bằng, tự do và dân chủ, nhân loại đã tiến hành nhiều cuộc cách mạng xã hội khác nhau nhằm chống lại các thế lực cản trở sự phát triển của xã hội, và gần đây từ một số biến động xã hội ở một số quốc gia, đã có xu hướng cho rằng loài người đang hướng tới cách mạng dân chủ. Tuy nhiên, cần phân biệt giữa dân chủ đích thực với mạo danh dân chủ...

Hiểu một cách đơn giản, thì phong trào dân chủ là phong trào đấu tranh của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tức là phong trào ấy phải xuất phát từ nguyện vọng của đông đảo quần chúng, nhằm đòi lại quyền lợi bị chiếm đoạt. Tuy nhiên, phong trào dân chủ chỉ có ý nghĩa xã hội tích cực khi gắn với một tư tưởng cách mạng tiến bộ, phù hợp xu thế phát triển, đại diện cho lợi ích nhân dân, mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Với các tiêu chí đó, nhân loại đã từng chứng kiến nhiều phong trào dân chủ đi cùng với một cuộc cách mạng như Công xã Pari năm 1871, Cách mạng tư sản Pháp năm 1789, Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc năm 1911,... Nhưng thực tế cho thấy, không phải phong trào dân chủ nào cũng đem lại

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 10-6-2014.

các quyền lợi cơ bản cho nhân dân. Vì có khi phong trào dân chủ chỉ là hình thức mê hoặc để lợi dụng nhân dân, hoặc sau khi thành công, bộ phận lãnh đạo đã phản bội lại lý tưởng, mục đích ban đầu để xây dựng chế độ đối lập với lợi ích nhân dân. Gần đây, từ các cuộc "cách mạng màu" ở Đông Âu, sau đó là các sự kiện diễn ra ở Bắc Phi, Trung Đông, với đặc trưng chung là phe đối lập huy động, tổ chức quần chúng tiến hành các cuộc biểu tình lớn, dài ngày, có thể kèm bạo lực để lật đổ các chính quyền được cho là tham nhũng, độc tài,... một số người đã coi đó là các cuộc cách mạng dân chủ. Nhưng cùng với thời gian, hiện nay hầu hết giới nghiên cứu quốc tế đều cho rằng những giá trị dân chủ được cổ vũ từ các cuộc cách mạng kiểu đó cần phải được định tính lại. Bởi khi nhận ra phần lớn các cuộc cách mạng này đều được "đạo diễn" từ nước ngoài, họ phải đặt câu hỏi: Các cuộc "cách mạng" đó có thật sự chứa đựng giá trị, đặc điểm của phong trào dân chủ, có thật sự mang lại trái ngọt cho nhân dân, hay sau cách mạng, nhân dân lại tiếp tục phải đối mặt với đói nghèo, bạo lực và chết chóc?

Về phần mình, chúng ta có quyền tự hào khi nhắc đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945, vì đó không chỉ là cuộc cách mạng để giành lại độc lập, mà còn mang đầy đủ bản chất, đặc điểm của một phong trào dân chủ thành công do được dẫn dắt bởi một tư tưởng cách mạng, khoa học. Cho nên, việc ở Việt Nam gần đây có người trong nhóm tự xưng là "nhà đấu tranh dân chủ" coi Cách mạng Tháng Mười Nga và Cách mạng Tháng Tám ở Việt Nam là hai cuộc cách mạng "có tính lừa mị" của cộng sản, thực chất là luận điệu xuyên tạc. Họ nhầm vào việc người cộng sản lãnh đạo cách mạng để phê phán và bác bỏ. Họ cố tình tăng lờ vẩn đề quan trọng nhất của cả hai cuộc cách mạng đó là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của đông đảo nhân dân, trả lại cho nhân dân vị trí làm chủ. Thí dụ, ai cũng biết trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945,

cả dân tộc Việt Nam phải sống dưới ách bóc lột của chế độ thực dân Pháp và triều đình bù nhìn, sau đó thêm phátxít Nhật. Đói nghèo và bần cùng hóa biến hiện cụ thể qua nạn đói năm 1945 với cái chết của hàng triệu người. Được giác ngộ lý tưởng cách mạng, ý thức tự giác về vai trò và quyền lợi xã hội, khi thời cơ đến, toàn dân Việt Nam, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, tôn giáo, sắc tộc,... đã tiến hành cuộc cách mạng vĩ đại do Đảng Cộng sản tổ chức, lãnh đạo. Năm 1946, cuộc tổng tuyển cử đầu tiên được tiến hành, đó cũng là lần đầu tiên mọi người Việt Nam được thụ hưởng một quyền lợi chính đáng của mình là quyền bầu cử.

Từ cách tiếp cận như trên, nhìn vào thực tế hoạt động của mấy người tự nhận hoặc phong tặng lẫn nhau là "nhà đấu tranh dân chủ" để tiến hành "phong trào dân chủ" ở Việt Nam, không khó để nhận ra những con người và cái gọi là "phong trào" đó không hề xác định hay hướng tới giá trị dân chủ đích thực. Chỉ cần viết một, hai đơn từ kiện cáo hoặc nói xấu cán bộ lãnh đạo hay một cơ quan Đảng và Nhà nước là trở thành "nhà đấu tranh dân chủ"(!) Họ lập ra hàng trăm "hội nhóm" nhưng không "hội nhóm" nào có cương lĩnh hành động mang chất trí tuệ, chủ yếu xào xáo, lặp lại của nhau. Thậm chí, "phong trào dân chủ" còn tạo cơ hội để vài ba kẻ dụ dỗ mỉa mai bê ngây thơ nương mộ "người hùng" mà bản án của Tòa án nhân dân quận Đống Đa (Hà Nội), dành cho "nhà dân chủ" Dũng Akudu đầu năm 2014 là một thí dụ! Đặc biệt, một số "nhà dân chủ" còn bị đồng bọn moi móc, bêu riếu nhập nhèm tiền bạc, đấu đá tranh vị trí "thủ lĩnh", biến lận từ in ấn băngrôn, khẩu hiệu, in tờ rơi, may in đồng phục... Như mới đây, sau khi bị đồng bọn phát giác chỉ cấp cho "dân oan" mỗi người 200 nghìn đồng nhưng lại quyết toán thành hai triệu đồng, một "nhà dân chủ" đã phải lên facebook hứa trả lại để "bổ sung vào sổ dư tháng 5"! Đó là điều lý giải tại sao các "nhà dân chủ" chủ yếu vô công rỗi nghề,

làm ăn thua lỗ, nhưng lại có tiền mua sắm đồ nghề hiện đại, hễ tụ tập là nhậu nhẹt,... Đối với họ, "đấu tranh dân chủ" không phải là mục đích mà là chiêu bài, là nghề kiếm sống, là hưởng lợi từ tiền hỗ trợ của các hội đoàn chống cộng ở hải ngoại như tổ chức khủng bố "Việt Tân",... Dựa vào một số thế lực, họ cố gây áp lực lên Nhà nước Việt Nam nhằm đạt tới một cuộc "tiếm quyền" dưới danh nghĩa của các giá trị dân chủ nước ngoài. Về bản chất, họ đang đi ngược lại quá trình dân chủ, vì dân chủ thật sự phải xuất phát từ nguyện vọng chính đáng của mọi người dân, chứ không buộc người dân đi theo quan niệm mà "nhà dân chủ" giả hiệu cổ súy. Chỉ tiếp cận từ tiêu chí "của nhân dân, do nhân dân" đã thấy cái gọi là "phong trào dân chủ" được quảng bá trên internet lại được một số tổ chức ở nước ngoài cỗ vũ hoàn toàn đi ngược với khát vọng và cũng là mục tiêu mà toàn dân tộc Việt Nam đang phấn đấu đạt tới là xây dựng một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Không có ý nghĩa nào khác, một "phong trào dân chủ" lại từ chối mọi cơ hội để xây dựng đất nước, tảng lờ thành tựu của xã hội mà chính họ thụ hưởng, mượn danh nghĩa dân chủ để chống chính quyền, lấy tham vọng và lợi ích kỷ của cá nhân thay thế nguyện vọng dân tộc,... thực chất chỉ là một "phong trào phản dân chủ".

Xem xét tổng thể các vấn đề trên đây đã lý giải tại sao sau hàng chục năm cái gọi là "phong trào dân chủ" ở Việt Nam chỉ loay hoay và loanh quanh trong một nhóm người. Sự bất lực có thể đẩy con người tối hành vi thiếu sáng suốt, đó là nhân - quả của hoạt động và hệ lụy từ hoạt động của những người đang cố xây dựng một thứ "phong trào dân chủ" trái khoáy và phi lý. Phải chăng, vì không thể thực hiện tham vọng, vì bất lực, vì bị đe dọa "cắt nguồn tài trợ" từ bên ngoài,... mà gần đây họ có xu hướng cổ vũ cho mấy cuộc xuống đường tự phát, bột phát hành vi bạo lực? Hơn thế nữa,

dường như họ còn có xu hướng muốn kết hợp cái gọi là "đấu tranh dân chủ" với chủ nghĩa dân tộc cực đoan qua hàng loạt các tuyên bố, thư ngỏ, bài viết, bình luận, tin tức trên internet nhằm kích động bạo lực.

Những ngày này, khi chủ quyền đất nước bị xâm phạm, một số người tự coi mình là "nhà dân chủ" lại xem đây là cơ hội để vu cáo chính quyền, đưa ra các luận điệu vô trách nhiệm để mê hoặc bộ phận công chúng nhẹ dạ, cả tin hoặc chưa có điều kiện phân tích tình hình một cách sâu sắc. Đây là thời điểm để chúng ta nhận diện, phân biệt đâu là người yêu nước chân chính, đâu là nhà hoạt động xã hội có ý thức trách nhiệm và đâu là người đang mượn danh nghĩa dân chủ để cản trở sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Và đối với chúng ta, một nền dân chủ thật sự chỉ đến từ các công dân có tinh thần tự chủ, yêu hòa bình, gắn bó với cộng đồng bằng tinh thần nhân văn, luôn biết kết hợp hài hòa giữa lợi ích của chính mình với lợi ích mọi người.

"VIỆT TÂN" VỚI CHIẾN DỊCH TẬN DIỆT TRÊN FACEBOOK*

TUẤN HƯNG

Lâu nay, cộng đồng internet của người Việt đều biết rõ về tổ chức khủng bố "Việt Tân" và hầu hết đều tẩy chay tổ chức này. Hiện tượng đó khiến các thành viên chìm nổi của cái tổ chức vốn rất nổi danh về trò chối bay chối biến khi bị phát hiện phải sinh ra hàng chục tổ chức ngoại vi, nấp dưới những danh nghĩa khác nhau. Đầu tháng 6 vừa qua, một nhóm facebooker vui mừng đưa tin đã report (báo cáo sai phạm của trang facebook tới nhà quản trị bày tỏ thái độ phản đối, đề nghị đóng cửa) thành công, nên trang facebook "Việt Tân" phải đóng cửa ít ngày. Trước đây, không ít lần một số trang web, blog của "Việt Tân" đã bị đánh sập bởi người nào đó, dù "Việt Tân" có đội ngũ kỹ thuật viên không chỉ có nhiệm vụ bảo vệ các trang của "Việt Tân", mà còn bảo vệ cả trang của các "đối tác" mà "Việt Tân" đã lôi kéo, dù dỗ được. Bởi vậy, không có gì khó hiểu khi trang "Việt Tân" bị đánh sập lại trở thành niềm hứng khởi, phấn khích của cộng đồng mạng. Họ tìm đến và chia sẻ "chiến công" với nhóm facebooker này, một số còn đề nghị cần tìm, report luôn các facebook của thành viên "Việt Tân gạo cội". Đáp lại phản ứng của cộng đồng mạng, "Việt Tân" lại tỏ thái độ khiêu khích, thách thức và chính thức mở chiến dịch tiến công cộng đồng facebook Việt Nam

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 22-7-2014.

với thủ đoạn mà "Việt Tân" quen chụp cho bất cứ facebooker nào phản đối họ thì đều là... "dư luận viên"!

Như các ý kiến trong bài "Cuộc chiến facebook" đăng trên RFA ngày 15-7 về vai trò của facebook đối với hoạt động chống chính quyền Việt Nam hiện nay, thì: "Facebook có một tính năng là tương tác với cộng đồng rất lớn và truyền tin đi rất nhanh. Bên cạnh đó, facebook cũng là một mặt trận mới với nhiều người trẻ, nhiều người bàng quan, những người thờ ơ, nhưng mà nếu người ta đọc thấy những điều gì mà người ta thấy thích hợp hay là người ta đã có sẵn, điều đó làm cho người ta đi tìm thông tin. Đó là điều mà tôi nghĩ rằng các nhà hoạt động đang triệt để sử dụng facebook" và "Nó đảm bảo cho mình việc ẩn danh. Chúng mình không có phương tiện nào vừa nhanh chóng, vừa hiệu quả mà lại không bị kiểm duyệt như facebook". Đó chính là lý do để "Việt Tân" cùng các phần tử "cờ vàng" ở hải ngoại trở thành những kẻ khai thác facebook triệt để nhất, từ đó tạo nên ảo ảnh về "phong trào dân chủ" chống chính quyền Việt Nam mạnh mẽ trên facebook; các fanpage, nick facebook của họ nhanh chóng trở nên "hot" vì có lượng like, share, friend mà bất cứ page hay facebook của người bình thường nào cũng mong ước!

Trong bài viết trên RFA, Kính Hòa cho rằng các "dư luận viên" tổ chức cuộc chiến nhằm vào "Việt Tân" và các facebooker vốn bị dư luận trong nước lên án vì có quan điểm cực đoan, chống Nhà nước,... rồi dẫn lời một đại diện của "Việt Tân" là Angelina Trang để thanh minh: "Chúng ta bỏ thời gian trên facebook là để nhắm vào việc cổ vũ tự do mạng và tự do ngôn luận, đưa những thông tin trung thực đến với cư dân mạng. Chúng tôi không có chủ trương ôạt báo cáo những trang của họ. Đó là việc của họ". Bằng việc khai thác ý kiến một chiều, bài viết rõ ràng nhằm vu cáo chính quyền Việt Nam đứng sau cuộc chiến đang diễn ra trên facebook, đồng

thời bao biện, giả bộ thương vay, khóc mướn cho "Việt Tân"! Điều này cũng không có gì lạ, bởi người viết là phóng viên Kính Hòa, có nick facebook là "Hoa Kinh", là người chuyên lượm lặt thông tin trên facebook và luôn cố tình tảng lờ, không dám đối diện với một thực tế là trong nước có hàng trăm hội nhóm facebook ghét phản động, chống quan điểm sai trái, tranh luận mờ,... hình thành một cách tự phát, không chịu bất cứ sự chỉ đạo nào từ chính quyền. Chính vì thế, họ mới tỏ rõ niềm hứng khởi, phấn khích khi buộc được trang facebook "Việt Tân" phải đóng cửa ít ngày. Nếu như có sự chỉ đạo, nếu đó là công việc do chính quyền tổ chức thì không ai lại dễ dàng bày tỏ cảm xúc hồn nhiên như vậy. Đến hiện tại, số diễn đàn, hội nhóm được điều hành bởi những admin yêu nước đã đạt tới con số hàng trăm nghìn thành viên. Khi "Việt Tân" mở chiến dịch report nhằm vào các admin hội nhóm yêu nước, thì nhiều nhóm đã trở thành nhóm kín, ẩn nick admin đi để bảo toàn "sân chơi" chung cho cộng đồng.

Trên thực tế, sau khi trang của tổ chức khủng bố "Việt Tân" bị đánh sập, đồng loạt các trang lớn của các hội nhóm facebook ghét phản động, chống quan điểm sai trái đã bị đánh sập bằng report với lượng cực lớn, không thể thống kê nổi nếu so với một vài facebook của "Việt Tân" và của một số người bị cộng đồng mạng tố cáo là "tay sai Việt Tân". Cụ thể, hàng loạt facebooker nổi tiếng, vốn là mục tiêu chống phá lâu nay, có nhiều hận thù với "Việt Tân" và đấm tay sai như Quang Trần Nhật, Hoàng Thị Nhật Lê, Võ Khánh Linh, Hoa Phượng Đỏ, Bao Bất Đồng, Bố Tổ Leland Trần, Bão Lửa, Đường Xưa, Đông Tuyền, Hoa Hồng vàng,... và hàng trăm admin các page nổi tiếng đều bị sập lên, sập xuống. Có trường hợp đã lập đến 20 nick dự phòng khác nhau, khi đổi sang tên cũ của mình cũng đều bị đánh sập trong tích tắc. Hiện nay, một số nhóm đông thành viên như "Hội quân sự Việt Nam, Hội ghét phản động"... với hàng trăm

nghìn thành viên giờ thành "nhà hoang", có admin vừa trình diện chưa đầy một giờ đã biến mất, không để lại vết tích. Mức độ triệt phá cho thấy đây là chiến dịch được tổ chức tổng lực, bài bản, theo kiểu "truy lùng", "tìm diệt", không để bất cứ facebooker có uy tín, ảnh hưởng nào có thể hiện diện trên mạng. Một số facebooker cho rằng, chiến dịch này được chỉ huy bởi nhóm tên là KVCT (Kill Vietnam Communist Team) với khẩu hiệu đầy khát máu "Hãy giết sạch bọn chúng". Nhóm này được kết hợp giữa một kẻ nhân danh "Lương Xuân Việt, chuẩn tướng thủy quân lục chiến quân đội Hoa Kỳ, tổng chỉ huy quân lực Việt Nam cộng hòa tại Nam California" (!) với Lý Thái Hùng (chủ tịch cái gọi là "đảng Việt Tân") "lập ra đơn vị biệt kích mạng nhằm tiêu diệt tất cả các tài khoản facebook của bọn dư luận viên, đảng viên cộng sản,..." để phát động chiến dịch "tìm và diệt" các facebooker bị chúng gán cho tên gọi "dư luận viên". Tiêu chuẩn để chúng xếp vào đội ngũ "dư luận viên" là các facebook có avatar treo cờ đỏ sao vàng, ảnh Bác Hồ, lời ủng hộ chế chế chính trị, nhà nước, hoặc "có những lời nói xúc phạm đến danh dự và nhân phẩm của những nhà "dân chủ yêu nước", "Việt Nam cộng hòa", "Việt Tân"... Để làm việc này, chúng còn trơ tráo, ngông ngạo kêu gọi cư dân mạng hãy chỉ điểm để "chúng tôi sẽ xóa sổ tài khoản facebook của chúng ngay lập tức". Giả thuyết trên đây là rất có cơ sở, bởi blog của KVCT được lập ra đúng vào thời điểm tổ chức "Việt Tân" bắt đầu triển khai chiến dịch khủng bố trên internet?!

Mấy ngày qua, một số trang của phe nhóm "chống cộng" cũng lên tiếng cho rằng "Việt Tân" đưa ra vài con tốt thí để tạo nên "cuộc chiến facebook", qua đó tận diệt tất cả các group, facebook bị chúng gán cho là "dư luận viên", dù đó rõ ràng là tài khoản của người dân bình thường, có công khai thông tin cá nhân, nghề nghiệp, bạn bè, gia đình trên mạng. Và như thường lệ, RFA nhanh nhau làm một "phóng sự" về "cuộc chiến facebook" này, vừa để "khóc mướn" cho

"Việt Tân", vừa để tạo ra hiện trường giả nhầm vu cáo chính quyền Việt Nam. Từ sự nhanh nhảu này của RFA có thể nhận ra sự phối hợp nhịp nhàng giữa "người tổ chức" và "kẻ đưa tin", tương tự như nhiều sự vụ được bố trí, sắp đặt giữa RFA với những người gọi là "nhà đấu tranh dân chủ" từ trước khi xảy ra sự kiện, và RFA chỉ việc hoàn thiện bài vở vào lúc sự kiện diễn ra! Đến ngày 17-7, sau khi rất nhiều facebook bị đánh phá tan hoang, Hồng Thuận (thành viên của "Việt Tân" ở Mỹ) và các trang tin của "Việt Tân" liên lộ mặt, công khai loan báo tại các diễn đàn trên mạng về việc bắt cứ "nhà đấu tranh dân chủ" nào bị report tài khoản, mời liên hệ với Hồng Thuận để "Việt Tân" can thiệp với facebook phục hồi tài khoản bị đánh sập, đồng thời vu cáo chính quyền Việt Nam đã sử dụng "hàng ngàn dư luận viên triệt tiêu tài khoản facebook của nhiều blogger, nhà hoạt động dân chủ". Vậy là bộ mặt thật của "Việt Tân" đã bộc lộ ý đồ của tổ chức khủng bố này cũng đã lộ rõ: tiêu diệt các facebook căm ghét "Việt Tân", lôi kéo, mua chuộc, ràng buộc các thành phần chống đối là người Việt quy thuận với "Việt Tân". Đáng chú ý là cùng với lời kêu gọi này, một số chân rết của "Việt Tân" như VOICE của Trịnh Hội (đã bị vạch mặt là một NGO, tổ chức ngoại vi của "Việt Tân"), Đoan Trang,... lại tỉ tê, khuyến dụ một số người trong nước liên hệ để giúp đỡ phục hồi facebook, hoặc lên danh sách để yêu cầu facebook bảo vệ trước mọi cuộc tấn công tương tự!?

Cho đến nay, đã có nhiều nước tiến hành thắt chặt việc tạo tài khoản cá nhân trên mạng, ra các bộ luật xử lý những kẻ lợi dụng công cụ mạng để lừa đảo kinh tế, chống chính quyền, tiến công vào cá nhân. Việt Nam không thể là ngoại lệ. Đã đến lúc cơ quan quản lý internet Việt Nam cần phải làm việc với Công ty T&A Ogilvy - đại diện truyền thông chính thức của facebook tại Việt Nam, nhằm xúc tiến bảo vệ môi trường facebook lành mạnh, yêu cầu facebook

chặt chẽ hơn trong việc đăng ký nick ảo, hỗ trợ tài khoản cá nhân, hội nhóm yêu nước phục hồi hoạt động. Khi mỗi người có thể đăng ký hàng trăm nick, thậm chí hàng nghìn nick nếu muốn thì việc này chỉ có lợi cho kẻ xấu mà thôi. Đồng thời, đã đến lúc Chính phủ Việt Nam cần có hình thức, biện pháp kiểm soát tài khoản cá nhân trên mạng giống như quản lý sim điện thoại để bảo vệ "quyền tự do cá nhân", "quyền tiếp cận thông tin" chính xác, khách quan, không để những tổ chức, cá nhân sinh sống bằng nghề khủng bố với sự bảo trợ của "mafia truyền thông" như RFA để thao túng hệ thống facebook, blog, diễn đàn, trang web,... ở Việt Nam.

KHÔNG AI ĐƯỢC NHÂN DANH TỰ DO ĐỂ THỰC HIỆN MƯU ĐỒ XẤU*

ĐÔNG TUYỀN

Tự do, đó là khát vọng ngàn đời của nhân loại. Từ thuở hồng hoang, khi con người còn bị thiên nhiên kìm hãm, họ khát khao chinh phục để nhận thức thế giới chung quanh mình. Rồi khi xã hội có giai cấp, thì chính con người lại kìm hãm con người, kẻ mạnh áp đặt và tước đoạt những quyền hiền nhiên của kẻ yếu, nước lớn cướp quyền tự chủ và nền độc lập của nước yếu,... khi ấy con người lại đấu tranh đòi tự do cho dân tộc, cho đất nước, đòi quyền sống, quyền làm người cho chính bản thân mình. Giữa thế kỷ XX, nhân loại được chứng kiến sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân, các nước thuộc địa đứng lên giành lại nền độc lập, giành lại các quyền cơ bản cho con người.

Thế nhưng, sau khi giành độc lập, không phải ở quốc gia nào quyền cơ bản của con người cũng được bảo đảm. Và khi tình trạng áp bức xuất hiện thì con người lại đấu tranh để có được quyền tự do ngôn luận, quyền tự do tôn giáo, tự do báo chí... Như vậy, theo thời gian, cùng với sự phát triển của xã hội, con người luôn khao khát được đi đến tận cùng và tột bậc của tự do.

Đấu tranh để có được tự do là điều chính đáng, không những

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 8-8-2014.

chính đáng mà được xem là lý tưởng của con người, và đã có những con người với lý tưởng đấu tranh cho tự do mà đã trở nên vĩ đại, như Che, như Gandhi, Mandela, Luther King, như Bác Hồ của chúng ta. Tuy nhiên, cũng như nhiều khái niệm khác, tự do lại có hai mặt và cần được xem xét trong tính biện chứng giữa nó với các mối quan hệ. Tự do, là giải phóng khỏi các ràng buộc, nhưng trong một thế giới mà mọi thứ liên kết và tương tác lẫn nhau thì ràng buộc là điều không thể tránh khỏi. Tự do tương tác như thế nào, biểu hiện hai mặt tích cực, tiêu cực ra sao với sự phát triển xã hội là câu hỏi cần được trả lời, mà câu hỏi quan trọng nhất là "tự do như thế nào để có hạnh phúc?", vì suy cho cùng đích đến của nhân loại luôn luôn là hạnh phúc.

Lâu nay ở Việt Nam, một số người như Cù Huy Hà Vũ, Bùi Thị Minh Hằng, Lê Công Định, Nguyễn Tiến Trung,... nhân danh "đấu tranh cho tự do" xuyên tạc, bóp méo sự thật lịch sử và hiện tại, chống phá Nhà nước,... đó có phải là tự do đích thực? Gần đây, sau vụ rơi máy bay thảm khốc ở Ucraina, khi cuộc điều tra chưa có kết luận cuối cùng thì nhiều tờ báo không biết cố tình hay vô ý lại khai thác tin tức từ các hãng tin phương Tây để vội vàng quy kết thủ phạm của vụ MH17 chính là lực lượng ly khai ở Ucraina và Nga, khi nhận phản hồi của độc giả, có nhà báo trả lời rằng, đó là "tự do báo chí"(!) Kết tội khi chưa điều tra liệu có phải là "tự do thông tin"?

Tự do là khái niệm đậm tính nhân văn, vì vậy, tự do đích thực là sự thể hiện cao nhất của văn minh. Trên cơ sở đó, tự do có thể chia làm hai loại, cũng chính là hai mặt tốt - xấu, đó là: "tự do một cách văn minh" và "tự do hoang dại". Tự do hoang dại là tự đặt ra một thứ tự do riêng rẽ cho mình và phe nhóm của mình, từ đó không chịu bất kỳ ràng buộc nào, mà luôn cho rằng mỗi chủ thể có thể làm bất cứ điều gì, trong đó xuyên tạc, bóp méo sự thật cũng

được coi là "tự do". Ngược lại, tự do một cách văn minh được đặt trong quan hệ biện chứng với các chủ thể có liên quan; được xây dựng trên cơ sở sự tôn trọng, xã hội tôn trọng tự do cá nhân, cá nhân tôn trọng cá nhân khác, tôn trọng xã hội, và con người tôn trọng thiên nhiên. Nói cách khác thì "tự do một cách văn minh" nghĩa là lợi ích chính đáng của bạn cần được bảo đảm, bạn có một phần trách nhiệm để bảo đảm lợi ích chính đáng của người khác; bạn có quyền nêu chính kiến của mình, và bạn phải tôn trọng quyền nêu chính kiến của người khác; bạn có quyền theo hoặc không theo tôn giáo nào, và bạn phải tôn trọng quyền theo hay không theo tôn giáo nào của người khác...

Văn minh nhân loại phát triển ở mức cao nhất là khi sự tôn trọng được biểu hiện rõ nét nhất, và đấu tranh cho tự do cũng chính là đấu tranh để có được sự tôn trọng, hành động đó diễn ra xuyên suốt lịch sử nhân loại. Con người luôn đấu tranh để các quyền của mình được tôn trọng, để lợi ích chính đáng của mình được tôn trọng, để đạo lý, sự thật được tôn trọng. Như vậy sẽ là "phản tự do" nếu bạn đòi hỏi người khác tôn trọng tự do của bạn, nhưng bạn lại xâm hại tự do, lợi ích chính đáng của người khác, xâm hại lợi ích cộng đồng, dân tộc, đất nước... Bởi bao giờ cũng vậy, sự tôn trọng luôn diễn ra trong tương tác hai chiều, nếu chỉ có một chiều sẽ là khiên cưỡng; khi một cá nhân, một thế lực đòi hỏi được tôn trọng song lại xâm hại lợi ích của người khác thì tất yếu người bị xâm hại đã bị tước đoạt một phần tự do.

Gần đây, việc một số người nhận danh "đấu tranh cho tự do", hô hào "tự do ngôn luận", "dân chủ, nhân quyền"... nhưng khi hành động họ lại thường sử dụng thủ đoạn bóp méo, xuyên tạc, bịa đặt, đòi hỏi các quyền một cách vô lối, thực chất là việc làm "phản tự do". Như việc một cô sinh viên theo lời dụ dỗ của kẻ xấu đi rải truyền đơn có nội dung chống phá Nhà nước, được các "nhà đấu

"tranh tự do" tôn vinh là "anh thư" mấy năm trước chặng hạn. Nhà nước là một chủ thể trong xã hội, được pháp luật bảo vệ, có các lợi ích chính đáng cần được tôn trọng, việc xúi giục và cỗ súy, hay có hành vi chống phá Nhà nước đều không thể coi là một trong các quyền tự do được, càng không thể nhân danh "đấu tranh tự do".

Sự "phản tự do" ấy được phản ánh cụ thể khi một số phần tử, với hành trang "Tuyên bố 258", hết đến Đại sứ quán Thụy Sĩ ở Hà Nội rồi sang tận Thụy Sĩ để vu cáo chính quyền, kêu gọi Thụy Sĩ gây áp lực buộc cơ quan lập pháp của Việt Nam bỏ Điều 258 khỏi Bộ luật hình sự! Trên tinh thần tự do, tôn trọng lẫn nhau thì không nước nào có quyền can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác, Hiến chương Liên hợp quốc ghi rõ điều đó, việc công dân nước này kêu gọi nước khác can thiệp vào nước mình là điều càng không thể chấp nhận. Hơn nữa, Điều 258 Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một điều luật hết sức văn minh, được xây dựng dựa trên "nguyên tắc vàng" của sự tôn trọng, luật pháp hầu hết các nước trên thế giới đều có những điều luật tương tự, đáng kể là ở Mỹ và Đức - hai nước được coi là có nền lập pháp tiên tiến.

Gần đây, một số người lại lên internet hô hào đòi "tự do báo chí" song trong việc đưa tin của họ lại rất thiếu trách nhiệm, khẳng định điều chưa thể khẳng định, nói hai - ba trong khi sự thật là một, viết B, C trong khi nội dung là A,... Và đặc biệt là hầu như mọi hoạt động ích nước lợi dân được Nhà nước tiến hành đều bị họ "mổ xẻ" theo hướng tiêu cực, rồi suy diễn, kết luận một cách hồ đồ. Việc các nhà báo và các trang mạng đua nhau đưa tin (dịch từ báo phương Tây) liên quan vụ rơi máy bay MH17, trong đó cố tình quy tội cho một phía khi chưa có kết luận điều tra nào được đưa ra, thì không thể gọi là tôn trọng sự thật, và càng không thể gọi là tự do báo chí.

Tự do nói chung và tự do báo chí nói riêng là những quyền chính đáng của cả dân tộc, không ai được xâm phạm. Dân tộc ta đã đỗ biết bao nhiêu mồ hôi và xương máu để có độc lập, tự do; vì thế chúng ta sẵn sàng đổ mồ hôi, xương máu để giữ gìn độc lập và tự do. Chúng ta lên án bất kỳ người nào, tổ chức nào nhân danh tự do để tước đoạt tự do của người khác, hoặc nhân danh tự do để thực hiện các âm mưu đen tối. Sự sai trái không bao giờ đưa tới kết cục tốt đẹp, mà chỉ đưa tới hậu quả là làm tổn thương, tổn hại, cản trở sự phát triển của con người và đất nước. Những ai đang sử dụng tự do làm chiêu bài phục vụ tham vọng cá nhân hãy học cách tôn trọng người khác để được tôn trọng trở lại. Còn mỗi người dân đều phải có trách nhiệm góp sức mình tiếp tục làm cho "cây tự do" ngày càng đơm hoa, kết trái trên đất nước chúng ta.

KHÔNG THỂ BAO BIỆN CHO HÀNH VI BỊA ĐẶT*

TRẦN VIỆT QUANG

Thời gian gần đây, việc một số tờ báo đăng tải thông tin sai sự thật ảnh hưởng tới vai trò, uy tín của giới báo chí trong xã hội, đã bị cơ quan chức năng xử lý nghiêm khắc. Tuy nhiên, có người lại đặt hiện tượng này trong quan hệ với cái gọi là tự do ngôn luận. Vậy trên thực tế, sự thật có đúng như họ bao biện?

Tháng 8-2014, Bộ Thông tin và Truyền thông đã xử phạt hành chính sáu tờ báo, trang thông tin điện tử vì đăng tải thông tin sai sự thật, không trích dẫn nguyên văn, nguồn tin chính thức gây ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội. Trong khi việc xử phạt nhận được sự hoan nghênh, đồng tình của đông đảo bạn đọc, thì có người lại cho rằng án phạt này ảnh hưởng quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, thậm chí cho rằng, các sai phạm kể trên là loại lỗi mà báo chí truyền thông hiện đại không thể tránh khỏi, cần được thông cảm! Các trang BBC, Dannews cũng thể hiện quan điểm tương tự qua cách đặt nhan đề cho mấy bài báo có liên quan tới sự kiện mà họ đăng tải. Không khó nhận ra đây chỉ là thứ lý lẽ bao biện cho hành vi bịa đặt, dựng chuyện của một số người được gọi là "nhà báo" ở Việt Nam hiện nay.

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 12-9-2014.

Tiếp cận từ bất cứ góc độ nào thì tự do báo chí, tự do ngôn luận cũng không đồng nghĩa với việc nhà báo dẫn nguồn tin thiếu chính xác, bịa đặt ra câu chuyện hay xào xáo, sao chép thông tin của các tờ báo khác. Trong các nền báo chí tiến bộ trên thế giới, việc dựng chuyện (fabricate) và đạo bài (plagiarism) là hai lỗi lầm nghiêm trọng và không thể dung thứ. Vì thế, thường thì khi nhà báo nào có hành vi liên quan tới hai lỗi trên sẽ bị tòa soạn sa thải ngay lập tức. Ngoài ra, họ còn phải đối mặt với nhiều hệ lụy khác như: buộc xin lỗi công khai tới bạn đọc, trả lại giải thưởng báo chí mà mình từng nhận. Nghiêm trọng hơn, nếu bị cá nhân hoặc tổ chức nào khởi kiện vì hành vi dựng chuyện ảnh hưởng xấu tới danh dự của họ, thì nhà báo và tòa soạn sẽ phải hầu tòa, sẽ phải bồi thường những khoản tiền không nhỏ. Chưa kể sự nghiệp báo chí của người viết có thể vĩnh viễn bị chôn vùi, tên tuổi trở thành "tấm gương xấu" trong một khoảng thời gian dài. Điều này không hề là ngoại lệ ngay cả với nền báo chí Hoa Kỳ vốn có tiếng là ủng hộ các hành động "tự do quá trớn" và trên lý thuyết là quốc gia không có luật báo chí!

Theo tổng kết của polotico.com, journalism.about.com về danh sách 10 nhà báo tai tiếng vì "dựng chuyện", có tới ba người từng được đề cử hoặc được nhận giải Pulitzer - giải thưởng báo chí cao quý nhất của Mỹ. Những người này sau đó đã không thể tiếp tục công việc, thậm chí phải trả lại giải thưởng kèm lời xin lỗi công khai. Nhà báo được giải Pulitzer đầu tiên "dính chàm" là Louis Seibold. Năm 1921, Seibold thực hiện một phỏng vấn giả mạo với Tổng thống Mỹ Woodrow Wilson. Thời điểm đó, Woodrow Wilson rơi vào trạng thái hôn mê, Seibold không còn cách nào khác ngoài việc viết ra một bài phỏng vấn tưởng tượng với sự giúp đỡ của phu nhân tổng thống và một số người khác. Điều đó đã làm cho ông ta không tránh khỏi bia miệng của thế gian, ngay cả khi đã mất. Tiếp

theo, là trường hợp nữ nhà báo Janet Cooke, người bị thu hồi giải thưởng Pulitzer được trao năm 1981 vì có thiên phong sự "biến đặt". Cooke viết một bài báo nhan đề "Thế giới của Jimmy", tường thuật cuộc sống của lũ trẻ da màu nghèo khổ giữa nạn buôn bán ma túy và đăng trên tờ *Post* (Bưu điện). Đây là một bài báo cảm động, ngoại trừ việc tất cả những gì Cooke viết ra hoàn toàn dựa trên trí tưởng tượng. Thực tế, không có một đứa trẻ 8 tuổi nào có tên là Jimmy có cuộc sống như vậy dù sau đó có một vài người tìm cách bào chữa. Từ đó, Cooke bị coi là "một kẻ nói dối bệnh lý"! Trường hợp tai tiếng khác được nhắc đến là Jack Kelley, phóng viên nước ngoài kỳ cựu của tờ thời báo nổi tiếng *USA Today* (Nước Mỹ ngày nay) từng năm lần được đề cử giải Pulitzer. Năm 2004, ông bị chính đồng nghiệp cáo buộc ít nhất đã có hành vi biến đổi trong tám phóng sự của mình và "đạo bài viết" của vô số trang tin khác. Nhiều nhà báo còn cho rằng hàng trăm bài viết từ trước của Jack Kelley đều ít nhiều ăn cắp thông tin, có lời lẽ vu khống, biến đổi? Nguy hiểm hơn, Jack Kelley vốn là phóng viên chiến trường đã lừa dối người đọc Mỹ về tình trạng ở các nước như Cuba, Pakixtan, Ápganixtan, Ai Cập, Nga, Nam Tư... Dù thanh minh không hề làm sai bất cứ điều gì hay có ăn cắp thông tin của người khác, dưới con mắt của nhiều đồng nghiệp, Jack Kelley vẫn là "kẻ đáng xấu hổ vì phản bội niềm tin của công chúng". Không có mặt trong danh sách tai tiếng trên, Narciso Contreras, phóng viên ảnh tự do từng đoạt giải Pulitzer cũng bị hãng AP ngừng hợp tác vì đã chỉnh sửa một vài chi tiết trong những bức ảnh chiến trường Xyri của mình. Cho dù các chỉnh sửa này không ảnh hưởng nhiều tới nội dung những bức ảnh, hãng AP vẫn kiên quyết chấm dứt quan hệ về công việc với Contreras. Họ tuyên bố rằng: Uy tín của AP luôn được đặt lên cao nhất, mọi hành động vi phạm đạo đức báo chí (dù nhỏ nhất) đều không thể được chấp nhận. Trước đó, Contreras cũng đã phải

lên tiếng xin lỗi vì hành động của mình và mong muốn nhận được sự tha thứ từ độc giả.

Ngay cả các tờ báo "lá cải" ở Mỹ vốn coi chuyện bịa đặt là phuong thức sinh tồn để lôi kéo sự chú ý của độc giả cũng từng phải trả giá đắt cho các bài viết tưởng chừng vô thưởng, vô phạt. Tờ *Globe* (Hoàn cầu) từng hai lần phải ra hầu tòa và nộp phạt vì phóng viên Mike Barnie. Mike được biết đến là người chuyên xuyên tạc lời của người khác. Năm 1973, *Globe* mất 40.000 USD sau khi Mike bị cáo buộc là đã phía thêm lời vào các bài phỏng vấn. Năm 1991, phóng viên này tiếp tục đem lại rắc rối cho tòa soạn sau khi tự ý thêm thắt vào lời của một giáo sư thuộc Đại học Harvard. Mike Barnie đã viết rằng vị giáo sư thích phụ nữ châu Á vì người châu Á biết "phục tùng"; rút cuộc, *Globe* phải đền 75.000 USD! Năm 2004, Carl Cameron làm cho tờ *Fox News* cũng bị bẽ mặt khi bịa ra chuyện Thượng nghị sĩ John Kerry là một "người mắc bệnh yêu bản thân thái quá khi thường xuyên chăm sóc da mặt, móng tay". Thực tế, John Kerry là một người ưa chải chuốt; tuy nhiên, những "câu nói" Cameron viện dẫn là của ông John Kerry lại không có bằng chứng! Việc tương tự cũng diễn ra với chính đối thủ của Kerry khi đó là Tổng thống đương nhiệm George Bush. Tập đoàn truyền thông CBS buộc phải xin lỗi George Bush sau màn dựng chuyện tai tiếng khi Dan Rather - phóng viên của CBS, "chế tạo" ra một bản ghi "giả". Theo nguồn tin dối trá đó, George Bush được cho là nhờ quan hệ gia đình với bang Texas nên đã "trốn" được việc tham gia chiến tranh Việt Nam. Đây là một bài báo ác ý nhằm hạ thấp uy tín của Tổng thống Bush. Và các sai lầm ngớ ngẩn khi "chế tạo" bản thảo của Rather đã biến thành một trò cười và thảm họa báo chí, ảnh hưởng tới uy tín của CBS.

Vài năm lại đây, trước sự bùng nổ của mạng xã hội, nhiều tập đoàn truyền thông ở Mỹ cũng nhanh chóng "thiết quân luật" đối

với phóng viên dưới quyền khi họ sử dụng hay hoạt động trên website cá nhân, blog, facebook, twitter,... Mỗi một dòng tin nhắn hay nguồn tin xuất hiện trên các trang cá nhân của nhà báo đều đồng nghĩa với việc anh ta phát ngôn thay cho tờ báo nên phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về các câu chữ, đoạn video, bức ảnh được đăng tải. Năm 2010, tờ *Washington Post* (Bưu điện Washington) tuyên bố đình chỉ công việc của bình luận viên bóng bầu dục nổi tiếng Mike Wise sau phát ngôn "đùa cợt" của ông trên twitter. Số là bình luận viên này đưa ra trên trang cá nhân thông báo: Tiền vệ Ben Roethlisberger của đội Pittsburgh Steelers chỉ bị đình chỉ năm trận đấu tại NFL (giải bóng bầu dục nhà nghề Mỹ) vì hành vi sai trái thay vì sáu như công bố của ban tổ chức giải. Gần như ngay sau đó, Mike Wise đã xóa bình luận và xin lỗi vì trò đùa của mình. Nhưng vì quá trình chia sẻ trên twitter diễn ra quá nhanh, tin tức lập tức tối lãnh đạo *Washington Post*. Họ yêu cầu Mike Wise xin lỗi công khai và bị đình chỉ công việc trong một tháng. Nhưng mọi việc chưa dừng lại, nhiều phản hồi của độc giả mong muốn Wise phải bị đuổi việc. Thậm chí, một vài bình luận rất gay gắt còn cho rằng nếu *Washington Post* không đuổi Mike thì không còn là một tờ báo đáng tin nữa!

Từ các sự kiện xảy ra trong báo chí Mỹ, có lẽ một số người tại Việt Nam nên định nghĩa lại hai chữ "tự do" mà họ đang nhầm tưởng. Tự do báo chí, tự do ngôn luận tại bất kỳ quốc gia, dù tiến bộ đến mức nào trên thế giới cũng phải dựa trên nền tảng của sự trung thực, tôn trọng sự thật. Cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của báo chí chính là sự thật. Nhà báo là người làm việc để bảo vệ, phụng sự cho chân lý ấy. Cho nên, thật ngạc nhiên khi có người chống chế, bao biện cho hành động đạo bài, chế bài, xuyên tạc, bịa đặt, dựng chuyện là xuất phát từ sự thiếu hiểu biết hay chưa thể kiểm chứng thông tin! Nói thế nào thì các hành động đó đều chung

một bản chất là dối trá. Đáng tiếc, nếu ở nhiều nước phương Tây, cụ thể là ở Mỹ, người phát hiện hành vi đạo văn, bịa đặt lại chính là các nhà báo, thậm chí trong đó có người là đồng nghiệp của người đạo văn, dựng chuyện, thì ở Việt Nam, trong vài vụ việc mới đây, dường như người trong cuộc lại đứng đúng trước hành vi đăng tin sai sự thật? Sự việc chỉ trở nên rõ ràng khi dư luận phân tích, làm sáng tỏ tính chất giả mạo của bức thư. Đến hiện tại, các cá nhân liên quan trực tiếp tới việc đăng tải bức thư trên vẫn im lặng, không có bất kỳ lời xin lỗi trước độc giả, cũng chưa có thông báo ký luật chính thức với những tác giả dựng chuyện? Cung cách làm việc như vậy không thể tồn tại trong một nền báo chí chuyên nghiệp. Dù chưa thể kết luận về xu hướng báo chí với các tác giả hành nghề bằng cách bịa chuyện, ăn cắp thông tin trên mạng đang giữ vai trò chi phối một số địa chỉ báo chí thì các sự kiện - hiện tượng tiêu cực trong báo chí gần đây cũng là sự cảnh báo khi mỗi nhà báo xem nhẹ vai trò xã hội - nghề nghiệp của mình, và xã hội lơi lỏng vai trò của luật pháp, thiếu hình thức kỷ luật, cơ chế xử phạt nghiêm khắc, cụ thể với báo chí.

BI HÀI CHIÊU TRÒ CỦA MẤY "NHÀ DÂN CHỦ"!*

TUẤN HƯNG

Vừa qua, một địa chỉ truyền thông của tổ chức khủng bố "Việt Tân" và một số blog, facebook quảng cáo rùm beng về chiêu trò đưa vài người lén lút ngồi trên vỉa hè hay ngõ xóm heo hút mời uống nước mà "không bán nước"! Nhưng việc làm ra đời từ dã tâm đen tối, chủ yếu để chụp ảnh đưa lên internet, đã thất bại thảm hại, vì đó chỉ là một trong các trò bi hài mà mấy người tự nhận là "nhà dân chủ, người yêu nước" vẫn trình diễn lâu nay!

Khơi mào bình phẩm về chiêu trò này bắt đầu từ trang facebook có tên "đồng hành với No-U", sau khi Vũ Đông Hà - kẻ cầm đầu của một trong các trang mạng của tổ chức khủng bố "Việt Tân", lôi kéo nhóm người có danh xưng rất ảo là "mạng lưới blogger" vào trò chơi mới là "không bán nước"! Nếu phía nam, blogger NNNQ giữ vai chủ trò, thì phía bắc có PTN, NTN, TVD, BHQ,... được giới thiệu tham gia.

Trò chơi được truyền thông (PR) khá rầm rộ trên trang mạng của Vũ Đông Hà và một số trang khác. Họ cùng nhau thể hiện rất rõ mục tiêu "phản kháng, tố cáo" chế độ mà không gấp phải "sự sách nhiễu từ chính quyền"! Cùng lúc đó, một cơ sở truyền

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 19-9-2014.

thông của tổ chức khủng bố "Việt Tân" liên vội vàng làm một phỏng sự có nhan đề "Sinh viên Hà Nội hưởng ứng phong trào", nhưng trên thực tế thì chỉ có sinh viên duy nhất với một nick ảo trên facebook phỏng vấn Trương Văn Dũng - kẻ được giới thiệu là người phát động!

Ngay khi "trò chơi" phát động, trên internet có người vạch rõ Vũ Đông Hà tiếp thu và nhặt nhạnh từ hoạt động có tên "cuộc cách mạng của sợ hãi" từ "phong trào phản kháng thay đổi dân chủ của Dimbabuê" bằng việc truyền thông điệp qua trò chơi thu hút giới trẻ và dân chúng tham gia để chế giễu chính quyền, mà chính quyền không thể xử lý kẻ làm trò, tạo hiệu ứng về "phong trào phản kháng rộng khắp với lực lượng rộng khắp" khiến chính quyền "không còn có thể biết đích xác ai là người khởi xướng, bắt nguồn từ đâu, chỉ hiện hữu những người hưởng ứng, bắt chước".

Cụ thể những gì Vũ Đông Hà bắt chước là "chiến lược (grand strategy) để gây dựng số đông nhân sự cho phong trào; chiến thuật (strategy) tạo sự tham gia xây dựng các biểu tượng; phương thức (tactics) là làm ra các trò chơi tinh nghịch... Đối tượng thu hút (target audiences/participant) là giới trẻ". Về "hiệu quả" chiêu trò này khi áp dụng, trên internet có tác giả bình luận: "dự án" chỉ thu hút được số người đếm trên đầu ngón tay tham gia. Trò chơi không tạo được bất kỳ "hiệu ứng kích thích dư luận" như Vũ Đông Hà quảng bá. Thực tế, trong bối cảnh bế tắc về đường hướng hoạt động, lực lượng thua thót, ít ỏi, lại gặp phải sự thờ ơ, không quan tâm từ dư luận thì trò chơi này chỉ là ảo tưởng. Vì trong khoảng hơn hai tháng kể từ khi khởi xướng, chỉ có vài ba người cố diễn vài buổi chiếu lệ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Hải Phòng và nhanh chóng chụp ảnh đưa lên mạng quảng cáo. Cho nên thi thoảng trên internet lại có mấy bức ảnh, bức thì thấy bà này đang ngồi buồn thiu dựa bờ tường trước mặt là "thùng nước", bức kia lại

thấy ông nợ béo tròn đang còng lưng gánh hai thùng nước lang thang giữa đường.

Như vậy, từ tổ chức "chiến dịch tuyên bố 258" bằng việc gõ cửa, vận động một số Đại sứ quán ở Hà Nội, tổ chức quốc tế ở Thái Lan đòi can thiệp với Chính phủ Việt Nam xóa bỏ Điều 258 Bộ luật hình sự, đến việc dưới sự điều phối chung của tổ chức khủng bố "Việt Tân" qua cánh tay nối dài như trang mạng do Vũ Đông Hà đứng đầu hay VOICE của Trịnh Hội để kêu gọi các nước không cho Việt Nam vào Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc, và việc bày trò "không bán nước",... đều thất bại thảm hại. Những kẻ chủ mưu đã gấp phải sự phản ứng dữ dội của cộng đồng mạng. Họ coi đó là hành vi "tiếm danh cộng đồng cầu viện ngoại bang", "công rắn cắn gà nhà".

Từ ngày nhóm "tuyên bố 258" lấy tên "mạng lưới blogger" cùng với tuyên bố làm nhiều dự án như "dã ngoại nhân quyền, café nhân quyền, phát bóng bay nhân quyền, châm nến nhân quyền, tủ sách nhân quyền" thì trên thực tế, ngoài việc đứng tên với mấy "tổ chức xã hội dân sự" do tổ chức khủng bố "Việt Tân" khởi xướng cho thêm phần đông vui, phối hợp chống phá phiên Kiểm điểm định kỳ phổ quát nhân quyền (UPR) của Việt Nam vào tháng 2-2014, cùng "20 tổ chức xã hội dân sự kêu gọi biểu tình" thì đến nay, cái gọi là "mạng lưới blogger" hâu như không có hoạt động nào khác, trừ vài buổi gọi là "café nhân quyền", do NNNQ chủ trì, hoặc là đến gấp nhân viên Đại sứ quán nước ngoài để "kiến nghị" nhưng đều không gây ấn tượng. Thậm chí, việc dụ dỗ thân nhân của nạn nhân Ngô Thanh Kiều tham gia "café nhân quyền" ở thành phố Nha Trang cũng bị chính các thân nhân này tố cáo, vạch mặt!

Với dự án "không bán nước", Vũ Đông Hà ép mấy "nhà đấu tranh dân chủ" phải thủ vai diễn, đẩy một người làm nghề xe ôm ra diễn "người phát động phong trào"! Vũ Đông Hà đã bỏ công sức

nghiên cứu nhiều mô hình "đấu tranh dân chủ" ở một số nơi để vận dụng vào Việt Nam, nhưng mọi thủ đoạn đều thất bại, dẫn đến việc vận dụng mô hình của các nhà hoạt động Dimbabuê dù dẽ làm, dẽ lừa, dẽ bịp, dẽ truyền thông mà vẫn thất bại; chỉ vì nó quá ảo tưởng, không có cơ sở thực tiễn, hoặc cố phải nặn ra vài dự án để không bị xem là chết chìm, bất cần đếm xỉa đến dân trí, môi trường tự do thông tin, nhu cầu sinh hoạt chính trị của người dân Việt Nam hiện đã khác xa hơn 30 năm trước.

Nguyên nhân dẫn tới sự bế tắc, không thể làm được việc gì từ tế đã được facebook "đồng hành với No-U" cho biết, đó là sự tan rã mối cộng tác giữa ông chủ VOICE và Vũ Đông Hà, dẫn đến việc vứt bỏ "mạng lưới blogger" để Vũ Đông Hà tùy nghi sử dụng, khi nào cần dùng tên bổ sung cho "các tổ chức xã hội dân sự" ra tuyên bố nợ tuyên bố kia thì mới trưng dùng đến cho có vẻ đồng đảo. Về công khai, hiện nay chỉ có một người tuyên bố rút tên khỏi "mạng lưới blogger", còn các thành phần khác xem ra rút lui trong trật tự. Nhìn vào dự án "không bán nước" chỉ có vài người tham gia diễn kịch là thấy rõ!

Chính cộng đồng mạng cũng nhận ra và chỉ rõ bản chất trò hề này, khi họ cho rằng: "không bán nước mà mời uống miễn phí. Người nghe chỉ chú ý đến về "không bán nước" mà không nghĩ đến về sau, hàm ý dâng cả nước cho nước khác, thế mà vẫn hô hào là tôi yêu nước", "Giương khẩu hiệu "không bán nước" để thu hút chú ý của mọi người, chỉ mong lôi kéo thêm người", "Việt Tân còn định diễn trò lương thiện đến bao giờ nữa đây, bản chất vốn xấu xa lại còn cố tình che đậy làm gì cho mệt. Đúng là những kẻ không biết ngượng", "đơn giản, đây chỉ là dự án lấy tiền sinh sống. Gào chửi mãi cũng hết vốn, chắc chắn thời gian tới họ sẽ tiếp tục nghĩ ra những dự án quái dị nữa để tiêu tiền của những kẻ khù khờ bên ngoài"... Tuy nhiên, là thủ đoạn được tiến hành theo quy trình do tổ

chức khủng bố "Việt Tân" vạch ra theo phương châm sản xuất thật nhiều "tổ chức xã hội dân sự", mỗi tổ chức chỉ cần một hai đại diện và thành viên là có thể xưng danh, quảng cáo rùm beng; rồi sử dụng danh xưng đó "vận động quốc tế" làm cho cộng đồng mạng tin vào ảo ảnh về sự lớn mạnh, hùng hậu của cái gọi là "phong trào đổi lập trong nước"! Vậy nên, thật khôi hài khi xem bức ảnh quảng bá "cuộc họp định kỳ hàng tháng của các tổ chức xã hội dân sự" mới tổ chức tại nhà thờ Kỳ Đồng (Thành phố Hồ Chí Minh) với chỉ một cái bàn bé xíu mà bày la liệt bảng đề tên các "tổ chức xã hội dân sự"!

Trên facebook "đồng hành với No-U", có lẽ vì bất mãn và thất vọng với đồng bọn, một người được cho là thành viên của nhóm này bình luận: "Vì nổi tiếng (ăn theo biểu tình) quá nhanh mà không có thực chất, có vốn sống, có kinh nghiệm va chạm xã hội nên chất lượng của các blogger cộm cán nhìn chung là kém cả về chất lượng và số lượng. Dân ta có câu "có bột mới gột nên hồ". Muốn vun vào, muốn thổi phồng để tạo ra một hình thái tổ chức độc lập (xã hội dân sự) nhưng không có chất lượng, ô hợp, tạp nham..., chính việc quảng cáo cho những blog chất lượng kém, quảng cáo cho Việt Tân; thậm chí có cả nhân môi Việt Tân trong No-U Hà Nội mà công an không thèm sờ đến... Cho nên dân tình và những người cổ súy cho dân chủ phải lẩn tẩn, không biết đi đâu về đâu, e dè tránh xa. Vì quá lôm côm trên mạng ảo, nên những người có lòng với dân chủ mà lương thiện và nghiêm túc đành thúc thủ"!

Phát triển dân chủ và ngày càng đáp ứng tốt hơn các yêu cầu liên quan quyền con người của người dân là một trong các mục đích tối hậu mà Đảng, Nhà nước cùng nhân dân Việt Nam phấn đấu hướng tới. Chúng ta ý thức rõ ràng rằng, dân chủ và nhân quyền là kết quả tổng hòa của các hoạt động nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của toàn dân kết hợp với

việc giữ gìn sự nghiêm minh của pháp luật, mở rộng quan hệ quốc tế và giữ vững chủ quyền, xã hội ổn định và ngày càng tăng cường tiềm lực về mọi mặt... Vì thế, bất kể tổ chức hay cá nhân nào vì tham vọng chính trị ích kỷ của mình mà có hành vi chống lại mục đích đó là đi ngược lợi ích của nhân dân, của dân tộc, là đầu cơ, trực lợi từ dân chủ, nhân quyền.

Là người Việt Nam biết tự trọng, không ai đang tâm kêu gọi nước ngoài giúp đỡ để phá hoại đất nước. Không một ai có tự trọng lại đang tâm kích động đồng bào chống lại sự nghiệp hướng tới dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Không một ai có tự trọng lại đang tâm quay lưng với xã hội đã làm nên con người mình và tảng lờ các thành tựu xã hội chính mình đang thụ hưởng... Chẳng lẽ mấy "nhà dân chủ, người yêu nước" lại không biết điều đó?

"DÂN CHỦ NGOẠI LAI" CẢN TRỞ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DÂN TỘC*

HỒ NGỌC THẮNG

Tin tức thời sự hằng ngày về tình hình chiến sự cũng như về tình trạng bất ổn ở nhiều nước hiện đang là một phần sự thật chứng minh "nền dân chủ nhập khẩu" không thể tồn tại khi không phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, đặc biệt là khi không phải là yêu cầu tự thân của một quốc gia. Còn về sự khủng hoảng của nền dân chủ ở phương Tây, tốt nhất nên tham khảo ý kiến của các nhà khoa học sống, làm việc ở phương Tây. Chẳng hạn như khi bàn về cuộc khủng hoảng của nền dân chủ, các nhà chính trị học phương Tây thường sử dụng khái niệm "sự chán chường chính trị" (tiếng Đức: Politikverdrossenheit). Theo họ, "sự chán chường chính trị" rất gần gũi với "sự khủng hoảng dân chủ" (tiếng Đức: Demokratiekrise).

Khái niệm "chán chường chính trị" được sử dụng từ những năm 80 của thế kỷ trước, nhưng cuộc khủng hoảng dân chủ ở phương Tây lại bắt đầu từ những năm 1960. Một trong những tác giả đầu tiên nghiên cứu hiện tượng này là ông Ernst Fraenkel. Sau khi nghiên cứu tiến trình bầu cử Quốc hội Cộng hòa Liên bang Đức năm 1965, trong một bài phân tích công bố năm 1966,

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 26-9-2014.

ông đưa ra khái niệm tạm dịch là "sự chán chường quốc hội" (tiếng Đức: Parlamentsverdrossenheit). E. Fraenkel sinh ở Đức và hành nghề luật sư, năm 1933 ông di cư tới Anh, sau đó sang Mỹ và trở thành công dân Mỹ. Cuối năm 1945, ông là một trong các cố vấn của Mỹ ở Hàn Quốc giúp nước này xây dựng hệ thống pháp luật. Những năm 1950 và 1960, ông trở thành nhà chính trị học và giảng dạy ở Cộng hòa Liên bang Đức. Ông chủ yếu nghiên cứu bốn hệ thống chính trị là: nền Cộng hòa Vaima (Weimar), nhà nước Đức quốc xã, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Cộng hòa Liên bang Đức. Năm 1999, toàn tập bài viết của ông được xuất bản gồm bảy quyển...

Năm 1992, Tổ chức Chăm lo giữ gìn và phát triển tiếng Đức có tên viết tắt là GfdS, chọn khái niệm "sự chán chường chính trị" là từ ngữ của năm. Và việc năm 1994, khái niệm này chính thức được đưa vào từ điển tiếng Đức lớn nhất ở khu vực sử dụng tiếng Đức Duden (Duden), đã cho thấy sự hệ trọng của vấn đề. Như vậy, một câu hỏi được đặt ra là: sự khủng hoảng của nền dân chủ phương Tây thể hiện như thế nào và làm sao nhận biết được? Nhiều công trình nghiên cứu của các nhà chính trị học và rất nhiều bài báo trên các nhật báo, tạp chí danh tiếng trong khu vực sử dụng tiếng Đức đã tham gia trả lời. Thí dụ, ngày 27-12-2006, tạp chí danh tiếng Stern (Ngôi sao) đăng bài “Một chính phủ không có nhân dân”, trong đó nhận định vết rạn nứt giữa chính trị và người dân chưa bao giờ sâu thẳm như hiện nay; theo kết quả của cuộc thăm dò dư luận công khai của Viện Thăm dò dư luận Forsa thì 82% người dân Đức tin rằng, họ chẳng có quyền hành gì về chính trị, nhiều người ngờ ngợ bầu cử sẽ thay đổi một chút ít; và cũng theo kết quả thăm dò dư luận của Viện Forsa, 82% người dân Đức và tới 90% người dân Đông Đức tin rằng, các quyền lợi của người dân không được chú ý tới...

Bàn về sự khủng hoảng dân chủ, ngày 1-10-2010, Báo *Frankfurter Allgemeine Zeitung* (Frankfurt khái quát) đăng bài “Sự mất lòng tin của nhà báo Klaus-Dieter Frankenberg”, trong đó có đoạn: “Vết rạn nứt giữa người cai trị và người bị cai trị ngày càng lớn hơn, cụ thể là với toàn bộ các vấn đề chính trị. Thực tế này có thể dẫn đến đâu, đã chỉ rõ ở Hoa Kỳ. Ở đó, sự xung đột chính trị đã bị thoái hóa thành một mối thù lộ rõ toàn bộ và mang nặng tính ý thức hệ. Chính trị bị căm thù, những nỗi oán hận được tăng trưởng. Washington là từ đồng nghĩa cho những gì xấu xa... Rất nhiều cử tri đã tự cách biệt, không muốn bị làm phiền”. Về hiện tượng này tại Cộng hòa Áo, năm 2013, bà Tamara Ehs, nhà chính trị học làm việc ở Học viện Khoa học và Nghệ thuật Viên, giảng dạy tại Trường Đại học Tổng hợp Salzburg đăng trên báo *Wiener Zeitung* (Thành viên) bài “Lối thoát cho khủng hoảng dân chủ”. Bà viết: “Hệ thống chính trị của chúng ta đã mất tính chính trị. Điểm hứa trọng tâm của nền dân chủ đại diện đã bị phá vỡ. Chúng ta không còn những phe đối kháng. Đi bầu cử không còn ý nghĩa là thay đổi đường lối. Chúng ta thực sự không có một sự lựa chọn nào, vì thực chất tất cả các đảng đều có một lời hứa như nhau và cuối cùng đều hành động như nhau. Vì sự kinh tế hóa toàn bộ những phạm vi cuộc sống nên các chính trị gia, và cả rất nhiều người trong chúng ta, đã mất đi niềm tin ở tính khả thi trong xây dựng chính trị đối với xã hội...”.

Ở nhiều quốc gia châu Âu khác, khủng hoảng dân chủ cũng lộ rõ không kém. Gert Scobels - nhà báo, nhà triết học, cũng từng viết về hiện tượng này (có thể xem bài viết của ông trên trang mạng Đài truyền hình 3 Sat - đài truyền hình công cộng, hoàn toàn không phát quảng cáo, do Cộng hòa Liên bang Đức và Cộng hòa Áo phối hợp sản xuất). Ông viết: “Cách đây không lâu, một nhà khoa học hay chu du đã nói với tôi, khắp nơi ở châu Âu, thí dụ

ở Italia, Pháp và các nước khác, ông ta cảm nhận sự thút lùi đáng kinh sợ của nền dân chủ. Tuy vẫn cho bầu cử như từ trước đến nay nhưng bầu cử đã trở thành một cuộc chiến truyền thông và nhân dân nắm yên thụ động một cách lạ lùng, đôi khi thò ơ một cách rõ ràng. Trong khi sự tham gia bầu cử giảm sút, thì đường vào giáo dục ngày càng bị sự bất bình đẳng định đoạt. Tính minh bạch của các tiến trình chính trị giảm đi, trong khi quyền lực của giới tinh hoa kinh tế lại tăng mạnh. Nhà chính trị học và xã hội học người Anh là Colin Crouch đã làm rõ tính đặc trưng của khái niệm "dân chủ giai đoạn sau" (post-Democracy). Ông cho rằng, bầu cử vẫn được tiến hành, dưới hình thức nào đó thì dân chủ vẫn được lưu giữ, song những người vận động hành lang thì định đoạt, trong khi nhân dân ngày càng im lặng".

Từ lâu, các nhà lãnh đạo ở phương Tây đã nhận rõ sự khủng hoảng dân chủ và hứa sẽ làm hết mình để thay đổi tình hình. Thí dụ, Tổng thống Cộng hòa Liên bang Đức, ông Joachim Gauck, ngày 23-3-2012, trong bài phát biểu tại lễ nhậm chức tuy không nhắc đến khái niệm "chán chường chính trị" hay "khủng hoảng dân chủ" nhưng có đề cập và cho rằng, đây là nhiệm vụ quan trọng, ông cương quyết hành động trong nhiệm kỳ của mình. Ông nói, hy vọng, trong tương lai "sẽ có sự tiến lại gần giữa những người nắm quyền lực và dân chúng". Trong phạm vi toàn châu Âu, khi có cơ hội, các nhà lãnh đạo của EU cũng có lời hứa tương tự. Theo bản tin của Thông tấn xã Đức (DPA), ông Jean-Claude Juncker, cựu Thủ tướng Luxembua, người mới làm Chủ tịch Ủy ban châu Âu thay ông José Manuel Barosso, trong thời gian tranh cử của mùa hè 2014, đã dành nhiều thời gian nói về vấn đề này. Nhưng quan sát tiến trình bầu cử Quốc hội tiểu bang Saxony, một tiểu bang với bốn triệu dân, đứng thứ sáu về số dân trong tổng số 16 tiểu bang của Cộng hòa Liên bang Đức, vào ngày 31-8-2014 thì

sự khủng hoảng dân chủ vẫn tiếp diễn, như theo bản tin của DPA ngày 1-9-2014, thì chỉ có 49,02% số cử tri bỏ phiếu. Nhân dịp này, ngày 6-9-2014 báo *Frankfurter Allgemeine Zeitung* đăng bài “Hiện tại, tương lai của dân chủ - khủng hoảng? khủng hoảng!”, trong đó có đoạn: “Ở Đức, ở Tây và đặc biệt ở Đông Âu, sự tham gia bầu cử giảm mạnh. Ở Tây Âu, năm 1975, trung bình 82% số cử tri đi bỏ phiếu trong các cuộc bỏ phiếu quốc gia, trong năm 2012 chỉ còn 72%. Ở Đông Âu sự tụt lùi còn nghiêm trọng hơn nhiều: từ 72% trong năm 1991 xuống còn 55% trong năm 2012... Vấn đề chính không phải là sự không tham gia bỏ phiếu, mà là tiến trình chọn lọc về phương diện xã hội kéo theo đó. Cách tính đơn giản nhưng đáng tin theo kinh nghiệm thì khi tỷ lệ tham gia bỏ phiếu giảm sẽ tăng lên sự cách biệt xã hội. Các tầng lớp phía dưới biến mất, tầng lớp trung lưu thì giữ nguyên. Nếu hỏi những người của tầng lớp phía dưới, liệu việc bầu cử của họ, sự tham gia chính trị có gây ảnh hưởng gì tới các quyết định chính trị, thì hơn hai phần ba số người được hỏi trả lời một cách thất vọng là "không". Nếu tiếp xúc với người dân của lớp trung lưu và đặt cùng câu hỏi này thì hơn hai phần ba trả lời một cách tự tin là "có"... Những gì đang lộ dần ra một cách đau đớn ở Liên hiệp châu Âu được cho là còn lớn hơn trên phương diện toàn cầu. Sự thống trị bên ngoài nhà nước quốc gia không chỉ khác đi và phức tạp hơn mà còn ít dân chủ hơn”.

Đến nay, các nhà nghiên cứu vẫn tranh luận về nguyên nhân của khủng hoảng của "nền dân chủ phương Tây". Theo họ, một trong các nguyên nhân là sự nghèo khổ của người dân, là khoảng cách rất lớn giữa người giàu và người nghèo; người nghèo ngày càng nghèo đi, người giàu ngày càng giàu thêm. Các năm qua, số người sống nghèo khổ tăng nhiều ở các nước phương Tây, đặc biệt ở Hy Lạp. Theo thống kê của các tổ chức xã hội, trong khu vực EU,

cứ bốn người thì có một người sống trong nghèo khổ. Điều này cho thấy, dù không phủ nhận trên thực tế nhiều tinh hoa, giá trị quý báu của loài người đã ra đời từ các nước phương Tây, được nhiều nước, trong đó có Việt Nam, đã và đang tiếp nhận để xây dựng đất nước; thì cũng nên nhận thức rằng "nền dân chủ phương Tây" không phải là mô hình phổ quát để từ đó hô hào, cổ vũ một thứ dân chủ ngoại lai, nhân danh dân chủ để tuyên truyền các ý kiến đi ngược, thậm chí là ngăn cản và chống lại sự phát triển của dân tộc.

SỰ TRÁO TRỞ CỦA MỘT NGƯỜI TÙNG LÀ... LUẬT SƯ!*

VŨ HỢP LÂN

Sau hơn ba năm chấp hành án vì "hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân", ngày 6-2-2013, Lê Công Định được ra tù trước thời hạn. Ngõ rằng sau khi được hưởng lượng khoan hồng của Nhà nước, Lê Công Định sẽ rút ra bài học để làm lại cuộc đời, song qua một số ý kiến đã công bố, lại thấy dường như anh ta đang muốn chứng minh mình là con người tráo trở?

Năm 2010, trước khi tòa nghị án, Lê Công Định đã thành khẩn nhận tội, tỏ ra ân hận vì "đi ngược lại những đóng góp của gia đình trong hai cuộc kháng chiến". Đến hôm nay, video clip và lời nhận tội của Lê Công Định vẫn còn nguyên trên internet, cho thấy việc làm "có mục đích tuyên truyền chống Nhà nước Việt Nam, hành vi của tôi đã vi phạm pháp luật Việt Nam, cụ thể là Điều 88 Bộ luật hình sự, như tôi bị khởi tố. Tôi rất hối hận về sai lầm của mình mà vì đó tôi đã bị bắt tạm giam như ngày hôm nay. Do vậy, tôi đã hợp tác khai báo đầy đủ về việc làm của mình cho cơ quan điều tra, mong muốn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ và sự khoan hồng theo quy định của pháp luật".

Sau hơn ba năm, do chấp hành tốt nội quy trại giam trong quá

* Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 18-11-2014.

trình thụ án, Lê Công Định đã được ra tù trước thời hạn. Trở về với gia đình, với xã hội, thời gian đầu, Lê Công Định khá im hơi lặng tiếng, nhưng từ ngày 3-2-2014, sau khi trả lời phỏng vấn của BBC với những dòng phác họa "Từ năm lên bảy tuổi, tôi đã bắt đầu quan tâm đến chính trị. Năm lên 14 tuổi, tư tưởng tôi dần định hình. Đến năm 20 tuổi, khi sự kiện Đông Âu diễn ra, tôi xác định phải làm gì đó để thay đổi đất nước theo hướng xây dựng một quốc gia pháp trị và xã hội dân sự. Hơn 20 năm nay vẫn như vậy, không lý do gì để biến cố của bốn năm vừa qua có thể thay đổi lý tưởng của tôi" thì dường như anh ta bắt đầu hoạt động trở lại thông qua facebook, qua những bài viết, bài trả lời phỏng vấn trên một số diễn đàn của các thế lực thù địch, hoặc thiếu thiện chí với Việt Nam?

Ai cũng hiểu một điều đơn giản, một người có bản lĩnh sẽ rất khó có thể bị lôi kéo. Song theo lời khai của Lê Công Định với Cơ quan An ninh điều tra (Bộ Công an) vào năm 2009 thì anh ta lại liên tục bị lôi kéo, lúc thì: "Với sự lôi kéo của Nguyễn Sĩ Bình, tôi đã tham gia Đảng Dân chủ Việt Nam và là thành viên Ban Thường vụ tổ chức này và đã tham gia các việc làm tuyên truyền chống Nhà nước Việt Nam", lúc thì "Đầu tháng 3-2009, tại Pattaya, Thái Lan, tôi đã bị tổ chức Việt Tân lôi kéo tham gia lớp huấn luyện đấu tranh bất bạo động". Và đâu là sự chín chắn khi một người từng mang danh "luật sư" mà khi bàn về tự do ngôn luận, tự do báo chí trên BBC lại chỉ dẫn lại điều luật quốc tế hay điều luật nước này, nước khác có lợi cho mình (như để lòe bịp người chưa đọc các văn bản đó?), tảng lờ các nội dung có tính chế định và ràng buộc: "Trong khi thực hiện những quyền và quyền tự do cho cá nhân, mọi người chỉ phải tuân thủ các hạn chế do luật định nhằm mục đích duy nhất là bảo đảm việc thừa nhận và tôn trọng đối với các quyền và quyền tự do của những người khác, đáp ứng được các

đòi hỏi chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ" (khoản 2 Điều 29 Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế); "Việc hành xử quyền tự do phát biểu quan điểm (...) đòi hỏi đương sự phải có những bối phận và trách nhiệm đặc biệt. Quyền này chỉ có thể bị giới hạn bởi pháp luật vì nhu cầu: a. Tôn trọng các quyền tự do và thanh danh của người khác; b. Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng hay đạo lý" (khoản 3 Điều 19 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị); "việc thực thi các quyền con người phải được xem xét trong bối cảnh khu vực và quốc gia, tính đến hoàn cảnh khác nhau về chính trị, kinh tế, pháp lý, xã hội, văn hóa, lịch sử và tôn giáo" và "Việc thực thi nhân quyền và các quyền tự do cơ bản sẽ chỉ được giới hạn theo quy định của luật pháp nhằm mục đích bảo đảm việc thừa nhận nhân quyền và các quyền tự do cơ bản của những người khác, và để đáp ứng các yêu cầu chính đáng về an ninh quốc gia, trật tự công cộng, y tế công cộng, an toàn công cộng, đạo đức công cộng, cũng như phúc lợi chung của tất cả mọi người trong một xã hội dân chủ" (Điều 7, Điều 8 Tuyên ngôn nhân quyền ASEAN)?

Đồng thời với việc đưa ra ý kiến không hoàn chỉnh về tự do ngôn luận, tự do báo chí, Lê Công Định còn có xu hướng "hoài cổ", soi mói lịch sử nhằm xuyên tạc (hay mê hoặc người đọc thiếu am hiểu lịch sử?). Thí dụ, để hạ thấp ý nghĩa trọng đại của ngày 2-9, mấy tháng trước, trong khi nhân dân cả nước hồn hởi đón chào Quốc khánh thì Lê Công Định công bố trên facebook, sau đó gửi đăng trên BBC ý kiến cho rằng, ngày 11-3-1945 "Bảo Đại ký đạo dụ "Tuyên cáo Việt Nam độc lập", hủy bỏ Hòa ước Patenôtre ký với Pháp năm 1884 cùng các hiệp ước nhận bảo hộ và từ bỏ chủ quyền khác, khôi phục nền độc lập của đất nước, thống nhất Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ" là "thời điểm đáng lưu ý... xét về phương diện thực tế và pháp lý, Việt Nam đã thực sự độc lập từ ngày 11-3-1945"!

Viết như vậy, Lê Công Định tự chứng tỏ anh ta hoặc là người rất kém hiểu biết lịch sử, hoặc cố tình xuyên tạc lịch sử để phủ nhận một sự kiện, một giá trị quan trọng của đất nước Việt Nam. Bởi người Việt Nam am hiểu lịch sử dân tộc đều biết ngày 11-3-1945 Bảo Đại ký đạo dụ "Tuyên cáo Việt Nam độc lập", ra tuyên bố này khác,... là do sức ép của phátxít Nhật, qua đó chấp nhận thay thế thế lực ngoại xâm đô hộ này (Pháp) bằng thế lực ngoại xâm đô hộ khác (phátxít Nhật). Để sáng tỏ, Lê Công Định nên tìm đọc hồi ký của ông Trần Trọng Kim cùng các tài liệu liên quan để hiểu quan hệ của ông với người Nhật như thế nào, tại sao lại có ý kiến cho rằng "Trần Trọng Kim bị người ta dùng làm con bài, mà vẫn tưởng là họ cho ông ra đóng góp với dân tộc"!

Phát ngôn bừa bãi về ngày độc lập của dân tộc xong, Lê Công Định chuyển sang ca ngợi... chế độ Sài Gòn trước đây! Như muốn hùa theo mấy kẻ chống cộng người Mỹ gốc Việt đang sống ngày tàn nơi đất khách quê người và tự huyễn hoặc, tự an ủi nhau về "quá khứ oai hùng", Lê Công Định làm thơ "kính tặng" một viên tướng vì bại trận phải tự sát và "tướng lĩnh, binh sĩ Việt Nam cộng hòa", mà qua câu thơ "Từng thao lược, can trường xông trận mạc - Giặc thù phoi xác, máu loang chân"(!) là có thể hiểu anh ta đứng về phía nào. Sau đó, nhân "ngày giỗ Ngô Chí Sĩ" và kỷ niệm sự kiện Ngô Đình Diệm phế truất Bảo Đại, Lê Công Định vừa viết trên facebook coi Ngô Đình Diệm là "nhân vật từng có sự nghiệp vĩ đại nhất của dân tộc ở thế kỷ XX..., nhân vật lịch sử đã từng tranh đấu và ngã xuống vì quốc gia Việt Nam"(!), vừa đưa lên internet bức ảnh chụp anh ta đứng bên mộ Ngô Đình Diệm như muốn khẳng định không nói suông!? Thậm chí mới đây, trong một status đăng trên facebook cá nhân, trong khi xưng xứng viết "lịch sử phải khách quan", anh ta lại bất chấp sự thật lịch sử, ngang nhiên coi việc chính quyền Ngô Đình Diệm "lê máy chém" giết hại nhân dân

miền Nam là "vu cáo... luận điệu tuyên truyền của nhà nước"! Bàn về một vấn đề hệ trọng như thế, nhưng không tìm hiểu lịch sử, hay anh ta cố tình bỏ qua lịch sử để "làm đẹp thần tượng Ngô Chí Sĩ"!? Rất nhiều tài liệu về tội ác của chính quyền Ngô Đình Diệm do chính người Mỹ và nhiều người nước ngoài viết đã xuất bản, chẳng lẽ Lê Công Định không đọc? Còn về mày chém, mọi người đều biết đó là một công cụ man rợ mà chính quyền Ngô Đình Diệm sử dụng để giết hại đồng bào, mà cái chết của Ba Cụt (tức Lê Quang Vinh, bị chém ở Cần Thơ năm 1956), Hoàng Lê Kha (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh, bị chém ở Tây Ninh năm 1960),... là những sự kiện đủ chứng minh Lê Công Định cố tình đổi trắng thay đen, phớt lờ sự thật lịch sử. Nếu là người cầu thị, Lê Công Định cần đọc mấy dòng của tác giả Cao Hữu Tâm khi trao đổi với một số người đang lao xao "Hoài Ngô" đã viết trên trang mạng sachhiem.net: "Cụ đã mục xương lâu rồi, đừng mang cái xác thối của cụ ra bắt người khác ngửi mùi tử khí "anh minh" nữa. Cụ do Mỹ cho về, cũng lại do Mỹ bứng đi, đó là quy luật của nhờ cậy rồi phản bội thôi. Còn muốn chống cộng, không phải chỉ vǎng tục chửi thề tục tĩu là cộng sản chết đâu, mà kết quả ngược lại, tức là bị phản ép - phê rồi đó!".

Tuy nhiên, sự tráo trở của Lê Công Định thể hiện rõ nhất khi anh ta viết: "Chính biến cố bắt giam tôi ngày 13-6-2009 đã đẩy tôi vào con đường chính trị một cách bất đắc dĩ"! Viết như thế, chẳng hóa ra là Lê Công Định tự "vả" vào những gì anh ta nói khi trả lời phỏng vấn của BBC như đã dẫn ở trên? Từ sự thành khẩn nhận tội của anh ta trước tòa, thử hỏi ai đã tham gia "ban thường vụ" của cái gọi là "đảng dân chủ Việt Nam" của Nguyễn Sỹ Bình ở Hoa Kỳ, và nếu không bị bắt giữ thì còn giữ chức "tổng thư ký" của cái "đảng" bịp bợm này? Thủ hỏi, ai đã tham gia "khóa huấn luyện" của tổ chức khủng bố "Việt Tân" năm 2009 ở Pattaya

(Thái Lan)? Thủ hỏi, ai đã lấy các bí danh Nguyên Kha, Paul, C4 (Chị Tư) để liên lạc với đồng bọn, soạn thảo 33 tài liệu công kích chế độ? Thủ hỏi, ai đã công khai thừa nhận "Tôi thấy những việc làm của tôi đã vi phạm pháp luật Việt Nam. Tôi rất ân hận với hành vi sai trái của mình"? Chẳng lẽ đó không phải là hoạt động chính trị? Bằng các câu chữ này, Lê Công Định không chỉ tráo trở số toẹt lời khai mà qua đó như muốn đổ lỗi cho chính quyền đã đẩy anh ta vào "con đường chính trị". Phải chăng Lê Công Định muốn dọn đường để tiếp tục đi trên con đường cũ bằng cách thức khác? Phải chăng anh ta muốn đánh tiếng về "lòng trung thành" với ai đó? Tiền hậu bất nhất, nhưng lời khai, video clip nhận tội của anh ta thì vẫn còn rành rành trên internet. Thiết nghĩ, từng là một "luật sư" được ca ngợi có "tài năng", nhưng Lê Công Định lại công khai thể hiện thái độ tráo trở như vậy thì thủ hỏi, đâu là con người đích thực của anh ta?

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
<i>PHẦN I</i>	
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN	11
Phía sau các "giải thưởng nhân quyền"	<i>Vũ Linh</i> 13
Thúc tinh lương tri trước mỗi cuộc chiến tranh	<i>TS. Nguyễn Minh Phong</i> 19
Trở về	<i>Nguyễn Phương Hùng</i> 24
Xóa đói, giảm nghèo - một nội dung cơ bản để phát triển nhân quyền	<i>Anh Khôi</i> 30
Bảo đảm an sinh xã hội là thiết thực phát triển nhân quyền	<i>Nguyễn Minh Phong</i> 35
Thành tựu về giáo dục trong phát triển quyền con người ở Việt Nam	<i>Thiên Phương</i> 42
Quyền lãnh đạo của đảng là sự tín nhiệm, thừa nhận của nhân dân	<i>Thiên Phương</i> 47
Thể hiện sinh động quyền làm chủ và trách nhiệm công dân	<i>Anh Khôi</i> 53
Sự thật không thể chối cãi	<i>Lý Như Thé</i> 58
Họ nên sớm thay đổi nhận thức về nhân quyền	<i>Lê Anh</i> 64
Vài suy tư về Ngày 30 tháng Tư...	<i>GS. Trần Chung Ngọc</i> 70

Sự lêch lạc nhận thức và thái độ vô trách nhiệm	<i>Hồng Quang</i>	75
Tôn giáo chân chính đồng hành cùng dân tộc	<i>Trần Chung Ngọc</i>	82
Pháp luật Việt Nam và việc bảo đảm quyền con người	<i>Anh Khôi</i>	88
Tự do tôn giáo ở Việt Nam - biểu hiện cụ thể của nhân quyền	<i>Thiên Phương</i>	94
Bảo đảm an sinh xã hội - điểm sáng trong thực hiện nhân quyền ở Việt Nam	<i>Nguyễn Trần</i>	100
Tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho các nhóm đối tượng trong xã hội	<i>Nhật Minh</i>	106
"Không có sự trở về nào là quá muộn"!	<i>Hồ Ngọc Thắng</i>	112
Hiến pháp (sửa đổi) - một bước tiến lịch sử	<i>Hồ Ngọc Thắng</i>	118
Vì một nền nhân quyền đích thực cho loài người	<i>Vũ Hợp Lân</i>	124
"Hiến pháp Việt Nam rất tiến bộ và phù hợp với truyền thống, văn hóa Việt Nam"	<i>Trần Chung Ngọc</i>	129
Một việc làm bất thường và lạc lõng!	<i>Hồng Quang</i>	135
Nghĩ về hòa hợp dân tộc	<i>Thiên Phương</i>	141
Nhân quyền thể hiện cụ thể qua cuộc sống của người dân	<i>Hồ Ngọc Thắng</i>	147
Không ai có thể xuyên tạc những thành tựu nhân quyền của Việt Nam	<i>Hoài Sơn</i>	152
Các tổ chức Tin lành tại Việt Nam "sống phúc âm, phụng sự Thiên chúa, phục vụ Tổ quốc và dân tộc"	<i>Nguyễn Xuân Hùng</i>	158
Tự do tôn giáo và tự do thể hiện tôn giáo	<i>Cư sĩ Tuệ Minh</i>	164
Hãy để thời gian trả lời bằng sự thật	<i>Etcetera Nguyễn</i>	170

PHẦN II

ĐỀ "VĂN HÓA SOI ĐƯỜNG CHO QUỐC DÂN ĐI"	175
Những khoảng cách của nghệ thuật đương đại	Duy Khiêm 177
Đề " Văn hóa soi đường cho quốc dân đi"	Trần Hoàng Sơn 183
Hiện đại hay "hậu hiện đại"?	PGS. TS. Nguyễn Văn Dân 188
Giáo dục, nhìn từ chuyện thi cử	Duy Khiêm 193
"Đôi mắt" trong sáng tạo văn học - nghệ thuật hiện nay	Phạm Tiên Hùng 197
Về hiện tượng gia tăng bạo lực trong phim Việt	Trần Văn 203
Phê bình dưới sự dẫn dắt của lý luận hay áp đặt định kiến?	PGS.TS. Nguyễn Văn Dân 209
Văn hóa trung tâm và ngoại vi với một số vấn đề xã hội	PGS.TS. Nguyễn Văn Dân 215
Hướng đi nào cho phim nội?	Phạm Chi 221
Sự tinh táo và tinh thần phê phán trong tiếp nhận tri thức	Phạm Chi 227
Văn hóa học góp phần phát triển xã hội, con người	Nguyễn Hòa 233
Về một số bất cập trong phê bình, nghiên cứu văn học	Nguyễn Thị Tịnh Thy 239
Xây dựng lối sống lành mạnh trong giới trẻ	Tiến Mạnh 245
Nghệ sĩ luôn đồng hành, gắn bó với Tổ quốc, với nhân dân	Nguyễn Sĩ Đại 251
"Văn chương mạng" và những dấu hỏi...	Việt Quang 257
Về xu hướng "xét lại lịch sử, viết lại lịch sử"	Thiên Phương 263
Một xu hướng không thể chấp nhận khi nghiên cứu dân tộc	Lương Xuân Hà 269
Sáng tác về đề tài lịch sử không được xuyên tạc lịch sử!	Việt Quang 274

"Xét lại lịch sử" như vậy để làm gì?	<i>Cẩm Khê</i>	280
Những quan điểm sai trái trong nghiên cứu lịch sử	<i>Hồ Ngọc Thắng</i>	285
Luận bàn về việc vận dụng phương pháp lịch sử	<i>Thiên Phương</i>	291
Họ đâu cần quan tâm tới khoa học...	<i>Trần Việt Quang - Hồ Ngọc Thắng</i>	297
Về sự "vọng ngoại" trong nghệ thuật Việt Nam đương đại	<i>Hoàng Văn</i>	304
Hình thức tồn tại không thay thế bản chất của Samizdat	<i>Việt Quang</i>	310
"Phản văn hóa" nhân danh nghệ thuật?	<i>Cẩm Khê</i>	316
Khoa học và ngụy khoa học	<i>Thụy Du</i>	322
Đừng biến văn học dịch thành "thảm họa"	<i>Việt Quang</i>	328
Trường hợp Võ Phiến	<i>Thu Tú</i>	334
Một kiểu du nhập lý thuyết văn học để "trang sức"	<i>Việt Quang</i>	340
"Tây hóa" như thế chỉ làm phai nhạt và mất bản sắc!	<i>Anh Thi</i>	346
Bàn về hiện tượng "chảy máu chất xám"	<i>Duy Khiêm</i>	351
Cân nhắc khi sáng tạo thể loại kinh dị	<i>Việt Quang</i>	357
Luận bàn về văn hóa đọc	<i>Việt Quang</i>	363
Quảng bá tác phẩm không phải là "đánh bẫy" công chúng	<i>Thành Nam</i>	369

PHẦN III

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ XUẤT BẢN VÀ TRUYỀN THÔNG 375

Quyền lực ngầm sau mạng xã hội	<i>Anh Khôi</i>	377
Hệ lụy thực từ "thế giới ảo"	<i>Lê Anh</i>	385
"Sản phẩm ngoài luồng" - virút độc của "diễn biến hoà bình"	<i>Lam Sơn</i>	390

Công nghệ số và nguy cơ làm biến dạng các giá trị văn hóa	<i>Hồng Trang</i>	395
Về các thủ đoạn bịa đặt, xuyên tạc trên internet	<i>Vũ Hợp Lân</i>	401
Đánh cắp tự do trên internet?	<i>Anh Khôi</i>	406
Quản lý internet theo pháp luật là yêu cầu tất yếu ở mọi quốc gia!	<i>Vũ Hợp Lân</i>	411
Cảnh giác và tỉnh táo trước thủ đoạn dựng chuyện!	<i>Nhật Anh</i>	416
Blog, mạng xã hội trong khuôn khổ pháp luật và đạo đức	<i>Anh Khôi</i>	422
Thông tin phải có trách nhiệm với sự phát triển của xã hội	<i>Vũ Hợp Lân</i>	428
Tự do ngôn luận và các giới hạn về tự do ngôn luận	<i>ThS. LS. Vũ Văn Tính</i>	434
Tự do ngôn luận, tự do báo chí ở Việt Nam	<i>Vũ Hợp Lân</i>	439
Cẩn trọng trước một số tác hại của truyền thông mới	<i>Hoàng Anh</i>	445
Sự “bung nổ” của facebook và một số vấn đề đặt ra	<i>Nguyễn Hải Đăng</i>	450
Không để báo chí trở thành nơi truyền tải tin đồn!	<i>Lương Minh</i>	455
“Hội chứng vô trách nhiệm” trong đưa tin và bình luận	<i>Thái Vũ</i>	461
Xã hội hóa hoạt động xuất bản và những điều cần bàn	<i>Hồng Quang</i>	466
Vai trò của báo chí, văn học - nghệ thuật trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam	<i>Nguyễn Hữu</i>	472
Giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm các tổ chức, cá nhân trên báo chí	<i>Anh Khôi</i>	478
Những bất cập trong việc xuất bản sách dành cho trẻ em	<i>Việt Quang</i>	483

“Rác văn hóa” qua một số tác phẩm văn học dịch	<i>Việt Quang</i>	489
Tự do ngôn luận và báo chí phương Tây	<i>Hồ Ngọc Thắng</i>	495
Làm trong sạch môi trường internet	<i>Hồng Quang</i>	500
Khi mạng xã hội trở thành “nguồn tin” của báo chí!	<i>Chi Anh</i>	505
Không có tự do báo chí không giới hạn	<i>Vũ Hợp Lân</i>	510
Hoạt động xuất bản - SOS!	<i>Thành Nam</i>	516
Đừng núp danh từ thiện để trực lợi cá nhân	<i>Khánh Hà</i>	522

PHẦN IV

ĐẤU TRANH VỚI CÁC LUẬN ĐIỆU THÙ ĐỊCH, SAI TRÁI 527

Một góc nhìn chủ quan và phiến diện!	<i>Minh Trí</i>	529
Về một bài viết bóp méo sự thật lịch sử	<i>Thiên Phương</i>	535
“Không nên một mực cho rằng mình là đúng và nước khác là sai”	<i>Trần Quang Hà</i>	541
Diễn biến hoà bình không phải là “sự phát triển tất nhiên”	<i>Hoàng Giang</i>	547
Human Rights Watch: Tổ chức đội lốt nhân quyền	<i>Lam Sơn</i>	553
Những đòi hỏi và áp đặt phi lý từ “tiêu chuẩn kép”	<i>Khai Tâm</i>	558
Những ý kiến thiếu thiện chí đối với Tuyên bố nhân quyền ASEAN	<i>Trần Quang Hà</i>	563
“Nhà tự do” đấu tranh cho ai?	<i>Bá Sỹ</i>	569
Một sự vu khống, xuyên tạc trắng trợn tình hình báo chí ở Việt Nam	<i>Hoàng Anh Lân</i>	575
“Vinh danh” hay tiếp tay cho cái xấu?	<i>Lam Sơn</i>	581
Khi RSF thiếu thiện chí, lẩn tránh sự thật!	<i>Quốc Hùng</i>	586
Ai là “kẻ thù của internet”?	<i>Anh Khôi</i>	592

Ai đã dung túng và tiếp tay cho những kẻ dối trá?	<i>Vũ Hợp Lân</i>	597
Loạn “giải thương nhân quyền”!	<i>Lam Sơn</i>	603
Không thể kết luận “tự do tôn giáo ở Việt Nam có vấn đề”!	<i>Hồ Ngọc Thắng</i>	608
Những đòi hỏi phi lý và trịch thượng!	<i>Nam Việt</i>	615
Văn bút quốc tế đã đi ngược lại tôn chỉ, mục đích	<i>Lam Sơn</i>	621
Những luận điệu cũ rích và đòi hỏi phi lý	<i>Hồng Quang</i>	627
Những nhận định hồ đồ	<i>Vũ Hợp Lân</i>	632
Ai là kẻ thù của hòa giải, hòa hợp dân tộc?	<i>Võ Khánh Linh</i>	638
Sự sụp đổ tất yếu của một chế độ bù nhìn, thất bại tất yếu của một đội quân đánh thuê	<i>Thiên Phương</i>	643
“Con tin của nhóm cử tri lỗi thời”!	<i>Lê Vũ Hoài Ân</i>	649
Họ bị lừa dối, hay cố tình “đánh lận con đen”?	<i>Hồng Quang</i>	655
Thêm những bằng chứng về sự chống phá Việt Nam của “Việt Tân”	<i>Hoàng Nguyễn</i>	661
Bộ mặt thật của một người tự nhận là “yêu nước”	<i>Lam Sơn</i>	667
Thúc đẩy nhân quyền hay can thiệp vào công việc nội bộ?	<i>Tuấn Hưng</i>	672
Người nói dối nhất định sẽ thất bại!	<i>Hồ Ngọc Thắng</i>	678
Vì sao trang mạng của HRW bị ngăn chặn tại Thái Lan?	<i>Lam Sơn</i>	684

PHÂN V

VỀ CÁI GỌI LÀ “PHONG TRÀO DÂN CHỦ”	691	
Nghĩ về cái gọi là “Phong trào dân chủ”	<i>Cẩm Khê</i>	693
Không ai được lợi dụng lòng yêu nước!	<i>TS. Nguyễn Minh Phong</i>	698

Tự do báo chí và tự do ngôn luận phải tuân thủ quy định của pháp luật	<i>Hoàng Anh</i>	702
Phản động nhân danh lòng yêu nước	<i>Anh Khôi</i>	707
Đó mới là “tiếng lòng yêu nước”	<i>Hoàng Nhật Anh</i>	712
Khi phản biện xã hội được sử dụng như một “chiêu bài”!	<i>Huỳnh Tân</i>	717
Về thủ đoạn trích dẫn cắt xén, xuyên tạc văn bản	<i>Lê Vũ Tiên Bình</i>	722
Cỗ vũ cho hành vi phạm pháp là hành động bất lương	<i>Lê Võ Hoài Ân</i>	726
Sự thật về cái gọi là “nhóm tuổi trẻ yêu nước”	<i>Hoàng Anh Biên</i>	731
Từ tiếm danh đến loạn ngôn, lóng ngôn và ... lừa bịp!	<i>Vũ Hợp Lân</i>	736
Họ đâu có quan tâm tới nhân quyền đích thực!	<i>Hồng Quang</i>	742
Lương tâm người cầm bút	<i>Hồ Ngọc Thắng</i>	748
Thêm một “trò hề” lộ diện!	<i>Hoàng Anh Biên</i>	754
Họ đã tự loại mình khỏi đội ngũ	<i>Hồ Ngọc Thắng</i>	760
Cải cách dân chủ và cái gọi là “diễn đàn xã hội dân sự”	<i>Đinh Hương</i>	765
Phản tinh không phải để bôi nhọ dân tộc	<i>Nguyễn Hải Đăng</i>	770
Internet không tạo ra “nhà báo tự do”!	<i>Nam Cường</i>	775
Sự thật về “đấu tranh dân chủ” trên facebook!	<i>Tuấn Hưng</i>	781
“Dân chủ” hay “phản dân chủ”?	<i>Trần Tùng Sơn</i>	786
“Việt Tân” với chiến dịch tận diệt trên facebook	<i>Tuấn Hưng</i>	791
Không ai được nhân danh tự do để thực hiện mưu đồ xấu	<i>Đông Tuyền</i>	797

Không thể bao biện cho hành vi bịa đặt	<i>Trần Việt Quang</i>	802
Bí hài chiêu trò của mấy “nhà dân chủ”!	<i>TuẤn HƯng</i>	808
“Dân chủ ngoại lai” cản trở sự phát triển của dân tộc	<i>Hồ Ngọc Thắng</i>	814
Sự tráo trở của một người từng là... luật sư!	<i>Vũ Hợp Lân</i>	820

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

- Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam

PGS.TS. NGUYỄN MẠNH HƯỞNG

- Góp phần chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận

GS.TS. PHẠM NGỌC HIẾN (Chủ biên)

KIỀU TIẾN HÙNG, HÀ ANH TUẤN

- Hỏi - Đáp về "diễn biến hòa bình" và "cách mạng màu"



6935211182363



07860457116670

SÁCH NHÀ NƯỚC ĐÃ TẶNG